Tuyển Tập
NAM CAO

NAM CAO

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

THÔNG TIN EBOOK

Tên sách: TUYỂN TẬP NAM CAO

Tác giả: NAM CAO

Nhà xuất bản: VĂN HỌC

Năm xuất bản: 2002

Đánh máy và tạo ebook: hiepsiga_TVE

Nguồn: http://sachmoi.net

Thư viện Ebook Miễn Phí Sách Mới

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

TIỂU SỬ

Tên thật là Trần Hữu Trí. Sinh ngày 29-10-1917 tại làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam – nay là xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam Ninh. Gia đình làm ruộng và có một hiệu bán đồ gỗ ở Nam Định, sau bị phá sản.

Thời kì Mặt trận Dân chủ, học xong bậc Cao đẳng Tiểu học, Nam Cao về làng, rồi theo một ông cậu họ vào Sài Gòn để kiếm việc làm ăn. Làm phóng viên báo Kịch bóng, viết quảng cáo, thư ký hiệu buôn, dạy học tư, chích thuốc ở bệnh viện….Lúc rỗi, thâm nhập đời sống thợ thuyền, đọc sách, học thêm và mơ ước một chuyến đi xa. Ốm nặng, trở về làng một thời gian, rồi ra Hà Nội dạy học tư, viết văn dưới bút danh Nam Cao (ghép hai chữ đầu tên huyện và tổng quê: Nam Sang, Cao Đà), cùng một số bút danh khác như Nguyệt, Thúy Rư, Xuân Du, Nhiêu Khê… Sự kiếm sống khá vất vả, vì vào nghề văn khá chật vật, và dạy học tư thu nhập bấp bênh. Vợ con và bố mẹ sống ở quê – làng Đại Hoàng, nơi nhà văn thường xuyên lui về để nghỉ ngơi, và khai thác chất liệu để viết.

Hoạt động trong nhóm Văn hóa Cứu quốc bí mật ở Hà Nội từ 1943. Cách mạng tháng Tám về làng, tham gia cướp chính quyền ở xã, rồi làm báo thông tin, văn hóa tỉnh. Chuyển ra Hà Nội, công tác ở Hội văn hóa Cứu quốc và tham gia tòa soạn tạp chí Tiên Phong, cơ quan ngôn luận của Hội.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trở về quê, hoạt động ở xã, rồi lên tỉnh tham gia công tác tuyên truyền, địch vận, công giáo vận…Giữa 1947, được điều lên Việt Bắc làm báo Cứu quốc Việt Bắc cùng Tô Hoài, Trần Đình Thọ. Thời gian này, được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Ở Việt Bắc, Nam Cao làm báo, viết văn, soạn sách giáo khoa, viết sách địa lý phổ thông. Sau chiến dịch Biên giới năm 1950, về công tác ở Hội Văn nghệ. Cuối năm 1951, sau khi cùng Nguyễn Huy Tưởng vào Khu Bốn trở ra, Nam Cao đi theo đoàn cán bộ Thuế nông nghiệp vào công tác ở vùng địch hậu Khu Ba. Bị địch phục kích và bắn chết ở quãng Miễu Giáp – Hoàng Đan (tỉnh Ninh Bình cũ) ngày 31-11-1951.

- Tác phẩm Chí Phèo (tên cũ: Đôi lứa xứng đôi); NXB Đời mới: 1941.

- Nửa đêm (tập truyện): NXB Cộng lực: 1943.

- Truyện người hàng xóm (truyện dài): in trên Trung Bắc chủ nhật, từ tháng 4 đến tháng 9 – 1944

- Cười (tập truyện); NXB Minh Đức: 1946

- Đôi mắt: đăng báo năm 1948; in thành tập cùng một số truyện kí khác viết trong khoảng 1947-1948; NXB Văn nghệ: 1954.

- Chuyện biên giới (tập kí); NXB Văn nghệ: 1951.

- Đóng góp (kịch); NXB Văn nghệ: 1951

- Sống mòn (tiểu thuyết) viết 1944; NXB Văn nghệ: 1956

Tái bản:

- Chí Phèo (tập truyện); NXB Văn nghệ; 1957.

- Truyện ngắn Nam Cao (tập truyện); NXB Văn hóa; 1960

- Một đám cưới (tập truyện); NXB Văn học; 1963

- Nam Cao – Tác phẩm (2 tập); NXB Văn học; 1976-1977.

Truyện thiếu nhi (trước 1945):

- Nụ cười. Hoa Mai số 20.

- Người thợ rèn. Hoa Mai số 20.

- Con mèo mắt ngọc. Hoa Mai; Tết 1942.

- Ba người bạn. Hoa Xuân số 28; 1942.

- Những kẻ khốn nạn. Hoa Mai số 17-18; 1942.

- Phiêu lưu. Hoa Mai; 1943.

- Bảy bông lúa lép. Hoa Mai; 1943.

- v.v….

Truyện dài, viết trước năm 1945, mất bản thảo:

- Cái bát

- Một đời người.

- Cái miếu.

- Ngày lụt.

NAM CAO VẪN Ở GIỮA CHÚNG TA

Trong lời giới thiệu "Đôi lứa xứng đôi" (1941), tập truyện ngắn đầu tay của Nam Cao, Lê Văn Trương đã có con mắt xanh, sớm nhận ra tài năng của cây bút trẻ độc đáo này: "Giữa lúc người ta đang đắm mình trong những chuyện tình thơ mộng và hùa nhau phụng sự cái thị hiếu tầm thường của độc giả, ông Nam Cao đã mạnh dạn đi theo một lối riêng, nghĩa là ông không thèm đếm xỉa đến cái sở thích của độc giả. Những cạnh của tài ông, ông đã đem đến cho văn chương một lối văn mới, sâu xa, chua chát và tàn nhẫn, thứ tàn nhẫn của con người biết tin ở tài mình, ở thiên chức của mình.". "Trên văn đàn Việt Nam thời kì 1930-1945, Nam Cao là người đến muộn. Trước ông, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng đã xây dựng trên nền của chủ nghĩa hiện thực sừng sững những tòa nhà đẹp. Nam Cao vẫn tiếp nối con đường của những người đi trước. Trong văn chương đã có một chân dung chị Dậu, anh Pha…những người nông dân nghèo khổ, chất phác, bị chà đạp và cũng giàu tinh thần phản kháng. Nam Cao trong một hoàn cảnh mới và ở một cấp độ mới đã nhận ra hiện tượng biến chất phổ biến ở nông thôn và làng quê bắt đầu xuất hiện loại người dị dạng, dị hình và ông đã đóng góp một Chí Phèo". Nguyễn Minh Châu cho Chí Phèo là một khám phá mới: "Cái dị dạng người trong tính cách Chí Phèo là một khám phá của Nam Cao". Chí Phèo không phải là một tính cách đơn độc mà thực sự là một kiểu người văn và nhân vật mang nặng trên vai những vấn đề xã hội! Vấn đề Chí Phèo không thuần túy là vấn đề nông dân, mà suy cho cùng đó là vấn đề con người. Cái bi kịch của Chí Phèo là tấn bi kịch của một con người mất dần nhân tính, khao khát trở lại làm người và không có quyền làm người. Trên những trang viết về người trí thức nghèo, Nam Cao đã cống hiến những mẫu người đáng trọng, đáng thương và nhiều khi cũng đáng giận. Họ là nhà giáo, viên chức, nhà văn, họ có ý thức xây dựng cuộc sống, giàu hoài bão, nhưng bị sức ép của hoàn cảnh, một hoàn cảnh hết sức tồi tệ tầm thường, đẩy dần con người đến chỗ mất ý thức tự trọng, mất nhân cách. Những nhân vật này đã rơi vào "bi kịch vỡ mộng" như có nhà nghiên cứu đã từng nói. Họ đã thua cuộc trên con đường tiến thân để xây dựng một sự nghiệp, thực hiện một hoài bão. Nhưng họ đã không thua cuộc trên trận địa bảo vệ đạo đức và nhân cách. Mặc dù phải trải qua nhiều cảnh ngộ éo le

đầy nghịch lý và bị miếng cơm manh áo hành hạ trong cuộc sống hàng ngày, cuối cùng họ vẫn là người tốt, không biến chất, tha hóa. Mặc dù viết về những vấn đề khác nhau, người nông dân trong xã hội cũ, người trí thức nghèo, rồi dân nghèo ở thành thị…Nhưng thực chất là Nam Cao viết về con người. Cuộc đời chân thực gần gũi hiện ra hằng ngày đang từng ngày kiếm sống, bị lăng nhục và chịu đựng vô vàn những đắng cay. Những trang viết của Nam Cao như thét lên tiếng kêu cứu: hãy bảo vệ nhân phẩm của con người. Thân phận và cuộc đời Chí Phèo đã kết thúc, nhưng hai tiếng "lương thiện" và ước vọng muốn được làm người lương thiện vẫn còn là dư âm xót xa. Những người trí thức để cuối cùng vẫn giữ được con người của mình sau trước như một. Đứng trên bình diện con người, thế giới nhân vật của Nam Cao trở nên phong phú lạ thường. Không chỉ là người nông dân, người trí thức mà là những kiểu người, những thân phận con người trong trăm ngàn cảnh ngộ. Điều kì diệu là Nam Cao đã khai thác sâu sắc, miêu tả nhiều cảnh ngộ rất khác nhau, những cảnh ngộ riêng thực sự đã nhào nặn và tạo nên những mẫu người. Có người trong suốt cuộc đời luôn giữ được hai chữ lương thiện một cách trọn vẹn, trong sáng như lão Hạc, có người phải vất vả chống lại sức ép của hoàn cảnh để bảo vệ được nhân phẩm cần thiết, như các nhân vật trí thức nghèo, có nhiều người bị tha hóa, biến chất. Trong thế giới các nhân vật của Nam Cao có cả những mẫu người dị dạng, dị hình như Lang Rận, Thị Nở, Trương Rự…Họ bị mất dần nhân tính và càng ngày càng xa lạ với mọi người. Trước đây, nhận xét về những nhân vật này, không khỏi có ý kiến cho rằng Nam Cao đã miêu tả họ như một biếm họa, những con người xấu xí được vẽ ra với nhiều nét có tính chất tự nhiên chủ nghĩa. Thực chất đó là một dụng ý nghệ thuật. Những nhân vật dị dạng, xấu xí là sản phẩm của xã hội cũ. Hoàn cảnh đã đẩy họ vào chốn tăm tối, vào cõi u mê, kéo dài cuộc sống nửa vật nửa người. Bản thân cuộc sống và sự tồn tại của họ là một lời tố cáo.

Đóng góp quan trọng của Nam Cao khi miêu tả con người là những trang phân tích tâm lý sắc sảo. Thế giới bên trong của các nhân vật được phơi bầy không thương tiếc, nhất là những nhân vật trí thức nghèo. Tác giả miêu tả nhân vật từ nhiều góc độ, bình diện, rồi nhân vật lại tự bộc lộ, tự phân tích. Nhiều suy nghĩ và tình cảm cao đẹp như đua chen với các tâm trạng phức tạp, thậm chí cả những ý nghĩ tầm thường. Các nhân vật của Nam Cao luôn có ý thức về một lý tưởng sống, song Nam Cao không lý

tưởng hóa các nhân vật. Con người trong tác phẩm của Nam Cao không bị đẩy lên một kích cỡ khác thường, không bị lên gân mà là con người như nó vốn có, con người trong cuộc sống quen thuộc hàng ngày. Cũng vì thế, những tâm trạng nhân vật được miêu tả càng trở nên gần gũi. Tâm lý nhân vật cũng không trừu tượng, xa vời mà gắn liền với cuộc sống nghềnghiệp, đời sống gia đình, tình yêu, chuyện cơm áo, quan hệ bè bạn. Nam Cao đã miêu tả nhiều dòng suy nghĩ của nhân vật vận động theo những mạch biện chứng. Ý thức phê phán và tự phê phán của tác giả là cơ sở để các nhân vật mang màu sắc tự biểu hiện được khẳng định vững chắc. Có thể nói nghệ thuật miêu tả tâm lý đã đạt độ chín của tài năng trong truyện và tiểu thuyết của Nam Cao. Trước ông và sau ông, thành công ấy không nhiều trong văn xuôi thời kì hiện đại.

Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua kể từ khi tập truyện Đôi lứa xứng đôi của Nam Cao được xuất bản. Thời gian không che lấp hoặc làm hao mòn giá trị của tác phẩm Nam Cao. Đúng hơn càng ngày người đọc càng phải nghĩ tiếp về Nam Cao, tác phẩm của Nam Cao cũng không phụ lòng tìm kiếm. Những nguồn mạch suy nghĩ và những phát hiện mới luôn được mở ra với hiện tại. Nam Cao không hềbị cũ đi mà luôn mới mẻ. Tính hiện đại là phẩm chất của tác phẩm Nam Cao. Sự hòa hợp giữa những chất liệu hiện thực được miêu tả sắc sảo với những cảm nghĩ và cách đánh giá tỉnh táo, khách quan, chân tình của người viết đã làm cho trang viết gần gũi với mọi người ở những thời kỳ khác nhau. Nam Cao đã đụng chạm và khơi sâu vào những vấn đềđặt ra không chỉ trong một thời điểm mà dường như là cho mọi thời. Vấn đềcủa tác phẩm Nam Cao là của hôm qua nay tiếp nhận Nam Cao với không khí và chỗ đứng của hiện tại. Điều quan trọng cần quan tâm là không có những ngăn cách gì đáng kể giữa Nam Cao và cuộc sống hôm nay. Ông vẫn ở giữa chúng ta và như thấu hiểu một phần cuộc đời hiện đại.

Từ sau cách mạng tháng Tám, Nam Cao lại có những đóng góp mới. Nam Cao đã tiếp nhận tinh thần Đềcương Văn hóa Việt Nam từ năm 1943 và tham gia vào văn hóa cứu quốc. Nam Cao đã có mặt và tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền ở địa phương. Ông hiểu rõ những đau khổ và thân phận con người trong xã hội cũ, nên cách mạng là điều ông chờ đợi và nhanh chóng hòa nhập. Nam Cao với hành trình: "Đường vô Nam" trong phong trào Nam Tiến, Nam Cao là phóng viên báo Cứu quốc và hoạt động

sâu trong vùng rừng núi Việt Bắc, Nam Cao trong chiến dịch Biên giới, cuối cùng là cái chết của nhà văn, chiến sĩ trong chuyến đi công tác vào vùng địch hậu. Ông đã sống với không khí của thời đại cách mạng và tham gia hết mình trong phong trào. Đọc những trang nhật ký Ở rừng và tìm hiểu tâm sự của Độ, hình bóng gần gũi của Nam Cao trong Đôi mắt, chúng ta càng yêu quí và trân trọng những gì Nam Cao đã làm, đã viết trong chặng đường mới của cách mạng. Nam Cao đã mất đi giữa lúc tài năng ở độ chín, ngòi bút tài hoa và đầy sức lực.

"Nam Cao đã chết trên cuốn tiểu thuyết lớn của đời mình. Người ấy, tài ấy đương căng đầy sức lực. Nếu còn sống, chắc chắn những mong muốn của anh sẽ thành sự thật rực rỡ trên một tầm xa, rất xa.." (Tô Hoài – Tựa Nam Cao, nhà văn hiện thực xuất sắc, NXB Văn hóa 1961).

Đời văn Nam Cao không dài. Trên mười năm sáng tác ở cả hai thời kỳ trước và sau Cách mạng, Nam Cao đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị. Thời đại trôi qua, tác phẩm của Nam Cao như ngày càng bộc lộ thêm những phẩm chất mới, những giá trị mới. Chúng ta càng thêm yêu quý ông, một tâm hồn trung thực và cao đẹp trong cuộc đời cũng như trên trang sách, một nhà văn, chiến sĩ với ý nghĩa đích thực và trọn vẹn của danh hiệu này.

HÀ MINH ĐỨC.

NGHÈO

- Bu ơi con đói!...

Lần này có lẽ là lần thứ mười, thằng cu bé chạy về đòi ăn, chị đĩ Chuột đang quấy một nồi gì trong bếp, cáu tiết quay ra mắng át nó đi:

- Đã bảo hết cơm rồi, tí nữa chè chín thì ăn chè mà!....

Thấy mẹ gắt, thằng cu không dám đòi ăn nữa, nhưng mặt nhăn nhó bịu xịu như muốn khóc. Chị đĩ Chuột thương hại, dịu dàng bảo:

- Con chạy ra vườn xem chị Gái làm cỏ, lúc nào chè chín bu gọi về cho mà ăn…chóng ngoan rồi bu thương.

Nhưng nó không nhúc nhích, mà nó còn nhúc nhích làm sao được: một nắm cơm nhỏ ăn từ sáng đã bị cái dạ dày chăm chỉ của con nhà nghèo tiêu hết đến phèo một cái rồi, còn chi. Nó ngồi phịch xuống đất, gục đầu vào ngưỡng cửa, ngáp….

- Sắp chín chưa, bu?

Quay ra vẫn còn thấy con nằm phục đấy, mắt lờ đờ như sắp lả, chị Chuột chép miệng:

- Thôi đây! Chín chả chín thì đừng, bắc mẹ nó ra cho chúng mày ăn không có chúng mày làm tội cũng chết. Chốc lại nheo nhéo, chốc lại nheo nhéo….

Chị vừa lẩm bẩm, vừa dập lửa, rồi bắc cái nồi ở trên bếp xuống, lấy một cái vỏ trai múc vào mấy cái bát sành sứt mẻ tứ tung, đặt ngay trên mặt đất. Thằng cu bé vội vàng lê xích lại gần, hai mắt lóng láng đổ dồn cả vào mấy bát "chè" màu nâu đục, khói bốc lên nghi ngút. Mồm nó nuốt nước bọt ừng ực, mũi nó như nở hẳn ra để hít lấy hương vị của khói chè ngon ngọt. Chị đĩ Chuột phải đưa tay cản nó lại, sợ nó sà vào mà bị bỏng. Chị bảo nó:

- Còn nóng lắm, chưa ăn được. Con ra vườn gọi chị về cho chị ăn với không thì phải tội chết, nó làm quần quật từ sáng đến giờ mà chưa được tí gì vào bụng.

Không đợi gọi đến hai tiếng, cái Gái hớn hở chạy về, lôi thôi lếch thếch trong mấy manh dẻ rách tả tơi. Vừa đến bếp, nó đã reo lên:

- Sướng quá! Lại được ăn chè kia chứ, có ngọt không bu? Bu lấy đâu được mà nấu chè thế?

Chị Chuột mắng yêu con:

- Úi chà! Tíu tít như con mẹ dại ấy! Tha hồ mà ăn đến chán chê, chỉ sợ không sao nuốt được thôi, con ạ.

Rồi chị bảo thằng cu bé:

- Bé lại đây, bu cho ăn.

Thằng cu ngồi xổm bên mẹ, hất mặt lên, há hốc mồm như con chim non đang đợi mẹ mớm mồi. Một miếng vừa vào mồm, nó đã vội nuốt thỏm đi, khen "ngon quá". Nhưng chưa kịp ăn miếng nữa, nó đã ọe một cái, mũi đỏ lên, nước mắt ứa ra giàn giụa.

- Sao thế?

Nó chỉ hụ hị nhìn mẹ mà không nói, cũng không chịu há mồm ăn nữa. Cái Gái nhìn mẹ, nhìn em, xêu một miếng chè nữa ăn thử lại:

- Nhạt quá, bu ạ.

Chị Chuột mắng con:

- Làm gì có nhiều mật mà ngọt. Có mà ăn cho no bụng là phúc rồi.

Thằng cu chừng đói quá không chịu được, lại há mồm ra. Mẹ nó đút cho nó một xêu nhỏ nữa. Nó nhắm mắt, duỗi cổ, cố nuốt cho trôi. Nhưng cũng như lần trước, nó lại ọe ra, và khóc òa lên. Chị đĩ Chuột lấy tay áo lau nước mắt

không cầm nổi đã trào ra hai má hõm xanh bủng như người ngã nước. Cái Gái lấy ngón tay "di" một cục chè rồi bỗng nói to lên:

- À! Con biết rồi! Không phải chè, cám mà! Cám nấu mà bu bảo chè! Nhưng mẹ nó lại đưa mắt lườm nó, lấy ngón tay chỉ ra phía nhà ngoài nói khẽ, nhưng hơi gắt:

- Khe khẽ cái mồm một tí! Réo mãi lên, thằng bố mày nó nghe thấy thì nó chết. Nó đã ốm nằm đấy, thuốc không có, mà còn bực mình thì nó chết.

Rồi hai mẹ con lại lẳng lặng ăn, cố nuốt những bát cám đặc khè cho đỡ đói. Thằng cu nhất định không ăn, ngồi khóc tỉ ti đòi cơm. Chị đĩ Chuột đành dỗ nó:

- Thôi nín ngay, bu ăn xong bu xin thầy một miếng cho mà ăn.

Chị bế con rón rén bước vào chỗ chồng nằm. Thằng bé vẫn sụt sịt. Anh đĩ Chuột giở mình, hơi nghiêng mặt quay ra. Một làn ánh sáng mờ lướt qua làm cái mặt hốc hác và màu da đã xanh lại xanh thêm. Mái tóc dài quá xòa xuống tai và cổ, hai con mắt ngơ ngác và lờ đờ, những chiếc răng dài và thưa ở cái mồm hé ra để cho dễ thở khiến anh có cái vẻ đáng sợ của con ma đói. Thấy vợ con, anh nhếch miệng cố gượng một cái cười méo xệch và vừa thở phều phào vừa hỏi bằng một thứ tiếng yếu ớt như từ thế giới bên kia đưa lại:

- Nó làm sao thế?

Chị đĩ Chuột xốc con lên một cái:

- Nó vòi đấy chứ có làm sao? Cơm gạo đỏ không chịu ăn, đòi ăn cơm trắng của thầy cơ.

- Thì lấy cho nó ăn, tôi ăn làm sao hết?

Chị đĩ Chuột lấy liễn cơm chực moi cho con một ít, nhưng anh bảo:

- Mang cả ra cho nó ăn, tôi không ăn nữa đâu. Còn bao nhiêu vét cho cái gái với bu em ăn hết đi, để nó thiu ra đấy.

Chị đĩ Chuột cười, bảo chồng:

- Thằng cu nó dở người, chứ mẹ con tôi ăn cơm đỏ đã no rồi, còn ăn vào đâu được nữa?

Anh biết vợ nói dối, chực nói, nhưng lại thôi, buồn rầu buông một tiếng thở dài. Vợ lo ngại hỏi:

- Bây giờ người thế nào, để tôi kể với ông lang, lấy thuốc?

- Tiền đâu mà thuốc thang mãi?

- Tôi vừa bán con chó mực với hai buồng chuối non được bốn hào.

Chồng nhìn vợ, ngẫm nghĩ một chút rồi bảo:

- Đừng lấy thuốc nữa, tôi sắp khỏe rồi, chỉ ăn cho nó khỏe lên chắc bệnh phải hết. Bu em đong cho tôi cả bốn hào gạo đỏ, đừng đong gạo trắng ăn nhạt lắm.

Vợ gật đầu:

- Cũng được, nhưng đã thật khỏi chưa? Tôi trông thầy em còn mệt lắm.

- Ốm luôn sáu tháng trời mà không mệt sao được? Cứ đi đi……

- Đi ngay bây giờ à?

- Ừ, đi xuống nhà bà phó Cửu ấy, xa một tí nhưng được rẻ.

Vợ gật đầu bảo thằng cu:

- Con ngồi đây với thầy cho bu đi đong gạo nhé?

Nó không chịu, sợ sệt nhìn cha. Chị mắng:

- Con nhà vô phúc, lại sợ bố!.... Khốn nạn, tại đi về không có tiền mua bánh cho nó nên nó giận đấy mà. Phải tội chết, con ạ.

Nhưng anh đĩ Chuột bảo:

- Cho cả nó đi, kẻo nó khóc. Bảo cái Gái về tôi bảo.

Người cha khốn nạn nhìn đứa con chòng chọc, thở dài. Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiếu.

- Thầy bảo gì con ạ?

- Lúc nãy mẹ con mày ăn cám phải không?

Gái gượng cười cãi:

- Ăn chè đấy chứ.

Bố nó chép miệng:

- Khốn nạn! Chè đâu mà ăn, cơm còn không có nữa là chè! Rõ mày thì khổ từ trong bụng mẹ…

Con Gái cúi đầu không nói. Anh đĩ Chuột thở dài:

- Con đi lấy cho thầy cái ghế buộc giậu, với sợi thừng ở gác bếp để thầy mắc lại cái võng, thế này cao quá.

Con Gái lấy ghế và thừng vào. Anh đĩ bảo:

- Để đấy cho thầy rồi ra vườn làm cỏ đi.

Nó ra vườn, anh gượng ngồi dậy, xuống khỏi giường, mon men ra đóng chặt cửa buồng lại. Anh lấy cái thừng làm một cái tròng chắc chắn, dùng hết sức tàn còn lại, trèo lên ghế, hai chân khẳng khiu run lẩy bẩy. Anh buộc cẩn thận một đầu dây lên xà nhà, buộc xong, mệt quá, anh đu vào cái thừng, gục đầu xuống thở. Anh thấy lòng chua xót, nước mắt trào ra hai má lõm. Rồi anh quả quyết, anh đứng thẳng người lên, chui đầu vào tròng, cái

thừng cứng cáp cọ vào cổ làm anh rùng mình, khóc nấc lên một tiếng. Cả cái thân hình mảnh dẻ bắt đầu chuyển động như một tầu lá rung trước gió. Bỗng anh ngừng bặt, ngây người ra nghe ngóng: có tiếng ai vừa gọi ngoài ngõ, tiếp đến cái Gái thưa và chạy ra. Tiếng người kia the thé:

- Bu mày đâu?

Tiếng cái Gái rụt rè đáp lại:

- Bẩm bà, bu con đi vắng.

- Đi vắng! Đi vắng mãi! Mày về bảo con mẹ mày nội ngày mai không trả tiền tao thì tao đào mả lên đấy. Cái giống chỉ biết ăn không.

Anh đĩ Chuột rít hai hàm răng lại. Hai chân giận giữ đạp phắt cái ghế đổ văng xuống đất. Cái tròng rút mạnh lại. Cái bộ xương bọc trong da giãy giụa như một con gà bị bẫy, sau cùng, nó chỉ còn giật từng cái chậm dưới sợi dây thừng lủng lẳng.

Ở ngoài ngõ, mẹ con chị Chuột vừa kêu khóc vừa van lạy. Bà Huyện nhất định bắt mẻ gạo mới đong để trừ sáu hào nợ chị Chuột vay từ hai tháng trước cho chồng uống thuốc….

Thúy Rư

Tiểu thuyết thứ bảy

Số 158 Ngày 5-6-1937

ĐUI MÙ

Vào bàn ăn, thấy chỉ có mỗi mình bạn với tôi, tôi không sao giấu nổi sự ngạc nhiên. Hùng như cũng đoán ra điều ấy, mỉm cười hỏi tôi:

- Chắc anh lấy làm lạ vì không có Nga cùng ngồi ăn với chúng ta như năm trước?

- Quả có thế. Ý hẳn chị đi chơi đâu?

Hùng lắc đầu cười gượng:

- Tôi bỏ Nga từ năm tháng trước kia rồi!

Tôi sửng sốt như bị điện giật, mắt mở to, miệng há hốc. Vẫn với nụ cười chua chát, Hùng bảo tôi:

- Anh không tin? Anh không tin là phải, vì tôi yêu Nga lắm, yêu hơn tất cả những tình nhân say đắm khác trên đời. Hồi ấy giá có ai bảo tôi rằng một ngày kia có thể bỏ Nga, thì tôi đã không ngần ngại gì mà cho người ấy là loạn óc? Ấy thế mà cái việc bất ngờ ấy đã xảy ra…xảy ra một cách đau đớn lắm…Nhưng anh cầm đũa đi đã chứ. Ta vừa ăn vừa nói chuyện…

Thường thường năm nào cũng vậy, mấy tháng nắng chúng tôi vẫn dọn ra "Ô Cấp" ở. Một ông bác tôi có một cái nhà ở ngoài đó bao giờ cũng sẵn lòng cho chúng tôi mượn không lấy tiền. Nhưng năm nay tôi đang soạn dở một cuốn tiểu thuyết để kịp cho đăng vào tờ tạp chí của anh Quang mới được phép ra, nên cần phải ở nán lại Sài - Gòn vài tuần nữa. Dù thế, tôi cố ép Nga đi ra "Cấp" trước, vì ở Châu thành bấy giờ nóng nực, khó chịu lắm, và nhất là vì tôi sợ bận rộn không săn sóc tới Nga luôn luôn được để Nga buồn. Mà chẳng nói tới anh cũng biết, tôi muốn Nga sung sướng luôn luôn, tôi không thể thấy nàng buồn nản, dù chỉ trong vài phút. Bởi vậy cho nên dù Nga năn nỉ đòi ở lại, đợi tôi và nói chỉ có thể sung sướng khi thấy tôi luôn luôn bên cạnh, tôi cũng nhất quyết nài Nga thu xếp ra đi. Tôi phải nói với Nga rằng tôi muốn Nga ra Cấp sửa sang chỗ ở trước, và hứa với nàng rằng sẽ ráng làm xong công việc cho mau chóng để ra với nàng ngay,

nàng mới chịu nghe theo. Nhưng chúng tôi vẫn cứ còn dùng dằng mà không nỡ dứt. Nàng thì lúc chực ra đi, lúc lại đòi ở lại, có lúc hai con mắt van vỉ nhìn tôi như cầu xin, oán trách khiến tôi cảm động đến đáy lòng, và không bao giờ hiểu một cách sâu xa cái tình yêu tha thiết của nàng đối với tôi bằng lúc ấy. Nhưng rồi nàng cũng chịu ra xe. Còn tôi, sau khi đã cố gạt hết những nỗi buồn ly biệt, bèn lập tức quay vào công việc để làm khuây, và nhất là để mau hết, để có thể ra Cấp với người yêu được. Ngay chiều hôm ấy, tôi thu xếp sang Thị - Nghè: tôi cần ở cái xóm làm nơi trú ngụ cho một phần đông dân lao động ấy ít lâu để thu cóp tài liệu cần đến trong cuốn tiểu thuyết tôi đang viết, với cái giá tiền năm đồng một tháng. Vợ một bác thợ may nấu cơm tháng cho năm, sáu người lao động, cho tôi mỗi ngày hai bữa cơm thanh đạm và một cái bàn đã mọt kê ở sát cửa sau, cạnh bức tường làm bằng ván mỏng ghép lại với nhau. Cái bàn ấy mỗi ngày hai lần dùng làm bàn ăn cho cả nhà. Ăn xong, tôi lấy giẻ lau sạch đi, giải một tờ nhật trình lên làm bàn viết. Tối đến thì cái bàn viết ấy lại trở nên một cái giường cho tôi ngủ. Ấy thế mà tôi lại còn vào hạng "đàng hoàng" kia đấy! Mấy người khác, sau khi đã vất vả suốt ngày trong xưởng thợ hay ngoài đường nắng, tối đến chỉ rải một manh chiếu xuống thềm, rồi lăn ra nằm với nhau như heo vậy. Cái cảnh khổ cực luôn luôn bày ra trước mắt tôi làm tôi thấy nỗi nhớ nhung, đau khổ trong lòng tôi là nhỏ nhặt, và tôi đã gần khuây nỗi nhớ thì một sự gặp gỡ lại làm hình ảnh Nga trở về ám ảnh tôi. Một buổi trưa nắng chang chang, tôi đang ngồi nhìn mấy người đàn bà xắn quần lên quá đầu gối đem thùng ra giếng kéo nước, bỗng có tiếng hỏi mượn cái bình pha trà. Tôi quay lại và bỗng ngạc nhiên hết sức. Người con gái đứng sau lưng tôi giống Nga như đúc: cũng đôi mắt trong trẻo ngây thơ, cũng cái miệng nhỏ xinh xinh với làn môi hơi mỏng và nếu không có nước da hơi sạm nắng, bàn tay hơi lớn và thô, với dáng người nặng nề vì quen khó nhọc thì tôi đã tưởng đó chính là Nga, mặc bộ đồ mộc mạc ấy trở lại để làm tôi sửng sốt. Sự giống nhau ấy làm tôi có cảm tình với chị ta mà sau hỏi ra tôi mới biết là vợ một người lính ở ngay nhà bên cạnh. Tôi càng có cảm tình với chị ta khi tôi biết chị thật là cái hạnh phúc vô song của người chồng sung sướng nọ. Đã bao lần tôi nhìn qua khe những tấm ván ghép làm tường, sống cái cảnh êm đềm, vui vẻ của đôi vợ chồng trẻ quyến luyến nhau và phải mỉm cười mơ màng nhớ lại những phút say sưa của tôi với Nga trong những lúc nhìn nhau bằng con mắt đầy âu yếm. Nhưng tôi cảm động nhất khi một buổi sáng vô tình dự vào cuộc tạm biệt của đôi uyên

ương ấy. Tôi nhận lại hết những dáng điệu quyến luyến, dùng dằng buồn rầu không nỡ dứt của Nga và tôi hôm nọ. Tôi rỏ nước mắt khi nghe thấy câu thiết tha đầy vẻ thành thật của người vợ trẻ:

- Thôi mình đi đi…em lại đành ngồi mong từng phút cho ngày chóng hết!

Và tôi bỗng rầu rầu tưởng đến nỗi nhớ mong của Nga mỏi mắt đợi người yêu ngoài Cấp. Tôi lại vội vàng lấy bút mực cắm đầu viết cho mau xong cuốn truyện. Mới viết được chừng một trang thì tiếng cười rúc rích ở nhà bên cạnh làm tôi ngừng viết. Tôi mỉm cười, nghĩ bụng: "Chắc anh chồng ra đi một quãng, suy nghĩ thế nào lại còn muốn về hôn vợ thêm cái nữa!". Rồi tôi cúi đầu nhìn trộm qua khe ván xem điều dự đoán của mình có đúng không. Nhưng người tôi bỗng run lên một cái. Cây viết rơi xuống đất. Tôi giụi mắt lại ba cái và bàng hoàng không tin ở mắt mình. Người thiếu phụ có con mắt ngây thơ trong trẻo kia đang nũng nịu trên giường, cánh tay trần đu lấy cổ một chàng trai trẻ mà tôi nhận ra không phải là anh lính. Mặt nàng đỏ bừng bừng, đầu hơi ngả về đằng sau, khoe cái cổ tròn trĩnh và cái ngực nở đang hồi hộp, hai làn môi đỏ ướt hé mở như chờ một cái hôn. Tôi bỗng thấy trái tim như ngừng đập, người run rẩy, cổ khô, đầu choáng váng như chính Nga đang quằn quại trên giường với người khác vậy. Nhưng tôi còn tức tối hơn nữa khi chiều hôm ấy lúc chồng về con dâm phụ lại vẫn giữ được vẻ trong trẻo, ngây thơ, vồn vã xoắn xít chồng như không có chuyện gì xảy ra….

- Gớm! Sao mình về trễ thế. Em đợi mình từng phút.

Ba hôm sau tôi đi Cấp, dù cuốn tiểu thuyết chưa xong một nửa. Nếu tôi có ở lại thì chắc cũng không viết được thêm một trang nào nữa. Tôi lấy cớ rằng tài liệu đã thu cóp đủ để an ủi lòng: "đủ tài liệu rồi thì ở đâu viết mà chả được", tôi nghĩ thế rồi đáp xe đi ngay, không do dự. Tôi tới Cấp vào lúc bốn giờ sáng. Tuy đang ngái ngủ, Nga cũng tiếp tôi vồn vã vô cùng. Nhưng trái với mọi lần, hôm nay tôi thấy sự mừng rỡ xoắn xít của nàng hơi khó chịu. Có lẽ nàng cho vẻ mặt lãnh đạm của tôi lúc bấy giờ là do đi đường mệt nhọc nên không để ý. Còn tôi thấy bộ đồ ngủ quá hở của nàng và đưa mắt nhìn lên giường mền xốc xếch thì tự nhiên thấy lòng nôn nao một cách lạ thường. Nhưng một giấc ngủ êm đềm đến tận mười giờ đã làm

tôi bình tĩnh lại. Nhìn Nga nhảy nhót khắp nhà như một con chim, đôi mắt ngây thơ trong trẻo như không bao giờ có điều hối hận, cái miệng xinh xinh líu lo những câu chuyện không đầu không cuối như con nít, tôi thấy lòng vui vẻ lại. Nàng nũng nịu hỏi tôi:

- Nhà thi sĩ của em có muốn làm thơ không?

Tôi mỉm cười.

- Nếu muốn thì Nga dẫn đến Thiên Thai cho mà ngâm vịnh!

Cái thiên thai của Nga là một đám cát mấp mô đầy những tảng đá nhẵn nhụi ở dưới chân núi, liền mặt biển. Cây cối um tùm che kín khiến nó tách biệt ra như một thế giới khác. Ở ngoài sóng biển xô nhau dào dạt chảy vào và bắn tung lên thành những đám bụi trắng xóa. Tôi không để ý đến vẻ nên thơ của cảnh, mà chỉ băn khoăn nghĩ đến sự kín đáo của một nơi có thể che đậy bao nhiêu cuộc ái ân lãng mạn. Thấy Nga nũng nịu đu lấy cổ tôi, tôi thấy trong tim rung lên một cái như bị một mũi dao chạm phải. Rồi luôn luôn tôi sống những ngày khổ sở, băn khoăn trong sự nghi ngờ. Và sau cùng, tôi muốn biết:

Và tôi đã biết! Phải anh ạ, tôi đã biết!.... Trí sáng suốt, sự tò mò lòng tự ái tôi đều được thỏa….nhưng trái tim tôi thì tan nát mất rồi!... Tôi đã nói dối Nga rằng tôi phải về Sài – Gòn có việc cần. Nhưng đi được một quãng, tôi bắt dừng xe lộn lại, và lần ra chỗ "thiên thai" nấp vào trong bụi rậm. Sự nghi ngờ của tôi không đến nỗi vô lý. Quả nhiên chiều hôm ấy tôi được thấy Nga nũng nịu đu lấy cổ một chàng trai trẻ, như đã đu lấy cổ tôi cũng ở tảng đá cũ.

- Thế rồi anh ly dị?

Hùng không đáp. Anh ngồi cúi mặt, mắt đăm đăm nhìn xuống bàn, lộ một vẻ đau đớn lắm. Một lúc anh khẽ nói, giọng chán nản của một anh chàng bị đánh cắp ái tình:

- Tôi hối hận. Thà rằng tôi cứ ở chúi xó thôn quê ấy để thầm ca tụng lòng chung thủy của Nga, thà rằng tôi cứ đui mù như anh lính nọ lại được hoàn

toàn sung sướng hơn là tìm đến sự thực để rồi thất vọng vì sự thực.

Thúy Rư

Tiểu thuyết thứ bẩy

Số 160 Ngày 19-6-1937

CÁI CHẾT CỦA CON MỰC

Người ta định giết Mực đã lâu rồi. Mực là con già hơn trong hai con chó của nhà. Nhưng cũng là con nhiều nết xấu. Nó tục ăn: đó là thường. Nó nhiều vắt: cái ấy đủ khổ cho nó. Nó cắn càn ấy là cái khổ của bọn ăn mày. Nhưng nó lại sủa như một con gà gáy: cái này thì không thể nào tha thứ được. Thoạt tiên người ta định ngày chết cho nó vào dịp Thanh Minh. May cho nó hôm ấy bà chủ nhà bị ốm. Rồi thì là Tết tháng năm. Bỗng nhiên đứa con út của bà ươn mình: bà phải kiêng để lấy sữa lành cho con bú. Sau cùng người ta nhất định thịt nó vào rằm tháng bảy ai ốm mặc. Nhưng lần nầy Mực vẫn còn thoát nạn là vì nhờ có Du. Người con cả xa xôi ấy vừa viết thư báo chẳng bao lâu sẽ về. Bà mẹ mừng như tìm được một vật quý bị rơi và bà nhất định lùi ngày xử con Mực lại.

Bây giờ thì Du về rồi. Chiều hôm qua con người phóng đãng ấy đã khệ nệ xách cái vali rất nặng bước vào sân, miệng mỉm cười và mặt đỏ. Cái nhà tranh, mấy cây cau hình như vừa đứng thẳng hơn lên để chào chàng. Rồi đến lũ em ầm ỹ đẩy mành chạy òa ra, và bà mẹ mừng quá cười và khóc. Nhưng kẻ lên tiếng trước nhất là con Mực. Con chó già nua ấy rít lên cái thứ tiếng gà gáy của nó và chạy lại Du. Bà mẹ thét lên và lũ em chửi những câu thô tục. Du bỡ ngỡ nhìn mọi người.

- Hình như mẹ không được khoẻ, ồ các em đã lớn cả rồi: Thanh, Tú, đứa nào đây? à, Thảo con chuột nhắt, trông Thảo xinh quá nhỉ? à! con Mực, vẫn con chó ngày ấy đấy à?... trông nó già đi tệ!...

Con chó đã nhận ra người chủ cũ. Nó đứng lặng vẫy đuôi, đầu cúi xuống, hai mắt nhèm ươn ướt nhìn đất như tủi phận. Du thương hại: đó là người bạn lặng lẽ thui thủi bên chàng những năm xưa khi đêm vắng, chàng ngồi nhìn trăng mà mơ mộng. Chàng muốn cúi xuống vuốt ve. Nhưng nó bẩn ghê gớm quá, lông rụng từng mảng, thịt trắng lộ ra có nơi sần mụn nữa. Dáng điệu thì già nua, có vẻ buồn và len lén như phòng bị một cách yếu ớt. Không còn những cái vẫy đuôi mạnh dạn những cái nhìn rất bạn bè và những cái hít chân vồ vập như khi một con chó đã vui và không ngờ vực. Du thấy lòng nằng nặng. Chàng đưa chân chạm khẽ vào con chó để tỏ tình

thương. Con chó vẫy đuôi mạnh hơn nhưng len lén lánh ra: dáng điệu một kẻ sợ hãi cố cười với người nó sợ. Và tức khắc nó vặn vẹo mình và rít lên một tiếng ngắn và to; đứa em tưởng anh đá hụt trả thù cho anh bằng một cái đá mạnh vào sườn con vật. Nó lấm lét lảng dần cũng không dám chạy một cách thẳng thắn để đi trốn nữa. Du trách em:

- Sao Tú ác thế?

- Cần gì, đến mai giết thịt cho anh ăn đấy.

Du thấy cái vui đoàn tụ giảm hẳn đi một nửa.

Hình ảnh con chó ghẻ với cái buồn mơ hồ cứ lảng vảng trong óc chàng mãi mãi. Sáng hôm sau lúc ăn cơm chàng thoáng thấy nó đi qua, đầu cúi mắt nhìn nghiêng như những người giả trá. Chàng muốn gọi nó vào kẹp nó vào giữa hai bàn chân và vừa ăn vừa vẩy cho nó miếng cơm chung một bát. Nhưng mà không thể được: dịu dàng quá là yếu tâm hồn, và ai hiểu được rằng mình lại có thể yêu thương một con chó bẩn ghê gớm như thế được?

Bữa ăn xong, con Hoa cầm bát cơm ra: một tay nó xách cái thúng như để rồi xếp bát. Thấy được ăn, tất cả thú tính của con Mực hoàn toàn nổi dậy. Nó nhảy tới vẫy đuôi hếch mõm nhìn và đợi. Cơm vừa đổ xuống nó vội vàng chúi mõm ăn ngay. Miếng chưa qua cổ thì cái thúng đã chụp quanh trên mình. Nó rít lên, vùng mạnh; nhưng Hoa đã tì cả người lên cái thúng rồi, và con Mực bị thu gọn ở trong vừa vặn đến nỗi không còn giẫy và kêu được. Lũ trẻ con réo ầm lên. Người ta lấy sẵn dao thớt và dây để trói. Phần mở thúng đã đành phải về Du: ông chủ đi vắng, cả nhà chỉ có chàng là đàn ông, mà không lẽ đi mượn hàng xóm trói giùm một con chó đã úp gọn gàng chỉ việc hơi hé cạp thúng lên, hễ chó thò đầu ra thì một đứa em đặt gậy lên cổ nó để chân chàng dận xuống. Nhưng tay chàng thấy run run. Và khi con chó vừa thò đầu ra thì nó quẫy luôn một cái mạnh, vùng ra được.

Con Hoa tủm tỉm cười. Lũ em ngơ ngác nhìn theo con chó vừa ẳng ẳng vừa chạy ở ngoài vườn. Còn Du thì mặt đỏ như gấc chín. Chàng thấy mình yếu tay hơn cả con Hoa. Có lẽ nào chàng lại dịu lòng hơn cả một người con gái. Và tự nhiên chàng giận con Mực. Người ta còn lo con Mực sợ hãi mà đi

mất. Quả nhiên suốt ngày hôm ấy nó không về. Nó vẫn vơ vườn hàng xóm, lẩn lút như một con chó trước khi hóa dại.

Người ta tưởng đã mất toi. Nhưng tối hôm ấy nó lần vào gầm giường rồi Du lại nghe thấy cái thứ tiếng gà gáy của nó rít lên ở phía ngõ.

Sáng hôm sau nó vẫn bỏ cơm. Trưa cũng thế. Và cứ thấy bóng người lại cúp đuôi chạy mất. Du thương hại sai người đem cơm đổ ra vườn. Một lúc sau Mực lại gần. Nó trông trước trông sau, đưa mõm rê trên những hạt cơm rồi vô giật mình chạy thẳng. Có lẽ cái kỹ niệm khủng khiếp vừa lóe ra và đập mạnh vào thần kinh nó như luồng điện. Du thấy bồn chồn và vẩn vơ: thương, hối hận hay là thẹn.

Sau cùng thì chàng bực mình: chàng nhận ra rằng một con chó đã làm mất sự bình tĩnh của tâm hồn chàng. Và đột nhiên chàng muốn giết con Mực lắm. Chàng muốn có đủ can đảm để giết người. Phải dám giết mà không run tay khi cần phải giết. Còn làm được trò gì nữa nếu chỉ giết mọt con chó mà tim cũng đập?

Sự do dự đã hết rồi. Khi có một ý định thì ý định ấy chóng thành mạnh mẽ. Du thấy lòng cứng cỏi. Đã có lúc chàng tưởng đến cái thú dí con dao vào súc thịt giẫy lên đành đạch để máu ấm phọt vào tay. Và chiều hôm ấy khi thấy con chó ở vườn thì chàng gần như mừng rỡ. Con vật khốn nạn đói và sợ đã mệt lử đi rồi. Nó hiện ngủ bên bờ giậu. Du cầm cái gậy to rón rén lại gần. Nhưng giơ gậy lên chàng bỗng thấy tim run một cái. Chàng tưởng như ngạt thở và ngừng lại một giây để nhìn con chó. Giấc ngủ của nó có lẽ đầy ác mộng vì thỉnh thoảng khắp mình nó lại giật lên. Du thấy lòng quả quyết tiêu tán hết. Nhưng con chó bỗng giật mình. Du hoảng hốt thẳng cánh vụt mạnh trên mình nó, bụng nó thót hẳn vào rồi lại phình ra như một khối cao su. Nó rống lên gượng dậy loạng choạng mấy vòng rồi chui bừa qua giậu trong khi Du vụt cuống cuồng theo xuống đất...

Đêm đã khuya. Du lại nghe tiếng Mực rống lên. Chàng thấy toát mồ hôi và nhất định không giết con chó nữa.

Nhưng trời gần sáng chàng còn đương mơ mộng, thì đã nghe tiếng Hoa gọi cuống cuồng lên. Con vật khốn nạn không biết mỏi mệt thế nào mà ngủ

quên đi ngay ở giữa sân để đến nỗi bị Hoa úp được. Lần này thì người ta cẩn thận hơn. Hai ba người nắm vào hai đầu gậy tre ngáng sẵn bên cạnh thúng rồi Hoa mới hơi hé miệng thúng lên. Thấy sáng con Mực nhô ra ngoài cái mõm ướt phì phì. Hoa nhích lên tí nữa nhưng một cái gối đã tì sẵn trên thúng. Mực lách cả cái đầu ra. Cái gậy đè mạnh xuống. Con vật khốn nạn không còn kịp kêu.

- Đè chặt, thật chặt, đừng buông nó ra nó cắn đấy!

Du kêu lên như thế nhưng tiếng chàng đã hơi run run. Con chó phì một cái nữa: hơi thở mới thoát ra một nửa bị tắc. Cái gậy đè sát đất, mắt nó trợn lên. Lòng đen ươn ướt cứ đờ dần rồi ngược lên lần một nửa vào mí trên. Lòng trắng đã hơi đục. Lúc Hoa trói xong cả chân trước, chân sau và buộc mõm rồi thì con chó đã mềm ra không còn cựa quậy nữa.

Du nghẹn ngào nén khóc...

Xuân Du

Hà Nội Tân Văn

Số ra ngày 14-4-1940

CHÍ PHÈO

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ, "Chắc nó trừ mình ra!" Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương đã thấy hắn trần truồng và xám ngắt trong một váy đụp để bên một lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem về cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hắn cho một bác phó cối không con, và khi bác phó cối này chết thì hắn bơ vơ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ. Năm hai mươi tuổi, hắn làm canh điền cho ông lý Kiến, bấy giờ cụ bá Kiến, ăn tiên chỉ làng. Hình như có mấy lần bà ba nhà ông lý, còn trẻ lắm mà lại hay ốm lửng, bắt hắn bóp chân, hay xoa bụng, đấm lưng gì đấy. Người ta bảo ông lý ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà thì lại sợ cái bà ba còn trẻ này. Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông lý thì hay đau lưng lắm; những người có bệnh đau lưng hay sợ vợ mà chúa đời là khỏe ghen. Có người bảo ông lý ghen với anh canh điền khoẻ mạnh mà sợ bà ba không dám nói. Có người thì bảo anh canh điền ấy được bà ba quyền thu quyền bổ trong nhà tin cẩn nên lấy trộm tiền trộm thóc nhiều. Mỗi người nói một cách. Chẳng biết đâu mà lần. Chỉ biết một hôm Chí bị người ta giải huyện rồi biệt tăm đến bảy, tám năm rồi một hôm, hắn lại lù lù ở đâu lần về. Hắn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng sắng cá! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cân cân, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc quần áo nái đen với áo Tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ

r ồng, phượng với một ông thày tướng c ầm chuỳ, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!

Hắn v ề hôm trước hôm sau đã thấy ng ồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa cho đến xế chi ều. R ồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá Kiến, gọi tận tên tục ra mà chửi. Cụ bá không có nhà. Thấy điệu bộ hung hăng của hắn, bả cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám ra nói với hắn một vài lời phải chăng. Mắc phải cái thằng li ều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhăm nhăm c ầm một cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả... Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chặt, r ồi mặc thây cha nó, nó chửi thì tai li ền miệng ấy, chửi r ồi lại nghe. Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu.. Thật là ầm ỹ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngắt làm sao! Họ bảo nhau: phen này cha con thằng bá Kiến đố còn dám vác mặt đi đâu nữa! M ồ mả tổ tiên đến lộn lên mất. Cũng có người hi ền lành hơn bảo, "Phúc đời nhà nó, chắc ông lý không có nhà... ". Ông lý đây là ông lý Cường, con giai cụ bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm rác. Phải ông lý Cường thử có nhà xem nào! Quả nhiên họ nói có sai đâu! Đấy, có tiếng người sang sảng quát, "Mày muốn lôi thôi gì? Cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lôi thôi gì?... ". Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng lý Cường. Lý Cường đã v ề! Lý Cường đã v ề! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu. Ôi! Cái gì thế này. Tiếng đấm, tiếng đá nhau bình bịch. Thôi cứ gọi là tan xương! Bỗng "choang" một cái, thôi phải r ồi, hắn đập cái chai vào cột cổng... Ồ hắn kêu! Hắn vừa chửi vừa kêu làng như bị người ta cắt họng. Ồ hắn kêu!

- Ôi làng nước ôi! Cứu tôi với... Ôi làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lý Cường nó đâm chết tôi r ồi, làng nước ôi!...

Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá! Mấy con chó xông xáo quanh hắn, sủa rất hăng. Lý Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ! Ngỡ là gì, chẳng hoá ra nằm ăn vạ! Thì ra hắn định đến đây nằm vạ!

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối chung quanh đùn ra biết bao nhiêu là người! Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá vững dạ vì có anh lý, cũng xưng xỉa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo ra làm sao? Không khéo nó có ý gieo vạ cho cụ ông phen này... Nhưng kia cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi: "Cái gì mà đông như thế này?". Chỗ này "lạy cụ" chỗ kia "lạy cụ", người ta kính cẩn đứng giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài không nhúc nhích rên khe khẽ như gần chết.

Thoáng nhìn qua, cụ đã hiểu cơ sự rồi. Làm lý trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lý trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng:

- Các bà đi vào nhà: đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

- Cả các ông các bà nữa, về thôi đi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: người nhà quê vốn ghét lôi thôi. Ai dại gì đứng ỳ ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng. Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hắn, khẽ lay và gọi:

- Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

- Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm: người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười.

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải có ngoé đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng cụ làm thân mật hỏi:

- V`ê bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước. Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi. Cứ vào đâu uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau. C`ần gì phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

R`ồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

- Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lý Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. Hắn cố làm ra vẻ nặng n`ề, ng`ồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái:

- Lý Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên! Cụ dắt Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hắn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què. Là vì lúc ấy trong người hắn rượu đã hơi nhạt r`ồi, không còn kêu gào chửi bới; và không còn nghe kêu gào chửi bới, hắn thấy hình như không hăng hái nữa. Sự ngọt ngào làm m`ềm nhũn, vả lại những người đứng xem v`ê cả r`ồi, hắn thấy hắn hình như trơ trọi. Cái sợ cố hữu trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi của ngày xưa, hắn thấy quá táo bạo. Không táo bạo mà dám gây sự với cha con lý Kiến, bốn đời làm tổng lý. Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai. Hắn làm cái ông gì ở làng này? Không vây cánh, không họ hàng thân thích; anh em không có, đến bố mẹ cũng không... Ờ, thế mà dám độc lực chọi nhau với lý trưởng, chánh tổng, bá hộ tiên chỉ làng Vũ Đại, Chánh Hội đ`ồng kỳ hào, huyện hào, Bắc kỳ nhân dân đại biểu, khét tiếng đến cả trong hàng huyện. Thử hỏi đã có mặt nào trong cái làng hơn hai nghìn xuất đinh này làm được thế? Kể làm r`ồi có chết cũng là cam tâm. Vậy mà không: cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn, mời hắn vào nhà xơi nước. Thôi cũng hả, đã xử nhũn thì hắn vào. Nhưng bỗng hắn lại hơi ng`ần ngại: biết đâu cái lão cáo già này nó chả lại lừa hắn và nhà r`ồi lôi thôi? Ồ mà thật, có thể như thế lắm! Này nó hãy lôi

ngay mấy cái mâm cái nồi hay đồ vàng, đồ bạc ra khoác vào cổ hắn, rồi cho vợ ra kêu làng lên rồi cột cổ hắn vào, chờ cho một trận om xương, rồi vu cho là ăn cướp thì sao? Cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đớp cái nước gì mà phải chịu lép như trấu thế? Thôi dại gì mà vào miệng cọp, hắn cứ đứng đây này, cứ lăn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào. Nhưng nghĩ ngợi một tí, hắn lại bảo: kêu lên cũng không nước gì! Lão bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai về nhà nấy, hắn có lăn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra? Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau. Thôi cứ vào! Vào thì vào, cần quái gì. Muốn đập đầu thì vào ngay giữa nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài. Cùng lắm, nó có giở quẻ, hắn cũng chỉ đến đi ở tù. Ở tù thì hắn coi là thường. Thôi cứ vào...

Vào rồi, hắn mới biết những cái hắn sợ là hão cả. Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hắn thật. Không phải cụ đớn, chính thật cụ khôn róc đời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân. Chí Phèo không là anh hùng, nhưng nó là cái thằng liều lĩnh. Liều lĩnh thì còn ai thèm chấp! Thế nào là mềm nắn rắn buông? Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cái gì cũng đè đầu ấn cổ thì lại bán nhà đi cho sớm. Cụ vào bảo lý Cường như thế đấy. Vũ dũng như hắn mà làm được lý trưởng là nhờ có cụ. Cụ mà chết đi rồi "chúng nó" lại không cho ăn bùn.

Thế vậy, làm tổng lý không phải việc dễ. Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ xa tỉnh, kể ăn thì cũng dễ ăn nhưng không phải hễ làm lý trưởng thì cứ việc ngồi mà khoét. Hồi năm nọ, một thầy địa lý qua đây có bảo đất làng này vào cái thế "quần ngư tranh thực", vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mồi. Mồi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy mối, bè nào cũng muốn ăn. Ngoài mặt tử tế với nhau, nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng muốn cho nhau lụn bại để cưỡi lên đầu lên cổ. Ngay thằng Chí Phèo này đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ẩy đến? Nếu cụ không chịu nhịn, làm cho to chuyện có khi tốn tiền. Cái nghề quan bám thằng có tóc ai bám thằng trọc đầu? Bỏ tù nó thì dễ rồi; nhưng bỏ tù nó, cũng có ngày nó được ra, liệu lúc ấy nó có để yên mình không chứ? Cụ phải cái vụ thằng Năm Thọ, mãi đến bây giờ chưa quên.

Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu. Hồi ấy, bá Kiến mới ra làm lý trưởng, nó hình như kình nhau với lão ra mặt; lý Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. được ít lâu, hắn can dự và một vụ cướp bị bắt giam; lý Kiến ngấm ngầm vận động cho vào tù. Vẫn tưởng một người vai vế như Năm Thọ mà thất cơ lỡ vận đến nỗi tội tù làm gì còn dám vác cái mặt mo về làng? Lý Kiến mừng thầm rằng đã nhổ được cây đinh trước mắt. Nào ngờ một buổi tối lý Kiến đang ngồi một mình soạn giấy má thì Năm Thọ vác dao xộc vào. Nó đứng chặn lấy cửa và bảo: nếu kêu lên một tiếng thì đâm chết liền, thì ra nó vượt ngục và về đây nhờ ông lý một cái thẻ mang tên một người lương thiện và một trăm đồng bạc để trốn đi. Nó bảo: nghe nó thì nó đi biệt, mà không nghe nó thì nó đâm chết, rồi muốn ra sao thì ra; còn muốn sống với vợ con thì nghe nó.

Lẽ tất nhiên là lý Kiến nghe, Năm Thọ đi phen ấy là mất tăm, cũng không bao giờ về nữa thật. Nhưng thói đời, tre già măng mọc, có bao giờ hết những thằng du côn? Năm Thọ vừa đi, lại có binh Chức ở đâu lần về. Mà thằng này lúc nó còn ở nhà, nào nó có ngạo ngược gì cho cam! Người ta đã phải gọi hắn là cục đất. Ai bảo sao thì ư hữ làm vậy, mới quát một tiếng, thì đã đái ra cả quần, thuế bổ một đồng thì đóng quá hai, đến nỗi có con vợ hay hay mắt, bị người ta ghẹo cũng chỉ im im rồi về nhà hành vợ chứ chẳng dám ho hoe gì, thế đấy: cái nghề đời hiền quá cũng hoá ngu, ở đâu chứ ở đất này đã ngu, đã nhịn thì chúng nó ấn cho đến không còn ngóc đầu lên được. Hắn làm thì làm cật lực mà quanh năm nghèo rớt mồng tơi; chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn; đứa nào nó vớ nó cũng xoay, mà đứa nào xoay cũng chịu. Sau cùng bực quá, hắn ra đi lính. Lại càng thêm tội! Không bực còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sây sớt ra ngoài, những vẫn còn là vợ mình. Bực thì hoá ra mất vợ. Bởi vì chị vợ ở nhà còn trẻ, mới hai con, cái mắt sắc như dao lại hồng hồng đôi má, bỗng nhiên lại sinh ra vắng chồng, của ngon trời trời ngay trước mắt, ai mà chịu được? Nhà chị binh ở gần đường. Ông phó đi đánh bạc ban đêm về cũng tạt vào; anh trương tuần đi tuần cũng tạt vào; anh hàng xóm cũng mò sang, thậm chí đến cái thằng hương điền, đầu hai thứ tóc, già đời làm đầy tớ cho các ông lý trưởng, cũng mon men vào gạ gẫm. Vợ binh Chức đã nghiễm nhiên thành một con nhà thổ không phải trả tiền để bọn lý dịch lớn nhỏ trong làng chuyên đổi. Chính ngay lý Kiến, tuy hồi ấy đã có đến ba vợ, cũng không nỡ bỏ hoài cái của không dưng được trời cho; và không bỏ

hoài, ông còn được lợi. Mỗi lần chị binh đi lĩnh lương hay lĩnh măngđa của chồng, phải mượn ông lý đi nhận thực. Không ông lý nào vác nhà đi ăn mà nhận thực cho người ta, điều ấy đã cố nhiên. Nhưng với lý Kiến thì không những cơm rượu tiền túi, còn phải cho ngồi chung xe và con ở lại tỉnh nữa. Thế là mấy đồng bạc lương đi đời; mấy đứa con của chị ngày mai chỉ được mấy cái kẹo đạn mút, hay hậu hĩnh ra thì được mấy cặp bánh giầy giò ăn. Thành thử công lao anh binh, rút lại chỉ cho chị binh mỗi tháng mỗi lần hưởng những cuộc vui với ông lý nhà.

Chẳng hiểu anh ta cũng biết thế mà chán cảnh nhà hay sao mà mãn hạn ba năm cũng không thấy về. Rồi ít lâu sau, có trát về làng bắt tróc nã và áp giải tên Trần Văn Chức. Lý Kiến khai tên ấy thuộc hạng dân lưu tán không về làng. Nhưng khai hôm trước thì hôm sau hắn về. Lý Kiến sai đầy tớ đem trát đến nhà đòi hắn. Hắn đến ngay, nhưng lại dẫn theo cả vợ và hai con. Không đợi ông lý nói một câu, hắn rút một con dao chọc tiết lợn ra, nhăm nhăm cầm ở tay mà bảo rằng: "Chẳng nói giấu gì ông, tôi can án giết người. Nếu ông không thương, mà bắt giải thì vợ con tôi chết đói. Thôi thì đằng nào chúng nó cũng chết, tôi đâm chúng nó chết ở đây rồi ông bắt đi ở tù luôn thể". Mắt hắn đỏ ngầu; lưỡi dao hắn hoa lên loang loáng, chỉ trông cũng lạnh gáy. Hắn có thể giết người được lắm, mà không phải chỉ giết có vợ và con thôi, khi hắn đã có gan đâm chết vợ con hắn thì hắn có kiêng gì đến cái cổ của người khác nữa? Lý Kiến nghĩ ngợi một lúc rồi bảo cứ về rồi ông liệu. Ông liệu nghĩa là ông che đậy cái án của hắn cho không ai biết và mỗi lần có trát về nhắc, ông lại khai rằng: vẫn chưa có tên Chức về. Thế là hắn cứ nghiễm nhiên sống ở ngay chính giữa quê hương hắn. Và bây giờ người ta thấy vợ hắn rất chính chuyên mà lại trung thành, thị chăm chỉ làm để nuôi hắn. Những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chàng màng thì phải tội; ai cũng sinh tử tế cả chỉ trừ anh binh, bởi vì Chức bây giờ lại rất mực là ngang ngược. Hắn ăn vườn đấy, nhưng chẳng chịu nộp thuế cho ai. Thúc hắn thì hắn chửi, cắm vườn hắn thì hắn chém, sinh chuyện với hắn thì chính lý trưởng làng có lỗi bởi vì cố ý ẩn lậu hắn là một tên can phạm. Ấy thế mà hắn cũng chưa vừa lòng đâu. Một hôm, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, hắn vác dao đến bảo thẳng vào mặt lý kiến rằng:

- Hồi tôi còn tại ngũ, tôi gởi về nhà có trăm. Không biết vợ tôi có tiêu pha gì, hay là cho trai mà không còn một đồng nào cả. Tôi hỏi thì nó bảo: ở nhà, đàn bà con gái một mình, không dám giữ tiền, được đồng nào mang gửi ông lý cả. Tôi sợ nó bịa ra nên đã trói sẵn nó ở nhà. Bây giờ tôi đến thưa với ông, tính toán xem được bao nhiêu cho đem về nuôi cháu. Thiếu một đồng thì tôi không để yên cho chúng nó.

Lý Kiến hiểu rằng: "chúng nó" đây có thể gồm cả ông. Ông cười nhạt bảo rằng:

- Thế này này anh binh ạ: chị ấy gửi tôi thì quả là không có...

Hắn trợn mắt lên quát:

- Thế thì thằng nào ăn đi? Lý Kiến vội nói lấp ngay:

- Thế nhưng mà anh có thiếu tiền thì cứ bảo tôi một tiếng. Chị ấy trót tiêu đi rồi thì có giết cũng chẳng ra. Lôi thôi làm gì sinh tội.

Ông mở tráp ra quăng hắn năm đồng bạc. Hắn cầm lấy, "lạy ông" tử tế, rồi xách dao ra về. Từ hôm ấy hắn thành tử tế với lý Kiến, nhận là chỗ đầy tớ chân tay, nhưng lý Kiến thỉnh thoảng vẫn phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoái đây, hắn chết...

Thì năm nay lại nảy ra Chí Phèo, một thằng hiền lành như đất - tội nghiệp cho hắn, có lần lý Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho bà ba, vừa run run! Bỗng nhiên vùng dậy già néo đứt dây. Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng: đè nén con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng đi là dại. Mười thằng đã đi ra thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, cái tính ương ngạnh học từ phương xa. Một người khôn ngoan chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngầm đẩy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn đập ghế đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vất trả lại năm hào "vì thương anh túng quá! Và cũng phải tùy mặt nữa: những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn, chính là những thằng sợ quan và dễ bóp; trái lại, những thằng tứ cố vô thân, giết chúng nó thì dễ, nhưng được chỉ còn có xương; mà gây với chúng là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình. Làng nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè đảng chung quanh

một người: cánh cụ bá Kiến, cánh ông đội Tảo, cánh ông Tư Đạm, cánh ông Bát Tùng... Bằng ấy cánh du lại với nhau để bóc lột con em, nhưng ngấm ngầm chia rẽ, nhè từng chỗ hở để mà trị nhau. Cụ lại nhận ra rằng: ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ è cổ làm nuôi bọn lý hào, nhưng chính bọn lý hào, nhiều khi lại phải ngậm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình. Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở. Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đinh suốt đời bị đèn nén kia sỡ dĩ bị đè nén suốt đời chỉ vì khi bị đè nén chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ bá Kiến không cần than thở: trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng cũng phải có những thằng đầu bò chứ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai mà trị những thằng đầu bò? Thế lực của cụ sở dĩ lấn át được các vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu phục những thằng bạt mạng không sợ chết và không sợ đi tù. Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó dăm hào uống rượu, là có thể sai nó đến tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người bướng bỉnh, đanh thép thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy lát dao; gặp người non mặt, thì nó quăng chai rượu lậu, hay gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế. Thuế một năm có một lần nếu chỉ trông vào đấy thì bán cha đi cũng không đủ để bù vào chỗ ba, bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triện đồng.

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà lý Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê! Bá Kiến đã không vu vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười; hắn chẳng cần đến ba xu. Lúc ngồi tù, hắn có học mót được mấy bài thuốc giấu: chỉ vài nắm lá, là mặt hắn lại đâu vào đấy ngay. Còn đồng bạc lại để đi uống rượu...

Hắn uống được có vừa ba hôm, hôm thứ tư thì hắn trợn mắt lên, bảo con mẹ hàng rượu rằng:

- Hôm nay ông không có tiền; nhà mày bán chịu cho ông một chai. Tối ông mang tiền đến trả.

Mụ hàng rượu hơi ngần ngừ. Thế là hắn rút bao diêm đánh cái xòe, châm lên mái lều của mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om xòm vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc mếu mếu, mụ đưa chai rượu. Hắn hầm hầm, chĩa vào mặt mụ bảo rằng:

- Cái giống nhà mày không ưa nhẹ! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu! Mày tưởng ông quỵt hở? Mày thử hỏi cả làng xem ông có quỵt của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền! Ông còn gửi đằng cụ bá, chiều này ông đi lấy về ông trả.

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo:

- Chúng cháu không dám chắc lép, nhưng quả là ít vốn.

Hắn quát lên:

- Ít vốn chỉ tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao?

Rồi hắn xách chai ra về. Hắn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà. Lúc đi đường hắn đã vặn được ở nhà nào đó bốn quả chuối xanh, và bốc của một cô hàng xén một rúm con muối trắng. Bây giờ hắn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy rằng cũng ngon. Hắn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà bá Kiến. Gặp ai hắn cũng bảo: hắn đến nhà bá Kiến đòi nợ đây! Mới trông thấy hắn vào đến sân, bá Kiến đã biết hắn đến sinh sự rồi. Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì đi lảo đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật. Cũng may, hắn không cầm vỏ chai, bá Kiến cũng dõng dạc hỏi:

- Anh Chí đi đâu đấy?

Hắn chào to:

- Lạy cụ ạ. Bẩm cụ... Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ!

Giọng hắn lè nhè và tiếng đã gần như méo mó. Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành; hắn vừa gãi đầu gãi tai, vừa lải nhải:

- Bẩm cụ từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù, bẩm có thế, con có nói gian thì trời tru đất diệt, bẩm quả đi ở tù sướng quá! Đi ở tù còn cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước, một thước cắm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bẩm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù...

Cụ bá quát, bắt đầu bao giờ cũng quát để thử dây thần kinh của người.

- Anh này lại say khướt rồi.

Hắn xông lại gần, đảo ngược mắt giơ tay lên nửa chừng:

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù mà nếu không được thì... thì... thưa cụ...

Hắn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hắn giơ ra: đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hắn nghiến răng nói tiếp:

- Vâng, bẩm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện.

Rồi hắn cúi xuống, tần mần gọt cạnh cái bàn lim. Cụ bá cười khanh khách - cụ vẫn tự phụ hơn đời cái cười Tào Tháo ấy - cụ đứng lên vỗ vai hắn mà bảo rằng:

- Anh bứa lắm. Nhưng này, anh Chí ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì. Đội Tảo nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được tự nhiên có vườn.

Đội Tảo là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kình nhau với cánh nhà cụ bá mà cụ bá thường phải chịu bởi hắn là cựu binh, lương hưu trí nhiều, quen thuộc nhiều, lại ăn nói giỏi. Hắn vay cụ bá năm mươi đồng đã từ lâu, bây giờ đột nhiên trở mặt vỗ tuột, lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè lý Cường ra làm lý trưởng chưa tạ hắn. Cụ bá tức như chọc họng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng binh Chức, đầy

tớ chân tay của cụ, khả dĩ đương đầu với hắn được, chết năm ngoái rồi. Bây giờ cụ mới lại gặp được Chí Phèo, có thể thay cho binh Chức. Cụ thử nói khích xem sao. Nếu nó trị được đội Tảo thì tốt lắm. Nếu nó bị đội Tảo trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, đằng nào cũng có lợi cho cụ cả. Chí Phèo nhận ngay! Hắn tức khắc đến nhà đội Tảo, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ. Giá gặp phải hôm khác, thì có án mạng rồi: đội Tảo cũng có thể đâm chém được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hắn, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hắn ốm liệt giường, không sao nhấc mình dậy được, có lẽ hắn cũng không biết Chí Phèo chửi hắn. Vợ hắn, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa cho người nhà đi theo Chí Phèo. đàn bà vốn chuộng hoà bình; họ muốn yên chuyện thì thôi, gai ngạnh làm gì cho sinh sự. Vả lại, bà đội cũng nghĩ rằng chồng mình đang ốm... chồng mình có nợ người ta hẳn hoi... Và năm chục đồng bạc đối với nhà mình là mấy, lôi thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng! Vì thế, Chí Phèo mới được vênh vênh ra về: hắn thấy hắn oai thêm bậc nữa. Hắn tự đắc: "anh hùng làng này cóc có thằng nào bằng ta!" Cụ bá thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản xem chừng thích chí. Cụ đưa luôn cho anh đầy tớ chân tay mới luôn năm đồng.

- Cả năm chục đồng này phần anh, nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu còn để tôi bán cho anh mảnh vườn; không có vườn đất thì làm ăn gì?

Chí Phèo "vâng dạ" ra về. Mấy hôm sau, cụ bá bảo lý Cường cho hắn năm sào vườn ở bãi sông cắm thuế của một người làng hôm nọ. Chí Phèo bỗng thành ra có nhà. Hồi ấy hắn mới đâu hăm bảy hay hăm tám tuổi...

Bây giờ thì hắn đã thành người không tuổi rồi. Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi? Cái mặt hắn không trẻ cũng không già: nó không còn phải là mặt người: nó là mặt của một con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? Cái mặt hắn vàng vàng mà lại muốn xạm màu gio; nó vằn dọc vằn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là vết sẹo. Vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn vạ kêu làng, bao nhiêu lần, hắn nhớ làm sao nổi? Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại người ta giao cho hắn làm! Những việc ấy chính là cuộc đời của

hắn; cuộc đời mà hắn cũng chả biết đã dài bao nhiêu năm rồi. Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tuổi hắn cũng không có, trong sổ làng người ta vẫn khai hắn vào hạng dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hắn nhớ mang máng rằng có lần hắn hai mươi tuổi, rồi hắn đi ở tù, rồi hình như hắn hăm nhăm không biết có đúng không? Bởi từ đấy thì đối với hắn không còn ngày tháng nữa. Bởi vì từ đấy hắn bao giờ cũng say. Nhưng cơn say của hắn tràn cơn này qua cơn khác, thành một cơn dài, mênh mông, hắn ăn trong lúc say, thức dậy vẫn còn say, đập đầu rạch mặt chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận. Chưa bao giờ hắn tỉnh và có lẽ hắn chưa bao giờ tỉnh táo, để nhớ rằng có hắn ở đời. Có lẽ hắn cũng không biết rằng hắn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, để tác quái cho bao nhiêu dân làng. Hắn biết đâu hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hắn biết đâu vì hắn làm tất cả những việc ấy trong khi người hắn say; hắn say thì hắn làm bất cứ cái gì người ta sai hắn làm. Tất cả dân làng đều sợ hắn và tránh mặt hắn mỗi lần hắn qua. Vì thế cho nên hắn chửi hay là chẳng vì cái gì hắn cũng chửi, cứ rượu xong là hắn chửi. Hắn chửi như những người say rượu hát. Giá hắn biết hát thì có lẽ hắn không cần chửi. Khổ cho hắn và cho người hắn lại không biết hát. Thì hắn chửi, cũng như chiều nay hắn chửi...

Hắn chửi trời và đời. Hắn chửi cả làng Vũ Đại. Hắn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hơi, tức mình hắn chửi đứa nào đẻ ra chính hắn, lại càng không ai cần! Và hắn lấy thế làm ức lắm; bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình; chửi nhau một mình thì còn văn vẻ gì! Thế là chắc chắn dã có một cớ để tức tối, một cớ rất chính đáng để hắn có thể hùng hổ đi báo thù. Phải, hắn phải báo thù, báo thù vào bất cứ ai. Hắn phải vào nhà nào mới được, bất cứ nhà nào. Hắn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hắn gặp để đập phá đốt nhà hay lăn ra kêu làng nước. Phải đấy, hắn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hắn gặp... Á, đâu kia rồi mau mau...

Nhưng mà mặt trăng lên, mặt trăng rằm vành vành. Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh. Ồ, cái gì đây, đen và méo mó trên đường trăng nhễ nhại? Nó xệch xạc về bên trái, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách vài chỗ. Nó cứ quần quật dưới chân Chí Phèo. Chí Phèo đứng lại và nhìn nó và hắn bỗng nghiêng ngả cười. Hắn cười ngặt nghẽo, cười rũ rượi. Giá hắn cứ

chửi lại còn dễ nghe! Cái vật xệch xạc trên đường là bóng hắn. Thế là hắn cười, và hắn quên báo thù: hắn đi qua ngõ đầu tiên rồi. Bây giờ thì đến ngõ nhà tự Lãng, một anh thầy cúng có một bộ râu lờ phờ. Chí phèo bỗng nảy ra một ý: tạt vào đây và đập cái bàn chầu của lão tự nửa mùa này ra. Bởi vì lão tự này vừa làm thầy cúng lại vừa làm nghề hoạn lợn. Cái đàn của lão lừng phừng, nghe còn chối tai hơn là lợn kêu. Nhưng lúc vào thì lão tự lại đang uống rượu; lão uống rượu ngay ở sân, vừa uống vừa vuốt râu, vừa rung rung cái đầu. Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay. Rồi đột nhiên hắn khát, trời ơi sao mà khát! Khát đến như cháy họng... Không do dự, hắn lại bên lão tự, nhắc lấy chai rượu ngửa cổ dốc vào mồm tu. Lão tự duỗi cái cổ gà vặt lông ra, trố mắt lên, nhưng không nói gì. Lưỡi lão ríu lại rồi, còn nói làm sao được? Lão đã uống hết hai phần chai. Còn một phần thì Chí Phèo tu nốt. Hắn tu có một hơi, rồi khà một cái, chép cái miệng như còn thèm. Rồi hắn nắm lấy mấy cái râu lờ phờ của lão tự, nâng soi lên trăng mà cười. Lão tự cũng cười. Hai thằng say rượu ngả vào nhau mà cười, như một đôi tri kỷ cuồng. Rồi tự Lãng vào nhà xách hai chai rượu nữa; lão còn đúng hai chai nữa, lão mời Chí Phèo uống nữa, uống thật say, không cần gì. Cứ việc uống, đừng có lo ngại gì đấy! Vợ lão chết đến bảy tám năm nay rồi, con gái lão chửa hoang bỏ lão đi, lão chỉ có một mình, không còn vợ con nào mè nheo cả, lão muốn uống đến bao giờ thì uống. Cứ uống! Cứ uống, cứ uống đi ông bạn lạc đường ở cung trăng xuống ạ! Uống thật tợn, uống đến đái ra rượu thì mới thích. Nhịn uống để làm gì? Có giàu có sang, có làm nên ông cả bà lớn nữa, chết cũng không ai gọi là "cụ lớn mả"! Lão sống có đến hơn năm mươi rồi mà chưa thấy một cụ lớn mả nào sống sót! Chỉ có cái mả, cái mả đất. Ai chết cũng thành cái mả, say sưa chết cũng thành cái mả, lo gì? Cứ say

Chưa bao giờ Chí Phèo được thỏa thê đến thế! Hắn lấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha tự này. Chúng uống với nhau rất là nhiều. Và rất là nhiều. Người ta tưởng như cả làng Vũ Đại phải nhịn uống để đủ rượu cho chúng uống.

Đến lúc hết cả hai chai thì tự Lãng đã bò ra sân. Lão bò như cua và hỏi Chí Phèo rằng: người ta đứng lên bằng cái gì? Chí Phèo vặn ngửa lão ra, vuốt cái râu lờ phờ của lão mấy cái, rồi để mặc lão thế, hắn lảo đảo ra về. Hắn vừa đi vừa phanh ngực ra mà gãi. Hắn gãi ngực rồi gãi cổ, gãi mang tai và

gãi lên cả đầu. Có lúc hắn phải đứng lại giữa đường mà gãi, ghệch chân lên mà gãi, hắn bứt rứt quá, ngứa ngáy quá, và chợt nghĩ đến cái bờ sông gần nhà. Bởi vì cái vườn của hắn ở gần một con sông con, nước lặng và trong, khắp bãi trồng toàn dâu, gió đưa đẩy những thân mềm oặt ẹo, cuộn theo nhau thành làn. Duy có vườn nhà hắn trồng toàn chuối, ở một góc vườn có túp lều con. Những đêm trăng như đêm nay, cái vườn phẳng ngổn ngang những bóng chuối đen đen như những cái áo nhuộm vắt tung trên bãi. Và những tàu chuối nằm ngửa, ưỡn cong cong lên hứng lấy trăng xanh rời rợi như là ướt nước, thỉnh thoảng bị gió lay lại giẫy lên đành đạch như là hứng tình.

Chí Phèo vừa tò mò nhìn những tàu chuối vừa đi xuống vườn. Nhưng hắn không vào cái túp lều úp xúp mà ra thẳng bờ sông. Hắn định sẽ nhảy xuống tắm cho khỏi ngứa rồi lăn ngay ra vườn mà ngủ. Tội gì chui vào lều, bức đến không còn mà thở được. Một thằng như hắn, đập đầu không chết, huống hồ là gió sương... Đến bờ sông hắn dừng lại, vì hình như có người. Có người thật, và hắn ngây ra nhìn.

Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào gốc chuối, một người đàn bà ngồi tênh hênh. Chính là người đàn bà, hắn biết vậy là nhờ mái tóc dài buông xõa xuống vai trần và ngực... Hai tay trần của mụ buông xuôi, cái mồm mụ há hốc lên trăng mà ngủ hay là chết. đôi chân thì duỗi thẳng ra trước mặt, cái váy đen xộc xệch... Bên kia, có lẽ vì mụ giẫy cái yếm xẹo xọ để trật ra cái sườn nây nây. Tất cả những cái ấy phơi ra trăng, rười rượi những trăng làm trắng những cái đó có lẽ ban ngày không trắng; trăng làm đẹp lên. Chí Phèo tự nhiên thấy ứ đầy miệng bao nhiêu là nước dãi, mà cổ thì lại khô, hắn nuốt ừng ực, hắn thấy cái gì rộn rạo ran khắp người. Bỗng nhiên hắn run run. Ồ tại sao lại như thế được? Đáng nhẽ chính người đàn bà khốn nạn kia phải run mới phải, cái người đàn bà dại dột đã nằm ềnh ệch mà ngủ ngay gần nhà hắn này.

Nhưng người đàn bà ấy là thị Nở, một người ngẩn ngơ như những người đần trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn. Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngắn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang lớn hơn bề dài, thế mà hai má nó lại hóp vào mới thật là tai hại, nếu má nó phinh phính thì mặt thị lại còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt vốn

nhiều hơn người ta tưởng, trên cổ người. Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bạnh muốn chen lẫn nhau với những cái môi cũng cố to cho không thua cái mũi: có lẽ vì cố quá cho nên chúng nứt nở như rạn ra. Đã thế thị lại ăn trầu thuốc, hai môi dày được bồi cho dày thêm một lần, cũng may quết trầu sánh lại, che được cái màu thịt trâu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chìa ra: ý hẳn chúng nghĩ sự cân đối chữa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại dở hơi, đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng đế chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhứt. Và thị lại nghèo nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở. Và thị lại là dòng giống của một nhà có mả hủi: cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh con vật nào rất tởm. Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng. Ở cái làng Vũ Đại này người ta kết bạn từ khi lên tám, và có khi có con từ lúc mười lăm; không ai đợi đến năm hai mươi đẻ đứa con thứ nhất. Cứ nhìn tình hình ấy thì ta nói quách: thị Nở không có chồng. Mà thị cũng không còn ai thân thích, trừ một người cô đã có thể gọi được là già, và đã không chồng như thị. Số trời định thế, để không ai phải trơ trọi trên đời này. Người cô làm thuê cho người đàn bà buôn chuối và trầu không xếp tàu đi Hải Phòng, có khi đi tận Hòn Gai, Cẩm Phả. Còn thị sống bằng những nghề lặt vặt ở làng. Hai cô cháu ở trong một cái nhà tre cách vườn của Chí Phèo bởi một con đê; hắn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm. Có lẽ chính vì thế mà thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ hắn. Gần gũi lâu cũng sinh quen, mà quen thì ít khi còn sợ. Những người trông coi vườn bách thú thường bảo rằng hổ báo hiền y như mèo. Vả lại có lý nào để thị sợ hắn đâu? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngẩn ngơ của mình, mà thị lại chỉ có ba cái ấy... Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi ở nhà, mà hắn ở nhà lại hiền lành, ai có thể ác trong khi ngủ? Hắn chỉ về nhà để ngủ.

Ngày nào thị Nở cũng phải qua vườn nhà hắn hai ba lần, là vì qua vườn nhà hắn có một lối đi nhỏ ra sông; trước kia, cả xóm vẫn dùng cái ngõ ấy để ra sông tắm, giặt hay kín nước. Nhưng từ khi hắn đến người ta thôi dần, tìm một lối khác đi xa hơn. Trừ thị Nở, thì đã bảo thị là người dở hơi, thị không thích làm như kẻ khác. Quá tin ở người, quá tin ở mình liều lĩnh, bướng bỉnh hay có lẽ chỉ không chịu rời thói quen. Nhưng hãy biết thị cứ đi ngõ ấy và vẫn chẳng làm sao cả. Thế rồi quen đi. Có lần trong lúc Chí

Phèo ngủ, thị lại vào cả nhà hắn để rọi nhờ lửa nữa, có lần thị xin của hắn một ít rượu về để bóp chân; hắn mải ngủ càu nhàu bảo thị rằng: ở xó nhà ấy, muốn rót bao nhiêu thì rót, để yên cho hắn ngủ. Và lắm lúc thị ngạc nhiên: sao người ta ghê hắn thế?

Chiều hôm ấy thị Nở cũng ra sông kín nước như mọi chiều. Nhưng chiều hôm ấy, trăng lại sáng hơn mọi chiều, trăng tỏa trên sông và sông gợn biết bao nhiêu gợn vàng. Những vàng ấy rung rinh mới trông thì đẹp, nhưng trông lâu mỏi mắt. Gió lại mát như quạt hầu, thị Nở thấy muốn ngáp mà mí mắt thì nặng dần, toan díp lại. Thị vốn có một cái tật không sao chữa được, có lúc đột nhiên muốn ngủ, bất cứ ở đâu hay đang làm gì. Bà cô thị bảo thị là một người vô tâm. Ngáp một cái, thị nghĩ bụng: hãy khoan kín nước, hãy để lọ xuống ngồi nghỉ đây. Bởi vì thị đã luật quật đập đất từ trưa tới giờ. Mà mấy khi được một nơi mát thế, mát rợn da rợn thịt, sung sướng quá! Mát y như quạt hầu. Thị cởi áo ra ngồi tựa vào gốc chuối, dáng ngồi không kín đáo, nhưng không bao giờ thị biết thế nào là lả lơi. Con người vô tâm, không hay nghĩ xa xôi mà. Vả lại ở đây chẳng có ai. Chí Phèo đã về đâu, mà hắn có về thì cũng say khướt đã ngủ từ nửa đường và tới nhà tức khắc chúi đầu vào ngủ nốt. Hắn ra làm gì đây, cho có ra nữa thì đã sao? Thị không thể sợ hắn có thể phạm đến thị bởi lẽ rất giản dị là thị chưa thấy ai phạm đến thị bao giờ. Thật ra thì thị cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế. Trong óc thị đã có một bóng đen lan rồi. Thị không ngồi thì không chịu được.

Ngồi một lúc thị thấy rằng: nếu cứ ngồi mãi thì ngủ mất. Nhưng thị đã ngủ đến hai phần rồi. Và thị nghĩ: thì ngủ, ngủ thì đã làm sao! Về nhà thì cũng chỉ ngủ, ngủ ngay đây cũng vậy. Bà cô đi theo hàng ít ra cũng dăm hôm mới về. Thị cứ ngồi đây cho mát. Và thị ngủ. Thị ngủ ngon lành và say sưa.

Chí Phèo vẫn say say nhìn và run run. Bỗng nhiên hắn rón rén lại gần thị Nở: lần đầu tiên hắn rón rén, từ khi về làng. Thoạt tiên, hắn hãy xách cái lọ để xa xa, rồi hắn lẳng lặng ngồi xuống bên sườn thị....

Và thị Nở giật mình. Thị Nở mới kịp giật mình thì thằng đàn ông đã bám víu lấy thị.... Thị vùng vẫy đẩy ra, thị mở mắt, thị tỉnh hẳn, thị nhận ra Chí

Phèo. Thị vừa thở, vừa vật nhau với hắn vừa hổn hển: "Ô hay... Buông ra... Tôi kêu... Tôi kêu làng... Buông ra. Tôi kêu làng lên bây giờ!" Thằng đàn ông lại phì cười. Sao thị lại kêu làng nhỉ? Hắn vẫn tưởng chỉ có hắn mới kêu làng thôi, người ta lại kêu tranh của hắn, bỗng nhiên hắn la lên, kêu làng. Hắn kêu như một kẻ bị đâm vừa kêu vừa dằn người đàn bà xuống. Thị Nở trố hai mắt ngây ra nhìn. Thị Nở kinh ngạc: sao hắn lại kêu làng nhỉ? Mà hắn vẫn chưa chịu thôi kêu làng. Cũng may người quanh đây không có ai lạ gì tiếng hắn, mà khi hắn kêu làng thì không ai c`ân động dạng, họ lạu bạu chửi r`ồi lại ngủ, hắn kêu làng cũng như người khác bu`ồn, hát ngao. Đáp lại hắn chỉ có lũ chó cắn xao lên trong xóm.

Thị Nở bỗng nhiên bật cười. Thị Nở vừa rủa vừa đập tay lên lưng hắn. Nhưng cái đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong, cái tay ấy lại giúi lưng hắn xuống.... Và chúng cười với nhau...

Bây giờ thì chúng ngủ bên nhau... đứa bé bú no thì ngủ. Người ta ngủ say sau khi làm việc yêu. Chúng ngủ như chưa bao giờ được ngủ... Trăng vẫn thức vẫn trong trẻo... Trăng rắc bụi trên sông, và sông gợi biết bao nhiêu vàng. Nhưng g`ân đến sáng, bỗng nhiên Chí Phèo chống một tay xuống đất, ng`ồi lên một nửa. Hắn thấy nôn nao, chân tay bủn rủn, như đến ba ngày nhịn đói. Thế mà bụng lại phình phính đ`ầy, hình như bụng hơi đau. Còn hình như gì nữa, thôi đúng đau bụng r`ồi. đau thật, đau mỗi lúc một dữ! Nó cứ cu`ôn cuộn lên. À mà trời lành lạnh. Hễ có gió thì kinh kinh. Mỗi l`ân gió, hắn rươn rướn người. Hắn muốn đứng lên. Sao đ`âu nặng quá mà chân thì bẩy rẩy. Mắt hắn hoa lên. Bụng quặn lại, đau gò ngườI. Hắn oẹ. Hắn oẹ ba bốn cái. Oẹ mãi. Giá mửa ra được thì dễ chịu. Hắn cho một ngón tay vào móc họng. Hắn oẹ ra một cái to hơn, ruột hình như lộn lên. Nhưng cũng chỉ nhổ ra toàn nước dãi. Hắn nghỉ một tí r`ồi lại cho tay vào m`ồm. L`ân này thì mửa được. Trời ơi! Mửa thốc, mửa tháo, mửa `ồng ộc, mửa đến cả ruột, đến nỗi người đàn bà phải dậy. Thị ng`ồi nhỏm dậy và ngơ ngác nhìn. Cái óc nặng n`ề ấy phải lâu mới nhớ ra và lâu mới hiểu.

Bây giờ thì Chí Phèo đã mửa xong. Hắn mệt quá, lại vật người ra đất. Hắn đờ hai mắt ra khẽ rên; hắn chỉ còn đủ sức để rên khe khẽ. Từ đống mửa bay lại một mùi gì thoảng như mùi rượu, hắn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở lại đặt một tay lên ngực hắn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong). Thị hỏi hắn:

- Vừa thổ hả?

Mắt hắn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại đờ ra ngay.

- Đi vào nhà nhé? Hắn làm như gật đầu. Nhưng cái đầu không động đậy, chỉ có cái mí mắt là nhích thôi.

- Thì đứng lên.

Nhưng hắn đứng lên sao được. Thị quàng tay vào nách hắn, đỡ cho hắn gượng ngồi. Rồi thị kéo hắn đứng lên. Hắn đu vào cổ thị, hai người lảo đảo rồi đi về lều.

Không có giường, chỉ có một cái chõng tre. Thị để hắn nằm lên và đi nhặt nhạnh tất cả những manh chiếu rách đắp lên cho hắn. Hắn hết rên. Hình như hắn ngủ. Thị cũng lim dim chực ngủ. Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. đôi lọ nhắc cho thị việc đi kín nước, thị mải mốt mặc áo, kín nước, rồi xách đôi lọ nước đi vềnhà.

Trăng chưa lặn, không chừng trời còn khuya. Thị lên giường định ngủ. Nhưng lại nhớ việc lạ lùng tối qua. Thị cười. Thị thấy không buồn ngủ, và thị cứ lăn ra lăn vào.

Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng lâu. Mặt trời đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ. Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn chỉ hơi tờ mờ. Ở đây người ta thấy chiếu lúc xế trưa và gặp đêm thì bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hắn tỉnh. Hắn bâng khuâng như tỉnh dậy, hắn thấy miệng hắn đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hắn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tý. Hắn sợ rượu cũng như người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài

kia vui vẻ quá! Có tiếng nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?

- Kém ba xu dì ạ!

- Thế thì còn ăn thua gì!

- Cố kéo co mới được một tấm năm xu

- Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi.

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hắn nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cầy thuê, vợ dệt vải, chúng bỏ lại một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hắn thấy già mà còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hắn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều; nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hắn, đói rét ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Cũng may thị Nở vào. Nếu thị không vào, cứ để hắn vẩn vơ suy nghĩ mãi, thì đến khóc được mất. Thị vào cắp một cái rổ, trong có một nồi gì đậy vung. đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm, thị trằn trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liều lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà năm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hắn chết. Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống một người. Thị thấy như yêu hắn: đó là một cái lòng yêu của một người

làm ơn. Nhưng cũng có cả lòng yêu của một người chịu ơn. Một người như thị Nở càng không quên được. Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hắn lúc này thì cũng bạc. Dẫu sao cũng đã ăn nằm với nhau! Ăn năm với nhau như "vợ chồng". Tiếng "vợ chồng", thấy ngường ngượng mà thinh thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng! Hay sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo, gặp hắn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm! Sao lại có thứ người đâu mà lì quá thế! Người ta ngồi đấy mà dám xán lăn ngay vào, nó chả ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngù ngờ. Cái thằng trời đánh không chết ấy, nó còn sợ ai mà hòng kêu. Nhưng mà đáng kiếp. Thổ trận ấy thật là phải biết. Cứ gọi hôm nay nhọc đừ. Phải cho hắn ăn tí gì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành. Ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa sáng thì đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo.

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt mình ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hắn vẫn phải doạ nạt hay là giật cướp. Hắn phải làm gì cho người ta sợ. Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hắn, rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hắn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa. Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo ăn rất ngon. Nhưng tại sao lại mãi đến bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo.

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời: vì có ai nấu cháo cho ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một tay "đàn bà". Hắn nhớ đến "bà ta", cái con quỷ cái hay bắt hắn bóp chân mà lại bóp lên trên, trên nữa, nó chỉ nghĩ đến sao cho thỏa nó chứ có yêu hắn đâu. Hồi ấy

hắn hai mươi. Hai mươi tuổi, người ta không là đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta không thích cái gì người ta khinh. Vả lại bị một con đàn bà gọi đến nhà mà bóp chân! Hắn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ. Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hắn làm một việc không chính đáng, hắn vừa làm vừa run. Không làm thì không được: mọi việc trong nhà, quyền đàn bà. Chứ hắn, hắn có lòng nào đâu. Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được, phải làm đến nơi. Bà bảo hắn rằng: "Mày thực thà quá! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già". Hắn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo: "Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư?... " và thấy hắn giùng giằng bà mắng xơi xơi vào mặt. Hắn chỉ thấy nhục, chứ yêu đương gì. Không, hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả. Vì thế mà bát cháo hành của thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều. Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù?

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hắn thấy mình đẫm bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy ra trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hắn đưa tay áo quệt ngang một cái, quệt mũi, cười rồi lại ăn. Hắn càng ăn, mồ hôi lại càng nhiều. Thị Nở nhìn hắn, lắc đầu thương hại. Hắn thấy lòng thành trẻ con. Hắn muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hắn, ngày thường bị lấp đi. Hay trận ốm thay đổi hẳn về sinh lý, cũng thay đổi cả tâm lý nữa. Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hắn đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hắn ngẫm mình mà lo. Xưa nay hắn chỉ sống bằng giật cướp và dọa nạt. Nếu không còn sức mà giật cướp, dọa nạt nữa thì sao? Đã đành, hắn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hắn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa. Bấy giờ mới nguy! Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hắn băn khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn, hắn thấy tự nhiên nhẹ người. Hắn bảo thị:

- Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hắn, hắn bảo thị:

- Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lườm hắn. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hắn thích chí khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hắn thấy lòng rất vui. Hắn bẹo thị Nở một cái làm thị giẫy nẩy người lên. Và hắn cười, hắn lại bảo:

- Đằng ấy còn nhớ gì hôm qua không?

Thị phát khẽ hắn một cái, làm cái vẻ không ưa đùa. Sao mà e lệ thế. Xấu mà e lệ thì cũng đáng yêu. Hắn cười ngất, và muốn làm thị thẹn thùng hơn nữa, hắn véo thị một cái thật đau vào đùi. Lần này thì không những thị nẩy người. Thị kêu lên choe choé. Thị nắm cổ hắn mà giúi xuống. Chúng tỏ tình với nhau, không cần đến những cái hôn. Ai lại hôn, khi có những cái môi nức nẻ như bờ ruộng vào kỳ đại hạn và cái mặt rạch ngang dọc như mặt thớt. Vả lại, có những cách âu yếm bình dân hơn, chúng cấu véo hoặc phát nhau... thiết thực biết mấy...

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế, và nhất định lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hắn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo mà yêu nhau. Đàn bà không có men như rượu, nhưng cũng làm người say. Và hắn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu, thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng: hãy đừng yêu, để hỏi cô thị đã.

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ ra rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ bà tủi thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dài dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ngay lên cháu bà! Người đàn bà đức

hạnh thấy cháu bà sao mà đĩ thế! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Ngoài ba mươi tuổi... ai lại còn đi lấy chồng. Ai đời lại còn đi lấy chồng! Ư! Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. Trời ơi! Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hỡi ông cha nhà bà! Bà gào lên như con mẹ dại. Bà xỉa xói vào mặt cái con cháu gái ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Bà bảo phắt nó:

- Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì nhịn hẳn, ai lại đi lấy thằng Chí Phèo!

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao. Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao. Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên đùng đùng. Thị tức lắm! Thị tức lắm! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người. Thị lon ton chạy sang nhà nhân ngãi. Thị thấy hắn đương uống rượu, và vừa uống vừa lầm bầm chửi thị về nhà lâu. Hắn không quen đợi; bởi phải đợi, hắn lại lôi rượu và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi! Nhưng chửi thị? Ồ, thị điên lên mất! Thị giẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng. Hắn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười. Lại còn cười! Nó nhạo thị, trời ơi! Thị điên lên mất. Trời ơi là trời! Thị chống hai tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và đớn cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hắn tất cả lời bà cô. Hắn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hắn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hắn lại như hít hít thấy nồi cháo hành. Hắn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì. Thị trút xong giận rồi. Cái mũi đỏ của thị dị xuống rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm. Thị ngoay ngoáy cái mông đít ra về. Hắn sửng sốt, đứng lên gọi lại. Ai mà thèm lại! Còn muốn lôi thôi gì? Hắn đuổi theo thị nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hắn lăn khèo xuống sân. Đã lăn ra thì hắn phải kêu: bao giờ chả thế. Hắn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Nhưng hình như hắn chưa thật say. Vì hắn nghĩ đập đầu ở đây chỉ thiệt: đập đầu ở đây để mà nằm ăn vạ ai? Hắn tự phải đến cái nhà con đĩ Nở kia. Đến để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khọm già nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say. Không có rượu, lấy gì làm cho máu nó chảy? Phải uống thêm chai nữa. Và hắn uống. Nhưng tức quá, càng uống càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ơi buồn! Hơi rượu không sặc sụa. Hắn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hắn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại

uống. Hắn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hắn lẩm nhẩm: "Tao phải đâm chết nó!" Nhưng hắn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hắn quên rẽ vào nhà thị Nở? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc đi chúng định làm.

Trời nắng lắm, nên đường vắng. Hắn cứ đi, cứ chửi và dọa giết "nó", và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ Bá. Hắn xông xông đi vào. Cả nhà đi làm đồng vắng, chỉ có mình cụ Bá đang nằm nghỉ trưa? Nghe hắn, cụ thấy bực mình quá! Chính thật thì cụ đã đang bực mình. Bởi cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu. Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà Tư đừng đi lâu quá thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi rồi mà trông còn phây phây. Còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Già thế thì bà ấy chỉ cũng già cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, mà sao đa tình. Nhìn thì thích nhưng mà tưng tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lựt xựt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà có duyên, nhưng trông đĩ lắm. Hơi một tí là cười toe toét, tít cả mắt lại, cái má thì hây hây. Mà thấy ghét những thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm! Tức lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vòi tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tống nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

- Chí Phèo đấy hở?

Lè bè vừa chứ tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hắn:

- Cầm lấy mà cút đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

Hắn trợn mắt chỉ tay vào mặt cụ:

- Tao không đến đây xin năm hào! Thấy hắn toan làm dữ cụ đành dịu giọng:

- Thôi cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất kiêu ngạo:

- Tao đã bảo không đòi tiền.

- Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế anh cần gì?

Hắn dõng dạc:

- Tao muốn làm người lương thiện!

Bá Kiến cười ha hả:

- Ồ tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hắn lắc đầu:

- Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ có một cách... biết không! Chỉ có một cách là... cái này biết không!

Hắn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi nhỏm dậy, Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đang giẫy đành đạch ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mắt hắn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứ ra.

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm, không thiếu kẻ mừng ra mặt! Có người nói xa xôi: "Trời có mắt đấy, anh em ạ!" Người khác thì nói toạc: "Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó giết nhau, nào có cần phải đến tay người khác đâu". Mừng nhất là bọn kỳ hào ở trong làng. Họ

tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn lý Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao người: "Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bùn". Ai chả hiểu "người ta" đó là chính ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: "Thằng mọt già ấy chết, anh mình nên ăn mừng". Những người biết điều thì hay ngờ vực, họ chép miệng nói: "Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu... "

Bà cô thị Nở chỉ vào tận mặt cháu mà đay nghiến:

- Phúc đời nhà mày, con nhé! Chả ôm lấy ông Chí Phèo.

Thị cười và nói lãng:

- Hôm qua làm biên bản, lý Cường nghe đâu đã tốn gần một trăm. Thiệt người lại thiệt của.

Nhưng thị lại nghĩ thầm:

- Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị nhìn trộm bà cô rồi nhìn nhanh xuống bụng:

- Nói dại, nếu mình chửa, bây giờ hắn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua…

Tên cũ Đôi lứa xứng đôi

NXB Đời mới – 1941

CÁI MẶT KHÔNG CHƠI ĐƯỢC

Sáng hôm nay đang ngồi viết với nhau, chẳng biết cái ý nghĩ lan man nào đã xui anh Sen đột ngột bảo tôi:

- Này! Tri ạ, cái mặt anh trông thế nào ấy. Quả thực không chơi được!

Tôi ngửng đầu lên. Anh đang cười mỉm nhìn tôi. Tôi cười gượng. Và tự nhiên tôi buồn. Tôi nhớ đến cái lần đầu tiên tôi được gặp anh Đa. Sen giới thiệu chúng tôi, chúng tôi bắt tay nhau. Câu chuyện rất chóng trở nên thân mật. Bởi anh Đa và tôi là người đồng quận. Nhất là tôi đã được xem những bức vẽ của anh ngay từ hồi tôi chưa ra khỏi trường.

Tôi mến anh ngay. Anh nói chuyện rất có duyên. Cũng như tất cả những người đã chịu nhiều đau khổ quá, anh có tài làm cho người nghe chuyện của anh phải cười. Cười không nhịn được. Nhưng cười rồi mà ngao ngán lòng. Chẳng biết những người khác được nghe chuyện anh Đa có thế không! Tôi thì tôi đã thấy buồn. Tôi cứ nghĩ đến ba cái buồn của đời anh, cái buồn thứ nhất, làm thế nào mà nói được ra đây? Mà có nói sợ người ta cũng chỉ cười anh Đa, hoặc cười tôi là thích làm bộ điệu. Cái buồn thứ hai dễ nói hơn bởi người ta hiểu được hơn: ấy là cái buồn cảnh nhà nghèo. Cái buồn thứ ba khi nhàm tai, ấy là một cái buồn mà người ta phải nghe nói đến đã nhiều quá mất rồi: Cái buồn nhân tình đi lấy chồng! Tôi đã cười và có lẽ bây giờ tôi cũng còn cười, nếu anh Đa, nếu chỉ là một cậu học trò mới lớn lên. Đằng này anh đã ngoài tam tuần. Mà không vợ không con. Chao ôi! Có thể rằng cái buồn kia âm ỷ trong lòng anh những từ ngày anh chưa hai mươi tuổi. Một cái buồn dằng dặc. Và tôi thấy tôi thương lắm, thương anh, thương tôi, thương cho đời hai ta. Tôi lại càng mến anh thêm nữa. Mến như một tâm hồn khao khát gặp một tâm hồn khao khát. Nhưng có bao giờ anh hiểu như thế, hỡi anh Đa mà đời có những ba mối buồn!

Anh không hiểu thật. Cách đây hơi lâu, một hôm đi chơi phố về anh Sen bảo tôi:

- Tôi vừa gặp anh Đa. Tôi rủ anh Đa đến chơi với anh. Nhưng Đa từ chối. Anh ấy bảo: anh ấy sợ Tri lắm. Trông cái mặt Tri….không chơi được. Đa hỏi tôi mãi: Tri làm sao thế? Hay là Tri không thích đùa? Mặt hắn có một cái gì khó tả!

Khó tả? Đó là một cách nói. Tôi thì tôi hiểu rồi. Tôi hiểu anh muốn bảo: cái mặt tôi lạnh như nước đá và ngượng nghịu và vô duyên, và lố bịch và đủ hết. Tôi cười gượng và tôi buồn….chao ôi là buồn!

Hỡi thượng đế mà người ta đồn là rất công bình và chỉ làm toàn những điều nhân, sao Người lại cho tôi một cái mặt tai hại cho tôi đến thế? Một cái mặt…nó thế nào! Ai chỉ gặp tôi có một lần cũng phải có một cảm tưởng khó chịu về tôi, mặc dù tôi gặp ai cũng cố làm mình không đến nỗi là một thằng đáng ghét. Tôi lễ phép, tôi nhã nhặn, hay thân mật tùy từng trường hợp. Tôi lựa ý mỗi người để chiều người. Thật công toi! Bởi rồi người ta cứ phải ghét tôi, ghét tôi tuy không có cớ để mà ghét mới khổ cho tôi chứ. Tôi khinh khỉnh ư? Tôi ngạo nghễ ư? Tôi lèo lá quá ư? Hay trái lại tôi khúm núm, tôi đê tiện quá. Hay là tôi thô tục. Không, không, họ không nói thế. Họ biết tôi không có một tí gì như thế. Nhưng cái mặt tôi…trông làm sao ấy. Chao ôi, chao ôi thế thì tôi còn biết làm sao bây giờ! Sinh ra cái mặt tôi là giời…

Hồi còn nhỏ tôi phải xa nhà từ khi mới bảy tám tuổi đầu. Tôi ra tỉnh học. Tôi trọ tại một nhà bà dì. Cả một căn gác mênh mông chỉ có tôi và Đức – người con trai của dì tôi. Đức xấp xỉ tuổi tôi và học cùng trường với tôi. Anh thích đi sớm hơn hoặc muộn hơn. Và bao giờ anh cũng đi với Kình, con ông đội Thảo bên hàng xóm. Dì tôi thấy tôi cứ lủi thủi một mình, ý chừng nghĩ cũng thương. Một hôm dì gọi Đức vào mắng Đức:

- Mày hư quá! Sao đi học không bảo em đi với? Nhà có hai anh em cũng đứa đi trước đứa đi sau. Từ mai còn thế rồi tao bảo! Rồi dì tôi dịu dàng bảo tôi:

- Cháu cứ đi với nó. Nếu nó không chịu đi với cháu hay bắt nạt cháu thì cháu cứ bảo dì. Dì trị cho nó biết.

Tôi cúi đầu. Tuy còn bé tôi đã hiểu rằng: dì tôi làm thế chẳng ích gì. Mà lại có hại cho tôi là khác nữa. Sự yêu hay ghét cũng như những ý nghĩ của người ta không thể dùng quyền mà ép buộc. Không thích đi với tôi thế nào Đức chẳng sinh hờn oán tôi. Nghĩ thế nên khi chỉ có một mình tôi với Đức, tôi phải bảo:

- Dì nói thế nhưng nếu anh không muốn đi với tôi thì cứ đi một mình. Dì chẳng biết đâu mà sợ.

Không biết nghĩ thế nào mà Đức bảo:

- Sợ thì tao không sợ. Nhưng từ mai tao cứ đi với mày cũng được. Chúng ta gọi thằng Kình nữa, cả ba thằng cùng đi.

Tôi rất mừng. Tôi mua kẹo về đãi Đức. Chúng tôi vừa nhai kẹo vừa cười cười nói nói, vui như ngày Tết mặc cái áo kép mới và cái quần trúc bâu còn sột soạt chạy thi nhau trên đường để đến mừng tuổi ấy.

Sáng hôm sau chúng tôi dồn sách vở của cả hai vào một cái cặp. Đức đi trước, tôi cắp cặp theo sau. Chúng tôi đi từ nhà trong ra. Dì tôi trông chúng tôi mỉm cười. Mặt tôi hớn hở! Nhưng thú thật cũng có hơi ngường ngượng – Thì cũng giống như một cô con gái mặc cái áo mới mình chưa quen. Chúng tôi sang nhà bên cạnh gọi Kình. Kình còn đang ăn xôi, miệng phúm phím chạy ra. Chúng tôi mỉm cười và gật đầu chào nhau, Kình hỏi:

- Cả Tri cũng đi đấy à?

Đức gật đầu. Kình có vẻ nghĩ ngợi một loáng. Rồi anh bảo:

- Thôi hai đứa chúng mày đi trước. Tớ ăn rồi đi sau. Tôi vội bảo:

- Anh cứ ăn, chúng tôi đứng đợi.

Anh xua tay và lắc đầu lia lịa:

- Không, không. Tớ ăn còn lâu lắm. Chúng mày cứ đi. Cứ đi đi nhé.

Kình chạy tọt vào nhà trong, Đức bảo tôi:

- Mày đứng đợi đây một tí. Tao vào nhà xem sao.

Anh vào nhà. Hai anh nói chuyện với nhau đến hơn mười phút. Rồi Đức chạy ra kéo tôi đi.

- Thôi kệ nó, chúng mình đi đi.

- Anh ấy chưa ăn xong kia à?

- Xong rồi. Có một nắm xôi vừa bằng quả sung…

- Thế thì ta đợi anh ấy một lát.

- Không đợi. Nó bảo: chúng mình đi trước.

Đi được một quãng, Đức buột miệng bảo tôi:

- Nó không thích đi với mày.

Tôi sửng sốt:

- Vì sao vậy? Tôi xấu chơi đến thế?

- Không phải – không phải.

- Hay là tôi vô ý mếch lòng anh ấy điều gì?

- Cũng không phải nốt. Nhưng nó bảo trông mày….làm sao ấy. Nó không thích mày.

Một chục năm sau. Chỉ còn vài ba năm nữa là tôi đã hai mươi – Đức cũng thế - Tôi thấy chúng tôi thay đổi. Tiếng nói khác đi. Mặt hơi trứng cá. Đức thích lăng quăng đi chơi phố. Còn tôi đột nhiên sinh đãng trí và rất lắm lúc thành vẩn vơ. Một người nữa cũng thay đổi như Đức và tôi ấy là cô Nhung. Nhung con bà Thụy Thành, bạn của dì tôi. Nhà Nhung ở liền bên. Trước kia những ngày nghỉ Nhung vẫn thương hay sang nhà dì tôi đánh rải gianh với Đức. Tôi không được rủ chơi bao giờ cả. Tôi chỉ lẳng lặng đứng nhìn họ chơi. Bây giờ Nhung cũng nhớn vọt lên. Tóc bỏ rơi óng ánh như tơ

và đã khá dài. Mắt long lanh. Má ửng hồng. Tiếng nói mềm hơn cũng như quần áo đã sửa sang hơn trước. Tuy vậy Nhung vẫn qua lại nhà dì tôi một cách tự nhiên như thường. Nhung qua lại để nhờ Đức giảng cho một cái tính khó, hay giúp cho một vài ý để làm một bài luận văn Nhung nghĩ hàng buổi chưa ra câu nào. Tôi ngấm ngầm ghen với Đức. Và tôi thầm mong cho có khi nào Nhung đem sách sang mà không gặp Đức để tôi được giúp Nhung một lần. Nhưng không khi nào cả. Bởi Nhung có chắc chắn là có Đức ở nhà thì mới sang.

May cho tôi, một lần Nhung sang thì Đức đang bận học bài thi. Tôi thì học xong rồi, đang tập vẽ. Đức bảo Nhung:

- Tôi mải quá. Chú Tri ấy rỗi. Cô đưa sách chú ấy giảng cho mà làm. Tôi thấy tim đập mau thon thót. Ấy là tôi sung sướng. Tôi cố tươi cười, ngừng bút vẽ ngẩng đầu lên ngóng đợi. Nhung ngập ngừng một chút, rồi Nhung kêu lên:

- À, thôi em nghĩ ra được rồi. Em về làm đây.

Tôi toan mếu, tôi đau đớn lắm. Nhưng cũng chưa đau đớn bằng hôm sau Đức vừa cười hi hí vừa khoe với tôi:

- Cô ả Nhung hôm nay phải phạt. Cái tính đố hôm qua chưa làm. Lúc bấy giờ kêu nghĩ ra rồi. Kỳ tình thì cô ả có nghĩ ra được cái năm kia. Nó oán tôi ghê lắm nhé….

Tôi sầm mặt. Tôi còn đang tìm một cái gì để nói lảng đi cho đỡ ngượng thì Đức bảo:

- Cho đáng kiếp. Ai bảo hỏi Tri không chịu hỏi. Rồi anh nhìn tôi nói tiếp:

- Này Tri ạ. Không hiểu sao Nhung nó sợ Tri lắm nhé. Nó bảo nó không dám hỏi Tri. Trông Tri…thế nào!

- Vâng, vâng! Tôi biết rồi!...

Năm sau tôi đỗ bằng tốt nghiệp thành chung. Nhà nghèo như nhà tôi mà được học hành đến bậc ấy cũng là may lắm. Kể tốn kém có đến quá nửa cơ nghiệp rồi. Tôi bỏ học. Tôi nghĩ đến Nhung, trái tim rơm rớm máu. Tôi nghĩ đến những thiếu nữ khác đẹp hay xấu mà tôi đã gặp. Tôi nghĩ đến sự ơ hờ của bao người. Lòng tôi buồn như một con chim lạc vào cái lúc chiều thẫm cho đất trời thành mênh mông.

Nhưng ở những người trẻ tuổi nhà nghèo những cái buồn thường phải sớm nhường chỗ cho những cái lo. Toàn là những cái lo tầm thường mà đến làm ta bực mình. Ấy là cái lo không có gạo ăn, không có tiền mua thuốc cho một người mẹ ốm hay mua bát canh để cúng cha, không có áo cho thằng em trai vào vụ rét sắp tới này, hay không tìm được chỗ gả chồng cho một đứa em gái nhan sắc kém lại không có vốn. Những cái lo nhỏ nhặt, tủn mủn hơn thế nữa nhưng vẫn là phải lo.

Một hôm tôi xách một va ly nhỏ và cũ kỹ đáp xe lửa một mình vào Nam. Lần đầu tiên tôi được đi xe. Lòng tôi phấp phới bao nhiêu là hy vọng. Tôi hy vọng kiếm được cơm ăn và kiếm được nhiều tiền. Tôi hy vọng được nhìn rộng, biết xa. Hy vọng có thể mua sách để học thêm, đọc báo chí cho thỏa thích, cọ sát cái trí óc thô sơ của tôi với óc người thiên hạ. Cũng có cả hy vọng gặp mặt một người đàn bà không thờ ơ với tôi. Người ta bảo, vào Nam Kỳ, là đất bị ảnh hưởng nhiều của Tây Phương. Tình cảm ở đấy bồng bột, những cử chỉ bề ngoài ít khép nép rụt rè; đàn ông đàn bà giao thiệp tự do hơn; những tâm hồn không thiếu sự nồng nàn cũng như trời có nhiều màu rực rỡ. Như thế thì những cuộc trao duyên phải dễ dàng. Lo gì tôi không tìm được bạn?

Tôi sa vào một hiệu thợ may. Công việc của tôi rất linh tinh. Tôi giữ sổ sách và viết thư từ. Tôi cắp cặp đến những nhà người Pháp, đến các trại lính, các tàu binh để nhận hàng và giới thiệu hàng. Tôi lại đạp máy hoặc làm khuy. Tối đến tôi dạy mấy người thợ học để kiếm thêm một tháng vài chục bạc. Hồi ấy tiền tôi không thiếu thốn quá như trước nữa, nhưng mà tình…

Bao nhiêu lần thất bại, khiến bây giờ tôi sợ những thiếu nữ đi đường. Những nữ sinh nhí nhảnh không còn hợp với lứa tuổi tôi và nghề nghiệp

của tôi. Và tôi rất trọng những tâm hồn trong sáng. Những cô bán hàng dành riêng cho những kẻ mua hàng và những cậu có nhiều thì giờ để phất phơ. Gái giang hồ thì bẩn thỉu. Tôi phải lánh xa tất cả những hạng người vừa mới kể. Tôi định tìm những người gần gũi hơn, gần gũi tôi hơn. Tôi để ý đến những cô gái làm khuy nút. Sau khi đã quan sát rõ tình hình xưởng thợ, tôi tính với tôi như thế này: Thợ gái có năm cô thì cô Tám đã có chồng. Còn lại bốn cô. Thợ trai có bảy người nhưng may mắn cho tôi là đã có đến bốn người có vợ. Nếu còn có đến bốn người chưa có vợ thì tôi đành là không có phần. Phúc là lại còn thừa một cô thợ gái, tôi sẽ cố chiếm lòng cô tư Bình.

Giá tôi yêu tôi hơn một chút nữa thì tôi phải tả Bình với một cái dáng hình mộng mơ hơn. Nhưng tôi yêu sự thật thà. Mà muốn thật thà thì phải nói là Bình không đẹp lắm. Bảo cô xấu cũng được. Cái mũi lại to, còn cái miệng thì lại cứ dẩu ra đằng trước. Tai hại nữa là cô lại có một cái răng bọc vàng. Đã thế người trông lại thưỡn thườn thườn. Uốn éo chẳng ra uốn éo. Cứng nhắc chẳng ra cứng nhắc. Chính ra thì tôi muốn chữa cái nọ bằng cái kia. Tôi an ủi tôi bằng cách bảo tôi rằng: bàn tay cô dáng thon thon và tiếng nói của cô nghe rất ấm. Thế là được, cần gì đẹp, miễn là có duyên. Vậy tôi nhất định cho là cô có duyên lắm lắm. Và tôi lợi dụng từng dịp để có thể ngồi gần cô, chuyện trò cùng cô. Những lúc không bận đi đâu cũng không bận coi hàng tôi thích làm khuy. Cô Bình dạy tôi làm. Tôi sướng run người mỗi khi tôi có thể chạm tay tôi vào tay cô một cái. Trời đất ơi, một cái tay đàn bà. Những buổi sáng thấy cô đến, tôi mỉm cười để chào cô. Những ngày cuối tháng được thay chủ phát lương, tôi hay bảo nhỏ với cô câu này:

- Cô Tư đấy hả? Tôi đã phải đếm sẵn để riêng cho cô trong túi tôi đây rồi.

- Dậy hả?

Và cô nhếch mép để hở cái răng bọc vàng. Tôi phải cố bảo tôi rằng: đấy là một nụ cười. Rồi tôi mơ màng….Như thế được nửa năm, tôi sốt ruột. Tôi thấy cần phải nói. Nhưng nói ra thế nào? Tôi ngập ngừng lâu lắm. Cứ nhất định nói rồi lại nhất định để thủng thỉnh rồi hãy nói. Rồi lại nhất định là phải nói. Mỗi lần tôi nhất định là một lần tim tôi nhảy chồm lên như một

mụ đàn bà ghen tuông. Nó mệt. Nó bị đau không biết chừng. Thôi thì tôi nói đi cho nó r ồi!...

Một buổi trưa tôi nghĩ thế. Tôi h ồi hộp đi vào xưởng thợ. Bọn thợ ăn cơm xong chạy sang hiệu cà phê cả. Chỉ còn vài anh ngủ mệt, không đáng ngại. Tôi rón rén lại g ần cô Tư. Cô ng ồi tựa lưng vào cái tủ đang c ầm chiếc kéo cắt móng tay. Tôi ng ồi xuống trước mặt cô. Người tôi sốt rét lên. Có lúc tôi thấy váng vất như đứng lơ lửng trên không khí. Một lúc lâu tôi mới run run gọi khẽ:

- Cô Tư à!

Cô vẫn nhìn cái kéo.

- Gì dậy anh?

Tôi không nói nữa. Tôi nhìn cô tròng trọc. Tôi có ý dùng cái nhìn của tôi thay cho lời nói. Cô ngước mắt lên. Cô sửng sốt hiện ra nét mặt. Tôi choáng váng người khi thấy cô kêu lên rằng:

- Trời ơi! Ăn Ba ngó gì mà kỳ dậy? Chà! Coi sợ quá! R ồi cô lay Bảy Huế nằm ngủ ngay g ần đấy:

- Ăn Bảy, ăn Bảy! Nè, dậy coi anh Ba Tri, ăn ngó tôi nè! Coi kỳ góa heng!

Mặt tôi nóng rực. Tôi chạy trốn. Cô Tư cười rú lên…Ngay chi ều hôm ấy tôi đến nằm nhà một người bạn. Tôi sợ gặp cô Tư và bọn thợ nơi tôi làm quá. Có lẽ bấy giờ họ vẫn còn bàn chuyện của tôi mà cười. Tôi thẹn chết. Mười giờ khuya hôm ấy tôi v ềthu xếp qu ần áo và xin với chủ cho tôi không làm nữa. Sáng sớm hôm sau tôi khuân hòm ra đi.

Tôi đã tưởng suốt đời tôi chẳng gặp tình. Nhưng mà tôi đã gặp. Và gặp một cách giản dị không ai ngờ.

Tôi v ềBắc. Mẹ tôi bảo tôi nên lấy vợ. Tôi lấy vợ. Vợ tôi là một cô gái nhà quê không đẹp, có lẽ xấu nhưng được cái cũng là đàn bà mà lại thuộc cái hạng đặt đâu ng ồi đấy. Hình như y cũng nhận thấy cái mặt tôi làm sao ấy.

Bởi mấy tháng đầu tôi thấy y buồn bã. Tôi cũng buồn. Nhưng rồi cũng quen đi. Cái gì lâu mà lại chẳng quen? Kể cả một cái mặt không chơi được.

Một hôm tôi thấy y nhìn tôi mỉm cười. Tôi gần ngất đi. Tôi lảo đảo. Thiếu một chút nữa tôi ngã lộn từ trên giường xuống đất. Y sợ hãi và đỡ lấy đầu tôi.

- Ô hay! Làm sao thế, làm sao thế?

- Không, không….

- Thế sao đảo đồng đảo địa? Hay say rượu?

Tôi mỉm cười:

- Say em!

Và tôi nắm lấy bàn tay y. Y vội vàng rụt bàn tay lại. Y đỏ mặt. Y đập tay vào đầu tôi bảo:

- "Nợ" lắm!

Tôi muốn vừa chạy vừa kêu lên như nhà bác học:

- Tôi đã thấy! Tôi đã thấy, tôi đã tìm thấy người tình của tôi đây rồi!.

Tiếu thuyết thứ bảy

Số 427 – Ngày 22-8-1942

NHỎ NHEN

Bọn họ có bốn người. Nhưng họ làm ầm ỹ bằng mười người khác. Nhờ họ, cái tiệm ăn thưa khách này có vẻ đông người. Thật ra, có tiệm ăn nào vào giờ này mà lại không thưa khách? Bữa điểm tâm đã quá rồi. Bữa ăn trưa thì chưa tới. Huống chi lại là một buổi sáng thứ Hai. Một vài người lẻ tẻ vào đây đều là những kẻ vội vàng. Họ mải mốt uống một cốc cà phê, ăn vài chiếc bánh hay một bát mì, rồi lại mải mốt ra, cái tăm ngậm trên miệng để vừa đi vừa xỉa…

Chỉ có bốn người này là có vẻ ung dung. Họ ăn uống nghê nga, vừa ăn vừa cười đùa trò chuyện, có khi lại ngâm thơ nữa. Chỉ vì họ là những chàng trẻ tuổi thích làm ngang. Họ nằm khàn ở nhà suốt cả ngày Chủ nhật để thứ Hai mới rủ nhau đi phè phỡn. Như thế, họ cho là ngược đời, mà ngược được đời thì thích lắm. Thật ra, họ ngược đời chỉ vì không có cách mà theo dòng đời. Giang là một học sinh nghèo đến nỗi không đủ tiền để đến trường; chàng học nhờ bài của bạn và xem thêm trong thư viện. Tá suốt ngày nghiền ngẫm cái dự định mở một trường tư tốn có đến vài ba vạn bạc, để tối dẫn thân đến một nhà giàu, kèm mấy đứa trẻ học thêm, kiếm mỗi tháng vài chục trả tiền ăn, tiền giặt. Du còn đang tìm chỗ bán lấy bạc trăm những tiểu thuyết chàng còn mang ở trong đầu. Hồ sẽ mở một nhà xuất bản thật to; hiện nay, chàng hãy cặm cụi viết suốt những truyện ngắn, truyện dài, bán một giá rẻ mạt cho những nhà xuất bản buôn văn. Họ là những kẻ "đợi thời". Cả bốn đều mặc chễnh mảng như những kẻ không quan tâm đến cái đời vật chất. Họ khinh cái số đông loài người.

Tội gì đi chơi vào những lúc phố đông người? Họ, họ cố tránh cái bọn người tầm thường đi đi lại lại như mắc cửi. Mà nếu gặp không tránh được, thì họ sẽ ném ra trước mặt bọn ấy cái vẻ đẹp ngạo nghễ của một cái đầu xén hơi ngắn và không cần mượt, của một bộ quần áo giản dị mà có lẽ đã nhàu, của một cái ngực không ca-vát phanh ra đón gió, nhất là của một cái mặt không phì nộn, không trắng trẻo, nhưng khinh khỉnh, mỉa mai và chế nhạo. Thì có thể cái mặt của bốn chàng trai trẻ ấy là một thứ mặt "vô cùng cà khịa".

Như thế, họ cần gì ra phố? Khốn nỗi, họ cần gặp nhau và trò chuyện với nhau. Nhưng gặp nhau ở đâu cho tiện? Họ chỉ còn có cách là đưa nhau đi phố, và đi chán thì lại vào những tiệm ăn rẻ tiền, gọi những món ăn rẻ tiền. Không phải chỉ những món ăn đắt tiền mới có thể ngon. Thật thế. Ngon hay không là tại miệng. Mà cái miệng người đói thì ăn gì cũng ngon. À, thế thì cần gì phải ăn sang. Này, chỉ dăm ba hào chỉ, cùng lắm là đồng bạc, họ cũng có thể đãi nhau một bữa ăn ngon bằng một bữa đàng hoàng chục bạc trong một hàng cơm tây. Đã ăn, chỉ cốt ngon là được, có cần gì sang? Ngon, thì họ thấy ngon rõ ràng…

Họ đang sung sướng lý luận với nhau như thế, thì hai người đứng tuổi – có lẽ ở nhà quê, hay ở tỉnh nhỏ về đây có việc – vừa giả tiền xong đi ra cửa, nhìn nhau mỉm cười. Giang đã khá say. Chàng gườm gườm nhìn theo hai người vừa ra và, như gây sự:

- Các ông ấy định nhạo bọn mình hay sao?

Cũng may, hai người đi mải quá, nên chưa nghe hết câu đã ra giữa đường rồi. Đến vệ đường bên kia, họ nhìn vội vào tiệm ăn một cái, rồi vội rẽ ra phố khác. Giang hầm hực:

- Đó, các anh thấy chưa? Có phải đúng chúng nói định nhạo bọn mình đấy không?

Du mỉm cười, hơi lắc đầu:

- Không phải đâu. Họ vừa được nhà hàng tính nhầm cho vài hào.

Hồ bật cười:

- Quái lạ! Sao anh biết được?

Du vẫn mỉm cười và bình tĩnh:

- Tôi biết, vì chính tôi cũng đã một vài lần, được người ta trả nhầm cho vài hào. Giá tôi là người khách ngồi quầy kia, thì chỉ trông cái mặt cố làm ra vẻ thản nhiên của người mới trả tiền, nụ cười của người ấy khi ra cửa, và

cái vẻ cuống quýt cố che đậy của hắn, từ lúc mới đứng lên cho đến lúc ra đường, là tôi đã gọi giật ngay lại để đòi thêm tiền nữa.

Tá cố cười thật lớn:

- Trời ơi, anh Du sáng suốt của tôi ơi! Anh đa nghi như một con chuột. Có anh, họa chỉ có anh mới cuống quýt lên vì một vài hào thật. Thật là đồ nhỏ nhen….

- Nhỏ nhen, thì nhỏ nhen đứt đuôi đi rồi! Nhưng tôi hỏi anh: chính anh đã bao giờ chỉ vì vài, ba xu mà băn khoăn, tấm tức mãi không yên, thí dụ như khi đi một quãng xe điện hai xu mà anh chỉ có đồng năm xu để đưa cho người bán vé? Người bán vé không có xu trả lại, cầm lấy đồng năm xu của anh, rồi cứ việc đi, đi lại đầu toa, rồi sang toa dưới, rồi vì đông quá, anh không thấy hắn đâu nữa. Sắp tới chỗ anh phải xuống rồi. Chen hết người này người nọ để đi tìm hắn thì anh ngại: ngại chen lấn, nhưng nhất là ngại tỏ ra anh là người chắc lép, người nhỏ nhen. Cái ý đi tìm với không đi cứ chiến đấu trong khối óc anh rất lâu, để anh phải bực mình, chỉ vì ba đồng xu mà có mất đi, anh cũng không chết gì. Và anh phải rất sung sướng như trút được một khối nặng trong lòng khi người bán vé trở lại và thản nhiên hỏi anh: "Tôi còn chịu của ông ba xu đấy nhỉ?" rồi xỉa tiền ra trả. Nếu người ấy không trở lại, anh đành xuống mà chịu mất ba xu, thì tôi chắc chỉ vì ba xu ấy anh phải tấm tức đến hàng giờ mấy, tuy – tôi nhắc lại- mất ba xu ấy, anh cũng không chết gì!

Tá bướng bỉnh, vừa xua tay vừa cãi:

- Không đời nào. Tôi dám nói chắc: không đời nào!

- Thế thì anh là thánh. Còn tôi, tôi thú thực với các anh, tôi nhỏ nhen hơn thế nhiều. Vâng, chính tôi, tôi đã cả gan ăn cắp, ăn cắp chỉ vì bốn đồng xu, trong lúc tôi kiếm tiền bạc trăm là thường.

Và Du kể:

- Hồi ấy tôi còn ở Sài-Gòn. Một cái thú nhỏ nhặt của tôi là chiều chiều dạo qua chợ Bến-Thành, mua những tờ báo mới và một vài quyển sách. Mua

để được mua, thế thôi, chưa chắc gì tôi đã đọc, bởi vì hồi ấy tôi có nhiều sách báo quá, đọc không hết được. Một hôm, tìm mãi không còn một quyển mới xuất bản nào tôi chưa có, tôi nhặt một quyển thơ Baudelaire in trong loại rẻ tiền…..Rồi tôi về nhà. Trong lúc tôi thay quần áo, anh Thụ vẫn ngủ cùng màn với tôi, cầm lấy cuốn thơ xem, kêu lên:

- Anh mua làm gì, cái thứ đồ cổ này? Tôi thấy nhà có Fleurs du Mal rồi kia mà?

- Có một quyển khổ to thôi. Mua thêm một quyển khổ nhỏ này để xem trong màn…Vả lại, chỉ có một cắc, mua mà vất đi…

Thụ không đợi tôi nói hết, trợn mắt lên:

- Anh bảo rằng một cắc?

- Tôi nói dối anh làm gì, không tin đưa tiền tôi mua giùm.

- Thế thì anh là một con bò. Loại sách này mỗi quyển giá có sáu xu, tôi vừa mua một quyển bi kịch của Musset cách đây hai hôm. Anh bị người ta bịp rồi!

Nói xong, hắn cười ầm lên. Tiếng cười chế nhạo nghe tức đầy lên cổ. Đêm hôm ấy, tôi hậm hực rất khuya mới ngủ. Sáng hôm sau, việc thứ nhất của tôi sau khi tắm rửa, mặc quần áo, chải đầu xong là đến cái hàng sách vô lương tâm đã bịp mình bốn xu. Anh hàng sách đã quen cả mặt tôi nên mặc sức cho tôi lục, chọn. Nhân lúc anh ta mải nhận tiền của một người khách khác, tôi chuẩn được một quyển vào túi áo, kẹp một quyển nữa vào giữa một tờ báo gập đôi tôi cầm theo từ nhà (cái tờ tuần báo mà ngoài bìa đã đầy những chữ tôi viết lộn bậy để người ta mới trông đã biết là báo cũ), nhặt hai quyển nữa cầm ở tay, rồi quẳng cho nhà hàng đồng bạc. Tôi có tiền lẻ hẳn hoi, cứ đưa đồng bạc, để nếu việc gian bại lộ thì cũng có cách mà bênh vực cho mình. Nhưng anh bán sách chỉ nhìn qua hai cuốn sách tôi cầm rồi mở ngăn kéo trả lại tôi tám hào. Tôi nhẹ lâng cả người. Tôi nhảy lên xe về nhà. Thấy Thụ đang nhai kẹo cao su ở cửa, tôi nắm cánh tay hắn, lôi vào. Rồi bày cả bốn quyển sách mới đem về với quyển tối hôm qua, tôi đạo mạo tính cho hắn nghe như thế này:

- Một, hai, ba, bốn, năm! Năm quyển, anh có biết không? (hắn phì cười vì tưởng tôi đang làm trò quỷ thuật). Mỗi quyển sáu xu, đó là cái giá mà anh đã trả. Năm sáu ba mươi, đúng ba mươi xu hay là ba cắc. Thế mà tôi đã trả một cắc hôm qua với hai cắc hôm nay, cộng lại ắt là ba. Vậy là cân. Anh xem, thiên hạ bịp một thằng như tôi, khó lòng!

Rồi tôi cười toáng lên. Thụ hỏi tôi đầu đuôi như thế nào. Tôi cắt nghĩa, hắn nghe. Và khi hắn đã hiểu, thì lại đến lượt hắn cười toáng lên. Hắn bảo tôi rằng:

- Anh không bị thiên hạ bịp, thì lại bị chính "thằng tôi" bịp: vì thật ra là loại sách này mỗi quyển đúng một cắc, dầu tôi hay người khác mua thì cũng thế, chẳng ai bán sáu xu bao giờ. Anh không thấy đề giá từ bên Pháp đã 75 centimes đây à?

Tôi ngẩn người. Rồi mặt tôi đỏ bừng lên. Nếu Thụ không phải là bạn rất thân của tôi ngay từ hồi còn ngồi bên nhau trên ghế nhà trường, và nhất là nếu hắn không khỏe hơn tôi nhiều lắm, thì tôi đã đấm vào cái mũi bành bạnh của hắn vài chục cái. Nhưng giời sinh ra hắn là bạn tôi và khỏe hơn tôi, nên tôi chỉ bảo hắn là "đồ tồi", và định rằng ngay tối ngày hôm ấy, lúc ra mua sách, tôi sẽ liệu kế trả nhầm cho anh hàng sách của tôi hai hào.

Giang từ nãy đến giờ ngồi nghe Du chăm chú, có vẻ suy nghĩ, rồi bỗng nhiên bật cười. Chàng cười sằng sặc, tiếng cười làm nảy cả người lên. Và những người khác cười, vì thấy hai cái vai chàng cười. Du đắc chí lắm, vì tưởng câu chuyện của mình rất có duyên. Chàng vốn tự phụ biết cách dùng những câu chuyện chẳng có gì để nói những cái sâu sắc lắm. Nhưng chàng cụt hứng ngay. Giang cười, chỉ vì chàng nghĩ đến chuyện riêng của chàng:

- Anh Du như thế cũng còn may. Còn tôi đã có lần chỉ vì hai đồng bạc mà phải tuyệt giao với một người yêu, một người yêu…

- Ái chà!...

- Cái ngày ấy, tôi còn trọ ở nhà bà bạn mẹ tôi ở trên Yên-Phụ. Bà ta có một cô con gái cũng xinh xinh, quần lĩnh, răng đen thôi nhưng được cái chăm

làm lắm. Kể lấy làm vợ thì cũng được. Chúng tôi yêu nhau, yêu nhau mà không biết, như…

- Trời ơi! Trời ơi! Anh làm ơn cắt phăng giùm chúng tôi đoạn giáo đầu ấy đi…

- Ừ, thì cắt. Vậy tôi nói: chúng tôi yêu nhau, rồi vân vân….Ba mẹ "nàng" cũng biết, nhưng vờ như không biết. Bà thừa hiểu rằng con gái bà cũng chỉ lấy được hạng như tôi là cùng. Mà tôi thì hồi ấy ngây thơ thành thực. Nhưng một hôm nàng hỏi vay tôi hai đồng bạc để may áo, hay sắm sanh gì đấy vụng mẹ, tôi không biết rõ. Không thể từ chối, tôi đưa hai đồng ra cho nàng nhưng tôi thú thực với nàng chỉ còn có hai đồng ấy thôi…Chiều hôm ấy, nàng buồn bã bảo tôi: "Em đánh mất cả hai đồng rồi".

- Mất?

- Vâng, đen em quá. Em bỏ vào túi cái áo cánh, chỉ cởi ra treo ở trên bếp một lát để vào sau nhà tắm xong lại mặc ngay, thế mà lúc nãy sờ đến tiền thì đã mất…

Rồi hạ thấp giọng, nàng bảo nhỏ tôi: "Em ngờ cho con Lương quá, anh ạ. Anh tính, nhà này thì còn có ai. Chẳng lẽ mẹ em lại lấy của em. Con ăn đứa ở thì không có. Chỉ có Lương, lúc em đang tắm, nó sang bếp hỏi mượn cái siêu sắc thuốc; em đang tắm dở không ra được, nên bảo nó: "Ở gần chạn, chị vào mà lấy. Anh thử nghĩ xem: không phải con Lương thì còn ai? Chịu, người thế mà gian tham!". Tôi bắt đầu chán nàng ngay từ lúc nghe xong câu ấy. Chán, vì tôi nhìn rõ cái bẻ trong nhỏ nhen của nàng. Các anh thừa hiểu đấy: chỉ có những kẻ có thể ăn cắp được thì mới dám mở miệng bảo bạn là người ăn cắp…

- Ồ! Nhưng nếu cô bạn ấy ăn cắp thật thì sao?

Giang cười ranh mãnh:

- Không! Đừng ngờ oan cho người ta mà phải tội! Lương không thể ăn cắp hai đồng bạc ấy, tôi biết chắc.

- Lấy cớ gì mà anh biết chắc?

- Lấy cái cớ rất giản dị này: là kẻ lấy cắp hai đồng bạc ấy chính là tôi!

Mọi người cười ầm lên. Ai cũng tưởng Giang vừa kể một câu chuyện khôi hài, bịa đặt khéo để làm vui bạn. Chỉ có Du là có vẻ như nghĩ ngợi; chàng đợi tiếng cười đã ngớt, mới gật gật cái đầu mà bảo:

- Tôi hiểu cái cử chỉ của anh Giang lắm. Chắc sau khi anh đưa tiền cho nàng rồi, thì anh hối hận; anh cũng túng, anh còn những món cần không thể không tiêu, hai đồng bạc mà mẹ anh đã phải đổ rất nhiều mồ hôi mới làm ra được, bà đã phải thắt lưng buộc bụng, ăn đói mặc rách để cho anh, chính anh cũng đã phải nhịn đủ thứ, để không tiêu nó đi nhanh quá…Mà nàng, nàng sẽ tiêu vào những việc chẳng cần cho lắm; một cái khăn, một đôi săng đan, hay có lẽ chỉ là một hộp phấn, hay là lọ nước hoa chưa biết chừng…mà nàng đã tiêu đi thì cố nhiên là không bao giờ nghĩ đến cái sự trả anh, mà có nghĩ đến thì cũng không móc đâu ra tiền cả…Anh thấy anh hy sinh vô lý, rồi thấy nàng vô lý, rồi muốn hỏi nàng mà đòi lại nhưng ngượng miệng. Anh do dự rất lâu, rồi anh quả quyết, anh xuống bếp. Giả thử anh gặp nàng ở đấy, vị tất anh đã có can đảm nói. Nhưng may cho anh, nàng đã vào nhà sau để tắm rồi. Chỉ có cái áo của nàng ở đấy. Trống ngực anh thình thịch. Anh nhìn vào cái túi. Anh nhìn vào cánh cửa. Anh nhịn thở. Anh lại gần cái áo và lấy lại số tiền của anh…

Giang đứng phắt lên, chìa tay ra, cúi mình trước mặt Du:

- Du khá thật, đáng là tri kỷ của "ngu đệ" vậy!

Mọi người lại cười rộ lên. Hồ từ nãy đến giờ chỉ ngồi nghe, rụt rè đặt một câu:

- Cũng có lẽ anh Giang cũng không đến nỗi chi ly quá thế. Anh chỉ nghĩ rằng: nếu để nàng tiêu hai đồng bạc ấy, thì ái tình sẽ mất tính cách thiêng liêng, nàng sẽ không trong trẻo, bởi vì nàng có vẻ như…làm tiền.

- Anh quả là một nhà tiểu thuyết chân chính đấy!

Nhưng Tá bỗng chán nản như một nhà đạo đức, nhắm chặt mắt lại, lắc lư cái đầu mà kêu:

- Thượng đế ôi! Thượng đế ôi! Sao ngài sinh ra lắm kẻ nhỏ nhen đến thế?

- Nhỏ nhen lắm, nhỏ nhen đến nỗi nói ra không ai tin là có. Nhưng có rành rành ra đấy, vẫn tự phụ là những kẻ khinh đồng tiền, thế mà có những lúc như lúc này…Tôi có thể đoán mà không sợ là sai lắm, bây giờ đây, trong bụng anh nào chẳng hơi lo rằng mình sẽ phải bỏ tiền ra mà trả bữa ăn, và thầm mong cho người khác đứng lên trả trước. Để mình có thể hỏi vờ vịt: "Đã trả tiền rồi đấy à? Vội thế?... Ừ, thế thì trả đi".

Tá xua tay hăng hái:

- Không đời nào! Không đời nào!...

Du mỉm cười:

- Vì thế cho nên chúng tôi nhất định nhường anh Tá rất đáng kính của chúng ta trả tiền bữa nay.

Nhưng Tá vẫn xua tay, vẫn hăng hái:

- Không đời nào! Không đời nào!

Cả bọn lại cười ồ lên. Du đứng dậy, móc ví, mỉm cười bảo:

- Vậy thì tôi trả. Thói đời vẫn thế: khi đã công nhiên bênh vực những cái nhỏ nhen, thì lại không thể nhỏ nhen như người khác được.

Giang nhại bạn:

- Đã trả tiền rồi đấy à? Vội thế?.... Ừ, thì trả đi!

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 430, ngày 12-9-1942

CON MÈO

Đ`âu đuôi tại con mèo. Nhưng cũng tại trời bức nữa. Bức không chịu được.

Chị cu vừa ở trên khung cửi xuống. Anh cu vừa ở ruộng v`ê. Hai người cùng mỏi mệt. Hai người cùng bứt rứt. Một người ng`ồi quạt phành phạch. Một người ng`ồi gãi cái đ`âu tổ quạ đến mấy tháng nay chưa gội. Chẳng ai bu`ôn ăn cơm. Nhưng cái Viển thì lại muốn chóng xong việc để còn đi tắm. Nó lừa thằng cu ngủ. Nó bưng mâm cơm ra hè, đặt đấy. R`ồi nó chạy vào mắc, rút một cái qu`ần, một cái yếm, vắt lên vai, mải mốt đi ra ngoài c`âu ao. N`ông nực thế này thì ăn không bằng tắm. Cứ để cho vợ ch`ồng người ta ăn trước. Tí nữa v`ề, có còn thì nó ăn, hết thì thôi. Cái bữa tối họa hoằn mới có. Ấy là khi nào cơm trưa chưa ăn hết, còn thừa lại. Đủ chia, thì mỗi người làm một vực. Chẳng đủ chia thì nhịn, cũng chẳng chết gì.

Lúc ấy chú mèo mới ở đâu lò dò đến. Chú lại g`ần mâm. Chú kêu meo meo. Chú lượn vòng quanh mâm một lát. R`ồi chú trèo lên mâm. Anh cu trông thấy quát:

- Mèo! Đuổi nó đi! Con mèo!

Anh vừa quát vừa vỗ tay xuống hè bèn bẹt. Thằng cu giật mình, thét lên. Chị cu bực mình quá, quay ra trị ch`ồng:

- Gớm m`ồm với miệng gì mà toang toang như ngỗng đực. Làm thằng bé dậy.

- Không thế để nó ăn hết, hả?

- Có mốc gì mà nó ăn? Không trách được!...

Chị chạy vào rước thằng cu dậy. Trong nhà nực quá, chị ẵm nó ra ngoài hè. Nó chúi đ`âu vào ngực, mấp lấy đ`âu vú, day. Day mãi. Trời này mà cứ phải ôm lấy nó thì có bực mình không chứ? Chị thấy ngứa lung tung, khắp người. Chị lẩm bẩm trách ch`ồng:

- Cái giống người gì hơi một tí là oang oang như mõ ấy! Thằng bé đang ngủ mệt mà cũng làm nó dậy. Chỉ chết người ta thôi.

Anh tức lắm. Chỉ có thế mà chị lỉa rỉa đay nghiến anh mãi được. Có thứ người gì ấy lại lắm điều đến thế? Cái đầu anh càng ngứa dữ. Anh rứt từng mảng tóc đi…Giữa lúc ấy thì chú mèo thấy tình hình như đã yên ổn lại, lại lò dò đến, trèo lên mâm. Anh cu cười đắc chí, anh bảo vợ:

- Kia kìa! Nó lại trèo lên "đầu lâu" kia kìa….Không muốn đuổi nó đi thì cứ để cho nó ăn cả đầu lâu, hoa cái nhà mày đi.

Chị cu to tiếng:

- Ăn nói như cái đồ lục súc. Được rồi, không khiến đuổi. Để xem nó ăn gì nào?

- Thì để đấy.

Anh nhìn con mèo, đợi. Nhưng cáu thật, con mèo không ăn gì thật. Thì có gì mà nó ăn? Cả mâm có một bát muối vừng. Nó ngửi một chút rồi lại lảng. Mèo không ưa muối vừng. Anh thầm mong cho nó đút đầu vào nồi cơm nguội. Nhưng niêu cơm nguội còn đậy vung. Mèo thất vọng, meo meo một lúc rồi buồn rầu lảng đi…Anh bẽ lắm. Anh nhìn trộm vợ. Chị không thèm nói nữa, nhưng vác cái mặt lên khinh bỉ chồng. Trông đã ghét, anh muốn tát vào cái mặt cong cớn của vợ anh vài cái. Nhưng lấy cớ gì mà tát nó? Nó đã câm họng rồi. Anh quả quyết lại mâm cơm. Anh hất con mèo một cái, nẩy ra tận đằng xa. Rồi anh xúc cơm, rắc muối vừng ăn. Anh cúi đầu ăn, mặt hầm hầm. Bởi vì anh còn tức lắm. Nhưng càng tức càng ăn khỏe. Tính anh thế. Không ăn, lấy sức đâu mà tức được? Đã tức thì phải ăn. Anh ăn ngoàm ngoàm. Trông thô bỉ quá. Rõ thật là cái vẻ của một người cục súc. Chị cu làm như không thèm nhìn đến, nhưng trông thấy tất cả. Chị lộn máu lên. Chị giận chồng chị quá. Cái anh chồng động lòng hả hê. Đích là nó cố ý trêu tức chị. Chị uất người, cổ chị có cái gì lấp hẳn. Thật ra thì nó chẳng động chạm gì đến thị. Nó đi ăn cơm kia mà!.... Chị trút giận vào đàn muỗi. Chị vừa chửi vừa phát vào bắp chân đen đét. Chị trút giận vào thằng cu…

Thằng cu lại ngủ rồi. Chị đem nó lừa vào võng. Cái Viển cũng tắm xong rồi nữa. Nó đang phơi quần. Anh cu thì quẳng cái bát, đôi đũa xuống mâm từ lúc nãy kia rồi. Bây giờ anh đang ngồi bắt tréo kheo, hất hàm lên, nghênh trời.

Chị cu lại lên mâm. Chị nhắc cái niêu nhẹ nhõm. Chị nghiêng nó ra ánh trăng, nhìn. Còn ba hột cơm ranh! Ăn chẳng bõ dính răng. Chị nguây nguẩy đứng lên, bảo Viển:

- Viển! Mày vét nốt mà ăn đi.

Viển tưởng chị nhường cho nó. Nó là con ở nhưng cũng ra phết lắm, không tẹp nhẹp, nhất là cái miếng ăn, miếng uống, dù trong bụng đói đến chết, ngoài mặt nó cũng làm ra không cần. Nó bảo:

- Chị ăn đi. Tôi không đói.

- Mày ăn đi.

- Tôi không ăn ạ.

- Không ăn thì đem trút xuống ao cho cá!

Anh cu biết ngay là vợ dỗi. Anh cười gằn, hỏi:

- Nào, có đứa nào ăn không nào?

Chị cu không thèm đáp. Cái Viển đoán là chị giận, vội lại vét nốt cơm ra bát…

- Mời chị lại xơi nốt…

Chị gắt:

- Đổ té nó đi! Tao đã bảo…

Thì "choang" một cái, anh cu đã hất cái mâm ra ngoài giữa sân. Chị cu gào thật to:

- Trời ơi là trời!.... Mày phá tao thế à? Từ sáng đến giờ, tao ngồi trầy trầy trên khung cửi, mới được chừng một đồng hào, mà mày phá tao một lúc một cái niêu, bốn năm cái bát…

Thằng cu trong nhà lại thét lên. Viễn chạy vào, "rước" nó. Chị cu thì vừa nhảy loi choi, vừa vỗ tay đen đét, xỉa xói vào mặt chồng mà kể lể. Nhưng chị bỗng nhiên ngừng bặt…Có tiếng đấm đá nhau huỳnh huych. Rồi tiếng người đàn bà gào to hơn:

- Mày cứ đánh chết bà đi! Mày đánh chết bà xem nào! Mày không đánh chết được bà thì…

Anh cu đuổi. Chị vừa chạy quanh vườn, vừa kêu. Anh không đuổi nữa, chị cứ đứng ngoài vườn mà nhiếc mãi. Đến lúc mỏi miệng, không buồn nói nữa, chị về sân, thì chồng chị đã lăn ra hè, ngủ như chết từ bao giờ rồi, Viễn và thằng cu cũng ngủ. Chị đi vào giường.

Đêm hôm ấy, trời nổi gió, rồi nổi mưa. Mãi đến lúc thấy nước hắt vào người, anh cu mới thức giấc. Anh vội vàng nhổm dậy, anh giụi mắt. Anh vào nhà. Một cái chớp lóe lên. Anh thoáng thấy cái Viễn ôm con anh ngủ trên cái võng. Anh đưa võng cho con một cái. Viễn ngủ mệt, không biết gì. Anh đứng tần ngần một lúc. Rồi anh rón rén đi lại giường…

…Sáng hôm sau, tiếng người láo quáo bên hàng xóm, làm chị cu giật mình, mở mắt ra. Chị hơi sửng sốt, trong nhà đã sáng. Chị ngóc đầu nhìn lại võng. Viễn ôm con chị, miệng vẫn còn há hốc, xem chừng ngủ mệt. Chị lay đầu chồng, khẽ gọi:

- Phải gió! Dậy đi!... Sáng rồi.

Anh cu mở mắt ra. Chị giục:

- Kìa, dậy đi!

- Tạnh mưa rồi à?

- Tạnh rồi! Dậy đi!

- Yên đã nào!...

- Dậy đi! Ra chõng kia mà nằm.

Anh mỉm cười. Chị hơi lẽn bẽn vừa phát khẽ vào lưng anh, vừa bảo:

- Nỡm lắm! Có ra chõng mà nằm không? Cái Vển nó biết nó lại cười cho là trò trẻ. Mới giận nhau chập tối, nửa đêm đã lành…

Anh vẫn nằm, không nhúc nhích. Chị đành bước qua anh, ra chõng. Chị vừa vấn khăn vừa gọi:

- Viển ơi! Viển! Không dậy à? Con gái gì mà ngủ trương lên đến tận nửa buổi chưa chán mắt.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 431, ngày 19-9-1942

NHỮNG CHUYỆN KHÔNG MUỐN VIẾT

Trong số bạn thân của tôi, thế nào chẳng có người đã trách tôi:

- Lớp này hắn đổ đốn hay sao mà lại đem chuyện hắn ra viết thế? Dơ dáng quá!

Vâng, dơ dáng thật. Chính tôi cũng đang trách tôi sự ấy. Nhưng biết làm sao được? Tôi đã hứa với tôi: chẳng bao giờ viết truyện mình. Tôi sẽ chẳng bao giờ thèm đả động đên cái tôi – cái tôi là đáng ghét. Vẫn biết nhiều bạn đồng nghiệp khả kính của tôi không nghĩ thế. Suốt đời họ. Mà họ làm thế nhất định không phải là vô ích. Nhưng họ khác, mà tôi khác. Cái nghề văn, kỵ nhất cái lối thấy người khác ăn khoai cũng vác mai đi đào. Khi người ta nói đến mình, là nhận ra mình có một cái gì đáng nói. Còn tôi chẳng có gì. Mà đời tôi thì không có chuyện. Cái tôi của tôi rất xoàng. Bởi tôi rất xoàng.

Trọn đời tôi, tôi chỉ lo chết đói. Như thế bảo còn nghĩ đến những cái to tát làm sao được? Nguyện vọng của tôi? Ấy là làm thế nào cho vợ có tiền đong gạo, mua nước mắm vào mua ba xu thuốc chốc đầu của bà lang lùn về cho con. Không có mộng. Nói vậy sợ hơi quá quắt. Thật ra tôi cũng có chút mộng văn chương. Nhưng cái mộng ấy cũng hơi..khỉ khỉ. Tôi cứ muốn vừa có thể phụng sự nghệ thuật, lại vừa có thể kiếm tiền về nuôi cả nhà. Nghĩa là tôi ham viết lắm. Nhưng giả thử viết mà không được một đồng xu nhỏ thì có lẽ tôi cũng ham vừa vừa thôi. Cái tôi của tôi sự thật là nó bỉ ổi như thế đấy. Tôi còn nói đến tôi làm gì? Tôi tìm những cái khác để mà nói vậy.

Thoạt tiên tôi viết truyện một người đàn ông có vợ rồi. Đó chỉ là một người đàn ông rất vô danh. Hắn có thể là tôi, là anh, hay bất cứ một anh nào có vợ. Nhưng một ông bạn tôi vơ chẳng ngay lấy. Ông ta bảo tôi định nói ông. Ông hục hặc với tôi. Ông khuyên tôi chớ đem in. Đem in thì vỡ mặt. Tôi trót dại, chưa học võ. Thôi thì đành chiều ông.

Tôi viết truyện một con chó mực. Tôi thề rằng: quả thực đó là chuyện một con chó mực. Nhưng chuyện vừa in ra thì tôi gặp một thằng say. Hắn trợn mắt lên. Mắt hắn đỏ ngầu ngầu. Hắn lè nhè hỏi tôi: sao lại bảo hắn là con chó? Rồi hắn chửi cho tôi một mẻ, vuốt mặt không kịp. Tôi ức quá, nhưng rồi tôi lại cười. Tôi lẳng lặng về nhà, lấy giấy bút viết truyện một thằng say rượu.

Thằng say này say lắm. Nó uống rượu vào rồi nó chửi. Chửi lung tung cả. Thằng say nào chẳng vậy? Ấy thế mà có một bọn người rất tỉnh kêu bù lu bù loa lên rằng: tôi mượn rượu để chửi cả làng nhà họ. Và họ dọa tôi đủ thứ. Trời đất ơi!...

Vậy thì tôi biết viết cái gì? Một anh bạn tôi khuyên tôi đừng đả động đến một người nào. Cứ viết truyện buồng cau, cây chuối, cục đất, buổi hoàng hôn, con lợn. Nhưng biết đâu đấy? Tôi vẫn sợ. Tôi sợ có người nào lại nhận mình là buồng cau, cây chuối, cục đất, buổi hoàng hôn, hay là con lợn để mà không bằng lòng. Bởi thế, tuy chẳng muốn, tôi đành lại lấy tôi ra mà viết để cho yên chuyện.

Vậy thì tôi viết truyện tôi, đó chỉ là những chuyện mà thật ra tôi không muốn viết. Bởi chuyện tôi thì bao giờ nghe cũng buồn.

Các bạn tính: thế này thì tôi không buồn làm sao được? Tôi ở Hà Nội về quê. Tôi nhớ vợ con. Tôi đang ao ước được trông thấy vợ con cho thỏa cái lòng một chút. Tôi vừa đi vừa tưởng tượng: "Mười lăm phút nữa, tôi tới ngõ. Con tôi nhận ra tiếng bố, mừng rỡ reo lên. Vợ tôi tươi cười ra ngõ đón…"

Vợ tôi ra đón thật. Nhưng y không tươi cười. Mặt y nhăn như mặt hổ phù. Cái mũi phình ra, nó chứa đầy khí giận. Đôi mắt thì long sòng sọc, chúng toan nhảy vọt ra. Ghê gớm quá! Lại nghiến răng ken két nữa. Tôi toát mồ hôi trán. Mắt tôi nhìn xuống mũi, mũi tôi nhìn xuống miệng, còn miệng tôi thì bịu ra. Cái thằng tôi nó hèn thế đấy. Chẳng bao giờ nó dám nhìn nỗi nguy vào tận mắt. Nó chỉ nhìn xuống đất, để xem có cái lỗ nào thì chui tọt vào. Nó cứ tưởng nó là con giun.

Cố nhiên là không có lỗ. Mà có lỗ thì cũng không chui lọt. Tôi đành đứng ỳ ra đấy. Vợ tôi càng ngứa mắt. Y gầm lên. Y xốc váy lên trên đầu gối. Y giậm chân bồ bồ. Rồi y lại buông váy xuống. Y vừa nhảy cẫng lên như một con gà chọi, vừa vỗ tay đen đét mà xỉa xói vào mặt tôi:

- Đi chết đâu mà đi mãi thế? Sao không chết giấm chết giúi ở đâu đi cho rồi? Còn về đây làm gì? Còn vác mặt về đây làm gì ì i?...

Thôi chết, chắc là y biết tôi lên Hà Nội có đi hát cô đầu rồi. Không biết đứa nào ghét tôi đã mách với y chóng thế? Cái quân ác thật. Nó giết người không gươm. Khốn nạn cho cái thân tôi quá! Nào phải tôi có đắm say gì cho cam? Tôi thề rằng, từ thủa cha sinh mẹ đẻ đến giờ tôi có biết cái xóm cô đầu nó ở chỗ nào thì tôi chỉ chết. Tôi mới đi lần này là một. Mà cũng chẳng phải vì cao hứng. Chẳng qua là để chiều ý một ông bạn đọc quá hào phóng mà thôi. Nguyên hôm ấy tôi có chút việc đến chơi nhà xuất bản. Ông V. đưa cho tôi một tấm danh thiếp mang một cái tên với tôi hoàn toàn lạ…

- Ông này muốn gặp ông có một việc gì cần lắm.

Tôi quay dây nói nhờ cho gọi cái số có biên trên tấm thiếp. Ở đầu kia, tiếng oanh thỏ thẻ:

- Ông chủ tôi hiện lúc này mắc bận…Ông chủ tôi rất mong được tiếp ông vào bảy giờ chiều hôm nay…Việc cần ạ, vâng, ông chủ bảo cần…

Bảy giờ chiều, tôi đến. Tôi và anh Sen nữa, để phòng có biến. Thì cái việc cần đại khái như thế này: ông H. đọc sách của tôi. Ông thấy văn tôi, đoán tôi là một thằng…kháu lắm. Ông muốn gặp, gặp để cho biết. Còn bây giờ, thì cái việc cần là đưa nhau xuống Khâm Thiên để nói chuyện văn chương cho thỏa lòng. Chao ôi! Một chút tình tri kỷ ấy, dẫu tan xương nát thịt để mà đền đáp chưa chắc gì đã đủ. Huống chi là phụ vợ trong vài ba giờ đồng hồ thôi? Tôi nhận lời ông H. Tối hôm ấy, anh Sen rất ngây thơ của tôi và tôi đã được lạc vào động tiên. Nhưng có ông H. làm chứng đấy! Chúng tôi ngồi trong nhà hát không quá mười lăm phút. Trống không biết đánh. Hạt dưa không biết cắn. Cốt – nhắc không biết uống. Mà bọn cô đầu thì ác quá. Họ cậy họ có quần áo đẹp, tóc uốn quăn, họ cứ nhìn cái đầu thợ nhà quê

xén vụng của tôi mà cười. Mặt tôi đỏ nhừ. Huống chi lại còn có bao nhiêu khách của ông H nữa. Toàn những phú thương cả. Họ nhìn chúng tôi tròng trọc như cố nhớ xem có phải chúng tôi đã có lần rụt rè đến nhà họ xin một chân đánh máy hoặc bán hàng hay không? Mặt chúng tôi rờm rộm. Người chúng tôi ngay đờ, cứng nhắc. Bởi thế, khi bắt đầu tiệc rượu, chúng tôi đứng lên xin kiếu và anh em dắt nhau ra về. Tôi thề đã kịp chấm đến một cô em nào thì giời cứ làm cụt tay!... Ấy thế mà cái đứa nào ác nghiệt đã phải vội đem chuyện về cho vợ tôi nó biết. Tôi cãi làm sao bây giờ? Tôi cứ ngây mặt ra như cán tàn. Y lại chỉ vào mặt tôi và bảo:

- Hôm nọ thì còn mải đi chết đây, chết đó. Hôm nay mới lù lù vác xác về. Còn về làm gì nữa. Cả nhà có mỗi một cái vé sợi nó nuốt trôi mất rồi.

Ô…ra thế…Tôi hoàn hôi, tôi lau mồ hôi trán, thư thới hỏi:

- Vé sợi nào? Người ta chẳng biết đầu đuôi xuôi ngược thế nào thì đã làm sôi sì cả lên.

Vợ tôi cười gằn, bảo:

- Vé sợi khai hồi năm ngoái, chứ còn vé sợi nào? Nhà mình ở đấy nhưng nó lại bảo là tên nó thì làm gì nó tốt? Mình là thằng Cao, nó cũng là thằng Cao.

Tôi ngẩn người. Tôi giận cha tôi quá. Sao người chẳng đặt cho tôi một cái tên gì hiểm hóc để chẳng trùng tên ai? Nhưng sự đã trót, còn biết sao? Tôi tặc lưỡi bảo vợ:

- Thôi! Đứa nào nuốt được thì cứ nuốt. Cả năm ngoái, mình không có vé sợi, khung cửi để mốc meo cũng không chết mà….Chúng nó ăn lắm thì phình bụng ra.

Vợ tôi không thèm đáp lại, Y sỳ môi và nguýt tôi. Tôi cười. Bởi tôi cũng biết nói thế là nói bướng. Nghe sao lọt? Ai chẳng biết: không có vé sợi cũng không chết đói? Phải, chết thì không chết, nhưng mà gầy. Sự thật thì cả nhà gầy. Tôi, cái ấy đã dĩ nhiên, tôi vẫn gầy. Con tôi thì cũng vậy: bởi nó giống tôi. Nhưng vợ tôi, vẫn có tiếng là phì nộn, lớp này xem ra cũng

khô hạc lắm. Ăn đói luôn, còn gì? Tôi nhìn vợ tôi mà thương hại. Tôi an ủi y thế này:

- Thôi, mình ạ. Ta không có sợi thì đi dệt thuê cũng được. Chẳng được cơm thì được cháo. Còn tôi cố cắm đầu viết suốt ngày. Mấy trăm bạc nợ lãi trả hết rồi, chỉ còn xoay gạo ăn thôi thì đỡ lo.

Vợ tôi lại bĩu môi ra, nghiêng nghiêng cái mặt:

- Hừ! Coi thế mà buồn!.... Có đến đời sang tiểu sành thì hết nợ!

Tôi dịu dàng:

- Trả mãi cũng phải hết. Đừng lo.

- Ấy là nói thế, chứ tôi lo làm sao được. Tôi chỉ mặc, không có tiền thì con đói. Tôi đói đã quen đi rồi.

- Được được, mình mặc tôi.

- Chỉ được cái nói là ra bộ lắm!

Y không buồn nói nữa. Y vùng vằng chạy sang hàng xóm. Vùng vằng thế đấy, nhưng bụng y tốt lắm. Bởi y đi vay gạo. Y biết tôi đã đói. Tôi cảm động. Tôi càng náo nức muốn làm để kiếm tiền trả nợ. Tôi tháo giày, cởi áo ngoài rồi ngồi vào bàn viết. Không nên để phí một tí thì giờ nào cả. Từ giờ đến lúc được ăn cơm, may ra được vài, ba chục đồng…

Tôi gọi cảm hứng về. Ngoại vật mờ mờ. Tư tưởng đến như một đàn ong, mới đầu còn lẻ tẻ, rồi đông hơn, rồi xôn xao. Chúng ngùn ngụt trong đầu tôi như một thứ rượu mới lên men. Bộn rộn và rối rắm biết bao. Tôi sắp sửa khơi nguồn cho những ý nghĩ có đường thoát ra đầu ngọn bút….Thì tiếng vợ tôi the thé:

- Giời ơi là giời! Có chồng con nhà nào như thế không? Chỉ vác cái mặt lên như một con trâu nghênh suốt ngày. Chẳng nhìn rõ đến cái gì. Để cho con ăn đất ngoài sân kia kìa!...

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 432, ngày 26-9-1942

NHÌN NGƯỜI TA SUNG SƯỚNG

Ngạn đã cố không nghĩ nữa. Nhưng ý nghĩ cứ tự nhiên trở lại. Nó trở lại với Ngạn khi Ngạn không còn phải chen chúc trên xe lửa. Ngạn đã ngồi thư thái trên một chiếc xe kéo bon bon về làng.

Cảnh rất tươi vui. Ngạn cũng ép lòng mà nghĩ thế. Bởi trời rất xanh, không khí trong suốt. Cánh đồng gió lộng phập phồng như cái ngực xốn xao của bể. Lại có nắng, có chim, có tiếng xe bò nghiến những hòn đá vụn nghe lắc rắc và tiếng cười tiếng nói….Nhưng thực ra thì cái cảnh vô tri làm sao nó biết, mà những người lồng trong cảnh thì ai biết đâu được lòng họ đấy? Ai biết họ vui hay buồn? Thí dụ ngay bọn người đang nhoai lưng đẩy cái xe tải nặng nề kia. Họ đang nói nói cười cười. Họ đang chế nhạo cô tân thời mặc phong phanh vừa mới đạp xe đạp vượt lên. Thế là mấy chị đẩy xe bò gạo the thé cười. Họ làm như được một dịp cười sướng lắm. Tiếng cười nảy lên đành đạch. Nhưng (có thể có thể như thế lắm) có thể là họ cười âm ĩ như thế chỉ là để đẩy bớt chất cay ra khỏi lòng:

- Chà, cũng một đời con gái!... Một chị kêu lên thế. Đời của cô gái an nhàn kia hay là đời của chị? Chị ghê tởm người hay là ghen với người?..Có lẽ tiếng cười của bọn phu phen chua chát thật. Cũng có lẽ họ chỉ cười thẳng thắn thật mà Ngạn là một người bi quan. Nhưng dù sao thì Ngạn cũng phải nghĩ đến Trinh rồi. Bởi Trinh cũng thích đi xe đạp. Trinh cũng hay mặc những quần áo phong phanh, và cũng có lần gió với nắng rất lẳng lơ khiến Ngạn phạm tội bằng con mắt và trong tâm hồn.

Ngạn biết Trinh đã ba năm. Trinh đến Hà Nội để kiếm việc làm và kiếm tự do. Nhất là kiếm tự do. Bởi việc làm của Trinh chẳng cung cấp đủ cho Trinh. Tháng tháng Trinh vẫn phải xin thêm tiền của mẹ. Thân mẫu Trinh là một bà góa giàu ở vùng quê. Bà rất tin con. Bởi bà dốt nát mà con bà thì thông thái. Trinh học giỏi. Trinh đỗ cái bằng mà con trai cả tổng không ai đỗ. Trinh nói tiếng tây y như đầm…Ở Hà Nội, Trinh bán hàng cho một hiệu thuốc tây. Ngạn làm cho một công ty bảo hiểm trụ sở gần ngay đấy. Sự tình cờ khiến hai người thuê cùng một căn nhà. Trinh ở trên gác có lối đi riêng. Ngạn ở dưới nhà. Họ làm quen với nhau rất chóng bởi Trinh là gái mới

lớn, còn Ngạn thì chẳng biết có óc mới hay không, nhưng nghĩ bụng rằng: có làm quen với Trinh cũng không thiệt gì. Thế rồi Ngạn yêu Trinh. Rất thẳng thắn và giản dị, một buổi tối, Trinh vắng khách, Ngạn đã tỏ tình yêu của Ngạn cho Trinh biết. Và cũng rất thẳng thắn và giản dị, Ngạn ngỏ ý muốn thu xếp mà cưới Trinh. Trinh không sửng sốt, không e lệ nhìn xuống đất, không nổi giận, Trinh mỉm cười. Trong khi Ngạn tái người đi cảm động. Rất bình tĩnh, Trinh mỉm cười rồi Trinh trả lời Ngạn như thế này:

- Em cám ơn anh lắm. Nhưng…thật là khó nói! Anh ạ, anh là một người xứng đáng nhưng từ trước đến nay em chỉ coi anh là bạn. Còn về sau thì chẳng biết. Em thành thực mong em sẽ yêu anh. Nhưng hiện nay, giá anh vui lòng đợi….

Được rồi! Ngạn sẽ vui lòng đợi. Ngạn đợi ba năm dài dằng dặc. Trinh vẫn thân mật với Ngạn và với nhiều người khác. Rồi đùng một cái, Trinh lấy một người ngoại quốc nhiều tiền và nhiều tuổi mới gặp Trinh vài lần. Chẳng thiếu gì người đau đó ư, nhưng lẽ dĩ nhiên, Ngạn là người đau đớn nhất, Ngạn nhớ đến lời của Trinh:

- Em sung sướng lắm! Anh yêu em chắc cũng muốn em sung sướng. Hạnh phúc của người anh yêu…

Giả dối ôi là giả dối! Cũng như những người tình nhân trong tiểu thuyết khóc sướt mướt và bảo người tình nhân kiết xác:

- Em phải đi lấy chồng anh ạ! Nhưng cái tâm hồn em là của anh.

Cái ý nghĩ hài hước ấy làm cho Ngạn nhếch môi cười một chút. Nhưng cái cười rất nhiều chua chát. Ngạn dần thấy cổứ nghẹn và máu trong người sôi lên. Ngạn ghét Trinh hết sức và anh ghét lây một số đông gái mới yêu kiểu cách và lãng mạn, óc đầm đìa thuốc phiện của những nhà tiểu thuyết suốt đời nhìn trăng.

Qua một cái ngõ chữ chi, Ngạn bước vào sân. Cái sân vắng như một ngôi nhà hoang. Không có thằng em út. Ngạn vừa cười khanh khách vừa quần nhau với con chó mực. Im lặng quá. Mấy cây cau vàng lá đứng ủ rũ như cái chết đã lên đến ngọn.

Bỗng con mực đang mơ mơ màng màng trong cũi ngóc đầu lên sủa vài tiếng ngắn, rồi nó vẫy đuôi mừng. Mẹ Ngạn ở trong bếp chạy ra, tóc bết mồ hôi, tay còn cầm đôi đũa. Bà lắc đầu ra hiệu cho Ngạn đừng nói vội và chỉ tay vào nhà trên. Y hiểu ngay, y biết trước thế nào khi bước chân qua ngưỡng cửa y cũng được nghe bà ngoại rên. Y lắc đầu chán nản. Chẳng mấy lần về đến cửa là y không phải nghe bà ngoại rên. Bà ốm kinh niên, một bệnh không thuốc nào chữa được, bệnh rất hay phải lại ấy là bệnh ghét con gái bà.

Bà là một người khổ từ trong trứng khổ ra. Bố chết từ lúc mẹ mới có thai. Lên năm tuổi thì mẹ bước đi bước nữa. Các ông chú, bà bác chia tay nhau nuôi đứa cháu côi, kẻ dăm bảy tháng, người một vài năm. Rồi sau cùng không ai thừa cơm gạo mà nuôi nó nữa thì người ta bán nó cho một nhà giàu làm con nuôi. Nhà giàu nuôi và đánh chửi nó cho đến năm mười bảy tuổi, rồi chuyển tay nó cho bà mẹ chồng vừa nuôi vừa đánh chửi, nhất là đánh chửi. Đến năm hăm mốt tuổi, sau năm lần toan nhảy xuống sông, người thiếu phụ khốn nạn sinh được một đứa con: vừa ốm yếu, vừa con dữ không làm gì được nữa, nên được mẹ chồng buông tha cho đi làm ăn riêng với chồng. Bây giờ mới đến lượt chồng hành hạ. Y đánh bạc, y uống rượu, y ăn cắp tiền của vợ. Gia đình quanh năm lục đục. Vợ đay nghiến chồng. Chồng chửi và đánh vợ, con chốc lở, khóc nhanh nhách suốt ngày đêm. Sau cùng thì anh chồng thua bạc một canh to bỏ làng đi để lại cho vợ và con thơ bao nhiêu nợ. Mỗi ngày có đến ba bốn chủ nợ đến tận nhà chửi mắng vào dọa nạt. Thế là chồng chưa chết mà người vợ trẻ bỗng nhiên sinh ra góa chồng….Bởi suốt một đời khổ sở nên bà ngoại Ngạn không thấy một người nào thật khổ. Trong nhà bà toàn những người sướng quá. Từ con bé ở trở lên. Bà bảo nó như thế còn là thần tiên đấy!... Nhất là vợ chồng con gái. Trời ơi! Chúng nó suốt đời trẻ như măng, chẳng phải lo nghĩ gì, chẳng phải bao giờ đánh chửi nhau…Mà con vợ chiều chồng quá, nó mua rượu cho chồng uống, chồng uống rượu vào rồi vuốt má vợ. Chúng nhăn nhở cười với nhau y như là con trẻ…Thế mà chúng đã ngoài bốn mươi tuổi rồi. Chao ôi, chao ôi, bà khổ suốt cuộc đời ki cóp từng đồng trinh một để bây giờ chúng nó sung sướng. Chúng sướng quá. Chúng không biết rằng mẹ chúng đã khổ suốt một đời hay sao. Thuốc độc cứ thấm dần, thấm dần. Trước còn ngấm ngầm, nhưng sau càng ngấm mạnh. Và đến lúc, cái bệnh ghét phá tung ra ngoài…

Ngạn lại gần giường. Bà cụ rên hừ hừ giả tảng như không trông thấy Ngạn. Ngạn phải lên tiếng trước:

- Bà lại làm sao thế?

Bà ngoảnh mặt nhìn ra rên rẩm

- Cháu đấy à, bà chết mất!...

Bà nức nở và nắm lấy bàn tay Ngạn. Ngày xưa gặp cảnh ấy, thế nào y cũng sa nước mắt. Nhưng bây giờ thì y khó chịu: y đã thấy nhắc đi nhắc lại bao nhiêu lần rồi. Y cố nén giận cho giọng nói không gay gắt vào bảo:

- Thì bà còn nghĩ đến thằy bu con làm gì?

- Khốn nạn, con ơi!... Con phải biết rằng người ta thì còn có năm có bảy, mất con nọ còn con kia. Bà thì mẹ có một con, con có một mẹ. Mà bà thì bù đắp cho thằy bu con đến thế, thế mà bây giờ nó bạc, nó chẳng biết thương lấy bà một tí. Chúng nó chỉ nghĩ sao cho sướng thân chúng nó, còn mẹ có chết khô chết nỏ cũng không buồn nhìn nhõi. Thằy con thì rượu chè lu bù, ba chén dấn vào thì nói khoác, một tấc lên đến trời, thật là một đứa ăn càn nói bậy. Bà nghĩ mà xấu hổ với người ta quá. Bảo mãi mẹ nó phải can nó dần dần, nhưng mẹ con thì can đã không can lại mua thật nhiều về cho nó uống. Suốt đời không dám nói động đến cái chân lông nó, chỉ sợ nó đi. Tao thì chồng tao đi từ năm tao mới hăm ba tuổi, tao cũng không chết đói, tao cũng nuôi nấng, gây dựng được cho bu mày…

Ngạn đờ mắt và thở dài. Lúc nào bà y cũng còn nghĩ đến người chồng bạc bẽo và lấy làm đau xót vì có những người chồng không bạc bẽo bằng chồng bà.

Câu chuyện đổi chiều, bà cụ đã được khỏe và được Ngạn kiếm lời an ủi nên lòng đã nhẹ. Bà lại nghĩ đến cái việc tạo hạnh phúc cho cháu bà:

- Ngạn ơi! Con nên thương lấy bà một tí. Bà bây giờ già yếu, nay ốm mai đau. Thằy bu con thì đã không cho bà cậy được rồi. Chỉ còn con, mà con thì đi vắng luôn luôn.

- Hay là con đưa bà lên Hà Nội?

- Ừ, nhưng con cũng phải lấy vợ đi đã chứ?... Con nên nghe lời bà. Con bé ngoan đáo để, được người được nết…

Giá phải lần khác thì Ngạn đã gạt đi. Nhưng lần này y nghĩ ngợi. Con bé ấy là Duyên. Một cô gái mồ côi. Nhà Duyên ở cạnh nhà y. Khi bố Duyên còn sống, hai nhà đã gắn bó với nhau. Nhưng Ngạn chẳng gần Duyên. Ra tỉnh ngay từ thủa còn thơ, y chưa lúc nào nghĩ rằng y lại có thể lập gia đình với một cô gái quê như Duyên được. Duyên đâu có hiểu. Duyên vẫn đi lại nhà Ngạn mãi. Duyên làm thân cùng bà cụ. Bà cụ thương Duyên cùng một cảnh như bà hồi trẻ. Bà yêu Duyên lắm. Bà đã bao nhiêu lần ép cháu bà lấy Duyên.

- Con nên thương bà mà thương nó. Những lúc con đi vắng, khi bà váng mình sốt mẩy, chỉ có một mình nó chăm sóc trông nom…Mấy đứa biết quý người như thế ấy. Nó tử tế với con thì con cũng nên lấy sự tử tế mà đền bù lại. Nó nhắc đến con luôn. Con thử nghĩ…Nó trông đợi con bao nhiêu năm rồi…

Ngạn hơi buồn. Y nghĩ đến Trinh, y cũng đã kiên nhẫn đợi và mong mỏi… Y bỗng thấy lòng thương Duyên. Duyên yêu giản dị và mộc mạc, không nghệ thuật, không triết lý. Yêu bởi…trời sinh ra thế. Ngạn đã chán thứ tình yêu của hạng người cứ luôn luôn triết lý với tình yêu lắm rồi! Tại sao y lại không thể lập gia đình với Duyên?

Biết là cháu đã xiêu lòng, bà cụ bảo:

- Con bằng lòng nhé, con bằng lòng đi để bà nói với nó cho nó mừng.

Ngạn sẽ gật đầu một cái và thở dài theo luôn. Sao lại thế? Y không hiểu nữa. Hình như y nhận lời miễn cưỡng. Hình như y buồn. Y mơ hồ thấy là y sẽ khổ và y sẽ làm người khác khổ, điều ấy còn khổ hơn. Tình yêu, cái tình yêu của loài người hiện tại là một cái gì buồn mênh mông…

Duyên bỏ tiền dành dụm của Duyên mua những quả na thật đẹp, hạng na nhất chợ, Duyên đem sang cho bà Ngạn. Bà Ngạn mỉm cười. Bà nhớ lại

trong một giây cái lúc tình yêu chớm nở trong lòng. Một giây thôi. Rồi khóe miệng bà nghệch xuống thành hình dấu mũ. Chua chát đã tiết ra trong máu. Bà bửa một quả na ăn. Bà chọn một quả thật ngon đưa cho Ngạn:

- Nừ rồi đấy, ăn đang vừa.

Ngạn cầm lấy. Duyên hơi đỏ mặt, nhìn trộm y sung sướng và bẽn lẽn. Ôi! Duyên đẹp quá! Cái tình yêu của Duyên đẹp quá! Ngạn ăn rất thong thả, quả na ngọt lự và thơm thoang thoảng. Mặt y sáng sủa và như có một ngọn lửa ở bên trong chiếu dọi. Y mỉm cười nhìn Duyên.

Duyên càng bẽn lẽn, càng đỏ má. Duyên cúi mặt, tay mân mê đầu cái dây lưng đũi của bà cụ rồi Duyên cười ngượng nghịu:

- Bà ạ, hôm nay gạo kém quá, một đồng không được mười một đấu con.

- Chết nhỉ?

- Nhà con đã phải trộn thêm ngô rồi.

Ngạn nhìn Duyên thương hại. Nhưng bà cụ bảo:

- Chà. Con ạ, con trẻ ăn cơm ngô càng chắc dạ. Bà thì ngày xưa cơm ngô cũng chẳng có mà ăn đâu. Cứ phải ăn cháo rau má trừ cơm là thường.

*****

Em gái Ngạn cầm vào nhà một phong thư. Bà cụ hỏi:

- Thư của ai đấy cháu?

- Thư của anh Ngạn.

- Bóc ra xem. Không biết lại sao đây. Nó mới đi vừa chủ nhật..

Cô cháu bóc, cô vừa nhẩm đọc và cười tủm tỉm…

- Gì thế cháu?

- Thư cho chị Duyên bà ạ. Anh ấy bảo anh ấy đang thu xếp tiền cưới chị ấy. Cưới xong sẽ đưa chị lên Hà Nội ngay.

Bà cụ sầm ngay mặt lại. Môi bà hơi bĩu ra một chút. Bà bảo cô cháu đọc. Cô đọc hơi ngượng nghịu, bởi toàn những lời tình tứ cả. Anh anh, em em, anh hứa với em sẽ hết sức làm cho em sung sướng, anh đang lo tiền cưới. Anh sẽ đem em lên Hà Nội để chúng ta được gần nhau luôn…

Gần nhau luôn!... Bà cụ thấy ngực nóng ran lên như lửa đốt. Bà giận cháu bà lắm. Cháu bà thế mà cũng hỏng. Chưa chi đã chiều vợ thế. Sau nó cũng lại xỏ chân lỗ mũi! Anh hứa với em sẽ hết sức làm cho em sung sướng. Quả ra con Duyên là…! Anh sẽ đem em lên Hà Nội. Ngữ ấy lên Hà Nội….! Hứ! Có đời nhà nào như vậy? Có đời nhà nào như vậy?

Bà hằn học chửi:

- Hừ, chắc đã ton hót gì với thằng ấy hẳn. Muốn lên Hà Nội lắm. Bà thì nói thật, cưới rồi bà còn bắt ở nhà hầu bà đủ mười bốn năm…

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 434, ngày 10-10-1942

ĐÒN CHỒNG

Khôn đòn quan, gái ngoan đòn chồng

Việc ấy đã xảy ra giữa chợ, có bao nhiêu người biết. Bao nhiêu người ấy là đàn bà cả. Bà thì lắc đầu, bà thì chép miệng. Có những bà cẩn thận với tai tiếng quá, rụt cổ lại, làm cái điệu bộ của một người khi rùng mình; Ấy là các bà ghê tởm quá. Còn những người chừng mực thì bình tĩnh hơn một chút: họ chỉ vác cái mặt lên cười bằng mũi, và đưa cái môi dưới ra như cái thìa. Ai cũng bảo: "Ây, tôi thì tôi chịu đấy; có đói cho chết thì cũng chỉ riết chặt thắt lưng vào mà nhịn, chứ làm thế thì bố tôi có sống lại mà bảo tôi, tôi cũng không dám làm…". Ai cũng bảo. Kể cả chị Cu với chị Bẻm vẫn lấy trộm mít nhà hàng xóm đem ra chợ bán với chị Thung toét mắt vẫn giả tảng thong manh để câu trộm gà. Ai cũng bảo, và ai cũng thấy như là hả dạ. Kể thì cũng phải. Cái xấu của người khác bao giờ chẳng làm ta sung sướng? Ta thấy ta còn tốt hơn chán người!

Cố nhiên là câu chuyện đồn đi. Thoạt tiên là các bà vợ về kể lại với chồng. Rồi các ông chồng đem kể lại với nhau. Bây giờ thì cả làng ai cũng biết. Ai cũng biết: con vợ thằng Lùng, mặt mũi như thế ấy, mà gian vô cùng. Chẳng gian mà lại làm cái trò nhập nhòa như thế này…Chẳng biết y xin ai hay là nhặt ở đâu được có mỗi một đồng xu. Nếu không xin, không nhặt được thì hẳn là ăn cắp. Bởi y làm gì mà có xu! Vườn có ba sào, chồng thua bạc cố rồi. Đồ bòn, thức bán không. Đi dệt cửi thuê cho người ta ngày được một hào thì chồng lấy cả một hào, thiếu một đồng xèng nó đánh cho gãy gối. Vả nó chẳng đánh thì cũng không dám thiếu: thiếu lấy gì mà đổ vào mồm? Gạo nước năm nay…Có một hào mà những hai cái miệng ăn, mà lại còn chực thiếu nữa thì có lẽ đến phải đếm mà chia nhau từng hạt. Bởi vì hai vợ chồng chỉ trông vào tiền của vợ để mà ăn gạo. Chồng chẳng chịu bỏ ra một đồng trinh. Hắn dận trai mỗi ngày cũng được vài hào. Có ngày bốn năm hào. Nhưng bốn năm hào thì cũng hết. Tiền hắn làm, uống rượu chưa chắc đủ. Huống chi lại còn đánh bạc.

Vậy đồng xu của vợ Lúng, không nhặt được hay ăn cắp, thì chắc là y xin. Y buộc vào dải yếm, trông chặt lắm. Lại hàng bánh dày, y hí hoáy cởi một

lúc lâu mới được. Hay là y giả đận làm như thế thì chẳng biết. Làm thế, để đợi lúc có thật nhiều người ăn. Bởi vì lúc y ngồi xuống thì đã có bốn năm bà đang ăn rồi. Chị hàng bánh tới ta tới tấp. Vợ Lúng mân mê một lát, rồi nhặt lấy một tấm bánh dầy đậu, đưa lên ngoạm một miếng hết già nửa tấm. Còn non nửa tấm. Còn non nửa tấm nữa, y ném tọt vào miệng nốt. Y đưa đồng xu ra, chị hàng bánh dầy trợn mắt:

- Sao lại có một xu?

- Tôi ăn một tấm.

Thế là chẳng nói thêm một tiếng, chị hàng bánh nhảy ra bóp cổ y. Y giãy giụa, nhưng cái cổ y ngẳng quá, chỉ vừa một chét. Y lại mếu. Mà con mẹ hàng bánh sao mà khỏe thế. Nó dúi đầu y xuống, mắt y trợn ngược. Y kêu ằng ặc. Miệng y há hốc. Miếng bánh dầy nhả ra. Bây giờ chị hàng bánh mới chịu buông cổ y, và reo lên:

- Xem nào!

Một tay chị vẫn xoắn lấy áo y, một tay chị cúi xuống nhặt miếng bánh đầm đìa dãi nhớt. Chị tách miếng bánh làm hai và đưa cho những bà đứng đấy xem và phân bua.

- Các ông, các bà trông giùm tôi xem chị ấy ăn một tấm hay là hai tấm, này! Một tấm mà lại tách ra được thế này! Tôi có mù đâu? Mắt tôi vẫn phải trông đấy chứ!..Bán hàng mà không mắt năm mắt mười thì mấy chốc cởi váy mà bán đi? Tôi biết chị ta chập hai tấm vào làm một, nhưng tôi lờ đi, để rồi xem chị ta làm ăn thế nào. Ấy thế mà chị ấy nhất định cãi là một tấm. Các ông các bà thử trông giúp tôi xem một tấm hay hai tấm mà nó lại như thế này?

Bao nhiêu người xúm lại, đứng vây thành cái cũi. Chị hàng bánh biết y không còn chạy được, mới chịu buông áo y ra; chị chỉ vào mặt y the thé:

- Cái mặt nhà chị! Chị thử mở mắt ra trông một tấm hay là hai tấm, nào!

Cái mặt bủng beo của y xám như chàm. Nó không còn đỏ được, bởi y làm gì có máu. Cái miệng y há ra như chực nói, nhưng nói thế nào? Chứng cớ trờ trờ ra đấy. Y cứng hàm. Những tiếng ấp úng trong cổ họng, một lúc lâu mới bật ra thành lời được:

- Thì tôi giả…., tôi giả hai xu….

Nhưng y làm gì còn xu! Y cúi mặt, nước mắt ra ròng ròng. Chị hàng bánh lộn tiết lên. Chị xỉa tay vào tận mặt y:

- Thôi! Tôi cũng thí cho nhà chị. Tôi chỉ lu loa lên thế để cho cả chợ người ta biết; rồi giờ người ta vạch vôi lấy mặt chị, để thấy cái mặt nhà chị ở đâu thì người ta kiếng nó ra.

Câu chuyện đến tai Lúng. Lúng thâm tím mặt. Giá lúc ấy vợ hắn có nhà thì có lẽ hắn đã đâm chết vợ. Nhưng vợ hắn còn đi dệt cửi. Hắn đành nén giận, để đi làm trai đã. Hôm ấy hắn dận được nhiều trai lắm. Toàn những con to cả. Trai, chỉ ăn thua cái vỏ, bán cho người ta làm cúc hay khảm xà cừ chẳng hiểu. Chỉ biết người ta mua nhiều lắm. Lần này, tính nguyên vỏ đã được năm, sau hào. Ruột chỉ được hơn hào chỉ. Hắn không thèm bán nữa. Hắn đem nấu một nồi cháo ăn.

Cháo bắc lên bếp rồi, hắn chạy đi mua rượu. Cả chai. Với một cái đùi vịt hai hào nữa. Phải uống thật say mới được! Rượu có rồi. Cái nhắm có rồi. Nồi cháo đã gầy mấy cái nhẵng tre thật chắc, chỉ lát nữa sẽ sôi lúc búc. Nhưng hắn chưa uống vội. Hắn đi chặt một đoạn mây to. Một đầu khoanh lại thành cái vòng để xỏ tay vào, cầm cho dễ. Vả lại, kiểu roi mây phải thế. Hắn vụt thử lên không khí kêu vun vút. À! Tốt tệ! Hắn nhếch môi cười một tiếng ngắn. Còn phải đi tìm cái đòn gánh và sợi dây thừng nữa. Có cả rồi. Hắn xếp cả lên cái giường độc nhất trong nhà hắn. Hắn xếp cả hắn lên đấy nữa. Hắn ngồi xếp bằng, hai tay hắn chống xuống hai đùi. Hai đui hắn rung rung. Hắn nhìn chằm chặp vào cái đùi vịt và chai rượu. Nước dãi hắn chảy ra. Hắn thèm uống lắm, nhưng chưa uống vội. Còn đợi vợ.

Đây! Y đã về. Nhẹ và mạnh như con báo, hắn nhảy vọt từ trên giường xuống đất, chưa kịp trông rõ hắn, y đã bị tay hắn chộp. Y kinh ngạc:

- Ô hay!

- Mày lại đây!

Hắn nắm cổ y, đẩy vào chỗ cột nhà. Y không kháng cự. Bởi kháng cự thật là vô ích. Hắn cởi cái thắt lưng của y: trói ngang lưng vào cái cột. Như thế đã tha hồ vững chãi. Nhưng hắn còn muốn vững chãi thêm nhiều nữa. Hắn đặt ngay cái đòn gánh ở bên ngoài cột, dang hai tay vợ dang ra, lấy sợi dây thừng quấn. Hắn quấn cánh tay vợ vào đòn gánh. Được rồi. Hắn trở lại giường, rót rượu ra chén, uống. Vợ hắn hu hu khóc. Còn khóc nữa! Oan lắm đấy! Hắn khà một cái, cầm cái đùi vịt, chấm một tí muối, cắn, nhai nhồm nhoàm. Hắn vừa nhai vừa kể lại tội y cho y biết. Bao nhiêu là tội! Hắn cứ uống một ngụm rượu thì một tội lại bật ra. Toàn những tội ăn vụng, ăn trộm, ăn cắp, ăn mày, ăn nhặt! Chao ôi! Vợ hắn bêu hắn quá! Vợ hắn làm hắn nhuốc nhơ với làng với xóm. Sao vợ hắn lại vẫn cứ sống mà làm tội hắn? Sao vợ hắn chẳng chết đi cho rồi?... Không chết hắn sẽ đánh cho mà chết. Trăm nết mất cả trăm, còn sống làm gì nữa? Sống làm gì cho nhục nhã? Hắn bỗng nhiên vùng dậy, cầm cái roi mây chạy lại, nghiến răng vụt đen đét vào mông y. Y đau quắn đít. Y nhăn mặt lại. Y van lạy. Y gào. Trời ơi! Y gào!...

Hắn vụt xong một chập rồi, nghỉ tay. Lại uống, lại nhồm nhoàm vừa nhai vừa kể tội. Kể tội xong lại đánh. Đánh một chập rồi lại uống. Uống rồi lại đánh, cứ như thế mãi. Đến nỗi vợ hắn tê mông, không còn thấy đau.

Bấy giờ hắn mới thôi. Thôi bởi vì hắn líu lưỡi lại rồi. Mắt trông cái gì cũng chập chờn, cũng quay quay. Chân nọ cứ vướng vào chân kia, không đứng lên được nữa. Hắn lăn khoèo ra giường, mồm ú ớ. Rồi hắn ngủ. Hắn ngáy thật to, nghe khò khò…

Một người hàng xóm thấy im ắng rồi mới dám sang. Y rón rén vào nhà. Lúng vẫn ngủ mê, ngủ mệt. Có mà vần xuống sông cũng được! Người hàng xóm lại gần cột, cởi trói cho vợ hắn.

Vợ Lúng thấy người đau ê ẩm. Hai cánh tay dừng máu tím bầm. Mông xót như mất hẳn một lần da. Y khệnh khạng đi xuống bếp. Nồi cháo sôi lúc búc. Úi chà! Thơm quá! Mà đặc sệt rồi. Giá y không xuống thì khê mất. Y

tra muối. Y múc một bát ăn. Ôi chao ôi! Cái cháo trai sao mà ngon đến thế. Y làm luôn bát nữa, rồi bát nữa, rồi bát nữa… Nồi cháo cạn. Chó! Cứ ăn hết đi cũng được. Không cho thằng quan ôn vật ấy ăn nữa. Tài đánh lắm! Vả lại nó cũng uống bao nhiêu rượu. Ăn một mình cả một cái đùi vịt. Ăn lắm, uống lắm rồi. Thì bây giờ đừng ăn… Y vét nồi sồn sột. Chị hàng xóm bảo:

- Khe khẽ chứ!… Anh ấy dậy bây giờ thì được chết.

- Cho chết! Đói bỏ cha đi ấy, hãy ăn cho sướng đã.

Nói xong, y nghiêng cái nồi ra ánh sáng. Còn cái gì đây nữa? Ô! Miếng trai! Còn sót một miếng trai trong góc nồi. Làm nốt đi!

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 437, ngày 30-10-1942

GIĂNG SÁNG

Điền có bốn cái ghế mây. Tất cả đồ đạc trong nhà, chỉ có bốn cái ghế mây này là có giá. Không phải Điền mua. Tính Điền rất ghét mua. Từ ngày ra ở riêng đến giờ, Điền mới mua có một lần: ấy là một cái giường bằng gỗ bưởi của một người cô nghèo khó. Người cô cần tiền để lấy thuốc ngã nước cho chồng. Còn Điền thấy cũng cần một cái giường. Tháng ba vừa rồi vợ Điền mới sinh một con trai. Nghĩa là bây giờ Điền có những hai con. Cả nhà đúng bốn người, bốn người chất cả vào một cái giường! Giá mùa rét thì cũng được, chen chúc nhau một tý càng ấm áp. Nhưng mùa nực, còn gì là vệ sinh?

Năm chừng mười họa, Điền cũng còn nghĩ rằng: nên theo phép vệ sinh. Bởi Điền là người có học hẳn hoi. Điền đã có lần làm một ông giáo trường tư trong ngót ba năm, mà Điền có bốn cái ghế mây vừa mới nói. Năm ngoái đây, cái trường vẫn thuê Điền dạy lớp nhất, lấy hai chục bạc lương một tháng, đột nhiên phải dẹp. Dẹp để nhường lại mấy căn nhà cho người ta dùng vào việc khác, cần cho lúc này hơn. Ông hiệu trưởng còn chịu của Điền nửa tháng lương. Tiền học tháng cuối cùng thì chưa thu được. Chỗ anh em biết tính thế nào cho tiện? Giá ông xoay được, thì ông trả phắt Điền chục bạc, cho đẹp mặt cả đôi bên. Nhưng ông không xoay được. Mà chẳng lẽ Điền phải thiệt? Thôi thì... thôi thì... - biết nói ra sao bây giờ? - Ông cười một cách ngượng nghịu bảo Điền:

- Thôi! Thế này này, ông Điền ạ! Giá ông không ngại, thì ông đem bộ ghế mây về quê mà dùng. Lão hàng phở nó trả có bảy hào một cái. Hôm nọ, chỉ căng mây lại cho hai cái cũng đã mất một đồng. Bán cho lão thì phí đi. Mà ở nhà ông chưa có ghế...

Lúc ấy, Điền phải cố giữ, cái mặt mới không xị xuống. Thật ra thì Điền chán lắm. Điền chẳng muốn lấy bốn cái ghế tý nào. Chao ôi! Cũng mang tiếng là ghế mây!... Cái thì xộc xệch, cái thì bốn chân rúm lại, và chẳng cái nào là nước sơn không róc cả ra như là da thằng hủi. Trông đủ thảm. Điền phải bỏ ra bảy hào chịu lấy một cái vé tàu hỏa để tải mình về quê đã đủ xót ruột lắm rồi, còn phải nợ mà bỏ tiền ra tải bốn cái ghế già nua ấy nữa.

Nhưng từ chối thì không tiện. Ra sự rằng mình dỗi. Có lẽ tủi lòng ông hiệu trưởng. Ấy là một điều mà Điền chẳng muốn, bởi ông với Điền là chỗ bạn nghèo với nhau. Họ bị tủi vì người ngoài đã lắm. Chẳng nên để người nọ bị tủi vì người kia... Điền đang nghĩ một cớ gì để thoái thác. Thì ông lại bảo:

- Ông nên đi tàu thủy. Có đắt mới đến năm hào. Năm hào với năm xu màn là năm hào rưỡi. Vậy cho rằng có phải trả tiền cước bốn cái ghế, thì cũng chỉ bằng tiền tàu hỏa thôi. Mà rộng rãi. Ông để hai cái ghế ra, một cái để ngồi, một cái gác chân, ung dung như ngồi nhà ông vậy. Tội gì đi tàu hỏa mà chen chúc.

Kể thì cũng là một ý hay. Như thế tránh được cả cái nạn huých khuỷu tay vào ngực nhau để tranh một cái vé đi xe lửa. Tránh được cả cái nạn ngồi lên đùi người khác và để người khác ngồi lên đùi mình. Và ngửi mùi mồ hôi với mùi phân lợn của những toa tàu hạng tư... Nhưng... Ông hiệu trưởng không đợi Điền phải nói ra. Ông đã đoán mà hiểu trước. Nên ông bảo:

- Còn cái sự chuyển những cái ghế thì không ngại. Tôi sẽ bảo thằng nhỏ buộc hai cái làm một, dùng cái đòn gánh nước, gánh ra tàu cho ông. Còn từ bến màn vềnhà ông, sẽ thuê một thằng bé nào độ năm xu, hay một hào.

Điền nhẩm tính. Như vậy, tất cả có già giặn lắm mới tốn chừng đồng bạc. Nghĩa là tiêu quá đằng kia hai hào. Hai hào bốn cái ghế mây! Cho có xộc xệch nữa cũng còn rẻ chán... Điền ưng thuận. Thế là bốn cái ghế mây của ông hiệu trưởng mà lão hàng phở trả có bảy hào một chiếc, được đi tàu thủy vềquê của Điền.

Và thế là Điền có bốn cái ghế mây. Điền không biết giá. Nhưng Điền đoán chừng mua mới thì cũng đắt. Bây giờ, mỗi chiếc có khi tới ba bốn đồng. Ba bốn đồng một chiếc! Thế nghĩa là cả bộ đáng giá ngót hai chục bạc. Xóm Điền cũng chả nhà nào có những đồđạc đắt tiền như thế. Vợ Điền quý lắm. Thị rất xót xa khi thấy những ông khách cục súc, sau khi đã nắc nỏm khen bộ ghế vừa đẹp vừa thanh, liền đặt cái mông đít to bành bạnh như cái vại lên mặt ghế, khiến mấy sợi mây lún xuống, rồi co cả hai chân bẩn thỉu lên, ngả cái lưng to như lưng trâu tựa vào vành ghế, khiến cái vành

ghế phải oải hắn về đằng sau. Như thế phỏng còn gì là ghế? Có mà ghế sắt cũng phải hỏng, đừng nói gì ghế mây!... Một hôm thị bàn với chồng rằng:

- Này, cậu ạ! Người nhà quê họ vô ý lắm. Mình có của thì mình phải giữ gìn. Hay là ta đem cất những cái ghế mây đi, kẻo để ai vào cũng leo lên ngồi chồm chỗm, mấy chốc mà vứt đi?

Thoạt nghe, Điền phải bật cười. Điền nghĩ đến tính bủn xỉn của đàn bà. Họ may áo để cất đi. Và mua ghế để chẳng cho ai ngồi sốt. Điền đã toan phản đối. Nhưng nghĩ ngợi một giây, Điền lại bằng lòng. Vợ Điền thế nào chả hơn Điền trong cái môn lo liệu việc nhà? Vả bây giờ Điền chỉ là một kẻ ăn nhờ. Vợ Điền phải lo cho chồng từ năm xu húi cái đầu. Thị đã phải gánh lấy tất cả cái ách gia đình, thì cũng nên để cho thị có quyền trong gia đình một tý. Kẻo thị lại bảo: dẫu có hỏng cái gì, Điền cũng không phải bỏ tiền thay, nên điền không xót ruột... Từ hôm ấy, bốn cái ghế mây được treo lên bốn cái mỏ móc buộc ngoài đầu chái. Chỉ những khi có khách khứa nào sang trọng, Điền mới ra bê vào.

Nhưng những buổi tối có trăng thì dù chẳng có ai, Điền cũng khuân đủ bốn cái ghế ra sân. Rồi Điền gọi vợ, con ra. Vợ bế con nhỏ ngồi một chiếc. Con lớn một chiếc. Còn một chiếc Điền dùng mà gác chân. Họ ngồi ghế, đợi trăng lên. Nếu con nhỏ không khóc, con lớn không bắt gãi thì hạnh phúc thật hoàn toàn. Gió thổi tan những lo lắng, chua cay chất ở lòng. ánh trăng êm xoa nước mát lên da. Da mềm dịu. Những nét cau có chìm đi tất cả. Trán vợ Điền hóa phẳng phiu, mặt thị tươi hẳn. Thị trẻ ra mười tuổi. Những phút thảnh thơi ấy, sao mà thị hiền dịu thế! Đáng yêu đến thế! Điền không nhận ra một chút gì ở thị nó có dính dáng đến người đàn bà cau có vẫn ngoác mồm ra mắng con, mắng con ở, mắng mèo, mắng chó khiến nhà cứ om lên suốt ngày. Thị cúi xuống đứa con nhỏ, đồng thời ngước đôi mắt âu yếm nhìn con lớn. Đứa con lớn cười với thị. Thị cười với nó. Thị cười với chồng. Điền nhìn vợ, nhìn con, lòng sung sướng. Điền mỉm cười với giăng.

Điền rất yêu giăng. Cái ấy cũng là thường, bởi óc Điền đẫm văn thơ. Có đọc văn thơ, mới biết giăng là một cái đẹp và quý lắm. Giăng là cái liềm vàng giữa đống sao. Giăng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời.

Giăng tỏa mộng xuống trần gian. Giăng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngụp lặn. Trăng, ơi trăng! Cái vú mộng tròn đầy mà thi sĩ của muôn đời mon man! Điền không ân hận chút nào. Hai thân Điền bán cả ruộng, vườn đi để cho Điền đi học chẳng phí đâu. Đã đành các người chỉ có cái mục đích con làm nên ông phán, ông tham để ấm thân; các người hoàn toàn thất vọng khi thấy con leo cau đến tận buồng mà lại hỏng ăn. Điền tạng yếu quá, không được nhận vào công sở; và các người đã vội cho là tiền con đi học thật là tiền vất xuống sông. Nhưng Điền tin rằng: cái học thức của Điền tuy chẳng giúp Điền kiếm nổi miếng ăn, nhưng cũng có ích cho Điền nhiều lắm. Chỉ nói một cái nhờ nó mà Điền đọc nổi văn thơ, và nhờ văn thơ mà hiểu được cái đẹp của gió, của giăng. Và Điền rất phàn nàn cho những tâm hồn cằn cỗi như tâm hồn của vợ Điền. Đối với thị, giăng chỉ là ... đỡ tốn hai xu dầu! Dầu lạc lúc này mỗi chai lít hai đồng. Mới biết các nước đánh nhau cũng có thiệt cho con nhà nghèo thật. Mỗi tối, thị đốt đèn một lát. Nhưng một lát cũng đủ tốn hai xu rồi. Những tối có trăng đỡ tốn hai xu. Hai xu chẳng là bao nhưng mười cái hai xu đã được hai hào; mười cái hai hào đã được hai đồng bạc; và mười cái hai đồng bạc... chao ôi! Nếu cứ tính toán mãi thế, thì biết đến bao giờ cũng được? Sao thị lại cứ phải luôn luôn tính toán? Những kẻ chỉ suốt đời tính toán là những kẻ tự làm khổ thân suốt đời... Điền vẫn trách vợ Điền như thế đấy. Điền có ngờ đâu chính Điền cũng một tật. Và ngay lúc này đây, lúc ngồi ngắm trăng để tạm quên những cái lo nhỏ nhen của kiếp người, Điền cũng còn tính vẩn vơ. Điền thấy giời rộng quá và sao nhiều quá. Điền nhớ đến câu thơ của một thi sĩ Tây phương ví khoảng trời sao như một cánh đồng. Nếu trời là một cánh đồng thì cánh đồng ấy thật bao la. Và Điền chỉ cần được một mảnh bằng cái mảng ở sau nóc nhà Điền kia, cũng đủ cho Điền không còn phải lo sinh kế nữa. Điền sẽ trao cho vợ Điền cai quản. Còn Điền lúc ấy có thể rảnh rang theo đuổi cái mộng của Điền...

Đó là một cái mộng văn chương. Đã có một thời, Điền chăm chỉ đọc sách, viết văn. Điền nao nức muốn trở nên một văn sĩ. Điền sẽ nguyện cam chịu tất cả những thiếu thốn, đọa đày mà văn nhân nước mình phải chịu. Điền vẫn thường bảo với một người bạn cùng chí hướng: Điền sẵn lòng từ chối một chỗ làm kiếm mỗi tháng hàng trăm bạc, nếu có thể kiếm được năm đồng bạc về nghề văn... Nhưng viết luôn mấy năm trời, Điền chẳng kiếm được đồng nào. Trong khi ấy Điền vẫn phải ăn. Nhà Điền kiết xác xơ. Các

em Điền không được đi học. Mà cũng không được ăn no nữa. Sự túng thiếu đưa đến bao nhiêu là lục đục. Bố Điền bỏ nhà đi. Mẹ Điền gồng thuê, gánh mướn kiếm tiền nuôi hai đứa con thơ. Những đứa con lớn, đứa đi ở bế em, đứa đi ở chăn trâu, đứa đi xin những cái hoa chuối, những nắm khoai đội đi chợ xa bán để kiếm vài xu ăn cho khỏi chết. Điền thấy mình ích kỷ. Sự nghiệp mà làm gì nữa? Bổn phận Điền phải nghĩ đến gia đình. Điền phải gây dựng lại gia đình! Điền phải tạm quên cái mộng văn chương để kiếm tiền. Điền đi dạy học. Chao ôi! Dạy học lấy mỗi tháng có hai mươi đồng. Bà mẹ Điền tưởng thế đã là phong lưu lắm. Bà bắt Điền cưới vợ. Vợ Điền là một con nhà khá giả, lấy Điền vì Điền là người có học. Rồi Điền có con. Cái gia đình lớn của Điền đã chẳng được nhờ Điền, bây giờ lại thêm một gia đình con con nữa. Không một phút nào Điền không phải nghĩ đến tiền. óc Điền đầy những lo lắng nhỏ nhen. Một đôi khi chợt nhớ lại cái mộng xưa, Điền lại thở dài. Điền tự an ủi: Có tiền rồi sẽ viết. Nhưng Điền biết: chẳng bao giờ Điền viết nữa, bởi chắc chắn là suốt đời Điền cũng không có tiền...

Tối nay lại có giăng. Nhưng Điền chỉ đem có hai cái ghế ra sân. Vợ Điền hôm nay luật quật suốt cả ngày. Con ở xin đi ăn giỗ một hôm. Thị lại phải dệt vải lấy tấm vải để mai đi bán về đưa lãi nợ. Dệt xong thị vội vàng đi đòi món tiền. Về đến nhà, con bé khóc hết hơi. Con lớn thì lem luốc, mũi dãi nguệch ngoác bôi đầy mặt. Nhà cửa còn bề bộn. Con ở vẫn chưa về. Mình thị biết xoay sở làm sao kịp? Thị thấy lòng sôi lên sùng sục, thị giậm chân bành bạch kêu trời. Thị đánh con lớn, chửi con nhỏ, quăng cái chổi, đá cái thúng, và càu nhàu trống không. Rồi thị bế con đi nằm sớm. Đứa con lớn thút thít khóc chán cũng lăn ra ngủ.õ Mình Điền ngồi ngoài sân. Điền cố thản nhiên. Nhưng da mặt cứ rồm rộm; nó có vẻ dày lên và tê tê. Điền thấy gần như tủi cực. Vợ Điền có lẽ rất yêu Điền. Nhưng thị chỉ biết rằng người ta cần ăn cơm, mặc áo và uống thuốc khi đau ốm. Thị chỉ cố lo cho chồng ba thức ấy. Thị nhịn ăn để chồng ăn. Thị nhịn mặc cho cho chồng mặc. Thị bán đến cả yếm, áo để lo thuốc thang cho chồng. Thị tưởng thế là chồng sung sướng lắm. Nhưng không phải, Điền đã quen với những tình cảm nồng nàn và những lời nói vuốt ve. Nét mặt cau có, ngân ngữ cục cằn, và nhất là cái lối yêu quá đơn sơ - có thể nói thô sơ - của vợ Điền làm cho Điền khổ. Điền thấy cái đời tình cảm của Điền thiếu thốn. Điền không được yêu ai. Còn sống trong cái gia đình này mãi, giữa những

lo lắng nhỏ nhen này mãi, lòng Điền sẽ cạn. Cạn luôn cả nguồn thơ quý báu, mà Điền vẫn ao ước có ngày lại khơi... Trên kia, giăng nhởn nhơ như một cô gái non vừa mới có nhân tình. Gió nhẹ nhàng đặt trên lá những bước chân vũ nữ. Những tàu lá chuối láng trăng đưa đẩy... Điền nghĩ đến những người đàn bà nhàn hạ, vừa tắm bằng một thứ nước thơm tho, mặc áo lụa xanh, ngả tấm thân mềm trên chiếc ghế xích đu và đưa đẩy đôi chân thưỡn thẹo...

Tại sao Điền lại vụt nghĩ đến những hình ảnh lả lơi ấy? Chính Điền cũng không thể hiểu. Có lẽ Điền ước ao một cái mái tóc thơm tho, một làn da mát mịn, một bàn tay ve vuốt. Có những người đàn bà đẹp, yêu rất khéo, bởi họ được ăn ngon, mặc đẹp, chăm sóc thịt da và chẳng làm gì cả. Phải rồi, vợ Điền chỉ là một kẻ tục tằn. Thị chẳng đáng cho Điền yêu quý. Cũng chẳng đáng cho Điền thương hại. Điền phải đi. Đi để giữ cho lòng mình tươi lâu. Điền sẽ làm bất cứ cái gì đó để có ăn. Rồi Điền bình tĩnh viết. Có như vậy Điền viết mới ra hồn được. Lời phải đẹp. ý phải thanh cao. Ngọn bút của Điền mới khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng. Nghệ thuật chính là cái ánh trăng xanh huyền ảo nó làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa...

Điền lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những cái ghế xích-đu nhún nhảy... Những người ấy sẽ đọc văn Điền. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Điền. Họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tưởng tượng của Điền tỏa rộng ra như một ánh trăng. Điền nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương. Những tiếng gắt gỏng ở trong nhà lại đưa ra. Vụt cái, trăng mất đẹp. Điền cúi mặt, bẽn lẽn như bị bắt gặp làm việc xấu. Điền lắng tai nghe. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi:

- Làm sao thế?

Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại.

- Con đau bụng.

- Giời ơi là giời!

Ấy là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con:

- Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai?

Đứa con không dám khóc to. Nó chỉ oằn oại và rít nho nhỏ trong cổ họng. Thỉnh thoảng nó không còn sức nén, tiếng khóc bật ra Điền nghe một vài tiếng nức nở như tiếng người nôn oẹ, Điền vẫn ngồi cúi mặt. Một nỗi chua xót gần như là thuộc về thể chất, ứ lên trong lòng Điền. Nó dâng lên đến cổ, xông lên óc. Nước mắt Điền ứa ra.

Vợ Điền gượng nhẹ đặt đứa con đang ngủ mệt xuống võng. Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa õ quả chanh. Thứ thuốc bách bệnh của con nhà nghèo chỉ gồm có thế. Thị gạn lấy nước đem lại cho con. Con bé mới ngửi thấy hơi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dỗ thế nào nó cũng không chịu uống. Thị phải bế nó, đặt nằm ngửa trên đùi, một tay thị đỡ đầu, một tay thị kề chén nước gừng vào tận môi con. Con bé mím môi thật chặt. Bực mình thị quát:

- Há mồm ra!

Con bé khóc. Thế là cốc nước gừng đã dốc tuột vào mồm nó. Nó giãy lên như đỉa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước gừng bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình, khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát đen đét vào lưng con bé ốm và quăng nó xuống giường như quăng một con mèo:

- Kệ cha mày! Cho mày chết đi!

Con bé vừa gào vừa van lạy:

- Con lạy bu! Con cay lắm! Con lạy bu! Cay mồm...

- Mày câm ngay không tao tát cho vỡ mặt. Nó vẫn không chịu lặng. Thị sừng sộ, chực vồ lấy nó:

- Mày có câm không nào?

Nó sợ quá đành phải nín. Nhưng những tiếng rên nho nhỏ vẫn còn thoát ra... Điền thương con lắm. Vút cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ. Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quằn quại, nức nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nghiến răng và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lầm than?... Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn tránh sự thực, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh, khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...

... Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gắt gỏng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 439, ngày 14-11-1942

ĐÔI MÓNG GIÒ

Ngay cái tên cũng khó nghe rồi. Thà cứ là Kèo, là Cột, là Hạ, là Đông. Là gì cũng còn dễ nghe. Nhưng hắn ta lại là Trạch Văn Đoành. Nghe như súng thần công. Nó chọc vào lỗ tai.

Đã thế cái mặt hắn lại vênh vênh, ngậu xị thế nào…đôi lưỡng quyền nhô ra như gây sự với người ta. Hai má thóp vào để tiếp sức cho hai cái lưỡng quyền. Cái mũi bóp lại ở trên để cho dưới được banh ra. Nó phệ bụng ngồi trên một cái vành trăng khuyết màu đen giống như hai cái sừng trâu chắp liền lại với nhau: ấy là những cái ria ngoắt hẳn lên. Cái hàm răng vổ làm môi trật hẳn ra. Những cái răng dọa nạt ai; y như một con chó khi nó gừ gừ với một con chó khác. Nhưng tất cả những cái ấy còn có thể tha thứ được. Lỗi ở tay bà mụ nặn. Song những con mắt, những con mắt nó là tấm gương của linh hồn. mới đáng ghét vô cùng. Chúng chỉ bé thôi nhưng chúng lăn tăn, chúng lấp lánh như nhạo, như cười, như khinh khỉnh với người ta. Chúng chẳng nhìn xuống bao giờ. Chúng nhìn thẳng, chúng nhìn nghiêng. Cái nhìn tự đắc như cái nhìn của một kẻ có thể nhắc người ta lên như nhắc một cái lông. Ghét lắm!

Cái đầu Trạch Văn Đoành không húi như đầu của chúng ta. Một lối riêng. Hắn gọi là mốt tiền văn minh, hậu nhà sư. Đằng trước có mấy món tóc dài để chải lật lên. Đằng sau cạo nhẵn thin như quả bưởi. Cho nó sạch. Hắn tặc lưỡi và bảo thế những khi vui miệng. Bởi vì nếu hắn không vui miệng thì hắn không nói thế. Hắn không thích cắt nghĩa những việc làm của hắn. Ai nói gì, mặc họ. Hắn cứ làm theo ý hắn và không cần nói để tự bênh vực mình.

Ngay những cái ăn, cái mặt của hắn cũng khác người. Cái ăn bất tất nói làm gì. Người ta ăn ở trong nhà. Vậy thì ai muốn ăn thế nào tùy thích. Ông cũng vậy mà tôi cũng vậy. Ít ra chúng ta cũng có có một xó để tự do. Khi cửa nhà chúng ta khép kín. Ta có thể lố lăng mà không bận gì đến ai. Nhưng chúng ta mặc áo chỉnh tề để ra đường. Vậy thì quần ao sở dĩ có, một phần lớn không phải vì ta, mà lại vì những con mắt nhìn ta. Đã vì chúng, thì chiều chúng một tý kể cũng là phải lẽ. Muốn chiều chúng thật

nhiều thì cũng được. Trạch Văn Đoành không thế. Nghĩ đến cách mặc của hắn bao giờ người ta cũng nghĩ đến mùa đông. Bởi mùa đông mới thật có những người mặc chẳng vì ai, nhưng chỉ vì sự dễ chịu của mình. Đoành thuộc vào hạng ấy. Suốt một mùa, hắn chỉ mặc một cái ba-đơ-xuy sắc chó gio. Hắn mua hồi đi lính sang Tây. Có bảy mươi quan. Thế mà bền. Đến nay, tất cả, có đến ngót ba chục năm rồi đấy. Lần lót rách bươm tự bao giờ. Nhưng còn cái lần ngoài. Mặc nguyên nó cũng còn ấm bằng mười áo kép. Hắn mặc suốt ngày suốt đêm, khi ăn, khi ngủ, khi làm, khi chơi. Cái áo ba-đơ-xuy mất hết cúc rồi. Hắn đơm hai cái dải thật to hình cái bơi chèo. Những khi hắn đi cày, hai cái giải được bắt giao nhau để thắt lại ở sau lưng. Chặt chẽ và gọn gàng không kém một cái đai. Những lúc hắn đi chơi hoặc ra đình thì hai dải lại cởi ra buông xuôi cho lẩn vào hai mép áo trong. Hắn lại có vẻ ung dung lắm. Ai dám bảo cáo áo ba-đơ-xuy này là cái áo ba-đơ-xuy đi cày? Mà có bảo nữa thì đã sao?

Theo lời mấy ông già bà lão trong làng thì Trạch Văn Đoành là con một ông lão dở hơi. Lão đi câu. Được đồng nào, rượu tất. Bởi vì lão không có vợ, nghĩa là có nhưng vợ chết. Vợ lão để lại cho lão một thằng con trai. Nó giống cha, nghĩa là lớn lên cũng đi câu và cũng rượu bét nhè. Hai bố con ở với nhau trong một cái lều ở bờ sông. Mỗi buổi tối, những người phải đi qua, nghe thấy chúng cười như những thằng điên. Bởi chúng say. Mà khi người ta say, người ta quên cả những sự lầm than của kiếp người, nghĩa là người ta sướng lắm.

Nhưng một đêm mùa đông rét mướt kia, chẳng biết run rẩy thế nào, lão già ngã xuống sông và chết ở dưới sông. Cái xác trôi theo nước. Từ hôm ấy, trong cái lều nhỏ bên sông, người ta không nghe thấy những tiếng cười như điên nữa. Thằng con sinh ra buồn.

Hắn bỏ làng đi đó đi đây. Đi khắp nước Nam.

Rừng xanh, núi đỏ hắn cũng không biết sợ. Hắn sang cả Lào, sang cả Cao Miên. Rồi sang cả nước Xiêm. Những nước ấy cũng gần. Hắn muốn đi một chuyến xa xa. Một hôm hắn xin đi lính chào mào để sang Tây. Năm ấy là năm "min-nớp xăng cát-tó".

Đình chiến rồi, người ta lại đưa hắn xuống tàu về nước. Hắn lành mạnh như xưa. Bom đạn không làm hắn xước da. Một hôm người bạn ắc-ê của hắn trước kia vốn là một nhà nho, kể cho hắn nghe tích Trình Giảo Kim ở đời Đường. Anh chàng lỗ mãng này mấy mươi lần tính chết mà đều chết hụt. Hắn cười khanh khách, bởi hắn thấy hắn giống anh chàng ấy. Hình như hắn không thể nào chết được. Hắn bắt đầu tin ở cung mệnh hắn. Cái cung mệnh của hắn là tốt lắm, ấy thế là hắn cứ bừa. Chẳng cần gì ai.

Hắn về làng với một con vợ theo, rất nhiều tiền (hồi ấy bạc trăm đã là to) và phẩm hàm. Hắn bỏ tiền ra, mở bòn, mổ lợn làm khao. Làng đến ăn rồi làng gọi hắn là ông. Một thằng bạch đinh, con một lão đi câu chết mất xác dưới sông, bỏ làng đi chán đi chê, rồi đột nhiên trở về nhảy tót lên bao lan ngồi làm một ông kì mục. Thế thì ai chẳng tức? Ai ở đây là những ông kỳ mục bỗng bị hắn đè đầu đè cổ. Đó chỉ là một lối nói, thực ra thì các ông chỉ phải nhường hắn ngồi chiếu trên. Nhường một thằng không chôn nổi bố ngồi chiếu trên. Như vậy thì nhục quá. Các ông không chịu được. Các ông về hùa với nhau để chành chẽ hắn, để động hắn mở miệng ra là chèn. Hắn đã khổ với các ông khá nhiều. Hơi thấy bóng hắn ra đình là các ông nói móc ngay. Các ông bình phẩm từ cái đầu của hắn rũ rượi như đầu đứa chết trôi (ấy là các ông móc đến cái chết của bố hắn), đến cái áo ba-đơ-xuy của hắn tã như cái áo thằng đánh giậm (ấy là các ông móc đến cái nghề đi câu). Các ông nói cạnh cả đến hàm răng của hắn, cái bộ ria của hắn, cái mặt vác lên trời của hắn. Nhưng vốn bướng bỉnh, hắn không lấy thế làm nao núng. Hắn chỉ mỉm cười chế nhạo hay khinh bỉ. Đôi mắt soi mói của hắn không thèm soi mói đến cái mũi, cái mồm hay cái áo the có mùa chua của các ông. Hắn ngấm ngầm theo dõi đến những việc của các ông làm ám muội. Một hôm, đùng một cái, hắn đưa bốn ông lên huyện vì việc bao chiếm công điền. Đùng một cái nữa, hắn đưa mấy ông khác lên huyện vì việc làm tiêu công quỹ. Rồi đùng một cái nữa…, và cái nữa... và cái nữa. Luôn năm sáu cái đùng như vậy hắn làm các ông liểng xiểng. Bởi tội của các ông nhiều như lá trên rừng. Con em chúng nó mù, nhưng hắn không mù. Hắn bới ra từng tội một, và nhất định sẽ bới ra đến hết. Các ông đâm hoảng. Các ông đành phải dàn với hắn. Các ông đấm mõm hắn một vài mối lợi. Hắn không thèm nhận, bởi hắn thừa biết nuốt vào thì há miệng mắc quai. Nhưng hắn bằng lòng thôi không kiện nữa. Các ông bắt đầu sợ hắn mà hắn cũng bắt

đều khinh nhờn các ông. Hắn coi các ông như những đồ trẻ con. Để những khi say rượu đùa…

Năm ngoái làng vào đám. Hôm giã đám, có mổ một con lợn tế thần rồi đồng dân hội ẩm. Đồng dân đây có nghĩa là các cụ. Bởi nếu trai em cũng thấy có hứng muốn cùng nhau hội ẩm thì đã có các hàng rượu dựng chung quanh đình.

Lúc tế, ông Cửu Đoành còn ngủ ở nhà. Ông ấy không biết tế, và cũng không nỡ cởi cái áo ba-đơ-xuy ra để khoác cái áo thụng xanh vào mà tế. Các cụ miễn đi cho ông vậy! Điều ấy thì ông không phải nài: các cụ chẳng mong gì có ông; ông cứ ở nhà đến hết đám cho quan viên mừng!

Nhưng ông không ở nhà. Tế xong người ta thấy ông hai tay thọc vào trong túi áo ba-đơ-xuy sắc chó gio, vênh vênh cái mặt lên trời đi ra đình. Trông từ đằng xa đã ghét rồi! Nhưng không thể đuổi ông về, các cụ đành cố tươi cười chào mời ông vồn vã:

- Kìa! Ông Cửu!... Mời ông vào trong này. Chúng tôi ngồi đợi mãi. Mời ông ngồi thưởng trống.

Ông xua xua cái tay trong túi áo. Cái áo thùng thình làm hai cái dải bơi chèo thỉnh thoảng lại thè lè ra. Ấy là ông từ chối…

- Mời các cụ, mời các cụ….Các cụ cho mặc ý. Con nhà binh, thích chạy nhảy hơn tĩnh tọa.

Ông nháy mắt người ta mấy cái, một ông ra ý hiểu:

- Vâng! Tôi biết!... Tính ông Cửu nhà tôi nhân lão nhưng tâm bất lão? Ông còn muốn đi nhìn con gái làng.

- Bẩm vâng!

Nhưng ông Cửu không đi nhìn con gái làng. Ông đứng chỗ này một lát, đứng chỗ kia một lát. Rồi ông đến chỗ hai bàn làm cỗ và đứng xem. Ông xem, rồi bàn tán, rồi chia cỗ hộ. Ông nhắc cỗ trên bù cỗ dưới, vặt đống nọ,

bỏ đống kia. Thấy ông lanh chanh như vậy người ta cười thầm ông. Làm cỗ là việc của hai bàn. Việc của ông không ở đây. Mân mó vào làm gì cho bẩn tay?

Một thoáng sau là đã lại thấy ông đang nói gì toang toáng ở gốc đa. Rồi một thoáng sau lại thấy ông cười hô hố giữa một đám trẻ con xúm xít xem ống nhòm. Nhưng hai bàn đã bưng mâm. Các cụ sai một ông phó đi tìm ông Cửu. Bấy giờ ông Cửu mới lẹt đẹt kéo lê đôi giày đi vào đình. Trong đình huyên náo lắm. Các cụ đang hạch hai bàn làm sao lại thiếu hai cái móng giò? Móng giò có bốn ông to nhất. Lệ làng từ cổ đến giờ vẫn thế. Tuy trong số bốn ông to nhất chẳng ông nào còn khỏe răng để có thể gặm nổi cái móng giò nhưng cũng chẳng ông nào chịu mất. Một miếng giữa làng…Đừng có tưởng…Bây giờ còn có hai cái, thì ông nào ăn ông nào đừng?... Các cụ quát hai bàn như vậy. Và hai bàn xanh mắt. Họ cãi nhau chí chóe. Anh nọ rằng anh kia để mất. Anh nào, mặc! Cứ biết là hai bàn sơ ý là hai bàn phải bắt mua can rượu tạ!... Ông Cửu Đoành không nói gì. Ông chỉ cười. Bởi ông đã đi nhiều, từng trải nhiều nên thấy nhiều cái to tát hơn cái móng giò nhiều lắm. Hai cái móng giò không đáng kể. Ra quái gì mà ngậu lên!

Các cụ uống rượu cũng xong rồi, hai bàn đã giải mâm. Lại hát nhà tơ. Ông Cửu ngồi thưởng trống. Ông bảo đào, bảo kép:

- Hát cho thật hay vào mới được. Tôi nghe hát, nếu vừa ý, bao giờ cũng có thưởng.

Cô đầu tủm tỉm cười:

- Bẩm vâng!

Hai đầu rượu tưởng ông Cửu sộp, đến kèm sẵn hai bên…Khúc hát xong kép buông đàn, đào buông phách. Ông Cửu đứng lên để thọc hai tay vào túi áo ba-đơ-xuy màu chó gio. Ông bảo:

- Tớ đã hứa tất cả là phải có. Nhưng tiền thì thật hết. Tớ đãi cho cái này, có lẽ còn quý hơn tiền nhiều…

Ông rút một tay áo ra, quẳng một cái móng giò cho anh kép. Ông rút nốt tay kia ra, quẳng một cái móng giò nữa cho cô đào. Rồi ông quay lại:

- Chào các cụ! Tôi xin vô phép!...

Ông lẹp kẹp kéo lê đôi giày qua bọn trai em, hoan hô ông bằng những tiếng cười nổ như xe phành phành.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 442, ngày 5-12-1942

TRẺ CON KHÔNG ĐƯỢC ĂN THỊT CHÓ

Hắn hút hết điếu này là điếu thứ ba. Ba điếu thông luôn. Cái thuốc lào, hút vào một buổi sáng lành lạnh như buổi sáng hôm nay, sao mà ngon thế! Khói đậm đà như vị mật, thấm qua lưỡi để pha vào với máu, lan đi từng thớ thịt, làm da thịt đê mê. Đôi mắt hắn gà gà; hơi thở phì phò như ống bễ lò rèn; những ngón tay lờ rờ trên không khí mơn man một dáng hình tưởng tượng. Như thế trong vài ba phút. Rồi cơn say lại nhạt. Nhưng thú vị chính là ở chỗ đó. Những cơn say, nếu kéo dài ra tất thành nôn nao. Người ta đâm chúi đầu vào bức vách hoặc xỉu dãi ra như một con chó trước khi hóa dại! Còn cái gì thô tục bằng? Đằng này những cơn say rất chóng qua. Người hút, vừa hút xong, đã lại muốn hút luôn điếu nữa. Hút bằng nào cũng không biết chán. Hút đi, hút lại mà vẫn còn thấy ngon….

Cái điếu là một vật vô tri mà dường như cũng biết nhịn đời. Vốn dĩ xưa nay nó là một cái điếu rất tồi. Hút không kêu. Nó chỉ xìn xịt như tiếng một vật gì bị ẩm. Nghe chán lắm. Thế mà hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, nó lại kêu. Những tiếng nổ tanh tách nảy lên trên không khí khô nỏ và trong veo của mùa thu như một chuỗi cười giòn. À, thì ra cái điếu hình như cũng có hồn. Vào một buổi sáng mát mẻ như buổi sáng hôm nay, tự nhiên nó hết ươn ao, và thấy cần phải ầm ĩ thì mới khoái. Người cũng vậy. Hắn thấy lúc này mà phải bó gối ngồi nhà thì cái đời thật khổ. Ấy thế là hắn càu nhàu chửi tục. Hắn chửi những quân hàng bưởi không chịu đến mua cây bưởi đào nhà hắn để hắn có dăm đồng bạc tiêu. Năm đồng bạc….Mắt hắn sáng hẳn lên một chút. Chúng có vẻ vừa trông thấy con chó thiu béo căng và vàng óng treo lủng lẳng bên trên cái trõng hàng nhà mụ Tam. Nước dãi tứa ra đầy miệng hắn, một hơi rượu rất mong manh thoáng qua mũi hắn rồi vụt biến. Chà! Chà! Hôm nay mát trời lắm nhỉ? Rượu với thịt chó mà lại gặp khi trời mát thì ngon biết chừng nào là ngon! Hắn nuốt nước dãi, ba lượt. Rồi hắn lại nhịt thuốc vào nõ điếu, châm đóm hút thêm điếu nữa. Cái điếu vẫn kêu tanh tách. Nhưng khói thuốc bây giờ sao nhạt thế! Khi đang hút thì nó nhạt như nước lã, mà hút xong thì lại hơi đắng miệng. Hắn nhổ bọt vào chân cột rồi vừa chép chép môi vừa hếch mặt nhìn lên nóc nhà. Rượu..thịt chó…rượu…thịt chó…óc hắn cứ luẩn quẩn nghĩ đến hai thứ ấy. Sắc vàng bóng của một cái mông chó thui nhầy nhẫy mỡ với sắc xanh nhạt

của một chai Văn – điển đầy ăm ắp cứ lần lượt hiện ra. Ờ! Ờ! Mát trời thế này mà được uống rượu thì tuyệt quá! Nhưng đào đâu ra tiền? Ấy thế là hắn lại chửi những quân hàng bưởi. Rồi nhân tiện, hắn chửi luôn vợ hắn: cái "con mèo mù" đà dẫn mãi, bưởi chín đã gần muốn rụng mà vẫn chưa chịu rước người vào mua. Chửi chán, hắn tặc lưỡi một cái để bảo hắn rằng: không chửi nữa. Hắn quăng mạnh hai chân xuống đất để đứng lên và ra đi. Hắn đi cúi mặt, bước những bước mải miết và cả quyết. Người ta tưởng như hắn đã định sẵn một nơi nào để đến. Nhưng không phải. Đến đầu ngõ, hắn tần ngần đứng lại. Bởi đến đầu ngõ hắn gặp một con đường hai ngả. Biết đi ngả dưới hay ngả trên? Đi ngả dưới tức là đến nhà con mẹ Vụ để gạ bán non cho nó mươi gốc chuối. Nhưng con mẹ Vụ sẽ nhớ ra rằng: đã có lần hắn bán cho thị mười gốc chuối lấy hai đồng bạc đi xóc đĩa rồi lại bán lại lần nữa cho người khác lấy ngót hai đồng bạc. Giá mỗi cây chuối cố sinh ra lấy hai buồng, thì hắn không đến nỗi là con người lật lọng đâu. Nhưng cái giống chuối, mỗi cây chỉ sinh được một buồng. Vậy thì hắn đích thực là một con người hay lật lọng.

Chậc! Ừ thì hắn là người lật lọng, như vậy thì đã sao? Không sao cả. Bởi ai đã chửi hắn luôn ba hôm mới biết rằng chửi hắn vô ích thật. Chửi hắn thì mỏi miệng. Nhưng nên buộc chỉ cổ tay để nhớ cho thật kỹ: từ giờ đừng bao giờ dại dột tham lợi mà mua chuối non cho hắn một lần thứ hai. Con mẹ Vụ sẽ không mua chuối non cho hắn một lần thứ hai. Không những thế. Rất có thể, nó sẽ xỉa xói và mắng vào mặt hắn cho đến nhục. Vậy thì cái ngả dưới rành rành là bất lợi. Hắn quay mặt về ngả trên. Thế nghĩa là cứ đến thẳng hàng thịt chó nhà mụ Tam. Nhưng mụ Tam vốn không ưa bán chịu. Mà hắn thì lại đã chịu của mụ luôn ba bữa, chưa đào đâu ra tiền trả. Cái mặt mụ chắc là sẽ không được tươi tỉnh lắm. Mụ sẽ vác nó lên. Mụ sẽ nhìn cái tổ chim vô hình trên lưng chừng một cây tre ở trước cửa hàng nhà mụ, chứ không thèm nhìn hắn. Nếu hắn cố lài nhài lắm, thì mụ sẽ hướng đôi môi lên phía trời xanh mà bảo hắn: trả nợ cũ đi đã rồi hãy ăn. Như vậy thì cũng nhục. Hắn dùng dằng không nỡ bước. Trong khi ấy thì nước dãi từ từ dâng lên miệng hắn. Rượu…thịt chó!... Rượu…thịt chó!..Trước mắt hắn lập lòe hai sắc: vàng bóng và xanh nhợt. Hắn nuốt dãi kêu ừng ực. Rồi hắn tặc lưỡi một cái để ra hiệu cho hắn đừng do dự nữa. Việc gì mà do dự? Thịt chó của mụ Tam để bán, chứ không phải để cho ôi thối. Còn hắn muốn ăn thì phải mua. Không có tiền thì mua chịu. Trời sinh ra thế. Dẫu rằng mụ

Tam không ưa bán chịu thì hắn cũng đã chịu luôn được ba bữa. Hắn bước nhanh nhẹn và vui vẻ. Y như một ông phó mới đi đến một đám mời ăn khao.

Nhưng gần đến hàng nhà mụ Tam, hắn nghe tiếng mụ Tam the thé. Đích là mụ vừa xoắn được một kẻ ăn hàng chịu mất mặt mũi, bây giờ mới thấy. Đen đủi thực. Hắn tần ngần đứng lại. Để nghe ngóng xem sao đã! Chà cái con mụ la sát này thật là chua ngoa. Nó bảo người kia: ăn mà không muốn trả thì ăn này, ăn nọ cho con nó. Miếng ăn là miếng nhục. Thế này thì khó lòng mà nuốt cho trôi được. Hắn thở dài một tiếng quay trở về…Bây giờ thì những bước đi thẫn thờ hơn. Hắn thấy người mỏi mệt, chân tay rời rã. Đúng là một anh nghiện đến bữa chưa được hút, thỉnh thoảng hắn lại đưa tay che miệng ngáp thật to, như một con trâu nghé ngọ, nước mắt ứa ra ròng ọng. Khỏi một rặng tre cao, đến cánh đồng, nắng bừng lên. Nắng mùa thu dìu dịu. Trời thì đẹp, cánh đồng lúa mởn tươi, ru gờn gợn như một làn da quen ủ kín, đột nhiên phơi ra gió lạnh. Phong cảnh quyến rũ như một nhan sắc hoàn toàn nảy nở. Chao ôi! Giá hắn không bận nghĩ đến rượu và thịt chó! Giá hắn không khổ sở vì một cái dạ dày ưa đòi hỏi thì hắn đã sung sướng lắm. Nhưng hắn lại thèm rượu và thịt chó mà lại không được uống rượu, ăn thịt chó. Bởi vậy hắn cho là đời thật đáng buồn. Kiếp người nản lắm. Trời thì cay nghiệt như một bà già thiếu ăn ngay từ lúc còn thơ. Mà cái nắng hanh hao của mùa thu vô cùng khó chịu. Đầu hắn nghoẹo xuống vai. Đôi mắt hắn lim dim. Hắn có vẻ vừa đi vừa ngủ. Hắn đã gần ngủ thật thì một việc bỗng làm hắn đột nhiên tỉnh người.

Ấy là lúc hắn lò dò về đến sân. Hắn đang đi bỗng giật mình. Một con chó đang thiu thiu trong một bụi dong ở đầu sân nhảy choàng ra. Một tí nữa thì nó đớp vào chân hắn, hắn nhẩy cẫng lên một cái. Và hắn sực nhớ ra rằng: nhà hắn có một con chó vện, con chó vện ấy hay trông gà hóa cuốc, nên lắm khi chực đớp cả chân người nhà. Đó là một cái tật không thể tha thứ được. Bởi không ai nuôi chó để nó cắn què chân bao giờ. Ờ, mà lại còn điều này nữa: nuôi mèo hay nuôi chó thì cũng phải tùy gia cảnh; nhà giàu nuôi là phải, bởi nhà giàu sợ trộm mà lại nhiều cơm hớt; còn nghèo rớt mùng tơi như nhà hắn, nuôi làm gì? Giá thử nhà còn trẻ nhỏ, thì nuôi chó cũng còn được việc. Nhưng nhà không còn trẻ nhỏ. Thằng cu con đã lên ba. Nó đã có thể ra vườn được. Hạt gạo năm nay khó chuốc như hạt ngọc. Đến

bữa ăn phải tính đầu để chia cơm. Cứ tình hình ấy thì phải dở đời lắm lắm mới nuôi một con chó để chẳng có việc gì cho nó làm…Thế là đủ lắm. Hắn sung sướng vì đã nghĩ ra điều ấy. Hắn gật đầu luôn mấy cái. Rồi hắn đưa mắt nhìn trộm con chó vện. Con chó vện đã lại nằm thiu thiu bên một gốc chuối. Quả thật, nó đã đến ngày tận số. Hắn đi tìm cái thúng. Hắn rón rén đi vòng lại phía đằng sau đuôi con chó…ạp! Con chó giật mình đến thót. Nỗi nguy chụp xuống. Nọ bị thu gọn trong cái thúng, không còn chỗ mà giãy giụa. Trong khi ấy, thằng người kêu rối rít:

- Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Tao úp được con chó rồi.

Lũ trẻ con đang nghịch đất, quăng cả những cái bẹ mèo chuối đi, xô đẩy nhau ngã kêu chí chóe, và vừa chạy về vừa reo lên:

- Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Thầy úp được con chó rồi!... A ha!

Người cha bảo:

- Chúng mày xúm lại cả đây, đè chặt lấy. Đè thật chặt.

Con Gái, và cu Nhớn, cu Nhỡ, cu Con xúm lại; đứa tì tay, đứa tì chân, đứa ngồi cả lên trôn thúng. Người bố đi tìm gậy để ngáng lên cổ chó mà nhận xuống. Lũ trẻ bắt đầu bàn tán:

- Thầy giết chó, nhỉ?

- Ừ, thầy giết chó để làm thịt chén.

- Thích nhỉ, cu Con nhỉ?

- Thầy cho cả chúng ta ăn thịt chó nhỉ?

- Tao cũng ăn thịt chó.

- Ừ, thầy cho cả mày, cả tao.

- Cả chị Gái…

- Chúng mày có im cả không, chó ra bây giờ thì mất ăn.

*****

Người đàn bà ở chợ về. Thị tủm tỉm cười. Thị cười vì nghĩ đến đàn con. Hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, thị đã mua cho chúng những bốn cây mía lách. Những ba trinh kia đấy, như thế kể đã là nhiều lắm. Cả đội hàng của thị đem đi buổi sáng, bán được vừa sáu xu. Vì đâu lại có sự hoang phí ấy? Có lẽ bởi hôm nay trời mát. Có lẽ bởi thị thương hại thằng cu Con. Mỗi lần mẹ về chợ, cứ nghe tiếng các anh reo là thằng cu Con lại thét lên. Hình như nó sợ các anh chạy ra trước nó. Có khi nó khóc. Có khi mải mốt quá, nó ngã lộn tùng phèo từ trên hè xuống sàn. Ấy thế mà mười lần thì đến chín, mẹ nó chỉ chìa cho nó bàn tay không. Người đàn bà, nghĩ đến cái bộ mặt tiu nghỉu của con lúc nào, rỏ nước mắt ra lúc ấy. Trông thương đứt ruột. Nhưng biết làm sao được? Bà đã dành quà của nó, chỉ một đồng trinh là đủ. Nhưng không thể đong một hào chín xu rưỡi gạo. Mà cái ngữ tiêu trong nhà thị, mỗi ngày không thể không quá hai đồng hào. Vậy có thương con thì để bụng. Còn cái sự mua quà thật khó lòng thay! Nhưng thời tiết có ảnh hưởng đến người ta rất lạ lùng! Hôm nay người mẹ đáng thương kia thấy dễ chịu trong người. Khí nóng nặng nề của mùa hạ đã tan rồi. Cái rét sắc như dao của mùa đông chưa tới. Trời xanh ngắt. Nắng êm êm. Gió phơi phới trên da, cho người ta cái cảm giác nhẹ nhõm sau khi tắm. Tạo vật hiền hòa lắm. Tạo vật không đè nén và dọa nạt. Người ta tin tưởng vào đời hơn. Người mẹ nghĩ rằng: mát mẻ thế này thì làm việc là một trò chơi. Rồi thị lại nghĩ rằng: nếu mía lách đem đi chợ mà không có người mua thì chẳng ai đem đến chợ. Ấy thế là thị đành liều bỏ ra xu rưỡi và chọn lấy bốn cây vừa ngon vừa dài. Chọn xong, thị cũng thấy tiếc tiền. Và trên đường về, thị còn luẩn quẩn nghĩ đến xu rưỡi mãi. Nhưng thị lại nghĩ đến thằng cu Con, đến lúc nó sẽ bíu chặt lấy mấy cây mía lách mà cười nấc lên. Vậy thì thị cũng chẳng nên tiếc nữa. Có mất đâu mà tiếc? Con thị nó sẽ ăn vào miệng.

Về đến nhà, thị cảm động quá, hơi run. Môi thị tự nhiên mỉm cười. Nhưng chẳng có đứa nào reo. Chẳng đứa nào trông thấy mẹ. Chúng nó đi đâu cả? Thị vừa gọi vừa hốt hoảng chạy ra ngoài bờ ao. À, hú vía…chúng nó đây cả rồi. Nhưng làm gì mà dao, mà thớt bừa bộn thế?

Thị hơi sửng sốt vì bố chúng nó đang thả một con chó thui xuống nước và cầm một cái búi rơm kì cọ. Sao lại có sự long trọng ấy? Thị đã toan hỏi nhưng lại nín vì lại có cả mấy người anh em bạn chồng. À, phải rồi..có lẽ hôm nay là ngày giỗ ông nào, bà nào đây. Thị ngây mặt ra, cố nhớ…Giỗ chạp gì hôm nay? Lửa giận chợt bốc lên ngùn ngụt. Thị thâm tím mặt. Thị biết chẳng phải giỗ chạp gì cả. Và có giỗ chạp thì cũng chẳng cần giết chó. Xưa nay có bao giờ phải giết chó mới làm giỗ được? Nhà nghèo, chỉ bát cơm, bát canh, thượng số vài ba hào chỉ là đủ lắm. Gọi là có nhớ đến ông bà tiên tổ cho khỏi tội. Làm gì mà phải linh đình thế? Khốn nạn! Khốn nạn cho thị lắm! Cái số thị chẳng ra gì nên mới vớ phải một thằng chồng không biết lo, biết nghĩ, chỉ thích ăn, thích uống. Con chó to bằng ấy, lúc này bán đâu không nổi ba đồng bạc? Cả nhà ăn gạo hàng nửa tháng. Ấy thế mà cái môi nó vừa máy lên một cái, nó đã phải đè ra mà giết ngay. Ăn hoang, phá hoại. Ăn uống thế, có khác gì ăn thịt con không, hả trời? Thị nghẹn ngào cả cổ. Thị muốn gào thật lớn. Nhưng còn vướng mấy người bạn đấy. Thôi cũng đành cắn răng chạy về nhà bình bịch. Thị quăng thị xuống cái phản gỗ sung đến phịch. Chao ôi là chán nản, thị thấy một nỗi chán nản rời rã xâm lấn người…

Một lúc thật lâu, anh chồng về. Anh vừa lau tay vào vạt áo, vừa tươi cười hỏi:

- Nhà còn gạo không?

- Làm gì mà còn gạo!

- Thế thì làm sao được?

- Muốn làm sao thì làm!

Anh bẽ mặt lắm. Giá phải lúc khác thì anh đã cho cái tát. Nhưng lúc này làm thế có khác gì đuổi bạn. Vả lại chị vợ đang tức tối. Đánh thị, chắc thị sẽ gào lên đến bảy làng nghe thấy. Còn ra quái gì! Anh cũng đành cười gượng mà nịnh nọt cho xong chuyện….

- Bu mày chịu khó đi đong chịu vậy?

- Tôi không rỗi!

Hắn đã lộn tiết lên r ồi, không còn nhịn được. Mắt hắn trợn lên. Hắn gườm gườm nhìn vợ một giây, r ồi học hặc:

- Cái giống nhà mày khó bảo!

Mắt người vợ đã rân rấn nước. Hắn biết là hắn thắng. Chỉ c ần khéo léo hơn một chút. Hắn lại xoay ra đấu dịu:

- Cái thứ người đâu mà ngang như cua vậy! Phải biết: tao muốn mất ti ền làm gì chứ? Nhưng chết cái ăn của người ta mãi, chẳng lẽ không mời lại người ta một bữa thì cái mặt mình còn ra mặt gì? Nhân tiện con chó nó ăn phải bả hay sao chẳng biết, sáng hôm nay cứ rú lên r ồi giãy chết…

À, ra thế…thị hơi nguôi lòng một chút. Thật ra thì thị biết không nguôi, không được. Nó cục như chó vậy. Ương với nó, nó thượng cẳng chân, hạ cẳng tay là thường. Thiệt thân, mà kết cục cũng vẫn phải đủ gạo cho nó thổi. Thị đứng lên, vừa nguýt hắn vừa lạu bạu:

- Đong mấy hào?

Thế là hắn lại đổi mặt ra tươi cười:

- Thì bu mày liệu đấy. Có ba người khách với tôi là bốn. Với lại mẹ con nhà mày nữa.

- Mẹ con chúng tôi thì nhịn. Đong chịu chỉ có thể đong đến năm hào là hết đất. Ai bán cho mình hơn?

- Ừ thì đong năm hào. Với lại bảo con mẹ Xuyên bán chịu cho tao chai rượu nữa. Mà c ầm cái chai nước mắm đi, mua chịu cho tao một hào.

Bao nhiêu là thứ! Thị rên lên như một người mất cướp. Nhưng nó đã muốn chết thì mặc nó. Thị cứ mua cho nó. R ồi bán gì đi mà trả nợ thì cứ bán. Còn thì ăn, hết thì nhịn. Bố ăn lắm thì con chết đói. Cùng lắm thì b ồng bế nhau đi ăn mày…Thị vừa thở dài vừa đi.

Bây giờ thị mọi thức đã xong rồi. Con chó hơi gầy. Nhưng gầy thì cũng cũng tốt. Hai bát tiết canh đông lắm. Ấy là cái điềm lành báo rằng cuộc vui vẻ hoàn toàn. Những miếng thịt ngon thái tái hộn ngay vào hai cái bát chậu thật to cho khỏi lôi thôi. Vẽ vời đơm vào đĩa hẳn hoi thì biết bằng nào đĩa cho nó xuể? Nồi xáo bốc hơi thơm lựng. Chẳng cần múc làm gì cho rếch bát. Sau khi đã hỏi qua ý khách, chủ nhà định bê cả nồi lên để lúc nào ăn cơm hay múc ra. Múc ngay vào những bát bây giờ còn đựng tái. Như vậy, tiện. Chỉ có hai cái bát mà đủ cả. Ăn hết rồi lại múc. Ăn thịt chứ có phải ăn bát đâu mà cần…hắn lảm nhảm bênh vực cho cái dự định của hắn như thế mãi, tuy chẳng ai phản đối. Họ cũng thừa biết cả cửa nhà cơ nghiệp nhà hắn chỉ có hai cái bát chậu ấy thôi. Nhưng có gì. Miễn là được uống rượu sớm hơn một chút. Anh nào anh ấy đói ngấu. Mà cái mùi thịt chó bốc lên thơm vô cùng. Bao nhiêu là nước răng!

Chủ nhân, sau một cái liếm môi rất nhẹn, hất hàm hỏi khách:

- Xong rồi chứ?

- Xong!

- Bưng mâm nhé?

- Ừ, làm thì làm!

- Nào, bưng mâm!...

Hắn dang hai chân, khuỳnh hai cánh tay và thè lè cái lưỡi ra như một con chó vào mùa nắng. Trông như hắn muốn vồ một cái cối đá nhất chứ không phải để bưng một cái mâm bằng gỗ. Nhưng thật ra đó chỉ là một cử chỉ trịnh trọng và sung sướng. Bính Hựu giơ bàn tay trái lên làm trống khẩu, dùng ngón trỏ tay khi làm dùi ưỡn ngực ra, vừa gõ vừa kêu:

- Tung! Tung!... Tung!

Ấy là cái hiệu trống để cho phu nhắc kiệu lên vai. Chủ nhà ý tứ nâng cái mâm thịt chó lên ngang mặt….

- Tung! Tung!

Thế nghĩa là: Đi! Đi! Và chúng đi. Lũ trẻ, thấy người lớn cũng làm trò như chúng, thích chí cười sằng sặc. Chúng ào ào tuôn vào nhà trước, như đàn ruồi. Cu Nhỡ ngồi lên phản ngồi xếp bằng sẵn. Cu Con trèo không kịp, khóc òa lên. Nhưng người bố trợn mắt thật to và quát:

- Những thằng này hỗn! Chỗ chúng mày ngồi đấy à?

Cu Nhỡ cười như mếu, vội vàng tụt xuống. Cu Nhớn lấy thế làm khoái lắm. Nó vừa kêu lêu lêu em, vừa nhạo:

- Xấu! Không ngồi đấy đi!.... Xấu! Không ngồi đấy đi!...

Nhưng nó cũng cụt hứng ngay. Bố quay lại quát nó:

- Còn mày nữa! Không xách thằng cu Con đi à? Đưa nhau xuống bếp, rồi ăn cơm.

Khi cả ba đứa trẻ đã lụt cụt chạy ra rồi, hắn mới đặt mâm xuống phản, nháy mắt và xếch môi lên để làm cái điệu bộ cười, rồi toang toang bảo như một kẻ cả vẫn đi ăn, đi họp:

- Láo toét! Chỗ này là chỗ quan viên uống rượu. Có phải không, các cụ?

Nhiêu Cừ bẹp mồm ra:

- Bẩm cụ Bá dạy thế thật là chí lý.

- Ồ! Có chăng thì thế chứ!.... Vậy mời quan viên nào!

Ba ông khách ngồi. Chủ nhân chắp hai tay trước ngực rồi lại đưa tay phải lên đầu gãi, lầm rầm như khấn ông vải về ăn cỗ:

- Bẩm các cụ, chẳng mấy khi các cụ có lòng chiếu cố đến chơi nhà chúng cháu…Gọi là có chén rượu nhạt, xin rước các cụ cứ thật thà đi cho.

- Ờ!

Nghe tiếng "ờ" rất sang rung lên trong cái cổ họng của binh Hựu bắt chước giọng ông chánh Ngạc, cả bốn anh cùng cười. Chủ nhân rót rượu ra hai cái bát. Hai người uống chung một bát. Chúng bắt đầu ăn, uống, tranh nhau nói và cười rung cả mái nhà.

Người mẹ rất cõm cõi và bốn đứa con gày ốm quây quần với nhau trong xó bếp. Trong gia đình này, năm mẹ con thường giống như một bọn dân hèn yếu cùng chung phận con sâu, cái kiến dưới cái ách một ông bạo chúa.

Thấy lũ con đứa nào cũng nhăn nhăn, nhó nhó, người mẹ thương đứt ruột. Thị biết rằng chúng đói. Khi người ta đã đói mà lại ngửi thấy mùi thịt chó thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố với ba ông khách cứ kéo dài ra mãi. Nghĩ mà bực quá! Cái thể không chết được, chứ nếu giá được chết thì thị chỉ thắt cổ mà chết đi cho rồi….Thị dỗ con:

- Cố mà nhịn lúc nữa, các con ạ! Đợi nhà trên ăn xong, còn thừa thì ta ăn.

Rồi muốn cho chúng quên đi, thị xổ tóc ra cho chúng xúm vào bắt chấy. Úi chà! Nhiều chấy quá! Chỉ việc rẽ một đám tóc ra là đủ thấy bốn, năm con bò lổm ngổm. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỡ thi nhau bắt. Chúng cho cu Con mấy con chấy kềnh làm trâu. Mới đầu cái trò chơi ấy cũng hay hay. Nhưng chỉ một lúc là chúng chán. Thằng cu Con ra hiệu đình công trước. Nó lăn vào lòng mẹ, oằn oại vừa hụ hị kêu:

- Đói!... Bu ơi! Đói!....

Tức khắc những đứa kia cũng nhớ ra rằng chúng đói. Chúng không bắt chấy cho mẹ nữa. Chúng thở dài. Chúng nuốt bọt nhem nhép. Chúng thừ mặt ra. Chúng nằm ẹp xuống đất và lật áo lên để khoe cái bụng. Bụng đứa nào cũng gần dính lưng.

Mắt thị rơm rớm nước. Cũng may tiếng người bố trên nhà gọi:

- Cái Gái đâu! Dẹp mâm đi, này!

Bốn đứa trẻ cùng nhỏm dậy. Mặt chúng đột nhiên tươi tỉnh lại. Gái "vâng" một tiếng thật to rồi chạy lên. Cu Nhớn, cu Nhỡ ngồi chồm chỗm đợi…

Một lát sau, Gái bê mâm xuống. Nó cũng nâng lên ngang mặt như cha lúc nãy. Các em nó đứng cả lên, chực đu lấy cái mâm. Nó càng nâng cao hơn, mồm thét:

- Khoan! Khoan! Kẻo vỡ!..

Cu Nhớn thét:

- Thì bỏ xuống!

Gái vênh mặt lên trêu nó:

- Không bỏ! Không cho chúng mày ăn.

- Có sợ thành tật không?

- Không cho ăn thật đấy.

Cu Nhỡ sốt ruột, khoặm mặt lại, vặc nhau với chị:

- Làm trò mãi! Có bỏ xuống đây không nào?

Gái hạ nhanh mâm xuống đất, bảo:

- Này, ăn đi!

Nó ngẩng mặt nhìn các em, cười the thé. Người mẹ xịu ngay mặt xuống. Trong mâm, chỉ còn bát không. Thằng cu Con khóc òa lên. Nó lăn ra, chân đạp như một người giãy chết, tay cào xé mẹ. Người mẹ đỏ mũi lên và mếu xệch đi, rưng rức khóc. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỡ cùng khóc theo.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 444, ngày 19-12-1942

ĐÓN KHÁCH

Có giời biết đấy; quả thật Sinh không ác. Nhưng mà Sinh nhẹ dạ, ấy là cái tật chung của những người trẻ tuổi. Vả lại Sinh vẫn tưởng không đời nào lại có những người ngớ ngẩn như thế được. Vẫn biết ông đồ tính thật thà. Nhưng còn bà cụ chứ! Bà phải hiểu rằng Sinh đùa cợt. Có ai ngờ bà đồ cũng lẩn thẩn như ông đồ nốt. Bởi thế, mới đầu năm mà hàng xóm đã được một mẻ tức cười. Nhưng nói thế thì ai hiểu. Truyện phải kể có đầu có đuôi. Vậy thì đầu đuôi như thế này….

Sinh hay đến nhà ông Hàn Phong ở cái làng Vũ Đại này chơi. Làng Vũ Đại cách tỉnh lỵ có mười hai cây số. Ông Hàn với ông thân sinh ra Sinh là chỗ bạn cố tri. Sinh gọi ông là bác. Nhiều người cứ tưởng hai người có họ gần với nhau. Vậy thì dẫu chủ nhật nào Sinh cũng đạp xe đến chơi nhà ông Hàn từ sáng cho đến hôm, sự ấy cũng là thường. Nếu y có ý định ngấp nghé cô Duyên, con gái ông Hàn nữa, thì cũng được. Cái ấy thì chỉ có y biết, cô Duyên biết. Hoặc giả ông Hàn, bà Hàn biết nữa đã là quá lắm. Chúng ta làm gì mà biết được?

Sinh là một công chức nhỏ mới ra. Các bạn y vẫn gọi y bằng tên tục của y: Sinh rụt. Bởi cái cổ y rụt thật. Nhưng về đây thì lại khác. Thấy người nhà ông Hàn gọi Sinh là cậu phán, người ta cũng gọi y là cậu phán. Không ai thấy cậu Phán xo vai, rụt cổ…Gặp ai, người ta chưa kịp trông thấy cậu, cậu đã chào người ta trước bô bô. Cậu hỏi người ta: "Có phát tài không?" "Lúa có khá không?" "Cháu có chịu chơi không?", con người nhũn nhặn! Thân danh là ông phán, lương năm sáu chục, những ông chánh, ông lý có việc đến còn phải chắp tay bẩm báo, thế mà cấm khinh người. Anh bạch đinh mà có một ít râu, cậu cũng gọi là ông. Nói với bà lão móc cua cũng vâng vâng, dạ dạ…Mà lắm lúc cũng nghịch ngợm như trẻ con, gọi mấy cô làm cỏ lúa thách các cô hát đúm. Các cô không chịu hát thì cậu toang toang hát trước. Tiếng như ngỗng đực. Làm các cô đã cắn chặt hai hàm răng lại cũng không sao nín cười. Cậu là người tỉnh mà chẳng hiểu học lỏm ở đâu được nhiều câu hát nhà quê thế!

Mình nhớ ta như cà nhớ muối,

Ta nhớ mình như cuội nhớ giăng.

Mình v`ê mình có nhớ chăng?

Ta v`ê ta nhớ hàm răng mình cười…

Rõ là tình tứ chưa? Cũng may họ đ`âu biết tính cậu chỉ đùa ngoài miệng, cho nên không cô nào chết mệt – nhà các cô ít h`ồng phúc lắm, chẳng dám làm bà phán. Răng các cô toàn là răng bàn cuốc. Cậu có nhớ là nhớ cái hàm răng trắng nõn, đ`âu tăm tắp của những cô gái tân thời qu`ần trắng kia. Con gái nhà quê, nước gì!

Nhưng lại có một người không nghĩ thế: ấy là bà đ`ô Cảnh. Và có một người đ`ồng ý với bà đ`ô Cảnh: ông đ`ô Cảnh. Và một người nữa: cô Na con gái ông bà đ`ô Cảnh. Ở đường cái vào thì nhà ông đ`ô với nhà ông Hàn cùng một lối đi. Nhà ông đ`ô ở thụt mãi vào trong, có ba gian cột tre mái rạ. Nhà ông Hàn ở bên ngoài, nhưng lại phải rẽ lên phía trên một quãng. Nhà gạch, mái cong cẩn thận. Nguyên v`ê kiểu đã mất hơn hai trăm đ`ồng bạc – người làng họ kháo nhau như vậy.

Vậy cứ kể lý ra, thì cậu phán Sinh không biết đến nhà ông đ`ô Cảnh. Nhưng bà đ`ô lại có một cái hàng nước ở ngoài đến ngay chỗ rẽ vào. Vậy thì mỗi l`ần đến ông Hàn, cậu phán xuống xe ngay ở trước cái cửa hàng nước của bà đ`ô. Quen nhau thì phải lắm. Trong hàng bà đ`ô có cô Na. Sinh thấy người ta gọi thế nên biết thế. Na trông cũng hay hay. Hay hay, đó là tiếng của Sinh. Bởi Na tuy chẳng đẹp nhưng cũng kháu. Chao ôi! Chỉ là con gái không thôi kể cũng đã dễ chịu lắm r`ồi. Đây cô Na lại là con gái có má h`ồng thì cái dễ chịu chưa biết đến thế nào mà nói! Cố nhiên là Sinh trêu.

Một hôm y ve vẩy hai tay để làm một người đàn bà ưỡn ẹo, vào hàng bà đ`ô Cảnh….

- Nào cậu phán mua mở hàng cho tôi nào.

- Ồ, thế cụ chưa bán mở hàng, dư cụ?

- Chưa ạ, tôi vừa mới dọn…

- Thế thì tốt quá! Cháu mua mở hàng thật là tốt vía; hàng cụ thế nào cũng đắt. Cụ có những gì đấy kia?

Sinh ngồi xuống ghế, dạng hay chân ra, hai tay chống xuống đùi, mắt trợn ngược lên nhìn trừng trừng cái chõng hàng như một con cóc nhìn giun. Y chép lưỡi, nuốt dãi hai ba tiếng. Na phải quay đi để cười. Bà đồ cũng cười và bảo:

- Nói thế chứ những thức này cậu phán ăn sao được? Các cậu có ăn thì lại vào cao lâu…

- Cao lâu cũng không ngon bằng hàng của cụ.

- Vậy cậu mua đi cho tôi vài hào.

- Cháu mua luôn hầu cụ vài trăm bạc. Nhưng để cháu còn tìm đã. Chuối, xôi, chè, canh cháu đều không thích lắm. Cháu chỉ muốn mua một thứ…

- Cậu muốn mua thứ gì?

- Cụ có bán Na thì cháu mua!

Nói thật nhanh xong câu ấy, Sinh cười sằng sặc. Na lườm y một cái, mặt đỏ như gấc chín. Bà đồ cũng cười nheo cả mắt, vờ vĩnh bảo:

- Na về tháng Bảy, tháng Tám mới có chứ mùa này làm gì có?

Sinh cười ngặt nghẽo:

- Cụ thì bao giờ cũng có ạ! Cháu trông thấy rồi. Phải không, cô Na nhỉ?

Na lại càng đỏ mặt. Thị quay hẳn mặt đi, phụng phịu. Bà đồ hỏi:

- Cậu mua thật hay mua dối?

- Mua thật ạ! Cháu đang ao ước.

- Thế thì tôi bán cho cậu đấy. Có nuôi được thì đem về mà nuôi.

- Thế thì cháu cảm ơn cụ lắm. Cô Na ạ, cô nghe đấy!... Vậy từ nay con là con cụ nhé!...

Từ đấy Sinh nhất định cứ bu bu, con con với bà đồ. Y nếm nồi chè. Y lắc cái hòm tiền. Y mời những khách qua đường vào nghỉ chân, uống nước. Na nguýt y và cười. Bởi vì Na đã bắt đầu không thẹn nữa. Cái gì lâu cũng thành quen. Một đôi khi, thị đã trả lời lại những câu Sinh đùa thị. Người ta đùa thế chứ đùa nữa thì cũng mặc. Có mất phấn đi đâu mà sợ? Ngoài miệng thì Nga nói thế. Ra sự rằng thị cũng biết là Sinh đùa đấy. Nhưng sự thật thì thị cũng hơi hơi hy vọng. Cả bà đồ cũng vậy. Nhất là từ cái hôm Sinh đem một chai rượu dâu làm quà cho ông đồ.

Ồ! Lại chuyện chai rượu dâu này nữa…Chỗ này thì Sinh khí ác. Nhưng thói đời, nhiều khi ta ác mà người ta vẫn tưởng ta tử tế. Cho nên ông đồ Cảnh, bà đồ Cảnh và cô con gái cảm cái bụng Sinh rất nhiều. Nguyên do thế này, Sinh có một người quen mới mở một cửa hàng bán rượu dâu. Y biếu Sinh hai chai rượu, vừa để tạ ơn, vừa để làm quảng cáo. Hôm ấy là chiều thứ Bảy, Sinh vốn không thích rượu. Bởi vậy y nghĩ ngay đến ngày hôm sau, y sẽ về Vũ Đại. Tiện có, nếu y xách hai chai rượu dâu ấy về làm quà cho ông Hàn Phong thì cũng hay. Ấy thế là sáng hôm sau, hai chai rượu dâu cùng với Sinh lên đường. Nhưng đi được nửa đường thì một chai bị tuột tay, rơi xuống đường rạn một vết to. Rượu đổ xuống mặt đường tung tóe. Sinh ngẩn mặt ra một chút rồi ghé nửa cái chai còn lại lên miệng uống. Và tức khắc y nhăn mặt lại. Cha mẹ ơi! Rượu quái gì mà chua như thể tương oi. Y quăng chai rượu vỡ xuống ruộng. Thuận tay, y đã toan quăng cả cái chai lành, nhưng lại tiếc của giời. Y ngần ngừ một chút rồi tặc lưỡi. Thế nghĩa là y tự bảo: "Ta giữ lại". Nhưng giữ lại làm chi vậy. Biếu ông Hàn thì cố nhiên là không được. Sinh nghĩ đến chú canh điền nhà ông Hàn. Nhưng chẳng lẽ đến chơi với người ta, quà biếu người ta không có, quà cho con người ta cũng không có nốt, lại có quà cho thằng canh điền là một thằng chẳng có ý nghĩa gì trong nhà người ta! Chi bằng đem phắt ra cánh đồng chia cho lũ trẻ. Nhưng làm thế cũng hoài đi. Rượu dẫu chẳng ngon nhưng đóng chai cẩn thận, trông khá đẹp. Ơ! Sinh quên khuấy ngay đi mất! Sao không để biếu ông đồ nhà cô Na.

Nửa giờ sau, y xộc vào hàng Na. Na ngồi có một mình, đang mở vụng hộp sáp cô ba quệt vào đầu ngón tay xoa lên môi, lên mặt. Bấy giờ đang mùa rét. Gió heo may thổi. Trời hanh, thị lại hay phải ngồi bếp nên da mặt nẻ. Năm ngoái thì thị cứ để tha hồ cho mà nẻ. Nẻ chán rồi phải khỏi. Nhưng năm nay, thị đã hay nhìn gương lắm. Thấy cái mặt nẻ không coi được, thị giấu giếm mẹ gửi người ta mua giùm hộp sáp về để bôi…

Nghe tiếng chuông xe đạp, Na giật mình. Thị vội vàng giấu hộp sáp vào trong túi, Sinh đã cười nhăn nhở…

- Chào mợ phán!

Na đỏ mặt. Đôi mắt tít lại chỉ còn bằng hai hạt đỗ. Ấy là cô ả sướng! Sinh cười khanh khách tiến vào gần sát thị:

- Bu đâu rồi?

Na sợ hãi, lùi lại đằng sau để tránh. Y chực đưa tay lên má thị. Nhưng bỗng có tiếng bà đồ Cảnh:

- Cậu phán lại trêu gì con bé Na nhà tôi thế?

Sinh vội reo lên để chữa thẹn:

- A ha! Bu đây rồi! Con hỏi bu đâu mà nhà con nhất định không chịu nói

- Cậu hỏi tôi làm gì?

- Dạ, mời bu ngồi xuống đây đã rồi con xin thưa chuyện.

Sinh đặt chai rượu dâu lên mặt chõng và chắp hai tay lại:

- Thưa bu, con có chai rượu gửi bu biếu thầy con.

- Cảm ơn cậu phán!

Bà đồ nắm vội lấy chai rượu đưa cho con gái bảo:

- Cất kỹ vào kia con! Cất thật kỹ vào cho tao.

Bà làm thế bởi bà tưởng Sinh nói đùa, mà chai rượu ấy là chai rượu y đem lên ông Hàn. Nhưng Sinh không đòi lại. Y xin phép vào chơi nhà bác Hàn một lát, và y vào tay không. Bà đồ lấy làm lạ lắm. Không lẽ y đem rượu đến đây, chẳng cho ai, lại gửi ở hàng bà rồi đến hôm, đem về.

Chiều hôm ấy, Sinh ra hơi muộn nên không vào hàng nhà bà đồ Cảnh nữa. Thấy y chực nhảy lên xe đạp, bà gọi lại…

- Tôi gửi cậu phán chai rượu về biếu mợ phán tôi ngoài ấy, gọi là chút quà quê.

Bà cười để thưởng cho câu nói đùa có duyên của bà.

Nhưng lúc này thì Sinh đứng đắn.

- Com gửi bà biếu ông đồ giùm con thật đấy.

- Cảm ơn cậu bằng cái lọ! Tôi chả dám

- Ô hay! Bà cứ tưởng con đùa. Con nói thật. Bà cứ cầm về giúp con.

- Nhưng..Tôi chả…vào!

- Sao bà lại tệ với con như thế?

- Không dám ạ! Vậy mời cậu vào chơi với ông đồ nhà tôi xơi nước đã, chứ thế này thì…

- Bà cứ yên tâm…Bây giờ tối rồi, con phải đi thôi. Cũng chẳng còn bao nhiêu ngày nữa đã tết rồi. Mồng hai tết, con xin lên mừng tuổi cụ ông, cụ bà…

- Không dám ạ!

- Với lại lễ gia tiên nữa chứ! Nói dối các cụ, các cụ rẽ duyên vợ chồng con thì chết con. Thôi u về!

Y nhảy lên xe đạp và gò lưng đạp đi vù vù…

Đêm hôm ấy, vợ chồng ông đồ Cảnh rò rầm bàn tán rất khuya. Không hiểu cậu phán có lòng thương con bé Na thật hay đùa bỡn vậy? Bởi nhũn nhặn nên bà đồ bảo cậu ấy đùa. Nhưng đùa thì đời nào lại cho ông đồ chai rượu? Cái cổ chai có bọc giấy vàng cẩn thận. Cái nhãn hiệu in đẹp lắm. Chắc là rượu bổ. Có rẻ cũng phải ba, bốn đồng. Ý tất người ta có định lấy con mình thì người ta mới chịu bỏ tiền mua biếu chứ! Vả lại, bây giờ những hạng thông, ký, phán lấy vợ nhà quê kể cũng thường. Cậu phán thương yêu đến con bé Na cũng chẳng phải là sự lạ.

Và ông đồ kết luận:

- Bà đồ ạ! Chẳng lôi thôi gì nữa. Tháng này bà cứ mua bát họ ở nhà bà lý Vinh về cho tôi. Mọi năm tết nhất nhà mình cũng chỉ làm qua loa cho nó có thì thôi. Nhưng năm nay mình cũng phải gói mươi tấm bánh, bó mấy cái giò thật tốt. Kẻo nữa đến lúc người ta lên mừng tuổi thật, mình lại trơ thổ địa ra đấy à?

- Ừ, mà thật đấy! Cậu ấy hẹn đích đến mùng hai, thế nào cũng lên.

*****

Mùng hai tết. Thằng Tình, con trai ông đồ Cảnh, đang đứng chầu rìa đám quay đấy ở ngay ngoài đường cái. Bỗng nó thấy bóng một cái xe tay từ phía dưới đi lên. Nó cắm đầu chạy về nhà một mạch. Bà đồ thấy trống ngực đập mau thon thót. Bà đoán là cậu phán đã về. Nhưng bà không dám nói ra sợ tẽn. Bà chỉ hỏi:

- Cái gì mà mày chạy bình bịch thế?

- Xe cậu phán!

Mắt ông đồ sáng hẳn lên.

- Thật?

- Thật…Cậu ấy có bánh pháo tròn to lắm, bằng cái quả giầu kia kìa với những hộp bánh gì đẹp lắm.

Bà đồ cười, chửi con:

- Bố mày!

Nhưng ông đồ đã giục vợ, giục con rối rít:

- Đi đun nước pha trà tàu! Cái ấm chuyên đâu rồi? Đem mà rửa đi!

- Rửa kỹ sáng ngày rồi ạ.

- Cứ đem rửa lại, mau lên một tí!

Ông lẹp kẹp chạy ra rồi lại chạy vào.

- Cái khăn? Cái khăn của tao đâu rồi?

Thằng Tình cười khành khạch:

- Khăn của thầy ở trên đầu thầy đấy thôi.

Na bật cười. Tình nhìn Na mà reo lên:

- Ái chà! Đẹp ghê!

- Rõ dơ!

Na mắng lấp miệng em như vậy. Nhưng thị đã đỏ bừng cả mặt. Bởi Tình nói trúng vào gan, vào ruột thị. Vừa mới nghe nói Sinh sắp tới, thị đã vội thắt cái thắt lưng nhiễu mới và mặc cái yếm còn giữ nguyên màu vàng của tơ.

- Ấm nước reo rồi ấm nước sôi sùng sục. Bà đồ dập bớt lửa rồi chạy ra sân bảo:

- Nước được rồi đấy. Có pha gì hay không?

- Đợi xem sao đã chứ.

- Thế thì nguội mất. Sao cậu ấy đi chậm thế? Bà chợt nhớ:

- Hay là cậu ấy vào mừng tuổi ông Hàn trước.

- Không có lý. Thế nào…

Để lấp lời ông đồ Cảnh, tiếng pháo ở mạn ngoài bắt đầu nổ mạnh như một chuỗi cười chế nhạo. Bà đồ kêu lên một tiếng thất vọng:

- Thôi đúng rồi!

Mặt ông đồ thườn ra. Những tiếng pháo giãy đành đạch như một thằng bé con hỗn láo. Ông đồ nhìn bà đồ thì vừa gặp đôi mắt bà nhìn ông. Và cả hai cùng vội nhìn xuống đất. Bỗng bà hai Du, ở bên ngoài nhà ông đồ một ngõ, le te chạy vào. Chưa kịp chào hỏi ai, bà đã mà cà mà cập:

- Từ thủa cha mẹ đẻ đến giờ tôi mới được nghe một bánh pháo dài đến thế. Sung sướng chửa? Nhà người ta đã hay thì hay đủ cách. Con rể đấy!

Bà đồ vờ vịt hỏi:

- Nhà ai thế cụ?

- Nhà ông Hàn đấy, chồng cô Duyên. Cậu phán Sinh ấy mà!

Mặt ông đồ xám lại…

- Ô hay! Tôi cứ tưởng cậu ta là cháu!..

- Thì tôi cũng tưởng. Ai ngờ cậu ta lại là chồng cô Duyên. Thôi! Chào ông! Chào bà!

Nói chưa dứt câu, bà hai đã lại le te chạy đi nhà khác để khoe cái tin quan trọng ấy. Ông đồ thở dài thành tiếng rên:

- Thôi, thế thì nó chẳng vào nhà mình nữa đâu. Dọn cơm mà ăn thôi.

Một lát sau cả nhà ngồi ăn. Người nhìn ra sân, người nhìn vào bát. Chẳng ai dám nhìn ai. Cơm trắng, cá ngon. Giò thịt đầy mâm. Bánh trưng rền lắm. Nhưng sao ông đồ cứ nghẹn luôn mãi thế? Cùng bất đắc dĩ, bà đồ phải bảo:

- Thôi ông ạ, con mình không lấy nó thì lấy người khác, đã ế đâu mà sợ? Ông đừng nghĩ nữa..

- Phải, phải, bà đồ ạ! Nhưng mà….Nhưng mà cả một bát họ tiêu vào cái tết!... Ông đồ lại nghẹn thêm cái nữa. Đôi mắt ông ầng ậc nước. Ông đã nhìn trước thấy con gái ông sau cái tết này, đem cái thắt lưng và cái yếm là còn mới nguyên dạm bán cho hết người này người nọ để lấy tiền đóng họ cho nhà lý Vinh…

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 447 – Xuân Quý Mùi

MUA NHÀ

Anh Kim.

Buổi tối hôm ấy, sau khi đưa các anh ra thuyền trở về Nam, tôi bực tức vô cùng. Tôi bực tức với tôi. Tôi đay nghiến tôi trong một phút cao hứng quá, đã mời các anh về nhà.

Anh đừng giận, anh Kim ạ. Tôi hiểu lắm. Chúng ta biết nhau không phải vì một bộ quần áo may khéo, một đôi giày đúng kiểu, một cái xe hơi tốt máy. Chúng ta biết nhau vì cái khác. Chúng ta mến nhau vì cái khác. Chúng ta đánh giá nhau cũng ở chỗ khác đâu có phải ở chỗ cái nhà to hay bé. Cổ nhân chê kẻ sĩ mà còn lấy sự cơm ăn không được ngon, áo mặc không được lành làm nhục. Người quân tử phải có thể uống nước lã, khoanh tay dưới đầu gối mà không tủi. Tôi cũng hiểu. Vậy mà tôi cứ hậm hực mãi với tôi vì cái lẽ đã để mấy người bạn trông rõ cái cảnh bần bách của tôi như thế, chẳng hóa ra tôi là người nhỏ nhen? Vâng thì tôi là người nhỏ nhen! Nhưng các anh cũng phải xét cho tôi chỗ này. Đến nhà anh, tôi ngồi trên những cái ghế kiểu mới, có nệm êm, có cách tựa rất cao, ngồi vào đấy, sự nghỉ ngơi của thân thể hoàn toàn lắm. Đến nhà anh Đề, chúng ta ngồi trên những chiếc ghế tàu nạm đá vân. Đến nhà anh Phùng, chúng ta có những bàn ghế bằng gụ khảm xà cừ. Đến nhà anh Minh, chúng ta nằm nghỉ ngơi trên những chiếc giường tây. Cùng đến nhà bác Lý, chúng ta cũng còn có thể trải chiếu hoa trên hè gạch để trông trăng. Nhưng đến nhà tôi, các anh đã phải cúi khom người để chui vào một cái lều tối om om. Nền nhà bằng đất nện âm ẩm dưới chân. Một mùi mốc khăng khẳng làm các anh nhăn mũi. Đứa con lớn của tôi, đau bụng thổ từ đêm, nằm trên cái võng nhuộm nâu căng từ đầu nhà nọ đến đầu nhà kia, chắn cả lối đi. Nó mặc một cái quần, một cái áo bằng thứ vải mà con sen nhà các anh cũng không thèm mặc. Dưới nó là một vũng bùn to tướng: nước nó thổ ra đã pha trộn vào với nền nhà lầm lên. Mặt tôi đã đỏ bừng. Và khi anh lại gần con tôi, cúi xuống để hỏi han thì chỉ thiếu một chút nữa là tôi khóc. Không, anh Kim ạ.... Anh tốt lắm. Tay anh nắm lấy tay con tôi không một chút rụt rè. Anh đã khen: cháu trông ngoan. Anh đã hỏi nó bằng những câu rất dịu dàng. Lòng trắc ẩn đối với người bạn khổ đã cho giúp anh có những cử chỉ rất tự

nhiên. Nhưng nghề nghiệp của chúng ta đã luyện chúng ta thành những người nhận xét rất tinh. Dù chỉ là một cái run nhẹ của hàng mi, một chút ngập ngừng rất thoáng nhanh trên đầu một ngón tay, một gợn nhỏ trên nét mặt vô cùng bình tĩnh thì con mắt thấu suốt của chúng ta cũng không bỏ sót. Anh đừng chối, anh Kim ạ. Chúng ta phải là những người bạo nói. Tôi biết lắm. Tôi biết sau khi anh nắm bàn tay cháu, anh thầm ước một chậu nước sạch và một miếng xà phòng để rửa tay. Giá anh cứ nói ra thì cũng được. Tôi sẽ cho sự ấy là tự nhiên lắm lắm. Nhưng anh cố nhịn. Anh nhìn gian nhà mà bảo tôi:

- Cái nhà này còn tốt đấy chứ…Nhà có bốn, năm người ở thế này rộng chán!

Tôi biết trả lời anh sao được? Tôi chỉ cười. Tôi còn đang bận thu xếp chỗ, vợ tôi phải ẵm con bé sang nằm nhờ hàng xóm. Tôi vắt cái màn ở giường ngủ lên. Bốn người trong bọn chúng ta ngồi. Còn hai người nữa thì đứng cho nó mát, bởi chẳng còn biết ngồi vào đâu cho hết.

Cũng may, trời tạnh ráo. Lúc ăn cơm, chúng ta có thể ra sân, trải chiếu trên mặt đất. Các anh tháo giầy ra, cởi quần tây để ngồi xấp bằng bằng. "Có làm quái gì cái vặt ấy! Chúng ta ăn vẫn ngon là được!..". Các anh bảo thế. Anh nào cũng cố làm ra dễ tính. Sự cố gắng ấy là do lòng quý bạn. Cái nhà thật không đáng cho lòng tôi phải bận. Các anh muốn cho tôi nghĩ thế. Tôi cũng bắt tôi nghĩ thế. Nhưng không được. Suốt đêm ấy tôi đã thức để mà hành tội tôi…

Tôi còn phải khổ với tôi lâu lắm. Bởi đến biết bao giờ tôi mới có thể làm một cái nhà khác, rộng rãi và sạch sẽ hơn một chút! Tôi làm việc ghê gớm lắm. Tôi giết dần tôi đi để kiếm tiền. Nhưng sức người ta chỉ có chừng. Mà giá tre gỗ bây giờ thì tăng lên vô hạn. Nó tăng từ tháng này sang tháng khác. Cái đích của tôi thành thử cứ lùi xa mãi. Tôi dự định phải hai trăm, tôi mới kiếm được một trăm thì cái giá hai trăm đã không đủ nữa. Phải ba trăm là ít. Vay nợ lãi thì tôi không dám. Đời tôi, đã nhiều phen vay nợ lãi….Ngay bây giờ, tháng tháng, lãi nợ cũng còn ngốn mất quá nửa số tiền tôi kiếm được. Nợ nó đẻ ra mau chóng lắm. Vay liều thì chết.

Nhưng một tai nạn đã xảy ra. Ấy là trận bão, tận lúc đã sang tháng Chín. Nó xảy ra bất ngờ. Vợ chồng chúng tôi phải xông pha mưa gió, bế con đi. Chúng tôi đưa các cháu đi tìm chỗ ẩn. Lưng tôi cõng đứa con lớn, vừa ốm dậy. Tay tôi cầm một con dao. Nhà tôi ẵm đứa con nhỏ theo sau. Gió thổi xiêu người. Mưa như những cái roi da quất xuống đầu, xuống mặt chúng tôi túi bụi. Tôi phải chém những cành tre ngã xuống đường để phá một lối đi. Gai ở dưới chân. Gai ở hai bên. Gai chĩa xuống. Chúng tôi phải nhắm mắt lại mà đi phứa. Người lạnh giá. Chân tay tê dại. Gai cắm vào chân, gai cào rách vai, rách má, chúng tôi cũng không còn biết nữa. Chúng tôi đi quên chết. Nhà tôi chúi người đi năm, sáu lượt. Đến nhà ông nhạc tôi thì chúng tôi kiệt sức. Con gái tôi xám ngắt. Nhà tôi không còn nói được. Tôi cũng thế. Cũng may mà sẵn lửa. Chúng tôi ngồi sưởi. Trong khi ấy, hai ông bà ngoại ủ ấp và hơ cho hai cháu. Một lúc lâu, chúng tôi sưởi hoàn hồn. Chúng tôi phải trú lại nhà ông nhạc tôi một ngày, một đêm.

Sáng hôm sau, gió ngớt. Gửi hai cháu lại, vợ chồng tôi về nhà. Cái nhà bịụp rồi. Nó nằm ụp xuống, như một người già khuỵu gối. Khó lòng mà còn bắt nó đứng lên được nữa. Sức tre gỗ, mấy nả? Cái nhà đã lão. Nó đã qua tay ba chủ. Tôi là bốn. Chỉ gió to nó đã có quyền đổ lắm huống hồ là gặp bão. Nó trung thành với tôi được đến bây giờ, kể đã là tận tâm tận lực. Tôi không nên ép nữa. Tôi biết thế. Nhưng biết làm sao được? Có những ông bố, bà mẹ già lụ khụ, chỉ vì thương con nghèo quá không chạy được tiền chôn cất mà không nỡ chết. Cái nhà của tôi sao nó không nghĩ thế? Nó xụp đổ vào lúc này, thật là đã làm khổ tôi. Vợ tôi phát khóc. Tôi cũng ứa nước mắt. Tôi thương tiếc cái nhà của tôi như người ta thương tiếc vợ bị lâu ngày hắt hủi. Ấy chỉ là nói cho văn vẻ. Thật ra thì tôi chỉ thương tôi. Tôi bỗng nhiên thành ra không nhà. Không những thế, vườn của tôi bị tàn phá hết. Bao nhiêu tiền của, bao nhiêu mồ hôi nước mắt đổ ra chăm chút cho giàn bầu, bụi mía, thôi thế là mất toi.

Không có cái khổ nào vô ích hẳn. Sau mấy ngày ngao ngán, tôi lại phải an ủi tôi như vậy. Bởi đằng nào tôi cũng còn phải sống. Đằng nào tôi cũng cần phải có nhà để ở. Vậy thì tôi không thể dằn dỗi với ông được. Ông trời không sợ ai dằn dỗi. Tôi gượng cười. Tôi bảo vợ tôi thế này: "Thôi mình ạ! Cái nhà của ta đổ đi cũng phải. Nếu không đổ, bao giờ ta mới làm nhà

khác? Ta đã do dự mãi. Bây giờ là lúc chúng ta không cần phải so kè nữa…"

Lẽ đương nhiên là như vậy. Không làm nhà không được. Vậy thì chẳng còn phải nghĩ. Chúng tôi tính việc mua tre, mua nứa và thuê thợ. Không có tiền thì vay nợ lãi. Không vay không được, thì vay cũng không ân hận. Rồi tôi lại làm việc hơn trước nữa. Tôi sẽ giết dần tôi nhanh hơn trước nữa. Trước sau thì cũng chết. Mà ai cũng chỉ chết một lần mà thôi. Sống sẻn so mà làm gì?

Tôi nghĩ liều. Nhưng sau một trận bão, không thiếu gì những người phải nghĩ liều như tôi. Cũng vì thế mà tôi đã mua được cái nhà rẻ quá, anh Kim ạ. Một cái nhà gỗ, có ba trăm bạc. Giá phải thế, thì năm trăm. May cho tôi lắm. Bởi chúng tôi đã tính: làm nhà tre bây giờ cũng tốn hai trăm đồng.

Kẻ bán nhà là một kẻ nhiều công nợ. Anh ta góa vợ. Anh ta phải nuôi hai đứa con thơ dại. Anh ta lại mới thua xóc đĩa ba, bốn canh mất tất cả đến hai trăm đồng bạc. Nợ người ta đòi rát quá. Trông vào mấy sào mía để bán đi trang trải thì mía đã bị bão làm tong cả. Anh ta tìm tôi và bảo tôi thế này:

- Tôi nghe nói chú định làm nhà. Làm nhà tre bây giờ cũng phải hai trăm đồng bạc. Chú cố gắng lên chút nữa, tôi để cái nhà gỗ nhà tôi cho.

- Bao nhiêu thì bác bán?

- Ba trăm, đúng.

Cái giá này hời lắm. Thấy hắn thật thà, tôi ái ngại. Tôi hỏi hắn:

- Bác bán đi làm gì?

- Chẳng làm gì sất. Tôi trót thua cay quá. Chết thì chết, tôi cũng phải gỡ. Trường vốn thì dễ gỡ. Tôi bán cái nhà đi, lấy vài trăm đồng đi gỡ vài canh, xem thế nào.

À! Nếu vậy thì tôi chưa lấy chi làm liều. Vay nợ lãi mà mua nhà thì là một cái liều bắt buộc. Bán nhà đi để gỡ bạc mới là cái liều thục mạng. Đã liều

thì phải chết. Chẳng chết vì tay tôi thì chết vì tay người khác. Dù vậy, tôi vẫn chưa nỡ cầm dao đâm hắn. Thành thực hay giả trá? Tôi đã can kẻ liều lĩnh kia:

- Tôi tưởng bác không muốn ở nhà, hoặc cần tiền buôn bán nên mới bán nhà, chứ nếu chỉ bận để đi đánh bạc thì tôi can bác. Vào chiếu bạc, khó mà biết trước, tôi chỉ sợ gỡ ra chẳng được, bác lại bậm mãi vào thì sao?

- Không có lý nào như vậy. Trước tôi thua, chỉ vì ít vốn, không dám đuổi. Trường vốn, không đời nào thua. Chú lấy giùm được là phần nhất, bởi tôi biết tiền chú sẵn, có thể thu xếp cho tôi chóng vánh. Nếu như không muốn lấy thì tôi để cho người khác.

Tôi ngẫm nghĩ: hắn đã muốn chết thì cho hắn chết. Tôi có quyền gì cấm hắn? Hắn không bán cho tôi thì bán cho người khác. Tôi bỏ lỡ một dịp tốt là tôi ngu. Vậy thì tôi mua cái nhà.

Tôi chạy ngược chạy xuôi. Chỗ thì lãi năm phân. Chỗ thì lãi sáu phân. Cùng lắm, tám phân cũng lấy liều. Chỉ hôm sau là tôi đã có đủ ba trăm bạc. Đôi bên làm giấy má xong xuôi. Tôi trao tiền cho hắn. Vợ tôi đi mượn thợ để ngày mai dỡ nhà…

Chưa có thợ. Sau ngày bão, thợ làm nhà bận lắm. Cái nhà ba bốn hôm sau vẫn chưa dỡ được. Một người bà con với tôi, một buổi tối đến nhà ông nhạc tôi mà bảo tôi:

- Anh nên liệu dỡ phắt về. Ba trăm bạc của anh, nó nướng hết cả rồi. Vừa ở nhà anh ra, chúng nó biết nó có một món tiền to, chúng nó vây riết lắm. Ngay đêm hôm ấy, chúng nó đã thịt cu cậu hơn trăm bạc. Cu cậu còn nhiều nợ lắm: vườn cũng cố rồi. Nếu anh không dỡ nhà ngay, nó thua quá, đi đâu mất, lại lôi thôi cho mình.

Có thế. Nếu tôi chậm dỡ, sợ người khác hớt tay trên. Đã đành rằng mình mua bán có văn tự. Nhưng tiền tôi đã cạn. Không lẽ lúc ấy còn kiện nhau. Vậy tôi phải cố thuê cho được thợ. Chỉ ngày mai là dỡ luôn.

Ngày hôm sau….Chúng tôi đến nhà hắn thì thấy hắn đang nằm thườn trên một cái giường tre, chiếu rách và bẩn thỉu. Đứa bé ngồi ngay dưới đất, ôm một cái chân giường, rên. Nó đau bụng từ sáng sớm. Đứa con lớn vừa cạu nhạu vừa đấm lưng cho em thùm thụp. Tôi chào hắn. Hắn khẽ hé môi đáp lại. Chúng tôi nhìn nhau ngượng nghịu như hai kẻ thù nhìn nhau. Sao lại thế? Tôi không dám nhìn hai đứa con của hắn. Hình như tôi thẹn với lòng tôi thế nào…

Tôi nhìn xuống đất mà bảo hắn:

- Bác làm ơn cho tôi dọn đồ đạc ra để cho người ta dỡ…

Hắn cười chua chát:

- Đồ đạc thì có gì mà dọn? Chỉ có một cái giường này. Cứ quăng bố nó ra ngoài kia cho tôi, rồi dỡ đi.

Hắn đứng dậy mà bảo con:

- Chúng mày cũng đứng lên. Sang nhà bác Vi nằm nhờ.

Con chị phải quát tháo, gắt gỏng với em một lúc, hai đứa mới lếch thếch cõng được nhau sang nhà bác Vi. Vẫn một đứa làu bà lạu bạu, một đứa oằn oại và rên la. Thợ trèo lên mái, dỡ gianh quăng xuống. Tôi ngồi ở sân, trông họ.

Một lúc sau, chẳng biết đã gửi em cho ai được, đứa con gái lân la gần tôi, xem dỡ nhà. Tôi có dịp trông gần nó. Nó gầy ốm quá. Cổ tay, cổ chân chỉ con con. Mặt chau chau. Quần áo rách thượt lượt. Hàm răng cả nó cứ nhe ra một cách trông thương hại lắm. Tự nhiên tôi ngán ngẩm. Tôi thở dài một tiếng. Rồi tôi buột mồm hỏi nó:

- Từ sáng đến giờ, em đã có cái gì ăn chưa?

Nó không đáp, chỉ lắc đầu uể oải. Hình như nó đang bận nghĩ ngợi điều gì. Mắt nó nheo lại. Cái mặt nó cau cau. Có lẽ chỉ vì quáng nắng. Nhưng tôi cứ

thấy nó có vẻ thù ghét tôi lắm lắm. Tôi nhắc thầm trong trí: ta không mua thì người khác…

Những mè, rui đã dỡ xong rồi. Người thợ mộc bắt đầu tháo gỗ. Tiếng dùi đục kêu chan chát. Những tiếng rắn chắc vang lên, lọng óc. Tôi thấy con bé con đỏ bừng mắt. Nó không nhe răng ra nữa. Đôi môi nó bụm lại. Hai má nó phình ra một chút. Cứ thế, nó chẳng nói chẳng rằng, chạy bình bịch sang nhà hàng xóm. Nó định làm gì vậy. Lòng tôi thắc mắc nỗi lo không rõ rệt. Bỗng tôi nghe thấy một tiếng trẻ con khóc nức nở và hờ:

- Mẹ ơi….

Tim tôi động một cái giống như bước hụt. Rồi nó đập loạng choạng. Tôi hơi lảo đảo. Bây giờ thì tôi không lẩn trốn những ý nghĩ của tôi được nữa. Tôi ác quá! Tôi ác quá! Tôi phải thú nhận với tôi nhiều rồi….

Phải, tôi ác quá, anh Kim nhỉ. Rồi đây, hối hận sẽ tỏa một bóng đen vào trong cái nhà mới của tôi, rộng rãi và sạch sẽ hơn cái trước. Những chiều đông lạnh lẽo, một con thạch sùng nấp trên một cái xà ngang sẽ tặc lưỡi nhắc cho tôi biết: Tôi ác quá! Tôi ác quá!... Nhưng mà thôi anh Kim ạ! Nghĩ ngợi làm gì nữa! Ở cảnh chúng ta lúc này, hạnh phúc chỉ là một cái chăn quá hẹp. Người này co thì người kia hở. Đâu phải tôi muốn tệ? Nhưng biết làm sao được? Ai bảo đời cứ khe khắt vậy? Giá người ta vẫn có thể nghĩ đến mình mà chẳng thiệt gì đến ai!...

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 448, ngày 13-2-1942

QUÁI DỊ

Năm ấy mất mùa. Lúa làng xấu lắm. Chúng tôi gặt ruộng nhà xong, mới đi gặt thuê được mỗi người vài ba buổi mà lúa làng đã vãn. Chúng tôi bàn nhau ra Đông gặt.

Bọn chúng tôi có bốn người. Trong số ấy, có ông nhiêu Tiêm đã đi gặt xa nhiều lắm; chẳng một xó nào mà ông không biết. Ông đã từng gặt ở những nơi lúa phải mò, ăn cơm phải đứng dưới ruộng, nước lên đến thắt lưng, mâm cơm đặt trên bốn cái cọc cắm ngay giữa ruộng. Trên thì nắng đốt đầu, dưới nước nóng đến làm da phải bỏng, người thợ gặt buông cái hái ra một cái là vơ lấy đũa, bụng thì đói mà cơm với thịt kho cũng không sao nuốt được; chỉ uống, uống không biết chán. Được cái công cao lắm. Cũng có nơi, công đã chẳng lấy gì làm cao, mà ăn uống lại kham khổ quá. Canh riêu đã không có thì thôi. Đến tương, mắm cũng không có nốt. Cơm, toàn một thứ gạo cuống rơm đã bốc hơi. Cái ăn, độc một thứ cà nén; chạt vào những muối; ăn mặn như thợ đường bể cũng chỉ một quả là đủ bữa. Hạng mình thì chưa đặt vào đầu lưỡi, vị đắng đã bắt nhăn mặt vào. Về cái tích cà này, ông nhiêu kể lại một chuyện buồn cười lắm. Mùa ấy, ông cũng đi gặt ở mạn Đông, với mấy anh em nữa, toàn người làng cả. Họ gặt cho một nhà cũng khá giàu, mà có vẻ quí người. Trưa đến, quẩy lúa về, chủ nhà mời quan viên thợ gặt ngồi lên cái giường giữa trước bàn thờ để nghỉ ngơi cho nó mát rồi xơi cơm. Quan viên khấp khởi mừng thầm. Ngồi như vậy, thế nào ăn chẳng khá. Họ đã nghĩ đến riêu mè, thịt lợn kho, hay ít ra thì cũng được bát canh bí xào nấu với cua để húp cho mát ruột. Nhưng quan viên nhầm cả. Mâm cơm bưng lên toàn một thứ cà, cái thứ cà to bằng một bát con, thâm sịt và mặn như "cô" muối vào. Anh nào muốn sắt ruột lại thì cứ ăn! Ấy thế mà quan viên ăn rất nhiều. Chính cô dâu nhà chủ, có lẽ đã quen ăn mặn lắm, mà cũng phải chịu bọn thợ gặt này là ăn mặn. Một bữa ăn, cô phải lấy thêm cà năm, sáu lượt. Cứ vừa đem một đĩa lên, đã lại thấy họ gào đem đĩa nữa. Sau cùng, thấy đĩa thì không xuể, cô xúc luôn cho họ một bát tàu to thật đầy. Chỉ có bốn người ăn mà vại cà vơi đi…Chiều hôm ấy, thấy cô con dâu ra đồng đội lúa, ông nhiêu Tiêm hỏi: "Cô ơi cô! Tôi hỏi thế này khí không phải. Cô đã lấy nước cho các cụ chưa?". Người con dâu ngơ ngác. Cô không hiểu vì ý gì mà người ta hỏi thế. Hỏi họ thì họ chỉ cười

khúc khích. Cô ngờ ngợ. Về nhà cô đem chuyện ấy khoe với chồng. Chồng cô không hiểu nốt. Y khoe với bố. Ông bố có học được ít chữ nho thì phải. Người có chữ như thâm thúy. Ông nghĩ ngợi. Ông vào nhà, cụ soát lại bàn thờ ông vải. Khi ông mở bốn cái đài, ông thấy đài nào cũng đầy lên những cà. Cho biết bọn thợ gặt này cũng thâm! Những kẻ đã vác cái đòn càn đi ăn cơm của người tứ xứ giở mặt nào cũng được, không chịu kém cạnh ai nước gì. Ông nhiêu vẫn bảo bọn đàn em chúng tôi như vậy. Có lần ông đã gặt thuê cả cho một bọn cướp lúa, giữa ban đêm xách liềm hái sang cánh đồng làng khác, mà vẫn giữ được cái đầu đem về nhà. Ông xã Mích với chú cu Xiêng thì cũng chỉ mới đi ít vậy thôi. Thường thường ở nhà họ cũng không thiếu việc làm. Bởi vậy chỉ thỉnh thoảng có vui anh vui em họ mới đi một vụ cho nó biết. Duy có tôi, mới xách hái, vác đòn càn đi gặt xa lần này là một.

Đen tôi quá! Ông nhiêu Tiêm bảo: ông đi gặt thuê kể đã nhiều mà chưa bao giờ khổ thế này. Chúng tôi cơm đùm cơm nắm đi luôn bốn năm hôm giời mà chẳng gặp ma nào đón. Thì ra lúa mạn Đông năm nay chín sớm. Phần nhiều người ta gặt rồi. Chiều ngày thứ năm, chúng tôi đứng lại một làng xác xơ và có vẻ nghèo nàn. Nhà cửa lưa thưa. Toàn những nhà tre úp xúp giữa những khu vườn rộng thì có rộng, nhưng xấu lắm: mía đốt như lau hoặc khẳng khiu như chân gà, chuối lè tè như những cây rau diếp ngồng, dĩ chí đến cây khoai, cây ráy cũng không lên được. Người xấu xí và rách rưới. Cái số trẻ con bụng ỏng, mắt toét ngoài đường sẵn lắm. Đàn bà móc cua, mò ốc. Đàn ông đi bắt chuột, riu tép hay xúc dậm. Chỉ vào một hàng nước của họ cũng biết rằng họ khổ. Xôi thì xôi đậu mắt cua. Bánh đúc hột sặc mùi vôi. Giá có bát canh bún cua thì ba phần rau mới được một phần bún. Mà nào có ra hồn bún! Những sợi to bằng cái đũa màu xam xám chứ không trắng hẳn. Ăn vào rắn mà lại chua. Ấy thế mà đã gọi là danh giá lắm. Hàng nào cừ mới có. Còn thì chỉ cái giống bánh sắn, bánh khoai hoặc cái bánh rán làm bằng cơm nguội là nhiều lắm. Ngon hay không, chẳng cần phải hỏi. Quí hồ thật to…

Chúng tôi vào một cái hàng tồi tàn ấy, uống bốn người mới hết một trình nước vối. Bà hàng hỏi:

- Chư ông đi gặt hẳn?

Anh cu Xiêng mau m`ôm miệng đáp:

- Vâng, chúng cháu xem có ai thuê thì gặt. Ở ta đây đã gặt xong chưa cụ?

- Xong từ bao giờ r`ồi. Chúng tôi ít ruộng lắm.

Muốn tỏ mình thông thuộc, ông nhiêu Tiêm tắc lưỡi:

- Ruộng ở đây còn hiếm hơn ở mình. Gặt có già cơ chỉ dăm ngày là xong.

Rít một hơi thuốc lào r`ồi ông ngẩng mặt lên, vừa thở khói ra vừa cau mặt bảo:

- Anh em mình chết dở! Đi muộn quá. Đến cũng phải quay giở v`ề.

Một người đàn ông trẻ tuổi, mắt hấp hem, cố tách đôi mi mọng đỏ ra nhìn chúng tôi, khìn khịt mũi mấy cái r`ồi bảo:

- Tôi bảo nhé? Chỗ này thì còn nhi`ều lúa chưa gặt lắm. Các ông có dám đến thì tôi mách.

Ông nhiêu Tiêm cười khểnh:

- Hừ! Chúng tôi thì âm phủ chúng tôi cũng dám đến. Cứ có người thuê là được.

- Người thuê thì khối. Già nửa làng chưa gặt được.

- Ở đâu vậy, bác?

- Các ông có dám đến không đã?

- Tôi đã bảo: hùm tinh chúng tôi cũng không biết sợ. Có phải bên Mai không nào?

- Ừ, bên Mai.

- Tưởng gì!

Tiếng ông kéo dài nó ra để tỏ vẻ khinh thường và chế nhạo. Mũi anh kia khìn khịt một h`ồi lâu. Bây giờ tôi mới hiểu thế là anh ta cười. Bà hàng bảo:

- Ông nói thế chứ tôi thách ông dám sang gặt bên Mai.

- Cụ không phải thách. Chúng tôi đi ngay giờ. Làm cái thằng đàn ông, có thế mà đã sợ, không bõ vợ nó cười vào mặt cho. Chẳng nói giấu gì các cụ ở ta đây, các cụ nhi`ều ti`ền lắm của nên sợ chết, chứ người làng chúng cháu nghèo khổ nên chẳng coi cái chết ra mùi gì.

Câu nói rõ ràng có ý khích bác. Ông này đến làng người ta, mà nói miệt người ta quá. Bà hàng sa mặt xuống. Bà trả miếng:

- Thì đấy! Không sợ thì cứ sang mà gặt. Người ta đang c`ần thợ gặt. Chỉ sợ lại được chôn vỉa đường.

Ông nhiêu Tiêm cũng cáu:

- Cho ngay rằng chôn vệ đường! Anh em mình cứ đi.

Bà hàng không thèm nói nữa. Bà chỉ bĩu cái môi ra một chút. Và cái mặt bà vác lên. Ghét cái tính hay cà khịa của ông nhiêu Tiêm, chúng tôi không ai nói nửa lời. Tôi rất bực mình. Sao ông ấy cứ muốn gây ác cảm với thiên hạ làm gì vậy? Ông vác đòn càn đi trước. Ba chúng tôi cúi gằm mặt, theo.

Ông hiểu: chúng tôi gắt với ông chăng? Ông vừa đi vừa lẩm bẩm.

- Mẹ kiếp! Dọa! Dọa thì ông cũng không sợ. Lòe thằng nào chứ lòe thế nào được ông.

Tôi hỏi:

- Ở làng ấy có cái gì mà chúng nó bảo: chúng ta không dám đến?

Ông cười nhạt:

- À! Cả làng nó chỉ có đ`ầu, có đuôi mà không có khúc giữa.

- Thế là cái gì?

Thấy tôi ngờ nghệch, ông nhiêu Tiêm cười khanh khách. Chú cu Xiêng cắt nghĩa:

- Chuyện phường chèo bảo…Đầu trộm đuôi cướp. Khúc giữa làm gì có?

Đến lượt tôi cười vuốt đuôi. Nhưng cười xong tôi bảo:

- Thế thì bố ai dám gặt cho chúng nó! Gặt xong công chúng nó không giả, chúng nó lại cho một nhát dao thì được theo ông bà.

Ông nhiêu Tiêm nhạo ngay:

- Vợ mày còn trẻ lắm hay sao mà mày tiếc đời đến thế? Cũng đòi làm con giai! Tao ấy à? Xin cho ngay là quỷ sứ!... Kẻ cướp thì đây còn cho là xoàng!....

Chập choạng tối thì chúng tôi đến làng Mai. Đường vắng ngắt. Có một vẻ gì lạnh lẽo đến làm người ta rờn rợn như khí áp lưỡi dao cạo sắc lên trên gáy. Văng vẳng những tiếng khóc tỉ ti bay theo gió chiều. Chỗ chúng tôi dừng lại là một cái chợ. Những quán gianh vắng ngắt xơ rơ như những con gà xù lông ra, ngủ ròm. Những con gà quái gở! Tôi đột nhiên thấy rợn. Có lẽ cả ông xã Mịch và chú cu Xiêng cũng vậy, họ đi sát vào tôi. Riêng có ông nhiêu Tiêm bình tĩnh lắm. Ông ngồi phịch xuống:

- Làng Mai đây rôi. Quan nào muốn bứt đầu lão thì ra đây!

Ông cười the thé. Tiếng cười nghe ghê rợn quá. Tôi nhìn tròng trọc vào cái bụi tre tối om bên đường…Ồ! Cái gì thế vậy? Tóc gáy tôi dựng ngược. Chân tay tôi bủn rủn. Trời ơi! Có một bóng người…có một người…từ bụi tre đen ngòm đi ra. Vụt một cái, hắn đã sừng sững ngay trước mặt tôi, như mọc từ đất lên. Tôi hốt hoảng quát to:

- Ai thế?

Một thứ tiếng rất nhẹ nhàng đáp lại:

- Tôi đây mà. Các ông đi gặt hắn?

Đó là một người con gái. Tuy giời tối, chẳng trông rõ mặt, nhưng nghe nói là đủ biết. Tôi hơi yên lòng. Bốn người đàn ông khỏe mạnh không có lý gì lại sợ một con đàn bà. Ông nhiêu Tiêm hỏi:

- Mợ thuê gặt à?

- Vâng, các ông chưa gặt cho ai thì v`ênhà cháu nghỉ r`ồi sáng mai gặt giùm cho cháu.

- Được, nhưng mợ cho chúng tôi thế nào?

Người đàn bà ng`ần ngừ một chút r`ồi bảo:

- Các ông đã gặt ở các nơi thì các ông biết đấy. Các ông định thế nào, cứ cho nhà cháu biết. Các ông định lấy mỗi công gặt là bao nhiêu?

- Mợ cứ cho một đ`ồng.

- Một đ`ồng thì đắt quá

- Chúng tôi gặt mấy nơi đ`ều thế cả.

- Làm gì đến.

Sốt ruột, chú cu Xiêng hỏi phắt:

- Thế mợ cho bao nhiêu?

- Tám hào.

Tôi nghĩ bụng: ông nhiêu Tiêm hớ r`ồi. Chắc công gặt ở đây cao lắm. Đáng nhẽ ông phải nói đ`ồng rưỡi hai đ`ồng. Có lẽ ông nhiêu Tiêm cũng nghĩ như tôi vậy. Ông giao hẹn:

- Tôi nói cho mợ thế này này: chúng tôi gặt thì chỉ biết gặt thôi chứ không biết đập, giũ: miễn là làm sao cắt được lúa, bó lại quẩy v`ênhà là được; tối

đến, chúng tôi chỉ buông xuôi cái đòn càn là xong việc.

Đó là một cách để mà vòi đấy. Tôi dẫu chưa gặt ở đây nhưng cũng đã từng nghe người ta nói: cái lệ ở các nơi, thóc lên cót rồi mới có thể gọi là xong việc; mới buông xuôi cái đòn càn đã đòi lấy tiền của người ta sao được? Ấy thế mà người đàn bà cũng chịu:

- Vâng, thì các ông cứ làm sao lôi được lúa về nhà cho cháu là được.

- Ồ! Nhưng mợ vẫn phải cho một đồng.

- Ông nói một đồng, chẳng lẽ ông lấy cả một đồng.

- Mợ đã nói thế thì chúng tôi xin bớt đi một hào. Cứ chín hào một công, chẳng còn phải nói đi nói lại.

- Vâng, thì mời các ông về nhà.

Chúng tôi đi theo thị. Qua một cái ngõ sâu hoăm hoắm, chúng tôi đến một nếp nhà khá to, có tường hoa sân gạch. Người đàn bà đánh diêm châm đèn. Ngọn đèn dầu leo lét. Vẻ vắng lặng lại làm tôi sinh ngờ. Bởi trong cái nhà ngói rộng như cái đình, chỉ có mỗi một người đàn bà ấy. Không còn ai nữa. Ở một đầu nhà, một lá màn buông sẵn. Một mùi gì là lạ. Cái khí lạnh ở ngoài đường lúc nãy, chưa vào đâu với cái lạnh trong căn nhà hoang vắng này.

Người đàn bà biến đi đâu một lát. Rồi y lại hiện ra. Bây giờ tôi mới có thì giờ nhìn rõ. Y còn trẻ lắm. Mặt đẹp nhưng xương xương, lành lạnh. Một cái khăn vuông đen chùm gần hết trán. Cái khăn vuông ấy hắt bóng tối lên làn da xanh. Thú thật, trông cái mặt ấy, tôi không ưa tí nào. Không hiểu sao, tôi thấy nó không ra mặt người. Nó là giống ma quái gì. Bởi vậy tôi giật mình khi người đàn bà bước thẳng lại phía tôi và bảo:

- Bác còn trẻ nhất, chịu khó ra ngoài này, tôi mượn. Tôi lưỡng lự, ông nhiêu Tiêm dụ:

- Kìa! Ra đi!

Tôi đi theo y mà trống ngực đập thình thịch. Y đưa tôi ra đầu chái. Cạnh đấy là một cái ao, nước đen ngòm ngòm. Y biến vào một cái nhà tối như hũ nút. Tôi đứng đợi ở ngoài, không dám vào. Bỗng y lại chui ra, tay cầm một vật gì. Nhờ có ánh ngọn đèn con để ở đầu chái, tôi nhận ra một con dao nhọn. Thứ dao chọc tiết lợn. Tôi không động đậy, nhưng trong lòng bối rối. Y bình tĩnh bảo:

- Bác cắt tiết giùm tôi con gà.

Tôi hoàn hồn. Nhưng giết gà để làm cơm thợ gặt? Sự này cũng lạ. Bàn tay tôi nắm con dao cứa trên cái cổ con gà, run rẩy. Con gà hé một mắt ra, chừng chừng nhìn tôi. Người thiếu phụ, cầm chân gà, chúm đôi môi ra một cách sầu não lắm. Ơ! Sao lại thế? Tôi vụt nghĩ đến những chuyện yêu tinh làm thịt con. Và tôi sinh bàng hoàng. Cái cổ gà giãy trong tay tôi như một khúc rắn. Tôi kinh sợ rụt ngay tay lại. Người thiếu phụ mở to đôi mắt trắng dã nhìn tôi, rồi bảo:

- Thôi được rồi. Bác về nhà mà nghỉ.

Tôi nhẹ lâng cả người. Về đến nhà, tôi muốn kể những điều mắt thấy với ba người họ, nhưng sợ họ cười, lại thôi.

Chừng một giờ sau, người đàn bà bưng về một mâm cơm. Mâm đồng tử tế, thức ăn toàn gà luộc. Lại có cả hai chai rượu.

- Mời các ông xơi rượu rồi ăn cơm. Xong đâu vào đấy, nhà cháu còn nhờ các ông việc này.

Ông xã Mịch và chú cu Xiêng nhìn nhau ra ý hỏi: sao ở đây người ta lại quý thợ đến thế? Tôi thì tuy không phải ngạc nhiên, nhưng vẫn còn thắc mắc. Duy có ông nhiêu Tiêm thấy rượu thì mừng ra mặt, nhỏm ngay dậy, bảo:

- Mợ đã cho, anh em ta đi uống rượu!

Trong khi chúng tôi ăn uống, người đàn bà tháo tất cả những cánh cửa nhà, hạ xuống. Lại là một sự kì dị nữa? Y tháo hết cánh cửa ra làm gì?

Ăn uống xong, ông nhiêu Tiêm mặt đỏ gay, gọi chủ nhà bảo:

- Bây giờ chúng tôi no, say cả rồi. Mợ định bảo chúng tôi làm gì thì bảo đi.

Tôi hồi hộp. Người thiếu phụ đứng trong nhà nói với ra:

- Mời các ông vào trong này.

Ông nhiêu Tiêm đứng dậy, gật chúng tôi, cùng vào. Tôi gần chết khiếp, bởi lá màn đã vén lên. Trên bộ ghế nhựa, nằm duỗi dài ba cái xác, một cái đàn bà, hai cái đàn ông, chân tay xám như gio, má hõm, lỗ mắt sâu hoắm vào. Ông xã Mịch rú lên:

- Giời ơi! Sao thế này?

Và cả bốn chúng tôi, người nọ bám vào người kia. Người đàn bà vội sụp ngay xuống, lạy chúng tôi và rưng rức khóc:

- Đây là bố chồng tôi, mẹ chồng tôi, với chồng tôi. Chẳng may Giời bắt tội chết cả, không ai dám chôn. Tôi đàn bàn, con gái, lại có một mình. Các ông đã đến đây, các ông ghép qua loa vào làm áo quan.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 450, ngày 27-2-1943

TỪ NGÀY MẸ CHẾT

Hôm nay mưa rét. Mỗi khi trời mưa rét Ninh lại nhớ đến bu. Hồi bu còn sống, những ngày mưa rét, không ra vườn hái trầu, bóc mía hay làm cỏ được, bu hay mang cái bị giẻ và một ôm quần áo rách vào ổ rơm ngồi vá. Những mũi kim nhỏ, đều đặn và thẳng tắp. Người vô ý trông không biết là áo vá. Mà bu Ninh vá thật không biết gì là sốt ruột. Ai đâu mà ngồi đến tê cả mông, mờ cả mắt cũng không thôi. Những lúc đau lưng quá, bu Ninh chỉ ngừng kim một lát, vươn vai hoặc bẻ lưng vào cái cạnh giường kêu răng rắc, rồi lại cúi đầu xuống vá, vá hết cái này sang cái khác. Bao nhiêu là quần áo rách! Những cái quần trắng, áo cánh trắng của thầy, đầy nhựa chuối. Những cái váy bạc phếch của bu. Những cái váy bằng vải to nhuộm sồng với nhuộm bùn, dày cồm cộp. Trông cái váy, người ta tưởng như nó bền đến thiên niên vạn đại. Ấy thế mà cũng rách. Tội nghiệp, thì ra nó đẫm nhiều nước tiểu của thằng Đật quá. Về mùa rét, cậu Đật ta đêm nằm cứ tuồn hai chân vào lòng mẹ. Chả thế thì nó ấm mà! Nhưng tính cậu ta lại đái dầm, càng rét càng khỏe đái. Ấy thế là cứ mỗi đêm ba bốn lần, cậu rót tồ tồ vào váy mẹ. Chẳng sáng nào, mẹ không phải thay váy đem ra ao giặt. Còn gì mà chẳng mục? Không mục có họa là bằng gỗ lim!... Nhưng nhiều nhất là những quần áo của Ninh, của Đật. Cái nhuộm son, cái giãi nâu, cái để trắng. Nhưng chẳng cái nào còn giữ trọn vẹn được cái mầu của nó. Bởi vì cái thì mốc xanh, cái thì mốc vàng, cái thì lấm tấm hoa bèo, cái thì trạt những nhựa chuối, những tương, những mắm, mũi dãi cùng đất cát. Vò đến sái tay cũng không còn sạch được. Mà cái thì mất cúc, cái thì xoạc nách, cái thì xoạc túi, cái thì rách lưng, cái thì rách vai, cái thì rách ống tay. Chỉ tại nó nghịch quá. Không thế chưa đến nỗi. Nhiều cái vải còn dai lắm, xé kêu xoàn xoạt. Chúng nó mặc hại quần áo lắm. Cứ gọi là vừa mặc vừa xé áo. Bu Ninh tay vá, miệng chửi cho không còn tai nào mà nghe… Đật và Ninh chiếm mỗi đứa một bên cạnh mẹ. Chúng nó nằm phục vị, đầu chúi vào đít mẹ, Ninh kêu bên Ninh ấm, Đật cãi bên Đật ấm, hai đứa cãi nhau chí chóe. Mẹ đùa con, bảo:

- Có im, không thì tao đánh cho một cái... tha hồ ấm.

Chị em cười khành khạch rồi cãi nhau bô bô. Ninh mồm mép quá, Đật không nói kịp. Đật òa khóc. Mẹ ngừng kim, cốc vào đầu con gái. Ninh rụt cổ lại, ôm đầu cười hí hí. Mẹ Ninh bật cười. Ấy thế là Ninh sằng sặc cười thật to, khiến Đật đang khóc cũng khanh khách cười... Chao ôi! những ngày mưa rét hồi ấy vui quá nhỉ?

*****

Bu chết đã ngót ba năm. Thầy bảo thế. Thì ra ba năm cũng dài lắm nhỉ. Ninh cứ tưởng bu Ninh chết đã lâu lắm. Nhưng trách gì!... Xưa kia, những ngày bu đi chợ tỉnh, độ gần tối chưa về Ninh đã thấy mong. Ấy là mới vắng bu có một ngày. Mà nào đã hết cả ngày. Bây giờ vắng bu bằn bặt những ba năm. Bao nhiêu ngày tháng! Ninh thấy lâu là phải. Biết bao giờ mẹ lại về với con? Ninh bâng khuâng cả người. Y như là nằm mơ. Ấy là Ninh đã nguôi nguôi đấy. Hồi mẹ Ninh mới chết, cứ nghĩ đến mẹ là Ninh khóc. Ninh khóc ằng ặc như người nuốt phải ngụm gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng. Khóc đến lặng hẳn người đi, không còn ra tiếng nữa. Chẳng ngày nào không thế. Mỗi ngày hai, ba lần.

Bây giờ thì Ninh không khóc nữa. Nhưng Ninh vẫn còn buồn lắm. Buồn rũ rĩ. Ninh ngơ ngẩn như mất vía. Có lúc Ninh làm gì mà cũng không biết nữa. Ninh vừa cất con dao hay cái chổi, giá thầy Ninh có hỏi, Ninh đã lại chẳng biết đâu mà lấy. Thầy Ninh cũng hiểu Ninh nhớ mẹ, nên không nỡ mắng. Thầy rân rấn nước mắt. Bố nhìn con, con nhìn bố. Hai bố con cùng cúi đầu lẳng lặng. Bố thở dài và con thở dài….

Mẹ Ninh chết sau ngày giỗ ông nội Ninh có hai ngày. Ninh nhớ rõ thế, bởi vì ngày giỗ ông năm ấy, hai mẹ con đã khóc lóc với nhau từ non trưa cho đến tối. Sáng dậy thầy Ninh hâm thuốc cho bu Ninh uống rồi thầy quét nhà, quét sân, giặt quần áo cho bu. Rồi lại còn phải lấy gạo thổi một niêu cơm để đấy cho Ninh nữa. Xong đâu đấy thầy cõng Đật đi ăn giỗ. Ninh phải ở nhà coi mẹ. Thầy Ninh bảo: “Con chịu khó ở nhà với bu kẻo bu buồn, thầy cho em đi một lát, lúc về thầy lấy phần cho một nắm xôi, vài miếng thịt, tính con thịt mỡ chỉ ba miếng là chán ứ. Đi, con cũng chả ăn được mấy, mà ở nhà thì thầy cũng đem về cho con. Đằng nào con cũng được ăn, nhưng bu con ốm thế, để bu ở nhà một mình thì thầy lo lắm”.

“Con ở nhà với bu…”. Việc gì mà thầy phải nói nhiều đến thế? Ninh có đòi đi đâu? Thịt mỡ thì Ninh không thích thật. Nhưng dù có thích, Ninh cũng không đi cơ mà! Đi cũng khó mà nuốt được. Ninh thương bu lắm. Ninh thích ở nhà với bu. Thầy Ninh còn phải cúng ông, thì thầy Ninh phải đi. Thằng Đật còn bé, dở người, không cho nó đi thì nó khóc. Chẳng lẽ Ninh to đầu rồi mà cũng bắt chước em? Có mà đồ hư? Không, Ninh không đi đâu, thầy ạ. Ninh không muốn đi đâu, thầy ạ! Thầy cứ cõng thằng Đật đi kẻo muộn. Ninh ở nhà thích lắm. Thầy đừng thương Ninh...

Nhưng thấy Ninh cứ nhìn theo thầy cõng thằng Đật đi ra ngõ, bu Ninh lại tưởng Ninh muốn đi ăn giỗ lắm, nhưng sợ bố mà không dám đòi đi. Bu Ninh thương hại. Bu gọi Ninh vào mà bảo:

- Con muốn đi thì cứ đi cũng được. Hôm nay bu dễ chịu.

Ôi! Không!... Không!... Ninh không muốn... Ninh lắc đầu hăng hái:

- Không! Con ở nhà.

- Sao thế?

- Chẳng sao cả, nhưng con không thích...

- Nhưng ngộ bà không thấy con, bà lại hỏi…

Hỏi gì! Bà biết thừa là bu ốm nặng. Ninh phải ở nhà để bu sai vặt chứ!... Ninh nghĩ thầm như vậy, nhưng không nói. Ninh chỉ hơi lắc đầu. Nhưng có lẽ bu cũng hiểu. Bu nhìn Ninh âu yếu. Mắt bu ầng ậc nước. Bu chửi yêu Ninh:

- Bố mày!

Rồi bu lại bảo Ninh:

- Không đi thì ngồi xuống đây... Bóp tay cho bu một lúc. Tay bu buồn lắm.

Ninh nắm lấy cái bàn tay bu, chỉ còn rặt những xương, mà lạnh giá. Nó lỏng la, lỏng lẻo. Những ngón trông rõ từng đốt, từng đốt một. Những

đường gân xanh nổi thày lày lên. Ninh bóp tay bu nhẹ nhẹ. Ý hắn bu thích lắm. Mắt bu lim dim và đôi môi nhợt nhạt của bu hé mở như chực cười. Rồi tay bu nắm lấy tay Ninh. Thành ra chính bu lại bóp tay cho Ninh chứ không phải Ninh bóp tay cho bu nữa. Bu vừa bóp vừa hỏi:

- Sao lớp này con gầy thế?

Ninh không đáp được. Bu Ninh soi tay Ninh lên trước mặt nhìn rồi bảo:

- Chết thôi, con ạ! Tay mày đầy những mụn. Không khéo ghẻ...

Ninh cúi mặt. Bu căng từng kẽ tay Ninh ra xem, rồi kêu lên:

- Bỏ bố mày! Đích thị mày ghẻ rồi, con ơi! Yên, tao xem nào. Bu ngồi hẳn lên. Mắt bu tỏ ra vẻ sợ hãi. Bu vén ống tay áo Ninh lên. Cổ tay Ninh sây sứt. Bu lắc đầu:

- Bố con! Con bẩn quá! Cái cổ tay gồ lên những ghét... Hèn nào mà chả ghẻ?

Bu bắt Ninh đi múc nước. Bu rửa cho Ninh lâu lắm. Vừa rửa bu vừa bảo:

- Sẩy mẹ ra một cái là khổ ngay, con ạ. Ấy là mới rời tao ra hơn một tháng... Chúng mày đã gầy giơ xương, mình mẩy, chân tay thì ghẻ gún. Ngộ tao chết thì có lẽ chúng mày rã xương ra được. Này, cái cổ tay... có khác gì cái cẳng gà hay không?

Ngừng một lát, bu lại thở dài mà bảo:

- Mẹ mà chết thì các con đi ăn mày mất! Đàn ông chả mấy người biết thương con cái. Cha chết thì ăn cơm với cá, mẹ chết liếm lá dọc đàng. Mẹ mà chết đi thì... con ơi!...

Ấy thế là nước mắt bu chảy ra ròng ròng. Ninh cũng khóc. Hai mẹ con cứ ngồi trông nhau mà khóc đến tận lúc thầy Ninh với Đật đi ăn giỗ về. Thầy đem về một nắm xôi đỗ con với một cái đùi gà toàn những thịt. Bà thương Ninh nên bảo chặt để lại cho Ninh đấy. Nhưng Ninh thương bu quá, ăn

cũng chả còn biết gì là ngon... Ồ! Ninh cứ bảo: bây giờ nghĩ đến bu, Ninh không khóc nữa... Không khóc mà lại có nước mắt, nước mũi Ninh đang chảy ra đây này... Đật! Đật ơi! Ô hay! cái thằng Đật chạy đi đâu rồi?

*****

Đàn ông chả mấy người biết thương con cái... Thật thế ư? Không có lẽ. Thầy Ninh thương chị em Ninh lắm chứ!... Hồi bu mới chết, thằng Đật khóc suốt ngày. Nó gào bu. Nó đã hiểu là thế nào đâu. Nó cứ đòi gọi bu về với nó. Thầy phải cõng nó ra chợ mua bánh. Thầy mua cho nó nhiều bánh lắm. Thầy mua cả cho Ninh nữa. Thầy với Ninh bày cỗ chơi với Đật. Thầy làm cho Đật những con quay bằng những quả bưởi con, những cái giường, những cái ghế tràng kỷ bằng cây chót. Trông thích lắm. Nhờ vậy Đật mới không khóc nữa.

Đêm, Đật và Ninh ngủ với thầy. Ninh nằm trong cùng. Đật nằm giữa. Thầy nằm ngoài. Thầy bảo Đật luồn chân vào lòng thầy cho thầy ủ. Khi nó đã ngủ mệt rồi, thầy vươn tay qua người nó để sờ Ninh. Thầy kéo Ninh nằm sát vào với Đật. Thầy co chăn, co chiếu về phía Ninh thật nhiều, sợ Ninh giãy, trật ra ngoài, bị rét. Mùa bức thì thầy đặt hai đứa nằm cách nhau xa cho mát. Thầy ngồi quạt. Quạt cho đến tận lúc nào con ngủ mệt, thầy mới chịu ngả lưng xuống giường. Nhưng nằm thì nằm, thầy có ngủ đâu. Ninh thấy thầy quạt rất khuya. Có đêm, ngủ được một giấc dài, tỉnh dậy, Ninh vẫn còn nghe phành phạch. Thầy thở dài luôn ấy. Có khi sụt sịt. Thì ra đêm đêm thầy vẫn khóc. Thầy nhớ bu….

Ấy, cái hồi bu mới chết thì thế đấy. Nhưng ít lâu nay, hình như thầy đổi tính. Thầy vẫn thương Ninh và Đật. Thỉnh thoảng thầy vẫn cho mỗi đứa vài xu ăn quà. Nhưng thầy vắng nhà luôn. Thầy phải gửi gạo bên nhà bác Vụ để thổi cơm cho Ninh và Đật. Bởi thầy đi từ sáng cho đến tối. Có khi tối cũng không về. Có khi đi luôn hai, ba ngày. Chị em Ninh phải ăn nhờ, ngủ nhờ nhà bác Vụ. Đi đâu vậy? Nào ai biết! Bác Vụ bảo thầy đến nhà cô Miện, thầy phải lòng cô ấy. Nhưng chắc là chả phải. Nếu phải, sao cô Miện lại đi lấy lẽ ông ký Bản? Đám cưới vừa đi qua đây hôm nọ. Ninh cõng Đật ra tận đường, đứng xem. Từ hôm ấy thầy lại càng khỏe đi. Đi suốt ngày

suốt đêm. Mưa rét thế này, chả biết thầy đi làm gì cho khổ? Chả biết có được ăn gì hay không? Hay là nhịn đói luôn ba, bốn ngày?...

Lại còn cái ông Đật nữa! Đi đâu mà đi mãi thế! Ý dáng lại lần sang nhà bác Vụ. Còn sang làm gì? Gạo của thầy gửi đã hết từ đời nảo, đời nào. Bác ấy phải cho ăn lận nhà bác ấy năm, sáu bữa. Nhà bác ấy cũng túng. Chồng chết đi, để lại đẫy bốn con. Bốn đứa cũng lúc nhúc như Ninh và Đật. Bác ấy nuôi được chúng nó cũng đến điều vất vả. Còn lấy gì mà nuôi cả Ninh và Đật nữa? Bác ấy đã phải bảo Ninh: "Cháu về mà đi tìm thầy, nhà bác cũng hết gạo rồi, nếu thầy không đưa thêm cho bác thì bác lấy gì thổi cho chúng mày? Các anh cũng đói…". Thế là Ninh đủ hiểu. Bác ấy muốn bảo: "Chúng mày liệu sao thì liệu, đừng ăn rình nhà tao mãi!". Ninh đưa em về. Tìm thầy, thì biết đâu mà tìm được? Ninh chẳng tìm. Không có ăn thì nhịn! Ninh nhịn từ bữa chiều hôm qua. Đật khóc, Ninh đi moi được một củ dong về nướng. Đật một nửa. Ninh một nửa. Ninh bảo Đật ăn cho đỡ đói thôi, còn cố nhịn, đợi thầy về, ăn nữa. Nhưng Đật không nhịn được. Đật chạy sang nhà bác Vụ. Bác ấy phải lấy trộm nắm cơm tối của thằng cu Chúc nhà bác ấy, đưa cho Đật, Đật mới ăn được một miếng thì Chúc biết. Chúc chạy vào nhà tìm nắm cơm của nó. Thấy mất, nó biết là nắm cơm của nó đương ở trong tay Đật. Nó chạy theo, giằng lại. Đật mất ăn, mếu xệch mồm đi, chạy về. Ninh đứng ở hè bên này, trông rõ cả. Ninh tức lắm. Chẳng biết tức Chúc hay tức Đật. Chỉ biết Ninh nghẹn ngào cả cổ. Vừa thấy Đật, Ninh nhảy xổ lại, tát đen đét vào má Đật. Đật òa lên khóc. Ninh òa khóc theo.

Một lát sau, Ninh nghĩ thương em quá, Ninh lại đi tìm dong, nhưng hết. Ninh moi luôn một củ ráy. Ráy nước, ăn ngứa lắm. Nhưng đói còn biết gì là ngứa? Ninh đem về nướng. Ninh gọi Đật về, lau nước mắt cho nó, rồi chị em ăn ráy nước. Đật ăn tợn lắm, chẳng thấy kêu ca gì cả. Ninh rơi nước mắt. Ninh dặn em: "Từ giờ đừng ăn cơm nhà thằng Chúc nữa". Đật gật đầu. Thế mà hôm nay nó lại lần sang nhà bác Vụ. Có bực mình hay không?

*****

Ninh reo lên:

- A bà!

Đấy là bà ngoại Ninh. Bà ở xa xôi lắm. Hôm nay, tiện ra mạn này lấy thuốc, bà tạt vào chơi với cháu. Bà đưa cho cháu một đùm xôi lạc.

- Bố mày đi đâu?

- Con không biết.

- Đi từ bao giờ mà mày không biết?

- Đi lâu lâu là rồi.

Bà ngồi xuống ngưỡng cửa, mặt hầm hầm như giận dữ. Ninh hơi ngượng. Bà chíp chíp mồm luôn ba, bốn cái rồi bảo cháu:

- Có phải bố mày bán nhà rồi không?

- Con không biết.

- Bán rồi! Thua xóc đĩa... Thua đâu những ngót ba trăm bạc...

Đật chạy về. Nó vồ lấy bà, nhưng trông thấy đùm xôi ở tay Ninh, lại bỏ bà ra để vồ lấy đùm xôi. Ninh hất tay nó ra, mắng:

- Làm gì thế?

Nhưng bà bảo:

- Cởi ra, chị em ăn với nhau. Để làm gì?

Đật giằng lấy đưa cho bà cởi. Bà chia cho mỗi đứa một nửa. Hai cháu ăn. Đật ngồm ngoàm. Ninh thong thả. Bà nhìn cháu mà ái ngại. Bà chép miệng:

- Đến chết đói thôi, các cháu ạ! Bố chúng mày không ra giống người…

Một tiếng thở dài tiếp theo…

*****

... Buổi sáng hôm ấy trời ấm áp. Có nắng hanh. Nắng luôn mấy hôm rồi, nên vườn khô ráo... Đật và Ninh đã chạy tung tăng được...

Bỗng một bọn năm, sáu người, kẻ cầm lạt, kẻ cầm dùi đục, tuôn vào đầy sân. Mồm họ nhai trầu. Họ nói chuyện toang toang như một bọn đồ tể đi bắt lợn. Mấy người trèo lên nóc nhà nhà Ninh. Họ dỡ tranh quăng xuống sân rào rào. Ninh chạy về..

- Ô hay! Sao các ông phá nhà tôi?

Một người chít khăn mỏ rìu, nhe những cái răng cải mả ra cười mà bảo:

- A! Thầy mày thuê chúng tao phá đi để làm nhà tây đấy mà.

Một người nữa cười ìn ịt như con lợn, bảo:

- Chả cái này bé quá!...

Và người nữa:

- Thầy mày thích làm nhà tây kia... Làm nhà bên Tây - Trúc ấy mà, mày biết không?

Cả bọn cười ầm lên. Trông người nào cũng dữ. Họ nói như quát vậy. Ninh sợ hãi. Ninh chạy bình bịch sang nhà bác Vụ. Ninh định cầu cứu bác. Vừa bước vào nhà bác, Ninh sửng sốt. Thầy Ninh ở đấy. Thầy Ninh nằm thườn thượt trên một cái giường, hai tay chít lại đặt bên dưới gáy. Ninh mếu máo:

- Thầy ơi! Thầy…

Rồi Ninh nghẹn ngào, không nói được nữa. Nước mắt ứa ra. Thầy Ninh ngồi dậy, bảo:

- Việc gì mà khóc? Thầy bán cho người ta đấy. Bán lấy tiền mua vài phiến lim về xẻ. Chuyến sau, ta làm một cái nhà toàn lim!

Thầy nhếch mép ra cười. Cái cười vạch hai nét nhăn trên đôi má hõm. Thầy cười thế, trông già sọm. Có lý nào thầy chóng già đi quá thế. Ninh trố mắt lên nhìn thầy… Bỗng từ bên nhà đưa sang những tiếng dùi đục kêu chan chát. Nghe ghê rợn lắm. Ninh đã được nghe những tiếng dùi đục ấy một lần rồi, vào cái ngày mẹ chết: người ta đóng cả chiếc săng của mẹ... Vết nhăn trên má thầy Ninh sâu thêm, rộng thêm ra. Trông như thầy Ninh mếu. Ninh òa lên khóc...

- Bu ơi là bu ơi!...

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 452, ngày 13-3-1943

LÀM TỔ

Thuận r ồi đấ y!...

Phải, nếu thời gian vẫn giữ được cái nhịp thường của nó thì rày đêm dài, ngày ngắn; ban đêm đã có sương, người ta đắp một cái chăn đơn vừa dễ chịu; ban ngày thì mát mẻ, trời đất xanh, không khí trong veo, nắng dịu, heo may giãi đ ồng. Nhưng các cụ già thường nói rằng: thời tiết bây giờ có khác đi, không còn được đúng như xưa. Ngày xưa, thời nào tiết ấ y rất phân minh, mưa gió thuận hòa. Bây giờ thì các mùa liên tiếp nhau xem chừng cũng chẳng còn đúng mực. Chao ôi! Ở trên đời này có cái gì b ền vững mãi đâu?

Có như vậy thật. Ai dám ngờ rằng sang tháng Chín r ồi mà còn có bão to? Thấ y trời trở heo may, người ta tưởng đấ y là thu. Những người giàu lấ y áo mặc thêm. Những người nghèo mơ ước một n ồi ngô bung để ăn cho chắc dạ trước khi đi ngủ. Trời lạnh lại càng khỏe đói. Nếu có mà ăn, người ta có thể ăn suốt ngày. Trong lúc người ta đang rất yên lòng nghĩ đến mặc và ăn, gió cứ mỗi lúc một thêm to. Gió suốt đêm. Hình như lại có mưa. Đến g ần sáng thì những cái nhà tre đã bắt đ ầu chuyển mình kêu răng rắc. Người ta giật mình choàng dậy. Gió đã hung hăng lắm. Lấ n át những tiếng kêu của lá, gió ch ồm lên h ồng hộc.

Bây giờ thì chẳng còn ai ngủ nữa. Ngay trong những căn nhà vững chãi, người ta cũng thức. Người ta thở dài, chép miệng, rên lên như sốt rét. Người ta lo chết đói. Lớp lúa này đang trỗ. Cây cối mà trận bão trước còn để sót vừa mới hơi hơi lại. Trận này nữa là không một giống cây gì còn sống nổi. R ồi đây vườn sẽ chỉ còn đất trắng, củ chuối mà ăn cũng không còn nữa. Nhà nào nhà nấ y lại sắp sửa xem còn có thể đi nơi nào được, thì vợ ch ồng con cái b ồng bế nhau mà đi…Khốn nạn nhìn lũ con vô tư ngủ lăn ngủ lóc dưới một cái nóc nhà lẩy rẩy! Một tiếng két lại làm cho họ giật mình thon thót. Họ lo lắng nhìn những cái xà cựa quậy. Nhà khó lòng mà khỏi đổ. Biết làm sao bây giờ được? Trời đen như mực. Không đèn đóm nào chống chọi lại được với mưa, với gió. Ngay người cũng khó lòng mà đi vững. Làm thế nào mà khuân được ba, bốn đứa con đi trú nhờ? Họ tự

hỏi họ như vậy, rồi lại tự trả lời bằng những tiếng kêu trời thật to. Bởi vậy, ánh sáng trở lại thật đã đẩy một khối nặng đè lên ngực họ. Mắt họ sáng lên một chút. Nhưng chúng sáng lên để lập tức lại tối sầm ngay lại. Chúng vừa nhận thấy cái cảnh đổ nát ghê gớm bên ngoài. Biết bao nhiêu chuối đổ, cây gẫy gục, cây chốc gốc. Biết bao nhiêu mía đổ. Bưởi, cam rụng lở tở. Những cành xoan bị gãy cành, nát lá. Những cây tre rũ rượu như gần kiệt sức. Gió đã tuốt đi của chúng bao nhiêu lá! Những chiếc còn sót lại tướp ra thành những sợi nhỏ, như những chùm lá thông…

Những người nhà quê nhìn ra vườn, thương xót cây cối của họ như thương xót những con vật sống. Họ thương cây và thương chính họ. Bao nhiêu là mồ hôi, nước mắt! Chỗ mía kia giá trời để nguyên lành, cuối năm nay làm gì không có ba chục bạc. Mấy buồng chuối tiêu kia tháng sau bán thật vừa: bán cho người ta ăn tết cơm mới. Cây bưởi có người trả mười đồng còn dùng dằng chưa chịu bán. Còn cam, còn trấp, còn cây hồng sai chíu chít… Bao nhiêu tiền của vào đấy. Tối hôm qua đi ngủ, còn nguyên vẹn. Bây giờ đã sạch sành sanh cả rồi.

Những người đàn bà khóc thật. Họ khóc hu hu như cha chết. Những người đàn ông sốt ruột quát om sòm. Những thằng liều nghiến răng lại chửi trời. Những thằng nhút nhát hơn chửi trống không. Mặc! Gió vẫn gào, vẫn thét, vẫn hồng hộc như những con ngựa chiến. Và trên cao, cái thứ tiếng u u vẫn kéo dài ra mãi, như có người chọc tiết hàng trăm con bò…

Nhưng trận bão ít nhất cũng làm cho một người sung sướng. Ấy là Thai cao kều. Không phải Thai là một kẻ dở hơi. Nhưng hắn chỉ có hai bàn tay trắng, những thằng không có của không bao giờ mất của.

Vốn xưa kia Thai cũng có vườn. Có ba sào. Chẳng phải của ông cha để lại cho. Ông cha hắn cũng nghèo. Lúc sống cơ nghiệp có bao nhiêu thì lúc chết lại quây gói vào mà mang đi hết. Bởi vì người ta không phải là con chó, người ta không thể chết như con chó chết: chết còn làm lợi cho kẻ khác. Người chết phải đem chôn. Lại không thể cầm cái mai, moi một đống đất lên mà chôn như chôn một con mèo chết vào gốc cây khế cho cây khế ngọt. Phải mua cỗ gỗ, phải mời xóm mời làng. Phải có bát nước, miếng trầu. Phải biện lưng cơm cho những người khiêng. Ấy nói phận

nghèo. Nếu có thể còn xoay mượn được thì còn phải đến trăm thứ khác. Cái chết ở thôn quê là một cái gì rầy rà to. Vậy thì dẫu bố mẹ Thai có vườn để lại cho Thai thì Thai cũng phải bán đi rồi. Nhưng thật tình là không có. Ba sào vườn của hắn, nguyên do là của ông lý Biên cho hắn. Hồi ấy hắn làm đầy tớ nhà ông lý. Chính vào hồi kinh tế. Thóc có hào tám, hai hào một thúng. Làm ruộng không đủ tiền trâu bò với tiền nộp thuế. Người ta lũ lượt kéo nhau đi mộ phu, đi lên rừng. Vườn, ruộng ế. Những mảnh tốt còn có người muốn giữ. Những mảnh xấu, chẳng có ai còn thiết. Người ta bỏ thuế. Lý trưởng sợ không có gì mà nộp đậy lại được, mang gán cho bà con thân thuộc, người một mảnh, người vài mảnh. Còn lại mảnh ba sào đất bãi, không ai chịu nhận, ông bèn cho Thai. Cho thì lấy vậy. Dẫu chẳng được lợi lộc gì thì cũng không phải thiệt. Đủ nộp thuế là phần nhất. Không đủ thì cứ ì ra đấy. Hắn là đầy tớ của ông lý, không lẽ ông giết hắn? Ngày ấy hắn chưa vợ, chưa con gì.

Mấy năm sau, ông lý Biên từ lý trưởng. Người khác lên thay. Thai không thể ăn vườn mà không nộp thuế. Hắn đã toan bỏ phắt, nhưng không bỏ được. Bởi bây giờ hắn đã trót đa mang vào cái cảnh vợ con. Vợ hắn bảo rằng: cái vườn cũng như một cái xương để gặm dần. Thị nhất định cứ giữ khư khư lấy cái xương ấy, không chịu nhả. Sự co quắp của đàn bà thật là khó chịu nhưng nhiều khi có lý. Bởi vì cái thời mọi cái rẻ như bèo dần dần phải qua đi. Thóc gạo trở lại giá bình thường, rồi quá giá bình thường. Một thùng sắt tây đã có kì lên đồng tám. Gấp mười lần khi trước. Những người ăn đong méo mặt. Ngày nắng còn có thể đong được gạo, ngày mưa, nhiều khi có tiền mà cũng đành phải nhịn. Cầm rá ra hàng gạo, đố ai thấy đầu hàng gạo đâu; người đi đong chen chúc. Hàng gạo vừa bán vừa mắng xa xả, người mua cũng phải lăn lưng vào. Ờ! Bây giờ thì vườn, ruộng sao mà quý thế! Ba sào vườn của Thai bỗng nhiên có giá. Nó đã không còn là xương nữa. Nó là miếng nạc. Biết bao nhiêu anh thèm! Hồi đầu năm, có người trả trăm hai. Rồi có người trả trăm ba. Rồi có người trả trăm tư. Hồi tháng năm vừa rồi, thấy hắn phải chạy tiền nộp thuế, có anh cay mua quá, trả luôn trăm sáu. Đã ghê chưa? Chưa bao giờ hắn tưởng hắn có cả một cơ nghiệp to đến thế. Ngót hai trăm đồng bạc! Vợ hắn vênh mặt lên mà bảo hắn:

- Đấy! Chả đòi bán mãi đi! Giá bàn rồi thì bây giờ được nhìn người ta ăn mà xít xoa.

Hắn cười:

- Người ta đùa đấy chứ ai chịu bán? Có ba sào vườn bán đi thì ở đâu?

- Úi chào!.....

- Thật chứ!.... Bây giờ ai cứ trả hai trăm bạc, tôi có bán thì cho cứ phỉ vào mặt tôi.

Có người biết thế. Người ấy dòm ngó cái vườn của Thai lâu lắm. Y biết rằng Thai túng, nghĩa là cái mồi còn có thể giằng ra được. Miễn là phải khéo. Y chờ từng cơ hội. Mà cơ hội thì này đây: một hôm y thấy Thai đến sòng sóc đĩa. Dấu hiệu này rất tốt. Bởi đến sòng sóc đĩa thì phải đánh. Đánh thì thua hoặc được. Được thì đánh nữa cho đến bao giờ hóa thua. Kết cục thì bao giờ cũng thua.

Y chờ lúc đó. Lúc đó đã đến, như lời y đoán. Y cho Thai vay vài chục. Rồi y lại cho Thai vài chục nữa, rồi vài chục nữa. Sau cùng thì y gạ Thai cố vườn. Cố thôi, chứ y không có tiền mua đâu. Không muốn cố thì xoay tiền mà trả y. Y không cho vay thêm nữa. Vay nhiều rồi. Xoay? Nhưng mà xoay ở đâu? Xoay đâu cũng phải lãi mười phân. Thôi thì cố mẹ nó cái vườn cho xong! Thai nghĩ thế, bởi vì hắn đã thua cay lắm. Cần phải gỡ. Dẫu phải bán thân hắn đi để mà gỡ, hắn cũng không ngần ngại. Ấy thế là cái vườn mất. Bởi vì cái vườn bán có đắt khét mới được hai trăm thì người lấy cố lấy luôn cho hắn những trăm hai. Trăm hai, trăm hai, viết là hai trăm cho cẩn thận, do cái lẽ trong văn tự chỉ có thể nói: lãi y như quốc lệ. Y như quốc lệ nghĩa là đồng bạc, tháng có một xu. Tiền để có mục ra, cũng không cho vay nhẹ lãi như thế. Vậy thì viết tăng lên hai trăm cũng được, nhưng đến lúc chuộc thì cứ số trăm hai tính lãi mười phân mà trả. Người có tiền bỏ ra, bao giờ cũng muốn nắm đằng chuôi như vậy. Được! Được! Muốn thế nào thì thế! Thai cần tiền…

Cái lịch sử vong gia thất thố bắt đầu như vậy. Tiếp đến những ngày vợ chồng nghiến ngấu nhau. Rồi thì chị vợ bỗng tẩn mẩn nghĩ rằng: cho cái

thằng chồng bạt mạng này ăn thật phí cơm. Thị không cho chồng ăn nữa. Muốn ăn thì đi mà kiếm gạo. Anh chồng nghĩ: về nhà thế này thì cũng vô ích quá. Hắn không về nữa. Ban ngày hắn ở lại nhà chủ đến sáng mai lại làm. Chị vợ đi mò cua, bắt ốc hoặc cắt cỏ đem sang chợ. Chị bán lấy tiền để nuôi thân và nuôi đứa con nhỏ. Đứa con lớn cho đi ở. Thế là ai lo phận ấy. Tay có làm thì hàm mới nhai. Trong khi ấy, số lãi cố vườn – mỗi tháng mười hai đồng bạc – cứ chồng chất lên.

Trận bão tháng Sáu bùng ra. Giá không sợ người ta chửi, Thai đã reo lên một tiếng reo đắc chí. Bởi vì lúc ấy cái vườn đã đến cái độ không còn lấy gì mà chuộc được. Tiền chuộc quá giá vườn rồi. Vậy thì những cây cối đổ la liệt, hoa màu bị tàn phá chẳng ăn nhập gì đến hắn. Chỉ có vợ hắn là hơi bị thiệt: cái nhà bị đổ. Nhưng cũng được, thị dỡ củi đi bán dần lấy tiền đong gạo. Rồi thì đi ở nhờ. Có sao.

Sau trận bão, nhà nào cũng phải dọn vườn, phải chữa nhà. Không ai rỗi để làm thuê. Bây giờ mới là lúc những anh làm thuê "lên râu tợn". Thai tự nhiên thấy người ta cần mình. Cần thì bắt chẹt, để bù lại những lúc sức làm việc của con người bị rẻ rung, hắn ngồi mốc lên cũng chẳng ai thuê. Mọi khi ăn cơm nhà, hắn vẫn được người ta trả công ba hào. Cơm chủ thì hào rưỡi. Họ cho ăn tệ lắm, được miếng cơm chín đã là tốt phúc. Bây giờ không thế được. Hắn đã làm, cứ phải cơm ngày ba bữa, có cái tôm, cái tép hoặc bát canh, bát riêu tử tế. Rồi tối về lại phải xỉa ra luôn bốn hào công. Có bằng lòng thế thì thuê, không thì lại để hắn chơi mà nhịn đói. Cố nhiên là người ta phải bằng lòng. Hắn gạt ra không hết việc. Luôn nửa tháng trời, ngày nào cũng cơm no phĩnh độ, tiền bỏ túi lúc la lúc lỉu. Một lớp ấy, tính ra hắn để được năm, sáu đồng.

Bởi vậy, khi trận bão bất ngờ đầu tháng Chín xảy ra, Thai mừng rỡ. Hắn thấy hắn cố vườn là phải lắm. Để vườn, bây giờ chỉ việc trông mà khóc. Không có vườn, không phải dọn, lại được đi làm thuê lấy tiền. Ôi! Chí lý thay là những anh cố vườn! Hắn ngửa mặt lên trời cười ằng ặc.

Nhưng hôm nay thì công việc cũng đã vãn rồi. Người ta không còn phải tranh nhau một người như trước nữa. Công trở lại ba hào không cơm. Gạo

thì kém. Không những thế lại sắp sửa đến cái dạo không có việc. Thai đã phải vác xác ra bờ đê ngồi tán chuyện với những kẻ vô công rồi nghề.

Trời lành lạnh. Gió thổi trên những ruộng lúa xanh cuồn cuộn. Thai nghĩ bụng không khéo thì lại bão!... Nhưng không phải, trời có vẻ như đã thuận. Mà thuận là phải lắm. Gần sang tháng Mười rồi còn chi? Mùa lạnh tới. Thai buồn rầu nghĩ đến bộ quần áo độc nhất của hắn đã xác như tổ địa. Giá vải như giá vải năm nay, thì hắn chẳng dám mong có thể may bộ khác. Bộ cũ cần vá víu….

- Thuận rồi đây!...

Hắn nhắc theo những người khác như cái máy, nhưng mắt hắn lờ đờ. Gió may thổi đám lá tre bối rối. Trong lòng hắn, những nỗi niềm không rõ rệt, nhưng buồn bã lắm, cũng rối lên bời bời. Trời lạnh lẽo. Con chim nhớ tổ. Người ta thấy yêu gia đình. Thai nghĩ đến vợ, đến đứa con nhỏ, đến những buổi tối của những mùa rét trước. Cái ổ rơm ấm nóng, mẻ ngô rang thơm ngọt, tiếng trẻ con cười giòn. Và người đàn bà, người đàn bà ấm hơn chăn chiếu.

Chiều hôm ấy, Thai đi tìm vợ. Chúng điều đình với nhau một cuộc tái hợp. Không có gì ngăn trở cả. Người đàn bà rất muốn có một chốn để đi về như con chim có tổ. Cái khó bây giờ là làm sao có nhà….

Thai bảo vợ:

- Kể thì cũng dễ. Cái vườn tuy cố rồi nhưng vẫn chưa mất hẳn. Ta vẫn có thể ở nhờ họ được. Còn nhà thì mỗi đứa chung hai đồng. Ta đi mua vài chục nứa, vài gánh lá mía về làm một cái lều con con.

Ngày hôm sau, cái chương trình ấy được đem ra thi hành. Thai bỏ ra hai đồng bạc, vợ hắn cũng có tiền bỏ ra hai đồng bạc. Người chồng hí hửng đi sắm sửa. Vừa tre, vừa nứa hết hai đồng chín. Cứ nói là ba đồng cho gọn. Sáu hào lá mía. Còn thì để xem ai có lạt vàng, giả lại vài ba trăm cái. Mua tre về chẻ đã mất công, mà cái lạt trắng không được bền. Bây giờ thì khởi công. Vốn tính phân minh, hắn giao với vợ:

- Tớ mất công làm thì đằng ấy mất cơm. Cái gì cũng vậy. Ở thì cả hai cùng ở, vậy chịu cũng cả hai cùng chịu. Nhịn đói thì trời cũng không làm được.

Chị vợ lừ lừ đôi mắt. Thị cho là hắn định xoay thị.

Đã góp hai đồng bạc, lại mỗi ngày vài hào gạo cho hắn nữa, thì ra phần thị phải đến ba đồng à? Thị nguây nguẩy chối:

- Thôi! Thôi! Tôi xin kiếu!... Đừng vòi nữa. Tôi đã giao hẹn tôi chỉ có hai đồng bạc.

- Dở lắm, thế tôi không phải hai đồng bạc à?

- Ừ, thì mỗi người hai đồng bạc, còn thì cơm ai người ấy ăn.

- Nói chó cũng không ngửi được!... Ồ, nếu vậy thì mỗi ngày giả công tôi ba hào.

- Có ngay!

Thị gân cái cổ lên một cách vô cùng bướng bỉnh. Hắn phải đọc đường đọc lối cho thị hiểu:

- Thế này này….Để yên tôi nói: mỗi ngày làm của tôi đáng ba hào, thế tức là cứ làm một ngày cũng như tôi góp ba hào; nhà chẳng góp hào nào cả.

- Việc gì tôi phải góp.

- Thì cứ để tôi nói nốt! Bây giờ nhà thổi cho tôi độ hào rưỡi gạo, có phải tôi còn thiệt hào rưỡi không?

Rành rọt quá. Chị vợ cứng họng, không cãi được. Thị đành chịu vậy. nhưng thị đã hậm hực không vui rồi. Thị thấy cứ hơi dây với hắn là y như hắn tìm đủ cách để co phần hơn về cho hắn. Phương ngôn nói "Cuốc giật vào lòng" thật không sai tí nào. Nhưng mà thôi! Đã trót bỏ ra hai đồng bạc, bây giờ có đòi về cũng không được nữa. Thị đành nín nhịn cho xong việc. Thành thân cái nhà rồi sẽ liệu….

Nhưng mấy hôm sau, khi cái nhà được lợp rồi, hắn lại giở giọng bảo thị như thế này:

- Tôi quên đi mất. Còn trúc buộc dừng chưa có. Nhà bỏ ra vài, ba hào đi mua…

Thị không đợi cho chồng nói hết…

- Thôi! Thôi! Thôi!... Tôi không biết!

Thị vừa lắc đầu vừa chạy lụt cụt để tỏ ý nhất định không nhượng bộ một tí nào nữa, hắn gọi với theo:

- Này! Thì yên tôi bảo đã!

- Tôi không biết! Tôi không biết!....

Thị ngoắt ra tận ngõ. Mồm thị lẩm bẩm gì như chửi rủa. Hắn bực mình lắm lắm. Hắn quăng phắt con dao xuống đất…

- Nó làm như ông ở một mình không bằng…

Hắn xoa bàn tay nọ vào bàn tay kia và vỗ bèn bẹt cho hết đất. Rồi hắn đi. Cổ hắn cứ nghèn nghẹn suốt từ giờ cho đến tối. Có lúc nước mắt ứa ra một chút. Hắn ngao ngán quá. Cái ý nghĩ liều lĩnh lại trở về óc hắn:

- Kệ bố nhà! Kệ tiên nhân vợ! Ông lại đi làm cút rượu!

Ấy thế là số phận của cái lều đã định. Nó đành bỏ dở. Kèo, cột đâu vào đấy cả rồi. Nóc buộc rồi, hai mái lợp gần xong. Chỉ còn thiếu vách. Nó trống bốn bềnhư quán chợ. Gió, sương vào mặc sức. Giun dế đùn cả lên mặt nền.

Một hôm người chủ lấy cố vườn trông thấy, và bỗng nghĩ ra một việc. Gặp vợ Thai, y bảo:

- Thôi, chị ạ! Cái lều của anh chị không dùng nữa, có dỡ đi bán củi cũng chẳng được bao nhiêu. Tôi trả hai đồng đấy; chị có bán thì để lại cho tôi,

tôi trả tiền.

Nài thêm được năm hào nữa, thị bằng lòng bán. Người chủ vườn sai đầy tớ buộc dừng, trát vách. Rồi ít lâu sau, đêm nào cũng vậy, người ta thấy thằng ở nhóc con nhà ông ta nằm trong lều hát toáng lên như để bảo trộm rằng "có ta đây", rồi một lúc sau đã lăn ra ngủ khì khì, giá trộm có vào vần xuống sông cũng chưa tỉnh hẳn. Ấy là hắn ta coi vườn.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 455, ngày 3-4-1943

THÔI, ĐI VỀ….

Cuộc khám khung cửi bắt đầu. Quan đã sức cho tất cả ban hội đồng và các hương chức trong làng phải làm chung. Tiên, thứ chỉ, lý, phó trưởng, và tất cả những người có chân trong ban hội đồng kỳ hào phải hợp sức với nhau, đi khám tất cả các nhà có khung cửi trong làng, xem mỗi nhà đích thực có bao nhiêu khung cửi máy, khung cửi tay, về làm bản kê khai rành mạch, đệ lên cho quan xét. Tờ sức rất rõ ràng. Và các cụ phen này hình như đã thề thật độc với nhau: quyết làm việc rất phân minh. Cụ nào cũng thẳng băng; nhà nào có bao nhiêu khung cửi thì khai bấy nhiêu thôi, bất cứ nhà ai chẳng vị nể gì. Ông tiên chỉ cũng vậy, mà thằng bạch đinh cũng vậy. Cụ chỉ, biết cái trách nhiệm của mình rất lớn lao, và cũng muốn là gương cho những cụ dưới noi theo, hăng hái chửi đứa nào còn ăn bẩn. Ăn bẩn, nghĩa là thiên tư cho con cháu nhà mình, có ít xít ra nhiều để mua sợi thật nhiều về lấy lãi ăn cho cái dạ thật đầy. Như vậy, tất nhiên là bọn đàn em chúng nó kêu. Trước là rát tai mình. Sau là thiệt một mối lợi to của dân làng. Nghĩ khổ.

Cứ xét lần trước là đủ biết. Lần trước, quan cũng đã sức về cho lý trưởng khai. Các cụ trên quá tham lam. Các cụ vào hùa với nhau, cụ nào cũng khai cho mình một vé riêng, vợ mình một vé riêng, các con mình mỗi đứa một vé riêng, rồi đến thằng ở cũng làm một vé riêng nốt, cho đầy đủ cả. Số sợi Nhà nước cấp cho có hạn. Các cụ và bầu đàn thê tử nhà các cụ chiếm hết rồi, tất nhiên là lũ đàn em phải ngồi trơ. Hoặc giả có còn lại năm, ba chục vé vào tên bọn đàn em, thì các cụ lại lợi dụng sự trùng tên để mà chiếm nốt. Những kẻ bị chiếm, đó là manh mối biết ai là người chiếm của mình rồi, mua cau chè đem đến tận nhà lạy van xin. Khổ một điều: mối lợi khá to, ai dại gì lại nhả ra? Chúng có có lạy van mấy cũng hoàn toàn vô ích. Chúng bèn không lạy nữa. Ngọt không được thì chúng xẵng. Chúng bàn nhau dùng cách chửi. Ôi chao! Ở cái làng này, người ta chửi đã nhiều nhưng thật tự cổ chí kim, chưa có bao giờ người ta chửi hăng đến vậy. Từ rạng đông cho tới hoàng hôn, trên đường cái, trên cái đường nhỏ, các ngõ con, trong chợ, ngoài bến đò, trước cửa đình, thôi thì khắp mọi nơi, lũ năm, lũ ba, chỗ này là một anh chàng say rượu mặt đỏ gay, mắt gườm gườm, chân nam đá chân xiêu, chỗ kia là mấy chị đàn bà, vạt áo vắt vai,

quần vén lên quá đầu gối, cũng có khi là một người mẹ yếm áo xộc xệch, tha một đứa bé mũi thò lò, mắt toét toe….chúng chửi bằng đủ giọng, đủ lời, đủ mọi cách gớm ghê. Cái cổ duỗi ra, cái mặt kéo gân lên, cái mồm ngoác thật to, vỗ đùi, vỗ đoi, nhẩy cẫng lên hoặc dậm chân bèn bẹt đến gần thụt đất….

- Tên mày là cái Thút, tên tao là cái Thút, mày cướp vé của tao, thì ông bà, ông vải nhà mày bật săng lên! Cha bố tiên nhân mày!

Rồi chúng tìm những cái xấu của nhà người ta để rêu rao. Chúng kể ra vanh vách, kể bằng lối văn tả chân mà chưa một nhà văn tả chân nào dùng đến…Sống suốt ngày nọ sang ngày kia như thế. Làng cứ sôi lên. Không còn biết bao nhiêu là đám đánh nhau. Những người bị chửi, nghe chửi nhiều, cũng nhuốc nhơ. Nhưng quá bước rồi. Lúc nó xin, mình trót không cho. Không lẽ bây giờ nó chửi lại đem trả nó. Tránh sao người ta bảo: nuốt của nó không trôi, lại phải mửa ra mà trả. Mặc kệ, thằng nào chửi thì cứ chửi. Chửi lắm thì mỏi miệng. Lớp này, những thằng không phải nghe chửi là những thằng vô phúc, có phải nghe chửi thì mới no…Họ tự an ủi như thế ấy. Thành thử cái cách chửi cũng lại vô ích nốt. Người ta dùng đến cái phương sách cuối cùng: đi kiện. Không có lửa thì lấy đâu ra khói? Trong việc này, hẳn cũng có điều ám muội chi đây…Các ngài phải sinh nghi. Và chưa rõ đen trắng thế nào, quan trên hãy ra lệnh cho việc phát sợi đình tạm lại. Rồi hội đồng kỳ hào và toàn ban hương chức phải lập tức mở cuộc điều tra mới.

Các cụ chừng như cũng đã hiểu rằng: tham quá không thể được, có thuận dân thì mới ổn. Tốt hơn là cứ thu xếp sao cho trên dưới đều có phần; và các cụ định bảo nhau làm rất thẳng. Bởi vậy mới có sự thề thốt nặng lời như ta vừa thấy trên…

Chị cu Thiêm đội một đội rau đi chợ, mới đi được nửa đường thì gặp các cụ vào khám khung cửi nhà bà mục Đảng. Chị bèn không đi chợ nữa. Chị quẳng đội rau vào nhà một người chị em gần đấy, rồi ù té chạy một thôi về nhà. Về đến sân, chị đứng lại, hồng hộc thở, mặt không còn một hột máu. Anh cu Thiêm đang đào một con giun để gài bẫy hét, ngẩng đầu lên, trố đôi mắt ngạc nhiên nhìn vợ. Chị chỉ vào mặt anh mà hổn hển.

- Mày chết đi!.... mày chết đi!... mày chết đi cho rồi!...

- Ô hay! Cái gì mà ghê gớm thế?

Anh cu Thiêm quắc mắt, toan quát lên với vợ. Nhưng vợ anh rên rỉ:

- Trời ơi là trời! Mày giết tao!... mày giết tao!... có một tí khung cửi thì mày đem mày bán.

- Mẹ! Không có sợi, không bán thì để mà thờ ông tổ nhà mày, hở?

- Không có sợi! Ấy thế cho nên mày mới giỏi…Không có sợi mà người ta đang đi khám khung cửi từng nhà đây kia.

Anh cu Thiêm đứng phắt lên, như một cái lò xo bật, mặt anh tái mét:

- Người ta đi khám thật?

- Ấy đấy! Tao đi kiếm….Cái thẻ của tao đâu rồi?... À, trong kèo nhà..

Anh chạy xô vào nhà một loáng rồi chạy ra, một tay đút vào túi áo. Cứ vậy, anh huỳnh huych chạy ra ngoài đường cái, chạy lên mạn làng Trịnh. Chị cu thì vẫn xốc váy lên quá gối, chạy đi, chạy lại, kêu trời, kêu đất. Thỉnh thoảng chị lại chạy ra ngõ nhìn trở lên, trở xuống. Các cụ còn xa lắm…À, mà kia! Anh cu Thiên kia rồi! Chị thấy từ đằng xa, bóng một người vác một cái khung cửi nghênh ngang, chạy lại. Các cụ thì bây giờ khéo lắm mới đi hết xóm nhà bà mục Đảng. Còn cách hai xóm nữa. Chị mừng quá đến nỗi cười khành khạch. Chị vừa vẫy vừa gọi chồng rối rít:

- Mau lên! Mau lên! Hết rồi!...

Hai vợ chồng cười với nhau. Chị chạy lại, đỡ một đầu cái khung cửi, cho anh bỏ xuống. Chồng vừa cười vừa thở, họ khiêng cái khung vào nhà. Anh cu Thiêm lăn ra giường thở. Chị cu nhìn chồng, ái ngại. Chị vừa toan hỏi xem: mượn ở đâu được thế thì bỗng thấy bốn năm người hàng xóm, mặt hoảng hốt, tuôn vào và bâu tất cả chung quanh cái giường anh cu nằm….

- Tôi lạy bác!...

- Tôi cắn cỏ tôi lạy bác!...

- Bác giùm chúng tôi không chúng tôi chết mất!..

Họ cũng bán mất khung cửi như anh vậy. Có người bán không được, lại phá ra làm củi bán. Bây giờ mới quýnh. Họ van lạy anh cu, nhờ anh xem có còn thuê đâu được, thì thuê giúp mỗi người một cái. Bao nhiêu tiền cũng được. Họ lại xin trả công vác của anh mỗi khung ba hào….Anh Thiêm vội đứng lên:

- Đồng bạc, cứ đồng bạc một khung, bằng nào cũng có.

- Vâng, thì đồng bạc.

- Với ba hào vác là đồng ba đấy.

- Vâng, thì đồng ba. Bác giúp chúng tôi, làm phúc.

Họ tranh nhau đưa tiền trước. Anh cu Thiêm lại huỳnh huych chạy. Anh chạy được đủ năm khung cho năm người hàng xóm, mới nghe tiếng các cụ láo quáo ở ngoài đê. Anh chạy sang tôi:

- Nhà chú đủ khung cửi rồi đấy chứ?

- Vâng, tôi trước sau chỉ có hai khung, vẫn để nhà.

- Chú đứng hai hay thím ấy?...

- À, đấy là của nhà tôi, bởi tôi có nghề riêng.

- Thế thì chú ở nhà cũng vô ích. Đi đằng này với tôi một chút.

- Việc gì thế? Có cần không?

- Cần lắm.

Tôi ngần ngại. Thú thật rằng tôi có hơi ích kỷ, xét theo một vài phương diện. Tôi thích giữ trung lập, đối với các cuộc gây gổ trong dân xã. Tôi

muốn đứng ngoài tất cả các việc lôi thôi. Bởi vì cái mà tôi cần trước nhất, khi ở hẳn đây, ấy là sự bình tĩnh của tâm hồn. Tôi muốn óc tôi hoàn toàn rảnh rang, để chỉ nghĩ đến công việc văn chương. Ấy thế mà anh cu Thiêm gọi tôi đi, nếu không phải để đánh nhau, ắt là để hỏi mưu mẹo kiện cáo một người nào đó. Tôi thực lòng muốn từ chối quá. Nhưng từ chối sao cho tiện? Tôi với anh vừa là chỗ láng giềng, lại vừa là chỗ họ hàng. Anh có dịp giúp tôi luôn. Có lần, giữa đêm khuya, tôi phải nhờ anh khoác áo tơi dận mưa đi lấy thuốc cho con. Lần khác, anh xoay trần ra, đẵn cau chống hộ cái nhà, bão lung lay. Còn biết bao nhiêu việc cấp bách tương tự thế, tôi phải nhờ anh giúp. Lần nào tôi cũng có trả tiền, nhưng chẳng lần nào anh chịu lấy. Đã đành anh không lấy, thì tôi càng phải nghĩ: tôi làm bữa rượu xoàng xoàng để mời anh hay cho con anh vài ba hào để ăn quà. Nhưng như thế không thể gọi là trả công người ta được. Dẫu sao thì tôi vẫn mắc nợ anh ấy một chút lòng tử tế. Gặp lúc anh cần đến tôi, tôi phải lấy sự tử tế ra mà đối lại. Không lẽ tôi ghẻ lạnh? Tôi đành xếp tập giấy đang viết dở lại, đi theo anh ấy vậy…

Chúng tôi ra đường cái. Đến hàng thịt chó nhà Mạo khiễng, anh khẽ đẩy tôi vào…

- Làm vài cút rượu đã.

Nguy tai thật!... Thế này thì đích là anh ấy định kéo tôi đi cà khịa với anh nào thật. Tôi nghiêm mặt, bảo:

- Bác có chuyện gì thì cứ nói. Tôi giúp được, xin hết lòng giúp bác. Đừng vẽ vời làm gì nữa, cho thêm tốn.

- Tốn quái gì? Chuyện trò gì thì cũng phải ăn đã chứ!...

- Không bác ạ. Chẳng lẽ chỗ tôi với bác, mà bác có việc tôi lại đợi bác cho uống rượu rồi tôi mới giúp bác hay sao?

- Không phải thế, nhưng tôi muốn mời chú uống chén rượu cho vui.

- Nhưng tôi không biết uống.

- Thì ăn bún. Nồi xáo hôm nay khá lắm.

Thấy tôi vẫn ngần ngừ, anh đẩy phứa tôi vào, rồi vừa cười vừa bảo:

- Chẳng chó gì cả!... Chú thì chú chỉ tiếc vài ba trang giấy; tôi kéo chú đi thế này làm mất thì giờ của chú…

Tôi toan cãi lại nhưng anh nói át đi:

- Với lại chú cũng sợ tốn tiền của tôi nữa, nhưng cần quái gì, chú ạ…Nay mai có sợi, anh em mình lại rủng rỉnh. Làm làm gì lắm? Con người ta giàu tự số, nếu làm mà giàu được, thì tôi đã giàu ức triệu. Mấy năm về trước, tôi làm khiếp lắm; ban ngày đi làm thuê cho người ta, tối về có trăng lại đi cuốc vườn nhà, ấy thế mà nghèo vẫn hoàn nghèo; có thằng chỉ ăn chơi suốt đời vẫn có tiền để ăn chơi. Ấy thế thì chú bảo sao nào? Tôi nghĩ chán cả ra, nên đã ít lâu nay, cái sự làm ăn, tôi chỉ tiềm tiệm xong thôi, không tham bò như trước nữa. Số mình khá, tự khắc ông trời cho khá, chứ không phải cứ nai lưng ra làm mà khá. Tôi thấy chú gầy gò thế này mà cứ viết suốt ngày, tôi lo cho chú lắm: nó bại sức đi một cái là chú chết.

Tôi cười nhạt. Anh gọi lấy rượu và tái chó, với một bát xáo để tôi ăn bún. Anh uống, tôi ăn. Ăn uống xong, anh vất năm hào ra trả…

- Ta đi chứ?

- Đi đâu vậy bác?

- Để tôi còn nghĩ….Lên nhà ông chánh Thiện.

- Làm gì vậy?

- Thì chú cứ đi, rồi sẽ biết.

Tưởng là gì! Đến nhà ông chánh Thiện, tôi mới biết ở đấy người ta đang chơi xóc đĩa. Anh cu Thiêm định phá chăng? Không, anh ghé mồm vào tai tôi bảo nhỏ:

- Chẳng nói giấu gì chú cả. Lúc nãy tôi đi vác khung cửi cho người ta, phát tài được đồng rưỡi bạc. Anh em mình chén mất năm hào rồi. Còn đúng một đồng. Tôi định đặt một tiếng xóc đĩa chơi. Nhưng chết cái, tôi còn nợ lung tung, chúng nó đòi, chỉ khất lần. Bây giờ mà chúng nó trông thấy tôi có tiền chơi xóc đĩa thì chúng nó thịt mất. Vậy tôi đưa tiền cho chú, chú cứ làm như chú đánh.

- Nhưng tôi không biết đánh.

- Thì đã có tôi. Chúng mình cứ đứng xem, để tôi nghe. Tôi nghe trúng một tiếng rồi, tôi sẽ bấm cho chú đặt. Chú hiểu chưa?

- Hiểu rồi.

Anh tuồn vào tay cho tôi đồng bạc. Chúng tôi lại gần đám xóc đĩa, im lặng đợi. Anh cu Thiêm có vẻ chăm chú lắm. Bỗng một lúc kia, mắt anh sáng hẳn lên. Nhà cái vừa buông cái bát, anh đã bấm tôi, khẽ bảo:

- Chú đặt đi: một đồng bạc, chẵn.

Tôi ngượng nghịu vất đồng bạc xuống. Làng nước đặt. Ông chánh Thiện kiểm qua số tiền mặt nọ, mặt kia, xướng "cái cân" rồi mở bát. Trăm mắt đổ dồn cả vào cái đĩa có bốn đồng trinh Khải Định. Nhà cái xướng:

- Sấp ba!

Anh cu Thiêm tái mặt đi. Trán anh và mũi anh râm rấp mồhôi. Những giọt mồhôi có vẻ lớn dần lên. Anh đứng thừ người ra một lúc lâu. Rồi anh bỗng vỗ vai tôi, cười gượng, bảo:

- Thôi, đi về!...

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 458, ngày 24-4-1943

TRUYỆN TÌNH

Buổi sáng sướng nhất của một cậu học trò có lẽ là buổi sáng đầu tiên trong vụ nghỉ hè. Tối hôm trước, người ta thắp đèn, đi chơi thật khuya mới chịu về. Người ta lên giường nằm, hơi mỏi chân và hơi mệt trong người, nhưng cái đầu nhẹ thênh thênh. Bao nhiêu sự lo lắng trút ra rồi. Người ta không còn phải nhắc lại với mình: sáng mai dậy năm giờ…Ngày mai có địa dư, có ám tả, có sinh lý học…Đến chiều, luận Pháp văn…Bài kỳ trước, mình bí quá nên viết chày, viết cối…Chắc là hỏng chữ hỏng câu nhiều lắm. Cụ Đậu lùn lại tha hồ mà cáu! Người ta thở ra, hít vào mấy hơi dài như thể tống nốt ít chất độc còn lại ở người ta. Người ta ngủ rất ngon một giấc ngủ trẻ thơ. Và sáng hôm sau, khi đồng hồ đánh năm giờ, người ta cũng mở mắt ra bởi thói quen, nhưng không thèm dậy vội. Người ta mỉm cười với ý nghĩ: ta muốn nằm đến bao giờ cũng được…Cái cửa sổ trên đầu giường mở suốt đêm. Ánh sáng tuôn vào tự bao giờ, không khí được tắm trong bóng tối mát dịu của đêm, bây giờ rất sạch trong. Gió êm êm và mơ hồ như một làn hương. Nó vuốt ve cái trán phẳng phiu, mấy sợi tóc lòa xòa và luồn qua cái cổ áo không cài cúc để mơn man cái ngực nở nhô lên, dẹp xuống một cách thong thả và đều đặn. Cái cảm giác nghỉ ngơi thật hoàn toàn. Người ta thấy lòng thư thới, trí óc thư thới, khắp thân thể đều thư thới, sự khoan khoái tràn lan trong mạch máu, thấm đượm trong da thịt. Và tuy không buồn ngủ nữa, người ta cũng nhắm đôi mí lại, để chẳng trông thấy gì cả, chẳng nghĩ ngợi gì cả, cố làm một khoảng rỗng bên trong đầu….

Những giác quan của tôi đang lịm đi trong nỗi êm đềm lười biếng ấy thì đột nhiên lại bị một tiếng dặng rất gần đánh thức. Tôi giật mình một cái. Mắt tôi mở ra chưa kịp nhìn rõ là ai thì một thứ tiếng rất quen đã bảo:

- Vẫn còn ngủ kia à?

- Mẹ…

Tôi ấp úng và vội vàng nhổm dậy. Mẹ tôi đứng sát đầu giường, nhìn tôi bằng đôi mắt loang loáng ướt, miệng cười âu yếm phô ra những chiếc răng

đen bóng….

- Sao mẹ ra được sớm thế?

- Mẹ ra đi bằng chiều đi chợ vải, đến cầu sắt thì giời mới sáng.

- Mẹ đi bán vải?

- Không…còn vải đâu mà bán. Mẹ ra xem còn có gì phải đội về hay không? Đi sớm một tí để về sớm cho nó mát.

Tôi cúi mặt. Bởi vì câu nói của mẹ làm tôi vụt nhớ đến Kha, Kha đã bảo tôi:

- Nghỉ hè này Lưu ở đây cho vui nhé! Chúng mình đọc dictée cho nhau viết. Lưu dạy tôi làm tính đố cho kha khá hơn một chút; tôi bí tính ghê lắm nhé! Rồi tôi đi mượn đàn của con Thọ về cho Lưu tập. Lưu về quê thì Kha buồn chết!...

Tôi thích lắm. Không phải vì việc tập đàn hay viết ám tả: tôi tập đàn và viết ám tả chẳng cần đến Kha cũng được. Nhưng chính vì tôi sẽ được gần gũi Kha trong suốt ba tháng hè…Tôi nghĩ ngợi một chút rồi thưa với mẹ tôi:

- Con không biết. Giá con biết thì con bảo mẹ đừng ra đón con; năm nay con không về.

Mẹ tôi sầm mặt. Tôi vội vàng cắt nghĩa:

- Sang năm lên lớp, chương trình nặng lắm. Con phải ở đây để học ôn bài cũ và xem trước ít nhiều bài mới. Ở đây học với anh em cho vui, về nhà có một mình ngại không học được; vả lại mình còn cần mượn sách của họ và có điều gì quên hay chưa biết thì hỏi nhau.

Mẹ tôi tin ngay. Người chỉ bảo:

- Nghỉ những ba tháng kia mà?... Hãy nghỉ ngơi một vài tuần rồi lại học thì cũng được chứ sao? Chả lẽ đi quanh năm, đến lúc được nghỉ cũng không

về thăm cửa, thăm nhà một tí? Không muốn ở nhà lâu thì cũng về chơi dăm, ba ngày.

Biết rằng chối không xong, tôi bèn tìm cách đánh lừa.

- Vâng, thế thì cũng được. Nhưng hôm nay con phải lại nhà ông giáo soạn sách cho ông ấy, nhân tiện mượn vài quyển về để đọc. Vậy mẹ cứ về đi, độ mai hay ngày kia con về.

Còn nói làm sao được? Mẹ tôi định mang quần áo tôi về trước, nhưng tôi bảo: không định ở nhà lâu thì không cần đem quần áo. Ấy thế là một lúc sau, mẹ tôi đành cởi ruột tượng đưa cho tôi đồng bạc để đi xe rồi buồn bã xách cái thúng không ra về. Nghĩ đến cái vẻ luyến tiếc trên đầu những ngón tay run run của mẹ tôi khi đưa cho tôi cái giấy bạc gấp làm tư, tiếng thở dài và vẻ thẫn thờ của người khi bước ra về, và tưởng tượng đến những bước chân vương vương, đến cái bóng dáng lủi thủi của người đi bộ trên con đường dài tràn nắng bụi, tôi thấy lòng nặng trĩu và sầm tối lại. Nhưng hỡi Kha! Kha rất phù phiếm và vô cùng ích kỷ! Kha có biết rằng những lúc như lúc ấy thì hình ảnh Kha, gọn ghẽ và thon nhỏ, với đôi mắt nhí nhảnh, với nụ cười tinh nghịch, đã lọt vào hồn tôi như một tia nắng đẹp? Tôi xua đuổi nỗi ân hận bằng cách đánh lừa; tôi tự bảo: "Thật ra thì mình ngại lắm! Về vài ngày chẳng bõ bèn gì mà cũng mất công về; thà ở đây để bắt đầu từ ngày mai viết ám tả với Kha ngay…".

Nhưng ngày mai, Kha bận đi chơi suốt một ngày với chị em. Rồi ngày hôm sau thì Kha lại bận tiếp chị em đến nhà chơi suốt một ngày. Luôn hai ngày. Kha chẳng thèm giáp mặt tôi. Đến ngày thứ ba cũng thế, rồi ngày thứ tư, thứ năm, thứ sáu. Tôi bắt đầu khó chịu. Bởi vì tôi bỗng nhận ra rằng: giá thử tôi có về quê thì Kha cũng chẳng buồn gì; tôi không phải là một người cần đối với Kha; và trong khi tôi cau có, bực tức, khổ sở ở nhà đợi mong Kha, thì Kha rất thản nhiên đi hết đó, hết đây, để nhí nhảnh để cười đùa với các cô bạn và những người anh chải đầu sừng của họ. Tôi đã toan bảo vào mặt cho Kha biết. Nhưng hèn vô cùng là những thằng yêu! Lúc vắng Kha thì tôi hùng hổ nghiến răng, phùng má, tưởng có thể nhiếc mắng Kha bằng những lời nhiếc mắng đến điều sỉ nhục, thế mà khi có dịp gặp Kha tôi lại lúng túng, ngượng nghịu, gắng sức đến đâu cũng chỉ có thể thốt ra một

lời mát mẻ nó làm Kha lườm tôi và cười tủm tỉm, hoặc chìa môi ra chế nhạo, ấy thế là nỗi giận dữ của tôi lại tiêu tan đi hết. Tuy vậy, cũng có một lần tôi can đảm hơn mọi lần kia. Chiều hôm ấy, tôi trông thấy Kha đi đâu về với một gã con trai ở sau mông. Gã theo Kha đến tận nhà. Kha có vẻ thích cái trò chơi chạy đuổi ấy. Kha bước thật nhanh cho gã phải rảo chân theo. Và trước khi ngoắt vào nhà, Kha quay lại ném cho chàng một cái nhìn và nụ cười không rõ nghĩa. Tôi tái mặt. Tình cờ thế nào mà Kha lại xồng xộc chạy ngay sang. Nỗi giận của tôi vẫn còn nguyên. Bởi thế tôi mới có đủ hứng để bảo Kha là đồ lẳng lơ, đồ ích kỷ, chỉ được cái mồm leo lẻo… Đến lượt Kha tái mặt. Kha cự tôi:

- Anh có quyền gì được "chửi" tôi như vậy?

Tôi đưỡn mặt. Bởi vì quả tôi không có quyền gì thật. Tôi cố tình một lẽ:

- Người ta định về quê thì giữ người ta ở lại…

- Ai bảo anh ở lại?

- Ai bảo…! Con chó bảo!

- Anh bảo ai là chó? Anh láo vừa vừa chứ!

- Biết vậy mình về quê cho rảnh.

- Thì ai cấm? Có giỏi thì về quê ngay giờ. Đây ít cần!

Kha vênh mặt, bĩu môi ra, làm "Psi!" một cái, rồi vùng vằng đi ra. Tôi nằm lăn ra giường khóc. Tình ái và tự ái bắt đầu xung đột. Tôi thấy tôi bẽ lắm! Không những thế, tôi lại lố. Tôi có vẻ ghen bóng ghen gió, trong lúc tôi không có quyền gì được ghen. Tôi xấu hổ. Sự giận không còn mấy, nhưng thẹn nhiều. Và tôi cũng thất vọng nhiều lắm nữa. Đã đến lúc này tôi chẳng còn mong gì được Kha yêu. Có ở đây nữa, cũng chỉ thêm mà nhục thôi. Tôi nhỏm dạy, nhảy phắt xuống, thu xếp quần áo, sách vở để sáng sớm hôm sau thuê xe về nhà quê.

Sáng hôm sau, tôi đang rửa mặt thì Kha đã tất tưởi xách cái lồng sáo của Kha sang, Kha toe toét cười để làm lành. Thấy tôi có vẻ lầm lì, kha búng tai tôi một cái:

- Trông cái mặt đẹp chưa! Vẫn còn giận đấy à?

- Giận quái gì! Tôi có quyền gì mà giận?

- Ái chà. Cậu cả cũng biết đay hẳn hoi kia đấy!... Rồi đột ngột…

- Kha đi Sầm Sơn vài ngày đây.

- Cái ấy can dự gì đến tôi?

Kha quắc mắt, chỉ một ngón tay nhỏ xíu và trắng muốt vào má tôi, ra lệnh:

- Im ngay! Tôi cấm đấy.

Rồi vẫn dùng cái giọng sai khiến ấy, Kha đưa cho tôi cái lồng chim và bảo:

- Đây, tôi giao cho cậu đứa con tôi. Cậu phải trông nom nó cho tôi trong khi tôi đi vắng, nhé? Mèo nó "xực" mất con tôi thì cậu liệu hồn với tôi. Cái giọng bà tướng ấy – Buồn cười thật! – lại làm tôi hả dạ. Tôi cầm lấy cái lồng, ngắm nghía con chim rồi cười mà bảo:

- Đây vật một cái thì chết cả con lẫn mẹ!

- Kha thách đấy!

- Rồi mà xem….Tôi vật thật. Để làm gì những thứ…chim ác thế?

Kha mỉm cười, nũng nịu:

- Đừng…Phải tội…Yêu chứ lị!

Tôi tỉnh người. Và tôi đồ rằng: đêm qua, Kha cũng như tôi, đã trằn trọc suốt đêm và đã nhận ra rằng chúng tôi không thể rời nhau; bởi vậy Kha mượn cớ trông hộ con chim để làm lành; vả Kha cũng sợ khi Kha đi Sầm

Sơn thì tôi tức Kha mà về quê chăng; con chim sẽ khuây khỏa tôi trong lúc vắng Kha, và giữ tôi ở lại. Nếu Kha không yêu tôi, sao phải bày trò ra như vậy?...

Ấy thế là cái việc về quê đành xếp xó. Tôi ở lại với con sáo của Kha để đợi Kha đi nghỉ về.

Bây giờ ngồi nhớ lại chuyện xưa, càng nghĩ tôi lại càng phục Kha là con người sớm biết, sớm khôn. Tuổi chửa bao nhiêu mà Kha đã hiểu tâm lý loài người một cách rất sâu. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được bài học của Kha. Và bây giờ, nếu có một anh chồng đa nghi nào bắt buộc phải bỏ một cô vợ trẻ măng ở nhà để đi xa, muốn xin tôi một lời khuyên, tôi sẽ xui hắn mua một con chim thả trong một cái lồng mà trao cho vợ nhờ nuôi hộ; lúc trở về, nếu con chim của hắn chưa chết, thì hắn có thể chắc đến một nửa rằng người đàn bà chưa phụ hắn. Cứ xét tôi là đủ biết: con sáo Kha giao cho tôi săn sóc đã giúp tôi thấy những ngày Kha xa tôi, bớt dài. Tôi bận bịu suốt ngày với con chim và không còn thì giờ để nghĩ đến sự ghen tuông, đến những nụ cười, những khóe mắt, những cuộc gặp gỡ của Kha ở Sầm Sơn. Công việc quan trọng của tôi là đổ nước cho con sáo của Kha, đi bắt cào cào cho con sáo của Kha, và dạy con sáo của Kha gọi: "Kha! Kha!... ". Còn thừa chút thì giờ nào thì tôi ngồi nói chuyện với con sáo của Kha về chủ nó. Sung sướng thay là những người yêu! Tôi đem bao nhiêu ngày giờ quý hóa ăn cắp của mẹ tôi đang mỏi mắt chờ tôi, để phụng sự cho một con sáo mua cả lồng mới đáng giá ba hào rưỡi, và cho thế là hạnh phúc…

Một hôm tôi đi bắt cào cào về thì thấy cậu tôi ngồi đợi ở nhà. Mặt cậu tôi có vẻ băn khoăn. Tôi chột dạ, đoán ngay là mẹ tôi không thấy tôi về, nhớ quá nhờ cậu tôi ra đón. Không phải thế. Cậu tôi vừa thấy tôi, đứng lên ngay:

- Cháu mặc quần áo đi về. Em Thi sắp chết rồi, đòi gặp mặt anh cả nó.

Tôi sửng sốt:

- Thi sắp chết? Nó làm sao?

- Nó ốm đã lâu. Hôm nay mệt lắm rồi. Cậu tới đây lúc ba giờ. Cháu đi đâu mãi…Không nhanh thì không kịp mất.

Tôi thấy mắt mờ nước mắt. Tôi vội vàng mặc áo rồi đi theo cậu. Chúng tôi thuê xe không mặc cả, trèo lên, thúc người phu chạy riết. Nhưng không kịp. Khi tôi tới nhà, thì nhà đã om tiếng khóc. Độ mười lăm phút trước thầy tôi xem mạch cho em tôi xong, khẽ lắc đầu và đưa mắt ra hiệu cho mẹ tôi lấy sẵn quần áo của nó ra. Thi trông thấy mẹ tôi mang quần áo lại gần, sợ hãi kêu lên:

- Thôi! Đúng chết rồi…

Rồi nó hoảng hốt, bíu lấy tay thầy tôi ngồi cạnh nó…

- Anh Lưu? Anh Lưu? …Anh Lưu đâu, hở thầy?...

Bây giờ thì đôi mí mắt tím bầm của nó đã phủ kín đôi mắt nhắm…Em Thi? Em Thi? Anh Lưu đã về đây, em Thi ạ!... Hỡi ôi! Hàng mi thưa chẳng bao giờ còn động đậy…Em tôi chẳng còn trông thấy mặt tôi bao giờ.

Lưu viết đến đấy thì tôi đến. Nỗi cảm động còn để lại trên mặt anh vài vệt nước. Anh có vẻ hơi bối rối. Vì đang khóc hay vì đang viết? Không một người đàn ông nào muốn một người đàn ông khác trông thấy mình sướt mướt. Không một người mới viết văn nào muốn một người làm nghề viết bắt gặp mình đang ngồi viết văn…Tôi vờ hỏi:

- Thư từ gì mà dài khiếp thế?

Anh cười ngượng nghịu:

- Không…Tôi đang bắt chước anh: viết truyện.

- Truyện gì thế vậy?

- À…Anh đọc thử…Tôi cũng định viết xong thì nhờ anh chữa hộ…

Mặt Lưu hơi đỏ lên một chút trong khi tôi đọc. Tôi đoán: anh nhìn theo nét mặt tôi kỹ lắm. Và khi tôi đã đọc xong vừa ngước mắt lên, anh đã run run

hỏi:

- Được không anh?

Muốn tránh việc trả lời, tôi hỏi lại:

- Đã hết chưa?

- Còn cái kết.

- Anh định kết như thế nào?

- Như sự đã xảy ra, bởi vì truyện này là truyện thật….Tôi về nhà quê vắng, nên lồng sáo không có ai coi sóc. Ngay đêm hôm đầu, một anh chuột rúc vào lồng cắn chết sáo, rồi lúng túng ở trong ấy không ra được, đến nỗi sáng hôm sau bị thằng ở nhà tôi trọ bắt. Kha trở về, thấy nói sáo của mình bị chết, trách tôi là đồ ác, ích kỷ, chỉ leo lẻo cái mồm…Rồi Kha báo thù lại bằng cách cho tôi xem bức ảnh Kha mặc quần áo tắm đứng với một anh chàng mặc vỏn vẹn có một cái quần tắm, chụp ở Sầm Sơn.

- Anh ghen chứ?

- Tất nhiên! Tôi xui thằng em Kha mách mẹ; bà mẹ chửi Kha một trận nên thân rồi bắt Kha bỏ học ở nhà buôn bán. Chắc con bé chửi thầm mình ghê lắm, bởi nó không chửi vào tận mặt tôi được nữa: tôi dọn đi chỗ khác. Nhưng nếu kể đúng như vậy, thì truyện có một tính cách tầm thường lắm. Vậy tôi sẽ viết: tôi hy sinh tình yêu và hạnh phúc đi vì nàng…

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 462, ngày 22-5-1943

MUA DANH

Nhà Bịch được một sào trầu tốt. Cái tin ấy đồn đi. Dân làng kháo nhau rằng hắn có tiền. Mà có tiền là phải. Chỉ tính ra cũng biết. Trầu làng năm nay chết rất nhiều. Do trận bão vừa qua. Có những cái nát như tương; chẳng khác gì có người giật đổ xuống rồi lấy chân mà dận; người ta dỡ róng trúc, cắt gốc đi, rồi trồng thế vào đấy vài trăm con rau diếp; gỡ được đồng nào hay đồng ấy. Có những cái khác được dựng lên; nhưng dựng lên thì cũng chết, bởi gió đã lay dữ quá, làm đứt rễ. Những cái còn sống sót không có lá: lá cũ bị vò tan; lá mới gặp vụ rét này không ra được; có ra được thì cũng chột. Cái trầu của Bịch không thế. Âu cũng là trời thương riêng hắn. Năm nay, giá hắn không được cái trầu thì chết đói. Vườn chưa được ba sào. Nhà với sân đã chiếm ngót một sào. Chỉ còn hơn một sào trồng trọt. Nhà những sáu miệng ăn: hai vợ chồng với bốn đứa con. Bốn đứa lau nhau, cũng chưa làm gì được cả. Sợi vé không có, khung cửi để ba, bốn gia đình nhện đến chăng tơ.

Vợ đi làm cỏ thuê mỗi ngày được hai hào; mỗi tháng cũng làm được độ mươi ngày. Những ngày không có ai thuê, thị mua buôn đọt lá, mấy cái hoa chuối, hoặc bó mía cẳng gà đem mãi sang chợ Phương Yên bán. Phát tài ra thì phiên được một hào. Thường thường được dăm ba xu, hoặc không đến năm xu. Cũng có ngày lỗ tiền đò.

Chồng làm nghề xúc dậm. Đêm nào hắn cũng đi từ chập tối. Rét đến đâu cũng mặc, hắn chỉ bịt một cái khố rách bươm, cái áo luội thuội cuốn lên gần đến nách, lội bì bõm ở ven sông, đập sùng sũng, cứ lần mò như một con ma, đi từ quãng sông làng lên đến cống Lư, rồi lại quay trở lại, đi từ cống Lư về đến quãng sông làng. Ấy thế là vừa đúng sáng. Đêm nào cũng như đêm nào. Như vậy, hơn bù kém, mỗi đêm hắn kiếm được vài hào chỉ. Kể thì cũng không là ít. Nhưng chết cái gạo năm nay kém quá. Thêm một nỗi: ít lâu nay tôm tép hiếm. Cái lúc trời bắt tội khó làm ăn, hình như chúng cũng ít đi. Đã phải mấy đêm, hắn chẳng xúc được gì. Cả vợ lẫn chồng, mặt lúc nào cũng nhăn nhó như mặt khỉ. Rồi lại bão. Hắn đã chắc là chết đói. Nhưng cái may cũng như cái rủi, nó đến nhà ta như một thằng kẻ trộm;

giữa lúc ta không ngờ nhất. Cái lúc hắn tưởng là hắn chết thì lại chính là lúc hắn bắt đầu lên lưng. Do cái trầu.

Cái vườn trầu nhà Bịch, thật là trời cho hắn. Nó tốt đâu mà tốt lạ lùng. Bão cũng có làm dập lá ít nhiều. Nhưng lớp lá ấy hái đi, nó lại nẩy luôn lớp mới, còn tốt hơn lớp cũ. Cành chi chít, cành nọ giằng với cành kia. Lá chồng chất tầng dưới tầng trên, xây lại với nhau thật chặt, tràn cả lên bên trên miệng cặp, đầy lù lù như một mâm xôi. Mà chẳng lột lá nào. Chúng xanh đều, rất mỡ màng, đẹp như một mái tóc được bôi dầu, vuốt sáp. Ấy là một cái trầu dư sức, hái bao nhiêu cũng không sợ cụt. Trầu năm nay lại đắt: mới tháng mười mà những cái xấu rẻo cùn rẻo cụt, đã bán nổi mỗi trăm tám, chín hào hoặc một đồng. Cái của Bịch chẳng lứa nào chịu thế. Vợ hắn vẫn bán mỗi trăm đồng rưỡi, đồng sáu, với hơn thế nữa; có trăm hai đồng. Trầu còn đắt từ giờ đến cuối năm, đắt sang cả giêng, hai. Vậy thì Bịch phất bạc trăm là thường. Người ta bàn tán với nhau như vậy.

Một hôm, ông cựu Túy là họ xa với Bịch, cho tìm Bịch đến…

- Nhà anh được một sào trầu tốt lắm phải không?

- Bẩm ông, cũng gọi là tốt đấy thôi, chứ so với trầu của người ta thì chẳng nước gì.

- Chào! Anh kín của vừa vừa chứ! Chửa nước gì thì anh cũng đã bòn được ba trăm.

- Bẩm ông, không được ạ

- Không được ạ? Giấu ai chứ giấu tôi sao nổi. Tôi thì bảo thật: bây giờ trong nhà anh ít ra cũng có vài trăm bạc. Không có thế cứ cổ tôi mà chặt.

Bịch chưa biết đáp sao thì ông lại bảo:

- Ấy là tôi nói thế…Dẫu anh có bạc nghìn, cũng mặc anh. Tôi chả thèm vay đâu mà phải chối đây đẩy mãi. Anh sợ tôi vay anh, hở?

Bịch vội cãi:

- Bẩm ông, ông dậy thế thật…

Hắn định nói: "…thật oan con quá". Nhưng hắn chưa kịp nói. Ông nói lấp:

- Tôi tưởng anh có tiền, thì tôi thu xếp cho anh ra mà làm hương trưởng.

- Thôi! Thôi! Thôi! Con lạy ông! Nhà con không có đất.

Hắn lắc đầu hăng hái quá đến nỗi ông sinh ngượng. Ông nói gắt:

- Thì cứ để bạc mà đem chôn! Mẹ kiếp! Có tiền có của, làm người đàn anh không muốn, cứ muốn đứa khác nó cưỡi lên đầu, lên cổ. Ngu như bò!

Ông đứng hẳn lên, làm như muốn chạy ra ngoài, không thèm nói nữa. Ấy là ông giận quá. Mặt ông phình ra và đỏ bừng như bao nhiêu máu đã lộn lên hết. Bịch vừa sợ, vừa thẹn, cắm mặt nhìn xuống đất. Ông cựu thoáng nhìn thấy, nghĩ thầm: thằng này dễ bảo; cứ liệu nói vài câu nữa là phải được. Và ông giở cái trò nhân nghĩa…

- Tôi tưởng anh là cái chỗ con cháu trong nhà, nên muốn dắt díu anh một tí; còn tôi đây, thế nào cũng còn dễ hơn là phải nhờ người khác. Nhưng cái dễ anh không muốn, anh lại muốn đi tìm cái khó, thì tùy ý. Sau này tôi chết đi, anh muốn ra góp mặt với người ta một chút, phải nhờ đến người khác rồi mới biết. Anh đừng tưởng có tiền thì lúc nào làm cũng được. Tôi cho lại không van ông lạy bà chán! Bấy giờ mới tiếc…

Cái ấy thì cũng có. Bịch thấy người ta lo được chút danh vị thật là chật vật. Nào tiền chồng quỹ. Nào chè lá đi nói với các ông kỳ cựu trong làng: từ hàng phó lý cựu trở lên, chẳng ông nào là có thể bỏ qua; ông một vài đồng, ông dăm ba đồng; cũng có ông phải đưa chục bạc; riêng cụ chỉ phải hai chục là ít nhất. Rồi lại còn phải một bữa rượu khao: gạo lợn năm nay, không có năm trăm bạc đừng nói chuyện. Năm trăm bạc, nguyên bữa rượu. Vậy tất cả chẳng đến ngót một nghìn đấy ư? Ngót một nghìn đồng bạc, eo mẹ ơi!... Hắn lại thấy hắn có đủ can đảm để mà từ chối. Hắn xun xoe bảo:

- Bẩm ông, ông có bụng thương, thật phúc cho nhà chúng con lắm. Giá con lo được, để ông che đỡ cho thì còn gì bằng nữa.

- Phải, các anh cũng là con, là cháu.

- Bẩm vâng, nhưng thật cảnh con còn bấn quá.

Ông lại gắt:

- Ai chả biết! Nhưng bấn thì phải cố chứ! Cứ đợi thừa tiền rồi mới làm thì một đời anh cũng không làm nên công trạng gì.

- Nhưng bẩm ông, cái cảnh nhà chúng con thì cố cũng không được. Chỉ không bới đâu ra tiền.

- Không bới đâu ra tiền! Hừ!... Thôi được! Cứ để tiền mà chôn. Mẹ kiếp! Lại có thứ người ngu như vậy. Bảo bỏ tiền ra làm hương trưởng thì kêu không có đấy, thế mà mai kia nó có đến bắt phu, thì lại có tiền xì ran gay. Muốn ăn gio thì cứ để cho mà ăn gio!

Ông cụ quát chán, bước phắt ra ngoài hè. Bịch nghe tiếng giày ông lệt sệt rất mau ra đầu chái. Một lúc sau, ông lại lệt sệt đi trở về. Nhưng ông không vào nhà nữa. Ông làm như quên hẳn Bịch. Ông bước xuống sân. Ông gọi con để hỏi xem cái ruộng đã cày chưa. Ông mắng đứa ở để mía um tùm thế mà chưa buồn bóc. Ông ngồi xuống, uốn nắn mấy cây cảnh trồng trước cửa… Bịch đứng bần thần một lúc, rồi rón rén bước ra. Hắn lại đứng bần thần ở sau lưng ông một lúc nữa. Ông vẫn loay hoay với những cây sung, cây si. Hắn chào ông rất khẽ. Ông không quay lại, đáp hai tiếng "không dám" thật to và kéo dài ra. Hắn lủi thủi ra về, lòng vừa buồn vừa lo…

Mấy hôm sau, làng lại nhốn nháo lên về việc bắt phu. Người ta đồn rằng: lớp này bắt những tám mươi người đàn ông với bốn chục đàn bà. Bịch tự hỏi: không biết họ bắt làm gì lắm thế?... Thật ra thì chỉ là một khóe làm tiền của bọn hương lý. Họ thấy bở nên đào mãi. Cũng có người đoán thế. Nhưng chết một nỗi; có giấy quan sức hay không, họ chỉ biết mà thôi. Dân làng không ai biết chắc là có hay không có. Thành thử người ta đành chịu ức. Những người chẳng may bị tóm, bỏ tiền ra đút lót. Những người khác trốn như chạch cả.

Bịch lấy làm khó nghĩ. Trốn cũng rầy rà, không trốn cũng rầy. Trốn thì đêm hôm, nhà cửa để cho ai? Khổ một nỗi ai cũng tưởng hắn nhiều tiền lắm. Mà không trốn thì chắc là bị bắt; lại vài chục bạc chuộc. Đằng nào cũng chết. Mà đã chắc gì vài chục bạc mà xong? Này, chúng nó đang thù, chúng nó lại biết mình non, mà lại cứ nhất định rằng mình được trầu được cau, nhà bây giờ bạc trăm lúc nào cũng có. Ngộ chúng nó cứ khăng khăng đòi giải, không bằng lòng cho chuộc thì sao?

- Mẹ kiếp! Lại chực bắt bí nhau…Chúng nó làm già thì mình cũng làm già! Mình chẳng thí cho một đồng xu dính dỉ, mình cứ đi phu, xem sao nào!

Bịch bàn như vậy. Nhưng vợ hắn lắc đầu quày quạy:

- Thôi! Thôi! Thôi! Thôi!.... Đừng đâm ba chày củ ra!...

Không thể liều. Hắn liều được, nhưng thị không liều được. Thị bây giờ những bốn đứa con thơ. Hắn đi rồi, thị không làm gì nuôi chúng được. Ở làng này, khó lắm. Không có người đàn ông ở nhà, làm được một miếng, chúng nó cũng chẳng để cho mà ăn đâu…Thế làm sao bây giờ?

- Muốn làm sao thì làm. Nhưng bố nó mà đi thì mẹ con tôi cũng phải bỏ làng mà đi nốt.

Bịch cũng chẳng còn biết nghĩ ra sao nữa. Hắn ngồi bó củi, cằm ghếch lên đầu gối. Mặt hắn thườn ra, vừa tức tối vừa chán nản. Một chút nước mắt chảy vòng quanh. Hắn thấy tất cả nỗi khổ cực của một người lép vế trong thôn xã. Đầu hắn gần như là buốt nhức. Có cái gì ở bên trong rậm rựt, ngùn ngụt như muốn nổ tung ra ngoài. Nhưng cái ấy không nổ được. Nó theo nước mắt mà rỉ ra dần dần. Bịch chép miệng bảo:

- Biết vậy thì hôm nọ nghe ông cựu, làm hương trưởng đi cho rồi.

- Ấy thế!

- Khốn nỗi sáu, bảy trăm đồng bạc một lúc, chưa bán ông Hà bá cho ai được.

- Làm quái gì hết sáu, bảy trăm?

- Chứ lại không sáu, bảy trăm à? Này nhé!

Hắn ngồi tính rành mạch từng khoản một. Vợ hắn lắc đầu mà bảo:

- Không làm gì có thế? Hôm nọ ông cựu cũng có bảo tôi. Ông ấy bảo: bây giờ dân đang cần tiền vào đám, ai muốn làm chỉ phải chồng quỹ rồi nộp thêm cho đám bảy chục, chiết can bữa rượu; như vậy chẳng còn phải khao khiếc gì.

- Dở lắm! Không khao thì ai biết mình làm hương trưởng?

- Sao người ta chả biết? Mình không khao, mà đã phải nộp tiền thì cũng như khao. Việc dân ở trong tay các ông ấy, chứ còn ở tay ai. Các ông ấy biết cho mình, là cả làng phải biết. Đứa nào dám nói không biết, người ta vả vào mặt ấy.

Bịch ngẫm nghĩ. Hắn thở dài ba, bốn cái. Rồi hắn hỏi vợ:

- Hay là ta lại vào nhà ông cựu hỏi xem sao. Liệu có nhè nhẹ thì ta cố lo một chút.

- Ừ, thì bố nó thử vào hỏi xem.

Có như vậy thật. Ông cựu bảo: từ cổ chí kim, chưa có bao giờ chức hương trưởng làng này lại rẻ như thế ấy; ai không làm cũng dại…Và ông bằng lòng nhận khoán Bịch một trăm tất cả. Ba mươi đồng quỹ, với bảy mươi đồng chiết can bữa rượu. Còn việc tạ chỗ này, chỗ khác, ông nói miệng với người ta là đủ. Ông đã nhận đứng ra giúp Bịch, chẳng cụ nào nỡ đòi ăn chè của ông…Sự thể là thế đấy. Cứ có một trăm đồng bạc là xong tất. Bịch chỉ việc ngồi nhà, chẳng cần phải đi nói với ông nào nửa tiếng. Đã có ông đi nói hộ. Cái chỗ quan viên với nhau, người ta nói với nhau nó dễ. Vậy thì Bịch muốn nghĩ thế nào thì nghĩ. Liệu có thể thu xếp mà lo được thì nên lo…

Cố nhiên là Bịch lo. Bây giờ tuy chưa đủ cả, nhưng cũng chẳng còn thiếu mấy. Thiếu tí chút, thì vay tạm vậy. Nhờ có cái trầu, bây giờ chẳng thiếu gì người dám bỏ tiền cho hắn vay.

Ông cựu nhận lấy một trăm đồng bạc. Bịch chỉ việc ngồi nhà thật. Mọi sự đã có ông cáng đáng. Ông cáng đáng như thế này: Ông bỏ ra mười đồng sung vào quỹ của làng. Lệ ấy có ghi trong hương ước. Nhưng hương ước chỉ là một quyển thần chú để mấy ông kỳ mục hô tiền. Nó được giấu kín trong tủ nhà hội đồng. Bịch làm gì biết được. Thấy ông cựu bảo phải chồng quỹ ba chục bạc thì hắn cũng tưởng ba chục bạc….Xong món tiền sung quỹ rồi, ông đưa thêm năm chục đồng để các cụ chia nhau. Trong số bảy chục tiền làm rượu, ông dắt mối được xơi hai chục. Các cụ đã giao ước nhau như vậy. Thế là ông cựu được tất cả vừa bốn chục. Bịch đâu biết đến cái chỗ ngoắt ngoéo ấy. Hắn thấy công việc xong xuôi thì mừng rỡ lắm. Vẻ mừng rỡ hiện ra tận mắt, ngày vào đám, hắn được cầm cái roi đứng trước cửa nhà thâu dẹp trẻ. Trông ra phết ông hương mới lắm! Nhưng bỗng hắn nghe thấy mẩu chuyện sau này trong đám người đứng xem chèo:

- Ái chà! Đứa nào cầm roi đứng trên kia?

- Hương Bịch đấy.

- Bịch đi xúc dậm ấy à? Ai khiến nó…

- Đừng nói láo! Ông hương đấy!

- Hương cái con khỉ! Chưa làm rượu đã vác mặt ra đình! Bộ thằng tớ có chào nó là ông Hương.

Mặt Bịch đột nhiên đỏ gay lên. Hai tai hắn trông như hai cục tiết. Hắn không dám giơ nhăm nhăm cây roi nữa. Hắn đứng ngây người, mặt nhăn nhó nhìn chân trời qua bên trên đầu những người đứng xem. Trẻ con lợi dụng lúc ấy lấn bừa vào….Cụ tiên chỉ sang sảng quát:

- Hương mới đâu? Chèo cho các cụ xem hay trẻ con xem thế này? Anh dẹp đám thế à? Muốn cách không? Ái chà!....

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 464, ngày 5-6-1943

MỘT TRUYỆN XÚVƠNIA

Hàn là chàng trai 18 tuổi, sống bằng những cuốn tiểu thuyết lãng mạn và ao ước một tình yêu mơ mộng. R`ồi hắn ấp ủ những dự định táo bạo để được sống với người yêu. Chỉ đến khi nhìn thấy cảnh háu đói của những cô thôn nữ thiếu ăn và được biết người mình yêu đã bán cả chiếc khăn kỷ niệm có lẽ cũng chỉ để ăn quà, Hàn mới vỡ mộng.

Những quân cướp, mỗi khi muốn ăn cướp một nhà nào, bao giờ cũng phải thăm đất trước. Hàn cũng vậy, hắn sắp làm một việc tương tự như ăn cướp. Vậy phải đi xem kỹ tình hình đã.

Thoạt tiên, hắn hãy dắt cái xe đạp, vòng qua chỗ cửa đình. Đây là chỗ quan viên. Họ trải chiếu ng`ồi ngay xuống đất, vào một góc sân. Ông bố đẻ Tơ có đây r`ồi. Ông bố ch`ồng cũng ng`ồi kia. Cả người anh ch`ồng nữa. Được r`ồi! Hàn không thèm nhìn những ông kia. Hắn vờ xem thuy`ền giấy, voi, ngựa giấy b`ầy ở giữa sân. R`ồi hắn dắt cái xe đạp, thủng thỉnh đi ra phía ruộng. Đây là chỗ thả di`ều. Bọn trai làng thường tụ tập ở đây. Những người c`ầm đ`ầu, những người c`ầm dây, những người cuộn dây đang rối rít cả lên. Áo cánh, qu`ần ống thấp ống cao, đ`ầu không khăn hay là cái khăn xổ ra trật xuống vai, mặt đỏ bừng, m`ồhôi đổ ướt đ`ầm, họ chạy ngược, chạy xuôi, múa chân tay, gân cổ lên gọi nhau, mắng nhau, văng tục với nhau, giẫm cả lên chân người ta để chạy di`ều, làm `ầm ĩ, chẳng kém gì bọn phu trên một quãng đê vừa sạt. Những người xem chỉnh t`êhơn. Họ khăn áo hẳn hoi, tay quạt, tay ô, đứng nấp vào những bóng tre nhìn lên trời, bàn tán với nhau. Trời xanh ngắt, nắng chang chang. Họ phải che quạt hoặc bàn tay lên mắt cho đỡ chói. Những chiếc di`ều toàn trắng hoặc có một vệt đỏ to ở giữa, lên cao tít đến nỗi phải cố nhìn mới thấy. Những cái di`ều đứng không động đậy, như chiếc lá nằm trên mặt h`ồvào lúc gió yên. Những cái khác lượn lờ ít chút thôi. Nhưng cũng có một vài cái nghịch, chao bên nọ bên kia một cách rất hăng, và chốc chốc lại toan bổ xuống. Những cái ấy không đời nào ăn giải được. Đấy là di`ều của mấy kẻ xấu chơi. Chúng tức vì năm ngoái các cụ định giải bất công, nên năm nay cố ý buộc lèo cho di`ều của chúng đảo đ`ồng để troán vào dây di`ều khác. Thỉnh thoảng một chiếc di`ều đứt dây. Người ta hò nhau đuổi như đuổi trộm... Sao lại có

những kẻ làm tội cái xác mình quá vậy? Hàn nghĩ thế. Những kẻ đi thi diều cũng như những người đi xem thi diều đều dại như vích cả. Thằng thì chạy gần hộc máu mồm ra để tranh một cái giải chẳng thấm tháp vào đâu với số tiền bỏ ra để làm diều, để mua dây. Thằng thì phơi ra nắng những cái mặt nhăn nhó như mặt khỉ để xem những cái diều chẳng ai còn lạ. Để mà làm gì vậy? Giá mà hắn, thì nắng nôi thế này, hắn nằm khểnh ở nhà cho mát. Phải nợ gì mà xem với xét cho nhọc xác! Sở dĩ hắn chịu nhọc xác thế này chẳng phải để xem gì cả, ấy là vì Tơ.

Tơ là người yêu cũ của Hàn. Vào kỳ nghỉ hè năm ngoái có một hôm Tơ đến nhà Hàn để mua dâu. Sự ấy thường: Tơ vẫn mua dâu của nhà Hàn. Và sự này cũng lại thường: hôm ấy cả nhà Hàn đi vắng, người đi chợ, người đi làm đồng, chỉ có mình Hàn nằm gác chân lên cột xem tiểu thuyết. Những tiểu thuyết hồi ấy đua nhau tả những cuộc tình duyên của trai thành thị với gái đồng quê. Vai chủ động đàn bà trong các chuyện ấy đều là những cô thôn nữ rất đẹp, rất hiền, rất ngây thơ. Họ khiến Hàn ước ao như ước ao một mớ rau tươi. Bởi vậy, khi Hàn ra đánh chó cho Tơ, hắn đã nhìn Tơ rất kỹ. Tình cờ thế nào Tơ là một cô gái xinh xinh. Thị có đôi mắt bồ câu, cái miệng rất tươi, và đôi má hây hây. Thị bẽn lẽn chào Hàn với một vẻ e lệ đáng yêu. Hàn có cảm giác như hắn đột nhiên đổi khác đi. Hắn tự bảo: "Cuốn tiểu thuyết của đời ta đã bắt đầu... ". Và hắn cố tìm một câu rất văn hoa để nói, nhưng đã quên mất cả. Hắn chỉ lắp bắp miệng ra dáng chào Tơ. Thành ra, lại chính Tơ là người khơi chuyện trước:

- Thưa cậu, bà Cửu có nhà không ạ?

- Thưa cô... Vâng! Mẹ tôi có nhà. Mời cô vào chơi.

Hàn nói dối rất trơn tru sau một thoáng ngập ngừng. Bởi vì hắn tính lại rồi. Khi cái lưỡi cứng đờ của ta đã bật ra được một câu không đến nỗi ngẩn ngơ thì nó trở nên dẻo dang. Hàn nhớ ra rằng: hắn là con nhà danh giá ở làng này; hắn đi học, ở tỉnh về, quần áo hắn giặt là và chân hắn dận giày tây; đầu hắn đầm chất nhờn ở phía ngoài và văn chương ở phía trong... Nói tóm lại, hắn có đủ điều kiện để tất cả các cô gái làng này phải ước mơ. Hắn không có lý do gì để mà rụt rè quá thế. Bây giờ thì hắn nói hoạt bát

lắm, tuy có hơi to quá sự thường một chút, như một anh chàng chếnh choáng say...

- Mời cô cứ vào, tôi đánh chó... Mời cô đi trước, kẻo chó cắn.

- Cháu vô phép cậu...

- Vâng ạ, mời cô cứ đi.

Tơ vén áo, khép nép đi lên trước. Hàn mỉm cười nhìn cái cử chỉ hay hay ấy. Rồi hắn đi sau cô gái, vuốt ve bằng mắt cái cổ nây nây của thị. Vào đến sân, Tơ đứng lại đằng hắng. Những mành mành cửa buông kín mít: thị làm thế để bà Cửu trong nhà lên tiếng trước. Hàn hiểu ý. Hàn vờ nói vọng vào nhà:

- Thưa mẹ, có khách.

Cố nhiên là chẳng có mẹ nào đáp lại.

Hàn bảo Tơ:

- Chắc mẹ tôi ra ao. Cô vào ngồi chơi một lát. Tôi đi gọi.

Tơ vội bảo:

- Thôi ạ, chả dám phiền cậu... Bà còn ở ngoài ao, vậy cháu cứ đi hái dâu trước đã. Lúc nào bà về, cháu hãy thưa chuyện với bà.

Hàn mừng quá...

- Vâng! Thế thì cũng được... Vậy ra cô mua dâu?

- Vâng ạ.

- Thế thì mời cô ra vườn hái. Tôi đánh chó.

- Dạ... thôi ạ. Đã vào nhà rồi chắc chó không cắn nữa.

- Được, cô cứ đi... để tôi trông chó. Phải một con hư lắm, nó hay cắn trộm.

- Thế ạ. Thưa cậu, cô Hán đi đâu ạ.

Hàn hiểu ý Tơ ngỏ một cách kín đáo, muốn để em gái hắn ra đánh chó.

Hàn vội bảo:

- Thưa cô, em nó ra ruộng ạ.

- À vâng! Hèn nào mà không nghe thấy tiếng.

- Vâng! Nó ở nhà thì liến láu, mồm năm miệng mười luôn. Tôi mắng nó luôn về cái tội lắm điều mà cũng không chừa.

Hai người đến rặng dâu. Tơ đặt cái thúng không xuống đất, nhìn chung quanh rồi bảo:

- Chó không có đây, mời cậu về nhà cho mát.

- Cô cứ để mặc tôi. Tôi đứng xem cô hái dâu để học hái. Cô dạy tôi hái nhé.

- Cháu không dám ạ. Cháu hái chậm lắm, có thành thạo gì đâu? Vả lại hái dâu thì ai chả hái được, có cần gì phải học?

- Cô nói vậy, chứ thực ra thì cần học lắm. Đã đành cứ rứt liều thì ai mà không rứt được? Nhưng có biết hái thì trông mới đẹp. Cô hái đẹp lắm.

Tơ đưa chít dâu lên che miệng, cười tít mắt. Má thị càng đỏ thêm, giọng thị càng thân mật hơn một chút:

- Rõ cậu chỉ khéo vẽ!

Hàn cũng cười và bảo:

- Thật! Cô hái dâu tay mềm mại lắm. Trông cô hái tôi chỉ muốn làm cây dâu để...

Hàn ngừng lại; Hàn thấy Tơ đột nhiên nghiêm mặt. Thị giả tảng như không nghe thấy, và nói lảng:

- Lứa dâu này để quá có mấy ngày mà rậm quá.

Hàn im lặng. Sự ngượng nghịu hiện ra trên nét mặt. Có lẽ Tơ nhận thấy và thương hại. Thị lại gợi cho Hàn nói:

- Cậu không hái dùm cho cháu đi, cho nó chóng. Mình cháu hái thì đến trưa chửa hết.

Hàn mừng rỡ:

- À, quên đấy nhỉ! Nhưng tôi hái cho cô thì cô cũng phải nghĩ thế nào chứ... nhỉ?

- Cháu trả công.

- Không. Tôi chả lấy công đâu. Nhưng cô không được xưng bằng cháu với tôi thế, tôi thẹn chết! Tôi với cô chỉ bằng tuổi nhau thôi. Năm nay cô bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Cháu...

- Không có lệ xưng cháu.

Tơ gục mặt xuống cánh tay để giấu miệng đi, cười, nũng nịu.

- Thế xưng bằng gì được?

- Bằng tôi, hay là em thì càng... thú.

Hàn nói buông miệng, cười khanh khách để khỏi thẹn. Tơ đỏ mặt, nhưng cũng cười, không cự lại. Hắn biết là cắn lắm. Hắn can đảm thêm chút nữa.

- Cô bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Cậu đoán độ bao nhiêu?

- Mười tám phải không?

- Mười bảy.

- Thế thì tốt quá. Tôi mười tám. Gái hơn hai, trai hơn một, cô nhỉ! Hàn lại cười khanh khách.

Tơ lườm:

- Rõ cậu!...

Nhưng thị không nghiêm trang được. Thị bật cười. Ấy thế là câu chuyện cứ dần dần đi đến sát nách, chẳng còn cần bóng gió, xa xôi nữa. Nó đã tận cùng bằng một câu thế này của Tơ:

- Cái ấy còn phải tùy thầy mẹ em. Em biết đâu mà trả lời cậu?

Thế nghĩa là: em bằng lòng mê đi rồi. Hàn chẳng ngu ngốc gì mà không hiểu. Và giá Hàn bảo phắt mẹ hỏi Tơ cho mình, thì có lẽ họ đã thành chồng, thành vợ. Nhưng Hàn thẹn. Vả lại Hàn chưa đọc một cuốn tiểu thuyết nào kết thúc một cách giản dị theo kiểu ấy. Cần gì phải nghĩ đến hôn nhân? Hàn chỉ xin mẹ cho tiền mua một cái ống xì đồng. Hàn lấy đất sét viên những viên đạn con con, rồi phơi, rồi nung, rồi nhét đầy túi, vác ống xì đồng đi suốt ngày để thổi chim. Hàn hay đến thổi chim ở sau chùa. Chẳng ai ngờ, bởi vì sau chùa rất lắm chim. Nhưng cạnh chùa lại có một ruộng dâu rất tốt mà cứ bốn năm ngày Tơ đến hái. Thành thử cuốn tiểu thuyết của Hàn cứ thêm trang mãi. Và khi những tháng hè đã hết, nó đã đến chỗ Hàn xúvơnia cho Tơ một cái mùi xoa thơm lựng bằng lụa nõn, viền tím và thêu cành hoa con bướm với hai chữ HT gài với nhau. Ấy là một cái khăn tay Hàn đã đặt làm ngoài tỉnh, rưới vào mấy giọt nước hoa rồi gói vào một mảnh giấy bóng, đem về tặng Tơ...

Ở nhà quê, người ta tin rằng: những cặp trai gái chưa chi đã thề bồi với nhau, chẳng bao giờ lấy được nhau. Điều ấy đúng chăng? Tháng hai vừa rồi, Hàn được tin người yêu đi lấy chồng. Tơ lấy con trai ông nhì Gia, đỗ nhị trường. Nhà ông nhì Gia nghèo rớt mùng tơi! Thằng con ông mười lăm, nhưng chỉ bằng mười ba; nó cọc người. Mặt nó nhăn nhăn! Mặt dơi

chẳng ra mặt dơi, mặt chuột chẳng ra mặt chuột. Nói tóm lại, chẳng có mẽ gì. Nó lấy Tơ, thật đúng là con cú đậu cành mai. Hàn tức lắm. Và chẳng cần phải hỏi Tơ, Hàn cũng biết Tơ bị cha mẹ ép. Quả nhiên, ít lâu sau Hàn được tin Tơ chê chồng bỏ nhà đi. Người ta bắt được Tơ. Ông bố đẻ xoắn tóc Tơ vào gốc cau đánh giập mấy cái roi mây, rồi cạo trọc đầu Tơ, lấy vôi bôi, dọa sai mõ dong đi khắp làng cho dơ mặt, nếu Tơ nhất định không về nhà chồng. Cái kế này diệu thật. Nhưng Tơ khóc gớm lắm. Hàn thương quá. Hàn mong cho có dịp gì được nghỉ vềquê bàn với mẹ trả của cho Tơ để lấy Tơ. Nhưng mẹ Hàn nghe Hàn nói thì trố mắt lên, sợ hãi. Con gái làng này đã hết đâu mà phải lấy tranh vợ người ta thế? Hàn năn nỉ. Hàn dọa sẽ đem Tơ đi trốn. Bà trả lời lại bằng cách cưới vợ luôn cho Hàn.

Bài thuốc ấy có thể công hiệu, nếu người vợ cưới vềđẹp và ngoan ngoãn. Một người đàn bà rất dễ làm ta quên một người đàn bà khác. Nhưng vợ Hàn rộng miệng và hôi nách. Bởi thế cho nên Hàn uất ức. Hàn không thèm nói nữa. Hàn lẳng lặng ra tỉnh, như yên phận. Nhưng từ đấy, Hàn nghiền ngẫm một cái chương trình rất hăng...

Hàn đã trông thấy cái thằng chồng của Tơ rồi. Nó đứng kia, loắt choắt như con chuột lắt. Nó đứng xem hàng kẹo kéo. Mặt nó hếch lên, nhìn mồm anh kẹo kéo hát những vần vèo mà cười bằng cả một cái mồm há hốc. Hàn nhìn nó, một cái nhìn khinh bỉ. Mẹ kiếp! Thằng nào chứ thằng này, hắn chỉ đá một cái là chết nghéo. Hắn dắt cái xe đạp, đi lên đường. Hắn dắt vòng lên chỗ gốc đa. Hắn tựa cái xe đạp vào gốc đa, rồi đứng nghỉ, lấy vạt áo trắng dài làm quạt, quạt. Người ta tưởng hắn đứng đấy cho mát. Thật ra thì hắn nhìn những đàn bà, con gái đương ăn quà.

Họ khá đông. Những bà mẹ xồxề với đứa con đầu mới cạo, nhẵn thín như quả bưởi. Những bà già mặc áo mớ, to sù người. Những cô con gái lẵng cẵng và gọn ghẽ. Tất cả đứng tụm năm tụm ba, chuyện trò ríu rít, hoặc ngồi xổm trước những hàng bún, hàng bánh đúc gục đầu xuống ăn. Trông họ ăn mà ái ngại. Bởi họ ăn ngon lành quá, hăm hở quá, mắt hùm hụp nhìn xuống bát, nhìn xuống chỗ bánh của mình, nhìn chỗ bánh của người khác, của nhà hàng... Hình như họ tính thầm rằng mình ăn hết chỗ này cũng chưa no... người kia ăn sung sướng hơn mình... giá không tiếc tiền thì mình phải ăn thêm cái tấm kia, tấm kia... của bà hàng nữa... Chỗ bánh vơi dần. Họ ăn

chậm chạp hơn, như kiểu ăn dè. Và đến lúc chỉ còn trơ cái lá không, họ đã buông đũa xuống rồi, còn nghĩ tiếc rẻ thế nào, bê bát nước riêu thừa lên húp một vài húp nữa, rồi mới chống tay vào đầu gối để đứng lên, sau khi đã nhìn cái mẹt của bà hàng với vẻ luyến tiếc... Hàn đứng nhìn họ ăn hàng giờ như thế. Hắn quên cả cái mục đích của hắn khi đến đứng chỗ này. Bởi vì hắn đến chỗ này có phải để nhìn thiên hạ ăn đâu? Hắn có ý tìm Tơ, hắn sẽ theo Tơ đến một quãng đường vắng nào. Hắn sẽ nói điều dự định của mình ra. Và nếu Tơ vẫn còn yêu mến, Tơ vẫn còn can đảm để yêu, hắn sẽ rước Tơ đi. Chúng tự do lập gia đình, sống với nhau rồi mặc kệ! Cái dự định ấy, Hàn nghiền ngẫm đã ba tháng trời nay. Hàn quả quyết thêm. Và tới lúc trông thấy cái mặt nghiêm trang của cha mình và cái mặt đáng ghét của cha Tơ, hắn quả quyết thêm. Và đến lúc trông thấy cái mặt khá bỉ của chồng Tơ, Hàn lại càng quả quyết. Hàn tưởng sự quả quyết của hắn không còn thể nào lay chuyển được. Nhưng bây giờ...

Ôi chao! Nếu Tơ của Hàn có đi xem, tất thị cũng ngồi sụp xuống trước một hàng bánh đúc kia. Thị sẽ bảo bà hàng thái cho ba xu bánh đúc và múc một xu riêu. Thị sẽ và, sẽ húp kêu soàn soạt. Và đôi môi thị, đôi môi tròn và đỏ tựa san hô sẽ sườn sượt, nước riêu cá diếc nó chảy xuống cả cái cằm xinh xinh của thị, khiến thị phải lấy ống tay áo quệt... Hỡi ôi! Có cái gì là đẹp quá như Hàn vẫn tưởng đâu? Hắn tự nhiên thấy mỏi mệt vô cùng. Hắn ngồi phệt xuống gốc đa. Hắn buồn nôn. Lúc bấy giờ tâm trạng hắn ra sao, hắn không biết nữa. Đó là một cảm giác hỗn độn, nó sửa đường cho một cuộc đổi thay. Rất nhiều mộng mơ tan. Một chút thẹn thùng. Một chút lòng thương. Nhưng tình yêu thì nhất định không còn nữa. Mong manh thay tình yêu bồng bột của tuổi hai mươi! Người ta tưởng có thể chết vì một người, rồi đột nhiên người ta thấy chẳng có nghĩa lý gì đối với lòng mình nữa. Hắn uể oải đứng lên, toan về.

Bỗng Hàn để ý đến mấy cô gái đứng gần Hàn vừa nghe nói đến tên Tơ. Hắn nhìn xem. Một cô đang giơ ra một cái khăn tay. Họ vừa xem vừa bàn tán với nhau:

- Cái Tơ cũng nhặt được ở đâu đấy, chứ về nhà ấy làm gì dám mua những của này?

- Chắc thế.

- Mấy hào đấy?

- Có hai hào.

- Rẻ đấy.

- Rẻ thì rẻ thật, nhưng giá tôi thì tôi cũng chả mua đâu. Hạng chúng mình mua khăn tay thêu làm khỉ gì chứ?...

- Thì đã hẳn... Nhưng thấy rẻ, tôi tiếc nên máy tay mua đấy. Tôi chả sợ. Thế nào tôi cũng gạ cô Luyến, bán cho cô ấy, để cô ấy hầu bóng. Cứ gọi là ba hào là rẻ. Mình được lãi một hào ăn bánh đúc.

Ăn bánh đúc! Lại ăn bánh đúc!... Chao ôi! Thì ra những cô gái quê rất đẹp, rất hiền, rất ngây thơ kia phần nhiều chỉ nghĩ đến ăn. Họ là những kẻ không mấy ngày được thỏa cơm. Đối với họ, cái ăn có lẽ còn cần hơn cả tình yêu. Tơ đã bán cái xúvơnia của Hàn đi để ăn bánh đúc chăng?... Hàn đỏ mặt lên, hắn thấy hắn đã làm một việc quá buồn cười. Nhưng mà hắn chẳng giận Tơ đâu. Hắn cũng không khinh. Hắn chỉ sáng mắt ra thôi. Điên rồthay là cái dự định dắt Tơ đi! Bọn trẻ con tưởng rằng, người ta có thể sống bằng tình yêu mà chẳng cần ăn. Hỡi những cô gái quê rất có thể đáng yêu nếu không đói cơm kia! Các cô đã dạy khôn Hàn. Bây giờ Hàn mới biết rằng, trước khi nghĩ đến việc đặt những cái hôn lên cái miệng hoa của người yêu, cũng nên nghĩ đến việc đổ cơm vào đấy đã. Cái ý nghĩ có lẽ chẳng được thơ cho lắm, nhưng cuộc sống vốn không tha thứ những cái gì quá thơ.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 465, hè 1943

TƯ CÁCH MÕ

Bây giờ thì hắn đã thành mõ hẳn rồi. Một thằng mõ đủ tư cách mõ, chẳng chịu kém cạnh những anh mõ chính tông một tí gì: cũng đê tiện, cũng lầy là, cũng tham ăn. Hơi thấy nhà nào lách cách mâm bát là hắn đến ngay. Hắn ngồi tít ngoài xa, ngay chỗ cổng vào. Người ta bưng cho một mình hắn một mâm. Hắn trơ tráo ngồi ăn. Ăn xong, còn thừa bao nhiêu, hộn tất cả vào, lấy lá đùm thành một đùm to bằng cái vế đùi, để đem về cho vợ, cho con. Có khi hắn còn xán đến những chỗ người ta thái thịt, dỡ xôi, lấy cắp hoặc xin thêm một đùm to nữa. Hắn bỏ cả cái đùm vào cái tay nải rất to, lần đi ăn cỗ nào hắn cũng đem theo. Thế rồi một tay xách tay nải, một tay chống ba toong, hắn ra về, mặt đỏ gay vì rượu và trầu, đầy vẻ phè phỡn và hể hả….Mùa đến, hắn vác một cái đòn càn có quấn mấy sợi thừng ở một đầu, đi hết ruộng nọ đến ruộng kia:

- Mùa màng, anh em đến xin cụ lượm lúa… Mùa màng, anh em đến xin ông lượm lúa…Đến xin bà, hay thầy, hay cô lượm lúa…

Mồm hắn nói, tay hắn lượm. Hắn cứ chọn những gié nào to nhất, mẩy nhất thì lượm. Cụ, hay ông, hay bà, thầy, cô tiếc. Hạt thóc quý như hạt ngọc. Nhưng tiếc cũng chẳng làm sao được. Ai nấy đều im như thóc cả. Người ta đã nói: tham như mõ. Nếu nó không tham, sao nó làm mõ? Còn mình, không lẽ mình lại keo với cả thằng mõ trở đi?... Hà hà! Cứ vậy mà ăn câu đấy. Hắn biết thóp người ta như vậy, nên hắn lại càng làm dữ. Hết mùa rồi đến tết. Trước tết, hắn xách ba toong đi trước, vợ thì đội một cái thúng cái đi sau. Chúng đến từng nhà, xin mỗi nhà bát gạo. Mùng một tết, bố con hắn xách một bao chè với năm quả cau, đến mừng tuổi các ông quan viên để kiếm cỗ ăn và kiếm tiền phong bao. Bao chè với cau của hắn, hắn đem đến rồi lại đem về: có ông nào ngu đến nỗi lấy cau, chè của hắn? Người ta thừa biết hắn chỉ có độc trọi một bao chè ấy, đem đi hết nhà này sang nhà nọ, xong mấy ngày tết lại đem bán lại…Thế rồi độ mùng năm, mùng sáu, vợ chồng hắn lại đi tua lần nữa, để xin bánh chưng thừa…

Cứ thế, hắn ỷ vào cái địa vị hèn hạ của mình để nhiễu người ta và lấy sự nhiễu được người ta làm khoái lắm. Nhiều người phải bực mình. Họ lại

còn bực mình về cái cách hắn tưng nịnh những người rộng rãi và tỏ vẻ xấc láo, bủng phỉu đối với những kẻ không lấy gì mà rộng rãi hắn được. Thật hắn đã vô liêm sỉ quá. Mỗi lần hắn đi khỏi, những người đàn bà nguýt theo, chủm mỏ ra và lẩm bẩm.

- Giống mõ có khác: không trách được người ta gọi là đồ mõ!... Trông ghét quá!...

Người ta tưởng như ông trời đã có ý sinh hắn ra để mà làm mõ; hắn có cái cốt cách của một thằng mõ ngay từ khi còn ở trong bụng mẹ, và là mõ ngay từ ngày mới sinh…

Không! Lộ sinh ra là con một ông quan viên tử tế, hẳn hoi. Và mới chỉ cách đây độ ba năm, hắn vẫn còn được gọi là anh cu Lộ. Anh cu Lộ hiền như đất. Cờ bạc không, rượu chè không, anh chỉ chăm chăm, chúi chúi làm để nuôi vợ, nuôi con. Bố mẹ chết cả rồi. Chị cu thì y như con mài mại: lúc nào cũng chửa. Vừa mới dạo nào, trông bụng chị to như cái thúng, đến lúc gặp thì cái bụng chị đã mây mẩy rồi. Người đàn bà mắn quá! Vườn đất hẹp. Gia bản không có gì. Anh cu Lộ chỉ độc nai lưng ra cày thuê, cuốc mướn. Nói thế, nghĩa là nhà cũng túng. Nhưng túng thì túng thật, mà bụng dạ anh ta khá. Anh chỉ làm với ăn với nuôi vợ, nuôi con chứ không hề ăn trộm, ăn cắp của ai. Cái sự túng làm liều, anh tịnh là không có. Nhà hàng xóm có con gà, con vịt chạy sang, hoặc buồng chuối, quả mít liền kề ngay với giậu nhà anh, anh cũng mặc thây, không hề có cái tính tắt ma tắt mắt. Nói cho phải, thì anh cu Lộ ăn ở phân minh lắm. Bởi vậy kẻ trên người dưới, hàng xóm láng giềng ai cũng mến…

Họ đạo Lưu An có tất cả chừng sáu chục suất đinh. Sáu mươi suất đinh tập họp lại với nhau, thành một làng nhỏ trong cái làng to. Trừ những việc sưu thuế, tạp dịch là những việc họ cùng chịu chung với dân lương, còn thì giáo dân nhất nhất cái gì cũng theo một ước lệ riêng. Ông trùm bên họ, cũng như người lý trưởng bên dân. Dưới ông trùm, đến ông quản giáo, trông coi việc dạy trẻ học sinh. Sau cùng đến ông sơ, tức là những ông đỗ bằng Sơ học yếu lược, và đã nộp lệ và làm rượu trình làng. Đấy là hạng quan viên. Bởi làm người đàn anh bên phía họ đạo không quá nặng nề, tốn kém như làm ông lý, ông phó bên dân lương, nên đến già nửa người trong

họ là quan viên. Chỉ còn hơn vài chục trai em. Bởi vậy bọn trai em cứ phải đi phu choanh choách. Đã có quan viên, có trai em, tất cũng phải có một thằng mõ nữa cho đủ bộ. Nhưng tìm đâu ra mõ? Người bên lương, tất không ai chịu làm mõ cho bên đạo. Mà người bên đạo thì ai chịu làm mõ ngay trong họ mình? Các cụ bèn nghĩ ra một cách. Người mõ không gọi là mõ nữa. Các cụ gọi là lềnh. Lềnh chuyên việc quét dọn nhà thờ và đi mời họ mỗi khi có ăn uống hay hội họp. Đi mời từng nhà một, chứ không cần phải rao. Mỏi chân một tí nhưng không xấu hổ. Họ sẽ cắt lượt trai em ra làm lềnh mỗi người ba năm. Người lềnh được ngồi ngang với trai em khác, và hết hạn rồi, nếu có tiền hay tài cán, muốn làm quan viên, vẫn được. Như vậy thì cũng chẳng có gì là mất giá trị. Đến lần, đến lượt thì làm, ai cũng làm…

Nhưng một năm xưa, một tên vô gia cư, chẳng biết quê quán nơi đâu, đem một con vợ theo đến trú ngụ ở làng này. Vợ chồng đi làm thuê, làm mướn kiếm ăn. Chúng ở nhờ nhà một bà lão mù, bán thuốc cam, sài, ghẻ, lở bên cạnh chợ. Một hôm, chẳng may người vợ chết. Cả hai vợ chồng cùng chưa vào làng. Vậy có nhiên là làng không chịu chôn cho. Hàng xóm cũng nhất định không chôn. Họ còn hạch sách nọ kia, toan làm rầy rà cho người chồng. Không biết liệu ra sao, anh chồng bèn mua một chục cau đem lên kêu với họ đạo, xin họ chôn làm phúc, rồi anh ta xin nhập đạo. Họ nhận, làm ma cho người vợ. Rồi nhân tiện, muốn giúp đỡ anh chồng, họ bàn cho anh ta mấy sào đất bên cạnh nhà thờ để làm vườn, lại cho anh ta tiền để làm một cái nhà con con. Từ đấy, trai em trong họ không còn phải cắt lượt nhau làm lềnh nữa. Được bốn mươi năm như vậy. Rồi người sãi chết. Hắn không có con để mà kế nghiệp. Chân sãi khuyết. Bọn trai em quên hẳn cái lệ lềnh ngày xưa rồi, chỉ biết có sãi là một anh chàng na ná như thằng mõ, bây giờ nhất định bướng, không chịu làm việc ấy. Bàn định mãi, các cụ bỗng nghĩ đến anh cu Lộ. Nghĩ đến một cách rụt rè thôi:

- Giá anh ta chịu cáng đáng việc này cho thì hay quá! Anh ta cẩn thận mà sạch sẽ….

Mà nhà cũng túng. Vườn đất hẹp. Cáng đáng được thì được thêm bốn sào vườn nữa, sưu thuế không phải đóng.

- Mà mỗi kì thuế, họ lại còn cho thêm tiền..

- Kể ra thì chỉ toàn những cái lợi. Nhưng chỉ sợ anh ta còn e cái tiếng…

- Tiếng tăm gì! Quét dọn nhà thờ thì cũng là làm việc thờ phụng, ai làm không được. Còn đi mời quan viên, thì mình là người dưới, đi mời người trên một tiếng, không đáng à.

Một cụ kêu lên thế. Cụ tiên chỉ mủm mỉm cười rồi hỏi:

- Hay là ta cho tìm anh ấy đến, dỗ anh ấy xem sao?

Lộ đến. Người ta kể tất cả những cái lợi ra để nhử. Rồi người ta lại cố cắt nghĩa cho anh hiểu: làm sãi chẳng có gì là nhục, cũng là làm việc họ đấy thôi; ai cũng ngại, không chịu đứng ra cáng đáng thì mình đứng ra cáng đáng giùm cho cả họ; có phải mình tham lợi, tự nhiên đem trầu cau đến xin làm đâu mà sợ tiếng?...

- Không, thế này, anh cu ạ; giá anh cầu cạnh để làm thì còn có người nói được. Đằng này anh không cầu cạnh, chúng tôi gọi anh đến, cho làm, thì việc gì anh không làm? Ấy là tất cả các cụ, cùng quan viên trên, quan viên dưới đều mến cái bụng anh hiền lành….Anh cứ làm.

Lộ bùi tai, làm vậy. Và quả nhiên, hắn làm được ít lâu thì nhà đỡ xo dụi hơn trước thật. Bởi vì hắn chăm chỉ lắm. Mấy sào vườn họ cho, hắn cuốc xới rất kỹ càng. Hắn làm ngô, làm mía được mấy vụ tốt luôn. Tiền của họ cho, hắn bỏ ra lấy khô bã cho lợn ăn. Sưu thuế không mất một đồng trinh, làm được đồng nào, được cả. Làm gì không dễ chịu?

Bấy giờ những anh khác trông thấy thế mới sinh ra tiếc. Họ thấy Lộ làm sãi ngon ăn quá. Họ ngấm ngầm ghen với hắn. Và chẳng người nào bảo người nào, họ vô tình về hùa với nhau để báo thù.

Những lời tiếng mỉa mai truyền từ người nọ đến người kia. Lộ thấy những bạn bè cứ lảng dần. Những người ít tuổi hơn, nói đến hắn, cũng gọi bằng thằng. Trong những cuộc hội họp, nếu hắn có vui miệng nói chõ vào một câu, nhiều người đã ra vẻ khinh khỉnh, không thèm bắt chuyện….Hắn nhận

thấy sự thay đổi ấy, và bắt đầu hối hận. Nhưng sự đã trót rồi, còn biết sao được nữa? Hắn tặc lưỡi, và nghĩ bụng: "Tháng ba này, thằng nào thằng ấy đến ba ngày không được một bát cơm, dãi nhỏ ra, hết còn làm bộ!... ". Một ý phẫn khích đã bắt đầu nảy mầm trong khối óc hiền lành ấy…Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi xuống cỗ thì ba người khác đứng cả lên, Lộ người trơ lại một mình. Mặt hắn đỏ bừng lên. Hắn do dự một chút rồi cũng phải đứng lên nốt, mặt bẽn lẽn cúi gằm xuống đất. Chủ nhà hiểu ba anh kia có ý gai ngạnh không chịu ngồi chung với mõ. Ông tìm một người khác, xếp vào cho đủ cỗ, và yên ủi Lộ:

- Chú ăn sau cũng được.

Lộ ậm ừ cho xong chuyện, rồi nhân một lúc không ai để ý, lẻn ra về. Hắn tấm tức rất lâu. Trông thấy vợ, hắn cúi mặt không dám nhìn thị, làm như thị đã rõ cả việc nhục nhã vừa rồi. Hắn thở ngắn, thở dài, lắm lúc hắn muốn bỏ phắt việc, trả lại vườn cho họ cho đỡ tức. Nhưng nghỉ thì cũng tiếc. Hắn chăm cái vườn tốt lắm rồi. Để thằng khác ăn, nó hoài đi. Hắn lại tặc lưỡi một cái, và nghĩ bụng: "Mặc chúng nó!... ". Hắn chỉ định từ giờ chẳng đi ăn cỗ đám nào nữa là xong chuyện….Nhưng khổ một nỗi, không đi, không được. Đám nào có ăn, tất nhiên là thằng sãi phải đi mời. Mời xong, tất nhiên chủ nhân không chịu để hắn về. Làm cỗ cho cả họ ăn còn được, có hẹp gì một cỗ cho thằng sãi? Để nó nhịn đói mà về, nó chửi thầm cho. Mà thiên hạ người ta cũng cười vào mặt, là con người bủn xỉn…ấy, người ta cứ suy hơn, tính thiệt như vậy mà nhất định giữ thằng sãi lại. Không ai chịu ngồi với hắn, thì hắn sẽ ngồi một mình một cỗ. Nếu hắn có sợ thẹn thì người ta sẽ dọn cỗ trong bếp, hay một chỗ nào kín đáo, cho hắn ngồi..

Mới đầu, Lộ tưởng ngồi như thế, có lẽ yên ổn đấy. Nhưng người ta tởi lắm. Người ta nhất định bêu xấu hắn. Trong nhà đám, một chỗ dù kín đáo thế nào, mà chẳng có người chạy lại, chạy qua. Mỗi người qua lại hỏi hắn một câu:

- Lộ đấy à, mày?

Cũng có người thêm:

- Chà! Cỗ to đấy nhỉ? Đằng ấy hóa ra lại….bở!

À! Thế là bọn họ nói kháy anh cu Lộ vậy, Lộ cáu lắm. Hắn tặc lưỡi một cái rồi nghĩ bụng: "Muốn nói, ông cho chúng mày nói chán! Ông cần gì!... ". Hắn lập tức bê cỗ về sân, đặt lên phản, ung dung ngồi. Nói thật ra, thì hắn cũng không được ung dung lắm. Tai hắn vẫn đỏ như cái hoa mào gà, mà mặt hắn thì bẽn lẽn. Muốn chữa thẹn, hắn cố làm ra trâng tráo. Hắn uống rượu, hắn rung đùi, hắn nhai nhồm nhoàm và vênh vênh nhìn người ta, ra vẻ bất cần ai…Sau cái bữa đầu, hắn không thấy ngượng nghịu gì mấy nữa. Bữa thứ ba thì quen hẳn. Muốn báo thù lại những anh đã cười hắn trước, tự hắn trông mà thèm. Bây giờ thì lại đến lượt người chủ không được bằng lòng. Có một mình nó ăn mà cũng đòi một cỗ to hơn bốn người ăn!...

- Mẹ kiếp! không trách được người ta bảo: "Tham như mõ!".

A! Họ bảo hắn là mõ vậy…Tham như mõ vậy!... Đã vậy thì hắn tham cho mà biết!..Từ đấy, không những hắn đòi cỗ to, lúc ăn hắn lại còn đòi xin thêm xôi, thêm thịt, thêm cơm nữa. Không đem lên cho hắn thì hắn xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy. Ăn hết bao nhiêu thì hết, còn hắn gói đem về cho vợ con ăn, mà nếu vợ con ăn không hết, thì kho nấu để lại ăn hai, ba ngày…Hà hà! Phong lưu thật!... Cho chúng nó cứ cười khỏe đi!

Cứ vậy, hắn tiến bộ mãi, trong nghề nghiệp mõ. Người ta càng khinh hắn, càng làm nhục hắn, hắn càng không biết nhục. Hỡi ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất điệu để khiến người sinh đê tiện…

Bây giờ thì hắn mõ hơn cả những thằng mõ chính tông. Hắn nghĩ ra đủ cách xoay người ta. Vào một nhà nào, hắn không được vừa lòng, là ra đến ngõ, hắn chửi ngay, không ngượng:

- Mẹ kiếp! Xử bẩn cả với thằng mõ….

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 471, ngày 24-7-1943.

ĐIẾU VĂN

Thế là xong. Anh chết rồi đấy nhỉ? Không lẽ tôi lại vui khi được một cái tin như thế. Nhưng thật tôi cũng không biết có nên buồn không đấy. Có người bảo: "Sống khổ đến đâu, cũng còn hơn chết"; cái tâm lý chung của người đời như vậy.

Tuy vậy, tôi đã buồn. Buồn đến nỗi suốt một đêm không ngủ được. Thật đấy, anh Phúc ạ. Người ta thường trách tôi vô tình cảm. Nhầm. Tôi chỉ gớm ghét sự giả trá mà thôi. Mà bởi ghét giả trá quá, tôi lại thành ra giả trá. Có điều tôi giả trá theo cách khác: tôi cố ý đóng cũi sắt tình cảm tôi. Thấy người ta thương xót quá dễ dàng, tôi quá sợ lòng thương; thấy nhiều người khóc quá tài tình, tôi bỗng xấu hổ mỗi khi chực khóc. Tôi có đến đưa ma anh cũng bằng thừa. Đã có khối người tiếc thương anh. Đã có người vợ trẻ của anh quăn người lại như một chiếc vỏ bào, và khóc nỉ non như một bản âm nhạc mới. Có lẽ chỉ có hai đứa con anh là chúng không làm thảm thiết quá thôi. Chúng không gào. Chúng không lăn lộn trên đường như một con đỉa phải vôi. Chúng không chép miệng, ngoẹo đầu. Chúng ngây ngây, giương đôi mắt ngẩn ngơ. Thỉnh thoảng, nước mắt chúng mới ứa ra, thì chúng lại vội quệt ngang tay áo. Ấy thế mà chúng mới chính là những kẻ thương anh nhất. Chúng biết đời anh là đời chúng. Anh chết đi, chúng chỉ còn một cách, là đi ăn mày.

Anh Phúc ơi! Anh đã thấy chưa? Tôi không lẫn lộn vào trong bọn người đi đưa đám ma anh, nhưng hồn tôi theo đám ma anh. Tôi giống như cô gái ngây thơ mới bắt đầu yêu. Cô vờ không để ý, khi người yêu đi ngang qua cửa nhà cô; nhưng lại len lén nhìn theo rất lâu khi chàng đi khỏi. Tôi cũng thế. Tôi cố làm thinh khi người ta khóc đưa anh. Nhưng bây giờ đây, khi mọi người đã im rồi, tôi đóng kín cửa phòng, ngồi một mình trước bàn viết của tôi, bùi ngùi đưa đám ma anh trong tâm tưởng. Cái đám ma cũng đường trường lắm. Tôi dõi theo anh, từ lúc chúng ta mới quen nhau cho đến tận lỗ huyệt người ta vừa vùi anh xuống. Như vậy họa chăng mới có thể gọi là trọn nghĩa…

Tôi g`ần gũi anh, h`ồi còn nhỏ. Chúng ta sống cạnh nhau mấy năm trời tại nhà một bà bác tôi. Anh ở thuê. Tôi nhờ vả. Chúng ta hiểu với nhau rằng: hai chúng ta cùng khổ. Không, anh Phúc ạ! Chúng ta phải công bằng mới được. Bà bác tôi không phải là người ác nghiệt đâu. Có đi`ều bà khổ quá nhi`ều r`ồi. Khi người ta phải rỏ từng giọt máu ra để kiếm đ`ồng ti`ền, thì lẽ tự nhiên là người ta phải quý ti`ền ngang với máu. Ch`ồng bà mất sớm. Đã nhi`ều l`ần, bà toan bước đi bước nữa, nhưng chỉ vì tiếc của, lại thôi. Anh thử nghĩ xem. Đối với một thiếu phụ đương xuân, còn cái gì khổ hơn sự lẻ loi. Ấy thế mà bà cam phận lẻ loi để khư khư giữ lấy ti`ền ở chính tay bà, không muốn để lọt tay ai. Bà mặc lòng bà héo hắt đi. Bà đày đọa thân bà. Có phải bà cay nghiệt ngay từ với chính bà mà trở đi không? Còn trách gì cái cách bà đối đãi với chúng ta! Bà keo cú và tham việc lắm… Bà có mỗi một mống con thôi. Ai chả tưởng: quí hơn vàng. Có lẽ bà cũng quí con. Nhưng không phải vì thế mà bà nới tay với con đâu. Mỗi bữa ăn bà giao hẹn với con mỗi miếng đậu kho hay mỗi con tôm phải ăn hết một bát cơm. Không đủ mặc thây. Nó cứ việc ăn cơm nhạt hoặc chan với cái thứ mắm tép mặn hơn cá muối, mà cả nhà phải ăn quanh năm, suốt tháng. Con đẻ đứt ruột ra còn thế, còn nói gì tới cháu và đứa ở! Chắc anh cực lắm đấy, anh Phúc nhỉ? Làm gì tôi chả biết…

Hãy nói ngay rằng: bà bác tôi coi anh không bằng con trâu anh thường dắt đi chăn. Con trâu là một món ti`ền to. Nó làm lợi rất nhi`ều. Nó chết, người ta phải bỏ ngay ngót trăm đ`ồng bạc tậu con khác v`ề thay nó. Bởi vậy người ta c`ần chăm chút nó. Còn anh, anh chỉ là một thằng hèn. Anh đi còng còng như một ông lão tám mươi. Cái cổ anh thụt vào giữa hai cái vai rúm ró và xo. Đ`ầu anh ngoẹo v`ề một bên để cái cằm nhọn hếch lên phía bên kia. Cả một cái thân hình ọp ẹp của anh không đáng một đ`ồng xu. Người ta có cảm tưởng như nuôi anh là một sự làm phúc đó thôi. Anh chết đi, chẳng thiếu gì đứa nhanh nhẹn, cứng cáp bằng vạn anh. Anh chỉ là đ`ồ ăn hại…. Ôi chao! Anh ăn hại những gì? Sáng ngày ra, anh uống nước lã c`ầm hơi. Bữa trưa, anh được ba lùm lùm bát cơm ngô hoặc cơm khoai. Bữa tối, người ta lại cho anh vài nắm ngô rang hoặc vài củ khoai, củ ráy. Kể ra thì bữa nào cũng thòm thèm cả. Chỉ có công việc và những lời chửi rủa thì bao giờ cũng thừa bứa tứa tát. Xơi không kịp! Anh thức dậy trước gà và ngủ có lẽ còn sau bọn tu`ần sương. Biết mình chậm chạp vụng v`ề, lại yếu ớt quá không thể xốc vác như người ta, anh chỉ chăm chăm chúi chúi làm suốt ngày, không một

phút nào dám nghỉ ngơi. Anh làm cả v`ê đêm. Anh mong lấy sự cố gắng của chính anh để bù lại sự kém cỏi tự trời sinh; là cốt lấy sự chăm chỉ, sự kiên nhẫn và nhẫn nại để gợi lòng thương của chủ. Khổ thân anh quá! Tôi thương anh nhất vào những lúc trở trời hay những tháng mùa đông. Bệnh hen của anh lại dấy lên. Anh thở cũng đã là một việc khó nhọc lắm r`ồi. Thế mà anh vẫn dậy sớm, thức khuya, làm hết việc nhà đến việc đ`ồng, chỉ khác ngày thường một cái là thỉnh thoảng anh ngừng lại để ho sù sụ, thở rít lên như tiếng bễ, gà gà mắt ra như người say thuốc lào. Trông anh những lúc ấy chẳng khác gì một con cò chết rét. Có l`ần tôi ái ngại quá, bảo anh:

- Ốm quá thế thì nằm nhà đắp chiếu mà nghỉ có hơn không? Mình ốm, ai nỡ nói?

Anh lắc đ`ầu, nói như người chực khóc:

- Đã đành, ốm thì chắc người ta cũng phải lo cho mình nghỉ. Nhưng một l`ần, hai l`ần còn được, chứ nay ốm, mai ốm thì coi sao tiện? Người ta thuê mình cho mình làm chứ không phải là để cho mình đắp chiếu nằm như bố già người ta. Thiệt đến người ta thì người ta phải xót…Vả lại mình ăn cơm, lấy công của người ta, mình phải nghĩ.

Tôi chỉ chép miệng, không còn biết nói sao. Ngừng lại một lát để thở, r`ồi anh lại thong thả tiếp:

- Ấy, tôi đã phải nghĩ thế mà cũng không xong đấy. Tôi có dám lười đâu? Thế mà lắm lúc bà ấy còn nói cho như móc họng, đến g`ần phải mửa cơm ra mà trả lại!

Thoáng thấy bóng bà chủ, anh lại vội vàng làm rất khỏe ra bộ mình chẳng còn ốm đau gì cả.

Mấy năm sau, tuy chẳng bàn nhau mà chúng ta bỏ nhà bà bác tôi cùng một độ. Tôi ra tỉnh học. Anh tự liệu không đủ sức để theo ngh`ề làm ruộng, đi học ngh`ề thợ may. Tuy chẳng còn mấy khi được gặp anh, nhưng xa xa tôi vẫn nhận được những tin tức v`ề anh. Tôi biết đại khái tình cảnh anh cũng chẳng hơn gì trước mấy. Thôi thì cũng phải vất mũi đút miệng, được bữa hôm lo bữa mai, nhưng cái kiếp chúng mình thì chỉ có thế thôi, mong hơn

làm sao được? Một năm kia, người ta bảo tôi rằng: anh mua lại được một cái máy khâu cũ sáu mươi đồng, nhờ chút tiền dành dụm được từ khi cầm nổi cái kim và ba, bốc chục nỡ lãi hay tiền nợ non gì đấy. Cũng đáng mừng cho anh lắm! Từ đấy, hình như việc làm ăn của anh có dễ chịu hơn lớp trước. Một hôm, có chút việc phải về quê, tôi gặp anh, quần áo trắng bong, đầu chải mượt, chân kéo lê đôi guốc sà goòng lộc cộc. Nghĩa là anh "diện" lắm. Tôi lấy làm ngạc nhiên. Tôi tỏ sự ngạc nhiên ấy với mấy người hàng xóm. Họ mỉm cười, bảo tôi:

- Ai? Phúc ấy à?... Còn phải nói! Bây giờ cậu ấy tơ tuốt ghê lắm nhé! Chết cái không tơ tuốt, lại sợ vợ nó chê, nó phải lòng thằng khác thì hỏng cả.

Tôi sửng sốt:

- Anh ta cưới vợ rồi! Lấy ai?

- Cái Thửa, con nhà chú Thuận lùn ấy mà! . . . Con bé tình ra phết! Mà phải biết là đỏng đảnh. Lúc nào cũng cái áo cánh cát bá, cái yếm cổ xây thật trắng, cái quần lụa buông chùng xuống tận gót chân, với chùm chìa khoá lúc la lúc lắc….Nội bà lý, bà phó trong làng này cũng không ăn bận sang như nó. Cô đầu cũng không ăn đứt.

- Thế mà nó chịu lấy anh ta?

- Thì còn lấy chó nào được mà chả lấy? Nó đĩ bỏ cha đi ấy! Hai cái mắt thì lúc nào cũng tít đi, hai cái má thì đỏ tía ria, cái mồm thì toe toét; động ai hơi nói đùa, nói bỡn một tí đã hơ hớ cười. Nó nhân tình nhân với trăm thằng, bọn lý dịch chẳng anh nào không thậm thọt ra vào nhà nó.

….(đoạn này trong bản in năm 1943 bị nhòe mất mấy dòng)….

Anh cu Phúc thì mê nó tợn, cho nó nào quần lụa, nào áo cánh xát xi, nào yếm vải phin…lại cả tiền nữa ấy! Có thế nó mới lấy cu cậu vậy, chứ không thì đời nào nó lấy. Trông anh chàng như con giun chết, không thương được. Cu cậu hỏi năm, sáu đám, có đứa nào nó chịu lấy đâu? Mà toàn những đứa xấu xí, vất bờ tre bảy ngày không ai buồn nhặt. Ấy thế mà thánh nhân đãi khù khờ, tự nhiên vớ ngay được một con thật đẹp!...

Họ nói câu cuối với một vẻ gì mỉa mai. Tôi bu ồn r ầu, hỏi:

- Thế từ ngày lấy nhau đến giờ, chị vợ có chịu…làm ăn đứng đắn hơn không?

- Làm? Làm gì? Nó thì chẳng bao giờ làm cả.

- Không! ... Tôi nói... Nghĩa là... chị ta có tu tỉnh lại, v ề cái đường kia khác, hay là chứng nào tật ấy?

- À! Kể thì cũng đỡ... bởi vì anh ch ồng chi ều tợn, nó chẳng bắt làm gì cả, chỉ nhong nhóng suốt ngày, cơm bưng nước rót đến tận m ồm, lắm khi cái qu ần cái áo thay ra cũng anh ch ồng giặt hộ.

Ôi thôi! Thế thì hỏng mất! Tôi đã g ần buột miệng kêu lên thế. Bởi vì tôi vốn biết anh là một người hay gắng gượng. Anh đã gắng gượng lấy sự chăm chỉ, sự nhẫn nhục để bù lại cái sức yếu của anh để gợi lòng thương của bà chủ ngày xưa, thì bây giờ anh lại gắng gượng lấy sự nuông chi ều, sự hạ mình cố bù lại sự kém cỏi v ề dung mạo của mình, để mong giữ được lòng yêu của cô vợ đẹp. Gợi lòng thương của một người chủ tham lam còn khó lắm thay! Còn nói gì đến sự gợi lòng yêu của một người đàn bà đẹp, lẳng lơ và nhẹ dạ? Hỡi ôi! Trời thật bất công khi dựng ra cái đẹp và cái xấu. Loài người thích đẹp, ghét xấu đã phụ họa vào sự bất công của trời! Trong lúc thương anh quá, tôi nghĩ vơ nghĩ vẩn, đến mất cả lý trí và g ần thành một thằng dở hơi...

Bẵng đi một dạo rất lâu, tôi không trở lại quê nhà, để bây giờ lại v ề ở hẳn đây, như một người già cả. Tôi đã g ần quên hẳn anh r ồi. Nào có phải tôi là người chóng nhạt tình đâu, nhưng bây giờ tôi cũng đã có vợ, có con, có cả một gia đình. Tôi có bao nhiêu cái khổ của tôi. Chúng hút tất cả ý nghĩ của tôi, khiến tôi sống như kiểu một người ích kỷ. Óc tôi chẳng còn một phút nào được rảnh rang để nhớ đến người bạn khổ sở h ồi thơ ấu...

Bỗng đùng một cái, tôi nghe tin anh chết. Mà chết như thế nào!... Anh ốm bốn tháng nay. Cái bệnh hen kinh niên lại phát ra, như thường lệ mọi năm, nhưng l ần này dữ dội hơn. Anh chỉ còn làm được một việc thở mà thôi. Ti ền dành dụm mòn d ần, r ồi hết hẳn. R ồi cái máy cũng phải bán đi. Người

vợ đẹp của anh, hai con rồi mà vẫn còn trẻ mau mảu, vẫn phải ăn, phải tiêu, phải mặc áo yếm trắng bong và quần lụa chùng sát đất. Anh không thể cung cấp cho thị nữa, thì đã có một anh thợ húi đầu cung cấp. Thị bỏ anh nằm chết khô, chết nỏ đi suốt ngày đêm. Hai đứa con anh, ẻo lả như một cái lá úa và buồn như một tiếng thở dài ngồi củ rủ nhìn anh bằng đôi mắt dại đi vì đói quá. Chúng ngáp luôn luôn. Gian nhà tối ẩm, đầy mùi bệnh tật và bừa bộn rác rưởi, muỗi ruồi. Chỉ có những con ruồi là còn có vẻ sống, có vẻ hoạt động và khỏe mạnh giữa cái thế giới ốm yếu ấy, đã chìm một nửa vào cõi chết. Người ta nghe thấy những tiếng thở rốc lên, những tiếng rên và những tiếng chép miệng liên hồi. Anh nhạt miệng hay chán nản cho số kiếp? Thỉnh thoảng đôi mắt gà gà của anh lại cố mở to ra, lần lượt đưa về phía hai đứa trẻ rồi đưa ra phía cửa. Bên ngoài trời rất đẹp. Nắng tưng bừng. Một đàn sẻ chí choé cãi nhau như một lũ trẻ con tập làm người lớn: chúng xỉa xói, chúng chanh chua, chúng cướp lời nhau một cách vui vẻ và ầm ĩ. Chim đực, chim cái gọi nhau. Những con chim non cũng đua đòi. Một con ve lanh lảnh này trả lời một con ve lanh lảnh khác. Ôi chao! Đời vui quá! Muôn loài sống mạnh mẽ và sung sướng. Không gian là một đám hội xôn xao và rực rỡ. Anh nằm trong đây, như một cái xác chết trong mả lạnh, chua chát nghĩ rằng: mình không ăn nhập gì đến cảnh đùa vui của người... Đôi mắt anh chìm dần, chìm dần để mờ đi. Đôi mi tím nhạt đã căng lên. Chúng che cảnh hiện tại đi để một cảnh khác tỏa ra. Anh mơ hồ nghe tiếng trống chèo ở xa văng vẳng. Ấy là anh đang nằm nhớ lại những ngày làng vào đám. Chung quanh đình tấp nập... Người vợ anh cười cợt giữa chỗ đông đảo ấy với những anh trai làng chớt nhả và bẻm mép... Còn anh thui thủi nằm nhà để quạt cho hai con ngủ, để khàn khàn ru mỗi khi thằng bé giãy, và để thỉnh thoảng thở dài khi hơi thở nhẹ nhàng của nó lại trở nên đều đều.... Anh đã chịu đựng tất cả những nỗi đau đớn âm thầm ấy, không một lần hé răng oán thán. Nhưng lúc này, cái lúc anh gần chết mà vợ anh vẫn không đoái tưởng đến anh một chút, anh thấy nghẹn ngào, uất tức. Cổ anh tắc lại. Hơi thở bị nghẽn một lúc rồi lại bật được ra, dốc lên hơn trước. Ngực anh như có một phiến đá nặng đè lên. Chân tay anh lạnh toát đi. Người anh bộn rộn, bồi hồi. Mồ hôi lạnh dâm dấp trán. Đờm kéo lên sòng sọc trong cuống họng. Anh chết mất! Anh chết mất! Anh không còn thở được!... Đôi mắt hoảng hốt của anh chực mở ra. Nhưng mí mắt nặng lắm rồi: anh phải cố mới gạt được chúng lên. Đôi mắt mất thần cuống quít tìm hai đứa trẻ. Mồm anh ú ớ... Giữa lúc ấy thì cái phện liếp động. À! Vợ anh,

người vợ đẹp của anh đã về. Anh lịm người đi, chẳng biết vì sao. Đôi mắt anh nhắm lại. Anh không muốn nhìn mặt nó? Nhưng kìa nó đã lại đầu giường anh với một vẻ buồn rầu giả dối. Cái thứ tiếng ngọt như đường của nó lại gọi anh:

- Thầy em ơi!

Đôi mắt anh mở từ từ. Chúng trợn ngược lên để nhả tất cả nỗi oán trách vào mắt nó. Trong lúc ấy nó nghĩ gì? Rồi không biết nó còn tìm đâu được mấy giọt nước mắt để vãi ra. Nó đặt bàn tay lên ngực anh và mếu máo:

- Thầy em ơi! Thầy em ơi!...

Tiếng gọi thất thanh của nó làm anh thổn thức. Anh nức nở trong ngực. Anh đã lại muốn tha thứ, tha thứ hết. Nước mắt anh ứa ra đầy mắt...

- Thầy em ơi! Thầy em làm sao thế?

Anh lắc đầu... Không phải là cái lắc đầu giận dỗi đâu. Đó là cái lắc đầu thất vọng. Anh biết anh không còn sống nữa. Anh tiếc vợ. Anh tiếc đời... Nhưng chút tình thương - thành thực hay giả trá - của con vợ đẹp đã làm anh sống lại. Anh lại nói được, và anh nói:

- Tôi chết mất! Thế nào tôi cũng chết... Tôi chỉ còn thèm một bát chè đỗ đen. Nếu có thì bu em cho tôi một bát để tôi ăn cho mát ruột rồi tôi chết.

- Nhà không có đường. Mà nấu cũng không kịp. Để tôi đi xem đâu có, mua cho thầy em một bát...

Vừa nói nó vừa mải mốt đi lấy bát. Nó tong tả chạy ra khỏi cửa. Anh nghe tiếng vạt áo nó bay soàn soạt và chân nó chạy bình bịch. Chưa bao giờ nó tử tế với anh như vậy, nhưng anh đã quên tất cả, và cứ tưởng tượng suốt đời nó toàn tử tế với anh như vậy. Anh càng thêm tiếc đời....

Chao ôi! Giá anh đã được ăn bát chè kia! Biết đâu anh đã chẳng mát lòng, mát ruột mà sống được? Nhưng vợ anh đi lâu quá. Nó đã gặp gỡ một cái gì ở trên đường làm nó lãng quên anh. Hay một kẻ nào đã ngăn cản nó làm

bổn phận cuối cùng đối với một người chồng đã hết lòng với nó? Anh không còn sức đợi. Cái chết bị kìm lại trong một phút, lại bắt đầu chuyển động. Nó tiến dần, tiến dần, từ chân lần tới đùi, rồi tới bụng, rồi tới ngực... Anh lại hoảng hốt. Đôi mắt anh cố nhìn mãi... Nhưng anh đã chẳng còn nhìn rõ nữa. Ánh sáng lung linh, lung linh. Không gian bập bềnh như một cái thuyền. Mắt anh loá ra. Chúng mờ đi. Mọi vật xóa nhoà. Có lẽ nào như thế được? Anh uất ức. Anh ứ nghẹn. Anh cố kêu lên một tiếng, nhưng không được. Anh u ú ằng ặc. Đờm đã bịt chặt ống khí quản rồi. Anh ngạt thở. Anh cuống cuồng, anh sợ hãi, anh bứt rứt, anh choáng váng.... Ôi thôi! Anh chết rồi!

Bây giờ thì sự im lặng bất tuyệt đã bịt chặt đôi tai anh, chán nghe những lời mai mỉa của đời rồi. Bóng tối phủ kín đôi mắt anh, mở thao láo nhiều đêm để nhìn trong bóng tối những cảnh nó làm anh nhục nhã. Anh đã có thể dửng dưng đối với những chuyện của loài người. Vậy thì anh Phúc ơi! Anh hãy nghỉ cho yên! Những chuyện đời này bây giờ chỉ còn là của chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ đã đau khổ, đã uất ức, đã ước ao, đã khát thèm, đã thất vọng và vẫn hy vọng mãi và phải hy vọng mãi. Sự đời không thể cứ mù mịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi. Một mặt trời mới sẽ mọc lên trên nấm mồ anh và bên trên đầu hai đứa con côi anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng và dắt chúng cùng đi tới một cuộc đời đẹp hơn.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 476, ngày 18-8-1943

MỘT BỮA NO

Bà lão ấy hờ con suốt đêm. Bao giờ cũng vậy, cứ hết đường đất để làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thắt lưng, buộc bụng nuôi nó từ tấm tấm, tí tí giở đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra nó chết. Công bà thành công toi.

Con vợ nó không phải giống người. Nó có biết thương mẹ già đâu! Chồng chết vừa mới xong tang, nó đã phải vội vàng đi lấy chồng ngay. Nó đem đứa con gái lên năm giả lại bà. Thành thử bà đã già ngót bảy mươi, lại còn phải còm cõi, làm mà nuôi đứa con gái ấy cho chúng nó. Hết xương hết thịt vì con, vì cháu, mà nào được trông mong gì?

Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cải mả cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm, ba xu lãi nuôi thân. Có chạy xạc cả gấu váy, hết chợ gần đến chợ xa, thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng chưa chịu để yên. Năm ngoái đây, ông ấy còn bắt bà ốm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào vét sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như giần. Đi đã thấy mỏi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ.

Tuy vậy, bà vẫn phải ăn – Chao ôi! Nếu người ta không phải ăn thì đời sẽ giản dị biết bao? Thức ăn không bao giờ tự nhiên chạy vào mồm. Có làm thì mới có. Nhưng bây giờ yếu đuối rồi, bà không còn kham được những việc nặng nề, cũng không còn chịu đựng được nắng, sương. Bà phải kiếm việc nhà, việc ở trong nhà. Ở làng này, chỉ có việc bế em, như một con bé mười một, mười hai tuổi. Mới đầu có nhiều người muốn thuê. Ai cũng nghĩ rằng: những bà già tính cẩn thận và sạch sẽ, không lơ lẻo như trẻ con; vả lại các cụ tuổi tác rồi, ăn chẳng bao nhiêu, bữa lưng bữa vực thế nào

cũng đủ no; mà đã không no các cụ cũng chỉ lặng im, không ấm ức như những đồ trẻ nhãi, hơi một tí là đem chuyện nhà chủ đi kể với đủ mọi người hàng xóm…Nhưng thuê bà được ít lâu, tự nhiên người ta chán. Người ta nhận ra rằng: thuê một đứa trẻ con có phần còn thích hơn. Trẻ con cạo trọc đầu, những lúc tức lên, có muốn cốc nó dăm ba cái thì cứ cốc. Chẳng ai kêu: ác! Nhưng bà lão đầu bạc. Người ta tức bà đến gần sặc tiết ra đằng mũi cũng không thể giúi đầu bà xuống mà cốc. Cũng không thể chửi. Mắng một câu đã đủ mang tiếng là con người tệ. Mà bà thì lẩm cẩm, chậm chạp, lì rì. Bà rờ như thể xẩm rờ. Tay bà, đưa bát cơm lên miệng run run. Cơm vương vãi, tương mắm dớt ra mâm, rớt xuống yếm bà, rớt cả vào đầu tóc, mặt mũi, quần áo đứa bé nằm ở lòng bà. Rồi hơi trái gió, trở trời, bà lại đau mình. Suốt đêm bà thở dài với rên rẩm kêu trời. Có khi bà lại khóc lóc, hờ con. Nghe rợn cả người. Như vậy thì chịu làm sao được? Ấy thế là người ta phải tìm cớ tống bà đi. Bà lại phải gạ gẫm ở cho nhà khác….Không đầy một năm trời bà thay đổi đến năm, sáu chủ. Mỗi lần đổi chủ là một lần hạ giá. Thoạt tiên cơm nuôi tháng một đồng. Rồi cơm nuôi tháng năm hào. Rồi cơm nuôi một năm bốn đồng. Rồi hai đồng. Rồi chẳng có đồng nào. Đến nước ấy mà cũng chẳng ma nào chịu được. Một hôm, người chủ cuối cùng sai bà xách hai cái lọ đi kín nước. Bà bảo: bà chỉ có thể mang một lọ. Y đã lấy sự ấy làm khó chịu, nhưng cố nhịn. Nhưng một lọ không xong. Bà xách một lọ nước đầy ở dưới cầu ao bước lên bờ, chẳng biết bẩy rẩy thế nào mà ngã khuỵu xuống, vỡ tan cái lọ và què một bên tay. Nghe tiếng bà kêu, chủ nhà phải chạy ra đỡ bà về. Không có ai thừa cơm nuôi báo cô bà. Y bèn đãi bà năm hào và cho bà về hưu trí. Từ ngày ấy đến nay, tính ra đã hơn ba tháng rồi.

Hơn ba tháng, bà lão chỉ ăn toàn bánh đúc. Mới đầu còn được ngày ba tấm. Sau cùng thì một tấm cũng không có nữa. Tiền hết cả. Mỗi sáng, bà ra chợ xin người này một miếng, người kia một miếng. Ai lấy đâu mà ngày nào cũng cho như vậy? Lòng thương cũng có hạn. Mấy hôm nay bà nhịn đói. Bởi thế bà lại đem con ra hờ. Bà hờ thê thảm lắm. Bà hờ suốt đêm. Bà khóc đến gần mòn hết ra thành nước mắt. Đến gần sáng, bà không còn sức mà khóc nữa. Bà nằm ẹp bụng xuống chiếu, nghĩ ngợi. Có người nói: những lúc đó, trí người ta sáng suốt. Có lẽ đúng như thế thật. Bởi vì bà lão bỗng tìm ra một kế. Bà ra đi…..

Cứ đi được một quãng ngắn, bà lại phải ngồi xuống nghỉ. Nghỉ một lúc lâu, trống ngực bà mới hết đánh, tai bà bớt lùng bùng, mắt bà bớt tối tăm, người tàm tạm thôi quay quắt. Bà nghỉ tất cả năm, sáu quãng. Thành thử đến tận non trưa, bà mới tới nhà mình định tới: ấy là nhà bà phó Thụ, nuôi cái đĩ. Bà quen gọi như vậy, ngay từ khi nó còn nhỏ; cái đĩ tức là đứa con của anh con trai đã cướp công bà để về với đất, yên thân và mặc tất cả những gì bà ngày nay.

Bà nghĩ đến con, để mà ghen với nó thêm lần nữa, trong khi ngồi nghỉ ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ. Ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ, có một cây sung lớn. Bà tựa lưng vào gốc. Từ đầu ngõ vào đến nhà, còn những hai lần cổng. Có gọi thật to, ở trong nhà mới nghe tiếng. Mà bà thì còn hơi sức đâu mà gọi. Tiếng bà bải hoải. Hơi nói to một chút, nó đã ra đằng lỗ tai. Vả lại, chó nhà giàu dữ lắm. Nhà bà phó Thụ có những ba con chó đẫy đà, lực lưỡng. Lúc thiến, người ta đã rắc mảnh trai tán nhỏ vào. Vết thiến lành giúm mảnh trai ở bên trong gây cho con vật một nỗi đau ngứa ngáy, suốt đời không khỏi. Nỗi đau làm tội nó. Nó bứt rứt, khổ sở, cáu kỉnh nên bạ thấy người lạ nào cũng lăn sả vào chân, hoặp một miếng, ray thịt người ta cho hả giận. Trời ơi! Những con chó nhà bà phó Thụ, chúng ghê gớm lắm. Bà lão nghĩ đến chúng còn chết khiếp. Cái lần bà đưa cái đĩ vào, một người nhà đã phải cầm một cái gậy to tướng ra đe. Ấy thế mà cả ba con chó cùng hồng hộc chạy ra. Chúng vây lấy bà già rách rưới. Con nào cũng uốn cong cái lưng xuống, hếch cãi mõm đen thui lên, nhe ra những cái răng trắng hơn hớn và nhọn sắc. Bị cái gậy của người nhà cản lại, chúng càng tức tối. Chúng lồng lộn chung quanh, chúng nhảy chồm lên. Chúng ngoạm những cái cột giậu, kêu sồn sột. Chúng lay thật mạnh, hục hặc như muốn bẻ gãy cái cột, để lao vào đầu người ta…Bà lão với đứa cháu cứ rúm cả chân tay lại. Cháu nép vào bà, bà nép vào người bà phó Thụ. Chị người nhà thì luôn tay vụt cái gậy bên này, bên nọ, đằng sau, đằng trước và quát mắng. Ấy thế mà một con chó còn xông vào được, và chỉ một tí nữa nó đã xơi chân bà một miếng. Nhưng chị người nhà đánh kịp. Nó mới đấm được mồm vào cái bắp chân gầy đét của bà lão thôi. Hú hồn!... Bây giờ, dám gọi sao? Chó thính tai mà lại rất mau chân. Chúng xộc cả ra thì khốn. Ấy thế là bà lão đành ngồi đợi dịp. Cái đĩ bế em ra ngõ chơi chẳng hạn…Hay có người nào trong nhà đi đâu…Hay là có người đàn ông khỏe mạnh nào đến nhà bà phó Thụ, để cho bà đi ghẹ…Bà ngồi rỗi, tưởng tượng ra đủ cái may

mắn tương tự thế. Chỉ có mỗi một cái mà bà chưa nghĩ đến: ấy là lúc chính bà phó Thụ đi chợ về. Mới thoạt trông thấy bà lão, bà tưởng là một con mẹ ăn mày. Bà hơi cau mặt:

- Ai kia? Ai ngồi làm gì kia? Chó nó ra, nó lôi mỡ ra cho đấy. Sao mà bạo thế?

Bà lão quay lại mỉm cười móm mém:

- Bẩm bà đi chợ về!...

Bà phó Thụ mở to đôi mắt đỏ ngầu, nhìn kỹ hơn một chút. Bà nhận ra bà cái đĩ ở. Tức thì mặt bà nguỷu xuống. Bà lão này còn muốn quấy quả gì nữa đây? Để vòi tiền thêm chăng? Bà lão rên một tiếng và chống tay lên đầu gối, bẩy rẩy đứng lên. Bà phó hỏi:

- Bà đi đâu thế?

Bà lão lại rên tiếng nữa để mở đầu câu nói. (Bà rên cũng như một vài người khác bạ lúc nào cũng thở dài. Cái ấy thành thói quen)

- Bẩm bà, con lên chơi với cháu. Lâu lắm, cháu không được về, con nhớ cháu quá!

- Úi dào ôi! Vẽ cái con chuột chết! Nó phải làm chứ có rỗi đâu mà bà chơi với nó? Nhà tôi không có cơm cho nó ăn để nó cứ nồng nỗng nó chơi. Bà muốn chơi với nó thì đem ngay nó về nhà, tìm cơm cho nó ăn, bà cháu chơi với nhau vài ba tháng cho thật chán đi, rồi hãy bảo nó lên. Tôi không giữ. Bà tưởng nó đã làm giàu, làm có cho tôi rồi đấy, hẳn?

Bà cần phải ráo riết ngay để chặn họng, không cho bà lão mở mồm vòi vĩnh. Bà lão, bị những lời tàn nhẫn ấy hắt vào mặt, quả nhiên không còn nói sao được nữa. Bà cúi đầu, như một con mẹ ăn cắp lúa, bị tuần sương tóm được. Bà phó chiếp chiếp mồm luôn mấy cái, rồi vác mặt lên trời mà bảo:

- Chơi với bời! Cái lúc nó mới đến, trông như con giun chết, cạy gỉ mũi chưa sạch mà không thấy chơi với bời! Người ta nuôi mãi, bây giờ mới trơn lông đỏ da một tí, đã phải đến mà giở quẻ. Tưởng báu ngọc lắm đấy! Tưởng người ta đã phải giữ khư khư lắm đấy!... Úi chào! Có phải mả tổ nhà người ta đâu mà người ta giữ? Muốn bắt nó về, cho nhà nào nó nuôi làm bà cô tổ nhà nó thì cứ bắt. Ai người ta thiết? Cứ trả lại tiền người ta!

Bà lão rưng rưng nước mắt. Khốn nạn, bà có ý quắt quéo thế đâu? Bà mếu máo:

- Bẩm bà, bà dạy thế thật oan con quá. Trời để con sống bằng này tuổi đầu, con còn dám lừa lọc hay sao? Thật có trời trên kia làm chứng, nếu con quả định đến đây để dỗ dành cháu về để đem cho người khác thì trời cứ vật con chết đi! Con chỉ xin bà cho được trông thấy cháu, bà cháu chơi với nhau một lúc. Cũng chẳng còn mấy chốc nữa mà con chết, con cũng tưởng đi chơi dối già một bận….

- Nó không được rỗi mà chơi với bà. Chẳng chơi bời gì cả! Bà đã trót lên thì vào đây, tôi cho một bữa cơm. Bận sau đừng vẽ cái con khỉ nữa. Nhà tôi không có thời phép cho chúng nó như thế được. Con tôi đi học tận Hà Nội, dễ tôi cũng phải nay ra chơi, mai ra chơi với nó đấy! Đã đi ở mà còn không biết phận….Chơi với bời!...

Môi bà lại chiệp chiệp và xìa ra…

Cái đĩ trông thấy bà, mừng rối rít. Nó cười rồi nó khóc chẳng biết vì sao cả. Nhưng đôi mắt khoằm khoặm của bà phó Thụ dội nước vào lòng nó. Nó tự nhiên ngượng nghịu, nó không dám xoắn xuýt bà nó nữa. Nó cúi đầu, khẽ hỏi:

- Bà đi đâu đấy?

- Bà đến xin bà phó Thụ một bữa cơm ăn đây! Bà đói lắm.

Câu nói rất thật thà ấy, bà lão dùng giọng đùa mà nói. Như thế người ta gọi là nửa đùa nửa thật. Một cách lấp liếm cái ý định của mình bằng cách nói toạc nó ra. Cái đĩ bế em, dắt bà ra đầu chái, để không ai nhìn nữa…

- Bà lên làm gì thế?

- Đã bảo lên kiếm cơm ăn mà lại!

Cái đĩ không tin thế. Nhưng nó cũng không hỏi nữa. Nó nhìn bà một lúc…

- Da bà xấu quá! Sao bà gầy thế?

- Chỉ đói đấy thôi cháu ạ. Chẳng sao hết

- Lớp này bà ở cho nhà ai?

- Chẳng ở với nhà ai.

- Thế lại đi buôn à?

- Vốn đâu mà đi buôn. Với lại có vốn cũng không đi được. Người nhọc lắm.

- Thế thì lấy gì mà ăn?

- Chỉ nhịn đói thôi chứ lấy gì mà ăn!

Bà cháu mới kịp trao đổi với nhau ngần ấy câu thì bà phó đã the thé hỏi:

- Nó bế em đi đâu rồi?

Ấy là dấu hiệu bà sắp gọi. Cái đĩ vội đặt em xuống đất, bảo:

- Bà giữ nó hộ con một tý.

Nó cởi dải yếm lấy ra một cái túi rút con con. Trong túi xóc xách mấy đồng trinh. Nó rút ra, đếm lấy hai xu, giúi cho bà…

- Con biếu bà để bà ăn bánh đúc. Bà về đi!

Tiếng bà phó giục:

- Cái đĩ đâu rồi? Đem em về đây rồi quét nhà, dọn cơm.

- Vâng!

Nó tất tưởi bế em chạy về. Bà lão hãi chó, lẽo đẽo đi theo cháu. Bà phó trông thấy mà lộn ruột! Bà xa xả:

- Bà đừng theo đít nó thế. Bà cứ ngồi một chỗ rồi mà ăn cơm. Khiếp thật thôi!

- Vơ ơ ơng!…

Bà lão "vâng" thành một tiếng rên. Bà vào nhà, ngồi xón vén vào một xó; ngay xuống đất. Bà phó cất lấy con. Cái đĩ lụt cụt chạy xuống nhà dưới. Một lát sau, tiếng đũa bát bắt đầu lạch cạch….Bà phó bảo:

- Bà xuống dưới này mà ăn cơm.

Bà bế con ra. Bà lão theo sau. Tiếng khung cửi đã ngừng. Mấy cô dệt cửi đều là con gái hoặc con nuôi bà Thụ, đang tới tấp, cô xới cơm, cô bỏ rau, cô sẻ mắm, chung quanh cái mâm gỗ đặt ngay trên mặt đất. Cả nhà quây quần vào, chỉ ngồi có một mâm. Bà lão chẳng đợi ai phải bảo, ngồi ngay xuống cạnh cháu, tay run run so đũa. Trông bà so đũa mà ngứa mắt! Bà phó Thụ muốn giật xoét lấy, làm thật nhanh cho đỡ bực. Nhưng bà nhịn được, bà chỉ chép miệng và lừ lừ đôi mắt, tỏ ý khó chịu. Cái đĩ hiểu nên chỉ nhìn xuống đất. Nó giận bà nó lắm. Nó đã bảo bà nó về đi mà bà nó không chịu về…

Bà phó chẳng nói nửa lời, bê lấy cái bát cơm ăn. Mặt bà vẫn hầm hầm. Lũ con gái, con nuôi, con ở biết hiệu, vội vàng cũng làm theo. Chậm một tý, bà chửi cho phải biết! Có khi bà hất cả bát cơm vào mặt. Bà lão nhìn vòng quanh một lượt, rồi cũng cất bát cơm lên:

- Mời bà phó…

Nhưng bà vừa mới há mồm ra thì bà phó đã cau mặt, quát:

- Thôi, bà ăn đi! Đừng mời!

Bà lão vội vàng ăn ngay. Nhưng họ ăn nhanh quá. Mọi người đều lặng lẽ, cắm cúi, mải mốt. Đôi đũa này lên lại đôi khác xuống. Liên tiếp luôn như vậy. Cứ tăm tắp tăm tắp. Tay bà lão lờ rờ, không biết lợi dụng lúc nào để gắp rau vào bát mắm. Lập cập quá, bà lão đánh rớt cả mắm ra ngoài bát. Bà phó lại cau mặt, gắt:

- Xẻ riêng cho bà ấy một bát mắm, để ra cạnh mâm cho bà ấy.

Một cô vội làm ngay. Từ đấy, bà lão dễ xoay xở hơn một chút. Nhưng bà lão mới ăn được hết hai lượt cơm thì bà phó đã quăng bát đũa xuống đất. Chỉ một thoáng sau, mọi người khác cũng thôi. Họ thôi gần đều một lượt. In như bà mẹ ra hiệu cho họ vậy. Thật ra thì lệ mỗi người chỉ được ăn có ba vực cơm thôi. Mà phải ăn nhanh để còn làm. Nhưng bà lão nhà nghèo đã quen sống vô tổ chức, làm gì hiểu trong những nhà thừa thóc, thừa tiền, lại có cái sự hạn chế miệng ăn như vậy? Bà đoán rằng họ khảnh ăn. No dồn, đói góp. Người đói mãi, vớ được một bữa, người ta có cần ăn nhiều lắm đâu. Vậy thì bà cứ ăn đi. Ăn đến kì no. Đã ăn rình thì ăn ít cũng là ăn. Đằng nào cũng mang tiếng rồi thì dại gì mà chịu đói? Bà ăn nữa thật. Cái đĩ ngượng quá, duỗi cổ ra, trợn mắt, nuốt vội mấy miếng cơn còn lại như một con gà nuốt nhái. Rồi nó buông bát đũa. Bà bảo cháu:

- Ăn nữa đi, con ạ. Nồi cơm còn đấy. Đưa bát bà xới cho.

Nó chưa kịp trả lời thì bà phó đã mắng át đi:

- Mặc nó! Nó không ăn nữa! Bà ăn bằng nào cho đủ thì cứ ăn!

À! Bây giờ thì bà đã hiểu. Người ta đứng lên tất cả rồi. Chỉ còn mình bà lão ngồi ăn với bà phó Thụ ngồi lại để lườm với nguýt. Nhưng bà lão còn thấy đói. Còn cơm mà thôi ăn thì tiếc. Vả lại đi ăn chực thì còn danh giá gì mà làm khách. Bà cứ ăn như không biết gì. Đến khi bà đã tạm no thì cơm vừa hết. Chỉ còn một ít bám dưới đáy và chung quanh nồi. Bà vẫn tiếc. Bà kéo cái nồi vào lòng, nhìn và bảo con bé cháu:

- Còn có mấy hột để nó khô đi mất. Tao vét cho mày ăn nốt đi kẻo hoài, đĩ nhé?

- Khô mặc kệ nó! Bà có ăn hết được thì ăn đi, đừng bảo nó. Nó không ăn vào đâu được nữa. Ăn cho nứt bụng ra thì ăn làm gì?

Bà phó vội gắt gỏng bảo thế. Ừ, thì bà ăn nốt vậy! Bà cạo cái nồi sồn sột. Bà trộn mắm. Bà rấm nốt. Ái chà! Bây giờ thì bà no. Bà bỗng nhận ra rằng bà no quá. Bụng bà tưng tức. Bà nới thắt lưng ra một chút cho dễ thở. Bà tựa lưng vào vách để thở cho thỏa thích. Mồ hôi bà toát ra đầm đìa. Bà nhọc lắm, ruột gan bà xộn xạo. Bà muốn lăn kềnh ra nghỉ, nhưng sợ người ta cười, cố gượng. Ôi chao! Già yếu thì khổ thật. Đói cũng khổ mà no cũng khổ. Chưa ăn thì người rời rã. Ăn rồi thì có phần nhọc hơn là chưa ăn. Ối chào!…

Xế chiều hôm ấy, bà lão mới ra về được. Bà bảo: về muộn cho đỡ nắng. Thật ra thì bà tức bụng, không đi nổi. Mà bà uống nhiều nước quá. Uống bằng nào cũng không đỡ khát. Bà chỉ càng thêm tức bụng. Đêm hôm ấy, bà lăn lóc rất lâu không ngủ được. Bà vần cái bụng, bà quay vào lại quay ra. Bụng bà kêu ong óc như một cái lọ nước. Nó thẳng căng. Bà thở ì ạch. Vào khoảng nửa đêm, bà hơi thấy đau bụng. Cơn đau cứ rõ thêm, cứ tăng dần. Chỉ một lúc sau bà đã thấy đâu quắn quéo, đau cuống cuồng. Rồi bà thổ. Rồi bà tả. Ôi chao! Ăn thật không bõ mửa. Bà tối tăm mặt mũi. Đến khi bệnh tả dứt thì bà lại sinh chứng đi lỵ. Ruột bà đau quằn quặn. Ăn một tí gì vào cũng đau không chịu được. Luôn nửa tháng trời như vậy, rồi bà chết. Bà phó Thụ nghe tin ấy, bảo: “Bà chết no”. Và bà dùng ngay cái chết ấy làm bài học để dạy lũ con gái, con nuôi:

- Chúng mày xem đấy. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn tộ vào!....

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 430, ngày 25-9-1943

Ở HIỀN

Nhu ở hiền ngay từ ngày còn bé. Khi chưa đẻ nó, mẹ nó đã có một đứa con trai được hai năm. Thằng bé anh này đã được khá nhiều răng và biết ăn cơm. Nhưng nó còn quấy suốt ngày, chẳng mấy lúc chịu để mẹ rời ra. Mà dù nó đã ăn cơm no đến căng bụng mặc lòng, lúc trông thấy mẹ vẫn còn đòi bú; không cho nó bú nó lăn ra đất, giãy giụa, xé quần, xé áo, cào mặt ra mà khóc; chẳng khác gì người ăn vạ. Đêm đến, nó mới lại càng làm khổ. Nó nhất định cứ phải nằm bên mẹ suốt đêm, ngoài mẹ ra, không chịu ngủ với ai. Nó bám lấy mẹ chằng chằng. Thức giấc dậy lúc nào là nó lại vơ lấy ngay cái vú ấn vào mồm, dù chẳng còn một giọt sữa nào. Không còn sữa nó cũng day. Nó day cái vú beo như một con chó day bối ghẻ. Rứt bú ra là nó khóc…Vì vậy cho nên lúc chửa Nhu thì mẹ Nhu lo lắm. Bà sẽ liệu thế nào với hai đứa trẻ, nếu cả hai cùng đòi mẹ? Nếu đứa sau cũng bẳn tính như đứa trước thì có lẽ chúng làm tội bà đến chết…

Nhưng ở cữ mấy hôm, bà mẹ Nhu mừng lắm. Bởi vì Nhu không dữ. Nhu hiền. Trời phú tính cho Nhu rất hiền. Cho bú no rồi thì muốn đặt Nhu nằm đâu cũng được, trao cho ai cũng được. Cả ngày không nghe thấy tiếng Nhu khóc. Người vô ý vào nhà, không biết nhà có trẻ. Duy có thằng cu anh thì vẫn cáu kỉnh, vẫn tai ngược, vẫn hay khóc, hay vòi không kém trước; có lẽ còn hơn trước. Nó vẫn đòi bú như thường, và có khi bú hết cả phần Nhu. Mà nó không chịu để cho Nhu bú chung đâu. Nó giữ lấy mẹ một mình. Nếu đang lúc nó bú vú này mà Nhu bú vú kia, thế nào nó cũng nhả vú ra, hùng hổ véo má Nhu mà kéo Nhu ra, hay cùi tay lại chực đấm Nhu rồi khóc thét lên khi mẹ giơ tay đỡ cho em bé. Thấy mẹ bế em, nó cũng ghen. Thành thử mẹ Nhu chỉ dám ẵm Nhu lén lút mà thôi, và cho Nhu bú những khi không có thằng anh ở đấy. Ban đêm, Nhu ngủ với con ở, nhường mẹ cho thằng anh không bao giờ nhượng bộ. Một đôi khi, bà mẹ thấy con bé hiền cũng thương. Nhưng chẳng biết làm sao, bà đành tặc lưỡi, tự bảo mình: "Thôi cũng được! Miễn là nó chịu!... ". Chịu thì cái gì Nhu cũng chịu…

Khi đã biết, tính nết Nhu vẫn vậy. Nhu thật là một đứa trẻ ngoan. Không bao giờ người ta thấy Nhu đòi một cái gì, phản đối một cái gì. Cho Nhu ăn thức gì thì Nhu ăn thức ấy thôi. Nếu Nhu không muốn ăn thì Nhu bảo:

không ăn. Nhu không hề đòi một thức khác ngon hơn hay tính Nhu thích ăn hơn. Lúc đói, mặt Nhu kém tươi hơn; Nhu tìm một chỗ ngồi; rất lì xì, con ruồi bay qua chẳng buồn xua; nhưng Nhu chỉ lặng im, nếu không ai hỏi đến thì chẳng bao giờ Nhu dám nói ra; khi Nhu đã bắt đầu ngáp vặt luôn, mũi đỏ lên, nước ứa ra, ấy là Nhu đã đến lúc không còn chịu được….Mỗi lần có bánh quà gì, thế nào thằng anh Nhu cũng tranh lấy phần hơn. Bà mẹ bảo Nhu: "Nó là anh, con phải nhường cho nó". Nhu cho là phải lắm. Nhưng mấy năm sau, Nhu đã có em thì mẹ Nhu lại bảo Nhu rằng: "Nó là em, chấp với nó làm gì?". Nhu cũng lại cho là phải lắm….Các em Nhu cũng như thằng anh Nhu, chẳng đứa nào giống tính Nhu. Đứa nào cũng ương ngạnh, bướng bỉnh, tham ăn, chẳng đứa nào chịu kém đứa nào. Bà mẹ đi chợ mới về đến đầu sân, chúng nó đã mải mốt chạy ra, nhao nhao ở xung quanh. Chúng vây chặt lấy bà, đứa nó huých đứa kia, quát lẫn nhau. Và khi bà mẹ vừa gạt chúng ra, đặt được cái thúng xuống hè, chúng đã lăn xả vào, cướp bánh như ở sân đình. Bà mẹ phải vừa gào, vừa thét, vừa giằng nhau với những đồ quỷ sống kia để cướp lại cho Nhu củ khoai bé nhất hay miếng bánh đa sống nhất. Nhưng tí xương xẩu ấy, nhiều khi Nhu cũng lại không được ăn vào miệng. Những đứa kia, ngồm ngoàm ăn thật nhanh hết phần của chúng rồi xúm lại xin Nhu. Nếu Nhu không cho thì chúng ăn cướp của Nhu. Cũng có khi thì trước khi ăn, đứa này nhận ra phần của đứa kia to hơn phần của nó nhiều; chúng tị nhau; rồi đứa bị phần kém dỗi; vất phần của mình đi; nhè mồm ra khóc. Ấy thế là Nhu lại phải bỏ phần của Nhu ra, bù cho nó, để nó lặng. Nếu Nhu kệ nó thì nó còn khóc mãi. Bà mẹ giậm chân bành bạch, gầm lên. Thằng lớn gân cổ, the thé cãi lại bà. Nhà cửa om sòm, Nhu nuốt chẳng trôi. Mà kết cục thì thế nào bà mẹ cũng gọi Nhu lại, bảo: "Thôi, con ạ! Con chẳng ăn làm gì một tí…Chẳng no béo gì đâu, con ạ!... Con thí cho thằng mõ ấy, kẻo nó khóc điếc tai không chịu được…Những thằng mõ, con mõ đấy! Chúng nó ăn tham rồi chỉ đến làm mõ mà thôi!... "

Bây giờ, mỗi lần nhớ lại những lời nói trên đây của mẹ, Nhu không thể không mỉm cười chua chát. Không phải là Nhu có ý ghen gì với anh hoặc các em. Có ai điên đến nỗi chỉ cầu cho anh, em mình làm mõ? Nhu thấy anh, em khá tất cũng phải mừng và muốn cho họ khá hơn bây giờ nữa. Nhưng Nhu cấm làm sao được Nhu tự hỏi rằng: "Tại sao trên đời này lại có nhiều sự bất công đến thế? Tại sao ở hiền không phải bao giờ cũng gặp

lành? Tại sao những kẻ hay nhịn, hay nhường thì thường lại chẳng được ai nhịn, nhường mình; còn những kẻ thành công thì hầu hết lại là những người rất tham lam, chẳng biết nhịn nhường ai, nhiều khi lại xảo trá, lọc lừa và tàn nhẫn, nhất là tàn nhẫn?... ”

Năm mười bảy, mười tám tuổi, Nhu là một cô gái rất nhu mì. Cô hiền như một ngụm nước mưa. Không bao giờ cô to tiếng với ai, mà ai hơi to tiếng với cô là cô nhịn không nói nữa. Nhượng là em gái Nhu, đến bây giờ thỉnh thoảng vẫn còn nhắc đến chuyện đã làm nó buồn cười. Một hôm, mẹ giao cho hai chị em làm cỏ chung một mảnh vườn, đến trưa phải làm xong. Biết tính Nhượng hay chơi, Nhu chép miệng phàn nàn:

- Làm chung với ai chứ làm chung với mày thì chết tao thôi! Sau mày cũng lại nghênh trời, nghênh đất, đến trưa việc không xong, mẹ chẳng biết là đâu, cứ tao là chị mà chửi!...

Nhượng tớn môi lên, bảo:

- Chị cứ lo phần chị! Nếu chị sợ phải mắng lây thì cứ chia ra, mỗi người một nửa vườn, của ai người ấy làm.

Hai chị em chia. Chia xong, Nhu làm nửa của Nhu. Nhượng bỏ đi chơi. Nhu hơi giục là Nhượng mắng, bởi ai đã có phần người ấy. Không việc gì mà lo hộ! Đến nữa buổi, Nhượng vẫn trèo hết cây nọ đến cây kia xót quả ăn, chẳng chịu làm. Nhu làm hết phần của mình rồi, phải bảo em:

- Thôi chị lạy em! Em chịu khó làm đi kẻo mẹ về mẹ chửi; chị làm xong phần chị, chị làm giúp em một nửa.

Nhượng bật cười:

- Thật nhá! Vậy chị làm xong đấy thì làm thêm chỗ này hộ tôi…Tôi chạy ra ngoài đường một lát rồi về làm với chị. Chị đừng lo! Thế nào cũng kịp. Tôi về ngay đấy!

- Ừ! Mày phải về ngay đấy! Nếu không về, tao mặc kệ!

- Được rồi! Tôi về ngay đấy mà!

Nhượng đi. Nhu lại cặm cụi làm. Nhu làm nốt phần mình, làm xong cả một nửa phần em. Nhượng vẫn không về. Mặt trời đã lên cao. Nhu thì bởi làm luôn tay từ sáng đến giờ, vừa đau lưng vừa mờ cả mắt. Thế mà nếu Nhượng không về thì có lẽ vẫn không kịp mất! Nhu gọi Nhượng. Chẳng thấy Nhượng thưa! Nhu cực quá, nghẹn ngào mà ứa nước mắt ra. Nhu vẫn phải cố làm nốt cho xong. Đến lúc Nhượng về, nó thấy chị đang hu hu khóc, mà khu vườn thì đã gần hết cỏ. Nhu chẳng dám mắng Nhượng nửa lời, chỉ khóc to hơn. Ấy thế mà Nhượng vênh hẳn mặt lên xa xả:

- Thối chị lắm! Ai khiến chị lanh chanh đấy? Không xong, mặc kệ tôi! Việc gì đến chị mà chị na mô hớt?...

Con bé Nhượng vốn ghê gớm thế. Hơi một tí là nó trợn mắt lên, nói chan chát như băm, như bổ vào mặt người ta. Nó chẳng chịu kém cạnh ai. Ai giở mặt gì là nó giở mặt ấy ngay được. Trong khi Nhu chỉ biết chăm chăm, chúi chúi làm, bán được một trinh rau cũng đem về nộp mẹ cả một trinh. Nhượng luôn luôn kiếm từng dịp để ăn bớt, ăn xén, lấy vụng, lấy trộm, bòn rút tiền của mẹ để gây một số vốn riêng cho nó. Bà mẹ làm gì không biết thế? Bởi vậy bà tin Nhu chứ không tin Nhượng. Nhu thật thà…

Mới đầu bà cũng tưởng Nhu thật thà, thì bà có thể trao tay hòm chìa khóa cho Nhu. Nhu trông coi việc chợ, việc nhà, giữ thóc, giữ tiền, lo tính việc ăn tiêu. Nhưng chẳng bao lâu bà nhận ra rằng: để cho Nhu làm việc ấy, thật là tai hại. Bởi vì Nhu hiền quá! Anh túng tiền để chơi bời, Nhu chỉ im dấm dúi cho. Em xúc trộm thóc đem đi gửi, Nhu biết nhưng nể em, không giữ, cũng không mách mẹ. Người làm, đầy tớ có ăn quá lệ thường Nhu cũng ngơ đi. Chúng thấy Nhu dễ dãi, nên cơm thường thường cứ ăn thừa, mà thức ăn thì ăn đủ từ đầu đến cuối bữa, chứ chẳng chịu ăn tương ăn mắm. Thế rồi bán thì Nhu chẳng bán được đắt bao giờ. Đến chợ, có khi nào Nhu tranh được chỗ ngồi tốt đâu! Nhiều khi Nhu đặt đội hàng của Nhu xuống rồi, tự nhiên có đứa vô ý hay ngạo ngược cũng đặt đội hàng ngay trước đội hàng của Nhu, Nhu cũng không dám xốc quần lên, đạp giúi đầu nó xuống hay nhắc đội hàng của nó mà đổ té ngay xuống đất. Bọn con buôn chỉ trông mặt Nhu cũng biết ngay Nhu là một món bở rồi. Chúng bâu lấy Nhu như

một lũ nhặng xanh: đứa mặc cả món này, đứa mặt cả món kia, nhặt lên, vất xuống, co đi, kéo lại, rối rít tang bồng. Nhu không có đủ mắt, miệng, chân, tay đâu mà địch lại. Ấy thế là chúng vừa mua, vừa ăn cướp. Của đáng mười thì Nhu chỉ bán được năm. Có khi chẳng lấy được đồng tiền nào là khác nữa…Bán thì rẻ, mà mua thì lại thường phải đắt. Chỉ vì Nhu không đanh đá được như người: Nhu không thể nhẩy cẫng lên, vỗ đùi đen đét, xỉa xói vào mặt những đứa xấu thói đang thấy Nhu mặc cả một thức gì cũng chõ vào mặc cả…

Bà mẹ lắc đầu bảo: "Con này hỏng! Nó lành quá nên người ta bắt nạt… Không được sắc sảo như con Nhượng..". Và bà trao lại việc chợ búa ăn tiêu cho Nhượng. Nhượng chanh chua được, cay nghiệt được, tàn nhẫn được. Nó thật là đáo để! Nó giữ quyền thu, quyền bổ trong nhà thì thằng anh đừng hòng lấy cắp một đồng xu; thằng ở thổi quá một bát gạo là được vỡ mặt ngay; người làm có lệ chỉ có một đĩa nhộng, hay một đĩa tép kho, ăn hết thì cứ mắm tép mà ăn, không ăn thì ăn nhạt!... Ra đến chợ, đứa nào trêu máu Nhượng thì liệu đấy! Nhượng có thể xoắn lấy tóc nó níu xuống mà tát cho sưng dơn má; Nhượng có thể xé quần, xé áo người ta ra…Vài bận như thế, tự nhiên chẳng ai bảo ai, người ta đều kiêng mặt nó. Người ta liệt nó vào hạng còn ít tuổi nhưng đã thừa sành sỏi. Nó biết mua, biết bán, biết chăn ba, nhặt nhạnh, mà lại đủ sừng, đủ mỏ. Biết rằng nó được tay hòm chìa khóa thì nó ăn cắp tợn. Nhưng chỗ nó ăn cắp, chưa thấm vào đâu với chỗ nó làm lợi. Vả lại con ăn cắp có đi đâu mà thiệt?... Ấy thế là Nhượng, tuy là em, nhưng được cất lên làm chị. Quyền hành trong tay nó cả. Nhu chỉ biết cúi đầu, cúi cổ làm, nai lưng ra làm…

Nhu không có một đồng vốn riêng nào. Nhượng, trái lại, chẳng bao lâu có bạc trăm. Nhượng sắm quần nọ, áo kia, khuyên vàng, xà tích. Những ngày rước sách, hội hè, Nhượng thắng bộ vào, trông nổi đình đám lắm. Các cậu trai làng trông thấy đều tít mắt lại. Các bà mẹ sắp hỏi vợ cho con cũng để ý nhiều. Thật ra thì các bà chẳng ưa gì những cô làm đỏm thế đâu. Nhưng muốn làm đỏm phải có tiền. Khuyên vàng xà tích là tiền. Quần áo cũng là tiền. Khi nó về nhà mình thì nó đem theo cả những thức ấy về. Của nó cũng như là của con mình. Mà tiền của thì chẳng bao giờ nên chê cả! Huống hồ Nhượng lại có tiếng là gái đảm và nhiều vốn liếng. Chỉ phải cái hơi cứng cổ. Nhưng khi con dâu làm ăn, lo liệu được đâu có đấy, thì mình

còn phải nói động đến nó làm gì? Mà khi mình đã không nói động đến cái chân lông nó, thì dẫu nó có cứng cổ cũng chẳng làm gì mình được!... Người ta cân nhắc Nhượng như thế ấy. Người ta thấy lấy Nhượng thì nhiều hơn hại. Bởi thế nên những đám ngấp nghé Nhượng thì nhiều lắm!... Còn Nhu? Nhu thích sự khiêm nhường. Nhu có biết diện là gì đâu! Và nếu Nhu có muốn diện, cũng không có tiền mà diện. Bà mẹ chỉ thích tiêu ít được chừng nào hay chừng ấy. Bà chỉ may cho con những quần áo thường, đủ mặc thôi. Còn đứa nào muốn hoa hòe hoa sói, cứ bỏ tiền túi ra mà hoa hòe hoa sói. Bà không cấm!.... Chắc trong bụng bà nghĩ thế. Và chắc trong bụng bà cũng đinh ninh rằng: con gái, dại đến đâu mà chả biết ăn cắp tiền của mẹ! Nếu Nhu không may mặc, có lẽ chỉ vì Nhu sẻn…Thành thử Nhu có ra đường cũng chẳng ai nhìn thấy. Vả lại Nhu cũng ít khi ra. Nhu chỉ lủi thủi ở nhà. Nhu nhịn mọi cái đã quen rồi, rất có thể nhịn các đình đám hội hè, nhận lấy phần coi nhà để các em đi tung tẩy…

Thế rồi một hôm có người hỏi Nhượng. Bà mẹ Nhu không muốn cảnh em trước chị sau. Bà đợi gả chồng cho Nhu đã. Nhưng mãi mãi cũng không có người hỏi đến Nhu, mà Nhượng thì đã phải từ chối luôn đến bốn, năm đám hỏi. Con gái có thì. Nhu đã hăm sáu tuổi rồi. Nhượng cũng đã hăm bốn tuổi. Ở làng này như thế là muộn lắm. Bà ta bắt đầu sốt ruột. Cả Nhượng nữa. Nhượng thấy mình bị hãm lại một cách vô lý lắm. Nhu tủi phận. Mỗi khi có ai hỏi Nhượng, Nhu lại khóc thầm khóc vụng. Nhu lờ mờ nhận ra rằng: cái nết hiền của Nhu chưa hẳn người ta đã chuộng đâu! Những lúc quá bực mình, mẹ Nhu hoặc em Nhu đã một đôi lần bảo Nhu đần, và Nhu lại càng khóc tợn. Sau cùng người ta đành gả chồng cho Nhượng trước, bởi vì lại còn những em của Nhượng: chúng mười tám, đôi mươi cả rồi, còn bé bỏng gì? Không lẽ vì một đứa mà cả mấy đứa cùng ế muộn. Rồi lần lượt người ta gả chồng nốt cho hai đứa nữa bên dưới Nhượng. Thế nghĩa là Nhu đã đành ở vậy. Nhu đã sắp ba mươi tuổi. Nhu không muốn nghĩ đến chuyện chồng con làm gì nữa. Nhu sẽ ở nhà với mẹ, hầu hạ mẹ, rồi đến khi mẹ chết thì Nhu sẽ ở với anh chị, trông coi các cháu. Nhu sẽ yêu thương chúng như chính con Nhu. Nhu sẽ lặng lẽ sống nốt cuộc đời lặng lẽ như một người tu trong nhà mình.

Nhưng đến tận lúc ấy – lúc Nhu đã không còn nghĩ đến chuyện chồng con – thì bỗng lại có người muốn lấy Nhu. Anh chàng ta là con một nhà danh

giá ở trong làng, nhưng thất thế đã từ lâu. Bố mẹ chết cả rồi. Anh em chẳng còn ai. Không còn biết vớ víu vào đâu, hắn bỏ làng đi làm ăn xa một hồi lâu, nhưng ý chừng số chẳng ra gì, lúc đi tay không thì lúc về cũng lại tay không, chẳng có tiền nong gì cả. Nói trắng ra rằng: hắn không đến nỗi là con nhà hèn hạ, nhưng hiện nay thì nghèo xác. Và hắn định lấy Nhu, chắc cũng đã suy nghĩ chán. Nhu đúng ba mươi tuổi mà hắn mới hăm nhăm. Nghĩa là Nhu sẽ già hơn hắn rất nhiều. Song những người bằng tuổi hắn, hoặc kém tuổi hắn, mà lại là con nhà khá giả như Nhu, thì cố nhiên là chẳng ai lấy hắn. Nhu có ế, bà mẹ Nhu mới gả. Hắn tay không, lại không còn ai là người thân thuộc ở làng, cũng phải kiếm chỗ có thể nương nhờ chứ? Bà mẹ Nhu chỉ còn mình Nhu là con gái, thế nào bà chẳng đắp điếm cho chút ít? Hắn cần sự ấy hơn người vợ trẻ…Người anh Nhu thì nghĩ rằng: giá có cách tống khứ được đứa em đi vẫn hơn là để nó làm bà cô tổ ở nhà; vẫn biết nó hiền lành, có ở nhà cũng chẳng hại ai; nhưng gây dựng được cho nó thì cũng đỡ mang một cái tiếng với làng, với nước. Còn bà mẹ nào không muốn cho con gái có chồng? Bà cứ nghĩ đã nát ruột về Nhu. Bà thừa hiểu rằng cái cảnh gái già chẳng sung sướng gì đâu! Bây giờ còn mẹ nên Nhu chưa thấy khổ, nhưng một mai bà trăm tuổi về già, bấy giờ Nhu phải ở với chị dâu, rồi mới biết. Bởi vậy, cho nên đối với việc người ta hỏi Nhu, bà tỏ ý lạc quan. Đã đành anh chàng cũng có ý bòn của đây, nhưng cái sự tham thì ở đời ai mà chẳng tham? Nếu nhà nó giàu, nó đã chả chịu lấy Nhu là đứa đã hơn nó những năm, sáu tuổi. Nó nghèo thì mình cho nó nhờ vả ít nhiều. Nó nhờ vả mình thì phải nể con mình. Nó có nể con mình thì con mình mới khỏi khổ, chứ cái bộ Nhu hiền như đất nặn thế nếu lấy phải thằng chồng vũ phu, cậy của cậy tài, hay còn bố mẹ chồng thích hạnh họe con dâu, thì chỉ đến khóc lắm, sưng mắt lên rồi chết….Duy có Nhu thì không thuận lắm. Nhưng Nhu cũng chẳng làm gì, chẳng ngỏ ý kiến gì để mà chống lại. Bao giờ Nhu chẳng dễ bảo như một con chó xiếc? Ấy thế là Nhu đi lấy chồng!...

Câu chuyện còn khá dài dòng. Nhưng kéo dài ra để làm gì? Có kể tường tận cuộc đời làm vợ của Nhu thì cũng chỉ có thế mà thôi. Người thì ở chỗ nào chẳng là người? Mà cuộc đời thì ở bất cứ cảnh nào cũng chảy trôi theo những định luật chưa bao giờ lay chuyển được…

Hãy nói ra rằng: Nhu sung sướng được mấy năm đầu. Đó là nhờ những tiền của của bà mẹ Nhu bỏ ra để Nhu tạo một cơ nghiệp cho chồng. Nhưng giống người vốn là một giống mau quên. Chẳng bao lâu, người chồng Nhu nghĩ ra rằng: hắn lấy phải vợ già là một sự thiệt thòi, tất cả cũng phải dùng tiền của vợ, chơi bời cho thỏa để bù lại. Hắn chơi bời thả cửa Nhu có thể ngăn cấm lắm. Nhu có quyền bảo vệ tài sản và hạnh phúc của gia đình mình lắm. Nhưng không! Nhu chẳng làm gì cả…Nhu chẳng hé răng nói một lời nào cả! Nhu nhịn. Nhu nhịn cả những khi thấy Nhu khóc, hắn gắt gỏng với Nhu để khỏi phải nghe những lời tiếng ngấm ngầm nhưng khó chịu của lòng hối hận. Nhu nhịn và Nhu đầy đọa cái thân Nhu để Nhu càng thêm già và xấu đi….Rồi chồng Nhu có vợ hai. Một người vợ hai trẻ hơn Nhu những mười năm và giảo hoạt hơn Nhu đến mười lần. Nhu có thể không công nhận cho chồng lấy vợ hai, nhưng Nhu chẳng làm gì, chẳng hé răng nói một lời gì! Nhu ngoan ngoãn in ngón tay Nhu vào tờ giấy hôn thú. Nhu bằng lòng cho đem vợ lẽ về nhà. Nhu lẳng lặng quay mặt đi mỗi lần chúng đùa với nhau ngay trước mặt Nhu. Và ban đêm Nhu khóc – chao ôi là Nhu khóc! Nhu khóc đến mòn tất cả người ta thành nước mắt, trong khi chúng gối đầu tay cho nhau mà ngủ…

Thế rồi sự phải xảy ra đã xảy ra: con vợ lẽ lăng loan, lấn át cả quyền Nhu. Nó làm chủ trong nhà. Nó lấy sự làm nhục Nhu như là một trò chơi. Nó bắt khoan, bắt chẹt Nhu. Nó đánh chửi Nhu. Sau cùng, Nhu không còn chịu được, đến phải bỏ nhà chồng mà về nhà mẹ…Mẹ Nhu tức uất người. Anh Nhu còn uất người hơn. Các em Nhu, hay tin, cũng đều giận vô cùng. Họ xúm lại mắng Nhu. Rồi họ nhất định bắt Nhu kiện chồng tình phụ…Kiện? Nhu đi kiện chồng? Ôi chao! Mới nghe Nhu đã hoảng sợ rồi! Nhu thà chịu thiệt thòi. Nhu không thể hiểu rằng: người ta cần kiện nhau để bắt nhau yêu…Vả lại người như Nhu, chỉ chửi một câu đã ngượng lời rồi, bây giờ đứng ra kiện, để hạch tội một người chồng mà chưa bao giờ Nhu dám nói nửa lời chống cưỡng!... Không! Không đời nào! Nhu không nói một lời phản đối lại ý anh và mẹ. Nhưng Nhu ngồi thừ mặt ra, ai bảo sao cũng không đáp lại. Và họ hiểu. Họ hiểu Nhu không đời nào dám kiện, không đời nào ưng đi kiện. Họ lại xúm lại mắng Nhu thêm chập nữa. Người anh, giận quá, nhất định không nhìn mặt đứa em ngu dại ấy. Nếu Nhu không đi kiện, thì người anh sẽ đuổi Nhu ra khỏi cửa. Nhu không thể do dự nữa: một

là Nhu phải giật lại chỗ của mồ hôi nước mắt của mẹ mình để sống; hai là Nhu đi ăn mày, nếu Nhu còn cố thương hại chồng!...

Nhu đã nghe những lời như đinh đóng cột của ông anh. Nhu lại thừ mặt ra một lúc lâu. Nhu khóc như mưa….Rồi Nhu đã làm gì? Hỡi ôi! Nhu đã vâng theo cái bản tính của Nhu rất hiền lành: Nhu đã trở về với chồng, với vợ hai, và sống như một con vú trong nhà chúng, trong cái cơ nghiệp chính tay Nhu đã dùng tiền của mẹ mình mà tạo ra….

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 483, ngày 16-10-1943

LÃO HẠC

Lão Hạc thổi cái mồi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

- Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

- Tôi xin cụ.

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

- Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!

Lão đặt xe điếu, hút. Tôi vừa thở khói, vừa gà gà đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng: lão nói là nói để có đấy thôi; chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại, có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế!…

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi đê mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn, tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi vềquê, hành lý chỉ vẻn vẹn có một cái va-ly đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỷ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng: mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thức rồi, tôi lại phải

bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lỵ gần kiệt sức... Không! Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tý gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn Lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão bảo tôi:

- Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-ta. Lão Hạc, đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó, lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy:

- Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta đã định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão, thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xẵng. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dằn lòng bỏ đám này, để rồi gắng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì nó thôi ngay, nó không đả động đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm.

Nhưng biết làm sao được?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng; nó lấy con trai một ông phó lý, nhà có của. Thằng con lão sinh phẫn chí. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu, đưa thẻ, ký giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rấn nước mắt, bảo tôi:

- Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chả biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo: "Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!... ". Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?...

Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bằn bặt. Già rồi mà ngày cung như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này:

- Cậu có nhớ bố cậu không? Hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

Con chó vẫn hếch mồm lên nhìn chẳng lộ một vẻ gì; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng doạ:

- Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa.

- Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sừng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhè nhẹ vào lưng nó và dấu dí:

- À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhấc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đấy là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: "Cái vườn đó của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu, thì nó hưởng. Lớp trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, phẫn chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ mới chịu về. Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó; đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn... ". Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi:

- Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ! Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng, mười tám ngày, ông giáo ạ! Hai tháng mười tám

ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?...

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vé sợi, nghề vải đành phải bỏ. Đàn bà rỗi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào, họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dắt...

- Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy già đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo trùng trục, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một phút, rồi tắc lưỡi:

- Thôi thì bán phắt đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu!

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão bảo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

- Cụ bán rồi?

- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc.

Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

- Khốn nạn... Ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!... Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: "A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

Tôi an ủi lão:

- Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả biết đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hoá kiếp cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo:

- Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... Kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác…

- Việc gì còn phải chờ khi khác?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm...

- Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

- Việc gì thế, cụ?

- Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

- Vâng, cụ nói.

- Nó thế này, ông giáo ạ!

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này. Tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lý luận người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão, lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai: Lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào: con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo

cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt: lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

Tôi bật cười bảo lão:

- Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

- Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu[1]?

- Đã đành rằng thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?...

Tôi cắn rơm, cắn cỏ tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi:

- Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo:

- Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói…

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… Toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi.

Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận.

Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão cứ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dư tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bả chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm:

- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm, láng giềng.. Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người

chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, giật nẩy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào... ".

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 484, ngày 23-10-1943

RỬA HỜN

Mối hiềm bắt đầu từ một cái trần ngôn. Ông lý Nhưng ngờ cho ông khóa Mẫn làm. Ông khóa Mẫn thì chưa chắc đã làm: lời lẽ trong cái trần ngôn không phải là lời lẽ của một nhà nho đã đọc sách thánh hiền, nhưng cái tin kia đến tai ông, thì ông lại cười mà bảo rằng: cái thằng nào nó làm cái trần ngôn ấy, cũng không nên trách nó, ăn bẩn, nó chửi cho là phải…

Nguyên có vợ chồng nhà kia, lúc lấy nhau, bởi quá nghèo nên chẳng cưới cheo gì. Họ ăn ở với nhau theo kiểu vợ chồng theo. Mới đây chị vợ để được một đứa con. Ông lý nhà ta biết thóp anh chồng non mặt, nên đến lòe anh ta đủ thứ. Ông nhất định bảo rằng: đứa con của anh ta không thể khai sinh, bởi vì vợ chồng anh chưa làm giấy giá thú: mà anh có làm giấy giá thú cũng không thể được bởi vì người đàn bà có con ra rồi; không những thế, nếu việc phát giác ra, anh có lỗi…Kết cục thì anh chồng đành chạy ngược chạy xuôi biện cho ông lý hai chục bạc để ông làm ngơ cho việc ấy: rồi ngày một, ngày hai, khi nào xoay được vài, ba chục bạc nữa lại đến ông, ông sẽ liệu cách vào giá thú cho vợ chồng anh và khai sinh cho đứa con anh giúp. Để khỏi lo hậu hoạn.

Ông lý bóp được hai chục bạc, bỏ ra mấy đồng giết một con chó, mua mấy chai rượu, mời các cụ đến chè chén với nhau. Câu chuyện ấy bay đi, dân làng bàn tán rất nhiều. Ai cũng cho là ông lý Nhưng tệ quá: vợ nó đẻ, cơm đã chẳng có mà ăn, da trông mấm ra nước được; chồng thì cái khố chẳng có mà đeo; thế mà ông nỡ xoay của nó, thì còn gì là nhân đức nữa. Ấy là nhà ông còn thừa tiền, thừa thóc đấy! Giá mà ông phải đói như nhà người ta thì không biết còn bóp nặn dân làng đến đâu?... Nhưng nói lắm rồi người ta cũng thôi. Còn số tiền hai chục bạc thì có lẽ ông lý ăn vào đã lại nhả ra cho con chó nhà ông thừa lộc chủ rồi. Trời móc ra được nữa! Ai cũng tưởng thế là xong chuyện. Thì bỗng một buổi sáng người ta thấy một mảnh giấy con con dán ở cửa đình. Mới trông, người ta tưởng là một bản yết thị. Việc gì đây? À! Trần ngôn! Lại trần ngôn! Và người ta đọc được thấy mấy câu như sau này:

Trời ơi có thấu tình chăng?

Một con mẹ đẻ, mấy thằng ăn no!

Ai về tôi gửi cái mo

Lý Nhưng có thiếu thì cho mà dùng.

Lý Nhưng ơi hỡi lý Nhưng!

Tưởng là ông hóa ra thằng ăn dơ!

Đứa nào lật cái giấy này đi cả nhà nó chết.

Chỉ ba, bốn hôm sau là bài vè trên đây đã được truyền khẩu lan đi khắp cả làng. Lý Nhưng xám mặt. Ông nghĩ ngay đến ông khóa Mẫn…

- Việc này không thằng Mẫn, cứ cổ ông mà chặt!... Ông đã biết ngay từ cái hôm ấy kia mà! Mình chỉ quên có một tí, quên không cho mời nó, ấy thế mà nó để ý thù mình được!... Cái quân nó sấp mặt! Cứ việc gì có nó thì nó im thin thít, động việc gì nó không được chấm mút gì vào đấy, là nó quay đầu lại cắn. Giống mõ! Đểu! Ba que! Xỏ lá!... Đồ lục súc!...

Chửi như thế ông vẫn chưa hả giận. Ông cười khẩnh:

- Hứ! Tưởng tức người ta thì làm được cái thá gì! Cái trò ném đá giấu tay ấy, ông chỉ vo viên, ông bỏ xuống dưới chiếu, ông ngồi….Không biết xấu! Cũng đòi là người chữ nghĩa!... Chữ nghĩa để làm những trò ăn mày ấy thì chữ nghĩa cũng vất xuống sông! Chữ nghĩa! Úi dà, chữ nghĩa! Sao cũng có bữa ông cho xích cổ lại, ông đập ghế vào mặt cho mà biết…

Bởi tức quá, nên bất cứ ngồi chỗ nào, ông cũng mạt sát ông khóa Mẫn. Hết mạt sát rồi lại dọa. Ông bảo: ông khóa Mẫn có lý sự mấy đi nữa, ông cũng không cần sợ; ông móc chỗ nào ra cũng được ngay một lúc dăm trăm bạc; ông khóa Mẫn đi ở tù!... Ông tuyên bố với nhiều người như thế. Cố nhiên là ông khóa Mẫn không thể không biết chuyện. Nhưng ông thâm lắm. Ông không làm om sòm, ngậu xị lên như kẻ địch. Ông chỉ cười nhạt và thủng tha thủng thẳng:

- Nào ai biết được rằng: các ông ấy kiếm ăn cả ở chỗ vợ người ta đẻ! Ai rỗi hơi mà bới móc? Đứa nào nó chửi ông ấy, ông ấy không làm gì được nó, ông ấy cứ người ta ông ấy húc! Húc đâu chứ húc đây thì chỉ tổ biêu đầu mà thôi!

Nói của đáng tội, cái trận ngôn thì ông khóa Mẫn không làm. Nhưng ông cũng không thèm đến nhà ông lý Nhưng để phân trần ra trắng, ra đen, ông dấm dẳn nói thế thôi. Rồi ông tặc lưỡi, bảo thêm:

- Với lại, nghĩ cho kỹ thì cái thằng nào nó làm cái trận ngôn, cũng không nên trách nó. Ăn bẩn, nó chửi cho là phải!...

Ấy thế là hai người bất hòa với nhau!....

Ông lý khai chiến trước. Ông chọc tức ông Khóa mẫn như thế này: Ông khóa Mẫn có một người họ hàng xa có cái mũi đỏ và sần sùi như một cái vỏ cam sành. Nhiều người bảo: chứng phong…Ông lý bèn làm giấy khám nghiệm. Nếu quả thật có bệnh tật, tất người ta tống ông vào trại hủi. Ông này sợ lắm. Ông biện chè đến van lạy ông lý. Ông lý nhất định không chịu nhận. Khấn bằng nào, ông cũng gạt ra mà bảo:

- Những như ông thì tôi không nỡ. Ông xem đấy: tôi làm ngơ cho ông mãi. Nhưng khóa Mẫn nó sang mồm lắm! Nó khinh tôi như rác. Tôi không làm một cái, nó tưởng tôi sợ nó…

Giận cá, chém thớt là như vậy. Chỉ khổ ông mũi đỏ! Ông bị giải và lo xám người. Bà vợ ông vốn không phải tay vừa. Vợ chồng nhà bà xưa nay chỉ cặm cụi làm ăn, có trêu ghẹo ai đâu? Trâu bò chọi nhau thì mặc kệ trâu bò! Chết ruồi muỗi là chết làm sao được?... Bà ức lắm. Bà hầm hầm chạy một mạch đến nhà ông khóa Mẫn. Vừa đến ngõ, bà đã xốc váy lên đầu gối, giậm chân bèn bẹt và gào thật to:

- Ới ông khóa ơi là ông khóa ơi! Vợ chồng nhà tôi làm gì ông mà ông làm khổ vợ chồng nhà tôi thế này!...

Ông khóa Mẫn ngạc nhiên. Ông hỏi đầu đuôi. Và khi ông đã thông tỏ đầu đuôi, ông tím mặt, ngồi ngẫm nghĩ một lúc, rồi bảo bà kia:

- Bà cứ về đi! Để mặc tôi….

Người ta đã biết tính ông: ông không thích nói nhiều. Nếu bà kia hỏi một câu nữa, thế nào ông cũng mắng. Bởi vậy bà không hỏi. Bà cởi ruột tượng lần ra một cuộn giấy bạc, đếm đưa cho ông khóa hai chục cái, tay đưa miệng mếu:

- Tôi gửi ông chỗ này để ông xe pháo, đò giang…Trăm sự nhờ ông..

- Được rồi! Bà cứ yên lòng về..Tôi chịu nó, thà tôi làm giống chó!...

Lập tức ông đội khăn, mặc áo, đi ra tỉnh…Mấy hôm sau, ông mũi đỏ có họ với ông được về. Thế nghĩa là cái đấm của lý Nhưng không chạm được đến người ông. Nhưng ông vẫn còn căm. Bởi vì ông mới chỉ đỡ mà thôi. Ông chưa đánh. Có giả miếng được thì mới giỏi…Nửa tháng sau, ông giả miếng: ông phát đơn kiện lý trưởng tất cả mười tám khoản; ngót một trăm người kí, phần nhiều là học trò ông, cha chú học trò ông, và một số đàn em trong làng. Mấy khoản nặng nhất là: bao chiếm công điền, tự tiện bán thứ vị để lấy tiền bỏ túi, ăn bớt gạch ngói xây trường học đem về xây nhà cho vợ lẽ…

Vụ kiện giằng dai lắm. Việc trước chưa xong thì việc sau đã tòi ra. Cứ ông khóa Mẫn kiện ông lý Nhưng, rồi ông lý Nhưng lại kiện ông khóa Mẫn. Rồi vây cánh của hai người kiện lẫn nhau. Việc nọ dính líu đến việc kia, chằng chịt lẫn nhau, không sao gỡ ra được nữa. Cả hai bên cùng hại của. Ông lý Nhưng bán đi năm mẫu ruộng. Ông khóa Mẫn thì chẳng có gì để bán, nhưng bà con, anh em cũng phải bỏ ra cho cũng khá nhiều. Sát khí bừng bừng. Họ đã đe giết lẫn nhau. Mà sự thật thì cả hai ông, mỗi lần ra khỏi nhà, đều phải có người đi hộ vệ…

Kết cục thì ông lý Nhưng thua, thua một cách khá sâu cay. Ba tháng tù án treo; chân lý trưởng thì bị cách. Người ta nói: ông tức quá, thổ ra hàng bát máu…

Thật ra thì không phải thế. Chỉ tại dân làng ghét ông nên họ nói thế. Họ rủa mát ông chơi đó! Nhờ trời, ông được cái tạng người cũng khỏe. Ông

không đến nỗi uất máu lên mà chết. Có điều ông cũng tức. Và cũng xấu hổ với làng nước nữa. Ông không dám ló mặt ra khỏi nhà…

Nhưng đã bảo rằng: ông khóa Mẫn là người rất mực thâm. Có đời nào ông lại để cho kẻ địch của mình yên? Tuy ông được kiện, nhưng ông vẫn còn căm lắm, bởi hắn đã làm ông hại của. Nhân lúc thừa thế, ông bèn vận động cho một người cháu ra làm lý trưởng…Hôm làm khao, ông nghĩ ra một kế ác vô cùng: ông sai người đem cau đến mời ông lý cựu. Cố nhiên là ông cựu hiểu. Ông đỏ bừng mặt mũi. Ông nghẹn cổ không nói được. Mãi đến lúc tên người nhà nhà ông khóa Mẫn ra rồi, ông mới bật ra một tiếng. Ông chửi tục. Ông nghiến răng lại mà chửi tục. Mắt ông nảy lửa. Mép ông xùi bọt. Người ông run lên vì giận. Ông đổ xuống cái giường như một cây gỗ đổ. Ông hậm hực. Đôi mắt ông ầng ậng nước. Ông nghĩ đến một con dao… Ông nghĩ đến một cái búa đinh…Ông nghĩ đến một cái chai…Ông nghĩ đến cả một mâm rượu hắt cả vào mặt ông khóa Mẫn…

Bỗng ông đập tay xuống giường thật mạnh, bật người lên. Ông hầm hầm ra khỏi nhà, nắm chặt hai tay, bước thật nhanh những bước nghe chắc nịch. Bà vợ ông hoảng hốt:

- Ông đi đâu đấy? Ông đi đâu đấy?

Ông không đáp, vẫn cắm đầu đi như chạy. Bà vợ cố chạy theo ông, níu lấy ông, chắp hai tay lạy:

- Tôi lạy ông! Tôi cắn rơm cắn cỏ tôi lạy ông! Ông mặc người ta!.... Ông đừng lôi thôi nữa…

Ông hất tay bà ra, quoắt mắt nhìn bà một cách tức tối và khinh bỉ. Ông đưa nắm tay vào ngực bà, dúi mạnh một cái gần ngã ngửa:

- Về ngay! Còn đi theo ông, ông đấm chết ngay lập tức!

Rồi ông lại hầm hầm bước. Ông bước mỗi bước bằng bốn bước. Ông đi nhanh lắm. Bà không theo kịp. Bà tất tưởi trở lại để nhờ người khác đi theo ông giúp. Ông lại càng rảo bước…Chỉ một thoáng ông đã ra tới ruộng. Rồi thì tới bãi tha ma. Bấy giờ đang giữa trưa nên cả cánh đồng chẳng có

ai. Một dịp tốt vô cùng! Ông nhìn trước, nhìn sau. Không một bóng người. Những nấm mồ nhấp nhô. Ông đưa mắt nhìn hết nấm nọ đến nấm kia. A! Ông đã nhận ra rồi! Chính nấm này đây!.... Ông lại nhìn trước, nhìn sau. Rồi ông nhảy vọt sang. Ông cẩn thận nhìn thêm một lúc nữa. Không sai được! Chính là mộ bố ông khóa Mẫn…Ông lại nhìn trước, nhìn sau lần nữa. Lần này kĩ càng hơn. Rồi cả quyết, ông vén một ống quần lên. Rồi rất sung sướng, rất hể hả, cũng hồi hộp nữa, ông làm cái việc giải thoát cho bong bóng….

Xong đâu đấy, ông mỉm cười đắc chí. Ông đi về.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 485, ngày 30-10-1943

RÌNH TRỘM

Anh Tẻ cầm cái chai cho vợ, gật gật đầu. Chị vợ trông thấy thừa rồi, nhưng chị tảng lờ. Đàn bà họ có những cách tảng lờ hay lắm! Nhưng tảng lờ cũng không xong. Anh vẫn chìa, vẫn gật, một thứ gật có thể nói là khẩn khoản. Bởi vì anh gật cả bằng môi, bằng mắt. A, như thế thì phải nói là anh nháy. Hơn nữa, anh còn gọi:

- Bu mày! Bu mày!... Nhoanh!...

Tiếng gọi nhỏ nhẹ và nũng nịu – Anh Tẻ làm nũng vợ thì tài nhất! – Chị vợ giả vờ khoặm mặt lại. Chị gắt lên:

- Cái gì?

Anh bẹp mồm cười và gật gật. Như thế thì ai mà giận được? Chị toét môi cười, nguýt anh:

- Nợ lắm!

Chị giật phắt lấy cái chai. Nhưng làm cái bộ vùng vằng ấy để chữa thẹn đấy thôi. Thật ra thì cô ả thấy buồn cười. Cái vẻ phụng phịu của cô là cái vẻ phụng phịu của một cô gái mười sáu, khi có người vuốt má, trêu: Chồng nhé!... Anh Tẻ cười. Anh sờ cái cằm chị vợ:

- Chóng ngoan!... Rồi tôi thương!

Chị Tẻ hất mạnh bàn tay chồng một cái. Chị quắc mắt và chúm mỏ. Làm như thị thích đùa cợt thế!...

Nhưng anh Tẻ đâu còn lạ? Cái môi rung rung của thị lại sắp sửa cười rồi đấy! Cười! Cười nào! Cười đi!... Và quả nhiên chị cười. Chị cười và mắng chồng:

- Trẻ con!

R`ồi chị quát lên mà hỏi:

- Mua mấy hào?

Anh tắc lưỡi:

- Mấy hào thì mấy…Độ nửa chai thôi mà.

Chị ngửa cổ, cười hơ hớ:

- Mới có nửa chai thôi mà?

- Mua cả nửa chai cho nó tiện. Uống không hết thì còn đấy, mất đi đâu mà sợ?

Chị dí một ngón tay vào má anh:

- Uống không hết! Đã không hết đấy! Cái hũ giột này thì biết mấy nửa chai cho vừa? Một nửa chai mà còn?....

Anh nhe răng ra, khì khì….Chị đi…

Ấy là một gia đình mà chúng ta, những người đã ba con, trông thấy phải thèm. Ch`ồng hăm hai. Vợ hai mươi. Nhà không giàu nhưng cũng chẳng nghèo: không dám nói đến chuyện có ti`ền nghìn bỏ ra sinh lợi r`ồi ng`ồi đấy ăn; nhưng nếu chịu làm, đừng cờ bạc, rượu chè thì miếng cơm tẻ, không mấy khi phải đói. Ở nhà quê, được như thế, đã là hạng phong lưu đấy.

Chị Tẻ còn sướng được đi`ều này: không phải ở với mẹ ch`ồng. Ông thân sinh ra anh Tẻ là một ông già khá lạ đời – lạ đời đối với những người ở làng này. Ông nghĩ rằng: sống mỗi người một nhà, già mỗi người một m`ồ thì không hay rắc rối; mỗi tuổi một tính; đụng chạm với nhau lắm, những sự bất hợp tr`ời ra, và những kẻ đáng nhẽ phải yêu nhau lại thành ra những kẻ làm khổ nhau…Vì vậy, nội con ông, bất cứ anh nào, ông mua sẵn cho năm sào vườn, làm cho một cái nhà tre, r`ồi mới cưới vợ cho. Cưới hôm trước là hôm sau đôi vợ ch`ồng đã ra ở riêng. Làm lấy mà ăn! Anh nào cũng có chân, cũng có tay. Vốn liếng có tí chút đấy r`ồi. Vợ ch`ồng bảo

nhau, không sống dại chết. Khổ thì cố mà chịu vậy. Mỗi kẻ có thân phải liệu cách mà cư xử lấy. Con trai có vợ rồi, đâu phải còn là con nít? Họ có quyền tự lập, tự do và tránh sự ỷ lại vào cha mẹ….

Vậy vợ chồng anh Tẻ chỉ có hai người. Họ chửa có con. Tuy vậy họ vẫn bắt chước người ta, gọi nhau bằng "thầy nó", "bu mày", cho nó ngộ chơi. Mới đầu là sự nhại đùa. Mãi mãi thành quen. Bây giờ muốn bỏ không bỏ được. Vả lại bỏ, thì gọi nhau bằng gì được? Ở nhà quê, vợ chồng chưa có con, khó có tiếng mà gọi nhau lắm nhé. Cậu cậu, mợ mợ…thì ra lối tỉnh. Mặc màn tà lồng ộp nghĩa là cái váy mà gọi nhau thế thì người ta cười đến chết! Mình mình, tôi tôi là lối Sài Gòn, mấy thằng cha đi cao su về, cố nhập cảng, nhưng chẳng ai theo. Còn anh ơi! Với em ơi! Thì chỉ khi nào hờ nhau người ta mới dùng đến cho văn vẻ. Vậy thì gọi nhau bằng gì được? Hạng mày mày, tao tao là nhiều nhất; nhưng đó là những cặp vợ chồng ngày nào cũng phải chửi nhau một lần…

Vợ chồng Tẻ, trái lại, rất quý nhau. Chồng hiền, vợ cũng hiền. Cả hai đều chăm chỉ làm ăn. Vợ sẻn so. Chồng không đánh bạc, không nghiện ngập, không hay họp hành, đánh bạc. Nói cho thật, thì một đôi khi anh Tẻ cũng thèm uống rượu. Uống rượu rồi nói khoác là thú nhất. Còn gì khoái cho bằng giết con gà nấu cháo rồi mua độ nửa cây Văn-Điển? Cháo được rồi, gà gỡ ra bỏ vào một cái đĩa tây to. Rót rượu ra! Múc cháo ra. Bê cái mâm hẳn lên giường. Chồng ngồi xếp bằng, uống rượu, rung đùi. Vợ ngồi tiếp một bên. Uống được độ ba chén rồi bắt đầu vừa uống vừa nói chuyện cổ kim để vợ nghe. Vợ nghe và tủm tỉm cười. Lúc bấy giờ thì…ôi thôi! Ông tiên chỉ là ta! Ông trời cũng là ta! Đứa nào bảo một miếng giữa làng, bằng một sáng xó bếp, dốt như bò. Vất ra ba trăm đồng bạc làm một ông quan viên, thà để mua một trăm rưỡi con gà. Tiên chỉ mình, rồi thứ chỉ vợ mình; việc gì đem tiền cho chúng nó ăn? Nghĩa là anh Tẻ đá lắm, đá ghê gớm lắm, và khôn róc, sống theo cái kiểu cơm nhà ma vợ. Còn chị vợ thì chỉ biết phục và chiều chồng thôi….

Vì thế chị đem về đủ nửa chai. Lại còn kèm thêm một cái đùi gà. Anh chồng sướng quá, reo lên:

- Ái chà! Thế này thì nhất bu mày! Nhất vợ nhì giời!

Anh co chân nhảy tót lên giường, ngồi chồm chỗm như một anh cóc rình mồi. Chị Tẻ tủm tỉm cười đặt rượu và cái đùi gà trước mặt chồng. Rồi chị đi lấy mâm bát dọn cơm. Anh Tẻ rót rượu uống ngay. Bởi vậy khi chị rành rang đem được nồi cơm lên, thì mắt anh đã lừ đừ. Anh vừa ngồm ngoàm nhai một miếng thịt gà, vừa giơ cái xương còn lại lên, chỉ vào mặt vợ, lè nhè:

- Tôi bảo thật! Đêm nay thì có thằng chết với tôi. Mẹ kiếp! Lại chuột gặm chân mèo à? Mình đã không trêu chúng nó thì thôi; chúng nó lại dám trêu mình à?...

Chị vợ bĩu môi ra:

- Ối chào! Ông tướng vừa vừa chứ! Nếu nó sợ nó đã không dám lấy.

Anh trợn mắt lên:

- Ừ! Không sợ? Không sợ! Thế nào tôi cũng đánh què cẳng nó.

- Biết đứa nào mà đánh?

- Sao chả biết? Làng này có những thằng nào đi ăn trộm, còn ai mà chả biết? Tôi cứ vác gậy ra nằm dưới vệ đê, chỗ chúng nó hay qua lại. Vô phúc thằng nào gặp tôi….

Chị vợ không nói nữa. Nhưng chị có vẻ không tin anh lắm. Bởi thế cho nên anh vẫn còn hục hặc, hục hặc rất vu vơ như thế. Nhưng cái gì đã làm anh hậm hực uống rượu để tức chứ không phải để vui vẻ như mọi bận? Có gì đâu, đêm qua chẳng biết thằng trộm nào xẻo mất của anh ba buồng chuối tiêu.

Rượu xong, cơm xong, anh Tẻ vẫn lải nhải nói mãi. Chị vợ nghe đã chán tai, vả đêm đã khá khuya rồi, nên đứng dậy đi nằm. Anh ngồi một mình, nói cho cái cột nghe. Chị vợ mặc chồng. Chị đoán rằng anh nói mỏi miệng rồi tất cũng phải đi nằm. Nhưng anh lại không nằm, anh vác gậy ra đi. Chị ngủ mệt rồi, nên không biết để can. Anh lùi lũi ra đường cái. Anh nhất định

xuống vệ tre ngồi. Anh nhất định rình ở đấy suốt đêm. Anh định thấy thằng trộm nào khệ nệ gánh chuối hay gánh tay nải đi qua là đánh.

Nhưng chẳng có ma nào! Làng xóm ngủ im lìm. Cả đến những con chó cũng im. Không có lẽ bọn trộm khiếp vía anh mà đêm nay không thằng nào dám bước chân ra khỏi ngõ? Không có lẽ! Cứ ngồi gan, thế nào rồi cũng gặp. Anh cố ngồi. Ngồi lắm mỏi lưng. Anh nghĩ rằng: có tìm một chỗ sạch sẽ mà nằm thì cũng chẳng sao. Đã gọi là thằng kẻ trộm, thằng nào đi chẳng vội vàng. Nó lại mang những thức nặng nề. Cố nhiên là nó không thể kiễng gót chân, nín thở mà đi. Nó đi bình bịch ở trên đường, thì dẫu anh có nằm, nhưng nằm ngay ở vệ đường, tất lúc nó đến gần phải biết. Biết là nhỏm dậy. Cái gậy sẵn sàng bên cạnh đó, anh cầm lấy. Đợi nó đến tận nơi, anh nhảy bổ lên, chặn lại. Cứ vậy, có thằng lại không van bằng cốc! Ba buồng chuối của anh đêm qua, mửa ra mà trả. Rồi kiểng cái mặt anh ra, từ đây đừng có dại, trêu vào mà được chết. Tử tế thì như vậy. Và nếu bướng thì… a-lê! Cái gậy phang vào đầu!... Anh vừa nghĩ thế, vừa men ra một chỗ phẳng phiu toàn cỏ. Đưa tay ra là qua một lượt để chắc chắn không có gai hay thức gì bẩn thỉu rồi, anh ngả lưng nằm xuống. Anh nằm ngửa, hai bàn tay chít lại ở dưới đầu; một chân co lại, chống lên; một chân gác lên đầu gối chân kia. Cứ vậy, anh nhìn trời…Trời lấp lánh những sao. Kia là mũ Thần Nông…Kia là con vịt. Kia là cái đó…Chà! Mà nằm ngủ ở vệ đường mát thật!... Anh ngáp…Rồi ngáp…Rồi lại ngáp… "Kia là sao cái đó…Kia là sao cái đó..". Anh nhắc thầm trong trí như vậy. Sao cái đó cứ mờ rồi lại sáng, rồi lại mờ, lại sáng…và mờ nữa. Anh ngáp…rồi lại ngáp…rồi lại ngáp…Chỉ một lúc sau, anh đã không còn biết có anh trên đời nữa; bởi vì anh đã ngủ say như chết rồi…

Sáng hôm sau, một người đi qua đã giật mình: họ tưởng anh là một cái xác chết đường. Họ lay anh. Anh choàng dậy và bẽn lẽn…

- À, anh Tẻ…Sao nằm đấy?

- ..Cho mát! Với lại…

Anh ấp úng. Người kia cũng chẳng cần nói cho biết nữa. Hắn đoán anh câu trộm ở ao một nhà nào gần đây.

Anh mải mốt xách gậy, đi về nhà. Vừa về đến đầu ngõ, đã thấy vợ tất tưởi chạy ra. Mặt chị tái mét. Chị như người hốt hoảng. Chị suýt húc đầu vào ngực anh.

- Gì thế?

Anh Tẻ trố mắt lên, và hỏi. Chị Tẻ líu lưỡi, không đáp được. Chị chỉ quay ngoắt lại, lụt cụt chạy trước chồng. Anh Tẻ chạy theo. Vợ trước chồng sau, họ chạy về phía sau nhà. Bấy giờ vợ mới run run, bảo chồng:

- Kia kìa!

Chị nghẹn lời. Anh cũng nghẹn lời. Vợ nhìn chồng và chồng nhìn trân trân vào một cách lỗ ngạch to đến một con bò chui lọt. Anh đỏ bừng mặt mũi. Mồ hôi trán toát ra. Họ ngây người như tượng gỗ…

Một lúc như thế. Rồi bỗng anh chồng hùng hổ cởi áo ra. Anh bện quần lên cho đến tận mông. Anh chửi lầm bầm chui qua lỗ ngạch vào buồng. Chị nghe tiếng anh rít lên ở trong buồng:

- Mất sạch rồi! Mất sạch rồi! Chó! Chó! Chó!...

Rồi anh lại chui ra. Mặt mũi, mình mẩy lấm lem, anh lại chui ra. Rồi anh lại chui vào. Chị vợ điếng người đi cũng phải bật cười:

- Ô hay, điên đấy à?

Nhưng anh nghiến răng, trợn mắt lên:

- Điên! Điên à? Chẳng điên cuồng gì cả! đêm nay tôi sẽ đào ngạch chui vào buồng nhà nó, có cái gì lấy tất. Một cái chổi cùn tôi cũng không để nhé!.... À! Láo thật! Chuột lại cứ đòi gậm chân mèo à?

Anh lại chui vào buồng.

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 487, ngày 13-11-1943

ĐỜI THƯA

Từ ngẩng mặt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần, Từ muốn nói nhưng lại không dám nói. Hắn đang đọc chăm chú quá. Đôi lông mày rậm của hắn châu đầu lại với nhau và hơi xếch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn. Đôi lưỡng quyền đứng sừng sững trên bờ hai cái hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy. Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyển sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Từ thấy sợ...

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng, rất tận tâm. Vả lại Hộ, đối với Từ, còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đã đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến: Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần. Từ đã hiến mình một cách dè dặt tâm hồn và xác thịt. Và khi biết mình sắp có một đứa con, Từ không hề hối hận một mảy may: Từ rất bằng lòng. Ấy thế mà hắn đã phụ từ, phụ một cách hèn nhát và khốn nạn, ngay chính vào lúc Từ cần đến hắn để bảo tồn sự sống và danh dự, lúc đứa con ra đời. Từ sửng sốt vô cùng. Từ không tin ở sự thật rành rành. Rồi khi sự sửng sốt qua thì Từ khóc. Từ khóc như mưa, khóc tưởng chẳng bao giờ còn lặng được. Từ khóc, và ôm con ngồi nhịn đói, bởi vì Từ chẳng còn biết trông cậy vào ai, trừ bà mẹ già mù và quanh năm nay ốm, mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi. Bà mẹ già biết làm sao? Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con, và cả mẹ lẫn con chỉ có một cách là khóc cho đến khi nào bao nhiêu xương thịt đều chảy ra thành nước mắt hết, để rồi cùng chết cả. Giữa lúc ấy thì Hộ mở rộng đôi cánh tay, đón lấy Từ. Hộ nuôi Từ, nuôi mẹ già, con dại cho Từ. Hộ nhận làm bố cho đứa con thơ. Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ, Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ đứng ra làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa, thì cũng chưa đủ để mà đền ơn. Bởi thế, nên luôn mấy năm trời, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm.

Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bấy giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tủn mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày mỗi ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hắn để mặc vợ con khổ sở ư? Hắn bỏ liều, hắn ruồng rẫy chúng, hắn hy sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hắn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua

đầu. Và hắn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: "Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ". Nhưng hắn lại nghĩ thêm rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hắn có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỷ đi; nhưng hắn không thể bỏ lòng thương; có lẽ hắn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hắn vẫn còn được là người: hắn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa?... Hắn tự bảo: "Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ đã có một số vốn con để làm ăn! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu!". Từ khi đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác đã vội ra, mà đứa con nào cũng nhiều đẹn, nhiều sài, quấy rức, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ săn sóc chúng đã đủ ốm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Hộ điên người lên vì phải xoay tiền. Hắn còn điên lên vì con khóc, nhà không lúc nào được yên tĩnh để cho hắn viết hay đọc sách. Hắn thấy mình khổ quá, bực bội quá. Hắn trở nên cau có và gắt gỏng. Hắn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bực tức ở trong nhà, hắn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vùng vằng đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hắn đi lang thang, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng nguội bớt đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hắn tạt vào một tiệm giải khát nào mà uống một cốc bia hay cốc nước chanh. Hắn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngỏ ý kiến về một vài quyển sách mới ra, một vài tên ký mới trên các báo, phác họa một cái chương trình mà hắn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hắn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hắn thừ mặt ra như một kẻ phải đi đày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trong một làn khói nặng u buồn mà nhớ quê hương. Hắn cũng nhớ nhung một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng là mình nữa. Hắn lắc đầu tự bảo: "Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi". Và hắn nghĩ đến cái tên hắn đang mờ dần đằng sau những tên khác mới trồi ra, rực rỡ hơn... Rồi hắn ra về, thờ thẫn. Những sự bực tức đã chìm đi. Lòng hắn không còn sôi nổi nữa, nhưng rũ buồn...

Ít lâu nay, mỗi lần ra đi, Hộ không chỉ trở về buồn bã mà thôi. Hắn say mềm. Thường thường hắn đã ngủ một nửa ngay từ khi còn ở dọc đường; và vừa về đến nhà, chưa kịp thay quần áo, tháo giày, đã đổ như một khúc gỗ xuống bất cứ cái giường nào, ngủ say như chết. Từ phải chờ khi con ngủ mê, rón rén lừa con, dậy lại tháo giày, cởi quần tây cho hắn, luồn một cái gối xuống gáy hắn, và cố nhấc chân, nhấc tay hắn, đặt cho hắn nằm ngay ngắn lại... Nhưng cũng có đêm hắn chưa ngủ vội. Hắn lảo đảo bước vào nhà, mắt gườm gườm, đôi môi mím chặt. Hắn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hắn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trỏ vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:

- Ngày mai... mình có biết không?... Chỉ ngày mai thôi! Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi cái nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn với hét! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chỉ khổ thằng này thôi!

Hắn rít lên như vậy. Rồi hắn mím chặt môi, đôi mắt ngầu ngầu nhìn vào tận mắt Từ. Từ chẳng dám cãi nửa lời, chỉ lẳng lặng cúi mặt nhìn xuống, như một đứa trẻ con biết mình có lỗi khi nghe người ta quở phạt. Bởi vậy hắn trừng trộ một lúc rồi quay ra, loạng choạng cởi quần, cởi áo, hắn vất bừa bộn xuống giường. Rồi hắn tháo giày, quăng từng chiếc một vào một xó nhà. Có khi máy tay, hắn quăng cả những vật gì thấy trên bàn, rồi lải nhải mắng Từ về tội không biết thu dọn nhà cho gọn ghẽ. Hắn nói chán rồi đi ngủ. Bấy giờ Từ mới dám đứng lên, treo quần áo cho hắn lên mắc và thu dọn tất cả những thức hắn đã vứt lổng chổng ra đầy nhà.

Lần đầu, Từ sửng sốt. Từ chẳng hiểu ra sao. Từ đoán chồng nghe ai nói nên ghen bóng, ghen gió chi đây. Từ khóc suốt đêm và dự định sẵn những câu để sáng hôm sau nói. Nhưng sáng hôm sau, hắn không để cho Từ phải nói. Hắn bẽn lẽn kêu mình đã quá chén hôm qua, hỏi Từ về những thủ đoạn vũ phu của mình rất buồn cười, rồi xin lỗi Từ, hôn hít các con như một người cha tốt. Hắn tuyên bố từ giờ chừa rượu và giữ được khá lâu, nhưng rồi lại uống và say như lần trước để làm những trò vừa buồn cười, vừa

đáng sợ như lần trước. Cứ thế mãi, Từ quen đi, không giận nữa. Nhưng Từ lờ mờ hiểu nỗi đau khổ mà có lẽ chính Từ đã gây ra cho chồng. Từ hiểu và Từ buồn lắm, buồn lắm lắm. Còn gì buồn cho bằng mình biết mình làm khổ cho người mà mình yêu? Nhưng Từ biết làm sao được? Đã nhiều lần Từ muốn ẵm con đi. Đã nhiều lần, Từ muốn bỏ liều con để đi làm, Từ muốn hy sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao! Từ là vợ! Từ là mẹ. Từ sống với những tình cảm thông thường của đàn bà. Từ rất yêu chồng và thường nhận ra rằng chồng Từ cũng yêu Từ, cũng muốn có Từ. Những khi Từ ốm đau chẳng hạn. Hộ lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ. Đối với các con cũng vậy. Chỉ xa chúng mấy ngày, Hộ đã nhớ và lúc về thấy các con chạy ra reo mừng và nắm lấy áo mình, thường thường Hộ cảm động đến ứa nước mắt. Hắn hôn hít chúng vồ vập lắm... Biết đâu hắn sẽ sung sướng khi không con, không vợ? Từ nghĩ về hắn: nghĩ thế nhưng Từ cũng chẳng dám tìm cách mà xa hắn. Mới nghĩ đến sự xa hắn, Từ đã phải thổn thức đến bật tiếng khóc ra được rồi... Từ đành chỉ cố ngoan ngoãn hơn, đáng yêu hơn. Từ nhịn mặc, nhịn ăn để bớt những món tiêu. Từ thu xếp cửa nhà ngăn nắp, sạch sẽ, gọn gàng. Nhất là Từ hết sức ngăn những tiếng khóc, tiếng nô đùa của lũ con. Từ sợ cả nói với chồng. Bởi vậy ba lần nhìn chồng để toan nói, Từ thấy chồng đang đọc sách chăm chú quá, không dám nói lại cúi mặt xuống nhìn đứa con đang nằm trong lòng Từ.

Nhưng Hộ bỗng ngoảnh mặt lên. Hắn vừa gặp được một đoạn hay lắm nên ngừng đọc, ngẫm nghĩ và để cho cái khoái cảm ngân ra trong lòng. Đôi mắt hắn, tuy mới rời trang sách đã nhìn ngay lại phía Từ. Hắn mỉm cười, Từ cũng mỉm cười. Hắn bảo:

- Này, Từ ạ... Nghĩ cho kỹ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ, chính tôi làm cái thân tôi khổ, tôi mê văn quá nên mới khổ. Ấy thế, mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đổi lấy cái địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cho rằng: những khi được đọc một đoạn văn như đoạn này, mà lại hiểu được tất cả cái hay, thì dẫu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng. Sướng lắm! Sao thiên hạ lại có người tài đến thế? Mình tính: người ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất có ba câu, đúng ba câu!... Mình có hiểu không? Ba câu giản dị một cách không ngờ mà hay được đến như thế này...

Hắn đọc lại đoạn văn. Hắn dịnh nghĩa để Từ nghe. Hắn giảng giải cho Từ. Tuy Từ chẳng hiểu được bao nhiêu, nhưng cũng tin lời hắn lắm. Từ giữ mãi nụ cười hiền dịu trong khi nghe hắn nói. Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ ra:

- Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ?

- À phải! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên... Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo:

- Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến... Hộ sầm mặt lại:

- Tiền nhà... tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắm... Còn chịu tất! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

Hắn nghĩ đến món tiền hắn đã tiêu phí mấy hôm đầu tháng. Mỗi lần hắn bực tức hay chán nản, hắn lại đi uống rượu, thành thử hết tiền sớm. Từ không hé môi phàn nàn nửa tiếng, nhưng cả tháng Từ ăn và bắt các con ăn kham khổ, thường thường đói nữa! Quà sáng thì bỏ hẳn, có khi bữa tối cũng chịu nhịn cơm, ăn cháo. Hộ trông thấy thế, thương vợ, thương con quá, và ân hận vì mình đã tiêu quá trớn. Bởi vậy suốt từ mồng mười đến hết tháng, hắn không ra khỏi nhà để chẳng phải tiêu thêm tí gì...

Hắn vừa mặc quần áo, vừa nhắc thầm trong trí:

- Nhất định hôm nay không đi đâu cả... Lấy tiền xong là vềngay...

Nhưng Từ bảo:

- Mình đi phố thì đi ăn nhé. Còn có ít gạo chỉ đủ cho lũ trẻ. Em chả đong thêm nữa, để mai trả tiền rồi lấy thêm luôn một thể... Em không để cơm mình đâu đấy... Nhà chẳng còn gì ăn...

Hộ hơi cau mày. Bởi vì hắn sợ bước vào tiệm ăn lắm. Hắn có thể gặp ở đấy một vài người bạn... và khi ấy thì... ôi thôi! Mặc kệ gia đình và những cái gì còn lại!... Hắn sẽ uống rất khỏe, nói toàn những chuyện vá trời lấp biển, rồi đi la cà đến hết đêm mới về. Hắn nghĩ ngợi một chút rồi hắn bảo:

- Được! Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn.

- Đừng phiền nữa! Em cứ cho chúng nó ăn cơm trước rồi đi ngủ.

- Đừng ăn trước... Đợi tôi đem thức ăn về, ăn một thể. Tôi về sớm. Cả tháng chúng nó đói khát, khổ sở, hôm nay có tiền cũng nên cho chúng nó một bữa ăn ra hồn.

- Vẽ chuyện!

Hắn mỉm cười, đáp lại. Hắn lại gần Từ, cúi xuống nắm lấy tay đứa bé và gọi nó. Mặt hắn và mặt Từ ghé sát. Hắn cố ý khẽ chạm môi mình vào má Từ một cái. Từ vờ giũ mấy cái bụi ở tay áo hắn. Vợ chồng nhìn nhau âu yếm. Hắn vuốt má Từ một cái rồi ra đi.

Ở tòa báo ra, Hộ đi thẳng tới một hiệu thịt quay. Hắn định mua mấy hào thịt, vài cái bánh tây, gói đem về. Lòng hắn sáng bừng. Hắn tưởng tượng ra cái cảnh lũ con háu ăn và đói khát, rón thịt bằng tay và ăn những miếng bánh thật to, miệng phụng phịu và môi bóng nhờn những mỡ. Cái cảnh thô tục và cảm động! Hắn sẽ cười thỏa thích. Còn Từ sẽ ngồi bên hắn mà nhìn chúng, đôi mắt sung sướng và thương hại loang loáng ướt... Đến trước cửa hiệu thịt quay, Hộ dừng lại. Hắn cẩn thận nhìn trước, nhìn sau, trước khi vào. Một người quen có thể đi qua, và nếu họ bắt gặp hắn đang cố nhét một gói thịt vào túi áo!... Không! Không có gì đáng ngại, ngoài đường phố... Nhưng trong hiệu, một thiếu nữ đẹp đang mặc cả... Hắn đành đợi vậy. Trong khi đợi, hai tay chắp sau lưng, hắn làm ra vẻ đợi một người bạn vừa vào một nhà nào gần đấy. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình quay lại. Trung nhếch cười lặng lẽ và Mão cười ầm ĩ, cùng đưa tay cho hắn bắt:

- Mải ngắm nàng thơ nào mà ngây người ra thế?

Hộ ấp úng:

- À! Các anh!...

- Không theo gót sen nào đấy chứ?

- Cái ấy không quan hệ! Thi sĩ là người giữ được mình trẻ mãi và đến muôn năm cũng vẫn còn trinh bạch.

- Cũng may tôi lại cũng không là thi sĩ nốt.

- Nghĩa là chẳng theo nàng nào cả?

- Chẳng theo nàng nào cả!

- Thế thì đi theo hai thằng này!

Hộ nhìn Trung và Mão một thoáng rồi mới hỏi:

- Làm chi?

- Chẳng làm chi cả!

- Thế thì đệ kiếu. Đệ phải về kẻo hết tàu điện.

Trung cau mày nhìn Hộ một cách kinh ngạc và khinh bỉ:

- Sao lại có người điên đến thế? Về giữa lúc chiều thì đẹp mà phố thì vui thế này!

Hộ trở nên đứng đắn:

- Không đùa nữa... Thật ra thì tôi có việc phải về, thế thôi.

- Ờ! Nói vậy còn dễ nghe... Thôi thế anh về nhé!... Nhưng mà... này! Anh đã biết gì chưa?

Hộ đã toan đi, quay đầu lại nhìn Trung...

- "Đường về" sắp được dịch ra tiếng Anh đấy nhé! Bản quyền tác giả ba nghìn đồng. Hộ trợn mắt lên. Người hắn bỗi hổi. Một lúc lâu hắn mới hỏi được Trung:

- Có đích không?

- Đích xác rồi. Chính Quyền đưa cái thư điều đình cho chúng tôi xem.

Hộ có vẻ hoài nghi:

- Không mà lại!... Tôi biết lắm... Nhưng lại đằng này đã, về làm gì vội? Chúng mình làm cốc bia...

Hộ đã quên hẳn vợ con. Hắn chỉ còn háo hức muốn biết thêm về việc quyển "Đường về" của Quyền được dịch ra tiếng Anh. Hắn bám lấy Mão và Trung. Ba người vào một tiệm giải khát ở Bờ Hồ. Và chỉ độ nửa giờ sau, Mão và Trung đã thấy Hộ đỏ tai, giộng một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn:

- Cuốn "Đường về" chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu! Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu!

Trung gật gù cười, vẫn cái cười lặng lẽ của y. Mão thì cười hô hố. Hộ không cười, mặt căng lên vì hứng khởi. Hắn nói say sưa lắm. Và đến lúc đèn phố bật, Trung và Mão muốn về, Hộ bảo luôn:

- Thong thả đã! Đi đâu mà vội? Chúng mình đi uống rượu... Tôi có tiền...

Sáng hôm sau. Hắn thức dậy trên cái giường nhà hắn. Hắn thấy mình mẩy đau như dần, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và rát cháy. Hắn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hãy còn ấm. Đó là sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng bun non nao. Bởi hắn lờ mờ nhớ ra rằng: hình như đêm qua hắn say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; hình như hắn lại đánh cả Từ, đuổi Từ đi, rồi mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hắn đột nhiên hoảng sợ, nhổm dậy, mắt nhớn nhác tìm Từ. Nhưng không! Từ vẫn còn nhà... Chắc hẳn trong lúc quá say, hắn gài cửa nhưng chưa gài được, thành thử khi thấy hắn ngủ mệt rồi, Từ lại bế con vào. Bây giờ Từ đang thiếp đi trên võng, đứa con nhỏ nằm bên. Từ vốn dậy sớm quen. Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xòe ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hắn bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vất vả lộ ra cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng: một đôi lúc, nếu nhìn kỹ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần Từ, nhìn kỹ xem mặt Từ lúc bây giờ ra sao? Hắn rón rén, đi chân không lại. Hắn ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh võng và cố thở cho thật khẽ. Hắn ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt; môi nhợt nhạt; mi mắt hơi tim tím và chung quanh mắt có quầng, đôi má đã hơi hóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ khẽ thở dài và lắc đầu ái ngại. Hắn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lủng củng rặt những xương! Trên mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra, làn da mỏng và xanh trong, xanh lọc. Cái cổ tay mỏng manh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hắn che chở và bênh vực... một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hắn vỗ về an ủi... Thế mà hắn đã làm gì để cho đời Từ đỡ khổ hơn? Hắn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ?

Nước mắt hắn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hắn khóc... Ôi chao! Hắn khóc! Hắn khóc nức nở, khóc như thể không ra tiếng khóc. Hắn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và Từ cảm động. Mắt Từ giàn giụa nước. Từ khẽ rút tay ra, vòng lên cổ chồng, nhẹ nhàng níu hắn vào, để hắn gục đầu lên cạnh ngực Từ. Hắn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

- Anh... anh... chỉ là... một thằng... khốn nạn!...

- Không!... Anh chỉ là một người khổ sở!... Chính vì em mà anh khổ...

Từ bảo thế. Tay Từ níu mạnh hơn một chút. Ngực Từ thổn thức. Từ chực ngả đầu sát vào vai Hộ. Nhưng đứa con, bị giằng, khóc thét lên. Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướt lệ, Từ dỗ nó:

- A! Mợ đây! Mợ đây mà! Ôi chao! Con tôi nó giật mình... Mợ thương...

Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa võng... Từ vừa đưa vừa hát.

"Ai làm cho gió lên giời.

Cho mưa xuống đất, cho người biệt ly

Ai làm cho Nam, Bắc phân kỳ.

Cho hai hàng lệ đầm đìa tấm thân... "

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 490, ngày 4-12-1943

LANG RẬN

Ông cựu Đậu chả lẩn thẩn mà lại thế! Tự nhiên đi rước cái anh cu lang Rận ấy về!

Rận không phải là tên thật của lang ta. Đó là tên của bà cựu đặt cho anh. Nhưng tại sao bà lại đặt cho anh cái tên khổ sở ấy? Rồi chúng ta sẽ biết.

Ngay hôm mới đầu ông cựu cho lang Rận quẩy hai cái bồ đến trọ, bà cựu đã cằn nhằn. Bà không muốn chứa cái của khỉ ấy ở nhà bà. Nhưng ông cựu bảo:

- Dở lắm! Nhà mình rộng, không ở hết, cho nó ở nhờ một tí, mất gì? Cơm của nó, nó ăn. Củi của nó, nó đun. Nó thổi nấu lấy, nó ăn, bận gì đến mình mà sợ?

- Không bận gì đến mình, nhưng mình cũng chẳng được cái gì. Nó ở đâu, kệ thây nó! Chứa nó làm gì cho rếch cả nhà.

- Chuyện! Mình có định uống thuốc của nó thì mới cho nó ở nhờ nhà mình chứ?

Bà cựu lắc đầu quày quạy và nói như sợ mình không nói kịp:

- Thôi! Thôi! Thôi! Ông uống thuốc của nó thì ông uống, tôi thì tôi không uống; thuê tiền tôi tôi cũng không uống!

Ông cựu đã hơi bực mình, sừng sộ:

- Tại sao không uống? Người ta uống thuốc nó đầy ra đấy.

- Người ta uống mặc người ta!

Rồi thấy chồng chưa kịp nói gì, bà chíp chíp môi:

- Ối chao! Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh bỏ ngoài bờ tre.

Ông chồng cau mặt:

- Dở lắm! Biết thế nào là chuông khánh? Biết thế nào là mảnh chĩnh? Mình đã uống thuốc của nó đâu mà đã biết?

Bà gân cổ lên, cãi lại:

- Sao không biết! Hay thì nó hiện ngay ra mặt ấy. Trông mà không biết. Thế nào gọi là thầy già, con hát trẻ? Thầy với bà gì mà cái mặt trông non choèn choẹt, cậy dỉ mũi chưa sạch! Quần áo thì thòi thà thòi thụt, trông như quân ăn mày. Thế mà cũng đòi vác mặt làm lang thuốc. Lang gì? Lang thang.

Ông bật cười:

- Không trách được! Cái trò đàn bà có khác! Chỉ trông mặt mà bắt hình dong. Ngộ trông người như thế, nhưng thuốc nó hay thì biết đâu? Tôi thấy nó chữa mấy đám đầu khỏi cả. Vợ lý Tính trên Đoàn-Hộ đấy: mãi mãi có đẻ đâu? Thế mà uống của nó một tễ thuốc bây giờ bụng đã chửa bằng cái thúng. Thế rồi lại con mẹ Vị ở làng ta đấy: lấy chồng mười mấy năm không thấy chửa, uống thuốc của nó, hồi đầu giêng đẻ được đứa con trai rồi. Thế thì bảo sao, nào?

Bà cựu thấy mình đuối lý, toét môi cười:

- Nhưng biết rằng có phải tại uống thuốc của nó không?

- Sao không phải? Thì chính những người ấy bảo!

Bà cựu ngần ngừ. Ông thấy mình đã có phần thắng thế, bảo thêm:

- Về cái việc thuốc men, không cứ gì thầy hay, thầy dở đâu. Phải mặt thì nó khỏi. Có khi uống thuốc những tay đại danh sư năm mươi đồng một thang không khỏi bệnh, mà chỉ một hào thuốc lá của một con mẹ ngồi ngoài chợ mà khỏi bệnh. Có bệnh thì vái tứ phương…Thấy ai bảo thuốc ai hay mà chả lấy?

- Thì hắn là thế rồi. Nhưng khốn nỗi tôi trông lão lang này chẳng có mẽ gì. Người dở người, con giun chết dở con giun chết! In như cái đồ chết đói, chết khát ở đâu lần đến.

Ông cựu trợn mắt lên:

- Ái chà! Đừng khinh nó nhá! Con ông ấm, cháu ông cử đấy. Ông nội nó ngày xưa chân cử nhân, mới đầu đi tri huyện, về sau lên án sát, lúc về hưu thăng làm tổng đốc. Con nhà ra phết đấy, chứ có phải tầm thường đâu? Có điều bây giờ nó thất thế nên mới phải đâm đầu đi làm lang thang như vậy, chứ chữ xem ra khá lắm. Tôi rước nó về đây, là có ý để dần dà tôi gạ nó dạy tôi học thuốc.

Ôi chao ôi! Học với hành gì ông ấy? Ông ấy thì chỉ có tài bàn tổ tôm là ông ấy học. Mà tài bàn, tổ tôm thì ông chẳng cần ai dạy nữa. Có mấy ngày, mấy đêm là ông không đi tìm đám họp? Có điều ông đã muốn thì bà cũng đành cắn răng lại mà chịu. Thật tình thì bà chả ưa cái anh lang cu con này một tí nào. Người mới ngợm gì mà đến hay!...

Anh chàng có cái mặt trông dơ dáng thật. Mặt gì mà nặng chình chĩnh như mặt người phù, da như da con tằm bủng, lại lấm tấm đầy những tàn nhang. Cái trán ngắn ngủn, ngắn ngùn, lại gồ lên. Đôi mắt thì híp lại như mắt lợn sề. Môi rất nở cong lên, bịt gần hai cái lỗ mũi con con, khiến anh ta thở khò khè. Nhưng cũng chưa tệ bằng cái lúc anh cười. Bởi vì lúc anh cười thì cái chán chau chau, đôi mắt đã híp lại híp thêm, hai mí gần như dính tịt lại với nhau, môi càng lớn thêm lên, mà tiếng cười, toàn bằng hơi thở, thoát ra khìn khịt. Trời đất ơi! Cái mặt ấy, dẫu cho mỗi ngày rửa ba lượt xà phòng, mà cựu trông thấy vẫn còn buồn mửa. Huống chi anh chàng lại bẩn gớm, bẩn ghê. Có lẽ mỗi buổi sáng ra cầu ao, anh ta chỉ nhúng mấy ngón tay, rửa độc một tí đầu mũi mà thôi. Mặt anh mốc meo lên. Còn quần áo thì gớm ghỉnh, thì đầy dỉ, đứng cách ba thước còn ngửi thấy mùi chua, mà rách rưới, mà mất cúc, mà sứt chỉ, mà lôi thôi lếch thếch. Không hiểu anh ta chỉ có một bộ quần áo hay sao mà từ ngày đến nhà bà đến giờ vẫn chưa thay. Hèn chi mà rận lắm hơn giòi. Chúng bò lổm ngổm ở trên cổ, ở hai vai, ở dưới lưng. Chúng bò lổm ngổm xuống cả cái giường mà anh nằm. Anh ngồi chỗ nào, lúc đứng lên, thế nào cũng có vài chú rận kềnh nằm ngửa,

múa máy những cái chân nhỏ li ti, như một người bụng to ngã chổng kềnh, không biết làm thế nào để đứng lên. Thỉnh thoảng, gặp những lúc không có việc gì làm, anh ta ra ngồi ở đầu hè, cởi áo ra, nhặt rận đưa lên miệng nhấm kêu lép tép. Còn cái gì tởm cho bằng cái cảnh một ông lang trần trùng trục, ngồi bắt rận trong một ngôi nhà sạch sẽ như nhà bà cựu, có một người đàn bà trẻ, đầu lúc nào cũng mượt trơn, yếm lúc nào cũng trắng bong, quần lụa cạp điền lúc nào cũng buông chùng đến gót chân, và một cô con gái chưa chồng có tiếng là đỏm dáng, gọn gàng như cô Đính, em ông cựu? Bởi vậy, mỗi lần bà cựu và cô Đính trông thấy thế, cả hai cùng sầm mặt, nguýt lang. Rồi họ lắc đầu, bĩu môi, đưa mắt nhìn nhau, như để chia sẻ với nhau nỗi bực mình. Nhưng bực mình thì bực mình, họ cũng phải bật cười. Và họ đặt tên cho lang là lang Rận.

Người ta thường bảo: khi hai người con gái lớn ở với nhau cùng một nhà, thì họ thành tinh. Bà cựu tuy đã có chồng rồi, nhưng lại chưa có con – có thể nói không con: ai ai cũng bảo rằng bệnh của ông cựu thế, thì có uống thuốc tiên cũng chẳng lành. Mà nếu bệnh của ông đã chẳng lành, thì bà ấy, trừ phi có thế nào, còn cứ lẽ thường ra, thì dẫu đúc người vàng bỏ vào bụng, cũng không đẻ được. Một người đàn bà, lấy chồng mười lăm năm không chửa đẻ, nếu không âu sầu đến héo quắt người đi, tất phải là người vui vẻ, trẻ trung. Ông cựu thì nay tổ tôm, mai tài bàn vắng nhà luôn. Thế nghĩa là bà cựu, tuy đã ngoài ba mươi, vẫn còn gái như ai, như ai vậy. Còn cô Đính thì còn con gái đích thị rồi. Con gái đến thì những năm ngoái, năm kia, nhưng lại chưa chồng. Hai người ấy ở với nhau, thật là phải lắm. Họ cùng trẻ cả, trẻ người, trẻ nết, trẻ đến cả câu nói, tiếng cười. Họ lại không phải làm gì. Ông cựu là một tay giàu ở làng này. Là một người kỳ cựu đanh thép, ông nắm được nhiều mối lợi của làng. Chỉ trông vào những mối lợi ấy, cả nhà ông cũng đã thừa ăn. Thế rồi còn tiền dư thì cho vay nợ lãi, lấy cầm, lấy cố, đặt thóc non. Ở nhà quê, có dăm bảy nghìn đồng bạc trong tay, mà lại là tay cứng chỉ có hòng bắt nạt người ta chứ chẳng ai dám bắt nạt mình, thì có cần gì phải làm đâu? Chỉ khéo cất đặt đồng tiền một chút, cũng đã thừa sung sướng. Huống hồ ông cựu lại không con, tiền chẳng để làm gì. Như vậy thì tội gì mà bắt vợ ông, em ông phải dầu gió, mặt muội? Bà cựu và cô Đính cứ việc ăn, mặc cho đến thỏa.

No lắm, dửng nhiều? Ấy là một câu cửa miệng của người ta. No lắm, mà lại chỉ nằng nặng chơi không thì lại càng dửng nhiều lắm lắm. Bà cựu và cô Đính chỉ tơ tuốt suốt ngày, nói đùa nói bỡn suốt ngày, cười hì hì và phát lưng nhau đồm độp. Chỉ khổ ông lang Rận! Ông bị họ khinh bỉ, lườm nguýt, phỉ nhổ, nhạo cười, chế giễu, đủ trăm hình, trăm cấp. Ông hơi mở miệng nói là họ chặn họng ngay. Ông hơi nhếch môi cười là họ khoặm ngay mặt lại, nhỏ bọt đến phì một cái. Mà cơ khổ chứ! Lang Rận lại là một anh chàng bẻo lẻo. Thấy họ cười họ nói, anh chàng cứ như thấy cao hứng thế nào. Anh không tài nào nhịn được. Anh cười, anh gật gù, rồi anh lân la chõ mồm vào. Tội nghiệp! Mẹ anh chết từ ngày anh mới biết lẫm dẫm chạy đi. Anh lấy liên tiếp ba đời vợ, nhưng vợ nào cũng chê anh. Cuối cùng thì anh bực chí, quẩy đôi bồ thuốc ra đi. Anh đi khắp đó đây, tìm một nỗi an ủi, nhưng chưa bao giờ gặp. Bởi thế mà anh chàng thấy đàn bà là cứ y như mèo thấy mỡ. Họ hút anh như đá nam châm. Anh rất thích được ngồi với họ, nghe họ nói họ cười, được góp với họ một vài câu nói của anh. Chỉ thế thôi, chứ anh cũng chẳng dám ao ước gì hơn. Nhưng chỉ có thế thôi thì người ta để mặc anh ư? Đừng nghĩ thế mà lầm? Nói leo cũng tùy từng chỗ nói leo. Ở chỗ nào, chứ ở nhà bà cựu thì được bẽ. Hãy hỏi thăm mụ Lợi nhà bà xem.

Mụ Lợi là người ở nhà bà. Không một người đàn bà nào có thể xấu hơn. Mụ béo trục, béo tròn, mặt mũi như tổ ong bầu, mắt trắng, môi thâm mà đen như thằng quỷ. Ở quanh đấy, người ta vẫn lấy tên mụ ra mà dọa trẻ. Hơi trẻ nhà nào khóc, người ta lại bảo: "Nín đi! Nín đi! Mụ Lợi kia kìa!... ". Thế mà mụ Lợi hiền lành lắm. Phải, hiền lành mà tốt nhịn, bảo sao nghe vậy, thì thế mới ở nhà bà cựu được. Nhưng hồi mới đến, mụ cũng phải cái tật nói leo. Bà cựu mắng như băm, như bổ vào mặt cho, không còn biết mấy mươi lần. Bây giờ thì mụ chừa rồi. Ai cười, ai nói, mặc! Suốt ngày, mụ chỉ im như thóc.

Nhưng nói, trao đổi những ý nghĩ, những nỗi lòng, có lẽ là cái tật chung của loài người. Không được nói thì khổ lắm. Từ ngày có ông lang Rận, những lúc không có ai, mụ Lợi thường lân la nói chuyện với ông. Mà ông lang, chẳng biết nói chuyện với ai, cũng nói chuyện với mụ để có người nói với. Mới đầu, chỉ là những chuyện quanh quẩn trong xó bếp. Đại khái, họ hỏi nhau:

- Bếp có rỗi không?

- Rỗi. Ý dáng ông lang định thổi cơm ăn? Đã đói bụng rồi đấy à?

- Đói hay không thì cũng phải ăn cho xong bữa chứ!

- Đã gần hết gạo chưa? Có lẽ mai tôi lại phải đi chợ Huyện. Còn muốn đong mấy đồng thì gửi tiền tôi đong giùm…

Dần dà, thỉnh thoảng mụ hỏi ông lang về những bệnh của bà.

- Này, ông lang này! Tôi chỉ có cái chứng thế này thì ông bảo ra sao? Tôi ăn được, ngủ được, trong người không thấy bệnh hoạn gì, nhưng thỉnh thoảng vùng mặt nóng bừng, y như cầm bó đuốc mà hơ. Thế thì nó là cái bệnh gì?

- Chân hỏa vượng. Cái hỏa nó bốc lên đầu.

- Có sao không?

- Kể mà có tiền uống thuốc cho nó hạ bớt cái chân hỏa thì cũng tốt. Để vậy, nó hay sinh váng vất nhức đầu…

- Đúng thế rồi! Tôi nhức đầu luôn..

- Nguyên do là tại chị không sinh đẻ. Chứng bệnh của chị, những đàn bà góa, những đàn bà không có chồng, không mấy người không có. Nhiều người lấy chồng, tự nhiên khỏi bệnh, chả cần uống thuốc.

Mụ Lợi tưởng thầy lang bỡn mụ, nhìn trộm thầy một cái rồi ngoảnh mặt đi. Mụ thẹn. Nhưng đến lúc thầy lang thổi cơm xong, đứng lên, ra, thế nào mụ cũng nhìn theo sau lưng, tủm tỉm cười. Thầy lang vẫn không hay biết một tí gì. Người ta không thể ngờ một người đàn bà xấu thế, mà cũng có tình, như những người đàn bà khác.

Nhưng một hôm, thầy lang đang bắt rận, mụ Lợi đi qua, hỏi:

- Sao ông lang vừa bắt rận hôm qua, hôm nay lại bắt? Rận đâu mà nhiều thế?

- Vô thiên! Không biết sao nhiều người suốt đời không có lấy một con, mà mình thì nhiều thế.

- Thịt người ta đắng. Những người thịt ngọt thì mới lắm rận.

- Thật à?

Thầy lang ngước đôi mắt ngạc nhiên nhìn mụ Lợi, mụ Lợi tủm tỉm cười:

- Thật đấy.

- Sao chị biết?

- Sao chả biết? Người ta bảo thế, với lại thịt có ngọt thì mới nhiều rận chứ!

Lý sự của mụ nghe lẩn thẩn. Nhưng thầy lang cũng tít đôi mắt lại, cười khìn khịt. Thầy khoái lắm. Khoái, không phải vì mới học mót được một điều chưa sách thuốc nào nói đến. Khoái vì ít ra thầy cũng được một cái thịt ngon lành hơn kẻ khác. Cũng là hơn đời vậy. Và trước đôi mắt ti hí của thầy, mụ Lợi đổi khác hẳn đi. Mụ không còn là mụ Lợi đần độn và cục mịch. Mụ đã là tri kỷ.

Từ đấy, đôi tri kỷ thường tâm sự với nhau. Mụ Lợi đã biết rõ ràng về gia cảnh thầy lang. Thầy lang cũng tỉ tê hỏi dò mụ mà thông tỏ được cái ngọn nguồn lạch sông của mụ. Thì ra mụ cũng long đong, lận đận vì tình duyên lắm. Ba mươi tuổi, mụ chưa có người nào hỏi. Mụ cho là vì mụ nghèo quá, lại không còn mẹ, còn cha. Mụ đi ở quanh năm. Người ta nuôi mụ thì chỉ biết nuôi, nuôi mụ để hầu hạ người ta, còn cái sự mụ có chồng hay không chồng thì mặc mụ. À, cái nghề con gái mà đã không có chài, có chủ, có người đứng ra để gả bán cho, thì còn ai biết đường nào mà hỏi? Mụ ế chồng là vì thế, hay là theo ý mụ thì vì thế. Mãi đến năm ba ba, mụ mới gặp một người hỏi làm hai. Thấy là người cũng hiền lành, vả lại nhà khá giàu, mụ bằng lòng. Thì cũng tưởng: nửa quả hồng con hơn cả một chùm sung chát! Ai ngờ mụ phải lừa. Con vợ cả, thấy mụ đi ở mãi, tưởng mụ dành dụm được nhiều vốn liếng, lại hay làm, nên bàn với chồng, lấy mụ về để bòn tiền và để mụ làm cho. Cũng là một cách dùng đứa ở đấy thôi, nhưng lại đỡ tốn tiền công, mà lại còn được tiền thêm nữa. Mới đầu cả hai

đứa còn chiều mụ. Nhưng khi chúng đã nặn hết tiền của mụ rồi, chúng trở mặt ngay. Mụ thấy mình chẳng được tí nhân nhị gì, mà lại xót đến thân, tức mình không ở nữa. Mụ lại đi ở thuê như trước. (Cứ như vậy cho đến năm nay, mụ đã băm sáu rồi!). Kể thì cũng đáng buồn! Lắm lúc, nghĩ mánh chả còn mấy chốc mà già. Mụ cũng muốn xem có ai yêu thương cũng lấy người ta. Xấu tốt cũng được, miễn là khỏi mang tiếng không chồng. Nhưng cũng lắm lúc mụ lại cứ muốn mãi mãi thế này, một mình làm, một mình ăn, chẳng chồng con gì nữa: đời bạc lắm…

Nhưng có người không bạc, thầy lang ta nghĩ thế. Và thầy nghĩ đến những người vợ thầy: rất bạc. Tại sao những người đàn ông tốt lại cứ hay gặp phải những người đàn bà bạc, còn những người đàn bà không bạc thì lại gặp phải những người đàn ông bạc? Thầy lang Rận bùi ngùi thương thân mình và thương cho người đàn bà phận hẩm. Họ than thở với nhau và phàn nàn cho nhau…

Được ít lâu, bà cựu và cô Đính biết. Họ bảo nhau:

- Buồn cười quá, chị ơi! Con mụ Lợi vá áo cho thằng lang Rận.

- Thật ư? Cô trông thấy bao giờ?

- Vừa lúc nãy. Nó đang vá, thấy em, vội giấu vào trong cái cối xay. Em vờ như không biết, sai nó đi lấy cái chậu thau. Nó đi rồi, em lại cái cối xem, mới biết là cái tổ rận của thầy lang.

- Thế thì dễ thường anh chị phải lòng nhau. Tôi cũng thấy chúng nó ít lâu nay hay cười cợt với nhau lắm. Mà con kia thì mua quà bánh cho thằng ấy luôn đấy. Sao cũng được chết với nó thôi? Dễ thường chúng nó vẫn ngủ với nhau ở trong buồng bếp nhà mình.

- Thật đấy, ta phải rình bắt quả tang một mẻ, rồi liệu cho chúng nó. Những đồ vô phúc! Nhà mình là nhà làm ăn…

Tuy nói vậy, nhưng thực ra thì bà cựu tò mò hơn tức giận. Cả cô Đính cũng thế. Cuộc dò la, rình trực đem một chút thú vị đến cuộc đời của họ, nhạt

phèo và bu`ôn tẻ, bởi vì nhàn quá họ đùa bỡn, cười hi hí suốt cả ngày thật đấy, nhưng vẫn bu`ôn…

Một đêm, cô Đính rón rén vào bu`ồng bà cựu, bấm bà một cái. Bà cựu biết ngay là có sự lạ r`ồi. Bà thì th`âm hỏi em ch`ồng:

- Gì thế?

- Lang Rận vào bu`ồng mụ Lợi!

- Mới vào à?

- Mới vào, mà vào xong chúng đóng cửa ngay.

- Được r`ồi! Khe khẽ chứ, kẻo chúng nó nghe thấy. Cái khóa đâu r`ồi? Đưa tôi.

Lặng lẽ như hai cái bóng, họ rón rén ra khỏi bu`ồng, đi xuống bếp. Cửa bu`ồng bếp quả nhiên đóng thật. Mụ Lợi xưa nay không có thói cài cửa trong khi ngủ. Nếu không rước ông lang Rận vào trong ấy, sao mụ phải cài kỹ thế. Bà cựu thấy một cảm giác giống như là hai cái đanh khuy. Tay kia đưa cái khóa lên. Cái khóa đ`ồng kêu một tiếng nho nhỏ. Đ`ồng thời, tim bà cựu nhảy thót lên vì sung sướng. Bà không giữ nổi một tiếng cười đắc chí. Cô Đính, đứng đằng sau chị, véo mạnh chị một cái, r`ồi cũng cười nho nhỏ.

Chắc là anh chị ở trong bu`ồng nghe thấy. Họ thì thào như để hỏi nhau. R`ồi áng chừng một người đi thật khẽ, ra chỗ cửa. Y rút cái then cửa thật gượng nhẹ; từng tí một, từng tí một…R`ồi cánh cửa hé ra một chút, nhưng vướng cái khóa không mở thêm được nữa. Im lặng trong vài phút, r`ồi lại có tiếng thì thào. Ý chừng họ bảo cho nhau biết rằng họ bị người ta nhốt, và bàn bạc. Những tiếng bàn bạc trước còn rụt rè, lẻ tẻ, d`ần d`ần trở nên náo nhiệt. Có lúc, tiếng nói th`âm gay gắt quá, bật lên thành những tiếng ở ngoài nghe rõ. Sau cùng thị họ làm như là cấn rứt lẫn nhau. Ờ, mà thật ra thì chính là họ đang vặc lẫn nhau. Chị mắng anh:

- Im đi! Lại còn nói người ta!... Người ta đang ngủ mặc người ta, ai bảo mò đến bu`ồng người ta?

Anh cãi lại:

- Ai bảo mày gạ gẫm tao?

- Ai gạ gẫm nhà anh? Có anh quyến rũ tôi thì có.

- Cái mặt mày đã đẹp lắm đấy, mà tao phải quyến rũ mày!

- Còn cái mặt ấy thì đẹp hẳn? Đồ bạc miệng!

Bà cựu với cô Đính đứng ngoài nghe thấy, cười đau bụng. Họ cười và họ chửi:

- Bố khỉ! Thế mà chả xưng là con ông nọ, cháu bà kia! Úi chào…

- Ấy con ông ấm đây!

- Ấm đồng hay ấm đất đấy? Ấm thổ tả! Ấm đi chui vào buồng con ở nhà người ta!

- Để sáng mai, ban ngày ban mặt, nhìn rõ cái mặt ấy xem thế nào!

- Thật đấy! Cứ để sáng mai, ông cựu về rồi sẽ liệu! Sao cũng được đem ra điếm cùm, cho cả làng trông thấy.

Trong buồng im lặng. Chúng thấy có người ngoài nghe, thẹn quá, không cãi nhau nữa? Hay là chúng lo?

Sáng hôm sau….

Ông cựu vừa về đến ngõ, bà cựu đã chạy ra, nhăn nhở:

- Ông chỉ đi suốt đêm, chả ở nhà mà xem…Đêm qua, chúng tôi bắt được thằng kẻ trộm.

- Chỉ bậy thôi!

- Thật đấy! Thằng kẻ trộm lẻn vào buồng mụ Lợi. Tôi lừa khóa được cửa, nhốt cu cậu trong ấy. Ông về xem mặt nào.

Cô Đính đưa mắt nhìn anh, cười ranh mãnh. Bà cựu nháy em chồng, cười. Ông cựu biết ngay là có chuyện gì rắc rối. Ông lật đật đi thẳng vào buồng bếp. Vợ và em vừa theo, vừa khúc khích:

- Cô đưa chìa khóa cho anh mở…

Cô Đính đưa chìa khóa cho ông cựu. Ông mở khóa. Ông đẩy tung hai cánh cửa ra. Và ông giật nẩy mình. Mặt ông quay lại, tái mắt đi. Mắt ông là đôi mắt của một người hoảng hốt. Bà cựu và cô Đính ngạc nhiên:

- Gì thế?

Họ nhìn vào căn buồng vừa mở cửa. Một đôi chân tím bầm lủng lẳng trên không khí. Đó là ông lang Rận. Ông thắt cổ! Ông thắt cổ bằng cái ruột tượng gốc của mụ Lợi. Cái mặt ông, đọng máu sưng lên bằng cái thớt. Cái đầu ông ngoẹo xuống, như một thằng bé khi nó dỗi. Trông thật là thiểu não. Nhưng không ai kịp ái ngại cho ông cả. Đây là án mạng! Lôi thôi lắm! Lôi thôi lắm! Cả nhà ông cựu cuống quýt, lo xanh mắt. Riêng mụ Lợi vẫn nằm ngủ, miệng há hốc và ngáy to như xẻ gỗ. Bà cựu phát mụ đôm đốp năm, sáu cái mụ mới giật mình, choàng dậy. Mụ ngơ ngác nhìn quanh. Và khi trông thấy tình nhân, mụ rú lên. Mụ vật vã người, khóc rống như một con chó chưa quen xích. Tội nghiệp cho con người quá ù nì! Sau khi cãi nhau rồi, mụ lăn ra ngủ thật say. Mụ có ngờ đâu trong lúc ấy thì tình nhân ngồi nghĩ ngợi xa gần. Y thẹn. Y buồn. Y giận đời. Y giận trời. Y giận thân. Y tím ruột, tím gan. Y nghĩ đến cái nhục sáng hôm sau…

Ấy thế rồi y đã bật diêm lên, tìm một cái gì có thể làm một cái dây..

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 1, tháng 6-1944

MỘT ĐÁM CƯỚI

Dần thức dậy thì trong nhà còn tối om om. Đêm tháng chạp, trời lâu sáng. Thật ra thì gà gáy đã lâu. Tiếng gà gáy xôn xao. Và óc Dần còn lưởng vưởng một ý nhớ mơ hồ, giống như khi người ta nhớ lại những chốn mình đã qua trong một giấc chiêm bao: Dần chưa tỉnh hẳn ra, Dần đã thấy những tiếng gà gáy rất mong manh, rất xa xôi vẳn lên trong giấc ngủ nửa mê nửa tỉnh. Rồi thì Dần tỉnh hẳn. Có lẽ do một tiếng gáy cộc lốc của anh gà trụi trong chuồng gà nhà bên cạnh. Con gà đang ở thời kỳ tập gáy, tiếng gáy ngắn nhưng đã vang động lắm. Ấy là một con gà có sức. Dần phác lại trong tưởng tượng cái hình dung lộc ngộc của nó, lấc cấc và vụng dại như một anh con trai mười sáu tuổi, đôi chân cao, cái cổ trần ngất nghểu, cái mào đỏ khè mới hơi nhu nhú, cái đuôi cụt ngủn. Anh chàng rất hay sang nhà nó tãi gio, tãi rác, khiến nó bực mình đã mấy lần toan vụt chết.

Dần nhỏm dậy. Nó sờ soạng ra khỏi cái ổ rơm rồi đi thẳng ra ngoài. Bên ngoài mịt mù sương. Khí lạnh sắc như dao. Dần rùng mình và hắt hơi mấy cái luôn. Nó thấy cần phải động đậy ngay, cần phải làm ngay một việc gì cho nóng người: đã rét mà lại còn đứng co ro thì chỉ càng tổ rét. Nó mải mốt vơ lấy cái chổi để quét sân, quét ngõ. Việc quét tước ấy chẳng sáng nào nó quên làm, dù sân nhà có bẩn hay không. Ấy là một thói quen cũng như cái thói quen dậy từ lúc hãy còn đêm. Nết chăm chỉ ấy, nó học được mấy năm đi ở.

Dần đi ở từ năm chửa mười hai. Khi ấy, đầu nó còn để hai cái trái đào. Nó mới biết cầm vững cái chổi để quét nhà và thổi một niêu cơm con con không sống, không khê. Mẹ nó vốn nghèo từ trong trứng nghèo ra, nên hay liệu, hay lo. Thị nghĩ rằng: Con mình đã lớn rồi, phải uốn nắn ngay đi; nhà mình vườn ít, ruộng không, cửi vải cũng không, nghĩa là công việc chẳng có gì; nó ở nhà cũng chỉ chơi; để mặc nó lêu lổng chạy ra ngoài đường, đánh chắt, đánh ô, rồi nó hư thân; chi bằng cho nó đi ăn đi ở với người ta, để người ta bắt nó cất nhắc việc nọ, việc kia cho nó quen tay; có việc làm rồi mới biết việc mà làm, chỉ nhông nhổng chơi quen, đến lúc phải làm tất gờ guộng chân tay, chẳng đánh đổ cái này cũng đánh vỡ cái kia, cái thứ con gái mà cầm đến cái gầu không biết tát làm sao, đưa cho đám mạ không biết

cấy thế nào, bảo ngồi lên khung cửi nhắc lấy cái thoi thì lúng ta lúng túng, là thứ con gái đáng cho hùm ăn thịt. Thị nhất định cho Dần đi ở để học cho quen công việc cửi vải, ruộng vườn, sau này độ cái thân: ấy là cái lợi xa xôi. Nhưng lại còn cái lợi nhãn tiền: nhà đỡ một miệng ăn. Nếu bớt được mỗi ngày vài lẻ gạo, thì ít ra các em Dần cũng được no hơn. Rồi có được đồng công nào cũng là hay. Mà chẳng được thì mỗi năm người ta cũng thí bỏ cho cái quần, cái áo. Bố mẹ, nếu chẳng được nhờ con thì cũng chẳng còn phải lo lắng gì vào thân nó.

Dần đi ở. Nó ở cho nhà bà chánh Liễu. Nhà bà chánh dệt chín mười khung cửi. Bà thuê Dần, với hai con bé nữa, để chúng dọn vặt và trông nom ông suốt: Năm đầu, công cả năm có một đồng, với một cái áo cánh vải to, một cái quần sồng, một cái thắt lưng. Nhưng nếu chịu khó và ngoan thì bà sẽ cho hơn. Còn cái sự ăn (bà giao hẹn cả với người ta vì tính bà rất phân minh) thì bà cũng không dám nói chắc rằng đói hay no; bởi vì tiếng rằng giàu, nhưng nhà bà cũng cơm chia: sáng, mỗi người một lùm; trưa, ba lượt thật đầy; tối, củ khoai, củ ráy, bụng trẻ con, như vậy, thì có lẽ cũng không phải đói. Mẹ Dần cho như thế đã là hậu quá. Bởi vì thật ra, ở nhà Dần, Dần có được ăn ba bữa thế đâu? Mỗi ngày, chỉ bữa trưa. Mà hiếm họa lắm mới có bữa được mỗi người ba vực chặt. Thường thường là hai vực, hơn hai vực. Có khi một. Cũng có khi chẳng vực nào, phải ăn ráy, ăn khoai trừ bữa. Thế mà Dần chịu được, thì vào nhà bà chánh, cố nhiên là Dần chịu được, Dần sung sướng là khác nữa. Con người ta, có cơm vào là có da, có thịt ngay. Chẳng lâu đâu. Người mẹ nghĩ và mừng. Thị chắc chỉ vài, ba tháng sau, nếu Dần được một ngày rỗi rãi về chơi với các em, cả nhà sẽ ngạc nhiên thấy nó béo như con cun cút. Mà trắng, mà đẹp, mà lành lặn, ra phết cô con gái lắm!...

Mơ ước hão! Bởi vì ít lâu nay, Dần có về thật, nhưng nó vẫn gầy như một cái que. Nó khóc hu hu. Nó đòi ở nhà với các em, muốn cho ăn thế nào thì cho, muốn bắt làm gì thì bắt, chỉ đừng bắt nó ở cho nhà bà chánh nữa. Cơm nhà giàu khó nuốt. Ăn của họ mà không làm lợi cho họ được thì họ làm cho đến phải mửa ra mà giả họ. Dần chân yếu tay mềm lắm. Nó thà nhịn đói mà ở cửa, ở nhà còn hơn. Mẹ Dần nhất định không nghe. Thương con thì để bụng. Nuông con thà giết con đi. Trẻ con đứa nào chả thích ở nhà với bố, với mẹ để chẳng người nào động đến thân? Đi ở cho nhà người ta, ăn

cơm của người ta, lấy công của người ta, thì cố nhiên là phải làm cho đáng cơm, đáng công của người ta. Làm không được người ta thiệt thì người ta xót. Người ta xót thì người ta phải nói. Nói, mình nghe thì chớ, không nghe thì người ta phải chửi, phải đánh. Người ta đánh chửi cho là phúc nhà mình đấy, không đánh, không chửi, sao có nên thân người được? Thị bảo Dần: "Mày có hư thì người ta mới đánh; đánh thế chứ đánh nữa tao cũng không thương chút nào; mày muốn sống, thì về nhà bà chánh mà ở, không về thì đi đâu mặc kệ! Tao không chứa, tao không lấy gì nuôi được mày... ".

Hỡi ôi! Người mẹ rất đáng thương của Dần chết đến hôm nay đã quá một năm rồi. Nghĩ đến mẹ lúc nào, Dần cũng ngậm ngùi. Bởi vì bà nói thế, nhưng bà chẳng nghĩ thế đâu. Khi đã cố làm ra mặt hất hủi để cho Dần chịu đi rồi, bà ôm mặt khóc hu hu. Bà bảo chồng rằng: "Nghĩ đến con lúc nào thì thương con đứt ruột. Nhưng biết làm sao? Trời bắt tội mình nghèo. Nó ở nhà mình thì ăn cũng chẳng bao giờ được bữa no. Đã đành ăn không no, nó cũng còn sướng hơn ở nhà bà chánh, được ăn no. Nhưng mình liệu có nuôi được nó suốt đời không? Rồi chỉ vài ba tuổi nữa, có ai thương đến nó, xin nó cho con nhà người ta, mình đừng gả hay sao? Về nhà chồng mà thổi cơm không chín, quét nhà chẳng nên thì liệu người ta có khỏi đào ông, bới cha không? Vả lại cái đời nó còn dài. Không bắt nó ép mình, ép xác cho quen, rồi khổ ngay vào chính cái thân của nó. Mình nghĩ đến nó nhiều chứ có phải bắt nó đi ở để hòng được lợi mỗi năm một vài đồng bạc công đâu?".

Bố Dần chẳng nói sao. Ông chỉ thở dài. Nhưng ông cũng ngơ ngẩn hàng ngày, hàng buổi như nhớ con lắm. Về sau, các em Dần lại kể với Dần như thế, nên Dần mới biết. Dần không muốn làm khổ cha mẹ nữa, nên khổ đến chết cũng đành cắn răng mà chịu, không dám khóc lóc đòi về. Lâu dần rồi nó cũng quen đi. Cái sự khổ thì bao giờ cũng thế thôi. Nhưng khi người ta đã nhất định chịu, thì khổ thế nào mà không chịu được.

Dần ở cho nhà bà chánh Liễu đúng hai năm. Nó mới về nhà từ dạo đầu giêng. Vụ mùa năm ngoái, mẹ Dần đi tả mấy cơn, rồi lại không chịu kiêng khem, cứ đi làm; mưa nắng nhiễm vào người - mà sức một người vừa mới ốm xong còn được bao nhiêu? - Thị phải lại một trận kịch liệt rồi thì chết. Thành thử nhà chỉ còn một bố, là đàn ông, với hai đứa trẻ con, vắt gỉ mũi

chưa được sạch: chúng nó chưa biết làm gì cả. (Hai đứa áp với Dần, giá trời để cho chúng nên người thì bây giờ đã đứa thổi được nồi cơm, đứa quét được cái nhà; nhưng một năm xưa, hai đứa lên đậu cách nhau có vài ngày, rồi chết, cũng cách nhau có vài ngày). Bố Dần, cố đợi hết năm, đến nói với bà chánh Liễu xin cho con gái mình về. Dần ở nhà coi sóc các em, chăm mấy sào vườn bòn bán, nhặt nhạnh để cho bố đi làm. Bốn bố con lịu nhịu nuôi nhau. Con nhà nghèo thường sớm biết, sớm khôn. Dần mới mười lăm mà đã quán xuyến được mọi việc trong nhà, biết suy tính, biết liệu lo, chẳng kém gì một người nội trợ đã sành sỏi lắm.

Nhưng ông trời hình như không muốn cho bố con Dần ngóc đầu lên. Cuộc sống mỗi ngày một khó thêm. Gạo kém, thóc cao. Ngô, khoai cũng khó chuốc được mà ăn. Thậm chí đến hạt muối cũng sinh ra hiếm nốt: mua một vài xu chẳng hàng nào chịu bán. Đồng tiền thành ra rẻ quá. Công làm tuy có cao hơn, nhưng chẳng thấm vào đâu. Trước kia, mỗi người làm mỗi ngày hào rưỡi thì đã gần đủ cả nhà ăn; bây giờ mỗi ngày được ba hào, tiền gấp hai, nhưng nếu đem đong gạo thì chưa bằng một góc ngày xưa, thành thử một người ăn cũng hết. Ngày làm đã vậy, còn ngày nghỉ: có phải ngày nào cũng có người thuê đâu? Đã thế lại còn bão, lại còn lụt, rồi lụt chán, đến vụ chiêm lại giở trò đại hạn. Rồi những nhà giàu, chúng không thể chôn bạc giấy, nhất định để thóc mọc mầm trong nhà chứ không chịu bán. Gạo cứ mỗi ngày một giá. Không biết rồi làm gì ra tiền mà đong?

Một đêm, sau khi đã than thở với con hết quá một trống canh rồi, bố Dần thở dài bảo con rằng:

- Cơ cực này, nếu còn ở nhà, rồi đến chết đói cả lũ mà thôi. Bây giờ mà còn thế, đến tháng hai, tháng ba này còn khổ đến đâu? Bố con mình có thân thì phải liệu dần đi. Cũng chẳng còn mấy ngày nữa mà đã Tết, thôi thì ta cũng cố mà chịu vậy qua giêng rồi sẽ tính.

- Thầy bảo: con tính thế nào? Nhà mình thì chỉ có cấp làm thuê. Thời vụ lại hết rồi. Qua giêng, con chắc mười ngày nghỉ, chưa chắc có một ngày có việc.

- Ấy thế mình mới lại càng cần phải tính. Nếu có việc thì còn phải lo gì nữa? Chẳng được cơm thì cũng được cháo, miễn là không chết lả... Nhưng không có việc!... Cho nên tao định lên rừng một chuyến.

- Eo ôi!

- Việc gì mà "eo ôi?". Bây giờ người ta đi như đi chợ. Nghe nói trên ấy làm ăn còn dễ. Làng ta, về cánh nhà ông trương Huấn đấy, họ đi tất cả bằng ấy anh em, mà anh nào về cũng có tiền.

- Tiền rừng, bạc bể chả dễ nuốt được đâu. Vô phúc mà ngã nước một chuyến thì lại được!...

- Thì chỉ đến chết là cùng, chứ gì? Còn hơn ngồi nhà mà chết đói. Thế mày bảo không liều thân đi như thế, thì còn xoay xấp gì để kiếm ra tiền được nữa, nào?

Ồ, mà đúng như vậy thật. Dần chẳng còn biết đáp sao được nữa. Nó đành lẳng lặng. Câu chuyện ngắt ra vài phút. Trong khi ấy, cả hai đều nghĩ ngợi. Dần bỗng hỏi:

- Cả chúng con cũng đi à?

- Không. Tao hãy đi một mình trước, xem sao.

Dần vội kêu lên:

- Chịu thôi! Chúng con chả dám ở nhà đâu. Đêm hôm có ba đứa trẻ ranh!...

Nó sợ có nắm gạo hay củ ráy, củ khoai cũng không giữ được mà ăn. Nhưng thầy nó bảo:

- Tao đã liệu chỗ ấy rồi. Vườn đất với các em, tao sẽ nhờ chú Lữ trông nom. Bòn bán thế nào chả đủ cho hai đứa chúng nó ăn. Mà không đủ thì tao đến...

Còn nó? Chắc thầy nó lại định cho nó đi ở cho nhà bà chánh Liễu hay nhà nào khác đấy. "Thì cũng được!... ". Dần nghĩ vậy. Cái thân nó, nào nó có

cần gì? Nhưng nghĩ đến cảnh nhà tan tác mà buồn. Rồi đây bố một nơi, con một nẻo, chị em mỗi đứa nhờ vả một người... Nó đã sắp nói một lời gì để can cha, thì cha đã bảo:

- Còn mày thì tao cho người ta cưới.

Chuyện cưới xin khiến Dần thèn thẹn. Thành thử nó lại không tìm được câu gì để nói. Vẫn người bố nói:

- Thôi thì trước sau cũng một lần. Có rùi gắng cũng chẳng rùi gắng được bao nhiêu. Mắc cái người ta xin cưới mấy lần rồi. Tao khất mãi để cho hết tang bu mày đã; nhưng người ta nhất định xin lo trước. Chết cái con gái người ta cũng sắp cưới rồi: nhà người ta cũng neo người; không cưới mày về thì ngay đứa sai vặt cũng không có nữa. Vả lại chỗ người ta với mình, không lẽ thế nào? Người ta ăn ở phải thì mình cũng phải ăn ở phải, thấy người ta nói mãi, tao cũng nể.

Dần tức tối:

- Nể! Nể cái gì! Thầy cứ bảo rằng: mẹ con chết đi rồi, hai em thì còn dại, chỉ có con hơi lớn một tí phải ở nhà để thổi cơm, nấu nước.

- Thì tao vẫn bảo người ta thế. Nhưng người ta không chịu.

- Không chịu là không chịu thế nào? Quyền còn ở mình...

- Thì vẫn là quyền còn ở mình! Cho nên người ta có dám bắt mình đâu? Người ta chỉ cố nài. Người ta nói khó với mình. Tao thề với mày: hai ba lần bà ấy không khóc với tao, tao chết! Rồi bà ấy lạy. Bà ấy bảo: "Thế này này, ông ạ: ông cũng khổ, nhưng tôi còn khổ hơn ông, thầy cháu chết đi, tôi chỉ được có mình cháu là con trai, ông cố thương tôi... ". Như thế thì tao còn biết từ chối người ta thế nào cho tiện?

Rồi thầy Dần nói nhỏ:

- Mắc cái lúc mẹ mày nằm xuống, nhà không còn một đồng xu nào, không còn vớ víu vào đâu được, tao đã nhận của người ta hai mươi đồng bạc

cưới. Ý người ta định đưa tiền trước thế, rồi xin cưới ngay cuối năm, năm ngoái. Tao phải khất. Nhưng không lẽ khất lần người ta mãi? Người ta lại tưởng mình có ý lừa lọc gì người ta chăng. Hôm nọ người ta lại đến xin lần nữa. Họ xin đến tháng giêng... Nhưng từ giờ đến tháng giêng có là bao? Đằng nào mày cũng phải đi, mà mày đi thì tao không làm thế nào vừa trông coi các em mày vừa đi làm được. Cho nên tao nhất định mang gửi chúng nó, rồi lên rừng một chuyến. Kiếm ăn được, tao sẽ đem chúng nó đi. Định thế, nên tao bảo người ta: "Nếu bà nhất định lo, thì tôi cho lo ngay dạo trong năm". Người ta có hỏi tao: "Ông đã thương... trước nữa là thương cháu, sau nữa là thương tôi, mà rộng cho như thế, thật cũng là phúc nhà chúng tôi lắm lắm. Tình cảnh nhà tôi, chắc ông cũng chẳng còn lạ gì. Chúng ta cùng là cái chỗ nghèo hèn, thì con cái chúng ta lại làm bạn với nhau. Vậy ông định may vá cho cháu thế nào, ăn tiêu thế nào, thì ông cho chúng tôi biết để chúng tôi lo". Tao nghĩ nát ruột cũng không biết trả lời thế nào cho tiện. Vải giấy như vải giấy năm nay?... Xin ít thì không biết may gì. Chỉ một bộ quần áo cánh vải to cũng phải non ba chục. Mà xin nhiều thì mang tiếng; với lại người ta lấy gì mà đưa cho mình được? Vay công vay nợ lắm vào thì về sau lại chỉ khổ chúng mày. Tao phải bảo người ta: muốn may cho mày thế nào thì may lấy, tao không dám nhận. Bà ta bảo: "Ta với ta, chẳng nói gì ông cũng rõ: cái lúc khó khăn thế này, mười nhà họa mới có một nhà có tiền mà may mặc, còn thì chỉ quần manh, áo vá, đeo dây, quấn rợ; chắc ở nhà ông thì cũng thế, mà nhà tôi thì cũng vậy. May quần chùng áo dài cho cháu, bất quá chỉ mặc một ngày cưới mà thôi, rồi cũng bằng để đấy, cảnh nhà chúng ta thì còn hội hè đình đám gì mà phải sắm quần chùng áo dài kia chứ?... Vậy ông đã dạy thế, thì tôi xin may cho cháu một bộ quần áo vải, quần áo cánh thôi, để cháu nó mặc đi làm ấy; còn hôm cưới, nếu cháu nó chưa có áo chùng, thì tôi xin đưa cái áo chùng của tôi cho nó mặc, cho nó qua cái ngày ấy, kẻo cháu nó là trẻ con nó lại tủi thân chăng. Rồi từ hôm sau mà đi lại cứ quần áo đụp, đem ra mà mặc. Cái áo dài lại cất đi. Ấy, nhà có một mẹ, một con, chỉ một cái áo dài là đủ chán! Mẹ đi đâu mẹ mặc; con đi đâu con mặc. Việc may mặc cho cháu thế cũng là tàm tạm được. Còn ý ông định ăn uống thế nào, xin cho biết". Người ta nói thế là có ý hỏi mình có cần cau rượu, tiền nong gì nữa hay không? Tao nghĩ cũng chẳng còn nên xin thêm nữa. Mình cất lấy hai chục đồng bạc của người ta, hơn một năm, có đến năm rưỡi trời rồi. Vả lại còn đang có trở bu mày, cũng nên làm vụng làm trộm, miễn là xong việc thì thôi. Vậy họ đương, anh em, tao nhất

định chẳng bảo ai. Đằng nhà trai cũng vậy. Bà ấy đã thú thật rằng: phải biện năm, ba cỗ thế nào, về đằng họ nhà gái, thì xin biện; chứ đằng họ nhà bà ấy tịnh không mời người nào cả. Bởi việc phải lo thì lo, chứ thật ra một tí gì cũng vào công nợ cả. Công nợ lắm thì về sau chỉ chết chúng mày, chứ chết ai? Vì thế, nên tao bảo: Bà ạ, dẫu rằng "Vui thì vui cả triều đình, chẳng vui, vui thể một mình vui chi?". Đằng nhà trai, bà còn không muốn bảo ai, thì đằng nhà gái bây giờ đang còn tang mẹ cháu, tôi cũng chẳng bảo ai sất cả. Vậy bà định ngày nào cứ một mình bà với chồng nó đến, tôi cũng chỉ cho hai em nó đưa nó về. Thế cũng xong. Ai cười đến hạng nhà chúng ta? "Còn như sự tiền nong... Đáng lẽ tôi chẳng nên xin thêm đồng nào nữa mới phải (hồi mẹ cháu mất, tôi cất lấy hai chục đồng bạc của bà, là tôi phải nghĩ), nhưng phương ngôn dạy rằng: giàu bán chó, khó bán con; tôi cũng còn đồng công, đồng nợ, tất cả độ mười đồng, kể cái sự bắt bà trả cả thì cũng không dám bắt, nhưng tôi xin thêm dăm đồng nữa để trang trải những chỗ tôi vay mượn để lo cho bu cháu, hồi bu cháu mất. Như thế cũng như là tiền của cháu, cháu bỏ ra để trả nghĩa cho bu cháu. Tôi không dám tơ hào gì vào đấy". Ấy là tao cũng nói dối bà ấy thế, chứ công nợ tao cũng chưa trả vội; tao nắm lấy dăm đồng ấy, để ra giêng đi lên rừng...

Câu chuyện đêm hôm ấy Dần đang thầm nhắc lại, trong khi đưa đẩy cái chổi cùn trên mặt cái sân con. Bởi vì hôm nay chính là ngày bà mẹ chồng sẽ đến rước Dần đi. Đêm hôm qua, đợi hai đứa bé ngủ rồi, hai cha con lại thở dài, thở ngắn với nhau. Dần khóc đến quá nửa đêm, rồi thiếp đi lúc nào chẳng biết. Sáng dậy, Dần có cảm tưởng như nó mới chợp mắt đi một tý. Nó thấy người mỏi mệt. Dù vậy, nó cũng chạy ra ngoài quét trước...

Dần quét xong thì ở đằng đông, mặt trời đã nhô lên. Những tia sáng đầu tiên chọc thủng tấm màn sương, rồi xé toạc mãi ra. Ánh sáng tràn đi, trong khoảnh khắc, trở nên quang hẳn... Dần ra ao, rửa mặt. Lúc trở về nhà, nó thấy bố và hai em đã dậy rồi. Hai đứa con, mỗi đứa ôm một đùi cha. Người cha ngồi lử thử, lừ thừ. Đôi mi mắt trông có vẻ hơi sưng. Dần cúi mặt, bởi nó đoán rằng đêm hôm qua, cha cũng khóc. Nó vờ tìm cái chổi, tuy nó biết nhà không còn cái chổi nào nữa, ngoài cái nó vừa quét và để ngoài đầu chái...

Thầy nó bảo:

- Hôm nay mày phải xuống chợ một tý đi, con ạ.

- Mua bán gì mà đi chợ?

- Mua mấy xu chè tươi, với mấy quả cau. Người ta đến, cũng phải có bát nước, miếng trầu tươm tất chứ?

- Chào!... Vẽ chuyện!

- Sao lại vẽ chuyện? Không có, không coi được.

Dần cười tủm tỉm. Thằng em lớn, tỳ một tay lên đùi cha, múa may tay kia và nhún nhảy người, giễu chị:

- Lêu lêu! Lêu lêu? Có người sắp được đi lấy chồng... Lêu lêu.

Dần khoặm mặt, lườm em. Người cha sợ con gái nhìn xấu hổ, củng vào đầu con trai một cái và mắng nó:

- Im thằng này!... Để cho người ta dặn nó. Mua độ hai xu chè...

- Rầy hai xu, hàng chè nó chả bán thì sao...

Dần kêu lên thế và cố cười to để cho khỏi thẹn. Người cha cũng cười và hỏi:

- Hai xu không bán, thì mấy xu mới bán?

- Ít nhất là năm xu. Mua ít nó không có tiền trả lại.

- Thì mua cả năm xu vậy. Năm xu thì nấu được mấy ấm?

- Một ngàn ấm...

Ông lão cả đời không đi chợ, cứ tưởng chè rẻ lắm. Quen với ngày xưa, độ một xu một ấm bây giờ năm xu, nấu đặc chỉ được một ấm là hết xoắn. Thầy Dần lè lưỡi ra:

- Èo! Mẹ ơi!...

- Thật... Không có thế, cứ cỗ con mà chặt! Muốn mua thì mua, chẳng mua thì đừng, chứ cái sự đắt thì ngang ngang với nhân sâm.

- Đắt thì cũng phải mua. Năm xu chè, với hai quả cau ngon ngon một tí.

- Cau ngon phải tám, chín xu một quả.

- Vị chi đi ba xu một miếng trầu?

- Đúng thế, không kém ba xu một miếng.

- Trời đất ạ!... Có đời nào như vậy? Cái thổ tả gì cũng đắt!... Cho nên tao vẫn bảo: Cái lúc này chẳng nên giở giang ra làm gì. Mọi đồng mọi tốn. Giá làm độ mươi lăm cỗ, chắc mất đến năm chục bạc. Miếng bùi chui qua cổ; mình ăn một bữa có no được bằng đời đâu, mà người ta phải chạy cỗ cho họ đương nhà mình thì khổ. Thà bất nhược là ta chước hết!...

- Ấy thầy thì chỉ thế... Cái gì cũng chước! Thành thử ra con mình chỉ theo không.

- Theo không cũng được. Mẹ mày ngày xưa cũng chỉ theo không tao đấy. Thế mà cũng ăn ở với nhau được mãi, sinh con đẻ cái, mà lại còn thương yêu nhau bằng tám những cặp vợ chồng cưới linh đình. Mẹ kiếp! Lắm đám cưới linh đình, mà rồi lại chả bỏ nhau ùn ùn ra đấy à?

Dần lại cười tủm tỉm. Bởi nhắc đến vợ, thầy nó bỗng nhớ ra một điều...

- Tý nữa quên! Con nhớ mua mấy nén hương... Hôm nay là ngày cưới con, cỗ bàn đã chả có thì thôi, mấy nén hương cũng không có nốt thì phải tội...

Cái ý ấy - sự nhớ tưởng đến người đã khuất - khiến cả hai bố con cùng bùn bã. Mắt rơm rớm nước, thầy nó thở dài rồi bùi ngùi bảo:

- Biết vậy, tao cũng bảo bà ấy biện một mâm để cúng bu mày. Người sống, chẳng có thì thôi, nhưng người chết…

D`ần thổn thức. Nó sợ còn đứng đấy thì nó sẽ khóc òa lên mất. Nó cố bảo:

- "Thôi! Con đi chợ... " r`ồi chạy ra. Ra đến sân nó mới nghe thấy th`ầy nó bảo:

- Ừ con đi.

Xế chi`ều hôm ấy, bà mẹ ch`ồng và ch`ồng D`ần mới đến. Cả hai cùng mặc qu`ần áo cánh. Bà mẹ khoác một cái áo nâu dài đã bạc ở trên vai. Chú rể xách một chẽ cau, chừng một chục quả. Vào đến nhà, y lúng túng không biết đặt đâu. Bà mẹ trông thấy bảo D`ần:

- Cho bu mượn cái đĩa đi, con!

Mặt D`ần đã đỏ bừng. Hai đứa em nó, trông thấy, cười rúc rích. Nó lợi dụng câu sai của mẹ ch`ồng, để chạy tót ra chái đứng. Một lúc lâu nó cũng không vào. Th`ầy nó phải đỡ lấy chỗ cau ở tay bà mẹ ch`ồng, đặt lên giường thờ mẹ nó. R`ồi th`ầy nó nói thật to:

- Đi nấu nước đi con!

Không thấy con gái thưa, ông phải bảo thằng con trai lớn:

- Chạy ra bảo chị đun ấm nước.

R`ồi ông thân hành đi lấy chìa vôi ra để têm tr`ầu. Bà mẹ ch`ồng có lời ngay:

- Thưa ông, ông đã có lòng thương đến cháu, mà xét ra, như thế này thì thật ông thương quá, thương mọi nhẽ, cái gì ông cũng châm chước đi cho cả, khiến chúng tôi cảm tạ cái bụng ông mà lại lấy làm xấu hổ v`ề cái cách chúng tôi xử lắm. Chúng tôi xử thế này thật quả là không phải. Nhưng lạy Trời, lạy Đất!... Chúng tôi cũng muốn nghĩ thế nào kia nhưng ông trời ông ấy chỉ cho nghĩ đến thế thôi, thì cũng phải r`ầu lòng mà chín bỏ làm mười, chứ như ông thì thật một bỏ làm mười, mà không được một cũng bỏ làm mười. Có vậy thì công việc của cháu mới xong xuôi được. Giá phải bố vợ như bố vợ nhà khác, nhất nhất cái gì cũng bắt đủ l`ề lối, thì nhà như nhà chúng tôi lấy gì mà lo được? Ít là cháu suốt đời không có vợ. Nhưng phúc

làm sao, lại gặp được ông bố vợ thương con rể như ông, thì có phải ông trời ông ấy cũng còn thương nhà chúng tôi lắm lắm không?

Thôi thì bây giờ mọi sự ông đã thương cho cháu cả rồi, hôm nay tiện được ngày, tôi cũng biện cơi trầu đến kêu với ông để ông cho cháu được lễ các cụ - trước là lễ gia tiên, sau là lễ bác nhà ta, sau nữa ông lại cho cháu lễ sống ông, (chẳng có tiền bạc gạo lợn, hay mâm cao cỗ đầy thì cũng phải lấy đầu làm lễ gọi là chút lòng thành của con, cháu các cụ) - rồi xin phép ông để chúng tôi đưa cháu về nhà làm ăn.

Đáp lại bao nhiêu lời bóng bẩy, xa xôi ấy, ông bố vợ chỉ trả lời gọn thon lỏn một câu:

- Vâng! Mời bà cứ ngồi chơi thư thả xơi nước, xơi trầu đã.

Rồi ông lại cất cao giọng, bảo con:

- Hễ được nước thì bắc lên đây, con nhé!

Rồi ông ngồi lử thử. Bởi vì ông buồn lắm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mươi bữa, nửa tháng là ông đã phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy?... Ông đờ đẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... A thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì cớ gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng, Dần đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá. Ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn. Bà thông gia, trái lại nhiều lời lắm. Bà vui vẻ. Bà nói luôn. Bởi tài ăn nói của người ta, một đời mới có dịp dùng đến độ vài lần. Bà thì chỉ một lần thôi, bởi vì bà có mỗi một mống con trai. Lấy một con vợ cho con, có dễ đâu? Nhất là mình lại không có nhiều tiền. Công việc phải qua mấy mươi nấc, mấy mươi cầu. Chưa cưới được vợ về cho con, thì còn là đi lại mỏi chân, van ông lạy bà sái hàm răng... Công việc của bà, mười phần xong đến chín phần rồi. Còn một tý chút nữa mà thôi. Tội gì không ngọt

ngào với người ta cho yên ổn cả. Người ta gả con gái, đã chẳng được gì thì cũng phải được lời nói mát lòng, mát ruột cho hả dạ…

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vẻn vẹn có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nốt. Ông đành kéo mấy cành rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần cộng cộc xẫng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dần. Còn thằng bé thì ông bố cõng. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

Đến nhà trai, bà mẹ chồng mời bố Dần uống nước ăn trầu. Rồi bà giết một con gà, dọn cho ba bố con ông một mâm cơm. (Dần vừa thẹn vừa buồn không chịu ngồi ăn). Ba bố con lặng lẽ ăn. Người cha ăn có vài lượt cơm, rồi buông bát đĩa, ngồi xỉa răng đợi cho hai đứa con ăn. Ông thúc chúng ăn nhanh lên, rồi còn về kẻo khuya. Thằng lớn và cơm phùng mồm ra, bị nghẹn mấy lần. Khi cả hai con đã thôi cơm, ông cho chúng nó uống nước rồi đứng lên, chào bà mẹ chồng Dần để ra về. Ông dắt thằng lớn và cõng thằng bé trên lưng. Dần đứng đợi cha ở ngoài sân. Nó vẫn còn dụi mắt. Người cha ái ngại, đứng lại nhìn con một thoáng rồi âu yếm bảo:

- Thôi! Thầy cho em về nhé.

Dần khóc nấc lên. Hai đứa em không còn chế nhạo nữa. Thằng lớn chực khóc. Thằng bé ngây mặt ra vì không hiểu sao cả. Người cha mắng yêu con:

- Mẹ chúng mày!...

Bà mẹ chồng thấy Dần khóc quá, chạy ra. Bố Dần vội bước đi. Dần chạy theo cha, nức nở:

- Thầy!... Thầy...

- Mẹ mày!... Nín đi cho thầy về.

- Thầy đừng... đi... lên rừng!

Người cha thấy lòng thổn thức và đáp liều:

- Ừ, thì thôi... Mẹ mày!

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 3, tháng 8-1944

NỬA ĐÊM

Tên thật hắn rất hiền lành: Rự, Lê Văn Rự. Hắn làm trương tuần nên người ta gọi hắn là trương Rự. Nhưng từ ngày hắn xoay sang nghề ăn cướp thì hắn thành ông Thiên lôi. Cái tên ghê gớm ấy nguyên do nó thế này: Những khi bọn anh em tụ tập lại bàn định tìm một nhà nào để đánh, Rự không bao giờ bàn một tiếng, hắn chỉ chúi đầu vào uống rượu, và ăn cơm; cơm rượu rồi, hắn lừ mắt ra, cầm cái tăm xiên vào từng kẽ răng rồi thỉnh thoảng lại rút hẳn ra mà mút; cứ như thế cho đến lúc người ta quyết định rồi, giao cho hắn việc gì là hắn vất tăm xuống đất, rũ quần đứng lên và theo lệnh của an hem. Người ta bảo, cái ông thiên tướng và tầm sét cũng hành động theo kiểu ấy; ông chẳng có quyền tự mình đánh chết ai; ông chỉ biết theo mệnh trời, chỉ đâu đánh đấy. Chỉ đâu đánh đấy thì chính là thái độ của thằng trương Rự. Bọn ăn cướp gọi đùa hắn là Thiên lôi. Từ đó; thành tên. Cái tên ấy lan đi, cả làng Vũ Đại không ai không biết. Nhưng không biết cái lai lịch trên kia, họ cắt nghĩa mỗi người một khác. Người thì bảo hắn hung tợn và nóng tính; người khác thì lại bảo bởi cái tiếng hắn choang choang. Thật ra, thì hắn ít nói: lúc hắn nói, người ta nghe như quát; khi hắn quát, người ta tưởng là sấm sét: thôi thì cứ sôi lên sùng sục như cơn nóng giận của Thiên lôi vậy.

Khi bắt đầu mang cái tên oai vệ ấy, hắn ngoài ba mươi tuổi. Da đen như cột nhà cháy, mặt rỗ tổ ong, trán thấp và bóp lại ở hai bên, tóc cờm cợp dở ngắn dở dài, mắt ti hí nhưng sáng như mắt vọ, đã thế lại còn được đôi lông mày rậm và dựng đứng như hai con sâu róm nằm trên trợ lực; tất cả những cái ấy vào hùa với cái mũi ngắn và to hếch lên như mũi hổ phù, đôi lưỡng quyền cao trên bờ những cái má trũng như hai cái hố, những cái xương hầm nổi lên, và bộ răng cải mả nhai xương rau ráu, cùng nhăn nhó, trừng trợn với nhau để tạo cho hắn bộ mặt làm những trẻ con trông thấy phải thét lên như bị ma bóp cổ. Thật ra thì những bà mẹ bực mình vẫn dùng hắn để dọa những đứa con hay khóc: "Im ngay! Mày có im ngay không? Tao đem mày cho ông Thiên lôi bây giờ!.."

Ông Thiên lôi là con cái nhà nào và quê quán ở đâu? Không ai biết. Bố mẹ hắn không ở làng này. Hắn làm con nuôi bà quản Thích từ khi còn bế ngửa.

Bà quản Thích là một người đàn bà nhân đức mà vùng này đều quen biết. Một hôm, một người ghé vào chơi nhà bà, đem làm quà cho bà một đứa trẻ thơ. Người ấy bảo: "Đây là con một kẻ khốn cùng, đi lang thang từ làng này sang làng khác để xin gạo thừa cơm nguội của những nhà phúc đức; không lấy gì nuôi con được, nó đem đến sân nhà tôi rồi bỏ đi. Bà chưa có trẻ nhỏ trong nhà, hãy nhận lấy nó mà nuôi như là con đẻ vậy". Bà quản Thích nhận lấy. Bà nhận lấy như là một việc tốt lành. Bà nâng niu nó chẳng khác gì con của bà. Mặc dù có những người thóc mách hay là ác miệng bảo: nó là con của một kẻ giết người, cha nó đi ở tù, mẹ nó đi lấy chồng. Người ta bảo: quê hương nó cách đây những mấy ngày đường. Như thế sao biết được chắc rằng có thật hay không, những lời nói hàm hồ ấy? Bà quản Thích không dám tin.

Bà yêu thương nó lắm. Và nó lớn rất mau, mau như là tội ác, nhăn nhó, cạu nhạu, gắt gỏng, có lẽ chẳng bao giờ yêu thương lại bà. Còn bé thì nó khóc, khóc ngằn ngặt như giận dữ ai. Lớn lên một chút thì hắn suốt ngày cau có, như nghiền ngẫm một lát dao găm cắm vào ngực kẻ thù nào của hắn. Rồi hắn đòi làm trương tuần để đâm chém kẻ cướp. Rồi hắn lại làm kẻ cướp để chém lại trương tuần và những người cần có sự bảo vệ của những anh trương tuần. Nhưng đi tuần hay ăn cướp đều không thể được coi là nghề nghiệp, thật có như làm thơ, viết tiểu thuyết người ta chỉ coi như là nghề phụ, nếu lấy làm nghềchính, thì nghềkhông nuôi sống người, chưa ai giàu vì làm trương tuần hay đi ăn cướp; đó là cái sở thích của một số người, máu mê thì phải chơi cũng như ham cờ bạc, cũng có khi viết tiểu thuyết và làm thơ có khi mang vạ thêm vào mình! Vì thế hắn cũng cần phải có một nghề. Hắn làm nghề đồ tể. Cái nghề ác đức ấy cho hắn được cái khoái lạc thấy những con vật sống giãy đành đạch dưới mũi dao thọc vào cổ chúng, cho máu tươi vọt tóe ra, rồi chảy ồng ộc vào cái chậu. Vả lại, tiện cho hắn có đồ nhắm rượu: ngày nào hắn cũng muốn có một bát tiết canh đỏ lòm lòm và sừn sựt những miếng sụn ngon băm nát. Hắn thích làm chảy máu và ăn máu âu cũng là tính trời sinh ra.

Nhưng hắn cũng biết ham sắc đẹp. Cứ gì phải là một trái tim đa cảm! Hắn muốn có vợ như những kẻ hiền lành. Hắn muốn vợ hắn phải là người thật đẹp: cái ấy những kẻ hiền lành cũng muốn. Và hắn lấy. Nghĩa là cướp lấy. Vợ hắn là con gái yêu một người đàn bà góa buôn tơ. Hắn gặp nàng đi bán

tơ với mẹ. Hắn đến nhà mẹ nàng, và cuộc điều đình chóng vánh như sau này:

- Ở đây có một con gà mái tơ rất đẹp, tôi muốn mua đem về nhà nuôi.

Người đàn bà run sợ và ngơ ngác. Hắn muốn nói cái gì của nhà bà đây? Chắc là tiền bạc. Thôi, cũng đành biếu hắn vài ba đồng uống rượu đi cho rồi. Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn. Bà cởi dải yếm lấy ra hai đồng bạc giấy, vuốt cho phẳng, bỏ vào cái đĩa mà đặt lên giường, trước mắt hắn, xun xoe thưa rằng:

- Thưa ông trương, gà thì quả nhà cháu không nuôi; nhưng bây giờ mẹ góa con côi, ông làm công làm việc, mẹ con tôi cũng mong được cái oai của ông che chở. Vậy gọi là có chai rượu biếu ông để làm cái lễ mọn, mong rằng ông đừng chê ít…

Hắn cười ha hả. Rồi hắn vênh cái mặt lên, một tay xoa cái cằm nhẵn của hắn một lúc, rồi đột nhiên bảo rằng:

- Ai nỡ hạch tiền bà cụ. Tôi đến đây để xin gà mái chứ không xin tiền.

Bà cụ hình như hiểu. Nhưng bà không dám tỏ ra là đã hiểu. Bà chưa biết nói ra thế nào. Hắn lại cười ha hả.

- Bà cụ thật thà quá nhỉ! Thôi, tôi nói toạc cho bà cụ hiểu: tôi là con gà sống đi tìm gà mái đây!

Đến đây thì bà đành phải hiểu; bà thưa lại rằng:

- Chẳng may cho tôi, và cũng chẳng may cho cháu, không có phúc. Con gà mái ông định bắt, tôi đã nhận tiền bán cho người khác rồi.

Hắn trợn mắt lên:

- Mặc kệ! Tôi thích thì tôi cứ mua; mua không được thì bắt trộm; bắt trộm không xong thì đánh cướp. Bà muốn chọn đằng nào cũng được. Còn tôi thì tôi nhất định rồi, tôi đã nhất định rồi. Con gái bà phải vào tay tôi.

Nói xong hắn ra về. Bà mẹ không run nữa. Bà tuyệt vọng. Hung thần đã nói. Số phận con bà đã định, không còn xê dịch được. Hai mẹ con nhìn nhau, òa khóc lên. Ngày hôm sau, bà được tiếp bà quản Thích. Hai người cùng cảnh ngộ nên biết thương nhau. Nhưng một bên ép lòng mà hỏi, để nghe lời trách móc. Một bên cứ trách móc nhưng vẫn phải ép lòng mà gả. Hai người ruột cùng đau quằn quại. Họ kể lể để mà khóc với nhau, thương cho hai cuộc đời. Và cuộc đời của một kiếp sống mới lên măng, của một cô gái mơn mởn, đáng được những bàn tay lương thiện nâng niu, ve vuốt. Họ khóc đấy. Nhưng mặc kệ. Nước mắt của hai người đàn bà hiền đức không thể đổi được cái lòng khăng khít của một kẻ đàn ông hung tàn. Cô gái bạc mệnh mới hai mươi tuổi cứ phải đem cái xinh tươi của mình đặt vào những bàn tay gân guốc, cứng ráp và co quắp của anh trương đồ tể.

Bởi vậy đã xảy đến cho người thiếu phụ đương xuân là vợ hắn cái chết thê thảm.

Hôm ấy, nàng dọn cơm xong thì hắn cũng ở đâu xách một chai rượu về. Thật là vừa vặn. Nồi riêu cá trắm rất ngon đã múc ra làm ba bát cho ba người. Hắn chẳng đợi ai, xồng xộc chạy vào, ngồi sụp xuống, rót rượu ra bát uống. Bà quản Thích và con dâu vội vàng về ăn ngay: chậm một tí, hắn có thể quát tháo và đập phá om sòm, toang hoang cửa nhà. Hắn thò đũa vào bát riêu trước mặt gắp khúc cá. Nó răn rắn như cái đầu. Hắn lấy đũa xêu lên. Đích cái đầu ngờ gì nữa. Lòng hắn sôi sùng sục. Cái đầu lợn đã đành là dành phần ông tiên chỉ. Nhưng cái đầu cá thì chẳng ông tiên chỉ nào muốn xơi. Nói của đáng tội, nó chỉ toàn những xương. Sao vợ hắn lại nhè bỏ vào bát hắn? Thế này thì nó khinh mình thực! Thế này thì nó khinh mình thực!... Hắn hất cả cái đầu cá ra mặt đất, và bảo thẳng vào mặt vợ:

- Cái đầu cá này thì chỉ có bố mày họa mới xơi được chăng chứ tao thì tao không phí mồm.

Bà quản Thích ngượng thay cho nó, vội vàng gắp lấy bỏ vào bát cơm của bà:

- Bố nó chết rồi, mày không xơi được thì tao xơi. Đây, mày ăn lấy khúc này cho ngon.

Bà vừa nói vừa đặt bát của bà vào lòng hắn. Hắn thấy bà bênh con dâu. Hắn thấy bà ra ý khinh hắn là con người tham tục. Hắn thấy…Ồ! Lòng hắn sôi sùng sục! Hắn ngứa ngáy chân tay quá! Con vợ khốn nạn kia ngồi cắm mặt xuống, mặt sưng lên, mắt rưng rưng chực khóc. Nó còn oan uổng lắm! Hừ, cái mặt! Cái mặt, hắn chỉ muốn tát vào cái má kia cho nó sướng.

Người vợ đỏ mũi lên. Nàng không còn nhịn được. Nước mắt trào ra má. Hắn thấy máu đưa lên cổ. Hắn đứng phắt lên, hung dữ như một con hổ đói, nhảy bổ lên người vợ, nghiến chặt răng, xoắn lấy tóc nàng. Nàng khóc òa lên. Hắn giúi đầu nàng xuống. Nàng kêu, nàng kêu: "Hàng xóm ơi, nó giết người, nó giết người!". Hừ! Được lắm! Đã muốn thế thì được thế! Thì hắn giết! Bà quản Thích nắm lấy áo hắn mà co lại. Hắn đạp cho bà một cái, nằm còng queo xuống đất. Rồi đấm, đạp, tát túi bụi trên đầu, mặt, bụng, lưng người thiếu phụ. Hắn cào, hắn cấu, hắn bóp cổ, và lay và lắc, đấm bằng tay đá bằng chân, hích bằng khuỷu tay, thúc bằng đầu gối, hắn lăn xả vào bằng đầu, bằng vai, bằng ngực, bằng đùi, bằng răng. Và đến lúc hắn ngừng lại thì người đàn bà khốn nạn đã rũ rượi, mềm như con bún, máu ộc ra bằng mồm, bằng mũi, bằng lỗ tai, bằng bao nhiêu vết thương. Máu lênh láng ra nhà. Người vợ ấy có thai: cái thai sẩy, người mẹ chết, nàng chết sau hai năm trời sống khổ cực bên một thằng chồng vũ phu. Nó đã mua nàng như mua con lợn, ái ân với nàng như người ta giết lợn. Khốn nạn thay cho những cái chân tay mềm! Quả có thế! Khốn nạn thay cho những cái chân tay mềm!

Cả làng Vũ Đại thì thầm kể cho nhau nghe chuyện ông Thiên lôi giết vợ, nhưng ông Thiên lôi vẫn ung dung bán thịt, uống rượu và thỉnh thoảng đi ăn cướp chơi như thường. Bởi vì chánh hội làng Vũ Đại là một thằng ăn cướp, nó cướp của, cướp người chưa thỏa chí, nó muốn cho nó làm chánh hội, để cho nó làm xuôi làm ngược trong cái việc cai trị chín thôn đông đúc của cái làng hơn ba ngàn suất đinh này. Phúc cho bọn con em, nó cai trị cũng không khác gì những ông kỳ mục cai trị họ. Nghĩa là cũng đục khoét đến thế thôi; kể thì cũng không còn cách gì đục khoét hơn thế được. Ăn cướp tựa ăn cướp. Cái lão chánh hội ăn cướp ấy cố nhiên tìm cách bưng bít cái án giết vợ kia, chỉ vì thủ phạm là một thằng ăn cướp. Bưng bít thì phải được. Bọn con em không hiếu sự: nó giết vợ nó chứ có giết vợ mình đâu? Còn bọn đàn anh hay bới móc thì lại sợ: sợ cái thằng chánh hội cũng

như sợ Thiên lôi: hai sức phá hoại ấy chấp vào nhau thì phải đổ đình đổ chùa, đừng nói gì đến đổ nhà đổ cửa.

Lý lịch ông Thiên lôi thế là trong trắng. Nhưng còn đối với đời? Hỏi có còn ai dại dột đến đâm đầu vào lấy một thằng vừa giết vợ nữa? Thế mà có đấy. Một người trẻ, đẹp, dịu dàng không kém gì người vợ trước. Người ấy về nhà hắn như về thời nhân loại còn dã man, người ta nộp thân mình làm lễ hy sinh. Cũng bởi người ấy hèn nhát sợ chết ngay, mà cố muốn sống – sống đày đọa – mấy năm nữa rồi sẽ đến, đến bất cứ lúc nào, nhưng đừng bây giờ là được rồi! Đừng chê trách: con người ấy là con người muôn năm.

Nhưng tạo hóa có cái óc tưởng tượng vô cùng phong phú. Tạo hóa không thích lặp đi lặp lại cùng một chuyện, như những nhà tiểu thuyết tầm thường. Người vợ sau có phải chịu nạn cũng không đi cùng một đường chịu nạn như người trước. Người vợ sau không chết, tuy cũng có mang. Phen này lại chính ông Thiên lôi chết. Hắn không chết vì dao, vì mác, hắn không chết rũ tù, hắn không chết trên máy chém như những người tin quả báo thầm mong đợi. Hắn chết trên giường nhà hắn, trong tay vợ hắn, êm ái như một nhà hiền triết chết. Mà lại có cả người hờ khóc nữa. Làm sao được: nghĩa tử là nghĩa tận; những người chết đều đáng kính bởi những người chết không còn đủ sức mà hại ai. Kẻ giết người kia chẳng có ai giết mà cũng chết. Chao ôi cái chết! Chao ôi! Cái chết còn hung bạo hơn những thằng hung bạo chết cũng đáng lòng thương hại. Những kẻ hung bạo chết cũng chỉ là người chết, nạn nhân của một sức mạnh mù quáng và khốc liệt. Ông Thiên lôi đã chết! Người mẹ nuôi vẫn mong cho hắn chết, bây giờ muốn khóc và khóc thật. Có ai hiểu được nước mắt của loài người! Vợ kế đã run rẩy mà lấy nó, đã nguyền rủa nó, bây giờ cũng khóc. Chao ôi! Những giọt châu của loài người!...

Ba tháng sau, người vợ góa của Thiên lôi đẻ. Nàng đẻ con trai. Nàng đẻ như trút tội ác ra khỏi người. Nàng thấy lòng nàng trong trắng lại; nàng đang mong nàng trong trắng để mà yêu đương. Hoa lòng nàng tưởng như không nở được, bây giờ lại nở. Nó nở bởi nắng thiêu chợt tắt. Và trời lại mưa. Nàng mới có hăm hai; nàng còn trẻ quá; má nàng còn đỏ quá! Cuộc đời trước mặt nàng dài dằng dặc, đi một mình làm sao? Nàng còn đẹp, nàng

chưa yêu dấu thật, nàng còn giữ được rất nhiều tình xuân. Cái anh trai tân bên hàng xóm vẫn ngấm ngầm thương nàng những khi nàng khóc lóc, bây giờ mới nói. Anh ta nói rằng anh ta vẫn muốn tháo cũi, xổ lồng cho nàng từ lâu. Chỉ còn đợi dịp. Nàng cũng hiểu cái dịp ấy chẳng bao giờ tới, nếu chồng nàng không chết. Nhưng nàng không nói thế. Nàng tin lòng chàng. Bởi vì lòng chàng còn nguyên vẹn. Còn nàng, dẫu sao nàng là cánh hoa rơi trên đường rồi. Cuộc tình duyên ấy có một nhịp văn chương lạ! Cũng bởi trước kia chàng là một người thợ nhà máy sợi rất ham tiểu thuyết – và nhiễm thêm một chút màu phóng đãng. Họ dắt nhau đến sở mộ phu lấy giấy đi Sài Gòn.

Thằng bé không cha, lại thành ra không mẹ. Nhưng nó chẳng bơ vơ. Bà quản Thích săn sóc nó. Một mầm tươi vui hy vọng lại nảy nở ra trong cõi lòng khô héo của người đàn bà khao khát một tình thương trọn đời. Bà yêu thương nó hơn đã yêu thương bố nó. Nó còn nguyên lành trong tay bà. Bà chỉ thật sung sướng từ hôm nay. Bà nhận thấy nó khác xa bố nó – Làm thế nào nhận thấy những nét mặt táo tợn của người bố bốn mươi trên cái mặt bụ bẫm của đứa con chưa đầy năm tháng? – Nó sẽ hiền lành, bà tin thế, và cầu khấn Đức Bà như thế. Nó sẽ làm cho bà vui cảnh già. Thực là cảm động! Bà già sáu mươi tuổi còn đợi đứa cháu lớn lên mới già!

Bây giờ bà đã nghèo rồi. Cái cơ nghiệp một con người giàu ở nhà quê có bao nhiêu! Một mình thằng con nuôi phá đã đi đứt ngay một nửa. Các bạn bè hắn phá một phần của cái nửa kia. Còn phần trót thì những kẻ thù của hắn phá nốt khi hắn chết. Bà quản Thích mới kịp nghĩ ra rằng: có một đứa con hung ác là một cái họa; nhưng mất một đứa con hung ác lại là một cái họa lớn hơn. Cũng bay, khi mất hết của cải rồi thì bà được yên thân; ở chốn thôn quê đầy bất công và nhũng nhiễu, một người đàn bà góa chỉ yên thân khi đã thật già và thật nghèo.

Còn lại cho bà mấy sào vườn. Nó cũng như cái xương để cho bà gặm. Chẳng ăn thua gì nhưng cũng có cái để cho vào dưới răng. Bà cặm cụi làm, làm như bà còn khỏe lắm. Không thiếu những người già khọm mà vẫn còn sức lực để làm. Họ làm để tiêu sức dai dẳng của họ đi, hay ông trời khéo an bài đã thu xếp cho họ chút sức dai dẳng để mà làm lụng? Những khi mệt mỏi quá, thấy tai ù, mắt lóa, xương sống lưng dường như muốn nhả nhau

ra, bà nghĩ ngợi mà lo lắng: nếu một buổi chiều kia, hơi sức đã trút hết ra mảnh đất xác xơ này, bà gục xuống như một cây chuối ủng và không bao giờ đứng lên được nữa? Thế thì cháu của bà ra sao? Thế thì cái thằng Đức hiền lành như con chó này ra sao? – Bà đặt tên nó là Đức, có ý mong nó phúc đức hơn bố nó. – Có con người từ thiện nào đủ can đảm rước lấy cái giống Thiên lôi ấy? Ngày ngày bế cháu ra đường xin sữa những người mẹ trẻ vú mẫm và đầy căng, bà đã nhiều dịp thấy người ta ghê tởm thằng bé khốn nạn mang huyết quản cái máu ác ngược của quân giết người. Bà gặp nhiều người từ chối không cho sữa. Nhiều người khác nể hay thương hại, cho sữa rồi vội vàng lau, rửa vú cho thật kĩ càng, sạch sẽ. Chao ôi! Họ nghĩ rất có lý rằng cái nọc độc tiết ra từ trong mồm nó. Bà quản Thích rất cực lòng: con người nhân đức ấy đã oán đời. Có lúc bà tiếc rằng bố thằng bé vô tội ấy không còn sống để bắt những người khác phải nhận rằng thằng bé kia vô tội. Thì ra những người rất hiền lành cũng có thể là những người rất ác. Có điều họ không có cách để làm ác. Nếu ai cũng có thể thực hiện được những ước muốn của mình thì có lẽ nhân loại bị tiêu diệt từ lâu rồi.

Nhưng Đức khỏe mạnh và cứ lớn lên. Cái sữa của thập phương quả có tốt hơn cái sữa của một người chăng? Có thể nói nó lớn nhanh hơn những đứa trẻ được bú no sữa mẹ. Nó múp míp, nhẫn nhụi, kháu kháu lạ! Nó hiền như đất, hiền như con của những nhà thiếu ăn. Sáng ra, xin được sữa cho nó bú rồi, bà đặt nó vào một cái rổ sẽ đặt trên giường, rồi cứ đi làm. Nó ngọ nguậy như một con sâu chán rồi lại ngủ, ngủ rồi lại mở mắt ra mà ngọ nguậy. Đến trưa, đi làm về, bà thổi cơm ăn, bà mớm cho cháu một bát cơm thật chặt. Nó nuốt gọn ghẽ, ngon lành, bà nhai không kịp cho nó nuốt. Nuốt hết bát cơm, cái bụng nó tròn ra như điếu thuốc phiện lăn rồi; nó lại lờ đờ nhìn ngược, nhìn xuôi, nhìn mỏi mắt thì lại lim dim ngủ. Nó không hay khóc, mà có khóc thì cũng chỉ khóc vài tiếng lại thôi; hình như trẻ con khóc chỉ để cho người lớn phải xem đến nó; nó có khóc chán, cũng chẳng ai xem đến, khóc mà làm chi! Trời đã sinh voi, tất nhiên sinh cỏ, bà quản Thích cảm ơn Chúa đã phú tính cho cháu bà biết bảo! Chưa thấy đứa nào dễ nuôi như thế ấy! Chẳng bao giờ nó ốm đau. Từ ngày lọt lòng ra đến bây giờ, bà nhớ như nó có ấm đầu mất vài ba bữa. Có lần cứ bỏ liều rồi tự nhiên nó cũng khỏi. Cùng lắm, ba xu thuốc tán của bà lang Lùn về uống với bông mã đề và nõn tre.

Cứ thế, nó lớn lên. Nó lớn lên như một cái mầm cây mạnh. Chỉ hôm nay đến ngày mai trông đã khác. Nhưng cũng chỉ như cái mầm cây mạnh, nó lớn xác mà không lớn hồn. Được ba năm, đi đã nhanh, nó vẫn không biết gọi "bà, bà". Nó chỉ nghền nghện, không cười, không khóc, ăn rồi lại ngủ. Ngủ dậy lại lờ đờ nhìn ngược nhìn xuôi, ngáp vặt, rồi lại ngủ hay là lại ăn. Quả thật nó hiền hơn cha nó. Hiền đến quá, hiền hơn cả những con người hiền. Người ta bảo: bố ăn hết cả lộc của con. Trông mặt nó lì xì, sau này lớn lên chắc nó đần.

Thấm thoắt đã mười năm. Nó nhớn bằng con nhà người ta đã mười chín hay hai mươi tuổi nhưng mặt còn dại nghệch. Nó nói được nhưng chậm chạp, mà không hay nói. Một ngày nó chỉ nói đôi ba tiếng vào lúc ăn cơm với bà. Bà nó thì đã già lắm rồi. Cái lưng còng xuống người còm cõi, trông như một con mèo đi bằng hai chân. Tiếng bà cũng khàn khàn ra như là tiếng mèo. Cái mặt thì nhăn dúm như cái đèn xếp của một cậu học trò vụng làm thủ công. Bà đi thất thểu tựa ma trơi. Tuy vậy, bà chưa chống gậy. Bà vẫn còn đi lại làm lụng được, cũng như còn ăn được. Cái dạ dày nhà nghèo thường hay rỗi việc nên giữ được bền. Tiêu hóa tốt thì tay cũng còn phải tốt. Nếu không thế, lấy gì mà tiêu hóa? Có điều bà ăn đã chậm chạp. Bà không nhai nữa, bà nhấm từng hạt một. Bà làm cũng kém đi. Bà không cuốc đất; bà gãi đất, lắm lúc bà gãi mơn man như dân nghiện. Thế đã đủ để bà thấy gân xương rã rời.

Nhưng cháu bà đã đủ sức để thay cho bà. Nó ham việc hơn ham sống. Nó làm hì hục từ sáng đến chiều như một con trâu, cắm cúi không cười không nói. Cái vai nó chẳng bao lâu đã u lên, trông nó càng thêm ngớ ngẩn. Làm xong thì nó lăn ra ngủ. Không ngủ thì nó nhìn xuôi, nhìn ngược bằng những con mắt lờ đờ. Nó chẳng đi đâu. Kinh nghiệm dạy cho nó nên như vậy. Hồi lên mười, nó mon men đi ra, nó đến cửa nhà thờ hội họp với bọn trẻ con cùng xóm, nhưng chẳng bao lâu bạn nó lảng dần. Nếu không thế, có đứa bị cha mẹ đánh. Người ta vẫn sợ cái giống nhà thằng trương Rự: nó hiền lành hơn cha nó nhưng nó cục thì biết đâu? Nó có thể đánh què quặt con mình được. Có lần thấy Đức, bọn trẻ đứng dồn lại với nhau, rồi vừa nhẩy cẫng lên vừa kêu la ầm ỹ thành điệu hát:

- Con thằng Thiên lôi, đâm lòi bụng vợ! Con thằng Thiên lôi, đâm lòi bụng vợ! Thằng Thiên lôi….

Thoạt tiên, Đức muốn cười. Nhưng rồi nó ngớ ngẩn đưa một tay lên má. Cái mặt nó thêm xị xuống, chực rỏ giọt như làm bằng sáp gặp khi nóng quá. Rồi nó lẳng lặng quay trở về. Vừa thấy bà, nó ôm lấy bà mà khóc. Lần đầu tiên hắn ôm lấy bà mà khóc. Bà thương cháu nhưng cũng sung sướng nữa. Có mấy khi nó gần bà như bây giờ? Có mấy khi nó cần đến bà ra mặt như bây giờ? Bà được che chở và an ủi nó. Bà dặn nó đừng chơi với những trẻ kia. Từ đấy, Đức chỉ luẩn quẩn ở vườn nhà, chơi với những cái bẹ màn chuối, dùng làm thúng đong đất, đem bán cho những cây cam, cây khế. Cũng chẳng sao. Bà quản Thích nhân thế dạy cho hắn làm vườn rất sớm. Mười lăm tuổi hắn đã thành thạo công việc rồi. Nhờ thế, nhà bà quản Thích đỡ nghèo hơn. Chẳng được giàu như trước nhưng cũng dễ chịu. Ngày ngày cháu bà đã được bữa đói bữa no. Có khi tối đến còn được luộc củ khoai, củ ráy. Những ngày trời trở tráo làm bà buồn chân tay hay là đau lưng, bà đã có thể nằm nghỉ ngơi. Bà sẽ sung sướng nữa nếu cháu bà không thầm lặng mãi, nếu cháu bà không thầm lặng quá. Hắn có gì giấu kín ở trong lòng? Cũng có lẽ hắn chẳng có gì ở trong lòng cả! Lắm lúc, bà thấy buồn vắng quá. Bà cần nói để hắn nghe và cần nghe hắn nói. Hắn không hề bắt chuyện. Hắn chỉ im lặng hay thở dài. Trời ơi! Bà muốn bớt đời sống đi một vài năm cũng vui lòng nếu có thể biết hắn thở dài vì đâu?

Bây giờ Đức đã mười tám tuổi. Hắn lớn lắm nhưng vẫn lặng lẽ, ngờ nghệch và hay thở dài. Mắt hắn lờ đờ tựa mắt trâu. Lúc nào hắn cũng có vẻ ngậm một mối buồn xa xôi, vương lại từ kiếp trước. Lúc nào hắn cũng ngơ ngác như một người sáng dậy, còn ngồi thừ trên giường, nhớ tiếc một cơn mơ đã xóa nhòa mất hơn một nửa. Tuy vậy, hắn vẫn chăm chỉ làm. Hình như hắn làm vì quen tay, làm bằng tay thôi, không cần để vào đấy một chút mảy may ý tứ. Đó là một con người rỗng. Người ta có thể nói tất cả hắn phồng ra thành da, thành thịt. Ở trong cái xác to lớn ấy chỉ có một tí ti linh hồn.

Hàng xóm, láng giềng bắt đầu cho hắn là một thằng ngây ngô. Họ bảo hắn chẳng biết ghét thù ai nhưng cũng không nên trêu trọc hắn. Nhưng con vật, chỉ vì thiếu trí khôn nên hay giận dữ, mà khi giận dữ thì vô cùng nguy

hiểm. Thấy hắn làm khỏe, họ thuê hắn làm, đó là một dịp để hắn giao tiếp cùng người khác. Bà quản Thích lấy làm may mắn. Người ta biết rõ cháu bà hơn. Người ta sẽ hiểu rằng cháu bà hiền lành và chăm chỉ. Nhờ thế, chỉ nhờ thế cháu bà mới có thể có một con vợ được. Là vì bà đã băn khoăn nghĩ đến cái sự lập gia đình cho cháu rồi; chẳng qua chưa biết làm sao được, làng này khó có ai chịu gả con cho một thằng đã ngớ ngẩn thì chớ, lại là con thằng Thiên lôi; tìm những chốn xa xôi thì không có tiền. Chẳng lẽ cháu bà đành không có vợ? Xấu tốt gì, miễn là có người chịu lấy là bà tìm tiền lo cho nó rồi. Chết cái ai cũng tưởng hắn là một giống gì quái gở. Nếu hắn đi làm thuê cho người ta ít lâu biết đâu chẳng gặp người thương yêu? Vì thế, bà bảo Đức cứ nhận lời, ai thuê cũng làm. Chẳng tỏ ý tán thành hay phản đối, Đức thản nhiên nghe theo bà.

Như thế được ít lâu, Đức gặp gỡ một người con gái quả như lời bà đoán. Nhưng sự gặp ấy có một kết quả trái hẳn lòng bà mong đợi. Không phải sự sum họp nhưng lại là nát tan. Chao ôi! Khi người ta đã chẳng là một con người như bao nhiêu người khác thì chạm làm gì vào người đàn bà? Người đàn bà là sự bình thường; đó là một cái gì ngay ngắn. Người đàn bà chỉ có thể sống trong khuôn khổ. Họ như những cái toa tàu hỏa, họ cần theo những con đường đời đã vạch sẵn để mà đi. Trệch ra ngoài là ngả nghiêng, trệch ra ngoài là đổ vỡ. Hại cho chính họ và có khi thiệt lây người chung quanh.

Khốn nỗi, Đức lại bị đàn bà chạm đến. Người ấy tưởng chạm đến một hình nhân. Có ai ngờ một thằng ngớ ngẩn lại có thể là một thằng biết cảm xúc như một người lành vậy. Không những thế, cảm xúc lại làm sống lại. Đức tự nhiên biết tình.

Tên nó là Nhi. Nhi con nhà nghèo, làm con nuôi cho một nhà vẫn thuê Đức làm. Con nuôi hay con ở thì cũng thế: đều là những kẻ bán sức mình kiếm ăn, có điều con ở được nhận công năm, con nuôi bán thân ngay một lúc, cha mẹ đẻ nó lĩnh vài chục bạc và từ đấy nó đã trở nên hoàn toàn thuộc quyền người ta. Nhi mười chín tuổi. Nó chẳng lấy gì làm đẹp, có thể nói thẳng ngay rằng xấu. Nhưng nó trắng lắm, trắng như con lợn cạo. Người nó phục phịch quá, giá có phải lợn, bán được đến hơn hai mươi đồng. Bàn chân to và đầy hùm hụp, nhấc được lên kể đã là khó nhọc. Cái mặt thì chỉ

thịt rồi lại thịt, nẫn lên những thịt. Hai má phị, cái mũi to mà lỗ thì lại nhỏ, gần như đặc, mắt không còn chỗ để phô ra; cái mi mắt đủ đầy như một cái môi, và cái môi thì dày như….không có cái gì dầy đến thế. Nhưng mà nó lại rất hay cười và rất hay phải chửi! Đức thấy nó õng ẹo và đáng thương. Hắn dần dần thương hại và thích nó, thích nhiều hơn là thương hại. Làm quen nhau cũng chỉ vì trưa trưa, Nhi phải đem nước chè tươi và khoai lang ra vườn cho người làm. Mới đầu hai người chẳng nói gì. Nhi lẳng lặng đặt ấm nước và cái bát lên mặt đất, mấy củ khoai lên cái vung ấm nước, rồi cứ bỏ đấy về. Đức xoa tay nọ vào tay kia để phủ đất quệt ống tay áo qua trán hai ba cái rồi rót nước uống một bát, ăn một củ khoai, uống thêm bát nữa, quệt mồm mấy cái rồi lại quay ra làm. Hắn chả dám nhìn Nhi. Ai chả vậy: nhìn trộm một người lắm thì không dám nhìn người ấy nữa. Nhưng một hôm, Nhi ngồi lại. Ý chừng người nhà đi vắng cả nên chị chàng len lén chơi, không mải mốt như mọi ngày. Đức bối rối không biết có nên vào uống nước không. Nhi nhăn nhở cười, nói bằng cái giọng khó nhọc – tiếng nói, chui qua nhiều lớp mỡ ở cổ, hình như hết hơi rồi:

- Anh dừng tay vào uống nước đã.

Đức thở dài rất to. Tiếng thở dài thoát ra như tiếng rên. Rồi hắn vừa nhìn trời vừa đi lại gần ấm nước để ngay trong lòng Nhi. Nhi ngồi xệp xuống đất, hai chân dạng ra hai bên, khum khum nửa duỗi nửa co như dùng làm bờ để che ấm nước. Đức ngần ngại không biết nên ngồi xuống hay cúi lặt một củ khoai rồi cứ đứng mà ăn thôi. Nhi bảo hắn:

- Anh ngồi xuống đây. Vừa uống nước, vừa nghỉ ngơi, đi đâu mà vội. Đi làm thuê, tiền nào của ấy, cũng chẳng tội gì tham việc lắm, khổ thân mình, mà lại ai thương.

Đức muốn trả lời mà chả biết trả lời sao được. Hắn lại thở dài như rên. Nhi buồn cười. Nó thấy cái mặt ngây ngây của Đức buồn cười quá. Hai cánh mũi anh ta cứ phập phồng, phập phồng như một anh nín cười. Nó muốn trêu anh chàng này chơi:

- Kìa sao anh không ngồi xuống?

Đức ngoẹo cái đầu về một bên, từ từ hạ người xuống, lom khom ngồi xổm, mắt không dám dời củ khoai. Nhi ranh mãnh nhìn thẳng vào mặt hắn, hai mắt Nhi cố hé ra lăn tăn cười. Mắt Đức rụt rè nhìn vội một cái rồi lại mải mốt lùi về, y như một con chuột nhắt chực ra khỏi lỗ. Nhi thấy thế, càng trêu thêm:

- Anh Đức này! Sao anh hiền quá nhỉ?

Đức nhe răng ra cười. Lần đầu tiên trong đời hắn chăng? Ít ra thì giờ Nhi mới thấy. Nhi thích chí:

- Sao anh không lấy vợ?

Đức lại nhe răng cười. Cái đầu hắn ngoẹo thêm đi. Hai cánh mũi phập phồng thêm nữa. Nhưng mắt hắn, sợ người ta trông thấy, chực lẩn đi. Con trai gì mà e lệ hơn con gái! Nhi cười đỏ mặt. Nó muốn ôm lấy đầu hắn mà bang, mà xoa, mà lay, mà lắc như người ta đùa một đứa trẻ con lừ đừ. Nó trơ tráo bảo:

- Tôi yêu anh hiền lành, muốn lấy anh làm chồng quá! Anh có lấy tôi không, anh Đức?

Đức không im lặng nữa. Hắn quay đầu ra bên phải. Tiếng cười bật ra: "hừ hừ". Nhi cười lăn ra vườn. Chưa bao giờ nó được cười đến chán như thế này. Khi thong thả, người ta hay vui vẻ.

Nhưng từ hôm ấy, Đức thay hẳn người. Hắn nhanh nhẹn hơn trước, mắt đỡ lờ đờ, hay tủm tỉm cười; bà quản Thích thấy cháu đột nhiên trở nên hay chuyện. Nó gở chết hay sao mà lại thế? Có hôm nó lẩn thẩn ngồi bàn với bà những cách làm giàu. Hắn sẽ cố dành dụm để lấy tiền thuê lấy một vài mẫu ruộng; thiếu gì người có ruộng muốn cho làm thuê? Chỉ cốt có một con bò; hắn sẽ làm ruộng nhà và nhận ngả ruộng cho người ta nữa. Mấy chốc mà lên ngay. Trời cho mạnh khỏe ta bỏ một vài con lợn; bà cụ bây giờ già yếu rồi, vườn ruộng không làm được thì cứ quanh quẩn ở nhà cố mà chăm lấy…Bà quản Thích mỉm cười, lườm cháu:

- Chăm cho nó béo lên để rồi cho anh cưới vợ có phải không? Gớm! Sao anh chẳng khôn tí nào?

Hắn cười, đáp lại:

- Cưới thì cưới, chẳng cưới thì bán đi, dễ không có tiền đấy phỏng?

- Nào ai bảo anh đừng cưới? Tôi bây giờ già rồi, lại chẳng mong anh có vợ, có con để lúc Chúa có bắt tôi nằm xuống đấy cũng được yên cái lòng đấy à? Vậy anh đã tìm được đám nào chưa?

Hắn cười híp lại nhưng vẫn không nói gì. Thật sự thì hắn đã đến cái thời kì mê cái Nhi lắm lắm. Những hôm làm "bên ấy" chẳng hôm nào là anh chị không tìm cách trao đổi cho nhau ít ra là một nụ cười.

Anh chị yêu nhau được khá lâu. Ấy cũng bởi không ai ngờ. Nhưng cũng chính vì thế mà đến lúc người ta đã ngờ thì thật là ầm ĩ. Người ta bảo: nếu thế thật thì đến trời cũng chết.

Rút cục chẳng có ai chết cả. Chỉ có Nhi là dần dần chết thôi. Việc xảy ra như thế này: cái câu chuyện mới ấy, khi đã đi khắp xóm, liền tót vào nhà ông bố nuôi của thị, ông cửu Hòa. Việc đời cứ vậy: ông trời muốn người trong nhà bao giờ cũng phải nghe chuyện nhà mình ở môi miệng một người ngoài ngõ. Có thế mới vui, nếu không, những cái miệng đàn bà chỉ dùng vào hai việc: ăn và uống.

Ông cửu Hòa ngày xưa đi lính đóng cai; tuy mãn hạn đã lâu rồi mà ông còn giữ được cái cốt cách nhà binh lắm. Sau khi nghe một người ưa chuốc chuyện, tố cáo cái việc con tiều kia cho ông biết, ông ưỡn ngực ra, vênh cái mặt, giơ một ngón tay lên ngang trán:

- Bồng!

Thế nghĩa là ông hiểu rồi. Mặt ông đỏ bừng bừng. Ông ngật ngưỡng bước về nhà, quăng cái khăn xếp lên giường, gãi gãi cái đầu một lúc. Ấy là ông nghĩ ngợi. Rồi tự nhiên như điện giật, ông ngồi ngay ngắn người lên. Ông cất tiếng rất vang, gọi:

- Cái Nhi đâu rồi?

Có tiếng Nhi thưa dưới bếp.

- Lên đây tao bảo.

Thị Nhi lên! Nó đã thấy trống ngực đập nhưng làm ra mạnh bạo: nào có tội vạ gì đâu mà cần! Bát đĩa lâu nay chẳng cái nào vỡ cả. Bàn ghế sạch sẽ, nhà cũng vừa quét xong. Ông còn định hạch lạc gì nữa mà làm oai vệ thế? Nó vừa nhô mặt lên, ông đứng phắt dậy, tát cho không còn biết bao nhiêu chiếc. Nó giúi về bên này; rồi lại giúi về bên kia. Cứ mỗi cái tát, ông lại đưa đà bằng một tiếng "bệt" hay "xà lù".

- Bệt! Xà lù!... Bệt! Xà lù!...

Cứ nhịp đôi như vậy, mới nghe như một người đánh điện tín chẳng cái nào sai cái nào. Nhi không kêu một tiếng. Nó đã biết tính bố nuôi từ lâu lắm: càng kêu lại càng làm ông hăng. Đánh chán tay, ông ngừng lại: nhờ trời Nhi khỏe mạnh nên không hộc máu mũi. Hai má nó đầy vệt trắng, vệt hồng. Nó xụt xịt. Cái ngực đồ sộ nhảy lên như cái đệm xe gặp khúc đường lồi lõm. Nó khóc không ra tiếng nhưng thịt khắp người rung lên. Ông cửu ngồi xuống ghế, đặt một tay lên bàn, xô người về phía nó, hất cái cằm lên – làm như mắt ông bên dưới cằm – và hỏi:

- Nhi! Mày đã biết cái tội của mày chưa?

- À! Đã vậy thì nghe cho rõ, ông không đánh oan bao giờ cả.

- Mày hư lắm lắm! Ai bảo mày? Ai bảo mày?

Ông hạ cho tiếng ông nhỏ lại. Rồi ông kể những lời vừa nghe. Nhi cứ câm như hến. Không phải nó biết tội mà không dám cãi. Nhưng sự kinh nghiệm bảo rằng: cãi chỉ thiệt, không lợi gì. Hình phạt chịu trước khi tuyên bản án. Bày tỏ được nỗi oan cũng không thể tát lại ông cửu được. Có khi ông muốn lấp miệng nó đánh thêm cho vài cái nữa hay giức toáng lên không biết chừng…Ông kết luận:

- Con gái như thế là đồ hư, có biết không? Giá mày ở nhà mày thì mặc mày. Nhưng tao nuôi mày trong nhà, trong cửa nhà tao, mày làm thế người ta cứ tao mà người ta chửi. Cái mặt tao còn ra cái gì? Mày trả ơn tao thế đấy!

Nghĩ một lúc để tìm huấn lệnh, ông bỗng nhiên lại hỏi:

- Sao mày hư thế hở?

Nó biết rằng làm sao! Giữa lúc ấy thì bà cửu ở đâu lần về. Bà nhìn ông rồi lại nhìn Nhi hỏi:

- Làm sao thế?

Ông thô tục:

- Làm sao! Đánh đĩ chứ còn làm sao!

Bà trợn mắt, như thấy một cái gì quái gở:

- Chết thật! Đầu đuôi làm sao thế cậu?

Tiếng "cậu" là tiếng ở thành phố người ta mới thải vềcho những cặp vợ chồng học làm sang ở thôn quê. Ông cửu kể lại tội trạng của Nhi lần nữa. Bà cửu vừa nghe vừa kêu:

- Chết nỗi! Chết nỗi! Sao nó hư thế! Sao nó hư thế!

Chỉ nghe bà nói đã đủ lộn máu lên rồi. Huống hồ bà lại còn giềcái môi ra, thả tất cả những nỗi khinh bỉ vào mặt nó. Nó không còn nhịn được. Nó hu hu, vừa khóc vừa nói to tướng như thể cho cả hàng xóm biết:

- Con tưởng…thưa mợ, con tưởng thế gian như con cũng đầy!

Bà cửu nảy hẳn người lên như một cái lò xo. Bà xỉa xói vào mặt nó. Bà nhảy chồm lên nó. Tóc nó đã xổ ra từ lúc nãy. Bà xoắn lấy, bà cào, bà cấu, bà tát, mồm thì gào lên như chính bà bị đánh. Ông cửu nghiến răng lại:

- Thôi, hàng xóm người ta chửi chúng mày ngoài kia!

Rồi ông nằm dạng chân tay trên giường, mặt hầm hầm. Lòng ghen chợt thức dậy, cuồn cuộn đưa lên ngực, lên cổ. Ông giặng è è như thể khạc nó ra. Bà cửu thấy thế càng làm dữ. Nhưng om xòm mãi, ông nổi giận lại lôi thôi nên bà ngồi phịch xuống, vừa thở hổn hển vừa chỉ vào mặt Nhi:

- Bà không nuôi mày nữa! Cút ngay ra khỏi nhà bà từ hôm nay.

Ấy người ta mấy cần! Nhi có thiết cái nhà này đâu. Nó không đi là vì nó cũng nghĩ rằng chẳng còn bao lâu nữa nó đã có thể đi lấy chồng. Ở ngót mười năm trời còn được thì vài ba năm nữa cũng được. Đi làm gì cho mang tiếng. Nhưng bây giờ làm ra thế, ừ thì đi!... Nó vùng vằng xuống bếp và ngồi chúi vào một xó, gục đầu xuống đầu gối, khóc. Trên nhà, bà cửu len lén nhìn trộm ông cửu. Thấy ông hậm hực, bà chép miệng, chửi khe khẽ: "Quân trắng mắt!".

Bà biết trước đêm nay thế nào ông cũng đay nghiến bà suốt đêm.

Bà quản Thích thấy Đức mấy hôm nay luôn luôn gắt gỏng. Thoạt tiên hắn gắt gỏng bằng nét mặt: nét mặt hắn luôn luôn gây sự; cái môi dưới cố hất lên, đôi lông mày nhích lại với nhau thì lại cố mà lấn xuống; những con mắt lúc thì khoằm khoằm, lúc thì lại cong lên như muốn nhảy tót ra vì tức quá. Im lặng là chứa chất. Cố nhiên phải có lúc cơn nóng giận rung ra bằng lời nói: hắn chửi con chó, con mèo và "chúng nó". Sau cùng đến chân tay: tội nghiệp cho cái rổ, cái rá may hay cái cuốc! Tội nghiệp nhất là bà quản Thích! Mỗi lần thấy hắn đập phá, bà run lên cầm cập. Không khéo hắn lại có cái máu của cha hắn rồi. Chẳng biết làm thế nào, bà chỉ đành yên lặng. Ở với bố nó mãi, bà còn lạ gì! Khuyên can đều vô ích, mà cản trở thì thiệt vào thân ngay. Nhưng bà nghĩ mà lo lắng. Hắn đột nhiên vật mình vật mẩy như thế: không khéo thì chết mất. Cái triệu đã rành rành ra đấy, xưa nay hắn có như thế bao giờ đâu? Tự nhiên, đang câm như hến, đổi ra nói huyên thuyên như con khướu; rồi đang vui vẻ, bỗng dưng chẳng ai trêu, ai ghẹo cũng xoay ra vùng vằng như là dỗi ai.

Dỗi ai? Mà ai làm gì mà nó dỗi? Tội nghiệp cho bà già ấy! Bà còn ngây ngô hơn cháu bà! Bà không biết một tí gì ư? Bà không nghe người ta bàn

tán nhao lên đấy à?

Cái Nhi bị ông cửu Hòa gọt đầu bôi vôi và đuổi đi đâu rồi. Nhưng cũng có người thì bảo ông không đuổi, nhưng nó chửa nên bỏ nhà trốn đi. Có mà trốn đường trời! Cái ông cửu ấy chẳng chỗ nào sót vết chân, còn đến nước gì mà để nó trốn đi? Vả lại, trốn đi thì người ta róc xương bố đẻ nó ra chứ: lấy tiền của người ta, nào phải chuyện đùa hay sao? Người khác, giàu tưởng tượng hơn, thì lại kể một câu chuyện có đầu có đuôi tử tế. Người ta bảo ông cửu Hòa gả nó cho tây đen rồi sợ bố mẹ nó lôi thôi nên ông giấu giếm đi như vậy.

Nhiều người cho câu chuyện này rất là lý thú. Chẳng thiếu gì người đã ao ước gả đứa con gái chắc nịch của mình cho một ông tây đen: được hai trăm bạc nhé, con mình sung sướng nhé. Nhưng anh binh Tảo thì cố chết cãi rằng nói thế là nói hoẹt. Ngay đến ngoài tỉnh thành, các cô thiếu nữ tân thời quần trắng lốp, môi son, má phấn, đẹp như tiên, nói tiếng Tây như đầm vậy mà chúng nó cũng không thiết lấy.

Thế thì ông biết tin ai được? Mỗi người nói một cách, rốt cục chẳng ai hiểu Nhi đi đâu. Có điều chắc chắn là nó không còn ở nhà: ông Cửu vừa thuê con ở rồi. Có hỏi ông hay bà ấy thì chỉ thấy trả lời: nó hư lắm, chúng tôi không nuôi nữa. Rồi thì ông hay bà nói lảng còn ai biết đầu đuôi ra thế nào? Đức băn khoăn lắm. Mà tức mình nữa là đằng khác. Ừ, thì cho rằng nó có đi đâu nữa, không há mồm ra mà bảo hắn lấy một vài lời hay sao? Chẳng qua là nó bạc, cái bụng dạ đàn bà biết đâu mà lường? Có khi nó thấy người ta cười, xấu hổ trốn đi không biết chừng!... Nghĩ thế thì hắn đau khổ lắm. Con thằng Thiên lôi! Con thằng Thiên lôi! Hắn sinh ra thì thằng Thiên lôi đã chết từ bao giờ rồi. Hắn chẳng biết cái thằng Thiên lôi ấy mặt mũi như thế nào mà sao hắn cứ phải đeo cái nhục của thằng hung ác ấy? Hắn còn nhớ có lần Nhi bảo hắn:

- Anh Đức ạ! Tôi mà lấy anh thì cũng chỉ vì mến cái nết anh hiền; chứ người khác mà bố mẹ như bố mẹ anh thì có các vàng tôi cũng chịu. Anh đừng giận: tôi dám chắc ế thì thôi chứ chẳng ai đâm đầu vào lấy con một thằng ăn cướp, giết người, một đứa chồng vừa chết chưa ráo mồ, con vừa sinh còn đỏ hon hỏn đã vội vã theo trai…

Đức buồn rầu. Nhi an ủi bảo:

- Nhưng mà tôi thì tôi mến cái nết của anh lắm! Anh không giống bố mẹ anh đâu.

Đức chẳng nói sao, thở dài, Nhi thương hại, mỉm cười bảo:

- Anh lo tôi không chịu lấy anh phải không? Đừng sợ: anh cứ thu xếp đi, nếu cậu mợ tôi gả thì thế nào tôi cũng lấy. Đứa nào nói gì tôi gang mồm nó ra. Anh cũng chẳng việc gì mà nhịn.

Đức nghe câu ấy mà hả dạ. Nhưng bây giờ! Có lẽ Nhi biết chẳng gang mồm ai được nên đành bỏ đi chăng? Hay chính Nhi cũng đồng ý cùng bao nhiêu người khác? Đức càng nghĩ ruột càng rối lên. Sau những ngày hung hăng đập phá, nỗi đau đớn lại ngấm vào bên trong. Đức lại trở lại thờ thẫn, không nói không cười và hay thở dài. Hắn chán nản công việc, không trông nom vườn đất nữa. Bữa ăn, bà quản thấy hắn nhai bã mồm ra cũng chưa nuốt; hắn ăn lâu lắm mới hết một bát cơm, vừa uể oải và cơm vào miệng vừa đờ đẫn nhìn khoảng không. Ăn xong, hắn xỉa răng uống nước, rồi thờ thẫn ra đi, chẳng biết đi đâu, có khi tận tối mịt mờ mới về. Nhiều lần, bà quản để cơm hắn cũng không buồn ăn nữa. Ban đêm, hắn sạo sục rất lâu mới ngủ. Chẳng bao lâu người hắn gầy hẳn đi.

Bây giờ bà quản Thích cũng biết nguyên do cái buồn của cháu bà rồi. Bà giận thiên hạ lắm. Cái thiên hạ rỗi mồm, và cứ hay húc đầu vào những việc chẳng liên can gì tới họ. Bà nghĩ đến ngày con nuôi bà còn sống. Hàng xóm cứ là len lét, hơi hé mồm nói lôi thôi là gãy răng. Nó xấu xí như ma, xấu đủ mọi nết, thế mà hai lần lấy hai con vợ cứ gọi là như hoa. Chẳng đứa nào ngoác mồm ra mà chê đi. Bà muốn cháu bà cũng hung ác được như bố nó, rồi mà xem: dù đứa nào có đẹp đến như tiên, hỏi đến mà không lấy thì cứ gọi là mượn cổ. Ở đời này, không tranh cướp thì nhiều khi đành tay không; giật lấy thì lắm người chịu đấy chứ xòe tay ra xin thì mấy người thí cho? Bà bảo Đức:

- Có phải con muốn lấy vợ thì để bà liệu cho. Gần không được thì xa…

Hắn không cho bà nói hết, hắn trợn mắt gắt lên với bà:

- Im đi! Đừng lôi thôi.

Bà tủi thân lắm, nhưng đành chịu, biết nói sao! Bà còn cố giấu nước mắt cứ chực rơm rớm ra mi nữa. Từ đấy bà mặc hắn với nỗi buồn của hắn. Bà chỉ biết cúi gò tấm thân tám mươi tuổi của bà trên mảnh vườn con để tìm cái sống cho hai người…Nhưng một hôm, vừa thức dậy bà thấy Đức lại gần bà. Hôm trước hắn đi suốt ngày, mãi khuya mới về, trông mặt hắn, bà biết hắn có điều gì muốn nói. Bà nhìn và đợi. Nhưng hắn không nói gì. Hắn chìa cho bà bốn cái giấy bạc, bốn đồng. Bà muốn hỏi. Hắn ra hiệu cho bà cầm lấy. Rồi ngoắt đi. Ngày hôm sau, có người bảo với bà rằng hắn xin sở mộ phu cho đi Sài Gòn.

Cả làng lại xôn xao. Kẻ thì bảo hắn đi với cái Nhi; hắn tìm thấy thị lẩn lút đâu ngoài tỉnh và bàn nhau cùng đi Sài Gòn; có người quả quyết rằng trông thấy hai đứa cùng vào sở mộ. Kẻ thì bảo hắn đi tìm mẹ hắn, mẹ hắn bây giờ giàu có lắm, tiền của có bạc vạn, nhắn người về tìm con. Họ kết luận: từ nay hết giống nhà Thiên lôi ở cái làng Vũ Đại này. Bà quản thích bực mình, chửi:

- Cha mẹ chúng nó ngứa mồm! Chính bà còn chưa biết ra sao. Rõ những quân dông dài!

Bởi vì cái đức nhịn của bà đã kém rồi. Bà nghèo đi, trông trước, trông sau, không còn chỗ nào nương tựa, bà đành lại thắt lưng buộc bụng, để dành dăm bẩy đồng mua một cái áo quan về đợi ngày chui vào. Bà nghĩ đến cái chết của bà: cô quạnh giữa một khu vườn hoang, không có lấy một người lại gần mà vuốt mắt. Có lẽ cũng chẳng ai biết để mời cha xứ về cho bà được ăn mày các phép trước khi từ giã chốn khách đày. Cái chết của bà sẽ là một cái chết cheo leo. Ai sẽ đọc cho bà dăm ba kinh để cầu nguyện cho linh hồn bà phải giam nơi huyện ngục? Buồn thay cho đời tàn!...

Nhưng trời đã định cho bà quản Thích không phải cô độc cho tới lúc chết, cô độc trong lúc chết. Cho nên cỗ áo quan đã mua rồi, bà ốm nặng hai ba trận mà bà không chết. Cái kiếp sống vất vưởng ấy cứ bập bùng chực tắt mà không tắt. Nó cứ còn mãi, còn để sợ từng cơn gió, để run rẩy trước từng cơn gió. Như thế, thà chết quách đi cho rồi. Đã già nua, lại đau yếu,

lại đói khát, lại bơ vơ thì khổ hơn là chết. Khốn nỗi bà cứ sống; dai dẳng như nỗi lầm than trên đời…

Rồi thì Đức lại về. Hắn về đột ngột, giữa lúc mọi người ta gần quên hắn. Hắn về với một con vợ và một cái hòm thật to. Thoạt trông không ai nhận được. Không còn phải là cái mặt ngờ nghệch và cái vai lù đù. Cái mặt gã gầy đen sạm lại; hai mắt sâu hoắm xuống, trông dữ dội nhưng tinh nhanh; má hõm vào làm lưỡng quyền nổi bật lên: như thế trông cứng cỏi và gân guốc; mấy chiếc răng vàng hắn nhe ra tỏ ra bây giờ hắn cũng là tay du. Cách ăn mặc cũng thay đổi hẳn. Cái áo trong của hắn, màu đỏ khè, có cái cổ cúp xuống như tai chó tây, phần dưới cái áo ấy đút vào bên trong cái quần bằng lĩnh đen; ngoài cùng là một cái áo tây vàng, cài một cúc. Hắn đội mũ dạ đen, lệch hẳn về một bên, và đi giày vải đế cao su. Vợ hắn mặc áo cánh trắng xát xi, quần lĩnh đen, đầu búi tóc. Chẳng có khăn, yếm, áo dài gì cả. Kể quần áo thì chẳng có gì nhưng tay đeo nhiều nhẫn lắm, chắc là có của. Có lẽ hắn tham của mà lấy chứ người thì vừa già vừa xấu. Có dễ xấu hơn cái Nhi nhiều, trông cái Nhi kể đã xấu nhưng còn mềm hơn. Con này thì người đét và cứng nhắc. Cái mặt thì cân cân, chẳng có tí nhân hậu nào. Da xấu quá, cứ tai tái, đen đen như người ngã nước; hai mắt to mà trắng dã, nhìn ai thì trân trân. Bà quản Thích mới trông đã thấy chán rồi.

Nhưng vợ chồng hắn chào hỏi bà rất vồn vã. Thằng chồng bảo:

- Con về thì về trong lòng vẫn áy náy, lo bà chết rồi. Thế mà lại còn được trông thấy bà, thật con mừng quá…

Bà sung sướng. Bà hỏi hắn đi những đâu? Hắn trả lời: hồi ấy bực trí quá, hắn liều lĩnh đi Sài Gòn. Hắn làm ở đồn điền cao su. Được ít lâu, hắn có tiền, chuộc công-ta ra ngoài buôn bán. Hai vợ chồng cố xoay xở nên cũng có chút tiền…

Vợ hắn bảo:

- Nhà con cứ đòi ở luôn trong ấy làm ăn; sợ có về, chả chắc bà còn sống. Nhưng con cố ép nhà con về. Cái nghề đồng đất nước người, tiền bạc nào biết còn lúc nào, hết lúc nào; mình cốt về nhà về cửa cho nó có nền nếp hẳn hoi, chắc chắn…

Bà khen cháu dâu nghĩ phải. Lân la trò truyện, bà biết nó cũng người ngoài này vào trong ấy làm ăn. Nó tỏ ra thạo lắm. Mà cũng biết đường ăn ở nữa: nó biếu bà quà bánh, quần áo khá nhiều. Rồi vợ chồng nó bàn định cách làm ăn: thằng chồng sẽ trông coi vườn đất như xưa; con vợ sắm một gánh hàng xén nho nhỏ ngày ngày đi chợ. Cứ thế, cảnh gia đình có thể vui vẻ được. Nhờ ơn Chúa thương, bà quản Thích may ra được yên cảnh già…

Tội nghiệp cho con người nhiều tin tưởng ấy! Chỉ năm, sáu hôm sau là bà hiểu bà ao ước hão huyền. Sáng hôm ấy, những tiếng quát tháo ầm ĩ làm bà thức giấc. Bà lắng tai nghe. Thì ra vợ chồng thằng Đức chửi nhau. Bà chán nản quá đến nỗi không buồn ra can chúng nữa. Bà biết cái thân bà sẽ khổ cho đến lúc xuống mồ thôi. Tiếng con vợ bỗng nhiên the thé:

- Quân ăn cướp! Quân giết người! Mày muốn rũ tù thì trêu vào bà!

Thằng chồng chửi:

- Đồ phản trắc! Đồ bất lương! Đồ giết chồng!

Tiếng đồ đạc đổ. Quần áo xé toàng toạc. Bát đĩa đập choang choang. Nước mắt bà quản Thích ứa ra đầm đìa.

Suốt ngày hôm ấy, mỗi người nằm một nơi. Cơm nước không ai nấu, cả nhà đình nhịn đói. Cả bà lão già đã ngoài tám mươi tuổi đầu! Bà nghĩ mà chua xót: thà chúng đừng về lại hơn. Nhưng đến gần tối thì con vợ lẳng lặng đi giết gà, mua rượu, nấu cơm, dọn lên và mời chồng ra ăn. Nó ngọt ngào xin lỗi chồng:

- Buổi sáng hôm nay, cậu nóng mà em cũng nóng. Trong lúc quá giận, em ăn nói có quá lời. Như thế là em không phải, bây giờ em biết hối, em xin cậu, cậu bỏ quá đi cho em.

Thằng chồng gật gù:

- Đã thế thì được. Chúng ta đều không phải, tôi cũng xin lỗi mợ.

- Em chả dám.

R`ồi chúng nó ăn uống với nhau, vui vẻ lắm. Thỉnh thoảng chúng lại nhìn nhau mà cười. Có lúc chúng cố ý đụng chạm vào nhau nữa. Không khác gì một đôi vợ ch`ồng mới cưới. Bà quản tủm tỉm cười, nghĩ bụng:

- Rõ thật là trẻ con.

Và bà tưởng chúng sẽ thân mật với nhau lâu dài. Nhưng chỉ sáng hôm sau là chúng lại chửi bới, đánh đập nhau được r`ồi! Cứ như thế, chúng ngấu nghiến nhau suốt cuộc đời trong địa ngục. Mà bao giờ cũng vậy, cứ sau khi xô xát là chúng lại làm lành với nhau ngay. Có khi chúng lại hối hận quá, nhìn nhau mà khóc. Nhưng r`ồi lại cứ phải chửi nhau luôn sau đấy. Có khi mâm rượu làm ra để xin lỗi, ăn chưa trọn bữa, chúng lại hất cả n`ồi niêu bát đĩa đi, đánh nhau được r`ồi.

Một hôm, đi ra tỉnh cất hàng v`ề, con vợ dắt theo một con bé độ mười một, mười hai tuổi, giống nó như mẹ với con, cũng da thiết bì, mắt trắng dã, người cứng như que rào. Nó hí hửng, vừa cười nhe cả lợi ra vừa nhăn nhó bảo ch`ồng:

- Cậu ạ, con nuôi của chúng ta đây này!

R`ồi nó kể lại lúc gặp con bé ấy:

- Tôi chẳng biết nó là con cái nhà ai. Nó cũng không biết cha mẹ nó. Nó bảo nó lạc tự còn bé. Mế nuôi nó đánh nó nên nó trốn đi. Nó lang thang hai ba hôm nay r`ồi. Sáng hôm nay, tôi giở đi, nó giở lại, tôi trông thấy nó, nó trông thấy tôi, thế là nó ôm choàng lấy tôi mà khóc đòi theo tôi v`ênhà.

Đức chẳng tin cho lắm nhưng hắn cũng không muốn hỏi lôi thôi. Hắn bằng lòng nuôi con bé. Từ đấy, trong nhà lại um thêm lên một bực. Bởi vì vợ rất nuông con bé, ch`ồng hơi động đến thì vợ lại cong cớn, xỉ vả.

Từ hôm ấy, con vợ lăng loàn của hắn, đối với hắn, vụt thành ra quái gở. Hắn không còn nhận ra mặt nó. Mặt nó mỗi lúc một khác, một ngày đến một trăm thứ mặt. Lắm lúc, mắt nó long lên, trông sợ lắm. Có đêm, đang ngủ tự nhiên giật mình tỉnh dậy, Đức thấy trống ngực đập như đang sợ hãi; hắn mở mắt ra thì thấy vợ ng`ồi chống tay nhìn mặt hắn; tóc nó xõa xượi,

mắt nó lấp lánh trong bóng tối. Đức lạnh toát người không dám giẫy, hắn nhắm mắt lại cố tĩnh tâm, chờ. Nhưng vợ hắn đã lại nhẹ nhàng nằm bên cạnh hắn: nó biết chồng nhìn thấy chăng?

Trời ơi! Nó là người hay là cái quái gì về đây báo oán? Đức càng ngày càng nghi ngờ và càng lo. Quả thật, tự nhiên đâm đầu về cái quê tối mò mò mà ở, người ta nhút nhát đi là phải lắm. Cảnh vật thì yên tĩnh quá; những giậu tre rậm như rừng, chiều đến, thở ra u ám; khu vườn hẻo lánh tựa bãi tha ma; đất này là đất hoa màu, nhiều vườn ít ruộng, vì thế nhà nọ cách nhà kia xa lắm. Cái nhà gianh của bà cháu Đức đứng chơ vơ giữa một cái vườn chuối, có giậu bao vây thành một khu riêng, trước mặt là cái nhà thờ, trừ hai tuần làm phúc còn quanh năm lặng lẽ như một nơi bí mật. Từ trong nhà thờ, thỉnh thoảng đưa ra những tiếng gỗ kêu; ai đã ở lâu ngày một nơi tĩnh mịch đều nhận rằng những cái kèo, cái cột, một đôi khi vô cớ kêu rền rĩ, hình như chúng tê mỏi mà vươn mình hay sốt ruột mà rên lên. Chốn này có vẻ như một nơi ma ở quá! Đức tiếc cái miền đất đỏ quanh năm nắng chói trong Nam Kỳ. Ở đấy, hắn có biết sợ là gì đâu? Hắn trông một người chết cũng như một con mèo chết. Mà chẳng có ma mãnh gì, ai cũng táo tợn và gan góc, không sợ tội cũng như không tin phúc; những cái uất ức và liều lĩnh của bốn phương đến tụ họp nơi này. Ở đấy chỉ có người hát lại ma: những sự kì dị như Đức vừa nhận thấy làm gì có được? Thốt nhiên hắn muốn đưa vợ đi chỗ khác. Đến những chốn đông đúc như đến vùng mỏ để nhập bọn với những trai tứ chiếng, gái giang hồ, đời của hắn sẽ pha trộn với đời của bọn kia; hắn sẽ lại có đủ gan góc để đối phó với bất cứ một cái ghê gớm gì, người hay ma. Những tay anh chị đều luyện cái gan dạ của họ theo cách ấy: không ai cứ ngồi ở nhà mình mà thành du côn. Phải đến những chốn mà người ta gọi là "quân hồi vô phèng" để xem bọn cố cùng đem máu của mình ra mà tranh sống, để mà tập sự. Trước kia, nào Đức giỏi giang gì? Thế mà chỉ sống ít lâu ở nơi đồn điền, hắn đã học được những cách "chơi nhau" rất ngược. Cái nhà quê ủy mị và nhu nhược này quả có làm con người mềm yếu đi!...

Suy tính kĩ càng như thế rồi, nhân lúc vợ đi vắng, Đức bảo bà rằng:

- Con không ngờ nó lăng loàn đến thế. Con những tưởng đem nó về chốn nhà quê hiền lành này cho nó bắt chước người ta mà tu tỉnh lại. Ai ngờ nó

vẫn cứ chứng nào tật ấy. Ở đây mà nó cứ giở cái giọng du côn ra với con thì con không thể cũng giở cái giọng du côn ra với nó. Chi bằng con lại đưa nó đến cái chốn du côn để trị cho nó biết tay, kẻo nó tưởng con sợ nó.

Bà quản Thích thở dài không nói gì: bà đã nhất định không dự vào công việc riêng của chúng.

Vợ Đức ở đâu xồng xộc vào:

- Cái giống nhà mày bạc! Cái giống nhà mày Thiên lôi!

Chà! Quá lắm! Đức không thích nghe nó nhắc đến dòng dõi hắn. Hắn nghiến răng lại. Chẳng qua cũng bởi cái con đĩ Nhi hớt cho nó biết. Hắn muốn băm vằm Nhi ra. Hắn quắc mắt lên, hai má hắn hõm vào để cái mũi phình hẳn ra. Trông cái mũi hắn như dọa nạt. Hắn muốn vồ lấy con dao nhảy bổ vào mà đâm, mà chém. Nó cứ nói lên tiếng nữa! Nó cứ nói lên tiếng nữa!

Nhưng nói ngồi phịch xuống đất, ôm mặt hu hu khóc. Bỗng nhiên nó làm như người hờ:

- Ối trời đất ơi! Sao mà cái kiếp tôi nó khổ như thế này? Tôi đã vất hết mọi cái đi vì người ta, mà người ta thì coi tôi như cái rơm, cái rác. Tôi giết người vì người ta mà người ta định giết tôi!

Mặt Đức tự nhiên chùng lại. Hắn tỏ ra mệt mỏi và chán nản trút tất cả nỗi hung hăng ra thành một tiếng thở dài. Con vợ vừa khóc, vừa rên rỉ, vừa đi về buồng. Trưa hôm ấy nó nhịn cơm. Đức thấy nó cứ nằm úp mặt vào tường mà khóc lóc, đứa con nuôi của nó chạy ra, chạy vào, bu ồn thiu. Đức thấy lòng băn khoăn, một cảm giác giông giống như là hối hận: có lúc hắn gần thương hại nó…Nhưng bỗng nhiên hắn nghe tiếng nó cười. Trời ơi! Tiếng cười sằng sặc, nức nở như tiếng khóc, tiếng cười của một kẻ vừa hóa điên. Hắn chạy vào! Không khéo thì điên thật! Nó đang đổ tất cả kim chỉ, xà phòng, lơ, bít tất, khăn tay…đủ mọi thứ hàng vào thùng nước mắm với muối, với mắm tôm…rồi lấy một cái gậy, ngồi trên giường mà ngoáy cho nháo nhào cả đi. Không đợi hắn quát mắng, nó nhe răng cười…

- Cậu ơi! Cậu vào đây em nói chuyện. Em đổ hết cả hàng đi đây!

Hắn lắc đầu. Nó vẫn cười tươi tỉnh:

- Chả để làm gì, cậu ạ! Để cũng không ai đi bán cho cậu nữa. Mà trông thấy cậu thêm đau lòng. Mẹ con em sắp bỏ nhà mà đi đấy!

Đột nhiên, nó lại hu hu khóc. Đứa con nuôi, đứng đấy cũng hơi sụt sịt. Tức khắc, nó lại quệt tay áo lau nước mắt, chỉ vào mặt con bé, quát:

- Việc gì mà mày khóc! Tao đi đâu, mày đi đấy. Tao có ăn, mày có ăn. Tao có chết tao đâm mày chết trước.

Con bé sợ hãi không dám khóc nữa. Đức vẫn ngẩn mặt ra, không hiểu gì. Con vợ trông thấy, nắm lấy tay hắn, dìu cho ngồi xuống bên cạnh:

- Mời cậu ngồi xuống em thưa chuyện. Em cũng tưởng về đây, xa cái "chốn ấy" đi thì em khuây khỏa quên đi được. Nhưng mà không cậu ạ….Em làm khổ cậu nhiều lắm rồi. Em còn ở nhà ngày nào, cậu còn khổ sở ngày ấy. Em đã nghĩ kỹ: em đi cho khuất là tốt hơn…

Đức thở dài. Nó nắm tay hắn, dịu giọng lại, mắt rơm rớm ướt:

- Thôi, cậu cũng chả nên buồn làm chi. Duyên kiếp đôi ta cũng chỉ đến đây là hết. Từ trước đến giờ, em làm cậu đau đớn không biết bao nhiêu mà kể, em biết lỗi lắm! Em xin cậu hết. Cậu cho em đi nhé!

Đức vẫn thẫn thờ như không nghe thấy gì. Nó thở dài rồi nói tiếp:

- Tiền bạc, đồ vàng ngọc trong hòm, em không lấy một ly. Cậu cũng không nên giữ. Em đi rồi, cậu đem ra sông mà vất hết đi.

Bấy giờ Đức mới nói:

- Thế mợ lấy gì mà đi bây giờ. Tay không làm gì mà ăn?

Nó lắc đầu:

- Em không sợ. Em làm ra tiền mà ăn. Không đi ăn mày.

Đức bảo nó:

- Thì tội gì mà khổ thân. Cứ ở nhà này.

- Không.

- Thế thì tôi đi với mợ.

Nó sợ hãi:

- Không!

Đức nghĩ ngợi. Nó bảo:

- Cậu đừng nghi ngại. Em chẳng đi theo đứa nào đâu. Em đi một mình.

Đức dỗi:

- Thì tùy mợ. Tôi cấm làm sao được?

Nó khuyên nhủ:

- Em đã nói hết nhẽ. Lòng em thực, cậu thương em, cứ vui vẻ cho em đi.

Nghĩ ngợi một lát, nó lại bảo:

- Nếu em quên được….Nếu em sửa được tính nết em. Em lại trở về với cậu…

Nó lại hu hu khóc:

- Nhưng cậu đừng mong…Em chắc…em chắc….không đời nào…

Bỗng nó lại nhớ đến thùng nước mắm trộn với bao nhiêu thứ khác. Nó lại lau mặt, cười rũ rượi. Nó đạp một cái, thùng đổ tung tóe ra nhà. Nó nhẩy cẫng lên, vừa múa may vừa reo:

- A ha! Phen này thì tan nát! A ha! Con thằng Thiên lôi! A ha! Con thằng Thiên lôi.

Rồi nó quay lại, với đứa con nuôi, the thé:

- Đi! Lại đây con! Lại đây đi với mẹ.

Thế là ngoe nguẩy, đứa trước đứa sau, chúng nó ra khỏi nhà, vênh vênh cái mặt lên, đi thẳng ra phía ngõ, Đức thẫn thờ nhìn theo.

- Con ông Thiên lôi, đâm lòi bụng vợ!... Con ông Thiên lôi, đâm lòi bụng vợ!... Con ông Thiên lôi…

Bọn trẻ vừa hát vừa vỗ tay đánh nhịp, chân nhẩy lẫng cẫng chỉ đợi hắn nổi hung là ùa nhau chạy. Đức quay lại ngớ ngẩn nhìn. Lũ trẻ sợ hãi, lùi thêm mấy bước. Nhưng thấy hắn cứ đứng ngây ra, chúng lại hát to thêm:

- Con ông Thiên lôi, đâm lòi bụng vợ!... Con ông Thiên lôi…

Đức trợn mắt, giơ một ngón tay lên trời. Lũ trẻ cười òa lên. Hắn cũng há hốc mồm ra cười thật to. Lũ trẻ con càng cười. Nhưng bỗng nhiên hắn lăn bò lên đường, lấy tay quờ chân chúng. Chúng thét lên, chạy toán loạn. Có đứa vấp ngã, đứa khác trượt chân lăn xuống vệ đường; đứa nào cũng vội vàng nhổm dậy, chạy tọt vào một cái ngõ nhỏ gần đấy, buông cổng xuống. Đức đứng lên, ngơ ngác nhìn. Quần áo hắn rách và xộc xệch. Từ cái đầu rũ rượi đến bàn chân, đất cát bám đầy như hắn vừa ra khỏi lỗ. Không còn thấy đứa nào, hắn lại lững thững đi, mặt đạo mạo, mồm lắp bắp, đúng như một nhà tư tưởng đi chơi mát.

Ấy, bây giờ hắn lang thang như thế. Hắn như thế từ sau ngày vợ đi. Có lúc hắn đứng lại nhìn trời, ngón tay giơ lên vạch những chữ tưởng tượng lên không khí. Có lúc hắn nắm tay, nghiến răng, dọa nạt một cái cây. Những lúc ấy hắn rít lên:

- Thằng Thiên lôi! Thằng Thiên lôi!

Có khi hắn níu lấy một người không quen, kể chuyện như thế này:

- Cái thằng Thiên lôi giết người như ngóe ấy bây giờ mả nó cháy ngùn ngụt ấy. Hôm nọ tôi đào lên tôi thấy có ba con rắn, hai con chúi đầu vào mắt, ngoáy đuôi vào hai lỗ mũi nó, còn con kia quấn cổ và phun vào mồm nó, trông ghê quá! (Hắn trợn mắt lên). Tôi bắt được hai trăm con đem về thả lúc nhúc trong hòm…Cái hòm của tôi khối tiền, có ba cái nhẫn vàng, năm hòn ngọc với nhiều kim cương lắm. Nhưng đố ai dám lấy, trong hòm có hai trăm con rắn cuộn quanh từng khúc như khúc giồi.

Rồi đột nhiên hắn nhảy sang chuyện khác:

- Cái con vợ tôi ấy mà, nó là cái yêu tinh đấy. Nó có cái đuôi dài một thước hai nhăm phân tây, nó cuốn vào đùi nó ấy. Hễ tôi hơi động vào mình nó, nó lại lè lưỡi ra y như thế này…

Hắn lè lưỡi ra kêu: "he-e" rồi cười rú lên. Lúc thôi cười, mặt hắn lại nghiêm nghị. Hắn lắc đầu và bĩu môi ra, hắn cuống quýt như sợ thật. Rồi đột nhiên, hắn bảo:

- Cái Nhi con nuôi của ông cửu Hòa ấy…này, nó trắng đáo để (hắn toét mồm cười, gật gật đầu ra vẻ thích chí). Này, nó là vợ thầy xu Tài… Xubagiăng coi phu ấy mà. Tôi lột da nó đấy.

Có người tò mò hỏi:

- Thế cái Nhi chết rồi à?

Hắn trợn mắt:

- Còn sống, chết ở đâu! Béo quá!

- Thế sao anh vừa bảo anh lột da nó?

Hắn ngẩn mặt một lúc rồi đáp:

- Ai bảo nó bảo tôi là con Thiên lôi, không chịu lấy? Nó lại xui thằng xu Tài đánh tôi…

Rồi đột nhiên hắn nhẩy cẫng, giơ tay lên múa máy, kêu cheo chéo bắt chước giọng đàn bà:

- Cho nó chết! Cho nó chết! A ha! Thật là tan nát! A ha! Thật là tan nát!

Nói xong, hắn ngoay ngoáy cái đít, ve vẩy hai tay, đi như một người đàn bà chanh chua.

Cái làng yên tĩnh là cái làng Vũ Đại lại được dịp xao lên lần nữa:

- Trời có mắt đấy các bà ạ!

- Đời cha ăn mặn, đời con khát nước thay đấy mà!

- Đấy, cứ ăn ở độc ác cho lắm vào!

Ai cũng tin rằng đó là một việc sờ sờ quả báo. Duy bà quản Thích, những đêm đau mình mẩy không ngủ được, nằm đấm lưng thùm thụp mà nghĩ đến người con, vừa rên rẩm vừa kêu lên rằng:

- Ối trời cao đất dầy ơi! Suốt đời tôi chả ăn ở độc ác với ai mà sao đến bây giờ thân đã gần kề miệng lỗ vẫn còn chưa hết tội?...

Nhà xuất bản Cộng lực.

1944

DÌ HẢO

Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ gì chết đã lâu. Mẹ đẻ gì là bà xã Vận, một người đàn bà bán bánh đúc xay, ngon có tiếng khắp làng Vũ Đại. Tôi biết bà là vì hồi còn bé tôi rất ưa ăn bánh đúc. Có lẽ lúc sinh tôi ra, ông trời đã định cho tôi một số kiếp chẳng giàu sang, nên phú sẵn cho tôi cái tính thích những món ăn rẻ tiền của những người nghèo túng. Lúc có tôi thì nhà tôi chẳng còn nghèo. Thế mà tôi cứ thay ăn cơm gạo đỏ, thổi khô khô, với rau muống luộc chấm tương, ngon hơn cơm tám với thịt đông; mà cái bánh đúc xay nấu khéo còn đậm vị gấp nghìn lần cái bún tuy trắng, tuy mềm nhưng nhạt bép. Mỗi sáng, tôi cầm hai xu mẹ phát cho, theo con ở đi ra hàng; - hàng là một cái chợ nhỏ của làng tôi, họp ngay ở mặt đường, mỗi sáng chỉ họp độ một giờ đã tan – từ đằng xa, tôi đã trông thấy những người đàn bà váy bạc phếch xúm xít quanh mẹt bánh đúc của bà xã Vận. Bà thái không kịp bán. Tuy vậy, mới trông thấy tôi bà đã ngừng dao, nhặt bốn tấm bánh gói ghọn ghẽ vào lá chuối, tươi cười đưa cho. Không phải là bà thấy tôi ngộ nghĩnh đáng yêu. Nhưng bà không thể quên rằng bà còn nợ bà tôi mấy chục bạc. Cháu ngoại của một người chủ nợ kể cũng đáng cho người ta quý trọng. Tôi đưa hai xu, ôm bốn tấm bánh về. Bà bán đúng một trinh một tấm, mua nhiều hay ít thì cũng thế. Tấm bánh chẳng lấy gì làm to, so với bánh của người khác có phần hơi đắt. Nhưng mà ngon hơn. Cái bột xay rất nhuyễn, vôi bỏ vừa, mịn, chắc đấy, nhưng không nồng một tí nào, bẻ ra ăn với cá bống kho ráo nước cho đến cong lên, dầm vào một tí tương cua thì thật tuyệt! Về sau, ngọn gió đời đưa đẩy tôi đã trải qua rất nhiều cảnh huống: vất vả nhiều, nhưng cũng có lúc phong lưu, có lúc tôi có thể thừa cách mà hưởng tất cả các cao lương mỹ vị, nhưng chưa bao giờ tôi gặp một món ăn có thể làm tôi quên được cái vị thanh đạm mà vẫn đậm đà của bánh đúc ăn với cá bống dầm tương: nghĩ đến bây giờ tôi cũng còn nuốt nước bọt.

Mà cứ nghĩ đến bánh đúc là phải nghĩ đến bà xã Vận. Chồng bà chết đi để lại cho bà một gái một trai, con chị hơn thằng em ba bốn tuổi. Như thế chị có thể dắt em đi chơi để mẹ đi kiếm gạo. Nhưng một hôm bà xã bỗng nhận ra rằng thằng cu đã có thể đi chơi một mình; hơn nữa, nó có thể cứ tha thẩn ở sân với con chó để coi nhà được. Con chị hóa ra thừa. Cũng phải cho nó

ăn, đi ở với người ta để kiếm manh quần tấm áo. Chả gì cũng bớt một miệng ăn, phần cơm của nó, để em nó ăn thêm; như thế em nó được no thêm một ít. Bà đã để ý nghe ngóng xem nhà nào cần nuôi đứa ở bế em chăng. Chưa có ai buồn hỏi đến, thì một hôm bà lại nghĩ đến người chồng đã chết. Khốn nạn! Khi ông đã nằm xuống đấy, thì bà chẳng còn một đồng một chữ nào. Bà chạy ngược, chạy xuôi van lạy hết người nọ đến người kia, mới vay được non chục bạc. Non chục bạc thì chỉ nộp lệ làng, may cho con mỗi đứa cái áo tang và cho bà cái mấn, rồi biện miếng trầu, bát nước cho hàng xóm cũng đã không đủ rồi. Thành thử bà chỉ dám mua cho ông cỗ quan có non ba đồng. Rõ nghĩ mà thương! Nó vừa mỏng, vừa mọt, mộng trẽo trà trẽo trọt, giá chỉ bóp mạnh cũng răng rắc được. Của ấy được mấy nỗi mà nát? Bấm đốt ngón tay đã sáu năm trời rồi. Cũng phải cố biện bát cơm, bát canh để thay cho cái áo mới, chứ để thế thì tội nghiệp. Nhưng làm sao bây giờ?

Bà dẫn Hảo đến cho bà ngoại tôi. Bà tôi, ngoan đạo như những người vừa biết Chúa, thích nuôi trẻ ngoại đạo rửa tội rồi nuôi làm con nuôi. Đó cũng là một cách để con cái đức Chúa lời ngày một thêm đông. Bà xã bằng lòng cho con gái mình đi đạo.

Bà tôi còn nhân đức giả đăn đắt, để trừ nợ dăm, sáu đồng. Thành ra bà xã chỉ còn được lấy có bảy đồng bạc thôi. Nhưng hơn chục đồng còn nợ lại, từ đấy bà xã cứ khất lần mãi, chứ không chịu trả. Bà tôi có bực mình cũng chỉ mắng té tát mấy câu, chứ không chửi bới tàn tệ hay bắt bớ. Ấy cũng bởi bà tôi là một người đi vay.

Những khi vui chuyện, người thường kể lại với chúng tôi rằng: ngày xưa, khi ông tôi thua bạc bỏ nhà đi, người còn phải trả hơn một trăm đồng bạc nợ. Người làm lụng vất vả, chiều hôm ban mai, một nắng hai sương, quanh năm chẳng có phút nghỉ ngơi, mà không bao giờ đủ tiền nộp lãi. Vì thế, hơi bước khỏi nhà là lủi trốn, giá có cái áo hơi lành hay nắm gạo ăn, cũng sợ người ta bắt mất. Có lần người đong được một hào gạo dúm vào vạt áo và mua cho mẹ tôi – hồi ấy mới lên ba, một nắm xôi, đã cố lẩn lút, mà thế nào cũng bị một chủ nợ tinh mắt trông thấy. Con mẹ ấy đã có tiếng là khe khắt. Bà tôi sụp ngay xuống lạy và khóc lóc xin khất nó. Nó chẳng giằng, chẳng

nói, giằng xớt lấy dùm gạo nắm xôi đổ vào trong nón rồi quay ngoắt đi. Cũng may, người phu quét chợ trông thấy thế, nghĩ tức lây, bảo nó rằng:

- Bà có bắt thì bắt của người ta nắm gạo đã là cùng lắm. Còn xu xôi người ta mua cho con người ta thì phải để cho con người ta chứ? Con người ta chịu đói, khóc có bong bóng mũi ra, từ sáng đến giờ mà bà bắt của người ta thì nó chết. Bà cũng có con, bà nỡ đang tâm thế à?

Con mẹ kia ngoa ngoắt, tớn môi lên:

- Ai khiến nhà bác chõ mồm vào đấy thế? Rõ khéo con tiều! Bác thương nó thì mua mà cho nó.

Người phu quét chợ bực mình quẳng ngay cho bà tôi hai hào:

- Đây này! Tôi cho nhà chị vay; bao giờ tìm được thì trả tôi; chúng nó giàu mà chúng nó coi đồng xu bằng cái mẹt!

Vì thế người ta đồn rằng người phu quét chợ phải lòng bà tôi. Nhưng bà tôi nói quả quyết với chúng tôi rằng: từ hôm cho bà tôi vay tiền, có gặp bà tôi, ông ta chỉ lảng đi như không trông thấy, nhưng chỉ mấy hôm bà tôi cũng cố tìm tiền đem trả ông phân minh tử tế; hai người chẳng bao giờ nói với nhau những lời có thể gọi là trai lơ. Về sau, khi bà tôi sạch nợ, và có chút ít tiền, mà ông tôi vẫn biệt tăm, có nhiều đám muốn hỏi bà tôi làm vợ, toàn những đám danh giá cả nhưng bà tôi từ chối hết. Bà tôi bảo: "Nếu tôi không nhất định cứ chờ chồng, làm lụng nuôi con, thì tôi đã lấy người phu quét chợ ngày xưa rồi!".

Một người đã khổ sở vì tiền, tất phải quý đồng tiền. Nhưng không phải vì thế mà bà tôi nỡ bắt những con nợ của người phải chịu những nỗi khốn cực mà trước kia người đã chịu. Đối với bà xã Vận, người tỏ ra dễ dàng. Nhưng sự dễ dàng ấy, một phần nữa, cũng vì cô Hảo, người được nhận làm con nuôi.

Mới đầu, dì Hảo khóc lóc đến mười hôm: dù có được ăn no, mặc lành đi nữa, người ta cũng không thể phút chốc mà quên cái lều hôi hám là nơi mình đã ở đói rách, khổ sở với em và mẹ. Nhưng rồi dì cũng khuây dần.

Dì theo mẹ tôi đi nhà thờ học kinh và "các lễ cầu cho được rỗi linh hồn". Dì thấy đi đạo cũng vui. Dần dần, người ta dạy cho dì biết có một đức Chúa lời dựng lên trời đất, muôn vật và loài người ta, đức Chúa lời có ba ngôi và ngôi thứ hai ra đời lấy tên là Giêsu; đức Chúa Giêsu chịu đóng đinh trên cây thánh giá để chuộc tội cho thiên hạ…Ai tin những điều ấy thì sẽ được rỗi linh hồn, bằng ai chẳng tin, thì phải xuống địa ngục đầy lửa sinh, lửa diêm, có tiếng khóc lóc và nghiến răng. Tiếng khóc lóc và nghiến răng thì gì không sợ lắm: hồi còn ở nhà, em dì khóc nhè nhè được suốt ngày; những hôm nó nóng đầu, thì đêm ngủ nó nghiến răng ken két; quen đi thì cũng không sợ gì, nhưng gì sợ lửa sinh, lửa diêm, nó thiêu đốt người ta đời đời kiếp kiếp. Có là thánh cũng không chịu nổi! Nghe nói đến địa ngục là dì lè lưỡi ra. Và dì tin. Gì trở nên rất ngoan đạo nữa. Dì và tôi chỉ đọc kinh và hát vãn với nhau suốt ngày.

Dì bắt đầu muốn xa lánh hẳn cái lầu tối tăm đầy rẫy những quỷ cùng ma; thực tình, dì rất ít khi muốn về thăm mẹ ở nhà, và mỗi lần có phải về thăm mẹ, dì thấy hơn rờn rợn khi đến gần cái bàn thờ lúc nào cũng âm u như che đậy bao nhiêu là bí mật. Và đây mới thật là cái buồn não ruột: dì thấy ghê ghê ngay mẹ dì. Bà xã Vận bỗng nhiên thành người đồng bóng; những ngày rằm, mồng một, bà thường khăn hầu, áo ngự, đến điện nhà cô đồng ốc để hầu. Dì dùng những lời rất khinh bỉ nhạo bà, bà nhạo lại dì, mẹ con dần dần thấy chẳng muốn nhìn mặt nhau làm gì cho thêm bực.

Chao ôi! Nào có cứ gì phải là những người tư tưởng! Ngay ở những người không tư tưởng cũng đã có sự chia rẽ tư tưởng rồi!

Bây giờ, dì Hảo chỉ biết có mẹ nuôi; dì rất mến mẹ tôi, và yêu tôi hơn hết cả những người dì yêu cháu. Dì chỉ có một việc là suốt ngày theo gót chân tôi. Kể ra, tôi cũng đã đủ lớn để không cần ai giữ nữa. Nhưng bà tôi chỉ được có mẹ tôi, mẹ tôi lại mới được mình tôi; trong một nhà có của mà lại hiếm người như thế, lẽ tất nhiên, tôi cũng có quyền bé bỏng lâu hơn những con nhà khác. Dì Hảo cũng tưởng tôi còn bé lắm. Dì tìm đủ mọi cách để nuông tôi, có lần dì không ngại trèo sang vườn hàng xóm ăn cắp ổi để cho tôi vừa ý. Những lúc đi đâu khi xa xa, vừa thấy tôi loạng choạng bước chân, dì đã đòi cõng tôi, "kẻo chân cháu gì giẹo mất!". Thật là buồn cười và thảm hại! Ngồi trên lưng gì, hai chân tôi thò xuống có dễ còn dài hơn

chân dì. Dì nghẹo đầu đi, mặt đỏ bừng, nước mũi chảy ra, lệch xệch vác tôi đi. Thế mà tôi có đòi đứng xuống dì cũng nhất định không chịu đấy!

Sự tận tâm của dì cảm động lòng tôi. Mãi đến lúc tôi đã đi học, dì đã ngồi trên khung cửi, chúng tôi còn quyến luyến nhau. Tôi học bài bên cạnh khung cửi dì. Dì thúc giục tôi. Nghe những bài học lủng củng như "ếch kêu, chó cắn" – tôi đã học sang vần trắc – dì khen tôi giỏi quá, khó như thế mà nhớ được! Rồi tưởng những tiếng âm vô nghĩa ấy là câu thần chú gọi cái khôn tất cả những bài tôi học; có lúc tôi ấp úng; dì nhắc cho tôi đọc nữa! Lại đến lượt tôi phục dì! Khi bài tôi đã thuộc, tấm vải của dì được ra rồi, dì giũ váy mấy cái cho lông vải bay đi hết, rồi lại ôm tôi vào lòng mà vuốt hai cái trái đào của tôi. Những lúc ấy, tôi thấy êm ái chẳng khác gì ngồi trong lòng mẹ.

Dì Hảo ơi! Tôi hãy còn nhớ cái ngày dì bỏ tôi đi lấy chồng. Đó là một buổi chiều có sương bay. Người ta đến đón gì vào lúc mờ mờ tối. Cũng chẳng lấy gì làm đông lắm, bên nhà trai lẻ tẻ đâu mười người. Về đằng nhà gái, bà tôi chỉ cho có dăm người chị em đi đưa dì, chính tôi cũng chẳng đi đưa. Mẹ tôi bảo: "Không có cỗ đâu; nhà người ta có trở, chỉ biện cơi trầu bát nước". Nhưng nào tôi có đòi đi để mà ăn cỗ! Tôi chỉ theo dì Hảo của tôi: từ trước đến nay, có bao giờ dì đi đâu mà để tôi ở nhà? Người ta giữ tôi lại. Tôi tức, khóc òa lên, tôi tức bà tôi, tôi tức thầy mẹ tôi, tôi tức cả dì Hảo nữa! Tôi tự hỏi sao dì cứ phải đi lấy chồng? Và ngay bây giờ nữa, dì Hảo hỡi! Có lúc tôi vẫn ân hận vì gì đã đi lấy chồng. Nếu gì cứ ở nhà, nếu dì cứ là một người dì của tôi mãi mãi, thì có lẽ khỏi khổ, ít ra, dì cũng đỡ khổ hơn bây giờ.

Nhưng mà sự ấy đã không thể được. Dì Hảo đã đi lấy chồng, đã mang theo cho người ấy tất cả lòng yêu vẫn để cho tôi. Và người ấy đã nhận lấy tấm lòng yêu ấy, nhận lấy mà chẳng làm gì cho đáng nhận.

Người ấy không yêu dì. Thật mà! Người ấy chẳng yêu dì Hảo đâu. Mà lại còn khinh dì là khác nữa. Hắn khinh dì là một đứa con nuôi, còn hắn, hắn con dòng cháu giống, tuy nghèo xác. Và tuy nghèo xác, hắn nhất định không làm gì. Hắn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy: dì làm và nuôi hắn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được

hai hào. Dì ăn có năm xu. Còn một hào thì hắn dùng mà uống rượu. Và dì Hảo sung sướng lắm. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con. Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn có đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhịn nữa. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi những nhà giàu. Hắn chửi số kiếp hắn. Và sau cùng thì chửi vợ. Ồ! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đói rượu, rồi tình cờ được một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ơi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều thế. Vì gì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ dì mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để đi tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách làm chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc mới hai mươi. Cái cơ nghiệp của người gây dựng, thầy tôi buôn thua bán lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ còn có thể mang đến cho dì Hảo ốm đau mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

Nhưng rồi bệnh dì cũng qua đi. Nó qua đi như một thằng quái ác chán không muốn hành hạ một kẻ kiên nhẫn quá. Dì Hảo lại đi làm, lại có tiền, lại muốn có chồng để mỗi ngày ăn năm xu và hắn dùng một hào còn lại đi uống rượu. Thì quả nhiên hắn về. Hắn về với một cái quần đen, một cái áo tây vàng, túi xóc xách tiền và một con vợ theo trơ tráo. Thoạt đầu thì người vợ chính ngạc nhiên. Rồi thì dì tức tối. Sau cùng thì dì nhẫn nại; phải nhẫn nại là hơn: nếu hắn không về thì cũng thế.

Nhưng mà hắn đã về, hắn lại làm chủ cái lều và ba sào vườn ông cha để lại. Và làm chủ cái lều và ba sào vườn của ông cha để lại, hắn tưởng có quyền chẳng làm gì mà chỉ uống rượu ăn cơm. Và uống, ăn rồi nó cười sặc sụa.

Cái con vợ bé ấy trơ tráo lạ! nó chẳng biết làm gì cả. Nó hát những câu hát tục tằn. Nó uống rượu tựa đàn ông, hút thuốc tựa đàn ông, búi tóc ngược, mặc quần trắng tựa đàn ông. Nó sẽ lôi chồng dì vào đáy sâu địa ngục thôi! Cheo leo thay cho cái linh hồn của chồng dì!

Thế mà chồng dì say mê nó lắm. Chồng dì gọi nó là "mợ mình", và mua cho nó những hộp sữa bò sáu, bảy hào khi nó ốm hay làm ra ốm.

Còn dì, dì đã biết phận dì. Dì cố nhắm mắt để khỏi trông thấy chúng. Dì chẳng hé răng nói nửa lời, nhưng dì khóc ngấm ngầm khi chúng cười vui, dì nhịn quắt ruột khi chúng ăn phung phí. Dì héo hắt đi, dì còm cõi, đúng như một con mèo đói. Nhưng nếu dì còn được như thế mãi!

Một buổi sáng, chừng như chúng nó đã cạn tiền và cạn cả lòng yêu. Dì đoán thế vì luôn hai, ba hôm không thấy chúng nó uống rượu và cười sặc sụa. Con vợ bé vừa nhổ bọt vừa nói cằn nhằn. Anh đàn ông hõm má vào và lõ mũi ra. Hắn vừa khoằm khoặm mắt, vừa văng tục. Con kia mặt sưng lên. Nó nói một câu lại choại người lên một cái và vỗ đùi đồm độp. Chúng nó nhẩy xổ vào nhau. Rồi đấm đá, cấu cắn lẫn nhau với những tiếng gào thét ầm ĩ quá. Chẳng biết làm sao, để mặc chúng, dì bỏ đi làm. Cũng như dì đã mặc những phút mặn nồng của chúng.

Chiều hôm ấy, nhà có vẻ đám ma. Dì không thấy con vợ bé đâu. Cả chồng dì cũng thế. Nhà cửa, đồ đạc thì bừa bộn. Mấy cái nồi đất và đôi lọ xách nước tan ra từng mảnh. Lấy tiền đâu mà lại sắm sửa bây giờ. Trời ơi! Nhưng kia hắn đã về. Hắn về có một mình, một chai rượu trong tay và những tia giận bừng bừng trong mắt. Hắn uống, rồi lại uống, uống lẳng lặng như chưa bao giờ hắn uống. Hắn uống cả một chai. Rồi hắn đập chai ra, và chửi. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi sối kiếp hắn. Hắn chửi đàn bà. Hắn chửi con vợ bé. Dì Hảo cắn chặt răng lại để cho khỏi khóc. Nhưng cứ khóc. Hôm sau hắn ra đi không biết đi đâu. Dì Hảo ngạc nhiên. Rồi tức tối.

Sau cùng thì gì nhẫn nại. Phải, nhẫn nại là hơn: nếu hắn cứ ở nhà thì cũng thế.

Tháng 9-1941

In trong tập Nửa đêm

Nhà xuất bản Cộng lực – 1944

TRUYỆN NGƯỜI HÀNG XÓM

Mẹ con thằng Hiền tới tỉnh vào lúc tang tảng sáng. Chân trời trăng trắng sau những mái ngói cũ nhấp nhô. Đường vắng và câm. Nhà hàng phố còn đóng cửa, trơ trẽn như những người ngủ ngoài hè đến tận sáng ngày. Cái hào nhoáng của các cửa hàng đã bị những cánh cửa lùa che kín. Vẻ hoạt động chìm trong giấc ngủ….Một bà lão bán bánh mỳ tây đi sớm quá, buông ra một tiếng rao lẻ loi và khàn khàn như một tiếng nói mê. Mấy cái xe không ghếch ở bờ đường, trước cửa một căn nhà con con, có ánh đèn. Bốn năm người phu xe xúm xít quanh cái chõng hàng của một bà già bịt khăn vuông, đang dỡ một cái chõ xôi bốc khói. Bấy giờ là tháng chín. Buổi sáng hơi lành lạnh. Hiền đang ngủ gục trên vai mẹ, bỗng nghe tiếng "phịch…phịch…phành" và giật mình mở mắt ra. Đó là tiếng bật bông trong cái căn nhà có ánh đèn và một góc dùng làm hàng nước kia. Nhưng Hiền chưa nghe thấy thứ tiếng ấy bao giờ. Nó không hiểu từ đâu. Nó ngơ ngác nhìn quanh, và để ý đến những bóng đèn điện mòng mọng đỏ. Chúng giống hệt như những con mắt đã thức đêm nhiều quá, thành mỏi mệt. Chúng gà gà. Rồi đột nhiên, chúng nhắm lại đều một lượt. Hiền càng ngơ ngác đấy….

Mẹ Hiền đưa con đến một cái xóm nhỏ có cái tên xinh xinh: xóm Bài Thơ. Cái tên gọi đánh lừa. Bởi vì xóm Bài Thơ ở ngang hông một cái ngõ ngang bẩn thỉu như một cái vũng phân, nhưng lại thụt lùi mãi vào trong như một vết sâu ăn loen vào khoảng giữa hai dãy nhà, mỗi dãy quay mặt ra một phố to. Vết loen cũng không sâu: bởi vì sau năm, sáu nhà đầu dãy nông nông, những cái nhà ở hai dãy nói trên áp lưng liền lại với nhau: xóm Bài Thơ không còn chỗ hở để có thể ăn sâu vào nữa. Cả xóm độ mươi hai nhà vừa ngói, vừa lá thuộc cả về một chủ. Cái nhà của người chủ quay lưng ra ngõ ngang. Nó chiếm hết cả cái đầu ngoài xóm, chỉ còn để trừ một lối vào. Nguyên cái nền của nó cũng đã cao đến lưng chừng những cái nhà kia. Nhà kiên cố, nghênh ngang và bệ vệ. Những cánh cửa con bao giờ cũng đóng, nó có vẻ ngồi phệ bụng, lim dim ngủ trên cái bệ cao của nó, đợi những mái nhà lau nhau ở dưới làm mà nuôi. Mà đúng như vậy thật. Chủ nhân vô nghề nghiệp. Ông nghiện nặng. Giá ông phải nằm đường nằm chợ tất đã bị người ta liệt vào hạng người du đãng. Có thể bị đưa ra tòa và kết án.

Nhưng bố mẹ ông đã để lại cho ông nhà và đất. Vậy thì ông là nghiệp chủ. Ông có thể ăn và hút rất lương thiện bằng tiền cho thuê đất, cho thuê nhà….Những cái nhà cho thuê thấp lè tè. Dãy nhà gạch ở ngay chỗ cổng vào. Nó chạy dài từ đầu ngoài đến đầu trong. Tất cả độ mươi gian rất giống nhau. Trước cửa là khoảng đất rộng bỏ không. Chẳng có một cây gì. Trước kia, đây là một xưởng cưa. Đây đó, còn những đống mạt cưa làm thành mùn. Còn thì là những đám cỏ mới lên, những đống rác mới, những đám rêu. Vài chú lợn chân ngắn ngủn lê cái bụng phệ qua những vũng nước ngầu ngầu đến rê mõm trên những đống bã cua bốc mùi hăng. Mấy anh gà trống lộc ngộc đi ngất nghểu cạnh những chị gà mái bầu bĩnh, hiền lành và những chú ngỗng, chú ngan bước lạch bà lạch bạch. Hai bên còn lại của khu đất được khép kín bằng những bức tường hậu của những nhà liền bên. Lần vữa trát ngoài không quét vôi, đã mốc đen. Ở chỗ loe hình thước thợ, là một cái chuồng tiêu rất sơ sài: mái lợp gồi, vách, cửa bằng phên nứa lẫn với những mảng sắt tây, két gỉ lấy ở những thùng dầu bẹp. Hai căn nhà lá ở gần kềngay đấy.

Mẹ Hiền đến xóm Bài Thơ để tìm một người cô họ làm nghềbán thuốc sài. Bà cô đã có hồi nuôi cháu ba năm. Lần này, cháu có ý đến nhờ cô cái chỗ ăn chỗ ở ít lâu, rồi sẽ liệu cách buôn bán sinh nhai. Nhưng người cô đã đi biệt tích rồi. Một năm khó làm ăn, trẻ con nhà nghèo biết phận, không còn dám cam sài. Chẳng còn ai buồn hỏi đến thuốc của bà. Thuốc của bà mốc cả lên. Luôn ba tháng, bà không có tiền để trả tiền nhà. Người ta bắt cái giường, cái chõng của bà rồi đuổi bà đi. Từ bấy giờ, chẳng còn ai gặp bà ở đâu. Có người bảo: bà vềkiếm ăn ở mấy chợ nhà quê. Có người thì lại bảo: bà ra mãi miệt Hồng – gay, Cẩm – phả bởi cái món thuốc sâu quảng của bà hay lắm…Hầu hết, những người ngày xưa ở xóm này cũng đã đi chỗ khác rồi. Còn sót lại có vợ chồng ông Ngã và vợ chồng ông Hai Mợn. Các bà ấy còn nhớ mặt mẹ Hiền. Họ kể cho thị nghe biết sự thể bà lang. Rồi họ khuyên thị nên thuê một căn nhà lá mà ở tạm, rồi ngày một ngày hai sẽ đào công bới việc mà làm ăn. Tiền nhà chẳng mấy. Mỗi tháng có năm hào. Chủ nhà lại cho mượn cái giường. Tội nghiệp! Đó chính là cái giường bắt của bà lang. Một vế mọt quá gần gãy hẳn làm đôi. Người ta táp bằng một đoạn tre. Trông thảm hại lắm rồi. Nhưng sự ấy không hềgì, còn mượn được, đã là tốt phúc.

Dọn đến ở căn nhà lá, mẹ con Hiền đã làm khó chịu một người. Ấy là một thằng câm. Hắn vào trạc ngoại ba mươi. Người dong dỏng và khô. Hai vai xuôi hẳn xuống để tăng bề cao cho cái cổ dựng lên thẳng như một khúc thân cau. Bởi thế mà trông người hắn đườn. Cái mặt lúc nào cũng nhăn nhăn. Hai mắt đăm chiêu. Tóc vuốt ngược lên và quấn thành một búi tó con con ở giữa đỉnh đầu. Cái trán do thế được nhô tất cả ra. Hắn có một vẻ gì ngây ngô mà dữ tợn. Hiền sợ lắm. Nhất là điệu bộ của hắn hay cuống quýt, vặn vọ, hậm hực thế nào. Người ta tưởng như hắn bực tức vì không nói được.

Không ai biết tông tích hắn ra sao. Chỉ biết rằng hắn có thể làm rất nhiều nghề. Một buổi sớm, người ta thấy hắn đến quét vôi lại cái nhà của ông Ấm chủ nhân xóm Bài Thơ. Cũng chẳng hiểu ông Ấm rước được hắn ở đâu về. Bởi vì hắn không biết nói, mà ông Ấm thì không thích nói. Chưa mấy người giáp mặt ông. Những người thuê nhà có điều gì cần nói với ông, cứ việc nói với người đầy tớ của ông, một lão chột lực lưỡng, cục mịch, xấu xí, vai và lưng u lên, cổ to và đen ghê như cổ trâu, chân đi bình bịch, cổ tay to và vuông, những ngón tay nổi cục, mặt nấc lên thành nhiều cái bướu nho nhỏ, cái mắt chột lúc nào cũng giương ra, cái con ngươi trắng đục ra, còn mắt kia thì luôn luôn nhấp nháy đều một nhịp với một bên mép cứ xếch lên phía mang tai từng cái rất nhanh; có người bảo đấy là bệnh rút gân, và cũng là do bệnh ấy, mỗi lần muốn nói gì lão cứ lắp một hồi dài cái tiếng đầu câu rồi mới tiếp được cả câu, mà khi nói mồm và mắt lão xệch xạc đi một cách vừa buồn vừa cười, sợ lắm. Có lẽ vì thế mà lão ít nói chăng? Hay lão bị lây cái bệnh ít lời của chủ? Người trong xóm vẫn gọi vụng thầy, tớ lão là hai thằng câm: thằng câm chuột bò với thằng câm nháy trời. Không ngờ lại thêm một thằng câm tịt để phân biệt với hai thằng câm kia, còn có khi nói được. Mới đầu họ tưởng thằng câm tịt làm nghề quét vôi tường. Nhưng khi mấy bức tường quét cả rồi, họ lại thấy hắn đến gắn lại mấy cái ống máng. Sự ấy cũng thường thôi. Một người có thể biết hai nghề, nhất là khi hai nghề ấy cũng chẳng lấy gì làm khó lắm.

Vậy thì trừ cái nghề quét vôi tường, Câm còn có thể làm thợ thiếc. Người nọ bắt chước người kia, họ lục lọi trong nhà xem còn cái thùng, cái hộp, cái đèn nào rò thì đem nhờ hàn chữa. Ấy thế là hắn làm quen với họ, và từ đấy, cứ độ dăm bảy ngày hay mười ngày, họ lại thấy hắn đến đấy, ý chừng

để xem có ai thuê làm gì chăng. Thỉnh thoảng lại có đêm hắn đến ngủ nhờ ở ngoài hiên, ngay trước cửa nhà ông Ngã hay nhà ông Hai Mợn. Không ai nỡ đuổi, bởi hắn là một người tàn tật. Vả hắn không làm phiền ai: hắn nằm chỗ nào sáng dạy quét sạch như lau, hắn còn quét giùm cả những chỗ hắn không nằm đến; người ta yêu cái nết hắn, và thường khi hắn đến lại cho mượn manh chiếu nằm; nhưng lần nào hắn cũng lắc đầu, xua tay từ chối. Ít lâu sau, chỗ hiên nhà ông Hai Mợn thành cái nhà của hắn. Hắn sách đồ đạc đến xếp nhờ vào một xó, và chẳng có đêm nào không về đấy ngủ. Hắn thành người của xóm. Ở lâu với hắn, người ta mới biết hắn rất nhiều nghề tạp nham. Thật là một người khéo tay. Một hôm thấy đôi giầy tây cũ của ông Hai Mợn để trong gầm giường, bởi sụt dây nên há mõm ra, hắn cầm lấy xem, phủ bụi đi, rồi lục hòm đồ lấy ra một cái kim và một đoạn dây gai ngồi khâu lại cho ông. Một hôm khác, hắn chữa một cái ô cho cô Viên, con gái riêng của bà Hai. Lâu lâu, động cái gì hỏng là người ta nhờ đến hắn: từ cái khóa hóc, cái đèn hỏng máy, cái ấm sứt vòi, cái phạng vỡ, cái guốc điếu không kêu đến đôi dép đứt quai, cái rá sụt cạp, cái thùng dầu bẹp…Hình như chẳng có cái gì hắn không làm được. Mà đối với người trong xóm, hắn lấy tiền công rất ít, hoặc không lấy tiền. Hồi đầu năm, một người thuê nhà dọn đi. Không có người thay. Một căn nhà lá bỏ không mấy tháng luôn. Người ta cho thằng câm ở nhờ…

Lúc bà Hai đưa mẹ con Hiền vào thì Câm đang dùng những mảnh sắt vụn làm những cái còi để bán cho trẻ con chơi. Hắn dừng tay nhìn mẹ Hiền, cái mắt ngây ngấy lộ vẻ ngạc nhiên. Bà Hai chỉ vào mẹ Hiền rồi chỉ xuống cái nền nhà, rồi lại chỉ vào cái hòm đồ của hắn rồi chỉ ra ngoài. Hắn hiểu. Hắn xụ mặt ra, hắn nhìn xuống những cái kéo búa, kìm cùng những mảnh sắt tây bừa bộn trên mặt đất, mắt lừ lừ, do dự. Bà Hai khẽ đập đập mấy cái vào vai hắn như người ta vỗ về một con ngựa dữ trước khi cưỡi thử, rồi sà sà bàn tay trên những đồ của hắn mấy cái, rồi chỉ vào cái hòm, rồi chỉ ra chỗ hiên nhà bà. Ấy thế là hắn ngẩng phắt mặt lên. Mặt hắn co rúm lại. Đôi mắt long sòng sọc. Cái mồm hắn run run, để thoát ra những tiếng cổ họng giống như chó tru. Đồng thời hai tay hắn khua rối rít cả lên. Rồi đột nhiên hắn chạy vụt ra ngoài. Một thoáng sau, hắn lại vào. Hắn thu xếp đồ đạc rất vội vàng. Rồi hắn bê cái hòm bằng cả hai tay, chạy huỳnh huych ra khỏi nhà y như người tức giận. Mẹ Hiền nhìn theo hắn một chút rồi khẽ hỏi bà Hai.

- Ông ấy tức hay sao thế?

Bà Hai cười bằng cái thứ tiếng cười nằng nặc mỡ:

- Không! Tính nó như vậy đấy. Hơi một tí thì múa may chân tay. Người không biết thì tưởng nó sắp đánh chết người ta. Vậy mà hiền đáo để. Hiền mà tử tế. Ở đây lâu rồi chị biết.

Bà nói đúng. Câm quả nhiên hiền thật. Hiền và tử tế….Chỉ mấy hôm sau, Hiền đã phải ở nhà một mình. Mẹ Hiền đã nói với bà Ngã để bà ấy cho đi theo đi bán hàng dăm ba bữa cho quen. Quen rồi thì sẽ làm như bà ấy: ngày thì nồi cháo, chõ xôi, ngày thì nồi bún thang, ngày thì mẻ ốc nhồi luộc, ngày thì nồi chè củ…Chỉ có thế trong bao nhiêu năm nay mà bà ấy cũng tịu nhịn nuôi con được mãi. Những như ông ấy thì chết đói. Ông Ngã làm thợ mộc. Cơm đã ăn của chủ rồi. Lương cũng được tháng dăm đồng. Nhưng chẳng tháng nào còn lại cả. Có khi lại còn nặn thêm của bà ấy nữa. Chỉ vì ông hay rượu, hay đánh bạc. Rượu chiều nào cũng phải uống. Sẻn cho chết cũng phải vài ba cút với vài xu đỗ lạc. Những khi vay được tiền thì chẳng có chừng nào. Ông vào hàng thịt chó, vào hiệu phở, vào hàng bán cháo lòng, uống hàng nửa chai với một chai. Say ngọng cả mồm. Đi đường thì lảo đảo, chân nam đá chân xiêu. Mà lúc ấy trời bé lắm. Chỉ có ông ta nhất; chỉ có ông tài giỏi nhất, chỉ có ông nhiều tiền nhất. Tiền!.... ơ hờ hờ…tiền, ông coi ra điều gì! Vỏ hến! Có biết không? Ông có dích! Đứa nào xin cho bớt….Cố nhiên là có đứa xin. Chúng nịnh ông, những thằng thợ cùng làm với ông một phố. Ông dắt chúng nó ăn canh bún, ăn đỗ lạc, ăn mía, ăn bánh rán. Chúng vừa ăn vừa phỉnh ông rộng rãi. Rồi chúng rủ ông đánh chắn. Đánh chắn! Ờ! Thú lắm….Chính ông đang muốn đánh. Không đánh để tiền làm gì chứ!... Ông đánh ngay, đánh thật to, cho mà biết tay…Ấy thế là sáng hôm sau, có đồng nào tét cả. Ông lại cặm cụi cho đến khi nào chủ lại cho vay tiền nữa. Và chiều chiều, bà ấy lại phải bỏ tiền túi ra mua cho ông mấy cút rượu, mấy xu đỗ lạc để ông ấy uống tạm cho đỡ thèm. Hôm nào ông ấy uống xong, lăn ra ngủ còn khá phúc. Lắm hôm ông ấy cứ lè nhè đòi uống nữa hay đòi tiền đi đánh bạc, rồi không được thì đâm khùng đánh con, đánh vợ. Vợ con khổ lắm. Bởi thế mà bà ấy quắt queo suốt đời….Bà Ngã đã than thở cái tình cảnh của bà với mẹ Hiền. Rồi bà đã bảo mẹ Hiền.

- Tôi thế còn chả chết, huống hồ là chị. Chị thì bất quá chỉ một con, một mẹ. Con đã chạy đi chơi được, không còn quấn rứt. Ăn là mấy? Lo gì chết đói? Nếu chết đói thì tôi đã chết?...

- Bà cứ nói thế chứ bà còn biết buôn biết bán, nhà cháu thì chết cái lại vụng về.

- Rồi nó quen đi chứ! Một vài phiên lại không thạo quá. Chị cứ đi với tôi ít lâu cho thuộc đường thuộc lối…

Mẹ Hiền theo bà Ngã đi suốt cả ngày. Hiền ở nhà có một mình. Thấy Hiền có vẻ buồn, Câm vẫn chạy sang. Hắn xoa đầu, xoa tai thằng bé. Hắn cho nó cái kẹo hay miếng bánh, có khi một vài trinh. Rồi khi hắn phải đi làm hay ra phố, hắn ra hiệu cho nó chạy đi chơi với lũ trẻ con trong xóm.

Chúng khá đông. Suốt ngày chúng ở ngoài với lũ gà, vịt, ngỗng, ngan. Cả bọn có thằng Đạc trông buồn cười nhất. Nó đầu to, đít bé như một con nòng nọc cóc. Bụng ỏng. Tóc lơ phơ có mấy cái đỏ chòe chòe. Hai chân khẳng khiu có vẻ không mang nổi đầu và bụng. Nó lách nhách khóc suốt ngày. Nước mắt, nước mũi pha với đất cát nguệch ngoạc đầy mặt và bôi hai ống tay áo dầy lên. Bàn tay phải nó, hết gãi đầu gãi cổ lại dụi đôi mắt ong õng nước và nhoèn những cục dử đùn ra vàng như mủ đặc. Thật là thằng bé để cho ruồi bâu, kiến đỗ. Không ai dám bảo nó là con bà Hai Mợn. Bà Hai thật béo tốt nở nang. Cái xuân đã tàn rồi, mà đôi má bà vẫn đỏ, đôi mắt bà vẫn sắc. Cô con gái lớn của bà cũng thế. Cô Viên mới độ hai mươi tuổi. Người phốp pháp da thịt phây phây. Cô diện sang nhất xóm, mà chẳng làm gì. Ngày nào cô cũng đi chơi. Trước khi đi đánh phấn, tô môi, vẽ lông mày, vuốt nước hoa thơm lựng. Người trong xóm ai trông thấy cũng lườm cũng nguýt. Nhất là các bà xấu xí. Người ta bảo cô Viên là con riêng của bà Hai Mợn. Trước khi lấy ông Hai, bà đã lấy ba, bốn đời chồng. Người đầu tiên là một ông tham. Cô Viên, nghe đâu là con của ông ta. Nhưng chẳng biết bà phải cái lỗi gì, nên ông tham đuổi cả mẹ con đi. (Lúc lấy nhau cũng không cưới, không cheo gì thì phải). Sau đời chồng ấy, bà lấy tây, lấy khách. Thôi thì đủ hạng. Sang cũng có mà hèn cũng có. Nhưng bà chẳng ở được với ai lâu. Người ta không chán bà thì bà cũng chán người ta. Tận đến lúc kém xuân và đã quá lứa rồi, chẳng còn mấy

người say, bà mới chịu phép lấy ông Hai Mợn vậy. Nếu chỉ xét cái sắc đẹp không, thì thật là tiên lấy cú. Ông Hai Mợn trông chán lắm. Người cọc lại, cái mặt ngắn ngủn ngắn ngùn, mắt toét, da gố ghỉnh! Đã thế ông lại bẩn. Cái cổ áo bao giờ cũng đầy những ghét. Trông ông ấy với Bà Hai, chẳng khác gì đầy tớ với chủ nhà. Mà sự thật thì bà ấy coi ông ấy như đầy tớ thật. Bà chửi ông xoen xoét. Bà lại thường cưỡi cả lên đầu ông mà đánh ông. Người trong xóm phải bu ồn cười. Bởi vì nhà ông Ngã ở liền nhà ông Hai Mợn. Mà cả hai nhà ấy, vợ chồng cùng có chuyện. Một bên thì chồng bắt nạt vợ, một bên thì vợ bắt nạt chồng. Cứ tối hôm trước, ông Ngã đánh bà Ngã, là chẳng sai tối hôm sau bà Hai lại đánh ông Hai, và như là để báo thù lại bọn đàn ông giùm bà Ngã vậy. Có khi nhà bên này đánh nhau, nhà bên kia cũng đánh nhau. Lục đà lục đục. Nhưng xét cho cùng thì bà Ngã tuy hay bị chồng đánh nhưng còn có lúc được chồng thương. Những lúc không say, ông Ngã thương vợ lắm. Còn bà Hai thì dường như không còn biết ông ấy. Bà nhiếc ông đủ cách. Ông ấy làm loong toong sở máy đèn. Ngày nào cũng đi làm từ sáu giờ. Mẹ con chỉ chơi không. Thế mà sáng ngày chỉ có ấm nước, bà cũng không chịu dậy hay gọi cô Viên dậy đun đâu. Ông Hai phải dậy từ lúc còn đêm. Ông đun nước, quét nhà rồi mới đi làm. Trời rét, ông phải đun cả nước rửa mặt cho vợ và con riêng của vợ. Không hiểu sao ông lại sợ bà đến thế. Có lẽ vì ông xấu quá, đã nửa đời người không có vợ mà bà thì đẹp. Có lẽ vì bà biết những mánh khóe bí mật để khiến người đàn ông mê. Chỉ biết ông sợ bà một cách vô lý lắm. Bà hơi dọa đi là ông sợ. Người ta bảo: thằng Đạc chưa chắc đã phải là con ông, chứng cớ là ông đối với nó ơ hờ lắm. Cái ấy thì chưa biết thế nào mà nói. Bởi vì thằng Đạc có thể không là con ông ấy nhưng nó không thể không là con của bà ấy. Sự đó đã hiển nhiên. Vậy mà bà ấy đối xử với nó cũng ơ hờ lắm. Cả cô Viên cũng thế. Chẳng ai trông nhìn gì đến nó. Họ thả cho nó chạy rong với những đứa trẻ khác. Nhưng bởi nó bé nhất, mà lại yếu, nên không thể dự vào các trò chơi của chúng. Nó lếch thếch chạy sau cùng, vừa chạy vừa khóc mếu. Rồi vớ được bất cứ đứa nào, nó cũng ngoẹo đầu đi, đòi bế. Làm in như đứa kia là anh, chị hay vú em nhà nó. Cố nhiên là bọn trẻ mắng cho chan chát. Chúng nó có phải là đầy tớ nhà nó đâu! Có đứa thấy Đạc giơ tay chực bám lấy, tức mình phát vào tay đen đét. Đạc gào thật to. Bà Hai nghe thấy tiếng chạy ra cửa, hỏi vang vang: "Đứa nào trêu nó thế?". Bọn trẻ xô nhau chạy, như một đàn gà trông thấy mèo nhảy ra chực vồ…

Có một con bé hay bế Đạc. Ấy là Tiền. Nó là con ông Ngã. Nó cũng hiền lành in như mẹ. Thấy những trẻ khác mắng hay là tát hoặc dun ngã Đạc, nó thường kêu: "Ấy! Sao chúng mày ác thế? Không bế nó thì thôi, việc gì mà đánh nó?". Rồi nó lau nước mắt, nước mũi cho Đạc, dắt nó đi hay bế nó. Tiền cũng chẳng lấy gì làm khỏe. Bế nách Đạc, nó thường phải vẹo cả sườn đi. Nhiều đứa khác, thấy thế chẳng thương thì chớ, còn lừa lúc Tiền vô ý đến sau lưng đẩy cho một cái, làm cả Tiền lẫn Đạc ngã đâm sấp mặt.

Hay chơi nhả nhất là thằng Lộc. Nó là cháu bà cụ hàng xén ở đầu dẫy, giáp ngõ ngang, không có mẹ. Chỉ có ba, mỗi tháng về độ vài lần. Ba nó mặt xương xương, tóc cắt ngắn để một cái bờm ở đằng trước như khách trú, ria mép cứng, cũng xén ngắn, nên đứng lởm chởm như một cái bàn chải hình móng ngựa. Ông đi dép Nhật Bản và hay mặc một bộ đồpi gia ma màu hung hung. Lần nào về ông cũng đi xe đạp, một cái xe cuốc tay lái cù quằm, nan hoa sáng choang, khung sơn màu cánh dán. Cả xóm không ai biết tên ông. Người ta gọi ông là ông ba thằng Lộc. Nghề nghiệp của ông, người ta cũng không tường! Hỏi bà cụ thì bà cụ bảo: "Ấy, chính tôi cũng không rõ nhé! Tôi có biết nó làm gì, tôi chết, làm gì mặc nó! Bà cháu tôi suốt đời chả được nó thí cho đồng nào, chỉ quanh quẩn trông vào cái hàng được xu lãi nào thì ăn…". Hình như bà cụ giận ông thì phải. Mỗi lần ông về, ông chỉ ở nhà một lúc. Mẹ con chẳng buồn hỏi đến nhau. Ngay Lộc cũng không xoắn xít ba nó mấy. Ai cũng phải nhận rằng ông có vẻ khỏe, rắn rỏi, gan góc, bướng bỉnh. Người ông cũng chỉ vừa phải thôi, nhưng tất cả trông cứng như sắt nguội. Thằng Lộc tuy còn bé, cũng đã có cái cách như ba nó. Người nó loắt choắt nhưng khỏe lắm. Mà chúa đời là hay bắt nạt. Bởi vậy chẳng đứa nào chơi với nó. Thấy mặt nó đâu là chúng nó lảng. Bởi vì động có nó là nó phá. Thường thường, nó đến vào lúc chúng đang chơi. Giữa lúc chúng bất ngờ, nó quay lô lô như một con cù, lăn xả vào giữa đám, miệng cười, tay đấm, chân đạp, đầu húc túi bụi, gây một cuộc loạn đả huyên náo. Nó chỉ thích có một trò chơi ấy. Một lúc sau, mặt nó đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhại, áo quần xộc xệch, nó ngồi phệt ngay xuống đất, hai chân duỗi dài ra, lưng tựa vào tường, há hốc mồm ra, vừa cười vừa thở, đôi mắt lăn tăn nhìn lũ trẻ nhâu nhâu mắng nó. Hình như nó còn thích một trò chơi ấy nữa, ngồi nhe răng ra cười, nghe những đứa khác vênh mặt, tớn môi lên, chan chát mắng. Đợi lũ trẻ mắng chán nó mới đứng lên. Nó cho là món nợ trả xong rồi. Nó len lén trở về cửa đứng đợi một lúc bà

cụ mải làm gì hay mải trông gì, để chạy vụt vào nhà rửa ráy và thay quần áo. Năm chừng mười họa mới có một lần nó thoát. Bởi vì lần nào nó cũng bật cười và bị bà cụ trông thấy. Lập tức bà cụ chửi cho một trận. Có khi bà túm lấy tóc cháu, củng vào đầu công cốc. Lộc rụt cổ lại, cười khanh khách.

Một hôm, Lộc ra sân chẳng thấy bọn trẻ con đâu. Chỉ thấy hai chú lợn. Nó bực mình nắm ngay đuôi một chú, mím môi lôi lại, ra sức kéo. Chú lợn hoảng sợ, kêu eng éc. Bác Vằn gái còn hoảng sợ hơn con lợn. Bởi vì đôi lợn của bác là nửa cái giang sơn nhà bác. Bác Vằn trai làm nghề bán mỳ rong. Ban ngày, bác ngồi ở bến tàu. Tối đến bác gánh mì lần lượt đi qua mấy phố quen. Phố nào bác cũng đã có những chỗ nhất định. Cứ đến đấy hạ gánh. Muốn báo cho khách quen ăn biết bác gõ mõ kêu cục rắc. Do đấy, người ta gọi bác là anh mì xực tắc. Mì của bác ngon, nên khách quen nhiều. Bác kiếm cũng được đồng tiền. Ấy thế mà quanh năm công nợ bác dề dề. Chỉ vì bác đông con mà vợ thì đần: bác gái vụng buôn, đi buôn mấy mươi phen đều mất vốn. Sau cùng bác Vằn trai đành bảo vợ ở nhà. Nhưng không lẽ ở nhà để chơi không? Bác mua cho vợ đôi lợn, giao cho mà chăm chút. Ngày ngày bác Vằn gái xách một cái thùng sắt tây, dạo một vòng qua mấy nhà quen, xin nước vo gạo của người ta. Ở phố phường, nước phải mua. Bởi vậy từ bát đũa đến xanh nồi, trước khi tráng nước sạch, đều phải rửa bằng nước gạo. Cái nước gạo do thế trước được tất cả cái béo ngập còn sót lại với những hạt cơm thừa, những lưng canh cặn. Lợn ăn đủ béo. Nếu chúng nó không béo, ấy là lỗi của bác Vằn gái vụng chăm. Bác trai sẽ chửi cho ngập mặt. Bởi vậy bác gái chiều lợn lắm…Lúc ấy, bác đang xi đứa con út đái. Nghe tiếng lợn kêu, bác vội quăng nó xuống giường rồi tất tưởi chạy ra. Vừa thấy bóng bác, Lộc cắm đầu chạy biệt. Bác chỉ còn có thể xắn quần lên qua đầu gối dậm chân lên bèn bẹt, nghiến răng lại mà rít lên: "Con nhà quan ôn vật nào thế kia"…Lộc đã khuất vào chỗ đầu chái trong nhà ông Ấm. Những lần bị bà cầm roi đuổi đánh. Lộc vẫn chạy vào chỗ ấy. Bởi chỗ ấy là cái bếp nhà ông Ấm. Lúc nào cũng có sẵn một cái thang ghệch lên tường. Không hiểu thằng Câm nhảy trời vẫn leo lên mái bếp làm gì vậy? Những lúc hắn đi vắng, Lộc thường leo trộm lên, có ý để xem hắn giấu gì trên ấy. Lộc chẳng thấy gì. Nhưng những lúc không còn biết trêu ai nó vẫn trèo lên nóc bếp ngồi chơi. Lâu dần cái việc trèo lên ấy quen đi. Nó làm nhẹn như một con mèo. Thành thử mỗi lần bị bà đuổi, nó lại chạy tót ra chỗ cái thang. Nó trèo lên. Rồi ngồi cười trên nóc mái nhà,

nó nhìn xuống cười khanh khách. Bà cụ già yếu quá, chân tay run rẩy, đâu còn hơi sức mà trèo. Dù còn trèo được bà cũng chẳng dám trèo. Bà trông thấy cháu ngồi cheo leo trên nóc bếp cũng đã đủ run cả ruột rồi. Nếu bà còn trèo lên, ngộ nó sợ bị đánh mà chạy trốn. Vô phúc trượt chân một cái, lăn xuống đất thì còn gì là mạng. Không vỡ đầu ắt gẫy chân. Lộc vốn ranh ma đã biết thóp bà cụ tuy hùng hổ nhưng vốn nhát. Có đời nào dám để cho cháu què!... Lần này, trêu lợn nhà bác Vằn xong rồi, Lộc cũng trốn ra chỗ cái thang. Nó ngạc nhiên, bởi thấy thằng Đạc đang khóc thầm ở đấy. À, thì ra thằng Đạc hôm nay cũng ra sân chậm. Các bạn kéo nhau đi đâu mất cả rồi, mất chị Tiền! Đạc chạy đi tìm. Tìm không thấy nên nó khóc….Lộc mới trông đã ghét. Cái gì mà thằng Đạc tỉ tỉ suốt ngày! Mồm lúc nào cũng mếu xệch đi. Mắt lúc nào cũng ầng ậc nước. Lộc không thích cái hạng trẻ con như vậy. Nó cũng nheo mắt vào, bèm bẹp cái mồm, bắt chước Đạc mếu để nhạo Đạc.

- I hi hi….hi hi!... Ô em tôi khóc đấy à? I hi hi…hi hi! ….làm sao em tôi thế?.... Đạc vừa giặt mồm ra, vừa nghoẹo cái đầu về một bên: hai tay nó chực níu lấy tay Lộc. Lộc hăm hở xốc nó lên. Nó trèo thang. Nó đặt thằng Đạc cưỡi lên nóc bếp bảo:

- Ôm lấy cái ống khói! Ôm thật chặt không ôm ngã vỡ đầu thì bỏ mẹ!

Đạc toan đu lấy cổ nó. Nó vừa gỡ tay Đạc ra, vừa trợn mắt lên vừa dọa:

- Mày mà bám lấy tao, tao quăng xuống kia ngay. Muốn gẫy cổ thì bảo ông?... Ôm lấy cái này, mau lên! Ôm lấy! Rồi tao ngồi sau lưng mày, giữ lấy mày, không ngã đâu mà sợ….Nào! Chúng ta đi tàu…tu tu tu! Tu tu!...

Đạc đành phải nhận cái trò chơi nguy hiểm ấy. Nhưng Lộc đã vội vàng xuống đất và lôi cái thang ra chỗ khác khanh khách cười. Vừa lúc bọn trẻ ở ngoài ngõ ngang về. Lộc chạy ra gọi chúng. Lộc chỉ cho chúng thằng Đạc ngồi trên nóc bếp:

- Chúng mày xem: thằng Đạc đi tàu bay kia kìa!

Chúng cười ầm ĩ. Duy có Tiền hoảng sợ kêu lên:

- Trời đất ơi! Khổ quá! Mày làm vỡ đầu nó ra bây giờ…Hiền ơi!

Tiền kêu cứu Hiền. Nhưng Hiền cũng chẳng biết làm sao nốt. Có cái thang thì thằng Lộc giữ, dạo đứa nào động đến thì đánh cho vỡ mặt. Vả lại thang làm gì? Hiền chưa chắc dám trèo lên. Càng không dám bế đạc mà trở xuống. Đạc vẫn ôm chặt cái ống khói mà gào khóc. Lũ trẻ con nhốn nháo. Tiền chắp tay lạy Lộc. Lộc khanh khách cười. Mặt Hiền đỏ bừng lên vì tức Lộc. Nó chạy một mạch về cửa nhà ông Hai Mợn. Nó không mách bà Hai; nó ghét bà Hai lắm. Nhưng nó ra hiệu cho Câm theo nó. Câm ngơ ngác. Nó nắm lấy tay Câm mà kéo đi. Câm gật đầu và chạy theo. Vừa thấy Câm, Lộc ù té chạy. Lũ trẻ không cười nữa, vì cái mặt Câm hầm hầm, trông sợ lắm, Hiền chỉ lên thằng Đạc. Câm trợn mắt há hốc mồm, rung rung cái đầu. Ấy là Câm hình dung nỗi sợ. Hiền chỉ vào cái thang, Câm hiểu. Hắn bắc thang trèo lên nóc bếp. Hắn bế thằng Đạc xuống rồi cứ chắp nguyên ở nách, chạy một mạch về nhà bà Hai. Lũ trẻ ào ào chạy theo….

Có lẽ Câm lấy việc ấy làm khoái lắm. Suốt ngày, hắn chạy lăng xăng hết nhà nọ đến nhà kia. Gặp người nào hắn cũng múa may chân tay, trợn mắt, há mồm, lúc lắc đầu, cố diễn đạt tất cả các việc đã xảy ra. Ai cũng biết chuyện rồi, nên ai cũng hiểu ngay. Họ gật đầu, cười. Câm thích chí vì đã làm được cho người ta hiểu cũng cười bằng cả nét mặt và tay chân….

Cả buổi chiều, Câm có vẻ ngóng mẹ Hiền. Người ta đoán thế, bởi thấy hắn thỉnh thoảng lại nhìn vào nhà thị. Hắn làm như người sốt ruột đã đến thành nỗi bứt rứt. Và khi vừa trông thấy bóng dáng mẹ Hiền đội một cái thúng về, hắn chạy theo ngay. Hắn đỡ đội xuống giúp thị. Rồi không còn để cho thị kịp ngạc nhiên, hắn hấp tấp nhắc lại tất cả những nét mặt, những cử chỉ hắn đã dùng để kể câu chuyện thằng Đạc ngồi trên nóc bếp. Người đàn bà ngớ mặt ra không hiểu. Câm tức lắm. Mặt hắn nhăn nhó một cách đau khổ ấm ức. Ngón tay hắn hơi run run một chút. Nhưng hắn cố bình tĩnh, diễn lại ý của mình lần nữa. Người đàn bà vẫn không hiểu nốt. Mắt Câm đỏ bừng lên. Hắn thành sừng sộ, bình bịch chạy ra lại chạy vào, in như một con hổ lồng lộn trong cái cũi. Mẹ Hiền hoảng sợ. Thị tưởng hắn muốn tìm một cái gì để phang vào đầu thị. Và thị ngờ rằng chính thị hay con thị đã vô ý làm thiệt hại gì đến hắn. Nhưng Hiền về. Câm mừng lắm. Hắn vồ lấy nó. Bộ mặt co rúm của hắn giãn ra. Hắn tươi cười chỉ vào Hiền mà ra hiệu. Mẹ

Hiền vẫn không hiểu. Nhưng Hiền hiểu, Hiền tủm tỉm cười. Hiền nói cho mẹ nghe tất cả những điều Câm muốn nói. Trong khi Hiền nói, Câm nhìn mặt mẹ Hiền. Nét mặt thị cứ linh động dần dần do sự hiểu biết dần dần câu chuyện. Đến khi thị hiểu cả, thị cười rũ rượi. Câm cũng cười. Nhưng hắn chỉ cười một chút rồi mặt hắn lại đỏ bừng lên. Hắn đột nhiên chạy trốn. Một lát sau, mẹ Hiền thấy hắn ngồi trước cửa nhà bà Hai Mợn, lấm lét nhìn trộm mẹ con thị. Mắt hắn bẽn lẽn. Hắn có vẻ hiểu rằng: mẹ con thị đang nói đến hắn và cười hắn. Thị sinh ái ngại. Thị lục thúng bánh lấy quà cho con. Đó là một khúc sắn tàu. Thị lấy dao cắt làm đôi, đưa một nửa cho Hiền.

- Phần con đây.

Hiền nhìn nửa kia như muốn hỏi: thế, còn đây?...

Thị đưa hết cho con, khẽ bảo:

- Con chạy đi đưa miếng này cho ông Câm….

Và thị cắt nghĩa:

- Ông ấy có gì ăn cũng cho con; con có gì chỉ ăn một mình, phải tội.

Hiền vâng lời mẹ. nó cầm miếng sắn tàu chạy sang nhà bà Hai Mợn, đưa cho Câm. Câm xua tay, lắc đầu, không chịu lấy. Hiền bỏ vội vào lòng hắn, chạy về. Nhưng Câm lại chạy sang tận nhà, trả lại Hiền. Mẹ Hiền ra hiệu cho Câm ăn. Câm lắc đầu. hiền phụng phịu, lườm Câm để tỏ ý: Câm không ăn thế, Hiền giận đấy. Rồi nó lại nhét miếng sắn vào tay hắn. Hắn do dự một chút rồi cầm vậy. Nhưng hắn chỉ bẻ một mẩu con ăn rồi lại trả Hiền. Hắn phưỡn bụng ra rồi lấy một ngón tay gõ vào. Hiền cắt nghĩa cho mẹ hiểu:

- Ông ấy bảo: ông ấy còn no lắm.

Mẹ Hiền nhìn Câm cười tủm tỉm. Câm cũng cười. Hiền muốn đùa Câm, dí miếng sắn vào mồm hắn, bắt ăn. Câm giằng tay nó xuống. Mẹ Hiền sợ Câm giận, khẽ phát vào lưng con, mắng:

- Đừng láo thế? Mày chỉ hỗn.

Câm vừa cười vừa xua tay để bảo mẹ Hiền đừng đánh nữa. Rồi Câm bế thốc Hiền lên, đặt nó ngồi vào lòng, vuốt ve hôn hít. Mẹ Hiền cảm động. Một chút nước mắt ứa ra, rơm rớm. Câm nhìn thị. Đôi mắt hắn, mới đầu căng ra vì ngạc nhiên, dịu dần dần. Rồi chúng cũng rơm rớm ướt. Nhưng đồng thời mặt hắn đỏ lên một chút. Hắn nhắc vội Hiền cho đứng xuống, rồi chạy ra ngoài đột ngột, khiến người đàn bà giật mình nhìn theo.

Ít lâu sau mẹ Hiền không đi buôn với bà Ngã nữa. Thị đi làm nhà máy. Đầu mối tự bà Hai Mợn. Bà Hai thấy thị và bà Ngã thân nhau thì có vẻ không bằng lòng. Thoạt tiên bà không bằng lòng thị. Bởi vì thị đến đây, bà giúp đỡ cho nhiều. Đã đành bà chẳng giúp tiền, giúp gạo gì, nhưng bà chỉ bảo dùm. Bà thuê hộ nhà, bà có lòng săn sóc lắm ấy thế mà thị nở xử cái lối qua sông phụ công. Yên thân một tí là thị quên tất cả. Thị chỉ biết đi lại ton hót con mụ Ngã. Thị coi bà chẳng khác gì người dưng. Vậy là bà ghen. Nhiều người có cái thói ghen vu vơ như vậy. Bà giận luôn bà Ngã. Bởi vì bà nghĩ rằng: khi con đĩ trắng mắt kia chưa đến thì bà Ngã với bà vốn hai người tử tế. Một đôi khi có thiếu tiền đong gạo bà Ngã vẫn thậm thọt chạy sang nhà bà vay tạm. Nếu bà có, chẳng bao giờ bà tiếc. Khi một vài đồng, khi dăm ba đồng. Lần thì bà Ngã trả ngay, cũng có lần hàng nửa tháng. Nếu bà không ăn đến, chẳng bao giờ bà nỡ cất mồm đòi. Lời lãi không có một đồng xu nhỏ. Nói thế nghĩa là bà Ngã được nhờ bà nhiều lắm. Nhưng từ ngày bám được thị, bà Ngã đã có chỗ khác để nhờ rồi. Bà không cần đến hàng xóm cũ nữa…Tính bà Hai Mợn vốn đa nghi, nên bà cứ nghĩ quẩn quanh như thế. Rồi bà đoán rằng: mẹ Hiền có nhiều tiền. Có nhiều tiền nên con mẹ Ngã nó mới bám chằng chằng như vậy. Đứa nào dại thì được chết. Con mẹ Ngã nó chẳng vừa đâu nhé. Đánh đôi với nó thì có ngày giẻ rách cũng chẳng còn mà đeo…..

Bà Hai Mợn thấy bà cần phải làm một việc phúc đức. Một buổi tối bà đến chơi nhà Hiền. Bà làm như vô tình đi qua, thấy mẹ Hiền ngồi rỗi thì tạt vào nói chuyện chơi. Bắt đầu bà hỏi thị xem hôm nay có phát tài không! Rồi bà hỏi loanh quanh xem lỗ lãi thế nào? Sau cùng bà mới ngồi lại gần với thị và thì thầm nói khẽ:

- Chỗ chị em tôi hỏi thật: chị đi với bà Ngã thế thì buôn chung hay buôn riêng?

- Thưa bà, cháu mới theo bà ấy đi cho quen thôi đấy ạ.

- Đã đành, nhưng vốn của cả hai người, hay của một mình bà ấy?

- Vốn của bà ấy tất.

Bà Hai thất vọng nhưng bà còn hỏi gặng:

- Thế thì chị đi với bà ấy chẳng xơ múi gì à?

- Có đấy ạ; hôm nào kiếm ăn được, bà ấy cũng cho cháu hào chỉ hay hơn hào chỉ.

Bà Hai bĩu môi ra….

- Thế mà chị không phải góp đồng vốn nào thì tôi chả chịu. Chẳng hóa ra bà ta dại lắm….

Mẹ Hiền nhe răng ra cười.

- Cháu nói thế, chứ cháu cũng góp với bà ấy vài đồng bạc.

- Tưởng nhiều kia chứ vài đồng bạc thì chả lo.

Mẹ Hiền đột nhiên sầm mặt lại. Thực ra thị đưa gửi bà Ngã những hơn chục bạc. Một chút nghi hoặc thoáng qua đôi mắt thị. Bà Hai ghé mồm sát tai thị bảo:

- Tôi cứ áy náy mãi. Sợ chị nhẹ dạ, có đồng nào đưa hết cho con mẹ ấy. Này, nó lỉm nghỉm thế nhưng chẳng phải vừa đâu. Con người lèo lá lắm! Nói thì như chực sẻ cửa sẻ nhà cho người ta nhưng rút lại thì nó chỉ chực lường đảo của người ta về nuôi chồng con đấy.

Mẹ Hiền cười nhạt, bà tiếp.

- Tôi nói ra thì chắc chị cũng cười tôi là con người bộp chộp. Nhưng cười thì tôi cũng nói. Tính tôi như vậy. Tôi không thâm hiểm như ai được. Chị mới đến đây lạ nước lạ cái đã biết kẻ hay người dở thế nào. Tôi biết mà không nói thì về sau chị trách. Tôi với bà lang nhà chị có phải người ở đâu đâu? Có phải không hở chị?

- Vâng ạ, bà có lòng yêu con nên bà mới nói.

- Ấy thế…người khác thì tôi chỉ mặc đôi bên, tội gì mua việc cho mang thì mang oán? Này con mẹ nào chứ con mẹ ấy nó mà biết tôi nói chẳng sai nó chửi.

- Có!....

- Đấy, rồi chị xem. Nó ra phết đấy!

- Ra phết hay không ra phết thì bà bảo làm gì? Cứ phải thế thôi. Mình có thì người ta mới nói. Với lại bà bảo con thì con biết, chứ bà ấy làm sao mà biết được.

- Thì đã hẳn….Nhưng tôi cũng nói thế cho chị biết kẻo chị lại xưng xưng bảo nó là tôi bảo, để nó chửi vào mặt tôi….

- Có! ….Ai lại thế?

Bà Hai híp cả hai mắt lại cười to. Câu chuyện kín đáo đến đây là hết. Hai người lại trao đổi với nhau những câu nói rất nhàm về thời tiết, về sự khó làm ăn với cái nông nỗi ruồi nhiều mật ít….Rồi bà Hai ra về. Câu chuyện ấy chẳng biết lỗ ngách nào lọt đến ta bà Ngã. Bà Ngã giận thâm tím mặt. À, thì ra ở với nhau mười năm trời cũng không rõ được lòng nhau. Bà vẫn tưởng cái con đĩ già ấy nó chỉ đĩ mà thôi. Không ngờ nó lại nham hiểm nữa. Ờ, gặp mình thì nó nói nói cười cười xơn xớt. Ấy thế mà vắng mình một cái là nó trở mặt nói xấu mình ngay được. Sao thiên hạ lại có những đứa ngứa mồm như vậy? Người ta chẳng ăn lường ăn quịt của ai nó cũng đặt điều nói vu cho người ta được….Bà giận lắm, giận cả mẹ Hiền bởi vì thị đã nghe không mắng tát vào cái mặt đứa hay xui xiểm. Thị lại nghe chuyện nó. Thị lại thì thầm, thì thào với nó. Thị lại tưởng nó là người thân

thiết với bà lang….Cha mẹ kiếp. Ngày xưa nó với bà lang lại không vẫn đọc tên đọc tuổi nhau ra mà chửi! Bà Ngã còn nhớ lắm. Bà nhớ có lần chẳng biết đôi bên lung túng với nhau về tiền thuốc, tiền thang thế nào mà họ nhảy cẫng lên, vỗ đùi đen đét, xỉa xói vào mặt nhau. Họ nhiếc nhau chẳng còn thiếu gì. Thật là đến điều….Những người biết chuyện đã ai quên? Ấy thế mà bây giờ nó đã dám leo lẻo cái mồm bảo: nó nghĩ đến tình bà lang trước. Nó dám bảo người ta lèo lá. Nó lại không lèo lá bằng nghìn người ta. Giá có phải là con người biết nghĩ thì mẹ Hiền thấy nó nói một tiếng là phải bảo thẳng ngay vào mặt nó: "Tôi với bà Ngã xưa nay vẫn tử tế với nhau; bà đừng nói thế mà mang tiếng; bao giờ bà ấy có ăn quịt của tôi thật, sẽ hay….". Thế thì đời nào nó còn dám nói. Nhưng khốn nỗi cũng tin lời nó (không tin mà lại chuyện nhỏ, chuyện to mãi vậy). Mới biết mẹ Hiền cũng tệ. Bà Ngã quả là một người thâm. Bà chưa vội nói ra. Bà cứ tảng lờ như chẳng biết gì. Để xem mẹ Hiền sẽ xử trí như thế nào? Ý bà muốn rằng thị sẽ nói lại với bà tất cả, thị sẽ cười bà Hai Mợn; thị sẽ bảo: "Xui xiểm ai chứ xui xiểm tôi với bà thì được mỏi mồm mà chẳng ăn thua gì: chúng ta có phải là trẻ đâu?". Nhưng mẹ Hiền đã không làm thế, đã không nói thế. Thị ngấm ngầm dò xét. Ít ra đó là ý bà Ngã. Khi người ta đã để tâm ngờ ai thì tự nhiên người ấy thành ra đáng ngờ, mẹ Hiền và bà Ngã đối với nhau có sự giữ gìn hơn trước. Ác cảm lảng vảng trong không khí. Mẹ Hiền cho là bà Ngã toan trở mặt để về món tiền của thị. Thị sinh lo lắng. Một hôm thị ngỏ ý muốn đòi về. Bà Ngã nghĩ bụng ngay: "Đã biết mà!.... ". Bà sầm mặt trả lời.

- À, thế ra chị sợ tôi quịt lắm nhỉ? Hừ!....

Mẹ Hiền vội chối:

- Sao bà nói thế? Nhà cháu phải tiêu nên mới dám hỏi bà đấy thôi. Nếu nhà cháu sợ đã chẳng…..

Bà Ngã nói lấp ngay đi:

- Thôi được! Chị không cần phải nói nhiều!

- Nhưng sao bà lại nói những lời như thế?

- Tôi nói sao? Tôi chỉ bảo chị sợ tôi quịt, không dám tin tôi thì tôi lo tôi trả chứ sao?

- Khổ quá! Cháu có….

- Thì chị đòi nợ của chị, tôi xin nhận rồi tôi trả. Có việc gì mà khổ!

Mẹ Hiền chép miệng:

- Thôi cũng được! Bà muốn bảo sao tùy bà. Mới có thế mà đã bẻ mè ra ngảo được!

Bà Ngã trở nên gắt gỏng; bà hỏi vặn:

- Thế nào là bẻ mè ra ngảo? Tôi hỏi chị có đòi nợ tôi không nào?

Mẹ Hiền cũng thêm khùng

- Tôi có đòi!....

- Ờ, thế còn gì nữa?.... Hừ chị không phải lo chị ạ. Chị hãy bình tâm thư cho tôi ngày một ngày hai tôi xin chạy đủ để hoàn chị. Tôi túng thì túng thật những chưa đến nỗi nào.

Thế là cuộc bất hòa đã công nhiên. Sáng hôm sau, bà Ngã đi bán hàng một mình. Bà không gọi mẹ Hiền. Luôn mấy hôm như vậy. Mẹ Hiền cũng có thể làm hàng đi riêng được, nhưng chưa muốn; thị còn bực mình lắm. Bực đến quên cả sự làm ăn. Có lần thị thấy như hối hận. Thị oán thầm bà Hai Mợn. Nhưng oán bà Hai thì phải oán cả mình. Ai bảo mình nhẹ dạ nghe bà ấy? Ít người thành thực đến nỗi dám nhận mình có lỗi. Bởi vậy thôi không oán thị. Thị không oán thị thì thị không có quyền oán bà Hai. Tất cả lỗi thành thử lại vềphần bà Ngã. Chỉ có bà Ngã là không phải. Nào thị đã nói nặng gì bà ấy? Thị mới chỉ hỏi tiền của thị, thị cho vay thì thị có quyền hỏi lắm. Cớ sao bà Ngã cố vin vào cái việc nhỏ mọn ấy mà không bằng lòng?.... Dù sao thị cũng buồn. Khi người ta sinh ra để mà yêu nhau chứ không phải để mà ghét nhau. Đáng lẽ bà Hai Mợn cũng phải nhận ra lẽ ấy. Khi hai người còn quấn quýt nhau bà muốn họ ghét nhau. Họ ghét nhau rồi

thì bà thấy hả lòng một chút thật. Nhưng chỉ một chút thôi. Rồi khó chịu ở đâu lại đến. Bởi vì bây giờ nhìn thấy họ bà tự nhiên ngượng nghịu. Bà cố tránh cái nhìn của họ. Cái nhìn cứ sa xuống đất, như chở nặng ghét thù. Ấy thế chính bà Hai cũng buồn. Bà cố đổi nỗi buồn ấy ra nỗi giận. Bà giận bà Ngã lắm. Cái con mẹ ấy thấy ai có tiền là bám riết để tìm cách mà bòn rút. Giá cứ im đi cho nó bòn rút người ta thì nó bằng lòng đấy. Không im thì nó sưng mặt lên bằng cái thớt. Nó sưng mặt lên thế chứ sưng nữa cũng chẳng làm gì bà sốt. Bà nhất định không để cho nó lừa người ta. Như vậy tức bà là ân nhân của mẹ Hiền. Có lý nào mẹ Hiền nỡ giận bà. Hay có giận thì cũng chỉ là do thị sợ rời bà Ngã ra thì không làm ăn gì được. À, nếu vậy thì dễ lắm. Bà đã làm ơn thì bà làm ơn cho chót. Bà sẽ kiếm việc làm cho thị. Những chỗ quen thuộc bà nhiều lắm. Bà lại thậm thọt đến nhà mẹ Hiền để bàn với thị. Cố nhiên là thị hoan nghênh lắm. Bởi thị đi bán hàng mà kiếm ăn cũng được, nhưng lại mang tiếng là nhờ bà Ngã dạy buôn bán nên mới tìm nổi miếng ăn. Không thích lắm, chi bằng đi làm một việc gì khác hẳn. Có mấy dăm mươi đồng chạy trọt thì cũng vui lòng mất. Đằng nào chả thế? Nó cũng như cái vốn mình bỏ ra…..Nếu vậy thì được lắm. Bà Hai đã chạy cho thị một chân làm máy tơ. Lẽ tất nhiên bà Ngã càng căm. Kẻ mồi chài mối lái đã hiển nhiên là bà Hai Mợn. Bà Ngã gọi mẹ Hiền sang nhà, tính toán tiền nợ, còn bao nhiêu trả tất. Trả xong rồi, bao nhiêu lời mát mẻ mới tuôn ra. Mẹ Hiền chỉ cố nhịn cho yên chuyện. Nhưng bà Ngã không dễ dàng quá thế. Bà tấm tức đã lâu, sở dĩ bà vẫn phải ngậm tăm là vì bà chưa xoay được tiền trả nợ. Phải trả, để tỏ rõ mình không phải là con người lừa lật đã. Rồi sẽ nói. Thế nào cũng nói. Nếu im đi tất chúng cho mình là đứa ngu. Vậy mẹ Hiền đã biết cái trái của thị, không dám hé răng đáp lại nửa lời, thì bà cũng tha cho. Nhưng còn cái con mẹ thị kia! Con mẹ thì là bà Hai Mợn. Chẳng phải mẹ mà lại thế!.... Bà Ngã nhất định nói vào mặt cho con đĩ già ấy biết. Bà nói thật. Bà xưng xưng bảo bà Hai thế này.

- Bà Hai ạ, tôi ở cái xóm này có đến quá mười năm, chưa đảo điên với một đồng xu. Ấy thế mà chết mẹ nó, có đứa dám bảo với chị Hiền rằng tôi là con người quay quắt.

Bà Hai trợn mắt lên:

- Ơ hay! Bà này lắm chuyện chưa! Bà chửi tôi đó phỏng?

- Tôi không chửi bà, tôi chửi cái đứa nào nó bảo tôi quay quắt.

- Mặc thây bà với nó, việc gì đến tôi? Tôi không rỗi hơi nghe những chuyện lôi thôi của nhà bà. Bà đểu vừa vừa chứ.

Ấy thế là bà Ngã gào thật to.

- Tôi không đểu! Tôi chửi cái đứa nó hay bịa đặt; tôi chửi cái đứa nó nói cho trai bỏ vợ gái bỏ chồng…không đứa nào cấm được tôi!

Muốn tỏ ra rằng không đứa nào cấm được bà, bà lớp lóng chửi luôn câu nữa. Bà Hai chửi lại. Cuộc đấu khẩu thành kịch liệt. Họ nhảy vào nhau. Người nó bíu lấy tóc người kia. Hai mái tóc sổ ra. Hai người vừa gào lên vừa giằng giọ. Bà Hai Mợn vừa khỏe lại vừa thạo cái việc đánh nhau hơn. Bà vẫn thường ngày theo dượt với ông chồng. Bà xoắn được tóc bà Ngã trước, dúi đầu bà Ngã xuống. Bí thế, bà Ngã kêuằng ặc, vừa thúc đấm tay vào bụng đối phương. Trẻ con chạy đến xem. Thằng Lộc nghe chừng khoái lắm. Nó cò cẵng nhảy xung quanh, như một giám khảo cuộc đấu võ, miệng reo hò để trợ oai. Cái hứng đánh nhau của nó mỗi lúc một bùng thêm. Nó đá đít bất cứ một thằng bạn nào đứng hở cơ, rồi vừa cười vừa giơ nắm tay ra. Nhưng chẳng đứa nào đánh lại nó làm gì. Đứa nào cũng chỉ khoặm mặt lại, văng tục rồi lảng tránh. Lộc lại đành nhảy loi choi chung quanh bà Ngã và bà Hai Mợn. Cả hai bà cũng đã nhọc. Những cào, cấu đã bớt hăng. Họ vừa vần nhau vừa thở hổn hà hổn hển. Bỗng Lộc trông thấy con Tiền đang xụt xịt. Lộc vội nắm lấy hai vai nó đẩy vào, rối rít lên.

- Đánh hôi đi! Đánh hôi đi! Đánh hôi đi!.....

Nó chỉ cho con Tiền cái bụng mỡ của bà Hai.

- Tống vào đấy! Tống vào đấy!

Con Tiền chực chạy ra. Lộc đẩy mạnh nó một cái dúi và cạnh sườn bà Hai Mợn. Lũ trẻ vỗ tay cười ầm ĩ. Tiền lúng túng ngã ngồi xuống đất. Tí nữa thì nó bị bà Hai giẫm bẹp. Lộc thấy nó lờ đờ thế, lấy làm tức lắm. Nó gào lên.

- Bà lấy cắng mà lôi! Bà lấy cắng mà lôi!....

Và bởi Tiền chậm nghe theo, nó không còn nhịn nổi, xông vào ôm lấy một chân bà Hai, mím chặt môi lại, kéo bà Hai xoạc cẳng. Cả một xúc thịt nặng nề đổ xuống, đè lên bà Ngã. Bà Ngã bíu lấy quần bên địch.

Nghỉ làm, ông Ngã xếp chàng đục xong, vội vàng lên gác tìm ông chủ. Ông chủ đang mải tính toán gì. Một tay ông chỉ vào quyển sổ làm bằng một quyển vở học trò. Tay kia ông cầm một cọc trinh, xỉa làm hai ba hàng trên bàn tay, thay cho các bàn tính mà người ta nghe lách cách trong các hàng thuốc bắc. Mồm ông lẩm bẩm. Ông Ngã định lên vay đồng bạc để lúc về uống rượu. Ông đã định ba, bốn hôm nay. Bởi ở lối về nhà ông, có một hàng thịt chó vừa mới mở. Có bàn ghế hẳn hoi. Trông đường hoàng lắm. Mà nghe chừng người ăn cũng khá đông. Lão chủ khoe: mỗi ngày giết đến hai cầy, có ngày ba, mà chẳng ngày nào ế; chỉ được cái hắn làm thịt cầy rất thạo, sạch sẽ và kỹ lưỡng, lòng, tiết canh, tái, luộc, xáo, chả, món nào cũng khéo. Ông Ngã muốn ăn thử xem hắn nói thực hay nói khoác. Bực một nỗi lớp này hàng ế quá. Ông chủ méo cả mặt. Đầy tớ xin tiền chợ lần nào cũng gắt om sòm. Thợ khó lòng mà vay tiền được. Ông Ngã càng khổ lắm. Ông đã vay vội nhiều. Bởi vậy, ông cố nuốt nước dãi, không dám hỏi. Nhưng hôm nay vừa bán được cỗ ngai. Gần chục bạc, tội gì mà chẳng hỏi vay một đồng bạc tiêu!....

Ông Ngã há mồm ra chực nói. Ông chủ không cho nói. Ông cau mặt chặc chặc lưỡi ra ý bảo: "Để yên cho người ta tính kẻo lẫn"….Ông Ngã đành lại ngậm mồm lại vậy. Ông đứng đợi. Nhưng lâu quá, thấy sốt ruột. Ông chủ thì tính hết trang này đến trang khác, thấy sốt ruột. Những trang chữ dài dằng dặc. Chẳng còn phải đến 20 phút nữa. Đứng làm chết gì ở đây. Ông Ngã lẳng lặng xuống cầu thang, ra nhà ngoài, ra cửa. Đèn phố đã bật. Ông nhìn một ngọn ngay ở trước cửa nhà. Nó giống một con mắt mở trừng trừng, mà đàn muỗi nhấp nhính ở chung quanh dọa chọc vào cũng không làm chớp được. Ấy là ông nhớ lại một trò chơi ông vẫn chơi ngày còn bé. Nhưng gió thổi. Ông Ngã rùng mình một cái, vội chạy tọt vào một cái nhà hàng xóm. Ở đấy còn có lửa. Một bọn năm sáu người bó gối chung quanh một cái điếu, đang cười hí hí. Ông Ngã nhận ra cái giọng nói lừng khừng của Bút đang kể chuyện Tiết Đinh Sơn bị Phàn Lê Hoa đuổi. Bút cười

ngoác miệng ra, để hở những chiếc răng cải mả, r ồi gật gù kể tiếp: "….Ấy thế phúc làm sao cu cậu lại gặp ngay được một anh vác cuốc. Anh vác cuốc hỏi: Ông này chạy đi đâu mà thở như bò thế? Tiết Đinh Sơn mới chắp ngay tay vào, lạy van anh vác cuốc, xin anh ta nghĩ cách gì cứu, kẻo con Phàn Lê Hoa nó đuổi kịp thì bỏ xừ với nó. Thì ra cái anh vác cuốc cũng anh hùng lắm. Anh ta bổ cái lát cuốc vào cái cây to tướng. Ở ngay chỗ hai người đang đứng, nậy ra một mảng thật to. Anh ta bảo Tiết Đinh Sơn: rúc ngay vào! Tiết Đinh Sơn rúc vào r ồi, anh ta lại đẩy cái mảnh cây vào như cũ, để con Phàn Lê Hoa không biết. Nhưng thế nào, con Phàn Lê Hoa lại biết. Nó giơ một ngón tay ấn vào miệng vỏ cây (nó xỏ mà!). Một mảng cây thụt hẳn vào. Ôi trời ơi! Bấy giờ anh cu Tiết Đinh Sơn ta đứng trong bị kẹt đau quá mới kêu thốc cha lên. Không kêu nó ấn thêm lúc nữa thì bỏ mẹ!.... ". Bọn nghe cười lăn lộn. Ông Ngã cũng bật cười theo. Nghe tiếng ông cười, Bút nhìn lên:

- A, ông Ngã! Vào đây ông.

- Đằng ấy cứ kể đi. R ồi sao nữa? Kể đi cho tớ nghe nhờ với.

- Thì ông ng ồi xuống đây.

- Ấy không chứ lị! Nó nậy miếng vỏ cây ra. Anh cu Tiết Đinh Sơn g ần chết bẹp. Ấy là sức nó, mới còn sống sót, chứ bọn mình thì chết đứ đừ r ồi. Cu cậu không còn trốn đâu được nữa, đành đứng trơ khấc. Con Phàn Lê Hoa chỉ cho một lát kiếm là chết. Nhưng nó không chủ giết. Nó mê đặc Tiết Đinh Sơn mà lại….Nó mới liếc tình cu cậu, hỏi nhõng nha nhõng nhẽo "chết chưa".

Những tiếng cười rú lên. Họ ao ước cảnh Tiết Đinh Sơn lúc ây. Một anh bảo:

- Thật sướng tỉnh tình tinh con người!

Một anh khác vuốt cái cằm lún phún râu của ông Ngã, ngoẹo đ ầu đi, lúng liếng con mắt, cố lấy giọng ỏn ẻn bắt chước tiếng con gái hỏi.

- Chết chưa?

Chúng lại cười ran. Ông Ngã chỉ mủm mỉm. Lúc không say ông bình tĩnh lắm. Tiếng cười rất ôn hòa, bật lên do một bên kẽ mép hơi tách ra một chút, thành những "hừ hừ" rung rung như tiếng trốn tây. Ông hãm được cái vui trước nhất. Ông giục Bút:

- Rồi sao nữa?

Bút dặng hắng. Tiếng đờm sòng sọc trong cổ hắn. Nhổ xong hắn liếm môi luôn mấy cái. Mọi người lại ngồi im. Hắn bắt đầu kể tiếp. Người ta nghe không biết chán. Bởi vì Bút kể chuyện rất tài. Hắn bịa rất trơn tru, và biết dùng nét mặt và điệu bộ để giúp sức cho lời nói. Ông Ngã mải nghe quá, ngồi đến tận bảy giờ. Chuông đồng hồ đánh làm ông sực tỉnh. Ông đứng phắt lên, hoảng hốt chạy về. Ông suýt va phải thằng Hoán đang đứng thập thò ở cửa. Ông hỏi nó:

- Xong chưa mày?

- Cái gì xong?

- Ông chủ…..

- Ông chủ đi xuống cô đầu rồi.

Ông Ngã trợn mắt lên nhìn nó chằm chằm

- Có thật thế không?

- Thật ạ! Ông ấy mới bập bẹ trống, đang ham bằng chết. Mấy hôm nay không có tiền đi hát nên gắt như mắm thối. Hôm nay bán cỗ ngài thế nào chả đi?

Ông ngẩn người. Nhưng ông cố bám lấy cái hy vọng cuối cùng. Hoán lòe ông. Ông đẩy nó ra, bước phứa vào, xăm xăm lên thang gác. Nhưng ông chủ đi rồi thật. Chỉ còn thằng cháu đang đứng phì phèo hút thuốc lá, ý chừng của ông bác còn bỏ sót….

- Ông ấy đâu rồi mày?

Nó hếch mồm lên, thở khói rồi vừa cười vừa nhủng nhẳng.

- Ông ấy ấy à? Bây giờ thì đang thế này này…..

Nó bắt chước cái điệu gảy đàn và đập trống mồm kêu:

- Thằng nào! Thằng nào! Tao! Tao

Rồi nó duỗi cái cổ ra, bắt chước cô đầu hát:

- Hồng hồng tuyết tuyết….

Ông Ngã hoàn toàn thất vọng. Ông văng tục. Ông vùng vằng xuống thang gác bình bịch. Những tấm ván gác rung đi. Bát chén để trên cái tủ chè kê trên gác, chạm vào nhau kêu lách tách. Ra đến đường, ông Ngã vẫn còn lẩm bẩm. Ấy là ông rủa thầm ông chủ. Cái thằng cha chỉ nghĩ đến cái vui của nó! Nó chỉ biết có tiền là đi hát, còn người ta hỏi vay một đồng bạc thì chỉ lờ tít đi. Cái lúc ế hàng, nó khinh thợ như cái rác. Làm như thợ nhà nó chỉ ăn hại nó. Ấy thế mà đến lúc nhiều đồ đặt, cấm khỏi nó hò người ta làm đêm đến nhoèn mắt ra. Mẹ kiếp! Ông chỉ sợ hàng không còn lúc đắt, chứ nếu còn lúc đắt thì ông không sợ. Này ông sẽ bảo vào mặt cho mà biết. Ông sẽ bảo: ông đau lưng lắm không làm được, ông muốn nghỉ; có kịp hàng cho khách lấy thì kịp, mà không kịp thì kệ cha hàng với khách! Có can gì đến ông? Ông cứ bảo hắn thế, cho nó biết. Nó làm gì tốt? Lúc ế hàng, nó đã khỏe làm bộ lắm, thì lúc đắt hàng ông cũng làm bộ chơi.

Ông vừa lạu bạu vừa đi, những lúc tức người ta đi nhanh lắm. Chẳng mấy chốc đã tới cửa hàng thịt chó. Khách ăn ngồi chật ních. Hơi chả bốc lên thơm điếc mũi. Ông Ngã thấy một cái gì ứ lên đầy miệng: ấy là cái tức. Ông tức thật. Mặt ông tím lại. Đôi môi ông mím chặt. Đầu ông lao về phía trước.

Ông bước vội cho qua cái chỗ mà giá chỉ có đồng bạc là ông có thể dừng lại và ung dung ngoắt vào. Ông về nhà. Chưa đến nhà, ông đã được biết cái chuyện vợ ông đánh nhau với bà Hai. Lửa cháy đổ dầu thêm. Ông tưởng ông có thể đập đầu bà Ngã xuống, dận gót chân lên cái cổ bà, đánh cho bà nát người ra! Khổ thân ông, vợ với con!... Vợ với con thế này thì ông chết

mất!... Ông nghiến răng kêu ken két. Ai cũng tưởng ông nắm chân bà Ngã mà giận đ`âu xuống gạch ngay lập tức.

Nhưng không phải. Ông chưa đánh vội. Ông hò rượu. Khởi đ`âu tất cả các trận đánh nhau là cút rượu. Bà Ngã, tối hôm nay muốn lấy lòng ch`ồng, đã mua sẵn nửa chai. Lại mua thêm cả một hào lòng. Rượu với lòng chẳng được ngon như thịt chó nhưng nhắm tạm thì cũng được. Ông Ngã lẳng lặng ng`ồi xuống uống. Ông uống rất nhanh. Nhắm cũng nhanh. Thì đã bảo: những lúc tức người ta làm cái gì cũng nhanh chóng cả. Chỉ một thoáng là đĩa lòng đã hết nhẵn. Ông liếc mắt nhìn bà Ngã. Ôi giá bà Ngã biết! Giá bà nhanh nhẹn chạy đi mua ngay một hòa thịt chó v`ề cho ông ấy nhắm! – Nhưng bà không biết. Bà tưởng bà đãi ông thế đã hậu lắm. Bà vững dạ. Thành thử ông Ngã chẳng còn gì nhắm. Ôi! Cũng được!.... Ông nhắm bằng cái tức. Ông uống hết nửa chai r`ồi. Ông giốc ngược cái chai trên cái chén và đưa mắt nhìn bà Ngã. Nhưng bà Ngã vẫn không trông thấy. Tội nghiệp cho người đàn bà quá! Bà cứ đinh ninh rằng một hào lòng với nửa chai rượu đã chu tất lắm, chẳng còn phải lo gì nữa. Bởi vậy ông Ngã tung cái chai lên. Cái chai rơi xuống th`êm gạch kêu choang. Bấy giờ bà Ngã mới giật mình. Bà sửng sốt nhìn ch`ồng. Ông ch`ồng vẫn l`âm lì. Bà đoán ngay là ông say quá, nên lỡ tay để tuột cái chai. Bà đã chực gào lên. Nhưng chợt nhớ ra rằng bà đang muốn tránh cơn giận của ch`ồng, bà chỉ chép miệng vừa cười vừa bảo.

- Ông đ`ền tôi đi! Tôi mua rượu cho ông uống, ông còn đập chai của tôi ra à?....

Ông Ngã chỉ gườm gườm đôi mắt. Bà vội đến nhặt những mảnh chai để vứt đi.

Một tay bà vịn vào đ`âu gối của ông ch`ồng. Ấy là một cách làm duyên. Nhưng ông Ngã lại chộp ngay lấy cổ tay bà vợ và đột nhiên ông hỏi:

- Ai bảo mày đánh nhau?

Bà Ngã chưa kịp trả lời sao. Bà bực quá. Bà nghĩ tiếc công bà tử tế. Một hào lòng với nửa chai rượu chui vào miệng ông Ngã chẳng được tí nhân duyên nào hết…Bà khoặm mặt, giựt mạnh tay một cái. Ấy thế là ông Ngã

đứng phắt lên, vít cổ bà, dúi xuống. Bà Ngã kêu ằng ặc. Những cái đấm rơi thình thịch trên lưng bà. Ông Ngã vừa đánh vừa rít lên như đọc nhịp.

- Nỏ m`ồm! Nỏ m`ồm! Nỏ m`ồm!.... tài nỏ m`ồm nữa đi! – Khi đã chán tay, ông mới bỏ vợ ra, r`ồi vừa thở h`ồng hộc vừa cố nói thật to.

- Chỗ hàng xóm láng gi`ềng với nhau, mày làm thế, có khác gì đeo mo vào mặt tao? Xưa nay, tao với nhà người ta không mất lòng nhau cái gì…

Bà Ngã nhịn. Nếu không nhịn, rất có thể ông đánh bà đến chết. Bởi ông đang say rượu. Để ông tỉnh rượu r`ồi sẽ hay. Ông Ngã được thể càng nhiếc khỏe, ông nhiếc đến mỏi m`ồm mới thôi…..

Trống đánh r`ồi. Người ta đợi tiếng chiêng. Có trống phải có chiêng, cái lẽ thường như vậy…ở xóm Bài Thơ, người ta gọi bà Ngã là cái trống. Còn ông Hai Mợn là cái chiêng. Hễ trống đánh là chiêng phải đánh, sự ấy đã quen.

Nhưng l`ần này bà Hai không đánh ông Hai. Chỉ vì mấy câu nói của ông Ngã làm bà hả quá. Sáng hôm sau, người ta thấy bà chạy cùng hàng xóm. Bà khoe `ầm lên rằng: bà Ngã phải một trận đòn ươn. Bà ca tụng ông Ngã là một người ở phải. "Xưa nay, ai cũng bảo ông Ngã là người chè rượu. Ấy thế mà ông ấy thật biết đi`ều. Lạy trời lạy đất, nội hàng xóm láng gi`ềng, ông ấy chẳng mất lòng ai. Chỉ có cái con đĩ mặt dang dang nhà ông là đứa tệ. Chả trách ông không chịu được….". Bà bảo thế. R`ồi bà cười rung cả thịt. Nhưng sự hả hê của bà chẳng được bao lâu. Bởi vì đúng ngay vào lúc bà đi hết nhà nọ sang nhà kia để ca tụng láng gi`ềng thì người láng gi`ềng tỉnh rượu. Ông Ngã thấy bà Ngã không dậy được. Bà đau mình mẩy quá. Môi bà sừng v`ều. Cả một bên mắt cũng sưng lên. Mặt mũi, cổ chân tay, sây sát nhi`ều chỗ lắm. Bà rên khóc. Ông Ngã ng`ồi ngẫm nghĩ. Ông không dám nhìn mặt vợ. Ông nhìn trộm. Ông trách ông xử tệ. Mà nào vợ ông có lỗi gì cho cam!

Phải, vợ ông đã đánh nhau với bà Hai. Nhưng ai bảo bà Hai hay xui xiểm? Chao ôi! Cái con mẹ béo sưng ấy có vừa đâu? Nó tử tế gì? Bụt ng`ồi tòa thì gà nào dám lên mổ mắt? Chẳng qua cũng bởi nó xử đểu với người ta trước. Đứa nào dại mà chịu thua? Giá ông có là bà Ngã thì ông cũng sửa cho con

mẹ Hai một trận. Ấy thế mà ông còn bênh nó. Ông lôi vợ ông ra đánh. Mà đánh vũ phu như vậy! Bây giờ bà ấy nằm liệt giường liệt chiếu không đi bán hàng được. Nếu bà ấy què, thì ông tính sao? Con ông đấy, ai nuôi? Liệu chỉ trông vào cái cưa, cái đục, ông có kiếm được đủ gạo ăn cho cả nhà hay không?

À, bấy giờ thì ông Ngã mới biết là ông dại lắm rồi. Ông rất giận ông, không lẽ ông lại đè ông ra mà đánh! Ông chỉ thở dài thở ngắn. Rồi ông lủi thủi đi làm. Ông gặp bà Hai. Bà đã đi hết một vòng rồi đã toan trở về nhà, vừa thấy ông, bà cười rè rè, nhăn nhở bảo:

- Cái gì tối hôm qua mà làm khiếp thế?

Bà nghẹo cái đầu xuống một bên vai, đợi nghe ông kể lể. Nhưng ông không kể lể. Ông chửi vỗ ngay vào mặt con béo phị. Bà Hai sửng sốt. Sau phút sửng sốt, bà chửi lại. Ông Ngã chỉ cần có thế. Ông đang muốn báo thù cho vợ. Ông tát vào cái mặt nung núc thịt của bà Hai một cái kêu đến bẹt. Bà Hai tru tréo. Ông tống cho bà thêm cái nữa. Rồi ông rảo cẳng chạy ra ngõ ngang. Bà Hai đỏ bừng mặt xốc quần lên đến háng, dậm chân bèn bẹt, gào lên mà chửi. Bà dùng những câu chửi rủa, cải chính lại những lời bà nói với người ta lúc nãy về ông Ngã. Người láng giềng ấy biết điều rồi lại không biết điều…..

Từ hôm ấy, mỗi chiều đi làm về, ông Ngã mang theo một cái chàng. Hình nó hơi quăm, cái lưỡi bạt chéo một bên thành một cái mũi nhọn sắc như dao cạo và cứng như lưỡi kiếm. Trông nó nguy hiểm hơn dao và kiếm. Nó bập vào gỗ như bập vào miếng khoai lang. Người thợ chỉ khẽ đập cái dùi đục trên đầu cái tông làm nẩy ra những tiếng kêu rắn công công, đã khiến cái mũi chạy phăng phăng theo những nét vẽ chì ngoằn ngoèo và rắn rỏi. Cái chàng ấy dùng để chạm. Người ta gọi nó là chàng tách.

Dân thợ mộc, lúc đánh nhau, đã động đến cái chàng tách là ghê gớm lắm. Thế nào cũng có anh đứt họng hay lòi mật. Chỉ khẽ chạm phải, cũng có thể rách da đứt thịt. Muốn cẩn thận, trong lúc đi đường, ông Ngã dúi mũi nó vào một cái bao. Nhưng về đến nhà, ông rút cái bao ra. Ông cầm cái chàng nhăm nhăm như chực đâm ai. Đôi môi ông mím chặt lại như khí tức đã tràn

lên tận đến m ồm. Ông không bằng lòng cho nó thoát ra. Ông giữ nó thật nhi ều, thật mạnh. Có vậy, lúc bật ra mới khỏe, ông có ý cho người ta hiểu thế. Bởi vì nói cho thật thì những lúc tỉnh táo, ông cũng nhát. Ông sợ bà Hai gây chuyện nữa. Ông phải làm ra vẻ hùng hổ cho bà sợ. Chẳng biết bà có sợ hay không. Bởi vì những lúc vắng mặt ông Ngã, bà xưng xưng bảo mọi người rằng: bố thằng Ngã cũng không dám đâm bà, nó chỉ dọa đấy thôi, mạng người tiếng vậy cũng to, nó mà đâm chết bà thì được vào tù sớm. Nói thế thì nói đấy, nhưng đến lúc ông Ngã v ềcấm ai thấy mặt bà ló ra ngoài. Có lẽ thế là bà khinh ông.

Một hôm thấy thằng Đạc chạy theo sau níu lấy áo con Ti ền, bà chạy xổ ra. Bà lôi tuột nó v ề. Bà đánh nó một trận ầm ĩ, vừa đánh nó vừa quay sang phía nhà ông Ngã mà chửi toang toang:

- Ai cho mày chơi với những con nhà đểu ấy!.... Tao cấm chỉ chơi với những quân ấy, r ồi chẳng khỏi mánh du côn.

Bà Ngã nằm nhà nghe thấy. Bà chóe chóe gọi Ti ền v ề. Bà cũng vớ lấy tay con, tai, đánh quát tháo om xòm. Bà mắng con:

- Mày lại muốn học làm đĩ hở? Nhà tao không có cái giống ấy. Tao mà còn bắt được mày đánh đôi với những quân khốn nạn ấy, tao tát cho vỡ mặt. Mày hiểu chưa?

Con Ti ền khóc hu hu. Nó chẳng hiểu gì. Nhưng ở bên kia tường, bà Hai Mợn hiểu. Bà càng chửi thằng Đạc dữ. Hai người đàn bà lấy con ra mà chửi nhau. Mẹ Hi ền thấy thế, cũng nạt khẽ Hi ền, cấm từ rày không được đi chơi với Ti ền và Đạc nữa.

Cả ba đứa trẻ, ép lòng vâng lời mẹ chúng được mấy hôm. Chúng tránh nhau. Chúng ng ồi rò rò ở trong nhà. Nhưng ng ồi nhà lâu, tù chân không chịu được. Một hôm con Ti ền len lén chạy ra ngoài. Bà Ngã đã dậy được, gánh một gánh hàng ra đi một lúc lâu r ồi. Nó nhìn ra phía cổng; không có bóng mẹ. Chắc dạ, nó lân la g ần cửa nhà Hi ền, Hi ền đã đi chơi với những kẻ khác từ bao giờ. Ti ền không biết, nhìn trộm vào nhà mãi. Đạc đang thơ thẩn ở cửa, trông thấy nó. Thằng bé quay vào, nhìn xem mẹ có đấy không. Không có. Có lẽ bà Hai đang làm gì trong bếp. Chỉ có Viên đang chăm chú

nhìn vào một chiếc gương con, dùng một cái díp tỉa lông mày. Đạc vội vàng chạy ra níu tay Tiền. Tiền hất tay nó ra. Đạc xị mặt, nước mắt rưng rưng chực khóc, Tiền vênh mặt lên bảo nó:

- Tao không chơi với mày!

Rồi Tiền ngấm nguẩy chạy đi. Đạc đứng xị mặt chửi rồi lạch bạch chạy theo, Tiền quay lại mắng:

- Ê, ê! Cái đuôi!.... Ai chơi với mày mà mày theo tao?

Đạc dừng lại, đưa cùi tay lên dụi mắt. Dử mắt bẹp dí kéo dài ra, nằm vắt ngang trên gò má nó. Nó nhìn Tiền trân trân như van vỉ. Cứ thế hai ba lượt, Đạc nhất định không chịu bỏ.

Tiền ra đến gần cổng thì Hiền ở ngoài ngõ ngang vềtrông thấy reo lên. Hai đứa cùng cười. Hiền hỏi Tiền:

- Mợ mày đâu?

- Mợ ta đi bán hàng rồi?

- Mợ mày cho mày đi chơi à?

- Không, tao trốn. Mày đi đâu vềthế?

Nhưng Hiền đã trông thấy Đạc:

- Ô kìa! Thằng Đạc….

Tiền quay lại, Đạc vẫn đưa một tay lên một mắt còn mắt kia ngước lên nhìn Tiền, Tiền bảo:

- Kệ nó, không chơi với nó.

Hiền thương hại Đạc bảo Tiền:

- Thôi cứ chơi với nó.

Hiền toan dắt Đạc đi. Nhưng Tiền hất vội tay Hiền:

- Đừng động đến nó, mợ nó đánh.

Đạc đu lấy Hiền, khóc òa lên. Tiền gắt với Hiền.

- Tao đã bảo mày mà!... Thôi kệ xác nó, chạy đi! Chạy mau đi! Kẻo mợ nó lại tưởng chúng ta đánh nó, mợ nó đánh cho đấy.

Đạc vội nín, lắc đầu, mếu máo bảo:

- Không, mợ không đánh, chơi với em….Bế ế ế

Tiền chủm môi ra, xì sự khinh bỉ vào mặt Đạc. Hiền cười, Hiền khoác một tay vào tay Tiền còn tay kia dắt Đạc.

- Thôi đi! Chúng ta đi ra ngoài ngõ ngang. Mợ thằng Đạc không trông thấy đâu Tiền ạ.

Tiền gân cổ cãi:

- Nhưng tao không chơi với nó.

- Cứ chơi với nó rồi tao bảo nó làm em mày, em tao.

Tiền do dự một chút rồi hỏi Đạc:

- Ừ nhé? Mày có làm em chúng ta không đã?

- Có.

- Được rồi, tao lại chơi với mày. Mày phải làm em tao với làm em thằng Hiền. Vâng đi!

Đạc bẽn lẽn "Vâng" khe khẽ, Hiền bảo:

- Đấy nó vâng rồi. Thôi! Đi….

Đi được mấy bước Tiền lại hỏi:

- Thế còn tao với mày đứa nào làm em?

Hiền bảo:

- Chẳng đứa nào làm em. Tao là anh, mày là chị. Anh, chị dắt em Đạc đi chơi.

Tiền nghĩ ngợi một chút rồi bảo:

- Không, thế thì mày là chồng, tao là …..

Tiền ngừng bặt. Nó lờ mờ thấy một chút gì giống như là e thẹn. Nó nhìn trước nhìn sau. Chẳng có ai. Tuy vậy nó cũng không nói nốt câu bỏ dở. Nhưng Hiền thấy cái ý Tiền rất tự nhiên. Nó reo to:

- Phải đấy, tao là chồng, mày là vợ!

Một người đàn ông ở một nhà gần đấy vụt hiện ra nhìn chúng nó, cười tủm tỉm. Tiền xấu hổ phát vào vai Hiền một cái.

- Nói khẽ chứ!.... Ông nõ chơi với mày nữa đấy.

Hiền cũng chợt nhận thấy cái cười của người đàn ông nọ. Tuy chẳng hiểu tại sao họ lại cười mình, nó cũng hơi ngượng ngập. Chờ đi qua chỗ ấy nó mới ghé tai Tiền nhắc khẽ.

- Tao là chồng, mày là vợ, hai vợ chồng dắt em đi chơi nhỉ?

Tiền nhìn sau nhìn trước. Không thấy ai nó mới thì thào:

- Vợ chồng thì phải dắt con đi chứ lị!....

Hiền lại reo lên:

- Ừ dắt con. Thằng Đạc là…..

Một cái hích tay làm câu nói đứt. Tiền phụng phịu….

- Ông nõ vào nữa! Mày lại nói to.

Hiền chợt nhớ ra, cười hí hí, rồi cố nói cho thật nhỏ.

- Thằng Đạc là con chúng ta.

Nó cúi xuống hỏi Đạc:

- Nhé?

Đạc ngập ngừng. Hiền dọa:

- Mày không chịu làm con chúng tao thì chúng tao không chơi với mày nữa. Mày có bằng lòng làm con chúng tao không?

- Có ó ó

Đạc vừa kéo dài tiếng "có" làm nũng vừa ngoẹo đầu một bên. Rồi nó giơ tay kêu lên

- Bế ế ế!

Hiền dạy nó

- Bảo thầy bế con chứ lị

Tiền cãi:

- "Cậu bế con" chứ lị!

- Không, "thầy" chứ lị!

- Nõ phải! "cậu", chồng là cậu.

Hiền ngẫm nghĩ. Nó thấy Tiền có lý. Tiền với Đạc vẫn gọi "thầy, u" là "cậu" với "mợ", khắc hẳn với những trẻ ở nhà quê nó. Nó bảo:

`

- Ư, cũng được….Bảo: "Cậu bế con"

Đạc ngoan ngoãn nhắc lại. Hiền toan xốc Đạc lên bế nách nhưng nặng quá. Nó lảo đảo gần ngã vật thằng bé xuống. Tiền đỡ nó. Hiền mặt đỏ bừng vì cố gắng luồn tay xuống dưới háng Đạc xốc lên. Nhưng Tiền bảo:

- Khéo ngã con!.... để tao bế nó cho.

Nhưng chợt nhận ra mình đã lỡ mồm, nó cười và nói chữa:

- À quên để tôi bế con cho….Cậu đưa con đây tôi nào!...

- Mợ bế con nào, rồi mợ thương….Tiền bế Đạc lên. Chúng nó vừa đi vừa nói chuyện thì thầm và thỉnh thoảng lại cười khúc khích.

Cái trò chơi mới hay hay. Tiền, Đạc, Hiền quấn quýt nhau thêm. Ngày nào chúng cũng tìm nhau. Có điều chúng không dám chơi ở gần nhà. Muốn tránh con mắt gườm gườm của những bà mẹ ghét thù nhau, chúng dắt díu nhau ra chơi ở mãi đầu ngoài. Bởi có một trò chơi riêng nên chúng cũng lảng xa cả các bạn nữa. Bọn chúng bây giờ cũng lẻ tẻ hơn. Chúng không còn tụ tập thành một đám to. Các cuộc chơi cũng kém phần huyên náo. Sự tẻ lặng ấy do vắng Lộc. Sau một trận đánh hôi Lộc đã bị một trận đòn đau hơn các trận kia. Rồi nó bị nhốt ở nhà trong. Muốn cẩn thận người ta dùng một cái xích, xích chân nó vào chân cột. Nó không được ra ngoài phá phách. Cái thế giới trẻ con của xóm Bài Thơ thiếu nó có vẻ thiếu hẳn đi một nửa. Các trò chơi thiếu hẳn thú vị đi. Trước kia giữa lúc chúng đang ham, Lộc xông bừa vào đi bài "quay tán" phá đám làm cuộc chơi phải tan ngay. Thế rồi chúng đánh nhau. Đánh nhau cũng là một trò chơi náo nhiệt. Như vậy không thấy chán. Bây giờ chúng được chơi yên ổn không bị Lộc quấy rầy. Những cuộc chơi kéo dài ra. Chúng chán dần. Cái kết cục thật là tẻ nhạt. Chẳng có gì hoạt. Vả lại, có cần chống lại Lộc chúng mới quay quần làm một bọn với nhau. Bởi vì Lộc chia đấm đá của nó đều cho tất cả mọi thằng. Lộc là kẻ thù chung. Mất thằng bạn quỷ dẫy ấy chúng tự phân ra làm nhiều bọn nhỏ. Bọn nào có những cách chơi riêng của bọn ấy. Có lẽ chúng cũng hơi thấy buồn.

Lộc đáng lẽ còn phải buồn hơn chúng. Nhưng Lộc vốn là đứa trẻ không cái gì làm buồn được. Bị xích cẳng ngồi một xó nó vẫn không quên tinh nghịch. Nhờ những con dao, cái dũa đánh cắp được của thằng Câm, nó tẩn mẩn ngồi khoét một lỗ tường. Nó khoét thông luôn sáu bảy ngày. Bởi có một việc để làm nên cái cảnh tù không đến nỗi sốt ruột. Đến ngày công việc được hoàn thành nó bỗng được thả ra. Hôm ấy bà nó cần vắng nhà suốt cả ngày; bà về quê ăn cưới một người thân. Bà đóng cửa hàng rồi giao nhà cho Lộc. Được một ngày xổng xích Lộc định giới thiệu với các bạn cái công trình của nó. Nó ra đứng thập thò ngoài cửa. Vừa thấy Hiền, Tiền, Đạc, Lộc giơ tay vẫy. Hiền chực reo lên, Lộc trợn mắt, còn một bàn tay che ngang miệng ra hiệu bảo im. Nó đợi cả ba đứa tới gần thì thào bảo chúng:

- Chúng mày có muốn xem ống nhòm không?

Hiền với Tiền chưa hiểu ra sao cười ngờ nghệch. Lộc không đợi chúng trả lời giao hẹn:

- Đứa nào muốn xem thì phải im mồm, hễ nói to là tao ục đấy.

Tiền nghĩ đến những quả tống chắc nịch của Lộc hơi ngần ngại. Nhưng Lộc đã chạy vào trước ra hiệu cho chúng vào. Thấy Tiền vẫn còn do dự, Hiền bảo nó:

- Cứ vào xem….sợ gì?

Chúng theo Lộc vào. Vào đến nhà trong Hiền hỏi luôn:

- Đâu? Ống nhòm đâu?

Lộc khoặm mặt, nghiến răng, lắp bắp môi dọa nó. Tiền sợ toan chạy ra. Lộc nắm lại ghé tai bảo nó:

- Cứ đứng đấy rồi mà xem. Nhưng đừng nói.

- Xem ống nhòm hay lắm.

Nó nắm cánh tay Hiền và Tiền kéo lại. Đạc ngoẹo đầu đi chực mếu. Lộc ướm tay vào trán nó quắc mắt lên nạt khẽ:

- Mày mà khóc ông cho mày một cái này bỏ mẹ!

Đạc bẹp mồm khóc không ra tiếng. lộc để mặc nó chạy đến chỗ ống nhòm quỳ xuống. Nó vừa ghé mắt nhìn vừa khẽ bảo:

- Để yên!.... tao vặn máy

Một lát sau nó tủm tỉm cười:

- Được rồi! Máy chạy rồi….Thằng Hiền ghé mắt vào đây. Cấm cười to đấy nhé.

Hiền quỳ xuống. Nó bắt chước Lộc, nhắm một mắt còn một mắt nhòm vào cái lỗ. Lộc quỳ bên khẽ hỏi:

- Thấy gì chưa?

- Chưa thấy….A cái tủ!....

- Không! Ở bên trong một tí cơ. Đã thấy chưa?

Hiền không đáp. Lộc tưởng nó không trông thấy chực đẩy đầu nó ra để ghé mắt vào nhìn lại. Nhưng Hiền giơ tay ngăn nó….

- Yên!.... Yên mày!

- Thấy rồi, có phải không?

- Thôi xem vừa vừa chứ cho con Tiền xem một tí.

Tiền ghé mặt sát vào mặt Hiền để đợi xem. Nhưng Hiền chưa chịu nhường. Hai cái mặt đẩy nhau. Giữa lúc ấy ở phía bên kia tường có tiếng cười. Tiếng cười mạnh quá bật tung ra. Một cái đạp chân của Lộc làm nó lăn quèo bên chân tường. Cùng lúc tiếng cười ở phía bên kia tường ngừng bặt. Một thứ tiếng đàn ông ồm ồm quát tháo. Tiền sợ hãi vội vàng chạy ra

phía cửa. Đạc lệt bệt chạy theo vừa chạy vừa khóc nho nhỏ trong cổ họng. Hiền bị Lộc tống thêm cho mấy cái nữa rồi rằng ra chạy thoát. Chúng ra khỏi cả rồi, Lộc vội vàng cài cửa….

…Tuy bị một cái đạp và ba quả thụi, mà chạy ra đến ngõ ngang Hiền vẫn còn cười rũ rĩ. Tiền hỏi nó:

- Gì thế hở?

- Buồn cười lắm!...

- Cái gì thế hở?

- Cô Viên nhà thằng Đạc…

Tiếng cười luôn luôn cắt cụt những câu của nó. Tiền càng giục gấp:

- Ừ, làm sao?

- Bác cai Minh ấy mà! Bác ấy….bác ấy ….bế cô Viên lên lòng….

Mẹ Hiền cứ làm ngày nửa tháng lại làm đêm nửa tháng. Đến kì làm đêm, hôm nào thị cũng thổi cơm sớm để mẹ, con ăn rồi mới đi làm. Hiền khép cửa, lên giường đắp chăn nằm. Nhưng nó không ngủ được. Đêm tối làm nó sợ. Người ta bảo chỗ đất này nghịch lắm. Ngày xưa ở đây là một bãi tha ma. Xương cốt còn sót lại rất nhiều.Khi đào móng để làm nhà, có người cuốc phải một cái đầu lâu. Có người đào trơ ra một cái tiểu sành. Cái tiểu sành ấy, trước vẫn để lăn lóc ngay ở chỗ chuồng tiêu nhà lá. Cái nhà lá mẹ con Hiền đang ở….! Người ta lại còn bảo: chính trong căn nhà lá ấy, ngày xưa đã có người thắt cổ. Hắn làm thợ xẻ. Chẳng hiểu mắc bệnh gì mà tự nhiên mụn mọc đầy người, phá ra cả mặt mũi tay chân. Máu mủ nhớp nhơ. Hắn chữa mãi, nhưng chẳng thuốc gì chữa khỏi. Về sau, hắn đi không còn vững. Người ta ngờ là bệnh hủi. Không còn tiền thuốc thang, không đến cả cơm ăn, anh em xa lánh dần dần, lại hai ba lần bị người ta thúc bách đi nơi khác kẻo chết ở đấy thì rầy rà cho những người cùng xóm, một đêm kia, hắn treo cổ lên xà nhà tự tử. Tận đến trưa hôm sau mới có người biết chuyện. Lúc ông cẩm đến thì người hắn đã tím lại như nhuộm phẩm. Nước

vàng ở các vết thương chảy xuống đất thành một vũng. Ruồi nhặng bâu đầy. Mùi tanh hôi bốc ra làm lộn mửa…..ngay sau khi ấy, hàng xóm đã phải góp tiền rước thầy về làm lễ giải oan. Nhưng không hiểu sao hắn vẫn chưa đi. Những đêm trở trời, hắn vẫn hiện ra. Nhiều người khoe, chính mắt đã trông thấy hắn. Họ bảo: cái mặt hắn sưng lên to bằng cái lệnh; đầu tóc rũ rươi; chân tay lờ rờ y như vẫn còn đau; quần áo tanh hôi, hắn đứng sừng sững rên khừ khừ, nghe khiếp lắm.

Hiền cứ vẩn vơ nghĩ đến những quỷ cùng ma không sao ngủ được. Căn nhà trở nên đầy những quỷ cùng ma. Ma lủng lẳng ở trên không. Ma ở dưới gầm giường. Ma ở trong xó, chúng đứng lù lù kia, trong bóng tối. Chúng mở to mắt, nhìn trừng trừng vào nó. Nó lạnh toát người nằm dí xuống chiếu, ngứa cũng không dám gái. Những con ma từ từ tiến lại. Chúng bước êm như những con mèo. Chúng vây lấy nó. Nó sốt rét lên. Nó gần ngạt thở mà không dám thở mạnh. Trời ơi! Cái gì đây? Hình như có một bàn tay lạnh giá luồn trong lưng nó. Nó nẩy người lên một cái. Bóng tối xôn xao. Mắt nó bật ra những tia lấm tấm. Nó thấy thoáng hiện ra những con mắt sâu hoắm như những cái hố, những cái mồm méo xệch hoặc nghiến răng, một cái bàn tay rộng, đen thủi giơ bên trên nó toan chộp xuống. Nó hoảng hốt, tung chăn nhỏm dậy. Nó nhảy xuống khỏi giường, bước một bước ra đến cửa. Nó mở cửa ra. Bên ngoài tờ mờ sáng. Trời lấm tấm những vì sao. Từ trong căn nhà ở mé bên kia, từng vệt ánh sáng len ra ngoài sân tối màu tro. Hiền đỡ sợ. Nhưng nó không dám vào nhà nữa. Nó đứng xo ro nhìn vào mấy căn nhà ở đầu trong. Những bóng đen qua lại. Một đôi khi tiếng cười tiếng nói vẳng sang, lẫn tiếng rin rít của trẻ con. Hiền cố đoán xem họ làm gì, cố lắng tai nghe xem họ nói gì. Cái bóng kia là ông Ngã gật gù. Tiếng ông nói lè nhè. Chắc hẳn ông ấy vừa uống rượu. Một cái bóng mảnh dẻ đi qua đi lại. Đấy là bà Ngã. Bà có vẻ dọn dẹp mâm bát, hoặc lấy thức này thức khác để đưa cho ông ấy. Tiếng cười trong trẻo, giòn giã của Tiền rướn lên như một tia chớp bạc, cố rướn lên rồi rũ xuống. Gia đình ông có vẻ yên vui lắm. Sau trận đánh nhau lớn trước, ông Ngã dường như đã hối hận, đối đãi với vợ đã hơn xưa. Ông ít say hơn. Những lúc ngà ngà say ông chỉ nói đùa, nói bỡn, chứ không gây sự nữa, bà Ngã thấy vậy rất chiều chuộng. Những lúc ông uống rượu ngồi nói khoác, bà không nặng mặt, vùng vằng. Bà tủm tỉm cười hay bĩu môi ra để nhạo chồng. Và lúc chồng ăn cơm, uống rượu xong, tự tay bà đi lấy trầu, rót

nước. Họ bằng lòng nhau. Cái ấy chỉ thiệt cho Hiền. Bởi vì những lúc như lúc này, Hiền thầm mong cho vợ chồng ông Ngã đánh nhau. Để cho nó ầm ỹ lên một chút. Trẻ con xung quanh tuôn đến. Lặng vắng tan và Hiền không sợ nữa….

Nhưng họ lại không chịu đánh nhau cho!.... À, thì ra trời rét đến, thiên hạ trở nên hiền từ cả. Cả đến vợ chồng bà Hai Mợn lớp này cũng im tiếng lắm. Đã lâu nay, ông ấy chưa bị trận nào kịch liệt. Tuy vậy cửa nhà bà Hai đóng kín, nên Hiền không biết bà ấy có chiều chuộng chồng hay không. Chỉ thỉnh thoảng Hiền nghe thấy tiếng bà ấy nói hoặc cười sền sệt trong cổ họng. Tiếng cười, hình như dính chặt vào cổ họng, phải giãy giụa để mà nhoi ra….

Hiền quay mặt nhìn ra đầu ngoài, về phía nhà Lộc. Nhà Lộc khuất sau cái nhà ông Ấm. Vả không khuất thì cũng không trông thấy, bởi vì trời tối. Hiền cố đoán xem lúc này Lộc đang làm gì? Hiền nhớ lại chuyện cái ống nhòm và lại bu ồn cười. Có lẽ Lộc đang rụt cổ, cười trong chăn để trêu bà già hay lẩu cẩu….Hiền rét quá. Nó rung rung người và chân tay và xịt xoạt. Hai hàm răng nó đập vào nhau cầm cập. Giá như giờ Lộc đến đây với nó! Chắc là Lộc không biết sợ ma….Nghĩ đến ma Hiền lại thấy bóng thấp thoáng những hình quái gở, hiện ra rồi vụt tắt…Phải, giá bây giờ Lộc đến đây với nó! Chúng nó sẽ đắp chăn, nằm nói chuyện, rồi lúc bu ồn ngủ ôm chặt lấy nhau mà ngủ….Loanh quanh một lúc, Hiền lại nghĩ đến Tiền. Ừ, giá có Tiền thì cũng được. Tiền cũng nhát. Nhưng có hai đứa, chúng sẽ bạo hơn. Vả lại Tiền ngoan. Nghe Tiền nói dễ thương. Tiền không cục, không hay trở mặt đấm đá như thằng Lộc. Hai đứa nằm bên nhau thích lắm. Hiền làm chồng. Tiền làm vợ. Đạc làm con sẽ nằm ở giữa….ờ, giá có cả thằng Đạc nữa thì thú lắm. Cậu nằm ngoài, mợ nằm trong, con nằm giữa….Hiền nằm ngoài? Không, Hiền sẽ không nằm ngoài: nằm ngoài sợ chết!.... Nhưng Tiền, có lẽ Tiền cũng không dám nằm ngoài đâu. Vậy thì Hiền nằm ngoài cũng được! Có những ba đứa thì chả sợ. Vả lại chồng thì phải bạo. Nhút nhát, vợ nó cười vào mặt cho. Hiền sẽ nằm ngoài và để cho Tiền nằm trong…

Nhưng mà kìa! Cánh cửa nhà Tiền cũng đã đóng lại rồi. Cánh cửa hầu hết các nhà khác cũng đều đóng cả. Đèn tắt hết. Cả tiếng nói cũng im. Bóng tối

đặc lại, chỉ còn trời loãng hơn một chút. Hiền ngửa mặt lên nhìn trời và có cảm giác như mình đang đứng ở lòng một cái giếng rất lớn, rất sâu mà ở chỗ lờ mờ sáng trên kia là gần miệng giếng….Hiền rét quá. Nó run lẩy bẩy. Cái âm thanh mơ hồ của lặng lẽ vang lên. Nó lại nghĩ đến ma, đến cái xương đầu lâu, đến cái thằng thắt cổ mặt to bằng cái lệnh, đi lừng thững và rên khừ khừ. Nó sợ cuống cuồng. Bỗng nó giật mình đến thót: vừa có tiếng lục xục trong nhà nó. Nó thấy đầu choáng váng, người bủn rủn. Bóng tối quay lộn, chạy từng luồng qua mắt nó, rồi ngoắt về mang tai. Tai nó ù ù vang vang. Thành thử nó ngờ rằng tiếng lục xục vừa rồi chưa chắc có. Nó đánh bạo, ngoảnh mặt vào nhà, nhìn xem. Một tiếng lục xục khác, to hơn, làm nó hoảng hồn. In như người xô đồ đạc. Nó toan chạy trốn. Nhưng chưa kịp chạy thì một bóng đen đã lừ lừ hiện ra trước mắt….

Hiền rụi mắt. Không! Không phải mắt hoa. Cái bóng đen chẳng biến đi. Nó rõ thêm ra. Nó tiến gần mãi đến. Một cái gậy khua vào cái cửa, kêu lóc cóc.

Hiền mừng rỡ…..

- À! Ra cô thầy!.... Hôm nay cô về?

- Ai thế?

- Con đây, cô ạ!

- Hiền đấy hả? Bu đâu?

- Thế em chưa đi ngủ à? Em đứng làm gì đấy?

Câu hỏi sau của cô, thoạt ra sau câu trước một giây có vẻ hơi gắt gỏng. Cô đứng im một chút như nghi ngờ gì Hiền vậy. Rồi cô lại hỏi:

- Chưa khuya à?

- Cũng hơi khuya rồi ạ.

- Khuya rồi sao em chưa đi ngủ? Trời rét thế!.... Mày lại sang bên nhà tao nghịch hẳn.

- Không ạ.

- Có thật không?

- Thật, có một mình con, con sợ không dám ngủ.

Cô thầy lại đứng lặng một chút như nghĩ ngợi. Rồi cô lại bảo, giọng nói trở nên bình tĩnh hơn:

- Ừ, thế thì được. Đừng dại vào nhà tao mà nghịch. Tao thờ ông Hoàng. Mày nghịch ngợm, ông bóp cổ…Thôi vào nhà mà ngủ đi. Không sợ, đã có tao bên này. Mày không lếu láo gì với ông Hoàng thì ông Hoàng phù hộ cho.

Lạch bạch một lát, cái cánh cửa nhà cô mở ra, kêu lát sát. Hiền cũng đi vào nhà. Nó khép cửa rồi lên giường đắp chăn, như một con sâu cuộn mình trong cái tổ. Ở bên kia, cô thầy lịch kịch thu dọn cái gì lâu lắm. Nhờ tiếng lịch kịch ấy, Hiền đỡ sợ. Nhưng bởi thức quá giấc rồi, nó chưa thể ngủ ngay. Nó vẩn vơ nghĩ đến cô thầy.

…..Cô làm nghề gọi rí. Người ta bảo rí của cô thiêng lắm. Nhà nào có bà con anh em chết đi, muốn gọi hồn về để hỏi việc gì, cô gọi được ngay. Chỉ cần cho cô biết tuổi của mình, tên tuổi của người đã khuất, người ấy chết ngày nào và chôn ở đâu. Cô sẽ đọc một bài chú, sai ông Hoàng tra các quan bản thổ rồi đi đón Hồn về. Hồn nhập vào cô, ứng vào miệng cô để trả lời các câu người nhà hỏi. Muốn hỏi gì cũng được, việc nhà cửa, việc dưới âm, hồn sướng, khổ thế nào? Có oan khuất gì chăng, muốn gì chăng? Hoặc lúc còn sống có tiền bạc cất giấu ở đâu hay cho ai vay mượn mà khi chết chưa kịp trối cho người cháu biết, cũng có thể hỏi rành mạch để tìm kiếm, đòi hỏi mà lấy lại…Cô nói vanh vách y như người ở trong nhà. Hình như có nhiều đám nhờ cô mà đào được của chôn hay đòi được nợ. Bởi thế tiếng cô đồn đại rất xa. Quanh năm chẳng mấy khi không có người mời đón. Một người đón, lại có hàng mấy chục người thấy hay, cũng muốn xem. Do đấy, mỗi lần cô đến một nơi xa phải ở lại hàng tháng hay nửa tháng. Căn nhà lá cô thuê ở cạnh nhà Hiền luôn luôn bỏ vắng. Hiền tự hỏi: như vậy thì cô thuê làm gì cho mất tiền? Mà không hiểu sao cô chỉ ở một mình. Bắc Vằn gái đoán rằng cô kiếm được nhiều tiền, gạ mãi cô nuôi dùm

cho một đứa con bác làm con nuôi để dắt cô và để cô sai vặt, nhưng cô không chịu. Cô lấy cớ rằng: Cô đi đâu đã có xe đến tận cửa mời, rồi lúc về lại có xe đưa về tận cửa; đến đâu đã có cơm của chủ nhà thiết, ở nhà thì đã có cơm hàng, không mấy khi ở nhà mà bày vẽ ra con nuôi, đứa ở rồi lại phải sắm sửa bát đĩa, nồi niêu để thổi nấu ăn mỗi tháng độ vài tuần, phiền phức lắm, vả lại cô mù lòa thế, nuôi con nuôi nó phải nhận cô là mẹ, chắc là nó thẹn; chi bằng cứ ở một mình là hơn….Cô vừa cười vừa bảo thế. Rồi cô lại giở cái giọng nửa pha đùa bảo thế này: "Tính tôi ghét trẻ con, bởi không muốn có con nên mới không dám lấy chồng. Nếu nuôi con nuôi, thà lấy chồng đẻ vài đứa mà nuôi. Tội gì ngủ một mình, rét ốm người đi ấy! Có chồng trời bức thì chồng quạt, trời rét thì chồng quặp vào lòng, có sướng bao nhiêu không nào?". Nói dứt câu cô khanh khách cười, đôi má hơi ửng đỏ.

Sự thật thì giá cô muốn lấy chồng, thường cũng có người chịu lấy. Cô còn trẻ; mới độ ba mươi hay chưa đến ba mươi. Mà cũng sạch sẽ người. Mặt trái xoan, da trắng, mũi mồm vừa phải, không to không nhỏ; nhất là hai hàm răng: những lúc cô nói cô cười, những chiếc răng đen nhánh phô ra, nhỏ và đều chằn chặn. Thêm vào đấy một đôi mắt long lanh nữa, thì ai nhìn cũng phải ưa. Tội nghiệp cho cô! Trời bắt tội đôi mắt cô bị hỏng. Tuy vậy cô đã dùng một cặp kính râm gọng vàng che kín, giá vô ý, người ta có thể tưởng mắt cô lành lặn hay chỉ đau qua quit. Đã thế, cô lại thích điểm trang. Chỉ lấy tay sờ mò mà cô cũng chải được cái đường ngôi thật thẳng băng. Quần áo rất nền, cô mặc toàn những lĩnh lụa, lượt là. Đến bên cô mùi nước hoa thơm lựng. Cô cắt nghĩa: "Đã mù tịt còn làm dáng với ai mà trang điểm? Các ông, các bà ai biết cho thì được, ai không biết chắc cũng cười tôi là người đỏng đảnh không phải lối. Nhưng cái số tôi phải vậy. Ông Hoàng đã thương, cho làm tôi đòi của ông Hoàng, không sạch sẽ là không xong…."

Đúng là cái giọng của một cô đầu mồm mép bông lơn với khách! Hiền đã có lần nghe thấy mấy người đàn ông trong xóm bàn tán về cô thầy như vậy. Hiền chẳng biết cô đầu là hạng như thế nào. Nhưng ý nó giật ý kia, bao nhiêu những câu chuyện nó đã vô tình nghe thấy về người láng giềng tôi tớ của ông Hoàng lần lượt trở về óc nó….

Nhưng mi mắt nó dần dần nặng trĩu, dần dần díu chặt lại với nhau. Những hình ảnh diễu qua mắt nó trở nên rời rạc, lờ mờ. Chúng chìm đi, rồi lại vẩn lên như những đám mây xám trên nền trời đục. Chúng pha trộn với chiêm bao. Hiền mơ màng trong giấc ngủ.

Bỗng Hiền giật nảy mình. Trống ngực nó xôn xao. Một nỗi sợ đột ngột làm tóc gáy nó dựng đứng cả lên một lượt. Hình như một tiếng động gì đã làm Hiền thức giấc. Không hiểu tiếng gì, Hiền nín thở lắng tai nghe…Im lặng, Hiền đã tưởng mình mê hoảng. Nhưng không phải. Sự yên lặng lại bắt đầu cựa quậy. Một vài tiếng rạo rạo cào lên nó. Đấy là tiếng chiếc chăn động đậy. Rồi có tiếng nói thì thầm. Cô thầy nói chuyện với ai? Xen với tiếng nói khoan thai của cô là một thứ tiếng gì rất lạ. Nó thào thào như tiếng gió, khạo khạo như tiếng một vật gì bị rạn, vừa đưa ra vừa hút vào thành tiếng rít. Khi tiếng nói lạ ấy im, Hiền vẫn còn nghe thấy tiếng khò khè đều đều như tiếng mèo hen. Một lúc kia, tiếng thì thào của cô thầy trở nên to và dồn dập. Hình như cô nói mải cho hết câu để còn cười, bởi nói xong cô cười. Tiếng cười bị nén bật ra khằng khặc. Hiền cũng chẳng hiểu ra sao. Tiếng con mèo hen cũng to hơn, vội vàng hơn. Nó có vẻ xê gần lại tai Hiền, rít lên, dọa nạt. Hiền sợ cuống cuồng. Bỗng lại nghe thấy tiếng cô thầy nói hơi to: "Lạy ông Hoàng! Tấu lạy ông Hoàng!". Tiếng mèo hen khặc khừ rất lớn. Nó hục hặc như toan làm dữ. Tiếp đến tiếng cái giường bị rung lên lạch cạch. Cả cái phên liếp dùng làm tường cũng bị rung. Tiếng "khọe khọe" gần hơn, dữ dội hơn. Hiền tưởng như con quái vật lên cơn thịnh nộ đương xô cái liếp để chuồn sang nhà nó. Cô thầy hổn hển. Cô có vẻ gần kiệt sức. Hiền nghe thấy tiếng cô rên khe khẽ. Hiền sợ lắm, nó lúng túng gỡ chăn. Rồi nó nhảy xuống đất, mở cửa, lao người ra ngoài sân tối cứ trước mặt mà chạy. Nó dừng lại trước cửa nhà ông Ngã. Để làm gì vậy? Nó muốn gọi nhưng không dám gọi. Nó đứng tần ngần, nghe ngóng như một thằng kẻ trộm. Nó thầm mong có người dậy để xin vào ngủ. Nhưng không ai dậy. Họ ngủ mê mệt cả. Cố lắng tai, Hiền nghe được những tiếng ngáy phì phào. Một người ú ớ nói mê, Hiền càng sợ đấy. Lại thêm nỗi đêm lạnh lắm. Gió như những con dao sắc chí vào da thịt. Hiền run lẩy bẩy. Nó phải ngồi xuống, thu gọn người, gục đầu xuống gối. Nước mắt nước mũi ứa ra. Nó kêu khe khẽ và thỉnh thoảng lại ho ông ổng.

Chợt một bàn tay rộng chụp lên đầu nó. Nó giật mình ngửng đầu lên. Một tràng những tiếng ấm ứ báo cho nó biết: đó là Câm. Câm nắm cánh tay nó kéo lên. Hắn có vẻ ngạc nhiên. Hắn múa máy tay rối rít như để hỏi và để trách. Hiền chỉ khóc. Câm liền nhấc bổng Hiền lên chạy bình bịch về phía nhà Hiền. Hắn đứng lại trước cửa, kêu một hồi tiếng họng như để gọi. Không thấy ai ra, hắn bế Hiền vào. Hắn bật diêm, thấy trong nhà chẳng có ai, hắn hiểu. Hắn đặt Hiền lên giường kéo chăn đắp lên cho. Nhưng Hiền níu lấy tay hắn, ra hiệu bảo hắn cùng nằm xuống. Hắn do dự, Hiền cố ép. Sau cùng, hắn chịu ngồi xuống cạnh giường. Hắn ra hiệu cho Hiền cứ ngủ đi, hắn sẽ ngồi để coi cho. Nhưng Hiền bá lấy cổ hắn, kéo hắn cùng nằm xuống. Hiền tung chăn đắp cho hắn rồi cùng nằm xuống một bên. Hắn ôm chặt lấy Hiền. Mặt hắn gục xuống đầu Hiền. Hiền thấy nước mắt hắn chảy ra trán Hiền, ướt đẫm. Tự nhiên Hiền cũng khóc. Hiền thương Câm lắm, tuy chẳng biết vì sao mà mình thương. Một bàn tay lạnh giá của nó thọc vào nách Câm. Câm kẹp chặt lấy và vỗ nhè nhẹ lên lưng Hiền….

Ở căn nhà bên cạnh im ắng lắm. Một ý nghĩ vụt làm Hiền lạnh toát. Hay là cô thầy bị chết? Nó lặng người trong nỗi nghi nan ấy. Nhưng cô thầy bỗng ho mấy tiếng. Hiền mỉm cười, gục mặt vào ngực Câm. Từ bấy giờ cho đến sáng, Hiền ngủ yên.

- Cái gương của mợ đâu?

Hiền mở to đôi mắt ngạc nhiên nhìn mẹ. Cái vẻ ngây ngô thật đáng yêu! Mẹ Hiền mỉm miệng cười âu yếm nhìn con. Thị khẽ tát yêu vào một bên má bầu bầu của nó.

- Mẹ mày! Sao lại đứng ngây ra thế?

Hiền toét môi cười. Mẹ Hiền nhắc lại:

- Cái gương của mợ đâu?

- À….

Bây giờ thì Hiền hiểu. Mẹ Hiền muốn nó bỏ lối xưng hô quê kệch trước. Không gọi bằng "bu" nữa. Gọi bằng "mợ" như con Tiền và thằng Đạc. Để

người ta khỏi cười…..

Hiền cũng đang muốn thế. Đã nhiều nó bị các trẻ con khác nhạo. Chúng nhạo đến nỗi nó không dám nói đến bu nó nữa. Phải nói đến tiếng "bu" cũng ngượng mồm. Vậy thì đổi cách gọi đi, chính lại hợp với sự mong của nó. Tuy vậy, nó cũng thấy ngượng nghịu làm sao ấy. Cái ấy không khó hiểu. Đó là nỗi ngượng nghịu của một người nghèo bỏ cái áo rách để mặc một cái áo mới may vào. Lòng tự ái khiến người ta có những điều canh cánh buồn cười lắm. Hiền thấy mẹ học đòi lối ăn nói của người thành thị, tự nhiên hơi thèn thẹn. Nỗi thẹn hiện ra màu hồng phớt, thoáng lên đôi má phính….

- À với gì? Có đi lấy cái gương cho tôi không nào? Ngẩn ngơ!

- Vâng, đây rồi.

Hiền chạy lại cái thúng để trên miệng cái vò ở một xó nhà. Nó đem cái gương ra. Mẹ nó kêu lên:

- Mày lấy đâu được cái này?

- Con mua

- Đừng nói thiên nói thẹo!

- Chứ chẳng mua thì ai cho?

- Mợ xem….

- Cái gương này tốt lắm. Gương tây kia đấy. Mày nhặt ở đâu thế?

- Con không nhặt được.

- Hay là mày ăn cắp?

- Không?

- Thế thì ở đâu ra?

- Con mua.

Hiền vênh cái mặt lên, làm cái điệu bộ của một người tự đắc. Mẹ nó bĩu môi…

- Thôi đi cậu cả! Răng chưa chưa vặn được!

Nó hi hí cười. Mẹ nó trở lại giọng nghiêm trang hỏi:

- Con lấy ở đâu! Bảo thật mợ…

- Của ông Câm cho đấy mà!

- Chết thật! Ông ấy lấy đâu ra tiền mà cho? Cả đời mình chẳng cho ông ấy gì?

- Ông ấy làm.

- Không phải. Làm sao làm được cái gương đẹp thế. Gương tây đấy kia mà…đắt lắm!

- Thật, ông ấy làm

Mẹ Hiền có vẻ tần ngần không tin. Nhưng chính ra thì Câm làm thật. Hắn thấy ít lâu nay mẹ Hiền hay lấy gương ra ngắm vuốt luôn. Cái gương của thị bé con con thị mua có ba xu. Nó vừa bằng hai ngón tay, dán vào một miếng bìa dày. Mỗi lần soi xong thị lại đưa cho Hiền giữ. Câm bây giờ đối với Hiền đã thân mật lắm rồi. Chẳng kỳ nào mẹ Hiền phải làm đêm, mà Câm không ngủ với Hiền. Mẹ Hiền tuy biết thế nhưng cũng không ngăn cấm. Bởi nếu không có Câm thì Hiền không dám ngủ ở nhà. Nó đòi ra hè nhà bà Hai Mợn ngủ với Câm. Vả lại, cho Câm ngủ cũng không thiệt gì. Trái lại là khác nữa. Câm coi nhà giùm cho. Không những thế, Câm còn sửa chữa lại đồ đạc, lau chùi sạch sẽ, quét nhà quét cửa. Nhiều lần, Câm giặt quần áo, tắm rửa cho Hiền. Có lần hắn giặt cả áo cho mẹ Hiền. Người trong xóm đã nhiều phen buồn cười. Họ gọi đùa Câm là chồng mẹ Hiền. Bởi sự ấy không thể nào thật, nên mẹ Hiền có nghe ai nói thế cũng chỉ cười. Có khi thị còn phụ họa với người ta, gọi đùa Câm là "cậu nó nhà tôi"

cho vui chuyện nữa. Bởi vì ít lâu nay, tính nết thị đã khác xưa. Có thể nói: thị trẻ ra. Trẻ ở cách điểm trang, mái tóc thị được chải chuốt hơn; y phục cũng lai chút tỉnh thành, quần nái đen chùng quét đất, áo lót bịt tà đờ mi phin rõ trắng bong, áo len đan màu huyết dụ, guốc sơn đen quai láng, cái áo ngoài vải rồng mặc những lúc đi ra, ống tay thật chẽn, cửa tay mở cài cúc bấm; một đôi khi người ta đã bắt gặp thị ngồi tỉa lông mày. Trẻ ở cử chỉ, ngôn ngữ: thị không còn lủi thủi, đã thích đùa cợt, nói cười. Hiền thấy thế cũng vui vui. Nó rất thích đi lấy gương lược cho mẹ rồi giúp mẹ gỡ tóc, rẽ ngôi, độn khăn nhung. Xong đâu đấy, nó sung sướng nhìn mẹ như nhìn một thứ đồ chơi chính tay nó làm ra….

- Đấy bu soi gương xem, con đội khăn cho bu đẹp thế…..

Nó nói nói cười cười nhăn nhở. Mẹ nó cũng cười. Đôi mắt thị long lanh, hai gò má ửng hồng. Trông thị càng thêm đẹp….

Những lúc ấy thường có cả Câm ở đấy. Câm nhìn theo từng cử chỉ của mẹ Hiền, nhìn chăm chú lắm. Người đàn bà thường bắt gặp cái nhìn đượm buồn của hắn, nhưng giả vờ không biết. Thị ngấm ngầm vui thích. Nỗi vui thích của một người đàn bà biết rằng mình đẹp. Và gần như không định ý, thị mỉm cười để làm duyên. Thị tưởng thị cười với đứa con. Thật ra, thị cười để làm dáng với Câm. Nhưng đàn bà họ làm dáng cả với những người mà họ biết chẳng đời nào họ yêu….

Câm có hiểu thế không? Nét mặt hắn, khi hắn ngồi trông mẹ con Hiền rẽ tóc cho nhau, có một vẻ gì chua chát lắm, đến thành ảo não. Con người không nói được ấy, chắc muốn nói ra rất nhiều điều. Những ý nghĩ không được biểu lộ ra thành lời nói được nung nấu trong hắn. Nhưng có ai biết cho hắn thế? Người ta cứ tưởng cái tật của thân thể hắn làm đen linh hồn hắn. Người ta coi hắn là một người chưa trọn vẹn, hắn không thể có những tính tình đầy đủ như người thường.

Một hôm đi phố về, hắn hí hởn khoe với Hiền một mảnh gương vỡ, chẳng biết nhặt hay xin được ở đâu. Hiền chực xin chơi. Nhưng hắn ra hiệu bảo: đừng chơi thế kẻo đứt tay hoặc toạc mặt. Rồi hắn hí hoáy ngồi cắt xén

mảnh gương vuông vắn, dùng thiếc gò một cái khung xinh xinh lắp gương vào, xong đâu đấy, hắn mới đưa cho Hiền, đổi lấy cái gương của Hiền…

Biết rõ đầu đuôi câu chuyện rồi, mẹ Hiền trách con.

- Sao con cứ xin người ta thế? Trời bắt tội người ta tàn tật, mình nghèo chả giúp đỡ được người ta tí gì thì thôi, lại còn bảo người ta hết cái này cái nọ, thế thì phải tội. Của người ta làm để bán.

- Nhưng con có xin đâu?

- Mày vừa bảo mày xin!

- Con xin là xin cái mảnh gương kia chứ! Con tưởng cái mảnh gương ấy vất đi….

- Vất đi cũng mặc người ta!

Hiền phụng phịu:

- Thế ai bảo ông ấy cho con? Cho con thì con lấy. Thế mà cũng mắng.

- Mợ có mắng con đâu. Mợ nói thế là để lần sau con đừng quấn ông ấy nữa. Con không xem, ông ấy tử tế lắm đấy, ông ấy giặt cả quần áo cho con. Cái gương con đã trót lấy thì cứ để mà dùng, nhưng mợ phải trả ông ấy dăm xu để ông ấy mua quà.

Hiền chộp lấy cơ hội ấy ngay. Nó biết đưa tiền cho Câm, Câm cũng không chịu lấy. Vậy là nó được….. Nó hếch mặt lên, mắt quắc quáo như một con chó thấy miếng thịt và cái tay người chủ đang rử rử.

- Thật thế, mợ trả tiền thật nhé!

- Trả người ta năm, sáu xu ăn quà.

- Thì đưa đây. Con chạy ra chỗ ông ấy ngồi đưa cho ông ấy

- Mày biết ông ấy ngồi ở đâu?

- Con biết. Ở cột đèn ngoài kia.

- Đi đâu mà vội, cứ để lúc ông ấy về.

Hiền nũng nịu:

- Không!..... Mợ cứ đưa cho con bây giờ. Con với ông ấy đang muốn ăn ngào bạt nạng.

- Gớm nhỉ!

Mẹ Hiền mỉm cười, bĩu môi ra. Hiền nheo mắt, sụt sịt khóc dối để làm nũng mẹ.

- Đi, mợ!

- Đi đâu?

Nó nháy mắt, gật đầu:

- Năm xu nhé? Ngào bạt nạng, mợ ạ. Chỗ ông Câm ngồi có ngào bạt nạng ngon lắm đấy!....

Mẹ nó bật cười:

- Anh thì chỉ được cái thế là nhanh lắm. Rồi lại không chịu đưa cho ông ấy đấy.

- Có chứ!..... Con với ông ấy canh ti mà lại….mợ cứ giao cho con. Con xin đưa tận tay ông ấy.

- Thật nhé

- Vâng, thật lắm!

- Này đây! Anh giờ cái hồn của anh!.... Tôi giao hẹn

Thị còn đang nói thì Hiền đã vồ lấy năm xu trên tay thị, cười hí hí và quay ra chạy mất. Thị lắc đầu cười.

- Chịu nó! Liến thoắng hơn là mẹ ranh!....

Lòng người mẹ tràn ngập nỗi sung sướng, bởi thấy đứa con láu lỉnh. Hiền chạy thẳng ra ngoài phía cổng. Nó định đi tìm Câm thật. Nó sẽ mua hai bát ngào bạt nạng: bát hai xu cho nó, bát ba xu cho mời Câm ăn. Nó nhất định ép Câm ăn cho bằng được…..

Nhưng đang lon ton chạy, nó bị Lộc nấp sau một góc tường nhảy xổ ra "hầy" một tiếng, vồ lấy nó. Hai đứa cười khành khạch.

- Mày đi đâu thế? Tiền đâu?

Hiền không đáp, nhìn vào nhà Lộc hỏi:

- Bà mày đâu?

- Đi vắng. Mày có chén đỗ lạc thì vào đây. Tao có một mình buồn quá.

Hiền theo Lộc vào. Lộc để hai cái gối mây liền nhau thành một cái bàn, dùng một cái khăn tay lớn phủ. Rồi nó móc lạc ở trong túi ra, bày cỗ….

- Mày lấy đâu được nhiều lạc thế?

- Tao hóa phép

- Mày nói láo!

Lộc nói:

- Mày không biết…..Năm ngoái, tao vồ được một con chuột nhắt. Nó có mấy cái ngấn vàng ở trán. Tao biết là chuột quý. Tao không giết. Tao chặt đôi nó rồi đọc một bài thần chú, thả nó ra, sai nó đi tu. Nó tu đủ ba tháng mười ngày ở trên rừng. Bây giờ nó thành chuột chúa, nó bảo gì, bao nhiêu chuột khác phải nghe. Nó làm tổ ở nóc nhà tao. Thỉnh thoảng, những lúc

vắng vẻ chẳng có ai, nó vẫn xuống thăm tao. Nó lại mời cả tao lên tổ nó ăn cỗ nữa….

- Mày chui vào tổ nó làm sao được?

- Mày dốt lắm! Con chuột chúa của tao tu lâu ngày thế, hóa phép tài như thánh. Nó hóa phép cho tao bé lại, chỉ bằng con chuột nhắt, rồi nó cõng tao lên. Chuột chúa sai chúng nó đi tìm các thức ăn về làm tiệc đãi tao. Tao với chuột chúa ngồi uống rượu.

Cái cảnh ngộ nghĩnh quá khiến Hiền phải bật cười. Và tuy nhiên, rành rành là Lộc bịa, Hiền cũng chú ý đến câu chuyện lắm. Nhưng nó bẻ:

- Chuột uống rượu làm sao được? Với lại rượu cay, mày cũng không nuốt được….

- Rượu ti thì mới cay chứ lại! Rượu chuột khác: rượu của chuột không uống ngọt lự; rượu là mật ong ấy mà….Mật ong ở rừng nhiều lắm. Ở chỗ nào, những con chuột rừng biết tất. Chuột chúa sai bốn con chuột rừng đi lấy.

- Thế lấy chén đâu mà uống?

- Thiếu gì….Với lại cũng không cần phải có chén. Chén làm bằng vỏ trứng. Những cái vỏ trứng người ta đập vào sanh xong vất vào đống tro, bọn chuột nhà đi khuân về hết….

- Thế thì bẩn bỏ xừ đi ấy!....

- Ai bảo bẩn? Chuột nó ăn sạch bằng mười người ấy chứ. Chúng nó lấy giẻ lau thật sạch rồi mới đem ra. Mày chả thấy nhiều khi quần áo của người bị chuột cắn đấy ư? Chuột nó cắn lấy giẻ về lau chén đấy.

- Thế sao hôm nay mày không lên tổ chuột mà ăn!

- Mày lẩn thẩn bỏ đời đi ấy! Hôm nay bà tao đi vắng, tao phải coi nhà. Lúc nãy chuột chúa vừa đến mời tao. Nhưng tao bảo: tao bận không đi được.

Nó sai mấy anh em chuột nhắt khiêng xuống biếu tao một đùm lạc súc. Tao ăn chán. Còn một ít, tao để lại đợi mày với Tiền đến, chúng mình ăn chung. Con Tiền đâu, sao mày không rủ nó?

- Tiền nó ốm, chẳng có đứa nào chơi với tao. Tao buồn quá.

- Thôi, nó ốm thì mặc nó! Tao với mày ăn đi. Nào mời bác…..

- Vâng, mời bác xơi….

Hai đứa rón rén như mấy bà sang trọng ăn cỗ thật. Nhưng Lộc đã vừa khiến Hiền chợt nhớ đến Tiền đang ốm. Nó nghĩ rằng: giá có Tiền ở đây cùng ăn cỗ thì vui lắm. Nó hơi buồn một chút. Lộc bắt gặp nó thừ mặt ra, nghĩ ngợi…..

- Kìa! Xơi đi bác! Sao bác khách sáo thế?

Hiền ngập ngừng một chút rồi bảo nó:

- Tôi đủ rồi bác ạ. Chỗ này ta để lại, tôi lấy phần về cho bác Tiền.

- Ừ, phải đấy, để tôi gói lại. Bác bảo của tôi gửi biếu bác Tiền đấy nhé. Rồi bao giờ bác ấy khỏi, tôi bảo chuột chúa mời bác với bác Tiền lên tổ chơi, uống rượu mật ong, rồi đi xem làng chuột.

- Vâng ạ, rồi tôi bảo nó sai hai anh chuột thật khỏe làm ngựa cho hai bác cưỡi mà lên tổ.

- Ô! Thế thì thích quá! Thôi, thế chào bác ạ…..

- Vâng, chào bác. Mời bác chiều đến chơi.

Hiền ra cửa. Nhưng lại vội thụt vào. Nó rụt cổ lại, lè lưỡi nhìn Lộc. Lộc hất hàm hỏi nó:

- Ai đấy hở?

- Mợ tao

- Mợ mày đã trông thấy mày chưa?

Hiền lắc đầu. Lộc lại hỏi:

- Mợ mày đi đâu thế?

- Vào nhà bác cai Minh

Lộc toan hỏi nữa nhưng Hiền xua tay bảo nó im. Hiền lắng tai nghe. Bởi vì nó vừa nghe thấy tiếng mẹ nó nói nói cười cười ở nhà bên cạnh. Nó kiễng chân để bước cho êm, lại chỗ "lỗ ống nhòm". Nhưng Lộc bảo:

- Họ bịt mất rồi, con chó đấy!

Ngay lúc ấy, tiếng ồm ồm của bác cai Minh làm Hiền tái mặt đi.

- Gớm! Bà chị tôi hôm nay đẹp khiếp! Cho…….

Câu nói đứt, chắc nó bị một cử chỉ của mẹ Hiền chém cụt. Hiền tưởng nghe thấy tiếng mẹ càu nhàu khẽ. Rồi thì thào với nhau…..

Nhận thấy mặt Hiền đổi sắc, Lộc hỏi:

- Gì thế hở?

- Không! Yên mày!.....

Lòng Hiền rối loạn lên. Nó có vẻ như lo sợ, nhưng chẳng biết lo sợ cái gì. Hình như tai nạn gì sắp xảy ra….Bỗng mẹ Hiền cười rặn lên một tiếng. Chưa bao giờ nó nghe thấy mẹ cười như vậy. Nó có cảm giác như tiếng cười ấy đập mạnh vào tim nó, tim nó nhảy vọt lên, rồi thụt xuống, rồi xôn xao. Nó ngơ ngác như người hoảng hốt. Nó hoảng hốt, nhìn trước nhìn sau. Chẳng khác gì con thú bị vây, cố tìm một lối để chạy ra. Lộc ngạc nhiên:

- Mợ mày đánh mày à?

- Không!

- Thế sao?.....

- Không! Tao đi về….

Tiếng nó nghẹn ngào như bị tắc lại rồi bị hơi thở hổn hển đẩy ra. Rồi nó vùng vằng chạy trốn. Lộc chạy theo, nhưng không dám gọi to….

- Này!.... Này!....

- Ừ….

- Gói lạc….

- Ừ, để đấy!

- Gói lạc của con Tiền.

- Ừ, khoan đã tao đi về…

Về đến nhà, ngồi một lúc, Hiền bình tĩnh trở lại hơn. Lòng nó quang ra. Những ý nghĩ dần dần rõ rệt. Nó thấy nó đã vô lý quá. Phải, mẹ nó vào nhà bác cai Minh, việc ấy có gì lạ lắm đâu? Bác cai Minh với mẹ nó làm cùng một sở. Hình như lại cũng chính bác đã xin việc cho mẹ nó: bà Hai Mợn nhờ bác giúp. Hai người ở cùng xóm với nhau. Đã mấy lần, Hiền thấy họ cùng đi hoặc cùng về, bác cai Minh đi trước, mẹ nó đi sau, hai người nói chuyện. Có hôm bác cai đến chơi nhà bà Hai Mợn, lúc về tạt qua nhà nó, bác hỏi kỳ này làm đêm hay làm ngày? Ông xếp tây dễ chịu chăng? Lão gác cổng có vờ vịt khám người lúc ở nhà máy ra về, để chọc ghẹo không? Bác lại bảo: nó làm vừa vừa chứ làm lắm thì cứ mắng tát vào mặt nó cho nó biết, đừng thấy cái gậy của nó to mà sợ, lôi thôi, lên trình chủ, rồi làm thì làm, chẳng làm thì tếch, cái thân mình là trọng, để những ngón tay to như quả chuối chạm đến người mình thì nhục chết, thà đi ăn mày còn hơn. Hôm ấy, nghe bác nói, Hiền tức lão canh cửa lắm. Hiền ước mình thật khỏe, để hễ ai bắt nạt mẹ Hiền thì Hiền choảng cho một mẻ. Bởi thế Hiền chỉ thích đi học võ. Hiền thấy Lộc bảo: những người có võ không ai đánh nổi, họ có thể xiên bàn tay qua cây gỗ, làm cho cây gỗ chẻ ra làm ba mảnh;

lực lưỡng như "thằng Câm nháy trời", họ chỉ tống cho một quả cũng đủ cho hộc máu tươi ra mà chết….

Một hôm khác, bác cai Minh đến rủ mẹ Hiền sáng hôm sau đi xem hội đền Mộc-xá, nhưng mẹ Hiền nói bận, không đi được. Lần ấy, bác cai Minh đang ăn kẹo, còn một chiếc, bác đưa cho Hiền. Bác hỏi Hiền có muốn đi học, bác gửi một người anh bạn mở trường tư cho, bác nhận là cháu thì người ta không lấy tiền.

Như thế, nghĩa là mẹ Hiền với bác, hai người quen nhau lắm. Bác vẫn đến chơi nhà nó. Vậy thì mẹ nó đến chơi nhà bác cũng là thường chứ sao?.... Hiền cố nhủ mình như thế. Nhưng vẫn có một cái gì cãi lại….Tiếng cười đã đập vào tim nó….Giọng lơi lả của bác cai…và nó vụt nhớ đến cô Viên, một hôm xưa….cái cảnh nó đã nhìn trộm thấy qua cái "lỗ ống nhòm" của Lộc! Ôi chao! Mặt Hiền vừa rực nóng. Nó như người thẹn. Nó muốn đóng cửa, để không cho ai nhìn thấy nó, để nó không nhìn thấy mẹ nó ở nhà bác cai Minh và……

Ồ! Sao lại thế! Hiền băn khoăn như đã phạm một tội gì đối với mẹ. Hiền sợ trông thấy mẹ. Nếu mẹ nó về bây giờ thì chắc nó không dám nhìn mẹ, nó phải tránh cái nhìn của mẹ và cả hai cùng ngượng nghịu…Nó nhìn về phía nhà bác cai Minh. Nó tần ngần. Rồi đột nhiên quả quyết nó rảo cẳng bước ra phía ngõ. Gần đến nhà bác cai Minh, nó ngừng lại nhìn ý tứ. Không có ai ngoài cửa, nó cúi người thật thấp, chạy vụt qua. Ra đến ngõ ngang, nó nhẹ hẳn người. Nó đi thẳng đến chỗ mọi khi Câm hay ngồi.

Mãi đến gần tối, Câm mới xếp đồ làm, dắt Hiền về. Mới về đến ngõ ngang, Hiền đã nghe tiếng đàn bà cãi nhau chan chát: "Chắc lại bà Ngã với bà Hai". Hiền nghĩ thế. Nó giựt tay ra khỏi tay Câm chạy vội về. Đám đánh nhau ở chỗ cửa nhà bà Hai. Trẻ con và người lớn dồn về đấy cả. "Không sai được! Đích thị là bà Ngã!". Nhưng nó chưa kịp nghĩ đến câu. Nó ngạc nhiên. Bởi vì bà Ngã còn đứng kia, ở trước cửa nhà bà, vừa chỉ trỏ, vừa nói nói cười cười với một người hàng xóm. "Vậy thì", Hiền bủn rủn. Người đánh nhau chính là mẹ nó. Mẹ nó và cô Viên. Thằng Lộc, quần xắn lên đến bẹn, đang nhảy nhót, bỗng trông thấy Hiền vẫy tay gọi rối lên:

- Hiền! Hiền!.... Mau lên! Mau lên mày!

Nhưng hai người đàn bà đã lăn xả vào nhau. Mồm tạm im cho chân tay làm việc. Họ giằng giọ nhau một lúc. Cô Viên khỏe hơn mẹ Hiền. Chỉ một loáng sau cô đã xoắn được tóc mẹ Hiền lôi thị đi xềnh xệch. Thị không còn đủ sức mà chống đỡ. Cô Viên nào tát, nào đá, nào đạp, dễ dàng như đội xếp xử với một thằng ăn cắp. Người ta xúm vào can. Một người cố giằng thị ra nhưng không được. Bỗng mọi người sửng sốt. Họ thấy Câm hùng hổ xông vào. Hắn giơ cả hai tay chịt lấy cổ cô Viên. Cô chưa kịp ngạc nhiên thì đã bị hắn lôi giật lại, vật đến oách ngã lăn khoèo ra đất. Rồi hắn quay lại mẹ Hiền, vừa khẽ gẩy lưng, vừa xua tay rối rít ra hiệu bảo: "Đi đi! Đi đi! Đừng lôi thôi nữa!". Mọi người cùng đẩy mẹ Hiền ra phía cổng bảo:

- Thôi đi làm đi…không thì lại lỡ tầm. Đi đi!....

Lộc kể lại cho Hiền biết khởi đầu cuộc đánh nhau. Mẹ Hiền ngóng con mãi không thấy về, đành khép cửa đi làm. Vừa ra đến sân, thị nghe tiếng cô Viên gọi giật vào. Cô chỉ mặt thị bảo ngay:

- Tao bảo thật: mày liệu hồn mày đấy! Trêu máu ai chứ trêu máu tao, tao đập tan đầu mày ra đấy!

Mẹ Hiền cự lại. Hàng xóm chẳng hiểu đầu đuôi bởi sao mà hai người to tiếng. Hỏi thì cả hai người cùng không nói. Họ chửi nhau rồi đánh nhau.

Hiền trằn trọc mãi, không ngủ được, có lẽ vì nó đói. Mẹ nó để cho nó một bát cơm lồng với mấy miếng đậu kho. Đấy là một bữa ăn sáng. Thường thường nó chỉ ăn cơm với tương cua, món ăn ấy, nó vẫn ăn ngày còn ở nhà quê, bây giờ vẫn phải ăn bởi tương cua dễ ăn hơn các thứ nước mắm rẻ tiền và đỡ tốn hơn tương đậu. Ở tỉnh, người ta mặc có phần rông ruổi; nhưng ăn thì cũng khem khổ lắm. Bởi thế hôm nào có đậu kho, Hiền ăn hết nhiều cơm gấp hai bữa khác. Mẹ nó biết vậy, lồng bát cơm thật chặt. Nhưng nó bực mình chẳng tưởng ăn. Nó rủ Câm đi nằm sớm.

Câm đã ngủ. Hiền nghe thấy tiếng hắn ngáy khò khò. Bát cơm và đĩa đậu vẫn còn kia. Nó có muốn dậy ăn thì cũng được, nhưng nó ngại. Nó buồn bực quá. Mà sốt ruột! Ở bên kia, cô thầy lại bắt đầu rên. Chắc cô ta lên cơn

sốt. Cô nằm liệt giường ngót một tháng nay. Chẳng hiểu bệnh gì. Mà cũng chẳng ai cần hiểu. Người ta bảo: cô ráo riết, tiền có thừa nhưng chỉ giữ khư khư, có ai cơ lỡ, hỏi vay tạm một vài đồng, chớ hề bao giờ cô chịu cho vay; con nuôi cô cũng chẳng dám nuôi, sợ có con nuôi thì con nuôi ăn cắp mất; đã bo bo giữ của, bây giờ ắt được nằm trên đống của mà chết khô, chết nỏ, chẳng ma nào nhìn rõi….Không ai nhìn rõi thật. Chỉ có thằng Câm nháy trời ngày một vài lần chạy ra chạy vào rót cho ngụm nước hay bát thuốc – chẳng biết hắn nghĩ thương hại cô hay cô thuê tiền hắn – còn thì chẳng ai buồn thăm hỏi. Suốt ngày suốt đêm, cô nằm rên hừ hừ….

Hiền nghe cô rên mà rầu cả ruột. Mãi đến khuya tiếng rên mới ngớt. Có lẽ cô nhọc quá, thiếp đi. Có lẽ cơn sốt đã lui. Hiền cũng thiu thiu sắp ngủ. Nhưng nó lại giật mình sợ hãi. Cái thứ tiếng mèo hen đêm nào lại rít lên. Ờ mà có lẽ giống quái ấy đêm nào cũng đến, nhưng Hiền ngủ nên không biết. Nó lắng tai nghe cố phân biệt xem đó là thứ tiếng gì. Nó nhận ra những cung bậc giống tiếng người. Nhưng thứ tiếng ấy nói những gì, nó không nghe rõ. Chỉ biết cô nói rất nhanh, rất gắt như thúc giục. Rồi đột nhiên, tiếng cô thầy rên rỉ:

- Tôi chưa chết…..Đã bảo tôi chưa chết mà.

Tiếng mèo hen lại khào khào một lúc, gắt gỏng hơn lúc nãy. Tiếng run run của cô thầy cũng gắt gỏng hơn, cô có vẻ bực mình:

- Không! Không mà! Cứ mặc tôi! Tôi chưa chết! Trời đất ơi.

Chợt một tia ánh sáng lóe lên. Hiền kinh ngạc. Vậy thì có lẽ giống quái kia là người mất. Ở bên kia lục xục. Cô thầy thở dốc lên. Hiền đánh bạo nhìn qua một lỗ liếp. Nó thấy một luồng ánh sáng chệch chạc chiếu vào người đàn bà ốm trật ra giường, trật lên tường. Hai tay cô thầy níu lấy một vật đen, giống như cái áo. Cô giằng lại. Cô bị xô ngã xuống giường….

- Ối chao! Nó giết….

Cô mới kêu được có thế, thì ngừng bặt như thể tắc cổ. Vài tiếng ằng ặc nhỏ nấc lên. Luồng ánh sáng tắt. Hiền nóng cả người, đầu bứt rứt như kiến đốt. Cánh cửa liếp bên kia lạch xạch. Hiền tưởng nghe thấy những bước

chân chạy trốn. Rồi im lặng, một thứ im lặng ghê người. Hiền nín thở, ghé sát tai vào tấm liếp cố nghe tiếng cô thầy rên hoặc thở. Không nghe thấy. Nó vội vàng quay lại ôm chặt lấy Câm, chúi đầu vào ngực hắn. Câm vẫn ngủ mệt, nhưng tiếng tim đập làm nó hơi yên lòng….

Cô thầy chết mất rồi. Cô chết giữa đêm Hiền nghe tiếng cô kêu cứu. Hiền nghĩ ngợi vào đấy lắm. Cô bị ông Hoàng của cô bóp chết chăng? Hay là người giết? Hay là Hiền mê hoảng?..... Chỉ biết sáng hôm sau, Hiền còn đang ngủ đã nghe thấy tiếng người nhốn nháo. Nó vội vàng nhỏm dậy, đưa một tay lên dụi mắt. Bởi vì trời sáng đã lâu: mấy tia nắng xiên thẳng vào mặt nó. Bà Hai Mợn, bà Ngã, bác Vằn trai, với hai ba người nữa đang bàn tán huyên náo ở căn nhà bên cạnh. Bác Vằn gái mới một đàn con của bác đứng thập thò ngoài cửa. Trẻ con tuôn đến. Lộc mải mốt như một cậu học trò đến trễ, thấy lối vào bị lấp, tót vào nhà Hiền trước…..

- Gì thế mày?

Nó hỏi Hiền. Nhưng thấy Hiền chậm trả lời nó lại hấp tấp chạy ra. Nó chẳng nói chẳng rằng gạt mấy đứa trẻ kia, lách người vào. Bác Vằn gái vừa quát vừa chực đẩy nó ra, nhưng không được. Một thoáng sau, Hiền lại thấy nó chạy ra. Nó bảo ngay:

- Cô thầy chết.

- Thật à?

- Thật, mày sang xem.

Nó chực chạy sang lần nữa. nhưng thấy Hiền không nhúc nhích, nó lại quay vào giục:

- Đi sang nhanh lên mày!

Hiền ngập ngừng một lúc. Rồi nó lắc đầu, bảo Lộc:

- Kệ người ta

- Sang mà xem, thật đấy.

- Ừ thì thật

- Thì sang xem

- Xem làm gì?

Thấy Hiền đủng đỉnh, Lộc không đợi nữa, chạy ra khỏi nhà nó, tọt vào nhà bên kia. Hiền cũng muốn chạy sang xem một tý, nhưng một nỗi sợ vẩn vơ ngăn nó lại….

Ngay buổi sáng hôm ấy, người ta đã đi trình báo. Và chiều gần tối ngày hôm ấy, Câm nháy trời đứng ra chôn cất cho người xấu số, tiền phí tổn do ông Ấm làm phúc. Nghĩa tử là nghĩa tận, người ta bảo nhau như vậy.

Bởi thế dăm ba người dỗi dãi nghĩ thương tình kẻ chết, lủi thủi đi theo cỗ quan tài ra tận bãi tha ma. Những người khác đứng ngoài sân trông theo mà chép miệng. Rồi họ thì thầm bàn nhỏ với nhau về số tiền của cô thầy. Ai cũng đoán là nhiều nhưng không biết đi đâu mất cả; lục lọi trong người cô, lục lọi cả chăn màn giường chiếu người ta chỉ còn thấy mấy hào xu gì đó. Có lẽ cô giấu đâu, hay gửi cả một người nào. Cũng bằng mất mà thôi. Lúc sống có tiền trăm, bạc nghìn chẳng thí bỏ cho ai, lúc chết chẳng mang đi được một xu mà cỗ ván ba đồng bạc để chôn cũng phải nhờ người khác. Anh cũng than giùm cô như vậy và cho cô là dại….

Nhà có người chết cứ lạnh lẽo thế nào….Khí lạnh lùa sang cả nhà Hiền. Nó thấy nhà tẻ ngắt tẻ ngơ. Buồn vắng làm sao! Lòng Hiền man mác nhớ nhung. Nó mơ màng thấy phơ phất một bờ tre, vài tiếng chim buồn, một nền trời lảng bảng….một túp lều nho nhỏ….Và Hiền nhớ đến cha. Người cha ấy bây giờ ở nơi nào. Hồi mới bỏ nhà đi, mẹ nó đã bảo nó: không được nhắc đến thầy, thầy nó đi xa, nhắc đến người ta giết…..Nó không hiểu sao lại thế, nhưng không hỏi, bởi hỏi thì mẹ khóc, mẹ lại dọa người ta bắt. Rồi nó cũng quên dần. Một đôi khi hình ảnh của cha còn trở lại mờ mờ trong trí nhớ nó. Nhưng chỉ tại những khi nó buồn như dịp này…Tuy vậy, lòng trẻ dễ quên. Vả lại bệnh con Tiền đã dần dần qua. Chúng nó lại dắt nhau đi cùng xóm chơi đùa…Bây giờ chúng có thể đùa nghịch tự do.

Sau vụ cô Viên đánh mẹ Hiền, bà Ngã với bà Hai lại lành nhau. Mẹ Hiền thì hình như có sự gì vui, trở nên dễ dãi với con. Vả lại thị vắng nhà luôn. Cả những hôm không phải đi làm thị cũng không chịu ở nhà. Thị đến nhà bác Minh chơi hoặc đi đó đi đây. Thị bắt đầu thích hội hè. Nhiều tối, thị cho tiền ăn quà, dặn con đi ngủ với Câm rồi đi xem hát tuồng hoặc hát cải lương. Mỗi lần đi xem rất khuya thị mới về. Có lần thị không về. Hiền có hỏi thì thị lại bảo: ngủ nhờ ở đằng kia, để cho Câm ngủ yên kẻo cứ phải đánh thức hắn dậy phiền phức quá. Đằng kia là ở đâu? Hiền tò mò muốn biết. Nhưng thị bảo: đằng kia là đằng kia. Nó không biết được. Có lẽ thị ngủ ở nhà bác cai Minh, Hiền đoán thế, bởi lần nào thị đi xem hát cũng có bác cai Minh đến rủ. Nghe con nói, thị hơi đỏ mặt và thị nạt: không được hỏi lôi thôi! Như thế là hỗn láo, hỏi lôi thôi thì phải đòn. Hiền tức lắm. Nó ghét bác cai Minh quá. Mẹ nó có vẻ coi bác hơn cả nó. Mỗi lần bác đến, nó trừng trừng nhìn bác. Có lẽ bác lấy thế làm khó chịu. Một lần bác cười gượng bảo:

- Lại đây với cậu: Cậu lạ lắm hay sao mà Hiền nhìn kỹ thế?

Nó quay phắt ngay lưng lại. Mẹ nó quắc mắt lên mắng nó:

- Con nhà hỗn! Mày muốn phải đòn đấy hở?

Nó rưng rưng nước mắt. Bác cai can:

- Đừng mắng nó

Bác đứng lên, kéo nó vào lòng, xoa đầu:

- Hiền ngoan lắm. Cậu yêu Hiền lắm. Hiền cho cậu hôn một cái nhé.

Bác hôn rất lâu trên má nó. Nó vùng vằng chực tránh. Nhưng bác ôm chặt quá. Bác hôn nốt má kia và bảo:

- Má Hiền thơm quá! Thơm y như má mợ….

Mẹ Hiền lườm bác. Bác hô hố cười. Hiền mím môi thật chặt, cựa quậy cố thoát ra. Cựa không nổi, nó òa lên khóc, vừa khóc vừa đánh vào tay bác.

- Buông ra! Buông người ta ra!

Bác cười nhạt, nắm lấy cổ tay nó:

- Ái chà! Ái chà! Nó đánh tôi

Mẹ Hiền quát:

- Hiền! Không được hỗn!

Hiền càng tức. Nó đá vào chân bác. Chỉ tổ đau chân nó. Nhưng nó đã hăng máu lắm. Bác cai thấy nó làm dữ, buông tay nó ra. Nó lăn xả vào tát mặt bác. Mẹ nó giằng nó ra, thị mắng:

- Làm bộ mãi! Thấy người ta nuông lại càng làm bộ! Ai làm gì mày mà mày chực cắn người ta vậy?

Hiền cúi gầm mặt, lắp bắp mồm như chực chửi. Bác cai ngượng nghịu. Bác cố dịu dàng bảo:

- Thôi! Kệ nó….trẻ con….

Mẹ nó như không để ý đến những lời của bác, vẫn mắng theo:

- Con nhà mất dạy! Giờ hồn không có ngày thì tan xác.

Ngừng một chút rồi thị bảo:

- Cút ra ngoài kia chơi!

Nó hầm hầm ra đi. Vừa chạy khỏi cửa, nó gặp Câm. Câm nhìn theo nó như ái ngại. Hắn nhìn vào nhà nó: thấy cai Minh trong ấy, hắn vội nhìn đi. Hắn nhìn mặt đất, làm như đang tìm một vật gì bị rơi….

Bởi mặt hãy còn ướt nên Hiền chưa dám chạy đi tìm các bạn. Nó ngồi một chỗ hẻo lánh, nhặt một cái que, vẽ hình trên mặt đất, để có thể giấu mặt đi cho không ai trông thấy. Một lúc sau, Câm chạy đến; hắn lẳng lặng nhìn Hiền. Hiền biết nhưng không dám nhìn lên. Một phút dài như vậy. Rồi

Câm cúi xuống bỏ mấy cái kẹo gói giấy bóng vào lòng Hiền, rồi lảng đi. Biết rằng Câm quay đi, Hiền mới nhìn theo, rồi mắt nó đờ ra trong một phút, nó chẳng nhìn gì, chẳng nghĩ gì. Cái bể trong của nó thành một khoảng không, trong đó lơ lửng một vài hình tượng mong manh và không động đậy. Những hình ấy rụng. Hiền sực tỉnh. Cái thế giới bên ngoài thức dậy, ý nghĩ bên ngoài cũng đổi chiều. Hiền đứng phắt dậy, nhét những cái kẹo vào túi, thong thả bước về phía cổng. Lộc bắc loa tay gọi:

- Hiền! Hiền! Mau lên!...

Nó vội vàng chạy lại…

- Gì thế Lộc?

- Mày không ra mà dỗ vợ! Vợ mày đang khóc.

Hiền lườm nó. Nó cười khanh khách bảo:

- Thật đấy, con Tiền đang khóc.

- Sao nó thế?

- Tại nó thích ăn tiệc trên ổ chuột. Tao bảo chuột chúa sai ngựa xuống. Con gái không biết cưỡi ngựa ngồi không vững. Mới lên đầu tường thì cô ả ngã, va đầu xuống thềm gạch, biêu đầu lên bằng quả ổi, đang thút tha thút thít.

- Nó đâu rồi?

- Ở chỗ kia.

Lộc chỉ tay về phía nhà ông Ấm. Hiền chạy lại. Không phải nó tin lời Lộc, nhưng nó đoán Tiền vấp ngã hay bị đứa nào đánh, biêu đầu lên thật.

Nhưng không phải. Đầu Tiền vẫn nguyên lành. Nó chỉ đang phụng phịu, mắt hơi rơm rớm nước….

- Mày sao thế?

- Thằng Lộc ác như chó ấy!

- Sao?

- Nó dí chết hết chỗ đỗ của chúng ta rồi.

- Thật không?

- Còn chả thật? Mày lại xem….

Đó là một khoảng đất con con ở sát tường. Một hôm Tiền và Hiền thấy ở đấy có một cái cây con mới mọc. Chẳng hiểu cây gì, nhưng chúng thích, bởi vì chúng tìm ra. Chúng bảo nhau đừng bảo đứa nào, để hai đứa chơi chung. Rồi chúng gọi miếng đất ấy là vườn. Hiền lấy bốn cái que cắm cõi, dùng một miếng mảnh chai vạch một hình chữ nhật, nó xin Câm một mảnh kẽm nhỏ làm cày. Tiền xin mẹ được con dao cùn. Chúng xới cái vườn của chúng rồi Tiền bốc trộm mấy hạt đậu xanh bà Ngã đong về để làm hàng, chúng đem gieo rồi tưới nước. Mấy hôm sau, đỗ mọc. Những cái mầm non như những con sâu, đội cái hạt trên đầu, trồi ra khỏi đất. Rồi dần dần chúng cao lên. Hai chiếc lá mong manh xòe ra mơn mởn. Chúng sung sướng như một người chơi hoa, thấy một giống hoa quý của mình trổ đóa. Và chúng lại càng quý khu vườn của chúng. Chúng vun xới không biết chán. Sáng nào Hiền cũng tưới. Tiền bàn cắm những cái cọc để cây leo. Chúng mong đợi ngày đỗ có hoa. Hiền bảo:

- Chúng mình cứ chăm thật kỹ. Bao giờ có quả, ta hái, bóc vỏ phơi rồi bán cho mợ mày, nấu cháo.

- Nhưng đừng nói cho thằng Lộc biết. Nó biết thì nó phá

- Hay là ta cho nó chơi chung? Nó được chơi chung thì nó không phá.

- Không! Nó hay phá lắm. Đừng bảo. Mày bảo thì tao không chơi với mày nữa.

- Tao không bảo nó. Tao cũng chẳng bảo đứa nào. Chỉ tao với mày thôi, chẳng cho đứa nào chung nhỉ?

- Chẳng cho đứa nào chung

- Ừ, chẳng cho đứa nào chung vườn chúng mình tìm ra.

Nhưng nghĩ ngợi một lúc, Tiền lại hỏi:

- Còn thằng Đạc? Ta có cho thằng Đạc chơi không?

- Không!

- Không à?

- Ừ, nó có tìm thấy đâu?

- Nhưng nó là con. Cậu mợ có vườn thì con cũng được chơi chứ lị….

- Ừ thì cho thằng Đạc chơi.

Ngay lúc ấy, chúng đi gọi Đạc. Trước khi dẫn Đạc ra xem vườn, chúng dặn đi dặn lại:

- Mày không được nói với ai kia nhé

Có lẽ sự cẩn thận ấy đã làm phản chúng: chắc thằng Lộc nghe lỏm thật, nên để tâm dò xem hay chính thằng Đạc nói với Lộc? Chỉ biết lúc nãy Lộc đã gọi Tiền ra mà xem cái vườn….

- Vườn của mày bị bão. Cây cối đổ lổng cha lổng chổng! Tiền chạy ra. Nó há hốc mồm. Lộc thích chí cười khành khạch. Bởi vì chính Lộc đã lấy chân giậm gãy nát những cây đỗ đã bắt đầu trổ thêm hai lá nữa…..

Trông thấy đám cây nó nâng niu bị tước như một mớ dau răm, Hiền thừ mặt như một người tiếc của. Tiền trút nỗi giận ra bằng những lời xỉ nhục

- Thằng chó Lộc; đồ đểu; đồ mõ; đồ ăn cắp…

Hiền an ủi nó:

- Thôi vứt vườn đi, chả được ăn đâu mà tiếc.

Rồi nó móc túi ra hai chiếc kẹo, đưa cho Tiền một chiếc:

- Này, ăn đi.

Trời tối hẳn. Những chấm sao thưa hiện lờ mờ. Trong các nhà, những chiếc đèn Hoa Kỳ hoặc búp măng đã được thắp lên. Những ngọn đèn ngái ngủ, chỉ thức mỗi đêm nửa tiếng đồng hồ, vào lúc bắt đầu đêm. Chúng tù mù và làm người ta nghĩ đến những kiếp sống com rom, những cuộc đời lúc gần tàn, những người già nằm đợi chết….

Hiền đứng thu rủ ở trước cửa nhà Lộc. Bà Lộc ra đóng cửa, trông thấy nó…

- Ai! Đứa nào đấy?

Hiền đáp khẽ:

- Con đây ạ!

- Đứa nào?

Bà ghé mắt nhìn vào tận mắt nó….

- ….Thằng Hiền, hở? Mày đứng làm gì đấy?

Nó ấp úng chưa kịp đáp. Bà nổi giận:

- Này, tao thì bảo thật: Mày giờ hồn mày đấy; muốn sống, muốn tốt thì cút ngay.

Nó không hiểu tại sao lại có sự tàn nhẫn ấy. Nó toan cự lại. Nhưng bà bảo:

- Mày đừng tưởng tao không biết. Tao biết những bao giờ ấy. Nhưng mày là trẻ con, tao không thèm chấp. Tao ngơ đi. Nhưng mày phải chừa cho hẳn. Có còn thế mãi, tao sẽ tát vào mặt. Cái con mẹ mày không biết dạy mày, chứ tao chẳng thèm tát vào mặt mày rồi thôi đâu.

- Ô hay! Con làm gì?

- Mày làm gì hả? Cha con đẻ ra mẹ mày! Còn già mồm. Mày cùng đảng với cháu tao để ăn cắp của tao. Mày đứng đấy để đợi cái thằng Lộc quan ôn vật ấy lấy trộm của tao rồi đưa cho mày. Chả có thế mà lọ lạc của tao vơi đi hẳn….

Hiền bối rối, chủ tâm của nó đến đây không phải để đợi Lộc ăn đỗ lạc. Nhưng nó vụt nhớ ra có lần nó ăn lạc của Lộc thật. Thì ra thằng này lấy trộm lạc của bà ăn và cho các bạn. Phải hôm ấy, nó đã bịa ra câu chuyện chuột chúa với những chuyện ngao du lên tổ chuột để cùng ăn uống với cả làng nhà chuột.

Hiền nhớ lại. Bà cụ thấy nó cứng hàm, không cãi nổi, nắm lấy cổ nó mà đẩy nó xuống sân.

- Cút thẳng! Bà vả xưng mặt mày lên bây giờ.

Hiền muốn khóc bởi vì nó bị mắng chửi oan uổng quá. Nào có phải nó định tùng đảng với Lộc để mà ăn trộm! Mẹ nó đi làm trời tối lắm. Ở nhà thì sợ. Nó ra đây đứng chờ, đợi Câm…..

Sao Câm về muộn thế! Ít lâu nay, hình như hắn đối với Hiền không được như trước nữa. Hắn không còn quấn quýt suốt ngày với nó, luẩn quẩn suốt ngày bên nhà nó. Hắn đi bằn bặt suốt ngày, tối đêm hắn mới về. Mà về một cái, là lại lủi ngay vào nhà ngủ. Chính là căn nhà của cô thầy trước kia. Sau khi bênh mẹ Hiền đánh cô Viên, hình như hắn ngược với bà Hai. Hắn không ngủ ở cửa nhà bà nữa. Hắn dọn đồ lề xếp vào nhà Hiền. Hết kì làm đêm ấy, khi mẹ Hiền đã có thể ở nhà ngủ với con, hắn nằm nhờ ở mãi đầu dãy đằng kia. Nhưng hắn chỉ phải ngủ ở đây có vài đêm. Bởi vì căn nhà cô thầy để ba bốn hôm rồi mà cũng chưa có ai thuê. Câm vào đấy ngủ nhờ. Rồi hàng tháng sau cũng chẳng có ma nào đến hỏi thuê.

Hắn sửa sang luôn căn nhà cho thành nhà của hắn. Hắn đốt một đống lửa to ở giữa nhà. Ý chừng để cho khí lạnh tàn. Hắn rửa giường và cuốn chăn, màn, chiếu giả lão nháy trời. Hắn dùng chiếu của hắn thay vào. Sự thay đổi vỏn vẹn có thế thôi. Còn cái giường, sau khi đã lau rửa sạch sẽ rồi, hắn lại

kê vào chỗ cũ, nghĩa là sát liếp. Thành thử cái giường bên nhà Hiền và cái giường của hắn chỉ cách nhau có một phần phên liếp mỏng manh ấy. Lúc đi ngủ, Hiền muốn đùa hắn, vẫn dùng một cái tăm dài xuyên qua khe liếp để đâm hắn. Hắn nắm lấy một đầu tăm. Hiền và hắn kéo co, làm cái phên liếp rung lạch cạch.

Ấy là hồi đầu. Bây giờ khác thế rồi. Chỉ vì chỗ khác ấy mà Hiền ngờ rằng: Câm có điều gì phật ý. Hắn kê cái giường xa hẳn liếp, sang mãi tận phía bên kia. Rồi hắn lại không dám bén mảng đến nhà nó nữa. Những đêm mẹ nó đi làm cũng vậy: hắn ra hiệu cho nó sang nhà hắn ngủ.

Người ta bảo: những người câm phần nhiều cục, trêu tức họ nguy hiểm; họ không thể chửi rủa để trút bớt nỗi giận ra ngoài; nỗi giận chỉ ngấm ngầm, rồi bất chợt nó bùng ra mình biết đâu mà phòng bị? Bởi thế cho nên đêm đầu tiên sang nhà Câm ngủ, Hiền sợ lắm. Nằm cạnh hắn, nó lo thom thóp, không dám ngủ. Ơ, mà biết đâu được đấy. Rất có thể: trong khi nó ngủ thì hắn thức. Hắn nghiền ngẫm nỗi bực mình của hắn. Rồi biết đâu một lúc kia hắn thấy hắn không còn chịu đựng nổi. Hắn vùng dạy, nhảy lên người nó, dí một mũi dao vào cổ. Thật nó băn khoăn không kém gì kẻ nằm bên cạnh là một thằng điên: có lúc nó hiền lành nhưng nếu lên cơn thì nó có thể giết mình bằng bất cứ cái gì nó giơ tay vớ được.

Bởi cứ nghĩ vẩn vơ thế, nên đến nửa đêm Hiền không chợp mắt. Nhưng nó không giãy gọn. Nó nằm yên nghe ngóng. Nó thấy Câm cũng không ngủ được. Hắn trở mình luôn, thở dài luôn. Hắn nghĩ ngợi gì? Nó càng lo. Nhưng mỗi lần nó giãy thử thì hắn lại vỗ nhẹ vào lưng nó như mọi tối. Rồi hắn cũng vuốt ve đầu nó. Có điều những cái vuốt ve ít vập hơn. Bàn tay hắn hình như lơ đãng. Chỉ một lúc nó ngừng hẳn lại. Nhưng nếu Hiền lại giãy thì bàn tay Câm lại như sực tỉnh, lại vỗ về, vuốt ve….Hiền đã thử nhiều lần, mà lần nào cũng vậy. Nó lại càng khó hiểu. Bởi như thế thì chưa hẳn Câm ghét nó. Có lẽ hắn cho Hiền biết được? Hay ít ra, giá hắn không điếc để có thể nghe lọt lời nó nói! Những dấu hiệu chỉ có thể diễn tả được những ý thông thường và hơi rời rạc. Làm thế nào để hai người hiểu đến tận lòng dạ nhau?....

- A! Kia rồi!...

Hiền không thể ngăn được một tiếng reo. Nó đợi Câm lâu quá sốt ruột, ra đứng ở ngõ ngang nhìn ra ngoài đầu ngõ. Ngoài phố sáng. Người qua lại tấp nập. Bỗng một bóng người cứng nhắc xồng xộc vào trong ngõ, đích là Câm! Hiền thấy nỗi mệt mỏi trút đi tất cả. Nó nhẩy cẫng lên một cái. Nó đã toan nhảy ra đón hắn. Nhưng ngõ bẩn. Nó chợt nảy ra một ý, nó chạy tọt vào bên trong cổng, ngồi nép vào chân tường nhà ông Ấm. Câm không trông thấy nó, cắm đầu đi bình bịch về nhà. Hiền len lén bước theo đến lúc hắn vào nhà thì nó đứng nép bên ngoài cửa. Hắn châm đèn. Một thoáng sau, hắn đập mấy tiếng vào tấm phên, ra hiệu cho Hiền biết: hắn đã về. Hiền đứng ngoài cố nhịn cười. Không thấy nó chạy sang, hắn ngạc nhiên. Hắn mải mốt cầm đèn chạy sang nhà nó. Hắn đứng ngoài nghển cổ nhìn vào. Rồi hắn chạy thẳng vào. Hiền lợi dụng lúc ấy để chạy vào nhà hắn….

Câm không thấy Hiền ở trong nhà, lại hớt hơ hớt hải chạy ra. Hắn cầm đèn đi về mé sau nhà. Một lát sau, Hiền lại thấy ánh đèn của hắn trở về. Hắn soi chung quanh nhà. Rồi hắn soi khắp cả sân. Sau cùng thì trở về thờ thẫn. Vừa bước chân vào nhà hắn mở to đôi mắt ngạc nhiên, kẻ hắn nhớn nhác tìm khắp mọi nơi đang ngồi sừng sững giữa cái giường của hắn. Nó ngồi xếp bằng, hai mắt trợn ngược lên, mồm múm mím nhịn cười. Hắn đứng ngây ra một thoáng. Rồi bỗng đặt cái đèn xuống cạnh giường, hắn vồ lấy Hiền mà hôn hít. Trước cái cử chỉ bồng bột ấy, Hiền chợt hiểu. Không, Câm chẳng giận Hiền đâu. Hắn vẫn còn yêu nó lắm. Nước mắt hắn dây cả ra trán, ra mặt nó. Nó cảm động, cũng gần muốn òa khóc. Nó úp mặt vào ngực Câm, như một đứa con trút nỗi buồn khổ của mình vào ngực cha. Câm ôm lấy nó, để yên cho nó khóc như vậy trong một phút. Rồi chúng buông nhau ra, nhìn nhau âu yếm. Câm móc túi lấy ra một tấm bánh chưng đưa cho Hiền. Hiền bóc ra ăn. Câm ngồi nhìn nó như một bà mẹ ngồi nhìn đứa con yêu. Nhưng vẻ mặt hắn cứ biến đổi dần. Một lúc kia, Hiền giật nảy mình. Nó thoáng thấy đôi mắt Câm có một vẻ gì dữ lắm. Nó đột nhiên sợ hãi, có lẽ Câm biết hết. Hắn chớp mi mắt xuống, vẻ hung ác biến đi. Mặt hắn hình như có một vết gợn chạy rất nhanh từ trên xuống dưới. Nó trở nên hiền từ. Người bạn nhỏ của Câm ngạc nhiên về sự thay đổi nhanh chóng ấy. Nó nhìn Câm, ngơ ngác, Câm mỉm cười như bảo nó: Đừng sợ! Ta không ác….Hiền mỉm cười, cám ơn.

Vừa thấy Hiền, Tiền nhăn nhở bảo:

- Tao không lấy mày nữa đâu Hiền ạ

- Tại sao?

- Mợ tao bảo đấy

- Mợ mày bảo thế nào?

- Bảo thế chứ còn bảo thế nào!.... Mợ tao hỏi tao: Con gái mợ có muốn lấy chồng không? Tao bảo: Có! Mợ tao lại hỏi: Lấy đứa nào? Tao bảo: Lấy thằng Hiền! Mợ tao với cậu tao cười….

- Sao cậu mày với mợ mày lại cười?

- Im! Tao nói chuyện cho mày nghe. Thế này: lúc ấy cậu tao đang uống rượu, cậu tao cười, rồi bảo: đấy, bà xem con gái rượu của bà tốt bộ chưa? Lại cứ đòi lấy thằng Hiền! Mợ bảo tao: không lấy thằng Hiền đâu con ạ! Tao bảo: Cứ lấy! Mợ tao bảo: Không được lấy, lấy nó thì mợ đánh!...

- Sao mợ đánh?

- Không lấy nó, Chứ sao! Lấy nó người ta cười cho đấy.

- Sao mà người ta cười?

- Mợ nó chửa hoang, mày lấy nó thì người ta cười chứ sao! Mợ tao bảo thế. Có phải mợ mà chửa hoang không hả Hiền?

Hiền sầm mặt. Nó không đáp câu Tiền hỏi. Nó định tìm một câu nói lảng, nhưng không tìm được. Câu hỏi của Tiền khiến cho lòng nó rối lên bời bời…Mấy hôm nay, đến chỗ nào nó cũng được nghe người ta bảo: mợ nó chửa hoang. Hình như cái tin ấy bay đi do miệng lưỡi cô Viên. Rồi bỗng một hôm, trông thấy Hiền đi qua, bác Vằn gái gọi nó vào:

- Tao hỏi cái này, Hiền!

- Gì?

Bác tủm tỉm cười khẽ hỏi:

- Có phải mày sắp có em không?

Hiền không hiểu. Bác Vằn trai ngồi cạnh đấy chẻ tăm ngừng tay hỏi vợ:

- Mợ nó chửa đấy à?

- Tôi thấy cô Viên bảo…..

- Mồm con ấy nói thì biết đâu mà tin được.

- Ừ, nhưng mà bụng chị ấy lớp này cũng hơi to thật. Mọi khi mình cũng không để ý nhìn. Nhưng từ hôm nghe cô Viên nói, tôi cố ý trông xem thì thấy bụng chị ấy nẩy lắm, có phải chửa thì có lẽ chửa đến ba bốn tháng.

- Nhưng chửa với khỉ nào?

- Hừ, thế thì ra cậu không biết à? Chửa với thằng ấy chứ còn chửa với thằng nào?

- Thằng nào? Người ta đi suốt ngày biết quái gì

- Thằng thổ tả! Cái thằng không vợ mà vẫn tằng tịu với con nỡm Viên nhà bà Hai….

- Cai Minh ấy à?

- Ừ, cai Minh….

Thị nói to:

- Con chó nào vào đây nữa! Cậu mợ vẫn thậm thọt đến nhà nhau luôn. Thỉnh thoảng lại dắt nhau đi ăn cao lâu, đi xem hát, ra phết lắm. Quá đĩ ra thõa! Thật họ tự nhiên hơn vợ chồng. Mà nhà chị ta cứ trơ trơ treo trẻo, chẳng biết gì là thẹn.

Hiền đỏ mặt. Nó quay ra, toan chạy, nhưng bác Vằn trai nắm lại, nó gắt:

- Bỏ ra!

- Khoan đã! Đứng yên tao hỏi…..

- Hỏi cái gì?

- Đêm, mày có thấy ông cai Minh đến nhà mày ngủ không?

- Không!

- Thế ông nào?

- Chẳng có ông nào!

- Mày nói dối. Chẳng có ông nào mà bụng mợ mày lại phình ra. Tối hôm nay mày thử hỏi mợ mày xem nhá: Mợ ơi mợ, mợ ăn gì mà bụng mợ ỏng ra thế này?

Bác Vằn gái phát vào lưng chồng:

- Phải gió!

Hai vợ chồng khú khí cười với nhau. Tuy Hiền không hiểu tất cả những câu họ nói, nhưng chỉ nghe cái giọng, nhìn dáng điệu và vẻ mặt họ trong khi nói, nó cũng đoán ra rằng: mẹ nó đã làm một điều đê nhục lắm. Hai tiếng "chửa hoang" bắt đầu lọt vào trí nó. Thế nào là chửa? Chửa hoang là làm sao? Có phải cứ chửa hoang thì bụng to lên không? Bụng to thì xấu hổ à? Và vì sao việc chửa hoang lại dính dáng đến việc bác cai Minh đến ngủ đêm nhà nó? Ư, mà chả biết có thật là bác cai Minh vẫn đến ngủ nhà nó không? Bao nhiêu câu hỏi chen chúc nhau trong cái đầu bé con của nó. Nó muốn hỏi bác Vằn mà không dám hỏi. Bác Vằn đang cười nó. Nó chỉ muốn giựt tay ra để chạy. Giữa lúc ấy thì Câm đi qua, trông thấy, Hiền reo lên:

- Kia rồi! Ông Câm…..có buông tôi ra không thì tôi gọi ông ấy vào, ông ấy đánh bác vỡ đầu, sứt tai đừng trách!

Nó giơ tay vẫy Câm vào thật. Bác Vằn bỏ tay Hiền ra để nó nói chuyện bằng dấu hiệu với Câm.

Hiền nhìn Câm phình má, trợn mắt để hình dung sự hung hăng, giận giữ và nắm tay chĩa lên mặt bác Vằn mà đấm đấm. Ấy là nó bảo Câm đánh bác. Câm cười. Bác Vằn lêu lêu Hiền.

- Xúi nữa đi! Xúi nữa đi! Nó có dám đánh tao đâu! – Rồi bác vỗ vai Câm bảo:

- Tôi với bác là chỗ anh em bác nhỉ?

Cố nhiên là Câm không nghe thấy. Nhưng hắn cũng hiểu đó là một cử chỉ cợt đùa thân mật. Hắn gật đầu lia lịa và cười nhe cả lợi. Bắc Vằn trai thích trí. Bác ra hiệu cho hắn ngồi xuống ghế. Rồi bác dùng dấu hiệu, kể lại câu chuyện vừa rồi với Câm. Bác kể như thế này: thoạt tiên bác chỉ vào Hiền. Rồi bác nắm hai tay lại, đặt lên ngực để làm hai cái vú. Rồi bác ngoẹo cả đầu về một bên, ve vẩy hai tay và uốn éo mình. Thế nghĩa là: một vật thuộc về Hiền, mà nó lại có hai cái vú, mà nó lại đi ve vẩy. Muốn thử xem Câm hiểu chưa, bác chỉ về phía nhà Hiền một cái, hất hàm ra ý hỏi. Câm gật đầu và mặt hắn trở nên trang nghiêm; hắn có vẻ chú ý đến câu chuyện lắm. Bác đập đập vào vai hắn để ra hiệu cho hắn biết bác sắp kể tiếp vào đoạn trước. Rồi bác phưỡn bụng lấy tay vạch một đường cong phình ra từ ngực đến hán, úp bàn tay lên cái đường cong tưởng tượng ấy, như một người ôm bụng chửa và rụt cổ lại; mặt méo xệch đi để hình dung sự cố gắng khi phải mang vật nặng. Câm đỏ mặt. Bác Vằn rất hài lòng về sự ranh mãnh của mình, tự thưởng bằng một chuỗi cười đắc chí. Mặt Câm càng đỏ thêm. Bác đoán là hắn không quen nghe chuyện trai gái nên cả thẹn….Còn một ý cuối cùng cần diễn tả. Bác vênh cái mặt lên úp hai tay vào hai bên đùi để bắt chước cai Minh đi, hai tay đút túi quần. Bác chỉ tay ra phía nhà cai Minh bĩu môi ra, lắc đầu để tỏ lòng khinh bỉ. Rồi bác lại chỉ tay về phía nhà Hiền. Bác lại ôm bụng, lại ngoẹo cổ, lại méo mồm. Hiền bật cười. Nó nắm tay Câm, đập vào bác Vằn. Nhưng Câm giật tay ra, vùng vằng chạy, như người giận dỗi.

Chập choạng tối hôm sau Hiền đang đứng đợi Câm ở gần cổng, thì lại bị ông Ngã tóm. Ông vừa mới uống rượu ở đâu về nên đã đi lảo đà lảo đảo. Ông vừa đi vừa lè nhè nói một mình. Lộc đang đứng chơi ngoài hiên, cười rồi chạy thụt vào nhà. Thấy chỉ còn có Hiền đứng một mình, ông tưởng nó

cười. Ông nhấc bổng nó lên. Biết ông say, nó sợ ông vật nó, hoặc cả hai bị ngã. Nó lạy van rối rít….

- Thằng này láo!... Mày không biết tao à?

- Lạy ông, thằng Lộc nó cười đấy ạ, không phải con.

- À, thằng Lộc! Mày là thằng Lộc….

- Không ạ, con không phải là thằng Lộc, con là Hiền.

- À, Hiền. Mày là thằng Hiền phải không? Thằng Hiền mày láo lắm!....

- Không ạ, con không dám láo….

- Mày có láo..

- Con có dám cười ông đâu?

- Mày không cười, nhưng mày láo. Ai bảo mày bắt mợ mày mua trống?

- Không ạ! Con không bắt mợ con mua trống.

- Mày có bắt! Tao thấy mợ mày mang trống cà rình. Những người đứng xem cười rần lên. Hiền nghĩ đến cái bụng to của mẹ. À, có lẽ đó là một điều xấu lắm. Tiếng cười chế nhạo hắt mạnh vào mặt nó. Nó thấy cổ nghẹn ngào, muốn khóc, muốn khóc. Cũng may, ông Ngã buông nó xuống. Nó ù té chạy. Tiếng ông Ngã lè nhè, đuổi nó:

- Mẹ con nhà mày liệu thế nào thì liệu!.... Lại vác trống cà rùng đến xóm chúng ông là không được…..Xóm chúng ông không có cái lệ ấy. Hừ, ở xóm chúng ông có chồng không được chửa huống hồ là không có chồng!....

Tiếng cười lại sôi lên. Ông Ngã vẫn lè nhè nói tiếp.

- Thật đấy, các ông các bà xem: bà Hai Mợn là một, mợ nó nhà tôi là hai, rõ ràng là có chồng tử tế hẳn hoi mà có chửa đâu? Tôi hỏi các ông,

các bà thế thôi.

Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hiền chạy được vào nhà rồi, khép cửa khóc huh u. Nó vừa khóc vừa chửi trống không. Nó định chửi ai? Có lẽ chính nó cũng không thể biết. Chỉ biết lúc ấy lòng nó đầy phẫn uất. Nỗi phẫn uất bật ra thành tiếng chửi. Nhưng phẫn uất vì đâu? Vì ông Ngã? Vì bao nhiêu người cười nó ngoài kia? Vì cai Minh? Vì mẹ nó? Có lẽ vì tất cả. Tất cả hình ảnh của những người trên lạo xạo trong óc nó. Nó nghiến răng, nó lại ao ước làm sao cho thật khỏe, cho giỏi võ, nếu nó biết võ, hôm nay nó đã đánh ông Ngã hộc máu mồm, đánh bất cứ đứa nào cười, đánh cai Minh….Còn mẹ nó? Thật tình nó thấy tức mẹ ghê gớm lắm. Nhưng nó không thể đánh, cái ấy đã cố nhiên….Nước mắt chua xót lại trào ra. Nó lờ mờ thấy được cái gì giống như là sự bất công….Sao mẹ nó nỡ chửa để người ta cười nó? Mà sao người ta lại cười nó vì mẹ nó?

Rồi đến thằng Lộc nữa…..thằng Lộc và bốn năm trẻ khác. Động thấy Hiền đâu là chúng nó trêu. Thằng Lộc ra lệnh trước:

- Đánh trống đi các anh em ơi?

Cả bọn ưỡn bụng ra. Chúng dùng hai ngón tay trỏ gõ xuống, mồm kêu: "Cà rùng! Cà rùng! Cà rùng!.... ". Hiền hiểu ngay chúng định nói gì. Nó đỏ mặt lên, nó chạy. Bọn trẻ cười và cùng ê.

Chúng đã làm Hiền khổ lắm. Nhưng bao nhiêu lần khổ ấy chưa thấm vào lần này. Bởi vì những lần trước, sự chế nhạo dẫu sao cũng còn pha đùa cợt. Lần này Tiền đã nói những câu trên một cách rất ngây ngô, rất thật thà. Nó không có ý gì đùa. Nó cũng không có ý làm Hiền nhục. Nhưng tính khí trẻ con vốn không thể giữ được một chuyện gì lâu ở trong lòng. Chúng cần phải nói ra. Bởi thế, vừa gặp Hiền, Tiền đã vội vàng nói tất….

Thấy Hiền lẳng lặng không đáp câu nó hỏi, Tiền giao hẹn.

- Từ giờ không được nhận tao là vợ đấy. Tao cũng không lấy mày nữa đâu Hiền nhé! Nhé!

Hiền phát cáu…

- Nhé cái gì? Không lấy thì thôi ai cần? Người ta cũng chẳng thèm

- Tao chả thèm…Mợ mày chửa hoang

- Mợ mày chửa hoang!

- Mợ mày ấy!....

- Mợ mày!

- Mợ mày!

Tiền vừa nói vừa chỉ vào mặt bạn. Ấy là một dịp để cho Hiền làm dữ; nó giơ bàn tay thẳng cánh, quay mạnh người một cái, tát đốp vào mặt Tiền khiến Tiền thét lên rồi khóc to. Hiền tái mặt. Nó vội vàng chạy trốn. Nó đã toan chạy vào nhà với mẹ, nhưng nó thấy có cả cai Minh ngồi trong ấy, nó không vào nữa. Nó vào nhà Câm, ngồi nép vào một xó, lòng phấp phỏng. Mồm nó lẩm bẩm như để bênh vực nó.

- Ai bảo chỉ vào mặt ông!.... Ai bảo….

Ngoài kia Tiền vẫn gào rất lớn. Hiền chợt nghe thấy tiếng bà Ngã the thé nói. Tiếng the thé của bà với tiếng khóc của Tiền gần lại. Hiền ghé mắt nhìn qua khe cửa, thấy bà nắm cánh tay Tiền kéo đi qua đây. Bà bước rất nhanh, mặt hầm hầm. Tiền vừa khóc vừa bước lạch bà lạch bạch…. Bà bảo nó:

- Mày cứ vào đây! Tao bảo mẹ nó cho! Nó tát mày sưng cả mặt thế này, nhỡ mày mù thì tao lấy gì nuôi mày được? Mắc cái bụng tao vụng về không dễ chửa dễ đẻ như thế gian người ta, chỉ có được một mình mày…

Mẹ Hiền vội chạy ra:

- Gì đấy bà?

- Đấy, chị xem con chị đánh con tôi mù tịt một mắt rồi đây này!....

- Con tôi?... Khổ quá đi mất con với cái! Nó chạy biến đi đâu mất rồi? Hiền ơi!

Hiền gọi luôn ba tiếng rồi thị gào:

- Ba hồn bảy vía thằng Hiền, mày đi chết ở đâu thì về, mày làm khổ tao thế nào! Mày chết ngay đi cho rồi!....

Hiền ngồi im, ngứa không dám gãi. Mẹ nó đổi giọng, nói với bà Ngã:

- Thôi bà bình tâm vậy. Sinh con ai nỡ sinh lòng? Bố mẹ sinh con, trời phú tính. Không phải là tôi đẻ con ra không dạy, nhưng phải cái đứa nó hư thì biết làm sao được?

- Nó hư! Nó hư thì nó đánh bố nó, đánh mẹ nó chứ đánh con người ta, người ta chẻ xác nó ra.

- Thì bà muốn làm gì nó cứ việc làm đi. Trẻ con ai biết đâu mà giữ nó. Nó đã thế, sao con bà con chơi với nó.

- Con tôi không chơi với nó.

- Thế thì làm sao nó đánh con bà được

- Con tôi làm gì nó.

- Làm gì thì bà hỏi con bà ấy.

- Tôi hỏi nó thì nó bảo rằng chẳng trêu ghẹo gì thằng Hiền. Nó chỉ bảo thằng Hiền rằng: "Tao không lấy mày đâu!", thằng Hiền mới bảo nó: "Mày không lấy tao thì lấy chó!". Nó bảo: "Tao chả phải lấy chó, tao cũng chả phải lấy mày, tao chả lấy ai, tao chỉ để tao chửa hoang thôi….."

Bà nói oang oang, cố ý cho bao nhiêu người ở xung quanh được cùng nghe. Mẹ Hiền vội nói lấp đi.

- Thôi! Thôi! Thôi!.... không việc gì mà phải lắm điều! Con tôi không phải thì tôi xin bà. Rồi con bà thuốc thang hết bằng nào, tôi xin trả. Thế là được

chứ gì? Đến khiếp!....

Bà Ngã cự:

- Khiếp là khiếp làm sao? Con tôi nó thích chửa.

- Không ạ! Không ạ! Thôi, tôi đã xin bà rồi mà!... Bà còn phải nói gì. Bà về đi!...

- Ấy là tôi bảo con tôi nó thích chửa hoang….

- Khốn nạn! Bà về đi. Hay là bà muốn lấy tiền đền ngay bây giờ?

- Tôi chả thèm. Có điều cũng phải nói đến nơi đến chốn cho ra lẽ phải. Kẻ nói còn có người nghe chứ…..

- Ô hay! Thì tôi đã xin bà rồi đấy thôi?

Bấy giờ bà mới dong con về. Hiền vẫn không dám dời chỗ nấp. Mẹ Hiền quay vào nhà bảo cai Minh.

- Nghĩ bực mình chết được. Không tìm được chỗ nào khác mà ở, còn ở đây với những nặc nô này, bực mình quá! Hơi một tí là ngậu xị!...

- Còn phải nói!

- Mà còn mình thì còn nó. Vừa hôm nọ bà cụ hàng xóm ngoài kia mách: nó tùng đảng với cháu bà ăn trộm lạc.

- Cứ để vậy rồi nó hỏng. Phải cho nó đi học mới được. Để tôi hỏi giáo Toản xem sao? Nếu hắn chịu thì mình gửi thằng Hiền ăn ở luôn ở đấy, nhờ hắn dạy….

- Chỉ sợ thằng Hiền không chịu.

- Không chịu thì đập vào xác nó. Lớn bằng ấy mà bảo không nghe, cứ đánh nó chết. Vả lại, lại còn cái này nữa….

Cai Minh thì thầm nói nhỏ, mẹ Hiền cũng nói thầm đáp lại. Những tiếng xì xào kéo dài khá lâu, Hiền cố nghe nhưng không nghe rõ.

Hiền tắm xong đang mặc quần áo, thì mẹ tất tưởi chạy về.

- Nhanh lên!... Đã xong chưa?

- Tắm xong rồi, nhưng quần áo thay ra chưa giặt.

- Cứ để đấy rồi mợ giặt. Cài cúc áo vào, rồi đi đường này với mợ.

- Đi đâu?

- Đi đằng này….

Biết rằng có hỏi nữa cũng vô ích. Hiền lẳng lặng đi theo mẹ. Ra khỏi ngõ ngang, mẹ nó gọi xe.

- Sáu xu lên cửa phủ…..Cửa phủ?

- Cửa phủ? Hiền chưa tới đấy bao giờ, chẳng hiểu nó ở gần đâu? Mẹ nó định đưa nó đến đấy làm gì? Lên xe rồi, thị mới nói rõ cho nó biết.

- Tao đưa mày đến nhà ông giáo cho mày học. Hôm qua tao đã nói với ông ấy rồi. Ông ấy bằng lòng cho mày trọ luôn ở nhà ông ấy để học hành cho tiện. Còn gì hơn là có thầy ở liền bên để thầy kèm! Ngu dốt đến đâu chắc cũng phải thành ra giỏi. Nhưng mày phải chăm thì mới được. Mà không được nghịch. Thầy giáo bảo gì thì phải nghe. Lúc nói với thầy thì phỉa thưa bẩm hẳn hoi. Ở đấy mà lười hay lếu láo, thầy giáo trị ngay chứ chẳng quen như ở nhà với tao đâu. Tao phải dặn trước, kéo đến lúc phải đòn lại trách mẹ không chịu bảo.

Đường phố đang tấp nập người đi lại rất đông. Anh lái xe luôn mồm kêu: "Ếp! Ếp". Nhưng Hiền không để ý nhìn. Nó bận lo lắng vẩn vơ. Nó nghĩ đến thầy giáo, đến cuộc đời của nó nay mai. Những lời giới thiệu của mẹ nó không làm cho nó yên tâm chút nào.

- Nhưng nếu mày ngoan thì thầy lại rất hiền. Ông ấy chẳng đánh một roi. Mắng, ông ấy cũng không mắng đâu mà ông ấy lại thương. Ông ấy cho mày ăn cùng một mâm, ngủ cùng một giường. À, mà nhớ nếu tối đến ông ấy có bảo vào giường ông ấy ngủ thì phải rửa chân tay sạch sẽ, lấy guốc mà đi nhé!

Hiền rụt rè hỏi khẽ:

- Thế tối con không được về hả mợ?

- Không, phải ở đấy học bài. Vả lại về thì xa lắm, mày không đi được.

- Con đi được…

- Không đi được mà!.... xe ô tô, xe đạp nó đè bẹp giò. Với lại về làm gì? Tao đi làm thì mày phải ngủ với ai?

- Ngủ với ông Câm

- Nay mai tao dọn nhà đi chỗ khác kia mà. Ở đây không chịu được.

Ồ! Vậy chuyến đi này là đi hẳn. Hiền sẽ chẳng bao giờ về xóm Bài Thơ nữa. Hiền thấy bâng khuâng. Nó nghĩ đến Câm. Nó nghĩ đến thằng Lộc, con Tiền. Không những nó không giận chúng mà lại có lòng nhớ tiếc. À! Nó ân hận biết bao. Ân hận vì đã đánh con Tiền đau quá! Từ hôm ấy, con Tiền không ra khỏi cửa. Mắt nó mù rồi chăng?

Mẹ Hiền có vẻ cũng đang nghĩ ngợi gì. Thị bỗng thở dài. Rồi thị chép miệng, bảo con:

- Thôi! Con ạ…ở đâu cũng vậy. Mợ xem ra ông giáo Toản cũng hiền lành, mà ông ấy lại chẳng có vợ con gì. Chắc ông ấy chả để con phải khổ.

Những lời ấy khiến lòng Hiền dịu lại. Nó cảm thấy một tình thương ngấm ngầm và đau khổ tiết ra tự lòng mẹ nó để thấm vào lòng nó. Tiếng nói của mẹ nó mềm yếu như tiếng khóc, và mắt mẹ nó rưng rưng nước. Nó cố nuốt nước mắt để lấy giọng bình tĩnh hỏi:

- Mợ dọn nhà đi phố nào?

- Chưa biết! Mợ còn liệu….

Ngập ngừng một chút rồi thị tiếp:

- Có khi mợ dọn đi tỉnh khác

Hiền sửng sốt. Người đàn bà biết mình đã lỡ lời. Thị chữa.

- Nhưng có đi tỉnh khác thì cũng phải còn lâu. Bao giờ đi, mợ sẽ đến trường xin phép thầy giáo cho con về để đi với mợ…

Thị dừng lại để nhìn nhớn nhác vào dãy nhà bên tay trái rồi bỗng kêu lên

- Đây rồi, bác xe!.... Cái nhà ở bên trong cây bang

Xe dừng lại, ghếch càng vào chỗ mẹ Hiền vừa chỉ.

Trống ngực Hiền bắt đầu đập mạnh. Mẹ con bước xuống trong khi người đàn bà trả tiền xe, thằng bé nhìn căn nhà mà nó đoán là nhà thầy giáo. Đó là một cái nhà hai tầng, chẳng to lớn gì mà cũng chẳng bé hơn mấy cái nhà liền bên. Nó tầm thường, vẻ đặc sắc có lẽ chỉ ở chỗ những cánh cửa màu cánh gián đầy những hình vẽ phấn xóa nhòe nhoẹt, và tường quét vôi vàng đầy những chỗ viết chì.

Qua căn nhà dưới đầy những bàn ghế học trò nhem nhuốc như một cái mặt hề, treo một cái cầu thang dựa sát tường, mẹ Hiền dẫn Hiền lên một căn gác đầy những sách xếp hàng trên những bệ cửa, những mặt hòm. Sách nằm lổng chổng trên những cái giường nằm. Sách ở trên bàn sách cả ở trên sàn gác. Nghe tiếng động, một người đang lúi húi trong một xó quay ra. Mẹ Hiền bảo:

- Chào đi!

Trong lúc Hiền đang ấp úng, thị chào to:

- Lạy bác ạ!

- Vâng, chào bác

Người kia buông chồng sách đang lục dở và đứng thẳng lên nhìn mẹ Hiền một lúc. Rồi như chợt nhớ ra y khẽ kêu lên:

- À, bác Minh. Bác đưa cháu đến?

Mẹ Hiền ngượng nghịu.

- Chúng tôi đã có lời thưa chuyện.

Y gật đầu hàng chục cái rồi vồn vã:

- Đã! Đã! Đã! Đã….Hai bác đến tối hôm qua….Ấy! Tinh tôi như vậy đấy: hay quên lắm. Thôi được! Cháu cứ ở đây với bác. Bác dạy cho mà học. Học vui lắm cháu ạ. Mình biết chữ cầm lấy quyển sách đọc được, muốn viết gì thì viết được, sung sướng lắm! Cháu có thích học không?

Mẹ Hiền đáp thay con:

- Thưa bác có đấy ạ!

- Ồ! Thế thì tốt lắm! Bác rất yêu những trẻ con thích học. À, mà bác ngồi chơi xơi nước. Thằng Tam đâu rồi? Tam! – Chẳng có đứa nào thưa. Y gọi rối lên. Mẹ Hiền phải bảo:

- Thưa bác, chước đi cho ạ. Tôi không khát.

- Vâng thế bác đã mang đủ quần áo cho cháu chưa?

- Chưa ạ; ngày mai tôi xin mang đến…..

Im lặng một chút rồi mẹ Hiền lí nhí:

- Thưa bác, cháu đã đến đây. Trăm sự nhờ bác.

- Ồ! Cái ấy thì bác không phải lo. Được rồi, được rồi! – Ngừng một chút y lại bảo

- Tôi ở đây chỉ có một thày một tớ. Thành thử nhà tuy chật mà hóa rộng. Thêm một cháu nữa cũng còn rộng chán. Còn cái sự ăn uống thì cũng chẳng tốn kém là mấy. Bác muốn trả cho cháu một tháng vài đồng gì thì cũng được. Trả nhiều thì tôi không dám lấy. Chúng tôi ăn xoàng xĩnh lắm. Cơm dưa muối, cháu ăn được chứ?

- Bẩm được ạ! Cháu vẫn ăn như thế.

- Thế thì tốt lắm! Sợ cháu quen ăn thịt, cá….

Y cười hô hố. Mẹ Hiền cũng cười theo rồi bảo:

- Thưa bác, con nhà nghèo! Cơm vàng mắm mặn còn có mà ăn đã là phúc lắm.

- Thì vẫn thế. Tôi nói đùa đấy, cùng túng cả. Có lạ gì hả bác?.... Thôi cháu cứ ở đây với bác.

Mẹ Hiền biết đó là một câu đuổi khách. Thị đứng lên cúi nhìn con:

- Thôi, thế con ở đây…..

Mắt Hiền ngước lên nhìn mẹ rồi ậc nước. Mẹ nó chớp mi mắt luôn mấy cái. Rồi thì nói như một người mất vía:

- Rồi mai mợ lại đến….

Mũi Hiền phập phồng một cái. Ngực nó phình ra, thót vào nhanh và mạnh. Tiếng nức nở thoát ra như người thở. Nó bíu chặt lấy tay mẹ nó.

Ông giáo Toản cười nhạt và chạy lại nắm hai vai nó.

- Ai lại khóc? Lớn rồi thì phải đi học chứ? Bác cứ về, bác cứ về đi, mặc cháu. Một vài hôm rồi quen ngay…

Mẹ Hiền giằng ra rồi chạy xuống cầu thang trong khi Hiền cuống quýt như sợ hãi. Nhưng ông giáo rất hiền từ bảo nó:

- Đừng có khóc! Tao không đánh. Cứ ở đây với tao, tao thương lắm. Học trò tao, tao coi như con tao vậy, bởi vì tao không có con thì chúng mày là con tao. Nhiều đứa chỉ đứng đến vai mày, chúng nó còn thích học tao nữa là….Im đi…Ông vừa nói vừa xoa đầu Hiền.

Ở nhà ông giáo được ít lâu, Hiền nhận ra ông là một người rất lạ lùng. Ngoài những giờ dạy học, ông chỉ đọc sách. Ông thức rất khuya, đọc hết quyển này sang quyển khác. Không biết ông đọc làm gì nhiều thế? Hiền đoán là ông hay chữ lắm.

Nếu không đọc sách thì ông viết. Những lúc hiếm họa và ngắn ngủi ông không đọc, không viết thì ông hút thuốc lá. Ông nhồi thuốc vào một cái tẩu to, hút phì phèo. Điếu thuốc cháy hết rồi ông gõ cái tẩu xuống bàn cộc cộc rồi lại nhồi điếu khác. Thỉnh thoảng ông nói một mình như một người điên, mà nói rất to, rất hăng hái, vừa nói vừa bước hung hăng từ đầu nọ tới đầu kia căn gác như một con hổ lồng lộn trong cũi sắt, hoặc đứng lại nghiến chặt răng cho cái xương quai hàm bật hẳn lên, đập mạnh tay xuống bàn mà gầm lớn, như muốn đánh ai bẹp dí. Hiền sợ lắm. Nó không dám bén mảng lên tới gác. Nó luẩn quẩn ở dưới nhà với Tam. Tam thấy thì buồn cười lắm. Bởi ngày mới đến, nó cũng đã hoảng sợ mỗi khi thấy chủ lên cơn thịnh nộ một mình như vậy. Nhưng rồi nó biết: những cơn thịnh nộ ấy chẳng bao giờ nguy hiểm. Giả thử nó có lên gác vào lúc ấy, ông giáo cũng làm như không trông thấy nó. Ông vẫn đập bàn, vẫn hục hặc: nhưng chỉ hục hặc một mình thế thôi. Chẳng động đến một sợi tóc ai bao giờ. Tam cho là chủ của mình học nhiều quá nên ngộ chữ như các ông đồ ngộ chữ nó thường nghe nói. Họ không đập phá. Họ chỉ gàn gàn dở hơi.

Hiền học ông giáo ít hơn học thằng Tam. Bởi vì ở trong lớp, Hiền ngồi ngay ở bàn đầu. Một bên nó là một thằng lác mắt, các bạn đặt tên cho là Cát già. Bên kia là một thằng bé lì xì và khóc suốt ngày, y như thằng Đạc. Ba đứa nó lọt vào gầm giường nhà thầy giáo. Chúng học hay chơi, làm trò gì, thầy giáo cũng không thể biết. Thành thử một thằng chỉ xuyt soạt suốt ngày, một thằng há hốc mồm ra một cách rất ngây ngô để nhìn chân, nhìn đầu gối, nhìn cái bàn tay thầy đặt trên đùi. Còn Hiền thì chỉ nhìn cái mồm há hốc dưới đôi mắt lác của thằng này lại nhìn đến hai con giun xanh thập thò trong lỗ mũi thằng kia, chẳng bao giờ nhìn lên bảng hay nhìn vào sách.

Những giờ nghỉ, nó mới giở sách ra, ngồi học với Tam. Tam đã bập bẹ đánh vần rồi. Tam dạy nó. Khi Tam thổi nấu nó cũng theo Tam vào bếp. Nó giúp Tam nấu cơm và các món ăn. Nó rất thích làm. Nhiều khi Tam chỉ đứng trông cho Hiền làm tất cả. Ban đêm, hai đứa ngủ với nhau trong bếp, bởi vì Hiền sợ ông giáo, không dám ngủ với ông trên gác. Muốn cho có bạn, Tam vẫn thường dọa Hiền rằng: những lúc ngủ, ông giáo thường bị ma nhập vào người, khiến điên cuồng; ông nói một mình, chính là những lúc ma hành; nếu Hiền ngủ với ông, tất có đêm nó bị bóp cổ. Hiền không tin hẳn, nhưng mấy lần ông giáo gọi lên bảo vào màn ông mà ngủ, nó đều vâng dạ cho xong chuyện rồi lẩn xuống nhà dưới với Tam….

Cứ vậy, ngày tháng trôi. Cuộc đời, cố nhiên là chẳng có gì vui, nhưng cũng không buồn lắm. Ở hoàn cảnh nào mà chả vậy? Khi người ta đã quen đi, thì mọi thứ đều trở nên nhàn nhạt, thường thường như thế cả. Xóm Bài Thơ, đối với Hiền đã gần thành một kỷ niệm xa xôi. Mỗi lần sực nhớ đến mẹ, hoặc Câm, hoặc Tiền và các bạn xưa, Hiền cũng bồn chồn. Nhưng nó chỉ bồn chồn một lúc thôi. Trong một lúc, nó ngẩn người ra. Lòng nó bâng khuâng như khi ta nghĩ đến một người thân đã chết từ lâu, một người thân mà ta đã khóc mất rất nhiều nước mắt. Hiền cũng vậy. Nó đã khóc thầm, khóc vụng không biết bao đêm, rồi bây giờ cũng nguôi đi. Cuộc đời mới, bên cạnh một ông giáo chỉ chúi mũi vào sách suốt ngày đêm và một thằng ở lớn lộc ngộc nhưng tính khí vẫn trẻ con, đã gần có thể gọi là chịu được. Thì bỗng một việc lại xô lệch sự bình tĩnh đã gần trở lại tâm hồn nó.

Hôm ấy là Chủ nhật, trường đóng cửa. Hiền ngồi xem Tam vá áo ngay ở nhà ngoài. Bỗng có tiếng rụt rè gõ cửa, Tam không ngẩng lên, hỏi như gắt:

- Ai?

- Tôi đây….thầy giáo có nhà không?

Hiền tái mặt. Thứ tiếng vừa đáp lại Tam, nghe quen lắm. Hiền ngờ là tiếng mẹ, nhưng lại không dám tin là mẹ, sợ không phải thì chán quá. Đã lâu lắm, mẹ nó đã không đến trường thăm nó, đến nỗi nó tưởng như mẹ nó đã đi đâu mất tích. Nếu bây giờ mẹ nó….Nó nhắc thầm trong trí: "..Không phải…nhất định là không phải!" nhưng vẫn thấy lòng phấp phỏng. Mắt nó

nhìn trừng trừng vào chỗ cửa. Nó cũng không đủ sức để bảo rằng: cửa khép….Chính Tam phải bảo:

- Cửa không cài then đâu. Đẩy ra mà vào.

Kẹt một tiếng, cánh cửa từ từ mở. Một cái mặt đàn bà bịt khăn vuông tùm hụp hiện ra. Hiền trố mắt nhìn. Mắt nó hoa lên…..

- Mợ!

- Con

Mắt Hiền mờ hẳn đi. Nước mắt nó rỏ theo nhau ròng ròng. À, thì ra ít lâu nay, nó hay khóc lắm rồi. Những nỗi đau khổ ngấm ngầm ăn chìm mãi vào trong, như một cái mầm bệnh đã nhập vào xương tủy, người ta cứ đinh ninh là mình khỏe mạnh, nhưng chỉ cần một hôm trời trở gió, một đêm thức quá khuya, một dịp người nhọc mệt, để bệnh hoạn lại nổi lên đùng đùng. Mẹ Hiền cũng khóc. Thị đi lại sát chỗ Hiền ngồi, lục thúng đưa cho Hiền một khúc sắn. Thị quay lại đưa cho Tam một khúc. Tam nhe răng ra cười:

- Bà lại cho con quà!

- Có gì đâu, anh ăn một miếng cho vui.

- Vâng! Này ăn đi, chú Hiền!

- Anh ăn đi, em nó có rồi.

Thị lại quay vào nhìn con. Hiền bẽn lẽn. Nó nhìn khúc sắn, ngoẹo đầu đi. Mẹ nó chửi yêu.

- Mẹ mày, sao không bóc vỏ mà ăn đi?

Nó phụng phịu làm như đứa thẹn. Mẹ nó xòe tay bảo:

- Đưa mợ bóc cho nào!

Tam chế:

- Ái chà! Anh cu lại chực làm nũng đấy….lêu lêu! Có anh cu thấy mợ đến làm nũng.

- Không phải. Em nó giận tôi lâu không đến chơi với nó đấy. Anh đừng cười em.

Tam sực nhớ ra:

- Chắc bà ở cữ kiêng không đi được.

- Phải

- Bà ở cữ em trai hay em gái?

- Cháu trai

- À, thích nhỉ!

Nó ôm lấy Hiền, cù nách, cấu:

- Thích cu cậu nhé! Thích cu cậu nhé! Có em trai rồi. Rồi nó bảo mẹ Hiền:

- Bao giờ bà xin phép thầy giáo cho Hiền với chơi với em một ngày.

- Phải!

Nhưng thị nói lảng ngay:

- Tôi ở cữ xong, ốm luôn năm sáu tháng.

Hiền ngẩng mặt lên nhìn mẹ. Mẹ nó xanh lắm. Đôi mắt thâm quầng…Nó chợt nhớ ra rằng chính vì thế mà lúc mẹ mới vào, nó không nhận ra ngay được, phải nhìn một lúc. Nó thương mẹ lắm. Cầm miếng sắn trên bàn tay mẹ bỏ vào miệng, nó vừa nhai vừa hỏi:

- Mợ ốm thế nào?

- Mợ bị phù!

- Phù là thế nào hả mợ?

- Phù là nó nặng mặt ra, rồi sưng cả chân tay mà người thì nhọc mệt ươn ao, không ăn được.

Hiền trố to đôi mắt:

- Thế chân tay mợ tự nhiên sưng lên à?

- Sưng to lắm!

Hiền nắm lấy bàn tay người mẹ. Cái cổ tay gầy ngẳng. Những ngón tay nổi đốt. Ở mu bàn tay, những làn gân xanh bong như ngoài lần da trong. Hiền nắm mãi cái bàn tay xanh mướt ấy, như yêu quý lắm. Mẹ nó…..nắm lại bàn tay nó. Hai mẹ con cùng lẳng lặng….bỗng mẹ nó xịt mũi một cái và nói như người chợt tỉnh.

- À, mà mợ phải lên chào ông giáo đã.

Thế nghĩa là phút chia tay sắp đến. Hiền nhìn mẹ bằng đôi mắt đau đớn. Mẹ nó tránh cái nhìn của nó. Nó vẫn kịp nhận ra rằng: mẹ nó lại vừa mới khóc….

- Con ngồi đây nhé! Mợ lên gác chào ông giáo.

Thị đứng lên sửa sang lại cái áo vải rồng gọn ghẽ rồi đi lên. Hiền nằm dài xuống một cái ghế, lọt giữa khe hai cái bàn. Một lúc lâu sau, nó nghe thấy tiếng sụt sịt ở cầu thang. Nó biết là mẹ xuống. Nó ngồi ngày dậy. Mi mắt và mũi của mẹ nó đều đỏ cả lên. Thị đã khóc và hỉ mũi nhiều trên ấy. Thị không ngồi lại, chơi với con một lúc nữa như thường lệ. Thị đứng lại ở chỗ ban đầu, mếu máo:

- Mợ về đây!

Tiếng nói tắc đi để cho tiếng khóc bật ra. Thị nắm vội lấy cái thúng ở mặt bàn chực chạy đi. Hiền kêu lên:

- Mợ!

Nhưng mẹ nó đã đi khỏi nhà rồi. Cánh cửa khép vội lại sau lưng thị. Hiền úp mặt xuống nức nở. Tam sửng sốt: chưa bao giờ nó thấy Hiền khóc to đến thế. Thằng bé gần chết lặng đi trong tiếng khóc. Tam khẽ lay lưng nó:

- Thôi! Em ạ…khóc làm quái gì! Chủ nhật sau mợ lại đến đây mà!

Không! Không! Hiền biết lắm, một cái gì vừa vụt bảo cho nó biết: lần này là lần chót…..sau lần này là hết cả! Hết cả rồi! Mẹ, con sẽ chẳng bao giờ thấy nhau….

Buổi trưa hôm ấy, Hiền ăn rất ít cơm. Buổi chiều cũng vậy. Mắt nó chẳng khi nào hết nước. Ông giáo không hỏi, cũng không an ủi. Có lẽ ông biết tất cả những lời an ủi đều vô ích: nói đến Hiền, chỉ khiến cho nó có dịp mà khóc lớn. Vậy ông cố làm như không biết là nó khóc. Nhưng sau bữa cơm chiều, ông gọi Tam lên, đưa cho nó một hào và bảo:

- Mày rửa bát xong, quét dọn sạch sẽ rồi dắt thằng Hiền đi chơi. Cầm lấy hào này muốn tiêu gì thì tiêu.

Tam hiểu. Nó dọn nhà cửa gọn ghẽ rồi gọi thằng Hiền.

- Tớ đi ra phố đây! Hiền có đi không?

Hiền lắc đầu. Tam bảo:

- Thầy giáo cho cả hai chúng mình đi chơi đấy. Lại cho chúng mình một hào nữa.

Hiền đột nhiên nhanh nhẹn lạ.

- Thầy cho đi thật à?

- Thật đấy. Đồng hào đây!

- Đi lâu hay chóng?

- Bao giờ về cũng được. Mày đi chứ?

- Anh có biết lối đến xóm Bài Thơ không đã?

- Biết thừa! Cậu lại muốn về chơi nhà phải không?

Hiền cười. Tam nghĩ ngợi…..

- Nhưng mà tôi thèm vào! Đưa cậu về rồi lúc đi cậu lại khóc.

- Không! Tôi lạy anh! Anh cứ đưa tôi về! Từ ngày đi học đến nay tôi chưa được về.

Tam bằng lòng. Muốn chơi ngông, chúng thuê xe. Ngồi trên xe, Hiền tíu tít nói luôn mồm. Có lẽ vì mừng, nhưng có lẽ cũng vì lo. Không biết tại sao nó cứ thấp thỏm sợ không gặp mẹ nó ở căn nhà xưa nữa….

Xe bắt đầu rẽ vào ngõ ngang, Hiền đã thấy trống ngực đập mạnh. Lộc trông thấy Hiền trước nhất:

- Ái chà! Cậu cả Hiền sang ghê! Diện xe cao su cẩn thận

- Kìa thằng Lộc. Tiền đâu?

- Ở trong túi ấy!

Và Lộc cười khanh khách. Ờ! Vẫn thằng Lộc cũ hay cười và nghịch ngợm. Hiền cũng cười và hỏi lại:

- Con Tiền đâu hở mày?

- À! Mày hỏi con Tiền. Tao lại ngỡ mày hỏi tiền để đâu….Con Tiền hả! Nó ở nhà nó. Mày bỏ vợ mày lâu thế. Vợ mày đi lấy chồng rồi.

- Lấy ai?

- Lấy ông hai tai một đầu!

Chúng lại cười với nhau. Hiền chợt trông thấy một người đàn bà Tàu bế đứa con đội cái mũ có đính mắt gương, trong căn nhà bên nhà Lộc….

- Ai đấy mày?

- Thím Coóng

- Thế bác cai Minh không ở đây nữa à?

Lộc bĩu môi:

- Tôi lại thụi cho anh một quả bây giờ! Anh còn vờ vịt nữa.

- Vờ vịt sao?

- Sao mày hỏi bác cai Minh?

- Ừ, thế trước kia bác cai Minh chả thuê căn nhà này là gì? Tao thấy bác ấy không thuê ở đây nữa thì hỏi: bác ấy ở đâu?

- Ở nhà mày ấy. Mày không biết hay sao mà còn phải hỏi?

Hiền tức quá. Nó có biết gì đâu! Sao bác cai Minh lại ở nhà nó? Nó nghẹn ngào hỏi Lộc:

- Thế mợ tao?

Lộc cười tàn nhẫn:

- Mợ mày ấy à? Mợ mày thì lại ở nhà bác cai Minh! Hiền biết rằng Lộc muốn trêu chọc nó. Nó không thèm hỏi nữa, ngoắt đi. Nhưng Lộc goại lại:

- Mày đi đâu đấy?

Hiền không thèm đáp. Nó xăm xăm đi về phía căn nhà cũ. Nhưng Tiền trông thấy nó và reo lên:

- A! Thằng Hiền…..thằng Hiền kia, mợ ơi!

Bà Ngã, nghe tiếng con reo, quay lại:

- Ừ nhỉ! Thằng Hiền đấy à cháu? Bây giờ cháu học ở đâu?

- Con ở trường học.

- Ai chả biết! Nhưng mợ mày với dượng mày kia…!

Hiền ngơ ngác. Dượng mày….dượng của Hiền là ai? Bà Ngã không nhận thấy nét mặt Hiền nên hỏi tiếp:

- Mợ mày với dượng mày bây giờ đi buôn bán hay đi làm?

- Con không biết!

Bà Ngã ngạc nhiên nhìn nó. Mắt nó rân rấn nước. Bà ngẩn mặt ra một lúc:

- Thế mày cũng không biết mợ mày ở đâu thật à?

- Con tưởng mợ con vẫn ở đây.

- Có còn ở đây đâu! Đi lâu rồi….Thế mày cũng không biết mợ mày lấy bác cai Minh à?

Hiền mếu máo lắc đầu. Bà Ngã cười lớn bảo:

- Thế thì mày chết! Ai bảo mày đi học, không ở nhà mà giữ mợ! Bác cai Minh bác ấy lấy trộm mợ mày đem đi rồi.

Người ta xúm đến. Bà Ngã nói toang toang:

- Tội nghiệp thằng bé quá! Thì ra mẹ nó cũng không cho nó biết: nó cứ yên trí là mẹ còn ở đây, về tìm..

Bác mì "xừ tắc" bảo:

- À, nghe đâu hai vợ chồng ở chỗ gần miếu cây đa ấy mà!

- Phải đấy….

Nhưng bà Hai Mợn bảo:

- Hồi nảo hồi nào kia! Bây giờ không còn ở đấy.

- Thế đi đâu?

- Chả biết đi đâu. Tôi thấy có người nói: hình như cơm chả lành, canh chả ngọt, anh chồng phụ bạc gì chả biết, chị vợ không ở được, bế con trốn đi đâu mất rồi. Các ông các bà tính: cái thằng cai Minh mắt trắng dã ấy, nó có ở với vợ nào được lâu? Chính là thằng Sở Khanh!

Bà Ngã nhìn Hiền chép miệng:

- Thế là mất mẹ

Hiền thấy mọi vật mờ đi, chập chờn, chập chờn chung quanh nó. Từ nãy nó không để ý đến lời bàn tán của bọn người đứng đấy. Đầu nó như trống rỗng. Nó đứng ngây người ra mấy phút, nước mắt sườn sượt trên má, chảy cả vào môi và miệng. Rồi bỗng nó òa khóc lên:

- Mợ ơi! Mợ ơi….Mợ đi đâu rồi!

Mấy tháng sau, thằng Tam xin ông giáo cho nó về quê. Nó lớn rồi. Cái nghề thằng nhỏ, lương mỗi tháng một đồng, không phải là một nghề lâu dài có thể nương thân. Nó nấn ná ở với ông giáo đến tận giờ, cũng chỉ vì mến ông là người tử tế, và công việc không vất vả; nó phí đi mấy năm để học. Bây giờ nó học đã khá rồi. Chữ quốc ngữ đọc thông. Những giấy tờ thường thường có thể làm xuôi được. Như vậy là đủ lắm. Các ông phó, ông lý làng nó chữ nghĩa cũng chỉ lom lem thế. Mai sau, trời cho làm ăn khá giả, chẳng còn lo thiếu chữ. …Đó là một cớ. Cớ nữa là nó vừa chim được một con sen. Chúng nhất định lấy nhau….Anh con trai nghĩ rằng: Cứ để cho người yêu đi làm con sen mãi thì thiệt lắm! Bởi vì làm con sen thì phải đi gánh nước, mà ra chỗ máy nước toàn những thằng gấu cả - thì cứ xét nó là đủ biết!.... Vớ được con sen nào hay mắt chúng giở đủ trò mất dậy. Tuy chẳng mất gì nhưng cũng tức. Nó vừa cười vừa bảo với Hiền thế. Bởi vì

nó rất hay nói chuyện nhân tình với Hiền. Nhiều khi nó dẫn cả Hiền đi chơi với nhân tình. Chúng đùa cợt ngay trước mặt Hiền. Hiền rất buồn cười. Nó thấy cái trò chim chuột nhau cũng hay hay. Nó nhớ đến Tiền. Và đã có khi lòng nó rộn rạo một cách hơi là lạ.

Bởi Hiền đã làm bếp thạo nên sau khi Tam nghỉ việc ông giáo không thuê thằng nhỏ khác. Hiền thay Tam làm các việc. Ông giáo bảo:

- Làm thì chẳng có việc gì là xấu đâu con ạ. Ngày xưa, đã có hồi tao vừa dạy học vừa quét dọn nhà cửa và làm bếp lấy. Về sau sở dĩ tao thuê Tam là vì muốn rộng thì giờ để học thêm. Con tuy còn nhỏ nhưng cũng nên tập khổ cho quen. Đời còn dành cho mày nhiều cái khổ lắm, tao biết trước.

Những cái khổ chẳng giết chết được, trái lại, nó rèn luyện người thành cứng cỏi…..

Hiền cố tin như vậy. Đời có buồn thêm bởi vì thiếu thằng Tam để nói chuyện hoặc cười đùa. Nhưng cũng chẳng sao. Một ngày kia Hiền cũng sẽ bắt chước Tam. Nó cũng chim một con sen. Một con sen! Không! Nó nghĩ đến Tiền! Giá lấy được Tiền thì có lẽ thích hơn. Nó nghĩ thế. Có lẽ chỉ vì nó chỉ biết có mình Tiền là vừa tuổi nó, và có thể là nhân tình nó; chúng đã chả nhận mãi nhau là vợ chồng đó ư? Dù chỉ mộng, người ta cũng thích mộng một chuyện gì có lý….- Rồi chúng sẽ lấy nhau. Nhưng rồi sao nữa? Dòng mơ của Hiền không còn lối chảy xuôi. Bởi Hiền không còn có nhà quê. Chao ôi! Càng lớn lên nó càng trông thấy rõ cái cảnh bơ vơ của nó, nó càng hiểu rằng một thằng như nó có người cho nương tựa đã là may lắm rồi.

Tháng ngày qua, Hiền đã mười bảy tuổi. Đứa trẻ thơ thành một gã con trai, nét mặt hơi buồn. Bởi vì có bao giờ gã quên hẳn mẹ đâu? Gã vẫn nhớ, nhớ đến mà đau đớn, mà ghen tức, mà phẫn uất. Gã hiểu việc đời hơn, và cũng hiểu lòng người hơn nữa. Gã giận mẹ mình lắm. Người mẹ ấy đã bỏ con để đi theo một người đàn ông không xứng đáng tí nào. Bao nhiêu nỗi cay đắng của đời gã đều do đấy mà ra. Gã chịu nhục nhằn. Gã bị người ta hắt hủi. Gã sống bao nhiêu năm không một tình thương ấp ủ nào. Trong khi ấy người mẹ phải đi tìm những thú vui ở đâu xa. Những ý nghĩ chua chát ấy

như những con sâu kín đáo ngấm ngầm cắn rứt hồn gã. Gã trầm tính hơn những người đồng tuổi và lúc nào cũng như suy nghĩ gì….

Một hôm ông giáo Toản nhìn Hiền như một cách nửa mỉa mai, nửa yêu thương và hỏi một câu đột ngột:

- Mày nghĩ gì suốt ngày thế vậy?

Hiền đáp lại ông bằng một nụ cười buồn. Ông nhắc lại:

- Ừ, mày nghĩ thế là phải! Sao tao thấy mặt mày lúc nào cũng đăm chiêu?

- Không ạ!

- Có. Mày cứ nói. Bởi vì tao có nhiều chuyện có thể nói cho mày biết nếu mày muốn biết. Mày đã lớn. Tao sắp bỏ trường này……Cha, con sắp xa nhau…

Hiền thấy thái độ của ông thật lạ lùng. Ông nổi điên chăng? Không phải! Ông nói tiếp:

- Đẻ mày giao mày cho tao làm con nuôi, nhờ tao gây dựng. Tao nhận liều, bởi nếu không nhận thì đẻ mày thêm khó nghĩ. Chứ tao cũng thừa biết rằng tao chẳng có thì giờ gây dựng cho ai. Mày thấy: chính tao, tao cũng không gây dựng được cho tao nữa! Mày đã lớn! Ta sẽ ném mày ra sóng gió cuộc đời. Bơi đi! Lặn đi! Bay đi! Cố mà sống không thì chết….

Có lẽ ông điên thật. Hiền muốn chạy, nhưng không dám chạy: nó chạy rất có thể ông chồm lên vồ lấy nó hay lao vật lạ vào đầu nó. Ông ngừng lại một chút rồi đổi giọng rất nhỏ như người ta nói một chuyện gì bí mật:

- Mày nên biết rằng mày không thể còn trông cậy vào ai. Thầy mày bị người ta giết chết rồi…

Hiền có cảm giác như người mình nẩy lên. Ông giáo giơ bàn tay ra hiệu cho nó bình tĩnh lại. Rồi ông kể lại tất cả những điều mà ông đã được nghe mẹ Hiền cho biết, vào ngày thị đến khóc lóc phó thác con thị nhờ ông nuôi

nấng và dạy dỗ. Bố Hiền là con một thế gia vọng tộc. Bởi thiếu giáo dục ông ăn chơi từ tấm bé rồi đi ăn cướp, bị ở tù. Ở tù ra đi ăn cướp. Lần cuối cùng ông bị sự chủ đâm. Rạch về được đến nhà đưa cho vợ được ít tiền nuôi con rồi ông lấy lửa đốt nhà. Ông chết trong đám cháy. Mẹ Hiền dắt Hiền đến ở xóm Bài Thơ…Hiền thấy cái dĩ vãng của hắn dần dần tỏ rõ. Hắn cúi đầu gầm mặt, như một người xấu hổ. Bỗng ông giáo rút ngăn kéo, đưa cho nó một gói giấy bạc con con

- Cầm lấy….của mày đấy.

- Cái gì thế ạ?

- Bạc giấy. Ba mươi đồng đúng. Lúc thầy mày sắp chết đưa cho đẻ mày để nuôi mày đấy. Thầy mày đưa đâu đó có hai mươi sáu, hai mươi bảy đồng gì đó nhưng đẻ mày thu vén cho mày cả ba chục đồng gọn. Đẻ mày bảo với tao rằng: đẻ mày cũng đã biết mình trót dại nhưng đã lỡ rồi không còn gượng được. Hình như sau khi sinh nở ốm yếu lâu quá không đi làm được, cai Minh nó phải nuôi báo nên nó chửi mắng đẻ mày ghê lắm. Không thể ở được, đẻ mày định bế con đi. Nhưng còn vướng có mày. Đẻ mày vừa thương mày cũng có, thầy mày trối lại cũng có. Bởi thế đẻ mày mới đem gửi tao ba mươi đồng này.

Hiền nức nở……

- Không biết mợ con ở đâu rồi!

Ông giáo lắc đầu

- Tao cũng không biết được tin tức gì thêm cả. Đời mày còn dài, có lẽ rồi cũng có phen mày gặp. Điều cần là bây giờ mày phải tìm công việc gì để kiếm ăn. Tao đã nhờ người xin cho mày vào làm nhà máy rượu. Nếu được thì hay lắm. Cái trường này tao sẽ để lại cho người khác. Xong việc là tao đi.

- Thầy đi đâu ạ?

Ông nhún vai và lắc lư đầu khe khẽ.

- À! Cái đấy cũng còn tùy…..mày đi làm máy rượu được chứ…..hay mày có tìm được gì hơn không?

Hiền đang chúi mũi xuống bát phở bốc khói thêm bỗng ngẩng lên. Đó là do một tiếng kéo ghế ở một bàn ngay trước mặt. Đôi mắt nhỏ và đen của anh chàng vừa ngồi xuống gặp mắt Hiền. Họ nhìn nhau, Hiền thấy một ý ngờ ngợ nhảy lên trong óc. Hiền từ từ mở to đôi mắt.

Rồi đôi mắt hắn ngác đi. Bởi vì Hiền đang cố nhớ. Cái mặt xương xương và đôi mắt lăn tăn của kẻ kia quen lắm. Hình như Hiền đã gặp y ở đâu rồi? Ở đâu? Hiền đang cố nghĩ. Anh chàng kia cũng vậy. Y có vẻ như cũng nhận thấy Hiền quen quen, nhưng chưa nhớ được là ai. Y bỗng ngửa mạnh đầu về đằng sau một cái reo lên:

- Phải rồi!....

Y chạy sang bàn Hiền, nhưng đặt một bàn tay lên vai Hiền rồi y lại tặc lưỡi và cau mặt. Cái tên Hiền vừa lóe qua trí y, lại vụt tắt mất rồi. Hiền cười ngượng nghịu, nhìn y. Y lại tặc lưỡi thêm mấy cái nữa rồi cười mà bảo:

- Tức quá! Nhất định là tôi có biết anh…..Thế mà không nhớ ra!

Hiền mỉm cười

- Tôi cũng vậy

- Tên anh là gì nhỉ?

- Hiền

- Hiền, à phải rồi. Ở xóm Bài Thơ chứ gì! Lộc đây!

Y vỗ tay đồm độp xuống vai Hiền. Và mắt y, và miệng y, và tất cả các nét mặt y hoạt động cả lên, diễn tả một nỗi mừng rỡi rít. Thấy Hiền vẫn chưa có vẻ nói ra y nói toang toang:

- Lộc đây mày! Thằng Lộc hay phá bĩnh ngày xưa….Anh quên tôi rồi à?

- À, anh Lộc! Tôi nhớ rồi! Trông khác quá! Anh ngồi xuống đây…..

Lộc không do dự kéo một chiếc ghế ngồi ngay xuống. Hiền buông đũa…

- Anh ăn gì?

- Phở tái. Chúng mình thì chỉ thế thôi.

Hiền cười, hắn gật người làm trong hiệu lại:

- Cho tôi hai bát nữa.

Rồi hắn quay vào bảo Lộc

- Chúng mình gặp nhau thì phải ăn mới được. Lâu lắm nay mới gặp lại nhau…..Hình như anh không còn ở chỗ ngày xưa nữa.

- Chỗ nào?

- Xóm Bài Thơ

- Ồ không! Tôi đi chỗ khác từ đời nào!

- Thế anh dọn đi đâu?

- Ai nhớ hết? Từ bấy đến giờ có đến ngót mười năm hay quá mười năm. Mỗi năm tôi thay chỗ ở độ mười lần. Thế nghĩa là tôi ở độ trăm chỗ khác nhau rồi. Bố ai kể hết được!

Hiền giục Lộc:

- Thì anh cứ thử kể một vài nơi đi

- Thì kể như: Hà Nội, Hải Phòng, Cẩm Phả, Huế, rồi Sài Gòn, rồi Viên Chăn, rồi Tà Khẹt….nghĩa là đủ cả, cả "nhà đá" nữa!

Chúng cười. Nhưng Lộc trở nên đứng đắn. Hắn bảo Hiền:

- Tôi đã đi đủ mọi nơi rồi thật!

Hiền nhìn hắn. Vẫn là thằng Lộc cũ, rắn rỏi và nghịch ngợm. Vẫn cái nhìn ranh mãnh trước. Có điều vẻ mặt già hơn, dãi dầu hơn. Và nụ cười cũng như cái khóe môi trước khi nói hay sau khi nói, luôn luôn có một vẻ gì chua chát lắm. Cả đến cái giọng của hắn cũng vậy.

Hiền hỏi hắn:

- Bây giờ anh làm gì?

Hắn trố mắt thật to như một kẻ ngạc nhiên:

- Anh cũng hỏi tôi câu ấy à?

- Có gì lạ?

- Lạ lắm. Bởi vì ai cũng thích hỏi tôi câu ấy.

Hiền cười tủm tỉm

- Thế anh đáp thế nào?

- Tôi không làm gì!

Cả hai cùng cười to. Một thằng bé bưng hai bát phở vào đặt lên bàn. Lộc rưới nước mắm, rắc hạt tiêu, rồi vừa cầm đũa, nháo tất cả lên vừa bảo:

- Mà sự thật thì mình chẳng làm gì thật!

- Anh nói lạ! Không làm gì thì anh lấy gì mà sống hả?

- Anh thật thà quá! Có cần gì phải làm mới sống?

- Anh thử nhìn xung quanh xem: thiếu gì những kẻ không làm mà vẫn sống, mà lại sống phong lưu nữa là khác. Thí dụ……

Lộc ngắt lại hai tiếng thí dụ để đưa thìa phở vào miệng kêu sùm sụp. Hiền cười nhạt. Hắn hơi phật ý, bởi Lộc có vẻ chế giễu cách kiếm ăn của hắn, của những người như hắn, làm chật vật để thu về rất ít. Nhưng Lộc tiếp:

- Thí dụ như lão Ấm háo ở chỗ chúng mình ở trước. Anh còn nhớ chứ?

Hiền khẽ gật đầu. Hắn vừa nhai vừa nhìn Lộc tò mò. Lộc hất hàm, đôi lông mày hơi nhíu lại làm nổi một đường gân dọc ngăn đôi trán hắn, trông rất bướng….

- Ừ, thế anh bảo lão làm gì? Lão nằm dài hút suốt ngày. Ấy thế, mà hắn có tiền tậu đất, tậu nhà, lão vẫn ăn, vẫn hút, vẫn tiêu sài một cách đế vương: lão sướng bằng vạn những đứa làm đổ mồ hôi, chảy máu mắt….

- Chuyện! Lão có tiền của ông cha để lại….

….

- Ấy thế!... đó là một cái may của hắn. Tại sao chúng mình chẳng hạn, chúng mình lại không có tiền của ông cha để lại?

Hiền nhìn xuống. Vẻ mặt hắn hơi ngượng nghịu. Hắn chợt nhớ đến cha mẹ hắn, những kẻ chỉ để lại cho hắn sự nghèo túng và nỗi nhục. Hắn cố nén tiếng thở dài. Mấy ngón tay thờ thẫn nâng cái thìa lên miệng…Lộc không để ý. Hắn vẫn hăng hái tiếp:

- Nhưng nói cho bằng phải, thì của ông cha hắn để lại cũng khá, xong chưa thấm tháp. Hắn kiếm được còn bằng vạn. Bởi lão ghê gớm lắm. Lão buôn lậu, lão đầu cơ, lại lãi có hàng mấy ngàn mà vẫn chẳng sao đâu; đến lúc tù thì lại tù thằng khác. Cái thằng mà chúng mình vẫn thường gọi là thằng Câm nháy trời ấy, anh còn nhớ không?

- Còn, làm sao

- Nó tù rồi đây. Tù vì nhận chỗ đồ buôn lậu của ông Ấm là của nó.

- Thật à? Sao nó ngây ngô thế?

Lộc cười chua chát bảo:

- Nó chẳng ngây ngô chút nào. Nó chỉ hớ một tý đấy thôi, với lại chú ta cũng hấp làm giàu lắm….Mà có riêng gì nó? Nếu bây giờ tôi bảo anh rằng: "Đằng ấy chịu khó đi tù mấy năm cho đến lúc ra tớ cho nghìn bạc" thì anh có nghe không? Nghe đến đâu ấy chứ! …..Còn hơn không tù, mà vẫn phải làm còm cọm suốt ngày như một thằng tù, mà một đời cũng không có được nghìn đồng bạc. Ấy cái thằng nháy trời cũng vậy. Lão Ấm hứa: lúc được ra sẽ cấp cho nó dăm trăm bạc vốn. Rồi lão quịt.

Hiền đập đũa xuống bàn.

- Đểu thật! Sao lão xử đến ghê gớm thế?

- À, bởi vì lão thấy không còn có thể buôn lậu nữa, lao xoay cái khác, mà làm cái này thì anh cu nháy trời thành vô dụng.

Hiền lắc đầu….

- Tàn nhẫn quá!

- Thì đã hẳn! Nhưng không thế, giầu sao được? Chính lão đã giết cô thầy gọi rí….

Hiền sửng sốt trợn mắt lên nhìn Lộc.

- Lão giết cô thầy?

- Chuyện bị lộ vì thằng nháy trời bị lão xử đểu tố cáo lão giết con mẹ ấy để lột cái áo bông của mụ, đựng toàn bạc giấy.

Một tia sáng lóe qua óc Hiền. Hắn có vẻ suy nghĩ một thoáng rồi hỏi Lộc:

- Anh vừa bảo lão Ấm có bệnh háo phải không?

- Đúng thế! Lão háo nói không ra tiếng, thở thì cứ rít lên nghe khiếp lắm.

Hiền nhớ lại đêm cô thầy bị giết…..Tiếng vật lộn….ánh đèn bấm…..Đôi tay giằng cái áo….tiếng kêu cứu tiếp đến tiếng cổ họng kêu ằng ặc. Hắn gật đầu, để buột ra mấy tiếng:

- Thôi! Phải rồi!....

Lúc ấy, tiệm ăn đã đông người. Bàn nào cũng có khách ăn. Một bọn ba bốn người vào sau, đứng nhìn khắp mọi bàn, có ý tìm một bàn ngồi. Lộc bảo Hiền:

- Chúng mình ra.

Hắn đứng lên, rút một cái tăm ngậm vào mồm. Hiền cũng làm theo. Lộc lại quầy trước, trả tiền. Ra khỏi tiệm ăn, cả hai cùng đứng lại như để chọn ngả đi. Lộc hỏi:

- Anh có bận gì không?

- Tôi chỉ còn việc về nhà ngủ.

- Thế thì về nhà tôi chơi đã. Cho biết nhà…..

Chúng đi về mạn trên……

Lộc ở dẫy nhà lá đường goòng. Hắn ở một mình. Đồ đạc vỏn vẹn có một cái giường to và một cái bàn mọt để sát nhau. Hiền để ý đến tập giấy đặt trên bàn, bên cạch lọ mực và cái bút….

- Anh sắm những thức này làm gì vậy?

- Tôi phải viết

Hiền sửng sốt

- Anh biết viết. Thế ra hồi ấy rồi anh đi học?

Lộc hơi chậm đáp. Hiền cho là mình lỡ lời, nói câu ấy có thể khiến bạn tưởng mình khinh bạn. Hắn vội vàng nói chữa:

- À mà phải: anh có đi học trường nhà nước. Thế nào ông cụ chả cho anh đi học.

Lộc lắc đầu:

- Không. Hồi ấy tôi không được học. Bởi vì anh đi được ít lâu thì tôi cũng bỏ nhà đi lang bạt. Mãi đến hồi phải đi đập đá tôi mới học.

- Đi đập đá ở đâu?

- Trên mạn ngược. Ấy, họ cũng hỏi tôi như anh hỏi tôi ở tiệm ăn lúc nãy. "Làm gì?". Tôi bảo: Chẳng làm gì! – Thấy tôi rỗi rãi quá, họ bảo tôi lên đó đập đá cho có việc.

Hiền cười, hỏi:

- Thế anh học ai trên ấy.

- Anh cứ để yên, tôi kể. Lên đấy tôi gặp một ông biết nhiều chữ lắm mà cũng đi đập đá. Không phải ông ta rỗi rãi. Ông ta bảo: Tại ông ta hay nói thật. Ông ta yêu tôi lắm, những lúc rảnh hay dạy tôi học.

Hiền cầm lấy tập giấy xem

- Anh viết gì thế?

- Tôi viết sách

Hiền nhìn bạn nghi ngờ "tôi viết sách". Nhưng Lộc vẫn thản nhiên. Hắn không có vẻ nói dối tí nào. Hắn lại cắt nghĩa cho Hiền hiểu.

- Tôi viết thế này rồi đem in thành những quyển sách người ta bày ở hàng sách đấy, để thiên hạ mua mà đọc.

Hiền phục quá. Nếu vậy thì chắc Lộc học giỏi ghê gớm lắm. Hắn nhìn Lộc bằng đôi mắt ngây ra.

- Anh viết những cái gì?

- Những cái tôi vừa nói với anh, nghĩa là sự thật. Hắn mỉm cười nói tiếp:

- Để cho người ta ghét, bởi nhiều người vẫn không ưa sự thật.

- Tôi tưởng là viết sách thì cần phải nói thật.

Lộc bĩu môi ra vừa lắc đầu vừa bảo:

- Ít lắm! Người ta nói dối đầy ra đấy! Người ta làm như trên đời này chỉ có những trăng những hoa, những cô con gái ốm tương tư, những cậu con nhà giàu thất vọng vì tình phẫn chí sinh trời bời vong mạng….Họ làm như chỉ có những cái ấy là quan trọng…..

Hiền không hiểu lắm. Hắn thú thật sự dốt nát của mình:

- Tôi ít đọc sách nên chẳng biết người ta nói những gì.

- Nói gì cũng được. Đại khái tôi có thể viết cả chuyện lên ăn tiệc trên tổ chuột vẫn kể với anh xưa. Chả thiếu gì người viết những truyện mơ mộng như vậy.

Hiền nhớ lại…..Và ý nọ dắt ý kia, hắn bỗng hỏi:

- À, anh có biết Tiền bây giờ ở đâu không?

- Biết chứ!

- Ở đâu?

- Yên đã. Tôi cho anh xem cái này.

Hắn rút ngăn kéo ra một tấm hình, ghé sát đèn. Hiền ngẩn mặt nhìn. Ấy là một thiếu nữ rất sang, mặc tân thời, đôi lông mày nhỏ tắp vẽ dài thêm, đôi môi bóng hé cười để lộ những chiếc răng đều đặn trắng muốt. Lộc vừa cười vừa hỏi:

- Đố biết ai?

Hiền thấy như có một bàn tay bóp chặt lấy tim. Bởi vì hắn đoán đấy là Tiền. Nhưng hắn vờ vĩnh hỏi:

- Ai thế?

- Tiền đấy! Có oai không? Vẫn đến chơi với tôi luôn. Vừa cho tấm hình này hôm nọ.

Hiền tái mặt. Hắn có ý cúi xuống để Lộc không nhận thấy. Sự im lặng có thể khiến Lộc ngờ. Hắn muốn nói một câu gì, nhưng không dám nói, sợ tiếng mình run quá. Cũng may, Lộc đáp:

- Bây giờ tân thời đặc. Giá anh gặp, chắc không dám gọi. Nhưng còn được cái: chưa đến nỗi quên bạn cũ. Vừa thấy tôi một cái hỏi ngay. Mà còn nhớ anh lắm nhé: vẫn nhắc đến Hiền luôn đấy.

Hiền đỏ mặt. Một chút vui rất mong manh bừng lên trong lòng hắn rồi lại tắt ngay. Tiền nhắc đến hắn làm gì? Một cái hố rất sâu đã chia rẽ chúng tôi. Hắn buồn rầu nhìn cái ống tay áo sờn của hắn: cái áo tây hắn mua lại của một người bồi xin được những cái áo bỏ đi của chủ….Hắn gượng cười, hỏi Lộc:

- Nó lấy chồng làm gì, mà diện thế?

- Giết ai ra chồng!

- Thế nó đào đâu ra tiền?

- Thế mới tài tình chứ! Đố anh đoán được!...

Lộc cười khanh khách. Hiền thấy một nỗi đau nhoi nhói trong tim. Bởi vì hắn đoán ran gay. Chao ôi! Sự ấy khó gì đâu? Khi người ta chỉ là con của một anh thợ mộc suốt đời say xỉn với một chị bán hàng kiếm gạo ăn cho ba lỗ miệng đã lấy làm chật vật, khi người ta sinh ra chỉ là con Tiền chui rúc trong một xóm nghèo nàn, mà lại nhiều lòng ham muốn: tô môi, kẻ lông mày, mặc áo sang như những thiếu nữ nhà giàu, thì người ta không có đến

2 con đường. Con đường độc nhất là con đường đưa đến các khách sạn, đưa đến lối cửa sau của mấy nhà phú hộ mà còn thích thịt tươi môi đỏ…..

Hiền chua chát:

- Thế cũng xong! Trời cho nó được cái da nhẵn nhụi thì nó cũng phải tìm cái nghènhàn một tí. Chẳng lẽ nó lại chịu đi lấy một anh chàng thuyền thợ rặt những mùi dầu máy, hôi như cú, cho phí hoài đôi mắt bồcâu đi?

Lộc ái ngại nhìn Hiền. Mặt Hiền có một vẻ gì đó mệt mỏi và ngao ngán lắm. Và Lộc hiểu……

Hắn dịu dàng an ủi bạn

- Anh xét người nghiêm khắc quá. Khi người ta đã hiểu đời người ta cần phải tha thứ nhiều hơn.

Hiền khẽ nhún vai. Giọng Lộc trở nên tha thiết:

- Thật đấy, anh Hiền ạ! Bên trong sự ngã của một con người, bao giờ cũng có một cái buồn. Cuộc đời lộng lẫy kia sao có sức quyến rũ gớm ghê. Mà Tiền thì khổ đã nhiều. Bà Ngã lại chết rồi. Ông Ngã thì làm kém đi nhưng rượu vẫn phải đầu mỗi ngày vài bữa; bây giờ có lẽ ông còn uống nhiều hơn trước. Đã thế lại còn ốm đau luôn. Dẫu sao Tiền cũng vẫn còn là một đứa trẻ thơ: không vốn liếng, không tài sản, không sức khỏe, đến cả nghề nghiệp cũng không có nốt. Một buổi chiều không cơm ngồi thở ngắn thở dài nhìn người cha rên hừ hừ ở trên giường, nó được cô Viên vẫy ra thì thầm bảo, nếu muốn sẽ giúp cho một dịp kiếm dăm đồng. Sau mấy phút ngập ngừng, nó nghe theo! Ấy thế là một kiếp người đã bắt đầu xuống dốc…..buồn lắm. Nhưng biết làm sao được? Cái nghèo nó xui nên vậy. Anh thử nghĩ mà xem. Nếu không thế, đừng nói nuôi bố, chỉ nuôi thân nó chưa chắc nổi.

Hiền chép miệng. Tiếng chép miệng rơi vào khoảng lặng. Hai tiếng thở dài tiếp nhau. Một lúc lâu như vậy. Ngọn đèn hiu hắt. Đôi bạn cúi đầu, để hồn lịm đi trong một nỗi buồn thấm thía. Hai cái bóng rất to hơi nhòa vẽ lên tường….Bỗng một tiếng ho đánh thức sự im lặng dậy. Đó là thằng bé bên

hàng xóm. Những tiếng ho rất chặt xóc lên, như xé phổi và cổ họng. Thằng bé khóc thét lên. Người mẹ cất tiếng rè rè để nựng con và luôn thể kêu trời…..

Hiền đứng dậy…..

- Tôi đi về

Lộc mỉm cười tiễn bạn:

- Ừ, thôi! Anh về nghỉ kẻo sớm mai dậy muộn. Chắc sớm mai anh phải đi làm sớm?

Hiền đã ra đến cửa. Nhưng hắn quay đầu lại. Lộc nhìn nhớn nhác:

- Anh quên gì hả. Mũ phải không?

- Không, tôi không có mũ.

Hắn ngập ngừng một chút rồi hỏi Lộc:

- Nhà Tiền ở phố nào ấy nhỉ?

- À, ở ngõ gạch gần phố Hàng Hòm ấy?

- Số mấy?

- Không có số nhưng tìm dễ lắm. Ở Hàng Hòm đi về phía bên tay trái, nhà thứ ba hay thứ bốn…..Nhưng không phải nhà ngoài. Có một cái ngõ ở ngay bên cạnh. Anh đi thẳng vào nhà trong. Bao giờ anh rỗi, cứ đến đây rủ tôi đi mới.

Hiền hơi đỏ mặt, cười ngượng nghịu bảo:

- Tôi hỏi cho biết vậy, chứ đến làm quái gì!

- Đến chơi

- Chơi bời gì! Chắc người ta cũng không mong mình đến.

- Sao lại không? Tiền hỏi anh luôn đấy. Hay là anh cho biết số nhà để tôi bảo nó. Chúng tôi sẽ đến thăm anh.

Hiền xua tay.

- Đừng!..... Để bao giờ tôi đến nhà anh rồi cùng đi.

- Cũng được. Nhưng anh có định đến nhà nó thì đến ban ngày nhé. Ban ngày tiện, tối thì nó lại…..

Lộc cười để bỏ lửng câu mình nói. Hiền gật đầu:

- Tôi biết rồi!

Ở nhà Lộc ra đường, Hiền có cảm tưởng như đêm đã khuya rồi. Phố vắng tanh, dãy nhà lá đóng cửa, thấp lè tè, cái nhô ra cái thụt vào. Những mái nhà xác xơ trông tiều tụy như những cái nón rách trên gáy những người ăn mày ngồi xúm xít với nhau, ngủ gục cho đỡ lạnh. Bên kia là một bãi đất hoang vừa lấp xong. Cỏ mọc lưa thưa, những đống rác mấp mô. Những nắm giấy vứt tứ tung làm thành những chấm trắng trên màu đất sẫm. Chỗ này, chỗ kia một vài con chó chạy tung tăng. Chúng giỡn vờn nhau, hoặc lùi lũi hết đống rác này sang đống khác.

Khuya vắng quá. Hiền nghe rõ tiếng kẹt cửa ở một mái đầu phố trong. Một người đàn bà, có lẽ là bà chủ một trong những con chó chạy kia, lên tiếng gọi:

- Cún. Êu êu! Cún! Êu êu!.... Bố tiên sư chó!....

Người ấy lầm rầm chửi một lúc rồi lại "Cún, êu êu!" gọi. Tiếng một cái xích đập vào nhau kêu lạch xạch. Đêm cuối xuân hơi lạnh, Hiền cài cúc áo lại và đút tay vào túi. Hiền bỗng để ý đến những tiếng guốc nện xuống mặt đường kêu lộc cộc, rất vang, rất nhặng xị ở đầu ngoài. Một điệu ca vọng cổ, bắt chước giọng Sài Gòn, ngân lên trong một thứ tiếng khàn khàn. Lúc đến gần, Hiền nhận ra một bác thợ mặc quần đen, áo tây xanh, tay bắt chéo

lại sau lưng như bị trói, hất hàm lên để phô ra một cái cổ duỗi về đằng trước. Khỏi cái cột đèn chỗ ấy, bóng hắn ngả xuống đường mới đầu ngắn ngủn và xộc xệch, cứ mỗi bước hắn đi để lại dài ra một đoạn dài, xiên chếch về phía bên kia đường để sau cùng ghếch một đoạn lên hè và chui đầu vào bãi tối.

Một cánh cửa bỗng kêu lên đến kẹt. Mỗi cái đầu bù xù nhô ra…..

- Sinh đấy hở?

Anh chàng nghêu ngao đứng lại nhìn vào chỗ cửa mới mở.

- Sinh đấy có phải không?

Cái giọng khàn khàn đổi ra màn tuồng

- Ừ, mỗ đây! Hà sự?

- Hà con khẹc! Có đánh xi thì vào đây?

- Đánh xi?

- Khe khẽ chứ! Nó nghe thấy thì bỏ bố!

- Khố! Khố! Khố!..... Ừ, mỗ đó! Hà! Hà! Hà!....

Cửa mở, ánh đèn trong nhà đỏ xọc. Mấy bóng người lố nhố. Những tiếng cười khúc khích, những tiếng nói lầm rầm, dội lên một chút như khi người ta mở vung một nồi cháo sôi lúp búp. Rồi cửa khép chặt lại, cái then gỗ kêu lóc xóc. Hiền vẫn đi lủi thủi. Tiếng con trùng văng vẳng, đều đều, thảm đạm. Rồi tiếng một người đàn bà khóc và hờ cha, hờ mẹ, hờ trời ti tỉ….Người đàn ông chửi tục qua hai hàm răng nghiến chặt!... Y có vẻ ray nỗi bực tức cố nén mà không được…..Hiền nơm nớp sợ. Hắn bước vội để chóng qua chỗ ấy. Hắn tưởng như sắp phải nghe người chồng đập phá, nhảy chồm lên vợ, đấm bình bịch vào gáy vợ và người vợ tru tréo gọi đội xếp, kêu hàng phố….Chao ôi! Quen thuộc quá! Cả một cuộc đời ngoại ô khi giờ yên nghỉ tới. Nỗi khổ cực chưa chịu ngủ. Nó nhảy nhót, nó quằn

quại, nó rên rỉ, nó nghiến ngấu, một lần chót, như một con bệnh vật vã chán, cho đến lúc không còn hơi sức mới chịu nằm yên mà thiếp đi. Hiền thấy cảnh ấy hằng ngày. Hắn sống trong cảnh ấy. Nhưng chưa bao giờ hắn nhìn rõ vẻ thê thảm của nó bằng đêm nay. Người ta có thể khổ sở đến thế ư? Lầm than đến thế ư? Và hắn dần dần thấy một nỗi chán nản mông mênh xâm chiếm lòng mình. Chân hắn bước nặng nề hơn, đôi vai trĩu xuống. Người rời rã…hắn nghĩ đến nơi hắn sắp về….Đến ngày mai…..Mụ chủ nhà cay nghiệt, lắm điều, càu nhàu với người ta cả từ tí nước rửa chân….Lão cai mặt rỗ cau có và thô tục…Ruột gan hắn cồn cào như sắp buồn nôn. Và hắn đột nhiên như có cái ý muốn được lăn ra đấy, chết như một con chó đói……

Nhưng mà hắn vẫn đi. Khỏi đường goòng hắn rẽ vào một phố to. Qua trước cửa một cái chợ vắng tanh, đường đã lác đác có người. Và đi một quãng nữa cảnh thay đổi hẳn. Đèn sáng choang. Đường tấp nập những người. Các cửa hàng còn mở cả. Ồ, thì ra vẫn còn sớm lắm, Hiền nhìn giờ trong tủ kính một hiệu đồng hồ chín giờ kém mười lăm. Phố đang vui. Từng cặp: trai âu phục rất sang, gái óng ánh bạc vàng và lộng lẫy trong nhung lụa, lũ lượt đi đến các rạp hát, rạp chớp bóng, tiệm ăn, tiệm nhảy….Hiền nghĩ đến Tiền. Tiền chắc cũng sang trọng như các cô kia. Hiến ngó trộm cái cổ trắng ngần có đeo kiềng vàng của một thiếu phụ đi trước mặt và thầm ước mình cũng giầu, cũng có học (hắn đoán thế), cũng diện sang như thiếu niên đi bên cạnh nàng. Hắn ngắm nghía từ cái đầu rất mượt đến cái gót giày rất bóng của y và hít một mùi nước hoa thoang thoảng cùng với mùi thuốc lá thơm tạt lại. Hắn giả vờ quệt mũi để ngửi cái ống tay áo của mình. Nó hôi hôi. Đôi chân hắn đang bước rảo, bỗng thẫn thờ. Hắn muốn quay trở lại. Và như thế là hắn đã tự thú với hắn cái ý định sâu kín từ nãy đến giờ giấu giếm: đến nhà Tiền. Bởi vì hắn đang đi thẳng về mạn phố Hàng Hòm. Nếu hắn định về nhà, thì đã phải rẽ ngang về phía ngã tư vừa mới hỏi…..

"Đến làm cóc gì cho mệt xác". Hắn tự bảo thầm như vậy. Nhưng hắn vẫn không chịu quay lại. Có điều những bước chân kém vui hơn. Chúng có vẻ vừa bước vừa suy nghĩ. Càng gần đến ngã tư Hàng Hòm, chúng càng chậm chạp hơn. Chúng lò dò. Đến đầu phố, chúng trở nên do dự. Hiền đứng lại, hắn bị một bàn tay đẩy mạnh:

- Bú dù!....

Hắn vội vàng tránh ra một bên rồi ngoái cổ nhìn. Đó là hai người mặc áo tây, cao lớn đi đóng đôi, bước nghênh ngang. Người đi trong quắc mắt nhìn xuống hắn. Hắn vội ngoắt về tay trái. Việc bất thình lình ấy khiến hắn vừa tức, vừa thẹn lại vừa sợ nữa. Lòng hắn xôn xao trong một lúc. Khi bình tĩnh lại, hắn đã tới lối vào ngõ Gạch. Vào hay không vào? Tim hắn bắt đầu đập mạnh. Nhưng sợ một cái đẩy tương tự như lúc nãy, hắn không dám ngần ngừ lâu quá. Hắn tắc lưỡi một cái để tỏ mình đã quyết…..Vào! Thì cứ vào một tí! Có hề gì sự ấy! Hắn muốn biết chỗ Tiền ở như thế nào.

Mới kịp nghĩ thế, hắn đã thấy cái nhà Lộc nói. Quả nhiên là dễ nhận, chắc là cái lối đi rất hẹp này. Hắn liếc mắt nhìn vào. Tối như hang. Mấy nhà ở liền bên đều đóng cửa. Như vậy tiện….hắn nghĩ thế. Nhưng chân vẫn bước.

Hắn trở đi trở lại hai ba lượt, lòng băn khoăn nghĩ ngợi. Cứ như Lộc nói thì Tiền chưa quên bạn cũ. Tiền lại muốn gặp Hiền. Vậy thì hắn đến thăm Tiền, chẳng có gì là lạ. Có lẽ Tiền sẽ vồn vã lắm. Nhưng nếu Lộc bịa đặt ra thế để cho Hiền đỡ tủi! À, thì cũng chẳng sao, Tiền sẽ hững hờ. Đôi bên trao đổi một vài câu chiếu lệ. Rồi hắn ra. Có sao đâu? Như thế hắn cũng được trông thấy Tiền xem bây giờ mặt mũi nó thế nào? Được biết thiên hạ có xoàng không? – Nếu thiên hạ xoàng tất sẽ lên mặt và lờ tịt hắn. Hắn nghèo thật nhưng có đến nhà nó ăn mày đâu? Có là chỗ bạn bè xưa, hắn mới đến hỏi thăm, có phải nhờ vả gì đâu mà sợ nhục? – Nhưng nếu Tiền quên hắn? Nếu Tiền nhìn hắn từ đầu đến chân mà hỏi hắn: Đi đâu? À, thì có khó gì. Hắn sẽ bảo: tôi tưởng đây là nhà bác…… - Bác gì chẳng được? – Bác cai Vinh chẳng hạn, nhưng không phải! Không phải thì hắn ra! Ai bỏ tù mà sợ? Được rồi! Cứ vào phắt đi…..Hắn quả quyết đi lộn lại. Một người đàn bà mặc áo len đang đứng ngoài cửa ngõ nhìn ngơ ngác. Y muốn tìm một hàng gì ăn hẳn?..... Hiền đứng lại….

- Gì thế bác?

- Tôi muốn hỏi cô….Cô Tiền!....

- Tôi? (Y nâng cặp lông mày nhỏ tấp cao lên một chút cười chế nhạo). Bác thử nhìn kỹ xem?

Hiền ngượng nghịu và trở nên ấp úng

- Không ạ!..... Tôi muốn hỏi cô trong này; cô ấy có nhà không ạ?

- À! Ấy tôi cũng không rõ, có lẽ cô ấy đi rồi thì phải. Bác vào xem.

Y tránh lối, Hiền cúi mặt đi vào. Tai hắn ù ù như vừa bị một cú đấm vào thái dương. Hắn bị một người húc phải…..

- Ai thế?

Hắn bối rối chưa kịp đáp. Hơi rượu sặc sụa phả vào mặt hắn. Ông Ngã! Hiền để tuột ra một tiếng run run.

- Ông!

Hắn chực lùi ra để nhường lối cho ông và để nói chuyện với ông ở ngoài cửa rồi hãy vào nhà thì tiện hơn. Nhưng thấy hắn quay ra, ông bỗng sinh ngờ vực….

- Ai hỏi gì đấy?

Người đàn bà ngoài cửa lanh chanh đáp hộ

- Bác ấy hỏi tiền nong gì chả biết. Tôi bảo bác ấy vào hỏi cô ấy nhà cụ xem.

Ông Ngã hấc mặt lên nhìn hắn……

- À, bác là bác thợ giặt phải không? Ái chà!

Hiền toan nói nhưng ông nói lấp đi:

- Sao hôm nay bác mau mắn thế?

- Không ạ!....

Ông nhất định không cho hắn nói. Ông quát lớn:

- Không, không cái gì? Quần áo của người ta, bác giam hãm hàng tuần. Hỏi bác thì bác bảo bác còn nấu ư, còn giặt ư! Còn phơi ư! Còn là ư!.... Mấy mười hôm không thấy mặt bác đâu. Thế mà đến lúc lấy tiền thì bác mau mắn lắm. Tôi bảo thật cho bác biết: Tiền chưa có! Tôi còn tiêu…..đi ra! …..Đi ra!....

- Không ạ, con đến….

- Đến làm gì cũng phải để ban ngày ban mặt. Bây giờ là giờ ngủ. Bác phải biết: Tây người ta coi trọng giờ ngủ lắm. Bây giờ tôi còn phải ngủ…..

Ông đẩy Hiền ra tận cửa. Hiền nói không lại, chỉ cười ngượng nghịu. Người đàn bà ngoài cửa cũng cười. Y vừa bấm Hiền vừa bảo;

- Ông ta say đấy! Bác để mai sẽ tính…..

Ông Ngã xua tay bảo:

- Không ạ! Không phải thế! Tôi say thì say thật, nhưng vẫn tỉnh. Bà phải biết…..

- Vâng, thì tôi biết…..Ông vẫn tỉnh!

- Chứ không à! Bà phải biết: giờ này là giờ ngủ, không ai có phép đòi công nợ. Anh ấy làm thợ giặt chứ làm vương tướng gì! Mẹ kiếp! Này tôi bảo thật cho nhà anh biết: anh có là ông Tiết Đinh Sơn đi đánh đông dẹp bắc thì anh cũng không vào nổi nhà tôi lúc này.

Ông cười sằng sặc, vỗ vào vai người đàn bà….

- Ờ này bà ạ! Cái ông Tiết Đinh Sơn có còn sống đến tận giờ thì cũng bỏ mẹ với cái con Phàn Lê Hoa!..... bà đã được nghe chuyện con Phàn Lê Hoa chưa?

Người đàn bà bĩu môi, lắc đầu ra hiệu với Hiền đứng sau ông. Hiền cũng lắc đầu cười. Ông Ngã vẫn gò người lại cười sằng sặc….

- Bà ta được nghe rồi ạ!

- Vâng nghe rồi!

- Buồn cười quá nhỉ? Bà có biết cái thằng vác cuốc không? Úi giời ơi!....

Ông phải vịn vào tường để cười. Ông cười ngặt nghẽo, cười rũ rượi, vừa cười vừa ho, và sặc, một tay ôm bụng, một tay chúc xuống. Hiền đứng nép vào một chỗ định đợi hết cơn cười của ông để nói. Nhưng bỗng một cái xe hạ xuống. Một người quần áo tây sang trọng nện giầy cồm cộp, bước vào. Y dừng lại để bật diêm châm điếu xì gà. Ánh lửa giúp Hiền nhìn thấy đôi mắt trắng dã và đôi môi dầy trẩu ra. Người đàn bà đập mạnh vào vai ông Ngã. Tiếng cười ngừng bặt. Ông ngẩng mặt nhìn người mới tới và bỗng cuống quýt chắp hai tay lại.

- Lạy quan ạ!

Người kia khẽ gật đầu, và ghé tai ông nói gì rất nhỏ. Ông vội tránh ra một bên, khúm núm…….

- Bẩm quan, có ạ!

- Không ai đấy chứ?

- Bẩm quan, không ạ!

- Vào được chứ?

- Bẩm quan, được ạ! Xin rước quan vào….bẩm quan đây lối này.

Y vào ngõ. Ông Ngã lom khom bước theo sau. Hiền cắn mạnh môi một cái. Một cảm giác rất mạnh xông lên óc hắn. Người đàn bà cũng theo ông Ngã vào rồi. Hiền đứng lại một mình. Hắn nắm chặt hai tay. Hắn muốn có thể đấm một cái, làm bẹp dí cái nhà gạch xuống….

Nỗi tức giận chỉ thoáng qua. Hiền nhận thấy mình vẻ lố lăng. Nghe có tiếng chân mỏi mệt trong ngõ đi ra, hắn vội vàng chạy trốn.

*****

Đi đến gần nhà Lộc, Hiền nghe thấy tiếng Lộc đang cười cười nói nói. Hiến đứng lại. Hắn không muốn vào nhà Lộc nữa. Chắc là Lộc đang có khách. Người khách ấy có thể là một người sang trọng: vào làm chi cho Lộc ngượng……Nhưng hắn chợt nghe thấy tiếng cười trong và tiếng của một người con gái. Một tia vui bật lên trong lòng hắn…..

- Có lẽ Tiền!....

Nhưng nỗi vui chỉ lóe lên như một tia chớp rồi vụt tắt. Mặt Hiền sầm ngay lại. Bởi vì nếu quả thật Tiền đang ở trong nhà Lộc thì chính đó là một cớ để Hiền không vào. Sau cái buổi tối hôm nào, Hiền tỉnh ngộ ngay và tự cho mình là một thằng điên. Gặp Tiền để làm gì? Tiền bây giờ với Tiền ngày xưa khác nhau xa. Và cũng khác nhau như vậy, cái địa vị hiện tại của Tiền và của hắn. Tiền chỉ là một gái đĩ mặc lòng, nhưng thị kiếm trong một vài đêm số tiền ngang với số lương của hắn trong cả một tháng dài. Thị mặc quần lụa non, đi bít tất tơ và xức nước hoa. Thị là nhân tình của những ông Phán, ông Tham, những công tử nhà giàu. Thị có quyền quên. Nếu thị còn đến chơi với Lộc, là vì Lộc nhờ tài riêng đã mon men được vào cái thế giới thượng lưu. Còn hắn có gì đâu? Giá hắn không may mắn, có người xin giùm cho công việc mà làm, thì rất có thể một ngày kia hắn đến gập cửa nhà thị để xin vào làm thằng nhỏ. Gặp nhau làm gì thế cho thêm ngượng. Hiền nghĩ thế và toan đi. Nhưng sự tò mò bắt hắn vào – sự tò mò hay là một lẽ sâu kín nào mà chính Hiền cũng không biết rõ. Hắn ngoắt vào gõ cửa. Lộc thân hành ra mở…..

- À! Anh Hiền. Vào đây…..

Tiền cũng chạy ra:

- Chào ông thợ giặt! Ông đã đem quần áo cho tôi đấy hở?

- Tiền nói xong vỗ vào vai Hiền cười rũ rượi. Hiền đỏ mặt. Quái lạ! Chắc bộ dạng hắn có gì giống với lão thợ giặt vẫn giặt quần áo cho Tiền lắm. Nhưng Lộc bảo:

- Tôi vừa nói lại với Tiền câu chuyện anh kể với tôi hôm nọ. Chúng tôi vừa cười đau cả ruột.

- À, thế đấy!.... Phải, chính Hiền hôm nọ đã kể với Lộc chuyện mình bị ông Ngã lầm là thợ giặt. Hắn chỉ trừ đoạn cuối, và cố ý bắt Lộc phải hiểu rằng: hắn tình cờ đi qua đây, chứ không định đến. Và bởi chợt nhớ ra lời Lộc dặn, nên tạt vào ngõ Gạch để xem chỗ ở của Tiền một tí. Nhưng Lộc ranh mãnh quá! Hắn đã mỉm cười mà bảo:

- Vâng, tôi biết rồi!..... Anh tình cờ đi qua thì tạt vào một tý, chứ còn có định đến thăm làm gì đâu!

Hiền định cãi lại câu mai mỉa ấy, nhưng Lộc nói lấp đi không cho cãi. Rồi Lộc hằn học bảo:

- Tôi ghét anh quá, anh Hiền ạ! Việc gì phải giấu? Nếu anh thấy yêu Tiền thì cứ nói thẳng thắn là anh yêu Tiền.

- Ấy chết!.... Ai đâu dám

- Anh khờ lắm! Ai cấm anh yêu được?

- Tiền nó cấm…..đồng tiền và cả cô Tiền nữa!

- Đồng tiền thì có lẽ, nhưng cô Tiền thì không. Tôi biết: Tiền vẫn còn yêu anh.

Khi nghe Lộc nói câu ấy, Hiền đã nghĩ bụng: Lộc định giễu mình chơi đây….Bởi vì cái kỉ niệm buổi tối bị ông Ngã đuổi hãy còn nổi bật trong trí hắn. Và làm hắn ghét Tiền hết sức. Nhưng bây giờ…..

- Giá gặp ngoài phố, chắc tôi không biết…..

- Tại sao?

- Trông lạ quá!

Tiền cũng nhìn Hiền mà bảo:

- Anh cũng vậy, trông khác lắm.

- Tôi thì đã đành. Tôi khổ lắm!

Tiền tặc lưỡi

- Thì ai mà chẳng khổ? Các anh bảo: tôi sung sướng gì? Tôi thề với các anh rằng: thật có lúc tôi muốn đi làm phu hồ hay đi bán cháo như mẹ tôi ngày trước.

- Thế thì có khó gì đâu? Có điều….cô sợ vôi ăn chân hay nắng ăn da, rồi da nó đen đi thì chết….

- Nào có phải là tôi sợ! Khốn nỗi nó trót đi rồi. Mình vẫn nghĩ rằng mình đang kiếm được hàng chục mà vẫn thiếu tiền, bây giờ đi làm bở hơi tai suốt cả ngày được vài hào thì chán quá!

- Ấy thế mà còn kêu là khổ?

- Khổ thì đã đành là khổ. Có ở trong nghề mới biết…..

Hiền toan nói nữa; hắn thấy lòng hậm hực; cần phải thốt ra những lời thật chua cay. Nhưng Lộc từ nãy đến giờ vẫn im lặng, bỗng đứng lên:

- Thôi! Nói làm gì nữa! Làm gì mà chẳng rõ? Hiền này! Anh thì bán sức làm việc của anh đi để lấy tiền ăn. Tôi thì tôi bán chiếc óc của tôi để sống, còn Tiền không thể bán óc hay bán sức chân tay, thì bán những cái vuốt ve, bán tuổi xuân của mình cho thiên hạ để không chết đói. Rút cục lại thì. Úm ba la! Ba chúng ta cùng khổ cả!

Cả ba cùng cười. Cười xong, Tiền phải rút khăn tay ra lau nước mắt. Thị lại trở nên đứng đắn:

- Nhưng xét cho kỹ thì tôi khổ nhất. Bởi vì cái nghề của tôi, ai đã trót sa vào, khó mà thoát ra được nữa.

Hiền lại thấy cần phải nói:

- Sao không được? Thiếu gì những thằng chết mê chết mệt. Lấy quách một thằng là xong chuyện.

Tiền lắc đầu bảo:

- Nói thì dễ đấy. Nhưng thật ra khó lắm. Một gái làng chơi không bao giờ có người yêu; chỉ có người thèm; họ thèm mà họ được rồi thì họ chán. Ấy là chưa kể đến những nỗi ghen tiếng ấy. Khi người chồng nghĩ rằng: vợ mình đã biết. Cách đây mấy tháng đã có một lão nhà giàu góa vợ muốn lấy tôi. Y hứa cấp dưỡng cho cả ông cụ; tôi muốn yên thân nên lấy vậy. Nào ngờ mới có được hơn hai tháng đã lại theo phét trở về lối cũ.

- Sao thế?

Lộc cười khanh khách, đáp hộ Tiền:

- Bởi vì lão già ghen quá! Nhốt vợ cả ngày không cho ra khỏi cửa mà đêm nào lão cũng nghiến răng ken két: "Tiền không yêu tôi! Tiền nghĩ đến những thằng đâu đâu!... ". Rồi lão cào nát cả mặt Tiền ra để cho Tiền xấu đi…..

Tiền nhìn Hiền bảo:

- Đấy, anh xem. Khó lắm!

Mắt thị đờ ra một chút như mệt mỏi. Rồi thì bỗng ngẩng mặt lên, tặc lưỡi:

- Nhưng cóc sợ! Khó gì chứ khó như thế nào nữa cũng có ngày tôi thoát. Tôi không có chịu…..Miễn là cho nó xong đời ông cụ. Đến đời tôi thì dễ lắm. Tôi sẽ đi bán kẹo, tôi sẽ lấy thằng kéo xe. Miễn là hắn không biết tôi đã….chơi bời.

Câu nói của Tiền rơi vào khoảng lặng. Trong một phút cả ba cùng nghĩ ngợi. Rồi Hiền bảo, giọng run run vì cảm động.

- Nhưng nếu có người biết, nhưng lại không e ngại gì sự ấy mà rất yên Tiền, nhưng chỉ phải cái tội nghèo quá thôi. Thì Tiền nghĩ sao?

Tiền đỏ mặt. Lộc cười khanh khách, tranh nói, không để Tiền kịp nói:

- Thì Tiền sẽ lấy, chẳng còn phải nghĩ ngợi lôi thôi gì nữa. Anh Hiền ạ! Anh cố đợi Tiền đi thôi! Úp mở làm gì? Tôi cứ trả lời toạc móng heo giùm Tiền đấy!

- Dơ quá! Ai mượn nhỉ!

Tiền quắc mắt nhìn Lộc đang lăn ra giường cười rú lên. Mặt Tiền đỏ ửng. Mắt Tiền óng ánh. Thị ném cho Hiền một cái nhìn đầy âu yếm. Lòng Hiền bừng sáng lên.

*****

- Uống đi! Uống tợn đi! Anh Hiền ạ!....

- Vâng, mời cụ

- Thì uống đi! Sao lại cứ ngồi mãi thế? Uống xong chúng mình còn phải sang bên kia đánh vào hội chắn. Tội cóc gì không chơi, phải không anh?

- Vâng ạ! Thưa cụ, phương ngôn người ta bảo: "Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng già"

- Ừ, ừ, ừ, anh nói phải. Mẹ đếch! Làm cái thằng con trai mà bạc không biết đánh, rượu không biết uống thì làm con chó mực. Anh ạ, tôi nghĩ tôi thương cái thằng Tiết Đinh Sơn quá

Ông Ngã nói xong, bẹp mồm ra, gườm gườm nhìn vào tận mặt Hiền. Hiền cố nín cười, gật gù bảo:

- Vâng, con cũng thương thằng Tiết Đinh Sơn quá.

Ông Ngã trợn mắt lên:

- Chứ không! Nó dại hơn lơ siêng là con khuyển An Nam ạ! Này nhé: nó không đánh bạc, không uống rượu, chỉ thích giết người ta. Giết người ta thì oan hồn người ta lại không oán cho đến tam đại à?

- Bẩm vâng!

Cái mặt ông Ngã đang lừ đừ bỗng co rúm lại. Ông cười rũ rượu, vừa cười vừa ho sù sụ. Hiền mỉm cười đưa mắt nhìn Tiền đang ngồi khâu áo. Tiền hơi bĩu môi ra và lắc đầu ra ý bực bội, chán nản vì cái tính lè bè của ông bố lắm. Hiền biết ý, đặt tay lên đùi ông Ngã bảo:

- Mời cụ xơi đi, cụ ạ. Ta uống mau lên một tí để còn đi tìm bàn chắn chứ!

- Phải! Phải!....

Ông gật đầu lia lịa. Rồi làm như một người sực nhớ ra một việc gì cần cấp lắm, ông vơ mải lấy cái chén tống rượu đưa lên uống như nước, vừa uống vừa vẫy tay ra hiệu cho Hiền uống. Muốn cho ông uống chóng, Hiền cũng nâng chén của mình đặt lên môi. Nhưng hắn chỉ giả vờ uống thôi, chứ thực ra thì chén cạn.

Ít lâu nay, chẳng ngày nghỉ nào, Hiền không xách một chai rượu với một nhúm lạc rang đến nhà Tiền. Hôm nào hoang thì hắn thay lạc rang bằng một con cá mực khô. Cũng có hôm không có lạc, không có mực, hắn chỉ mang đến một bắp ngô nướng mua của con bé ngồi ở chỗ cột đèn đầu phố hắn. Chỉ có cái, số rượu thì không bao giờ thay đổi: bao giờ cũng phải một chai bố đầy đến miệng. Nào có phải hắn bỗng sinh ra rượu chè đâu. Mục đích hắn chỉ muốn có thể ngồi với Tiền trọn buổi. Chút quà mọn ấy, cốt là để làm vừa lòng ông Ngã. Hiền bảo ông: "Uống rượu một mình thì chán lắm, phải ngồi uống với người biết uống thì mới thú…". Ông Ngã có tin hay không tin thì chả biết. Chỉ biết ông hoan nghênh cái ý của Hiền lắm lắm. Và lần nào ông cũng sẵn lòng ngồi uống với Hiền cả chai rồi mới thôi. Xong bữa rượu, nếu ông say quá thì lăn ra ngủ, nếu ông còn có thể đi vững được, thì ông đi đánh chắn hay đến nhà mấy người quen để nói ba hoa. Đằng nào thì Hiền cũng được trò chuyện tự do với Tiền….

Đã thành lệ thế rồi. Ngày nghỉ nào mà Hiền không được đến nhà Tiền thì hắn khổ vô cùng. Hiền bực bội, băn khoăn như thiếu thốn cái gì. Bao nhiêu những ý nghĩ đen tối ở đâu lại kéo đến. Đời hắn nản, bố hắn là một thằng kẻ cướp, mẹ hắn chửa hoang; hắn vất vả suốt đời; lão cai rỗ mặt, mụ chủ nhà ác nghiệt và thô lỗ, thiên hạ đểu…..Chao ôi! ….Còn gì nữa? Hiền trở nên bẳn gắt và có thể gây sự với bất cứ ai ở chung với hắn. Lúc ấy thì dẫu có phải văng tục với con mụ chủ đòi tiền cơm, tiền rượu, tiền lãi nợ, hắn cũng văng vào mặt ngay. Cãi nhau thì cãi nhau, cần gì….?

Cái sự đi lại với Tiền, đối với hắn đã đến cái độ không có không chịu được. Không phải hắn mong gì lấy Tiền đâu. Cái đó vô lý quá. Hắn không thể tin một ngày kia, Tiền có thể cởi bỏ những cái áo tân thời sặc sỡ, những cái quần lụa trơn màu và trắng nõn, những cái áo lót có đăng ten để mặc một cái quần trông dầy cộm cộp như mo với một cái áo cánh nâu để đi đẩy xe bò cát hay để bán kẹo. Hắn chỉ có thể ước hắn giàu lên để có thể bao Tiền. Nhưng điều ước ấy lại càng vô lý nữa. Hắn có đời nào giàu được, nếu không trúng số mười vạn đồng chẳng hạn. Nhưng hắn có mua số đâu mà đòi trúng/ Bao nhiêu lần mấy người anh em trong sở rủ chung năm người một số, mà chẳng lần nào hắn dám bỏ dù chỉ hai hào để chung…..

Không, không, hắn chẳng hề mơ ước lấy Tiền đâu. Hắn chỉ cần thỉnh thoảng được trông thấy mặt Tiền, được sống một vài giờ ở cạnh Tiền. Đời hắn quá buồn rồi. Hắn thèm chất tình yêu, Tiền đem lại cho đời hắn chút nước trong và bóng mát…..Tiền biết vậy, Tiền lại biết hắn khổ sở vì số quà mọn vẫn đem cho ông Ngã. Tiền phải bảo:

- Anh muốn đến chơi thì cứ đến, tôi không đuổi anh thì ông cụ cũng không đuổi được. Can gì cứ phải nay rượu, mai rượu thế? Tôi có thể kiếm đủ rượu cho ông cụ uống. Anh làm được mấy tí tiền mà phao phí vậy?

- Phao phí quái gì! Có tốn là bao? Tôi cũng muốn có chén rượu để ông con cùng uống cho vui một tý.

- Vui vẻ gì! Ông cụ uống rượu vào, nói nhảm, tôi bực lắm. Chính vì thế mà tôi không mua nhiều cho ông cụ uống, chứ có phải tôi tiếc tiền đâu? Bận sau đừng mua nữa mà tôi giận

Hiền ừ hữ cho qua. Bận sau hắn lại mang rượu đến. Chỉ vì không có rượu thì không được vừa lòng ông Ngã. Cố nhiên là ông không đuổi hắn. Nhưng ông thờ ơ hay cau có. Ông văng tục. Ông lảu cảu với con ông những chuyện đâu đâu. Có khi hai bố con quát tháo nhau. Hiền vui sao được?..... Cùng bất đắc dĩ, Tiền phải bảo Hiền:

- Đã vậy, từ giờ anh cứ đến người không, tôi sẽ mua rượu nữa, để đến lúc anh đến thì ông con cùng uống.

Hiền không chịu. Trước mắt người đàn bà, người đàn ông nào mà chẳng nhiều tự ái? Hiền bảo: cố nhiên là Tiền chẳng nghèo gì mấy đồng hào, để Tiền mua rượu thì cũng được, nhưng không thích lắm: ông cụ có thèm rượu đâu? Ông chỉ thèm chút lòng thành của Hiền thôi; vả lại cũng chẳng có gì tốn kém…….Chẳng có gì tốn kém! Chao ôi! Tiền có lạ gì! Sự thực thì Hiền sinh công nợ vì những số tiền mua rượu ấy. Tiền rất thương hại Hiền.

Rượu xong, ông Ngã vẫn ngồi lè nhè nói với Hiền. Hiền nghe đã chán tai nên sự khó chịu hiện ra ngoài mặt. Tiền trông thấy. Thị đứng lên mở hòm lấy một đồng bạc đưa cho bố:

- Này, tiền đây, ông đi đánh chắn thì đi đi, ngồi nói mãi con váng đầu không chịu được.

Ông Ngã nhoẻn miệng cười:

- À! Thú nhỉ, thế thì thật không cái gì bằng con gái….bao nhiêu đấy?

- Một đồng

Ông ngoẹo cổ, làm nũng như một đứa trẻ con.

- Một đồng thì đánh làm sao được, hở con! Cho cậu thêm đồng nữa.

- Hết rồi!

- Hết là hết thế nào, cứ đưa đây!

- Này thì đưa!.... Rồi mà nhịn!

Thị gắt gỏng quẳng cho ông đồng nữa. Ông nhặt vội lấy cười nức nở. Rồi ông lè nhè bảo:

- Mày phải biết: cậu đã không đánh thì thôi, đánh thì phải góp một đồng là ít nhất. Mắc cái mình chơi toàn với những tay sộp cả. Vả lại, chả gì thì tao cũng phải giữ tiếng cho mày. Mẹ cá! Bà đốc, bà tham đến tay lúc nào không biết đấy!

Tiền không còn nín được nữa. Thị cau mặt gắt:

- Gớm nữa! Thôi đi!..... Nói lôi thôi mãi, ai chị được?

Ông cười gượng bước loạng choạng lại chỗ Hiền.

- Nào đi! Anh Hiền

- Vâng mời cụ đi trước ạ!

- Trước sau gì? Cứ đi!

- Vâng ạ!

Hiền đáp lại nhưng vẫn không nhúc nhích.

Tiền lại gắt.

- Ông cứ đi đi! Anh ấy không có tiền.

- Sao lại không có tiền?

- Mua rượu cho ông hết rồi chứ sao.

- Thì con đưa anh ấy giật tạm vài đồng vậy.

- Không còn!

- Cậu nhận mà! Anh ấy không trả thì cậu trả. Tiền gắt.

- Quá lắm!... thì mặc kệ anh ấy, thì việc gì đến ông, ông có đi không tôi đốt nhà lên bây giờ!

- Ừ, thì đi!

Ông lệt sệt kéo đôi giày nam đi. Hiền cười bảo:

- Ông cụ say lắm đấy!

- Ai bảo anh cứ mua cho ông ấy uống đẫy vào

- Có hề gì, càng vui!

- Vui.

Tiền bĩu môi ra lườm Hiền. Cái lườm thân mật quá. Hiền thấy một cảm giác ấm nóng lan ra từng thớ thịt. Hắn cười lặng lẽ. Tiền cũng cười và hỏi đùa hắn.

- Anh cho là vui lắm, thì cứ rước ông ấy về nhà mua rượu, cho ông ấy uống. Uống xong lại đưa cho vài đồng đi đánh bạc nữa nào. Anh liệu xem lương của anh có đủ cho ông ấy uống rượu với đánh bạc thì tôi lấy quách anh thôi nào!

Tiền cười khanh khách, có lẽ để che đậy một ý thẹn thùng kín đáo. Bởi mặt thị hơi ửng đỏ. Hiền không đáp. Một lúc sau, thị lại nghiêm trang bảo:

- Người ta thường thấy những ông bố, những bà mẹ than thở vì con hư hỏng. Có ai chịu nghĩ rằng: không thiếu những kẻ làm con ngấm ngầm đau khổ vì bố hay mẹ không đứng đắn….

Hiền nghĩ đến hồi mẹ chửa. Hắn đã chịu bao nỗi nhục mà chính hắn không đáng chịu. Hắn vụt nhớ đến một câu Tiền bảo hắn vào dịp ấy….Hắn cười buồn, thong thả bảo Tiền:

- Tiền có biết tại sao bây giờ chúng ta không lấy được nhau không?

Hắn ngừng lại, đợi cho Tiền ngẫm nghĩ. Tiền chép miệng:

- Nếu mợ Tiền chưa chết.

Hiền vội lắc đầu.

- Không phải….nếu mợ Tiền chưa chết cũng chưa vị tất…..Chúng mình không lấy được nhau, chính tại Tiền nói quải. Tiền có nhớ hồi ấy Tiền bảo Hiền: "Hiền ơi! Tao không lấy mày nữa đâu!"

- Bao giờ nhỉ?

- Ngày ấy….Tiền bảo: "Mợ tao bảo đấy…" ấy mà, Hiền trở nên ấp úng, Tiền reo lên:

- A! Tôi nhớ rồi…..Phải đấy…..

Thị cười cái vẻ ngây ngô của mình hồi ấy. Hiền đỏ mặt, nhưng Tiền không để ý. Tiền không ngờ rằng: hắn đang ân hận vì trót buột miệng nhắc lại chuyện ấy để phải gợi lại kỉ niệm này sang kỉ niệm kia. Những kỉ niệm ngộ nghĩnh khiến thị cười ngặt nghẽo.

- Giá chúng mình cứ bé mãi, ….thì thích nhỉ?....

Chưa vị tất…..Hiền nhớ lại thủa còn thơ. Một vài việc vui vui…rất nhiều ngày băn khoăn, buồn bực. Những đêm mẹ đi làm vắng. Những buổi tối Câm về muộn. Những thắc mắc sau ngày cô thầy bị giết. Và cái nhục, cái nhục đến bây giờ còn vương lại, bởi mẹ mình chửa hoang….hắn tự nhiên thở dài.

Tiền vẫn đi theo kỉ niệm

- Ngày ấy có anh cu Lộc là ghê gớm nhất nhỉ

- Ừ, anh Lộc….

- Anh có còn nhớ cái lần Lộc phá vườn của chúng mình hay không?

Tiền lại ngả đầu về sau cười khanh khách. Cái cổ trắng phô ra, gờn gợn. Hiền nhìn một cách thèm thuồng. Tiền đột nhiên ngừng bặt. Cái nhìn của thị và cái nhìn của Hiền chạm mặt nhau. Hiền bẽn lẽn nhưng thị hỏi:

- Cái gì?

- Gì đâu?

- Đấy ai quát tháo?..... Không khéo thì ông cụ….

Quả nhiên là ông Ngã. Cái thứ tiếng rền rền méo mó ấy chính là tiếng ông. Tiền chạy ra.

Một lúc sau thị mới vào……

- Gì thế?

Thị tủm tỉm cười.

- Thằng Đạc.

- Đạc.

- Ừ. Đạc con bà Hai Mợn ấy mà!.... Cái thằng ngày xưa vẫn làm con chúng mình….

- Tôi biết rồi. Làm sao?

- Ông cụ vừa túm lấy nó, toan làm dữ.

- Sao thế?

- Ông ấy say chứ sao. Đầu đuôi thì anh cu Đạc hồi mới đậu bằng thành chung có gặp tôi, hồi ấy tôi quen một người có nhiều thế lực. Đạc nhờ tôi chạy cho đi làm; tôi nghĩ, mình là chỗ quen biết cũ nên nói với người ta xin hộ. Mình chẳng mất gì, chỉ mất cái lời nói, nhưng cũng định giúp hắn thôi, chứ chả có ý gì. Nhưng nghe đâu cu cậu lại ton hót gì với ông hũ giột nhà tôi, hứa với ông cụ rằng: nếu được đi làm, sẽ cưới tôi làm vợ. Được đi làm

rồi, anh chàng mất mặt. Lớ ngớ thế nào hôm nay lại dắt vợ qua đây. Ông cụ vừa ở đám chắn ra (ý chừng đã nướng hết cả hai đồng rồi) trông thấy, ấy thế là ông cụ xông lại, nắm lấy áo hắn, sừng sổ hỏi: "Sao con gái tao bỏ tiền ra chạy việc cho mày, mà mày bỏ nó đi lấy con đĩ nào đây? Mày không lấy con tao, thì cái số tiền chạy việc mày liệu với tao thế nào?". Rồi ông cụ làm ngậu xị. Cả vợ lẫn chồng phải một phen ê mặt quá!....

Hiền lắc đầu cười, Tiền cũng cười rồi tiếp:

- Ông cụ say nên làm ngang quá! Nó lù đù đấy, chứ thằng khác thì bỏ đời với nó: nó hãy đá cho mấy cái rồi lôi lên bót….

- Nhưng nó biết là nó bạc….

- Bạc quái gì! Dẫu ai cũng phải xử như nó xử. Có thằng nào dại, mình có địa vị hẳn hoi, có thể lấy vợ con nhà tử tế được mà lại không lấy, đâm đầu lấy một gái làng chơi? Mang tiếng chứ!.....

- Nhờ người ta thì được, mà lấy người ta thì lại sợ mang tiếng?

- Lẽ đời như vậy. Đừng nói gì tôi. Chính cô Viên là chị ruột thằng Đạc nhé. Thế mà sau khi nó cưới cô vợ rồi, nó cấm cửa không dám cho cô ấy đến nhà. Chỉ vì cô ấy đã……như tôi.

Ngừng một chút Tiền lại bảo:

- Bây giờ cô ả hết duyên rồi, khổ lắm. Đạc kiếm ăn được đấy, nhưng ghét cái tiếng đĩ, nhất định không thí bỏ. Thị ngẩn mặt ra một lúc, rồi bỗng nhiên thở dài…..

*****

Hiền ra đến cổng sở thì đèn đã bật. Chiều nay được lĩnh tiền. Các anh em lĩnh xong về hết cả rồi. Hắn cố ý ở nán lại để kèn cào, xin mấy ngày lương bị cúp nên mới ra muộn thế…..

Người canh cổng ngạc nhiên.

- Bây giờ đằng ấy mới về à?

Hắn đang bực mình nên không đáp…..

- Tớ lại tưởng đằng ấy về rồi. Hèn nào có người đứng chờ đằng ấy mãi.

Hắn nghĩ đến chị hàng bánh cuốn. Hắn còn nợ chị hai hào tám…..

- Lại con mụ toét phải không?

- Mụ toét nào?

- Nó vẫn bán bánh cuốn ở đây…..

- Không phải. Người nhà đằng ấy kia mà.

Hắn ngạc nhiên. Nghĩ ngợi một lúc, hắn hỏi người canh cổng.

- Có phải thằng cha mặc quần tây vàng, sơ mi cứt ngựa, đầu húi bốc vẫn đợi tôi mọi chiều không?

- Không! Đàn bà kia

Hiền sực nghĩ đến Tiền. Tiền đợi hắn làm gì? Thấy hắn có vẻ băn khoăn, lão canh cổng bảo:

- Người đàn bà ấy độ bốn mươi, ăn mặc nhà quê, bịt khăn vuông, chân đi đất, cắp một cái thúng con, mà lảng vảng ở đây những từ lúc ba giờ kia đấy. Gặp ai cũng hỏi: Hiền vào trạc mười chín, hai mươi, làm nhà máy rượu…

Hiền có cảm giác như tim mình nhảy lên một cái. Hắn rối rít:

- Thế bây giờ người ta đâu rồi? Đi đã lâu chưa?

- Cũng vừa mới đi thôi. Thấy nói đến giờ rồi phải ra tàu.

- Tàu nào! Tàu thủy hay tàu hỏa? Tàu đi đâu?

- Ai biết được!..... à, mà…..mà

- Làm sao?

- Bây giờ làm quái gì còn tàu thủy? Chắc tàu hỏa đấy!

- Tôi đi ngay có kịp không?

- Chả hiểu…kìa, tránh ra!

Lão đẩy Hiền về một bên, để đứng thẳng thắn chào ông chủ đánh xe đi chơi mát. Hiền hấp tấp chạy ra ga…..Đến nhà ga, hắn thở hồng hộc như một người vừa đuổi trộm. Hắn chõ vào mặt một người khác.

- Tàu đã chạy chưa ông?

Người kia trố mắt nhìn hắn từ đầu đến chân, không đáp. Hắn biết câu hỏi của hắn có vẻ lỗ mãng, hơi ngượng nghịu, cố ôn tồn hỏi lại.

- Ông bảo giùm cháu….tàu đã chạy chưa?

Người kia cười nhạt:

- Anh hỏi thế thì ai biết lối nào mà bảo? Tàu mỗi ngày mấy chục chuyến, cái đi ngược, cái đi xuôi. Phải nói: tàu đi đâu thì người ta mới bảo giùm anh được chứ! Tàu nào? Đi về đâu?

Hiền ngẩn mặt, rồi thấy người ta lũ lượt chen chúc qua cái cửa để vào ga, hắn chạy lại gạt phứa người ta ra, xồng xộc chạy vào. Những người bị xô la ó. Người soát vé nắm lấy tóc Hiền kéo lại.

- Đi đâu?

- Thưa ông….tôi….tôi…ra…

Mỗi hơi thở hổn hển đẩy ra một tiếng. Người kia quát:

- Vé đâu?

- Không ạ, tôi không có vé

- Con tiều!

Y dúi Hiền một cái xiêu hẳn người suýt ngã. Hắn xéo phải chân một bà sang trọng, bà thét lên:

- Ái chà!.... Người với ngợm! Tiên sư bố mày!.....

Hiền choáng váng người. Mặt hắn ngơ ngác như một người mất vía. Hắn lại xông vào van lạy rối rít.

- Con lạy ông! Ông cho con ra….con không đi tàu….con tìm người nhà…

- Lấy vé!

Hắn lại ngây mặt rồi lại toan van lần nữa. Một ông mặc quần áo tây giảng cho hắn hiểu.

- Muốn đưa người nhà rồi vềkhông lên tàu phải lấy một cái vé bốn xu gọi là vé ke.

- Lấy ở đâu?

- Kia kìa.

Và ông chỉ vào một ông thư ký ngồi bên trong một cái bàn dây thép. Hiền chạy lại. Lấy được cái vé bốn xu rồi, hắn theo sau những hành khách vào sân, một cách trật tự hơn. Đến đây, hắn lại trở nên cuống quýt. Hắn nhớn nhác nhìn hết người nọ đến người kia. Biết bao nhiêu là người, kẻ dưới sân, kẻ trên tàu, biết ai là người lúc ban chiều đợi hắn? Con tàu thở xì xì. Hắn đi vòng quanh tàu rồi bước lên một toa. Hắn đi dạo từ toa nọ đến toa kia. Tàu huýt một tiếng còi. Hắn mải mốt chạy ra đầu tàu, định xuống. Mấy hành khác ra chậm vội vàng lên. Hắn tránh ra một bên nhường lối. Người sau cùng là một người đàn bà cắp thúng. Hiền giật nảy mình: hắn nắm lấy cái thúng của người kia. Bốn mắt nhìn nhau, Hiền kêu lên.

- Mợ!.....

- Hiền! Trời ơi! Hiền đấy ư?

Người đàn bà nắm chặt lấy tay Hiền. mếu máo. Hiền cũng khóc…..

- Sao con biết? Mợ….trời ơi!

Còi thét lên tiếng nữa. Mẹ Hiền cuống quýt.

- Ấy!.... Thong thả đã!.....

Những người đi tàu đứng đấy nhốn nháo

- Tàu chạy đấy! Xuống đi! Mau!

Mẹ Hiền lúng ta lúng túng. Vừa muốn đẩy con xuống, lại vừa muốn giữ con lại.

- Tàu chạy! Tàu chạy! Con xuống!..... Khéo ngã!..... Hay là…

Tàu chuyển bánh. Hiền nhảy xuống. Người mẹ rú lên như con vừa chết chẹt. Hiền lảo đảo. Khi hắn gượng lại được thì toa mẹ đứng đã vượt lên rồi. hắn trông theo cái đầu mẹ ngoái ra. Một tay thị vẫy con rối rít, một cách vô cùng thất vọng. Những toa khác diễu qua mặt Hiền lần lượt. Con tàu thở hồng hộc, phì phì. Toa cuối cùng qua. Trước mặt Hiền bấy giờ là khoảng trống. Tiếng còi ở đoàn tàu thét lên, nghe đã hơi xa một tí. Những người đi đưa chân, giả ra về. Hiền thẫn thờ bước sau cùng. Hắn bâng khuâng, không biết mình tỉnh hay mơ, phải có tiếng còi gắt gỏng của một cái ô tô đèn pha sáng chói mới làm hắn giật mình sực tỉnh.

Thấy không còn đủ sức để bước nữa, hắn thuê một cái xe:

- Ngõ Gạch, Hàng Hòm

Hắn bảo người phu xe như vậy. Bởi vì hắn thấy cần phải gặp Tiền. Có về nhà bây giờ thì cũng khó lòng mà ăn được, khó lòng mà ngủ được. Lại cả những lời day dứt của mụ chủ, đòi tiền cơm, tiền rượu…..A! Kệ đời mụ ấy! Hắn sẽ không trả một đồng nào nữa! Tối hôm nay hắn sẽ tiêu tất cả. hắn sẽ mua rượu, mua thức nhắm về để uống với ông lão. Hắn sẽ đưa cho

Tiền năm đồng bạc như những người khách chơi bời khác vẫn đưa. Thị sẽ thuộc về hắn cả đêm. Hắn sẽ gục đầu vào ngực thị mà khóc, khóc đến không còn nước mắt. Rồi sáng mai, hắn sẽ chết cứng trong tay thị…..như vậy chả hơn sao. Sống làm gì? Hắn khổ sở đã lâu rồi, nhịn nhục đã lâu rồi. Bây giờ đã đến lúc hắn phải tiêu hoang và liều lĩnh….

Hắn quát anh xe đang chạy:

- Đây! Bên trái!

Anh xe ướn người ra cố kìm xe lại, hạ càng. Hắn bước xuống trả tiền rồi xồng xộc đi vào. Vừa đến cửa, hắn đã ngừng ngay lại. Trong nhà sáng, Tiền ngồi bên cạnh một người đàn ông. Cả hai đang cúi đầu trên một tờ nhật trình mở rộng. Hiền đứng ngoài tối nhìn cảnh ấy và đột nhiên ứ nghẹn. Nước mắt hắn ứa ra, chảy thành dòng theo rìa mũi xuống môi. Hắn nấc lên một tiếng. Cặp trai gái ngẩng đầu lên….

- Ai?

Người đàn ông hơi nhíu cặp lông mày, hỏi một tiếng hánh dịch và hơi gắt gỏng. Tiền gỡ tay hắn, chạy ra. Thị sửng sốt, khẽ kêu lên một tiếng khàn khàn.

- Anh!

Hiền nắm chặt lấy tay Hiền, nức nở. Tiền hoảng sợ thị cuống quýt đẩy Hiền ra ngõ.

- Tôi lạy anh! Tôi lạy anh! Anh ra đi!

Nhưng Hiền đã không làm chủ mình được nữa. Hắn chịu để cho Tiền dun ra ngõ nhưng vẫn bíu chặt lấy hai tay thị, và cố nói qua tiếng ấm ức:

- Tiền! Tiền ơi…..Tôi khổ….Tôi khổ lắm!

- Tôi lạy anh!.... Anh cứ ra đi đã!...

- Không! Tiền ra với tôi!.... Tôi hỏi….

- Không được đâu!

- Được! Tôi không c`ần gì nữa. Ti`ền cũng vậy….Kệ!

Hi`ền toan chửi to một tiếng. Nhưng người đàn ông trong nhà đã ra cửa, gọi:

- Ê…Đi đâu thế?

Ti`ền ôm chặt lấy Hi`ền, áp môi thị vào má hắn rất nhanh. R`ồi thị bỏ hắn ra, đẩy hắn thêm cái nữa, r`ồi chạy vội vàng vào nhà. Người khách nắm lấy tai thị, kéo vênh mặt thị lên, nhìn hỗn xược vào đôi mắt trong veo, hỏi:

- Đi đâu thế, hở? Có muốn không?

- Muốn gì?

Hi`ền nghe tiếng một cái ghế bị xô, chân ghế cọ vào th`êm gạch thành tiếng rít. R`ồi tiếng Ti`ền cười rú lên như bị cù. Như điên dại, hắn lao mình ra khỏi ngõ, cắm đ`ầu bước những bước dài và nhanh như người chạy. Lòng rối loạn. Hắn cũng chả biết hắn đi đâu. Mỗi khi gặp một ngã ba hay ngã tư, hắn rẽ ngược, hắn rẽ xuôi, hoàn toàn không có một ý định rõ rệt. Hắn cố không nhìn nữa, bởi mắt hắn vẫn còn một chút nước, nên hắn thấy những đèn phố nhập nhòe. Người xe lại qua tấp nập một cách xa xôi như trong một cơn mơ. Hắn có cảm giác lờ mờ như mình là một h`ồn ma đi giữa đám đông người. Cảnh huyên náo, rộn ràng ở chung quanh không ăn nhập gì đến hắn. Người ta vui vẻ lắm. Những tiếng cười ran lên r`ồi lại tắt đi. Có những anh con trai nói oang oang. Những bà áo màu sặc sỡ tung tảy trên những gót chân thoăn thoắt, những tiếng nói như chim líu ríu…..phải, người ta vui vẻ lắm. Nhưng đấy là người ta, không phải hắn. Chao ôi! Bao giờ mà chả thế! Hắn đi giữa những người đi khác, mà không bao giờ được chia sẻ một tý xíu, trong những cái tốt đẹp v`ề ph`ần người ta…..

Hắn nghĩ đến người mẹ đang khóc trên toa xe lửa. Đoàn xe thở h`ồng hộc như một con quái vật khổ sở, g`ần kiệt sức mà vẫn bị roi quất vun vút trên lưng để thúc đi thật mải, hung hăng chạy trong đêm tối, vừa chạy vừa hục hặc như toan làm dữ. Người mẹ ấy v`ề đâu? Bây giờ sống ra sao? Hắn chưa

kịp há mồm để hỏi han. Nhưng mẹ hắn trông già và xấu đi nhiều, da xạm lại, tóc hoa râm, tay gầy guộc. Chắc chắn là khổ sở. Và hắn bùi ngùi thương. Ồ! Giá mẹ hắn đừng bỏ hắn mà đi….Hắn sẽ thuê một căn nhà. Hắn đi làm, mẹ hắn cũng đi làm hoặc buôn. Mẹ con đùm bọc lẫn nhau…..Cái mộng gia đình ấy dắt theo một cái mộng gia đình khác: Tiền với hắn…..Nhưng hình ảnh ấy phác ra chưa trọn vẹn đã bị một hình ảnh khác xóa: hai cái đầu ghé sát, nghiêng nghiêng trên một tờ nhật trình mở ra trên bàn. Chao ôi! Đẹp biết bao! Hắn rất có thể như người đàn ông kia nếu hắn giàu…..Một nỗi ghen tức cuộn lên trên cổ hắn đã nghẹn tắc lại. Hắn không thở được. Hắn không đi được nữa. Hắn lại đứng lại mà nuốt nghẹn. Và hắn chợt nhận ra rằng chỗ hắn đang đứng là một con đường vắng lắm. Ồ! Hắn đã đi loanh quanh qua những con đường nào đây! Bởi chỗ này là vườn hoa……

Hắn nhìn ngơ ngác chung quanh. Khu vườn tối om . Những bóng đèn thưa thớt ở ven đường bị lá cây um tùm che lấp, không tỏa sáng đi xa được. Ở trên là bóng tối dày và đặc. Những thân cây to và thanh đứng sừng sững thành những cột. Hoang vắng quá! Hiền rờn rợn như đứng giữa một khu rừng ban đêm. Hắn toan đi thì bỗng để ý đến mấy tiếng gọi léo lu ồn của một người con gái (hắn nghe tiếng mà đoán là con gái).

- Này này, người anh em!...

Một bóng đàn bà, quần đen, áo cánh trắng, ưỡn ẹo đi lại chỗ hắn, đôi tay phe phẩy. Hắn ngạc nhiên:

- Ai hỏi gì tôi thế?

- Sao ra muộn thế?

Hiền ngẩn mặt ra một chút rồi chợt hiểu. Hắn đã được nghe bọn làm công ở sở bàn tán về bọn gái ăn sương, lảng vảng ở vườn hoa. Ả này chắc chắn cũng vào hạng ấy đấy……Hiền mới kịp nghĩ thế thì ả đã tiến sát vào người hắn, vịn vai hắn trâng tráo bảo:

- Cho hai hào đấy nhé!

Hắn không ngờ lại có sự sỗ sàng đến thế. Hắn vụt nghĩ đến Tiền mỗi khi tiếp khách….Ả ăn sương thấy hắn không đáp đưa tay lên nắn túi hắn. Cuộc thăm dò hứa hẹn điều tốt. Ả nắm tay hắn, quàng lên cổ ả…..

- Đi lại đằng kia.

Hiền ngần ngừ một chút rồi tặc lưỡi. Hắn để mặc cho ả giang hồ kéo đi……

*****

Tiền bước vào thì Lộc đang ngồi phì phèo hút thuốc lá, trước mặt trang giấy mới viết được bốn, năm dòng chữ. Chẳng kịp chào, Lộc hỏi ngay:

- Tiền đã được tin chưa?

- Gì thế?

- Hiền chết rồi!

Tiền sửng sốt.

- Anh Hiền chết! Chết bao giờ thế?

- Hình như đến một tuần rồi thì phải, tôi cũng quên không hỏi cho biết rõ….

- Thế ai bảo mà anh biết?

- Tôi lại hỏi chỗ anh ấy trọ. Đầu đuôi là tại lâu lắm tôi không thấy anh ấy lại đây chơi. Tôi cũng bận nên không đến nhà anh ấy được. Mãi đến hôm qua công việc mới thư thư một chút. Tôi đi đón anh ấy ở cổng nhà máy rượu. Người làm nhà máy rượu ra hết rồi mà tôi cũng chưa thấy Hiền ra. Tôi hỏi một người quen. Họ bảo: “Anh Hiền nghỉ đã đến gần hai tháng”. Họ cũng chẳng biết vì sao; có lẽ anh ấy đã xin được việc làm chỗ khác. Tôi về chỗ anh ấy trọ. Mụ chủ bảo: anh ấy chết, đã chôn mấy hôm nay rồi, mụ lại toan bắt tôi phải trả cho anh số tiền trọ anh ấy còn đọng lại…..

- Anh ấy chết vì bệnh gì mà chóng thế?

- Chóng gì? Họ bảo anh ấy ốm mãi từ ngày nghỉ việc. Hình như tại anh ấy chơi bời bậy bạ….

Tiền kêu lên:

- Không có lý!

- Tôi cũng không tin lắm, ấy là người ta bảo thế. Người ta bảo có một hồi anh ấy đi chơi khuya lắm.

- Tội nghiệp anh ấy quá!

Tiền chưa nói xong câu đã mếu, thị gục mặt xuống mùi xoa. Đôi vai mỏng mảnh run như chiếc lá. Lộc đứng trông chợt nhận ra rằng: lớp này người Tiền sút đi tợn quá. Cái cổ đã hơi ngẳng ra một chút. Lộc tự nhiên bùi ngùi….

- Thôi! Tiền ạ! …Anh Hiền chết đi rồi, dẫu ta có khóc cũng không làm anh ấy sống lại được….

Lộc hơi ngượng nghịu, bởi thấy mình cũng nói những câu vô ích như bất cứ một người giả dối nào trong những trường hợp tương tự. Hắn ngừng lại, và trở nên ấp úng. Đôi vai Tiền càng rung mạnh. Cả cái đầu cũng nhấp nhô. Thị khóc rưng rức, bảo:

- Khốn nạn! Lộc ơi!.... Sao mãi anh ấy không chết mà lại để đến lúc này mới chết? Thầy em cũng chết rồi!

- Ông cụ chết?

- Vâng!..... Em mải săn sóc thầy em thành ra cũng quên khuấy, chẳng hỏi han gì về anh ấy. Giá em biết trước thì có lẽ anh Hiền không chết. Em sẽ vay mượn giúp anh ấy tiền uống thuốc.

- Mà nếu tôi biết trước thì có lẽ anh ấy cũng chưa đến nỗi chết

- Vậy cho nên em cho là tại số. Cái số anh ấy không ra gì. Em vẫn định sau khi thầy em chết!.....

Câu nói tắt trong tiếng nức nở. Lộc cũng phải rút khăn tay lau nước mắt và hỉ mũi. Rồi hắn hỏi:

- Thế bây giờ Tiền định thế nào?

- Em còn biết định thế nào?

- Dù sao Tiền cũng không thể sống suốt đời như vậy. Một ngày kia, tuổi già sẽ đến….

- Một ngày kia….gì nữa? Nó đến nay mai rồi đấy. Em thấy người khác lắm. Vả lại dù em có trẻ mãi, đẹp mãi, em cũng muốn bỏ cái nghề khốn nạn này. Em tởm lắm rồi. Thế nào em cũng bỏ. Nhưng sự thể đã xảy ra như thế này, thế là em đành chẳng chồng, chẳng con đến già……

Thị vẫn sụt sịt. Lộc cắn môi, lẳng lặng. Mặt hắn hơi tái đi một chút. Rồi bỗng hắn run run:

- Tiền!....

Tiền nghe rõ tiếng gọi, nhưng không dám ngửng mặt lên. Thị đột nhiên bồn chồn như sắp xảy ra một sự gì quan trọng lắm. Lộc dạng mạnh để đẩy một cái cảm giác khó chịu đang vướng cổ. Hắn đứng sát lại chỗ Tiền ngồi, cố bình tĩnh nói:

- Tiền ạ! Tiền cho tôi hỏi câu này…..Nếu anh Hiền còn sống chắc không đời nào tôi dám nói: tôi đã phải cố nén lòng, cố im lặng mãi, tôi sẽ còn cố nữa, cố mãi mãi nếu anh Hiền còn ở với chúng ta. Nhưng anh Hiền đã mất rồi.

Tiền ngẩng phắt đầu lên. Đôi mắt ướt đẫm của thị nhìn thẳng vào mặt Lộc, một cái nhìn trách móc. Lộc cúi đầu lúng túng, Tiền ôn tồn bảo:

- Anh nói thế là em đủ hiểu. Em cảm ơn anh lắm. Nhưng Lộc ạ, em đã là một con đĩ qua tay hết người này đến người khác kia thật đấy, nhưng đó chỉ là sự bắt buộc. Còn như anh Hiền thì không ai bắt, không cái gì bắt em yêu anh ấy. Em yêu là tự ý em yêu……

- Tôi hiểu lắm….

- Anh cứ để cho em nói….Lòng em còn yêu Hiền, em không thể bắt lòng em quên Hiền. Mà nếu như em không quên hẳn được anh Hiền thì….

- ……Thì có làm sao? Lộc không ích kỷ quá thế đâu. Lộc không đời nào muốn Tiền xử bạc, nhất là đối với người bạn chung của chúng ta. Không, Lộc không cần Tiền phải quên Hiền. Lộc cam đoan sẽ kính trọng những tiếc thương, những giọt nước mắt của Tiền, nhưng nếu ngoài những phút ấy ra, Tiền thấy còn chút lòng nào để yêu tôi thì tôi sẽ sung sướng nhận lấy chút tình thừa ấy.

Giọng nói cũng như nét mặt Lộc lộ một vẻ chua chát lắm. Tiền cũng cảm động. Lòng yêu của Lộc thật thắm thiết và rộng rãi. Tiền thừ mặt ra một chút, rồi đột nhiên lại ôm mặt khóc. Lộc nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh Tiền. Tiền giật nảy mình và nó như một người hoảng hốt:

- Em van anh! Em van anh! Em hiểu lòng anh lắm. Nhưng chúng ta không nên thế. Em sợ anh Hiền tủi. Nếu người ta chết đi, còn cái hồn ở lại, thì cái hồn anh ấy giận.

Lộc cười buồn.

- Không, Tiền ạ! Anh Hiền không hẹp hòi quá thế. Không lẽ anh ấy cũng tham lam như những ông vua tàn ác của những thời dã man xưa: bắt người ta chôn sống những cung tần, mỹ nữ của họ theo xác họ. Anh ấy cũng sẵn lòng tha thứ cho ta, bởi thương ta. Ba chúng mình cùng khổ như nhau. Những kẻ khổ sở trên đời nếu không biết thương nhau thì còn đợi ai thương nữa?

Tiền không đáp. Nhưng sự im lặng ấy báo cho Lộc biết: Tiền đã thuận. Hắn xem đồng hồ rồi bảo:

- Mới bốn giờ. Nghĩa địa cũng không xa. Để tôi đưa Tiền đi thăm mộ anh Hiền một chút.

Tiền ngước mắt nhìn Lộc cảm động và biết ơn.

(Đăng ở Trung Bắc Chủ nhật

Năm 1944 từ số 197 đến 219)

[1] Hình như thiếu một câu, chưa tìm ra được

ĐỜI THỪA

Từ ngẩng mặt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần, Từ muốn nói nhưng lại không dám nói. Hắn đang đọc chăm chú quá. Đôi lông mày rậm của hắn châu đầu lại với nhau và hơi xếch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn. Đôi lưỡng quyền đứng sừng sững trên bờ hai cái hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy. Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyển sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Từ thấy sợ...

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng, rất tận tâm. Vả lại Hộ, đối với Từ, còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đã đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến: Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần. Từ đã hiến mình một cách dè dặt tâm hồn và xác thịt. Và khi biết mình sắp có một đứa con, Từ không hề hối hận một mảy may: Từ rất bằng lòng. Ấy thế mà hắn đã phụ từ, phụ một cách hèn nhát và khốn nạn, ngay chính vào lúc Từ cần đến hắn để bảo tồn sự sống và danh dự, lúc đứa con ra đời. Từ sửng sốt vô cùng. Từ không tin ở sự thật rành rành. Rồi khi sự sửng sốt qua thì Từ khóc. Từ khóc như mưa, khóc tưởng chẳng bao giờ còn lặng được. Từ khóc, và ôm con ngồi nhịn đói, bởi vì Từ chẳng còn biết trông cậy vào ai, trừ bà mẹ già mù và quanh năm nay ốm, mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi. Bà mẹ già biết làm sao? Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con, và cả mẹ lẫn con chỉ có một cách là khóc cho đến khi nào bao nhiêu xương thịt đều chảy ra thành nước mắt hết, để rồi cùng chết cả. Giữa lúc ấy thì Hộ mở rộng đôi cánh tay, đón lấy Từ. Hộ nuôi Từ, nuôi mẹ già, con dại cho Từ. Hộ nhận làm bố cho đứa con thơ. Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ, Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ đứng ra làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa, thì cũng chưa đủ để mà đền ơn. Bởi thế, nên luôn mấy

năm trời, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm.

Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bấy giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tủn mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày mỗi ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình,

mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hắn để mặc vợ con khổ sở ư? Hắn bỏ liều, hắn ruồng rẫy chúng, hắn hy sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hắn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hắn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: "Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ". Nhưng hắn lại nghĩ thêm rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hắn có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỷ đi; nhưng hắn không thể bỏ lòng thương; có lẽ hắn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hắn vẫn còn được là người: hắn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa?... Hắn tự bảo: "Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ đã có một số vốn con để làm ăn! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu!". Từ khi đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác đã vội ra, mà đứa con nào cũng nhiều đẹn, nhiều sài, quấy rức, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ săn sóc chúng đã đủ ốm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Hộ điên người lên vì phải xoay tiền. Hắn còn điên lên vì con khóc, nhà không lúc nào được yên tĩnh để cho hắn viết hay đọc sách. Hắn thấy mình khổ quá, bực bội quá. Hắn trở nên cau có và gắt gỏng. Hắn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bực tức ở trong nhà, hắn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vùng vằng đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hắn đi lang thang, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng nguội bớt đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hắn tạt vào một tiệm giải khát nào mà uống một cốc bia hay cốc nước chanh. Hắn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngỏ ý kiến về một vài quyển sách mới ra, một vài tên ký mới trên các báo, phác họa một cái chương trình mà hắn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hắn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hắn thừ mặt ra như một kẻ phải đi đày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trong một làn khói nặng ưu buồn mà nhớ quê hương. Hắn cũng nhớ nhung một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng là mình nữa. Hắn lắc đầu tự bảo: "Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi". Và hắn nghĩ đến cái tên hắn đang mờ dần đằng sau những tên khác mới

trời ra, rực rỡ hơn... Rồi hắn ra về, thờ thẫn. Những sự bực tức đã chìm đi. Lòng hắn không còn sôi nổi nữa, nhưng rũ buồn...

Ít lâu nay, mỗi lần ra đi, Hộ không chỉ trở về buồn bã mà thôi. Hắn say mềm. Thường thường hắn đã ngủ một nửa ngay từ khi còn ở dọc đường; và vừa về đến nhà, chưa kịp thay quần áo, tháo giày, đã đổ như một khúc gỗ xuống bất cứ cái giường nào, ngủ say như chết. Từ phải chờ khi con ngủ mê, rón rén lừa con, dậy lại tháo giày, cởi quần tây cho hắn, luồn một cái gối xuống gáy hắn, và cố nhấc chân, nhấc tay hắn, đặt cho hắn nằm ngay ngắn lại... Nhưng cũng có đêm hắn chưa ngủ vội. Hắn lảo đảo bước vào nhà, mắt gườm gườm, đôi môi mím chặt. Hắn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hắn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trỏ vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:

- Ngày mai... mình có biết không?... Chỉ ngày mai thôi! Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi cái nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn với hét! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chỉ khổ thằng này thôi!

Hắn rít lên như vậy. Rồi hắn mím chặt môi, đôi mắt ngầu ngầu nhìn vào tận mắt Từ. Từ chẳng dám cãi nửa lời, chỉ lẳng lặng cúi mặt nhìn xuống, như một đứa trẻ con biết mình có lỗi khi nghe người ta quở phạt. Bởi vậy hắn trừng trộ một lúc rồi quay ra, loạng choạng cởi quần, cởi áo, hắn vất bừa bộn xuống giường. Rồi hắn tháo giày, quăng từng chiếc một vào một xó nhà. Có khi máy tay, hắn quăng cả những vật gì thấy trên bàn, rồi lải nhải mắng Từ về tội không biết thu dọn nhà cho gọn ghẽ. Hắn nói chán rồi đi ngủ. Bấy giờ Từ mới dám đứng lên, treo quần áo cho hắn lên mắc và thu dọn tất cả những thức hắn đã vứt lổng chổng ra đầy nhà.

Lần đầu, Từ sửng sốt. Từ chẳng hiểu ra sao. Từ đoán chồng nghe ai nói nên ghen bóng, ghen gió chi đây. Từ khóc suốt đêm và dự định sẵn những câu để sáng hôm sau nói. Nhưng sáng hôm sau, hắn không để cho Từ phải nói. Hắn bẽn lẽn kêu mình đã quá chén hôm qua, hỏi Từ về những thủ đoạn

vũ phu của mình rất buồn cười, rồi xin lỗi Từ, hôn hít các con như một người cha tốt. Hắn tuyên bố từ giờ chừa rượu và giữ được khá lâu, nhưng rồi lại uống và say như lần trước để làm những trò vừa buồn cười, vừa đáng sợ như lần trước. Cứ thế mãi, Từ quen đi, không giận nữa. Nhưng Từ lờ mờ hiểu nỗi đau khổ mà có lẽ chính Từ đã gây ra cho chồng. Từ hiểu và Từ buồn lắm, buồn lắm lắm. Còn gì buồn cho bằng mình biết mình làm khổ cho người mà mình yêu? Nhưng Từ biết làm sao được? Đã nhiều lần Từ muốn ẵm con đi. Đã nhiều lần, Từ muốn bỏ liều con để đi làm, Từ muốn hy sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao! Từ là vợ! Từ là mẹ. Từ sống với những tình cảm thông thường của đàn bà. Từ rất yêu chồng và thường nhận ra rằng chồng Từ cũng yêu Từ, cũng muốn có Từ. Những khi Từ ốm đau chẳng hạn. Hộ lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ. Đối với các con cũng vậy. Chỉ xa chúng mấy ngày, Hộ đã nhớ và lúc về thấy các con chạy ra reo mừng và nắm lấy áo mình, thường thường Hộ cảm động đến ứa nước mắt. Hắn hôn hít chúng vồ vập lắm... Biết đâu hắn sẽ sung sướng khi không con, không vợ? Từ nghĩ về hắn: nghĩ thế nhưng Từ cũng chẳng dám tìm cách mà xa hắn. Mới nghĩ đến sự xa hắn, Từ đã phải thổn thức đến bật tiếng khóc ra được rồi... Từ đành chỉ cố ngoan ngoãn hơn, đáng yêu hơn. Từ nhịn mặc, nhịn ăn để bớt những món tiêu. Từ thu xếp cửa nhà ngăn nắp, sạch sẽ, gọn gàng. Nhất là Từ hết sức ngăn những tiếng khóc, tiếng nô đùa của lũ con. Từ sợ cả nói với chồng. Bởi vậy ba lần nhìn chồng để toan nói, Từ thấy chồng đang đọc sách chăm chú quá, không dám nói lại cúi mặt xuống nhìn đứa con đang nằm trong lòng Từ.

Nhưng Hộ bỗng ngoảnh mặt lên. Hắn vừa gặp được một đoạn hay lắm nên ngừng đọc, ngẫm nghĩ và để cho cái khoái cảm ngân ra trong lòng. Đôi mắt hắn, tuy mới rời trang sách đã nhìn ngay lại phía Từ. Hắn mỉm cười, Từ cũng mỉm cười. Hắn bảo:

- Này, Từ ạ... Nghĩ cho kỹ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ, chính tôi làm cái thân tôi khổ, tôi mê văn quá nên mới khổ. Ấy thế, mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đổi lấy cái địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cho rằng: những khi được đọc một đoạn văn như đoạn này, mà lại hiểu được tất cả cái hay, thì dẫu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng. Sướng lắm! Sao thiên hạ lại có người tài

đến thế? Mình tính: người ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất có ba câu, đúng ba câu!... Mình có hiểu không? Ba câu giản dị một cách không ngờ mà hay được đến như thế này...

Hắn đọc lại đoạn văn. Hắn dịnh nghĩa để Từ nghe. Hắn giảng giải cho Từ. Tuy Từ chẳng hiểu được bao nhiêu, nhưng cũng tin lời hắn lắm. Từ giữ mãi nụ cười hiền dịu trong khi nghe hắn nói. Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ ra:

- Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ?

- À phải! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên... Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo:

- Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến... Hộ sầm mặt lại:

- Tiền nhà... tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắm... Còn chịu tất! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

Hắn nghĩ đến món tiền hắn đã tiêu phí mấy hôm đầu tháng. Mỗi lần hắn bực tức hay chán nản, hắn lại đi uống rượu, thành thử hết tiền sớm. Từ không hé môi phàn nàn nửa tiếng, nhưng cả tháng Từ ăn và bắt các con ăn kham khổ, thường thường đói nữa! Quà sáng thì bỏ hẳn, có khi bữa tối cũng chịu nhịn cơm, ăn cháo. Hộ trông thấy thế, thương vợ, thương con quá, và ân hận vì mình đã tiêu quá trớn. Bởi vậy suốt từ mồng mười đến hết tháng, hắn không ra khỏi nhà để chẳng phải tiêu thêm tí gì...

Hắn vừa mặc quần áo, vừa nhắc thầm trong trí:

- Nhất định hôm nay không đi đâu cả... Lấy tiền xong là về ngay...

Nhưng Từ bảo:

- Mình đi phố thì đi ăn nhé. Còn có ít gạo chỉ đủ cho lũ trẻ. Em chả đong thêm nữa, để mai trả tiền rồi lấy thêm luôn một thể... Em không để cơm mình đâu đấy... Nhà chẳng còn gì ăn...

Hộ hơi cau mày. Bởi vì hắn sợ bước vào tiệm ăn lắm. Hắn có thể gặp ở đấy một vài người bạn... và khi ấy thì... ôi thôi! Mặc kệ gia đình và những cái gì còn lại!... Hắn sẽ uống rất khỏe, nói toàn những chuyện vá trời lấp biển, rồi đi la cà đến hết đêm mới về. Hắn nghĩ ngợi một chút rồi hắn bảo:

- Được! Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn.

- Đừng phiền nữa! Em cứ cho chúng nó ăn cơm trước rồi đi ngủ.

- Đừng ăn trước... Đợi tôi đem thức ăn về, ăn một thể. Tôi về sớm. Cả tháng chúng nó đói khát, khổ sở, hôm nay có tiền cũng nên cho chúng nó một bữa ăn ra hồn.

- Vẽ chuyện!

Hắn mỉm cười, đáp lại. Hắn lại gần Từ, cúi xuống nắm lấy tay đứa bé và gọi nó. Mặt hắn và mặt Từ ghé sát. Hắn cố ý khẽ chạm môi mình vào má Từ một cái. Từ vờ giũ mấy cái bụi ở tay áo hắn. Vợ chồng nhìn nhau âu yếm. Hắn vuốt má Từ một cái rồi ra đi.

Ở tòa báo ra, Hộ đi thẳng tới một hiệu thịt quay. Hắn định mua mấy hào thịt, vài cái bánh tây, gói đem về. Lòng hắn sáng bừng. Hắn tưởng tượng ra cái cảnh lũ con háu ăn và đói khát, rón thịt bằng tay và ăn những miếng bánh thật to, miệng phụng phịu và môi bóng nhờn những mỡ. Cái cảnh thô tục và cảm động! Hắn sẽ cười thỏa thích. Còn Từ sẽ ngồi bên hắn mà nhìn chúng, đôi mắt sung sướng và thương hại loang loáng ướt... Đến trước cửa hiệu thịt quay, Hộ dừng lại. Hắn cẩn thận nhìn trước, nhìn sau, trước khi vào. Một người quen có thể đi qua, và nếu họ bắt gặp hắn đang cố nhét một gói thịt vào túi áo!... Không! Không có gì đáng ngại, ngoài đường phố... Nhưng trong hiệu, một thiếu nữ đẹp đang mặc cả... Hắn đành đợi vậy. Trong khi đợi, hai tay chắp sau lưng, hắn làm ra vẻ đợi một người bạn vừa vào một nhà nào gần đấy. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật

mình quay lại. Trung nhếch cười lặng lẽ và Mão cười ầm ĩ, cùng đưa tay cho hắn bắt:

- Mải ngắm nàng thơ nào mà ngây người ra thế?

Hộ ấp úng:

- À! Các anh!...

- Không theo gót sen nào đấy chứ?

- Cái ấy không quan hệ! Thi sĩ là người giữ được mình trẻ mãi và đến muôn năm cũng vẫn còn trinh bạch.

- Cũng may tôi lại cũng không là thi sĩ nốt.

- Nghĩa là chẳng theo nàng nào cả?

- Chẳng theo nàng nào cả!

- Thế thì đi theo hai thằng này!

Hộ nhìn Trung và Mão một thoáng rồi mới hỏi:

- Làm chi?

- Chẳng làm chi cả!

- Thế thì đệ kiếu. Đệ phải về kẻo hết tàu điện.

Trung cau mày nhìn Hộ một cách kinh ngạc và khinh bỉ:

- Sao lại có người điên đến thế? Về giữa lúc chiều thì đẹp mà phố thì vui thế này!

Hộ trở nên đứng đắn:

- Không đùa nữa... Thật ra thì tôi có việc phải về, thế thôi.

- Ờ! Nói vậy còn dễ nghe... Thôi thế anh về nhé!... Nhưng mà... này! Anh đã biết gì chưa?

Hộ đã toan đi, quay đầu lại nhìn Trung...

- "Đường về" sắp được dịch ra tiếng Anh đấy nhé! Bản quyền tác giả ba nghìn đồng. Hộ trợn mắt lên. Người hắn bỗi hổi. Một lúc lâu hắn mới hỏi được Trung:

- Có đích không?

- Đích xác rồi. Chính Quyền đưa cái thư điều đình cho chúng tôi xem.

Hộ có vẻ hoài nghi:

- Không mà lại!... Tôi biết lắm... Nhưng lại đằng này đã, về làm gì vội? Chúng mình làm cốc bia...

Hộ đã quên hẳn vợ con. Hắn chỉ còn háo hức muốn biết thêm về việc quyển "Đường về" của Quyền được dịch ra tiếng Anh. Hắn bám lấy Mão và Trung. Ba người vào một tiệm giải khát ở Bờ Hồ. Và chỉ độ nửa giờ sau, Mão và Trung đã thấy Hộ đỏ tai, giộng một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn:

- Cuốn "Đường về" chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu! Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu!

Trung gật gù cười, vẫn cái cười lặng lẽ của y. Mão thì cười hô hố. Hộ không cười, mặt căng lên vì hứng khởi. Hắn nói say sưa lắm. Và đến lúc

đèn phố bật, Trung và Mão muốn về, Hộ bảo luôn:

- Thong thả đã! Đi đâu mà vội? Chúng mình đi uống rượu... Tôi có tiền...

Sáng hôm sau. Hắn thức dậy trên cái giường nhà hắn. Hắn thấy mình mẩy đau như dần, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và rát cháy. Hắn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hãy còn ấm. Đó là sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bởi hắn lờ mờ nhớ ra rằng: hình như đêm qua hắn say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; hình như hắn lại đánh cả Từ, đuổi Từ đi, rồi mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hắn đột nhiên hoảng sợ, nhổm dậy, mắt nhớn nhác tìm Từ. Nhưng không! Từ vẫn còn nhà... Chắc hẳn trong lúc quá say, hắn gài cửa nhưng chưa gài được, thành thử khi thấy hắn ngủ mệt rồi, Từ lại bế con vào. Bây giờ Từ đang thiếp đi trên võng, đứa con nhỏ nằm bên. Từ vốn dậy sớm quen. Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xòe ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hắn bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vất vả lộ ra cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng: một đôi lúc, nếu nhìn kỹ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần Từ, nhìn kỹ xem mặt Từ lúc bây giờ ra sao? Hắn rón rén, đi chân không lại. Hắn ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh võng và cố thở cho thật khẽ. Hắn ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt; môi nhợt nhạt; mi mắt hơi tim tím và chung quanh mắt có quầng, đôi má đã hơi hóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ khẽ thở dài và lắc đầu ái ngại. Hắn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lủng củng rặt những xương! Trên mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra, làn da mỏng và xanh trong, xanh lọc. Cái cổ tay mỏng manh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hắn che chở và bênh vực... một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hắn vỗ về an ủi... Thế mà hắn đã làm gì để cho đời Từ đỡ khổ hơn? Hắn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ?

Nước mắt hắn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hắn khóc... Ôi chao! Hắn khóc! Hắn khóc nức nở, khóc như thể không ra tiếng khóc. Hắn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và

Từ cảm động. Mắt Từ giàn giụa nước. Từ khẽ rút tay ra, vòng lên cổ chồng, nhẹ nhàng níu hắn vào, để hắn gục đầu lên cạnh ngực Từ. Hắn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

- Anh... anh... chỉ là... một thằng... khốn nạn!...

- Không!... Anh chỉ là một người khổ sở!... Chính vì em mà anh khổ...

Từ bảo thế. Tay Từ níu mạnh hơn một chút. Ngực Từ thổn thức. Từ chực ngả đầu sát vào vai Hộ. Nhưng đứa con, bị giằng, khóc thét lên. Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướt lệ, Từ dỗ nó:

- A! Mợ đây! Mợ đây mà! Ôi chao! Con tôi nó giật mình... Mợ thương...

Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa võng... Từ vừa đưa vừa hát.

"Ai làm cho gió lên giời.

Cho mưa xuống đất, cho người biệt ly

Ai làm cho Nam, Bắc phân kỳ.

Cho hai hàng lệ đầm đìa tấm thân... "

Tiểu thuyết thứ Bảy.

Số 490, ngày 4-12-1943

SAO LẠI THẾ NÀY

Bẩm ông…

Hiệp ngoái đầu ra. Đó là thằng Bản, đầy tớ nhà bà Hưng Phú. Nó chắp tay, đứng tận gần chỗ cửa…

- Gì thế, anh?

- Bẩm ông, ông con bảo con lên xem ông dậy chưa, mời ông xuống phòng khách xơi nước ạ!

- Ông về bao giờ thế?

Hiệp cố lộ vẻ sửng sốt trong đôi mắt và trong giọng nói.

- Bẩm ông, ông con về từ lúc mười hai giờ kia ạ. Ông con tắm xong, định lên chào ông nhưng bà con bảo: Ông còn ngủ ạ.

Hiệp ngấm ngầm hổ thẹn. Hắn thấy mình không thiệp. Đáng lẽ hắn phải xuống chào ông Hưng Phú trước. Nhưng hắn lại giả vờ ngủ mệt, không thèm xuống. Tính hắn như vậy: hắn sợ nhất sự khúm núm, xu nịnh người trên hoặc người giàu. Lễ phép vì lễ phép thôi, thì chẳng có một người giáo dục nào có thể bỏ qua. Nhưng cái sự lễ phép ấy phải đặt những người hèn ngang hàng với những người sang. Hiệp đã nhiều lần được trông thấy người ta cất mũ chào một cái xe tang. Ấy là một cử chỉ đáng khen. Nếu tay chẳng bận ôm xách gì thì hắn cũng làm theo. Nhưng hắn để ý, đến sự này hơn: hắn cố nhịn cả triệu ruồi nhặng bám, hắn kính cẩn cúi đầu hay nhấc mũ. Người ta có thể gàn muôn vạn cách. Hắn thích gàn kiểu ấy và cắt nghĩa: "Đối với một người nghèo, mình có lễ phép quá sự thường một chút, hẳn cũng không có ai có thể bảo, và không ai nỡ bảo: mình xu nịnh, đối với một anh giàu không thể, anh ta, và thiên hạ, rất dễ ngờ mình cầu cạnh. Vậy thì với hạng sau, chỉ lễ phép vừa vặn, đừng bao giờ quá. Ông Hưng Phú là một nhà thầu khoán kiêm lái gỗ. Ông có xe hơi, có nhà lầu, có đồn điền, lại có cả trại ở nhà quê. Vậy thì chính là một người giàu đứt đi rồi. Tuy Hiệp chưa biết mặt ông (trong khi điều đình để đến dạy mấy đứa

trẻ nhà ông trong vụ nghỉ hè, hắn chỉ giao thiệp bằng thư và sau cùng thì được gặp người thư ký thay mặt ông Hưng Phú luôn luôn đi vắng), hắn cũng hình dung ra một người to béo, quần áo sang, cái mặt phinh phính vênh lên và đôi mắt híp nhìn người ta một cách bề trên lắm. Bởi vậy hắn coi là một cái nhục, cái việc tất tưởi chạy xuống đón ông Hưng Phú, cùng với vợ, con ông và bọn con hầu đầy tớ nhà ông, để kính cẩn cúi đầu chào khi ông bệ vệ từ trên cái xe hơi bước xuống, mắt nheo nheo vì khói một điếu xì gà lớn. Ờ! Mà nghĩ cho kĩ thì cũng chẳng cần gì phải hạ mình như thế thật. Hắn không phải là cậu giáo nhà ông. Hắn là đốc học một trường tư. Tuy cái trường tư ấy rất mèng nhưng ai biết đấy là đâu. Hắn dạy mấy đứa trẻ nhà ông tại cái nhà nghỉ mát của ông, chính để tiện việc đi nghỉ mát. Hắn đã bày tỏ với người thư ký nhà ông thế. Mà có lẽ sự thật là thế đấy. Bởi vì giả sử hắn không đi, cứ ở nhà, trông coi một lớp nghỉ hè, thì số tiền thu về có phần lớn hơn. Hắn có chết gì đâu? Hắn đi, chỉ vì sự nghỉ ngơi, không phải vì cơm áo. Vậy thì hãy liệu mà đối đãi! Tử tế thì hắn ở, không tử tế thì hắn tếch. Mà hắn không chỉ tếch thôi đâu. Hắn sẽ cho một bài học để mà sáng mắt ra. Cái bọn ngu dốt mà giàu đáng ghét vô cùng. Chúng chỉ biết có tiền, và coi người như rác, như rơm. Bỏ ra độ ba chục đồng để nuôi một cậu giáo cho con, chúng tưởng đã là nhiều, và cái kẻ lĩnh mỗi tháng ba mươi đồng bạc để mở mắt cho lũ con cháu chúng kia, chỉ đáng cho chúng coi hơn những thằng nhỏ, con sen một chút. Hiệp không đời nào chịu thế. Nếu hắn chịu khổ sở với cái nghề dạy học tư, có phải vì hắn học hành dở dang đâu? Chỉ vì hắn quá yêu mình, quá trọng mình, và trọng tự do. Vậy thì cần gì mà nịnh nọt ai, dẫu ai đó có là ông Hưng Phú! Đã đành Hưng Phú biết người, biết của. Bà quý Hiệp. Hắn được coi như khách. Mình hắn được một căn phòng riêng đồ đạc rất sang. Cơm nước hẳn hoi. Bọn đầy tớ hầu hạ và nói năng lễ phép. Những đứa trẻ rất ngoan. Bà chủ nhã nhặn và ý tứ. Bà có tư cách của một người quý phái, giao thiệp khéo. Dù ở cùng một nhà, nhưng gặp hắn ở trong vườn hay đi chơi về, hoặc đi ra… bao giờ bà cũng cúi chào. Mỗi sáng bà sai đem lên phòng hắn một bó hoa tươi cùng với bữa điểm tâm. Và mỗi trưa, khi hắn ngủ dậy, bà cho mời hắn xuống căn phòng khách mát rượi hương sen để uống bia, uống nước chanh, uống trà do chính bà pha, hoặc ăn một món ăn mát do bà làm lấy. Hai người nói chuyện. Bà lễ phép hỏi về sức học từng đứa cháu, hoặc trao đổi với hắn ít nhiều ý kiến về thời tiết, về thời sự, về những cảnh đẹp ở vùng này, về cuộc sống của dân quê ở chung quanh, về tất cả….Cái tài nói chuyện của

bà thật hiếm có. Bà biết vui mà không lơi lả, đứng đắn mà không nghiêm nghị, nhẹ nhàng mà không phù phiếm. Cách trang điểm của bà cũng vậy: đẹp, nhưng nhũn nhặn. Thật là một người đàn bà kiểu mẫu. Và Hiệp mỉm cười khi nhớ lại cái ý nghĩ điên rồ của hắn hôm mới trông thấy bà…

Hồi mười tám, đôi mươi, Hiệp đã cưới một người vợ nhà quê. Để chiều ý mẹ mà thôi. Hắn cũng chẳng ưng. Bởi thời ấy, đầu hắn còn nhiều thơ mộng lắm. Hắn để ý đến những mớ tóc uốn quăn, những tà áo xanh, áo đỏ hơn. Khi người ta ra tỉnh học từ thủa chửa lên mười, thì làm thế nào mà thích được một cô vợ đặc nhà quê, quần nái áo nâu, đi chân không, da xám nắng và bàn tay đen thui? Vợ Hiệp lại cứng như một cái đanh, bẩn thỉu và cục mịch. Hắn sợ thị đến nỗi nghỉ hè cũng không dám về quê. Mỗi lần, vì một sự bắt buộc gì phải về nhà, hắn lại phải thấy một đứa con gái đét đóng, gầy guộc, đầu bù tóc rối, quần áo lôi thôi, mặt ngơ ngác, da xanh búng, cả ngày chả nói một câu, mà ăn thì thô tục, mà cắm cúi mặt chẳng lúc nào rời cái bát. Mới chỉ trông đã ghét! Đã vậy, mà lại còn mất nết, tuy mẹ hắn cố tình giấu giếm, nhưng hắn cũng biết rằng vợ mình rất hư. Bởi vì bà mẹ chỉ giấu con, chứ không giấu người ngoài. Cả làng chẳng ai còn không biết con dâu bà đủ mọi tật: đã vụng, đã lười, đã ăn không nên đọi, nói chẳng nên lời, lại còn có tính gian: thị chúa đời là hay ăn cắp và ăn vụng. Mà ăn vụng như thế nào? Thị bốc trộm gạo sống cho vào túi để ăn dần. Thị hớt cơm chó thật nhiều rồi bớt lại, giấu đi, để ăn cơm với cả nhà rồi lại lấy ra ăn. Thậm chí đến đổ cám cho lợn ăn mà thị cũng ăn vụng vài bát ngay ở ngoài chuồng lợn mới được. Ghê tởm quá! Hiệp không thể tưởng tượng trên đời này lại có những hạng đàn bà như thế ấy. Hắn chưa bao giờ phải đói. Hắn chưa bao giờ phải thèm cơm. Hắn không biết rằng mẹ hắn, và vợ hắn, và các em hắn ở nhà phải nhịn để lấy tiền cho hắn học hành: mỗi ngày chỉ ăn một bữa thôi, mà mỗi bữa, lệ của mỗi người hai lùm lùm bát. No dồn, đói góp. Hiệp đã từng biết cái nông nỗi ấy ở đâu? Bởi vậy hắn cho một người ăn vụng là quái vật. Chưa lần nào hắn dám ngủ chung một giường với vợ. Và hắn vẫn định, sau kì thi tốt nghiệp, được rảnh rang rồi, hắn sẽ bỏ vợ thẳng tay. Nếu mẹ không chịu, thì hắn sẽ đi. Không thể sống với một người đàn bà như thế được!... May cho hắn: một hôm vợ hắn trốn nhà đi. Chẳng biết đi đâu. Hình như do một trận đòn. Bà mẹ chồng bắt được nàng dâu trong lúc ghế cơm, xúc một ít cơm mới chương lên để vào miệng. Bà chạy vội vào, bóp chặt cổ con dâu rồi lu loa cho hàng xóm đến xem. Đứa con

dâu phải nhả cơm ra, nước mắt chứa chan. Người ta chép miệng lắc đầu. Người ta bàn tán xôn xao. Có lẽ vì xấu hổ, nên thị chẳng còn mặt mũi nào ở nhà để trông thấy người ta nữa. Thị đi mất tích. Hiệp lấy làm may lắm. Và suốt từ ngày ấy đến hôm nay, hắn sống một thân một mình…

Hôm ấy mới đến trại bà Hưng Phú, Hiệp ngạc nhiên vì nhận thấy một lúc kia, bà Hưng Phú đã có một lối nhìn xuống từa tựa như người vợ bỏ nhà ra đi của hắn. Và vốn giàu óc tưởng tượng, hắn phác ngay ra một câu chuyện ly kì: người vợ của hắn xưa kia, qua nhiều cuộc đổi thay đã trở nên bà Hưng Phú bây giờ, giàu có và sang trọng…Tưởng tượng điên rồ quá! Bởi càng ngày hắn càng nhận thấy ở bà Hưng Phú một người đàn bà có giáo dục, có tư cách, có tâm hồn… nói tóm lại là một người đàn bà thượng lưu. Hiệp sinh lòng kính trọng. Người ta tử tế thì mình cũng nên lấy sự tử tế mà đối lại. Cho nên khi nghe thấy tiếng còi xe hơi của ông Hưng Phú, Hiệp đã nghĩ đến việc xuống chào ông một tiếng. Nhưng rồi hắn lại không muốn xuống. Bởi vì rất có thể người chồng không giống vợ. Nếu người vợ khinh khỉnh chẳng hóa mình dại sao?...

Bây giờ Hiệp lại tự trách mình đã không lịch thiệp bởi thấy ông Hưng Phú tỏ ra người lịch thiệp: ông muốn lên chào hắn. Ông làm cho hắn thẹn. Hắn vội vàng nhỏm dậy, đi rửa mặt, chải đầu, thay quần áo để xuống nhà chào ông…

***

Hai người gặp nhau ở chân thang. Bởi vì ông Hưng Phú toan lên. Hiệp kính cẩn chào. Ông Hưng Phú cũng cúi chào. Hai người nắm tay nhau. Nhưng giữa lúc ấy thì ông Hưng Phú kêu lên:

- Ồ!... Anh Hiệp!

Hiệp giật mình, sửng sốt. Sao ông Hưng Phú lại biết tên thật hắn? Trong thư hắn viết cho ông, và lúc giáp mặt người thư ký, hắn không hề nói rõ tên mà chỉ xưng mình là hiệu trưởng trường Học – Hải. Hắn nhìn kỹ ông Hưng Phú. Quen lắm thật. Nhưng lòng hắn đang bối rối nên vẫn chưa nhớ ra được là ai. Ông vỗ vai hắn và vui vẻ:

- Anh quên tôi hả? Rự, Rự chánh quay phim đây mà!

- À, anh Rự, tôi nhớ r ồi!

Cả hai cùng cười lớn. Ông Hưng Phú cười thẳng thắn. Hiệp cười kém thẳng thắn hơn một tí. Bởi vì ít có người một gặp lại một người bạn cũ trong một trường hợp tương tự thế. Nhưng ông Hưng Phú không để cho bạn có thì giờ ngượng nghịu. Ông kéo bừa hắn đi vào, toang toang bảo:

- Thế này thì hả thật! Tôi nhớ anh ghê lắm… Có đến quá mười năm nay chúng mình chẳng gặp nhau… Tôi sướng quá! Anh ạ, chúng mình có tuổi một tí r ồi mới hiểu: không có gì quý bằng tình bạn… Đã thế mai tôi chưa đi vội. Tôi ở lại đây với anh ba bốn hôm để nói chuyện cho thật hả. Mặc cha công việc!...

G ần đến cửa phòng khách, ông đã gọi vợ:

- Mình đáng đánh đòn! Bạn cũ đến nhà mà không biết! Mình có biết ai đây không?

Người thiếu phụ chúm chím cười, ngước đôi mắt nhung nhìn Hiệp. Người ch ồng bảo:

- Anh Hiệp đấy!...

- Hiệp?...

- Ừ, anh Hiệp… Mình làm sao vậy?

Bởi vì tiếng kêu khàn khàn trong cổ họng, người đàn bà giương đôi mắt thật to nhìn Hiệp. R ồi mặt bà biến sắc. Đôi mắt luống cuống như muốn tìm đường lẩn trốn, chớp luôn mấy cái r ồi nhìn xuống đất. Hiệp thấy mặt mình như lóe lên một cái. Đôi mắt nhìn xuống kia chính là đôi mắt người vợ cũ. Hắn đột nhiên bối rối… Ông Hưng Phú nhìn vợ r ồi nhìn bạn. Ông không phải là người ngốc. Ông hỏi vợ:

- Chắc mình cũng có quen anh Hiệp? Bây giờ mới nhớ, phải không?

- Không! Không! Sao mình nói thế?

Ông Hưng Phú cười, nửa chua chát, nửa như chế nhạo:

- Mình khỉ lắm!... Tại sao tôi lại không nói thế? Mà tại sao mình phải chối? Quen anh Hiệp không phải là một tội.

Bà toan cãi. Nhưng ông ra hiệu không được nói và nói lấp đi.

- Mình là vợ, anh Hiệp đây là bạn. Còn tôi thì rất may mắn, không có những thành kiến ngu ngốc như kẻ khác. Nếu tôi giống những người đàn ông khác thì tôi đã không dám lấy mình làm vợ. Trước khi lấy mình, tôi đã biết mình qua tay nhiều kẻ, đã lăn hết phòng ngủ này đến phòng ngủ khác…

Ông quay về phía bạn…

- Có phải không, anh Hiệp? Khi người ta đã phải bán những cái vuốt ve để sống?... Tôi có lạ gì chuyện ấy? Nhưng tôi thích lấy thì cứ lấy. Cái quá khứ của y, chỉ mình y mới có quyền quan tâm đến. Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai là một cô gái giang hồ với một người đàn bà lương thiện không khác nhau là mấy. Chỉ có những hoàn cảnh khác. Hoàn cảnh đổi, rất có thể là người đổi, tâm tính đổi. Tôi đã tính không sai mấy. Bởi tôi có thể nói mà không phải ngượng: từ ngày lấy tôi, vợ tôi thật là một người đàn bà không thể trách. Tôi sung sướng lắm. Có phải thế không, anh Hiệp?

- Vâng, phải lắm.

Hiệp gật đầu, đáp lại. Và hắn chua chát nghĩ: cả một người vợ hư với một người vợ không hư cũng thế, họ gần nhau lắm lắm!... Và hắn chợt thấy trong óc một chân trời vừa hé mở. Một quan niệm mới về người, về cuộc sống. Những ý nghĩ rất lan man về đời…

Bà Hưng Phú lợi dụng yên lặng ấy để mà cắt nghĩa:

- Tôi với bác Hiệp đây là người đồng hương. Hèn chi mà hôm bác mới đến đây, tôi ngờ ngợ mãi. Trông nhang nhác… Nhưng lâu năm quá không được

gặp, nên trông khác quá. Ngày xưa bác ấy còn trẻ lắm, mà mặc quần áo ta…

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 457, Ngày 26-6-1943

CƯỜI

Quả như lời hắn đoán, thằng bé khóc chán rồi lặng thật. Có lẽ bây giờ thì nó nhọc quá, đã ngủ say như chết, không khí trở nên thư thái. Chỉ còn mấy tiếng võng đưa ken két khoan thai và đều đặn như tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ thật to…

- Thằng này khá lắm đấy! Nó mới sinh ra đã có cốt cách của một dân nhà báo: thích kêu gào lắm.

Hắn nghĩ về đứa con như vậy. Bởi vì hắn vốn là một người vui tính. Hắn ưa hài hước. Hài hước một mình thôi. Hắn thích tìm ra những ý nghĩ ngộ nghĩnh để cười một mình. Nhất là những khi hắn vừa gặp việc gì cáu kỉnh. Khi người ta cáu, mặt người ta co rúm lại. Cổ người ta bị tắc. Máu tiết ra chất độc, có hại cho sức khỏe lắm đấy! Nhưng nếu ngay lúc ấy người ta cố mỉm cười một cái thì mọi sự tiêu tan hết. Mặt tươi ra. Có thoang thoảng chất độc trong người theo hơi thở thoát ra ngoài hết. Người trẻ lại. Nụ cười chính là một vị thuốc tiêu đàm, tẩy độc, lương huyết và bổ tâm, bổ phế, bổ tì, bổ vị, bổ thận, chẳng cái gì không bổ. Tiên dược đấy. Nó cải lão hoàn đồng rất mạnh. Mà lại không tốn kém một đồng xu nhỏ. Chỉ cần nhếch môi một cái. Dễ dàng hết sức. Vậy thì tội gì mà không cười. Cứ cười đi, cười nhiều đi…

Hắn cười. Mặt trăng cười với hắn. Ấy là một khuôn mặt đàn bà phúc hậu, đầy đặn, tươi tỉnh, da tươi mát, phẳng phiu và sáng sủa. Ánh trăng xanh phứt thấm vào da hắn như một chất kem. Chính là sự bình yên tỏa ra từ cái linh hồn dìu dịu của trăng. Trăng rất hiền hòa, rất êm đềm, rất vỗ về và an ủi. Nếu trăng là đàn bà thì người đàn bà ấy thật hoàn toàn. Hắn nhìn trăng và ao ước quá!...

Trong đời có hai cái mà hắn ghét hơn mọi cái: tiếng trẻ con khóc và tiếng đàn bà gắt gỏng. Cũng bởi ghét hai thứ tiếng ấy nên có nhiều lúc hắn nghĩ ra rằng: loài người còn kém xa loài vật. Ở loài vật, như giống chim chả hạn. Những con chim cái thì ấp trứng, nuôi con rủ rỉ với chồng, rỉa lông chồng một cách âu yếm quá. Con không quấy vòi vĩnh mẹ. Mẹ không

nghiến ngấu con. Hòa bình và hạnh phúc tỏa bóng mát trong cái nhà bé nhỏ của chúng. Giá tất cả trẻ con đều hiểu rằng: chính sinh ra là để đi bộ, để mở những con mắt hau háu ra cười với người ta, để chim chim, đi chợ, làm cò bay hay những trò ngây ngô tương tự như thế chứ không phải để dụi mắt, để dỗi hờn, để khóc the thé đến làm bố điên lên được. Giá tất cả đàn bà đều hiểu rằng: người ta cưới họ về là để họ đem cho người ta những nụ cười, những cái vuốt ve, những lời nói nhẹ nhàng, khả dĩ khiến người ta quên mệt nhọc và chán nản chứ không phải chuốc lấy những lời cáu cẳn và một bộ mặt suốt ngày nhăn nhó như mặt nạ. Con hắn với vợ hắn không hiểu thế. Con thì hơi một tí đã nhè mồm ra khóc. Vợ thì động thấy con khóc đã quát tháo, rủa con và rủa luôn kiếp mình. Mỗi lần thế hắn khổ hơn bị người ta chặt cổ. Hắn muốn đập một cái gì cho đỡ tức. Nhưng đập ra lắm thì chỉ thiệt (Thời buổi này, một cái niêu đất cũng phải hai hào chỉ…). Hắn đành nén giận vùng vằng chạy ra ngoài, chạy thật xa, vừa chạy vừa bịt chặt hai tai như một đứa trẻ con sợ pháo. Nhưng vốn giữ gìn sức khỏe, không bao giờ hắn dám tức lâu. Bực tức hại người. Gặp lúc khó khăn, thức ăn tẩm bổ đã chả có, hơi đâu mà chuốc lấy những nỗi cáu kỉnh để mà phí sức đi. Ốm một cái, phải uống một chục thang thuốc bây giờ là mất nghiệp. Bởi thế mỗi lần tức giận, hắn vội tìm ngay ra một ý gì ngộ nghĩnh để mà cười cho đỡ khổ. Hắn nhìn trăng mà cười…

Khi thấy mình đã thật sự bình tĩnh rồi, hắn vào nhà. Con hắn đã ngủ khì khì. Vợ hắn được nằm yên nghĩ tơ mơ. Những lúc thư nhà, người đàn bà họ có những giấc mộng đẹp vô cùng. Cứ mộng, cứ mộng và để cho hắn yên thân một chút. Nhưng vợ hắn không mơ mộng, thị đang nhẩm tính những món tiền này nọ. Vậy thì hắn đã yên thân thế nào. Hắn nhẹ nhàng đặt mình nằm ngửa xuống giường, hai tay mềm mại buông xuôi, thở đều đặn và chầm chậm, tốt cho sự tuần hoàn và bộ thần kinh lắm đấy. Tối nào trước khi ngủ, hắn cũng thở hai mươi hơi như vậy, rồi thì hắn nhắm hai mắt lại, tập trung tư tưởng. Hắn bắt đầu tự bảo: “Tôi khỏe lắm. Tôi vui lắm. Tôi sung sướng lắm. Vợ tôi thật đáng yêu.”. À, cứ vậy mà ăn câu đấy. Đó là phép tự kỉ ám thị. Hắn cố kêu thế mãi, tất có ngày hắn sẽ khỏe lắm, vui lắm, sung sướng lắm, và vợ đáng yêu lắm thật. Nhưng điều cần là phải đặt tin tưởng và cả quyết vào ý nghĩ cho mạnh mẽ và rắn rỏi: “Tôi khỏe lắm, tôi vui lắm, tôi sung sướng lắm, vợ tôi…”

- Cái gì?

Hắn đột nhiên tắt cái ý nghĩ để vọt ra miệng câu hỏi ấy. Bởi vì hắn mang máng nghe như vợ hắn vừa hỏi gì vậy. Bị quấy rối, hắn hơi cau mặt. Câu hỏi cụt ngụt có vẻ hơi gắt gỏng. Vợ hắn tức thì gắt lại.

- Điếc hay sao thế? Người ta hỏi sáng mai gọi người vào bán đi năm thùng thóc nhé?

Bán đi năm thùng thóc? Thế thì còn có hai mươi thùng nữa. Hai mươi thùng ăn từ nay đến Tết, có lẽ ngoài Tết, đến tận vụ chiêm sang năm nữa, bởi vụ mùa nhà không có ruộng mà tiền để đong thì chắc gì tháng Mười này có? Con mụ này nó mới điên đấy hẳn. Hắn đã thấy máu đưa lên cổ, nhưng cố nín. Hắn lặng im không đáp. Không đáp tức là hắn tức. Nhưng tức cái gì mà tức? Vợ hắn hỏi bằng một giọng ôn tồn giả hiệu:

- Mình có bằng lòng hay không bằng lòng?

- Tôi không biết. Muốn bán bằng nào thì bán. Bán đi cả cũng mặc. Đừng hỏi tôi.

Buồn cười chửa, có vậy mà cũng gắt như mắm thối. Đã muốn gắt thì cho gắt, người đàn bà nghĩ thế. Và thị khinh khỉnh bảo:

- Không bán, không lấy gì mà đưa lãi nợ cho người ta được. Người ta chẻ vào xác ấy, lại còn tiền đóng họ, tiền nợ vặt, tiền lương tháng, tiền nộp thuế, tiền ba chén thuốc lấy cho thằng cu hôm nọ… Bao nhiêu là thứ, người ta rối lên như canh hẹ. Mình ngồi nhà cứ tưởng vợ con sung sướng lắm. Có biết đâu vợ hơi bước chân ra đến chợ, người ta đã xúm vào nói như đổ mẻ vào mặt. Ai chịu được?

- Ai bắt mình khổ mà mình khổ?

- Giời bắt đấy. Nhà tôi kém phúc đức nên tôi khổ.

Ấy thế là hai vợ chồng cãi nhau. Thằng bé thức giấc the thé khóc. Nhà um lên những tiếng điếc lác, dằn vặt, hắt hủi và khóc lóc. Kết cục thì người vợ

nhịn. Anh chồng không nói nữa nhưng vẫn còn tấm tức. Tận canh ba đêm ấy hắn vẫn chưa ngủ được. Hắn giở mình quay mặt nghiêng ra cửa. Ô kìa, trăng vẫn cười… Hắn tự nhiên bẽn lẽn. Hắn không dám nhìn trăng nữa. Một phút như thế ấy. Rồi hắn lại ngước mắt lên vầng trăng trong trẻo và mỉm cười với trăng.

Sáng hôm sau vợ hắn vừa mở mắt thì đã thấy hắn quần áo chỉnh tề. Thị không ngạc nhiên, hắn bảo ngay:

- Tôi đi ra tỉnh.

Thị sa sầm mặt. Bởi vì thị chẳng còn lạ gì cái khóe này của hắn. Mỗi lần cãi nhau với vợ xong, hắn cũng bỏ nhà đi bốn năm hôm. Đi rất lăng băng thường thường, nếu có tiền, hắn đem hết đi để ăn uống, chơi bời thật thỏa thuê, ra bộ nghĩ "đã chẳng ai thương mình thì mình cũng nên thương lấy mình một chút, tội gì mà khổ!". Nếu nhà chẳng còn đồng xu nào thì hắn cũng đi, nhưng đi đến mấy nhà người quen. Hắn nằm khàn ở nhà người ta vài ngày để tán róc với nhau. Các bạn bè ai cũng chuộng hắn bởi hắn có một cái tính gàn gàn ngộ nghĩnh, lộ ra bằng những câu chuyện nửa dở hơi, nửa thông minh, rất hời hợt mà cũng rất sâu sắc nữa. Vả lại, tuy người ta đều biết hắn nghèo nhưng chẳng ai ngờ hắn đến nhà người ta để đợi ăn. Bởi vậy, đến nhà ai hắn cũng được tiếp đón rất hẳn hoi. Giá thử hắn có vắng nhà đến nửa tháng cũng không lo chết đói. Hơi một tí là lầm lầm lì lì dọa đi ra tỉnh. Vợ hắn cau mặt bảo:

- Muốn đi đâu thì đi.

Hắn không gắt lại, nhưng ngước đôi mắt buồn rầu lên nhìn vợ một cách oán trách. Bởi vì lần này hắn không có ý đi lăng băng như những lần trước. Những lần trước hắn thật sạch, chẳng qua cũng như những người mệt mỏi đi đổi gió. Nhưng lần này hắn không còn bực tức. Đêm qua nằm nghĩ ngợi hắn xét ra rằng: vợ hắn không đáng trách, khi đầu người ta lúc nào cũng rối tung lên vì trăm thứ tiền, trăm nghìn công việc phải lo toan, rồi lại phải lật quật suốt ngày, chẳng ngơi chân ngơi tay một lúc nào, mải miết trong cả lúc ăn, thế mà đêm đến cũng chưa lúc nào ngủ yên lành, còn bị con quấy rối, lúc khóc, lúc giẫy, lúc day vú như con chó day giẻ… thì người ta bình

tĩnh làm sao được. Người ôn hòa đến đâu cũng phải sinh ra gắt gỏng. Trước kia vợ hắn có thế đâu? Bây giờ chỉ cần cho thị đỡ vất vả, đỡ lo lắng, có chút thì giờ để nghỉ ngơi thì thị lại vui vẻ điềm đạm ngay được đấy. À, như vậy thì sao hắn không đi tìm việc làm kiếm tiền giúp đỡ ra đình? Nấn ná đến bao giờ? Thầy thuốc bảo hắn cần phải nghỉ ngơi ở nhà quê. Nhưng cúi đầu mà nghe mấy ông thầy thuốc, cẩn thận quá đến thành lẩm cẩm. Người ta chết được thì cũng khó. Vả lại chết vì bệnh không đáng sợ. Ta nên sợ cái chết trong lúc sống, cái chết đáng buồn của những người đang sống sờ sờ ra đấy, nhưng chẳng dùng sự sống của mình vào công việc gì…

Tối mịt hôm ấy hắn mới về đến nhà. Người thấy mệt nhoài nhưng lòng thì vui vẻ lắm. Hắn nhất định nếu có thấy con đang khóc, vợ đang nghiến ngấu thì cũng không tức tối. Tình cờ thế nào mà cảnh nhà lúc ấy lại yên vui. Mẹ đang rấu rí con. Hắn đứng lại bên ngoài cửa bếp và nghe…

- Con gọi thầy đi… Thầy ơi! Thầy, thầy! Gọi đi, thầy mày bây giờ lại đang cười với cô tân thời rồi!

Giọng nói âu yếm quá. Có lẽ lúc bấy giờ người thiếu phụ đang nghĩ đến chồng với những ý nghĩ rất dịu dàng. Thị nói với đứa con chưa hiểu biết gì để có cớ mà nhắc đến chồng yêu. Hắn cảm động đến thấy mi mắt ướt… Đột ngột, hắn đẩy cửa bước vào. Vợ hắn giật mình. Chợt nhận ra chồng, đôi mắt thị sáng hẳn lên vì mừng rỡ:

- Mình!

Thị buột miệng reo lên một tiếng rồi cúi đầu bẽn lẽn. Có lẽ thị sực nhớ vợ chồng hãy còn giận nhau ban sáng. Hắn mỉm cười chế nhạo, vợ hắn cũng bật cười, lườm hắn. Hắn khoe ngay:

- Mình không còn lo nữa nhé. Nay mai tôi đã có chỗ làm rồi.

Thị ngạc nhiên:

- Làm gì?

- Dạy học

- Hừ, không dạy… Mình còn yếu lắm, cứ nghỉ cho bao giờ thật khỏe, vả lại lần này có khỏe rồi tôi cũng chẳng để cho mình đi dạy học. Dạy học hại người lắm…

- Ồ, vẽ chuyện…

- Vẽ chuyện à? Đốc-tờ họ bảo…

Hắn cười ầm ỹ:

- Đốc-tờ, đốc-tờ. Thôi đi, tôi lạy các ông đốc-tờ cả nón… Tôi bất cần đến các ông đốc-tờ, tôi chỉ cần tiền thôi. Tôi cứ đi dậy học.

- Thế mà cũng nói…

- Chứ không à? Chỉ ba hôm nữa là tôi đi…

- Không đi nữa!

- Cứ đi

- Cứ đi là thế nào. Tôi có để cho mình đi, tôi chết.

- Cho mình chết.

- Ô hay, mình rủa tôi đấy à? Mình mong tôi chết lắm?

- Tôi mong lắm. Sống mà cứ cau có như khỉ thì cũng nên chết đi cho rảnh.

Ấy thế là người đàn bà thấy máu ứ lên đến tận cổ. Thị cũng biết rằng chồng nói đùa. Nhưng câu nói đùa chứa đựng rất nhiều ý trách móc. Và cả sự mong mỏi ngấm ngầm nữa. Thị tủi thân quá, đến nỗi nghẹn ngào không nói ra tiếng được. Một phút sau thị mới bật được ra được một lời uất ức.

- Chết thì chết. Mình tưởng tôi sung sướng lắm đấy mà còn cầu sống lấy năm mươi năm nữa, kẻo thế này chưa già đời.

Thị oán chồng vậy. Thị muốn nói cho chồng biết chính vì chồng mà thị khổ. Sự ấy hình như đúng mới chết anh chồng chứ! Anh ngẫm nghĩ. Anh cực, anh cực quá. Giời bắt anh ốm đau đến thành một phế nhân ăn hại vợ, tự anh lấy làm cực lắm rồi. Còn đợi ai phải nói. Ấy thế mà thị nỡ lòng nào nói trắng ra. Có phải thị sỉ nhục anh không? Thật thị tàn nhẫn quá. Mắt anh đỏ ra như miếng tiết. Anh run run giọng bảo:

- Đừng nói nữa… Mình không cần phải nói thế đâu… Tôi biết rồi.

- Biết rồi là biết làm sao?

Người đàn bà vặn thế. Cứ vậy, tiếng bấc đưa đi, tiếng chì quăng lại, mỗi người chỉ nghĩ đến sự quá quắt của người kia mà không một chút nghĩ đến sự quá quắt của mình. Cũng không ai chịu nhớ rằng: ngoài những lúc giận nhau, họ là một cặp vợ chồng rất tốt. Chồng thương vợ, vợ thương chồng, đôi bên luôn luôn tìm cách làm cho nhau đỡ khổ. Họ chỉ còn biết nói cho thật chua chát, nói thế nào cho người nghe thật tức, thành thử cả hai cùng tức lắm. Họ đều to tiếng. Và kết cục thì người vợ hầm hầm bế con vùng vằng chạy vào buồng. Anh chồng ngồi cắm mặt ở nhà ngoài, mím chặt môi để nuốt khí giận ở trong. Giận thật, ừ, giận thật.

Nhưng bỗng nhiên anh cười khanh khách. Bởi vì anh chợt nghĩ rằng: vợ anh nghiện cãi nhau, nếu không được cãi nhau thì đời thị sẽ buồn lắm. Vì vậy anh yêu thị cũng nên. Ở nhà để thỉnh thoảng cãi nhau với thị. Cãi nhau hai người thì mới đúng phép và mới thích; cũng như đánh quần vợt, đánh cờ hay đấu kiếm, một người không thành cuộc…

Anh cười rũ rượi, cười ngặt nghẽo.

Ấy là anh lại dùng đến liều thuốc giải uất dùng mọi khi: tiếng cười.

Đăng trên tiểu thuyết thứ Bảy số 477 (4-9-1943)

với tên truyện là Bực mình sau đổi thành Cười

và đăng trong tập truyện Cười.

QUÊN ĐIỀU ĐỘ

Đây không phải là một người điều độ vì điều độ. Hài điều độ vì bắt buộc. Hắn không có sức dư để bứa bừa. Hắn cũng không có tiền. Hài mới hăm nhăm. Cái tuổi đương xuân, cái mạch máu đầy căng, đôi môi chẳng chán cười. Bắp thịt dẻo nên chân đi không biết mỏi. Dạ dày có thể giãn ra như một cái túi cao su. Đôi mắt nhìn khoái trá như ăn. Ham muốn là cái phễu chẳng đặt vào đâu. Tin tưởng mạnh ngay với đôi tay cứng cáp. Bởi vậy chẳng có cái gì có thể gọi là thái quá. Ấy là nói cái lúc đương xuân của những thanh niên khác. Không kể Hài.

Hài đương xuân mà không biết cái sướng của người lúc đương xuân. Hắn có bệnh tim. Hắn lại đau phổi nữa. Ông bố hắn là một người nghiện rượu. Bà mẹ hắn chết non vì bệnh sản hậu lao. Hắn yếu ngay từ lúc chửa sinh ra. Đã thế nuôi nấng lại sơ sài. Hắn không chết yểu cũng là may đấy. Năm hắn lên sáu, thấy hắn hiền, người ta đoán: thằng này học được đấy, nó không ham chạy nhảy như con nhà khác. Người ta nhốt hắn vào lớp. Ông thầy quát mắng. Ông thầy đánh đập. Hắn nhát nên chăm chỉ. Học chẳng có gì là lanh lợi nhưng hay thuộc bài.

Năm hai mươi, hắn đậu bằng tốt nghiệp thành chung. Năm hăm mốt hắn trúng tuyển kì thi thư ký vô tuyến điện, bao hơi sức đã phí đi để tranh một việc làm. Còn sức đâu mà làm việc? Chưa qua được thời kỳ tập sự Hài đã ốm. Hắn xin thôi việc. Không có tiền để nằm ở các bệnh viện, hắn về nhà quê để chạy chữa. Ở nhà quê có đủ cơm đã là may. Tiền đâu thuốc thang? Hắn chỉ chữa bệnh bằng nghệ sống, bằng nước rau má tía, bằng nước tiểu trẻ con. Ba món ấy của ba người. Mỗi người mách một món, chẳng biết ai hay. Hắn dùng cả ba món cùng một lúc. Được cái những vị ấy không đắt lắm. Nghệ có sẵn ở trong vườn. Rau má tía mọc hàng rừng ở vệ đường, trẻ con thì nhà nào cũng có, trẻ nhà nào cũng biết đi tiểu cả. Được đi vào một cái cốc thì thú lắm. Chúng không đòi tiền… Cũng nhờ vậy mà Hài dùng ba món thuốc trên này được khá lâu. Đến ba năm. Ấy thế rồi hắn khỏi. Tự nhiên mà khỏi. Hay không khỏi thì cũng vậy. Bởi có những cơ thể lâu ngày quen với bệnh. Bệnh vẫn còn ở đấy nhưng người vẫn không chết gì.

Có lẽ Hài cũng thế chăng? Hắn đợi chết mà không chết. Ấy thế mà Hài có cái bằng tốt nghiệp thành chung. Hài có quyền mở một cái trường tư. Hắn xin phép mở. Mở trường tư cũng phải là một người đủ sức. Người ta đòi một giấy chứng nhận của đốc-tờ. Hài phải đến phòng khám bệnh của một y sĩ xin một tờ chứng chỉ.

Viên y sĩ nghe tim, ông đã lắc đầu rồi. Nhưng bởi tò mò nên ông nghe thêm phổi nữa. Ông trố đôi mắt thật to nhìn Hài. Nhìn một lúc khá lâu ông mới bảo:

- Ông có bệnh.

Hài thốt nhiên lại thấy mình ốm yếu. Hắn tái mặt. Viên y sĩ tiếp:

- Ông đau tim nặng. Phổi cũng không được lành.

Hài đứng ngay người không nói được, hắn gần muốn khóc. Viên y sĩ phải nói cho hắn hiểu:

- Thế nghĩa là tôi không thể chứng nhận rằng ông khỏe, ông đừng dạy học.

Hài hoảng hốt. Đừng dạy học! Thế thì hắn làm nghề gì để kiếm ăn? Hắn năn nỉ:

- Ngài thương tôi, tôi nghèo lắm. Tôi cần phải kiếm tiền để sống.

- Tôi biết. Nhưng còn lương tâm nghềnghiệp… ông mà dạy học thì ông chết mau lắm đấy!

Hài cười gượng.

- Chết mau nghĩa là chưa chết. Nếu tôi không dạy học thì chết ngay, bởi không ai có thể sống mà không ăn.

Lý luận cũng hay hay. Nhưng viên y sĩ không thể để cho mình bị cám dỗ. Ông khăng khăng từ chối. Hài phát khóc. Hắn đành nói dối:

- Ngài thương cho. Tôi xin hứa chỉ đứng làm hiệu trưởng trông coi chứ không dạy học.

- Không có lý!

- Tôi xin hứa… Ngài thương cho!...

Mặt Hài lúc ấy chắc là thảm lắm. Bởi viên y sĩ đã thành ra do dự, sau cùng, ông tặc lưỡi ngồi vào bàn giấy.

- Tôi nể quá. Nhưng thật là tôi giết người.

- Ngài đừng lo.

Tờ chứng chỉ xong rồi. Viên y sĩ đưa cho Hài và bảo:

- Ông nghe tôi. Đừng làm việc lắm. Nếu làm việc ông không sống lâu được.

Hài muốn cảm ơn. Nhưng ông đã vội xua Hài ra như xua một điều hối hận. Ra đường phố, Hài buồn rầu rĩ. Hắn đau tim. Hắn đau phổi. Hắn không thể làm một việc gì nặng nhọc… Cái đời hắn chỉ là một cái đời vất đi. Thà chết ngay đi cho rồi!

Phải, thà chết ngay! Hài nghĩ thế để có can đảm mà dạy học, thật ra cũng chẳng cần can đảm. Hắn không dạy thì chết đói. Thiếu gì kẻ chẳng lấy gì làm can đảm vẫn phải bán dần dần sự sống đi để cho mình khỏi chết. Có lẽ chết đói là một cách chết mà chúng ta sợ nhất trong bao nhiêu cách chết. Ta có thể liều chết mà kiếm ăn.

Hài cũng vậy. Hắn tự nhủ: sống như mình vô ích quá! Thà cứ làm việc cho chết quách. Nhưng đồng thời lại nghĩ ta cần vệ sinh. Có như vậy thật, Hài thật là một con người vệ sinh. Hắn ăn có chừng thôi. Và chỉ ăn rau. Rau đã lành lại rẻ. Không bao giờ uống rượu. Chỉ uống toàn nước lã. Uống nước lã đun sôi vừa lành vừa thanh đạm lại không tốn một đồng xu nhỏ. Hắn không hút thuốc lào, thuốc lá. Hắn không đi xem hát, xem chớp bóng để dành thì giờ mà ngủ. Hắn không đi xe để dùng cách đi bộ làm thể thao. Sự

vệ sinh ra cũng rẻ. Thật hợp với một người không có tiền. Người điều độ chính là một người khôn ngoan.

***

Vậy Hài sống dè sẻn lắm. Trong khi dè tiền hắn dè luôn sức khỏe. Hoặc hắn dè sức khỏe để dè tiền, hai đằng cùng thế cả. Cái kết quả thật tốt đẹp. Cái lối sống chắt bóp chịu mãi cũng quen đi. Cũng như bệnh phổi và bệnh tim.

Nhưng một buổi tối, Hài đã gặp lại một người bạn cũ. Lúc ấy đèn phố vừa mới bật. Người tấp nập, các màu áo rộn ràng. Hài thật là một vật tối giữa đám đông tươi vui ấy. Hắn đi lủi thủi. Đầu hắn cúi. Đôi vai cụp xuống. Hôm ấy là đầu tháng. Cũng như tất cả những buổi tối đầu tháng khác, hắn đang đi thẳng đến một hàng tạp hóa để mua một lạng phẩm tím về pha mực. Đấy là mực của học trò trước kia. Mực học trò viết, học trò phải đem ở nhà đi. Như thế rất lôi thôi. Bởi vì chúng đánh đổ luôn. Thành thử có đứa mỗi tháng mất đến năm xu mực. Hài bèn bảo chúng góp cho thầy mỗi tháng một xu. Thầy đi mua phẩm lạng về pha tiện cho chúng mà thầy cũng có lợi đôi chút nữa. Lợi dăm, sáu hào gì đó, Hài đã tính. Nhưng hắn hay quên lắm. Hắn không còn nhớ rõ hắn lợi được sáu hào mấy hay năm hào mấy. Và bởi vì hắn không lúc nào chịu rỗi, nên hắn lại đang nhẩm tính lại xem cái số lợi ấy là mấy hào, mấy xu… Bỗng hắn bị một người nắm lấy vai. Hắn giật mình. Một thứ tiếng trọ trẹ Sài Gòn đã kêu lên:

- Ủa! Anh Hài!

Hài ấp úng:

- Trời đất ơi! Trời đất ơi!

Thư vừa nói vừa đập vào vai Hài bồm bộp. Tính anh như vậy. Anh bồng bột. Trong lúc mừng rỡ quá, mặt anh đỏ bừng lên. Mắt anh loang loáng. Hài thì bình tĩnh hơn một chút. Nói là chậm chạp thì cũng được. Hắn có vẻ như mệt mỏi. Bởi hắn đã già hơn một chút. Cái nghề dạy học làm người ta chóng già. Thư nắm lấy cánh tay hắn kéo đi như đội xếp kéo một thằng móc túi:

- Vào đây! Trời đất ơi! Tôi không ngờ lại được gặp anh Hài ở đây. Thế nào?

Họ bước vào một tiệm ăn. Đèn sáng trưng. Các bàn ăn phủ khăn rất phẳng. Thư kéo ghế ngồi ngay ở cái bàn nghênh ngang giữa hiệu và bảo Hài ngồi xuống. Một anh bồi chạy đến. Thư hỏi Hài:

- Anh uống gì?

Hài lúng túng, Thư vụt nhớ:

- À, hình như anh cữ rượu.

Hài vội vàng chộp lấy:

- Vâng, chính thế. Đốc-tờ bắt kiêng.

Hắn có vẻ tự kiêu. Hình như được đi hỏi đốc-tờ là một cái gì đáng để cho người ta kiêu lắm. Nhưng Thư không để ý. Hắn thản nhiên bảo bồi:

- Lấy bia vậy. Bia nó nhẹ.

Trong khi ấy, Hài đã có thì giờ nhìn kỹ Thư. Thư khác trước. Chẳng còn có vẻ gì của một anh chàng thất nghiệp đến ăn báo Hài, hồi Hài còn làm vô tuyến điện. Quần áo Thư sang lắm, thứ thuốc lá y hút là thứ thuốc Ăng-lê rất đắt tiền. Hài tự hỏi: "Thư làm gì mà có vẻ như giàu vậy?".

- Anh đổi về đây bao giờ?

- À…

Hài ậm ừ không trả lời. Hắn chưa biết có nên nói rõ cho Thư biết hắn đã thôi làm việc ở vô tuyến điện rồi hay không. Hắn hỏi:

- Bây giờ anh làm gì?

- Tôi buôn bán. Tôi có một cái nhà máy làm đường ở Hiệp Hòa.

Hài choáng người. Thư làm chủ một cái nhà máy! Và Hài nghĩ đến thân phận mình… Nhưng Hài không kịp buồn, Thư đã bảo:

- Tôi kiếm anh hoài. Hỏi chỗ cũ người ta bảo anh bị đau xin nghỉ. Tôi đoán anh về Bắc. Lớp này ra Bắc tôi định về thăm nhà xong lên Hà Nội chơi ít bữa rồi đi các đài vô tuyến điện tìm anh. Không ngờ được gặp ngay anh ở đây. Tôi sướng quá. Chúng mình phải đi chơi suốt đêm nay mới được. Ăn xong chúng mình đi hát. Anh về Bắc đã lâu chắc là thạo trống.

Hài mỉm cười và lại ừ hữ để không trả lời.

***

Ở tiệm ăn ra, Hài thấy đầu nặng mà chân thì nhẹ. Ánh đèn phố nhập nhòe, những cửa hàng, những cột đèn, những cái cây, những người đi, những xe cộ trên đường đều chập chờn, chập chờn. Những tiếng xôn xao bên tai Hài không nghe rõ nữa. Hài thấy vui lắm, buồn cười lắm. Môi Hài mấp máy chực cười luôn. Chân Hài bước mạnh dạn tuy có hơi chập chững. Hài say rượu, bởi vì đến lúc ăn, Thư đã gọi bồi lấy rượu vang, Thư bảo Hài uống một chút cho vui. Hơi men của cốc bia đã ngấm rồi. Hài nhận uống, Hài uống hết một cốc thì Thư lại bảo: làm chút nữa. Hài tặc lưỡi: "Ừ, thì uống!". Uống thêm một cốc cũng không thể chết. Mà có chết thì cũng được. Ấy thế là sau cốc ấy, Hài lại uống thêm cốc thứ ba. Giá có uống một cốc thứ tư nữa thì cũng được. Nhưng Hài không uống nữa. Bởi vì Thư đã không mời uống nữa. Thư biết bạn đã say lắm lắm. Mặt Hài đỏ gay. Mắt Hài đã lừ đừ. Hài bắt đầu nói to và hai bên mép thỉnh thoảng lại xếch lên mang tai vô cớ. Thôi đủ rồi, Thư trả tiền và dắt Hài đi ra.

Thư hỏi Hài:

- Đi hát chứ?

Hài nói to như thét:

- Đi chứ. Cố nhiên là phải đi.

Rồi Hài vịn vào vai Thư cười khanh khách. Mặt Hài co rúm lại một cách vừa buồn cười vừa thiểu não. Mấy người đi phố nhìn Hài với con mắt khó chịu hoặc ngạc nhiên. Thư uống rượu đã quen nên còn đủ tỉnh táo để mà nhận thấy. Anh hơi ngượng. Anh gọi hai cái xe. Hài lảo đảo bước lên một cái ngả hẳn người về đằng sau. Thư cẩn thận bảo xe Hài đi trước.

Rượu ngấm dần. Bây giờ thì Hài thật đã say mềm, cái xe hạ xuống suýt làm hắn ngã. Thư phải khoác một tay mà đỡ bạn. Bọn con em trong nhà hát chạy ra, xoa xuýt cười. Hai người vào. Vừa ngồi xuống, Hài đã gục luôn xuống bàn. Họ chẳng trống phách gì. Bởi vì Hài đã say quá mà Thư không biết trống. Cũng may cho Hài vậy. Bởi vì thật ra thì Hài cũng không biết trống. Người ta mời Thư uống nước. Hài nghe tiếng nhưng không cất đầu lên được. Hài thấy người ta đỡ Hài đi vào trong giường…

Khi Hài tỉnh cơn say thì một chiếc đồng hồ rè rè đánh ba giờ. Mấy chiếc khác gần hoặc xa xa nhắc lại. Chẳng hiểu sao, Hài hơi buồn buồn. Hắn mở mắt ra. Chỉ còn một ngọn đèn xanh vẫn thức. Ánh sáng rất thanh nhẹ tỏa xuống, rây qua lần vải màn lớt phớt, vào giường. Cái giường đượm hương thơm. Đấy là ý nghĩ của Hài. Bởi vì một đôi khi Hài có đọc một cái truyện ngắn hoặc một bài thơ đăng trên một tờ báo hằng ngày hắn mượn được của một người hàng xóm. Thật ra thì cái hương thơm ấy chỉ là một mùi nước hoa hạng rẻ tiền. Nhưng Hài có biết gì về cái thứ nước hoa. Hắn đã cho là tuyệt lắm. Tuyệt nhất là hắn lại thấy cạnh mình một người thiếu nữ.

***

Sáng hôm sau ở nhà hát ra, Thư hỏi:

- Bây giờ chúng ta đi về nhà anh chứ?

- Ừ, cũng được.

Cũng được, nhưng có lẽ Hài không thích lắm. Vẻ mặt hắn ngập ngừng. Hắn không muốn cho Thư nhìn rõ cái thực cảnh của hắn hôm nay. Thư đoán ra chăng? Hay anh chợt nhớ ra một việc gì khác? Anh lại bảo:

- A, nhưng mà không được. Tôi còn phải lại đằng này một chút. Anh cho tôi biết số nhà…

- Nhà tôi không có số. Chỗ tôi ở khá xa mà hơi khó tìm. Có lẽ cứ để tôi tìm anh lại tiện. Rồi tôi sẽ đưa anh về.

- Vậy càng tốt lắm. Tôi ở 26 Fouqueton, bao giờ anh sẽ tới?

- Chiều hôm nay

- Thiệt nhớ? Vậy chiều hôm nay…

Hài gọi một cái xe về nhà. Sự hoang phí ấy sở dĩ có là bởi vì hắn đã mệt rã rời.

Nhưng cũng bởi hắn đã được hưởng một cuộc ăn chơi tốn hàng mấy chục đồng mà chẳng phải bỏ ra một đồng xu. Vậy thì bây giờ có bỏ ra vài hào chỉ cũng còn lợi chán. Đến nhà thì học trò đã đầy trước cửa. Đứa ăn quà, đứa trêu chọc bạn. Hài nghĩ đến tám giờ đồng hồ, quát tháo, chấm bài, đập thước xuống giường chan chát. Hắn thấy trong ngực cuồn cuộn buồn mửa. Làm việc quả thật chẳng có gì vui vẻ. Hôm ấy hắn cắt nghĩa bài uể oải. Đôi mắt đỏ ngầu mệt mỏi. Chốc chốc hình ảnh người thiếu nữ lại trở về, dắt theo hình ảnh những phút vui đêm trước. Hắn lại thừ người ra một lúc rồi hắn lại tự bảo: "Những cuộc vui hại người".

Tuy vậy vừa tan buổi học chiều, hắn lại đi. Hắn nhịn cơm. Và cái đầu, quần áo chải chuốt hơn mọi bữa. Hắn nhấp nhỏm chỉ sợ Thư sai hẹn. Nhưng may quá! Thư vẫn đợi. Hai người dắt nhau đi. Buổi tối bắt đầu bằng một cốc bia như bữa trước. Hài đã quen nên làm việc ấy thản nhiên. Nghĩa là cái sự ngồi ở một bàn nghênh ngang chẳng còn làm Hài cảm động. Lát nữa, khi bước vào nhà hát, Hài cũng sẽ cố thản nhiên như vậy. Như một người ăn chơi. Muốn làm dáng từ giờ hắn hếch cái cằm lên mỉm cười khẽ hỏi Thư:

- Thế nào?

Thư không hiểu. Bởi vì Thư quên cái việc đi hát ngay từ lúc mới ra khỏi nhà hát. Hài ngượng nghịu nhưng vẫn cố giữ nụ cười, hỏi lại:

- Buổi hát tối hôm qua thế nào?

Thư nhấc bàn tay lên khỏi vế đùi, hơi ngả người về đằng sau trợn mắt bĩu môi. Đây là điệu bộ của một người thất vọng. Anh kêu luôn bằng tiếng Pháp.

- Ồ, chán chết… chúng nó hắc như thuốc thụt muỗi và bẩn như một cái chân sâu quảng.

Hài cúi mặt. Hắn thấy Thư làm bộ và đáng ghép. Mới có tiền một chút mà đã kênh kiệu thế. Hắn nhìn một người đang chúi mặt xuống một đĩa đồ ăn ở mãi một bàn xa để khỏi phải nhìn Thư. Hắn hơi buồn buồn. Câu chuyện giữa đôi bạn thành rời rạc. Hai cốc bia đã cạn, Thư hỏi:

- Ta có ăn không?

- Tùy đấy

- Tôi thì không thấy đói.

- Tôi cũng vậy.

Và Hài lại càng bực mình thêm lên. Thư gọi bồi lại đưa cái giấy năm đồng cho hắn ra quầy trả. Người bồi đem tiền thừa lại. Thư ừ hữ cầm lấy. Hai người đi ra.

- Đi đâu bây giờ?

- Tùy đấy!

- Hay lại đi hát?

Thư hỏi thế với một cái cười chế nhạo. Hắn tặc lưỡi.

- Đi làm quái gì.

Bỗng Thư reo lên:

- Kìa Bình!

Lại là một người bạn nữa. Người phốp pháp, ra sáng sủa, áo quần sang trọng. Họ có vẻ mừng rỡ lắm. Họ tranh nhau nói cười vồ lấy nhau. Hài có vẻ bị quên. Hắn lấy làm khó chịu. Ba người cùng đi một quãng. Hài chợt bảo:

- Thư này.

- Gì vậy?

- Hai anh đi nhé, tôi phải đi đằng này có tí việc.

- Vậy hả? Có cần không?

- Cũng hơi cần.

Thư chìa tay ra.

- Vậy để chút nữa. Chúng tôi chờ anh ở chỗ nào?

- Đừng đợi nữa.

- Sao vậy?

- Có lẽ tôi không đủ thì giờ.

- Đáng tiếc! Vậy thì mai nhé?

- Ừ, ngày mai.

Hài trả lời rất khẽ. Bởi vì Hài định chẳng bao giờ còn tìm Thư nữa, Hài đi lộn lại. Được mười bước chân, hắn quay lại nhìn Thư và Bình. Hai người vẫn nói toang toang như quên hẳn hắn. Hắn cúi đầu, cụp hai vai, did lủi thủi…

Hắn đến hàng tạp hóa như mọi khi, mua một lạng phẩm tím. Rồi hắn lại đi bộ về. Chiều hôm sau, hắn ăn cơm xong, đi nghỉ sớm. Và tự bảo:

- Người điều độ thật là một người khôn ngoan.

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 478, ngày 11-9-1943

NƯỚC MẮT

"… Car I'honme n'est laid ni pervers

Qu'au regard sec de L'egoisme

Et I'eau d'une larme est un phrisme

Qui transfigure I'univers…"

(FRANCOIS COPPÊ)

"Người chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt

ráo hoảnh của phường ích kỷ, và nước mắt

là một miếng kính biến hình vũ trụ"

Gà gáy lần thứ nhất… Điền mở mắt ra rồi, nhưng vẫn còn tiếc cái giường. Cả đêm hắn chưa ngủ được giấc nào ngon. Tính ra, hắn phải dậy đánh diêm đến năm lần. Thằng bé nóng đầu, quấy suốt đêm. Vợ Điền phải thức luôn mấy đêm rồi thành ra gắt gỏng với con. Chốc chốc Điền lại phải dậy châm đèn, lấy thuốc hay lấy nước cho con uống. Như vậy làm gì mà chả nhọc?

Điền uể oải ngồi lên, xuống giường. Trời đã sáng tờ mờ. Vợ Điền mới nằm yên. Thằng ở chợp mắt đi cũng chưa lâu. Điền chẳng muốn phiền ai. Tự thổi cơm lấy mà ăn bây giờ thì ngại lắm. Điền bèn nhất định không ăn cơm sáng nữa. Đi sớm cho được mát! Hắn đi rửa mặt xong, về mở tủ, luồn cái ví vào túi, khóa tủ và rón rén bỏ cái chìa khóa vào túi vợ. Nhưng vợ hắn chưa ngủ mệt. Thị giật mình, thức giấc. Thấy chồng đã áo mũ sẵn sàng, thị hỏi:

- Mình đi đấy à?

- Đi.

- Gọi nó dậy, nó thổi cơm cho mà ăn đã chứ?

- Thôi không ăn nữa. Ăn rồi mới đi thì nắng mất!

- Mãi đến chiều mới về mà không ăn thì đói, chịu sao được?

- Ra tỉnh, lĩnh tiền rồi, tôi sẽ vào hiệu ăn.

Hắn ra đi. Nhưng thị vợ gọi giật lại:

- A này! Lúc về mình nhớ tạt vào nhà cụ lang ngõ Huyện lấy thuốc cho em nhé!

- Thuốc thằng Chuyên ấy à? Còn nhiều lắm…

- Không! Thuốc con Hương kia! Mặt nó lại lấm tấm đầy những mụn.

- Vẽ chuyện. Tìm thứ lá gì mát cho nó uống. Mấy cái mụn việc gì phải thuốc? Thuốc bây giờ rẻ cũng phải một đồng một thang. Nay thuốc mai thuốc thì rồi lấy gì mà ăn?

- Không có ăn, cũng phải cho nó uống. Chứng sài của nó ngày xưa ấy, nó mới phát, uống dần đi vài ba thang thì nó khỏi. Chả hơn để nó phát ra đầy người, rồi mủ ế như ngày xưa cho tốn bằng chục thang ấy à?

- Ngày xưa khác: ngày xưa nó còn bé, bé mới sài chứ lên năm rồi còn sài ư?

- Lên năm cũng còn sài. Con nhà người ta lên tám rồi cũng còn sài kia. Mình đừng tiếc vài đồng bạc. Tiền thì ai chả tiếc bằng trăm mình ấy. Nhưng cái thế không tiếc được. Mình cứ lấy cho nó uống!

- Ừ thì lấy! Con lớn thuốc, con bé thuốc…Thuốc lắm rồi sau cũng có lúc được đi ăn mày!

Hắn hầm hầm bước ra. Làm chẳng đủ ăn. Hắn vốn cân nhắc việc tiêu tiền hơn một người keo: chỉ tiêu những món nào chẳng thể đừng. Mà chính hắn cũng đã được ốm nhiều lần nên hắn không ghét gì bằng ghét thuốc. Theo ý hắn, thuốc chẳng chữa được bệnh gì, uống lắm cũng chỉ tổ hại dạ dày. Hắn có một chứng bệnh tim, uống không biết bao nhiêu thứ thuốc rồi mà vẫn

tiền mất tật mang. Sau cùng, hắn bực mình, chẳng thèm uống một giọt thuốc nào nữa, thì cũng thế thôi, có chết đâu? Hắn còn có cảm tưởng như mình khỏe mạnh hơn trước nữa! Ờ, nếu thuốc quả thật có công hiệu như người ta vẫn khoe khoang thì chỉ những nhà giàu là sống mãi thôi, còn bao nhiêu những người nghèo thì sẽ chết hết, không còn một mống; mà nhà cái bà Hàn Hưng vẫn cho hắn vay tiền lãi mười phân, chẳng thiếu gì cao, quế, sâm, nhung kia đã chẳng đời nào chịu không con. Còn cái nhà thị Đắc sản hậu hao ở cạnh nhà hắn kia, tất đã chết nghẻo từ tám đời ván nào rồi, đâu còn sống đến bây giờ để thỉnh thoảng lại sang nhà hắn, ngoẹo đầu, ngoẹo cổ xin dăm xu ăn bánh đúc? Thành thực hay mỉa mai… Điền vẫn thường nói thế để có cớ mà hà tiện và tự yên ủi mình một chút. Nhưng vợ Điền không nghĩ thế, đối với thị, hai đứa con là cả cuộc đời. Thị có thể nhịn mặc, nhịn ăn, chịu nhục với người ta nhưng đừng ai cấm thị bán đi một cái nồi đồng hay một cái mâm thau hoặc cầm cố ruộng vườn để chạy chữa cho con khi chúng ốm. Thị không thể bỏ liều chúng được. Chúng hơi nóng đầu, sổ mũi thị đã lo sốt gáy. Khi một đứa ho chẳng hạn, thị thấy đau ngay chính ngực thị đúng như lời một nữ sĩ Tây phương đã nói…

- Thì ra đàn bà họ đều thế cả. Điền tự bảo khi đã ra khỏi nhà một lúc. Mà họ cũng cần phải thế. Nếu vợ Điền lại khác, nếu thị không thiết gì con chẳng hạn, thì tất nhiên là hắn đã ghét và khinh bỉ thị rồi. Vậy Điền không nên tức. Hắn không tức nữa, nhưng bắt đầu tính toán: hắn sẽ lĩnh được ba mươi đồng bạc, thuốc cái Hường ba thang độ ba đồng, với một đồng ăn là bốn, tiền thuốc thằng Chuyên bảy đồng bạc còn khất đấy, bốn với bảy là mười một… Còn bao nhiêu thì đóng họ, đưa lãi nợ nữa là vừa hết xoắn. Lại mãi đến đầu tháng sau mới có tiền. Suốt một tháng giời, lấy gì mà ăn, mà giặt, mà cắt tóc, mà cho anh phu trạm mỗi lần anh đưa thư hoặc báo? Ấy thế là lại vay!... Điền nghĩ đến tất cả những món nợ chồng chất lên đầu hắn. Hắn nghĩ đến một cái áo sơ mi nằm trong tủ kính một hiệu may kia cứ tăng giá rất mau… Hắn lại phải xót xa một lần nữa, mười đồng bạc nữa lại bỏ ra cho hai đứa con uống thuốc. Hắn xót xa lắm lắm. Nhưng hắn không tức tối như lúc nãy, hắn chỉ thở dài ngao ngán cho kiếp mình.

***

Mãi đến mười giờ Điền mới tới trạm Quỳnh Nha, nắng rất gắt đã từ lâu. Mặt hắn đỏ gay, đẫm mồ hôi và chân hắn thì bụi. Lần này là lần đầu tiên, hắn lĩnh thư ở trạm này. Người đội trưởng mặt xương xương, khi thấy hắn xưng tên, há hốc miệng ra và nhìn hắn một cách rất buồn cười. Có lẽ hắn là người nhận được nhiều thư từ, sách báo nhất ở vùng này. Ông đội trạm thuộc tên. Những khi soạn thư, ông trông những phong bì gửi cho Điền phần nhiều đánh máy và có in dấu, mà đoán là ông Lê Cự Điền ở Phú Ninh là một ông rất oai, rất nhiều tiền. Ông sửng sốt khi thấy ông Lê Cự Điền chỉ là anh chàng gầy như một cái tăm, mặc áo the, đi chân không và đội một chiếc mũ trắng cũ kỹ đến mấy năm chưa đánh phấn. Ông nhìn Điền từ đầu đến chân rồi mới hỏi Điền:

- Vu ở Phú Ninh lên đây bằng gì mà sớm thế?

- Tôi đi bộ đây thôi.

- Nhanh quá nhỉ? Lại không đến hai mươi cây số à? Chắc ở mạn dưới ấy xe hiếm lắm, ít khi gặp được?

- Kể thì cũng sẵn, nhưng ưa đi bộ. Xe đắt lắm!

Ông không đợi một lời nói toạc móng heo như vậy. Ông đoán Điền phải thú nhận việc dè sẻn của mình thì ngượng lắm. Bởi thế ông đùa để chữa thẹn cho Điền.

- Tay này cừ thật, có vậy những anh xe mới không bắt bí. Cứ khinh chân học trò quen đi bộ thì ngồi trơ mắt ếch.

Điền hiểu ý tốt của ông, mỉm miệng cười.

- Thật ra thì cũng chẳng anh xe nào bắt bí tôi đâu, bởi vì tôi đã định ngay ở nhà chỉ đi chân. Nhờ giời tôi chưa đến nỗi già. Không có lý gì người phu xe phải kéo một cái xe với một tôi mà còn có thể chạy một mạch từ Phú Ninh đến đây, mà tôi chỉ có tay không, mà lại không đi được. Thưa có phải thế không ạ?

- Vâng! Vâng!

Ông đội trạm gật đầu rất hăng và cười. Điền vừa kí tên và quyển sổ thư bảo đảm, vừa cười với ông. Trao phong thư cho hắn xong, ông vồn vã mời hắn ngồi nghỉ xơi chén nước. Hắn nhận ngay, bởi đang nhọc và khát như cháy họng. Nhưng đang uống thì đứa con ông đội trạm chạy vào. Điền thườn mặt ran gay. Hắn khổ sở vì không có dăm, ba hào để cho thằng bé. Bởi vậy, mới uống hết một chén nước, hắn đã vội vàng đứng lên từ biệt ông đội trạm.

- Ấy! Ông ngồi chơi đã!... Đi bây giờ nắng chết!...

- Ông tha phép… Tôi phải ra tỉnh ngay cho kịp.

- À! Ông đi lĩnh măng-đa? Vâng! Vậy thì ông đi. Con! Chắp tay vào chào ông!

Điền ngượng quá. Những lúc như lúc này mới thấy rõ không có tiền là nhục. Hắn lắp bắp mấy tiếng không rõ rệt, cúi gằm mặt, bước vội ra khỏi nhà trạm, đi một quãng thật xa rồi vẫn chưa hết nóng tai. Ông đội trạm chắc đang nghĩ rằng hắn là một thằng rất kiệt, rất tồi, có thể gọi là ngu… Hắn chép miệng luôn luôn. Thêm một nỗi bụng hắn đã bắt đầu thấy đói. Người thì nhọc. Nắng gắt thêm, chân hắn bỗng như bước trên một cái nồi rang. Hắn tưởng hắn có thể khóc òa lên được. Chao ôi! Chẳng là gì cả… Đó chỉ là những cái rất tầm thường, chẳng đáng cho một người cao thượng phải quan tâm. Sự đói nhọc, một chút lòng khinh của một người chẳng hiểu mình… Nhưng Điền cực lắm. Hắn thấy một lớp buồn tủi nữa chất thêm vào lòng…

Ở nhà dây thép tỉnh, Điền phải đợi khá lâu. Người gửi tiền, lĩnh tiền đông. Điền thì lại ghét chen chúc và xô đẩy. Nhưng kết cục rồi cũng phải len vào. Nếu cứ muốn làm người nhã nhặn mãi ở đây thì có lẽ chẳng bao giờ hắn lĩnh được ba chục bạc. Hắn lễ phép đưa căn cước và tấm bưu phiếu cho người thư ký.

- Thưa ông, ông làm ơn…

- Ơn oán gì! Đợi đấy!

Điền sửng sốt. Sao người ta lại có thể cục cằn đến thế? Hắn hối hận vì đã phí một lời lịch sự. Gã kia thì vẫn cứ cúi đầu và lia lịa viết, cau có, phụng phịu, làu bàu như cáu kỉnh với công chúng đến làm phiền gã. Điền lộ vẻ khinh bỉ và yên lặng đợi… Một lúc sau, gã mới ngẩng đầu lên. Tức thì hàng chục cái bàn tay cầm căn cước chìa vào. Gã hùng hổ giật xoét lấy từng cái một, đập cả chồng đánh bẹp xuống bàn. Rồi vẫn hầm hầm, gã lần lượt giở từng chiếc một ra xem để phát tiền. May cho Điền, cái bưu phiếu của hắn ở trên cùng. Viên thư ký biên những điều cần, cộp cái dấu đề ngày vào sổ, rồi ném cái giấy căn cước trả Điền. Gã ném theo cho Điền ba tập giấy bạc chỉ thoáng trông cũng biết là rách lắm. Điền nhăn mặt: ở nhà quê, giấy bạc rách quá người ta không chịu lấy. Điền kiểm lại. Kể thì cái nào cũng rách, nhưng cố nhiên là hắn không dám khó tính đến đòi đổi cả. Hắn chỉ nằn nì xin đổi một cái vừa rách làm ba, vừa nhòe nhoẹt mực. Viên thư ký lắc đầu quầy quậy.

- Không biết! Không biết! Không biết!

Điền không còn có thể bình tĩnh nữa. Hắn đỏ bừng mặt, ném tờ giấy bạc vào:

- Thế này thì ông bảo tôi tiêu làm sao được?

Lập tức viên thư ký đứng phắt lên, sừng sộ với Điền:

- Anh muốn tù phải không?

Điền biết gã nhận lầm mình bởi cái mũ cà tàng và cái áo the sờn, nên cứng cỏi nói bằng tiếng Pháp.

- Ông nên có lễ độ một chút, ông phải biết: ông ăn lương để làm việc cho công chúng, chứ không phải đối đãi với công chúng như những người lính chẩn.

- Nhưng… nhưng…

Gã nói không thành câu nữa. Mặt gã cũng đỏ lên như một hòn gạch. Gã lại ngồi phịch xuống. Gã nhặt tờ giấy bạc, ném ra trả Điền.

- Không tiêu được thì vứt đi!

Cái quạt điện đang quay, nên tờ giấy bạc bay vèo. Những người chưa lĩnh được tiền thì sốt ruột, đẩy Điền ra. Điền chạy theo tờ giấy bạc, và xô ngã một con bé độ năm sáu tuổi, theo mẹ đi gửi giấy. Hắn vội vàng đỡ nó dậy, giũ quần áo cho nó. Đến khi hắn quay ra thì tờ giấy bạc đã biến đi đâu mất. Trông thấy cái mặt ngây ngô của hắn, một vài người chế nhạo. Điền thấy mình lố lỉnh. Hắn bực tức chạy vội ra khỏi nhà dây thép, và cúi cổ bước thật nhanh, đi một quãng dài, không dám quay đầu lại. Đến khi gần ra khỏi tỉnh, hắn mới đi chậm hơn một chút. Ấy thế là một đồng bạc mất! Hắn tức lên đến họng. Hắn vừa đi vừa nguyền rủa người thư ký. Rồi hắn lại nguyền rủa hắn, bởi vì chính hắn cũng có lỗi một phần vào đấy nữa, hắn ân hận vì không chịu cứ nhận tờ giấy bạc rách ấy để đem lại nhà băng đổi. Hắn cứ loanh quanh nghĩ đến nó và tiếc mãi. Hắn nhất định nhịn bữa ăn đã định để bù vào đấy. Hắn buồn bã đi thẳng về.

Về đến nhà thì trời đã sâm sẩm tối. Điền nhọc ươn người. Hắn đi tập tễnh như một người què, bước vào sân. Vợ hắn hỏi ngay:

- Thuốc của cái Hường đâu?

Hắn chợt nhớ ra, thừ mặt, rồi chẳng đáp nửa lời, hắn lại ấm nước, rót ra chén, ừng ực uống. Hắn uống hết chén này đến chén khác, không còn biết bao nhiêu chén. Mồ hôi vã ra như tắm. Uống xong hắn mới vừa thở vừa bảo vợ:

- Tôi quên rồi!

Người đàn bà buông mặt xuống ngay. Thị giận dỗi với chồng:

- Quên! Chỉ quên suốt đời!... Có mà tiếc tiền ấy!... Quên… quên thế nào! Người đâu mà có người tệ thế!...

Điền gần muốn nhảy lại vợ mà bóp cổ. Con vợ thật là khốn nạn! Sau một ngày hắn đã phải chịu không còn biết bao nhiêu nỗi khổ, đấy là những lời thở ra để mà đón hắn! Hắn quắc mắt lên, và nghiến răng:

- Im ngay! Câm cái mồm!

- Câm… câm cái gì? Mình trông con kia kìa! Mặt nó sưng lên bằng cái lệnh, chẳng còn trông thấy mắt, và mụn thì đầy lên kia!

Thị nói như người gào. Điền đưa mắt nhìn con gái. Mặt nó sưng to thật. Hắn nghẹn ngào trong cổ, không nói được. Vợ hắn càng gào lên mãi:

- Tiếc tiền! Tiếc tiền… Nó chết rồi để tiền mà tiêu.

Điền tức sùi bọt mép. Mắt hắn lòe ra lửa. Hắn giơ một bàn tay run run lên, đánh nhịp cho lời nói bực dọc đến thành tàn nhẫn:

- Cho nó chết! Cho nó chết!... Sống mà làm gì nữa! Nay ốm mai đau thì chết đi cũng phải!... Sống lắm cũng chỉ khổ và làm người ta khổ thôi, được gì? Chết đi! Mày chết đi!...

Nói xong, Điền hét lớn:

- Thằng Bình đâu?

Không thấy thằng ở chạy lên, Điền quát hỏi con:

- Thằng Bình nó đâu Hường?

Hường sợ hãi, trả lời bằng một câu đứt làm mấy đoạn.

- Nó lại đau bụng xin về rồi.

- Cái thằng ấy nữa!... Nó cũng chết đi cho rảnh? Nay đau bụng, mai đau bụng… Nay xin về, mai xin về!...

Hắn vùng vằng đi vào nhà, quăng mũ quăng áo, quăng nốt cả cái thân xác mệt mỏi xuống một cái giường, thở hổn hển, như thể đẩy bớt ra ngoài cái khí giận đang cuồn cuộn trong ngực. Hắn thấy mình khổ quá, khổ như một con chó vậy. Hắn nhịn đói từ sáng đến giờ. Hắn đi bộ què chân, nắng hơ sém cả da. Hắn sẻn từ đồng xu uống nước trở đi. Hắn chịu nhục với mọi người… Như thế bởi vì đâu? Chẳng phải vì vợ, vì con ư? Nhưng nào vợ

con có thèm biết cho đâu! Đã chẳng an ủi một lời, vợ hắn lại còn vơ lấy một sự hắn quên để mà đay nghiến hắn. Ừ, thì cho rằng hắn không quên nữa, cho rằng hắn không lấy thuốc cho con là cố ý, là khỏi muốn mất mấy đồng bạc nữa, thì vợ hắn có nên nói tệ hắn như vậy không? Hắn hà tiện vì ai, hắn khổ sở vì ai? Riêng vào cái thân hắn cũng chẳng phí phạm một xu nào cả. Mấy mươi lần vợ hắn giục hắn may một cái áo sơ mi, hắn chỉ ư hử rồi để đấy, chưa bao giờ dám bỏ tiền ra mà may cả. Thế rồi bao nhiêu tiền cũng vào vợ, vào con hết… Hắn bủn xỉn, hắn tiếc tiền… Ừ, nhưng mà hắn tiếc tiền cho ai?... Điền cứ càng nghĩ càng thấy hắn là người khổ, vợ hắn là người tệ bạc. Hắn muốn chẳng thiết gì vợ con, nhà cửa nữa. Hắn sẽ đi phắt một nơi nào, sống cho mình, đứa nào chết mặc thây, bấy giờ họa chăng vợ hắn mới biết thân!

Ở ngoài hè, vợ Điền bảo thầm con:

- Con vào hỏi xem thầy có xơi cơm thì u thổi.

Điền nghe thấy mà nuốt bọt. Hắn đang thèm cơm lắm. Nhưng không hiểu sao Điền muốn nhịn, muốn đày đọa mình cho khổ hơn thế nữa, hơn nhiều nữa. Hắn thấy một cái thú chua chát trong sự tự làm khổ mình như vậy. Bởi thế khi Hường vào, rụt rè nhắc lại câu mẹ dặn, Điền quát lên với nó:

- Không ăn!

Nó bịu xịu đi ra. Mẹ con thì thầm. Rồi Hường lại rón rén vào.

- Thầy có xơi cháo đậu, để u con đi nấu.

- Không ăn!

Biết rằng chồng giận, vợ Điền phải thân hành vào. Thị ôn tồn hỏi:

- Mình ăn cơm rồi à?

Điền không đáp. Thị lẳng lặng một thoáng, rồi lại bảo:

- Mình ăn từ trưa thì bây giờ đói quá còn gì? Hay là mình nhọc, không muốn ăn cơm? Tôi quấy cho mình một chút bột sắn mình ăn nhé?

- Không ăn! Đừng hỏi gì lôi thôi!

Vợ Điền sầm mặt, ẵm con đi nằm. Điền thấy hơi hả dạ. Nhưng bỗng con bé Hường chạy vội ra đầu chái, về phía giường Điền, Điền nghe tiếng đôi guốc của nó lẹc kẹc rất nhanh một thoáng, rồi im lặng. Rồi Hường xịt mũi. Nó xụt xịt rất lâu ngoài ấy. Nó nghẹt mũi hay là nó khóc? Điền cố lắng tai nghe. Hắn nghe thấy những tiếng Hường nức nở. Hắn đột nhiên run người. Lòng hắn quang ra. Những ý nghĩ giận hờn bừa bộn vụt tan. Còn lại cái hình ảnh bé nhỏ của Hường với cái mặt đầy mụn và sưng lên của nó, đôi mắt giàn giụa nước và miệng mếu. Con bé còn nhỏ tuổi nhưng đã rất hay khóc vụng, mỗi lần khóc, nó lại tránh ra một chỗ, cố nén tiếng không cho ai biết. Điền thấy thương nó quá, tội nghiệp cho con bé. Nó ốm đau luôn và thường thường bị mẹ mắng chửi suốt ngày như tát nước. Mẹ nó mắng chửi nó, nhiều khi bất công và vô lý. Nhưng lạ thay! Lúc này Điền không vin vào đấy mà trách vợ. Hắn thấy vợ hắn không tệ. Thị cũng thương con lắm. Những lúc thị gắt gỏng với con như thế chỉ là những lúc thị sốt ruột quá, lo lắng quá. Cũng như hắn vậy, sao hắn nỡ đem lòng giận thị? Ai chả thế? Người không phải là thánh. Sự khổ sở dễ khiến lòng chua chát. Khi người ta lam lũ quá, lại còn lo trăm thứ, bị làm rầy vì trăm thứ, thì ai mà bình tĩnh được? Ai mà chả hay gắt gỏng? Gắt gỏng thì chính mình không trước. Không giữ được thì bật ra ngoài như vậy. Thật ra có ai muốn cau có làm chi?... Vậy thì vợ hắn gắt lên với hắn lúc nãy cũng chỉ là việc thường thôi. Cũng như ông thư ký nhà dây thép…

Ngẫm nghĩ một lúc, Điền thấy thương ông ấy quá! Điền tưởng ra cho ông ấy một gia đình đông con và túng thiếu tựa nhà Điền. Số lương chẳng đủ tiêu. Sau mỗi ngày công việc rối rít tít mù, loạn óc lên vì những con số, vì những cái bưu thiếp, cái nọ chưa xong đã đến cái kia, ông mỏi mệt giở về nhà, lại phải nghe mấy đứa con lớn chí chóe đánh nhau, đứa con nhỏ khóc, chủ nợ réo đòi và vợ thì sưng sỉa hoặc gào thét như một con mẹ dại. Nhà cứ om lên như chợ. Đêm nằm ông nghe vợ bàn bạc, ông nghĩ đến trăm thứ tiền, trăm thứ việc, ông nằm mơ thấy mình trúng số, để sáng hôm sau tưng hửng lại mải mốt đi đến sở, nhăn mặt lại khi thấy những người gửi tiền,

người lĩnh tiền đi vòng trong vòng ngoài, và người nào cũng muốn ông làm trước cho…

Điền nhớ đến một ông phán láng giềng nhà hắn, khi hắn còn là một ông giáo trường tư ở một vùng ngoại ô kia. Ông có năm con, một mẹ già, một vợ, một em. Ông mặc những cái áo sờn vai và những cái áo sơ mi nếu không rách cổ thì cũng mạng vá lung tung. Nhà ông chẳng lúc nào yên, đàn trẻ khóc như ri. Mẹ chồng nghiến rứt con dâu, con dâu cãi lại mẹ chồng. Cô em nói mỉa mai. Chỉ vì người nào cũng khổ cả, và người nọ cứ tưởng người kia mà khổ. Chiều nào cũng tận đến lúc lên đèn… ông phán mới về đến nhà. Ông ngồi cắm mặt, ăn vội vàng mấy bát cơm chẳng nói với ai, chẳng nhìn ai. Rồi rút một cái tăm, ông mải mốt đi nằm để thở một cách hẳn hoi. Nhưng nào ông có được thở hẳn hoi? Bà mẹ lấy ông mà trách móc nọ kia để chì chiết vợ ông. Vợ ông cũng lấy ông mà khóc mếu, đay chì lại mẹ ông. Ông chẳng còn biết bênh ai, chỉ nằm thẳng người ra như kẻ chết rồi, mắt trừng trừng ngó lên trần, nhiều lúc bực tức quá phải giàn giụa nước… Một buổi chiều đang ngồi trong tiệm ăn, Điền thấy ông lủi thủi bước vào. Ông đến ngồi ở một cái bàn con tận trong một góc phòng, quay mặt lại vào tường. Ông bảo bồi lấy cho ông năm cái chả bánh đa. Ông ăn rất ngon lành. Ăn xong ông lại lủi thủi đi ra, nét mặt vô cùng hể hả rằng hôm ấy là cuối tháng. Hắn có cảm tưởng như ông đi ăn vụng vợ, con ở nhà…

Điền rất bùi ngùi. Hắn bùi ngùi cả cho ông ký đã gây sự với hắn sáng hôm nay. Hắn chắc rằng vì việc ấy mà tối hôm nay ông còn buồn bực hơn mọi ngày. Hắn cũng vậy, hắn chả thường vẫn buồn bực rất lâu vì những việc xảy ra không đáng kể đó ư? Chao ôi! Chẳng qua hắn và ông cũng cùng khổ như nhau cả đấy thôi! Yên ủi nhau còn chẳng thấy đâu còn làm khổ lẫn nhau làm gì nữa? Điền hối hận vì cái cử chỉ của mình đối với ông vô cùng…

Bây giờ trong lòng hắn chỉ còn lại sự xót thương. Hắn thương vợ, thương con, thương tất cả những người phải khổ đau. Lòng hắn thiết tha rướn lên muốn vươn ra để ấp ôm lấy mọi người. Mắt hắn đầm đìa. Hắn gọi con rất dịu dàng:

- Hường ơi!... Vào đây với thầy, con!...

Con bé lau nước mắt xong rồi mới chạy vào. Nó rón rén đứng bên giường:

- Thầy bảo con gì cơ?

- Con lên đây nằm thầy quạt cho

Vợ hắn biết là chồng đã hết giận, bảo chồng:

- Mình lại đây này… Cả cái Hường cũng lại đây, nằm ghé bên em. Em nó ngủ rồi. Mình quạt cho cả thằng Chuyên với cái Hường. Tôi đi lấy gạo thổi cơm. Lúc nãy còn một ít cơm nguội, chúng nó ăn, tôi cũng chưa ăn gì…

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 488, ngày 20-11-1943.

BÀI HỌC QUÉT NHÀ

Hồng đang thẩn thơ chơi một mình ở trong vườn... Ít lâu nay, những lúc được đi chơi, Hồng chỉ chơi có một mình. Chị Thảo về rồi. (Thảo là con ở trước kia vẫn giữ em Hồng). Thằng em chửa biết đi. Còn thầy u thì bây giờ hay gắt quá. Hồng cũng chẳng hiểu tại sao lại thế. Thầy, đã đành: thầy vốn nghiêm khắc lắm, nhất là khi thầy viết hay đọc sách. Thầy chiếm một mình cả một căn buồng đầu trong. Cửa ra vào đóng luôn luôn, chỉ có cửa sổ mở thôi. Thầy ngồi trong, viết hay đọc sách suốt ngày. Những lúc ấy thầy muốn được yên tĩnh hoàn toàn. Hồng hơi nói to là thầy quát mắng ngay. Có khi thầy mở cửa đánh sầm một cái, sồng sộc bước ra, chực đánh Hồng. Đã bao nhiêu lần, Hồng gần bạt vía. Bởi vậy Hồng sợ lắm. Mỗi lần phải đi qua chỗ buồng thầy, Hồng nín thở, kiễng chân, cố cho không có một mảy may tiếng động. Chỉ cần có thế. Ngoài ra, thầy hiền như ông bụt đất. Mỗi chiều ở trong buồng làm việc bước ra, thế nào thầy cũng gọi Hồng. Nếu thầy mải đi tắm, hay bận đi đâu, thì thầy chỉ vuốt tóc Hồng, hỏi vài câu, nhìn Hồng bằng đôi mắt yêu thương, rồi khẽ tát vào má Hồng một cái, bảo: "Cho con đi chơi... ". Nhưng nếu thầy không còn bận việc gì, thì thầy xách hai cái ghế ra sân. Thầy ngồi một cái, Hồng ngồi một cái. Thầy gác hai chân lên cái ghế của Hồng. Hai bố con nói chuyện với nhau. Thường thường chỉ mình Hồng nói mà thôi. Hồng nói bất cứ cái gì: chuyện u, chuyện em Thiên, chuyện con chó con hay chuyện mặt trăng, cái đèn pin của ông giời. Cũng có khi Hồng nhắc đến bác Hòa, bác Kim và những bác gì, bác gì đến chơi nhà Hồng vào một hôm Hồng đau bụng. Hồng nói nói, cười cười. Đôi mắt như hai cái hạt nhãn của Hồng, cái miệng chúm chím, đôi hàm răng trắng và nhỏ như răng chuột, cái đầu Hồng, với đôi bàn tay nhỏ xíu nhưng múp míp, làm những điệu bộ xinh xinh, rất đáng yêu. Thầy sung sướng nhìn, mỉm cười rất dịu dàng. Có khi đôi mắt thầy ươn ướt vì cảm động. Thầy nắm tay Hồng, nhắc Hồng sang ghế của thầy, ôm Hồng trong lòng, vuốt ve tóc và hôn. Không! Thầy có ghét Hồng đâu? Trái lại, thầy rất yêu Hồng. Cả u cũng thế. Thường thường thầy u chỉ ăn cơm với tương mắm mà thôi. Nhưng bao giờ u cũng mua cho Hồng một thức ăn riêng: thịt, cá, trứng hay là đậu. U cũng không để Hồng phải thèm quà bánh. Hồng ao ước thức gì hôm trước, chỉ hôm sau, lúc u đi chợ về đã có thức ấy trong thúng của u rồi. U nói với Hồng rất nhẹ nhàng. Năm thì

mười họa mới có một lần u quở mắng Hồng: ấy là những khi Hồng nghịch dại, làm bẩn người và quần áo.

Bây giờ thì khác hẳn, Hồng phải mắng luôn luôn. Động một tí gì u cũng mắng. Nói một mình, mắng! Vấp ngã, mắng! Đi chậm, mắng! Bữa ăn, không có thức ăn, ngả ngớn không ăn được: mắng!... Như vậy kể cũng còn đáng tội. Nhưng lại còn những cái không phải tội Hồng: thí dụ như nhà bẩn, nhà lắm ruồi vào, con chó bới vườn trầu, hay thằng Thiên ngã, thằng Thiên khóc... đâu có phải tại Hồng. Hồng làm sao cho không thế được? Ấy thế mà u cũng cứ Hồng mà mắng. Hồng mếu mếu suốt ngày vì phải mắng. Nhưng Hồng không dám khóc, Hồng chỉ cố tránh thầy u, lẩn lút ra vườn, chơi một mình.

Chơi một mình, buồn lắm. Hồng ngơ ngẩn. Hồng tiếc những ngày xưa cũ quá. Những ngày xưa cũ chỉ cách đây hơn nửa tháng. Chị Thảo chưa về. Chị Thảo bế em Thiên. Hồng lẽo đẽo theo sau. Chúng đi chơi khắp xóm. Ngày ấy, Hồng có biết bao nhiêu là bạn! Thằng Hỉ đỏ mũi, thằng Hân cởi trần, thằng Tảo đầu trọc như quả bưởi và mắt trố như hai con ốc nhồi, với cái Như, cái Mùi, cái Vót... Chúng chơi với nhau vui lắm, vui lắm! Bây giờ Hồng chỉ còn được chơi với cây xoan, cây chuối, cây cam. Hồng gọi chúng là bác xoan, bác chuối, bác cam. Hồng lấy bẹ mèo chuối xúc cát làm gạo bán cho chúng nó. Hồng hỏi rồi lại tự trả lời, cùng một lúc là mình và là tất cả. Nhưng coi chừng đấy! Nếu u nghe thấy, u sẽ mắng: Hồng điên! Bởi vì theo ý u, có điên mới lảm nhảm nói một mình. Và nếu u biết Hồng nghịch cát thì chết! Thế nào u cũng đánh. Nghịch cát, bẩn quần áo, bẩn cả đầu tóc, mặt mũi chân tay. Ai rỗi mà tắm giặt cho Hồng được? Mà tiền đâu mà mua xà phòng? Xà phòng thì đắt như nhân sâm, vàng cốm... U sẽ gào lên thế. U sẽ bảo: Hồng làm khổ u, Hồng tưởng u còn sướng lắm nên phải làm tội, làm nợ cho bớt đi một chút. U sẽ bắt Hồng ngồi ro ró ở trong nhà, không được ra đến ngoài. Bước chân ra khỏi cửa là chặt chân!... Chặt chân! Hơi một tí là chặt chân!

Hồng cũng chẳng hiểu tại sao u bỗng nhiên sinh khó tính như thế vậy. Chỉ biết: đã ít lâu nay, cả thầy lẫn u đều có vẻ không vui. Thầy lúc nào cũng cau có đăm chiêu, nhất là sau khi đọc nhật trình. Có lần buông tờ báo xuống bàn, thầy lắc đầu một cách chán nản bảo u:

- Tình hình nguy lắm rồi, mình ạ. Tôi sợ khó mà được hết năm nay.

- Sao vậy?

- Giấy khan lắm! Việc in, việc xuất bản bị hạn chế rất gắt gao.

- Với lại cái lúc khó khăn thế này, việc gì mà chả khó.

Thầy thở dài. U thở dài. Trán thầy tối như trời lúc sắp mưa. U cười gượng, bảo:

- Nhưng thây kệ! Hơi đâu mà lo trước? Đến đâu hay đến đấy. Thời buổi này, khổ đến đâu mà không phải chịu? Vả lại nhà mình khổ mãi, quen đi rồi. Tìm được no, ăn no; tìm được đói, ăn đói. Chẳng tội gì mà lo mình ạ.

- Đã đành thế nhưng còn nợ?

- Thì ta ỳ ra đấy. Thịt người có ăn được đâu mà sợ!

Thầy cười chua chát. U cũng cười. Một lúc sau, u lại bảo:

- Nói đùa vậy, chứ nợ thì thế nào cũng phải trả. Mình không phải là hạng người lì được. Bán gì thì bán, cũng phải bán đi mà trả.

- Còn gì mà bán?

- Cái nhà! Mình công nợ cũng vì làm nhà. Nay không còn làm gì trả nợ được, thì lại bán nhà đi mà trả, có khó gì đâu?

- Đến nước ấy thì đẹp mặt!

- Ai cười thì cũng đành chịu vậy, chứ biết làm sao bây giờ?

Thầy lại lầm lì không nói. Nhưng thỉnh thoảng, mắt thầy lóe ra một tia dữ tợn. Trông mặt thầy sợ lắm. U bấm Hồng, khẽ bảo: "Đi chơi đi!". Rồi thì u cũng lảng ra. U dắt Hồng sang nhà hàng xóm chơi, bởi sợ thầy gây sự...

Những mẩu chuyện na ná như trên, nhắc đi nhắc lại nhiều lần lắm. Hồng chẳng hiểu gì. Nhưng Hồng cũng lờ mờ thấy một sự sụp đổ gì sắp tới. Một nỗi lo lắng lảng vảng trong nhà Hồng. Thầy làm việc nhiều hơn. Tận lúc tối không còn trông thấy chữ, thầy mới ở trong phòng làm việc đi ra. Thầy mải suy nghĩ gì, quên cả việc gọi Hồng. Hồng quen lệ, đứng đợi thầy ở sân, chạy lại bám lấy thầy. Nhưng thầy khẽ gạt ra, và hơi cau mặt bảo:

- Đi chơi! Để cho thầy nghỉ! Thầy hơi nhức đầu.

Một hôm, thầy nhận được một bức thư. Không phải thư của bác Hòa. Hồng biết vậy vì lúc đọc thầy không mỉm cười. Thầy sầm mặt. Rồi mặt thầy hơi tái đi một chút. U nhìn thầy, lo lắng hỏi:

- Thư của ai đấy, hở mình?

Thầy có vẻ không nghe thấy, bởi thầy không đáp lại. U sợ thầy gắt, không hỏi nữa. Một lúc sau, đột nhiên thầy bảo:

- Nay mai mình tính công cái Thảo, trả cho nó, rồi cho nó về. Cái Hồng ngót năm tuổi rồi, chẳng còn bé bỏng gì, trao cho nó giữ em. Ngày mai đi chợ, nhớ mua một củ nâu. Bao nhiêu quần áo trắng của tôi, của chúng nó nhuộm tất cả đi, cho bền và đỡ tốn xà phòng. Còn ba chục thùng thóc, mình phải liệu chia ra; làm thế nào cho đủ ăn từ nay đến Tết. Ăn in ít chứ! Miễn là không chết người thì thôi. Quà bánh của chúng nó thì bỏ đi.

Những huấn lệnh của thầy được đem ra thi hành đúng từng chữ một. Chị Thảo về, Hồng phải giữ em và đánh vật với nó suốt ngày vẫn không xong! Nó vẫn ngã, vẫn khóc, vẫn đập phá, khiến Hồng phải mắng. Quần áo của cả nhà đều nhuộm nâu. Những khi u đi chợ về muộn, thầy làm bếp. Thầy u ăn mỗi ngày có một bữa trưa. Mỗi trưa u cất đi một bát cơm, để dành cho Hồng ăn bữa tối. Trừ hai bữa cơm, Hồng chẳng còn được ăn quà bánh gì. Mà u luôn luôn sai làm việc nọ, việc kia, mà hơi lóng ngóng là mắng ngay.

- Cái Hồng đi đâu rồi?

Hồng tái mét mặt, chạy về sân:

- Con đây ạ!

- Lại lẻn đi chơi đấy, phải không? Con này chơi quen rồi! Vềngay đây, tao bảo!

Giọng u gắt gỏng. Hồng lóp ngóp trèo lên cái đầu hè cao đến ngực, rồi lạch bạch chạy vào nhà. Nó mở to đôi mắt trong trẻo nhìn u...

- Mày nhìn gì tao? Thử nhìn cái nhà xem! Bẩn thế mà mày không quét... Hễ mẹ cất lấy em một cái là chạy mất.

Hồng mải mốt chạy lại một xó nhà, lấy chổi. Cái cuống chổi to quá, bàn tay nhỏ bé của Hồng cầm rất khó. Nó lúng túng chuyển từ tay phải sang tay trái, rồi lại từ tay trái sang tay phải. Tay nào cầm cũng ngượng. Người mẹ quát:

- Mày luống cuống gì mãi thế? Cái tay trông đẹp nhỉ? Lớn đầu bằng ấy mà không biết cầm cái chổi! Chỉ ăn là nhẹn thôi!... Được rồi. Quét đi!

Hồng quét. Nhưng nó ấn cái chổi xuống thềm nhà quá. Cái chổi không đưa đi được. Hồng cố đẩy. Cái chổi bật lên và tuột khỏi tay Hồng. Người mẹ nghiến chặt hai hàm răng lại, rít lên:

- Giời ơi là giời! Con với cái! Chơi quen rồi!

Hồng nghẹn cổ. Nó ngừng quét, ngước lên mẹ, đôi mắt ầng ậc nước. Mồm nó mím lại, toan méo xệch. Mẹ nó càng điên tiết. Thị vùng đứng dậy, chỉ vào mặt nó:

- Mày đứng đấy à? Mày có quét ngay, không thì chết với tao bây giờ. Quét đi!

Hồng sợ hãi, lại vội vàng vơ lấy chổi. Trong lúc lính quýnh, cái chổi lại buột tay lần nữa. Người mẹ giơ tay lên chực tát. Hồng đưa một tay đỡ, tay kia hấp tấp nhặt cái chổi. Người mẹ ngăn kịp giận, để rơi bàn tay xuống. Hồng nắm cái cuống chổi bằng hai tay. Nó ì ạch vần cái chổi, như người ta

vần cái cối đá nhất. Trông thật là ngứa mắt! Người mẹ cố nén giận, cầm lấy tay nó mà dắt, dạy quét như mấy ông đồ dạy viết...

- Người ta phải đưa ngang cái chổi thế này, thế này... Đó! Không cần ấn mạnh, nó chạy làm sao được? Mà cứ dịch dần đi: một nhát chỗ này, một nhát chỗ này, rồi chỗ này, chỗ này... Thế, thế!

Hồng bị mẹ kéo đi xềnh xệch. Những nhát chổi tay mẹ đưa rộng quá, tay con bị giật theo, lạng cả người đi. Con bé gần chúi đầu xuống đất. Nước mắt nó tuôn ra mờ cả mắt. Nhưng nó vẫn mím chặt môi, không dám khóc...

Người mẹ hăm hở làm một lúc, rồi buông tay ra, đứng thẳng người lên, vừa thở vừa bảo con:

- Đấy! Cứ thế... Bây giờ mày quét đi, tao xem nào!

Hồng quét. Nhưng nó vẫn lờ rờ, lúng túng. Cái chổi ngập ngừng trên mặt đất, không biết nên đi lối nào cho phải. Người mẹ thấy khắp người ngứa ngáy. Thị không còn nhịn được, nước mắt thị ứa ra một chút. Thị tức tối đập tay vào đùi mình đánh đét! Hồng giật mình, đánh rơi cả chổi. Ấy thế là đét!... thêm tiếng nữa. Lần này thì cái bàn tay dán vào một bên má cúp bê của con bé từ trước đến nay chỉ nhận được những cái tát yêu của bố. Nó chúi người đi một cái và òa lên khóc. Người mẹ sửng sốt như chợt nhận ra cái cử chỉ vô lý và tàn nhẫn quá. Thị đứng ngây người ra một chút. Rồi thị vồ lấy cái chổi, quét như điên, như dại. Mặt thị co rúm lại chực khóc. Nước mắt, nước mũi chảy ròng ròng xuống đất. Thị vừa quét vừa rên lên nho nhỏ.

- Giời ơi! Giời ơi!... Giời làm khổ tôi thế này!

***

Người bố chỉ lẳng lặng nhìn tất cả tấn bi kịch đang diễn ra trước mắt. Y thấy lòng đau quặn quặn. Có một lúc, đứa con gái ngước đôi mắt giàn giụa nước mắt, nhìn bố, như cầu cứu. Y quay mặt đi, giả tảng như không nhận thấy. Nhưng suốt buổi chiều hôm ấy, y bu ồn bã. Y cũng vào phòng viết, ngồi như thường lệ, nhưng y không viết được. Y nhìn qua cửa sổ. Cái nhìn

của y, len lét theo dõi trong một góc vườn, đứa con gái thẩn thơ giữa những cây chuối, cây xoan, cây bưởi... Nó có vẻ buồn bã thêm. Ba bốn lượt, nước mắt y rỏ xuống...

Tối hôm ấy, sau khi đã uể oải ăn xong bữa cơm nguội rắc vừng, Hồng uống nước rồi lẳng lặng vào giường ngủ. Một lát sau, người bố vào, nằm bên con, quạt cho con. Một bàn tay y vuốt ve những sợi tóc mềm như tơ. Con bé nhắm nghiền đôi mắt, không dẫy dọn. Nhưng nó chưa ngủ hẳn... Bỗng nó nghe thấy mẹ khẽ bảo:

- Hôm nay, tôi tức quá, tát cái Hồng một cái, rồi thương đứt ruột. Suốt hôm, nghĩ đến lúc nào, tôi lại khóc. Không biết tôi điên hay sao ấy.

Thầy Hồng bảo:

- Đấy là mình lo lắng quá. Tôi cũng vậy: lắm lúc tôi biết mình mắng nó bất công mà cứ mắng; tại ruột mình lúc nào cũng nóng như lửa đốt; hơi một tí là mình cáu.

- Ấy tôi cũng thế...

- Nhưng chúng mình phải coi chừng! Tôi thấy nó ít lâu nay chậm chạp và ngơ ngẩn lắm, không được nhanh nhẹn, ngộ nghĩnh như trước. Đánh mắng lắm, nó mụ người đi đấy. Mà mình bắt nó làm vừa vừa chứ! Nó còn non tuổi lắm: đến tháng Chín này mới vừa đầy năm tuổi. Đã làm làm sao được?

- Thì ai chả biết! Nó thì làm gì được? Có mà còn phải hầu nó chán.

- Thế sao mình cứ bắt làm? Mà nó làm không được thì lại đánh?

- Thì đã bảo: điên mà lại! Con bé thật có nết. Chỉ vì mình túng cho nên nó khổ... Mẹ nó! Ấy thế mà ngủ ù ì như lợn rồi đấy!...

Thật ra thì Hồng có ngủ đâu. Nó nghe thấy tất. Tự nhiên nó thấy nước mắt giàn giụa chảy ra đầy má. Nó không dám chùi, sợ thầy nó biết. Nhưng bỗng thầy nó quay vào, ôm lấy nó, áp môi vào má nó, ngạc nhiên một thoáng rồi bùi ngùi bảo:

- Tội nghiệp con tôi! Đang khóc mê đây này...

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 473, Ngày 7-8-1943

XEM BÓI

Hắn tưởng hắn chỉ nhọc thôi. Nhưng đi qua một tiệm ăn, nghe tiếng mỡ reo trong chảo và ngửi những mùi xào nấu đưa ra, hắn mới biết rằng hắn lại còn đói nữa. Chính vì đói cho nên mới nhọc đến thế, mà đói cũng phải; tối hôm qua nhịn, sáng hôm nay chỉ ăn có một dánh khoai lang bằng ngón chân cái rồi đi ngay; chưa cơm nước gì… "Làm một bát phở chăng?" bụng hắn nghĩ thế nhưng chân hắn cứ đi. Đi qua tiệm ăn mấy bước, hắn nuốt nước dãi kêu đánh ực. Hắn cố xua hình ảnh một bát phở bốc khói ra khỏi trí. Bởi vì phở thì ngon thật. Nhưng mà đắt. Mà lại long bõng nhiều nước quá. Tiếng rằng một bát, nhưng nếu chỉ kể nguyên bánh và thịt, khó mà được năm miếng thỏa. Đúng hai hào một bát, biết ăn mấy bát? Nhiều: không đào đâu ra tiền được; ít: dở miếng càng thêm khổ, mà lát nữa đi đến ngoài kia, tiểu tiện đánh tòe một cái, lại đâu vào đấy: bụng đói hoàn đói… thà làm mấy hào cơm cho chắc dạ…

Hắn vừa đi vừa suy nghĩ thế, mặt hắn cúi gằm xuống đất, gần như chẳng nhìn thấy gì, bởi cái lối đi đã thuộc quá, có nhắm mắt mà đi cũng không sợ lạc. Đến hàng cơm mọi khi, hắn cứ rẽ vào, rồi mới ngẩng mặt lên. Vừa ngẩng lên hắn tức thì tưng hửng. Đôi lông mày sâu róm của hắn nhấc cao đến lưng chừng trán. Đôi mắt hắn rán to. Mũi hắn hếch lên như mũi một con dê con nghe dê mẹ gọi. Hắn có vẻ vừa bỡ ngỡ, vừa cáu kỉnh. Bởi vì vừa rồi, khi mới gần tới đây, hắn đã dọn mồm sẵn để ăn cơm. Thế mà người ta lại không còn bán ở nơi này nữa. Hắn nhìn căn nhà hai tầng quét vôi vàng, bên phải. Hắn nhìn căn nhà hai tầng có cái gác như một cái chuồng chim, bên trái. Hắn nhìn cây bàng to trước cửa… Đúng là cái nhà này, không sai được. Nhưng cái chõng hàng cơm, với những cái chậu sành đựng đồ ăn, với đàn ruồi nhặng như mọi khi, thì không còn thấy. Cửa lùa ở hai bên thì thấy đóng, chỉ thấy để một lối ra vào ở giữa mà thôi. Trước cửa, treo một bức mành mành, như kiểu những nhà để ở, không buôn bán.

Cái hàng cơm đã dọn đi nơi khác hoặc không bán nữa, có thế thôi. Thật giản dị như một bài tính đố trẻ con. Nhưng hắn bực mình nên cứ băn khoăn hỏi mãi: "Thế thì cái cóc gì? Thế là cái cóc gì?". Hắn lẩm bẩm thành lời. Rồi hắn lại toan xộc vào nhà, để hỏi người trong nhà nữa, làm in như một

người đang đòi nợ thấy con nợ của mình chuồn mất. Nhưng mới bước vào khỏi bức mành mành, hắn chợt trông thấy cái biển treo ngang. Ấy là một cái biển nhỏ, màu đỏ thẫm, chữ đen, như cố giấu mình đi. Hắn phải giụi mắt mấy lượt cho khỏi quáng mắt, rồi mới đọc nổi ba dòng chữ viết khắc chìm xuống gỗ: "Thầy bói Cư, trước ở Hà Nội nay dọn về đây, tiền vận, hậu vận, nói mười lời không sai một". A! Thầy bói. Cái giống này không làm cho no bụng, hắn lui ra, nhưng cũng chưa đi vội. Có lẽ cũng chỉ vì hắn nhọc, mà trời thì nóng, hắn không biết có một hàng cơm nào gần đấy cả. Hắn nhăn nhó, đứng tần ngần một lát. Đi đâu mà ăn bây giờ? Mấy hàng chữ in trên tấm biển của thầy bói lần lượt hiện ra trong óc hắn. Hắn tặc lưỡi, và tự bảo: "Mẹ nó! Hay là mình hỏi xem có rẻ, xem một quẻ". Tuy thế, hắn vẫn còn do dự. Bởi vì cái sự rẻ chắc là ít có. Tay này đã ở trên Hà Nội, tất phải là tay khá lắm (đối với hắn, cái gì ở Hà Nội cũng là khá cả: không khá, sao lại có thể góp mặt được với dân Hà Nội?). Lão này chắc phải xem giỏi lắm, xem giỏi thì lấy đắt. Chắc lão phải lấy từ một đồng trở lên. Hắn làm gì có tiền mà xem?... Bởi nghĩ thế nên hắn đã chực vào rồi lại không vào nữa. Nhưng hắn cũng không đi dứt. Bởi vì từ lúc nghĩ rằng: hắn không đủ tiền để mà xem, tự nhiên hắn muốn xem bói quá. Giá độ năm hào mà cũng xem được thì thích thật. Hắn quyết định nhịn đói để xem một quẻ. Để xem người ta nói ra thế nào? Tại sao hắn cứ long đong mãi thế? Bao giờ thì đứng số? Liệu đời hắn có còn bao giờ mở mày, mở mặt ra được nữa hay cứ thế này mãi mãi?... Lòng hắn tự nhiên sầm tối lại. Hắn nghĩ đến nỗi khổ của hắn từ ngày ốm một trận, nghỉ lâu quá mất việc để bây giờ thành thất nghiệp… Những đồ đạc bán đi… Những ngày ăn cháo loãng cầm hơi… Những buổi tối vợ chồng cắn rứt nhau. Những lần vác đơn để khúm núm xin việc hết sở này sang sở khác… Ngay lúc nãy, hắn cũng vừa xin việc ở một hãng chế tạo đồ dùng nọ. Ông chủ hãng cầm lấy tờ đơn của hắn, xem qua một chút rồi trả lại ngay, lắc đầu, đuổi hắn ra. Hắn rơm rớm nước mắt, năn nỉ như một thằng ăn mày xin một đồng xu: "Bẩm ông, ông rủ lòng thương đến con! Ông thuê hàng trăm người nữa có vào đâu? Ông cho con mỗi tháng bao nhiêu cũng được. Con thất nghiệp quá một năm rồi. Nhà nghèo lắm. Ông không thương con thì con chết đói mất… ". Chả biết ông chủ có để ý nghe những lời hắn nói không. Ông cúi mặt, trông xuống quyển sổ lớn tướng mở trên bàn. Bỗng ông ngửng phắt mặt lên, trợn mắt nhìn hắn và sừng sộ:

- Anh không ra còn đứng làm gì đấy?

- Lạy ông, ông không thương con thì con chết đói. Con thất nghiệp…

Hắn toan đọc lại những điều vừa mới nói. Nhưng ông không muốn nghe gì hơn nữa. Ông đẩy hắn ra phía cửa:

- Ra đi! Con khỉ!... Ai hơi đâu mà bạ thằng thất nghiệp nào đến cũng nuôi? Đủ người rồi, ra đi!

Ngay lúc ấy, hắn nghẹn ngào trong cổ. Nhưng chỉ một lúc sau hắn đã bật cười. Bởi nghĩ cho kỹ thì ông nói phải: ông bỏ ra bao nhiêu tiền lập cái hãng của ông, là có ý kiếm lợi chứ có phải mở một nhà tế bần đâu, mà bắt ông phải chứa tất cả những đồ chết đói? Bây giờ nhớ lại, hắn cũng nhếch mép cười một chút. Nhưng cười thì cười, hắn cũng không thể vì thế mà vui vẻ lại. Có điều ý nghĩ của hắn lại quay về lão thầy bói. Hắn tin chắc rằng: lão thầy bói này hay lắm. Lão sẽ dọi một tia sáng vào cõi tương lai mù mịt của hắn. Lão sẽ báo cho hắn biết đời hắn mai sau thế nào?...

"Thì mình cứ vào hỏi xem!... ". Nhưng sợ đổi ý, hắn chưa nghĩ đến hết câu đã bước vào ngay lập tức. Mặt hắn hơi tái đi một chút. Tim hắn đập.

Có hai người trong đó, đều nằm cả. Ý chừng họ nghỉ trưa. Một người mặc áo thâm thùng, để nguyên cả cái khăn xếp tàng tàng ở trên đầu và đôi kính đen trên mắt: ông thầy đấy hẳn. Người kia mặt quần áo cánh trắng. Giữa lúc vải khan, xà phòng đắt này mà lành lặn, sạch sẽ được như y kể cũng là sự khó. Bởi vậy mà hắn không đoán được y là gì đối với ông thầy bói: học trò hay đày tớ? Giá ông là người Tàu thì còn dễ hiểu, hắn sẽ bảo: y là thông ngôn. Ông thầy nằm theo bề dọc bộ ghế ngựa quang dầu. Bên trên ông là một cái bàn thờ làm như một cái đôn đóng vào tường. Một cái mành hoa che kín mít đi, nên hắn chẳng biết trên ấy có những chi chi cả. Bên ngoài ông, nghĩa là giữa sập, là một cái trap, với một cái đĩa để trên, một ống hương và một cuộn hương vòng đang cháy dở, chấm than ủ tròn bốc một dây khói thiu thiu. Anh chàng áo cánh trắng nằm theo chiều ngang bộ ngựa, châu đầu vào với ông thầy bói, làm thành một cái hình thước thợ. Y lim dim ngủ. Nghe thấy tiếng chào của hắn, y nhỏm phắt dậy như một con lật

đật. Ông thầy chầm chậm và bình tĩnh hơn. Hắn lại gần anh chàng áo cánh trắng và hỏi khẽ.

- Thưa ông, ở đây xem bao nhiêu một quẻ?

- A, có ba hạng. Nếu ông xem một quẻ chỉ sự hỏi một việc thôi thì có hai hào rưỡi…

Có hai hào rưỡi!... Hắn mở đôi mắt hơi to một chút. Bởi vì đó chính là một sự ngạc nhiên. Nhưng anh chàng kia vẫn nói tiếp. Y pha vào lời nói rất nhiều chữ Nho, hắn không hiểu rõ nên không nhớ kịp. Nhưng hắn cũng lờ mờ rằng: sau cái hạng hai hào rưỡi, còn một hạng năm hào để xem cả một đời người, (hắn biết vậy nhờ hai tiếng chung thân) và một hạn một đồng để hỏi han đến việc của an hem, bố mẹ… Ờ! Nếu vậy thì rẻ lắm. Hắn sẽ xem một quẻ vào hạng giữa. Hắn ghé ngồi vào cạnh ghế phía trong, có ý để khuất mình vào cánh cửa, để ở ngoài không trông thấy. Người áo trắng nhắc cái đĩa trên mặt trap đặt ngay trước mặt hắn:

- Ông đặt quẻ.

Hắn móc túi, bỏ vào đấy năm hào. Y lại nhắc cái đĩa đặt về chỗ cũ cho ông thầy bói, rồi đứng lên, ra ngoài. Lão thầy bói mù rút một nén hương, nhờ hắn thắp giùm. Lão mở tráp mấy miếng cau và một xếp độ ba bốn lá giầu không để vào cái đĩa đựng cái giấy năm hào của hắn. Lão đặt nén hương mới thắp nằm ngang ở trên cùng. Rồi sau khi đã hỏi tên, tuổi, làng, tổng, huyện, tỉnh của khách hàng, lão nâng cao cái đĩa lên ngang mặt, và khấn to như một thầy cúng đọc sớ:

- A-di-đà-phật! A-di-đà-phật! A-di-đà-phật!...

Hắn chỉ nghe được ba tiếng, nhắc đi nhắc lại ba lần, trên đầu bài khấn. Rồi đến một hàng chữ Nho, trong đó có tên, tuổi, nơi ở của hắn. Kể rõ ràng như trong một lá đơn. Lão thầy bói mù tịt, nên trong khi lão khấn, hắn có thể nhìn tròng trọc vào cái mặt da thiết bì và béo như phù của lão. Khấn xong, lão gieo tiền, vừa gieo vừa lẩm bẩm đọc những lời bí mật gì. Rồi lão ngồi ngẩn mặt ra một lúc như tính toán. Hắn nhìn đăm đăm vào đôi môi mập mạp và thâm như một miếng thịt trâu luộc chín. Đôi môi ấy chợt mở ra:

- Ông có nhớ giờ sinh không?

- Thưa cụ không biết rõ, chỉ biết vào buổi chiều khoảng chín, mười giờ gì đó.

- Thế thì giờ Tị.

Lão lại lẩm bẩm một lát, rồi mới cao giọng bảo:

- Cứ như cái tuổi của ông, nếu sinh vào giờ Tị, phụ mẫu không còn được song toàn, nghĩa là bố mất mẹ còn hoặc bố còn mẹ mất.

- Không phải thế: bố mẹ cháu khuất cả rồi.

- Thế thì không phải ông sinh vào lúc mười giờ. Chắc là mười một giờ, sang giờ ngọ.

Lão lại lẩm bẩm tính…

- Phải rồi! Giờ Ngọ… Giờ Ngọ thì cha mẹ đều mất sớm. Mà ông tuy không phải là con cả nhưng lại là con cả đấy.

- Thưa cụ, sao lại thế?

- Ấy, ông cứ nghĩ kỹ xem!

Hắn nghĩ… và bỗng gật mạnh đầu một cái. Ờ! Thánh thật! Lão nói vậy là đúng đấy. Tuy hắn có một người anh, nhưng người anh ấy đi tha phương cầu thực mấy năm nay chẳng có thư từ, tin tức gì. Chẳng biết phiêu bạt nơi đâu, còn sống hay đã chết. Việc cúng giỗ ở nhà, hắn phải thay anh mà cáng đáng tất cả, thế chẳng phải là tuy không cả, mà cả ư… ? Lão thầy bói hỏi:

- Có phải thế không ca?

Hắn chịu. Và hắn nói rõ điều ấy cho lão nghe. Lão toét miệng cười!

- Ấy đấy…

Lão lại nghiêm mặt, tiếp:

- Cái số ông, từ bé đến giờ gian truân đã nhiều đây. Nhưng được cung thê thiếp tốt. Bà ấy chắc đảm đang. Nhưng phiền nỗi vợ chồng xung khắc, ngồi nói với nhau được ba câu là cãi nhau…

Trời ơi! Đúng quá!... Câu này thì rất đúng!... Hắn gần như muốn kêu lên như vậy. Nhưng lão còn nói nữa:

- Nhưng hay giận hay lành, cãi nhau xong chỉ một lúc lại đâu vào đấy…

Thì đã hẳn! Ai mà giận được con mẹ ấy! Nó nói nghe tức thật: thật cứ ngang như cua, nhưng cái nết làm, cách ăn ở với chồng con, với hàng xóm láng giềng thì thật không chê trách được. Không có nó hết lòng chạy chữa, nó đã chết tám đời rồi, đâu còn sống được đến bây giờ? Và tuy nhà túng lắm, một hào cũng khó, nhưng chẳng lần nào hắn đi xin việc, nó không đưa cho đồng bạc. Ấy! Sáng ngày cũng thế: nó vừa đưa tiền vừa căn dặn cho dù hắn có xin được việc hay không, cũng đi ăn uống gì đó rồi hãy về, kẻo đói bụng, cảm một cái là không bõ… Nó lạy giời lạy đất! Hắn được con vợ có thể nói là khá thật!... Hắn thích chí được người ta khen vợ, kể lể rất dài dòng với lão thầy như vậy. Hắn khen lão thầy bắt sát, và tin ở tài lão lắm. Hắn bắt đầu hỏi về hậu vận…

- Ông còn long đong năm nay, sang năm nữa. Đến năm băm mốt thì mới khá. Công việc tự nhiên mà gặp. Tài lộc dồi dào…

Lão nói rất nhiều, đại khái tốt nhiều xấu ít, và lão quả quyết đến năm bốn mươi mốt thì hắn giàu bạc vạn…

Chà! Thích quá!... Giàu bạc vạn! Hắn ra về hể hả. Bụng hắn không đói nữa. Người hắn không mệt nữa. Ảo tưởng lóa mắt hắn. Hy vọng nâng chân hắn. Mắt hắn sáng ngời, hí hửng. Hắn lẩng cẩng, mỉm cười một mình, mắt lóng lánh nhìn tương lai rực rỡ, như một thí sinh vừa mới thấy tên mình trúng bảng. Hắn đi thoăn thoắt… Bỗng hắn giật nẩy mình, há hốc mồm ra, rồi tối tăm mặt mũi. Hắn thấy như mình vừa lăn từ trên đỉnh núi xuống tung lên, vật xuống, lắc bên nọ, bên kia nhanh chóng quá, đến nỗi sự đau đớn không kịp hiện ở chỗ nào rõ rệt. Chỉ biết mình sợ quá. Rồi hắn rơi thụt xuống cái

hố sâu, đen nghịt. Trên miệng hố, những tiếng xôn xao nhốn nháo. Hắn văng vẳng như lúc nằm ngủ, bị bóng đè. Rồi hắn lịm đi, chẳng còn biết gì nữa.

Ấy là một cái tai nạn xe hơi khủng khiếp. Nạn nhân gần tắt thở. Máu ra nhiều quá, khó còn phương cứu chữa. Nhưng người ta vẫn mải mốt đưa xác hắn vào nhà thương.

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 479, Ngày 18-9-1943

SỐNG MÒN

Tiểu thuyết

I

Sáng độ một giờ rưỡi. Phương đông trắng mát màu hoa huệ, đã ngả qua màu hồng của tuổi dậy thì, để bây giờ nhếnh nhoáng màu vàng cháy. Mặt trời mới nhú lên được một chút, khỏi cái nóc nhà cao nhất, ở đầu phố đằng kia. Những tia nắng đầu tiên, óng ả như tơ, lướt qua một rặng mái nhà thấp lè tè, cáu bẩn, mấp mô, để đến xiên vào hai cái cửa sổ gác nhà trường, cái cao thứ hai ở đầu phố đằng này. Nắng chảy thành vũng trên sàn. Hai vùng sáng, trước còn nhỏ và mập mờ, cứ dần dần lan rộng thêm, rõ hình thêm. Sau cùng thì đã rõ ràng là hai cái hình chữ nhật lệch có rọc đen. Một chút phản quang hắt lên trần, lên những bức tường quét vôi vàng và kẻ chì nâu. Nó hắt cả lên cái đi văng Thứ đang ngồi, khiến y nheo nheo mắt nhìn lên. Mặt trời đã nhô lên hẳn.

Thứ ngồi tránh sang một bên, rồi lại cúi xuống, lần lượt giở mấy quyển sách giáo khoa để trên đùi. Y tìm những bài để dạy hôm nay. Y dạy học đã hai năm. Cái chương trình học của lớp nhất, lớp nhì y đã thuộc gần nhập tâm, chỉ thuộc thêm một chút nữa là y đã có thể làm như một giáo sư toán học cũ của y, nhớ đến cả giả lời những bài tính đố mà ông có thể đọc thuộc lòng được đầu bài, nên quanh năm dạy học không cần dùng đến một quyển sách nào. Trong việc soạn bài, không cần thận trọng quá như hồi mới đến trường, có lẽ do đấy một phần. Nhưng một phần lớn lại vì cớ khác.

Có thể nói rằng y đã chán nghề. Không phải vì nghề dạy học tư không thích hợp với y. Nhưng cái nghề bạc bẽo làm sao! Để bớt số giáo viên, một mình y dạy lớp nhất xong lại phải dạy lớp nhì kế theo ngay, nên mỗi ngày phải dạy đúng tám giờ. Tám giờ nói luôn luôn, cử động luôn luôn, chẳng lúc nào ngơi. Thì giờ học trò ở lớp rút đi, nên thầy phải dùng đến từng phút con con để có thể dạy hết bài. Tất cả các bài làm đều phải chấm ở nhà. Thành thử mỗi ngày y bận rộn đến mười giờ. Công việc mệt mỏi quá đi cày. Thế mà lương mỗi tháng, chỉ vẻn vẹn có hai chục đồng.

Người hiệu trưởng cũ là một người anh họ Thứ. Đích trước kia giữ một chân bán hàng buôn. Cả đời đi làm cho một sở tư, cố nhiên là chẳng thú vị gì. Đích bèn chung vốn với Oanh, một bạn gái đồng sự của y, mở ra cái trường học ngoại ô này. Nhưng trường dạy được hai khóa thì y đỗ kì thi vào công sở, được bổ đi làm ở một tỉnh xa. Y mướn Thứ thay y làm hiệu trưởng và dạy mấy lớp trên. Y bảo Thứ: "Trường bây giờ còn ít học trò, tôi sẽ bảo Oanh đưa cho Thứ mỗi tháng vài chục bạc. Khi nào nhiều học trò hơn, chúng mình sẽ nói chuyện lại với nhau. Bọn mình liệu với nhau dễ lắm". Tuy chẳng hiểu dễ thế nào, Thứ cũng gật đầu ngay. Y không muốn nói nhiều chuyện tiền nong. Ngay đến không phải chỗ thân tình mà còn cò kè với nhau về một vấn đề tiền, y đã thấy ngượng ngùng rồi, huống hồ Đích với y là chỗ người nhà, lại là bạn học với nhau từ thủa còn thơ. Vả lại lúc bấy giờ y không để ý đến số lương. Thất nghiệp gần hai năm rồi, y đang cần chỗ làm. Y đang muốn có thể dùng sức mình vào một việc gì. Bởi vậy, suốt một năm đầu, y là một ông thầy rất tận tâm. Y soạn bài, giảng bài, chấm bài rất kỹ càng, bao nhiêu tâm lực, bao nhiêu thì giờ đều dùng cả cho nhà trường, cho lũ học trò. Hết niên học, số học trò đỗ bằng tốt nghiệp, so với những năm trước, tăng vọt hẳn lên. Bắt đầu từ khóa học sau, danh số những học trò xin vào học gấp đôi. Oanh hài lòng lắm. Thứ cũng hài lòng lắm.

Nhưng sự hài lòng của Thứ không bền. Chẳng bao lâu, y nhận ra rằng số học trò tăng lên nhiều quá, chỉ khổ y. Y vất vả thêm. Mà số lương thì vẫn thế. Trong khi ấy, vợ y ở nhà quê lại đã sinh một đứa con. Bận rộn con thơ, cố nhiên là người đàn bà phải làm kém đi, tiêu lại tốn hơn, Thứ đã phải nghĩ nhiều đến tương lai. Sự lao lực và những nỗi lo khiến người y hóp hẳn đi. Nét mặt y, đôi mắt y, để nhiễm một vẻ gì mỏi mệt rồi. Y mỏi mệt cả đến tâm hồn, cả tính tình. Y không còn bồng bột, hăng hái như trước nữa. Những lúc thấy mình và vợ con mình khổ quá, y đã bắt đầu tự hỏi y: "Mình làm việc đến gần kiệt sức mà tình cảnh cũng không thể hơn thế này ư?". Một buổi sáng, trong lúc đánh răng, y bỗng tính ra rằng mỗi sáng, nguyên về hai lớp của y, người ta đã thu được tám mươi đồng. Y chỉ được một phần tư. Còn sáu mươi đồng nữa đâu? Tiền nhà, mười bảy đồng, tiền thằng ở, được sáu đồng thì nó còn làm đến trăm việc khác cho Oanh, chứ có riêng gì việc nhà trường đâu; tiền phấn viết bảng, độ vài đồng… Tất cả mọi thứ chi phí cho cả nhà trường, chỉ có thế thôi. Nguyên một số sáu

mươi đồng kia, đã thừa được quá nửa rồi. Lại còn tiền thu ở bốn lớp kia. Thế thì Oanh không phải khó nhọc gì, không phải một trách nhiệm gì, cái trách nhiệm hiệu trưởng hoàn toàn Thứ phải đảm đương, mà được lợi về cái trường mỗi tháng trăm bạc. Sao lại vô lý thế?...

Một hồi còi khàn khàn vang lên. Tiếp theo là những tiếng bước chân bình bịch, những tiếng guốc khua rộn rã: phu nhà máy rượu bia chạy vào làm. Sáu rưỡi…

Thứ đã xong, y đánh dấu những trang cần dùng bằng những mảnh giấy con, rồi gấp vào. Y ngẩng mặt lên. Oanh ngồi ở cái bàn độc nhất, kê áp vào tường mé bên kia, đang tô điểm.

Oanh không đẹp, y gầy đét, vẻ mặt cũng như dáng người, cứng nhắc và khô. Tóc thì quăn xoắn xít món nọ với món kia mà lại ngắn, nên phải thêm một cái độn cho thành một cái búi to to dễ coi hơn. Mắt cũng tầm thường. Chỉ được hai hàm răng tươi, trắng nõn và đều. Y vẫn lấy làm kiêu ngạo lắm.

Oanh dạy hai lớp trẻ con. Những đứa trẻ lau nhau, nguệch ngoạc, hôi tanh, đến lớp chỉ để bôi mực vào tay, lên quần áo, lên mặt, lên tay, lên bàn ghế và tường của nhà trường. Thứ không hiểu như vậy thì Oanh đánh phấn, tô môi, kẻ lông mày kĩ càng như thế làm gì? Mỗi sáng, y mất vào đấy đến nửa giờ. Sáng hôm nay, y còn nhiều thì giờ để ngắm nghía mình hơn. Y nhìn vào gương, vừa xoa nắn mặt, vừa càu nhàu: "Chà! Sao trông cái mặt mình ngán quá! Mình già quá!". Thứ thấy buồn cười. Y nghĩ bụng: "Ai bảo tiếc của giời? Còn hám lợi lắm thì rồi thế nào cũng chết già ở cái trường này… "

Cứ mười ngày, Oanh lại bảo Thứ một lần:

- Tôi cũng sắp trả chú cái trường của chú đấy. Chẳng lẽ cứ vua Lê, chúa Trịnh mãi thế này. Đích hẹn với tôi rằng Đích đi làm một vài năm, dành dụm một số tiền rồi sẽ cưới tôi. Tôi sẽ đi với Đích. Cái trường này, để lại cả cho chú, mặc chú trông coi lấy.

Mới đầu, câu nói ấy đã gợi cho Thứ bao nhiêu mộng. Y sẽ tổ chức lại cái trường. Y sẽ sửa sang lại cho nhà trường sạch sẽ hơn. Nhà trường sẽ có một phòng giấy để tiếp khách hẳn hoi. Học sinh sẽ có tủ sách, hội thể thao, những cuộc chơi giải trí… Phần nhiều các bạn đồng nghiệp của y, coi trường tư chỉ là một chỗ kiếm ăn tạm bợ để đợi thời. Y, trái lại, đã định rằng sẽ sống chết ở trong nghề. Y thành thực yêu nghề và yêu các trẻ em. Y rất tận tâm. Y dạy có phương pháp và chăm. Y đã làm cho cái trường này được tín nhiệm, nhiều học trò thêm. Chỉ tiếc rằng y không được toàn quyền theo như ý của y. Oanh ngại những món tiền, nghe y bàn gì cũng gạt đi. Nhưng đến khi nhà trường đã thuộc hẳn tay y… À! Y tin chắc rằng nó sẽ không chỉ thế này thôi. Nó sẽ tiến hơn nhiều. Số học trò sẽ hơn nhiều. Số thu sẽ gấp đôi lên. Các giáo viên sẽ được thù lao một cách xứng đáng hơn. Họ sẽ không còn phải băn khoăn nghĩ đến tiền, đến cơm áo. Họ có thể để hết thì giờ và tâm trí vào nghề. Thứ cũng lấy mỗi tháng một số lương nhất định, đủ tiêu dùng. Y sẽ đem theo vợ con. Còn bao nhiêu lời lãi, sẽ đập cả vào cái quỹ chung của nhà trường. Trong cái quỹ ấy, bao nhiêu phần sẽ dùng vào việc mở mang, bao nhiêu phần vào những cuộc phát thưởng và những ngày hội hàng năm của học sinh, bao nhiêu phần sẽ giữ lại cho các giáo viên vào mỗi ngày cuối năm, bao nhiêu phần sẽ chia cho họ để cho họ một số tiền hưu… Thứ đã tính rành mạch cả. Y dám chắc rằng nếu cái trường thuộc quyền y thì y sẽ thực hành cái chương trình kia chẳng khó khăn gì, và y sẽ bắt đầu thực hành ngay. Nhưng bây giờ thì y đã chán rồi. Y đã hiểu rằng người ta chỉ dử y, người ta chẳng chịu nhả đâu. Cái trường còn có lời thì người ta còn phải khư khư ôm lấy nó…

Oanh cất tiếng gọi thằng Mô, thằng ở của nhà trường. Tiếng y the thé, hách dịch, gắt gỏng. Thứ ghét những người đàn bà như vậy. Y thấy một nỗi tức đột ngột xông lên óc. Y đứng phắt lên, mở cửa trước ra hiên gác. Ở mé bên kia đường, đã lẻ tẻ mấy bọn học trò. Chúng nhìn lên cất mũ chào. Thứ lại phải tươi mặt lại. Y khép cánh cửa, để chúng không nhìn vào bên trong được.

San, người bạn dạy hai lớp dưới những lớp y, quần áo chỉnh tề, ngồi trên chiếc ghế mây, tay tì lên cái chấn song, cầm một quyển sách mở, đang đọc thành tiếng lầm bầm. Y đọc rất nhanh, sùi cả bọt mép ra. Thỉnh thoảng y lại hít mạnh vào một cái và đưa tay lên quệt mép.

San đang theo học một lớp buổi tối để thi bằng tiểu học Pháp chương trình ba năm. Y muốn học trong có một năm. Thì giờ hết mất rồi, chỉ còn vài tháng nữa đã thi, mà phần chưa học kịp thì còn nhiều quá. Bởi vậy, y học đúng như bò ngốn cỏ. Buổi sáng, vừa mới dậy, y đã mải mốt rửa mặt, chải đầu. Rồi y tròng cái ca-vát thắt sẵn vào cổ, rút lên, nắn qua loa, mặc quần áo, xỏ giầy. Tất cả những việc ấy, làm trước đi để lát nữa đến giờ, chỉ việc sang trường. Thế rồi xách một chiếc ghế và một quyển sách ra hiên, y chúi mũi vào sách, học…

Thứ lại đứng cạnh y, nhìn vào trang sách y đang học. Đó là một quyển địa dư. Thứ rất dốt và rất ghét địa dư. Y nhìn xuống đường. Mấy đứa học trò nhà, toàn những em, những cháu Đích và Oanh, đùa nghịch với nhau, xô đẩy chạy ra đường, trông thấy y chúng lại chạy thụt vào. Tại sao như vậy? Hồi còn nhỏ, đi học, y rất sợ thầy. Bây giờ, y vẫn cố làm cho học trò y không sợ sệt y. Trong giờ học thì cố nhiên y cũng phải nghiêm trang. Nhưng ra khỏi lớp, y đối với chúng thân mật, dễ dãi, còn hơn một người anh đối với các em. Tại sao trước mặt y, chúng vẫn không thể đùa nghịch, tự nhiên như vậy?...

San ngẩng lên, toe toét, khẽ bảo y bằng tiếng Pháp:

- Con bé Lân vừa đi qua đấy!

Mặt San đung đưa và tiếng y dơn dớt. Động nói đến gái là y nhõng nhẹo và chớt nhả. Thứ khó chịu, lạnh lùng.

- Thì mặc nó! Cái ấy không can gì đến tôi!

- Thấy ghét! Giá húp được thì có đứa đã húp ngay được đấy!

- Mất dạy! Học trò ở dưới kia chúng nó nghe thấy thì đẹp mặt.

San cười phì một cái ra đằng mũi, rồi lại chúi đầu vào sách học. Nhưng ở trong nhà, tiếng Oanh chan chát mắng và tiếng thằng Mô oang oang cãi lại. Gần như chủ và đày tớ cãi nhau. Thứ bĩu môi. San cau mặt dằn khẽ quyển sách xuống, rít trong cổ họng:

- Không chịu được!

Thứ mỉm cười:

- Ai bảo dại? Đang yên lành, tự nhiên dở chứng, trả lại nhà, đến rúc vào đây. Đã được suốt ngày nhức đầu chưa?

San bỗng lại phì cười. Y bảo:

- Chúng mình khổ thật! Giá được ở với vợ thì phải cố chịu cái tai nạn đàn bà lắm điều, cũng là lẽ đương nhiên. Đằng này phải bỏ vợ mà đi thế mà vẫn không tránh được cái khổ mồm loa, mép giải. Không được ăn xôi, cũng phải nai lưng ra mà chịu đấm. Ức chết đi được.

II

San là một con nhà giàu ở nhà quê. Giàu đối với làng y. Nghĩa là có vài mẫu, vừa vườn, vừa ao, dăm ba mẫu ruộng, một con trâu, thóc gạo ăn từ mùa nọ đến mùa kia… và những khi gặp công việc, cần đến dăm ba trăm, nguyên tiền nhà bỏ ra cũng đủ, không cần vay mượn. Ông thân San là một nhà nho hiền lành, vừa dạy học, vừa làm thuốc, bổng lộc khá nhiều. Ông có ba người con trai, thì cả ba đều đã có vợ con, có phần, có phận cả rồi. San là con út. Y cũng có được ra tỉnh học. Nhưng y chỉ học hết bậc sơ học, đỗ được cái bằng rồi, ông bố bắt về. Vào thành chung, học tốn tiền. Số tiền ấy, thà để làm ăn cho nó sinh sôi nảy nở ra, rồi đến khi San đến tuổi, thì dùng mà lo công danh cho y ở nhà quê. Thời buổi này, học cho đến lúc đỗ đạt, được bổ đi làm ông phán, ông thông chẳng dễ gì. Đích và Thứ học tốn tiền nghìn, xong cả bốn năm thành chung rồi, mà chẳng vẫn còn vất vưởng đó ư? Đã bảo rằng làng này không có đất học hành. Từ khi quan Cử ngài mất đi đến giờ, có một người nào, dù học chữ Nho hay chữ Tây mặc lòng, mà đỗ đạt đâu? Quan Cử ngài ghét dân làng ở bạc, sai đào cái ngòi chảy qua làng, làm đứt mạch đi rồi… Ông thân San thường nói vậy, như để phân trần với người ta rằng: ông có thể cho con đi học được mà lại bắt con thôi học dở dang, là ông đã suy tính chán, ông muốn gây dựng cho con bằng cách khác.

San lấy vợ. Ông thân y cưới cho y con gái một nhà giàu và thân thế ở trong làng. Lấy vợ xong, San học chữ nho. Con đường của y đã định rồi: y sẽ làm tổng lý. Muốn dắt díu cho con rể, ông bố vợ cho San năm sào vườn ở cạnh nhà ông. Ông bố đẻ làm cho một cái nhà. Vợ chồng San đến đó ở riêng. Tiện cả cho vợ y thậm thọt về nhà mẹ đẻ, để mà bòn của. Hồi ấy, Thứ rất khinh San. Là một con nhà có máu mặt lép vế trong làng, Thứ hiểu một cách sâu xa những cái ức hiếp của bọn cường hào. Y thù ghét bố vợ San. Nhà ông ta làm tổng lý bốn đời rồi. Vây cánh ông ta mạnh nhất làng. Tất cả các việc trong làng đều ở tay ông. Ngay từ hồi còn bé cỏn con, Thứ đã được thấy bà ngoại y, mỗi lần đi nộp thuế về nghẹn ngào:

- Cha mẹ nó! Nó bóp hầu, bóp cổ người ta. Thuế nhà mình mà nó tính hai chục bạc! Nó lấy một mà hai… ở cái làng này mà thấp cổ, bé họng thì ức thật, chúng nó không còn để cho người ta sống…

Khi đã ra tỉnh học, mỗi kỳ nghỉ hè, Thứ về quê, lại trúng vào dịp thuế. Y lại được nghe những lời độc địa của bà ngoại y nguyền rủa bọn kỳ hào. Một lần, y được thấy ông bá Kiến sai trói một lúc mười bảy người và đánh một người lòi mắt. Y tắc cổ, như trông thấy bố mình bị đánh. Ngay từ đấy, nẩy ra trong đầu y, cái ý náo nức muốn học, muốn thành tài, để đem cái tài ra mà dẹp tan những nỗi bất bình kia. Y ngờ nghệch tin rằng, phàm những kẻ nào đã cắp sách tới trường, đều phải nghĩ như y, ít ra, họ cũng khinh những hành vi đục khoét, bóp nặn của bọn mọt dân, ỷ thế làm càn. Y lấy làm lạ là một người như San, có học Tây, có xem sách báo mà lại đã nhiều phen công kích trước mặt y, những cái tồi tệ của bọn cường hào… y lấy làm lạ rằng một người như thế, mà bỗng chốc có thể chui đầu vào luồn lụy một nhà như nhà bá Kiến, chuyên sống về nghề đục khoét…

Thứ khinh San lắm. Thế cũng lấy vợ nhà giàu. Ông bố vợ y cũng có một địa vị cao cả ở làng. Nhưng y coi đó là một sự nhu nhược của y. Y đã không cương quyết nổi đến cùng, để chống lại sự quyết định của gia đình. Y đã phải trách y nhiều về chỗ ấy.

Y lấy làm mừng vì ông bố vợ y là một ông kì mục hiền lành. Y rất lấy làm mừng vì Liên rất mau chịu ảnh hưởng của y. Bởi rất yêu và rất phục chồng, Liên dễ mau đến cái lúc nhìn đời bằng con mắt của chồng. Mặc dầu

vậy, đối với gia đình vợ, Thứ vẫn cố ý không thân mật lắm. Y cự vợ rất hăng, mỗi lần vợ định mua rẻ của mẹ một vài mẫu ruộng hay xin mẹ mười lăm thùng thóc. Y cũng không thích bo bíu gì với chính bố mẹ y. Con chim bay bằng đôi cánh của nó. Y muốn chỉ trông vào bàn tay y. Bỏ học tháng Năm và bỏ luôn cả kì thi vì bệnh tê phù và bệnh đau tim, y khỏi bệnh tháng Mười và tháng Mười một nhất định ra đi. Y không chịu được sự ở dưng. Y vào Sài Gòn với một người làng, mặc dầu rằng khí hậu nóng ẩm miền Nam chẳng tốt tí nào cho căn bệnh của y. Ở Sài Gòn, y kiếm ăn bằng nhiều nghề, kể cả những nghề mà những người tự xưng là trí thức, không làm. Y trà trộn với phu phen, với thợ thuyền. Y mặc đồ bà ba, đi chích thuốc thí ở nhà thương. Còn chút thì giờ thừa nào, y học rất chăm. Y đợi một dịp may mắn để có thể xin xuống làm bồi tàu để đi sang Pháp. Y sẽ sang đấy, để nhìn rộng, biết xa hơn để tìm cách học thêm. Phải có một cái trình độ học thức khá cao. Phải luyện tài. Có học, có tài, y mới có đủ năng lực để phụng sự cho cái lý tưởng của y. Tạng người y không cho y cầm súng, cầm gươm. Y sẽ cầm bút mà chiến đấu.

Y lận đận ở Sài Gòn ngót ba năm. Ngót ba năm sống chật vật, sống nghèo nàn, nhưng rất say mê. Cái mộng viễn du vẫn chưa thành, thì một trận ốm thập tử nhất sinh đã đem y về, trả cho đất chôn nhau, cắt rốn.

Y đã thấy những gì ở quê nhà? Gia đình y khánh kiệt rồi. Bà ngoại y già nua, ốm yếu, bẳn gắt, buồn rầu.

Bà chửi con cháu suốt ngày và khóc suốt ngày. Ông thân y uống rượu rất nhiều chỉ vì thất bại rất nhiều. Lũ em y lúc nhúc rất đông, không được đi học, không được mặc, thường thường không đến cả ăn, gầy guộc, rách rưới, bẩn thỉu, đen thui, tục tĩu và xấc láo, cãi nhau suốt ngày chí chóe. Bà mẹ y, già và xấu đi nhiều quá đến nỗi y tưởng như mình đã xa nhà đến mấy chục năm, làm và nhịn tóp người đi như một con ve, một mình cố nâng đỡ cả một thế giới đang sụp đổ kia, như một con ngựa già cố kéo một cái xe nặng lên khỏi dốc, tuy biết mình kiệt sức rồi, không thể nào kéo nổi nhưng vẫn kéo. Vợ y cũng khác nhiều. Liên già đi đến mười năm. Khuôn mặt trái xoan kia, đã có cạnh ra. Dáng người và chân tay nặng nề thêm. Đôi mắt trong trẻo, long lanh đã hơi mỏi mệt. Ngay tối hôm đầu, Liên đã hỏi y:

- Mình có đem về được vài trăm bạc không?

Và khi y đáp: "Không" thì Liên hơi thất vọng…

- Cũng không sao… - Liên bảo vậy, có lẽ để cho chồng khỏi ngượng. Em hỏi thế là vì nhà bây giờ túng lắm, thầy u nợ người ta mất ít nhiều. Giá có tiền thì mình đưa cho thầy u trả nợ đi. Nhưng không có cũng chẳng sao. Thật ra thì mình cũng chưa đến nỗi không còn cách gì mà nẩy ra tiền để trả người ta. Nhưng khổ một nỗi u cứ hay nghĩ vớ vẩn. Em bảo mai u cho em bán đôi khuyên của em đi, để trang trải cho xong nhưng u không chịu…

Làng y vẫn như xưa, khổ hơn xưa. Vải Tây rẻ như bèo, nghề dệt cổ xưa của làng chết hẳn rồi. Dân làng không việc rất nhiều. Ông bá Kiến vẫn còn sống, vẫn còn giàu. Ông đã từ tiên chỉ để con trai ông ra làm lý trưởng, nhưng thật ra ông vẫn nắm quyền tiên chỉ. Mọi việc trong làng vẫn một tay ông cắt đặt. Đàn em vẫn bị bóc lột đến không còn cái khố. San thì bấy giờ đã nhà quê đặc. Y đã hai con. Ông bố vừa mới mất, cái áo tang xổ gấu và chiếc khăn bằng vải trắng, thắt ngang, khiến y càng có vẻ lù đù. Đến chơi với Thứ, y nói nhỏ nhẹ, buồn buồn, đôi mắt nhìn xuống như sợ người ta nhìn vào cả tâm hồn. Kỳ thuế năm ấy, Thứ được tin San phát thẻ giùm anh vợ. Đòi dân làng mỗi cái ba xu. Một hôm đến chơi nhà San, y thấy San đang tắm cho con. Một hôm khác thằng ở bảo y rằng:

- San đang chia bài cho ông bố vợ đánh tổ tôm. Một hôm khác nước, y bắt gặp chính San đang dở cuộc tổ tôm. Từ đấy Thứ không đến nhà San nữa. Y được nghe đủ mọi thứ chuyện về cái anh chàng đốn mạt, làm nô lệ cho nhà vợ ấy. Y nhục thay cho bạn…

Đột nhiên một hôm Thứ nghe nói San đi Hà Nội dạy học ở trường của Đích. Mấy tháng sau, y gặp San về quê mặc Âu phục hẳn hoi. Và đến khi nhận được thư của Đích, y đến trường, thì San đã Hà Nội hóa khá nhiều: y cười nói bô bô, khôi hài, làm ra người vui vẻ trẻ trung. Một con người của phong trào! Thứ không ưa lắm những con người ồm ĩ, lố lăng như vậy. Nhưng y cũng nghĩ thầm về người bạn nhỏ: "Thà như vậy!... "

III

Sau khi Đích đi rồi, Thứ sang ở với San. San thuê một căn nhà ở gần trường, mỗi tháng năm đồng. Y mua lại bộ bàn ghế và hai cái giường gỗ tạp, bà chủ bắt của người thuê trước, còn thiếu đâu ba, bốn tháng tiền nhà. Y đem từ nhà quê lên một ít bát đĩa, xanh nồi. Y nghiễm nhiên trở thành một người chủ trọ, thổi cơm tháng cho bốn đứa trẻ người làng lên học ở trường và một cậu học trò trưởng Bưởi. Nhà sáu mạng rồi. Thêm một Thứ nữa là bảy.

Họ ở với nhau như thế được hơn một năm. Nhờ mọi thứ còn rẻ quá, lại đông người gánh góp. Cuộc đời khá yên ổn nếu những đứa trẻ không nhộn quá và San với Quý – cậu học trò trường Bưởi – không hay tranh luận quá. Những đứa trẻ ghét San. Có lẽ vì trông y trẻ quá, người ngắn ngủn, cử chỉ không đúng đắn, y không đủ oai quyền để cai quản chúng. Chúng rất hay chế giễu ngầm y, bướng bỉnh với y. Những lúc Quý đi học vắng, Thứ và San bận rộn với lớp sau, lớp trước ở bên trường, là những lúc mình bốn chúng làm chủ cái nhà. Tha hồ mà làm loạn! Chúng phá phách, tinh nghịch đủ trò. Một cái trò chọc thằng bé con cháu vợ San, có làm cho nó phát khùng, phải chửi lên, rồi vịn vào đấy mà đánh cho cẩn thận, trong khi những đứa khác, trong đó có cả thằng ở, đứng xem, cười và nói khích cho đứa chửi càng già mồm chửi và đứa đánh cứ già tay đánh. Thằng bé bị đáng rất đau, San về cũng không dám nói gì. Kinh nghiệm đã cho nó biết rằng: mách San chỉ bực mình thêm. Bởi vì mỗi lần nó khóc mếu, thưa chú, thì dầu nó phải mười mươi, chú cũng chẳng có cách gì hơn là hậm hực chán rồi mắng cả hai. San, tuy rất ghét, rất giận thằng kia, không muốn tỏ ra mình bênh cháu. Tuy vậy, y có thể vì thế mà mất ăn mất ngủ. Y thường nói bằng cái giọng hằn học nhất của y, bảo Thứ:

- Thằng Lu thật là khốn nạn! Không hiểu sao nó cứ phải bắt nạt thằng bé cháu tôi. Không ngày nào là nó không đánh thằng bé một lần. Tôi đã bảo nó bao nhiêu lần mà nó không nghe. Đối với chúng mình, thì chúng nó là trẻ con cả với nhau, mình có để ý gì. Khổ một nỗi ở đằng nhà vợ tôi có chịu nghĩ như thế cho đâu! Tính trẻ con, ai có lạ gì? Mỗi lần về quê, thằng bé lại khóc khóc, mếu mếu kể lể với mẹ, với bà. Mà tính đàn bà thì cũng lại rứa trẻ con! Thôi thì họ hết đay chì lại trách móc tôi, nhất định cho tôi là hắt hủi, bỏ liều con cháu họ, coi nó không bằng con người khác…

Một lần chúng nó ném nhau. Một hòn đá trúng vào giữa cái đồng hồ bỏ túi của San treo trên tường, làm vỡ kính và hỏng máy. San đem chữa. Nhưng cái đồng hồ đã thành tật mất rồi: cứ thỉnh thoảng, nó lại giở chứng, không chạy nữa. Lại một đồng bạc, đem chữa nữa. San khổ như một đứa trẻ con oặt oèo. Mỗi lần thấy kim đồng hồ đứng lại, y lại giật mình. Dù ngay giữa bữa cơm, y cũng vội vàng buông bát, buông đũa, cầm lấy xem, lên dây, lắc lắc ghé tai nghe. Mặt y tối lại dần. Y mở ra để được biết chắc chắn cái tai nạn của mình hơn. Và khi biết chắc chắn rồi, y thốt ra mấy tiếng run run:

- Lại hỏng rồi!

Đôi mắt nảy lửa của y nhìn lũ trẻ con đang cúi đầu ăn, như muốn đem chúng ra mà giết hết đi. Những thớ thịt trên mặt y co rúm cả vào. Nước mắt ứa ra. Y ấm ức nghẹn ngào, như chực khóc.

Quý thấy thế, thường cười một cách khoan khoái lắm. Y cười rú lên, như cố tình làm cho San phải tức thêm. Hai anh chàng ấy không bao giờ chịu được nhau. Chỉ vì họ giống tính nhau quá quắt. Cả hai cùng ầm ĩ, cùng tự đắc, cùng kiêu ngạo. Họ thi nhau vạch ra những cái dốt của nhau. Thứ nhìn tất cả những trò ấy, thản nhiên và rộng lượng. Y hơn hẳn họ về tuổi, về sức học cũng như về từng trải. Y đặt sự hiếu thắng của mình vào một chỗ xa hơn. Y thấy họ trẻ con. Cậu học trò trưởng Bưởi kia thì đã đành rồi. Nhưng San đã có hai con, y chỉ sinh sau Thứ có hai năm. Thứ hơi buồn cười về một chỗ San có thể đỏ mặt tía tai hay cười rất khoái trá vì một cái tính đố hay một lối ngoắt ngoéo trong một bài ám tả. Thứ hơi thương hại, nghĩ nó học ít, mà cũng chưa được sống…

Và Thứ vui vẻ, hơi ngấm ngầm tự kiêu về mình…

Một hôm, Quý khuân hòm ra xe, đi chỗ khác. Mấy hôm sau, thằng Lu cũng về quê. San nhẹ hẳn người. Y không ngại nói điều ấy ra ngoài miệng. Từ ấy, nhà đỡ nhộn. San có vẻ đứng đắn hẳn lên. Những bữa ăn, y và Thứ nói chuyện với nhau hòa nhã, ôn tồn. Y hỏi Thứ những chỗ học hoặc xem trong sách mà không hiểu. Thứ giảng giải cho y, bàn rộng đến văn chương, các nhà văn, thử cái mộng văn chương xưa cũ của mình, nhắc đến những kỷ niệm Sài Gòn, nói đến dĩ vãng như một người già lão. Y thở dài và bảo:

- Thế nào rồi tôi cũng đi Sài Gòn chuyến nữa. Tôi còn phải đi nhiều. Tôi không thể để tôi mục ra ở cái trường này. Và trong một phút, những mộng xưa lại sôi nổi trong lòng y. Nhưng chừng chỉ sôi nổi lên trong một phút rồi lại chìm ngay. Tiếp theo là sự bình lặng, buồn như một cảnh quạnh hiu. Thứ tê người. Hỡi ôi! Còn gì lại của thời xưa, của cái thời xưa mà mới cách đây độ bốn, năm năm. Y đã sợ sự khó khăn. Y sẽ chẳng bao giờ tự ý rời nổi cái trường này. Cuộc đời ở đây cố nhiên là chẳng đẹp gì, nhưng chắc chắn là y có ăn, có mỗi tháng ít nhiều để giúp ra đình. Đi, là đến những cái chưa thấy đâu, sự bấp bênh, một cuộc đời chưa biết thế nào mà chắc chắn. Y chép miệng:

- Giá chúng mình chưa có vợ con gì cả!...

San cười:

- Tôi bảo anh này! Chúng mình chịu khó ở đây một vài năm. Tôi để học thêm, cố lấy cho được mảnh bằng, hòng có đi cũng dễ xoay hơn. Anh, để cố dành dụm, gây lấy cho vợ anh một cái vốn con con, khả dĩ có thể tự xoay xở, nuôi con. Thế rồi chúng mình đi.

Y bàn như vậy. Thứ thừa hiểu rằng đó chỉ là chuyện bàn suông, bàn để rồi để đấy thôi. Nhưng y cũng dối mình để cố dẹp những bứt rứt của lòng. Y lại vui vẻ nói đến cách sống dễ dãi, và tự do ở Sài Gòn, đến những thằng bạn bạt mạng của y, đến cái mẹo phải dùng để khi đã cậy cục xin xuống làm bồi ở một cái tàu bể rồi, có thể xin thôi việc mà lên ở ngay đất Pháp.

- Lệ làm tàu, anh xuống ở bến nào, thì đến lúc xin thôi việc, người ta sẽ đem anh về trả chỗ bến ấy. Vì thế, nếu không biết mánh khóe, sang đến Pháp rồi, khó lòng mà xin lên đấy được. Đến Mác-xây, tưởng đạt vọng rồi, hăm hở xin lên, thế là bao công trình của anh toi cả: người ta sẽ bắt anh trở lại Sài Gòn rồi mới vất sổ trả anh, mời anh lên đất!...

- Thế thì đến Mác-xây trốn lên chăng?

- Cũng được, nhưng mất sổ. Nghĩa là lúc muốn về không về được. Vả lại cũng có thể bị bắt, bị lôi thôi… Phải thế này: đến Mác-xây, xin đổi tàu. Xin lên ngay ở đây thì không được nhưng xin đổi tàu thì vẫn được, nếu biết tìm

một anh nào ở tàu kia muốn chuyển sang tàu mình, thường thường thì phải cho họ một số tiền; để họ bằng lòng đổi: những anh nhà nghề, họ đi tàu nào chả thế? Mình xin đổi sang một cái tàu chạy Mác-xây sang Mỹ chẳng hạn. Thế là đối với cái tàu ấy, mình lên ở Mác-xây. Đến lúc xin lên, người ta sẽ đưa mình về Mác-xây.

Thứ nói như y đã thành thạo về nghề làm tàu bể lắm. San rất phục. Cuộc đời của y nghèo nàn tù túng mãi rồi. Khốn nạn! Đã bao giờ y đi vào Huế, đến Tourane, đến Sài Gòn! Ngay đến Hải Phòng y cũng chưa đến bao giờ. Không có gì để nói, y nói đến ông thầy dạy tối y, đến các bạn cùng học với y. Y nói đến vợ, con. Y nói đến người làng… Và ngày tháng cứ bình lặng trôi đi như vậy, bình lặng và vô sự.

Vô sự lắm. Lũ trẻ, mất đứa cầm đầu bướng bỉnh và ưa khơi chuyện là Lu, trở nên hiền lành. Chúng kính nể San luôn. Chúng ít đùa, ít đánh nhau. Thỉnh thoảng mới có cuộc cãi nhau vặt giữa thằng ở và cháu vợ San. San định yên lòng để nghĩ đến những công việc riêng của mình. Nhưng mà không lâu…

IV

Một hôm San lẩm bẩm học, bỗng ngẩng mặt lên rồi rất đột ngột, bảo Thứ, ngủ trưa vừa mới dậy, còn đang ngáp:

- Tôi nghĩ kĩ rồi. Chúng mình cứ nhất định trả nhà, dọn sang trường.

Ngừng lại một thoáng để xem Thứ có nói gì không, nhưng không thấy Thứ nói gì, y bảo tiếp:

- Tôi nói cho anh nghe!... Lũ trẻ sắp về nghỉ cả rồi, chúng nó nghỉ hai, ba tháng mới lên. Thằng ở cũng xin về. Nó xin về thì nuôi thằng khác, cũng không khó gì, nhưng có năm, sáu người chịu chung thì mới có thể nuôi một thằng ở, thuê cả một căn nhà. Bây giờ chỉ còn có hai chúng mình, chịu làm sao nổi? Tiền nhà bà béo đòi tăng thêm ba đồng nữa. Như vậy thì anh bảo, chúng mình chịu làm sao nổi?

Thứ ngần ngừ, nhìn hai bàn chân, khẽ đáp:

- Đã đành. Nhưng tôi nghĩ sang ở đấy cũng không được tiện. Còn Oanh cơ đấy…

- Mặc kệ Oanh! Em không muốn ở chung với chúng mình thì em về nhà riêng mà ở. Anh là hiệu trưởng, anh ở luôn ở nhà trường là đúng lý. Em lấy địa vị gì mà ở đấy? Em không biết điều!

San nói, không để cho người ta cãi lại. Giọng y gay gắt. Ít lâu nay, y bỗng sinh ra thế. Không mấy lúc bình tĩnh. Y cau có, gắt gỏng suốt ngày. Y đánh học trò luôn. Y gây sự với bất cứ ai. Y thích nguyền rủa và mạt sát. Cái gì cũng khiến y ngứa mắt, ngứa tai. Nhiều lúc, y làm Thứ và Oanh khó chịu. Oanh phàn nàn với Thứ. Thứ cười mà bảo:

- Thằng bé cáu con Dung!...

Dung là cô con gái rượu của bà béo, chủ nhà. Chẳng đẹp gì, nhưng cũng mũm mĩm và trắng trẻo. Mà lại là con một. Mà lại diện! Cô diện nhất vùng này, tân thời nhất vùng này, cũng đánh phấn, tô môi, kẻ lông mày, cũng áo kiểu nọ, kiểu kia, giày cao gót, ví đầm… Nghĩa là Hà Nội đặc!

Cô ả bán hàng. Anh chàng San thì mỗi ngày bốn lượt nện giầy Tây cồm cộp, qua lại trước cửa hàng. Những khi chỉ có một mình Dung, San tạt vào mua một cái ngòi bút, cái bút chì, tờ giấy viết thư hay gói ô mai. Chỉ có thế, mà rồi một buổi sáng Chủ Nhật, lũ trẻ rúc rích cười, chạy về khoe với Thứ rằng: ông San đang tán cô Dung và nắm tay cô. Thứ sa sầm mặt. Y không dám thú với y rằng hơi ghen với bạn. Nhưng lúc San về, y bảo:

- Anh liệu đấy! Con mẹ béo chẳng vừa đâu. Nó có thể đứng ở cửa nhà nó, xắn quần lên, trỏ sang trường mà chửi. Lúc ấy thì đẹp mặt!

Y làm như chỉ vì danh dự nhà trường mà y phải nói. Nhưng San cười xòa, bảo:

- Cái gì rồi người ta chẳng biết.

Bà mẹ biết, nhưng không làm dữ. Có lẽ vì bà biết trai gái phải lòng nhau như vậy cũng thường. Ngày xưa bà đã lấy khách, lấy Tây đen, chán rồi

mới lấy ông ấy, là một người bồi khách sạn. Tiền của và cuộc sống trưởng giả hiện nay đem lại cho cả ông lẫn bà ít nhiều sự kính nể của những nhà xung quanh. Nhưng bà cũng không có lý gì để cẩn thận với tai tiếng quá. Vả lại hạng Dung thì lấy đến hạng San cũng đã là được lắm rồi. Dân Hà Nội thì chẳng ai biết đến con bà. Còn dân ở vùng ngoại ô này, chỉ toàn những phu phen, thợ thuyền, bồi bếp. Thỉnh thoảng mới có một gia đình công chức nhỏ - một ông phán hưu trí hay một ông giáo không đủ tiền mua nhà ở phố - thì họ lại khinh nhà bà là hà tiện. Bởi vậy, đáng lẽ to tiếng với San thì bà lại chỉ ngấm ngầm dò la xem San đã có vợ chưa. Lũ trẻ hùa với nhau để đánh lừa bà. Cả cái mặt non nớt của San cũng lừa bà. Bà đi khoác lác lên với mấy người hàng xóm rằng bà sắp gả Dung cho ông giáo bé và định đòi căn nhà ở cạnh trường về để đôi vợ chồng mới ở. San khoái lắm. Thứ khổ vì sự tự đắc ấm ỹ của y.

- Tôi chim gái cũng cừ đấy chứ!... Trông mình thế này, ai dám bảo là có vợ rồi? Con Dung mê là phải.

Thứ bĩu môi, cười nhạt hỏi:

- Anh có chân trong Độc lập văn đoàn đấy ư?

San ít đọc báo chí, không hiểu rằng mấy ông văn sĩ trong cái văn đoàn đang hợp thời ấy, thích tự mình lại khen mình, y trâng tráo bảo:

- Tôi cố làm cho nó chửa. Bà béo tất phải van tôi mà gả nó cho tôi. Bấy giờ, dù có biết tôi có vợ, hai con rồi cũng chẳng làm gì. Vẫn phải gả như thường. Làm hai mà chẳng phải chịu à?... Bà ấy không có con trai. Bao nhiêu của nả sẽ về tôi. Vợ tôi thấy tôi lấy vợ hai, đã không mất gì, lại được mấy cái nhà, có ghen cũng chẳng nỡ nói nào. Thế là tôi hai vợ. Một vợ trông coi vườn ruộng ở nhà quê với một vợ buôn bán ở tỉnh thành. Tôi chỉ việc nằm ăn. Thế có thú không?

Y ran rả, cười sằng sặc. Thứ khinh sự trụy lạc của tâm hồn y, hay ghen, chính y cũng không biết nữa. Chỉ biết rằng y thấy ghét San. Và đến khi San bị bà béo trở mặt, Thứ ngấm ngầm hả dạ.

Một hôm lũ trẻ đem về cái tin: con một ông phán già hỏi cô Dung; nhà trai đi trạm ngõ rồi. Thứ không giữ nổi sự sung sướng của y. Y chế giễu San:

- Đã điếng người chưa?

- Điếng người thế quái nào? Tôi đùa chơi đấy chứ anh tưởng tôi mê con Dung lắm à? Nó bằng thế nào được vợ tôi? Anh phải biết, tôi chung tình với nhà tôi lắm.

Tuy nói vậy nhưng thật sự thì San hơi tái mặt. Một buổi tối, y phàn nàn với Thứ:

- Con mụ béo tồi quá. Anh biết đấy! Trước kia, nó tử tế với tôi như thế nào? Thế mà con nó vừa mới được một thằng có vẻ hơn tôi hỏi, có vẻ hơn tôi, chứ chưa chắc đã hơn… nó đã phải vội vàng đểu với tôi ngay. Tôi làm gì con nó? Thế mà lúc nãy nó đi đâu về chẳng hiểu, vừa thấy tôi ở hàng con nó đi ra, nó đã phải hầm hầm đánh chửi con nó ngay sau lưng tôi, như muốn tỏ cho tôi biết: nó cấm cửa tôi rồi đấy!

Thứ cười ranh mãnh:

- Ai bảo anh cứ định làm cho con nó chửa?

- Tôi nói thế chứ đời nào! Tôi cũng có lương tâm. Nhưng nó thế thì nó tồi lắm, hèn mạt lắm. Nhất là lại gây chuyện, đòi tăng tiền nhà nữa…

- Tụi con buôn mà lại!...

- Ừ, con buôn. Thật đúng là con buôn!...

Từ đấy, San ít tự đắc, ít cười cười nói nói luôn luôn. Nhưng bảo chỉ vì thế mà San sinh cáu gắt, thì không phải. Oanh cũng không tin như vậy. Y bảo:

- Có lẽ tại lớp này chú ấy làm việc nhiều quá, thức đêm nhiều quá.

Thứ tán thành.

- Có lẽ…

Nhưng trong bụng y lại ngờ rằng San còn có điều gì bực bội về gia đình nữa.

Cách đây ít lâu, một hôm, đột nhiên San bảo:

- Thứ Bảy này, tôi phải về nhà quê. Tôi cho những lớp của tôi nghỉ buổi chiều thứ Bảy và buổi sáng thứ Hai, có tiện không?

Thứ ngạc nhiên:

- Thế nghĩa là anh chỉ ở nhà có một hôm? Sao không đợi đến lễ Phục Sinh để có thể ở nhà luôn mấy ngày?

San lắc đầu:

- Không đợi được. Tôi có việc cần.

- Việc gì?

- Không thể nói, nhưng cần lắm. Tôi vừa được một tin quan trọng. Không biết có đúng không. Nếu đúng thì ức lắm. Có lẽ tôi chẳng học hành gì nữa. Có lẽ tôi cũng không ở cái trường này nữa. Tôi sẽ đi biệt một nơi.

- Tin gì mà ghê thế?

- Không thể nói. Vả lại cũng chưa biết có đúng không, nếu đúng thì ức lắm.

Mặt y phờ phạc. Y quả đang có điều gì khiến y phải băn khoăn, đau đớn lắm. Thứ lẳng lặng nhìn, y dò xét, rồi an ủi:

- Chẳng có gì là ức. Tôi đoán ra rồi! Bà nhạc anh không chịu cho anh tiền học nữa. Có thế thôi! Việc quái gì! Họ không cho nữa thì anh nhịn ăn đi một bữa, bỏ tiền ra mà học. Cần gì họ.

- Đã đành. Vả lại nếu bà ấy không muốn cho tôi, các anh tôi cũng có thể cho tôi được. Nhưng việc này lại khác kia, quan trọng hơn nhiều. Để tôi về xem đã, rồi tôi sẽ nói với anh…

Y về thật. Chiều thứ Hai, y vẫn chưa lên. Học trò các lớp của y, đến trường lại phải về. Oanh gắt lắm. Nhưng hết giờ, Thứ về nhà, đã thấy San nằm thườn ở giường rồi.

- Ủa! Lên bao giờ?

- Lúc hai giờ.

- Lúc ấy học trò vẫn đợi anh. Sao không sang đấy?

- Mệt quá không muốn dạy.

Thứ mỉm cười

- Ý hẳn suốt đêm qua, cu cậu không được ngủ.

San đáp bằng một tiếng cười phì ra đằng mũi, cái lối cười riêng của y, khi y cười gượng. Thứ làm như sực nhớ:

- À thế nào? Việc gì mà cần kíp thế?

Sau một thoáng ngập ngừng, San bảo:

- Chẳng có việc gì. Ở nhà không muốn gửi măng-đa viết thư bảo tôi về để lấy. Với lại có lẽ họ cũng muốn tra mình về việc con Dung nữa. Đầu đuôi tại lũ trẻ nhà mình nói…

Trong khi nói San tránh cái nhìn của Thứ. Thứ ngờ ngay câu chuyện San vừa nói là chuyện bịa, nhưng không muốn tỏ vẻ nghi ngờ, hỏi:

- Thế nghĩa là anh vẫn có tiền?

- Lại nhiều là khác nữa… Tôi định may một bộ hàng nực, diện.

Y đi may một bộ hàng tơ, ba mươi đồng thật. Nhưng Thứ nhận thấy tính nết y đột nhiên đổi hẳn. Y chua chát. Y mỉa mai. Mặt y đầy sự ghét. Nhất là trước mặt Oanh hay những khi nói đến Oanh, y tỏ ra thù ghét lạ…

- En vô lý quá! Chúng mình hò hét đến bắn tung mảnh phổi ra để cho trường thịnh vượng, để cho en sắm đồ vàng để dành và may áo diện, còn chúng mình thì khổ như chó cả. Căn gác nhà trường thuê bằng tiền của nhà trường. En ở được thì chúng mình cũng ở được. Huống chi en còn có nhà riêng. Sao en không thể về nhà riêng mà ở. Lương chúng mình ít thế, lấy tiền đâu mà thuê nhà? En ích kỷ vừa vừa quá!...

Y nhất định dọn đồ đạc sang bên trường. Oanh phản đối. Y không cần bàn cãi, y chỉ bảo:

- Thằng ở nhà tôi đòi về. Tôi không thể vừa dạy học vừa làm bếp. Chúng tôi sang bên này, việc cơm nước nhờ thằng Mô!...

V

Thứ thấy lòng nhẹ bỗng… Mỗi buổi chiều thứ Bảy, Thứ thấy lòng nhẹ bỗng. Không những chỉ vì ngày hôm sau được nghỉ. Còn vì tối hôm ấy và cả ngày hôm sau không phải trông thấy Oanh cau có và nghe Oanh gắt gỏng. Oanh về nhà riêng. San cũng đi học tối rồi. Còn mình Thứ ở nhà. Y chẳng phải làm gì. Y muốn chiều thứ Bảy phải là chiều nghỉ ngơi hoàn toàn. Y bảo Mô không cần phải thắp đèn. Y đem cái ghế mây ra sân gác, ngồi một cái, gác chân một cái, nhìn sao. Mô biết rằng những lúc như lúc ấy, Thứ sẵn lòng nghe chuyện của nó. Bởi vậy nó cũng ra sân gác đứng.

Mô là loong toong nhà trường. Gọi thế cho oai. Thật ra thì nó cũng chỉ là một thằng nhỏ, công mỗi tháng một đồng. Nó làm đủ các việc của một thằng nhỏ, con sen: gánh nước, đi chợ, thổi nấu ăn, giặt quần áo… thêm những việc quét trường, đổ mực, và tắm gội cho bốn, năm trẻ, cháu của Oanh hoặc em của Đích. Những đứa trẻ gọi nó bằng anh. Nó gọi chúng bằng em. Và những khi chúng không ngoan, Mô không ngần ngại quát mắng chúng om sòm, có khi đánh nữa. Oanh có biết cũng chỉ lờ đi, hay lại khuyến khích thế. Một là vì Oanh muốn dùng nó để trị lũ trẻ con. Hai là vì Oanh sợ nó. Đúng như vậy, Oanh sợ nó, tuy sa sả với nó suốt ngày. Chỉ vì nó khỏe, thật thà, được việc, công lại rẻ. Oanh biết rằng công việc này, không có nó, không xong: còn nó, nó chẳng cần gì Oanh lắm. Nó thừa biết rằng: ở với Oanh, nó chỉ thiệt nhiều; sức nó làm đâu cũng kiếm nổi công

mỗi tháng hai, ba đồng bạc. Các bạn máy nước của nó, thằng nào cũng coi nó như kẻ đàn anh. Thế mà thằng nào cũng kiếm được công cao hơn nó. Như vậy thì cớ gì mà nó phải bám lấy Oanh? Có lẽ bởi thói quen. Nó ở với Oanh mãi, quen rồi. Thật ra thì dù không bằng lòng với hiện cảnh của mình, cũng không mấy người dám mạnh bạo tìm những cuộc đổi thay. Cái chưa biết bao giờ cũng làm cho người ta sợ. Mô không hiểu thế. Nó không rõ tận lòng của nó. Nó lân la bảo Thứ:

- Con nể bà Chánh với cậu Đích nhiều nên con mới ở đây chứ những như cô giáo thì mấy con cũng không chịu ở. Lúc bắt đầu cho con lên đây, bà Chánh bảo: "Cậu không tìm được người ở, anh chịu khó lên cơm nước cho cậu, trông coi các em giúp bà". Con nể lời bà Chánh nên mới lên đây, chứ cũng thừa biết đi làm thằng nhỏ thì có ra gì? Tuy bây giờ được mỗi tháng một đồng, nhưng sau này cuốc không hay, cày không biết, về nhà quê, làm gì ăn được? Mà chẳng lẽ suốt đời đi ở. Lắm lúc con muốn thôi phắt, về nhà quê học làm ruộng cho quen. Nhưng lại nghĩ rằng: lúc cậu Đích ra đi, cậu có dặn con: "Mô cứ chịu khó ở đây với cô, trông các em cho cậu, rồi cậu tìm việc cho mà làm hay cậu cấp vốn cho mà buôn bán". Con cũng chẳng mong gì cậu Đích tìm việc hay cấp vốn cho con. Nhưng bây giờ cậu Đích không ở nhà mà con thôi không chịu ở nữa, thì lúc cậu Đích về, không biết đấy là đâu, cứ thế bảo tại con chứ không phải vì cô giáo…

Thứ về hùa với nó:

- Tao cũng vậy. Nếu không vướng cậu Đích thì tao đã thôi dạy học cho cô mày từ lâu rồi.

Nói xong, Thứ hơi ngường ngượng. Y lơ mơ nhận ra sự hèn nhát của y: y tự coi mình với Mô là đồng thuyền để được cảm tình của nó. Y lảng sang truyện khác.

- Mày đã vay được tiền cưới vợ chưa?

Mô toét miệng cười:

- Thưa cậu, rồi. Con nói mãi, cô giáo mới cho vay được bốn đồng. Cô giáo chỉ sợ con vay rồi quỵt, đi làm cho nhà khác. Thưa cậu, con nghèo thì

nghèo thật, nhưng bốn đồng bạc có ăn được suốt đời đâu, mà làm thế cho tiếng để đời. Xưa nay con có phải là người lừa lật đâu?

- Không phải thế. Cô giáo không sợ mày lừa lật, nhưng không muốn cho mày lấy vợ, sợ mày lấy vợ rồi, bận bịu vợ con, không tưởng gì đến công việc nữa.

- Thưa cậu, cô giáo bảo với cậu thế à?

Thứ gật đầu. Bởi vì đó là sự thật. Một hôm, Oanh đã đem việc Mô lấy vợ nói với Thứ. Thứ không ngỏ ý gì. Nhưng Oanh thì Oanh bảo: "Nó làm được mỗi tháng có một đồng, nuôi vợ nuôi con làm sao được? Không có vợ con, nó còn ở với mình. Có vợ rồi, bận vào thân, thế nào nó cũng toe hoe sinh chuyện này chuyện khác. Vả lại nó chưa có vợ, mình muốn mắng nó thế nào thì mắng. Nó có vợ rồi, thành người lớn, mắng nó thì nó thẹn, mà chính mình cũng ngượng… ". Thứ đã phải ngấm ngầm ghê sợ cho sự tính toán thấu đáo của người đàn bà nham hiểm ấy. Y càng ghét nhưng cho rằng Oanh đã bàn bạc với y tức là tin cẩn ở y, y không nỡ đem cả chuyện ấy nói cho Mô rõ. Tuy vậy, Mô cũng đã lấy làm bất bình lắm rồi. Nó bĩu môi và bảo:

- Không cho con vay cũng chả xong. Mà con cũng chẳng dám nói dối gì cậu! Chỗ tiền ấy con cũng chẳng vay viếc gì. Trừ vào công của con, nhất định con không chịu. Có cả cậu biết đấy: hồi cậu Đích còn ở nhà, cậu Đích bảo cho con thu số tiền mực của học trò. Mua mực pha cho chúng nó viết, còn thừa đồng nào, cho con cả. Thế mà cô giáo có cho con thu tháng nào đâu? Cô giáo thu mấy năm rồi. Chỗ lãi ấy, bốn đồng còn là ít. Bây giờ có cho con bốn đồng, cô giáo cũng không mất gì.

Thứ hỏi:

- Có bốn đồng mà mày cũng cưới được vợ à?

Mô lại toét mồm ra cười.

- Cậu tính cưới xin gì! Hai đằng cùng nghèo cả, lấy gì mà bầy vẽ ra được nữa? Con đưa cho bà cụ chục bạc để bà cụ sửa một mâm cỗ cúng ông cụ và

mua ít cau chia cho những chỗ quen thuộc để nhà con khỏi mang tiếng là theo không.

- Đưa những chục bạc kia à? Thế sao mày vừa bảo mày vay có bốn đồng?

- Vâng, của con có bốn đồng, còn thì là của nhà con nó giúi cho con.

- Ngỡ là gì. Thế thì ra ngỗng ông lại tết ông.

- Vâng, kể thì giá con chẳng có đồng nào cũng được. Nhà con nó cứ xui chỉ đưa cho bà cụ sáu đồng thôi. Nhưng chẳng lẽ con lại không chịu bỏ ra đồng nào. Như vậy thì tồi quá.

- Thôi thế chắc cô ả ăn phải bả cu cậu rồi!

Mô để bật ra mấy tiếng cười sung sướng và tự đắc. Nó không thể nhịn kể lể về vợ nó:

- Thưa cậu, con nghĩ cũng phải duyên, phải số làm sao, chứ không thì sao con nó say con thế này: hôm nọ con đi xem bói, người ta bảo con rằng số con sát vợ, phải lấy đến ba đời vợ mới xong. Con nghĩ thương nhà con nó hiền lành mà chỉ có một mẹ một con, sợ nó chết thì bà cụ chẳng còn vơ víu vào đâu được, nên định không lấy nó nữa kẻo nhỡ nó chết thật thì tội nghiệp. Con vừa mới nói thế mà nó đã khóc như cha chết, một giờ đêm, nó còn bắt bà cụ đi với nó lên tận trường tìm con. Nó lại ngờ con thay lòng đổi dạ thế nào. Con bảo nó thì nó nhất định bảo: "Sống chết là mệnh giời, thương yêu nhau thì cứ lấy nhau, chẳng cần gì cả".

Thứ gật đầu một cái, như khi đọc sách gặp được một tư tưởng đúng. Y trở nên nghĩ ngợi. Hồi y còn học ở thành chung, một người đàn bà đã nói với y thế này về đứa con gái lão loong toong của nhà trường: "Con ấy xấu thế mà cũng có amour kia à?". Câu nói ngẩn ngơ đã khiến y bẻ lại ngay. Nhưng y bẻ, có lẽ cũng chỉ vì thích cái lý thôi. Nếu y thật thà thì y phải nhận rằng: khi nói đến tình yêu, chính y cũng chỉ nghĩ đến những học sinh, những sinh viên, những thanh niên trí thức, những thiếu nữ nhí nhảnh hoặc u buồn, dịu dàng hay sắc sảo, như thế nào cũng phải đẹp và thanh lịch. Một đôi khi người ta cũng có thể nghĩ đến gái nhảy, cô đầu bởi vì gái nhảy, cô đầu cũng

còn biết tân thời, đánh phấn, tô môi, sức nước hoa. Nếu là một cô gái quê thì tất phải là: một cô gái quê mắt bồ câu, má lúm đồng tiền, đẹp một cách mộc mạc, ngây thơ. Nhưng làm thế nào mà tưởng tượng được rằng những thằng nhỏ, những con sen, những anh phu đổ rác, những chị phu hồ, những con người lam lũ và dốt nát, rách rưới và đen thui, phần nhiều bẩn thỉu, hôi hám, thô kệch, xấu xí… Làm thế nào mà tưởng tượng được rằng những con người mà ta đã quen coi như dưới hẳn chúng ta, gần hàng súc vật, mà cũng có thể yêu một cách cao và đẹp. Ấy thế mà cao và đẹp biết bao là cái tình của vợ chồng Mô đối với nhau. Chúng hy sinh tuy chưa bao giờ nghe nói đến chữ hy sinh. Kẻ thì biết hy sinh cái hạnh phúc được lấy người yêu, chỉ vì nghĩ đến người yêu. Kẻ thì biết khinh hẳn sự sống của mình để mà yêu, có lẽ vì cũng lờ mờ nhận thấy rằng tình yêu còn đáng quý gấp mười lần sự sống. Còn một cái tình yêu nào mạnh và đẹp hơn thế nữa.

Mô vẫn kể. Nó kể bằng một cái giọng ngắc ngứ, lúng túng, ấp úng, có khi ngượng nghịu, vì e thẹn và sung sướng. Nhưng Thứ hiểu chuyện của nó một cách rất rõ ràng. Chỉ vì những lời nói của Mô được tô điểm thêm bằng những kỷ niệm của y. Chính y cũng đã được nghe câu chuyện của vợ chồng Mô đối đáp với nhau đêm hôm ấy.

Một đêm trời lạnh đã khá khuya, bởi vì San đã thôi học, đi nằm. Y lách người vào chăn đem theo một chút lạnh vào. Thứ đã sắp ngủ, nhưng bị hơi lạnh làm tỉnh dậy. Và y chợt để ý đến những tiếng gọi rụt rè dưới cửa:

- Anh Mô ơi!... Anh Mô!...

Tiếng con gái. San huých khuỷu tay và cạnh sườn y một cái và khẽ nói:

- Anh có nghe thấy gì không?

Y lại hích San để tỏ rằng mình có biết. San bảo:

- Nhân tình thằng Mô đấy. Lặng im, xem chúng nó làm gì, làm gì lúc đêm khuya khoắt thế này?

Thứ thấy lòng rộn rạo. Bên tai y, hơi thở phì phò của San cũng mất hẳn đều đặn, trở nên mạnh hơn và dồn dập. Nhưng ở nhà dưới, Mô vẫn ngủ

mệt, hay cố tình làm ra thế? Nó không thưa. Tiếng người con gái gọi to hơn, khẩn khoản hơn:

- Anh Mô ơi! Anh Mô ơi! Sao anh tệ thế?

San véo vào tai Thứ một cái thật đau. Anh chàng ấy nhiều thú tính, thường không kìm nén nổi sự bồng bột đột nhiên của lòng mình. Thứ điềm tĩnh hơn, kín đáo hơn. Y muốn cù bạn nhưng lại sợ Mô biết trên gác có người còn thức, nên cố nhịn. Y ra hiệu cho San đừng động đậy. Nhưng Mô vẫn tảng lờ như không nghe tiếng nhân tình gọi. Người nhân tình phát khóc…

- Anh Mô ơi! Sao anh tệ thế, anh Mô?

Mô đành vùng dậy, ý chừng nó không còn gan được nữa. Chỉ nghe tiếng ú ớ giả vờ của nó, Thứ cũng thừa hiểu không phải mãi đến lúc ấy nó mới biết có người gọi nó. Nó không thưa trước, có lẽ chỉ vì lúc này còn bối rối, chưa tìm ra cách đối phó. Nó làm như vừa mới giật mình thức giấc:

- Ai?... Ai thế?

- Tôi đây. Sao anh tệ thế, anh Mô!

- A! Cô Hà đấy à? Gì thế? Tôi ngủ mê, chẳng nghe thấy gì.

Câu chữa mình chỉ tố cáo thêm. Người con gái mỉa:

- Tôi biết rồi! Ngủ! Chẳng nghe thấy gì!

Mô cười một cách rất hiền lành:

- Thật đấy! Ai nói dối!

- Anh ra đây tôi hỏi cái này một tí.

- Hỏi gì?

Cái then gỗ kêu lọc cọc. Tiếng vặn cái quả nắm sắt. Rồi cái cánh cửa bị kéo vào, sát xuống thềm gạch kêu lạch xạch. Mô nhắc lại, khẽ hơn và dịu dàng

hơn:

- Hỏi gì?

Người nhân tình sụt sịt:

- Sao anh tệ thế, anh Mô?

- Tệ làm sao?

Người con gái nói những gì nho nhỏ. Thứ không nghe rõ. Chỉ biết là thị khóc. Mô nói to hơn:

- Tôi có ý gì thì tôi chết bằng này tuổi. Nội tôi có dám chê cô cái nết gì hay là đứng núi này trông núi nọ thì có giời vật chết! Nhưng tôi xem bói, mấy ông thầy cùng bảo tôi sát vợ. Cô lấy tôi, nhỡ cô chết thì… ?

- Cho chết! Xin cho ngay rằng chết tôi cũng bằng lòng.

- Cô đã vậy nhưng còn bà cụ. Giá bà cụ được đôi ba người con thì mình còn dám nghĩ liều. Nhưng bà cụ chỉ được có mình cô. Nếu phải ông giời ông ấy bắt cái số tôi như vậy thật, cô cứ nhất định lấy tôi mà nhỡ có thế nào thì bà cụ trông cậy vào ai? Thật tôi cũng không chắc gì tôi có thể thay cô mà phụng dưỡng mẹ già. Đã đành rằng cứ như cái lòng của tôi cũng có thể nghĩ được thế nọ, thế kia, nhưng biết rằng ông giời ông ấy có cho mình nghĩ hay không? Tình cảnh tôi nó bó buộc lắm.

- Anh không phải nghĩ xa xôi thế. Sống chết đã có giời, anh ạ! Mình không biết đâu mà liệu được. Tôi chỉ sợ anh nghe người ta mà…

- Không! Tôi có nghe ai thì tôi chết! Mà cũng chẳng ai nói gì cả, tôi chỉ nghĩ rằng.

Nó luẩn quẩn nhắc lại những điều đã nói về số mệnh, về cái cảnh nhà cô ả chỉ có một con một mẹ, về cảnh nghèo của nó. Cô ả cũng nhắc lại những lời đã nói của cô. Rồi cô rưng rức khóc. Chắc là Mô bối rối, nó lặng im một lúc, rồi nó xua tình nhân rối rít:

- Thôi được! Cứ về đi!... Khuya rồi, về đi! Về đi rồi mai tôi xuống đấy.

Phần thì cô ả còn dùng dằng chưa nỡ dứt. Nhưng giữa lúc ấy, tiếng một bà già léo xéo:

- Hà! Thôi về đi!... Về!... Về ngay, không mày chết với tao bây giờ!

Tiếng nói run run và như thiếu sức. Giọng tuy gắt gỏng mà tiếng vẫn không vang lên được, nó cứ âm âm trong lồng ngực. Dường như cái ngực yếu ớt quá, óp ép quá, chỉ đẩy ra được một luồng hơi yếu ớt… Cái thứ tiếng già nua ấy, trong đêm khuya vắng lặng, có một vẻ gì buồn lắm. Thứ đã lặng người đi như thấy cả một nỗi cô đơn đang rót vào lòng. Tiếng guốc của bà già vang lên và nhỏ dần đi. Thứ hình dung ra bóng một người con gái bước chân nặng trĩu, vừa đi vừa lau nước mắt, lủi thủi theo sau. Sao mà buồn thế!...

Lúc này đây, y cũng buồn. Mô đang sung sướng nói về vợ nó với y. Nó nhắc cho y nhớ đến những phút sung sướng đã qua, đến vợ con, đến gia đình. Y ngước mắt nhìn một ngôi sao, ngậm ngùi tưởng tượng ra vợ y đang ôm con, ngồi ở ngưỡng cửa, lặng lẽ và buồn rầu như đá Vọng Phu. Mô thấy y lơ đãng, ngừng lại không nói nữa. Y không nhận thấy, bởi vì đã khá lâu, y không còn để ý đến chuyện nó nói. Nó ngập ngừng nhìn y trong bóng mờ mờ tối và ngạc nhiên nghe tiếng y thở dài…

Tần ngần một thoáng rồi Mô bỗng hỏi:

- Thưa cậu, cậu đi lâu thế này, có nhớ mợ với em ở nhà quê không ạ?

Giá có ánh sáng thì Mô đã nhận thấy Thứ hơi đỏ mặt. Nhưng y làm bộ tàn nhẫn bảo:

- Nhớ cái cóc khô gì? Tao không như mày.

Mô lại hi hí cười, cái cười hiền lành của nó.

- Thưa cậu, con tưởng ai chả thế? Ai chả thương vợ, thương con?

- Tao chẳng thương xót gì!

- Cậu nói thế đấy chứ…

- Thật đấy…

- Thế thì tại ở đây cậu đã có cô Tư rồi.

Mô cười to hơn, Thứ cũng cười, nhưng cái cười lặng lẽ và chua chát. Tư là một cô gái mới lớn lên tóc bỏ lơi, răng trắng muốt, đôi mắt to và đen lay láy thường mở rộng, nhìn vào lớp của y. Những lúc ấy, thường thường y mất tự nhiên. Tiếng y đang gắt gỏng với học trò bỗng nhỏ đi. Mặt y đang cau có bỗng dạn ra, ngượng nghịu. Y đứng khuất đi, để ở ngoài không trông thấy. Nhưng cũng có hôm Tư đến lúc học trò đang cặm cụi làm bài. Lớp học rất im, Thứ được ngồi không. Những lúc ấy, khi Tư không chú ý nhìn vào, y được dịp ngắm nghía cô bằng đôi mắt buồn rầu của một kẻ thương tiếc một cái gì đã lỡ. Cái gì? Có lẽ y đang tiếc cái lúc y còn là một cậu con trai, cái lúc y còn có thể được một nữ học sinh vào hạng Tư yêu, nhưng y đã chẳng làm gì để được yêu, mà bây giờ thì cái thời ấy đã qua rồi. Mặt y đã nghiêm trang, trán y đã lo âu. Môi y đã ít cười, và nụ cười cũng chẳng còn tươi như trước. Chao ôi! Như vậy đó, trước sau chỉ cách nhau có sáu bẩy năm. Nhưng mà biết bao nhiêu sự thay đổi! Y đã già đi, đã xấu đi nhiều. Y đã có vợ, có con. Y là một ông giáo khổ trường tư. Y mặc những quần áo rẻ tiền, xộc xệch và đã bạc màu. Y không đẹp trai, không trẻ, không diện sang, không danh giá, không giàu. Đến sức khỏe cũng không! Tương lai đã đóng lại trước mắt y. Và y biết chẳng bao giờ nữa, y còn được một thiếu nữ trẻ đẹp, tươi tắn như Tư để ý. Chẳng bao giờ nữa! Cái thời tuổi trẻ ngắn ngủi của y đã qua rồi, qua chẳng có ích gì cho y cả. Chỉ có thế thôi, nhưng cái ý nghĩ thật buồn. Và nhiều khi nước mắt y rỉ ra lúc nào, y cũng không hay nữa. Một hôm, do một sự tình cờ, y biết được tên Tư. Y sung sướng như nhặt được một bức thư của một người mà mình vẫn thầm yêu. Biết được một cái tên để mà nhắc nhở, dù chỉ nhắc nhở suông thôi, cũng chả đem lại cho lòng y được một chút gì êm ái đó ư. Thứ nhắc đến cái tên Tư nhiều quá chăng? Chẳng bao lâu từ San đến Oanh, đến Mô, đến bọn học trò nhà và cả đến học trò trường đều yên trí rằng Tư là nhân tình của Thứ. Oanh cho biết rằng gặp Tư trên xe điện, y đã cố tìm

cách nói cho Tư hiểu y với Thứ là chỗ người nhà, để cho Tư khỏi ngờ vực. Một thằng học trò, chẳng biết vì trông lầm hay tinh nghịch, quả quyết với anh em rằng nó đã trông thấy Thứ đi với cô áo tím vẫn đứng đợi xe ở trước cửa trường. Thế là việc Thứ tằng tịu với Tư đã là việc hiển nhiên! Có ai hỏi Thứ thì Thứ chỉ vừa chối vừa cười, cốt ý để cho người ta tin rằng có. Nhưng sự thật thì chua chát biết bao! Thứ chưa hề dám nói một câu nào với Tư. Nói thế nào? Chưa bao giờ y dám đến gần Tư. Y chỉ nhìn Tư xa xa và lặng lẽ mà thôi. Nhìn để mà buồn, để chua chát nghĩ rằng những người đàn bà đẹp cũng như những miếng ăn ngon, những bộ cánh sang, những căn nhà rộng rãi thoáng đãng đã chẳng bao giờ đến tay y. Y xấu, y nghèo, y ngờ nghệch, vụng về. Y chỉ là một anh giáo khổ trường tư, lương kém lương những anh bồi khách sạn to. Ông bà y là những người nhà quê ngu hèn, bất cứ ai cũng có thể cưỡi lên đầu, phải khúm núm với cả từ thằng lính lệ trở đi. Cha y là một người buôn bán nhỏ ở một chợ tỉnh lỵ tồi tàn, vào tòa sứ nộp môn bài cũng thấy run. Nhờ sự học thức, y đã nhích lên được một chút bên trên giai cấp của y. Nhưng hơn ngàn kiếp nô lệ vẫn còn đè lên trái tim y. Y không thể cất đầu y được. Y đã cố bảo y rằng: y cũng có học, cũng thông minh không kém gì những ông ký, ông phán, những thanh niên nhà giàu vào trạc tuổi y. Hơn thế nữa, y lại biết trọng nhân cách và có những ước vọng cao, nghĩa là y chẳng có một cái gì đáng để cho người ta khinh, y đã cố bảo y rằng có quyền nhìn thẳng vào mặt người ta mà chẳng thẹn thùng, y vẫn thấy nhút nhát và sợ sệt. Y ngấm ngầm đau khổ vì mình quá hạ mình như vậy. Y nhát gái lạ lùng! Y theo họ cách hàng chục thước tây. Theo để nhìn trộm cái lưng, cái gáy, cái đầu của người ta. Chỉ thế thôi. Nếu người ta quay lại nhìn y thì y vội nhìn ra chỗ khác, làm bộ mặt nghiêm trang. Luôn qua nhà một cô gái đến ba lần y đã thấy ngượng rồi. Chưa bao giờ dám bước chân vào một cửa hàng để vờ mua một thứ gì. Chưa bao giờ y dám đưa một lá thư. Chưa bao giờ y dám tán ai. Y lấy làm sao những bọn như Mô lại bắt tình với nhau một cách nhạy và chóng vánh như thế ấy. Thật dễ dàng hết sức.

Một buổi chiều, Mô quẩy đôi thùng đi ra máy nước. Thứ vừa ăn cơm xong, mồm ngậm một cái tăm, ra đứng tếu ở vệ đường. Mô đã trông thấy Hà ở ngoài máy nước một vài lần. Nó nhăn nhở, hất hàm:

- À! Người chị em!... Không đi à?...

Hà ngấm nguẩy, lườm Mô. Nhưng rồi tự nhiên Hà lại toét môi cười. Mô đắc chí, cười khanh khách. Hà cũng bật cười to và đỏ mặt:

- Rõ thối nhà anh lắm!

- Sao mà thối? Chỗ bạn máy nước với nhau, tôi hỏi thế đã sao chưa?

- Ai khiến hỏi: Y!

- Thì thôi! Hì… hì… hì!

Mô đi. Hà lướt nhìn theo. Mô nghĩ bụng: "Nước đây!". Nó vừa đi vừa cười tủm tỉm. Lấy mãi mới được một gánh nước, rồi nó chạy về. Cô ả không còn đứng ở vệ đường. Nhưng nhìn vào trong ngõ, Mô thấy cô ả lấm lét nhìn ra, nó lại toét môi cười: "Nước đây!".

Chiều hôm sau, lúc đi gánh nước, Mô lại gặp cô ả ẵm một đứa bé ra đứng ở bờ đường. Nó lại chào. Cô ả lại cười. Luôn mấy chiều như vậy. Tự nhiên thành lệ, cứ giờ ấy là Mô phải ra đi. Hôm nào không đi được tất nóng lòng sốt ruột, không đánh vỡ cái nọ thì đánh vỡ cái kia. Mà không đi gặp Hà thì chán ngơ chán ngắt. Trời đột nhiên như u ám lại.

Một hôm, Mô vừa lấy xong hai thùng nước của nó, tự nhiên có tiếng gọi léo nhéo ở ngoài.

- Anh Mô ơi, hộ tôi một thùng với, anh Mô!

Những tiếng phản đối nhao nhao:

- Hộ cái gì! Chúng tôi còn đang đứng chờ đây!...

Mô trố mắt nhìn. Thì ra Hà, Hà đang cố giơ chiếc thùng của nó vào. Bọn đứng ngoài đẩy ra và gắt gỏng:

- Có muốn tôi bẹp mẹ cái thùng của chị không?

- Làm gì thế?

- Làm cái chơi!

Mô vội quát to:

- Nhờ anh em một tí! Nhà tôi đấy!

Nó gạt phăng tay chúng ra, cầm lấy cái thùng của Hà đưa vào. Chúng vốn nể Mô. Chúng chịu nhường cho Hà:

- À, ra thế! Chị Mô đấy hở? Chào chị ạ!

Chúng châu đầu vào tận mặt Hà mà cười cười, nói nói, Hà phụng phịu, bật cười:

- Ô hay! Các anh làm gì thế?

Mô tủm tỉm cười:

- Các anh đừng làm nhà tôi nó thẹn.

Nó rút cái quả nắm bằng đồng. Nước rít lên ở bên trong máy rồi bật chảy ồ ồ, sủi bọt. Mô kêu lên:

- Đây rồi! Xách ra!...

Hà đặt nốt chiếc thùng nữa. Tiện tay!

Một anh con trai đứng gần Hà, sỗ sàng:

- Tiện tay!... Anh Mô ạ, tiện tay anh hộ cô ấy luôn cái nữa!

Bọn con trai cười rú lên. Hà đỏ mặt nhưng vẫn tủm tỉm cười. Bọn con gái, nhất là mấy chị vú đã hơi đứng tuổi, thì lườm nguýt, hầm hầm, càu nhàu. Hà nhấc đòn gánh lên vai, ve vẩy đi trước. Mô cũng vội nhấc đòn gánh lên vai, ve vẩy theo sau. Những cuộc hẹn hò đã bắt đầu. Chúng gặp nhau trên đường Quần Ngựa, ngồi thủ thỉ với nhau bên vệ đường, trong bóng tối một cây to. Chỉ mấy lần như thế, chúng đã biết rõ cả tình cảnh của nhau. Chúng tính ngay đến chuyện vợ chồng. Mô thú thật không có tiền để cưới.

Thì Hà cũng chẳng cần gì sự ấy. Nó cũng nghèo. Mẹ con vốn phiêu bạt đến chỗ này kiếm ăn. Con đi làm ở sở ương Cây, mỗi tháng sáu đồng. Mẹ đi xe cát, được mỗi ngày vài ba hào chỉ. Ở đây, không còn phải như ở nhà quê. Chẳng còn ai biết ra ngu ồn gốc chúng ra sao. Chúng không còn sợ mang tiếng với ai. Ai đếm xỉa gì đến chúng? Vậy thì Hà lấy ch ồng theo cũng được. Các bạn nó đ ều thế cả. Hạng chúng nó mà cứ đòi lấy ch ồng cưới xin tử tế thì đến nước phải chết già mất thôi… Hà dắt Mô v ềnhà. Bà mẹ cũng nghĩ như con. Vả lại bà thấy Mô cũng dễ thương. Nhưng bà cũng cẩn thận đòi Mô phải cho bà v ềquê nó, xem nhà cửa. Không thế thì ít ra Mô cũng phải mời mẹ nó lên chơi để hai bà nói chuyện với nhau. Hai đi ều ấy cùng khó cho Mô cả. Đi lại tốn ti ền. Vả lại nó không ưa gì mẹ và rất ghét hai anh. Nó không c ần họ dự vào việc riêng của chúng nó. Nghĩa là nó không chi ều ý bà mẹ Hà. Nhưng nó cũng không trả lời rõ ràng. Nó chỉ thôi đi lại. Cố nhiên là Hà khóc. Hà khóc sưng húp mắt không chịu đi làm, Hà không chịu ăn cơm. Bà mẹ chửi. Nhưng chửi chán, chẳng ăn thua, bà cũng sinh sốt ruột. Bà bảo Hà:

- Thôi được! Mày muốn theo không nó thì tao cho theo không nó. Sau có khổ đừng há miệng ra mà trách. Tối hôm nay, mày lên bảo nó xuống đây, tao bảo.

Hà vùng vằng, dỗi:

- Tôi không bảo được! Mặc kệ người ta!

- Thì mày cũng phải để tao hỏi han nó xem sao chứ? Hôm nọ tao bảo nó đưa tao v ềnhà quê là có ý xem nhà cửa nó ra sao, nó đã vợ con gì chưa, mẹ nó có bằng lòng cho nó lấy mày không? Thế là tao cẩn thận cho mày chứ ngăn cấm gì mày? Nó chẳng giả lời tao ra măng ra rươi thế nào, mà từ hôm ấy đến hôm nay mất mặt, thì tao biết làm sao được! Cho rằng nó chưa để tao v ềnhà nó hay mời mẹ nó lên, thì nó cũng phải nói ra đ ầu, ra đũa chứ! Không có lẽ tao phải đi van nó cho nó lấy mày? Nó bỏ mày là tại nó, chứ tao làm gì nó? Tao rẽ duyên, rẽ kiếp gì mà mày khóc với tao?

Hà nghe ra. Nó chẳng nói gì, nhưng tối hôm ấy lên đi tìm Mô, năn nỉ khuyên nó xuống, Mô chịu xuống. Bà mẹ phân tr ần các lẽ. Mô cúi đ ầu

nghe, tay mân mê mẩu tăm xỉa r`ồi, nhặt được ở trên giường. Bà cụ thật chẳng có ý gì làm khó dễ cho Mô. Bà cũng thương Mô. V`ề ph`ần Mô, Mô cũng muốn làm thế nào kia! Nhưng ông giời bó buộc Mô, Mô nghèo quá, Mô không biết nghĩ làm sao được… Giọng nói của Mô cũng như nét mặt của Mô, rất thật thà. Bà cụ bảo:

- Anh nghèo thì mẹ con tôi cũng hết nói là giàu. Cảnh anh với chúng tôi thì cũng rứa như nhau. Tôi cũng biết, bắt anh cưới thì anh cũng chẳng lấy ti`ền đâu mà cưới. Nhưng người ta, d`ầu ai thì cũng vậy, con cũng phải có bố, uống nước nhớ ngu`ồn, th`ầy con Hà chẳng may chết đi r`ồi, anh lấy em, người sống đã chẳng được gì, mà người chết cũng lại thành suông hết thì cũng cực. Anh phải liệu cho tôi một vài đ`ồng, để tôi kiếm bát cơm, bát canh, cúng cho th`ầy con Hà, gọi là cũng nhớ đến cái công th`ầy nó sinh ra nó. Thế r`ồi anh cứ đi lại đây cho vui cũng được. Nhà tôi đơn người cũng muốn anh chạy đi, chạy lại cho vui. Nhưng vợ ch`ồng phải bảo ban nhau, cố dè sẻn, cố dành dụm lấy một số ti`ền, chẳng cưới được, thì cũng phải đưa nhau v`ề nhà quê một chuyến cho bố mẹ, anh em trông thấy, chứ không thể cứ ngấm ng`ầm mãi được…

Thế nghĩa là bà cụ cũng hết dạ thương Mô r`ồi vậy. Mô không nên phụ lòng tử tế của người ta. Vả lại Hà khóc lóc nhi`ều, Mô cũng ái ngại, thường thường Hà giúi cho nó mấy đ`ồng. Nó vay chủ mấy đ`ồng. Bà cụ sửa soạn một mâm cỗ cúng ông cụ, r`ồi ba mẹ con ăn uống với nhau. R`ồi từ đấy, tối tối Mô v`ề nhà vợ ngủ. Chúng đã lấy nhau chính thức.

VI

Oanh càng ngày càng quá quắt. Y nói suốt ngày. Y không bằng lòng vì lũ học trò, v`ề lão chủ nhà, v`ề thằng Mô, v`ề bọn trẻ con, v`ề những người láng gi`ềng và cả v`ề người nhân tình ở xa xôi. Y kêu ca một mình, trước mắt Thứ và San. Y kêu ca thẳng với Thứ và San. Làm như Thứ và San có họ xa, họ g`ần với những kẻ đã làm cho y khó chịu. Thứ thấy cái cử chỉ ấy vô lý quá. Y không còn giữ nổi vẻ thản nhiên. Chỉ trông thấy Oanh, nghe tiếng Oanh, đã đủ cho mặt gờm gờm những cái run ghét giận r`ồi. Thường thường, y phải quay đi hoặc lảng ra chỗ khác. Sự bực tức của San lại càng bộc lộ hơn. Y thường bĩu môi hay cười mỉa mai để chọc tức Oanh. Nhi`ều

khi cãi lại Oanh. Y bênh vực người nọ người kia chẳng phải vì thấy những người ấy đáng bênh, nhưng chỉ vì muốn mạt sát Oanh cho bõ ghét. Những bữa ăn đã trở nên náo nhiệt. Không mấy bữa Oanh và San không to tiếng với nhau. Họ cãi nhau toang toang như họp việc làng. Họ làm như nói đùa, bới móc nhau từng cái con con. San tính rành mạch cho Oanh nghe từng xu rau, từng hào đậu, từng tí nước mắm trong một bữa cơm để báo thù lại Oanh cứ luôn luôn kêu rằng mình thổi cơm tháng cho San và Thứ như vậy lỗ. Thứ không chịu thực tế và tỉ mỉ quá như vậy được. Kèn cựa với nhau vì đồng tiền cũng đã đủ ngượng lắm rồi, huống chi còn kèn cựa nhau vì chuyện ăn! Y thấy mặt nóng bừng mỗi khi Oanh và San to tiếng quá, hàng xóm có thể nghe thấy được. Tuy vậy, y cũng hơi hả dạ. Vốn tính cả nể, y không bạo nói như San, y không thể sống sượng bảo thẳng cho Oanh biết tất cả mỗi tham lam, biển lận của Oanh, y không thể vạch rõ cho Oanh thấy được việc giao thiệp giữa đôi bên thì chính Oanh là người được lời, là kẻ gian giảo, là người phải chịu ơn chứ không phải là kẻ bị thiệt như Oanh vẫn nói, tưởng bịt mắt được y là một anh chàng ngờ nghệch, không quen tính toán, cố nhiên là phải lấy làm khoái, vì bây giờ đã có San tính toán thay y và nói hộ y. Trước những con số quá rạch ròi, Oanh đành cứng miệng ra, không còn biết nói sao. Thứ tránh được cái nạn nghe Oanh một đôi khi lại giở cái giọng danh nghĩa với y. Nhưng cũng vì thế mà Oanh cũng chẳng còn cần phải giữ gìn gì, y dần dần phô hết tất cả bộ mặt thật của y ra: y lại càng đáng ghét. San quả quyết rằng Oanh đếm từng bát cơm mỗi người ăn. Oanh chỉ ăn vội vàng mỗi bữa ba lượt xới rồi vội nhìn những người khác ăn, để những người khác ngượng mà không ăn được. Chưa bao giờ Thứ ngờ rằng Oanh có thể ác và nhỏ nhen đến thế. Nhưng Thứ cũng chợt nhớ ra rằng đã có lần Oanh hỏi Thứ ăn mỗi bữa mấy lượt cơm. Một lần khác Oanh tỏ ý lấy làm lạ vì Thứ ăn khỏe thế mà vẫn gày gò và nhân tiện khoe rằng mình chỉ ăn mỗi bữa ba lượt xới bội, có đói một chút cũng không ăn nữa. Nghe San nói, Thứ đột nhiên thấy những câu nói ấy của Oanh có một ý nghĩa riêng. Thứ rất căm Oanh. Y sẵn lòng tin đối với San rằng Oanh đong thứ gạo xấu nhất, mua quá ít đồ ăn, hà tiện đến cả từ tí nước mắm trở đi, là cố ý cho mọi người chỉ ăn được ít cơm. Cái ấy do tính bủn xỉn của Oanh. Nhưng biết đâu Oanh lại chả muốn đầy đọa Thứ và San nữa đấy? Đầy đọa thế để báo thù họ đã ngang bướng, đòi chia với Oanh cái quyền được ở gác nhà trường. Và nhân tiện để xua đuổi họ. Thứ ngờ như vậy. Đã nhiều lần Oanh phàn nàn với y ở đông người như thế này thì đến

ốm cả mất thôi. Oanh lại kêu nhà bẩn thỉu, bừa bộn luôn luôn. Làm như San và Thứ đi đến đâu thì đem sự bẩn thỉu, sự bừa bộn theo đến đấy! Thứ bất bình lắm. Nhưng Thứ không nói gì. Y chỉ nghĩ rằng: mình ở chung với nhiều người nhỏ nhen lắm, tất có ngày cũng đến thành nhỏ nhen như họ mất thôi. Chứng cớ là y đã không còn có thể chỉ đem sự khinh bỉ ngấm ngầm ra mà đối với Oanh. Y không còn có thể tự bảo y: "Chấp làm gì?... ". Một đôi khi y đã thấy cần phải trả miếng lại Oanh. Một lần, ăn mới xong một bát cơm mà đã hết cả thức ăn, San cầm lấy cái đĩa đựng đậu kho chỉ còn có đĩa không với một tí nước và vài cái lá hành, đổ cơm vào trộn đi, trộn lại sạch như lau. Trộn xong, y trút vào bát của y, thong thả và cẩn thận gạt từng hạt cơm dính trong lòng đĩa xuống. Rồi y đặt cái đĩa không ra hẳn ngoài mâm, thủng thỉnh nói một mình:

- Để riêng nó ra đấy. Sạch lắm rồi. Lát nữa không cần phải rửa, thằng Mô tha hồ thích nhé!

Biết là San có ý xỏ Oanh, Thứ cố nín cười. Y mải mốt vồ lấy cái đĩa, cự San:

- Anh phí của vừa vừa chứ! Tôi còn đang ăn cơm nhạt đây. Làm xái nhất rồi cũng phải để cho người khác nhờ cái xái nhì chứ lại!...

Y sẻ một ít cơm vào cái đĩa đã chẳng còn hơi một chút mắm muối nào, vờ trộn lại. San khoái trá vì cái trò cay độc ấy, đập đôi đũa xuống đùi, cười hẳn cả cơm ra. Lũ trẻ cũng cười. Chỉ có Oanh là buông xuôi mặt chẳng nói năng gì. Y vội vàng và hết bát cơm rồi quăng bát đũa, đứng lên. San và Thứ ăn nốt chỗ cơm dở cũng đứng lên. Nhưng họ sai Mô đi mua một chục cái bánh chưng về. Mời mọc mãi Oanh và lũ trẻ con, chẳng ai ăn, hai người bèn ăn luôn hết cả chục cái bánh chưng. Rồi họ lên giường nằm để nghỉ trưa. Thỉnh thoảng San vẫn còn rúc rích cười. Nhưng Thứ thì đã bắt đầu thấy như ân hận. Cái cử chỉ của y vừa rồi tàn nhẫn đã đành. Nhưng nó chả thô tục hay sao? Thô tục mà lại đê tiện nữa. Nó tỏ ra là một người quá để ý đến miếng ăn. Xưa nay y có phải là hạng người như thế đâu? Y có thể kèn cựa, tèm nhèm, nhỏ nhặt đến thế ư? Y lấy làm nhục cho y lắm. Cả buổi chiều hôm ấy, y luẩn quẩn với những ý buồn bã về nhân cách của y. Đứng trước bọn học trò, y thấy ngượng ngùng. Y có cảm giác như cái cử chỉ hạ

tiện của y lúc ban trưa còn để lại một chút vết tích gì trên nét mặt của y. Những cặp mắt long lanh của học trò chăm chú nhìn y, ý thấy như có vẻ soi mói hay ngạc nhiên, chế nhạo thế nào. Y mất hẳn cái giọng nói chắc nịch mọi ngày. Y có còn đáng mặt giảng giải và khuyến khích những điều hay, nết tốt nữa đâu? Bọn học trò xưa nay vẫn mến y, vẫn phục y, vẫn coi y như cái kiểu mẫu để mà theo. Những lời nói của y đều được coi là những châm ngôn mà chính y đã thực hành mãi mãi rồi. Chao ôi! Nếu chúng biết rằng đó chỉ là những câu giáo dục suông, những lời nói dối! "Làm theo những điều ta bảo, chớ đừng làm những điều ta làm!". Như thế nghĩa là gì? Cái kẻ khuyên người ta làm những việc chẳng thể làm hay chẳng muốn làm chỉ là một kẻ lừa dối, một người bịp bợm. Bản tính thẳng thắn và giàu tự trọng, Thứ thường rất nghiêm khắc với chính y, với cái nghề dạy học của y. Kể ra thì y cũng đã cẩn thận trong cái việc cư xử lắm rồi. Thế mà luôn luôn có thể nói hằng ngày, y nhận ra những dịp phải trách mình. Nhìn rõ những cái hèn, những cái yếu của lòng mình, hy sinh dễ dãi trong việc xét người và hơi bi quan về người. Ờ, nghĩ cho cùng thì Oanh có quả thật là một người đáng chê trách đến thế không? Oanh nhỏ nhen, ích kỷ, tham lam, vì những cái đó, âu cũng là bản tính của loài người. Ít ra đó là những tật chung của loài người, như ta đang hiện thấy quanh ta. Từ lời dạy lòng người hướng dẫn những hành động của con người, ai cũng phải nghĩ đến mình để sống. Chừng nào người còn phải giật của người từng miếng ăn thì mới có ăn, chừng nào một số người còn phải giẫm lên đầu những người kia để nhô lên thì loài người còn phải xấu xa, bỉ ổi, tàn nhẫn và ích kỷ. Chất độc ở ngay trong sự sống. Người nọ, người kia không đáng cho ta ghét. Đáng ghét, đáng nguyền rủa, ấy là cái cuộc sống lầm than, nó đã bắt buộc người ta ích kỷ, nó đã tạo ra những con người tàn nhẫn và tham lam… Thứ vượt cao quá cái địa điểm của y. Y nhìn rộng lớn hơn. Tự nhiên y thấy không dễ kể cái trường học của y, những hằn học của y với Oanh ăn chèn của y mỗi tháng mấy chục đồng. Những cái ấy bị chìm, bị lấn vào một cái khác lớn lao rộng rãi hơn. Chúng chẳng qua là một ngọn sóng cỏn con, lẩn vào muôn nghìn đợt sóng khác của trùng dương. Có thấm tháp vào đâu? Phí sức mình vào những nỗi bất bình! Hãy dành sự uất hận cho những cơ hội lớn, những công việc lớn… Y nghĩ như vậy. Và những ý nghĩ ấy, có lẽ đẹp thì có đẹp nhưng khó khỏi quá viển vông, quá huênh hoang, cũng có ích cho y được một đôi phần ngay lúc bấy giờ: chúng khiến lòng y bình tĩnh lại. Y không cần phải hậm hực với mình? Trong một lúc, y có cả một cái ảo tưởng đẹp

đã rằng mình cũng là một vĩ nhân, một anh hùng vượt lên bên trên sự tầm thường để chỉ nghĩ đến một cái gì vĩ đại mà thôi. Y nghĩ đến những phương kế để xoay ngược lại, đồng thời xếp đặt cho sự giao tiếp giữa người với người ổn thỏa hơn. Y gần như quên hẳn được chính y. Trước mắt y, chỉ còn là một cái nhân loại mênh mông, rất bao la, rộng rãi, cái nhân loại hỗn độn đang bị khổ cực, đau đớn, điên cuồng vì những lỗi lầm của mọi người, một cái nhân loại đang sống một lối sống tối ư ích kỷ. Y náo nức một dự một phần vào việc xây dựng lại cái nhân loại ấy. Dù như thế nào, y chưa biết, mặc dầu vậy, y cũng đã hưởng được một chút say sưa trong lòng rồi.

Nhưng chẳng bao lâu, y lại phải trở vềthực tế, với cuộc đời chật hẹp của y. Sau buổi học chiều, y lại phải gặp Oanh. Hai người tránh nhìn nhau. Oanh cau có hơn, gắt gỏng nhiều hơn, có lẽ chỉ vì cần giữ vẻ tự nhiên. Nhưng Thứ cho rằng Oanh gắt gỏng thế vì y. Một vài câu của Oanh lại có vẻ như nói cạnh, nói khóe y. Tự nhiên y lại thấy ghét Oanh. Lúc ăn cơm y chẳng nói năng gì, ăn hơi nhanh, đôi mắt chúc xuống, mặt hầm hầm. Oanh cũng giấu đôi mắt của mình đi. Nhưng cái mặt Oanh khinh khỉnh, vênh vênh, trông khiêu khích lạ lùng. Thứ tưởng như Oanh muốn chọc tức y. Y lại càng hậm hực, nghẹn ngào. San thấy Thứ hôm nay đột nhiên không giữ cái địa vị của y mọi ngày để gây sự với Oanh, có vẻ hài lòng. Được một hôm để làm người tử tế, y cũng làm người tử tế chơi! Y hết nhìn trộm Thứ lại nhìn trộm Oanh, nói nói cười cười. Giọng nói của y hôm nay rất vui vẻ, rất ôn hòa. Người ta tưởng như y muốn hòa giải Thứ và Oanh. Nhưng cả Thứ và Oanh cùng để cho y nói một mình! Y quay ra nói với lũ trẻ con. Y có tất cả nỗi sung sướng của một tâm hồn thư thái, không giận ghét.

Ăn cơm xong, San xếp sách vở đi học ngay, tuy còn sớm, có lẽ vì thấy trời hôm nay nhẹ nhõm hơn. Trước khi đến chỗ học, y còn muốn đi loanh quoanh mấy phố chơi. Thứ cũng thấy cần phải ra ngoài. Y bảo San đợi, để cùng đi. Oanh như biết trước họ đi với nhau là chỉ để nói xấu mình, sa sầm mặt. Thứ đoán ra cái ý nghĩ ấy của Oanh. Y chắc Oanh đang nghĩ bụng khinh y. Mà nếu quả thật y có cái định tâm hèn nhát ấy – cái định tâm đi với San để cùng San nói xấu Oanh – thì y cũng đáng cho Oanh khinh thật. Bởi thế y nhất định sẽ không nói gì vềOanh cả. Hai người đi bên nhau

một quãng dài. Nhưng đợi mãi không thấy Thứ nói gì, y đành khơi chuyện trước. Y vừa cười vừa bảo:

- Anh nghĩ trưa hôm nay, chúng mình làm thế, Oanh có tức không?

Thứ ngần ngừ. Y không muốn đáp. San cũng chẳng cần y phải đáp. Y cười phì một cái ra đằng mũi và đáp lấy:

- Cố nhiên là có tức. Anh tính chúng mình chơi thế có khác gì chửi vào mặt en. Còn tệ hơn chửi nữa.

Thứ cười nhạt khẽ. Y cười ngượng nghịu. San đoán ra những hối hận của y và phản đối ngay:

- Kể ra chúng mình làm thế có hơi quá thật. Nhưng không thế cũng không xong. En nó nể chúng mình đâu mà chúng mình phải nể en? Chúng mình có muốn đểu giả làm gì? Nhưng bởi en đểu giả nên chúng mình cũng hóa ra đểu giả.

Thứ không thể nhịn được nữa. Cái ý nghĩ ngấm ngầm của y, gặp được một ý bạn, xộc ra:

- Ấy thế nên tôi vẫn bảo rằng: ở với những người tồi rồi chính mình cũng sinh tồi.

- Đúng vậy! Họ tồi mà mình vẫn xử tử tế, vẫn cao thượng thì mình thiệt. Không những thế họ không chịu biết cho mình rằng mình không thèm chấp, mình không muốn tồi như họ, họ lại cho là mình quích. Mình không muốn quích, cố nhiên là cũng phải tồi như họ. Hay nói thí dụ như chúng mình…

San bắt đầu kể những cái tử tế của Thứ và y, và những cái không tử tế của Oanh, Thứ lẳng lặng nghe. Nói cho đúng thì y lẳng lặng, chỉ muốn để cho San nói. Bởi vì những điều San nói, y đã nói mãi rồi. Thứ nghe mãi đã nhàm. Y chỉ đợi San ngừng lại. Thứ vội vàng kết luận:

- Thế cho nên tôi nghĩ chúng mình nên tìm một chỗ nào khác ở riêng ra, cho nó khỏi nặng mình.

Thứ nhìn mặt San để dò ý tứ. San cười hở cả lợi ra:

- Thế hở? Anh cũng phải nghĩ thế kia à?

- Tôi đã nghĩ từ lâu, nhưng chỉ vì chưa tìm được chỗ nào, nên chưa tiện nói ra.

- Tôi tưởng chỉ có mình tôi!

- Anh tưởng thế đấy chứ tôi nhức óc đã từ lâu rồi.

- Tôi thì không những nhức óc. Tôi còn sợ ở với en mãi thì chúng mình đến biết tay. Thật tình thì tôi thấy, ít lâu nay chúng mình ăn uống kham khổ quá. Gạo thì gạo đã lên hơi, mới ngửi thấy đã nhức đầu, thức ăn thì rau muống luộc không đủ mà ăn nửa bữa cơm. Còn lấy gì làm chất bổ. Chúng mình thằng nào cũng làm việc mỗi ngày mười mấy giờ như Nã-phá-luân, ăn uống thế thì đến ho lao mất.

- Anh thử nghĩ xem quanh đây nhà nào chúng mình có thể ở trọ không?

- Anh thử hỏi bọn học trò xem. Chắc cũng có nhiều đứa nhà rộng rãi.

Thứ nghĩ ngợi một lát rồi tặc lưỡi:

- Kể ra thì cũng hơi phiền. Tôi ngại nhất là cái việc khuân đồ đạc đi.

- Đồ đạc thì anh bảo chúng mình có quái gì?

- Chính vì thế mà tôi ngại.

San hiểu ý y. Y ngẫm nghĩ một chút rồi cũng bảo:

- Nhất là chúng mình lại chẳng thằng nào có lấy một bộ quần áo mặc nhà cho nó ra hồn. Chăn màn cũng chẳng ra hồn.

- Chính vậy đó. Mấy cái chăn như chăn của ăn mày mà khuân đến nhà người ta thì cũng ngượng.

Họ thấy ngài ngại đi. Và Thứ lại trách San:

- Thế mới biết chỉ chúng mình ở với nhau như trước là dễ chịu. Ai bảo anh cứ khăng khăng trả lại nhà?

Nhưng San bảo:

- Thì ai không biết vậy? Nhưng anh tính không trả lại nhà thì chúng mình lấy tiền đâu?... Chúng mình chỉ còn có hai thằng, không chịu nổi. Nếu chịu nổi thì bây giờ chúng mình lại đi thuê nhà, thuê thằng ở, có khó khăn nỗi gì? Nếu anh tính đủ thì anh cứ làm chủ đi. Tôi còn mười đồng mỗi tháng thì tôi xin đưa cả cho anh.

Thứ cười…

Ngày hôm sau, Thứ hỏi học trò xem có anh nào ở gần trường mà nhà rộng rãi. Chẳng anh nào đáp lại y. Y không hiểu rằng đó là chúng khiêm tốn mà thôi. Y khó chịu, buồn buồn. Y rất yêu học trò và cần được biết rằng chúng đã yêu y. Có lần y đã dọa chúng rằng y sắp xuống dạy lớp trẻ con để cho cô giáo hay là một người nào khác thay y dạy lớp nhất, lớp nhì, cố ý thử lòng chúng xem sao. Y sung sướng khi thấy hầu hết chúng đều lộ vẻ tiếc y và hoặc khẩn khoản, hoặc nũng nịu nài y xem bao giờ cô giáo ấy lên. Chỉ có hai đứa bạn ngồi bàn trên cũng ngước đôi mắt đen lay láy và long lanh những tia vui lên để nhìn y. Mấy đứa ấy xưa nay cũng rất ngoan, rất lễ phép với y. Chẳng có gì tỏ ra rằng chúng ghét y. Nhưng chúng có vẻ thích cô giáo dạy. Và Thứ đã buồn nản suốt cả chiều hôm ấy. Lần này cũng vậy, thấy cả lớp ngồi im, y tự hỏi sao chúng lại hững hờ với y đến thế?

Thứ bàn với thằng Mô. Mô bảo:

- Cậu hỏi cha mẹ chúng nó, chứ hỏi chúng nó thì chúng nó biết gì?

- Đã đành, nhưng cũng phải bảo chúng nó hỏi qua ý kiến bố mẹ chúng nó xem họ có bằng lòng không đã chứ! Họ không bằng lòng mà mình cứ đến

hỏi họ sinh khó nghĩ.

- Thế thì cậu thử hỏi thằng Tuệ xem. Ông bố nó làm chánh hội. Nhà nó cũng nhà gạch hẳn hoi. Hai cậu có ở trọ thì cũng phải ở trọ những nhà như thế.

Thứ hỏi Tuệ. Y thất vọng ngay. Nhà thì rộng rãi nhưng mà có hai người chị. Hai cô đều trên dưới hai chục tuổi mà lại chưa chồng cả. Thứ không ưa những nhà lắm đàn bà. Mình phải giữ gìn hơn, mất cả tự do. Huống chi đây lại là hai cô gái chưa chồng. Mà lại đúng hai cô. Thứ và San cũng hai người. Y đã đoán trước ra những lời bàn tán của những người con trai quanh đấy. Cũng chẳng sao, miễn là mình giữ được lòng mình. Nhưng Thứ không tin hẳn ở San. Y cũng không muốn cho ai có thể ngờ, dù chỉ ngờ vực bâng quơ. Y rất tinh vi. Hồi mới lấy vợ, y đã phải đau đớn khá nhiều vì những ngô nghê rất không đâu. Y ghen với bất cứ người đàn ông nào có dịp ở gần Liên. Y ghen với anh hàng xóm, với những người làm, với cả thằng ở nhà Liên. Ghét cái tật chung của những anh con trai quá yêu, mới bắt đầu yêu. Biết đâu hai cô gái mà y và San định đến trọ nhà lại đã chẳng có nhân tình hay ít ra, có những anh chàng yêu vụng nhớ thầm. Y và San rất có thể đứng thành kẻ thù của những người mà họ rất không ngờ.

Một điều chắc chắn rằng hai người con gái ấy có một ngày phải lấy chồng. Biết đâu hai người chồng ấy sau này lại không chỉ vì nghĩ ngày trước, có lần, đã có hai thằng đàn ông trẻ tuổi, cùng bằng trạc ấy, trọ ở nhà vợ của họ khi vợ họ chưa lấy họ, mà mất ăn mất ngủ? Biết đâu Thứ đã chẳng vô tình làm hư hỏng cái hạnh phúc yêu đương của những người rất yêu đương? Thứ chẳng hạn, y sẽ sung sướng biết bao nhiêu, nếu những khi gần gũi Liên, sự ngờ vực không nhoi nhói trỗi ra như một mũi kim trong một cái bọc nhung. Nó làm cái tình yêu của y bao giờ cũng pha lẫn chua cay. Nó khiến y yêu một cách đau khổ vô cùng. Nhiều lần, đang ôm ấp Liên, một ý nghĩ chợt lóe ra, ấy thế là đột nhiên mặt y co rúm lại, y nghiến chặt răng, mắt nẩy lửa, hai cánh tay phũ phàng riết chặt lấy người yêu. Những lúc ấy thật tình y muốn lay, muốn lắc, muốn vò tan, xé nát, nghiến ngấu người yêu, nuốt tọt người yêu đi cho hả. Hỡi ôi! Thứ đã đau đớn quá nhiều vì sự nghi ngờ. Y muốn tránh cho những người khác nỗi đau đớn vô ích ấy…

Thứ hỏi Mô xem còn nhà nào khác không. Mô kể ra luôn bốn năm nhà. Nhưng nó kể ra để lần lượt gạt đi cả. Theo ý nó thì mấy nhà ấy, chẳng nhà nào tiện cho Thứ và San. Nhà thì quá chật chội, bẩn thỉu, tối tàn. Nhà thì rặt những đàn bà. Phần nhiều đều ăn uống xềnh xoàng, sợ các ông giáo ăn sang, cánh nánh không muốn để cho hai ông trọ. Thứ cười chua chát:

- Mày tính cơm nước thế nào mà chúng tao ăn chả được! Cơm nhà mày mà còn nuốt được nữa là!...

Mô cũng bật cười:

- Đã đành rằng vậy, nhưng họ biết đâu. Người ngoài ai biết mình kham khổ thế nào, mà cũng không nên để cho họ biết.

Mặt nó tần ngần rồi mân mê cái đòn gánh, nói:

- Thưa cậu, con không phải như con sen, thằng nhỏ nhà người ta, đem chuyện của chủ nhà đi nói với mọi người. Con xin thề với cậu, nội quanh đây có ai biết con ở với cô giáo, mỗi tháng công có một đồng, là con phải tội. Ai cũng tưởng công con ít ra mỗi tháng ba, bốn đồng. Tội gì mình để cho người ta nhòm vào ruột? Thật chính con, con cũng giữ tiếng cho cô giáo nhiều. Lúc làm bếp, bao giờ con cũng đóng cửa, không để ai vào. Đi chợ, bao giờ con cũng mang cái bị đi. Cậu tính chỉ có mấy mớ rau với vài bìa đậu thôi chứ có quái gì! Cầm một tay cũng hết thừa. Nhưng con phải cho vào bị, xách về, để không ai biết mình mua ít, mua nhiều ra sao. Người ta biết, người ta cười chết! Nhiều khi bà thợ giặt hay bà Ngọt thấy con chẳng mua gì, chỉ mua mấy mớ rau rồi về, các bà ấy hỏi thì con lại bảo: "Nhà hãy còn nhiều thức ăn mua tối qua". Có khi các bà ấy hỏi sao không mua thịt, con bảo: "Nhà tôi không ai ưa ăn thịt, nhiều bữa có đĩa thịt lợn đem lên, lại đem xuống, còn nguyên".

Thứ hơi đỏ mặt. Y cố cười thật to, làm như chỉ thấy trong những lời Mô một câu chuyện ngộ nghĩnh, buồn cười. Thật ra thì y xấu hổ vô cùng. Y tưởng tượng ra nét mặt của bà Ngọt, bà thợ giặt, những bà láng giềng khác, bàn tán to nhỏ với nhau về những ông giáo với cô giáo bên trường. Cái môi nứt nẻ, bết quết của bà Ngọt bĩu ra. Bà thợ giặt cười một cái cười nặng nề, làm những cục thịt ở mặt nổi hết cả lên. Bà béo thì làm bộ không tin để

những bà kia tức mình, phải nói quả quyết hơn, đem những chứng cớ rõ rệt ra. Rồi một bà chẩu môi, rên lên, hạ một câu bình phẩm thế mà bấy lâu nay không ai biết, cũng mang tiếng ông giáo với bà giáo, quần áo là, sơ mi trắng, thắt ca vát, giầy tân thời, thứ Năm, Chủ Nhật diện ngất, tưởng mà mỡ lắm, thế mà kì thực bụng chứa đầy rau muống luộc!... Tiếng cười vỡ lở ra ằng ặc, hi hi, hô hố… Thứ nóng bừng cả mặt. Y chợt nhớ đến Tư, đến một buổi tối nhờ có San khuyến khích và ủng hộ, y đã đánh bạo theo Tư, trong một cuộc chợ phiên, đến đôi mắt nhí nhảnh và tiếng cười nghịch ngợm của Tư hôm ấy. Y nhớ đến một vài thiếu nữ quen mặt khác, sáng sáng các cô cắp rổ hay xách làn mây đi qua trước cửa trường, y vẫn làm ra vẻ bạo dạn, ra đứng hiên gác nhìn họ để được thấy họ rất tự nhiên. Những lúc ấy chắc mặt y cũng phải vênh váo lắm đấy chứ chẳng chơi đâu! Rõ thật dơ! Giáo khổ trường tư mà cũng đòi nhìn mắt gái tân thời! Liệu lương có đủ tiền cho người ta mua phấn đánh không. Bụng toàn rau muống luộc đấy, ai mà còn chẳng biết! Thứ tưởng tượng ra những lời nói chanh chua ấy. Y thấy mình lố vô cùng. Và y biết chẳng bao giờ y còn dám nhìn Tư lần nữa. Hơn thế ấy, y sẽ phải cúi mặt trước đôi mắt ranh mãnh của Tư, y sẽ phải lảng vào nhà, giấu mặt đi, khi thoáng thấy Tư đằng xa, hay bóng dáng một thiếu nữ người ở vùng này, đi tới. Một cục gì nghèn nghẹn ở cổ y. Y không khát, y nhấc chén nước lên, nhấp từng ngụm nhỏ như một người uống trà tàu, đôi mắt đờ đẫn nhìn bức tường đen mốc nhà bên cạnh. Y làm như đang nhấm nháp, đang phân tích, ngẫm nghĩ cái hương vị của chén trà. Nhưng thứ nước y đang uống không phải là trà tàu. Nó chẳng có một chút hương vị gì… Nó chỉ là nước lã đun sôi đổ vào chai mà cả bọn vẫn thường tự dối mà khen là thanh đạm, vệ sinh, uống nước lã đun sôi là một cách giữ sức khỏe tốt nhất. Nhấp chén nước, vừa nghĩ đến cái vị nhạt phèo của đời y. Làm đến chết người đó, chỉ để được ngày vài bữa cơm rau đổ vào mồm, rồi đêm ngủ một mình, tưởng nhớ đến vợ con. Trong khi ở nhà quê cũng vậy, làm đến chết người, cũng chỉ vì mỗi ngày mấy bữa cơm, ngoài ra, chẳng hềcó một cái lạc thú gì khác nữa, chẳng có một cái hy vọng gì hơn nữa. Cuộc đời như thế kéo dài đã mấy năm rồi. Nó còn kéo dài ra năm năm, mười năm, hai mươi năm… biết đến bao giờ? Thứ hoảng hốt nhận ra rằng đời y rất có thể cứ thế này mãi mãi, suốt đời. Hoảng hốt như là y mới nhận ra cái điều thất vọng ấy lần đầu. Thì xưa nay y vẫn ngấm ngầm hy vọng vào một cái gì mãi đó ư? Y vẫn cho rằng cuộc đời hiện tại của y chỉ là một cuộc sống tạm bợ mà thôi. Y vẫn đợi chờ một cái gì, một

cuộc đổi thay. Căn cứ vào đâu? Thứ mở to đôi mắt, sợ hãi, nhận ra rằng bao nhiêu năm nay y đã sống như mơ ngủ vậy. Ôi chao! Còn cách gì có thể thay đổi được đời y? Y không đánh bạc, không mua vé số, không có vốn để đi buôn, cái đời công chức, có lẽ chẳng hơn cái đời y được bao nhiêu, mà lại có phần bó buộc hơn, chán nản hơn. Y chán ngay từ lúc chưa vào. Vậy thì y còn có thể[1] … Mẹ của y, người đàn bà mắn con ấy. Y có sáu đứa em thì ba đứa sẽ phải cưới vợ, ba đứa phải gả chồng, rồi lại phải giúp cho chúng có nghề nghiệp, có cơ sở làm ăn. Y là con cả. Y đã được học nhiều. Cái bổn phận của y cố nhiên là phải to tát lắm. Y có rất nhiều gánh nặng. Càng nhìn xa, y càng thấy đời y càng ngày càng thắt chặt vào, càng chật chội thêm. Y chỉ có thể khổ hơn thế, không có thể sướng ra. Hết việc nọ đến việc kia, toàn những việc phải tiêu. Y đúng như một con ngựa còm, cứ vừa mới ỳ ạch qua cái dốc này thì lại đến ngay dốc khác. Tương lai sầm tối. Thứ vụt đã lại đã biến thành con người thực tế hơn. Y không còn dám nghĩ gì đến những thú vui, những hy vọng cao xa. Y chỉ còn dám nghĩ đến cơm áo hằng ngày của vợ con. Giả sử như y không đi dạy học được thì sao? Cố nhiên là y sẽ phải ăn nhờ cơm vợ, cơm con. Nhưng vợ y sẽ làm gì cho cả nhà đủ gạo ăn? Khổ lắm, nghĩa là cả nhà y sẽ đói, sẽ chết đói nữa, là thường lắm. Vậy thì y đi dạy học cũng còn là phúc đấy. Y quên hết cả những cái thiếu, cái khổ, cái buồn, cái nhục. Trước mắt y toàn những cái lo. Y thành nhút nhát hơn. Y quý đồng tiền. Y lại thấy ngại đi tìm nhà trọ khác. Ở chỗ khác, y sẽ phải trả nhiều tiền hơn bây giờ, có thể gấp hai. Số tiền gửi về nhà quê, số tiền để dành sẽ hụt đi. Vợ con y sẽ khổ thêm. Mà biết đến bao giờ y mới sạch công nợ, có được một số vốn con con để đỡ lo một chút? Vả lại ở nhà quê, vợ, các con y, bố mẹ y chả ăn uống khổ sở hàng đời người rồi hay sao, còn có bao giờ được no xôi chán chè lấy hai bữa, lấy vài tháng còn có bao giờ họ biết mùi thịt cá luôn, hay cũng chỉ cơm hẩm cá hiu thôi? Vậy thì y được như hiện nay cũng là đủ lắm rồi. Tại sao y lại muốn sung sướng một mình trong khi cả nhà còn đói khổ? Y nhớ đến một lần y ở Hà Nội về quê. Hồi ấy vợ chồng y mới ăn riêng. Cái cảnh riêng tây còn là một sự chưa quen đối với y. Chưa bao giờ y nghĩ rằng có một ngày, gia đình y và gia đình bố mẹ y lại là hai gia đình khác hẳn nhau. Bởi vậy lúc ăn cơm, khi thấy bà, bố mẹ và các em ngồi một mâm, y thấy ngường ngượng mà lại buồn buồn. Khó chịu như là ở mâm y lại có một đĩa cá kho, còn mâm kia chỉ toàn là rau. Y cau mặt khẽ trách Liên. Liên chưa kịp trả lời thì bà mẹ y nhận thấy, đã cười và đáp hộ Liên:

- Dào ôi! Nhà chẳng có đâu. Chúng tôi ở nhà thì đến cơm cũng chẳng có mà ăn, còn có tiền đâu mà sắm thức ăn? Mọi khi nó cũng chỉ có rau không. Đây là hôm nay, cụ Bá thấy nói con rể cụ về, sợ con rể cụ xưa nay chỉ ở tỉnh thành, chịu kham khổ không quen nên bảo vợ mày đem về cho mày một đĩa cá kho đấy chứ! Nó chẳng mua đâu mà mắng nó.

Y chép miệng:

- Hừ! Khéo vẽ!... Ăn thế nào mà chẳng được.

Rồi y bảo lấy một đĩa nữa, xé đĩa cá ra, bỏ sang mâm kia một nửa cho bà và các em ăn với. Nhưng mọi người nhao nhao phản đối. Bà mẹ gắt lên:

- Thôi! Để đấy mà ăn. Chúng nó thì đến ăn cơm với tương cũng còn nhẵn cả nồi đấy, lọ là phải thức ăn ngon! Có thức ăn ngon cho bọn chúng nó ăn thì đến nồi mười cơm cũng chẳng xuể!

- Thì mẹ cứ để cho chúng nó ăn, mẹ cũng xơi nhân thể.

Nhưng bà cụ đã vội và nốt bát cơm, buông đũa đứng lên.

- Thôi, tôi ăn xong rồi. Mỗi người có vài vực cơm, nhiều nhặn gì mà phải cá?

Thứ hơi phật ý. Y tưởng như bà và mẹ mỉa mai. Nhưng nghĩ cho kỹ, thì có lẽ các cụ chỉ nhường nhịn đó thôi. Các cụ sợ nếu các cụ nhận ăn một lần thì lần sau, có món ăn gì Thứ cũng lại chia cho. Nhà quá đông người. Nếu muốn mua thức ăn cho chồng mà vợ Thứ cứ phải mua cho đủ mọi người ăn thì y lấy đâu ra tiền mà mua như vậy? Huống chi đĩa cá kho lại là của ông bố vợ Thứ cho y. Ông cho y thì để y ăn, người khác ăn vào, mang tiếng. Thứ đoán như vậy, cái lý luận ngấm ngầm của những kẻ quê mùa ấy. Y thấy họ thận trọng quá nhiều đối với một đĩa cá kho. Một đĩa cá kho, giá trị chỉ độ nửa đồng hào, mà to tát đến thế ư? Y nhớ đến những bữa ăn hàng, y tiêu tốn đến hàng đồng và thấy lòng ân hận. Suốt một bữa cơm, y nghĩ vẩn vơ. Y chẳng còn biết gì ngon. Và nếu không trông thấy mặt Liên bun bủn, hai mắt nhìn xuống như có ý tủi thân, thì có lẽ y đã chẳng chạm đũa vào đĩa cá… Buổi chiều hôm ấy, y còn được dịp nghĩ ngợi nhiều

hơn. Vừa mới chập tối, bà y đã đi nằm. Bà mẹ, đang ngồi nói chuyện với y ở đầu hè, đột nhiên cũng đứng lên:

- Kìa! Nó đã dọn cơm kia kìa! Đi mà ăn cơm!

Bà chực lảng vào buồng, Thứ hỏi:

- Nhà chưa ăn kia à?

- Chưa, lát nữa mới ăn

Bà mẹ y vừa nói vừa tủm tỉm cười. Mấy đứa em y ngồi gần đấy cũng tủm tỉm cười. Y chợt đoán ra.

- Ở nhà không ăn.

Bà mẹ đáp, sau một thoáng ngập ngừng:

- Không. Chúng nó ăn khỏe, ăn dồn cả vào một bữa cho đỡ lách ca lách cách. Đằng nào cũng chỉ có bằng ấy gạo; chia ra hai bữa thì cũng thế.

Thứ thấy lòng sầm tối lại. Vợ y đặt trước y một cái mâm con, trên lỏng chỏng có một bát cơm lồng, một đôi đũa, một cái bát con và đĩa cá kho trưa còn thừa lại. Cơm là cơm nguội. Mọi ngày Liên cũng chỉ ăn một bữa thôi. Nhưng biết chồng từ bé đến nay, chưa phải ăn một ngày một bữa bao giờ, bữa trưa y đã lấy thừa ra một suất cơm. Lúc xới cơm, y đã xới ba lượt đầy, lồng lại, cất đi. Đó là bữa tối cho Thứ… Thứ thấy vô lý quá. Trong hai vợ chồng y, nếu có người nào cần phải ăn hơn thì người đó phải là Liên: Liên đã phải luật quật suốt ngày, lại phải lo đủ sữa để nuôi con. Vả lại, ngoài Liên ra, lại còn bà Thứ, già ngoài bảy mươi tuổi rồi mà vẫn đang còn nằm nhịn đói kia. Lại còn mẹ y, cũng luật quật suốt ngày và cũng có con thơ. Lại còn cha y, bữa trưa ăn ba lượt cơm như mọi người thì mới đầy được một góc dạ dày. Lại còn các em y, chưa đáng phải chịu những cay cực của đời và tạng phủ đang cần được tẩm bổ nhiều để đủ sức lớn lên; chúng gầy guộc, ngơ ngác, nhút nhát, buồn rầu, có lẽ chỉ vì phải nhịn đói, phải vất vả, phải mắng chửi suốt ngày, ngay từ cái lúc mà đáng lẽ chúng phải được ăn no rồi chạy nhẩy nhởn nhơ, mặt trong trẻo và lòng vô tư lự. Thứ đang độ

trẻ trung. Y không phải lao lực như bất cứ ai trong nhà. Y lại cũng được no mãi rồi, bây giờ có đói một vài bữa cũng không sao, mà có lẽ cũng là sự công bình. Ấy thế mà tại sao y lại cứ cần phải ăn, phải no một mình như vậy? Thứ suy rộng ra và chua chát nhận ra rằng cái sự buồn cười ấy lại là một sự rất thường, chẳng riêng gì trong một nhà y, mà có lẽ chung cho khắp mọi nơi. Bao giờ và ở đâu đâu thì cũng thế thôi. Thằng nào đã chịu khổ quen rồi thì cứ thế mà chịu mãi đi! Mà thường thường những kẻ ăn nhiều nhất, hưởng nhiều nhất thì lại chính là những kẻ không cần ăn một tí nào hoặc không đáng hưởng một ly nào cả. Anh chẳng cần nhích chân, nhích tay làm một việc gì ư? Phần anh tất cả những cái gì ngon lành, béo bổ ở trên đời! Còn cái thằng phu xe nó đang thở hồng hộc vì vừa mới kéo anh qua một quãng đường dài hăm lăm cây số ngần kia, nó chỉ đáng hưởng một bữa ba lượt cơm gạo vàng và một cái đầu cá diếc của một mụ hàng cơm toét mắt và cạu nhạu. Vô lý quá!... Thứ nhìn qua bát cơm lòng để cho y. Chẳng còn được bao nhiêu mà bõ chia cho mọi người ăn. Y nghĩ xem những người nào đáng ăn hơn. Y chạy vào, mời bà dậy xơi cơm. Bà cụ không ăn và khi Thứ cố nài thì bà cụ kêu đầy. Ông bố, bà mẹ thì cố nhiên không đời nào chịu ăn rồi. Những đứa em lớn, dù có đói cho chết, cũng chẳng dám ăn. Vả lại cũng không thông. Y đành gọi hai đứa em bé nhất. Bà mẹ đã vội vàng gạt ngay đi.

- Thôi! Còn ít để anh ăn. Trưa chúng nó ăn nhiều rồi. Một tí cơm ấy mà cả chúng nó ăn nữa thì không bõ dính răng!

- Còn nhiều đấy, con chẳng ăn hết đâu, mẹ cứ để cho các em ăn.

- Khốn, nhưng rồi chúng quen đi thì chết đấy! Cứ bắt chúng nó nhịn cho quen chứ!

- Úi chào!...

Y cố bắt các em ăn. Nhưng cũng chẳng đứa nào chịu ngồi ăn. Chúng chối đây đẩy và chạy cả. Nhưng y biết chúng vừa chạy mà nuốt nước bọt. Có lúc nào chúng nghĩ đến được ăn một bữa thật là no? Y cực quá. Y ngồi thần mặt, buông đũa, quên cả đường ăn. Y chợt nhận ra bà y, mẹ y, vợ y, các em y thật là khổ không kém gì mình phải khổ. Quả thực lúc ấy, y muốn

được nhịn đi cho bà, cho mẹ, hay vợ, hay các em, hay là ngay cả con ở nữa, ăn thay. Nhưng mà không thể nhường cho ai. Y cũng không thể ngồi ăn, không hiểu sao y thấy thèn thẹn, không muốn cho ai đoán được rằng y thương bà, thương mẹ, thương vợ, thương các em quá đến nỗi không ăn được. Y đành một mình lủi thủi ngồi ăn. Nhưng y vừa ăn, vừa nghĩ ngợi gần xa thế nào mà nước mắt ứa ra. Miếng cơm nghẹn lại, y phải duỗi cổ ra để nuốt đi. Và thiếu một chút nữa là y đã òa lên khóc…

Những kỉ niệm ấy, biết bao nhiêu lần, đã trở về trí óc y. Chúng trở về mỗi khi y định thực hành hay là sẽ thực hành xong một cái mộng ăn chơi. (Hỡi ôi! Đó chỉ là một bữa chả bánh đa hay một buổi chớp bóng ban ngày, thu nửa tiền!...). Chúng trở về để can ngăn y hay nghiền nát y. Biết bao nhiêu lần, đang đi đến một tiệm ăn, y sực nhớ đến bà, mẹ, vợ, em mà lại thấy chân rời rã, bước ngập ngừng hơn một chút, rồi đột nhiên quay gót lại. Biết bao nhiêu lần, giữa một bữa ăn vui do một người bạn có tiền mời, hình ảnh một cụ già nuốt nước bọt thèm hay một đứa em lấm lét nhìn trộm nồi cơm để ước lượng xem nó có còn hy vọng gì được thêm một lượt xới nữa chăng, đột nhiên hiện ra, khiến y đang ăn uống ngon lành, bỗng ngẩn mặt, thẩn thơ, mân mê cốc rượu để trên bàn và thở dài khe khẽ. Lúc này đây, những hình ảnh ấy lại hiện ra. Thứ ảo não buồn. Y trách y về từng việc từ hôm lĩnh lương tới giờ mà y đã dám tiêu phí gần đây: mấy hào lấy vé hạng ba xem chớp bóng, lại tiền thợ húi đầu, một bánh xà phòng, một bộ quần áo giặt là, một đồng bạc bánh chưng hôm nọ… Tất cả món tiền ấy, góp lại chẳng đủ cho vợ ăn nửa tháng đó ư? Y tiếc xót xa. Y tự bảo rằng: không những y chẳng nên đi đâu cho đỡ tốn kém hơn, mà y lại còn phải tiêu sẻn đi nhiều. Y sẽ bỏ cái lệ ba xu xôi mỗi sáng đi. Y sẽ ít đi phố để tránh những lúc hứng đi ăn hàng hay uống nước chanh. Y sẽ đưa quần áo thưa hơn. Có lẽ y sẽ bỏ cả tờ báo hàng tuần vẫn đọc chiều thứ Bảy hay buổi sáng Chủ Nhật. Tiền! Cần phải có tiền trước đã!... Y quay lại nhìn Mô, Mô thấy y mải trầm ngâm, đã cầm lấy cái bút của Oanh và đang ngoẹo đầu, ngoẹo cổ, vạch những chữa a, chữ b xiên vẹo lên những chỗ trống của một tờ báo cũ. Nó toét môi, cười:

- Cậu trông con viết có đẹp không?

- Mày học đến đâu rồi?

- Con học hết cả phần vần rồi, đã biết đánh vần, nhưng viết thì chưa biết.

Nó xoay ra nửa đùa nửa thật.

- Con phải cố học cho đọc được, viết được để viết thư cho cậu Đích, nói cho cậu Đích bảo cô giáo cho con đồng bạc.

- Mày học được thì ích vào thân mày, chứ cậu Đích được gì mà mày bắt cậu ấy phải cho mày đồng bạc?

- Thưa cậu, con bảo: "Con xin… ", chứ con có dám bắt đâu? Chả cái hôm cậu Đích còn ở nhà, cậu Đích bảo con: "Bao giờ mày đọc được báo, viết được thư thì tao thưởng cho đồng bạc".

Thứ chẳng nói gì, Mô ngừng lại một lát, rồi lại bĩu môi:

- Con nói thật với cậu chứ đợi lúc cậu Đích cho con đồng bạc ăn quà thì con cũng đến chết già rồi, còn ăn gì được nữa. Vả lại, dẫu cậu Đích có gửi thư về bảo cho, thì cô giáo cũng chả cho nào!... Thôi thì con học cho biết viết để mà biên tiền chợ.

Nó cười hùng hục. Thứ cũng cười để khỏi lộ vẻ lạnh lùng. Thật ra thì y đã hơi khó chịu vì cái giọng mỉa mai ấy. Mô chê Đích và Oanh, đã đành rằng làm tăng giá trị cho y. Xưa nay y vẫn xử rộng rãi với Mô. Mỗi tháng y vẫn cho nó dăm hào. Khi sai nó trả tiền giặt hay mua thức gì còn năm ba xu, một vài hào, y thường cho nó luôn. Nhưng cho rồi y vẫn thường tiếc ngấm ngầm. Bởi vì, những số tiền cho lặt vặt ấy, góp lại, trong một tháng, có thể thành đến hàng đồng. Thế mà y có thể chắc chắn rằng những đứa em đói rách của y chẳng hạn, chúng sẽ run lên và tưởng như mình ngủ mơ, nếu được người ta đặt cả một đồng bạc vào tay. Mà có riêng gì chúng nó đâu! Một lần bà mẹ y ở chợ về, kiểm tra lại tưởng đã đánh rơi mất một đồng, hay trả nhầm lẫn cho ai. Và đến lúc bà lục lại tất cả các túi, lại tìm ra, thì bà rú hẳn lên, mắt sáng ngời, mặt đỏ bừng, cười sằng sặc một tiếng cười khoái trá không sao hãm được. Đồng bạc có tầm thường như y vẫn làm ra bộ rẻ rung nó quá thế đâu? Y thấy cũng to, cũng đáng cho y phải xít xoa… Và đã hơn một lần, y nghĩ rằng mình không nên hào phóng quá với Mô. Nếu y không thể bỏ hẳn hay rút bớt số tiền vẫn cho Mô, có lẽ chỉ vì tự ái đó thôi.

Y không muốn Mô coi mình giảm giá đi. Nhưng để bù vào chỗ quăng ra để giữ thể diện kia, thường thường y vẫn phải làm khổ y một cách đáng thương. Y nhịn món nọ, rút món kia, đi bộ hàng ba, bốn cây số, để tránh một cái vé xe điện năm xu, rồi trở về mệt nhoài ra nằm thẳng cẳng cho đã. Có lẽ vì lâu nay đã cố giữ thể diện với Mô, cố giữ cho được Mô khỏi nghĩ xấu về mình, bỗng bây giờ lại nghĩ quanh và thấy tức tối với Mô. Thấy Mô mỉa mai Đích và Oanh, y cười nhạt ngoài mặt nhưng trong lòng thì y nghĩ ngay rằng: "Thôi đi cậu! Người ta chẳng dại như tôi! Được tiếng tốt với cậu thì cũng đau ruột lắm!… ".

Mô chủm mỏ, lắc đầu, nói tiếp:

- Chịu! Nội đời con, con chưa thấy ai kiệt như cô giáo. Trong tay lúc nào cũng có bạc trăm mà cấm chi li đi đâu một xu. Ăn uống khổ hơn nhà thuyền thợ.

Thứ vẫn chỉ cười nhạt, chẳng nói gì. Mô tưởng Thứ không tin. Nó sừng sộ bảo:

- Thật! Con nói dối cậu, con chết bằng này tuổi! Nhà bà thợ giặt, nhà bác Hải làm ở Ô mền, còn ăn uống sang gấp mấy nhà ta. Thịt, cá luôn. Nhất là nhà thằng Bình, mở cái hiệu thợ cúp khổ ở chỗ kia kìa. Thưa cậu, nhà cửa nhà nó chỉ có thế đấy thôi, thế mà chó tây nhà nó ngày nào cũng được ăn thịt bò tử tế.

Cái ý nghĩ một anh thợ cạo vẫn nhận của y dăm xu diêm thuốc cho thêm, mà cũng chơi chó nòi và nuôi chó bằng thịt bò như một ông chủ đồn điền, khiến Thứ phải bật cười. Mô cũng cười theo. Thứ hỏi:

- Chó tây nhà nó ăn thịt bò thì mỗi ngày hết mấy hào?

- A, thưa cậu, có sáu xu.

- Thịt bò mà chỉ có sáu xu?

Vâng, thịt bò nhà da ấy mà! Ở những cái da mới đưa vào, còn dính những cái thịt bò, người ta nạo ra, thằng Bình khoán cho một người làm trong ấy,

mỗi ngày sáu xu, để người ta đem chỗ thịt vụn ấy về cho chó tây nhà nó.

- Kể ra thế thì cũng rẻ. Sao mày không bàn ngay với cô giáo nhà mày, lấy tháng cái thịt bò ấy về mà ăn?

- Gớm! Gớm! Thế thì cậu khinh cô giáo con quá.

Mô ngửa mặt lên cười rồi lại nghiêm nét mặt và hạ giọng nói cho thấp xuống.

- Thưa cậu, không phải là con nói đùa, nhưng cứ kể ăn uống như nhà ta thì không được bằng những nhà thuyền thợ thật. Đại như dưới nhà bà cụ nhà con thật là nghèo nhất hạng rồi, thế mà ăn cũng còn được hột gạo ngon hơn, mà thức ăn chẳng có gì thì cũng phải có bát canh, bát riêu, đĩa tôm, đĩa tép, lúc đói trông thấy còn muốn nuốt, chứ không đến nỗi như cơm nhà này. Hai cậu không liệu thế nào mà cứ ở đây mãi thì chịu làm sao được?

- Mày bảo còn liệu làm sao?

- Hay là hai cậu lại thuê nhà?

- Tiền đâu?

Thứ tặc lưỡi một cái rồi nói tiếp:

- Với lại cô mày chịu được thì chúng tao cũng chịu được.

Mô có vẻ cụt hứng:

- Vâng, đã đành rằng thế, nhưng tội gì hai cậu khổ?

- Tội gì! Tội không có tiền! Chỉ tại không có tiền đó thôi. Có nhiều tiền thì chẳng thiếu gì nơi sung sướng.

Mặt y chua chát và giọng y gay gắt. Mô cười nhạt. Nó tìm cách lảng:

- Thôi, con đi sang nhà thợ giặt là nhờ cái áo. Thưa cậu, cậu có quần áo đưa không ạ?

- Quần áo hở?... Có lẽ không.

Và Thứ giơ tay lên, bĩu môi "ồ" một tiếng lúc lắc đầu vẻ tởm lợm và chán nản. Chẳng có cớ gì chính đáng. Y ngồi xuống ghế. Y khẽ đập tay xuống bàn một cái, ngồi thừ ra một lúc, như chú ý một ý nghĩ gì vụt đến. Đó cũng chỉ vẫn lại là bộ điệu. Y vẫn thường có những phút thích đóng kịch một mình như vậy, chẳng để làm gì cả. Rồi y nhấc cái bút giơ tay với lấy tập vở học trò ở cạnh bàn bên trái, bắt đầu làm việc. Y đặt một quyển vở trước mặt, nhìn cái bìa sách. Hoàng Thị Thu… Hoàng Thị Thu… Y vừa giở một quyển ở ngay trên cùng…

VII

San vừa về đến nhà, mới kịp ném quyển vở và cái bút xuống bàn, đã quay ra, hỏi Thứ đang nằm đọc sách ở trên giường.

- Anh đã đến thăm nhà thằng Phong chưa?

Y cởi áo tây, khoác tạm lên vách ghế, rồi ngồi xuống ghế, lúi húi tháo giầy. Thứ đặt quyển sách xuống giường. Nhưng y ngần ngừ, chưa vội trả lời. Y có vẻ như bị sách hút hết cả tâm trí rồi nên sau khi ngừng đọc, còn phải chậm chạp lờ đờ một lúc lâu. Sự thật thì y đang lưỡng lự, không biết có nên nói dối hay không, hay cứ thật thà. Thật thà thì y đã không dám bấm chuông nhà Hải Nam.

Cụ Hải Nam là một tay thầu khoán, kiêm lái gỗ, kiêm chủ đồn điền, giàu có tiếng ở vùng này. Ngôi nhà đồ sộ của cụ ở đầu làng, khiến Thứ và San, mỗi lần đi qua, lại nghĩ đến dinh cơ của những vị tể tướng về hưu trong các truyện Tàu. Như thế là do lối kiến trúc một phần, nhất là do cái cổng sơn son thếp vàng với những chữ đại tự rất to và những câu đối dài thườn thượt. Một phần nữa do hòn núi giả, những chậu cây, những cái đôn sứ ở ngay chỗ cổng vào. Nhưng có lẽ cũng là do cái vẻ kín cổng cao tường nữa. Trong nhà Hải Nam còn đến bốn, năm cô con gái đến thì cả rồi nhưng vẫn chưa chồng. Họ chẳng làm gì mà cũng ít khi ra đến bên ngoài. Họ có vẻ cấm cung. Chính vì thế mà họ gợi ít nhiều ý nghĩ tò mò và những mơ ước rất không đâu trong đám những người nghèo mà còn trẻ tuổi. Đứa con trai út của Hải Nam, con vợ bé, lên bốn, năm gì đó, học San. San thường hay

xoa đầu bẹo má luôn và tẩn mẩn hỏi nó chuyện nọ, chuyện kia. Một hôm Thứ bỗng đùa San thử hỏi nó xem có thể trọ ở nhà nó hay không. Cố nhiên là San cũng chỉ coi đó là một câu nói đùa thôi. Nhưng y cứ hỏi Phong. Thằng bé ngay lòng về hỏi lại cha. Và buổi chiều hôm ấy khi San chẳng còn nghĩ gì đến câu hỏi lúc sáng ngày, thì nó lên bàn giấy bảo San:

- Thưa thầy, thầy con bảo; mời thầy, tối hôm nay lên nhà con chơi, để thầy con nói chuyện.

San hơi sửng sốt:

- Tôi ấy à?... Phong có hiểu việc gì không? Thầy định hỏi gì?

Thằng bé ngẩn mặt ra một lúc, rồi hỏi lại:

- Thưa thầy, có phải sáng hôm nay thầy bảo con hỏi xem nhà có thể để cho thầy trọ…

- A, phải rồi!... Thế Phong hỏi rồi, phải không? Thầy bảo sao?

- Thưa thầy, thầy con bảo: được, tối hôm nay mời thầy lên chơi, để thầy con nói chuyện…

Tan buổi học, San cố lấy vẻ mặt và giọng nói thản nhiên bảo Thứ, như bảo y một việc rất bình thường.

- Tôi hỏi được chỗ trọ cho chúng mình rồi đấy. Lát nữa, anh thủng thỉnh đi chơi lên mạn Hải Nam, tạt vào đấy, cho cụ Hải Nam nói chuyện, xem thế nào.

Thứ mở thật to đôi mắt nhìn San:

- Trọ ở nhà Hải Nam ấy à?

- Phải ạ! Cụ Hải Nam có một thằng con học chúng mình đấy ạ!

- Ai chả biết nhưng mình trọ nhà ấy làm sao được?

- Sao không được. Người ta bằng lòng rồi đấy.

- Ừ, thì người ta bằng lòng. Nhưng lương anh mỗi tháng được bao nhiêu. Anh thử hỏi thằng Mô xem! Anh nên nhớ bếp nhà người ta sáng nào cũng phải đạp xe đạp đi Hà Nội sắm thức ăn đấy nhé! Họ ăn uống như trời ấy!

- Thì mình càng sướng chứ sao?

- Sướng! Nhưng nếu họ lấy mỗi tháng ba chục đồng?

San nhăn răng ra cười:

- Thì chúng mình lại thôi, chứ gì?

Thứ bĩu môi, chế nhạo:

- Thôi!... Nói dễ nghe chưa! Đến nhà người ta hỏi trọ rồi đến lúc người ta nói đến số tiền, lại thôi! Sao mà anh thôi tài thế? Tôi thì tôi xin chịu. Xin để nhường anh đi.

San biết mình đuối lý, chỉ cười nhạt, không cãi lại. Nhưng chợt y nghĩ lại ra một điều. Y ôn tồn bảo Thứ:

- Không, anh ạ… Tôi chắc người ta cũng không lấy mình nhiều quá thế đâu! Làm gì người ta chả biết? Giáo khổ trường tư thì giết ai ra tiền mà trả mỗi tháng ba chục bạc? Vả lại người ta thiếu gì tiền? Người ta cho anh trọ để cầu lợi đâu? Cụ Hải Nam có vẻ rất săn sóc đến việc học của thằng Phong. Có lẽ cụ ấy cho chúng mình trọ, là nghĩ đến việc học của nó nhiều hơn nghĩ đến tiền.

- Đã đành, nhưng người ta cũng phải lấy đến đủ của người ta.

- Nhưng ngộ người ta lại muốn mình ở để kèm thêm cho thằng Phong ở nhà, thì sao? Rất có thể người ta không lấy đồng nào cả…

- Nhưng lại cũng rất có thể người ta đòi mỗi tháng ba chục đồng. Hà hà! Anh thật là người lạc quan!

- Thì anh cứ gặp người ta xem nào!

- Thôi để nhờ anh.

- Tôi thì còn nói quái gì! Tôi không có thì giờ. Ăn cơm chưa xong là tôi đã sửa soạn đi học rồi. Anh thì cứ thong thả độ bảy, tám giờ đến nhà người ta cũng được. Vả lại anh hơn tuổi, trông đứng đắn mà nói năng cũng đứng đắn hơn tôi, lại thạo xã giao, nên anh đảm nhận lấy việc này là phải. Tôi nói thật, chứ chẳng nịnh anh làm gì đâu!

- Tôi cũng lạy cả nón cái sự thật thà của anh!

Cả hai cười xòa. Nhưng trước khi đi học, San lại nhân lúc Thứ đứng một mình ngoài hiên gác, lại bên y, đứng đắn và khẩn khoản bảo y:

- Thôi, anh ạ!... Tôi lạy anh, lát nữa anh chịu khó lên nhà Hải Nam một tí. Ở đấy thì sướng lắm. Thế nào hai chúng mình cũng được cả một buồng. Lại có điện hẳn hoi, làm việc đêm tiện lắm. Mà tôi chắc người ta không lấy tiền của anh đâu. Anh có thì giờ. Anh chịu khó dạy thằng Phong nó học thêm. Người ta thấy con người ta học hành tấn tới thì người ta phải quý anh. Rồi anh xem! Mỗi lần nghỉ, anh muốn về quê, cụ Hải Nam sẽ sai đánh ô tô của cụ ấy cho anh về đấy. Anh nghe tôi một tí nào, chúng mình đang cần chỗ trọ. Có chỗ cho mình trọ, mà mình không trọ thì trọ ở đâu? Mà cho ngay người ta đòi nhiều tiền nữa, anh cũng không sợ kia mà! Anh cứ nhận lời, nói: xin để cho dăm ba bữa nữa rồi mình sẽ dọn lên. Ý thế rồi dăm, ba bữa nữa, mình cứ lờ đi, bảo thằng Phong về nói chuyện: "bây giờ dưới trường lại rộng rồi, hay thầy giáo ở luôn đấy cho tiện… ". Như vậy thì đã sao?...

Thứ nể San, vả lại y cũng không muốn tỏ cho San biết y nhút nhát, kém ngoại giao. Xưa nay y vẫn để cho San tin rằng y linh lợi và tháo vát lại đã trải đời, đã từng giao tiếp với đủ loại người và cố nhiên là phải biết nói năng hoạt bát và đĩnh đạc. Có khó khăn gì là cái việc gặp một người như cụ Hải Nam, để nói chuyện về một việc tầm thường như cái việc San trao cho Thứ điều đình? Vả lại còn gì thường hơn cái việc ông đốc một trường tư đến thăm bố mẹ học trò? Chỉ có vậy mà Thứ không dám đến ư? San sẽ dòm vào tận ruột y và biết thừa ra thì y cũng chẳng bạo dạn, chẳng thành

thạo gì cho lắm. Y nhớ đến hai tiếng "hãi người" ngày xưa mà bà y, bố mẹ y vẫn dùng để mắng y, bởi vì y chỉ ru rú ở nhà, chẳng dám đi đâu, chẳng dám đến nhà ai, mà giá có đến chơi nhà ai cũng tìm cách lảng đi, bởi chẳng biết nói năng với người ta như thế nào. Y đã ngấm ngầm khổ sở rất nhiều vì cái tật hãi người. Y cố sửa nó từ lâu. Mấy năm ở Sài Gòn, y đã cố tạo cho y một cá tính khác hẳn cá tính cũ của y. Y ra ngoài thật nhiều, tìm những cuộc hội họp, những chỗ đông người, cố ý bẻm mép, ồm ĩ, trâng tráo, nghênh ngang, và luôn luôn tự bảo mình không bao giờ nên sợ lối? Y cũng chữa mình được ít nhiều. Nhưng y nghiệm ra rằng y chỉ có thể bạo dạn được ở những nơi chẳng có người nào biết y thôi, hay là những khi y thuộc vào một bọn đông. Lẻ loi và ở những chỗ người ta nhẵn mặt mình, y vẫn thấy nhút nhát, vụng về, ngượng nghịu, y vẫn hãi người như xưa. Khổ cho y là y lại biết rõ hơn ai hết đó là một cái nỗi kém cỏi, một sự đớn hèn. Và y luôn cáu kỉnh với mình, mạt sát mình. "Ăn không nên đọi, nói không nên lời" thì còn làm được trò trống gì ở đời này? Tại sao y lại ít tự tin đến nỗi rụt rè lúng túng, tự hạ ngay cả với những kẻ mà y biết về học vấn cũng như về đức hạnh, kém y trông thấy?... Ờ, mà còn phải nói ai, hãy nói ngay cụ Hải Nam. Mặc dầu cụ là một người kiếm ra tiền được bạc muôn, mặc dù cậu là một chủ thầu lái gỗ và cả chủ đồn điền nữa, cụ đã hẳn là một người xuất chúng chưa? Cả vùng này đều biết rằng hồi ngoài hai mươi tuổi, cụ chỉ mà một cậu bồi. Cậu bồi hình như đã được lòng bà vợ An Nam của một ông chủ người Âu. Thế rồi đột nhiên ông chủ chết một cách bất ngờ, bà chủ được hưởng thụ cả một gia tài hơn một vạn đồng. Bà lấy cậu bồi. Sẵn tiền, lại sẵn cái tài giao thiệp của bà, đôi vợ chồng mới ăn lên như diều gặp gió. Tiền đẻ ra tiền. Khi người ta qua được cái bước đầu, gặp đôi ba việc phát tài rồi, thì hình như cái chuyện làm giàu không phải là chuyện khó. Người ta nói ra tiền, ngồi chơi cũng ra tiền. Tiền đến một cách rất tự nhiên, chẳng cần phải tốn một tí mồ hôi, nhiều khi cũng chẳng cần đến cài tài suy tính, xếp đặt của con người nữa. Nó đều như máy vậy. Cụ có giỏi giang tài cán gì cho lắm? Nói về học thì cụ Hải Nam chỉ đọc nổi chữ quốc ngữ thôi. Nói đến tài thì có lẽ tất cả cái tài của cụ Hải Nam là quyến rũ được một mụ đàn bà giảo quyệt, lẳng lơ. Nói về đức hạnh thì cụ lại càng đáng khinh bỉ lắm. Quay quắt, lừa lọc, tàn nhẫn, phụ bạc, dâm đãng… cụ có thừa. Bây giờ thì tuổi già đã đến rồi. Cụ đã thành một ông già điềm tĩnh, đạo mạo gần như thể hiền lành, công việc mặc các con, hằng ngày hưởng cái thú an nhàn với mấy cây cảnh, mấy chị hầu non và lũ con, lũ cháu.

Người ta sẵn lòng quên cho cụ những cái bất lương của cái thời sôi nổi ngày xưa. Tiền của mấy người con làm nên, cũng như mái tóc bạc như tơ đã khiến người đời nhìn cụ bằng những con mắt kính cẩn hơn. Cụ giao du toàn với những người mặt lớn, tai to. Nhưng có phải vì thế mà cụ đột nhiên thành một vĩ nhân mà mỗi khi tới gần Thứ phải hồi hộp, phải tái người, phải run rẩy và khép nép, cố làm cho mình nhỏ đi đâu? Thứ phải biết trọng mình. Y phải tự bảo y rằng: với cái học, cái nhân cách, cái nghềnghiệp cao quý của y, y rất có thể ngước mặt nhìn cụ Hải Nam hay bất cứ ai một cách đàng hoàng, không có lý gì phải sợ người ta cả. Y sẽ đến nhà Hải Nam… Y mới định thế thì cả một cái mộng phong lưu đã từ từ diễn ra qua khối óc y. Y tưởng tượng ra, theo những mơ ước ngấm ngầm của lòng y, căn phòng xinh xinh y sẽ ở với San… Những bữa điểm tâm, bồi đem vào tận phòng riêng. Những bữa ăn trưa, ăn chiều với cả gia đình cụ Hải Nam, hay là dễ chịu hơn, với những người trẻ tuổi thôi… Những buổi chiều ngồi uống trà ở ngoài hiên, nhìn xuống mặt hồ… Những câu chuyện thân mật và dí dỏm của những cô con gái cấm cung… Những cái mùi xoa do họ thêu giùm… Những bó hoa do họ đem vào… Những buổi tối có trăng cùng họ dạo chơi hay đùa nghịch ở trong vườn… Những ngày nghỉ cùng họ diện xe hơi đi thăm các đồn điền của cụ Hải Nam… Và cố nhiên, cả một cuộc luyến ái với một, hay hai, ba cô trong một lúc… Nhưng nghĩ đến đấy thì Thứ lại phải sực nhớ đến Liên. Lòng y nguội lạnh ngay. Cả một đoàn người gầy guộc, xanh xao, rách rưới, lôi thôi: bà, mẹ, các em… lại hiện ra. Thứ thấy mình đã ích kỷ, đã đê tiện, đã hèn. Y lại thấy cả rằng y đã quá viển vông trong những mộng của y. Cụ Hải Nam và những con cháu cụ có bao giờ sẽ trọng y đến thế không? Họ chỉ là những kẻ giàu, rất hợm của, rất khinh người. Họ sẽ đánh giá y bằng những quần áo, đồ đạc của y và sẽ khinh y. Vả lại y sẽ vui lòng đóng góp cái vai con nhà giàu, ăn chơi và phù phiếm thế ư? Không! Y phải biết trọng y. Những hạng người như y phải nhận chân lấy cái giá trị của mình. Họ có quyền được tự kiêu. Bởi vì cái giai cấp của y, cái giai cấp cần lao, chỉ hơn người ở cái chỗ được tự hào rằng mình hoàn toàn sống bằng sức làm việc của mình và được quyền khinh tất cả những cái gì không phải là mồ hôi, nước mắt… Thứ thấy mình bình tĩnh hơn, vững dạ hơn, thấy y có quyền khinh cái giàu sang của cụ Hải Nam. Y khinh cả bọn con gái cấm cung mà vừa lúc nãy đấy y đã mơ ước. Liên còn đáng yêu hơn, đáng quý hơn nhiều. Cái lối sống trong nhà cụ Hải Nam không hợp với y. Vậy thì y còn đến nhà cụ làm gì nữa?

Tuy nghĩ vậy, vào khoảng tám giờ, y vẫn mặc quần áo ra đi. Có lẽ chỉ để có thể trả lời San rằng y đã có đến nhà cụ Hải Nam. Y định rõ ngay từ đầu cái thái độ của y. Y sẽ mềm mỏng nhưng mà không tự hạ, nhũn nhặn nhưng không để người ta có thể hiểu lầm y là một anh chàng xu nịnh khúm núm, trước cửa quyền, lễ phép nhưng không dùng cái giọng của một người bề dưới. Nghĩa là y sẽ đối đáp với cụ Hải Nam như một kẻ ngang hàng nói với một kẻ ngang hàng. Y sẽ kính cẩn, bởi vì cụ đã là một người già. Nhưng nếu cụ lại cứ tưởng cụ là to, khinh y là một anh giáo quèn trường tư, chẳng qua như những thầy ký cụ thuê, mà dùng cái giọng kẻ cả với y, thì y sẽ khinh khỉnh lại ngay chẳng thèm quy lụy thằng nào và có thể quay mông đít vào mặt những thằng giàu hợm hĩnh và lên mặt. Y nghĩ như vậy. Nhưng mới bước chân đến đường, tim y đã bắt đầu đập mạnh rồi. Lạ quá! Y thừa biết rằng cụ Hải Nam không thể đánh y, cũng không thể bỏ tù y. Thế mà y vẫn như sợ sợ. Y biết trước rằng lúc cúi chào cụ Hải Nam, thế nào mặt y cũng tái đi và tiếng nói của y cũng run run. Mà như vậy thì cụ Hải Nam sẽ cười thầm y mất… Y thở hít mấy hơi dài để trút cái cảm giác nặng nề đang đè ở ngực y. Phố vắng câm. Trời tối. Dân thợ thuyền cần dậy sớm đã tắt đèn, đóng cửa nhà họ cả rồi. Con đường nhựa, dưới vòm cây tối đen thăm thẳm, như một dòng sông chảy trong hang. Thứ lủi thủi, chẳng trông gì và cúi đầu nghĩ ngợi. Y nghĩ sẵn những câu để đối đáp với cụ Hải Nam. Đến khi ngẩng đầu lên, y ngơ ngác nhìn quanh và nhận ra mình đã đi qua nhà Hải Nam một quãng rồi. Y khẽ cười nhạt và quay trở lại. Tim y bắt đầu đập mạnh. Những bước chân y tự nhiên ngập ngừng, chậm chạp hơn. Đến trước nhà Hải Nam, y vẫn không ngừng lại, chỉ nhìn vào. Cổng đóng rồi. Một chút ánh sáng lọt qua các khe, các lỗ ở, không đủ chĩa ra đường. Cái cổng lù lù, trông hiu quạnh và vắng lặng như một cái cổng thành cổ vào một giờ khuya khoắt lắm. Thứ sinh ngờ cái đồng hồ ở nhà mình. "Có lẽ muộn rồi, không phải mới tám giờ!". Y nghĩ vậy và thấy người nhẹ hẳn đi. Y toan đi thẳng về nhà. Nhưng mới được mấy bước, y đã tặc lưỡi, ngoặt lại, bước hẳn lại cổng nhà Hải Nam. Y trông thấy cái bấm chuông rồi nhưng chưa vội bấm chuông. Y ghé mắt vào khe cổng, nhòm vào bỗng giật mình: có ai đứng sừng sững nhìn ra cổng. Nhưng không phải, đó chỉ là một pho tượng lớn, một pho tượng đàn bà khỏa thân. Thứ hơi nóng mặt lên. Y quay ra, nhìn ngược, nhìn xuôi như sợ có một người nào đi tới, bắt gặp y. Rồi y lại nhòm vào. Y nín thở như làm một việc gì vụng trộm. Người mỹ nữ uốn éo cái thân hình lõa lồ dưới ánh đèn xanh dịu giữa những chậu cây,

đôn sứ ngang hàng với hòn núi giả. Thứ thấy làm lạ rằng tận đến bây giờ y mới biết có vật ấy ở đây mà ngay giữa cổng vào! Thì ra chưa bao giờ y dám nhìn lâu, nhìn thẳng vào ngõ nhà Hải Nam. Y chỉ liếc qua. Muốn giữ vẻ nghiêm trang nhà giáo của y, thường thường y vẫn đi ngoài phố mặt ngay đơ, đôi mắt nhìn thẳng về đằng trước. Qua nhà Hải Nam càng thấy phải làm ra thế… Thứ nhìn rất tò mò, hồi hộp. Mới đầu lòng y xôn xao lên. Nhưng những cảm giác xôn xao chìm xuống dần dần. Sau cùng, Thứ buồn buồn thì đúng hơn. Ánh đèn xanh tỏa xuống, hiu hắt lạnh lùng. Những cây cảnh trong giấc ngủ, rầu rầu. Cả đến hòn núi giả cũng rầu rầu. Đằng sau tất cả những cái ấy, cái lối đi vắng ngắt chạy dài mãi vào trong. Đằng trước dãy cửa to, cửa nhỏ đóng cả rồi, như ở một cái nhà thương. Vắng lặng, một con tắc kè kêu. Thứ tưởng như một tiếng chuông réo, sẽ ầm ĩ lắm, giữa sự quá im này. Y sẽ làm cho người ta phải ngạc nhiên, phải xôn xao, như tiếng kêu báo động giữa đêm khuya, trong một đồn binh. Y sẽ làm rộn người ta lắm. Y nhìn lên cái bấm chuông, do dự. Y không bấm. Y quay ra, đi về…

Bây giờ y sẽ nói với San thế nào đây. Y giụi mắt, ậm ừ. San chợt đoán ra, cười nhạt hỏi y:

- Anh lại chưa lên, có phải không?

- A!... Lên rồi chứ!...

Giọng Thứ khàn khàn, ngần ngại, không có vẻ tin mình lắm. San ngờ vực. Y hỏi, để cho Thứ có thể gỡ mình:

- Cụ ấy đi vắng, có phải không?

Thứ vẫn ngần ngừ:

- Tôi không biết.

San cười xị ra lỗ mũi với vẻ không bằng lòng:

- Thế là cái quái gì? Chẳng thà anh cứ nó phắt ngay ra anh chưa lên nhà cụ ấy.

- Tôi lên rồi.

- Hừ!

- Nhưng không vào.

- Thế thì nói làm gì? Thà anh cứ nằm kễnh ra ở nhà mà đọc sách, đi làm gì cho mất thì giờ? Lên mà không vào thì lên làm gì?

San gay gắt, Thứ cười xin lỗi:

- Tôi thấy người ta đóng cửa rồi!

- Anh ngốc! Nhà người ta lúc nào không đóng cổng. Mình bấm chuông chứ lại…

- Ấy, thì tôi đã tạt vào, toan bấm. Nhưng nhìn vào trong thấy im lặng quá. Im như họ ngủ rồi…

Y ngập ngừng một chút, rồi thêm:

- Với lại… Nói thật ra thì tôi cũng không thích trọ nhà Hải Nam.

Y viện những lý lẽ của y ra. San chẳng buồn nghe, y chỉ bảo:

- Vậy thì thôi! Chẳng đi đâu nữa là xong chuyện!

Y quay vào bàn, giở sách kêu soàn soạt. Y cáu lắm. Thứ cúi mặt ngượng nghịu và hối hận. Y cũng hơi cáu nữa. Y muốn văng lại San, nhưng nín được. Muốn lấy lại vẻ tự nhiên, y lại nằm xuống, cầm sách, làm như đọc. Y không đọc. Y ngẫm nghĩ. Càng ngẫm nghĩ càng thấy tức với mình, tức với San. Y hậm hực mãi. Và sau cùng thấy cần phải mạt sát một người nào. Y mạt sát cụ Hải Nam.

- Cái lão già thối đến thế là cùng! Thối nát đến thế là cùng! Đặt một tượng khỏa thân trơ trẽn bên cạnh một hòn non bộ! Chửi nghệ thuật! Khiêu dâm! Đểu cáng! Tự nhiên tôi có những ý nghĩ không tốt về lũ con gái cấm cung nhà nó. Chắc chúng nó phải có cái tâm hồn hư hỏng, đĩ thõa, dâm đãng

ngấm ngầm, ghê gớm lắm. Đã ăn không, ngồi rồi, tẩm bổ nhiều mà lại ở một cái hoàn cảnh thối tha đến thế!...

San mỉm cười:

- Chó sói và giàn nho.

Lòng tự ái của Thứ gầm lên:

- Nho! Nho gì? Nho thối ấy à?

San vẫn mỉa mai:

- Thì cố nhiên! Thối bởi vì cao quá.

- Anh nói đúng. Quả nhiên có thế thật: thối chính vì cao quá.

San vỗ tay xuống đùi cười hô hô

- Phải rồi! Tôi biết mà!

Y khoái chí vì tưởng Thứ ngớ ngẩn không hiểu y mỉa mai. Nhưng Thứ vừa xoay tay, vừa cố nói lấp tiếng cười của San đi.

- Im đã nào! Anh dốt lắm. Anh để tôi cắt nghĩa cho anh hiểu.

- Tôi hiểu rồi! Những quả nho chín quá, chín rành rành ra đấy rồi, không còn chê xanh vào đâu được. Bởi thế cho nên anh chàng chó sói đành phải chê là thối.

Và San lại cười to hơn. Không cãi lại cái mồm bô bô cũng thằng cha ấy được! Thứ đã kinh nghiệm nhiều lần, biết thế. Y đành để cho San cười chán rồi mới bảo:

- Nói với anh, tức lạ! Anh đã không hiểu gì, lại hay đánh trống lấp, không để cho người ta nói. Tôi bảo chúng nó thối nát chính vì cao quá, là có suy nghĩ, chứ chẳng phải nói liều. Tôi hỏi anh: tại sao con gái ở nhà quê ít hư mà phần nhiều chỉ con gái nhà giàu ở tỉnh thành mới hay hư chứ?

Đột nhiên, mặt San đổi khác. Nụ cười trở nên gượng gạo rồi nhạt hẳn. Đôi mắt nhìn xuống, có vẻ như suy nghĩ. Một thoáng sau, chúng lại ngước lên, nhìn thẳng vào mặt Thứ, với một vẻ rụt rè, nửa như chế nhạo. Y không bô bô nữa. Bằng một cái giọng nhỏ nhẹ nhưng gãy gọn, y hỏi Thứ:

- Anh có chắc con gái nhà quê ít hư không?

Nét mặt Thứ cũng đột nhiên biến đổi. Đôi mắt Thứ lúng túng tránh cái nhìn của San. San lại tiếp:

- Như chính vợ mình chẳng hạn?

Thứ thấy nong nóng ở tai. Mặt y đã đỏ rồi chăng? Y không ngờ San lại có thể bất nhã với y như vậy. Y tức run người. Cả chuyện xưa lại trở về trong trí nhớ, rõ rệt như mới xảy ra hôm trước.

Y thấy y vừa mới qua một trận ốm dài, đang dưỡng bệnh ở nhà quê… Một buổi chiều, San đến thăm y… San ngập ngừng khuyên y nên cưới vợ ngay đi…

- Tại sao? – Thứ tái mặt và hỏi vậy. Đôi mắt nảy lửa.

- Bởi vì… bởi vì… San cúi mặt và bỏ tiếng ta, dùng tiếng Pháp – Người ta lừa dối anh…

Thứ choáng váng người. Y có cảm giác như chỉ còn cái đầu y là nặng, còn tất cả người y đều nhẹ bỗng, y bấp bênh ở trên không, mọi vật quay lộn, chập chờn, y hoa mắt, chẳng còn nhìn gì rõ. Nhưng lòng y vẫn sáng suốt như thường. Y vẫn đủ sáng suốt để hỏi San, ép San phải nói, và nghe hết đầu đuôi câu chuyện. Cũng chẳng có gì nhiều. Liên có tình với một thằng công tử bột ở trong làng, một thằng mà sự kém người chưa cưới của Liên về đủ mọi phương diện đã rành rành, một gã con trai lêu lổng và bịp bợm. Chúng thường đánh bạc với nhau, đùa bỡn với nhau tại nhà một người anh rể, Liên cho tiền nó luôn luôn. Và trong một đám hội rất đông người, Liên đã dám công nhiên ném một cái quạt mới mua cho nó… Thứ tưởng như mình có thể chết ngay hoặc điên người. Y đã xao xác suốt một đêm, khóc suốt đêm. Y đã nghiến răng, nguyền rủa rất nhiều ngày. Rồi rất nhiều

ngày, y đã tự vò xé lòng mình một nỗi băn khoăn khổ hơn tất cả những nỗi khổ của lòng người ta gọi là bán tín bán nghi. Y đã cầu cho Liên đủ mọi nỗi khổ, nỗi nhục ở trên đời. Y đã ao ước chính y có thể cầm dao mà giết chết Liên. Ấy thế rồi lại vẫn cưới Liên, ngay sau đấy ít lâu. Chỉ vì y vẫn còn thấy yêu Liên mà bà và bố mẹ y thì quyết bắt y cưới Liên cho bằng được. Sau đám cưới, được gần gũi Liên, biết tính nết Liên, dần dần nhận ra rằng Liên không thể là một người như y vẫn ngờ, tất cả câu chuyện của San không đúng một phần nào. Y đem những bằng chứng ấy, hỏi lại San, San cũng nhận rằng câu chuyện của mình sai, nhưng lại dùng những câu nói lấp lửng, những vẻ mặt nước đôi để tỏ mình nhất định không tin Liên vô tội. Đôi bạn giận ngầm nhau vì đấy. Riêng về phần Thứ, mỗi lần phải nói chuyện vợ mình ở trước mặt San, y vẫn khổ tâm đối với San, thì vợ y chả là một cái nhục của y đó ư? Có lẽ San cũng hiểu thế, nên từ ngày ở chung với Thứ, chưa lần nào y hỏi thẳng Thứ về chuyện vợ con. Sao lần này y lại chợt giở chứng, sỗ sàng đến thế?

Thứ không nhìn San, đáp:

- Vợ chúng mình có hư, cũng bằng bốn cô con gái nhà giàu chỉ biết ăn rồi đánh phấn, tô môi, ướm hết quần áo nọ đến quần áo kia, ra đường thì khoác tay với những kép ôm đàn tây, chải đầu sừng, ở nhà thì chỉ ve vẩy đi ra lại đi vào, không nằm ghế xích đu đọc tiểu thuyết tình thi lại soi gương uốn éo, ưỡn cái ngực, ngoáy cái mông, hay nhún nhảy vừa hát tây vừa khiêu vũ. Vợ chúng mình có hư cũng còn biết nuôi con và nếu không bận bịu vì con thì cũng còn kiếm nổi miếng mà ăn, chẳng chịu phải bám mình vào kẻ khác.

Y đã phải cố làm ra vẻ bình tĩnh, ôn tồn. Sự tức giận vẫn còn rung lên trong tiếng nói. San nghe chăm chú lắm, y vặn Thứ:

- Thế sao trong mười gái trụy lạc thì có đến chín người là gái quê, gái nhà nghèo?

- Anh bảo thế nào là trụy lạc?

- Cô đầu, gái nhảy, gái giang hồ chẳng hạn, những kẻ sống về nghề son phấn.

- … Chứ không phải nhờ sức làm việc của đôi tay hay của khối óc mình mà sống? Nếu như vậy thì chẳng cứ gì cô đầu, gái nhảy, gái giang hồ mới trụy lạc, phần nhiều lại toàn là con hay vợ nhà giàu cả. Vợ, con nhà nghèo phải làm việc mới có ăn, mà khi người ta còn làm việc, khi người ta chỉ kiếm ăn bằng sức làm việc thôi, thì gọi người ta là trụy lạc làm sao được?

San ngây mặt ra, lẳng lặng nhìn Thứ một lúc lâu. Nói rằng nhìn, nhưng thực ra thì đôi mắt y vắng cái nhìn. San đang mải nghĩ gì. Một lúc sau y mới lại hơi mỉm cười bảo Thứ:

- Thế thì chắc anh thích nghèo?

Thứ chua chát hỏi:

- Anh chưa nghèo bao giờ hay sao?

Và y tiếp:

- Nếu anh đã nghèo qua một vài lần thì ít ra anh cũng phải biết rằng cái nghèo chẳng có ích cho ai. Nó làm tiêu mòn sức lực, héo hắt tâm hồn. Nó khiến người ta thành bủn xỉn, nhỏ nhen, ích kỷ, sát bờ đất. Nó tạo nên thành những con người nô lệ.

San cười hở cả lợi, kêu lên:

- Thế thì có trời mới hiểu anh muốn gì! Giàu thì anh chê là trụy lạc. Nghèo thì anh chê là ích kỷ, nhỏ nhen, nô lệ. Vậy thì ý anh thế nào?

- Rất rõ ràng. Tôi chỉ yêu sự làm việc và những người làm việc mà thôi. Theo ý tôi thì phải diệt cho hết những kẻ ngồi không hưởng những thức của kẻ khác làm ra mà chẳng làm ra được cái gì. Ai cũng phải làm, ai làm cũng phải được no đủ, tự do, mà chỉ những ai làm mới được no đủ, tự do.

- Lại cái thuyết mọi khi của anh! Nhưng này! Tôi hỏi thật anh… Chúng mình hãy gác cái nghĩa hai chữ hư hỏng theo cái nghĩa chính đáng hai chúng mình thường hiểu. Chỉ nói theo cái nghĩa thông thường của mọi người thôi. Nghĩa là… nói trắng ra ngay thế này cho tiện: có bao giờ anh

nghĩ rằng trong lúc chúng mình đi vắng thế này, vợ chúng mình ở nhà có thể có ngoại tình không?

Thứ ngạc nhiên nhưng cố làm ra vẻ lạnh lùng:

- Chưa bao giờ tôi nghĩ thế bởi vì tôi không hay nghĩ lôi thôi đến những chuyện ấy làm gì. Nhưng tôi tưởng sự ấy cũng là thường.

- Nghĩa là có thể xảy ra được lắm, phải không? Ờ, thế bây giờ tôi lại hỏi anh thế này, không có gì, nhưng tôi chỉ nói thí dụ thôi đấy nhé, thí dụ bây giờ đột nhiên anh nghe tin vợ anh ngoại tình thì anh nghĩ thế nào?

Thứ thấy nhói trong tim một cái và đột nhiên khó thở. Nhưng y vẫn cố thản nhiên:

- Chẳng nghĩ thế nào.

- Không, tôi không nói rằng anh nghĩ đến sự bỏ vợ, hay đâm chết vợ, hay tự tử, hay bỏ nhà đi. Chúng mình có con rồi. Chúng mình nghĩ đến con… Tôi chỉ hỏi anh xem anh có cáu gì không? Cáu suông thôi…

- Tôi tưởng chả có gì đáng cáu. Theo ý tôi, thì cái việc kia cũng chỉ là một nhu cầu sinh lý như ăn uống, như tất cả những nhu cầu sinh lý khác. Nghĩa là tự nhiên và rất bình thường. Có cái gì đáng cho mình để ý quá đâu? Khi người ta đói quá.

San không cãi lại. Nhưng nét mặt y, nhất là đôi mắt lững lờ, chẳng có vẻ gì tán thành với ý Thứ. Tuy vậy, sau một thoáng ngập ngừng y cũng bảo:

- Tôi thì tôi cũng nghĩ như anh vậy. Nhưng tôi tưởng mình gặp cái thằng nó chim được vợ mình, thế nào mình cũng hơi khó chịu.

Có như vậy thật. Hơn thế nữa, tất cả những ý nghĩ táo bạo Thứ vừa đem ra, có phải là những ý nghĩ thật của y đâu? Nói cho đúng thì có lẽ đó là những ý mà y vẫn muốn theo đuổi, nhưng chưa bao giờ đã có thể bắt lòng theo. Lấy lý trí mà suy thì cái việc vợ ngoại tình không đáng cho chồng đau đớn, ghen tuông nhưng Thứ vẫn thấy mình đau đớn, ghen tuông, ngay từ lúc

mới nghĩ đến sự ngoại tình. Y làm bộ không quan tâm, chỉ vì tự ái mà thôi… Nhưng tại sao hôm nay San lại thắc mắc về cái vấn đề ngoại tình như vậy? Một ý ngờ vụt đến trong óc Thứ, y nhìn soi mói San. San cúi mặt. Và Thứ vụt nhớ đến cái buổi chiều San hấp tấp về quê, câu nói nửa kín nửa hở của y, sự thay đổi tính nết… những đêm không ngủ hay ngủ rồi mà buột miệng rên lên… sự tiêu tiền phung phí hơn khi trước… A! Hẳn là San đã có điều gì bất mãn về vợ y đấy. Thứ lại nhớ đến một câu San bảo Thứ mới cách đây có mấy hôm: "Anh có cách gì cho tôi đi thật xa không? Hay là gần cũng được, nhưng cần một chỗ nào, nếu tôi định giấu thì nhà không thể nào biết được…". Và Thứ chợt nhận ra rằng San có vẻ bị nỗi đau đớn ngấm ngầm nung nấu đã nhiều: đôi mắt thâm quầng, da xám như gio, cái nhìn mệt mỏi và đờ đẫn… Chuyện gì mà San đến nỗi phải ốm người đi như vậy…

Sự im lặng đã gần như trở nên khó chịu. Chợt tiếng những bước chân nặng nề lên thang gác, cho đôi bạn một cớ để quay ra. Mô lên để mắc màn. Tuy đi trên gác và căn nhà chẳng rộng gì, nó cũng bước những bước bình bịch, hùng dũng như bước của nhà binh. Sàn gác bị rung. Cái tủ bị rung theo và những cái cốc, chén để trên mặt tủ, chạm vào nhau, kêu lách cách. Thứ thấy ở Mô một cái gì trẻ, mạnh và đẹp lắm. Người nó ngay ngắn, đôi vai rộng, cái ngực vạm vỡ nhô ra. Cái vui rạng rỡ trên nét mặt hơi ngờ nghệch, nụ cười hồn nhiên nở trên môi, nó có vẻ kiêu ngạo vì cái tuổi hai mươi và cái thân hình lực sĩ của mình…

San hỏi nó:

- Mày chưa về nhà mày kia à? Gan thật! Tao chịu mày!

Nó tủm tỉm cười:

- Thưa cậu sao kia ạ?

- Có vợ mà đến bây giờ vẫn chưa cần về.

Nó toét mồm cười hi hí, như xấu hổ:

- Thưa cậu, có c ần gì cái nhẽ đó? Con thiết tưởng làm giai, v ề cái đường vợ con, chẳng nên ham mê lắm.

- Thế mày lấy vợ làm gì?

- Ồ thưa, thưa cậu, thế chẳng lẽ làm cái thằng con giai mà lại không có vợ? Người ta lấy vợ cả thì con cũng phải lấy, chứ con có c ần gì đâu!

- Úi chà…

Mô cười hùng hục. Thứ và San mỉm cười. Thứ dậy, tránh ra ghế, để cho Mô mắc màn.

San bỗng nảy ra một ý, y hỏi Thứ:

- A! Thế này này, anh ạ… Chúng mình bảo ngay thằng Mô nó bảo bà cụ nhà nó cho mình trọ… Có được không, Mô?

- Thưa cậu, nhà lá hai cậu ở sao được?

- Được, nhà gì cũng được. Ở nhà quê chúng mình, tao vẫn ở nhà lá đấy chứ nhà gạch đâu?

- Đi làm thì bà cụ nhà mày với vợ mày cũng phải ăn cơm chứ! Bà cụ ăn thế nào thì chúng tao ăn thế. Cả nhà ăn cùng một mâm…

- Thưa cậu, thế thì coi không tiện.

- Sao không tiện?

- Vâng, nhưng nhà chật lắm! Chỉ vừa kê được hai cái giường, một cái của bà con, một cái của vợ ch ồng nhà con.

- Mặc kệ mày! Mày làm sao được thì làm!

- Thưa cậu, cái ấy để tùy hai cậu chứ con biết làm sao được?

- Thế mày bảo chúng tao ở đâu bây giờ?

- Hay là hai cậu lại thuê nhà?

- Ừ, thuê nhà thì cũng được nhưng còn ăn thì sao?

San vẫn thế, rồi tự trả lời:

- Tao bảo mày!... Mày xem có cái nhà nào rộng rộng, đủ cho bốn năm người ở, thuê một cái, rồi bảo bà cụ nhà mày dọn đến cho chúng tao trọ với. Chúng tao chịu cả tiền cho. Thế là được chứ gì?

- Vâng, cậu cứ để con bàn với bà con xem.

San cố ép:

- Chẳng phải bàn gì nữa. Chúng tôi mặc cậu! Cậu làm sao cho chúng tôi có chỗ ở, chỗ ăn thì làm!

- Không đâu ạ! Thưa cậu, con đã biết đâu mà dám nhận?

- Mặc cậu! Mặc cậu! Chúng tôi không biết…

- Thưa cậu!...

San vừa lắc đầu, vừa nhắm nghiền hai mắt, nhất định không nghe gì khác nữa. Mô động mở mồm chực cãi. San đã vội vàng nói lấp đi, không cho cãi. Mô đành cười.

VIII

Thứ và San cho việc ép Mô xếp chỗ ăn, chỗ ở cho họ chỉ là chuyện đùa. Không ngờ Mô lại để ý nhiều. Cố nhiên không phải chỉ vì muốn tận tâm với hai cậu mà thôi. Còn vì lợi ích riêng của nó. Nó hỏi họ rất kỹ càng về việc tiền nong…

- Thưa hai cậu, hai cậu định tìm người thổi cơm tháng cho hai cậu thế thì mỗi tháng hai cậu định cho như thế nào?

Thứ nhường việc tính toán ấy cho San. San đã chẳng làm nội trợ mãi rồi đấy ư? Y tất nhiên phải hiểu rõ hơn Thứ, mỗi tháng hai người sẽ tiêu thụ hết mấy đồng bạc gạo, mấy đồng bạc thức ăn, mấy đồng bạc mắm muối, nước non, củi lửa… Y cười bảo:

- Tính thì biết thế nào mà tính? Chúng mình có đi chợ đâu mà biết? Cái ấy thì cứ để thằng Mô nó hỏi bà cụ nhà nó cho.

- Không, hai cậu định cho như thế nào thì cứ bảo, để con còn phải tính…

Mô bảo thế. Và nó nói trắng ra như thế này:

- Chẳng giấu gì hai cậu… Bà con cũng già rồi. Đi xe cát thì kể cũng kiếm ăn được, nhưng vất vả. Giá nhận thổi cơm cho hai cậu được thì con bảo bà con ở nhà cho nhàn thân một chút. Rồi bà con cũng buôn vài thức quà bánh, hoa quả, ra cột đèn ngồi, để kiếm thêm mỗi tháng vài đồng. Miễn sao đủ cho một mình bà con ăn, không phải ăn tiền nhà con đi làm…

Thế nghĩa là bà cụ nhà nó sẽ làm một việc buôn bán đặc. Có lợi thì làm, không có lợi thì cụ đi xe cát. San biết thế thì sẽ xót ruột cho mình lắm, mà rút lại thì không tiện, nên hỏi Thứ:

- Anh nghĩ thế nào?

Thứ nhún vai

- Tùy anh… Tôi biết gì?

Y có vẻ bực mình. Hình như y muốn bảo: "Anh khỏe bới chuyện ta thì bây giờ anh liệu lấy!"… Liệu, tức là từ chối hay trả rẻ, để cho thằng Mô khinh và cười thầm mình trong bụng. Hay là trả thật đắt, cho vừa lòng nó, rồi có buốt ruột thì cố cắn răng lại mà chịu vậy, chẳng còn trách ai được nữa. San làm thì y chịu, Thứ không dự gì vào đấy! Không những thế, Thứ còn có quyền oán San…

San cười nhạt, bảo Mô:

- Tao tưởng bà cụ nhà mày có thể vẫn đi làm cũng chẳng phiền gì.

- Thưa cậu, thế thì ai thổi cơm cho?

- Lúc trưa về… Khi nào nghỉ làm, hãy thổi cơm.

- Nhưng thường thường trưa bà cụ nhà con lại không về, thổi cơm ăn ngay ở bờ sông. Xa thế mà những đi cùng về thì hết ngày chứ còn gì?

- Thế vợ mày?

- Nhà con thì nó về đấy, nhưng về muộn lắm. Vả lại, đi chợ vào lúc nào được? Mà không đi chợ thì lấy đâu ra thức ăn? Mà ngay có gửi được thức ăn cũng không có thì giờ mà nấu nướng.

- Thức ăn thì cần gì? Miễn là có cơm thì được. Chúng tao không đòi thức ăn đâu mà sợ.

- Thưa cậu, cậu thì cậu nghĩ thế, chứ chúng con thì lại phải nghĩ khác. Đã nhận cơm nước cho hai cậu thì phải dọn cho ra hồn một mâm cơm.

- Không ra hồn cũng được. Chúng tao bằng lòng chỉ ăn cơm không thôi kia mà!

- Thưa cậu, thế thì hai cậu cần gì phải đi đâu cho tốn tiền? Hai cậu cứ ở đây. Ở đây cũng có cơm rau chứ gì!

Mô cười, nhưng cái cười chẳng được tươi cho lắm. Khi nói câu vừa rồi, cái cổ nó gân lên. Nó có vẻ nhiếc thầm San: " Muốn ăn ngon nhưng lại không muốn mất tiền". San đỏ mặt, hất tay một cái, nói như người giận dỗi.

- Thôi, thế này này… Chẳng nói lôi thôi gì nữa… Lương tao mỗi tháng chỉ có mười hai đồng bạc đấy thôi. Tao đến tiêu hết cả mười hai đồng là cùng thôi, chứ gì?

Mô chẳng nói sao, San ngừng một lúc rồi lại bảo:

- Mỗi tháng mỗi người chúng tao đưa chục bạc. Hai người hai chục bạc.

Mô ngây mặt ra, như nhẩm tính:

- Hai mươi đồng thì tiền nhà đã mất độ bốn đồng rồi… San tiếp thật nhanh:

- Với vài đồng tiêu lặt vặt, nghĩa là còn độ mười bốn đồng tiền ăn cho hai người.

Mô ngẫm nghĩ một lát rồi chợt hỏi:

- Hai cậu định cho mười bốn đồng nguyên tiền ăn có phải không?

- Phải rồi.

- Vâng, biết vậy. Thế thì thế này này. Con nhận thổi cơm thôi, còn mọi thứ nhà cửa, giặt dịa, dầu đèn… mặc hai cậu cả.

- Được rồi, mày cứ lấy mỗi tháng mười bốn đồng còn mặc chúng tao. Nhưng phải tìm cho chúng tao cái nhà.

- Vâng, nhưng ấy là con mới nhận tạm thế thôi, chứ chưa dám nói chắc với hai cậu. Để con còn hỏi lại bà con đã…

Thứ, và có lẽ cả San thầm mong cho bà mẹ vợ nó không bằng lòng nhận. Nhưng hình như mẹ con nhà nó đã bàn đi bàn lại, trù liệu đâu vào đấy cả rồi. Nó chỉ còn đòi cho biết số tiền. Số tiền xét ra có thể nhận được rồi, lập tức nó đi hỏi nhà cho Thứ và San. Ngày hôm sau, nó bảo:

- Con thuê được nhà rồi đấy. Có ba đồng một tháng. Tối hôm nay, mời hai cậu xuống xem.

Cái nhà ở thụt vào mãi trong làng. Từ ngoài đường nhựa có một cái ngõ gạch đi vào. Ngõ vào đến nhà ấy vừa cùng. Nhưng vòng đến sau nhà, một cái ngõ khác trũng hơn, kềmột đầu lên cái ngõ kia và chạy sang tận mặt kia làng, vắt hai sợi râu đỏ của nó lên cái sườn xanh rì của một con đê lớn. Cái lối đi bẩn thỉu và rác rưởi! Lẫn rác mục, lá khô phủ trên mặt, dầy đến

nỗi người ta đi thấy lún chân. Thứ và San đã đi qua đấy một vài lần, nhưng chưa bao giờ trông thấy cái nhà, có lẽ chỉ vì đến đây họ còn mải chăm chú nhìn mặt đất để tránh những thứ dơ bẩn nhan nhản ở lối đi. Vả lại cái nhà liền sát một cái chuồng ngựa đua to, ở đầu trong. Cái chuồng ngựa với những con ngựa cao lớn, nở nang, chải chuốt và kiêu hãnh như bộ binh phục mới, những con ngựa thở phì phì và đập chân kêu bôm bốp, choán hết cả sự chú ý của người ta. Người ta chỉ trông thấy cái chuồng ngựa mà thôi. Nó nuốt hết cái nhà. Đứng bên ngoài mà trông, ai cũng tưởng cái nhà là một phần chuồng ngựa.

Dừng lại trước cái cổng thấp lè tè đục ngay vào một bức tường sau, Thứ hỏi San:

- Thế ra chỗ này cũng còn một cái nhà ư?

- Tôi cũng không ngờ đấy.

Mô đã vào trước để bảo người ta xích chó. Nó chậm ra. Hai nhà giáo nhìn quanh. Họ có vẻ hơi thất vọng. Nghe lời Mô tán tụng sự sạch sẽ của cái nhà sắp thuê, họ không đòi thấy những cái mà họ đang phải thấy. Đó là những đám cỏ rậm um ở sát chân tường, những vũng nước đen, những chỗ đất phủ rêu nhầy nhầy, những đống rác lù lù, bừa bãi. Một mùi khai khai, khăn khẳn bốc lên. Cả hai người cùng nhun mũi, nhưng chẳng người nào nỡ nói ra. Thứ trầm ngâm bằng cái vẻ quen thuộc của y. San khe khẽ cười vô cớ. Họ rất sợ tỏ ra mình là những người khó tính. Có mỗi tháng ba đồng bạc mà đòi sang trọng làm sao được?

Mãi San mới dám rụt rè nói nhỏ một ý nghĩ của mình:

- Chắc nhiều muỗi lắm?

Y dùng tiếng Pháp. Thứ cũng dùng tiếng Pháp, khẽ nhún vai, đáp lại:

- Có lẽ…

Vừa lúc ấy thì Mô ra:

- Mời hai cậu vào.

Một cái đầu trọc lốc cũng từ sau lưng nó nhô ra.

- Chào hai ông ạ! Mời hai ông vào trong này.

Mô khẽ giới thiệu với Thứ và San:

- Ông chủ.

Vừa kịp, Thứ và San đang lúng túng, không biết nên chào lại người ấy bằng gì cho phải. Y mặc độc mộc trọi một cái quần đùi đen, một cái áo cánh vải ròng rọc, mới cài có hai khuy. Có lẽ thấy khách đến, y mới mặc vội vàng cái áo vào. Y vừa xun xoe mời khách, vừa cài nốt mấy cái khuy trên. Quần áo thì thế mà người da đen thui, nặng nề, cục mịch. Da, có lẽ vì suốt đời cởi trần nên rất loãng, rất thô. Hai mắt kèm nhèm, trán chau chau. Chân đi bình bịch. Thứ và San phải hơi cúi xuống để chui qua cổng. Mới bước vào một cái nhà ngang, mặt trước trông hốc hác như quán chợ. Đó là nhà bếp. Bếp ở liền ngay cạnh cổng. Phía trong còn rộng, nhưng chẳng thấy kê đồ đạc gì, toàn thúng mủng.

Tạt chéo qua một cái sân nhỏ, lát gạch, có tường hoa, bể nước ở bên ngoài, họ tới cửa giữa ngôi nhà chính. Kiểu nhà xây ở quê nghĩa là thế nào cho xong chuyện thì thôi. Không có hàng hiên, ba khoang cửa ở tít mãi ngoài, thành thử một cái hè con cũng không có nữa. Đó là cái lỗi của chủ nhà tham muốn cho cái lòng nhà được rộng. Thứ để ý đến bốn con số "1935" ở trong lòng cái khung vữa hình chữ nhật, ở bên trên cửa giữa. Thì ra cái nhà này, làm cũng chưa lâu lắm. Được cái nền cao, cao hơn sân những hơn một thước tây. Không như cái bếp ở đằng đầu, chỉ cao hơn sân bằng hai hòn gạch đặt lên nhau. Đằng này phải có đến ba cái bậc để cho người ta lên…

Ông chủ cắm đầu, lút cút đi như chạy, huỳnh huych chạy vào nhà trước. Thứ và San, vừa đi vừa cố ý nhìn, khoan thai, đủng đỉnh theo sau. Mô bao giờ cũng rất lễ phép khi có người ngoài, rón rén và kính cẩn đi đằng sau hai cậu. Thành thử chủ đã vào nhà tám đời rồi, khách mới tới những bậc lên. Họ cũng chưa lên vội. Ông chủ lại lút cút chạy ra, nói như quát vào tai.

- Mời hai ông vào!... Mời hai ông cứ vào!... Chó xích rồi!...

- Vâng ạ!...

Thứ và San vào nhà. Gian giữa, trừ mấy cái giường thờ, án thư kê ở bên trong, phía ngoài chẳng có gì. Chủ mời khách lại bộ bàn ghế lim kê ở mạn ngoài một gian bên. Một người đàn bà, chắc bà chủ đang ngồi với ba đứa trẻ trên bộ ghế ở mạn trong, mải mốt ẵm đứa nhỏ nhất, đứng lên. San và Thứ cúi chào:

- Bà ạ.

- Cháu không dám ạ! Lạy hai ông!

Bà vội vàng đáp lại. Cái giọng mềm mỏng. Câu chào quá ư lễ phép đối với những người còn trẻ quá, khiến Thứ nhìn bà ta hơi kỹ, tuy vẫn nhanh chóng và kín đáo. Bà khác hẳn chồng. Chẳng đẹp đẽ gì hơn – kể chồng ấy, vợ ấy cũng xứng đôi! – nhưng lại cao ngồng và mảnh khảnh, chứ không trùng trục, vai u, thịt bắp như ông chồng. Nếu ông chồng là một con gấu thì bà chính là một con cò ruồi. Bà giục hai đứa con lớn – đứa năm, sáu tuổi, đứa lên mười, mười một vẫn ngồi yên, hếch mắt lên nhìn hai ông khách mới vào.

- Đứng lên, con!

Và vẫn cái giọng khoan thai ấy, bà bảo chồng:

- Thắp cái đèn lên! Cái đèn búp măng đâu rồi?

Ông chồng gần chúi hẳn người vào gầm bộ ngựa tìm và hỏi toang toang:

- Ơ hay! Cái đèn búp măng đâu rồi? U em!...

Bà tớn tác:

- U em đâu rồi?... Con! Chạy ra bảo u em thắp đèn!... Mau, con!...

Thấy họ rối rít cả lên, hò ổng om sòm mà vẫn không có được một cái đèn, Mô có vẻ ngượng lây. Nó làm như nó cũng về phe với chủ nhà, phe phải tiếp Thứ và San. Nó nháo nhác, nhìn chỗ nọ, chỗ kia. Thói quen nghề nghiệp, nó nóng nảy muốn trông thấy cái đèn ở một chỗ nào, để cầm vội lấy, đem lại bàn, bật diêm thắp hộ. Ông chủ thì vẫn lục sục dưới những gầm bàn, gầm ghế và thỉnh thoảng gọi u em như quát. Bà chủ đã phải hơi gắt tiếng. Thứ vội bảo:

- Thưa ông, thôi ạ!... Còn sáng chán!

Y nhã nhặn thì đúng hơn. Thật ra thì trong nhà đã nhá nhem rồi. Bên ngoài cái cửa sổ sau, màu xanh của bức giậu găng tây dâng lên đến lưng chừng cửa sổ, đã thẫm lại thành đen. Không gian xám tro. Và tít ngoài xa, đằng sau những đám mây loáng thoáng như những mạng nhện đen, trên một nền trời bằng lặng, mấy vết máu đỏ chết, cứ chết dần, đổi sang màu tím thẫm. Trong nhà tối hẳn, bà chủ bực mình, phải ẵm con đi mãi ra phía cửa, chực đi tìm u em, thì u em đã vào. Một vật lù lù, lặng lẽ như một đụn rạ biết đi. Bà chủ hỏi:

- U em đấy à? Đi đâu mà gọi mãi không lên thế? Đèn đâu?

- Đây ạ! Tôi đi mua dầu.

- Hèn nào!... Thắp lên!

Nhưng u em chậm quá. Mô nhanh nhẹn cất lấy và ông chủ lại cất lấy ở tay Mô…

- Cậu đưa tôi!

Ông bật diêm châm đèn. Thứ và San vẫn đứng. Mô nhận ra điều ấy trước nhất. Nó kéo hai cái ghế…

- Mời hai cậu ngồi chơi.

Bà chủ mời theo. Ông chủ cũng hấp tấp mời theo vợ, như quát vào tai khách. Thật tình thì Thứ và San muốn đứng. Bàn, ghế trông cục mịch và

không được bóng. Chắc là ít khi dùng đến, ít khi lau chùi, và bụi bám khá nhiều. Đó là những điều mà người ta không thể nói toạc ra. Họ đành cảm ơn và ngồi vậy. Họ vẫn không quên lễ độ, họ xin phép trước. Còn Mô vẫn đứng. Ông chủ thì chỉ chiếc ghế còn bỏ không mời nó.

- Cậu Mô ngồi đây chơi.

Cố nhiên là Mô không dám…

- Ông chủ để mặc con…

Bà chủ hiểu tôn ti trật tự hơn. Bà mời Mô ngồi ghé bên chiếc ngựa. Thứ bảo Mô mới ngồi. Ông chủ nhà nhấc cái tích lên, do dự một thoáng, rồi lại đặt cái tích xuống bàn. Có lẽ ông lưỡng lự, không biết nên cứ mời khách uống nước ấy hay lại gọi đun nước khác. Bà chủ nhắc:

- Anh thằng Học rót nước ra, mời hai ông xơi nước.

Ông chồng rót nhưng vừa rót vừa phàn nàn:

- Nước nguội cả rồi…

Chiếc vòi không chịu chảy. Ông đặt tích xuống bàn, mở vung tích ra xem. Ông nhìn quanh như muốn tìm một cái gì. Chẳng thấy gì, ông lại nhấc tích lên ghé miệng vào vòi ầm ầm thổi. Rồi ông lại rót. Phen này thì vòi nước chảy. Nhưng cũng lịn rịn chậm chậm. Ông lại thổi rồi lại rót, rồi lại thổi. Hai ba lần như thế, chiếc chén nước mới đầy. Ông nhấc một chén đặt trước mặt Thứ và một chén đặt trước mặt San:

- Mời hai ông xơi tạm chén nước nguội.

Ông đưa cho Mô một chén:

- Cậu Mô xơi nước.

Không ai uống. Thứ và San kêu không khát. Mô nhìn hai cậu, tủm tỉm cười. Nó có ý tỏ cho hai cậu biết nó cũng nhận thấy lối rót nước ghê tởm của chủ nhà và những chiếc chén hạng rẻ tiền, trông như cáu bẩn. San và

Thứ tảng lờ như không trông thấy nụ cười của nó. Họ nhìn đi, sợ chủ nhà để ý và sinh ngượng. Nhưng ông đã đang thông cái điếu thuốc lào rồi. Ông khẽ nhắc cái bóng đèn lên rồi dóm…

Thứ nói thẳng vào việc ngay:

- Thưa ông, thấy…

Y muốn giữ thể diện cho Mô (ông chủ gọi nó bằng cậu kia mà!...) và gọi bằng anh nhưng thấy ngượng mồm. Y bèn gọi tên không.

- Thưa ông, thấy Mô nói chuyện ông còn thừa một căn nhà không ở đến, muốn cho thuê…

- Vâng, cậu Mô cũng đã nói chuyện với tôi…

Chủ và khách qua lại với nhau độ mười câu như vậy. Cuộc điều đình kết liễu. Chủ nhà định để lại cho người thuê nhà một gian cạnh của nhà ngoài…

- Nguyên chỗ nhà ngoài này những ba gian. Hai ông ở gian đằng kia. Nhà tôi ở gian đằng này với cái buồng ở đằng này. Còn gian giữa, tôi để giường thờ, nhất định phải để không rồi. Như vậy là đã có gian giữa ngăn đôi biệt tích hẳn ra. Tha hồ rộng rãi mà cũng tiện.

Đã đành! Nhưng San và Thứ vẫn thích ở buồng hơn. Họ viện lẽ rằng đêm phải học khuya, thắp đèn khuya, không muốn vì sáng đèn mà nhà chủ không ngủ được…

- Vâng, thế thì hai ông ở buồng cũng được. Để tôi khuân những đồ đạc của tôi ra.

Nhưng bà chủ chợt nói gì nho nhỏ với chồng. Ông ngần ngừ một chút rồi hỏi lại San và Thứ:

- Hay là hai ông ở nhà ngoài?...

Họ đưa mắt nhìn nhau như để hỏi ý kiến nhau, thì ông chủ đã vội cắt nghĩa thế này:

- Chẳng nói giấu gì hai ông… Nhà có nuôi con lợn, con gà, chu ồng lợn ở đằng này, tôi phải ở bu ồng này để trông coi cho tiện.

- Thưa ông, thế bu ồng đằng kia.

- Vâng, hay hai ông ở bu ồng đằng kia?

- Vâng, nếu tiện thì hay lắm.

- Tiện thì tiện lắm. Bu ồng ấy tôi vẫn bỏ không.

- Thế thì còn gì bằng nữa.

Hai vợ ch ồng ông chủ nhìn nhau. Trong cái nhìn của họ, Thứ nhận thấy có một vẻ gì như lưỡng lự không đành.

Thứ sinh ngờ. Ông chủ cười cười, bảo:

- Nhưng giá hai ông ở nhà ngoài vẫn hơn cả. Chả gì bằng nói thật. Ở trong bu ồng thì đến mùa bức, chắc là không được mát.

- Thưa ông, không có cửa sao ạ?

- Có… cũng có hai cửa sổ, nhưng…

Bà chủ như hơi gắt với ch ồng:

- Thì cứ mời ngay hai ông vào bu ồng xem. Nếu được thì hai ông ở… Thưa hai ông, cái gì nhà cháu cũng hay nói thật. Ở trong bu ồng thì không được thoáng như ở nhà ngoài. Nhưng nếu hai ông muốn ở bu ồng cho tĩnh mịch để xem sách thì xin tùy ý. Còn nhà cháu thì thế nào cũng được. Gian nhà ngoài cũng r ồi, bu ồng cũng r ồi. Hai ông ở đâu thì cũng thế thôi. Hai ông ở gian nhà ngoài thì căn bu ồng ấy bỏ không, chứ đâu có ai thuê, nhà cháu cũng không cho thuê nữa. Vậy mời hai ông vào xem cho cẩn thận. R ồi hai ông định thế nào cũng được. Còn như nhà cháu ép hai ông ở nhà ngoài

cũng không dám ép mà bảo hai ông ở trong buồng cũng không dám bảo. Cái ấy thì xin cứ tùy hai ông cả.

Thứ hơi khó chịu. Cái giọng ngọt xớt này thế mà ghê gớm lắm đấy! Y nghĩ vậy. Người đàn bà không được thật thà như người chồng. Y cũng không tốt bụng như chồng. Y không muốn khuyên gì. Đó là một cách giữ kẽ về sau. San và Thứ muốn ở đâu thì ở, nhưng sau này đừng có kêu ca gì hết. Thứ lại càng sinh ngờ vực. San quay sang y, bảo:

- Hay là ta xin phép ông bà vào buồng xem qua xem thế nào?

Ông chủ đã nhanh nhảu đứng lên:

- Vâng, mời hai ông vào xem…

Ông cầm đèn đi trước. Ông đi còn nhanh hơn lúc nãy. Nhưng lần này là cố ý. Ông muốn vào buồng trước một chút để còn sửa soạn. Khi Thứ, San và thằng Mô vào đến buồng, thì ông đã mở tung hai cánh cửa ra rồi. Quả nhiên, cũng hai cái cánh cửa sổ hẳn hoi, một cái ở đằng trước, một cái ở đằng sau. Nhưng chỉ một cái mở được thôi. Cái đằng trước mở thì cũng mở được đấy, nhưng mở ra cũng chẳng ích gì. Nó nhòm thẳng vào bức vách đầu hồi cái nhà lá quay mặt về mặt bếp. Bức vách ấy gần sát cửa sổ trước căn buồng. Trông chướng phè phè. Thành thử mặt sau căn buồng lại có vẻ như là mặt trước… San chỉ cho Thứ mỗi cái lỗ đục mãi tít trên đầu hồi, khẽ bảo:

- Kể thì cũng đủ lối cho không khí ra vào.

Thứ mỉm cười:

- Thừa đủ. Chúng mình có hai người, và xưa nay sẻn không khí mãi, quen rồi.

Mô gõ tay vào bức tường hồi, bàn:

- Giá chỗ này đục một cái cửa sổ nữa thì phải.

- Vâng, kể ra giá đục thêm cái cửa sổ ở chỗ ấy thì đẹp lắm, nhưng tức một cái chỗ này lại liền chuồng ngựa quá.

Ông chủ trả lời như vậy. Rồi ông vội thêm ngay:

- Với lại thế này cũng đủ lắm rồi. Hai cái cửa sổ lại cái cửa ra vào mở ra nhà ngoài. Được cái cửa ra nhà ngoài cũng gần ngay với cái cửa nhà ngoài ra sân…

Tối hôm ấy, lúc Mô lên để mắc màn, nó và Thứ và San lại bàn tán về chuyện thuê nhà, San hỏi:

- Ông ta làm gì thế, hở Mô? Trông cái tướng thế mà giàu!

- Thưa cậu, vợ chồng ông ta chỉ chuyên môn làm đậu.

- Làm đậu phụ bán cho người ta ăn ấy à. Eo ôi! Thế mà người ta cũng dám mua ư?

- Thưa cậu, sao mà không mua ạ?

- Trông cái mắt ông ấy, tao đã đủ ghê chết cha rồi!

Thứ bật cười:

- Ồ, mà không hiểu sao mắt bà ta cũng vậy. Hai vợ chồng cùng toét.

- Thế thì anh trông còn sót đấy. Tôi còn thấy cả u em cũng toét nốt, mới chết người ta chứ! Sao mà họ khéo tìm người thế!

- Khéo rồi chúng mình ở đấy ít lâu cũng sinh toét nốt. Tôi sợ lắm.

Mô có vẻ không bằng lòng họ chế giễu như vậy. Nó cười ngượng nghịu. Và nó bảo:

- Thưa cậu, thế mà nhà cửa nhà ông ta sạch lắm, không mấy nhà được sạch bằng. Con đã xem kỹ lắm rồi. Đừng nói gì đến sân, nhà, ngay cái chuồng lợn nhà ông ta cũng sạch như lau. Mỗi ngày ông ấy đổ nước mấy lần. Cả

đến cái chuồng tiêu. Hai cậu chưa biết cái chuồng tiêu nhà ông ấy đấy. Buồn cười lắm. Mỗi lần xong việc, có một cái vung bằng nắp gỗ để đậy lại, cho khỏi có mùi xông lên…

IX

Mọi người buông bát đũa cả rồi. Một mình San vẫn còn ăn. Y vừa ăn vừa nói nói, cười cười. Đó là ảnh hưởng của cốc rượu vang. Y uống rượu không quen. Bữa ăn hôm nay, bởi Oanh sửa soạn hơi lâu, muộn quá giờ thường đến một giờ. Cốc rượu nốc vào một lúc y đã đói mồm người. Chất men ngấm rất mau. Mặt y đỏ gay lên. Cổ y cũng đỏ rần rần từng vết lớn, như người gãi. Mắt y gà gà, díp lại. Y mở to chúng ra, lừ lừ nhìn vòng quanh tất cả mọi người một lượt rồi kêu lên:

- Ô này! Thôi thế cả à? Ăn đi chứ? Tôi còn ăn kia mà!

- Được, mời ngài cứ thật tình đi cho!

Oanh bảo đùa như vậy và cười. Mặc dầu y đã tít cả hai mắt lại để cười, trông chẳng có vẻ thực tình một tí nào. Y ăn xong trước tiên, đã xỉa răng, uống nước lâu rồi. Nhưng y cũng còn nhởn nha hơn mọi ngày, là chưa vội đứng lên. Y ngồi bó gối, nhìn mọi người ăn. Nghe San nói ba hoa, y chỉ mỉm cười. Nhưng nụ cười gượng gạo vẻ mệt mỏi, rõ rằng y đã sốt ruột lắm rồi, nhưng cố chịu đựng. Thứ ngượng hộ San. Y nói nửa đùa nửa thật:

- Anh định ăn hết cả phần thằng Mô đấy à?

- Thằng Mô có rồi, anh ạ! Tôi trông thấy để phần nó lúc nãy rồi. Tôi say nhưng chưa mê đâu! Anh đừng sinh sự với tôi! Ái chà!...

San lè nhè giục thật to, như một bác xã, bác nhiêu đi uống rượu việc làng. Tuy nhiên San đùa, Thứ cũng ớ mặt ra như bẽ với mọi người. Y cười nhạt, bảo San:

- Thì đấy! Mời anh cứ xơi cho đủ đi! Chỉ sợ nứt bụng thôi!

- Nứt bụng tôi chứ nứt bụng anh à?

- Vâng, không nứt bụng tôi thì anh cứ việc ăn mà!...

- Tôi ăn chứ tôi sợ à? Tôi còn ăn nữa! Tôi ăn cho anh biết tay tôi đây này!

Y gắp một con bún cho vào bát, gắp thêm hai miếng thịt quay, một ít rau, rưới một chút nước mắm lên trên rồi và cả vào mồm. Y cố làm ra vẻ thô tục, ngồm ngoàm: phùng má, trợn mắt nhai, rồi duỗi cổ ra để nuốt đi, nuốt xong, rụt cổ lại, phình bụng ra như bụng cóc. Lũ trẻ cười. Cười xong, một đứa hô:

- Anh xơi nữa ạ!

- Ăn nữa!

San gân cổ đáp, rồi chống đũa xuống lòng cái bát không, ngồi dòm đĩa thịt. Y có vẻ muốn ăn nữa thật. Thứ ngồi bó củi, hai má tì trên đầu gối, mặt cúi gầm như xấu hổ. San cười khì một cái ra đằng mũi, buông đũa xuống:

- Nhưng mà thôi, không ăn nữa. No rồi!

Thứ ngẩng mặt lên:

- Ấy! Mời ngài xơi miếng nữa… Làm khách thế!

Y lại cười tít mắt. San chừng hiểu câu nói mỉa, cười nhạt bảo:

- Thôi, no rồi…

Y quay ra, bảo thằng Mô đang đứng đợi.

- Cất mâm đi, Mô này!

- Cậu xơi nữa ạ!

- Thôi! Xơi mãi thì lại… Anh Thứ bảo… đến nứt bụng ra thật mất…

Mô lúi húi dẹp mâm. Oanh nhìn đĩa thịt quay còn đến vài chục miếng:

- Cất đi để đến chiều ăn Mô nhé! Còn bún thì mày ăn cố hết đi kẻo hoài.

Mô chẳng nói gì, nó đến nửa thang gác rồi. Oanh lại gọi với.

- À, chuối đâu, Mô nhỉ? Đem chuối lên đây nhé!

San tán tụng:

- Lại chuối nữa kia à? Sang nhỉ? Giá hôm nào cũng như hôm nay thì thích nhỉ?

Câu nói, chẳng biết vô tình hay cố ý, nhưng đối với mọi người thì tự nhiên lại có một cái nghĩa hơi xoi mói. Oanh hơi sầm mặt. Nhưng chỉ một thoáng thôi. Rồi y cố tảng lờ như không nhận thấy. Y ôn tồn bảo:

- Cũng chẳng thích đâu. Ăn mãi cũng chán. Cứ ăn rau quanh năm, thỉnh thoảng làm một bữa thịt như thế này mới ngon.

Y vội chữa lại ngay:

- Mà nói thật, cũng chẳng ngon gì kia! Hai chú thế nào không biết, chứ tôi thì chỉ vài miếng là chán ứa. Nói thật, bố mẹ chúng mình sinh chúng mình ra, không phải để mà ăn thịt.

San chống nạng tay, ngửa mặt lên trần nhà, cười mũi, bảo:

- Phải nói rằng: bố mẹ chúng mình sinh mình ra không cho chúng mình ăn thịt, nên chúng mình không biết ăn thịt thì đúng hơn!

Thứ bật cười, San thích chí, cười hô hố. Oanh cũng cười, nhưng vẻ ngượng nghịu đã hiện ra ngoài mặt. Y vẫn làm như chẳng hiểu gì đến cái châm chọc của San. Vẫn đem sự kinh nghiệm của mình và lý thuyết của các nhà bác sĩ ra để bênh vực thuyết ăn chay…

- Người ta nghiệm ra rằng những giống vật, những giống người ăn thịt thường hung ác, còn những giống ăn cỏ, ăn lá thì hiền lành hơn. Cứ lấy một anh cọp với một anh trâu mà xét là đủ biết.

- Bởi vậy cho nên anh cọp mới cấu cổ được anh trâu, còn anh trâu thì chỉ suốt đời è cổ kéo cày cho thằng người. Ai đặt ra cái chữ quốc ngữ cũng đã tài tình lắm, chữ hiền chỉ hơn chữ hèn có một chữ i với một cái dấu mũ đó thôi…

San mà hôm nay cũng thâm thúy thế ư? Thứ mỉm cười. Y kết luận hộ San:

- À thế ra tại anh chỉ ăn rau nên suốt đời è cổ làm cho kẻ khác phải không?

- Phải rồi, cả anh thì cũng thế.

- Vậy chúng mình hiền hay hèn?

- Tùy anh.

Mô đem đĩa chuối lên. Oanh nói lấp:

- Thôi nào! Các ông! Các ông có ăn chuối hay không? Chỉ suốt đời cãi nhau, làm như hai gái lấy một chồng!

Y lần lượt nhìn Thứ rồi San, tiếp:

- Đây là bà cả, đây là bà hai.

Y đỏ mặt lên ngặt nghẽo cười. Cả Thứ và San cũng hơi ngượng nghịu. Thứ tự nhiên nghĩ đến Đích, đến một đêm Đích tâm sự với mình, trước khi đi: "Có lẽ tôi sẽ cưới Oanh, có lẽ không… ý người ta rất có thể đổi thay… Tôi thấy y không đẹp, hơi xấu nữa, hơi già, nhưng tốt bụng… ". Đích đã ngỏ lời với y như vậy…

San ăn những hai quả. Ăn xong, y lăn kềnh ngay ra chiếu, hai tay xoa bụng, kêu no quá. Rồi bỗng y lại cười sằng sặc, gọi Oanh…

- Cô ạ,

- Sao kia?

- Chúng tôi đánh lừa cô đấy! Chúng tôi chưa đi đâu!

Y đập tay xuống chiếu, giãy lên đành đạch để cười. Oanh có vẻ không hiểu tất cả cái ý nghĩa khôi hài trong câu nói ấy. San cắt nghĩa thêm:

- Mất một bữa cỗ để tống tiễn quan ôn, mà quan ôn lại giở mặt, không chịu đi cho, thì có chết người không!

Y cười rú lên, gục mặt vào đùi Thứ.

- Nhỉ? Anh Thứ nhỉ?...

Thứ cau mày, đẩy y ra:

- Anh điên đấy à?

Thứ không đùa. Y cố giữ vẻ mặt lạnh lùng, cố chống lại với cái rất vui không đâu, hoàn toàn về thể chất, do cốc rượu gây nên. Y không muốn để Oanh có thể khinh bỉ, nghĩ thầm: "Được ăn có khác! Hôm nay sao mà vui vẻ thế, sao mà tử tế thế! Chẳng bù với mọi hôm một tí!... ". Có thể nói y thèn thẹn mà ăn qua bữa lệ thường của Oanh đãi y và San trước khi hai người đi ở nhà riêng. Hình như thế là Oanh tử tế với y. Ít ra Oanh cũng có thể bằng vào đấy mà tưởng rằng mình đã tử tế với y. Mà y, y không muốn chịu của Oanh một tí gì có thể gọi là tử tế. Một hôm, Oanh phàn nàn về cái cách học trò và cha mẹ học trò cư xử với thầy, trách chúng bạc bẽo, vô ơn và kết luận rằng: từ nay có lẽ mình cũng chẳng vội gì mà tử tế với ai. Thứ đã mỉm cười chế nhạo Oanh:

- Cô tưởng chúng mình vẫn tử tế với chúng nó đó ư? Nhầm! Ở đời này chẳng thằng nào tử tế với thằng nào! Sao cô lại kể ơn. Thật ra chúng mình dạy học, có phải để làm ơn cho chúng nó đâu? Trước hết chính là để kiếm ăn. Mình dạy chúng nó, chẳng phải là để mở mắt ra cho những kẻ mù đâu. Chính là để thủ của chúng mỗi tháng một vài đồng bạc. Chứng cớ là nếu chúng không trả tiền thì mình không cho chúng học. Thế thì còn muốn chúng nó ơn nỗi gì? Đáng lẽ chúng mình phải ơn chúng nó: chúng nó nuôi chúng mình!...

Thứ phân tách đến những hành động, những tình cảm siêu nhất của loài người và nhận ra cùng với La Rochefoucauld rằng đó chỉ là ích kỷ và vì lợi

mà thôi, ích kỷ trá hình, vì lợi che đậy và tô son điểm phấn…

Loanh quanh thế một lúc, rồi y đã trắng trợn nói bốp vào mặt Oanh:

- Xét cho kỹ thì ai chẳng vì mình. Nói chuyện nhân nghĩa, tử tế chỉ là nói chuyện thừa. Thí dụ tôi dạy học cho cô, có phải vì tử tế đâu? Vì hai mươi đồng mỗi tháng đó thôi. Mà cô thuê tôi dạy học có lẽ cũng chẳng phải vì tử tế với tôi, muốn giúp tôi có việc làm, có lương ăn. Nói cho đúng thì có lẽ vì cô không có bằng thành chung, không thể đứng làm hiệu trưởng trường, không thể dạy lớp nhì lớp nhất.

Oanh đã vênh cái mặt đỏ bừng lên:

- Chưa hẳn đúng. Ừ, thì chú bảo chú vì tiền mà dạy cho tôi, tôi chỉ vì mảnh bằng của chú mà tôi thuê chú, nhưng cả một xứ Đông Dương này chỉ có một cái trường của tôi cho chú dạy thôi ư? Mà cả xứ Đông Dương này chỉ có một chú có bằng thành chung ư? Tại sao chúng tôi không nhờ ai mà lại nhờ chú? Tại sao chú không dạy ở trường khác mà lại dạy ở trường chúng tôi?

Thứ đã cười gằn

- Tại sao? Tại thế này: chưa có trường nào khác thuê tôi.

- Đó là về phần chú. Nhưng chúng tôi, chúng tôi rất có thể tìm được một người khác một cách dễ dàng…

- Đã đành! Nhưng ai thì cũng tiền. Với một số lương như lương của tôi ở trường này, thì chẳng có nhiều người ham làm đâu. Vả lại…

Cũng may mà Thứ chưa kịp nói cả ra. Y định nói rằng sở dĩ Đích đã nhờ y, chẳng phải vì tình nghĩa gì đâu, nhưng chính vì tính toán: Đích không muốn để cho một người không thân thuộc ở cạnh vị hôn thê của mình… Cũng may mà y đã giữ lại được, không nỡ nói cái ý ngấm ngầm ấy của Đích ra. Nhưng chưa nói điều ấy ra, thì cũng đã đủ lắm rồi. Y đã phá tan sự mập mờ giữa hai đằng. Y đã bạo phát nói cho Oanh biết tình nghĩa là tình nghĩa, công việc là công việc, đừng bao giờ nên kéo giằng cái nọ với cái

kia. Y đã nói trắng ra rằng y chẳng phải chịu ơn gì Oanh và Đích, Oanh và Đích chẳng tử tế gì với y…

Nói trắng ra như vậy để làm gì? Để đôi bên chẳng còn có gì phải nể nang nhau, e tiếng với nhau. Nhất là để Thứ không phải nghĩ ngợi đến tình nghĩa an hem, mà có thể đòi tất cả những cái gì là quyền lợi của y, tất cả những cái gì y có thể đòi. Khi người ta đã chỉ còn là chủ với người làm, kẻ buôn sức người với kẻ bán sức làm việc của mình, khi người ta đã là hai hạng người quyền lợi ngược nhau, thì còn có gì phải nể nang nhau nữa. Cứ việc mà tranh đấu! Y cứ việc đòi công, còn Oanh cứ việc mà trục lợi! Oanh cứ việc mà trục lợi cho nhiều, cho nặng túi đi! Nhưng hãy coi chừng, có một ngày kia, Thứ sẽ ung dung bảo với Oanh rằng: "Ông bà lợi về cái trường này đã nhiều rồi, anh San và tôi khó nhọc về cái trường này cũng nhiều rồi, khó nhọc mà chẳng ăn gì, bây giờ một là cái trường phải là của chung của ba người, công việc chia đều và lợi lộc chia đều, hai là ông bà tìm người khác thay tôi và anh San, hai chúng tôi phải mở một trường khác dạy… ". Ấy là nói thế, thật ra thì lúc bấy giờ Oanh chỉ có quyền nhận điều thứ nhất thôi. Thay? Thì hiệu trưởng là y, y rất có thể từ chối, không kí giấy sang tên. Vả lại hai phần học trò, mà lại toàn những học trò các lớp trên, trả nhiều tiền, ở trong tay y, với tay San. Nghĩa là trong cuộc giành giựt lại cái trường, cái khí giới làm việc của mình, y biết chắc rằng thế nào cũng thắng. Y lại biết chắc rằng y thắng như vậy, cũng là hợp lẽ công bằng, và y làm thế cũng chẳng có gì đáng ân hận, bởi thật ra thì bao giờ Oanh cũng chỉ nghĩ đến lợi riêng mà chẳng tử tế gì với y và San cả. Thế mà y vẫn do dự mãi. Y vẫn nể…

Lúc này đây, y lại nghĩ đến cái dự định đã nghiền ngẫm mãi với sự e ngại, sự nể nang rất vô lý của y.

"Như vậy có phải là tử tế đâu? Chẳng phải là mình muốn nhịn đi để người khác ăn. Đó chỉ là nhu nhược… ". Y tự bảo thầm như vậy…

Mô lên hỏi:

- Thưa hai cậu, bây giờ thuê xe bò hay sao ạ?

Và khi San trả lời chẳng có gì đủ chất lên một cái xe bò, chỉ cần gọi một người phu khuân vác nào họ khuân đi cho một cái giường với một cái hòm, nó nhất định bảo rằng cái giường cũng như cái hòm, phải có hai người khiêng chứ không thể một người…

- Thì mày thuê hai người! Nhất ngay là bốn người cũng được kia mà!... Cậu Thứ với tao có nói sao đâu. Miễn là được việc thì thôi…

San bảo vậy, Mô cười, bảo:

- Vâng, đã đành như vậy, nhưng hai người thì có lẽ một đồng họ cũng chưa nghe.

- Thì trả hơn lên!

- Trả hơn thì lại đắt!

- Đắt thì cũng phải chịu, chứ còn biết làm sao? Mày định để chúng tao xoay trần ra, khiêng lấy à?

Lũ trẻ nhao nhao bàn để chúng khiêng cho, nhưng San và Thứ gạt đi. Ai biết, họ cười. Vả lại Thứ có ý… trọng học trò. Y cho rằng không có quyền sai chúng làm một việc gì cho y cả. Y bảo Mô cứ thuê người cho gọn việc…

- Thế hai cậu định cho bao nhiêu, để con bảo người ta!

Mô hỏi…

- Mày liệu đấy. Mặc cả với người ta xem.

- Vâng, nhưng hai cậu định cho bao nhiêu trở lại? Độ đồng rưỡi, có thuê không ạ?

- Bao nhiêu cũng được.

- Thế hai cậu cho đồng rưỡi nhé? Con làm thế nào dọn được đồ đạc đi cho hai cậu, đến nhà mới kê kiếc đâu vào đấy cho hai cậu thì thôi.

Nó cười hì hì, gật gật đầu. Ra vẻ ta đây ranh mãnh lắm. Nó bình bịch chạy xuống cầu thang như lăn từ trên gác xuống. Một thoáng sau, đã thấy tiếng. Nó cũng đi mua mấy xu rượu ta về uống. Nó li lô nói tiếng Tây lô lô – toàn tiếng Tây ba láp – bắt chước ông Tây nhà bò mắng bồi bếp. Rồi nó toang toang gọi tên đứa này, đứa kia, rủ lũ trẻ đi với nó lên Quần Ngựa xem. Nghe tiếng nó oang oang như ngỗng đực, tưởng tượng ra cái điệu bộ lốc ngốc của nó đi giữa lũ trẻ như một anh gà trụi cao lớn đi giữa lũ gà líp nhíp, Thứ cười mủm mỉm. Y bảo với San. San cũng hô hố cười.

Tối mịt mới dọn nhà. Đây là do ý Thứ và San. Họ muốn làm việc ấy lén lút, như một cô gái chửa hoang đi đẻ. Trong khi Mô sửa soạn dưới nhà, họ chỉ ngồi ru rú trên gác, cố nói chuyện thật náo nhiệt với Oanh, để khỏi phải trông thấy dọn. Nhưng tiếng Mô đập chan chát để tháo cái giường ra từng mảnh, vang động quá, khiến họ hơi đỏ mặt. Họ sợ những người chung quanh biết… Mô chẳng thuê ai. Nó đi gọi vợ nó lên. Những cái gì nhẹ, nó nhờ lũ trẻ con. Cái gì nặng thì nó với vợ nó khiêng. Chúng vừa khiêng vừa giỡn nhau. Chồng giả vờ lên mặt kẻ cả, quát tháo om sòm. Vợ cười hì hì. Ra đến đường, Mô cũng còn lúc thì đùn đi, lúc thì kéo lại, giằng co trêu vợ chán rồi lại còn nổi chiêng trống bằng mồm, thét loa, làm kiệu bay… đùa với nhau rinh rích. Càng khổ San và Thứ! Họ muốn bịt chặt hai tai lại để không nghe thấy. Đồ đạc đã khuân đi cả lâu rồi, họ cũng chưa buồn đi. Họ sợ ngượng với chủ nhà. Cứ để Mô xếp đặt đâu vào đấy cả rồi, họ sẽ đến, chui tọt vào buồng, đóng cửa lại, là xong chuyện…

Lũ trẻ về. Một đứa bảo cho San và Thứ biết mọi sự đã xong rồi. Bây giờ họ mới tay không lững thững đi. Làm như họ đi chơi phố vậy. Họ không chạy tọt vào buồng ngay được. Một bà lão thấp bé, đứng đón họ ngay từ cửa, vòng tay lại, kính cẩn chào. Mẹ vợ thằng Mô. Thứ nhận ra cái thứ tiếng yếu ớt, bải hoải, run run đã nghe thấy đêm nào. Bà cụ vào khoảng bảy, tám mươi. Tóc hai phần trắng còn mỗi một phần đen. Mắt lờ lờ. Miệng móm mém. Mặt và hai bàn tay nhăn nhúm. Người thế mà còn đi xe cát được ư? Thứ nghĩ rằng: để một người già nua tuổi tác như thế thổi cơm, nấu nước, bưng mâm, rửa bát cho mình, cũng ái ngại và như không đành lòng. Nhưng dù sao thì những việc ấy cũng còn là những việc nhẹ nhàng. Nếu bà có thể trông vào đấy để kiếm ăn, thì âu cũng là một cách dưỡng già. Còn hơn suốt ngày phải nhoài người ra, đẩy những cái xe bò

nặng cát. Muốn tỏ ý trọng bà, coi bà như một người chủ trọ chứ không phải là một u già, Thứ lễ phép bảo bà:

- Thưa cụ, chắc Mô đã thưa chuyện với cụ rồi, chúng cháu muốn nhờ cụ giúp cho việc cơm nước.

- Vâng.

Bà vòng tay buông thõng, nhìn xuống đất, như một cô gái thẹn thò đứng nói chuyện với đàn ông. Nhưng chợt lại nhút nhát nhìn lên:

- Thưa… cậu dạy gì kia ạ? Thổi một ít cơm nếp để uống nước sáng ấy kia? Thưa cậu, anh Mô không dặn thành thử tôi không đong gạo nếp. Hay để mua xôi, có được không ạ.

Thứ đỏ mặt. San cười ngượng nghịu. Họ ấp úng, chực cải chính cái lầm của bà cụ, nhưng chưa kịp. Ông chủ nhà đã quát vào tai bà hộ.

- Bà nghe không ra. Có phải ông giáo bảo phải thổi cơm nếp đâu. Ông giáo muốn nhờ cụ cơm nước cho hai ông giáo. Thế đấy chứ! Thưa hai ông, có phải thế không ạ?

Thứ cười nhũn nhặn, khẽ cúi đầu, như đáp chuyện một phu nhân:

- Dạ… Thưa… Vâng! Giá tiện ở đây, ông bà giúp cho được thì tiện quá, khỏi phải phiền bà cụ. Nhưng ông bà bận…

Ông chủ nhà vẫn toang toang, như nói cho mọi người ở mãi đâu nghe.

- Vâng, nhà tôi thì bận đi bán hàng. Tôi thì bận làm hàng, các cháu còn nhỏ, ăn uống thì thất thường, bạ lúc nào ăn lúc ấy, chẳng có giờ giấc gì, nên không dám nhận. Vả lại để bà cụ thổi nấu cho hai ông thì cũng tiện. Nhà bà cụ cũng gần đây. Muốn đi về cũng được. Mà nếu bà cụ muốn ở ngay đây cũng được. Nhà tôi còn rộng.

Trong khi nói, bà cụ giơ cánh tay, che cái mồm móm mém ngửa cổ ra cười: bà cười đôi tai nghễng ngãng của của. Rồi bà sửa soạn một câu, ngoẹo đầu

ngoẹo cổ, thưa với hai ông giáo.

- Vâng thôi thì… thưa… trước là thưa hai cậu, sau lại có ông hai đây cũng như là chỗ người nhà… Vì cây dây leo, vì có anh Mô cháu hầu hạ bà giáo với hai cậu ở trên trường, thế rồi anh Mô lại làm bạn với con bé Hà nhà tôi…

Bà nói lôi thôi, dài dòng như họ nhà trai, nhà gái thi tài ăn nói với nhau, hôm dẫn cưới. Thứ làm bộ lắng tai nghe, thỉnh thoảng vâng chiếu lệ. Thật ra thì y chẳng nghe gì. Y đang nghĩ xem nên làm thế nào để vào phắt được trong buồng. Vừa thấy bà ngừng lại, y vội vàng xin lỗi:

- Thôi, xin phép cụ, xin phép ông cho chúng tôi vào trong này xem đã xong chưa…

San cũng bắt chước y:

- Xin phép cụ, xin phép ông…

Nhưng bà cụ Hà lại tưởng sự lễ phép bắt bà phải theo họ vào buồng. Bà vẫn vòng tay, rón rén đi theo. Ông chủ thấy vậy, cũng theo vào. Ông cho là còn nhiều khoảng trống quá, và bàn nên kê thêm thức nọ, thức kia. San và Thứ chỉ cười và vâng, dạ để đưa đà. Họ thưa thích thoáng và rộng rãi. Suốt ngày, họ dạy học ở trên trường. Khách khứa cũng tiếp ở trên trường. Dầu chỉ một bộ bàn ghế nữa cũng là thừa… Nghe họ nói, ông chủ cũng gật đầu vâng, và đổi giọng, tán thành ý kiến của họ ngay. Có lẽ trong bụng ông thì nghĩ khác. Nhưng mặc họ. Ông mất gì!

Tận lúc thấy Mô xách kìm búa ra về, ông và bà cụ Hà mới chịu ra cho. Thứ vội vàng đóng cửa ngay. Y và San cởi quần áo ngoài, tháo giầy, ngả lưng xuống giường dang chân tay, ngáp dài và thở ra khoan khoái. Bỗng San xoay nghiêng người, vòng tay ôm ngực Thứ. Thứ chực hất ra, nhưng San cưỡng lại:

- Im! Tôi bảo… Nằm trong cái buồng kín đáo này, anh có cảm tưởng gì không?

Thứ tặc lưỡi:

- Cũng hơi dễ chịu.

- Đã đành. Nhưng tôi thì hơi tức: tức một cái là hai thằng đực cả. Giá một thằng là trai, một thằng là gái thì có phải là tuyệt không. Cái phòng này vừa cho một cặp.

San áp má sát tai Thứ, xô người lại, khe khẽ rên những tiếng rên "hu… hu… u… u… ". Thứ không thích thế, nhưng cũng không cự lại. Y còn đang nghĩ lan man. Câu nói của San khiến y nhớ tới Liên. Giá y có thể cho vợ con đi… Có lẽ ở vào giữa làng, trong một cái nhà như nhà này Liên sẽ thích hơn. Liên quê mùa, ăn mặc nâu sồng. Những người trong nhà này gần gũi với Liên, Liên sẽ không bỡ ngỡ, không phải xấu hổ, không phải tủi thân… Hai vợ chồng… Một đứa con… Một đứa ở… Rất có thể móc một cái võng bắt chéo từ góc phòng đến góc ngoài… Y sẽ thuê thêm cái nhà lá ở trước cửa phòng đây… Tính Liên ưa rộng rãi… Chỗ này sẽ là chỗ nhà riêng đi về để vui thú với vợ con. Y sẽ có một chỗ ở nữa – bàn giấy… phòng tiếp khách… chỗ làm việc… và một cái đi văng để lâm sự có thể đổi thành phòng ngủ tạm – ở ngay trên gác nhà trường, cái gác hiên, Oanh dùng. Y sẽ để San ở đấy. Tùy theo khi việc nhiều hay ít, khi muốn đọc sách hay là chơi với con, với vợ… Y sẽ ngủ lại đấy với San hay về nhà riêng…

Thấy Thứ nằm ngây ra, mặc kệ cho mình vuốt ve nũng nịu, San bạo dạn hơn, Thứ sực tỉnh, đẩy mạnh y ra…

- Anh làm trò gì thế?

San nũng nịu:

- Lắng im, nào!... Im, em bảo…

- Thôi đi!

Thứ hất mạnh tay San lại đang ôm lấy người y. San cười:

- Anh có biết tôi "hu… hu…" thế là bắt chước ai không?

- Anh vẫn làm với vợ thế à?

- Không phải. Đây là tôi bắt chước Đích. Hồi chưa có anh ở trường kia. Tôi cũng mới lên. Thì ra trước Đích thấy mình mới ở quê lên tướng ấy bắt nạt mình tợn. Lương tháng có tám đồng. Ngoài giờ dạy học ở trường, tôi lại còn phải vẽ địa đồ cho tướng ấy học thi. Anh tính trời bức như trời bức tháng năm, tôi ăn cơm trưa xong, nghỉ không được nghỉ, phải xoay trần ra, nằm bò trên sàn gác, vẽ địa đồ cho Đích học thi (nếu vẽ cho nhà trường thì còn đỡ ức mình…) mình đau cả lưng, mỏi cả mắt, toát cả mồ hôi, họ đã chẳng thương thì chớ, còn cứ trêu mình: Đích nằm trên đi văng với Oanh, mồm thì rên: "hu… hu… hu… u… u…". Mình, vợ con hẳn hoi, bỏ ở nhà để lên đây. Xa vợ luôn mấy tháng rồi. Họ làm thế thì có chết mình không. Những lúc ấy nghĩ đến vợ, đến con đứt đi từng khúc ruột…

Giọng y nửa đứng đắn, nửa đùa. Nói xong, y cười ằng ặc. Tiếng cười thái quá ấy, nghe còn đau đớn hơn tiếng khóc. Tiếng cười im, mặt y giãn ran gay, trở nên bu ồn rười rượi. Y giấu nó vào cánh tay Thứ, một tay y lại ôm lấy vai bên kia của Thứ. Lần này, Thứ để mặc y. Đôi bạn im lặng, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng. Thứ tưởng như nước mắt San thấm sang tay áo mình.

X

Bà cụ Hà làm cơm sang quá. Những ba món ăn toàn cá thịt hẳn hoi. Ấy là chưa kể đĩa rau, món ăn chính của… San và Thứ xưa nay. Cơm dẻo trắng như bông . Cái mâm thau đánh sáng choang, bát đĩa chùi sạch sẽ. Chưa bao giờ Thứ được hưởng bữa cơm thường tươm tất như thế. Y hơi áy náy, hỏi San.

- Chúng mình đưa mỗi tháng có bảy đồng mà bà cụ làm hoang thế này mà không lỗ vốn ư?

- Lỗ thì không lỗ, nhưng cũng chẳng còn được lợi gì.

Thứ tính ra rằng họ đưa như vậy, thì mỗi ngày cả hai người mới được bốn hào, chưa đến năm hào, độ bốn hào với sáu xu gì đó. Nghĩa là có hai hào ba một bữa cơm, vừa gạo, vừa các thức ăn, lại còn phải kể cả củi, nước và

mắm muối. Như vậy thì tính nguyên cơm với thức ăn, mỗi bữa chỉ vào khoảng hai hay chưa đến hai hào. Bữa nào cũng cá thịt như thế này thì làm thế nào cho đủ được. San lẩm nhẩm tính từng đĩa đồ ăn và bảo: đủ…

- Có lẽ may ra thì cũng đủ. Nhưng chỉ đủ thôi thì không được. Bà cụ thổi nấu không công cho chúng mình ư?

- Tôi nói đủ nghĩa là đủ cả cho bà cụ. Gạo thì mỗi người ăn chẳng là bao. Ngay cả vợ thằng Mô ăn vào đấy nữa, cũng chẳng phải thêm mấy. Còn thức ăn thì cố nhiên là chúng mình không ăn hết đấy thôi. Thế nào chúng mình cũng phải để thừa chút ít. Chỗ thừa ấy bà cụ ăn…

San lại tính cho Thứ biết rằng ở nhà quê bảy đồng bạc có thể đủ cho cả gia đình. Hai vợ chồng, một con, một đứa ở ăn. Ở nhà quê mỗi người chỉ ăn chừng một xu hoặc xu rưỡi, hai xu… Thứ ngạc nhiên. Sự sinh hoạt rẻ đến thế mà sao dân quê mình vẫn đói? Ở làng Thứ, bao giờ cũng như bao giờ, hiếm hoi lắm mới có một bữa no, bữa đói hay một bữa thôi. Trong mười nhà thì có đến chín nhà phải chia cơm. Mà nào có được hoàn toàn là cơm! Họ phải ăn độn ngô, khoai. Những năm lụt, bão hay đại hạn, mất mùa thì cháo rau má, cháo cám, rau luộc trừ cơm. Thứ đã từng thấy có người ăn lá sắn tầu luộc làm rau, lá bà mụ nấu canh, sung luộc… Có người ăn cháo, nấu chỉ có một tí gạo còn thì toàn nõn khoai ngứa, có khi cả những cái lá non, bỏ vào cho đặc và nhiều. Có người ăn củ chuối… Một ông lão hàng xóm đã kể cho Thứ nghe một câu chuyện ngụ ngôn. Một năm lụt, một buổi tối ông gọt sạch sẽ một cái củ chuối, ngâm bên dưới cầu ao cho nó hết nhựa đi, để sáng mai ăn. Ông cứ tưởng mình như thế đã là cùng cực lắm rồi, và khi ngủ rất yên tâm, chẳng thắc mắc một tí nào về kẻ trộm. Ấy thế mà lại có một anh hàng xóm khổ hơn, lúc chập tối trông thấy ông ngâm cái củ chuối ở cầu ao, đêm đói quá, sinh thèm không ngủ được phải vùng dậy, im hơi lặng tiếng lội qua ao, lấy trộm cái củ chuối, rồi lại lóp ngóp lội về nhà mình ăn… Thứ nghĩ đến tất cả những điều ấy và lại càng thấy rằng bữa ăn của mình quá phong lưu. Có thể gọi là xa xỉ rồi đấy. Y nghĩ đến bà, đến mẹ, đến vợ, đến em… Y nghĩ đến một lão ăn mày có những chiếc răng thưa đến nỗi chẳng còn chiếc nào dính chiếc nào, cũng dãi, cũng dớt, cũng bẩn thỉu như cái thân hình còm rom và dài thườn thượt của lão ta. Hình như lão có họ hàng xa xôi gì với nhà y, nên mỗi lần đến bà y bảo đem cho

những một xu (những người kia chỉ được một trinh hay một kẽm thôi). Lần nào Thứ cũng tranh lấy cái việc đem cho. Chẳng lần nào y chịu chon gay. Y nắm chắc đồng xu trong tay, bắt lão đọc cho nghe bài vè con chuột, chẳng biết lão đặt ra hay học ở đâu, mà cả vùng y chỉ có mình lão biết. Hồi ấy y mới chỉ là một thằng cỏn con, độ lên bốn, lên năm. Y nghe nhiều, đến thuộc cả đi. Nhưng bây giờ thì cố nhớ lại, y cũng chỉ còn nhớ được bốn, năm câu vào quãng giữa thôi…

… Tý hợi khai thiên

Đặt tên là chuột,

Cái đuôi vuôn vuốt

Cái mõm thì dài

Trời làm đại hạn.

Lão chỉ đọc, chứ chẳng hát hoặc ngâm nga, nên khi y đã thuộc hết rồi, thì nghe đi, nghe lại cũng chẳng thú vị gì. Nhưng y cũng cố cứ bắt lão đọc cho bằng được mới nghe. Hình như y muốn làm tội, làm tình lão ta chơi. Lão để giục ba, bốn lần rồi mới chịu đọc vè, biết không đọc cũng không xong. Nhưng lão đọc bằng một cái giọng miễn cưỡng, bực mình, hấp tấp vội vàng, tiếng nọ vấp vào tiếng kia, và thường thường ăn bớt câu, như sốt ruột, muốn chóng xong, hoặc chưa hết bài đã dừng lại, ì ra, không đọc nữa. Thế rồi mặt khó đăm đăm, nhăn nhó, lão nuốt nước dãi, rít đến "sịt" một cái qua những kẽ răng thưa, hơi há mồm ra, khoe những chiếc răng khểnh, như suốt đời chưa bao giờ ăn cả… Y nghĩ đến một câu của Gandhi mà y chỉ còn nhớ mang máng nghĩa đại khái của câu: "Mỗi miếng ăn, ăn vào những lúc chẳng cần ăn, là một miếng giật lấy của những người khổ đói".

Mâm có những hai bát cá riêu. San và Thứ bàn nhau hai người ăn chung một bát thôi, còn để bát kia nguyên vẹn, để bà cụ Hà không phải ăn thừa. Đó là một cách kính già. Tự nhiên Thứ lại nghĩ đến bà y. Bà cụ Hà chắc phải coi y, một ông giáo, như là một người biệt hẳn bà, trên hẳn bà, thuộc vào cái hạng như bà chỉ đáng làm u già, đầy tớ. Hẳn bà không ngờ rằng ông giáo lại có những người đàn bà cũng rách rưới như bà, lam lũ như bà,

mà lại còn khổ hơn bà một nước, là phải đói. Thứ không ao ước gì hơn là có thể nuôi bà y mỗi ngày hai bữa cơm như hai bữa cơm của bà Hà bây giờ. Một ý nghĩ nảy ra trong khối óc y. Mời bà theo mình để bà thổi nấu cho mình với San ăn. Như vậy thì có phải bà đỡ vất vả mà lại được no không? Mà y vẫn phải chi tiêu bằng ấy. Việc ấy giá thực hành được thì cũng hay hay, nhưng y sợ mang tiếng với San. Đã muốn phụng dưỡng bà thì phụng dưỡng ra hồn, chứ nuôi bà để bà làm đầy tớ cho mình thì thiên hạ cười vào mặt. Vả lại, bà cụ cũng chẳng chịu đi nào. Vợ con Thứ còn phải ở nhà thì đằng nào bà cụ chịu đi để y nuôi. Thỉnh thoảng, Thứ biếu cụ dăm ba đồng để ăn quà, cụ vẫn giữ tiếng không chịu nhận.

Hai vợ chồng cháu đi ăn riêng, đã chẳng cho cháu được tí gì!... Bà cụ cứ nghĩ thế và tự làm khổ cái thân mình một cách vô lý quá. Bà Thứ đã khổ suốt cả một đời. Thủa bé, bố chết mẹ đi lấy chồng, bà đã phải đi làm con nuôi nhà người, cùng với người em. Người ta nuôi, có phải vì hiếm hoi gì đâu, chỉ là cần lấy việc đó thôi. Nghĩa là đi ở không công. Cái khổ còn biết nói thế nào cho xiết. Lớn lên lấy chồng nghèo, chồng lại cờ bạc, rượu chè. Cứ vợ làm ra được tí nào, chồng lại phá đi. Vợ chồng đánh, chửi nhau. Rồi nhân một chuyến thua bạc, ông chồng cầm cố sạch nhà cửa, ruộng vườn, bỏ làng đi biệt tích, chẳng bao giờ còn về nữa. Năm ấy bà mới có hăm ba tuổi với được một người con. Bà ở vậy nuôi con, gây dựng cho con, rồi nuôi cháu, gây dựng cho các cháu. Suốt một đời, bà chỉ những làm, những lo hết việc nọ đến việc kia, chưa một phút nào được rảnh rang. Bây giờ tuổi già đã đến rồi. Đã lẽ bà đã đến lúc được nhàn thì nhà lại túng, và các cháu, đứa bé còn bé quá, chưa làm gì được. Những đứa làm được thì lại có vợ, có con; chúng nuôi vợ con chúng chưa xong, còn nói gì đến chuyện nuôi bà nữa! Ấy thế là bà lại vẫn phải lo. Hết lo ăn, lo mặc, lo tiền thuốc thang lúc ốm đau, lại còn lo làm sao dành dụm được một món tiền vài ba trăm, để lúc chết làm ma, khỏi phải để khổ đến con, đến cháu. Sao lại có một người từ lúc bé cho đến lúc già lại chỉ những lo là lo như vậy? Thứ thương bà lắm. Thật lòng y muốn sống rút đi mười năm để có thể làm cho bà sung sướng lấy vài ba năm trước khi rời cõi đời khổ ải này. Y rất sợ bà chết đi mà chưa được hưởng một chút gì, chưa trông thấy một tí gì của chính y. Y rất có thể không nuôi vợ con, để nuôi bà. Nhưng bà lại không bao giờ để cho y làm thế. Bà giữ tiếng… Có lẽ chỉ khi nào Thứ đem được vợ con đi, thì bà mới chịu đi. Nhưng nghĩ đến lúc ấy, Thứ vẫn thấy

ngại ngùng. Già trẻ là hai thái cực không nên để gần nhau. Thứ kinh nghiệm đã biết rồi. Bà già chưa bao giờ được ăn ngon, không thể quan niệm rằng người ta có thể ăn ngon, chưa bao giờ được nghỉ ngơi, không thể tin rằng người ta có quyền được nghỉ ngơi, chưa bao giờ được vui vẻ, yêu đương, không bằng lòng cho kẻ khác yêu đương và vui vẻ. Trước mắt bà, Thứ vẫn luôn luôn đóng bộ mặt ghét Liên. Y vẫn phải giả vờ chép miệng, lắc đầu nghe bà phàn nàn với y về những tật hoang phí vô lối, lời biếng của Liên, tuy y biết Liên vẫn lo hóp người đi, ăn chẳng đủ no, và chỉ săn sóc đứa con nay sài mai đẹn của y của đứt hết thở rồi, huống chi lại còn phải làm để kiếm tiền thêm nữa. Ấy là bây giờ Liên còn phải làm mà ăn còn thế (y chỉ giúp đỡ Liên ít và ngấm ngầm thôi) huống chi là lúc Liên hoàn toàn trông cậy vào chồng. Y đã đoán trước ra những sự ghen tức, những lời kêu ca, day dứt, những nỗi bủn xỉn, cay nghiệt của bà. Rồi bà chỉ những hậm hực suốt ngày, những tiếc tiền, những nặng mặt sa mày, giận dỗi mát hờn mà cháu cũng bực bội, buồn rầu, ngao ngán. Gia đình mất hẳn vui. Bà khổ, Liên khổ, mà ngay chính cả y cũng khổ. Con người ta, vào cái hạng phải nai lưng ra làm mới có được miếng ăn, thì chỉ lo sao kiếm nổi mỗi ngày vài bữa cơm no đã chật vật lắm rồi. Nhưng thật ra thì ăn no đã đủ đâu. Nếu sống mà không thấy sống là vui, thì thật không đáng sống. Chao ôi! Cuộc sống như cuộc sống của chúng ta đang sống bây giờ đã thật có gì đáng cho ta thấy vui chưa? Người ta ghét nhau hoặc yêu nhau, nhưng bao giờ cũng làm khổ nhau cả. Tại sao như vậy?...

Vợ Mô đi làm về, tạt qua sân, đi thẳng vào bếp của ngôi nhà lá. Ngôi nhà lá hiện không có người thuê. Bà cụ Hà được dùng tạm, không phải tiền nong gì cả. Bà Hà vẫn ăn cơm trong đó. San đưa mắt ra hiệu, bảo Thứ nhìn. Y lấm lét nhí nhảnh, trông ghét lắm. Thứ lừ lừ, tỏ ý không bằng lòng và ra hiệu cho San biết ông chủ nhà đang ngồi xay bột đậu ở ngoài sân có thể trông thấy được. Y cũng nhìn ra, nhưng vẫn giữ nét mặt nghiêm và làm như không chú ý.

Hà không đẹp. Dáng người cứng, đuỗn. Mặt dẹt quá. Cái mũi hơi đỏ. Da sần sần, nhờn, trông như bẩn. Cổ chân, cổ tay thì thô lắm. Nó bước mải, cái đầu hơi nghẹo đi, như thẹn. Còn cách hè độ mười bước, nó ù té chạy tọt vào. Thứ nghe tiếng nó cười ri rí, như vừa cười vừa bịt mồm, và tiếng bà

cụ làu nhàu chửi. San lại đung đưa đôi mắt, cười. San thèm những cử chỉ uốn éo, nũng nịu. Y vẫn thường kêu với Thứ:

- Lấy vợ nhà quê tức tức lạ! Chẳng biết làm nũng gì cả. Giá tôi là con cái, tôi làm nũng thì phải biết!...

Cửa buồng đóng chặt rồi, đôi bạn nằm khểnh trên giường, vừa xỉa răng, vừa bàn tán nhỏ với nhau về vợ thằng Mô:

- Xấu quá! Không bằng nửa con Lân. Sao thằng Mô không lấy con Lân nhỉ?

San bảo thế… Lân là nhân tình cũ của Mô. Đã có hồi cứ sáng sáng, hai nhà giáo ra đứng ở sân gác, đợi nhìn một con bé đi chợ sớm. Con bé khá xinh, đôi mắt đen lay láy, có lẽ còn đen hơn vành khăn nhung nó đội rất khéo trên đầu. Ngực chắc nịch, thân thể nở nang và khêu gợi, tròn, béo lẳn, lồ lộ trong chiếc áo dài bằng phin trắng may thật khít với chiếc quần lĩnh đen, óng ả, buông chùng kín gót chân và đi guốc quai da láng. Nó đi yểu điệu, khoan thai, hơi lấy dáng, hai tay vung vẩy một cách dịu dàng, mềm mại. Ai dám bảo nó là một con sen? Hai nhà giáo vẫn nhìn nó bằng đôi mắt rất thèm thuồng. Nhất là San: y vẫn vuốt ve từng nếp thân thể nó bằng con mắt. Nhưng bỗng một hôm, San nghe lỏm được một câu hai thằng em Đích bảo nhau:

- Nhân tình thằng Mô đấy!

Y sửng sốt. Y khoe với Thứ. Thứ hỏi Mô thì Mô tủm tỉm cười. Nó chối. Nhưng lại cho Thứ biết con bé là con nuôi nhà bà đỡ. Nó lại thêm:

- Gọi là con nuôi, nhưng chính là con sen nhà bà ta. Bà ta giả nó mỗi tháng có năm hào.

- Thế nó lấy tiền đâu mà diện thế?

- À, thưa cậu, cái giống nó đỏng đảnh thì nó ăn vận thế, chứ thật ra ở nhà nó cũng khổ hơn con chó. Không những hầu hạ vợ chồng nhà bà đỡ, lại còn hầu hạ cả những người đến đẻ dơ dáy, bẩn thỉu. Có khi phải giặt dịa cả

cho người ta. Đến lúc về, người ta cho nó dăm hào. Nhờ có những số tiền ấy, nó mới may mặc được quần, được áo…

Một buổi sáng Chủ Nhật, Lân vừa đến ngang chỗ cửa trường, Mô đứng trong nhà dặng to một tiếng. Lân quay vào, toét môi cười. Thứ nhận ra rằng nó cười không đẹp: những chiếc răng to quá, ánh lên môi, làm thâm cả đôi môi dày quá. Trông thật là khả ố. Từ hôm ấy, y cứ dần dần tìm ra những vẻ thô của người Lân, những vết tích không thể xóa của đời con sen, con ở. Bàn tay Lân chắc phải nhơ nhớp lắm. Y tởm tởm. Y không còn nhìn Lân bằng những con mắt ham muốn nữa. San không thế, đã đành y cũng không dám nhìn Lân một cách quá đường hoàng như trước nữa nhưng y vẫn bảo với Mô:

- Mày cứ lấy nó đi! Mô ạ! Vợ đẹp thế không lấy, còn lấy ai? Mà nó lại sang. Mày lấy nó, lúc về làng ta, vợ mày cứ hơn những bà lý, bà phó đấy. Cứ hơn cả vợ chúng tao. Mày xem: mợ mày có quần lĩnh thì nó cũng có quần lĩnh, mợ mày có khăn nhung nó cũng có khăn nhung, nó lại còn hơn mợ mày cái áo trắng dài và đôi guốc quai láng nữa, mợ mày dám diện cũng chỉ dám diện đến áo the thâm, chứ làm gì dám mặc áo trắng dài. Mà guốc thì chỉ tối rửa chân thôi, chứ đã ra đến đường là đi đất!

Mô cười khinh bỉ bảo:

- Cậu cứ dạy làm vậy, chứ hạng con làm gì đã dám lấy vợ mặc quần lĩnh áo trắng dài?

- Mày không lấy nó thì chim nó làm gì?

- Thưa cậu, con có chim nó đâu! Nó chim con đấy chứ…

Thấy San và Thứ bật cười, nó đỏ mặt lên. Mà thực thế, chính con Lân chim nó trước. Nó là con gái nó chẳng sợ thì Mô việc gì mà sợ… ? Nhưng Mô cũng thú thật rằng đã có lúc nó toan lấy Lân làm vợ thật. Chúng đã bàn định với nhau. Chúng sẽ về quê Mô, làm ruộng làm vườn. Liên biết nghề đỡ đẻ, không có bằng cấp thật, nhưng ở nhà quê thì ai cần gì sự đó… Mô thấy cũng có lý. Chúng đã suýt thu xếp lấy nhau. Ấy thế rồi suy đi tính lại thật kĩ càng, Mô lại không lấy nữa. Chỉ vì cái đẹp không mài ra mà ăn

được. Đỡ đẻ cho mỗi người, người ta cũng biếu dăm, ba đồng bạc thật nhưng cả năm được mấy người? Nhất là ở nhà quê, chẳng mấy người chuộng những bà đỡ theo Tây. Trẻ như Lân thì lại càng chẳng có ma nào mời đến. Thế mà ngoài cái nghề đỡ đẻ học mót được, thì Lân còn biết làm gì? Vườn không quen, ruộng không quen, hàng xay hàng xáo không quen. Ngay đến dệt vải cũng không biết dệt. Ăn không nhi di! Mà lại thích ăn trắng mặc trơn. Mà lại còn biết cả tỉa lông mày, đánh phấn bôi môi, vuốt tóc bằng những chất làm cho mượt bóng. Đã chắc gì khi lấy Mô rồi nó chịu chừa những cái dởm ấy đi và biết chịu thương chịu khó, chịu đầu gio mặt muội, chân lấm tay bùn, để sống với nhau? Đã chắc gì! Chưa lấy Mô, nó có là bà vương, bà tướng gì đâu? Cũng cơm thầy cơm cô, cũng chỉ là một con sen. Thế mà động ra khỏi cửa là quần chùng áo dài ruôn ruốt. Nước ban ngày không dám gánh sợ người ta trông thấy, chỉ chờ đến đêm khuya mới ra máy gánh một mình. Có khi ngại gánh, bỏ tiền túi ra thuê. Thế rồi lại còn động cỡn đánh đôi đánh lứa với con sen nhà bà Phán, hai đứa rủ nhau đi chụp ảnh, cả hai đứa cùng mặc tân thời, giày gót cao, cổ lại đeo kiềng vàng tử tế. Chắc là đồ lề của hiệu ảnh cho thuê chớ sắm thì những mã ấy, lấy tiền đâu. Mà mượn thì ai rỗi hơi cho những quân ấy mượn?...

Đó là theo cái giọng của Mô. Nghe nó nói thì ra sự nó ghét con Lân lắm. Nó mỉa mai và hằn học. Nhưng San bảo Thứ:

- Thật ra thì cu cậu cũng thèm rỏ dãi. Anh tính: miếng ngon thì thằng nào chẳng thích ăn. Có thằng nào thích của không ngon? Mà lấy vợ thì anh con trai nào chẳng vậy. Ngu đến đâu mà không biết thích con gái đẹp. Tôi thì tôi đoán chắc thằng Mô cũng thích lấy con Lân lắm. Nhưng nó không dám lấy. Ở nhà quê có vườn đất nhà cửa gì đâu. Mẹ nó chỉ có đâu một sào vườn với một cái túp con con. Nó sợ xấu hổ với con kia, về trông thấy cơ cảnh ấy, chắc cũng sinh chán mà chẳng sớm thì muộn cũng tìm đường, tìm nẻo tếch… Chắc là cậu cả Mô suy tính thế, chứ con Lân đẹp thế thì sao mà không muốn lấy?

San mỉm cười, bảo thêm:

- Đừng nói gì đến thằng Mô, ngay đến hạng chúng mình mà không phải lấy ư? Tôi hỏi thật anh: anh chẳng hạn, nếu nó lấy anh thì anh có lấy nó không?

Thứ nghĩ đến những bàn tay nhơ nhớp của Lân và tỏ ý ghê tởm với San:

- Vẽ chuyện!... San nhạo Thứ. – Thế những cô đỡ, những cô khám hộ quần áo trắng bôm bốp thì sao? Anh chẳng cảm ngấm ngầm cô Trinh mãi đó ư?

Thứ cười nhượng bộ:

- Thế có lý. Chúng ta vẫn tự phụ không định kiến nhưng thật ra vẫn còn nhiều định kiến. Chúng ta còn để ý quá nhiều đến những cái tên…

Và y hỏi lại San:

- Thế còn anh? Nếu nó lấy anh thì anh có lấy không? San ngập ngừng một chút rồi cười:

- Ngay ở đây thì có lẽ không. Nhưng đến một chỗ khác, chẳng ai biết tôi, biết nó là ai thì tôi lấy.

- Nghĩa là anh sợ mang tiếng chứ gì? Đó, anh đã thấy chưa? Nghĩ người ta cũng buồn cười! Vợ ngoại tình mà người ngoài chưa biết thì tất nhiên là cũng đau đớn đấy, nhưng chưa đến nỗi đâm chết nhau hay li dị nhau đâu, thế mà việc để bể ra rồi thì nhiều khi phải khóc mà bỏ nhau, cũng bỏ…

San hơi đỏ mặt, cười xòa, nói lấp:

- Tóm lại thì anh hay tôi cũng không muốn lấy con Lân. Vả lại muốn cũng chẳng được nào: nó cảm thằng Mô chứ có cảm chúng mình đâu. Với lại chúng mình có vợ rồi. Hãy xếp chuyện con Lân lại. Tôi phải học một lát, kẻo hết trưa, còn gì…

XI

Bà chủ nhà tuy người chẳng đẹp đẽ gì, nhưng được cái ăn mặc trông sạch sẽ, gọn gàng, mà nói năng thì mềm mỏng lắm. Có lẽ vì công việc bà là phải

đi ở ngoài đường, phải bán mua. Ông chồng, trái lại, suốt ngày chỉ ở nhà. Ông chỉ ra khỏi cổng để đổ rác bẩn ra cái lối đi hay để tiểu tiện vào những cái vũng ngầu ngầu ở chân tường. Cả tháng ông cũng chẳng đi đâu. Cũng chẳng mấy khi có khách khứa đến nhà ông. Thành thử giá không có mùa rét thì quần áo, đối với ông là những vật thừa. Tuy trời chưa nực, có những hôm còn lành lạnh, mà ông chỉ cởi trần trùng trục. Bà cụ Hà gọi ông là ông Học. Học là tên thằng con trai lớn nhất của ông. Nó đã toét mắt như cả nhà, lại còn thêm bệnh thối tai. Trông nó hơi có vẻ ngẩn ngơ. Thằng thứ hai, kém nó vài tuổi, nhanh nhẹn hơn nhưng cũng cục hơn anh. Những lúc tức lên, nó thường nắm lấy áo thằng anh mà đấm bình bịch vào giữa ngực. Cả hai đứa cùng bẩn thỉu. Thật là một sự trái ngược buồn cười. Ông Học chẳng ngày nào không cọ rửa sân nhà, chuồng lợn, chuồng tiêu và giội nước cho đàn lợn của ông, nhưng chẳng bao giờ nghĩ đến sự cọ rửa và giội nước cho hai đứa con lớn của ông. Chính cái thân ông, ông cũng chẳng săn sóc gì nhiều. Thành thử chỉ có nhà, cửa, sân, bếp là sạch sẽ. Nhưng sự sạch sẽ cũng chỉ ở bên trong những tường, giậu mà thôi. Có lẽ ông nghĩ rằng bên ngoài không còn phải là đất nhà ông. Không những ông không quét dọn đến bao giờ, bao nhiêu cái bẩn thỉu ở bên trong, ông đều tống ra đấy cả…

Vào khoảng quá nửa đêm, khi ở trong buồng, San xếp sách vở, tắt đèn, đi ngủ, thì ở nhà ngoài, ông Học sực nhớ ra một việc cần. Dậy một cái, tỉnh táo ngay, in như một cái máy, gài theo ý định trước khi đặt xuống giường. Ông sờ cái bao diêm để ở cạnh bàn. Ông cầm diêm, châm vào cây đèn búp măng để ở giữa bàn. Ông cầm đèn xuống bếp. Người ta nghe tiếng bước chân ông bình bịch chạy đi chạy lại vài ba lượt, tiếng nồi, xanh loảng xoảng, tiếng nước giội xuống sân gạch kêu toang toảng… Ông hì hục ngồi làm đậu, luộc đậu một mình cho đến bốn giờ, bà vợ gọi u em dậy ẵm đứa con bé nhất cho bà. Bà xuống bếp giúp chồng làm nốt, rồi sửa gánh hàng để ra đi. Bà đi từ sáng tinh sương. Vợ đi rồi, ông Học cho lợn ăn, xếp dọn nồi xanh, rồi bắt đầu quét, giội nước và kỳ cọ sân, chuồng tiêu, chuồng lợn… Thường thường lúc San và Thứ đi dạy học, thì ông ngồi xay bột, người trần như một con ếch, chỉ có một cái quần đùi ròng rọc, che một tí thân, hai đầu gối khuỳnh ra, hai chân ôm lấy cái cối xay bằng đá, tay quay cối. Cả buổi sáng ông ngồi như vậy. Mười giờ, ông thổi nấu ăn, lấy mâm bát sẵn sàng. Bà vợ về, họ ăn cơm. Ăn xong, ông ngủ trưa một giấc khá

dài, để bù lại cái thì giờ thức đêm. Bà vợ ngủ ít thôi. Vào khoảng một giờ, bà đã lại ra đi, hoặc để bán hàng thừa, hoặc để đi đong đậu. Hơn hai giờ, ông Học dậy. Ông giội mấy gáo nước cho tỉnh táo người hơn là vì muốn sạch người. Rồi ông lại hì hục xay đậu, chẻ củi, cho lợn ăn, làm mọi việc, trước khi làm bữa cơm chiều. Bữa chiều, ăn sớm lắm. Nếu bà vợ chưa kịp về thì họ để phần, nhưng phần nhiều bà về kịp, để cùng ăn. Cơm xong u em rửa bát đũa rồi đi gánh nước. Vợ chồng con cái nhà ông Học làm mỗi người vài gióng mía của bà vợ mua về. Không mấy chiều họ không ăn, dường như đã nghiện rồi. Họ ngồi xúm xít cả vào một cái giường. Ông bố, vẫn trùng trục nằm duỗi dài ở giường. Hai đứa con lớn, đứa đè đầu, đứa ấn chân ông. Ông hết quát con hay cười đến gần bật mái nhà, lại vỗ ngực bình bịch, đánh nhịp để kéo gân cổ thổi kèn tầu bằng mồm ầm ĩ. Hai đứa con thích, hét lên cười, đập tay phành phạch xuống giường. Bà vợ ngồi ở một góc giường, giữ đứa con nhỏ, xem nó cười, nhún nhảy vẫy tay có vẻ không bằng lòng, những khi cái trò lố bịch của chồng diễn ra trước mặt hai ông giáo. Bà hơi đỏ mặt, cúi ngay mặt xuống. Bà cười ngượng, khẽ trách chồng. Ông chồng thổi kèn tầu hăng quá, không nghe thấy. Hai mắt ông trợn ngược lên. Hai má phình to. Cái cổ to như cái cổ trâu, nổi cục lên. Cái đầu lúc lắc, trông ngộ lắm. Hai đứa con càng cười, càng hét, càng đập giường, càng reo hò khỏe. Và vợ bực. Bà nhìn trộm San và Thứ. Thứ làm như không để ý, coi cái trò của ông chủ là một việc rất thường, ai cũng có thể làm. San cố nghiêm trang. Nhưng mặt họ vẫn gờn gợn và nụ cười thấp thoáng trên môi họ, cứ vừa bị xua đi đã lại lộn về. Họ buồn cười lắm. Bởi cố nín, mặt họ đỏ bừng lên. Nếu không vì bận chấm bài hoặc làm gì, thế nào họ cũng lảng vào buồng. Có lúc bà cũng ngượng quá mắng hai con. Nhưng tiếng choe chóe, hò hét của chúng át cả tiếng bà đi. Bà tức mình phang cho mỗi đứa mấy cái gióng quạt vào đầu. Tiếng hò hét, chí chéo bỗng im bặt. Cả tiếng kèn tầu cũng tắc. Hai đứa con xoa đầu, chực mếu. Bà mẹ gắt gỏng:

- Khiếp! Làm cái gì mà om nhà lên thế? Con nhà hư quá!

Ông chồng biết mình là chính phạm, ngượng nghịu nhìn hai con, nhìn trộm vợ. Mặt bà đỏ lừ. Bà nhìn xuống để giấu mặt đi. Bà nuốt nghẹn, như cái tức đã đưa lên đến cổ… Ông chồng quát hai con:

- Im ngay! Có thế mà cũng chực khóc!... Tao dận cổ! Nằm xuống đây!

Bà vợ không còn nhịn được. Bà cau mặt:

- Nói be bé chứ! Làm gì mà phải quát lên như vậy?... Khiếp thật thôi!

Tiếng bà đã run run. Bà có vẻ như chực khóc. Có lẽ nước mắt bà đã ứa ra một chút, và chảy vòng quanh mắt. Bà ấm ức. Cả nhà im lặng. Rồi ông chồng trở mình quay mặt vào.

Thứ thấy một chút gì nằng nặng ở trong lòng. Y ái ngại cho cả đôi vợ chồng kia. Cho người chồng, bởi vì ông có vẻ như phải nhịn vợ, phải chịu bẽ mặt trước hai người lạ. Và cho người vợ, vì bà có vẻ lấy làm xấu hổ vì chồng thô lỗ quá. Người ta chẳng phiền gì đến ai, thật cũng khó lắm thay! Thứ và San dù chẳng muốn chút nào, nhưng chỉ vì có mặt ở đây cũng đã đem đến cho hạnh phúc gia đình ông Học những cơn sầu nho nhỏ. Nói là nho nhỏ bởi vì xưa nay người ta vốn khinh thường những nỗi khó chịu giây lát kia. Thật ra thì chúng chẳng nhỏ tí nào. Chúng như một cái hạt táo, hay một cái đầu đanh trồi lên, bên dưới cái chiếu ta nằm. Nó chẳng giết chết ai, chẳng làm đau, chỉ cồm cộm cái lưng thôi, nhưng chính vì nó đã làm người ta mất hết cả cái thú vị của sự nghỉ ngơi êm ái… Ông Học thổi kèn tầu như vậy, có lẽ đã hàng chục năm rồi. Có lẽ ông bắt đầu thổi mãi từ hồi còn trẻ trung, hai vợ chồng mới lấy nhau. Thứ tưởng tượng ra những buổi chiều xưa của đôi vợ chồng son. Họ đã ở riêng. Nhà chỉ có hai người. Ngày tàn rất quạnh hiu. Đôi lòng càng thấy muốn gần nhau. Công việc một ngày đã xong rồi. Bây giờ là lúc nghỉ ngơi. Chồng nằm ngửa ở giữa giường, vợ ngồi bên. Lòng phơi phới vui và chẳng còn câu chuyện gì để nói với nhau. Ông Học tự nhiên vỗ ngực, thổi kèn tầu, để vợ bật cười, nguýt yêu, phát khẽ cho một cái và mắng là phải gió!... Đến khi có con, ông thổi kèn tầu để dỗ con. Rồi bây giờ, có lẽ ông thổi, để nhớ lại những buổi chiều đẹp êm đềm xưa. Cái ấy đã thành một thói quen như thói quen ăn mía của ông. Một cách giải trí hơi lố lăng, hơi âm ỹ, nhưng mà ông thích. Chỉ xét một điều ông bị vợ trách mấy lần rồi mà thỉnh thoảng vẫn buột miệng rống lên, là đủ biết. Từ trước đến nay, ông vẫn được tự do: không ai cấm ông, mà vợ ông cũng không lấy sự ấy làm khó chịu bao giờ. Họ vẫn sung sướng hưởng cái vui gia đình của những buổi chiều. Chợt hai con

người lịch sự lọt vào nhà, hai ông giáo cứ động ra khỏi cửa là quần áo hắn hoi, cử chỉ giữ gìn, nói năng nhẹ nhàng, mềm mại. Vẻ nho nhã của họ làm nổi bật cái lỗ mãng của ông chủ nhà thành lỗ mãng thêm lên. Người đàn bà xấu hổ. Và những buổi chiều, đôi vợ chồng ấy không còn tự do, vui vẻ như trước nữa. Một cái đầu đanh đã trồi lên, làm vướng víu cái hạnh phúc giản dị của gia đình họ…

Thứ hơi bịn rịn về chỗ ấy. Y muốn y cũng có thể lỗ mãng, cũng có thể nói xô bồ, làm những trò lố lăng như ông Học thổi kèn tầu, mà không đỏ mặt, để bà Học không nhìn thấy sự kém cỏi của chồng. Nhưng mà không thể được. Người ta không mỗi chốc bỏ được những ngôn ngữ, cử chỉ mà cái hoàn cảnh của mình đã tạo cho mình. Học làm sang, đã đành là một sự khó khăn rồi. Học làm hèn cũng khó khăn không kém.

Một hôm Thứ ngỏ ý phàn nàn cho những người như ông Học, thất học từ thủa nhỏ, dốt nát, trí óc hẹp hòi, sống một cuộc đời gần như súc vật: thô kệch, mù tối, nghèo nàn. San lộ vẻ hoài nghi:

- Anh tưởng ông Học khổ hơn chúng mình ư? Tôi ngờ lắm. Để tôi tính cho anh nghe. Ông Học làm việc mười giờ thì anh cũng làm việc mười giờ. Công việc của ông ta dễ dàng hơn công việc của anh, dễ dàng và đỡ mệt người hơn. Dạy học xong, anh đã thật yên lòng về bọn học trò chưa? Ông, trái lại: miễn làm sao cho đậu ra thành bột, bột đậu thành ra đậu phụ thế là ông có thể ngủ rất ngon giấc rồi… Bây giờ nói đến tiền làm đậu như thế, mỗi ngày ông có thể lãi được từ một đến hai đồng. Đủ cho cả nhà ăn. Có thể thừa, nhưng tôi chỉ nói đủ thôi. Bã đậu dùng để nuôi lợn đẻ ra. Mỗi năm vài lứa lợn, lại không được trăm bạc, hơn trăm bạc à?... Còn anh, anh làm có nuôi nổi vợ con không? Liệu suốt đời anh, có bao giờ anh tậu được một mảnh đất, xây nổi một cái nhà, tạo nổi một cơ nghiệp xoàng xoàng như cái cơ nghiệp của ông Học thôi không? Ấy là chưa nói đến nỗi bấp bênh của chúng mình, tay không, bao nhiêu tiền của đổ ra để học mất cả rồi, nhỡ thất nghiệp một cái thì chết toi…

- Đã đành rồi. Nhưng nói như San, thì người ta mất bạc nghìn để học, chả là dại lắm sao?

San cười:

- Người ta không dại, nhưng lầm. Người ta cho con đi học, ai cũng muốn cho con sau này thi đỗ làm quan, hay ít cũng là ông phán, ông tham, chứ có định cho con làm ký khổ nhà buôn, giáo khổ trường tư hay thất nghiệp đâu. Nhưng sự đời nó xoay ra thế. Bố mẹ chúng mình bây giờ nghĩ tiếc số tiền bỏ ra cho chúng mình học ngày xưa lắm đấy nhé!

Đích cũng đã có lần nói với Thứ na ná như San vậy. Y ngỏ ý tiếc số tiền và cái công lao đã bỏ ra để học hành. Nhất là số sức khỏe bị mất đi. Gia đình y cho y đi học, cũng như làm một việc buôn. Y phải cố học hành cho đáng với số phí tổn về việc học của y, cho khỏi phụ lòng mong mỏi của mẹ, cha. Y đã học ngày học đêm, mỗi đêm chỉ ngủ có ba giờ. Học đêm ốm người. Cái thời kì đang lớn lên, đã phải lao tâm, lao lực quá độ như vậy, lại chẳng được bồi dưỡng gì. Chỉ có thể trả ít tiền, y phải trọ học ở những chỗ rẻ tiền, ăn thế nào thì thôi, có khi chưa đủ no, ở thì bẩn thỉu, chật chội, tối tăm, ít không khí nhưng lại nhiều người, nhiều chuột, gián và muỗi rệp. Y không ra đến ngoài, không đi chơi, không tập thể thao, vì sợ tốn thì giờ. Do thế mà sức khỏe bị bại đi. Vào một trong những phút chán nản nhất của đời y, y đã rơm rớm nước mắt bảo Thứ bằng một cái giọng nửa như oán than, nửa như buồn rầu:

- Giá bố mẹ chúng mình cứ để cho chúng mình đi chăn trâu, cắt cỏ, rồi đi cuốc đi cày lại hơn. Chỗ tiền cho chúng mình đi học, để chúng mình làm cái vốn làm ăn. Cứ vậy thì có lẽ bây giờ chúng mình đã yên thân rồi. Biết đâu chăng đã giàu? Cho chúng mình đi học thì sạt nghiệp mà chúng mình thành ra khổ. Chúng mình hóa dở dang. Chạy chọt để vào làm sở nọ, sở kia thì chúng mình lấy tiền đâu? Làm thợ thì không có nghề. Đi buôn thì không vốn. Về nhà quê làm ruộng thì chúng nó cười cho thối đầu lâu. Vả lại cuốc không hay, cày không biết, với cũng không có sức. Ngay lưng quen rồi.

Đúng vậy. Cảnh Thứ thì cũng rứa. Và đó cũng là cái cảnh chung của một số đông thanh niên, con của những nhà mới chỉ có thể gọi là hơi có máu mặt ở nhà quê, mà đã có cái hứng khởi muốn cho con vượt khỏi cuộc đời bức bối, trói buộc của ông cha. Nhưng Thứ không hoàn toàn đồng ý với Đích

và San. Đã đành, nếu họ không dùng gần hết cái cơ nghiệp của nhà vào việc học, thì có lẽ bây giờ họ không đến nỗi phải chật vật trong việc mưu sinh quá thế này đâu. Nhưng họ có sung sướng hơn được tí nào chăng? Thứ không tin lắm. Y thấy cuộc đời ở nhà quê chẳng vui gì. Người nhà quê làm quần quật suốt ngày như một kẻ chung thân bị khổ sai mà chẳng có quyền nghĩ đến gì hơn, ngoài mỗi ngày mấy bữa cơm gạo đỏ như nâu, độn ngô khoai, mà họ ăn chẳng đủ no, ăn mải mốt vội vàng, như chỉ cốt ngốn thật nhiều, cho đầy bụng thì thôi, chẳng kịp biết ngon. Họ sống dò dẫm, tối tăm, nhút nhát, suốt đời chỉ những sợ cùng lo: mưa nhiều lo, nắng nhiều lo, nước lớn lo, gió to lo… Họ lo những tai họa của trời của đất, của sông, họ lo những sự nhũng nhiễu của thần thánh, quỷ ma; họ lo trộm cướp ban đêm và những trộm cướp ban ngày. Bất cứ cái gì cũng khiến họ lo, họ sợ. Họ là những người nhẫn nại đến cực độ, luôn luôn nhận mình là con sâu, cái kiến, con giun, cái dế, ai muốn dẫm lên cũng được, những kẻ bị bóc lột, đè nén, ức hiếp, đánh chửi đã quá quen rồi, nên hầu như không còn biết phẫn uất là gì. Những kẻ hiểu danh giá một cách khá buồn cười, họ có thể cho kẻ khác tát một cái để được lợi một vài hào, nhưng lại rất có thể vứt ra đôi, ba trăm để được người ta gọi là ông phó, những người luôn luôn tính toán nhưng lại tính rất nhầm, họ tiếc, không dám giết một con gà cho bố mẹ ăn, nhưng nếu bố mẹ chết đi lại rất có thể giết đến mấy con bò để làm ma thật lớn. Những người rất ngờ nghệch nhưng lại rất đa nghi, chẳng khó gì mà có thể khiến cho họ tin rằng một con cá chép vừa hóa thành một ông lão tóc bạc phơ để nói thành lời báo tin đói kém, mất mùa, nhưng đố ai phân trần được cho họ chịu rằng trồng đậu không ngăn được bệnh đậu mùa vì bệnh đậu mùa sinh ra chỉ là do một cái giống vi trùng chứ chẳng có các bà, các cô nào đi rải quả, những người đối với bề trên thì run rẩy, khúm núm, sợ sệt nhưng đối với hàng xóm thì lại thô tục, gắt gỏng, ghen ghét, độc bụng, ích kỷ cay nghiệt, nghi nan; những kẻ thích đánh vợ bằng đòn gánh và dạy con bằng roi vọt… Đàn anh thì bóp nặn, hà hiếp, gian giảo, vô liêm sỉ, chuyên sống bằng mồ hôi nước mắt của con em. Nói tóm lại, trong cách sống, trong việc mưu sinh, trong sự giao tiếp của người dưới đối với người trên, của người nọ đối với người kia chẳng có một chút gì có thể gọi là lạc thú. Bị người ta cưỡi lên đầu, lên cổ hay cưỡi lên đầu, lên cổ người ta, thì chẳng qua cũng là những kẻ dốt nát, ngu muội, bị giam hãm lâu đời trong cái khổ, trong sự tù túng và thối nát. Ngay đến cái đời của hạng người như ông Học, đủ ăn, sống yên ổn ở một chốn bán thành thị, bán thôn

quê, Thứ cũng chẳng mơ ước một chút nào. Yên thân, nhưng yên thân như vậy để làm gì? Làm để có ăn, ăn để sống, sống để đợi chết… cả cuộc đời chỉ thu gọn vào bằng ấy việc thôi ư? Và có sung sướng gì cái kẻ suốt đời chỉ cởi trần trùng trục, chúi mũi vào cái cối xay bột, chẳng bao giờ dám nhìn xa hơn một chút, thu hẹp cuộc sống và sự hiểu biết của mình vào trong cái phạm vi nhỏ hẹp của mảnh đất cỏn con của mình…

San triết lý:

- Học nhiều là dại. Học là để biết. Nhưng biết làm cái quái gì. Ngu si hưởng thái bình. Biết lắm càng khổ lắm. Chúng mình thì đã được bao nhiêu? Ấy thế mà tôi dám chắc một thằng dốt đặc không bao giờ có nhiều cái khổ như chúng mình.

Vậy mà y vẫn học như thường, học đến nỗi không còn một chút thì giờ nào để nghỉ ngơi! Y có thể cãi rằng đó là vì y trót học rồi, không thể trở về, cần theo đuổi cho được một mảnh bằng giúp cho y có thể tìm một chỗ làm. Nhưng y lại đã lo lắng đến cả chuyện làm thế nào để bốn năm nữa có tiền để cho đứa con đầu lòng của y đến nhà trường… Thứ mỉm cười:

- Anh tin vào luật thừa trừ, nghĩa là ông trời ông ấy cứ nhè những người nào được hưởng học thức nhiều để phân phát cho nhiều đau khổ hay sao?

- Không phải thế. Cái khổ thì vẫn vậy. Có điều người hiểu biết nhìn rõ cái khổ của mình. Kẻ dốt nát khổ nhưng không biết rằng mình khổ. Không biết rằng mình khổ thì không khổ.

Thứ vẫn mỉm cười, nhưng nụ cười của y trở nên chế nhạo hơn. Y hỏi vặn San:

- Anh có bằng lòng làm một cục đá để sung sướng hay không!

Y tự trả lời:

- Cố nhiên không. Anh vẫn muốn làm người, làm vật sống, vẫn muốn sống như thường. Nhưng anh sống mà anh khinh sự sống. Bởi vì sống – tôi nói cái sự sống nó tự biết nó, chứ không phải cái lối sống vô tri của cỏ cây,

sống tức là cảm giác và tư tưởng. Sống cũng là hành động nữa, nhưng hành động chỉ là phần phụ, có cảm giác, có tư tưởng mới sinh ra hành động. Bản tính cốt yếu của sự sống chính là cảm giác và tư tưởng. Cảm giác càng mạnh, càng linh diệu, tư tưởng càng cao. Kẻ vô học cũng giống như những giống người mọi rợ, sống nông cạn, thấp kém, thô kệch hơn những kẻ có học và những người văn minh.

- Nhưng hạnh phúc?... Anh tưởng văn minh tạo cho loài người hạnh phúc ư?

- Hãy khoan nói văn minh! Ta phải tự hỏi xem nền văn minh hiện thời đã là một nền văn minh trọn vẹn chưa?... Hãy nói nguyên về sự học thôi. Tôi không nói chắc rằng học thức có thể tạo ra hạnh phúc cho loài người. Nhưng nếu quả thật nó không tạo nổi hạnh phúc cho loài người, theo như anh tưởng, thì nó cũng chẳng tạo ra đau khổ, chính anh vừa bảo thế. Nó chỉ làm người ta nhìn rõ cái khổ mà thôi. Như thế nghĩa là cái khổ vẫn có, dù người ta nhìn thấy hay không nhìn thấy. Không biết rằng chỉ là ngu muội, có phải là diệt được nỗi khổ trên đời này đâu?...

Thứ cho rằng người ta cần biết khổ, cần nhìn nhận rõ ràng cái khổ, để tìm cách diệt khổ. Nhắm mắt không phải là can đảm, cũng không phải là một phương sách tốt. Sự tìm tòi, sự suy nghĩ sẽ khiến cho nhân loại dần dần hiểu biết, và sự hiểu biết sẽ vạch ra những con đường, sẽ chỉ rõ cho người ta phải làm thế nào… Y bực tức bảo San:

- Tôi cáu vô cùng, cáu mà lại thương, lại chán nản, lại buồn khi thấy những người khổ mà không biết rằng mình khổ. Họ cam chịu quá. Họ hầu như tin rằng đời họ không thể còn đổi thay được nữa.

Y thú thật:

- Tôi quý cái học thức ít ỏi của tôi. Tôi lấy làm kiêu vì nó. Tôi nghèo, tôi khổ, tôi ốm yếu thật, nhưng nếu bảo tôi đổi cái học thức của tôi lấy cái giàu, cái sướng, cái khỏe mạnh của người dốt nát, nhất định tôi không đổi. Anh thử nghĩ kĩ mà xem. Chỉ có cái thú đọc sách cũng đã kéo lại cho chúng mình nhiều lắm…

Thứ đọc sách rất ham mê. Chỗ ở rất tiện cho việc đọc sách của y. Thường, thường sau bữa cơm chiều, San đi học tối ngay, Thứ vào buồng, đóng chặt cửa ra vào. Y buông màn sẵn, bỏ đèn vào trong màn, đọc. Y rất kín tiếng. Ở nhà ngoài, người ta khó biết y thức hay ngủ, có nhà hay đã đi chơi. Người ta có thể tự do hơn một chút.

San học về vào khoảng mười giờ. Vào giờ ấy, chỗ này đã có vẻ khuya vắng lắm. Ở nhà ngoài, tiếng nói cười im đã từ lâu. Cả nhà ông Học ngủ say rồi. Bởi cần dậy sớm nên bao giờ cũng chỉ chập tối một lát là họ ngủ. Mấy nhà chung quanh cũng vậy. Mỏi mắt, mỏi tay, úp quyển sách xuống ngực và đè bàn tay phải lên trên, Thứ nghe tiếng những con ngựa ở chuồng bên nhai cỏ kêu rạo rạo. Thỉnh thoảng một con quất cái đuôi vào cạnh sườn, đuổi muỗi, đập chân và thở hắt ra một tiếng giống như tiếng xì mũi mạnh. Có con hứng lại kêu: "Hí… hi… hi…" như một người đàn bà béo, cười nức nở… San về bằng cái lối đi ở sau nhà. Y cầm quyển vở cuộn tròn lại, đập vào lưới thép căng trên cửa sổ. Thứ thưa khẽ một tiếng, cho San biết rằng y còn thức. Y trỗi dậy, lê ra cạnh giường, buông thõng chân xuống đất, tìm đôi guốc. Y rón rén đi thật nhẹ chân. Mở cái cửa buồng ra, y thấy nhà ngoài vẫn còn đèn. Người u em đang ngồi vá áo dưới đất, ngay chỗ cửa ra, ngẩng lên một thoáng rồi lại cúi xuống, im lặng vá. Thứ có cảm tưởng như thị vá, chỉ vì đêm dài quá, không sao ngủ hết, cũng như bà ngoại y thường bắt rận vào những đêm mùa rét, vì không ngủ được. Y đưa mắt nhìn nhanh về phía giường vợ chồng ông Học. Nhưng màn buông kín mít… Những tiếng ngáy lớn và nhỏ, đều đều đưa ra…

San như ngượng về cái chỗ đêm nào Thứ cũng phải đợi, mở cổng cho y. Y hỏi:

- Anh chưa ngủ hay sao mà tôi vừa đập cửa anh đã biết ngay?

- Tôi còn đang xem sách.

- May quá nhỉ! Giá anh lại thiu thiu sắp ngủ rồi, mà phải dậy thì phiền anh quá!

Y bảo thứ cứ về buồng trước, để y đóng cổng. Về đến buồng, y vừa cởi quần áo, vừa nhăn nhở:

- Hôm nay, tôi gặp chuyện này hay lắm…

- Chuyện gì?

- Để tôi đóng cửa buồng đã nhé!

Y ra đóng cửa buồng. Rồi y vào giường, nằm bên cạnh Thứ, nhõng nhẹo, kể khe khẽ với Thứ việc một gái ăn sương đã ngăn y lại, giữa một con đường tối trong vườn bách thảo và gạ gẫm y như thế nào…

XII

Cái nhà lá, một hôm có người đến hỏi thêu. Anh chàng còn trẻ, độ ba mươi hay chưa đến ba mươi, tóc gọng kính quần đen, áo cánh trắng may chùng, phủ áo tây vàng đã cũ. Thứ và San ở trường về đã thấy y đang mặc cả với ông Học, về đôi chiếu và cái giường tre ông bắt của lão cai thuê cái nhà lá trước, để trừ vào mấy tháng tiền nhà còn thiếu. Ông Học cao giọng bảo:

- Thôi được… Cái giường tôi cho mượn, nhưng đôi chiếu thì phải trả tiền tôi. Tôi để lại cho. Một đồng bạc, một đôi chiếu mới nguyên, rẻ chán!

Và anh kia năn nỉ

- Thôi! Ông cho cháu… Đôi chiếu người ta đã nằm rồi, chắc ông trả dùng, có để đấy cũng bằng để không thôi.

Ông Học toang toang:

- Sao lại để không. Đôi chiếu còn mới nguyên, lão ta mua để đắp chứ có trải giường đâu? Với lại có trải giường cũng chẳng sao. Lão ta có một mình, chứ có đàn bà đàn biếc gì đâu mà phải kiêng? Với lại có đàn bà cũng chẳng cần phải kiêng. Giặt là sạch hết.

- Vâng, đã đành rằng vậy, nhưng cũng mang tiếng là đôi chiếu cũ.

- Thì tùy anh đấy, tôi có ép đâu? Anh không lấy, cứ để đấy cho tôi. Có một đồng bạc, tôi chỉ giặt đi, rồi để trải sân cho trẻ con chơi chiều mát, hay ngồi ăn cơm, cũng đáng.

Xin không được, anh ta đành phải trả năm hào. Ông Học để anh ta nói mỏi mồm rồi mới chịu nghe. Ông lại còn làm ra tiếc rẻ, ngần ngừ một chút rồi tặc lưỡi:

- Ừ! Thì đây! Để rẻ cho anh. Thế là anh thuê nhà tháng đầu không mất tiền. Bao giờ anh dọn nhà đến?...

Hôm ấy là hăm bảy. Ông cho thuê lợi được ba hôm. Tính tiền từ mùng một tháng sau. Nhưng ông chủ cẩn thận bắt giam ngay một tháng tiền nhà để ông biết chừng, nay mai có ai đến hỏi thuê, khỏi nhận lời. Ông lại giao hẹn tiền nhà tháng nào cũng vậy, phải trả trước từ mùng năm. Mà khi không muốn ở nữa, muốn dọn đi, phải báo trước nửa tháng cho ông biết…

- Luật nhà nước người ta đã ra như vậy!...

Ông bảo thế, làm như ông thạo luật nhà nước lắm. Sao mà ông cặn kẽ, khắt khe đến thế! Bù với hôm Thứ và San đến thuê nhà: ông đã tỏ ra quá ư dễ dãi và nhã nhặn… Người thuê nhà nhận hết. Nhưng y chỉ giam trước có ba hào, vì hiện tiền trong túi chỉ có ba hào. Còn hai hào nữa, y hẹn khi nào dọn đến, sẽ xin đưa nốt ngay lập tức…

Y dọn đến hôm nào, Thứ không để ý. Trong cái nhà lá, vẫn trước thế nào, sau thế ấy: ban ngày vẫn bỏ không, đồ đạc chẳng thêm gì, vẫn trơ trọi một cái giường tre xộc xệch. Nhưng một buổi chiều, đang ngồi ăn trên bộ ngựa của ông chủ ở nhà ngoài, Thứ bỗng hơi ngạc nhiên thấy một chị vào trạc tuổi vợ Mô, đi từ cổng vào sân một cách rất ngang nhiên, như một người nhà. Nhìn kỹ, chỉ ta có vẻ nhiều tuổi hơn vợ thằng Mô. Độ hăm mốt hăm hai. Người thấp và đầy đặn. Da cũng đen nhưng còn nhẵn nhụi hơn. Quần áo thì cũng thế thôi: khăn vuông đen, yếm trắng, áo cánh nâu, quần chéo gio đen, nhưng có vẻ đỏng đảnh hơn. Cái yếm trắng hồ lơ, trắng trẻo hơn. Cái quần buông chùng hơn. Cái khăn vuông thì chắc đã phải soi gương mà thắt, mà sửa đi sửa lại, chứ chẳng phải bạ thế nào nên thế ấy. Ở chỗ này hiếm người đẹp đến nỗi trông chị cũng dễ coi. Thứ đưa mắt nhìn theo. San ranh mãnh mỉm cười.

- Vợ người thuê nhà lá đấy. Chị ta làm ở nhà rượu bia.

Y giới thiệu như vậy bằng tiếng Pháp…

- Sao anh biết?

- Thằng Mô bảo

San còn cho Thứ biết rằng cô ả là vợ hai của anh chàng, vợ hai theo, anh chàng đã có vợ cả ở nhà quê. Y là một thằng xe, kéo xe nhà, công mỗi tháng hai đồng, quần áo chủ may…

Thứ ngạc nhiên:

- Công có mỗi tháng hai đồng?

- Chứ còn gì nữa! Cơm nuôi, quần áo chủ may kia mà!...

- Nhưng làm được mỗi tháng có hai đồng mà dám lấy những hai vợ?

- Chứ sao! Hai đồng thì thuê nhà mất năm hào, diêm thuốc độ năm hào, cũng còn được một đồng tiêu vặt.

- Thế còn hai vợ?

- Vợ cả làm vợ cả ăn, vợ hai làm vợ hai ăn, chẳng cấp đỡ cho vợ nào, như vậy là công bình lắm!

San cười để thưởng thức câu nói mỉa của mình. Một lát rồi y lại gật đầu, lẩm nhẩm:

- Thế mới biết chúng mình xoàng thật. Tôi thì trừ số tiền cơm kia rồi cũng còn được mỗi tháng hai đồng, nghĩa là bằng công của hắn, anh thì lương cao hơn hắn những năm lần, chúng mình cũng xa vợ quanh năm, thế mà chẳng thằng nào dám lấy thêm một vợ nữa ở đây, cho tiện. Chúng mình không sướng bằng một thằng xe!

Thứ hơi lấy làm lạ về cái chỗ một thằng xe mà cũng có thể thuê một cái nhà riêng, để tối về ngủ với vợ hai. Thường thường, một thằng xe, ngoài việc kéo xe, còn phải lau đồ đạc, quét nhà, giặt quần áo… có khi cả gánh

nước, chẻ củi, làm bếp, nếu có thì giờ rảnh. "Hết giờ rồi!" là những tiếng mà bọn gia nhân không được phép nói bao giờ. Chẳng bao giờ có thể gọi là hết giờ rồi! Họ làm việc không có định thì giờ. Chủ có thể sai họ bất cứ lúc nào. Họ cũng phải có mặt ở nhà, nếu chủ không sai họ đi đâu. Không một phút nào, họ có thể thở ra một tiếng sung sướng mà tự bảo cái câu mà khi được nói lên, bất cứ ai cũng thấy nhẹ bỗng người. "Bây giờ ta đã được chỉ còn là của mình thôi…". Thứ nhớ đến một điều y nhận thấy ở Sài Gòn:

- Ở Sài Gòn, thường thường tụi bồi bếp làm cũng có thì giờ. Nhiều khi, chúng có nhà riêng. Sáu giờ sáng, chúng đến nhà chủ mình, vào khoảng sáu, bảy giờ chiều khi bữa ăn tối đã xong, chúng rửa bát, đũa, nồi, sanh, xếp dọn đâu vào đấy rồi, là lại về nhà chúng. Không có nhà riêng, chúng có ở luôn nhà mình thì xong công việc rồi, chúng cũng đi chơi hay là muốn dùng thời giờ nghỉ của chúng làm gì thì cứ việc dùng. Thì giờ nghỉ, hoàn toàn là thì giờ nghỉ.

San bảo:

- Ở ngoài này thì không được thế. Một giờ đêm rét như cắt ruột, thằng nhỏ hay con sen đi nằm ấm chỗ rồi, đang ngáy khò khò, nếu chủ nhà chợt thấy hứng muốn uống một ấm trà thật nóng cho ấm dạ, thì cứ việc chạy vào lấy chân hất tung chăn chiếu đắp của nó ra, rồi đá và đít mấy cái cho tỉnh lại, bắt dậy đun ấm nước, nếu rờ đến bao thuốc lá mà thuốc lại hết rồi, thì cứ việc đưa cho đồng hào chạy ra phố thật nhanh, đi tìm bất cứ hàng tạp hóa hay hiệu cao lâu nào còn ánh sáng, mà gọi cửa, mua một bao thuốc lá.

Y ngừng lại một chút như để ngẫm nghĩ. Rồi y tiếp:

- Anh xe này thì chắc lắm, cũng chẳng có giờ giấc gì đâu. Nhưng phỏng thì buổi tối, chủ cũng ít khi phải đi đâu khuya. Với lại chắc rằng nhà chủ cũng còn thằng nhỏ, con sen gì nữa. Đêm có gì sai, thì sai thằng nhỏ, con sen cũng được. Anh xe vào khoảng tám, chín giờ tối, thấy chẳng còn phải đi đâu, công việc cũng chẳng còn gì, lau cái xe thật sạch cất đi, rồi xin phép ông chủ cho về. Giữ anh ta ở lại cũng chẳng được lợi gì thêm. Nhưng giá phải người chủ cay nghiệt, họ không cho về thì làm gì họ tốt? Tôi đoán hẳn như thế. Không thế, sao anh ta hay về muộn lắm? Đêm hôm qua, cũng mãi

đến mười một giờ hơn, tôi mới thấy chị vợ ra mở cổng. Sáng nay, lúc chúng mình dậy, thì có phải cả hai vợ chồng anh ta cũng đi rồi không?

Y tủm tỉm cười:

- Nghĩ thì cũng khổ. Mười giờ, mười một giờ đêm, cuốc bộ năm cây số từ Hà Nội về đây, ngủ với vợ bốn, năm giờ đồng hồ, sáng hôm sau, gà mới gáy độ vài lần đã mải mốt choàng dậy mắt nhắm mắt mở, cuốc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội… Khi thằng đàn ông đã mê gái thì nó làm tội cái thân nó một cách thật là thảm hại!

Thứ cũng mỉm cười, nói kháy San:

- Cũng chưa thảm hại bằng cái thằng vượt một trăm cây số về thức với vợ một đêm, rồi hôm sau lại vượt một trăm cây số lên Hà Nội để nằm mà thở.

- Thì tôi đã bảo thằng đàn ông… nghĩa là nói chung tất cả những thằng đàn ông…

Thứ ngẫm nghĩ chính thân y. Y nhớ đến một câu Liên nói với y, qua một nụ cười chua chát và buồn. Ngồi bên y, quần áo sẵn sàng rồi, thỉnh thoảng lại nhìn ra sân xem bóng cái nhà đã ra đến chỗ cây đơn chưa để ôm gói ra đi. Liên đã bảo y vào buổi chiều cuối cùng của kì nghỉ Tết, nắng ráo vừa rồi: "Thật trăm tội chẳng tội gì bằng cái tội nghèo. Chỉ vì nghèo mà vợ chồng mình cứ kẻ một nơi, người một nẻo suốt đời. Có hơn gì vợ chồng ngâu. Chúng mình lấy nhau sáu năm rồi, mà tính gộp tất cả từ năm ngày, ba ngày, tất cả những ngày chúng mình được gần nhau, tôi chắc rằng chưa đầy ba tháng. Thế thì có khổ không? Người ta thì chỉ phải sẻn ăn, sẻn mặc, chứ tôi thì đến chồng cũng phải sẻn!... ". Liên lại rơm rớm nước mắt, thêm rằng: Nếu vợ chồng chỉ làm thế nào kiếm nổi mỗi ngày một bữa thôi, mà không phải xa nhau, thì Thứ cũng thích hơn cứ phải thế này mà được ăn một ngày ba bữa… Lần nào cũng vậy, lúc chia tay ngán ngẩm buồn. Hai vợ chồng cố hưởng cho hết phút cuối cùng còn có thể gần nhau. Sau bữa cơm trưa ăn sớm hơn mọi ngày, Thứ khép bớt cửa, đi nằm để ngủ trưa. Liên tuy không ngủ trưa bao giờ, cũng đến ngồi ở cạnh giường. Y nhổ cho chồng những sợi tóc sâu hay là mượn cớ thế, để được ngồi nói chuyện với chồng. Họ nói những chuyện rất vớ vẩn, chẳng nghĩa lý gì hay những

chuyện họ nói với nhau mãi rồi. Câu chuyện không quan hệ. Miễn là Thứ được gục đầu vào lòng Liên và Liên được âu yếm vuốt ve mái tóc của chồng. Họ nhìn nhau, như chưa bao giờ được chán nhìn nhau. Những con mắt rất ảo não, rất ngậm ngùi như thương lẫn cho nhau, tất cả nỗi buồn mênh mông của đời mình. Ở bên ngoài, nắng nhạt dần dần. Nắng úa vàng, sức nắng giảm rất mau. Thứ tưởng như trông thấy thời gian trôi và ngày chết dần đi. Mấy cái tầu chuối hơi cụp xuống, gió chỉ khẽ lung lay và ngây ra trong một dáng điệu ngẩn ngơ. Thứ thấy nổi lên trong lòng một nỗi uất ức tối tăm, nó nâng một cục gì lên, lấp cổ họng y. Y nghiến răng, khẽ đập tay xuống giường, rít lên một tiếng làu nhàu, như một người điên. Một chút nước mắt ứa ra trên đôi mắt căng thẳng của y. Y dằn dỗi nói từng lời, những ý nghĩ liều lĩnh ấy nảy ra trong óc: "Mẹ kiếp! Chẳng đi nữa! Mặc kệ trường! Mặc kệ học trò! Cứ nằm đây này, nhất định không đi đâu! Muốn ra sao cũng được… muốn ra sao cũng được". Y bình tĩnh một chút để suy nghĩ tất cả những cái gì có thể xảy ra. Gạo… thuốc của con… bà chết… và chính y ngồi nhìn, mắt đỏ ngầu, chẳng biết làm thế nào để ra tiền, ra gạo, ra thuốc, thay cho Liên đang phải nằm rên rầm… À! Không được! Y không thể nghĩ liều. Cơm, áo, vợ, con, gia đình… bó buộc y. Y cứ phải gò cúi mãi! Gò cúi mãi! Làm! Chỉ có làm! Chịu khổ! Mà chẳng bao giờ được hưởng, mà chẳng bao giờ cất đầu lên nổi! À! À! Sao tất cả những cái gì trên đời này không chết hết cả đi! Sao trái đất của loài người không vỡ toang ra! Cuộc sống… cuộc sống thật đã là một cái gì trói buộc và nặng nề quá sức!

Anh xe đã có vẻ bằng lòng đời mình lắm. Một buổi tối, Thứ và San đã ăn cơm xong, đã thấy về. Theo sau anh là một bà cụ đặc nhà quê, tay cắp thúng, tay khoác nón giang. Anh nắm lấy Mô vừa đem quần áo ở thợ giặt về cho Thứ và San. Anh nhất định kéo Mô vào nhà chơi. Mô hỏi anh sao hôm nay anh được về sớm thế?

- À, tôi xin nghỉ. Có bà tôi ở nhà quê ra…

Anh bảo vậy. Mô chào bà cụ. Họ vào cả trong nhà. Cái nhà lá thấp lụp sụp. Trong nhà đã bắt đầu tối om om. Mô nhanh nhảu chạy lên buồng hai cậu mượn giúp cái đèn con không dùng đến lại xin giùm cả một ít dầu. Anh xe mời bà Hà hãy ngồi chơi với mẹ anh, khoan ăn cơm, để lát nữa ăn một thể,

cho vui… Thấy nói đến cơm, Mô đứng dậy, ra về. Anh xe nắm lấy ta, kéo lại:

- Về làm gì vội? Ở đây, uống với tôi chén rượu.

- Tôi vô phép… Tôi ăn cơm rồi.

- Cơm rồi, mặc! Chỗ anh em với nhau, thế nào cũng phải ở lại, uống mấy chén rượu với tôi. Mẹ cha thằng tôi có chịu để anh về!

- Ừ, thì uống!... Nhưng cũng phải để tôi về đã. Tôi còn dở một tí, xong tôi xuống.

Mô phải viện bố ra, thề thật độc rằng sẽ xuống, anh mới chịu cho về. Anh vào bếp, làm cơm. Lấy gì làm? Anh chỉ có độc miếng thịt bò, mua ở phố, đem về. Bà Hà phải cho mượn dao, thớt, sanh nồi. Anh cố nài bà để lại cho hai hào gạo, nhưng bà nhất định không nghe. Bà chỉ cho vay, bà bảo:

- Tôi biết giá chợ thế nào mà để lại? Muốn vay mấy bát thì vay. Mai đong mà giả tôi.

Giọng là lạnh nhạt, gần như tức tối. Bà không thích lôi thôi. Anh xe cười nhạt:

- Cụ cẩn thận quá!... Vâng, thì cụ cho cháu vay ba bát vậy… Mợ đem vo đi mà thổi.

Chị vợ ngần ngừ:

- Nước đâu, củi đâu mà thổi?

Chồng nhìn bà Hà, cười ngượng nghịu:

- Thế mới rầy! Mới dọn đến, thành thử chưa kịp sắm sanh được tí gì… Thôi thì đành lại nhờ cụ cả. Mai mợ nhớ mua mà giả cụ.

Người vợ ngoẹo đầu đi, cười hi hí. Bà Hà chẳng nói chẳng cười, lặng lẽ đi lấy củi ra cho họ. Lúc đưa củi cho chị, bà chẳng buồn nhìn cô ả, bà nhìn

xuống đất, bà không ưa ra mặt. Lúc được ăn, bà không chịu cùng ngồi. Mà con anh xe phải nài ép, lôi kéo mãi bà mới chịu ngồi. Nhưng bà nhất định chỉ ăn những thức ăn của bà, cơm và đồ ăn lúc nãy Thứ và San ăn thừa. Anh xe giằng lấy bát của bà, để xới cơm sốt cho bà. Bà giằng lại. Hai người giằng co. Bà kêu lên the thé như bị kẻ cắp giật đồ. Bà mẹ anh xe cũng hét lên, giằng tay bà lại, để giúp con. Họ làm như bóp cổ nhau. Mô quát thật to, át cả tiếng mọi người đi:

- Mặc kệ bà tôi! Tính bà tôi như vậy! Cứ để cho bà tôi ăn cơm nguội!... Các bà lão cổ sơ có khác! Chúng mình thì… tự nhiên! Nào! Anh có uống đi hay không nào?

- Uống chứ!... Nào!... Mời anh!...

- Chẳng mời cũng uống. Tôi ấy à? Chỗ anh em với nhau, không ăn thì bảo không ăn, mà đã ăn thì cứ việc tự nhiên. Anh cứ việc uống thả cửa, nhắm bừa đi. Còn tôi thì mặc tôi! Ai uống chậm, hết phần mặc kệ! Nào! Mời anh!...

Nó uống. Nó uống tự nhiên lắm thật. Anh kia cũng bắt chước được nó ngay. Mới đầu, thỉnh thoảng chúng còn sực nhớ ra, mời hai bà cụ một câu. Nhưng khi mỗi thằng nhấm nháp chừng ba, bốn chén, mặt đỏ gay rồi chúng mặc thây hai bà mời mọc lẫn nhau. Chúng bất cần tất cả…

- Có bà tôi biết kia kìa… - anh xe gườm gườm đôi mắt và lè nhè bảo – Có bà tôi biết kia kìa! Hôm nay nhà chủ tôi có giỗ, đang bận rối tít mù. Đáng lẽ tôi không được về kia đấy. Nhưng tôi cứ về, làm cóc gì nhau!

Mô cũng hùng hổ họa theo:

- Ờ! Làm cóc gì nhau! Cánh mình mo phú tất. Chẳng làm chỗ ấy thì làm chỗ khác. Anh bảo cần quái gì!

- Thì tôi có cần đâu? Nhất là ngày mai đuổi tôi ngay!

- Ấy thế! Máu tôi cũng vậy. Cơm thầy cơm cô thật nhưng ăn hiếp tôi thì không được. Nội cái máy nước này, tôi cóc sợ thằng nào. Con sen nhà

Trịnh Đức, nó quen thói chó cậy gần nhà bặng nhặng với an hem. Tôi cáu sườn, bẹp bố đôi thùng của nó ra, hò anh em trần cho một mẻ nên thân, rồi còn bị tóm lên đồn, nằm một đêm cho rệp đốt.

- Rệp đốt cũng cóc cần! Lên đồn cũng cóc cần!

- Tôi cũng vậy. Thế anh em mình mới chơi được với nhau. Đứa nào hơi bí xí với anh, anh cứ bảo tôi. Mẹ cóc! Tôi cứ trần cho không còn một cái xương nào lành.

- Thật nhé! Anh em mình nối khố với nhau. Đứa nào động đến anh, tôi cũng đánh cho sặc tiết.

- Thế mới gọi là anh em bất nghĩa chi tồn… A ha!

Chúng cười phá lên. Hai thằng gật gù, nghiêng ngả, bá vai, bế nhau thân thiết lắm. Bà cụ Hà, mấy lần chực bảo con rể đừng uống nữa mà say quá, nhưng đều bị Mô với anh xe, không để ý, nói át đi. Sau cùng bà chép miệng lắc đầu, đành chịu vậy. Cô vợ của anh xe cười hi hí. Hai cậu như được khuyến khích, càng tự đắc, càng tranh nhau nói. Trên nhà gạch, vợ chồng ông Học không ngủ được, phàn nàn:

- Khiếp! Có hai người mà làm ngậu cả xóm lên!

- Rượu vào mà lại!...

Ở trong buồng, Thứ cười tủm tỉm, bảo San.

- Nếu không có đàn bà thì có lẽ thiên hạ vẫn còn những thằng nói khoác, nhưng chúng sẽ nói khoác ít đi được nhiều.

San mỉm cười, ngẫm nghĩ một chút, rồi nhai lại câu của bạn:

- Mà nếu không có đàn ông, thì có lẽ thiên hạ vẫn còn những cô gái cười hi hí, nhưng họ sẽ cười hi hí ít đi được nhiều.

Vừa nói dứt, thì vợ anh xe lại cười rú lên, như bị người cù nách, San và Thứ phải lấy tay bịt chặt miệng, để khỏi cười to lên…

XIII

Cặp vợ chồng mới, ảnh hưởng đến cái xã hội con con trong nhà ông Học, mỗi ngày một khác. Từ ngày có họ, vợ chồng ông Học có vẻ chiều chuộng nhau hơn. Mỗi lần bà vợ về chẳng hạn, ông không vẫn cứ dửng dưng xay bột như trước nữa. Ông ngẩng mặt lên, tươi tỉnh:

- Mợ đã về!

Rồi ông gọi toáng lên:

- Thằng Học, thằng Hành đi đâu cả rồi? Học ơi! Ứ! Ứ! Mợ đã về kìa! Mau lên! Ra xin quà!

Ông mừng rỡ om sòm, quá trẻ con. Bà vợ tủm tỉm cười. Ông Học vẫn xấu như thường, nhưng trẻ ra nhiều. Đến nỗi Thứ nghĩ rằng mình đã đoán lầm: có lẽ họ ít tuổi hơn y tưởng… Có lúc chồng nghỉ tay, đứng lên theo vợ vào nhà:

- Mồ hôi mồ kê thế kia à! Quạt đây này! Quạt đi!... Ngoài đường nắng lắm phải không, xem thúng nào!...

Ông lục thúng, hỏi vợ về giá từng thức vợ mua về, khen rẻ, khen ngon, bàn làm món này, nấu món kia. Bà vợ vui vẻ, ngọt ngào trả lời chồng. Bà có vẻ kính nể chồng hơn. Một vài lần, Thứ đã bắt gặp bà xua cho chồng con ruồi, rồi tiện tay quạt cho chồng mấy cái, trong khi chồng ngủ. Sự trẻ trung cũng lây chăng? Hay là đôi vợ chồng mới âu yếm nhau, cười cợt với nhau, đã nhắc đôi vợ chồng đứng tuổi nhớ đến những ngày âu yếm cũ…

Tuy vậy, ông Học vẫn không ưa cái lối sống ăn xổi ở thì của họ. Họ chẳng có một tí gì. Đồ đạc không. Hòm xiểng không. Đồ ăn thức đựng không. Một cái bát nhỏ để ăn cơm cũng không nốt. Mà từ hôm có bà mẹ chồng ở quê ra, thì cũng chẳng ăn bữa cơm nào ở nhà nữa. Họ ăn ở đâu?

- Anh chồng ăn cơm chủ đã đành. Nhưng còn chị vợ làm nhà ở Mễn, thì chủ nào nuôi? Hay là chị ta đi ăn cơm hàng?

Ông bảo vậy. Ngừng một chút để ngẫm xem điều mình đoán có lý không, ông lại tiếp:

- Như người ta, thuê cái nhà cửa hẳn hoi, thì cũng phải sắm cái nồi, chẳng mua được nồi đồng thì nồi đất có bao nhiêu, mua vài cái bát, vài đôi đũa, đong gạo thổi cơm lấy mà ăn. Thế này thì ra chỉ thuê để ngủ với nhau thôi à?

Thì đúng vậy rồi. Thứ nhìn vào tận ruột anh xe. Công mỗi tháng có hai đồng thì đa mang một vợ cả cũng đã đủ nhược người rồi, làm gì còn dám đèo bòng thêm một vợ hai. Vợ hai gì! Lạ gì thói đàn ông! Chẳng qua nhờ môi miệng, chim được cô ả tầm phơ thì cũng gỡ gạc chơi. Tội gì không! Phải xa vợ quanh nào thì anh nào chẳng giống anh nào? Vả lại có thiệt gì! Mỗi tháng mất năm hào để thuê nhà, đi giải phiền một lần cũng mất đến thế rồi. Mà lại lắm thứ lo. Đằng này vừa rẻ, vừa chắc chắn. Còn chị vợ?... Thì cô ả dại đứt đi rồi, nhưng bụng dạ đàn bà thì ai cũng thế thôi. Ai cũng nhẹ dạ, cả tin. Ai cũng dễ xiêu lòng vì những lời đường mật. Vả lại cô ả cũng thèm yêu, thèm nhục dục như ai. Đó là người. Cô ả đã hăm mốt, hăm hai, mà lại tự do, chẳng bố mẹ nào coi giữ, chẳng anh em nào ngăn đón, thì phải lòng trai cũng không phải là sự lạ. Thứ chẳng trách gì. Nhưng đôi lúc, y vẫn vờ tự hỏi mình:

"Nếu họ có con?...". Y tưởng tượng ra một cảnh đáng thương tâm: người vợ xanh xao, không còn mang nổi cái bụng to, phải nghỉ làm… tiền để dành ít ỏi, hết rất mau… những ngày tháng sắp đẻ không cơm… anh chồng không đủ sức chu toàn, đành thở dài, rẽ dây cương… Và chị vợ, chị vợ bụng mang dạ chửa, bị bỏ bơ vơ vào giữa lúc cần có người đỡ đần, săn sóc nhất… Thứ biết chắc rằng chỉ qua cầu ấy một lần người đàn bà đã đủ già đi, đủ khôn lên. Không theo cái nghĩa thảm hại của người đời, thị sẽ chua chát, sẽ hoài nghi, sẽ ngờ vực mọi người, thị sẽ tính toán, sẽ dặt dè, sẽ bán và mua, mất hẳn cái thú cho, thị sẽ chua chát và nguyền rủa, thích gây đau khổ. Nhưng đã chắc gì thị sẽ qua khỏi cái cầu ấy, để thành người khôn?... Thứ thầm mong cho anh xe sẽ chung tình để lo liệu cho vợ mình sinh nở được vẹn toàn. Nhưng cho rằng như thế nữa thì cuộc tình duyên cũng chỉ đến đấy là cùng. Sự tận tâm cũng như sự cố gắng của con người chỉ có hạn thôi. Khi người ta nuôi thân mình đã lấy làm khó nhọc lắm rồi,

mà lại còn phải xét xem đời nó có muốn cho người tử tế không?... Lúc bấy giờ, chị vợ sẽ ra sao? Cảnh ấy cũng thường, thị cũng lại đến cho con đi, rồi sẵn đôi vú đầy sữa đấy, đi ở vú, để người nuôi mình và mình nuôi con người.

Vợ chồng anh xe thường đi vắng suốt ngày, nhưng cũng chẳng đóng cửa bao giờ. Ông Học tự cho ông cái quyền vào nhà họ mất tiền thuê, để soi mói đến cả những việc riêng của họ. Ông tìm thấy một cục nến còn dính ở cạnh giường.

- Quái! Họ đốt nến à? Nến tốn hơn dầu nhiều chứ! Mà thôi… Chắc là nến đèn xe, anh ta lấy cắp của chủ đây. Nhưng vợ chồng ngủ với nhau mà đốt nến thì độc đấy chứ chẳng không đâu… Nến để thờ hay thắp đám ma. Vợ chồng mới lấy nhau mà thắp nến làm gì? Người đàn bà thế cũng là hư. Cho hay người đàn ông người ta có muốn để đèn, mình là vợ mình cứ thổi tắt mẹ nó đi rồi lấy tay che mặt, như thế mới là người đàn bà đứng đắn…

Ông ra sân, toang toang nói một mình như vậy. Ông đến cái cối xay đậu rồi, ông vẫn chưa thôi. Vẻ tự đắc trên mặt ông, hiện ra đến tận mang tai. Có lẽ ông đang so sánh người vợ đoan trang của ông với chị vợ lẳng lơ của anh xe, và lấy làm bằng lòng lắm. Thứ mỉm cười. Bà Hà chẳng hiểu Thứ cười gì, nhưng cũng đưa cái bàn tay răn rúm lên, che cái miệng móm mém, ngoẹo cái đầu xuống một bên vai, cười he hé…

Bà Hà ghét vợ chồng anh xe ra mặt. Nhất là chị vợ. Đối với con mắt bà, thì cô ả thướn thẹo như con đĩ. Về đến nhà, chỉ nằm ngả nằm nghiêng, hay phọng phạnh đi ra lại đi vào. Chẳng chịu làm cái gì. Có một tí sân ở trước cửa nhà lá, cũng chẳng quét bao giờ. Ngày nào, bà cũng phải quét hầu. Nước không chịu gánh bao giờ. Ấy thế mà chum nước của bà, cô ả cứ tự do múc, rửa mặt, rửa chân. Làm như đó là của tự nhiên ở trên trời rơi xuống, chứ chẳng phải của ai. Thế thì ai mà không phải tức?...

Mới đầu tuy cũng tức nhưng bà chỉ lườm nguýt thôi. Nhưng lườm nguýt mãi cũng chẳng ăn thua, bà đành phải bảo thẳng vào mặt chị ta:

- Chị mua lấy cái chum, thuê gánh một ít nước, để mà rửa ráy. Tôi già lão, gánh đau xương lắm. Chị đừng rửa bằng nước của tôi mãi thế.

Bấy giờ cô ả mới đỏ bừng cái mặt lên. Từ hôm ấy, mới chừa. Mà cũng từ hôm ấy, hơi trông thấy bà đâu, cô cả buông ngay mặt xuống… Bà nói chuyện với u em như vậy. Và bà bảo:

- Tôi đã tức thì tôi không nể. Nể ai, chứ hạng ấy thì việc gì phải nể. Muốn sạch sẽ nhưng lại không muốn đau vai, cũng không muốn mất tiền, thì hẵng khoan sạch sẽ có phải không u em?

U em cũng ghét cô ả lắm. Động thấy cô ả đi qua sân là u em trừng trừng mắt lên nhìn. Cũng vì cái tội là hay đem guốc ra bể nước rửa chân. Nhưng còn vì cái tội hay cười nữa. Bạ lúc nào cũng cười, nhất là những khi có chồng về, cô ả cười thật không biết chán mồm. Cô cười được suốt đêm. Lúc nào chợt thức giấc, u em cũng nghe tiếng vợ chồng họ nói chuyện rì rầm và cô ả cười khúc khích. Nghe ghét lắm. U em ghét đến nỗi chỉ rình những đêm anh chồng về muộn, đợi San về xong là khóa cổng, giấu biệt chìa khóa đi một chỗ. Chị vợ biết ý, nên tối nào thấy San đi học về rồi mà chồng chị chưa về, lại phải ra đứng cổng, để u em không khóa được.

San không hiểu cái mục đích của chị ta là thế. Một buổi tối, y bảo Thứ với một vẻ kiêu ngạo che đậy chưa được kín.

- Lạ quá! Tối nào mình ở cổng vào cũng gặp cô ả đi ra. Thế nghĩa là làm sao?

Thứ mỉm cười:

- Cô ấy cảm anh.

- Nói bậy!

San làm ra vẻ thẹn, nhưng sự sung sướng hiện ra trên mặt. Và có lẽ vì muốn kéo dài câu chuyện về cô ả, một thoáng sau không thấy Thứ nói gì thêm, y lại bảo:

- Cảm tôi thì không phải nhưng cảm thằng Mô thì đích. Anh có nhận thấy không? Mỗi lần gặp thằng Mô, cô ả mừng rỡ lắm, xoắn xít lấy nó, nói nói, cười cười, mắt tít đi.

Y nói ngon lành, như hưởng được chút khoái lạc gì trong khi nói. Ngừng lại một chút, mặt gờn gợn đỏ, mắt nhìn một hình ảnh gì ở trên không, y làm như thể rít lên:

- Nói của đáng tội thì con bé cũng mũm mĩm, hay hay mà lẳng lắm. Nghe nó cười thì phải biết!...

Và y nhắc đến một câu mà từ hôm có vợ chồng anh xe, y bảo Thứ đến chục lần rồi:

- Này, anh ạ! Chúng mình chịu khó tìm mỗi đứa một con vợ hai đi!

Thứ thấy ghét San:

- Anh thèm cái địa vị thằng xe đến thế ư?

Y làm như mình rất dửng dưng, chẳng để ý gì đến cặp vợ chồng kia. Thật ra thì tâm hồn y cũng bị xáo động không phải ít. Nhất là những buổi tối anh chồng về sớm. San đi học. Nhà ngoài ngủ cả rồi. Còn một mình u em, lặng lẽ như một con ma, ngồi vá bên một ngọn đèn con – thị lấy đâu ra nhiều quần áo rách để vá quanh năm thế? – Cái bóng rất to của thị, sừng sững ở trên tường, như một kẻ ranh mãnh, đứng nín hơi, nhìn thị. Im ắng quá, Thứ nằm đọc sách ở trong buồng. Căn buồng của y với cái nhà lá giáp nhau. Nhờ có cái cửa sổ, những tiếng động hai nơi còn dễ truyền sang nhau hơn trong buồng với nhà ngoài. Dù muốn, dù không, y vẫn nghe thấy những tiếng nói, tiếng cười và cả những tiếng cựa mình, động đậy của cặp vợ chồng thuê căn nhà lá. Lòng y rối loạn, mắt y hoa lên, những dòng chữ như lung linh, chập chờn, xóa nhòa đi rồi lại hiện ra, rồi lại xóa nhòa đi. Đầu y nóng rực lên. Y vùng dậy, mặc quần áo, xỏ giầy, mở cửa ra đi. Y đi thẫn thờ, không mục đích, hết đường nọ đến đường kia. Người y mệt mỏi, một thứ mệt mỏi ê chề. Đầu y nặng trình trịch những ý buồn, óc y mụ mị, tư tưởng chậm chạp, u ám, mịt mù. Y nghĩ đến Liên. Y nghĩ đến Tư. Y nghĩ đến lũ con gái nhà Hải Nam. Y nghĩ đến đôi mắt đẹp và hiền của người thiếu phụ ngồi khâu, đã vô tình ngước lên và bắt gặp đôi mắt buồn của y ngắm trộm người. Y nghĩ đến tất cả những người đàn bà mà y đã gặp ở nơi này hoặc nơi kia mà hình ảnh đã nhiều lần vẩn lên trong trí óc y, những buổi tối ẩm sẫm hay là gió thổi nhiều. Y rẽ vào những con đường tối và ít

ánh đèn. Để làm gì? Hình như y thầm mong một cuộc gặp gỡ tình cờ: một thiếu nữ đi làm về khuya có một mình… Một cô gái quê tìm không thấy người nhà, đứng ngẩn ngơ ở một đầu đường. Một cô gái nào cũng như y bây giờ, cô độc, lẻ loi, khao khát tình yêu… Nhưng mà chẳng có gì! Con đường vắng, chạy dài, phẳng lì dưới ánh sáng úa vàng của những bóng đèn buồn ngủ, cũng quạnh hiu như cõi lòng y. Hàng cây cối ở bên đường ủ rũ, bơ phờ như những người ốm tương tư. Lâu lâu một tiếng guốc lộc cộc hay một tiếng giầy Tây cồm cộp mới vang lên từ đằng xa, gần lại dần dần và một bóng người lủi thủi hay lực lưỡng rõ dần ra: một dân bồi bếp, xong việc, đi tìm đám bạc trong một xóm ngoại ô nào hay một người lính mải mốt đi về trại… Nhiều khi Thứ đi sâu cả vào những con đường tối và kín đáo trong vườn bách thảo, như những người có hẹn hò. Y mong gặp bất cứ người nào: một kẻ tuyệt vọng vì yêu, một người nhận lầm y, một gái ăn sương suồng sã. Y ước được một gái giang hồ ngăn lại, khoác lên vai như San tối hôm nào. Nhưng vẫn chẳng có gì! Cây rậm um tùm. Nước đen ngòm, bóng tối u uất, âm thầm. Một cái cành khô gãy kêu răng rắc, sượt qua đám lá, thành một tiếng soạt ngắn. Một con tắc kè kêu… Thoảng hoặc cũng có một đôi khi, một bóng đàn bà thướn thẹo tạt qua trước mặt y. Nhưng chỉ tạt qua thôi. Hình như tự người y, tiết ra một cái vẻ gì nghiêm nghị, khô khan, nó khiến người ta phải dè dặt với y. Người đàn bà không dám suồng sã nắm tay, bá cổ y. Thị chỉ lấy dáng khêu gợi để nhử y. Y bủn rủn người, thở khó khăn, nặng nề hơn. Mặt y nóng bừng bừng. Tự nhiên y nhìn thẳng, vẻ mặt rất nghiêm trang và rảo bước. Đi một quãng thật xa rồi, y mới lại thấy như tiếc dịp, bước ngập ngừng và quay đầu nhìn lại. Nhưng người đàn bà đã đi khỏi chỗ ấy rồi. Y thở dài, và lại cúi đầu, lủi thủi đi, vừa đi vừa ngẫm nghĩ đến tất cả những cái khổ của đời y. Cứ như vậy, y về nhà…

Một lần mải nghĩ quá, y đã qua lối rẽ về nhà một quãng mới nhận ra. Ngẩng đầu lên, y trông thấy đằng trước mặt, cái cửa sổ gác nhà trường, sáng ánh đèn. Y nảy ra cái ý lên trường chơi, nói chuyện với Oanh… Từ ngày San với Thứ ở riêng ra, đối với Oanh, họ vẫn ác cảm ngầm. Thỉnh thoảng, họ vẫn giở những cái tồi, cái xấu của Oanh ra mà nói với nhau. Nhưng ngoài mặt thì đôi bên đã tử tế với nhau hơn. Sự động chạm luôn luôn kích thích lòng yêu cũng như lòng ghét của người ta. Không còn phải luôn trông thấy Oanh trước mặt mình bận mắt, bận tai vì những cử chỉ,

ngôn ngữ rất chướng của Oanh, họ dễ bình tĩnh với Oanh hơn. Đôi bên không còn động mở miệng là khiêu khích nhau, chọc họng nhau. Họ đã biết nói với nhau ôn tồn và nhã nhặn…

Oanh có một mình. Y đang mải viết gì. Thấy Thứ lên, y thấm và cất cả vào ngăn kéo.

- Thế là tôi lại quấy rầy cô! Cô viết gì, cứ viết đi!

Thứ chực ra sân gác, nhưng Oanh bảo:

- Xong cả rồi. Mời chú cứ ngồi chơi.

Thứ mỉm cười:

- Cô lại viết thư cho ông Đích chứ gì?

- Không, lớp này cũng ít thư rồi, không còn khiếp quá như hồi mới đi đâu!

Hồi ấy, mỗi ngày một lá thư. Có ngày hai lá thư. San và Thứ đã phải bảo nhau: làm giàu cho nhà dây thép!… Oanh tít mắt đi, cười.

- Còn chú, từ ngày lên đây đến giờ, tôi cũng không thấy chú viết thư. Có lẽ chú chẳng viết thư cho thím ấy bao giờ đấy nhỉ?

- Cô tính: tôi viết thư cho vợ tôi thì còn lý thú gì. Nhà tôi đánh vần xong một bức thư thì phải một giờ. Mà lại phải tránh, không được viết ngoáy, không được viết chữ hoa. Phải nắn nót như khi viết bài tập viết.

- Thím ấy học ít thế à?

- Lấy tôi rồi mới bắt đầu học. Mới đọc được qua loa, viết thì nửa ngày mới xong một bức thư độ mười dòng: "Tôi có mấy lời lên hỏi thăm… vân vân… thì tôi mừng lắm lắm!". Chữ hoa thì lại chưa tập được.

- Thế thôi à?... Thế còn thím San?...

Thì cũng chẳng hơn gì! Con gái nhà quê, dù là nhà đàn anh, khá giả mặc lòng, có mấy người học? Sáu bảy tuổi đầu, họ đã phải giữ em. Chín, mười tuổi đã học làm, mười hai, mười ba tuổi đã lấy chồng. Vợ San cũng như vợ Thứ thì cũng vô học như nhau cả… Thứ toan trả lời như vậy. Nhưng Oanh như đã sực nhớ ra một điều gì?

- À, tôi hỏi nhỏ chú cái này nhé!...

Oanh ngơ ngác nhìn quanh, như sợ còn có người nào. Y ngạc nhiên. Y chòng chọc nhìn Oanh, lắng đợi. Oanh hạ thấp giọng:

- Chú San đi học chưa về, phải không?

Thứ khẽ lắc đầu…

- Chú có biết hôm nọ chú San về nhà quê làm gì mà mải mốt thế không?

Thứ dán to đôi mắt nhìn Oanh, rất tò mò. Y gần như hồi hộp. Đầu y lại hơi lắc…

- Chú không biết à?

Lại lắc. Oanh ngập ngừng một chút, rồi khẽ bảo:

- Tôi thấy thằng Đại bảo tôi thì tôi nói vụng với chú thôi, chứ thật ra thì tôi cũng không tin. Không có lẽ thím San mà lại thế…

Tim Thứ đập. Đôi mắt y dán vào cặp môi nhợt của Oanh. Oanh vừa đảo mắt nhìn lên trần nhà vừa thì thầm nói tiếp:

- Này! Chú ạ!... Thằng Đại nó bảo: thím San phải lòng thằng nào ở nhà quê đó, người nhà viết thư lên nói chú ấy, nên chú ấy mới lật đật về ngay đó.

Thứ gần như thể hét lên:

- Không có lý!

Máu dồn tất cả lên trên mặt. Nỗi cảm xúc quá mạnh mẽ và đột ngột. Y như bị một luồng điện giật. Y mưng? Y khoái trá? Y đau đớn? Y tức tối? Y khinh bỉ?... Tất cả bao nhiêu thứ ấy! Cảm giác của y lúc ấy thật là rối rắm, thật là pha trộn, thật là mau biến đổi. Thoạt tiên y thấy cái sướng được báo thù: San chẳng nói những điều không thật về Liên để Thứ ngấm ngầm đau khổ mãi đó ư? Bây giờ đến lượt San… Nhưng liền ngay đó, y lại bị một ý nghĩ phũ phàng bóp chặt trái tim: nếu vợ San có thể có ngoại tình thì vợ y cũng có thể có ngoại tình lắm chứ?... Cùng một tuổi, cùng một hoàn cảnh, cùng bị chồng đi vắng… Thứ cãi như nghe thấy Oanh buộc tội chính vợ mình:

- Không có lý!... Không có lẽ nào lại như thế được!...

- Tôi cũng nghĩ như chú vậy. Không đời nào một người đàn bà nhà quê, con một nhà danh giá, làm như thế. Họ sợ tai tiếng nhiều lắm chứ! Bởi vì ở nhà quê, một người đàn bà có ngoại tình không những mang tiếng một mình, mà còn mang tiếng lây đến cả bố mẹ, anh em… bên nhà mình, bên nhà chồng. Ấy là một lẽ. Lẽ thứ hai là ở nhà quê, người ta chỉ làm quần quật suốt ngày, đêm đến lại còn con bú, con khóc. Còn rỗi lúc nào mà nghĩ đến chuyện bậy bạ. Với lại, nói cho đến cùng, thì các thím ấy lấy được người chồng như chú với chú San là nhất làng rồi. Còn ai hơn nữa mà phải đứng núi này trông núi nọ.

- Vâng, đúng thế!

Thứ đồng ý ngoài miệng với Oanh ngay. Thật ra trong bụng y đang nghĩ đến cái thối nát bên trong của bọn đàn anh ở làng y, nhất là gia đình ông bố vợ San. Nhà ấy còn thiếu một thứ tiếng xấu gì mà bảo vợ San phải giữ gìn. Ông bá Kiến đã bao nhiêu lần bị người ta bắt quả tang ngủ với vợ người ta, phải bỏ tiền ra để điều đình. Ông ngủ cả với vợ mõ, ngủ cả với con dâu. Bà ba nhà ông ngủ cả với anh canh điền. Con gái lớn, hai đứa con rồi, còn phải lòng một cung văn. Cả bà con dâu, vợ lý Cường, rõ ràng là bà lý hẳn hoi mà có lẽ chỉ còn có con chó là bà chưa ngủ với nó. Cái gia đình ấy thật là mục nát, thật là đốn mạt. Không! Người ta chẳng còn tin vào cái danh giá lại càng tồi tệ… Y nghĩ đến Liên. Liên cũng chẳng là con nhà giàu, nhà

danh giá đó ư?... Y có cảm giác như bao nhiêu khí nóng trong người đã rút lên đầu y hết. Đầu y nóng rực…

Oanh tỉ mỉ kể lại những lời Đại nói:

- … Thím San đánh bạc, thằng kia là một tay cờ bạc. Thằng Đại bảo: "Nó có ý làm tiền, thím San mất với nó nhiều tiền lắm, nó cứ thua hết thím San lại luồn tiền cho nó đánh…". Thằng Đại vẫn chơi với nó. Thằng Đại bắt được cả một cái thư của nó…

Thứ muốn thét lên. Y tưởng như Oanh đã kể chuyện vợ y. San đã chẳng kể với y về Liên giống giống như thế ư? Cũng đánh bạc với trai! Cũng cho trai tiền đánh bạc! Cũng một hạng lêu lổng, chơi bời, đàng điếm… thì ra ở làng y, đàn bà, con gái hư hỏng về cờ bạc rất nhiều. Hỡi ôi! Nếu câu chuyện về vợ San quả thật đã xảy ra, thì câu chuyện về Liên chưa chắc đã hoàn toàn sai cả. Hồi chưa về nhà chồng, Liên chẳng phải vẫn đánh bạc là gì? Bấy giờ thì Thứ ngỏ ý muốn Liên chừa, Liên đã chừa rồi. Năm, sáu năm nay, không ai bắt được Liên ngồi vào đám bạc nào. Nhưng những lúc vắng chồng, những khi chị em, các bạn rủ rê… Liên có thể lại ngồi vào đám bạc. Ồ! Chơi một vài lần cũng chẳng sao! Thứ biết đâu?... Liên nghĩ vậy. Và thế là Liên đã bắt đầu đi ra ngoài bổn phận…

Oanh hỏi Thứ:

- Thím ấy nhà chú có đánh bạc không?

Thứ hơi chột dạ. Biết đâu Đại đã chẳng kể bép xép, kể đủ thứ chuyện về Liên?... Đại là em ruột Đích, về nhà quê nghỉ mấy tháng, vừa lên. Thứ nóng nảy muốn gặp y. "Để hỏi thăm tin nhà quê". Thứ bảo Oanh như vậy. Thật ra thì y chỉ muốn biết rõ ràng hơn nữa về việc vợ San. Biết đâu, khéo léo một chút, y lại chẳng khiến cho Đại buột miệng nói ra rằng trong lúc vắng y, Liên cũng có đi đánh bạc?...

Vừa trông thấy Thứ, Đại bảo ngay.

- Suýt nữa quên! Bà Thứ ốm từ tháng giêng đến giờ rồi. Ông đi được mấy ngày, bà ấy ốm ngay. Ho ra máu. Trước khi đi, tôi vội quá, không lên.

Không biết bây giờ đã khỏi chưa.

Thứ nhẹ hẳn người. Chỉ một lúc sau, cái lo về bệnh của vợ mới đến với y. Nhưng y cũng không để lộ ra ngoài. Đối với Liên, trước mặt mọi người y đã quen đóng bộ lạnh nhạt rồi. Y tỏ ý ái ngại cho San:

- Tội nghiệp cho thằng bé! Đã chắc gì câu chuyện kia là thật. Thế mà chưa chi thằng bé đã lác người đi.

Đại cười. Y nghiêng về đằng có nhiều hơn. Y bảo:

- Không biết có thật không. Nhưng người ta đồn rực cả làng. Còn cái sự hai người đánh bạc với nhau, thì chính tôi cũng trông thấy luôn luôn. Với lại thằng ấy lấy đâu tiền mà lớp này nó diện ghê, lúc nào cũng đầu chải mượt, quần áo trắng xát xi ruôn ruốt. Mà có rủng rỉnh nhiều xu lắm. Anh em nhà chú San đã chực đánh nó kia mà! Với lại cũng chính anh em nhà chú San viết thư cho chú ấy.

Trái tim Thứ lại như bị sợi dây vô tình thắt chặt. Y chua chát bảo:

- Thì cho ngay rằng có thật cũng không sao. Nếu chỉ có thế mà đã coi là khổ, thì chỉ khổ suốt đời. Tốt hơn là đừng lấy vợ, hay đã trót lấy vợ rồi, thì cứ ở nhà mà ôm lấy vợ suốt ngày đêm. Đã dám bỏ vợ ở nhà mà đi hàng năm, sáu tháng mới về được một lần, thì phải tự mình bảo mình trước ngay rằng: những chuyện ấy xảy ra là thường lắm! Phải coi đó là sự tự nhiên. Đừng trách người ta, hãy trách mình, lấy người ta mà để người ta phải quạnh hiu. Hay là trách ông giời: sao ông ấy sinh ra loài người lại bắt loài người có đủ mọi thứ cần. Tôi chẳng hạn, nếu sờ tay lên đầu, tôi có thấy mọc ra được mấy cái sừng, tôi chẳng ngạc nhiên chút nào. Tôi sẽ ngạc nhiên, nếu đầu tôi nguyên vẹn!

- Chú bi quan quá! Các ông đi thế này, chính các bà ấy mới lo, mới có quyền ngờ còn các ông không nên ngờ. Các bà ấy không nghi ngờ gì các ông là tử tế lắm rồi!

- Nhà tôi thì quả nhiên chẳng bao giờ để bụng ngờ tôi. Có anh Đại biết kia. Anh Đại mách với nhà tôi rằng tôi phải lòng cô áo tím, áo xanh nào đó, nhà

tôi chỉ bảo: "Tính nhà tôi đứng đắn lắm, chẳng bao giờ thế. Nếu có thì cũng chỉ là đùa bỡn đó thôi. Bao giờ nhà tôi cũng coi mẹ con tôi hơn tất cả những cô áo xanh, áo tím… ".

- Thím ấy nói thế là phải lắm. Không nên ngờ vực. Ngờ vực thì khổ lắm… Tôi cũng thế. Ông Đích với tôi chưa cưới xin gì cả, mới chỉ yêu nhau. Ấy mới chỉ nghe ông ấy nói là yêu, chứ tôi đã biết lòng dạ ông ấy thế nào. Thế mà bây giờ ông ấy đi xa thế. Người khác thì khỏi sao nghi ngờ, lo lắng. Tôi không nhé! Tha hồ cho ông ấy chơi ông ấy diện! Tôi còn gửi thêm tiền với quần áo thật kẻng cho ông ấy diện cho nhiều cô thích… Này chú ạ, ông ấy đi làm, lương tháng năm, sáu chục bạc thế mà không đủ tiêu đâu nhé! Tôi vẫn phải gửi tiền thêm. Bao nhiêu tiền thừa của cái trường phải gửi cho ông ấy cả. Tháng nào tôi cũng phải tính toán phân minh. Tôi chẳng có quyền gì về cái trường này. Ông ấy cũng trả lương tôi như trả lương các chú. Lỗ lãi về phần ông ấy cả.

- "Nếu vậy thì được lắm!...". Thứ nghĩ thầm như vậy. Y cười khinh bỉ. Y chẳng nói thêm nửa tiếng. Y lẳng lặng một lúc, rồi chào Oanh, ra về.

XIV

Những câu nói của Oanh về nhà trường khiến Thứ rất căm. Oanh nói thế, nghĩa là Oanh không chịu một trách nhiệm gì, bởi không có quyền định đoạt gì. Oanh chỉ là một người trông coi nhà trường thuê cho Đích mà thôi. Đích bảo trả Thứ hai mươi đồng, Oanh trả Thứ hai mươi đồng. Đích bảo trả San mười hai đồng thì Oanh trả đủ San mười hai đồng. Oanh chả cần hiểu như thế có xứng đáng hay không. Oanh chẳng bạc đãi ai, chẳng lợi lộc gì. Nếu quả thật có người tham lam, vơ vét thật nhiều về cái trường này, chẳng nghĩ gì đến công lao khó nhọc của Thứ và San, thì người ấy chính là Đích, anh họ Thứ. Thứ có oán thì oán Đích! Như thế là Đích không muốn cũng vẫn mang tiếng là người tệ. Oanh còn có một cái dụng ý thứ hai: Oanh định bắt Thứ phải câm miệng mãi. Oanh thừa biết Thứ và Đích có tình nghĩa an hem, tất phải nể nhau. Quyền định đoạt ở Oanh, thì Thứ còn có thể kêu ca. Nhưng quyền ở Đích, chắc Thứ có muốn kêu ca cũng ngại… Hẳn Oanh nghĩ thế. Đã vậy thì được lắm!...

Thứ đem những lời Oanh nói lại với San. San rất bất bình. Y đỏ mặt, tía tai, gân cổ lên, xỉ mắng Oanh:

- Nói không ngửi được! Đích đi làm, đã có lương thì cứ trông vào lương mà sống, còn trông vào cái trường này làm gì nữa? Đích tham lam quá! Đích lĩnh sáu mươi đồng bạc một tháng, còn kêu không đủ, thì chúng mình chỉ có một phần ba với một phần năm số sáu mươi đồng, sao vẫn phải tiêu đủ mãi!... Nhưng tôi chắc rằng Oanh làm màu mè ra như thế đó thôi. Chẳng được lợi lộc gì vào cái trường này… Bịt mắt ai, chứ bịt mắt chúng mình sao nổi? Chẳng lợi lộc gì thì tiền đâu mà may áo nhung, sắm đồ vàng, nuôi bà, nuôi mấy đứa cháu, đứa em, lại còn cưới vợ cho thằng em lớn nữa chứ? Cả nhà Oanh sống vì cái trường này, chứ còn vì đâu.

- Được rồi…

Thứ định viết cho Đích một bức thư. Y sẽ thẳng băng chẳng cần nể nang gì. Nói thẳng với nhau thì có lẽ Thứ không đủ can đảm nói đâu. Đừng nói gì đối với Đích là chỗ an hem: ngay đối với Oanh, Thứ cũng không nỡ nói. Nhưng mà viết!... Nhất là Đích đi làm thế, cứ phải đổi đi xa Hà Nội mãi mãi, thì có khi đến bốn, năm năm nữa, y và Thứ cũng chưa có dịp gặp nhau. Lâu rồi người ta quên đi. Về sau có gặp nhau, chắc hai bên cũng ngượng lắm… Thứ cân nhắc đến mấy lần như vậy. Y sắp viết, thì y chợt nhận được một lá thư của Đích. Đại khái như thế này:

"Thứ rất thân yêu!

Lâu nay, không có thư cho Thứ. Lỗi tại chiến tranh Sở tăng giờ làm. Công việc nhiều lên. Bận lắm! Thứ thế nào? Có mạnh khỏe chăng? Hà Nội vui chăng? Ở nhà quê mình có gì lạ không? Cả nhà sức khỏe thế nào? Bé con vẫn ngoan đấy chứ? Đích mong thư Thứ lắm.

À, Đích còn muốn nhờ Thứ việc này. Đích có tin cậy vào sự tận tâm và tính kín đáo của Thứ được chăng? Hẳn Thứ cũng biết Cảnh đấy chứ gì? Anh chàng xinh trai ở chung với Đích ở trường, hồi trường mới mở ấy mà. Đích nhớ như hồi ấy Thứ mới ở Sài Gòn về, có lên chơi với Đích mấy ngày, và đã có dịp làm quen với Cảnh. Phải không? Anh chàng ấy là một dân hay lượn phố.

Nhưng có điều này mà chắc Thứ cũng có biết nhưng biết không được rõ: Cảnh còn là ân nhân của nhà trường. Nói thiết thực hơn, một người chung vốn để mở trường. Y đã giúp trường về tiền, cũng như về công sức khá nhiều. Cố nhiên là y chẳng nghĩ đến đấy nữa đâu. Anh chàng ấy tốt bụng và rộng rãi, đối với bạn, y không ưa tính toán. Nhưng Đích lại nghe nói rằng hình như lớp này anh chàng túng và đã một vài lần đến hỏi vay Oanh, hoặc ở trường hoặc ở nhà riêng. Oanh giấu Đích điều ấy, bởi vì Oanh không muốn Đích phải bận tâm. Nhưng Oanh làm gì có tiền dư? Số thu của nhà trường chỉ vừa đủ số chi. Có tháng Đích còn phải gửi tiền thêm. Đích cũng không muốn cho Oanh, hiện nay đã đủ thứ lo rồi, lại còn phải thêm một cái lo chạy tiền cho Cảnh. Bởi vì dù thế nào thì chúng ta cũng nên trả lại Cảnh phần vốn của y đã góp xưa. Y đã có lòng tốt, cố quên đi. Nhưng chúng ta cũng cố quên thì bất tiện.

Vậy Thứ giùm Đích nhé! Thứ đừng hỏi Oanh nhưng cứ ngầm ngầm dò xem có thật Cảnh vẫn đến trường hoặc đến nhà riêng của Oanh không? Nếu đúng, thì đích là Cảnh cần tiền, Đích sẽ bỏ tiền túi của Đích ra gửi trả y, để khỏi hao hụt quá cho quỹ nhà trường và để khỏi bận lòng Oanh. Đích không muốn Oanh phải lo lắng quá, túng thiếu quá, đến thành ốm được. Vậy Đích trông vào Thứ đấy. Thứ để ý dò xem. Nhưng – Đích nhắc lại – phải cẩn thận đừng cho Oanh biết đấy. Nếu Oanh biết Oanh sẽ không để cho Đích trả tiền Cảnh đâu. Oanh cứ muốn việc nào riêng việc ấy, nợ của nhà trường thì chỉ có nhà trường mới có quyền trả thôi.

Xin tạm biệt! Thứ vui vẻ nhé!

Đích"

Đọc xong Thứ mỉm cười. Y đưa lá thư của Đích cho San. San đọc và mặt y sầm tối lại. Thứ cười ranh mãnh, hỏi:

- Anh nghĩ thế nào?

- Kịch cả! Kịch Corneille… Đời lấy đâu ra nhiều người tốt thế?

- Nghĩa là?...

- Nghĩa là Đích lòe anh! Điều thứ nhất: theo ý tôi thì Cảnh vẫn như thường, chẳng túng gì. Điều thứ hai, Cảnh có túng Đích cũng chẳng biết đấy là đâu. Điều thứ ba, Đích có biết: Đích cũng lờ đi. Điều nữa: dù Đích quả có ý tốt không muốn lờ đi thì nhà trường cũng thừa tiền trả Cảnh, chẳng phải đến nỗi Oanh phải vì lo mà ốm!...

- Theo ý anh, thì Đích viết thư này để làm gì?

- Tôi đã bảo: để lòe anh. Ra sự rằng Đích tốt, Đích ở tử tế, phân minh. Đích cũng như Oanh chẳng lợi gì về cái nhà trường này, và còn thiệt hại thêm và họ cố giữ lấy muốn làm ơn cho hai ta đấy! Vả lại cũng phải tỏ rằng đã phải bỏ vốn ra để mở trường, mà cái vốn ấy, thu về chưa đủ. Đích muốn bảo chúng mình: "Tao cho chúng mày thế cũng là phúc lắm rồi! Đáng lẽ chúng mày chẳng nên lấy đồng nào, cứ ăn cơm nhà đi mà dạy, lại còn phải bỏ tiền túi ra mà trả nợ cho nhà trường nữa!...". Cả ba người, họ cùng tốt thế, chẳng lẽ chúng mình không tốt, dám tính toán cả trong chỗ bạn bè, dám đòi tăng lương tăng liếc!...

San nói một hơi, không còn kịp thở, mặt hầm hầm. Y cười chế nhạo, và bảo tiếp:

- Họ mưu mẹo kể cũng đã tài tình, nhưng vẫn còn để hở cái đuôi. Oanh bảo có tháng Oanh phải gửi tiền cho Đích, Đích bảo có tháng Đích phải gửi cho Oanh tiền!... Họ còn quên chưa bàn với nhau chỗ ấy!...

San tự đắc vì đã đi guốc trong bụng họ, khoái trá, cười hơ hớ. Nhưng Thứ lắc đầu:

- Anh ngốc!

Ngừng lại một chút để hưởng cái vẻ sửng sốt hiện trên nét mặt cụt hứng của San, rồi Thứ bảo:

- Tôi thì tôi cho rằng Đích ghen, chứ chẳng có ý gì đâu.

San ngạc nhiên, rồi ngẫm nghĩ. Rồi y hỏi:

- Đó! Cu cậu muốn biết Cảnh có hay đến với Oanh không nhưng lại ngượng với tôi (không hiểu sao thằng đàn ông nào cũng ngờ vực người yêu mà lại sợ người khác biết rằng mình ngờ vực người yêu). Cu cậu bèn nghĩ ra cái mẹo này. Nhưng bịt mắt ai, chứ bịt mắt thằng này sao nổi!...

San nhìn xuống, Thứ thấy cái cử chỉ cỏn con này đầy ý nghĩa. Ít lâu nay, động đến chuyện vợ con, chuyện yêu đương, chuyện ghen, chuyện ngoại tình… là San mất tự nhiên. Thứ cũng đã phải bao nhiêu năm như vậy. Chắc San đã phải cười thầm y mãi. Bây giờ lại chính San là người có cái cảm giác khó chịu bị người ta cười thầm.

San nghĩ ngợi một lúc rồi bảo Thứ:

- Anh cũng giỏi tâm lý đấy! Hồi cả ba người còn làm cùng một sở, họ ngồi cùng một chỗ với nhau. Do đó thành một bộ ba. Hai cậu thì dĩ nhiên là tướng quấy rối. Những lúc rỗi rãi, thế nào mà hai cậu chẳng tán Oanh chơi. Thế rồi bỗng một hôm – chắc là hai cậu bàn nhau mãi – hai cậu chợt nghĩ ra kế rủ Oanh chung tiền mở cái trường, để chỉ có ba người với nhau, tự do hơn. Oanh cũng chẳng ngờ nghệch gì mà không biết rằng hai cậu định gỡ gạc Oanh. Nhưng chết cái cu cậu khá tuổi rồi, Đích hay Cảnh, được cậu nào cũng tốt. Mới đầu, chắc cả hai cậu cũng chẳng cậu nào định lấy Oanh. Họ chỉ phiệu thôi. Oanh như thể của chung. Mạnh anh nào, anh ấy tán. Mạnh anh nào, anh ấy nói đùa, nói bỡn. Oanh ở giữa chịu đựng tất, chẳng nghiêng về bên nào cả. Nhưng sau cùng, có lẽ Oanh đã đủ thì giờ nhận ra rằng bó cỏ Đích hoặc to hơn, hoặc non hơn, hoặc dễ với hơn. Cảnh quay mặt hẳn về một phía ấy thôi. Đích bị chài. Anh chàng hí hửng tưởng rằng mình thắng được anh kia. Tình yêu, do giả vờ yêu, hay là do sự đụng chạm lâu ngày đến lúc nào, chính anh chàng Đích cũng chẳng hay. Nhưng Đích cứ càng ngày càng thấy khó chịu vì Cảnh cũng có thể cười cợt với Oanh. Sau cùng, thì chẳng cứ gì phải cười cợt, Cảnh chỉ có mặt ở đấy, cũng đủ là một cái gai trước mắt Đích rồi. Cảnh chợt nhận ra điều ấy. Y tìm lối thoát. Y bịa ra một cớ, dọn đi. Từ khi đi, hiếm họa lắm y mới đến trường. Có đến, y cũng chỉ nói chuyện với Đích qua loa, chẳng bao giờ nói với Oanh. Chỉ xem thế cũng đủ biết cậu cả Đích nhà ta ghen lắm. Bây giờ đi vắng thế, cậu nghĩ vẩn vơ, có lúc nghĩ rằng Cảnh lại có thể lợi dụng lúc

Đích ở xa mà đi lại với Oanh. Bởi vậy Đích mới mật thư này cho thám tử riêng, là anh Thứ!

Thứ mỉm cười:

- Anh có biết thám tử trả lời thế nào không?

- "Không biết rõ" chứ gì?

- Anh muốn giết Đích hay sao?... Không biết rõ thì Đích sẽ mất ngủ nhiều đêm, y có thể sẽ phát điên. Tôi sẽ trả lời rất chắc chắn và gọn thon lỏn thế này: "Việc Đích nhờ tôi, tôi đã để ý dò. Cảnh của chúng ta có túng thiếu hay không, tôi không được biết. Chỉ biết rằng trông y vẫn như thường. Y cũng chẳng hề lên trường hay lên nhà Oanh một lần nào, vân vân…".

- Có lẽ dù có thì anh cũng phải nói rằng không. Mà ai thì cũng phải trả lời như vậy. Nhưng theo ý anh thì trong khi Đích đi vắng, Cảnh có thể lại tìm cách nối lại mối liên lạc xưa với Oanh không?

Thứ hóm hỉnh cười:

- Theo ý tôi thì Đích cũng chẳng đáng phải lo gì, chẳng riêng gì về Cảnh, mà bất cứ người nào cũng vậy. Một người sáng suốt chỉ trông qua Oanh cũng đủ nhận ra rằng Oanh rất dễ chung tình. Nhưng khi người ta yêu, người ta có sáng suốt bao giờ?

Y nghĩ đến hồi y mới cưới Liên: y cứ tưởng như Liên chỉ ra khỏi nhà nửa bước, là đã có người trêu ghẹo Liên ngay!... Y hơi đỏ mặt, sợ San nhận thấy, y vội bảo:

- Giá chúng mình không sợ ác thì chỉ việc trả lời rằng Cảnh đến với Oanh luôn. Chắc chắn là chúng mình sẽ được cái trường. Bởi vì được cái tin sét đánh kia, Đích chỉ còn có hai con đường: một là bảo Oanh theo, hai là họ bỏ nhau. Oanh đi, thì tự ý phải trao lại cái trường, họ bỏ nhau thì chúng mình sẽ bắt Oanh trao lại, bấy giờ còn nể nang gì nữa!

- Thôi thì ác cũng được! Anh cứ trả lời thế đi!

San bàn như vậy bằng một giọng đùa. Thứ lắc đầu cười. Cả hai người cùng cho rằng chẳng khi nào họ hèn đến nỗi dám dùng cái lối vừa bàn. Nhưng một cái gì giống như là một ý tiếc vừa qua đôi mắt họ. Họ còn dịp nào tốt hơn?...

XV

Gửi bức thư cho Đích rồi, Thứ thường hay có những lúc nghĩ vẩn vơ. Những ý nghĩ của y luôn luôn trái ngược nhau. Lúc thì y tự bảo rằng:

- Đích nhận được thư của mình chắc hẳn phải thấy tươi đẹp hẳn lên. Anh chàng chắc mẩm đã lợi dụng được một thằng ngờ nghệch là mình. Có biết đâu chính anh mới thật là ngờ nghệch!

Nhưng cái ý nghĩ ấy cũng chẳng khiến y sung sướng chút nào. Trái lại, y buồn, bởi vì y chua chát nghĩ theo ngay rằng: muốn biết chắc chắn một người đàn bà có chung tình với mình không, thật là khó lắm. Hỏi chính người đàn bà thì cố nhiên là họ bảo chung tình với mình rồi. Còn hỏi người khác thì phần nhiều người ta không nỡ nói thật cho mình biết, nếu sự thật có thể khiến mình khổ sở. Tại sao anh em San lại có thể đem việc vợ San có ngoại tình nói với San? Riêng về phần y, y tin chắc rằng trong lúc y đi vắng dù cả nhà y có bắt được quả tang Liên có ngoại tình, việc ấy cũng không thể nào đến tai y được. Cả nhà sẽ về hùa với nhau mà giấu giếm. Như vậy đó!... Tim y nhói lên một cái, như đột nhiên bị một mũi dao thích mạnh. Người y cồn cào…

Nhưng có thật y đã nói dối Đích không? Bức thư của y mặc dầu có một cái dụng ý ranh mãnh ở trong vẫn đúng sự thật như thường. Sự thật là chính mắt y cũng chưa hề thấy Cảnh đến với Oanh một lần nào, từ độ Đích đi. Nghĩ thế thì y lại cho sự ghen bóng, ghen gió của Đích là một sự lố lăng. Và y lại thấy nóng tai, bởi vì cái tính hay ghen bóng ghen gió thì có lẽ y còn hơn cả Đích, nghĩa là chắc đã nhiều phen y làm những người khác phải cười thầm, mà chính y không biết…

Từ đấy, Thứ hình như có ý dò Oanh. Cố nhiên là không phải dò cho Đích, nhưng dò để xét đàn bà. Y không thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ rằng Oanh có thể có một người tình nào khác nữa, ngoài người phải đi xa.

Nhưng một hôm, đến trường vào một lúc bất ngờ gặp Mô đang loay hoay cắt cho Oanh mấy cái móng tay. Tay Mô nắm lấy những ngón tay Oanh. Cũng may đó lại là bàn tay phải: Oanh không thuận cầm kéo tay trái, tất phải nhờ Mô cắt. Chẳng có gì đáng quan tâm. Nhưng một hôm khác, nhân buổi có trăng, Thứ ra đường dạo chơi rồi tiện chân tạt vào đường, mới đến cầu thang, y đã nghe tiếng Mô hát bài "Cờ người"…

"Oanh hẳn đã về nhà riêng…". Y nghĩ vậy. Nhưng liền sau đấy, y nghe thấy tiếng Oanh cười. Y cố ý nện giầy thật mạnh lên những bậc thang. Tiếng hát ngừng. Cả tiếng cười. Mô đang nằm ngoài hiên gác vội vàng nhỏm dậy. Oanh nửa nằm, nửa ngồi trên đi văng ngoái cổ nhìn về phía thang lên và nhận ra y…

- Chú!... Chú lên đây mà nghe hát. Tôi phải thuê thằng Mô năm xu để nó hát cho tôi nghe đấy!

Thứ cười gượng, không nói gì. Đêm hôm ấy, y thao thức rất khuya. Y cứ luẩn quẩn nghĩ đến thằng ở chăn trâu nhà Liên ngày xưa, giọng tốt hát rất hay. Chính Liên cũng đã phải khen rằng nó hát hay mà lại bảo rằng chỉ vì mê giọng hát của nó, mà một người làng đã gả không con gái cho nó. Tự nhiên, Thứ nao nức muốn có phép gì có thể về được nhà quê ngay lúc ấy, để day dứt, đay nghiến, mai mỉa Liên cho hả. Y toan viết một lá thư về. Nhưng sợ cái cử chỉ ấy có thể khiến cho người khác hoặc chính Liên phải bu ồn cười, y lại cho rằng sự im lặng là hơn. Y sẽ để thật lâu không viết một bức thư. Y sẽ làm như quên hẳn Liên rồi, hay chưa bao giờ cần Liên cả. Cho Liên khổ…

Một việc nữa khiến y càng băn khoăn nghĩ đến Liên: việc vợ chồng anh xe. Một buổi sáng Chủ Nhật, bà Hà đi chợ vừa về đến cổng, sắp bước vào thì bỗng có tiếng người gọi. Bà quay lại. Một anh con trai mặc quần áo cánh trắng hồ lơ, đội khăn xếp hẳn hoi, lại có một cái áo the khoác cánh tay, hấn chạy vội lên mấy bước nữa, chào rồi hỏi:

- Thưa cụ, thế này không phải… cháu hỏi thăm cụ cô Mơ có ở trong này không ạ?

- Bác hỏi cô Mơ nhà tôi hay cô Mơ có chồng làm xe?

- Thưa cụ, cháu hỏi cô Mơ chồng làm xe ấy ạ!

- Thế thì để tôi còn phải vào xem đã.

Năm phút trước đây, vợ anh xe đã như một con mẹ hàng quà trốn thuế, lụt cụt chạy về chui tọt vào nhà. Bây giờ thì đang thập thò ở bên cạnh cửa, nhìn ra. Nghe tiếng bà Hà vừa đi vào vừa gọi, chị lại thụt cái đầu vào đằng sau bức vách. Bà Hà thò đầu vào cửa nhìn vào…

- Ngồi đấy mà…

Bà nói được ba tiếng rồi ngừng lại, rồi bà quay ra, bảo anh kia:

- Cô ấy không có nhà.

Nhưng ông Học vừa ở trong nhà trong ra, đã hỏi:

- Ai?

- Vợ cái nhà anh xe thuê cái nhà lá ấy mà.

- Chị ta vừa về đấy thôi

- Về nhưng đi đâu rồi, ai biết được?

Bà chực nháy mắt cho ông Học biết. Nhưng ông Học không để ý. Ông toang toang cãi.

- Không! Chửa đi đâu đâu, rõ ràng tôi vừa trông thấy ở trong nhà lá.

Bà Hà bật cười. Anh chàng kia hiểu ý, van lạy bà cụ Hà:

- Con lạy cụ! Cụ làm ơn bảo cô ấy ra cho con hỏi một tí, con cũng vừa trông thấy cô ấy đi vào lối ngõ này, con mới vào.

- Hỏi gì thì vào nhà hỏi.

- Con sợ vào chó cắn. Cụ giúp con làm phúc.

- Tôi không giúp được! Cô ấy bảo cô ấy còn bận, không ra được.

Bà quay vào bếp, mặc kệ anh ta đứng đấy. Anh ta đành gọi lấy. Nhưng chị nọ không thưa, cũng không ra. Ông Học như đoán thấy có chuyện gì rắc rối, ra ngõ, hỏi:

- Anh muốn hỏi gì chị ta?

- Thưa cụ, con muốn hỏi cô ta một chuyện riêng.

- Chuyện gì, anh cứ bảo ngay tôi này, rồi tôi nói hộ cho hay là cứ hỏi to lên, tất cô ta phải nghe thấy, tội gì mà cứ lè nhè mãi!...

Thấy anh đỏ mặt lên, ấp úng không chịu nói, ông làm như mắng:

- Anh gàn bỏ mẹ! Thế thì về quách đi, đứng đấy làm gì? Này nhé: chị ấy nhất định không chịu ra, còn anh thì lại sợ không vào… Với lại không sợ thì tôi cũng chẳng để anh vào. Người ta thuê nhà của tôi, chồng người ta đi vắng, chỉ có vợ ở nhà, vợ người ta không muốn tiếp anh, tôi tự tiện để anh vào, nhỡ nhà người ta mất cái gì, người ta trách được tôi. Tôi biết anh là anh đếch nào?

- Bởi thế con có dám vào đâu. Con đứng mãi bên ngoài cổng.

- Anh đứng mãi bên ngoài cổng thì được, mặc anh! Nhưng anh đứng xa hơn một tí nữa… Thế! Được rồi!... Anh muốn đứng đến bao giờ thì đứng!

Ông quay vào xay bột. Anh kia, có lẽ vì thấy ai cũng như có ác cảm với mình, ngượng và cực quá, không gọi nữa, anh đứng tần ngần một lúc rồi đi. Nhưng mới đi độ một chục bước, chẳng biết nghĩ thế nào, anh lại quay trở lại. Anh lẳng lặng đứng ở bên ngoài cổng, nhìn vào. Thấy thế, ông Học chẳng biết vì tò mò hay thương hại, lại ra cổng hỏi:

- Tôi hỏi thật anh, anh đối với chị ta thế nào, có họ hàng gì không. Cứ nói thật thà với tôi rồi tôi liệu.

- Bẩm cụ, con là chồng cũ.

Anh đáp lại, sau một giây im lặng. Và anh kể lể:

- Bẩm cụ, chẳng giấu gì cụ, cô ta đã nhận lời lấy con rồi, vợ chồng đã thuê nhà ở với nhau, cô ấy lại đã nhận của con ba chục bạc để may vá nọ kia. Thế mà con mất việc, phải về nhà quê có hơn nửa tháng, đến nay ra đã nghe tiếng cô ấy đi lấy chồng thằng xe, thằng bếp, mà lại phải lấy làm hai. Lấy con làm một thì cô ấy không thèm lấy!...

Ông Học ngắt lời anh:

- Không lấy thì thôi, thiếu gì con gái mà anh còn phải tiếc. Tôi ấy à? Nói khí vô phép chứ vợ tôi mà thế thì mấy tôi cũng không lấy nữa. Làm tài trai, thiếu gì!

- Vâng, thì con cũng có thiết đâu? Con chỉ có ý đến hỏi cô ta xem có thật cô ta đã lấy chồng khác rồi không. Bởi vì con chỉ mới nghe tiếng thế thôi, chứ đã giáp mặt cô ta đâu. Mà nếu quả thật cô ta đã lấy chồng khác rồi thì cô ta nghĩ cho con thế nào cái chỗ ba mươi đồng bạc.

Cô ả giờ mới xộc ra. Nhưng cô chỉ ra đến đầu hè:

- Anh còn trách gì tôi? Tôi cũng chẳng chê anh. Nhưng anh đưa tôi về nhà anh, người nhà anh chẳng ai buồn nói động đến tôi. Tôi chào người nào, người ấy ngoảnh mặt đi. Tôi ngồi đâu, mặc! Đứng đâu, mặc! Như thế thì tôi ở làm sao được.

- Thì chỉ một mình cô với tôi là đủ chứ còn cần gì ai nữa? Bố mẹ tôi không bằng lòng rồi tôi nói mãi cũng phải nghe. Chẳng qua là cô cũng có ý lường tôi, không thật lòng thật dạ với tôi. Cô không có bụng giở giáo thì hà cớ làm sao tôi mới về nhà chưa đầy một tháng cô đã phải lấy ngay người khác? Bây giờ cô đã trót lấy người khác rồi, tôi cũng chẳng dám nói gì, nhưng chỉ xin cô nghĩ cho cái số tiền cô nhận của tôi.

Cô ả chưa biết trả lời sao thì ông Học đã toang toang.

- Còn nghĩ ngợi gì? Tiền giai đưa gái có đòi được cái đếch người ta. Với lại anh đưa cho chị ta cũng chẳng có tờ, chữ gì. Có hiểu không? Thà rằng

anh chịu mất cho xong có hiểu không. Nhưng mà người đàn bà thế thì cũng bạc. Đã lấy tiền của người ta, đã ngủ với người ta, như thế là vợ chồng rồi. Người ta chết cũng phải đợi đúng ba năm, huống chi người ta mới về nhà quê mười mấy ngày giờ. Thế mà đã mặt mũi nào mà đi lấy chồng khác được!

Chị kia toan cãi. Nhưng ông nói lấp đi:

- Ấy là tôi cũng lấy lẽ phải trái nói vậy thôi. Còn mặc kệ đôi bên, chứ tôi được quái gì, mất quái gì, có hiểu không. Có điều câu chuyện đã rắc rối thế này, thì anh muốn nói gì, nói hết đi. Tôi cho anh năm phút nữa thôi, có hiểu không? Anh còn lảng vảng mãi ở đây, nhỡ người chồng mới người ta về, đôi bên lại lôi thôi. Lôi thôi thì tôi cũng chẳng cần gì. Tôi chỉ đá cho mỗi anh một cái, bắn ra đường, rồi mặc kệ các anh! Nhưng nó sinh lắm chuyện ra! Vả lại người ta thuê nhà của tôi, người ta có thể trách tôi sao để cho anh vào mà ghẹo vợ người ta. Vậy anh nói gì thì nói rồi đi! Muốn đánh nhau, chém nhau, cứ đợi bao giờ gặp nhau ở ngoài đường tha hồ đánh, tha hồ chém! Gây sự với nhau ở cổng nhà tôi là không xong! Hiểu không?

Anh kia không cần đến năm phút của ông. Anh chẳng còn gì mà nói. Vả lại nói mà cứ bị ông chẹn họng hay bàn tán lôi thôi thì còn nói năng gì! Anh chào ông Học rồi chuồn. Ông Học vẫn chưa thôi bình phẩm người vợ bạc tình của anh ta.

- Đời bây giờ, người ta cứ văng tê! Thử ngày xưa xem! Cứ gọi là voi giày, ngựa xé…

Ông nói nhiều và tệ lắm. Chị vợ anh xe chỉ ngồi cúi gằm mặt xuống. Mặt chị đỏ như gấc chín, rồi chị lủi thủi vào nhà. Một lúc lâu sau, nhân một lúc ông Học mải làm gì ở đằng chuồng lợn, chị vội vàng len lén chạy qua sân ra cổng. Nách chị cặp một bọc quần áo, bọc trong cái khăn vuông. Chẳng bao giờ, chị còn về đây nữa…

Mấy hôm sau, anh chồng đến, vào một buổi trưa. Anh nói chuyện rằng anh đã bỏ chị kia rồi…

- Con không biết nó đã có chồng. Nó bảo con rằng chưa lấy ai. Nếu con biết như thế này thì chẳng đời nào con lấy nó. Thưa cụ, một cái đất Hà Nội này thiếu gì con gái mà còn phải cướp vợ người ta.

Dần dần, anh mới ngỏ mục đích của mình ra.

- Thưa cụ, con thuê cái nhà, đưa cụ cả tháng rồi mà mới ở được mấy ngày, với đôi chiếu…

Ông Học không đợi cho nói hết. Ông đổi ngay nét mặt:

- Tôi nói cho anh biết: nhà anh thuê tháng chứ không phải thuê ngày, ở một ngày cũng mất tiền. Vả lại, như vậy cũng rẻ chán rồi! Anh thuê xăm một đêm cũng mất dăm bảy hào đồng bạc…

- Vâng, về cái nhà thì chẳng cho lại con đồng nào, con cũng không dám nói gì. Nhưng còn đôi chiếu, cụ để lại cho con năm hào bây giờ con không dùng đến nữa…

- Anh không dùng đến nữa thì đem mà đốt đi! Mặc kệ nhà anh! Anh nói dở vừa vừa chứ! Nhất ngay cho là vợ chồng nhà anh mới có nằm một đêm, anh có cho không tôi, tôi cũng chả thèm. Anh không đem đi, tôi cũng sai đem quẳng nó ra ngoài sông kia! Anh đừng vòi!...

Ông dức thật to. Mặt ông phình ra, đỏ tím lên. Tay ông như chực ném vào mặt anh kia, ông làm như bị anh kia sỉ nhục đến ông bà, tổ tiên. Anh kia đành chịu lép:

- Ấy là con cũng đến chơi nói chuyện qua với cụ, cụ nghĩ cho được thế nào thì nghĩ chứ có dám đòi cụ đâu!

- Anh đòi thế nào được tôi! Anh đòi thì tôi đập vào mặt anh ấy chứ!... Anh đừng rắc rối!

- Ô hay!... Thì tôi rắc rối gì?

- Anh thuê nhà, thuê cửa như thế à? Anh đem đĩ đến anh làm uế tạp nhà tôi ra!...

Ông đập bàn đập ghế ầm ầm. Anh kia nó té tát vài câu rồi vội tháo lui. Đôi chiếu của anh ta, anh ta cũng không kịp lấy đi. Anh đi khỏi một lúc, ông Học còn bô bô chửi…

Sáng hôm sau, lên trường, Thứ khoe với thằng Mô

- Thằng xe chuồn rồi, mày ạ!

- Vâng, thưa cậu. Nó chuồn ba bốn hôm rồi.

- Trưa hôm qua, nó lại vừa đến đây xong.

Mô nhìn Thứ bằng đôi mắt mở to:

- Thưa cậu thật đấy kia?

- Thật.

- Hoài thế mà con không biết!

- Nó còn nợ tiền mày à?

- Không. Nhưng cánh thằng chồng cũ con kia đang định đón đường để đánh cho nó một trận thật nhừ tử.

Thứ chợt nhớ đến bữa rượu hôm nào.

- Thế mày có bênh nó không?

- Thưa cậu, đánh bỏ mẹ nó đi chứ bênh gì! Cho nó chừa cái thói chim vợ người ta! Chúng con đón nó mấy hôm nay rồi, nhưng nó biết, không dám bén mảng đến cái vùng này nữa. Cũng là phúc nhà nó còn to đấy. Giá trưa hôm qua mà có thằng nào trông thấy thì đã được uống nước của hôm nay rồi!

- Thế còn con kia?

- Không hiểu nó đi đâu. Ý nó xem chừng cũng muốn giở về với thằng chồng cũ, mà cái thằng chồng cũ thì ra sự cũng còn muốn lấy nó. Thằng ấy hiền lắm ạ! Nhưng chúng con không cho lấy. Thưa cậu, cái giống nó đã đĩ như thế thì còn lấy nó làm gì? Nó rồi thì cũng chỉ đến cái cầu nay thằng này, mai thằng khác, rồi đến khi chẳng chó nào nó lấy nữa thì nhà thổ! Rồi thì là tim la!...

Mô cười sòng sọc, nẩy cả một cục đờm ra. Nó vội chạy ra ngoài để nhổ. Oanh nhìn Thứ, nheo mắt cười. Thứ bảo Oanh:

- Cô là đàn bà, cô hiểu cái tâm lý đàn bà hơn đàn ông chúng tôi. Tôi hỏi cô điều này: theo ý cô thì sự trinh bạch hoàn toàn có thể có không? Trinh bạch hoàn toàn nghĩa là trinh bạch cả về hai phương diện: xác thịt, tâm hồn, nhất là tâm hồn. Trinh bạch cả đến trong ý nghĩ… Có người đàn bà nào, suốt một đời chỉ nghĩ đến một người đàn ông?

Oanh chế nhạo và hơi có vẻ bất bình:

- Các ông tham quá! Các ông lấy hai vợ, ba vợ, có khi cả chục, lại còn cô đầu, con hát, gái kiếm tiền… đủ thứ vẫn chẳng sao. Thế mà các ông lại muốn bắt vợ các ông phải trinh tiết với các ông đến cả trong ý nghĩ!

- Tôi có bắt thế đâu? Vợ tôi vẫn tự do, vẫn đủ quyền… Nhưng tôi hỏi thế thôi.

- Các ông hãy nói ngay chính các ông! Các ông có thể trung thành với vợ ngay cả trong ý nghĩ hay không?

Thứ hơi ngượng nghịu. Y vẫn ngẫm nghĩ rồi y cười và bảo, như bảo với chính mình:

- Ờ, nghĩ thì cũng lạ! Ai cũng biết rồi, sao mà ai cũng băn khoăn, đau khổ vì cái sự khổ không thể có ấy? Tại sao người ta lại đến mất ăn, mất ngủ khi biết rằng vợ mình đã có lần yêu một người đàn ông khác, hay là hiện thời cũng có những lúc ngẫm nghĩ đến người đàn ông này hay người đàn

ông nọ? Trong khi ấy, nếu trông thấy một cô nào thích mắt, mình vẫn nhìn, vẫn thích và cho sự ấy là thường lắm!

- Thế mới là ích kỷ!

Oanh gần như the thé. Mặt y vênh lên một chút, tự đắc và bướng bỉnh, San, từ nãy giờ vẫn chúi mũi vào sách, bấy giờ mới ngẩng mặt lên. Y bảo:

- Ích kỷ thì cố nhiên là ích kỷ rồi. Nhưng chẳng riêng gì bọn đàn ông, đàn bà cũng thế, đàn bà cũng muốn giữ một mình một chồng lắm chứ! Giời sinh ra thế. Khoa học có thể tiến, loài người có thể văn minh, luân lý luật pháp có thể ít bó buộc hơn, nhưng về tình yêu thì đến ngàn, vạn năm sau vẫn vậy: người ta vẫn ích kỷ, vẫn ghen tuông, vẫn muốn giữ độc quyền, vẫn không chịu được một cái tình yêu chia sẻ. Con cháu chúng ta sẽ vẫn băn khoăn đau khổ vì yêu như chúng ta bây giờ và như tổ tiên ta ngày trước.

Thứ lắc đầu:

- Tôi thì tôi không tin như vậy. Tình yêu đã thay đổi nhiều lần chứ không phải từ ngày xửa ngày xưa vẫn thế này đâu. Dưới chế độ mẫu quyền, đàn bà có thể có rất nhiều chồng, mà sao những người chồng ấy không ghen, không đâm chém nhau? Ngày xưa người ta còn có lối lấy nhau rất buồn cười: tất cả anh em một nhà lấy chung tất cả chị em một nhà kia, chẳng cần gán riêng chị nào vào anh nào cả. Như vậy mà người ta vẫn ăn ở với nhau yên ổn được. Có lẽ ngày nay về bất cứ cái gì, người ta cũng thích co quắp lấy làm của riêng mình mãi rồi, đã quen đi, nên về tình yêu, người ta cũng muốn có quyền sở hữu như về mọi cái. Chế độ tạo ra lòng người.

San vẫn hoài nghi.

- Anh thích một vật gì, anh có muốn giữ vật ấy làm của riêng không? Đã yêu, tất muốn có quyền sở hữu.

Thứ mỉm cười, chỉ tay ra ngoài cửa sổ.

- Tôi rất thích trời xanh dịu thế kia. Tôi rất thích ánh nắng ban mai… Tôi rất thích mặt trăng. Nhưng anh cứ việc ngắm trời xanh dịu, nhìn ánh nắng ban mai, ngồi suốt đêm đối diện với mặt trăng, tôi chẳng giữ một mình đâu!

- Nhưng thử có một thằng nào ngắm vợ anh xem… Anh lại không đánh vỡ mặt nó ấy à?

Mọi người cười. Thứ cũng cười. Y hơi đỏ mặt. Y tin vào những lý lẽ của y lắm, nhưng y vẫn ghen, vẫn thắc mắc như thường. Tại sao vậy? Y suy nghĩ một cách buồn rầu, rồi bảo:

- Đó là tại thói quen. Không phải có thói quen của riêng mình, nhưng là thói quen lưu truyền đã mấy đời, đến nỗi nó đã nhập vào máu chúng ta. Tư tưởng, tính tình, cảm giác, hành động của chúng ta đều khuôn theo những thói tục. Những lề lối sẵn trong thời đại của chúng ta. Thời thế đổi, lòng người đổi. Thế kỷ sau sẽ lọc cho máu chúng ta trong trẻo lại

Y thở dài nghĩ bụng: "Nhưng tại sao ta lại không nghĩ đến chuyện lọc máu ngay từ giờ?"…

XVI

Lần thứ hai, Thứ định viết thư cho Đích nói dứt khoát về việc nhà trường. Lần này, y quả quyết hơn. Y đã viết được mấy dòng rồi. Bức thư bắt đầu thế này:

"Ông Đích!

Thư này tôi viết cho ông Đích, người xuất vốn cho trường chứ không phải viết cho anh Đích, người anh họ. Chúng ta cần biết phân biệt thế, để dễ đối xử với nhau. Anh là anh họ của tôi. Cô Oanh cũng như một người chị, còn anh Cảnh thì là bạn. Dù thế mặc lòng, chúng ta vẫn có chỗ cần phải gạt tất cả tình nghĩa ra ngoài, ấy là việc nhà trường. Tôi sẽ không úp mở gì. Thực tế thì hai anh với cô Oanh chính là những kẻ thuê người làm, mà tôi thì là người làm thuê. Cứ nói toạc móng heo thế là hơn. Tình nghĩa là tình nghĩa. Công việc là công việc. Hai đằng riêng hẳn.

Bây giờ anh hãy đứng địa vị kẻ thay mặt cho những người xuất vốn mở trường của chúng ta, mà trả lời tôi…".

Thế rồi y mới đem những điều yêu sách của y ra. Một là phải tăng lương cho y theo với số học trò. Hai là trao hẳn cái trường cho y, họ chỉ việc ngồi không, hưởng mỗi tháng một số tiền là bao nhiêu đấy. Muốn đằng nào thì muốn… Nhưng y sẽ để cho Đích ngồi không, ăn mỗi tháng bao nhiêu? Đó vẫn là điều y cần phải tính lại kĩ càng. Bởi vậy lá thư bỏ dở. Đang như vậy thì bỗng nhiên trưa hôm ấy, Oanh hỏi ý kiến y về việc hôn nhân của Oanh và Đích:

- Này chú ạ! Nếu Đích không về được, thì tôi có thể đến chỗ Đích làm, rồi chỉ hai chúng tôi thôi, chúng tôi sẽ làm hôn ước ngay tại đấy, được không?

- Nhưng tại sao anh ấy không về?

- Đang thời kì chiến tranh, xin nghỉ khó. Đích bảo: đã xin hai lần rồi, cũng không được.

Cuối cùng, Oanh bảo.

- Có lẽ thì tháng sau tôi thu xếp đi với Đích. Tôi muốn làm cho xong chuyện. Để lúng nhúng mãi, đến bao giờ? Tôi còn bà ngoại tôi, coi bộ đã leo heo lắm rồi. Nhỡ ra một tí vướng luôn hai, ba cái tang thì già quách còn gì? Vả lại tôi cũng muốn xong việc cưới cheo đi, để vợ chồng cùng đi với nhau. Đích đi làm, tôi buôn bán, may ra có gây được một chút vốn liếng làm ăn để sau này có con cái đỡ lo. Cứ thế này mãi rồi thì biết liệu thế nào? Còn chú, chúng tôi định để cho chú cái trường này, để chú kiếm thêm một chút.

Ấy thế là Thứ lại xé lá thư viết dở đi. Y lại đợi. Trong khi đợi y chỉ còn mỗi một cái thú, là đọc sách rất nhiều. Hình như ít lâu nay, y có vẻ chán người. Chán hay không thì cũng thế thôi: họ chẳng được gì, chẳng mất gì. Nhưng y mất cái thú sống chăm chỉ, luôn luôn bận đầu óc đến người này, người khác. Bây giờ y làm như ngoảnh mặt đi, không thèm nhìn họ nữa. Y chán họ.

Oanh để cho y nhìn rõ đến tận đáy lòng. Y biết đã từ lâu rồi Oanh chẳng tốt gì. Nhưng y vẫn tưởng ít cùng ra, Oanh còn có thể tốt với tình nhân. Chỉ khi yêu là người ta dễ dám hy sinh, nhưng Oanh, y vẫn tính toán như thường! Y phàn nàn rằng đằng nhà Đích không biết điều tí nào, họ không chịu hỏi y, xêu tết hẳn hoi. Oanh phải nuôi các em cho Đích, nhưng họ cũng chẳng kể thế vào đâu. Họ đã không trả tiền, mà lại không có lời nói với y, họ không muốn bỏ ra dăm, ba trăm bạc để cho Đích cưới… "Cái gì cũng bắt tôi chịu cả, thì tôi chịu làm sao nổi?". Oanh bảo thế. Nghĩa là Oanh sợ thiệt vào mình vậy…

Cộng đã bỏ Dung. Nghe đâu vì cũng mong manh biết chuyện Dung đã dan díu với San. San biết tin ấy, có ý hả hê. Thứ tưởng rằng bà béo sẽ oán San suốt đời. Nhưng không. Bà thật là một kẻ biết tùy thời. Mất đám kia rồi, bà lại trở mặt, tử tế với San. Một hôm, San vào mua hàng, bà mời ngồi chơi, uống nước hẳn hoi. Bà than thở rằng bước sang năm nay chỉ những ốm cùng đau, để cho San hỏi thăm bà. Bà than thở về chiến tranh, sinh ra khó làm ăn. Bà hỏi San ít lâu nay ít đến chơi. Và bà dặn San, thỉnh thoảng đi qua, cứ tạt vào chơi xơi nước… Ấy thế là cuộc giao thiệp giữa San và Dung lại nối. Thứ có ý hơi khó chịu.

Thứ nghĩ đến Tư. Tư hơi béo ra một chút, hơi xấu hơn, xộ xệ hơn. Như vậy, nghĩa là Tư gần Thứ hơn một chút. Đã một đôi lúc, Thứ nảy ra cái ý đánh liều ngỏ ý với Tư. Y nghiệm ra rằng ít lâu nay Tư rất hay đi qua cái lối đi ở sau nhà. Không nói điều ấy với San, y hay ngồi trên giường, trông ra bên ngoài cái cửa sổ căng lưới thép, như một con thỏ trong cái chuồng của nó. Cái cửa sổ ngang tầm với cái cằm y. So với người đi bên ngoài, nó cao quá đầu người. Người đi qua muốn nhìn nó, phải đứng hẳn lên, nghển người lên, vì cái lối đi hẹp quá, không có chỗ lùi để dễ nhìn. Do lẽ đó, những người qua lại ít người nhìn thấy nó, ít người để ý chỗ nào có một cái cửa sổ mở ra đường, và đằng sau cánh cửa sổ ấy có thể có những con mắt tò mò nhìn ra. Cũng vì thế mà một buổi trưa nắng chang chang một cặp tình nhân đi đến chỗ ấy, đã đứng lại, ôm nhau. Họ giật mình, cái hôn đang chực sa xuống, ngừng sững lại, bị đeo lơ lửng ở trên không. Thứ đã để thoát ra một cử chỉ không giữ lại kịp. Bởi vì người suýt được hôn là Tư. Cả đôi trơ tráo cái mặt ra, rồi vội vã bước đi. Người đàn ông cao lớn ngang với Thứ, mặt trông cũng già bằng. Giá Thứ đã bạo dạn hơn một chút thì

biết đâu?... Y tiếc ngẩn ngơ. Nhưng cố nhiên là từ ấy y thấy Tư không đáng cho y ao ước như trước nữa. Mười lăm, mười sáu tuổi, một người con gái đã có thể có nhân tình rồi ư? Mà lại nhân tình hẳn với những thằng lớn cộ, tuổi gấp hai.

Cụ Hải Nam vừa được thưởng bội tinh, tiệc tùng mấy ngày đêm. Chung quanh nức tiếng đồn. Người ta nói ăn uống đến mấy vạn đồng, khách đến toàn bằng xe hơi, xác pháo ngập kín sân, cô đầu tất cả bốn mươi cô, và chủ nhân đã cho xây hẳn một cái nhà nho nhỏ, kiểu mẫu riêng, để mấy vị khách to nhất nằm hút thuốc phiện và nghe hát, để thêm trịnh trọng và tỏ lòng quý khách. Người ta lại còn bàn tới đám cưới cô con gái út, tiệc tùng chắc cũng linh đình chẳng kém gì. Cô con gái út ấy vẫn kén chồng và con một quan tuần phủ hỏi, cô vẫn chưa chịu lấy. Mấy cô cháu cũng toàn tri huyện, đốc tờ hỏi cả. Rồi người ta nói đến chuyện được mồ được mả, chuyện phúc đức lưu cữu những từ đời ông tứ đại, ngũ đại nào truyền lại.

Con bé Lân thì chẳng biết có được mồ, được mả gì không, nhưng cũng vênh váo ra tuồng! Nó lấy được một anh thợ may, diện sang hơn cả Thứ và San, và thỉnh thoảng lại khoác tay nhau đi qua trường, nói nói, cười cười, làm ra vẻ ta đây nhí nhảnh, như để hếu mắt Mô!

Mô hóp người đi, vợ nó đã đẻ một đứa con, phải nghỉ làm. Ông bố trẻ toái người! Tự nhiên, nó sinh ra đỏi tính ngay. Nó trở nên ít nói, ít cười, mặt suốt ngày tối sầm sầm, nói thì hoặc nói nhỏ quá, hoặc to quá, như tức người quá, đến nỗi Thứ phải ngượng. Thứ thấy ngài ngại, khi cần sai đến nó. Nó không làm cho y mau mắn như xưa. Có khi Thứ bảo nó điều gì, nó chỉ im ỉm, không thèm đáp lại, hay có đáp cũng chỉ hơi nhúc nhích môi, như không còn muốn nói. Hình như vợ chồng nhà nó cãi nhau luôn. Điều chắc chắn là hai mẹ con bà Hà cãi nhau luôn. Có lần chính Mô vặc nhau với bà mẹ vợ.

Bà cụ Hà cứ vài ngày một lần, hỏi Thứ rằng đã sắp đến nghỉ hè chưa. Bà làm như bà sốt ruột lắm rồi. Gạo, củi, thức ăn… mỗi ngày một đắt hơn. Thổi cơm cho Thứ và San, mới đầu bà còn lãi ít nhiều, rồi chẳng lãi tí nào, rồi lỗ. Nếu mọi thứ còn đắt mãi lên, thì bà còn lỗ mãi, lỗ tăng mãi lên. Bà chỉ có thể chịu đựng cho đến ngày San và Thứ nghỉ. Trong khi đợi, Thứ và

San phải nói với bà để giảm các thức ăn đi, vì họ không thể trả hơn được nữa… Chiến tranh đã ảnh hưởng đến cuộc sống của Thứ và San rồi vậy! Thứ chua chát nhớ lại cảm giác mừng rỡ của y khi cuộc chiến tranh thế giới mới bùng ra. Y khổ sở mãi rồi và coi chiến tranh như dấu hiệu của một sự đổi thay. Chiến tranh lại dai dẳng, kéo dài ra, kéo dài ra như đến mười năm, hai mươi năm nữa cũng không cùng, và y vẫn khổ, lại còn khổ hơn lúc trước. Bao giờ cho nó hết?...

Ông Học cũng kêu ca vì mọi thứ đắt lên mà hàng thì lại ế. Nhưng ông được mảnh đất và cái nhà kéo lại: "ngày xưa, chỗ này chưa đến năm hào một thước vuông. Bây giờ lại không năm đồng à? Cả nhà, cả đất, bỏ rẻ cũng năm nghìn đồng…". Ông bảo vậy. Ông lại luôn luôn nhắc cho Thứ và San biết rằng họ thuê được ở chỗ này là may: người Tàu họ chạy loạn sang đây, thuê hết cả nhà khiến giá nhà tự nhiên cao vọt lên, nhiều người không tìm nổi một căn nhà ở ngoại ô mà ở, chứ đừng nói gì nhà ở thành phố. Thứ lấy làm khó chịu. Nhất là mùa bức đến, y đã bắt đầu nhận thấy căn phòng chẳng tốt đẹp gì. Không những bức, mùi phân và mồ hôi ngựa đưa sang, rất là khó ngửi. Và Thứ chợt hiểu ra vẻ ngần ngại của ông Học, những lời rào trước đón sau của bà ta, khi Thứ và San ngỏ ý muốn ở lại căn phòng ấy. Sao họ không nói phắt ngay rằng ở căn phòng ấy, người ta sẽ khổ mũi vì những thức ở bên trong chuồng ngựa?

Một hôm, ông hỏi về số tiền học ở lớp vỡ lòng ở trên trường. Thứ trả lời:

- Có năm hào. Nhưng nếu ông muốn cho thằng cháu lên học thì cứ việc cho lên. Tôi nhận cho. Chẳng phải tiền nong gì cả.

Thứ nói vậy, rất thật lòng. Oanh có đến cả đống người nhà học không phải trả tiền. Y có xin tiền học cho một đứa, Oanh cũng chẳng nói vào đâu được. Ông Học bằng lòng ra mặt. Ông cười híp mắt lại mà bảo Thứ:

- Vâng, thế để nay mai tôi kiếm giấy bút cho cháu, rồi nhờ hai ông. Dẫu có mất tiền cũng được. Miễn là hai ông trông coi cháu giúp. Thế nào cũng còn hơn nơi khác.

Chẳng hiểu hai vợ chồng ông ta bàn đi, bàn lại thế nào mà rồi thằng Học vẫn ở nhà. Thứ giục thì ông bảo để sau nghỉ hè mới cho nó đi, không muốn

dở dang. Thứ tin ngay. Nhưng bà Hà bảo nhỏ với y:

- Ông ấy sợ mất những năm hào. Ở dưới kia, có người lấy có ba hào.

Thứ ngạc nhiên

- Nhưng nếu học trường chúng cháu thì chẳng mất đồng nào. Cháu đã bảo thế kia mà!

- Vâng, nhưng bà ấy lại bảo rằng: chẳng lẽ ông bà ấy lấy tiền nhà của hai cậu thì được, mà đến lúc cho con lên học, thì lại không đưa tiền học, coi không tiện, mà đưa thì phải đưa những năm hào, đắt quá…

Quả nhiên, mấy hôm sau, thằng Học ngày ngày cắp sách đi. Nhưng nó đi xuống dưới, chứ không lên trường…

Anh xe trả cái nhà lá được mấy hôm thì lại có người khác đến kế chân ngay. Lần này là một bà đã sồ sề, tuổi độ băm tư, băm lăm, có hai đứa con gái, một đứa lên chín lên mười, một đứa lên năm lên sáu. Hai đứa bé trông xinh, tuy quần áo bằng vải nâu, rách vá tứ tung. Chúng để tóc chấm đến vai. Con bé em có một cái vòng cổ bạc. Chúng nheo nhéo hát suốt ngày. Tiếng chúng trong trẻo, giọng khá cao, và nhiều khi Thứ ngừng đọc sách để mỉm cười nghe chúng hát. Thứ thấy có cảm tình với chúng nhưng cũng chẳng tìm cách làm quen. Một đôi khi, đang hát chợt trông thấy Thứ, chúng xấu hổ ngừng bặt lại những câu, và bíu lấy nhau, giấu mặt đi, cười hi hí. Rồi chúng nhìn trộm Thứ. Thứ vuốt ve chúng bằng mắt và hơi mỉm cười…

Bà mẹ cũng làm ở hãng rượu bia. Bà nói với con rất nhẹ nhàng, dịu dàng. Bao giờ cũng thế, chứ không phải chỉ có từng lúc thôi đâu. Đó là một điều ít thấy ở những người đàn bà lao động, lam lũ và cực khổ. Ấy thế mà cứ nhìn người, cũng như nhìn cách sống của bà, cũng đủ biết bà không phải là một người phong lưu, sung sướng. Bà ta khổ người thô. Cách đi đứng hay mải mốt, vội vàng. Chỉ hôm nào nghỉ ở nhà, bà mới đi guốc thôi. Đôi guốc rất to. Bà đi trông chưa được gọn. Bàn chân ấy, chắc vốn đi đất từ thủa bé, chỉ mới làm quen với guốc. Từ hôm bà đến, chưa một lần nào người ta thấy bà mặc áo chùng. Ngày nào cũng như ngày nào, bà chỉ mặc cái quần tréo go đã bạc, ống thì cộc, đũng thì chùng, với một cái áo cánh nâu ngắn

cũn cỡn, mồ hôi muối ra cái lưng áo trắng ra từng ngấn. Bà đi làm vắng suốt ngày. Con bé lớn quán xuyến tất cả việc cửa nhà. Cũng chẳng có gì, buổi sáng bà đi làm rồi, nó quét tước cửa nhà. Rồi nó quanh quẩn với em. Gần trưa, nó cầm rá gạo mẹ đã lấy sẵn, để ở nhà cho, ra lấy nước, xóc, thổi cơm. Nếu mẹ có gửi tiền, bà Hà có mua rau cho, thì nó luộc rau. Rồi lấy mâm bát sẵn sàng. Trưa đứng bóng, bà mẹ mới về, mặt đỏ gay, mồ hôi rỏ ở cằm, mồ hôi ướt đẫm lưng. Đứa con bé reo lên, chạy ra nắm lấy tay bà, chạy trước bà, vào. Bà ngồi nghỉ một lúc, quạt cho bà, quạt cho con. Rồi ba mẹ con ăn. Tới tầm bà lại đi làm. Hai đứa trẻ lại lẩn thẩn chơi với nhau, hát với nhau. Có khi con chị quạt cho con em ngủ. Bữa chiều, nó lại liệu thổi cơm sẵn, đợi mẹ về. Ăn cơm chiều xong, bà mẹ đi gánh vài gánh nước. Rồi ba mẹ con sửa soạn đi nằm, hai con bé rí ráu nói chuyện với mẹ hay đọc những bà hát và hỏi mẹ những đoạn chúng chưa thuộc.

Ông chồng thỉnh thoảng mới về. Ông trông quá cách biệt vợ con. Ông không có vẻ thợ thuyền. Ông có vẻ là một dân làm bàn giấy một sở tư nào đó. Quần áo tây, tuy chẳng sang gì, nhưng toàn màu trắng, chứ không màu vàng hoặc màu xanh. Bao giờ cũng đủ quần với áo, có khi lại cả ca vát nữa. Ông về bằng xe đạp và hay về tối lắm. Sáng cũng hay đi sớm. Hình như ông có ý thẹn vì vợ vì con. Thứ chưa bao giờ thấy ông có một cử chỉ hoặc một lời nói nào thân mật với vợ, với con. Ông làm như không bu ồn nhìn đến vợ, con. Ông khinh khỉnh, lạnh lùng, thường có vẻ mặt và bộ điệu của một ông phán nói với dân quê. Những tối có ông ở nhà, hai đứa trẻ con không hát.

Trông thấy vợ chồng ông, Thứ không thể không nghĩ đến vợ chồng mình. Giá y đứng với Liên thì người ngoài trông cũng na ná thế thôi. Cũng chồng diện tây, vợ đặc nhà quê. Người lạ có thể bảo là ông chủ với con sen, chị vú… Tuy vậy, Thứ ghét ông. Ghét nhất là cái thói khệnh khạng, không phải lối của ông. Ông coi vợ chẳng khác gì con hầu, đày tớ. Hôm nào về đến cổng mà thấy cổng đóng rồi, ông bóp chuông xe để gọi vợ ra. Bà vợ dạ rồi mới mải mốt chạy ra. Bà mở cổng xong đỡ lấy cái xe đạp cho chồng. Ông chồng ung dung hai tay không, đi trước vào nhà. Bà vợ tựa cái xe đạp vào tường, cài cổng, rồi mới nâng niu dắt xe đạp vào sau. Bà vác cái xe đạp lên, cất cẩn thận vào nhà. Bà mượn cái chậu thau nhà ông Học, lấy nước cho chồng rửa mặt mũi, chân tay. Sáng sớm hôm sau, bà lại vác cái xe đạp

ra sân, lấy giẻ, chậu thau nước, để trước cửa, đợi chồng. Ông chồng rửa mặt, mặc quần áo xong, chỉ việc cất lấy cái xe đạp ở tay vợ, ra đi. Có hôm cổng chưa kịp mở, bà còn phải dắt cái xe đạp ra tận cổng để mở cổng cho chồng nữa. Trông thấy người chồng chẳng què, chẳng cụt gì, mà cứ để cho vợ làm như thế, Thứ cho là chướng lắm. Chướng nhất là một hôm Thứ lại nghe thấy ông gọi vợ là "mày" và sai:

- Đem đánh đôi giày đi cho tao!

Bà vợ đem đôi giày khổ ra hè, lau lau, chùi chùi mãi, rồi bôi kem, rồi cọ, rồi ngắm nghía, quý hóa, trân trọng lắm. Đời lại có những cái tức như thế được. Thứ muốn giật xoẹt lấy đôi giầy, quẳng ra đường hay sang chuồng ngựa. Y muốn chửi vào mặt người đàn ông hay gây sự, đánh cho anh ta một trận. Y muốn gào cả vào tai người vợ:

- Nhịn nhục quá là đê tiện. Người đàn bà sinh ra không phải để làm nô lệ!...

Thứ trọng người, trọng phẩm giá của con người. Y không thích sai ai dù là một đứa trẻ con. Theo y, đày tớ là những người giúp việc, không phải là những kẻ để sai, những việc gì chính mình có thể làm được, có thì giờ để làm, thì không nên bắt chúng làm. Dù bức đến đâu, y cũng không thể nào ngồi ăn mà bắt một thằng nhỏ đứng quạt hầu. Vợ, đối với y, phải là một kẻ ngang hàng, không phải là một người dưới quyền chồng. Ở nhà quê, người ta đánh vợ, chửi vợ như chửi chó, chửi mèo. Y cho là những quân cục súc, vũ phu, quen bắt nạt xó nhà. Còn y, y đã bảo thẳng với Liên: "Tôi không có quyền được đánh mình, nếu tôi tát mình một cái, ấy là tôi coi mình không còn phải là người ngang hàng tôi nữa: mình đã là người tôi khinh, tôi ghét, nghĩa là chúng mình sẽ bỏ nhau tức khắc!". Y những tưởng tất cả những người có học một chút, đều nghĩ như y vậy. Y không hiểu người chồng có vẻ con người có học mà lại bắt vợ vác xe đạp và gọi vợ bằng "mày" kia…

Y lại còn không hiểu tại sao ông ta không ăn cơm nhà với vợ, con? Ông ăn cơm ở sở chăng? Có sở nào thổi cơm luôn cho các nhân viên! Hay là sở xa quá, không tiện để ông về? Thì ít ra ông cũng phải ăn bữa cơm chiều chứ! Thứ đoán rằng ông thích ăn cơm trọ một mình để được ăn ngon, sợ ăn với vợ con thì phải ăn kham khổ quá. Y lấy làm lạ rằng có người lại có thể

sung sướng một mình như thế được. Nhưng lại ngẫm nghĩ đến y. Thì chính y cũng chẳng sung sướng một mình đó ư?

Một hôm, nhờ bà cụ Hà rí rỏn hỏi bà kia, mọi người mới vỡ lẽ ra rằng ông ta có vợ hai. Người vợ hai có vốn liếng, có cửa hàng, đã bỏ tiền ra chạy cho ông một việc làm. Bởi thế ông nể vợ hai hơn, ăn với vợ hai, để người vợ hai có quyền hơn. Còn người vợ cả bởi không có tiền, mang tiếng là vụng dại, nên đành chịu lép… Bà Học làm như người ghen hộ:

- Chịu lép là chịu lép thế nào? Tôi mà thế thì nhất định là không ức được tôi. Có lắm tiền, có giỏi giang mấy đi nữa, thì cũng là lấy chồng tôi. Lấy chồng tôi thì phải chịu quyền tôi. Chực lấn át tôi là không thể được! Sao như vậy mà bà chịu được.

Bà hỏi bà kia như vậy. Bà kia chép miệng

- Không chịu thì biết làm sao được? Mắc cái tại chồng mình. Chồng mình có mê nó thì nó mới bắt nạt được mình.

- Bắt nạt là bắt nạt thế nào? Tôi thì tôi xé xác nó ra!

- Xé xác nó ra cũng chẳng được gì? Chỉ tổ người đàn ông ghét. Thà chịu ngay nước lép đi thì người ta còn thỉnh thoảng đi lại với mình. Làm mất mặn, mất nhạt thì người ta mặc kệ, bất lai đoái hoài, đã làm gì được người ta? Thôi! Tôi thì anh chê là ngu, là dại tôi đành chịu, nhưng tôi chỉ chịu nước lép ngay đi cho rồi!

Bà nói xong thở dài. Mặt bà buồn rười rượi. Bà Học chỉ tức lây, mà cũng tức thật lâu. Bà lảm nhảm, nghiến ngấu mãi không thôi. Bà Hà nhìn ông Học cười: Hé! Hé… U em có vẻ mừng. Nhân một lúc bà kia có một mình, u em ẵm em lại gần bà…

- Thế ra ông ấy nhà bà cũng có vợ hai đó ư, bà?

- Có vợ hai!

Bà kia vừa chép miệng đáp, vừa nhìn đi, như chẳng muốn người ta bàn tán lôi thôi gì nữa. U em hấp tấp bảo ngay:

- Thế thì cảnh bà cũng rứa cảnh tôi!

Thị nói ra như thể reo lên. Mặt thị có một vẻ gì như vừa mừng rỡ, vừa tự đắc. Thị kể láu ta láu táu.

- Chồng tôi cũng vậy. Chồng tôi cũng mê con đĩ. Con đĩ thì cũng chẳng dám làm gì tôi, nhưng tôi chỉ tức cái nó có tiền, nó mở cửa hàng buôn bán với nhau. Nó chẳng làm gì, chỉ ăn trắng mặc trơn, ngồi phền phễn suốt ngày trông hàng. Tôi phải mở cửa, đóng cửa, thổi cơm, nấu nước, như con ở. Tôi không chịu được. Tôi tức mình đi ở như thế này. Mình làm lấy, mình ăn. Hầu hạ thì chẳng thà hầu hạ người ngoài, tội gì mà hầu hạ con đĩ, nó bám hơi chồng mình mà lại đòi sai bảo mình!

- U em chưa có con thì mới làm thế được. Tôi mà cũng nghĩ liều thế thì con tôi khổ!

- Tôi cũng có con đấy chứ! Tôi được một đứa con trai lên năm với một đứa nữa mới được hai năm.

- Thế chúng nó đâu rồi?

- Ấy, thằng lớn thì bố nó nuôi. Còn thằng bé, bố nó đòi nuôi mãi, nhưng tôi tức con đĩ, tôi không cho nuôi. Tôi bảo: "Mỗi người nuôi một đứa". Tôi gửi bà cháu ở nhà quê, rồi tháng tháng gửi tiền về nuôi.

- Con tôi nó không chịu thế. Chẳng đứa nào chịu đi với bố. Đứa nào cũng chỉ bám lấy mẹ thôi.

- Thế bà lấy gì mà nuôi chúng nó được? Bà làm thì khéo lắm chỉ đủ bà ăn. Mỗi tháng ông ấy có cho bà đồng nào không?

Bà ngập ngừng một chút rồi bảo:

- Cũng có. Không thì tôi nuôi chúng nó làm sao được? Mỗi tháng, bố chúng nó cho ba đồng…

Thế mà bà ta chiều chuộng chồng như vậy!... Nó với chồng bà vâng, dạ hẳn hoi. Thứ ngẫm nghĩ ra rằng đàn bà tốt hơn đàn ông, nhẫn nại hơn, nhiều đức hi sinh hơn. Số đàn bà bị tình phụ cũng nhiều hơn số đàn ông. Y nghĩ đến bà ngoại y, bà bị chồng bỏ đi từ năm mới hăm hai. Y nghĩ đến bà ngoại Oanh chồng chết từ năm mới hai mươi tuổi, mà cũng đành ở vậy nuôi con. Y nghĩ đến bao nhiêu những người đàn bà bị chồng vì mê vợ lẽ mà ruồng bỏ, sống âm thầm và cam chịu, không liều lĩnh, không phẫn uất. Có bao nhiêu người đàn ông đã im lặng mà chịu đựng được như thế ấy?... Y nghĩ đến Liên và thấy thương Liên một cách thấm thía vô cùng. Y sực nhớ ra rằng Liên đang bị ốm nặng, theo lời Đại nói hôm nào. Ho ra máu… đó không phải là một bệnh thường đâu. Người ta chết vì bệnh ấy là thường. Nếu Liên chết bây giờ chẳng hóa ra cả một đời lấy chồng của Liên khổ lắm ư? Liên khổ vì y nhiều rồi. Liên khổ vì gia đình cũng đã nhiều rồi. Liên chưa có lúc được đền bù. Gia đình Liên cũng sẽ rất thương Liên, ái ngại cho Liên vì vẫn tưởng Liên bị chồng giận và ghẻ lạnh. Có lẽ chính Liên cũng đã có lúc ngờ như thế… Thứ nghĩ ra, nghĩ gần như vậy. Y tưởng tượng ra lúc hấp hối của Liên, bàn tay giá lạnh của Liên trong bàn tay y như oán trách. Và đôi mắt đau đớn của mẹ Liên. Và những câu hờ não ruột của bà, vừa thương con, vừa chì chiết rể. Và y, thất vọng và khổ sở trước sự chẳng còn sửa chữa làm sao được nữa! Có biết bao nhiêu người đã phải chịu sự ân hận ấy rồi? Tận đến lúc người yêu chết, họ mới chợt nhận ra rằng mình đã quá ơ hờ, mình đã làm khổ người yêu, hay rất có thể làm cho người yêu sung sướng mà chẳng khó khăn gì, nhưng đã chẳng làm. Trước cái chết của một người yêu, có biết bao nhiêu người đã phải tiếc rằng mình đã không tử tế!...

Ngay tối hôm ấy, khi San đi học rồi, Thứ đóng cửa buồng, nằm viết cho Liên một bức thư lời lẽ rất yêu đương. Y bỏ hẳn cái giọng lạnh lùng, mọi khi vẫn dùng để viết cho Liên, sợ thư có thể lọt vào tay bà hay bố mẹ y. Lần này, y nghĩ rằng, chẳng làm gì phải quá giữ gìn. Yêu thương vợ con có phải là một cái tội đâu? Vậy y cứ thật thà hỏi thăm Liên về bệnh trạng của Liên. Y nói tất cả nỗi lo lắng của y ra. Y bảo Liên nên cẩn thận giữ mình đừng lo buồn, phiền não quá đến nỗi sinh bệnh hoạn, Liên nên uống thuốc

đi, và nếu bệnh không giảm thì phải cho y biết ngay, để y về nhà chạy thầy chạy thuốc. Y tỏ ra săn sóc đến sức khỏe của Liên nhiều lắm…

Muốn cẩn thận, y gửi bức thư ấy cho người em ruột Liên, nhờ đưa tận tay Liên, để bức thư khỏi có thể lọt vào tay người nhà y.

XVII

Oanh nói về những giấc mộng của y

- Tôi có một vài cái khiếu lạ, là có thể trông trước những việc sắp xảy ra. Đời tôi, vào những dịp quan trọng, tôi thường có những giấc chiêm bao, về sau nghiệm ra đúng lắm. Hồi tôi học hết ban tiểu học, tôi muốn học lên ban sư phạm lắm như ba tôi nhất định không cho học. Ba tôi không thích cho con gái học nhiều. Tôi thì lại quyết học cho bằng được. Tôi khóc lóc với má tôi. Má tôi cho vụng tôi tiền để tôi lấy các giấy tờ, gửi đơn thi. Rồi đến hôm thi, tôi phải đi thi vụng. Ngay hôm mới thi xong, còn phải chờ kết quả, tôi nằm mơ thấy tôi đã được vào học trường sư phạm, tôi thấy rõ rệt cả cái giường như thế nào, lớp học thế nào, bà giáo là người như thế nào… Về sau, đúng hết. Những cảnh trong mộng, cả đến hình dáng, nét mặt bà giáo, in như sự thật… Trước khi má tôi chết, tôi cũng chiêm bao thấy cảnh một nhà thương, má tôi nằm trên một cái giường sắt, tôi ngồi một bên, khóc lóc. Đến khi tôi ra Hà Nội, kiếm việc làm, tôi chiêm bao thấy trước sở tôi làm. Đêm hôm nọ, tôi nằm mơ thấy tôi về nhà Đích. Sáng hôm sau, tôi kể lại tất cả cho thằng Đại nghe, nhà Đích có mấy cái nhà, cái nào lợp ngói, cái nào lợp rạ, cái gạch như thế nào… tất tất!... Thằng Đại nhận là đúng cả. Thế có lạ không?

Thứ mỉm cười. Y chẳng tin một chút nào. Oanh muốn chiêm bao thì cứ việc chiêm bao! Nhưng chớ vội mừng! Thứ biết trước đến khi về nhà Đích, y sẽ được gặp nhiều điều khác xa với những cái y vẫn thường tưởng tượng. Trước hết là nhà Đích chỉ có cái mẽ bề ngoài, chứ thật ra cũng không giàu. Thế mà hai ông bà đặc nhà quê, quanh năm phải đầu đội vai mang, chân lấm tay bùn. Họ sẽ phải chướng mắt vì cô nàng dâu đặc tân thời, tóc búi, áo chùng lướt thướt, quần trắng buông kín gót chân, lúc nào cũng lẹp kẹp đôi giày đôi dép. Không hiểu lúc bấy giờ, Đích sẽ nghĩ như

thế nào? Nhưng giá phải Thứ, thì Thứ sẽ ngượng lắm khi thấy vợ thì ruôn ruốt như một bà tham, ngồi tréo kheo trong nhà đọc nhật trình, trong khi bố hay mẹ, quần xắn đến hàng, trầy trầy ở ngoài vườn, bỏ phân cho mía hay tưới nước cho rau cải. Ở nhà quê, chỉ những cái không hợp cảnh, không xứng đáng như vậy, cũng đủ cho người ta lấy câu chuyện đem ra mà mai mỉa. Hồi mới về nhà chồng, Liên mới chỉ có hai cái áo trắng trúc bâu thôi, chứ có sang trọng gì đâu! Thế mà bà mẹ Thứ đã cho là ngoa ngoét rồi. Bà nói ra, nói vào, tìm những lời bóng gió xa xôi, cố cho Liên hiểu rằng nhà bà là nhà làm ăn, về nhà bà thì chỉ mộc mặc nâu sồng, chứ ăn trắng mặc trơn thì không được. Liên phải đem nhuộm nâu hai cái áo đi, bà mới thôi, không nói nữa. Như vậy đó! Oanh và Đích muốn lấy nhau thì cứ việc lấy nhau. Nhưng lấy nhau rồi, thì nên dắt díu nhau đi biệt một nơi, xa hẳn bố mẹ anh em mà sống với nhau. Đừng nghĩ đến nhà ngói, nhà gianh, sân gạch, tường hoa… nhà Đích làm gì, cho thêm rắc rối…

Cố nhiên là Thứ giữ kín những ý nghĩ ấy cho một mình y. Oanh cười và tiếp.

- Đêm hôm qua tôi lại chiêm bao… Tôi chắc rằng Đích sắp về. Chú sắp sửa soạn lại phải mừng đám cưới!

- Thế sao cô bảo cô đi, chứ không đợi Đích về?

- Tôi định như thế nhưng bây giờ tôi lại đợi. Không có họ hàng đôi bên, chẳng biết có làm hôn ước được không? Vả lại tôi cũng còn phải đợi Đích trả lời. Biết rằng tôi đi, có cách gì kiếm ăn thêm, để vợ chồng đủ sống không? Thư tôi gửi đi lâu lắm rồi mà vẫn chưa thấy thư về. Có cái gì như báo trước cho tôi biết rằng Đích sẽ về, để làm lễ cưới hẳn hoi. Có khi Đích im ỉm như thế, rồi đột nhiên về, để cho chúng mình sửng sốt.

Thứ sa sầm mặt. Thế nghĩa là thêm một lần nữa, Oanh đã đánh lừa y. Nếu y cứ nhất định đợi Đích và Oanh tự ý tăng lương hay nhả cái trường ra cho y, thì y còn phải đợi một nghìn năm, một vạn năm!... Vả lại cứ lần khan như vậy mãi, để làm gì? Người biết tự trọng đòi những cái gì là quyền hạn của mình, không bao giờ đợi sự thi ân. Xin là nhục. Trông mong sự tử tế của người ta là nhục. Phải biết giành giật lấy. Cái thái độ của y từ trước tới

nay là cái thái độ của một kẻ có tinh thần tranh đấu. Chắc Oanh đã cười thầm y mãi!... Y nghĩ vậy. Trong người y, máu giận sôi lên sùng sục. Y từ biệt Oanh, đi thẳng về nhà. Trong lúc đi đường, những lời nói rắn rỏi của một bức thư, gần như cứ tự nhiên tuôn ra khỏi óc y. Chúng vang lên mạnh mẽ, hùng hồn. Chúng có hình, như những viên đạn, những mũi tên, mà một sức mạnh ngấm ngầm ở bên trong đang chực nhảy vọt ra. Mặt y gân guốc. Mắt y nảy lửa. Tay y nắm chặt, thỉnh thoảng lại khẽ vung một cái, nhịp theo ý nghĩ. Về đến nhà, y lấy giấy bút viết ngay. Y viết rất nhanh, ngoáy lia lịa, nét bút đưa mạnh và cứng cáp. Y viết một mạch hết bức thư. Viết xong, y bỏ phong bì, gửi đi ngay, sợ nửa giờ sau, y nghĩ lại, lại nể nang và không dám gửi cho Đích nữa.

Khi bức thư đã bỏ vào hộp rồi, quả nhiên y hối hận. Nghĩ đến lúc Đích đọc thư, y thấy nóng mặt lên. Đích sẽ nghĩ thế nào? Đã đành xưa nay, Đích chẳng tử tế gì. Nhưng có ai chịu nhận rằng mình không tử tế bao giờ? Chỉ biết rằng bề ngoài Đích vẫn tử tế với y. Đích lại thường tỏ ra thích săn sóc đến y. Anh em vẫn lấy tình nghĩa ăn ở với nhau. Thế mà đột nhiên y trở mặt, cư xử một cách ráo riết quá, chẳng còn kể gì tình nghĩa. Chắc Đích sẽ cho là y đểu lắm…

Nhưng dẫu sao thì sự cũng đã rồi. Cái thái độ của y bây giờ đã rõ ràng. Y tặc lưỡi và tự bảo:

- Ta chẳng cần ai bảo ta là người tử tế. Ta chỉ cần đừng ai nghĩ rằng ta là một thằng quá hiền lành, người ta muốn bắt nạt thế nào cũng được.

Y lại cho rằng y cũng cần phải tỏ rõ thái độ cho Oanh biết. Sáng hôm sau, gặp Oanh, y bảo:

- Nghỉ hè năm nay, tôi sẽ cho học trò lớp nhất nghỉ ngay từ đầu tháng sáu tây. Cho chúng nghỉ học trước mười ngày để rồi chúng đi thi. Học trò lớp nhì hoặc cùng nghỉ luôn, hoặc sẽ để cho cô hay anh San dạy. Tôi sẽ về nhà quê nghỉ từ đầu tháng.

Oanh liền giãy nẩy lên, nhất định không nghe. Y muốn rằng học trò lớp nhất phải học cho tận đến lúc đi thi để chúng khỏi quên. Thứ vẫn lạnh lùng:

- Quên hay không, mặc kệ chúng! Tôi chỉ biết tôi đã làm đủ bổn phận của tôi rồi. Tôi mệt mỏi lắm. Tôi cần phải nghỉ. Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai là về tháng Sáu tây, học nửa tháng, thu tiền nửa tháng, lương chúng tôi cũng chỉ có nửa tháng thôi. Mười đồng bạc ra gì! Tiêu vào nửa tháng ở lại đây, không chắc đủ. Thà về nằm khểnh ở nhà cho sướng cái thân một chút.

Oanh hơi gắt lên một chút:

- Đã đành như vậy. Tôi, tôi cũng chẳng ham gì nửa tháng lương. Tôi cũng đang muốn nghỉ đây! Nhưng ít cùng ra, mỗi người cũng phải làm xong bổn phận của mình đã chứ!

- Thế nào là bổn phận? Tôi chỉ có bổn phận dạy học, khi nào tôi lấy tiền của nhà trường, cũng như nhà trường chỉ phải trả tiền tôi, những tháng tôi dạy học. Nghỉ ngày nào, tôi mất lương ngày ấy. Vậy thì tôi muốn nghỉ bao nhiêu thì nghỉ, miễn là tôi không lấy lương của nhà trường. Cô cũng vậy. Anh San cũng thế. Nếu chúng mình cùng nghỉ cả, thì chỉ việc đóng cửa trường cả tháng Sáu tây.

- Nhưng việc tiền nhà tháng ấy, lấy vào đâu?

- À, đó là cái việc của ông Đích phải lo. Ông ấy ăn lãi quanh năm thì đến tháng lỗ, ông ấy chịu. Chúng mình không cần lo hộ.

Oanh cứng họng, không còn nói sao được nữa. Y hơi đỏ mặt. Chắc y cũng hiểu Thứ nói kháy y về cái chỗ y đổ tất cả trách nhiệm về cái trường này cho Đích. Thứ ương ngạnh tiếp:

- Chưa chắc tôi có dạy những tháng hè. Tôi tìm một chỗ dạy ở tỉnh nhà, để thỉnh thoảng về nhà chơi cho tiện. Trong kì nghỉ hè, ít học trò. Nhà trường cũng chẳng lợi gì mà cần cho tôi dạy!

Oanh cười nhạt. Y biết rằng Thứ cố ý moi móc y, làm khó dễ cho y. Nhưng y lại biết rằng lúc này không nhịn Thứ, không xong. Nếu Thứ chủ ý làm cho nhà trường lụn bại đi, thì cố nhiên là y có đủ cách mà làm được. Oanh đành nhịn. Càng thấy Oanh nhịn, Thứ càng nhận ra rằng Oanh còn thiết nhiều đến cái trường. Thật đã rõ ràng rằng xưa nay y chỉ đánh lừa. Oanh

chỉ dử Thứ bằng hy vọng. Thứ hy vọng một ngày kia được cái trường, nên cố chịu thiệt mà dạy cho Oanh mãi. Cho rằng mình đã mắc mưu một kẻ đàn bà, đã ngoan ngoãn để cho người ta xoa đầu như một đứa trẻ con, Thứ rất bực mình. Y càng thấy giận Oanh. Lúc ăn cơm y bảo với San.

- Đầu tháng Sáu tây tôi nghỉ thật. Lớp nhất thì hoặc là nghỉ, hoặc là Oanh dạy. Còn lớp nhì anh sáp nhập vào lớp nhì năm thứ nhất của anh mà dạy. Anh sẽ được thêm cái chỗ lương ấy của tôi để mà trả tiền nhà với tiêu pha. Ăn thì bởi còn có một mình anh, cố nhiên là bà Hà không thể nhận rồi. Anh sẽ lên trường. Miễn cho xong nửa tháng ấy đi. Rồi chúng mình sẽ liệu. Chưa biết chừng, tôi sẽ tìm một cái trường khác cho anh và tôi dạy. Oanh muốn tìm đâu ra những người thay chúng ta thì tìm!

San tán thành ngay. Y lại bảo:

- Tôi cũng đã nghĩ mãi rồi. Một là chúng mình phải có một cái trường của chúng mình. Hai là chúng mình về quách nhà quê giữ con cho vợ chúng mình làm. Đi dạy học thế này, chẳng ra gì. Chúng mình khổ, vợ chúng mình khổ. Tỉnh không tỉnh hẳn, nhà quê không nhà quê hẳn. Suốt đời cứ dở dang mãi thế, chẳng có một cái gì vững chãi. Rồi có ngày chết đói!

Tiếng San nho nhỏ, buồn buồn. Mặt y tối sầm những lo âu. Y quả đã có vẻ chua chát ngẫm nghĩ nhiều về cái kiếp lỡ dở của y. Chắc cũng có nhiều lúc y ân hận vì mình đã ra đi. Làm đã chẳng có tiền, vợ ở nhà lại sinh điều tiếng nọ kia. Có hay không, thì hạnh phúc gia đình của y cũng đã bị mẻ một chỗ lớn rồi… Đến việc thi cử, bây giờ xét kỹ, y cũng hơi thấy chán. Đỗ đạt nào có dễ gì đâu! Mà mãi đến lúc y đỗ đạt, chưa chắc mảnh bằng có còn giá trị. Đến chợ hết quà là thường lắm! Y ngao ngán bảo:

- Ai biết sau cuộc chiến tranh này, số phận bọn đồ tây chúng mình sẽ ra sao? Tôi lo rồi lại đến như bọn đồ nho lớp trước…

Kể ra thì tin tức chiến tranh cũng chẳng có gì đáng lạc quan. Ông Paul Reynaud tuyên bố: "Chúng tôi chiến đấu đằng trước Paris, chúng tôi chiến đấu đằng sau Paris…". Lòng tin tưởng của những người vẫn một mực tin tưởng mãi từ trước đến nay, cũng đã bị lung lay. Không khí nặng nề. Dông tố sắp bùng ra. Trán tối sầm, mặt lo âu, mọi người lo lắng đợi…

San suy tính

- Càng những lúc này, chúng mình càng thấy rõ rằng chỉ học nghề là chắc chắn thôi. Một người có nghề ở trong tay, gặp thời nào, ở chỗ nào, cũng không sợ chết.

Thứ không đáp. Y ngẫm nghĩ. Mặt y hầm hầm và đôi môi y chụm lại. Rồi y hằn học bảo:

- Kiếp chúng mình, tức lạ. Sao mà cái đời nó tù túng, nó chật hẹp, nó bần tiện thế! Không bao giờ dám nhìn cao một tí. Chỉ những lo ăn, lo mặc. Hình như tất cả nguyện vọng, tất cả mong ước, tất cả mục đích của đời chúng mình, chỉ là mỗi ngày hai bữa. Bao nhiêu tài trí, sức lực lo tính đều chỉ dùng vào việc ấy. Khổ sở cũng vì thế, nhục nhã cũng vì thế, mỏi mòn tài năng, trí óc, giết chết những mong ước đẹp, những hy vọng cao xa cũng vì thế nốt. Lúc nào cũng lo chết đói. Lúc nào cũng làm thế nào cho không chết đói! Như vậy thì sống làm gì cho cực?

Thứ vẫn không thể nào chịu được rằng sống chỉ làm thế nào cho mình và vợ con có cơm ăn, áo mặc thôi. Sống là để làm một cái gì đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống, phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của mình vào công cuộc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại. Có thú vị gì là cái lối sống co quắp quá ư loài vật, chẳng biết việc gì ngoài cái việc kiếm thức ăn đổ vào cái dạ dày. Có ai muốn gục mặt xuống làm gì. Đau đớn thay cho những kiếp sống khao khát muốn lên cao nhưng lại bị áo cơm gì sát đất. Hỡi ôi! Người ta đã phí bao nhiêu tâm huyết, bao nhiêu công lao để giải thoát, từ bỏ tất cả những phú quý vinh hoa của đời mình. Vô ích cả, chừng nào nhân loại chưa thoát khỏi những xiềng xích của cái đói và cái rét. Thứ thường có những lúc sực nhớ đến những cao vọng của mình xưa, ngán ngẩm buồn, tiếc cho mình. Y cứ đinh ninh rằng giá y không bị nghèo thì có lẽ y không đến nỗi đớn hèn thế này đâu. Có lẽ y sẽ làm được một cái gì. Biết bao nhiêu tài năng không nảy nở được, chỉ vì không gặp được một cái hoàn cảnh tốt!...

Y mỉm cười chua chát hỏi San:

- Nếu gia đình anh có cách sinh nhai chắc chắn rồi anh có thể chỉ nghĩ đến anh thôi, thì anh sẽ làm gì?

- Tôi học vẽ. Tôi thích vẽ ngay từ hồi mười ba, mười bốn tuổi. Ông giáo nào cũng phải để ý đến cái khiếu vẽ của tôi, và bắt tôi vẽ những bức tranh treo trong lớp. Giá tôi học được, chắc tôi cũng có thể thành họa sĩ.

- Tôi thích làm một việc có ảnh hưởng gì lớn đến xã hội ngay. Dân mình còn đói khổ, ngu dốt quá. Chúng ta phải chống lại nạn đói và nạn dốt.

- Nếu vậy thì anh còn phàn nàn gì nữa? Anh hiện đang thực hiện ý nguyện của anh: anh dạy học để chống lại cái đói cho anh và cho vợ con anh, và chống lại cái dốt cho học trò anh.

Thứ không để ý đến câu nói đùa của bạn. Y vẫn buồn rầu bảo

- Lắm lúc tôi muốn tàn nhẫn quá! Tôi muốn làm một thằng bạt tử, chẳng nghĩ gì đến bố mẹ, vợ con để khỏi cái gì vướng bận vương thân. Phải là những người như thế, họa chăng mới theo được cái chí của mình. Lắm lúc tôi cầu vợ tôi ghét tôi và làm cho tôi ghét…

San nhìn xuống, bảo:

- Khi ấy, anh vẫn còn con anh. Chẳng bao giờ chúng mình có thể liều được đâu!...

Oanh thật cũng là người biết dịu ngọt ăn tiền. Hôm sau, y đã làm như quên hẳn chuyện xô xát ngày hôm trước. Y bảo Thứ.

- Này chú ạ! Có lẽ chúng mình phải gào ông Đích tăng lương cho chúng mình, chứ không thì không sao đủ. Giá sinh hoạt tăng lên nhiều quá!

Y cũng làm như y cùng về một bè với Thứ. Cái lối mua chuộc lòng người ấy, khiến Thứ chỉ càng thêm ghét. Thứ nói bốp vào mặt cho y biết:

- Tôi không đợi cô phải bảo. Tôi viết thư cho ông Đích rồi.

- Chú viết thế nào?

- Đủ chuyện! Tôi tính rõ cho ông ấy biết số học trò từng lớp, tiền thu được bao nhiêu, tiền chi phí hết bằng nào…

Y vừa nói, vừa nhìn nét mặt Oanh. Y có ý ngờ Oanh vẫn tính gian với Đích, thu được bao nhiêu mà nói rằng có ít. Nói như vậy, y muốn thử xem có thật thế chăng. Y cũng muốn tỏ cho Oanh biết y hiểu rõ sự lỗ lãi của nhà trường lắm…

Oanh cười ngất. Y nhìn Thứ mà cười đến chảy cả nước mắt ra. Thứ chẳng hiểu ý nghĩa của tiếng cười ấy thế nào, nhưng thấy hình như Oanh chế nhạo mình. Y khó chịu.

- Cô cười gì?

- Trông chú buồn cười lắm. Tướng chú, chắc suốt đời vất vả. Chú không gặp may đâu. Nếu chú có thành tựu việc gì, là do cố gắng, chật vật mãi, chứ không phải do may mắn.

Câu nói đột ngột, chẳng ăn nhập gì đến câu chuyện của hai người đang nói. Tại sao Oanh nói vậy? Dù sao đó cũng không phải là những lời khiến người ta mát lòng, mát ruột. Thứ tức lắm, và thấy cần phải tìm một câu gì, nói cho Oanh tức. Y cười nhạt bảo:

- Có lẽ cô xem tướng cũng không tài lắm. Tôi chẳng biết tôi có hay gặp may không. Chỉ biết tôi thi lần nào cũng đỗ đạt dễ như chơi.

Y có ý nhắc cho Oanh biết Oanh thi bằng tiểu học Pháp luôn mấy khóa không đỗ, về sau đành phải bỏ. Có lẽ Oanh cũng hiểu. Nụ cười trên mặt y nhạt hẳn. Nhưng y vẫn bảo

- Chú chỉ có thể gặp may những cái may nho nhỏ thế thôi. Chứ không thể phát to. Đấy, chú xem! Chú đỗ nhưng chú có làm được gì đâu?

Cũng đúng. Thứ không cãi được nên lại càng tức. Y thay chiến lược.

- Tôi không cần gặp may. Phải nhờ may mới thành công thì có vẻ vang gì? Thành công hoàn toàn nhờ ở tay mình, ở sự cố gắng của mình mới thích.

- Nhưng chú cũng không thành công to!

Thứ giận run người. Oanh thấy mình chẳng khó nhọc gì kiếm mỗi tháng bạc trăm về cái trường trong khi Thứ khó nhọc mà chẳng ăn gì, nên nói thế chăng? Có thật Oanh vừa được ăn vừa nhạo Thứ không? Thứ đột nhiên nảy ra cái ý muốn đạp đổ cái trường để cho Oanh biết thân mà hết còn lên mặt. Y nghĩ bụng: "Được rồi! Để xem Đích trả lời ra sao… Nếu Đích tỏ ý không cần gì ta!..."

Một buổi sáng, người phu trạm ghé vào trường đưa cho Thứ ba phong thư một lúc. Nhìn chữ đề ngoài, Thứ thấy cả ba đều của Đích gửi Oanh. Y hơi tái mặt đi. Sao Đích lại gửi luôn một lúc ba phong thư? Vì bức thư của Thứ chăng? Lòng Thứ rất xôn xao. Y như trông thấy vẻ mặt Đích biến đổi trong khi đọc thư y. Chắc là Đích đã phải sửng sốt, ngạc nhiên. Y không tin ở mắt y: "Thứ viết cho mình thật ư?". Y hỏi y như vậy. Rồi y đọc lại. Mặt y lần lượt tái mét, rồi đỏ bừng lên, rồi tím bầm bầm, rồi đem sạm như tro. Cổ y tắc nghẹn. Y vò nát bức thư rồi lại vuốt bức thư ra. Y khẽ đập xuống bàn. Y chép miệng lắc đầu. Y ngán ngẩm cho đời, ngán ngẩm cho người. Rồi đau đớn, nghẹn ngào, y cầm lấy bút, viết trả lời. Tay y cầm bút run run. Ngòi bút lúc thì chạy điên cuồng lúc lại tự nhiên dừng lại, uể oải, mệt mỏi, rã rời. Nét chữ trên phong bì, trông qua cũng có vẻ run run và xệch xạc, có nét đứt quãng như người viết vừa viết vừa ngủ gật. Não cân Đích chắc đã bị rung chuyển mạnh. Thứ không ngờ bức thư của y lại có một sự vang động ghê gớm thế. Y thật đã quá ư trắng trợn… Y hối hận. Không còn đủ can đảm tự mình cầm ba phong thư lên gác cho Oanh, y gọi một đứa học trò lên.

- Cầm những thư này lên cho cô giáo!

Y bảo vậy. Rồi y cố trấn tĩnh giảng bài. Nhưng y nhận thấy tiếng y đổi khác đi. Trí y vẫn luẩn quẩn nghĩ đến ba bức thư của Đích… Một lúc sau, những tiếng giầy của Oanh bước xuống thang gác, khiến lòng y lại rối loạn lên. Y giả vờ mải giảng bài, không biết rằng Oanh xuống lớp y. Oanh đứng lại bên ngoài cửa và gõ cửa, Thứ càng thấy rõ có chuyện gì quan trọng lắm. Mọi khi Oanh cứ vào thẳng lớp…

Thứ quay lại hỏi:

- Ai?

- Tôi đây… Chú làm ơn ra ngoài này tôi hỏi…

Tiếng Oanh mếu máo, Thứ ngạc nhiên. Ra khỏi cửa sau, y thấy Oanh tay cầm mấy lá thư, mắt đỏ hoe và giàn giụa nước mắt chảy trên má Oanh sườn sượt…

- Đích sắp chết rồi, chú ạ!...

Oanh nức nở, Thứ sửng sốt mở to đôi mắt:

- Vì sao vậy?

Oanh nói không ra tiếng. Thứ hỏi dồn.

- Bệnh gì mà đau thế?

- Ho lao

- Có đâu mà chóng chết thế? Mới phải à?

- Thứ nói là mới phải nhưng chắc không phải thế. Chắc Đích giấu, trước không chịu nói. Bây giờ bệnh đã nguy kịch lắm.

Oanh đưa những bức thư cho Thứ. Thứ thấy ghê ghê trong tay khi cầm lấy. Y đọc từng bức một.

Thư thứ nhất:

“Em Oanh!

Bức thư này có lẽ là bức thư cuối cùng anh viết cho em. Em hẳn không ngờ… chính anh cũng không ngờ… ấy thế mà anh thật đã đến sát cạnh cái chết rồi đấy, em Oanh ạ! Sao lại có thể vô lý như thế được? Cách đây ba hôm anh vẫn khỏe như thường. Tuy ít lâu nay phải làm đêm nhiều, anh có

hơi mệt người hơn, nhưng tưởng mệt qua loa thế, có h`ê gì. Anh chưa phải bỏ cơm một ngày nào. Buổi chi`êu hôm thứ hai vừa r`ồi, anh chỉ hơi váng vất người. Anh gượng ng`ồi, không chịu đi nằm. Bỗng nhiên, anh thấy ngưa ngứa cổ, bu`ồn ho. Anh chực ho thì tự nhiên máu đã `ồng ộc trào ra. Anh tối tăm mặt mũi, ngất đi. Đến lúc tỉnh dậy anh đã thấy mình nằm trong bệnh viện. Thì ra phổi anh đã bị vi trùng đục ruỗng ra từ bao giờ r`ồi vậy. Sao lại có thể vô lý như thế được?

Từ hôm vào bệnh viện, anh sốt liên miên. Mỗi ngày thổ huyết hai ba l`ần, mỗi l`ần hàng bát máu. Ghê gớm quá. Hôm nay hơi tỉnh, anh gượng viết cho em bức thư này. Người anh vẫn còn choáng váng, tay anh run rẩy. Anh mệt lắm. Anh nghĩ thật khó lòng mà sống được. Em Oanh, em Oanh rất yêu của đời anh! Anh sắp bỏ em đây! Em tha lỗi cho anh nhé. Anh ngừng viết vì mệt quá, nhưng vẫn nghĩ đến em. Anh sẽ nghĩ đến em cho đến lúc óc anh thôi nghĩ hẳn. Có kiếp sau không, em nhỉ?

Thôi, anh không còn sức viết, anh đã dặn một người bạn: khi nào anh chết, sẽ gửi tất cả qu`ần áo, đ`ồđạc của anh v`ềcho em. Khi nào em nhận được những thứ ấy, tức là anh đã chết. Em Oanh, em Oanh mà anh yêu bằng tất cả tấm lòng anh! Chẳng bao giờ chúng ta còn được thấy nhau! Em ở lại!...

Đích.”

Thứ đọc luôn bức thứ hai

“Em Oanh!

Thư trước, anh viết xong, đã nhờ người bỏ nhà dây thép ngay. Nhưng từ đây, hai ngày mới có một chuyến thư đi. Từ đây v`ềđến chỗ em, còn phải mất bốn ngày. Biết rằng lúc thư anh tới tay em thì anh còn sống hay đã chết r`ồi? Có lẽ anh cũng chẳng còn gì mong được trông thấy nét chữ của em trên tờ giấy một l`ần chót nhỉ?

Th`ầy thuốc vừa tiêm cho anh một mũi thuốc trợ lực xong. Anh tỉnh táo hơn. Anh lại gượng viết cho em. Anh định hơi lúc nào viết được là anh lại viết. Đó là cách độc nhất để anh được sống với em thêm phút nào hay phút ấy. Ôi chao! Em đối với anh lúc này sao mà quý thế!...

Chúng ta đã dại khờ em nhỉ? Sao chúng ta lại đi tìm hạnh phúc ở đâu đâu? Lúc này anh mới hiểu hạnh phúc của anh chỉ ở trong em, hạnh phúc của em chỉ ở trong anh. Anh tiếc rằng anh đã ra đi. Biết thế này thì anh cứ ở lại trường, chúng ta rau cháo với nhau, miễn là được gần gũi nhau luôn là đủ. Anh cũng tưởng là ra đi để sửa soạn tương lai của chúng ta, dành dụm ít tiền, về cưới em tử tế, cho đẹp mặt cả đôi bên rồi chúng mình sẽ cùng đi với nhau, sống với nhau. Đời sẽ đẹp biết bao! Nhưng có ngờ đâu!... Số tiền cưới em, anh gom góp đủ rồi. Vải may áo cưới cho em, anh đã mua rồi, anh chỉ còn đợi ngày về… Mới biết số kiếp anh chẳng ra gì. Anh chết giữa lúc chờ đón nỗi vui lớn nhất của đời anh… Chua chát quá! Nhưng dù sao thì em cũng đã cho anh chỉ thu hẹp lại trong mấy năm được gần em, được yêu em. Không có em, anh đã mất không cả một đời. Vậy trước khi rời cõi đời này, anh phải cám ơn em. Anh sẽ cám ơn em trong lòng anh cho đến tận lúc anh chết…

Đích."

Và đây là bức thứ ba

"Em Oanh!

Anh cầm được thổ huyết rồi. Thầy thuốc bảo có lẽ anh sẽ qua khỏi được. Có thật thế không? Anh còn hy vọng sống được ư!? Anh còn hy vọng lại được trông thấy em ư? Nếu vậy thì anh cảm ơn trời biết mấy!... Anh sẽ xin thôi việc. Anh sẽ về nhà thương Hà Nội chữa (ở đây không đủ thuốc). Miễn là sống được. Rồi sẽ liệu. Lúc này anh thấy mọi cái đều nhỏ cả, chỉ có sự sống là đáng quý. Phải không em? Ôi! Nếu anh sống được!... Nhưng mà anh chẳng sống được đâu! Thầy thuốc nói dối anh. Anh biết lắm. Người anh còn mệt lắm. Soi gương, anh thấy người anh sút hẳn đi, hai mắt lỗ hoắm vào, đôi má lõm, da đen sạm, môi sám ngoạch, chỉ còn những răng là răng. Mà thỉnh thoảng anh vẫn còn lên cơn sốt nặng. Ôi chao! Anh sống làm sao được?... Nhưng thôi, em cho anh ngừng viết để anh nằm nghỉ nhé! Thầy thuốc bảo anh cần nghỉ hẳn…

Đích."

Cùng với ba bức thư gửi cho Oanh, còn một mảnh giấy con con gửi cho Thứ và San. Chẳng hiểu gửi kèm với thư nào. Viết bằng chữ Pháp, có mấy dòng. Đại khái như thế này.

"Thứ và San rất mến yêu!

Vĩnh biệt!... Thứ và San ở lại. Tôi sắp đi đây! Hãy can đảm nhé! Tương lai còn dành cho các chú nhiều nỗi chua chát nữa! Cầu trời phù hộ cho các chú. Vĩnh biệt!..."

Thứ chẳng rỏ được một giọt nước mắt nào, tuy lòng y cũng bồi hồi. Nhưng y bồi hồi, chưa hẳn đã vì thương. Y với Đích thân nhau, nhưng có lẽ chưa bao giờ thật yêu nhau. Hồi còn nhỏ, hai người cùng trọ học một nhà. Đích hay bắt nạt y, Đích đã làm cho y phải khóc rất nhiều lần. Lớn lên, cố nhiên là họ chẳng còn nghĩ gì nhiều đến những trò trẻ con xưa, một đôi khi nhắc đến, cả hai cùng thẳng thắn cười. Nhưng không hiểu sao, lúc gần Đích, Thứ vẫn thấy một cái cảm giác khó chịu không cắt nghĩa nổi, mặc dầu cách Đích đối xử với y không có gì đáng trách. Hình như hai người không ghét nhau, nhưng vẫn có một cái gì phải giữ kẽ với nhau. Trong sự giao tình, họ không buông thả họ hoàn toàn…

Thứ gần như muốn chỗ nào có y thì đừng có Đích. Không, y không thấy thương Đích hẳn. Y bồi hồi, có lẽ chỉ vì cái tin đột ngột quá thôi. Đọc đi đọc lại những bức thư, y càng bình tĩnh lại hơn. Y có cảm tưởng như bệnh Đích không nguy kịch quá như Đích nói trong thư, và Đích không đến nỗi nào phải chết. Đột nhiên, những ý nghĩ băn khoăn lại nảy ra trong cái khối óc y. Đích có nhận được bức thư của y không? Đích có tức quá mà sinh ra thổ huyết không? Cố nhiên không phải vì bức thư ấy mà Đích mắc bệnh lao. Bệnh lao chẳng phải ngấm ngầm phá hoại cơ thể Đích từ lâu. Nhưng biết đâu không phải vì bức thư của y mà Đích bị xô gục xuống? Y lấy làm mừng vì Đích không đả động gì đến việc ấy trong thư. Lúc sắp chết, người ta thường dễ dãi với mọi người, dễ tha thứ những điều không phải của kẻ khác đối với mình. Nhưng nếu Đích về? Y còn mặt mũi nào trông thấy Đích? Cái hố vẫn chia rẽ hai người lại to ra, lại sâu thêm. Thêm vào đấy, còn một lẽ này mà y ngại thú với y: nếu Đích về, Đích rất có thể lại giữ chân hiệu trưởng nhà trường, và Thứ sẽ chẳng còn là một người cần, y rất

có thể sẽ bị Đích và Oanh coi rẻ. Một ý nghĩ vụt hiện đến óc y và y vội vàng xóa đi ngay. Giả Đích chết ngay đi! Và đột nhiên y thấy buồn rầu. Lòng y đã cằn cỗi đến mức ấy rồi ư? Y đã ích kỷ, đã đồi bại, đã tàn nhẫn, đã khốn nạn đến thế ư? Trên mắt y, một chút nước mắt bỗng ứa ra. Trơ trơ trước cái chết của một người thân, y đã khóc cái chết của chính tâm hồn mình…

XVIII

Tình yêu có thể làm một tâm hồn đẹp hẳn lên. Oanh đã bảo:

- Không thể để Đích một mình ở đấy. Thế nào tôi cũng phải đi đón Đích.

Thứ và San hỏi:

- Bằng cách gì? Đích còn yếu thế, đi đường có thể nguy. Thà cứ để anh nằm nhà thương ở đấy còn hơn.

Oanh nằng nặc không nghe.

- Không! Không!... Thế nào tôi cũng phải đón Đích về. Chỉ tốn tiền tí thôi. Nhưng lúc này, tốn tiền cũng không nên tiếc. Tôi sẽ thuê xe nhỏ. Tôi sẽ thuê đốc tờ đi kèm ở dọc đường. Có lẽ tôi thuê tàu bay, nếu có thể thuê. Bằng cách gì thì bằng, thế nào tôi cũng phải thuê đưa được Đích về đây để thuốc thang. Tôi không thể để Đích chết khổ sở, xa mọi người, có một thân một mình như vậy…

Và Oanh khóc…

Nhưng Oanh khóc không lâu. Thứ thấy y có vẻ bận rộn hơn lên: viết thư, viết nhật kí, tính sổ sách, thúc học trò trả nốt tiền… Chỉ mấy hôm thôi. Rồi mọi thứ lại như thường, Thứ hay San có hỏi đến việc Đích về thì y trả lời gần như thể lạnh lùng:

- Đích đỡ rồi. Tôi đã viết thư cho ông thân Đích, để ông cụ sang đón Đích.

Y cắt nghĩa

- Tôi không thể bỏ công việc nhà trường mà đi được. Vả lại, tôi đón Đích về đây cũng có nhiều cái rầy rà. Tôi với Đích vẫn còn lửng lơ, chưa ra sao. Nếu tôi không báo cho đằng nhà Đích biết, không để cho gia đình nhà Đích thuốc thang, chạy chữa cho con, gia đình nhà Đích có thể trách tôi nếu chẳng may Đích có mệnh hệ nào. Không những thế, đối với đằng nhà tôi, tôi cũng khó nghĩ kia! Giá thử tôi và Đích đã cưới hỏi rồi, thì lại đi một lẽ. Tôi dễ xử hơn. Khổ một nỗi, đằng nhà Đích chưa chịu nói gì với ba tôi. Tôi chưa thể lấy địa vị một người vợ, hay chỉ như một người vị hôn thê thôi, mà thuốc thang cho Đích một cách đường hoàng. Tôi chỉ có thể lén lút.

Như vậy đó, nghĩa là Oanh đã nghĩ chín lại rồi. Y đã lại suy tính theo cái lối suy tính thông thường của mọi người. Thứ thấy mai mỉa quá. Y tự nhiên thương hại Đích, Đích đã đặt tình yêu lầm chỗ chăng? Ngoài ra, y cũng chẳng còn bận tâm về Đích lắm. Bởi vì y tin chắc rằng rồi Đích cũng chẳng thôi việc, chẳng về đâu. Bệnh Đích cũng sẽ qua đi. Lắm lúc Thứ lại ngờ rằng Đích đã bày ra chuyện đó, để thử lòng Oanh chơi.

San vẫn hằn học như thường. Y bảo:

- Đích mà còn ho lao, thì chúng mình cũng rất có thể ho lao. Tôi sợ lắm, Đích ho lao còn có tiền thuốc thang, còn có Oanh bỏ tiền thuốc thang cho. Chúng mình thì tiền đâu? Có lẽ chỉ đành nằm chết mà thôi!

Cả Thứ và San cùng thấy cần phải giữ gìn sức khỏe hơn. Trong khi giảng bài, họ đã nói sẻn hơn, nói nhỏ hơn. Họ cố không gắt gỏng, quát mắng học trò. Họ đi ngủ sớm hơn. Họ thấy căn phòng nhà ông Học ẩm thấp, hôi hám, không đủ khí trời. Họ bàn nhau khi bắt đầu những lớp hè, sẽ thuê một căn nhà khác…

Thứ đã nhận được thư trả lời của vợ. Liên nói mình có ốm hồi tháng Giêng, nhưng đã khỏi lâu rồi. Y đã khỏi như thường, đứa con cũng chịu chơi, cả nhà vẫn bình yên. Thứ cứ yên lòng ở Hà Nội mà dạy học, đừng sốt ruột, khi nào nghỉ sẽ về một thể… Liên nói thật chăng? Hay y sợ Thứ bận lòng nghĩ đến y mà giấu giếm? Thứ thấy nhớ vợ nhớ con. Y nhất định nghỉ trước Oanh và San nửa tháng. Oanh biết không ngăn nổi, hôm Thứ về, đành chỉ bảo:

- Chú mệt thì nghỉ trước đi cũng được. Nhưng tháng sau thế nào cũng phải lên. Các lớp hè tôi nhờ chú trông coi. Nếu Đích không về thì có lẽ tôi đi.

- Đó là chuyện của tháng sau. Bây giờ cô hãy để cho tôi nhẹ người một chút.

Thứ mỉm cười, bảo thế. Y muốn trút tất cả những cái gì bận óc, bận tâm, để lại sau lưng. Y muốn hưởng ba mươi ngày nghỉ ngơi hoàn toàn vui vẻ. Tuy vậy, y vẫn nơm nớp sợ. Biết đâu bao nhiêu cái bực mình lại không đang đợi y ở nhà quê? Có lần nào về đến nhà là y được yên đâu? Hết phải nghe bà kêu ca khóc lóc, bố cờ bạc, rượu chè, ăn ở bạc, y lại phải nghe mẹ sụt sịt, kể lể những cái lắm điều, những cái ác, cái tệ của bà. Có lần bà cụ giận con, nhịn ăn đến mấy hôm rồi nhất định chỉ nằm khóc cho đến chết đói mới thôi. Thứ phải năn nỉ, van bà đến nửa ngày mới làm được cho bà lại chịu ăn. Có lần, vừa trông thấy y, mẹ y đã hờ khóc om sòm, các em y cũng khóc theo, y như nhà có đám ma. Thì ra bà y với ông thân sinh ra y lại vừa mới cãi nhau một trận tưng bừng. Ông thân y tức mình, bỏ nhà đi, bà cụ rủa ông chết đường chết chợ. Còn bà mẹ y thì vật vã hờ chồng, để có cách mà chì chiết mẹ. Thật là lục đục. Thứ nhận ra rằng những sự lục đục ấy mới bắt đầu từ khi nhà y bắt đầu nghèo. Y lại biết rằng nếu bây giờ, nhà y chỉ đỡ túng hơn, mọi người đỡ lo, đỡ khổ hơn, là mọi sự lại êm ngay. Biết vậy mà chẳng biết làm sao. Y không kiếm ra tiền giúp đỡ ra đình. Y càng nghĩ lại càng khổ lắm. Liên hiểu nỗi khổ tâm của chồng như vậy. Y biết mỗi lần về mà gia đình không có sự thuận hòa, chồng bực tức vô cùng. Y rất thương chồng. Y thường cố chiều chồng, cố làm thế nào cho chồng được vừa lòng. Hiểu như vậy đấy, mà không hiểu sao một đôi lúc, y vẫn thấy cần phải trách móc, phải mỉa mai, phải lộ những ý nghi ngờ cho Liên khổ vì biết rằng chồng khổ. Y vẫn ghen bóng gió… Lần này, Thứ hứa trước với mình sẽ bỏ hẳn cái tật ấy đi. Y sẽ không có một lời nào khiến cho Liên phải buồn rầu. Y sẽ cố giữ cho nỗi sum họp được hoàn toàn trong trẻo. Và nếu bà y với mẹ y có giận nhau, thì y sẽ coi thế là thường, là một sự không đáng quan tâm, và y nhất định không vì thế mà bực bội…

Tuy đã định tâm như vậy, mà lúc về đến ngõ, y vẫn thấy ngực y như bị một khối nặng đè. Y thấp thỏm lo. Sân nhà im ắng thế kia! Biết đâu bà y lại không đang nằm rên ở trong màn và mẹ y đang ngồi sụt sịt trong xó bếp?

Nhưng bước vào đến sân, y nhẹ hẳn người. Bà y đang vui vẻ đùa với con y. Trông thấy y, bà cụ reo lên thúc chắt chạy ra xin bánh. Đã lâu lắm, y không được thấy bà vui vẻ như thế bao giờ. Lòng y sáng quang ra. Nghe tiếng reo cười, bà mẹ y ở sau nhà cũng chạy về. Trông thấy bà và mẹ ngồi bên nhau, nói với nhau, y mừng rỡ đến nỗi mắt hơi ươn ướt. Nhưng ngồi một lúc, không thấy vợ đâu, y lại hơi lo. Liên vẫn ốm mà nằm bên nhà mẹ đẻ chăng? Y không hỏi, chỉ thầm mong bà hoặc mẹ tự nhiên nói cho y biết. Mãi mãi bà y mới hỏi:

- Dễ thường mẹ nó chưa về?

- Chưa, đến tối mịt kia.

Bà mẹ y đáp vậy. Thoáng nhận thấy y hơi có vẻ ngạc nhiên, bà bảo:

- Lớp này, cô ấy không dệt vải, cô ấy đi buôn.

Bà kéo dài tiếng ra. Giọng nói và môi miệng bà như có ý mỉa mai. Thứ cười nhạt, hỏi:

- Buôn gì?

Y vừa hỏi vừa xốc nách cho đứa con nó đứng lên. Giọng nói và nét mặt y bình thản như y chẳng để ý gì nhiều lắm. Y làm như thấy mẹ nói vậy thì cũng hỏi vậy chơi, hỏi để đưa đẩy câu chuyện nhiều hơn là muốn biết rõ ràng, và giá mẹ y không trả lời thì cũng được. Thật ra thì y đã hơi khó thở. Vẫn bằng cái giọng kéo dài ra, bà mẹ bảo:

- Buôn vải, chung với mợ giáo San.

Thứ tái mặt đi. Y bị xúc động mạnh quá, không còn che đậy nổi. Bà ngoại y cũng bảo:

- Cô ấy đi buôn ngay từ độ cuối Giêng. Tết, anh đi độ mấy hôm thì cô ấy ốm qua loa mất mấy ngày. Nhức đầu sổ mũi với ho qua quýt thôi, chứ có sao đâu. Thế mà nghe đâu cũng mất dăm đồng bạc thuốc. Cô ấy không dám sắc ở nhà, cô ấy về bên ấy sắc…

Thứ nghĩ bụng:

- Bao giờ mà chẳng vậy!...

Chính sách của bà ngoại y là không bao giờ uống thuốc. Bà vẫn bảo: "Nếu không có thuốc mà chết thì nhà nghèo chết sạch! Chỉ nhà giàu sống…". Lần nào ốm muốn uống thuốc, Liên cũng phải uống giấu giếm bên nhà mẹ đẻ… Y vẫn nghe bà ngoại nói:

- … Từ đầu năm đến giờ, chẳng mấy khi cô ấy ở nhà. Nhiều khi thổi nấu cũng không nấu ở nhà đâu. Cô ấy thổi nấu bên ấy, ăn bên ấy, muốn đi đâu chán thì đi, rồi lại về bên ấy. Nhất là từ độ đi buôn với mợ giáo San. Ấy! Hôm nào cũng tối như thế này với hơn thế này cũng chưa buôn về…

Thứ chẳng nói gì. Y thấy như người chóng mặt. Tay y bủn rủn đến nỗi không đỡ được đứa con nữa, phải để nó ngồi xuống. Bà cụ vẫn kể lể đủ thứ về Liên, những rằng Liên cứng cổ, Liên cãi lại mẹ chồng, Liên ra sự chẳng cần ai, việc gì cũng tự quyền mình. Liên làm như bố mẹ chồng chẳng cho được Liên gì mà chồng cũng chẳng nuôi Liên thì Liên muốn làm gì mặc ý, không ai ngăn cấm được… Những điều ấy, Thứ chẳng cần nghe kĩ lắm. Có nàng dâu nào ở vừa được ý nhà chồng. Cứ như mắt y thấy nhiều lần, thì vợ y cũng là một người tốt nhịn lắm rồi… Nhưng điều quan hệ là Liên buôn chung với mợ San. Liên đi vắng suốt ngày! Thứ như có ở trong người cả một cái lò lửa đang bốc lên ngùn ngụt. Y muốn Liên về ngay lúc ấy, để y nhảy xổ ra, đánh đạp Liên túi bụi, cho hả giận…

Nhưng còn gì vô lý hơn thế nữa? – Một lúc sau, y nghĩ lại – Đi buôn có phải là một cái tội đâu? Y muốn cấm Liên ra đến ngoài ư? Sao y không lập ra những cung cấm để nhốt Liên vào? Sao y không bắt Liên, mỗi khi ra đến ngoài đường, phải đeo cái mạng che mặt như những người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ ngày trước? Khi đọc sách báo, khi nghe nói đến cái tập tục kì dị ấy, chính y đã cho ngay là một cái tục dã man, chính y đã phải bất bình và buồn cười về cái lòng ích kỷ lố lăng như vậy. Nhìn ra những người xung quanh, y phục họ vô cùng. Tình yêu của những người nhà quê quần nâu áo vải kia, sao mà bình tĩnh thế! Hình như chẳng bao giờ họ ghen tuông. Vợ họ có thể đi suốt ngày, đi một phần đêm, làm ở ngoài đồng chung đụng với

người đàn ông khác, cười cợt, nói đùa, nói bỡn với đàn ông… họ chẳng thắc mắc một mảy may. Họ chửi vợ, đánh vợ luôn, nhưng rất ít khi vì chuyện ghen tuông. Hình như họ cho rằng sự chung tình là một sự dĩ nhiên, người đàn bà lấy họ thì chỉ nghĩ đến họ thôi, không bao giờ nghĩ đến một người nào khác. Không bao giờ họ phải băn khoăn vì yêu cả. Thứ phục những tâm hồn bình lặng và lành mạnh ấy. Họ chỉ ghen khi nào có chứng cớ để ghen. Có lẽ công việc đồng áng, không khí ở bên ngoài, cái cảm giác thoáng đãng và rộng rãi, có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe thể chất và tinh thần của họ. Máu họ trong, não cân họ vững vàng. Họ không có cái lối nghĩ vẩn vơ, cái trí tưởng tượng của kẻ ngồi bàn giấy. Nghĩ như vậy, lắm lúc Thứ ngờ mình loạn óc chăng? Có lẽ đó là ảnh hưởng của nhiều tiểu thuyết tình, những tiểu thuyết phân tách tâm lý mà y đã đọc. Y đã đem pha trộn tiểu thuyết với đời và cho như đời chỉ toàn những tâm trạng lôi thôi, rắc rối. Một thứ Đông ky xuất yếu ớt và bạc nhược. Một tình lang tiểu thuyết, vừa loạn thần kinh vừa đau ngực! Lãng mạn ôi là lãng mạn!... Y tự nhạo y như vậy và đỏ mặt. Y định bụng sẽ trò truyện với Liên vui vẻ như cho cái việc Liên đi buôn với vợ San là thường lắm.

Thứ không làm chủ được mãi. Y không đả động gì đến việc kia. Y đợi Liên khoe. Nhưng Liên chẳng nói gì. Thứ tự hỏi: tại sao Liên giấu giếm?... Tay y đang âu yếm nắm chặt cánh tay vợ, đột nhiên rủn mềm ra. Y im lặng một chút rồi khẽ hỏi:

- Mình đi buôn vải chung với chị San à?

- Vâng, tôi đi buôn những dạo trước kia, thôi đã lâu rồi.

- Sao vậy?

- Tính ra, cũng không ăn thua gì. Mình không có vốn phải đi vay nợ lãi, thành ra được đồng nào thì lãi nợ ăn gần hết. Mình chẳng còn được mấy.

Liên trả lời như vậy, rất tự nhiên. Y thôi buôn đã lâu rồi, thì không khoe được cái việc buôn với chồng làm gì nữa, cũng là thường. Tuy vậy, Thứ vẫn thấy muốn dò xét mãi.

- Thế sao mình về muộn thế?

- Tôi đi hái dâu cho nhà bên ấy. Bà bảo ở lại mà ăn cháo. Tôi không biết có mình về nên chẳng cần về sớm.

- Bà nuôi tằm à?

- Nuôi được hai ba lứa rồi. Tôi cũng có một ít, chung với bà.

Chỉ có thế thôi ư? Thứ đột nhiên lại xoay câu chuyện:

- Thấy nói chị San chuyến này thua bạc tợn phải không?

- Lớp trước kia!... Lớp này bận mùa màng, ai còn đánh bạc? Với lại nghe đâu hôm anh ấy về, anh ấy gắt nên chị ấy không dám đánh nữa.

- Biết đâu được đấy…

Liên biết ngay là Thứ lại sắp giở cái giọng mọi khi ra. Y nói chặn ngay

- Chắc mình lại ngờ tôi đi buôn với chị ấy thì cũng đánh bạc với chị ấy, phải không?

- Cái ấy thì chỉ có mình biết thôi, chứ tôi biết quái gì!

- Thế là mình ngờ tôi. Nhưng tôi chẳng đánh đâu. Đừng nghi ngờ mà khổ. Mình hay làm tội mình lắm. Nếu tôi không thật lòng, thật dạ với mình, nói lời mà chẳng giữ được lời, còn coi quân bài lá bạc hơn cả chồng con, thì tôi còn mặt mũi nào trông thấy mặt mình? Mình bắt tôi thề thế nào tôi cũng xin thề. Cái thân tôi, mình còn có thể ngờ, tôi chẳng thiết gì. Nhưng con của chúng ta thì mình không còn có thể ngờ tôi coi con chẳng ra gì. Thế mà tôi dám thề rằng nội tôi có đánh bạc trộm vụng mình một lần nào, trời cứ đừng cho nó làm con tôi nữa!...

Giọng Liên thành thật và cảm động. Thứ xấu hổ cho mình. Y bịt miệng Liên.

- Ai bắt mình thề? Tôi có trách gì mình mà mình phải thề bồi?

- Nhưng để mình nghi ngờ thì mình khổ. Mình khổ mọi cái rồi, lại phải khổ thêm một thứ ấy nữa ư?

- Nhưng tôi không nghi ngờ!

Y nói thật. Thấy vợ lấy con ra mà thề như vậy, y sẵn lòng tin ngay. Y đã biết Liên quý con như thế nào…

Nhưng sáng hôm sau, Liên vừa đi chợ được một lúc thì bà mẹ chồng vào. Bà ghé ngồi cạnh xuống giường con. Thứ biết lại sắp có chuyện gì, hơi khó chịu. Quả nhiên, sau một vài câu khơi mào, bà hỏi:

- Chuyến này về, có đem được dăm chục bạc không?

Thứ ghét những câu hỏi về loại ấy. Y không muốn tính toán với ai cái ngân sách riêng của y. Y trưởng thành rồi, y phải làm lấy mà ăn, y không muốn ai kiểm soát mình. Khi chỉ một mình y phải chịu trách nhiệm về những công việc của y thì tại sao người khác lại cứ muốn có quyền hỏi han đến đây? Y vẫn biết bà và mẹ hỏi, không phải để trách y không giúp các người đâu. Y có đưa các người cũng chẳng nhận nào. Nhưng các người cứ muốn y cay nghiệt với Liên trong việc tiền nong: "Chị ấy ăn cả tiêu rộng lắm, không chịu chắt chiu chắt nhặt đâu, có nhiều chỉ tổ chị ấy lại tiêu nhiều, anh phải giấu giếm chị ấy, để riêng ra, để phòng thân mới được…". Các người thường bảo thế. Thành thử để trả lời những câu các người hỏi về tiền nong, y thường phải nói dối luôn. Nói dối cũng là một cái gì mệt lắm. Giá bà hay mẹ đừng hỏi gì thì vẫn hơn.

Thứ ậm ừ đáp cho xong chuyện và tỏ ý không mặn mà gì lắm. Khác hẳn mọi lần, y miễn cưỡng về hùa với bà hoặc mẹ, kể những nết xấu của Liên. Bà mẹ có vẻ hơi phật ý. Bà cười nhạt, bảo:

- Tưởng có nhiều thì cho nó dăm chục, nó trả nợ đi. Nghe đâu nó vướng mất đến dăm chục bạc lãi năm phân. Không trả đi lãi nó chồng chất lên thì chết mất…

Thứ không chuyển động. Bà mẹ ngừng một chút, như để dò ý tứ con. Thấy y vẫn dửng dưng, bà chép miệng, bảo tiếp

- Chẳng biết nó buôn thua bán lỗ hay là thua bạc.

Bà hạ giọng cho thật thấp:

- Này! Mày ạ! Hình như lớp này cô ấy cũng đánh bạc ra việc đấy! Mà phỏng chừng thua, nên gắt như mắm thối, mà rạc người đi, trông như con khỉ ấy!

Thứ ôn tồn bênh vực vợ. Nhưng bà mẹ nhăn mặt bảo:

- Khốn nạn! Ai nói thì tôi cũng chẳng tin, nhưng chính con ở nhà nó nói thì còn sai làm sao được? Nó chẳng dám nói với tôi, nhưng khoe với lũ trẻ nhà này. Nó bảo: "Hôm đi ăn giỗ ở trên nhà bác Cảm tôi chỉ có hai xu, đặt ghẹ, mà lên được những ba hào, thế rồi mợ tôi bắt bế em tôi đi, cho mợ tôi đánh. Giá không phải bế em thì tôi còn được nữa…". Những lần khác thì chẳng biết đâu, nhưng lần ấy thì hẳn không còn chối vào đâu được nữa.

Chứng cớ rành rành rồi vậy. Trong người Thứ, đột nhiên như có một cái gì sụp đổ. Y tối tăm mặt mũi. Cổ y nghẹn lại. Y không còn nói được. Bà mẹ trông thấy con tím mặt, đoán một cơn dông bão sắp bùng ra, hơi hối hận. Bà vội can y:

- Nhưng mà thỉnh thoảng nó mới đánh chơi một lần thế, cũng chẳng sao. Chỉ sợ nó quen đi. Tôi bảo để anh bảo ban nó qua loa, chắc nó cũng thôi, chẳng dám đánh nữa đâu. Đừng làm ầm ĩ lên mà người ta cười cho đấy.

- Ai cười thì cười! Con nhất định không tha nó!

Y vùng dậy, chạy ra ngoài để khỏi phải nghe mẹ khuyên can. Y như tức cả với mẹ. Bà mẹ biết mình đã lỡ lời rồi, không sao kéo lại được nữa, len lén đi ra vườn làm cỏ, như lủi trốn. Thỉnh thoảng bà lại ngước đôi mắt lo lắng, nhìn trộm về nhà. Chắc bà ân hận lắm. Thứ cũng trông thấy thế. Y hơi hả dạ. Y cho như vậy là đáng kiếp!...

Liên về chợ. Y mua được một mẻ cá rô và hai chục bánh đa, định về nấu canh. Y hí hởn, nghĩ rằng chắc chồng sẽ mừng lòng. Muốn khoe chồng – và có lẽ đó cũng là một cách làm duyên, y tươi cười gọi chồng ra, nâng đội

cho y. Thứ nhảy xổ ra. Y hất tay một cái, cái thúng đổ ụp về phía sau Liên. Liên mới kịp ngạc nhiên. Một cái tát đã giáng mạnh vào một má y, khiến y lặng người đi một cái. Y gượng dậy, nghẹn ngào, nhìn chồng một thoáng, rồi vùng chạy sang nhà mẹ đẻ. Thứ chạy vào buồng. Y đóng chặt cửa trước, cửa sau. Bà mẹ hoảng hốt chạy về, đập cửa thình thịch

- Con ơi! Mẹ van con! Mẹ van con!

Thứ tưởng như mình sắp tự tử ngay. Y nức nở. Liên lại xồng xộc chạy về. Thứ nghe như thấy y vừa thở vừa sa sả nói bên ngoài cửa

- Người hay thật! Tôi có tội gì thì cũng phải nói cho tôi biết chứ!... Rồi muốn đánh thì đánh, muốn chửi thì chửi, muốn đâm, muốn chém, muốn băm vằm tôi ra tôi cũng chịu. Tại sao tôi vừa ló mặt về, chẳng biết đầu đuôi xuôi ngược ra sao, đã lôi tôi ra mà đánh? Tôi phải cái tội gì cứ nói cho tôi biết!...

Chưa bao giờ Thứ nghe thấy Liên nói cái thứ tiếng đáng ghét y đang nói. Xưa nay Liên chỉ để cho Thứ trông thấy sự hiền từ, sự dịu ngọt, sự phục tùng. Không ngờ Liên cũng biết chan chát, the thé, bướng bỉnh và quyết liệt! Thứ ngồi trong buồng, chẳng nói gì, chỉ bĩu môi, khinh bỉ. Liên té tát mấy câu, rồi lại về bên nhà mẹ đẻ. Thứ nằm dí ở trong buồng cho tận đến chiều. Vào khoảng bốn giờ chiều, khi y đã tuôn khá nhiều nước mắt rồi, y mở cửa ra. Y đem đôi giầy ra tận ngoài hè, ngồi đánh xi cẩn thận, như sắp ra đi. Bà ngoại y, trông thấy thế, thở dài to thành một tiếng rên. Rồi bà lại gần y, mếu máo bảo y:

- Con ơi! Con nghĩ đến bà!... Thầy con đã thế rồi. Bà bây giờ xác gần kề miệng lỗ rồi, chỉ còn trông mong một mình con. Con thương lấy bà một chút.

Bà nói rồi khóc. Thứ cũng khóc, như mình định sắp ra đi để chẳng bao giờ về nữa thật. Bà bắt đầu khuyên giải.

- Thôi con ạ! Con cũng chẳng nên phẫn chí… Vợ con thế, cũng là hư thật, nhưng thời buổi bây giờ cũng chỉ có thế thôi. Thế, với còn tệ hơn thế nữa. Con xem đấy… Kia thử…

Bà kể cho Thứ nghe toàn những chuyện vợ nhà này hư, vợ nhà nọ hư. Và bà kết luận:

- Như thế mà cũng phải cắn răng vào mà chịu. Mắc cái số mình như vậy. Không lẽ mỗi chốc bỏ nhau. Mà bỏ nhau, đã chắc lấy được người hơn thế chưa?...

XIX

Thứ chẳng đi đâu. Y vẫn nghỉ ở nhà đủ ba mươi ngày nghỉ của y. Chẳng phải vì những lời khuyên can của mẹ, của bà. Chỉ vì ngay sau lúc tát vợ xong, nỗi tức giận trút ra rồi, y đã nghĩ ngay rằng Liên có thể bị oan uổng lắm. Và ngay lúc ấy, giữa lúc nghiến răng và khóc lóc, y đã như biết rằng y không thể bỏ Liên. Y đã nghĩ đến đi chơi. Y vẫn nghĩ rằng không có Liên chắc đời y khổ lắm. Lại chính lúc ấy, chính lúc nguyền rủa và đau đớn, y nhận ra rằng y yêu Liên đến bực nào! Y ngồi nhớ lại những cách Liên ăn ở với y từ trước đến nay. Trừ những điều mà y ngờ vực cho Liên – toàn rất vu vơ – còn thì Liên thật là một người yêu chồng và ngoan ngoãn. Liên chịu khổ vì y rất nhiều nhưng bao giờ cũng vui lòng. Chẳng bao giờ Liên nghĩ rằng chỉ vì đi lấy chồng mà mình đang từ cảnh ấm no, bước sang cảnh đói nghèo. Chẳng bao giờ Liên so sánh mình với người nọ, người kia lấy được chồng danh giá hơn hay có của hơn, được ăn no mặc lành hơn hay được chiều chuộng hơn, tự do hơn. Ngay những khi bị Thứ rằn vặt, day dứt vì những nỗi ghen bóng ghen gió không đâu Liên cũng chẳng giận Thứ bao giờ. Liên chỉ tỏ ý thương chồng. Liên chỉ phàn nàn cho số kiếp mình, không dưng mang những cái tiếng không hay, để chồng không thật tin mình, vừa ý về mình. Và Liên đã nín nhịn Thứ, đã chiều ý Thứ biết bao nhiêu mà kể! Nếu không phải vì yêu thì còn có thể vì gì? Thứ tự biết chẳng có gì để cho Liên phải chiều chuộng, để mà trục lợi. Liên được như thế là tốt lắm rồi. Cho rằng y có đánh bạc một vài lần, thì những đức tính của y cũng đủ chuộc lỗi cho y. Đừng nói gì Liên đánh bạc một vài lần. Nếu Liên có ngoại tình đi nữa, có lẽ Thứ cũng không có can đảm bỏ. Một cái gì ở trong y như bảo y như vậy. Y nghĩ đến San. Lúc này y hiểu cho San lắm. Y tự bảo: "Mình phải làm ráo riết thế, để cho Liên phải cẩn trọng về sau, với lại cũng để cho bà và mẹ, từ nay chừa xúi giục…". Tuy nhiên, y cũng đau đớn thật.

Đêm hôm ấy, Liên và Thứ nằm riêng. Liên nằm võng với con. Thứ nằm giường. Tuy vậy, cả hai cùng ở trong một căn buồng. Không ai nghĩ đến chuyện đi nằm ở một chỗ riêng biệt hẳn. Cả hai cùng buồn bực và cố tỏ nỗi buồn bực ra ngoài. Liên không chịu ru con. Thứ nằm sõng sượt, không giãy giọn, như người đã chết. Không ai ngủ, tuy cả hai cùng lặng tiếng. Vào khoảng quá nửa đêm, vì nhiều muỗi quá, con bé bị thức giấc luôn luôn. Liên phải đem nó đặt vào màn. Tưởng đó là một cớ Liên dùng để làm lành. Thứ thấy lòng quang nhẹ hẳn đi. Y hồi hộp đợi. Nhưng đặt con nằm, vỗ về nó một lúc cho nó ngủ mệt rồi, Liên lại ra võng một mình. Lòng Thứ lại sầm tối lại. Y nghiến răng, dọa thầm Liên trong trí: "Đã vậy thì được lắm, chẳng bao giờ nữa ta tha thứ…".

Y nghĩ đến một cách sống mà y vẫn ao ước xưa nay: sống tự do một mình, ở mỗi tỉnh ít lâu, làm bất cứ cái gì cốt kiếm đủ cho một mình mình ăn, còn thừa tiền, còn thừa thì giờ thì đọc sách, chơi bời, du lịch, hoạt động cho một công cuộc xã hội nào mình thích, chẳng bận tâm gì đến gia đình nữa. Y mỉm cười ngạo nghễ trong bóng tối, như đã báo thù được Liên rồi vậy. Và y cố tưởng tượng ra những cái khổ của Liên sau lúc y đi, cho hả… Bỗng đứa con giãy và hụ hị. Y quay ra, nhẹ nhàng ôm lấy nó. Tấm lòng cha dịu hẳn đi, nước mắt Thứ chảy ra ướt đẫm mi mắt. Đứa con khóc thét lên. Không biết làm thế nào cho con lặng, lại thấy Liên vẫn nằm im, Thứ lại càng nhiều nước mắt chảy ra hơn. Y gần bật lên tiếng khóc, như những người mẹ nhịn lâu quá, thấy vú mình hết sữa mà con thì khóc đói. À, y sẽ liệu thế nào về đứa con đây? Y không thể để cho Liên. Y sẽ đem nó đi theo. Y sẽ thuê một người nuôi nó cho y. Y tưởng tượng ra một căn nhà nhỏ ngoại ô, hai cha con, một người vú nuôi sạch sẽ và yêu con nít. Y nhớ đến một cuốn tiểu thuyết của một văn sĩ Pháp, tả một người cha gần vào cái cảnh ngộ y lúc này. Anh khám phá ra rằng chị có ngoại tình. Biết chắc đứa con là máu mủ của anh, anh đuổi vợ đi và giữ lại con. Từ đấy đứa con là lẽ sống độc nhất của anh ta. Anh chăm chỉ làm nuôi nó. Thằng bé đã lên ba, lên tư gì đó thì một hôm một tai nạn nhà máy khiến người cha cụt một ngón tay, phải nghỉ làm rồi mất việc làm. Sự rủi ro ấy xảy ra vào dạo cuối năm. Thành thử ngày mùng một Tết, hai cha con mở mắt ra thấy bụng thì đói mà nhà thì không còn một mẩu bánh, một đồng xu, giữa lúc mọi nhà vui vẻ mừng năm mới… Thứ nhớ nhất cái cảnh người cha dắt đứa con đi qua những hàng bán đồ chơi. Đứa con kêu lên những tiếng vui thích, thèm

thu ồng, đòi thứ nọ, chỉ thứ kia, phụng phịu nhăn nhó gọi: "Ba! Ba!..." và người cha đau đớn, tủi cực, nghẹn ngào, phải nghiến chặt răng, lấy tay bịt lấy mắt con, kéo vội con đi qua chỗ ấy… Thứ dường như biết trước cảnh nếu y muốn nuôi con thì rồi cảnh y cũng na ná cảnh người cha khốn nạn kia. Số tiền y kiếm ra cũng chẳng to gì. Rồi bố con cũng đến khổ sở mà thôi! Nhưng y thấy trong cảnh khổ ấy có một cái gì đẹp lắm. Y tự bảo: y sẽ vui lòng chịu. Và y đã tính toán sẵn những món tiền hàng tháng phải tiêu… Nhưng trong khi ấy, một cái gì ở trong y vẫn bảo y rằng chẳng bao giờ y sẽ bỏ Liên. Y dự tính việc nọ, việc kia như thế để cho óc có cái mà nghĩ ngợi thôi. Thật ra thì y biết rằng thế nào rồi vợ chồng y cũng sẽ lại lành nhau, không thể thế được…

Đứa con không chịu lặng. Liên vào màn, nằm xuống bên cạnh nó. Tay Liên trong khi ôm lấy đứa con, khẽ chạm vào tay Thứ, truyền cho y một cái cảm giác êm êm. Liên vội nhích tay đi. Thứ mỉm cười. Y nhớ đến đêm tân hôn, vợ chồng rất rụt rè, chỉ dám chạm khẽ đến nhau một tí rồi lại vội nhích ra, như dò xét nhau dần dần vậy. Bao nhiêu là khép nép, bao nhiêu là nâng niu trong cái đêm sung sướng ấy! Liên như một đóa hoa mảnh dẻ, một vật quý mỏng manh, mà Thứ chỉ dám chạm đến một cách e dè. Liên xo người, nằm ép vào tận tường. Thứ rón rén dịch vào trong từng tí, từng tí mà thôi. Và khi y đã sát người Liên, y thấy Liên như giật nẩy mình, rồi Liên thở nhanh hơn, trống ngực Liên đập mạnh, Liên sợ sệt, mềm lả, gần như ngất người đi, rũ rượi trong tay Thứ… Từ bấy đến giờ, hơn sáu năm trời rồi! Biết bao nhiêu là sự đổi thay! Biết bao nhiêu là mộng đẹp tàn! Liên đã già đi, đã xấu đi, đã mặc những cái áo rách bạc màu, đã thành một thiếu phụ nhà nghèo. Thứ thấy buồn buồn, thấy thương thương, ngậm ngùi. Liên, khi bước chân về nhà chồng, có ngờ đâu đời mình sẽ thế này. Y vẫn đinh ninh rằng chỉ một vài năm, chồng sẽ thi đỗ, sẽ đi làm, và y sẽ theo chồng ra tỉnh thành. Vợ chồng sẽ ăn trắng mặc trơn. Y không còn phải chân lấm tay bùn, chỉ ngày ngày trông nom cơm nước cho chồng và quanh quẩn với con. Chồng y sẽ chẳng bao giờ thô tục với y, đánh đập y. Y sẽ ngoan ngoãn, sẽ tươi cười, sẽ lễ phép, sẽ dịu dàng, sẽ thổi cơm thật dẻo, nấu canh thật khéo, thu xếp nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng và chồng y sẽ vừa lòng. Vợ chồng sẽ quý nhau, sẽ nể nhau. Nhà sẽ không bao giờ có tiếng nói to. Y sẽ trẻ lâu, và những khi y và Thứ về quê, hai vợ chồng sẽ đi hai cái xe cao su về tận cổng nhà, chồng bước xuống trước, chững chạc, bảnh bao, điếu thuốc lá ở

trên môi. Vợ bước xuống sau, trẻ như măng, tươi hơn hớn, bế đứa con nhẵn nhụi, trắng trẻo, mập mạp như con tây, anh xe đi sau cùng, ôm xách những quà bánh đắt tiền đem về để biếu họ hàng. Họ bước vào sân, và những đứa em đã chạy ra, reo: "A! Anh phán, chị phán đã về!..." và hàng xóm sẽ bảo nhau: "Sung sướng thật! Vợ chồng người ta cứ như tiên như rồng ấy!...". Cô gái quê mười bảy tuổi là Liên, những buổi tối mùa thu cả nhà đi ngủ rồi, đóng chặt cửa buồng, ngồi giở những cái quần lĩnh, áo the, thắt lưng nhiễu, khăn nhung, khuyên vàng… sắm sanh để về nhà chồng ra ngắm nghía, vuốt ve, mắt sáng ngời và đôi má ửng hồng, chắc đã sung sướng mỉm cười nghĩ đến tương lai của chính mình đẹp như hoa. Còn lại được những gì trong lòng người thiếu phụ hăm bốn tuổi, đang ôm con, nằm cùng một giường với Thứ kia? Hỡi ôi! Khi người ta mười bảy tuổi ai cũng mộng, nhưng chẳng một mộng nào thành sự thực bao giờ? Cuộc sống phũ phàng. Đời thì buồn mà kiếp người thì khổ lắm rồi. Sao họ còn muốn gây buồn, gây khổ cho nhau nữa? Nghĩ thế, Thứ thấy mọi cái đều nhỏ cả, đều không đáng kể. Không một tội nào to tát không thể tha thứ. Không một người nào không đáng cho ta thương xót và an ủi… Không một chút ngần ngừ, tay Thứ tìm và nắm lấy tay Liên. Y hơi ngạc nhiên, khi thấy Liên không làm gì để chống cự lại y. Bạo dạn hơn, y nằm xích lại và quàng tay ôm lấy vợ. Đứa con nằm lọt giữa hai người, giãy giụa. Thứ vội lùi đi. Liên trở mình cho nó, đặt nó ra bên ngoài. Liên cũng muốn làm lành. Thứ ôm lấy Liên gục mặt vào gáy Liên mà khóc. Liên lại quay lại. Đôi mặt sát nhau. Thứ thấy mặt Liên áp vào má y cũng đầm đìa nước mắt, y kéo mạnh Liên vào ngực và vỗ nhè nhẹ vào lưng Liên. Họ không nói với nhau một lời nào. Cuộc làm lành đã xong.

Sáng hôm sau, họ đã lại ngồi cùng mâm, ăn cơm sáng với nhau. Và đêm ấy Liên đã hỏi chồng:

- Ai nói với mình sao mà mình làm thế?

Thứ xấu hổ không muốn nhắc đến chuyện ấy làm gì nữa. Nhưng Liên cứ năn nỉ. Thứ đành phải nói ra. Liên hăm hở, bảo:

- Bác cả còn sống đấy. Tất cả những người đi ăn giỗ hôm ấy cũng còn sống trờ trờ cả đấy. Tôi có thể kể tên từng người một. Mình đi hỏi người

ta. Nếu chỉ có lấy một người bảo rằng hôm ấy có trông thấy tôi đánh bạc, tôi xin giơ cổ cho mình chém.

- Nhưng con ở?...

- Một là nó nói vu. Hai là nó không nói thế, nhưng bà nghe nhầm ra thế. Hôm ấy tôi giữ em, ngồi chơi nói chuyện với bà Hương mãi. Rồi em khóc, đòi bế đứng lên. Tôi gọi con ở bế nó đi chơi. Tôi nhổ tóc sâu cho bà Hương chứ có đánh chác gì đâu!

Thứ chẳng biết nói sao. Lẳng lặng một lúc lâu, rồi Liên bỗng thở dài, rầu rầu bảo:

- Tôi đã định chẳng nói ra làm gì để mình nghĩ ngợi thêm phiền. Nhưng ở nhà này, khổ lắm. Chúng mình ăn riêng, chưa sắm sanh được tí gì, bà bảo những nồi, niêu, bát đũa, nhà sẵn có cứ lấy mà dùng, nhưng đến lúc dùng thì bà, với nhất là chúng nó lại nói nọ, nói kia. Có cái giá vo gạo chúng nó cũng giấu đi. Cắt mấy tàu lá chuối khô ở vườn về đun, chúng nó cũng không cho. Tôi bực mình, nhiều khi phải thổi cơm bên ấy. Thấy thế, bà lại giận. Nhất là từ hôm mình gửi thư về hỏi thăm tôi, bà lại càng giận lắm.

Thứ ngạc nhiên

- Tôi gửi cho cậu Vĩnh, làm thế nào mà bà biết được?

- Thế mới lôi thôi!... Tại thằng phu trạm. Nó ngại vào nhà. Nó gặp bà ở đường, đưa cái thư cho bà và bảo: "Của ông giáo nhà bà gửi cho cậu Vĩnh đấy, bà ở liền nhà cậu Vĩnh, đưa cho cậu ấy giùm cháu với". Nó gửi từ trưa mà mãi đến tối bà mới đưa cho tôi đem sang cậu Vĩnh.

- Nhưng thư đã bóc ra chưa?

- Lúc bà đưa cho tôi thì dán kín. Nhưng chắc bà bóc ra rồi dán lại. Bởi vì lúc tôi mới về, vào buồng ngay, cả nhà không biết, tôi nghe cụ bảo là: "Cứ viết thư cho chồng nó bảo: nó chẳng ốm đau gì, chỉ đi đánh bạc thôi!". Thì ra bà với cụ thấy tôi đi vắng suốt ngày, cứ tưởng tôi đi đánh bạc.

Thứ nhớ lại những điều bà và mẹ kể lể về Liên. Đúng là bà và mẹ đã sai bóc thư xem. Không thế, sao bà cố ý nói cho y biết Liên chỉ ốm qua loa, nhức đầu, sổ mũi ít ngày. Y nghĩ đến việc vợ San. Bây giờ y chẳng còn tin gì nhiều rằng vợ San đã phụ chồng. Tin làm sao được những tiếng xấu, tiếng tốt ở đời này? Ai cũng chuộng sự thật nhưng có mấy người trọng nó?... Y thấy buồn. Ngay bố con, anh em mà cũng còn những sự ghen ghét, thì sự tử tế ở trên đời này, biết tìm ở đâu? Y không ngờ trong gia đình y lại có thể có những cái tẹp nhẹp, những cái nhỏ nhen đến làm người ta phải đỏ mặt lên như vậy…

Chỉ mấy hôm sau, vợ chồng Thứ đã lành nhau hẳn. Nhưng Thứ cũng như Liên, cảm thấy trong tình vợ chồng có một cái gì đó mất đi, chẳng còn trở lại bao giờ. Họ chẳng còn nhìn nhau bằng những con mắt ngày xưa. Thứ bình tĩnh hơn, ít ghen hơn, tin Liên hơn. Nhưng y đã thấy Liên thiếu hẳn một cái gì mà y không thể nói ra, nhưng mà y cảm rõ. Một đôi lúc, cái tiếng nói the thé, xa xả của Liên lại trở về trong trí óc y. Y cố bảo rằng người ta không phải là thần và trong lúc tức quá, uất ức quá, không ai giữ vẻ mặt và tiếng nói dịu hiền được. Nhưng vô ích. Y vẫn có cái cảm giác khó chịu như một người bừng tỉnh. Hình như hôm qua y còn nhìn Liên dưới ánh đèn, mà hôm nay, y nhìn Liên dưới ánh sáng ban ngày vậy. Có lẽ cái cảm giác của Liên về Thứ cũng gần gần như thế. Liên vẫn ngoan ngoãn, vẫn chiều chuộng, chẳng giận dỗi gì, nhưng trở nên ít nói, ít cười hơn, lạnh lùng hơn. Những tia sáng của một tâm hồn tin tưởng, yêu đương đã tắt trên đôi mắt của y. Đôi mắt bây giờ mệt nhọc, lơ đãng hơn, thẫn thờ hơn. Liên có vẻ già đi đến mười năm. Trước mặt Liên, cuộc đời đã trở nên nhàn nhạt, đàm đạm, không nhiều màu sắc, nhiều mùi vị như trước nữa. Ngày phân ly, khác hẳn mọi lần. Liên cũng quanh quẩn ở bên chồng cho đến tận lúc chồng đi, gấp quần áo cho chồng, nhắc chồng nhớ thức nọ thức kia, soát lại cho chồng từng cái sơ mi, cái áo, cái quần, nhặt nhạnh từ đôi bít tất, cái lược chải đầu, quyển sổ tay, cái bút chì… cho đến những cái mùi xoa, chiếc khăn rửa mặt, rồi lại tự tay mình mở tủ lấy cái ví cho chồng, kiểm lại tiền và hỏi chồng có cần lấy thêm không. Liên chẳng quên một tí gì. Nhưng Thứ có cảm tưởng như Liên săn sóc đến mình chỉ vì bổn phận, vì thói quen. Họ cũng buồn, nhưng cái buồn vẫn có một vẻ gì khang khác, không giống như mọi lần…

Gần đến bến xe hơi, Thứ gặp San đi xe kéo trở về. San xua tay, ra hiệu cho Thứ từ đằng xa. Thứ ngạc nhiên, chẳng hiểu ra sao. Đến gần, San mới hỏi:

- Quay trở về đi thôi!

- Sao vậy?

- Hải Phòng bị ném bom. Hà Nội có báo động một ngày đến ba lần, quan đốc lý lệnh cho dân thành phố tản cư.

Thứ há hốc mồm, một tháng nay, y không xem báo, nhưng chẳng biết một tin gì. Cái tin bom rơi tận đất nước mình, khiến y hổi hộp lạ lùng. Chỉ một phút sau, y mới thấy lo. Y ngẩn mặt hỏi San.

- Chúng mình không đi nữa thật à?

- Anh bảo còn đi làm gì? Lấy đâu ra học trò?

San có vẻ cũng ngơ ngác, hoang mang. Đôi mắt y là đôi mắt của một người vừa trông thấy cả cái cơ nghiệp của mình cháy ra tro. Y cười cái cười của một người điên, bảo bằng một cái giọng hả hê giả dối.

- Tôi bằng lòng lắm! Phen này sẽ biết nhau… Sống thì sống hẳn, mà chết thì chết hẳn. Cứ ngắc ngoải mãi thì chán lắm. Cho cái trường suy ngay đi, chúng mình cũng không cần. Người ta ăn là nhiều, chứ chúng mình ăn là mấy.

Thứ sực nhớ ra:

- À! Đích thế nào? Có tin tức gì thêm không?

- Về nhà thương Robin ngay từ hôm tôi còn ở trên ấy kia mà! Anh không biết à?

Thứ lại càng phân vân đấy, đi hay không đi nữa? Quay trở về, y thấy ngượng với Liên. Đã đành Liên sẽ chẳng nói gì. Nhưng biết đâu Liên lại chẳng nghĩ thầm: "Thế ra cũng có lúc người ta cần đến vợ!...". Y sẽ nhục khi cầm lấy bát cơm do vợ kiếm. Vả lại biết đâu ngày mai không có học

trò? Ở đấy, ngoại ô, có ai cần đi lánh nạn?... Thì ra trái với điều y vẫn tưởng và nhất là vẫn bảo, y vẫn cần bám lấy cái trường. Muốn cho mình khỏi thẹn với mình, y tự bảo:

- Lúc khác, mình có cần gì! Tìm đâu cũng được mỗi tháng hai chục bạc, mà không đi làm thì ở nhà quê, cũng sống. Nhưng lúc này thì lại cần có cái trường để sống tạm.

Y tưởng như mọi công việc sẽ ngừng trệ hẳn, người ta chỉ nghĩ đến việc chôn của và tích thóc. Y sẽ chẳng có gì để tích. Y tự an ủi bằng cách bảo:

- Tích đã chắc giữ được mà ăn ư?

San giục:

- Thôi, đi về! Anh trả tiền xe của anh rồi lên xe này.

Thứ ngần ngừ:

- Khoan đã!... Yên, chúng mình thử nghĩ xem…

- Còn nghĩ ngợi gì! Cứ đi về!

Thứ vẫn không quyết tâm hẳn. Y cười do dự, bàn:

- Hay là chúng mình cứ lên xem… Lên để thăm Đích với lại trả nhà, lấy đồ đạc của chúng mình về. Đằng nào chúng mình chẳng phải lấy đồ đạc của chúng mình về?

- Đồ đạc thì có cóc gì? Nay mai, xem tình hình thay đổi thế nào… Nếu yên yên thì chúng mình sẽ lên. Nếu quá thì mặc kệ! Nếu Oanh chạy, thế nào en cũng phải chạy cả đồ đạc cho chúng mình. Còn nhà thì tôi đã hẹn rồi: nếu cuối tháng chúng mình không lên, ông Học cứ việc cho người khác thuê.

Thứ vẫn dùng dằng. San sốt ruột bèn đổi ý. Y tặc lưỡi.

- Ồ, mà cũng phải! Anh lên đi cũng được. Từ hôm Đích về, anh vẫn chưa gặp Đích… Với lại cũng nên đem đồ đạc về. Anh đem cả giùm tôi. Tôi thì

thế nào cũng phải về. Nhà đang thiếu người làm. Đi mà không được việc thì thà ở nhà làm đỡ đi.

Thứ lưỡng lự thêm một lúc nữa. Rồi y đành đi một mình…

Đến Hà Nội, mới sáu giờ. Thành phố vẫn tấp nập như thường. Thứ yên lòng. Y đi la cà một lúc lâu, ngừng lại trước tủ kính các hiệu may, nhìn giá những sơ mi. Rồi y vào hiệu phở tái ăn. Nước dùng ngon. Y gọi luôn một bát thứ hai. Y còn có thể ăn được một bát nữa và đã toan gọi thêm, nhưng nghĩ ngợi một chút, lại thôi. Ra trả tiền, người ta tính y những hai hào. Trước kia, mỗi bát có năm xu. Cách đây hơn một tháng, đi ăn với San một lần y đã phải trả bảy xu. Bây giờ lại tăng lên một hào! Y chỉ còn vừa đúng hai hào lẻ, vẫn tưởng còn lại sáu xu để đi xe điện về trường. Không muốn đổi bạc, y đành đi bộ vậy…

- Càng khuya càng tốt!...

Thứ nghĩ thế. Thật ra thì y cũng không muốn đến trường vào lúc chưa tối hẳn. Hàng xóm người ta trông thấy. Người ta sẽ nghĩ bụng thế nào về một anh giáo khổ, ngây thơ đến nỗi tưởng rằng lúc này mà vẫn còn những trẻ con cắp xách đến trường? Họ sẽ cho y là một anh chàng cố đấm ăn xôi mất!

Bởi nghĩ thế, nên gần đến trường, y chọn mé đường tối cúi mặt xuống mà đi. Đến cửa trường, y gần nín thở, kiễng gót chân lên để rẽ vào. Không gõ cửa, y vẫn cầm cái quả nắm xoay đi một cái. Cùng một lúc, hình như có một người xoay cái quả đấm ở bên trong. Quả nhiên hai cánh cửa mở ra, không đợi y phải đẩy, kéo theo cả tay y…

- Ai? À chú!... Sao chú lên muộn vậy?

Thứ chực vào, Oanh bảo:

- Chú đứng yên ngoài ấy… Tôi khóa cửa…

Y ra và bảo tiếp

- Nhà ở trên kia kìa!... Ở đây không có chỗ nằm. Đồ đạc khuân lên trên ấy cả rồi. Đây chỉ còn ít bàn ghế học trò chưa kịp dọn.

- Không có ai ngủ ở đây à?

- Không… Nhưng khẽ chứ, kẻo có đứa nào nó biết. Tôi đóng hết các cửa sổ rồi khóa cửa ngoài. Thôi, đi!...

Hai người vừa đi vừa nói chuyện nhỏ…

- Thằng Mô đâu?

- Nó về nhà nó từ trưa kia. Tai nạn quá! Bà mẹ vợ nó bị xe hơi cán, không biết còn sống hay đã chết.

- Sao vậy?

- Nào có biết!... Bà cụ nhà nó đi xe cát, chắc chậm chạp, lớ ngớ làm sao đó. Già rồi cũng yếu. Với lại xe hơi chạy còi báo động, còn phải nói!...

Oanh đổi chuyện, nói luôn việc thuê nhà mới.

- Này chú ạ! Căn nhà tôi mới thuê rộng lắm. Ở ngay xế cửa nhà Hải Nam, chú biết đấy chứ gì. Chủ cái nhà cũ nay đòi đuổi, mai đòi đuổi, tức mình!... Với lại tôi cũng muốn thuê lên trên ấy, rộng rãi, để cho Đích ở. Ốm mà nằm cái nhà cũ thì chật chội quá, không chịu được… Đích về rồi đấy, chú biết chưa?

- Đã… Tôi cũng thấy anh San nói chuyện…

- Sao chú San biết? Hôm ấy chú ấy còn ở đây thì Đích còn nằm nhà thương Rôbin kia mà!...

- Tôi tưởng anh Đích vẫn nằm nhà thương?

- Không, về rồi… Tôi nói là về nhà ấy! Nhà thương đuổi về không cho nằm nữa. Đích mới về từ hôm qua.

Tim Thứ bắt đầu đập mạnh hơn. Y không tưởng y phải gặp Đích ngay lát nữa. Từ lúc ấy, y mặc Oanh nói, chỉ ầm ừ đáp lại. Y thấy lại những cái cảm giác của y ngày xưa hồi chưa cưới Liên, khi y sắp bước chân vào nhà bố vợ. Y chắc sẽ ngượng nghịu ghê gớm lắm…

Nhưng trái lại… Oanh lên trước, đi thẳng lại chỗ Đích nằm, một cái mền kéo lên kín cả vai…

- Chú Thứ đã lên.

Đích quay ra. Thứ cười dịu dàng, bước lại. Cái mền động đậy, Đích khẽ ngóc đầu lên, giơ ra một cái bàn tay rặt những xương. Thứ đưa tay, nắm lấy:

- Gầy lắm nhỉ?

Thứ giữ tay Đích trong tay mình, bảo thế. Đích cười buồn.

- Sắp chết, còn gì!

Y chớp mắt luôn mấy và bảo tiếp

- Moa mong toa mãi. Hôm về, thấy San, không thấy toa, moa cực quá! Hình như toa bỏ moa rồi vậy.

Mặt y co rúm lại, nước mắt tràn qua bờ đôi mắt sâu hoăm hoắm, chảy xuống đôi má lõm. Tay y run lên trong tay Thứ và cánh tay kia của y vội co lên, che mắt. Thứ thấy mờ đôi mắt. Y xịt mũi và an ủi Đích.

- Anh đừng nghĩ thế… Chúng mình bỏ nhau sao được?

- Moa vẫn biết. Nhưng khi người ta sắp chết, người ta thấy người ta cô độc lạ! Người ta oán những an hem, bè bạn lạ!

Rồi Đích chùi nước mắt, nhìn Thứ hỏi:

- Lớp này tim toa thế nào? Bớt không?

XX

Bây giờ đã lâu rồi. Oanh chưa cho đánh trống, chỉ vì số học trò tụ tập ở trường còn ít quá. Chúng đứng quây cả vào một chỗ, độ mười lăm đứa. Mấy đứa lớn đang nói chuyện báo động với nhau, náo nhiệt chẳng kém gì một bọn cùng xem Tây du kí cả rồi, ngồi nhắc lại những đoạn hay.

Chúng tranh nhau mà nói, đứa nọ cướp lời đứa kia, xua tay bịt mũi, xun xoe, làm như sắp đánh nhau rồi lại hi hí, ha ha cười với nhau. Những đứa bé đứng ở ngoài, hếch mũi nhìn, cười nhút nhát hơn. Tất cả thỉnh thoảng lại một hai đứa nhìn trộm lên hiên gác, là chỗ thỉnh thoảng Oanh hoặc Thứ lại ra, vờ nhìn trời, nhìn đất những đâu đâu nhưng chính là để nhìn chúng… Sau lần đếm cuối cùng, Thứ bảo Oanh:

- Lớp trẻ con chẳng có đứa nào, lớp dự bị một thằng, sơ đẳng ba thằng, cả hai lớp thì mới được năm thằng. Lớp nhất của tôi đông nhất: những năm nhân mạng.

- Chưa đủ tiền nhà. Chết cha!

Oanh lắc đầu chán nản, kêu lên vậy, rồi hỏi Đích đang nằm ủ rũ

- Có dạy không?

- Có chứ!

Giọng nói và vẻ mặt Đích khi nói đến hai tiếng ấy, tỏ ra rằng y thấy câu Oanh hỏi vô lý lắm. Y bảo tiếp:

- Cứ dạy. Một thằng cũng dạy. Rồi dần dần những thằng khác mới đi. Không dạy, chúng đi trường khác thì trường mình vỡ mất.

Y bàn:

- Dồn tất cả vào làm hai lớp, mỗi người dạy một lớp. Khi nào có thể học trò, sẽ lại chia ra như trước.

Thứ bảo:

- Thế thì đánh trống đi. Muộn lắm rồi, chẳng còn đứa nào nữa đâu.

Oanh ngần ngại. Y muốn đóng cửa trường, đưa Đích về nhà quê dưỡng bệnh, vừa yên ổn, vừa đỡ tốn. Số tiền dành dụm cần giữ lại mà uống thuốc. Về nhà quê, ăn không mất, tiền nhà không mất, đã có song thân Đích. Đỡ được nhiều. Tội gì mà dạy học lỗ vốn để số tiền của mình mòn đi?... Đích nhất định không nghĩ thế. Gây được một cái trường đông học trò, khó lắm. Để cho tan, uổng quá! Cố mà giữ vững, nếu tình hình yên ổn, mình còn ăn về lâu, về dài. Vả lại, y không muốn về quê. Ở đây tiện thuốc thang, tiện đốc tờ. Về nhà quê thì chết mất… Y bảo vậy. Oanh biết không thể nào cưỡng lại đành ngáp dài một tiếng, đứng lên. Thứ gọi thằng Mô:

- Mở cửa đánh trống đi, Mô nhé!

Mô chẳng nói gì, đi ra cửa. Mặt nó sưng lên, như giận dỗi ai. Nó giận trời, giận đời, giận mẹ vợ, giận ô tô, giận chiến tranh, giận tất cả mọi người. Tìm cái dùi trống không thấy, nó nhặt ngay một thanh củi tạ, đập loạng choạng mấy tiếng, rồi quăng ngay ra giữa lối đi. Oanh trông thấy, đen mặt lại, nhưng chỉ lắc đầu, chẳng nói gì. Thằng Mô bây giờ quá lắm rồi. Hơi mắng nó là nó cãi. Nó không muốn ở cho Oanh nữa. Cách đây ít lâu, Mô đã lén đi xin việc làm ở nhà máy rượu bia. Người ta hỏi nó trước làm ở đâu. Khi biết nó ở trường, ông ký giữa việc nhận người làm, vốn cũng có con học ở trường, tạt vào hỏi qua ý kiến Oanh. Oanh không thuận để Mô thôi. Mô không xin được việc làm. Nó căm Oanh từ đấy và trở nên chây lười và bướng bỉnh… Học trò vào. Thấy lớp còn rộng mênh mông chúng thích chí, hét ầm lên. Có đứa lăn cả ra bàn. Những đứa khác mỗi đứa một bàn và đua nhau dang chân, khuỳnh tay ra cho nó thích. Một thằng, vốn hay làm trò khỉ, thì lại so người lại, khép chặt hai tay vào cạnh sườn, nhăn mặt kêu: "Úi trời ôi! Chật quá! Không còn giãy được!".

Thứ mỉm cười. Một tháng rồi mới lại được trông thấy chúng, y thấy yêu yêu chúng và dễ dãi, mặc cho chúng nó đùa, vả lại gắt với chúng làm gì? Trước tình thế này, trong lớp học chỉ có một thầy với mười trò, chúng chán học cũng như y chán dạy. Chẳng thế mà có đến ba đứa không mang bút, vở, bởi đi thì đi, nhưng cũng chắc nhà trường còn đóng cửa. Thứ không dạy vội. Y hỏi chuyện chúng, vui vẻ và thân mật, như một người anh đi xa

về hỏi chuyện các em. Chúng nhua nhúa trả lời y. Chúng pha đùa. Chúng khoe những tin lạ với y. Chúng hỏi y và bàn tán về Tàu, về Nhật, về Nga, về Đức… Đang vui chuyện thì bỗng một thằng đứng phắt lên, trợn mắt, giơ một ngón tay lên ngang mũi.

- Lặng im! Lặng im…

Mọi người ngơ ngác, chưa hiểu sao, thì nó đã kêu lên:

- Báo động! Báo động!...

Lắng tai nghe, quả nhiên có tiếng còi rền rĩ văng vẳng tới. Chưa nghe thấy tiếng còi báo động lần nào, Thứ thấy lòng dạ bồn chồn. Tiếng còi gầm lên, rùng rợn, đau đớn, não nùng như tiếng kêu thất vọng của một con quái vật, báo một cái thảm họa gì sắp tới. Thứ hơi tái mặt đi. Học trò lục sục xô bàn ghế, tìm sách vở, như một đàn gà khi người ta mở cửa chuồng. Chúng la lên.

- Thưa thầy! Cho về ạ!... Cho về ạ!... Mai có đi không ạ?

Thứ đứng lên, giơ tay ra hiệu cho chúng đừng lộn xộn và ra lệnh:

- Cứ ngồi yên!... Đợi tôi một chút.

Y chạy lên gác. Oanh cũng vừa lên, đang nhìn Đích mỉm cười. Đích như người uất ức. Y quả là ốm nặng. Mới có thế mà nước mắt y đã ứa ra, y muốn nghẹn. Thứ và Oanh phải dịu dàng, phải ôn tồn hết sức. Ba người bàn một lúc, rồi quyết định. Trường sẽ đóng cửa mười lăm hôm nữa, nếu sáng mai vẫn còn báo động như thường. Oanh và Thứ bảo cho học trò biết, rồi cho chúng về. Cửa đóng lại rồi, họ lên gác, ba người lại ngồi, ngao ngán nhìn nhau. Oanh và Thứ hết cười gượng lại thở dài. Đích khóc. Ở dưới, những nhà hàng xóm ra cửa đứng, nhìn người, xe lũ lượt từ Hà Nội tuồn lên, đi qua đấy. Bà đỡ đi hết từ cửa nhà nọ đến nhà kia.

- Đã vui chưa?... Đã vui chưa?... Các ông! Các bà!

Bà cười bằng những tiếng cười đặc sệt, và bà lắc đầu, chán ngán. Lũ con gái nhà Hải Nam, hình như được thả lỏng hơn, cũng ra cổng đứng, nhìn những người chạy ra ngoài thành phố, đùa bỡn, cấu chí, xô đẩy nhau, cười hi hí. Cụ Hải Nam ở trong nhà, chẳng biết gắt gỏng gì, quát om sòm. Tiếng cụ nghe sang sảng. Ra hiên gác đứng, Thứ thấy những anh xe, chị vú nhà cụ nhao nháo chạy đi chạy lại, mặt nhăn nhó và khổ sở. Có tiếng đập bàn, đập ghế hay quăng đồ đạc rầm rầm. Lũ con gái đứng ngoài cổng sợ hãi, lè lưỡi nhìn nhau, rồi lùi lũi rút vào trong nhà hết. Họ không dám đi cùng một lượt, cúi mặt rón rén chân. Thứ lấy làm mừng vì hồi nào, y đã không vào nhà cụ Hải Nam, hỏi trọ…

Ngày hôm sau, vẫn còn có báo động, cả ngày hôm sau nữa. Thế là cái việc trường phải đóng cửa thêm mười lăm hôm, đã là sự dĩ nhiên rồi. Cả ba người chán nản hơn. Bao giờ người ta cũng cố bám vào một chút hy vọng để hy vọng đến cùng. Nhưng hầu như cả ba người cùng tin chắc rằng mười lăm hôm nữa cũng chưa khai giảng được, hoặc còn báo động, hoặc số học trò ít quá, hay là không có hẳn. Tuy vậy, họ cũng cho dán ở cửa trường, tờ yết thị thế này: "Các lớp nghỉ hè bắt đầu học từ 15 Juillet sắp tới. Lớp nhất và lớp nhì có học thêm tiếng Anh". Đó là mưu của Đích. Y có một quyển tự học tiếng Anh đưa cho Thứ, bảo Thứ cố học lấy mấy chục bài, để rồi sẽ truyền lại mỗi tuần vài bài cho học trò…

Bệnh Đích tăng. Hôm nào y cũng sốt về chiều. Y mất ngủ luôn. Đáng lo ngại nhất là tinh thần y đã trở nên yếu quá. Mỗi lần cặp ống hàn thử biểu xong, y lại buồn rầu, y hay tủi thân, hay khóc như những bà già. Y hằn học với Oanh, day dứt, mỉa mai, giận dỗi Oanh chán rồi lại xin lỗi Oanh, khóc với Oanh. Y uất hận vì những cớ chẳng đáng kể vào đâu, mà mỗi lần hơi có điều gì chẳng vừa lòng, lại trợn mắt nghiến răng, đập phá hung hăng, nhiều khi lại còn rít lên chửi Oanh, túm lấy Oanh toan đánh, đạp, bóp cổ, đâm chém nữa. Mỗi lần, Thứ lại xông vào, ôm chặt lấy y, cố dìu y nằm xuống. Như vậy chẳng khó gì. Bởi vì sức y chỉ còn bằng sức một con gà. Ôm lấy y, Thứ chỉ dám dùng một nửa sức mình, sợ làm y bẹp ngực. Cái khó là làm thế nào cứu chữa y, sau mỗi cơn điên. Bởi vì sau lúc ấy thường y trợn ngược mắt lên, cứng hàm ra, thở hồng hộc thành những tiếng rên như tiếng một con bò đực bị chọc tiết kê, lạnh toát chân tay, rồi cứ thỉu dần

đi, chực chết. Thứ và Oanh lại cuống quýt xoa, bóp cho y, cố gọi cho y tỉnh lại, có khi Thứ phải đi tìm thầy thuốc.

Không có việc gì làm, Thứ toan đọc sách, nhưng không đọc được. Óc y lúc này không còn chỗ cho những điều suy nghĩ trầm mặc. Những sách dễ đọc, những tiểu thuyết thì lại nhạt phèo. Sự thật ở bên ngoài to lớn quá, mạnh mẽ quá, ăn hiếp hẳn cuộc đời tưởng tượng, hiện hình bằng giấy trắng mực đen. Mối tình của anh này với chị kia, cái giọng lướt mướt của một kẻ thất tình cũng như những thương tiếc vẩn vơ của một anh chàng đầu óc không bận vướng một việc gì, bèn nhớ hão, mong hờ cho đoạn tháng ngày… Những cái ấy có nghĩa lý gì bên cạnh cuộc sống sôi nổi, rất ồn ào, rất chật vật, rất đau thương ở quanh ta? Những cái ấy có nghĩa lý gì, bên cạnh ngay chính những lo lắng, những băn khoăn, những tủi hờn ở trong ta? Lúc này mà bình tĩnh nằm đọc sách, Thứ thấy mỉa mai quá! Y chạy lăng quăng. Để đi trốn những buồn lo hay để trông nom vào sự tình cờ? Hình như y ngầm mong sẽ gặp ở chỗ này, chỗ khác một việc làm, một món tiền rơi, một ý kiến gì giúp y có kế sinh nhai, khỏi phải ăn báo vợ trong những ngày sắp tới. Y đọc những lời rao vặt trên các báo hằng ngày. Y xem những tờ yết thị ở các sở công tư, trên xe điện, ở tủ kính các cửa hàng, ở trên những bức tường. Toàn những người muốn bán, muốn nhượng, muốn để lại, muốn mua. Toàn những bản cáo thị dạy người ta phải làm thế nào khi có báo động, có tàu bay, có bom rơi. Toàn những lệnh tản cư. Một đôi khi chỗ dạy học ở tư gia… Thứ đi chán lại về, mệt mỏi thêm, cái vẻ phờ phạc, thẫn thờ vẫn không rời khỏi mặt. Đích vẫn rên. Oanh vẫn thở ngắn, than dài, nước mắt rưng rưng. Thứ lại càng sốt ruột…

Một hôm, đang cúi mặt đi, y ngước đôi mắt thẫn thờ lên và bỗng gặp một đôi mắt đen lay láy nhìn y. Tim y nhảy thót lên. Y nhận ra Tư. Tư cúi mặt nhìn xuống, e lệ và hơi bối rối. Lòng Thứ xao lên, nhưng chỉ một phút thôi. Rồi y lại lạnh lùng ngay. Lúc này, hình như tất cả những cái gì không phải là cơm ăn, việc làm đối với Thứ đều bị coi là phù phiếm, là vô ích cả. Y nghĩ đến Liên, đến việc hôm nào… Thật là trẻ con! Thật là điên rồ! Làm như Liên là một tiểu thư chẳng có việc gì ngoài cái việc nhí nhảnh và vui vẻ, trẻ trung! Làm như y chẳng có việc gì phải lo, ngoài cái việc gìn giữ vợ yêu! Những chuyện ấy không có sự quan trọng lớn lao quá thế đâu! Điều quan hệ là làm thế nào cho được sống. Cơm! Áo! Sự an toàn! Tương lai

của mình! Tương lai của các con! Sống! Sống!... Tất cả sự quan hệ là ở đó. Phải làm thế nào cho được sống, được ngước mắt lên, được thở hít tự do, cùng với tất cả mọi người. Cuộc sống đè nặng lên ngực người ta quá!

Y rẽ vào nhà ông Học. Con chó kéo cái xích sắt kêu loảng xoảng, sủa mấy tiếng ông ổng, rồi nhận ra người quen, vẫy đuôi mừng. Ông Học đang nằm có nửa người ở trên giường, hai tay chít lại ở dưới đầu, hai chân buông xuống thềm nhà, vội ngồi lên:

- Kìa! Ông giáo! Chào ông!

- Ông ạ! Hôm nay ông lại rỗi.

- Vâng, thưa ông mấy hôm nay người ta chạy cả, hàng bán không mạnh lắm, nhà tôi làm ít đi, nên gần rỗi cả ngày.

- Ông bà có định chạy đâu không?

- Thưa ông, không ạ! Chạy thì lấy gì mà ăn được? Ở nhà quê chúng tôi, một thước đất cắm dùi không có. Thôi thì đành nhẽ…

Ông phàn nàn về nỗi từ hôm có báo động đến nay, ông thua thiệt. Hàng ế. Đậu nành lên giá. Giá gạo cũng đột nhiên cao vọt hẳn lên… ông hỏi Thứ về tình hình trên nhà trường… Bà ở dưới căn nhà lá, chạy lên.

- Chào ông giáo!

- Vâng! Chào bà! Bà có chạy không?

- Thưa ông, có ạ! Mẹ con tôi sắp đi đây ạ! Tôi vừa bảo: lên chào ông chủ và gửi lại ông cái nhà… Thưa ông, cũng chẳng phải sợ bom đạn gì đâu! Nhưng thóc cao, gạo kém quá! Công làm thì vẫn thế. Sáu đồng bạc với ba đồng của thầy các cháu cho, ba mẹ con ăn không đủ…

- Ở nhà quê, bà có nhiều ruộng đất không?

- Thưa ông, không ạ! Chẳng nói giấu gì hai ông, trước nhà cũng có vài sào vườn, hơn một mẫu ruộng, nhưng thầy cháu bán cả rồi. Bán để lấy tiền

buôn bán, bắt cả mẹ con tôi ra Hà Nội bảo: "Ra Hà Nội, đi bán cháo còn hơn ở nhà quê bám lấy mấy sào vườn, hơn mẫu ruộng…". Nói của đáng tội, mẹ con tôi cũng chẳng muốn đi, nhưng ruộng đất bán hết rồi, nên cũng phải đi. Đi, nên bây giờ mới khổ.

- Thế bây giờ bà đưa cháu về đâu được?

- Chẳng nói giấu gì hai ông, bây giờ thì đành nhẽ, tôi lại cho các cháu về ở nhờ nhà chị, nhà em, rồi lại làm thuê cuốc mướn, mò cua bắt ốc, buôn thúng bán mẹt, gặp cái gì làm cái ấy, lần hồi nuôi các cháu. Ở nhà quê, mọi thứ thế nào cũng còn rẻ hơn…

Thứ toan hỏi về ông chồng, nhưng lại ái ngại, không muốn hỏi. Bà chào Thứ và ông Học, rồi bà xuống nhà lá, lấy cái thúng đựng tất cả gia tài, sự nghiệp, dẫn hai con ra về. Vẫn cái áo cánh như mọi bữa. Cả ba mẹ con buồn xiu xịu. Hai con bé hình như không còn muốn bước. Bà phải thúc chúng đi nhanh mấy lần. Ra đến cổng, bà gặp u em. U em bám lấy bà:

- Mẹ con về nhà quê thật đấy ư?

- Về thật!

Họ nhìn nhau một lúc. Rồi bà mếu, u em mếu. Hai đứa trẻ, bị lây, cũng khóc. Bà vội vàng đẩy hai con đi trước rồi vỗ vai u em từ biệt.

- Thôi! Mẹ con tôi đi đây, u em ạ! Chào u em ở lại.

Bà vừa đi, vừa lau nước mắt. U em cũng kéo dải yếm lau nước mắt, đi chéo qua bếp, vào buồng…

Thứ đứng lên, chào ông Học

- Xin vô phép ông… Ông ngồi chơi, tôi xuống qua dưới này một chút.

Y xuống nhà bà Hà. Chính y cũng không hiểu rõ tại sao y đến khắp lượt nhà mấy người quen như vậy. Y làm như y sắp đi xa và đi từ biệt những người quen thuộc. Có lẽ y biết y sắp rời nơi này hẳn. Có lẽ y tò mò… Chỉ

mình Hà ở nhà. Nó ôm con. Căn nhà lá ẩm ướt, tối o mom. Hà nghe tiếng chào. Y biết rằng nó khóc. Thì ra nó đang ngồi khóc một mình, nước mắt làm mờ mắt nên không trong rõ y ngay được. Y hỏi thăm về bà cụ. Nó lại hu hu khóc.

- Thưa cậu, bà con thì chết rồi. Người ta xe vào nhà thương. Thưa cậu, thấy nhà con bảo bà con mê man, không biết gì. Thưa cậu, không biết hôm nay còn sống hay chết rồi? Chúng con, cũng chẳng đứa nào đến được. Con thì ôm cháu ngồi đây, với lại con sản hậu ốm mãi, ra sự cũng chưa chịu khỏi. Nhà con thì bận. Thấy nói: cậu Đích cũng ốm nặng lắm, nhà con cũng dát, không dám xin phép cô giáo cho nghỉ để đi xuống nhà thương thăm bà con…

- Thăm nom gì! Chết lúc này là phúc…

Tiếng Mô. Thứ và vợ Mô cùng quay ra cửa. Mô bước vào…

- Thưa cậu, cậu đi đâu mãi thế ạ? Cậu Đích hôm nay mệt lắm.

Mô bảo y như vậy. Y bảo nó:

- Lúc này, mày chịu khó xuống nhà thương xem bà cụ đã khỏi chưa. Bỏ liều bà cụ thế, phải tội.

Nó cười buồn:

- Thưa cậu, con thì nhất định chẳng thăm nom gì nữa. Bà còn sống nhờ trời, chết nhờ nhà thương. Đem về nhà, biết lấy gì mà chôn! Với lại, nói cậu bỏ lỗi, lúc này bà con chết là bà con may đấy. Như chúng con mới khổ! Vợ ôm con, ngồi đây. Chồng làm chỉ đủ chồng ăn. Giá còn bà con thì khi nào nhà con khỏe, bà còn bế con cho, để nó đi làm. Bây giờ như thế…

Thứ móc ví, lấy năm hào, cho con nó. Y ra về…

Một cái xe hơi đã đậu trước cửa nhà Hải Nam. Đầy tớ chạy đi, chạy lại khuân đồ đạc. Thỉnh thoảng một cô, áo dài tha thướt, ra khỏi một cái cửa,

thấp thoáng ở ngoài hiên một tí rồi lại vào một cái cửa khác. Họ tấp nập sửa soạn đi về ấp…

Oanh mở cửa.

- À! Chú! Chú đi đâu mãi thế? Tôi mong chú mãi

Mắt y còn ngân ngấn nước. Thứ hỏi ngay

- Thế nào?

- Chú đóng cửa lại giùm tôi đã…

Và khi Thứ khóa cửa xong…

- Chú vào trong này, tôi nói chuyện…

Y nói khẽ.

- Chú về nhà quê giùm tôi nhé!

- Làm gì?

- Tìm người nhà Đích. Đích mệt lắm rồi, chú ạ! Thế nào cũng chết. Mà chết mau chứ không lâu. Có khi chỉ ngày mai, ngày kia, vài ba hôm nữa. Tôi biết lắm. Đêm qua tôi chiêm bao thấy…

Y nức nở, đưa mùi xoa lên bịt chặt lấy hai con mắt. Đôi vai gầy và cái ngực y nhấp nhô, theo tiếng khóc cố nén đi. Thứ bảo:

- Biết đâu mà tin vào mộng mị?

- Không! Tôi biết lắm!... Đích không sống được. Tôi biết đã lâu. Tôi bảo Đích về quê đã mấy lần. Nhưng Đích không nghe. Đích cứ bám lấy tôi. Nếu Đích chết ở đây thì lôi thôi cho tôi lắm. Tôi lấy địa vị gì mà làm ma cho Đích? Cũng tại ông bà chánh cứ rùi gắng mãi, không chịu cưới tôi cho Đích. Bây giờ thành ra dang dở. Tôi đã vậy. Tôi không tiếc gì với Đích. Nhưng còn bà tôi, ba tôi, các em tôi… với người ngoài… Tôi đã bảo mãi

Đích về đi, rồi tôi sẽ nói dối nhà tôi, tôi sẽ về với Đích sau. Tôi không bỏ Đích đâu. Nhưng Đích cứ khóc, cứ dằn dỗi, cứ bảo tôi muốn đánh lừa Đích về rồi bỏ Đích! Chú nghĩ, Đích đang ốm đau như vậy, tôi nỡ lòng nào mà bỏ Đích! Nhưng nói thế nào thì Đích cũng không tin. Bây giờ Đích quá rồi. Tôi không chắc Đích có qua được đêm nay. Chú về tìm ông Chánh lên ngay hộ tôi, phòng Đích chết còn dễ xử. Nhưng chú đừng nói cho Đích biết. Đích có hỏi, tôi sẽ nói dối rằng chú đi Hà Đông chơi…

Thứ mặc cho Oanh nói. Y chỉ cúi đầu nghe, chẳng nói gì. Y thấm thía buồn. Người ta yêu nhau đến có thể chết vì nhau, nhưng vẫn không dám tận nghĩa cùng nhau chỉ vì chưa cưới hỏi! Nhưng trách gì Oanh! Thứ nhiều khi cũng có những cái sợ vô lý, những cái e ngại lố lăng, nó khiến y không dám cư xử theo lòng mình…

Thứ rón rén lên gác, lại gần chỗ Đích nằm, Đích thở nặng nhọc lắm rồi. Thứ nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh y…

- Anh Đích ơi! Mệt lắm ư?

Đích mở mắt ra. Đôi mắt uể oải, nặng u buồn, nhìn một lúc, nhận ra kẻ gọi mình, lại đờ ra. Nước mắt rưng rức, Đích mếu.

- Tôi chết…

Tiếng Đích phều phào, rưng rức… Thứ lặng lẽ nhìn một lúc rồi dịu dàng bảo:

- Tôi đưa anh về quê nhé?

Đột nhiên mắt Đích long lên. Y thở mạnh hơn, dằn dỗi.

- Về nhà quê làm gì hở Thứ? Về chỉ càng thêm cực. Thà cứ nằm ở đây. Nếu quá, tôi sẽ cố lê ra cái bãi cỏ trên kia… Tôi sẽ lăn ra mà chết như một đứa ăn mày… Chẳng phải phiền đến ai…

Y ngừng một chút để thở hồng hộc như bò, rồi rít lên, hai hàm răng khô nghiến chặt.

- Đời!... Ôi chao đời!...

Oanh sụt sịt, úp mặt vào mùi xoa…

***

Thứ đứng tựa mạn tàu… Người ta không thể ước ao một buổi sáng đẹp hơn. Trời xanh lơ, tươi màu như vừa mới quét sơn. Một vài túm mây trắng, lửng lơ. Không gian như rộng quang ra. Ánh nắng chan hòa và rực rỡ. Nhưng Thứ buồn…

Y nhìn đằng sau, Hà Nội lùi dần như muốn bỏ y. Đời y cũng lùi dần. Biết bao nhiêu là ước vọng cao xa khi còn ngồi trên ghế nhà trường! Cái đầu tóc mới nuôi có bao giờ thèm mong sau này làm một ông phán tầm thường, mắt cận thị và lưng gù, tháng tháng lĩnh lương về nuôi vợ, nuôi con? Y sẽ đỗ thành chung, y sẽ đỗ tú tài, y sẽ vào đại học đường, y sang Tây… Y sẽ thành một vĩ nhân đem những sự thay đổi lớn lao đến cho xứ sở mình. Ra khỏi trường, y thấy mình gần như là một phế nhân. Vào Sài Gòn, y đã làm một kẻ lông bông. Tuy vậy, mấy năm ở Sài Gòn cũng là một quãng thời gian đẹp của y. Ít ra, y cũng hăm hở, y đã náo nức, y đã mong chờ. Y đã ghét và yêu. Y đã say mê. Y đã ngồi ở thư viện không biết mỏi lưng và đón một dịp đi Pháp không biết nản… Về Hà Nội, y sống rụt rè hơn, sẻn so hơn, sống còm rom. Y chỉ còn dám nghĩ đến chuyện để dành, chuyện mua vườn, chuyện làm nhà, chuyện nuôi sống y với vợ con y. Nhưng cũng chưa đến nỗi hỏng cả mười phần. Ít ra, y cũng còn làm được một việc gì, còn kiếm nổi bát cơm của mình ăn. Nhưng nay mai, mới thật buồn. Y sẽ chẳng có việc gì làm, y sẽ ăn bám vợ! Đời y sẽ mốc lên, sẽ gỉ đi, sẽ mòn, sẽ mục ra ở một xó nhà quê. Người ta sẽ khinh y, vợ y sẽ khinh y, chính y sẽ khinh y. Rồi y sẽ chết mà chưa làm gì cả, chết mà chưa sống!...

Nghĩ thế y thấy nghẹn ngào, thấy uất ức vô cùng! Không! Y sẽ không chịu về quê. Y sẽ đi bất cứ đâu, mặc rủi may, sống bất cứ thế nào và chết thế nào cũng được. Chết là thường. Chết ngay trong lúc sống mới thật là nhục nhã. Y sẽ đi và bất cần tất cả!... Nhưng mà Hà Nội vẫn lùi dần, lùi dần… và đời y cũng lùi dần. Y đang lùi về một xó nhà quê. Con tàu trở y về. Y cưỡng lại làm sao, bởi vì y đang ở trên con tàu đó. Chiều hôm nay, về đến

nhà, y sẽ bảo Liên rằng trường đã vỡ rồi, y hết kế sinh nhai, y sẽ ra đi, sẽ đi liều… Liên sẽ vuốt tóc y, xoa đầu y, vỗ vỗ vào bảo rằng y sẽ chẳng đi đâu. Và y sẽ chẳng đi đâu… Ấy! Cái đời y là vậy! Y biết thế! Y nhu nhược quá, hèn yếu quá! Y không bao giờ cưỡng lại, không bao giờ nhảy xuống sông, xuống bể, không bao giờ chĩa súng lục vào mặt người bẻ lái và ra lệnh cho hắn hãm máy, quay mũi lại. Y chỉ để mặc con tàu mang đi.

Hà Nội vẫn lùi dần, lùi dần… và bây giờ thì xa rồi, khuất hẳn rồi. Hai bên bờ sông, lần lượt qua những đồng ruộng và những khóm tre, những làng mạc xo ro, những người nhà quê bao nhiêu đời nay đương đánh vật nhau với đất. Trên những bãi sông kia, trong những làng mạc, những khóm xanh xanh kia, có biết bao nhiêu người sống như y, không bao giờ dám cưỡng lại đời mình. Đời họ là một đời tù đày. Nhưng cũng như một con trâu, họ vẫn cắm cúi kéo cày, ăn cỏ, chịu roi. Ở bên kia những cánh đồng bùn lầy, là rừng xanh, cuộc sống tự do, cỏ ngập sừng. Con trâu có lẽ cũng biết vậy, nhưng chẳng bao giờ nó dám đi, chẳng bao giờ nó dám dứt đứt sợi dây thừng. Cái gì giữ con trâu lại ở đồng bằng và ngăn người ta đến một cuộc đời rộng rãi hơn, đẹp đẽ hơn? Ấy là thói quen, lòng sợ hãi sự đổi thay, sợ hãi những cái gì chưa tới. Ấy thế mà trên đời này lại chẳng có cái gì tới hai lần. Sống tức là thay đổi…

Bên cạnh Thứ, một anh chàng nhà quê trẻ tuổi, mượn được tờ báo của một kẻ đồng hành, mở ra, vừa đọc cho mấy người nhà quê khác nghe chung. Thứ nhớ đến cuộc chiến tranh ghê gớm hiện thời. Bao nhiêu người chết! Bao nhiêu thành phố tan nát! Cái thảm sông máu, núi thây thật là rùng rợn. Nhân loại lên cơn sốt rét, đang quằn quại, nhăn nhó, rên la, tự mình lại cắn mình, tự mình lại xé mình, để đổi thay. Cái gì sẽ tới ra? Lòng Thứ đột nhiên lại hé ra một tia sáng mong manh. Thứ lại thấy hy vọng một cách vu vơ. Sau cuộc chiến tranh này, có lẽ cuộc sống sẽ dễ dàng hơn… đẹp đẽ hơn… Nhưng y lại đỏ mặt ngay. Người ta chỉ được hưởng những cái gì mình đáng hưởng thôi. Y đã làm gì chưa?

Viết xong tại Đại Hoàng 1-10-1944

SÁNG TÁC SAU CÁCH MẠNG

MÒ SÂM-BANH

Chủ bếp Tư rất cẩn trọng về vấn đề giữ vệ sinh. Ông thường nói rằng: khí hậu ở đây chẳng được lành, những người chưa quen với thủy thổ miền nhiệt đới, đến đây mà chẳng biết giữ thân, khó khỏi chết vì những bệnh thương hàn hay kiết ly. Những bệnh nguy hiểm ấy truyền nhiễm phần nhiều do nước bẩn. Bởi vậy nước ăn của ông phải coi giữ thế nào cho sạch sẽ. Cái bể nước của ông, ông coi quý gần bằng vợ ông. Mà có lẽ còn quý hơn vợ ông nữa. Bởi vì vợ ông ông có thể để người khác bắt tay, chứ bể nước mà đứa nào dám nhúng tay bẩn hay cái "sô" bẩn vào thì liệu cái thần hồn với ông.

Ở nhà bếp, bếp Tư thích nhất cái bể nước ăn này. Nó to bằng cả một gian nhà rộng, nước mưa ở trên các mái nhà theo hai cái ống máng mà trút xuống. Mặt bể bưng kín mít, trừ một mảng vuông, mỗi bề chừng một thước, có nắp khít như nắp cống. Những ngày nghỉ, vợ chồng ông chủ về Hà Nội, thằng Tè con bác bếp vẫn đậy nắp bể cho thật kín rồi trèo lên mặt bể, co một chân lên bắt chước Lã Bố đi bài tẩu mà hoặc nhảy huỳnh huych để bắt chước Võ Tòng sát tẩu. Cái mặt bể toàn xi măng cốt sắt, bốn mươi thằng Tè nhảy cũng không việc gì.

Tè là con một bác Tư. Mẹ nó chết mới xong tang. Bố nó tính hiền lành nên rất yêu nó. Chẳng như những bồi bếp khác, nay vợ này, mai vợ khác hoặc nhân tình, nhân ngãi với bọn cô đầu, nhà thổ, vợ chết đã ba năm rồi mà nghĩ đến lúc nào bác ta vẫn còn thương. Có khi đang ngồi bác tự nhiên khóc huh u. Hỏi bác thì bác bảo: cũng ngày này năm nọ, bác xin được phép chủ về quê đón vợ con ra ở luôn đây với bác, thế mà bây giờ vợ bác đã nỡ bỏ bác mà đi cho đành! Chẳng ngày rằm, mồng một nào bác không thắp hương cúng vợ. Cúng xong bác rơm rớm nước mắt, thở dài, thở ngắn. Tè thấy thế thương cha vô cùng.

Chỉ thương suông không thể gọi là thương. Cái lối thương để bụng vô ích lắm. Phải tìm cách tỏ lòng thương ra ngoài mới được. Nghĩa là phải kính mến, nghe lời, giúp đỡ. Thầy giáo Tè bảo thế. Cũng vừa mới bảo lúc nãy thôi, khi giảng nghĩa bài luân lý. Bởi vậy, cắp xách về đến nhà trông thấy

bố, Tềnhớ lại. Vả Tềcó ý nhìn xem bố làm gì. Làm gì? Bác Tư đang vắt cái bụng lên thành bể, hai chân đeo lủng lẳng ở bên ngoài, phần thân người buông thõng xuống ở bên trong. Không có lý bác gội đầu bằng cách ấy. Tề im im đứng đợi… Bỗng hai chân thụt xuống, bác bếp Tư rút đầu ra. Và bác giật mình đánh thót. Ấy là bác thoáng trông thấy có người đứng cạnh mà không biết người ấy là Tề. Tềmỉm cười, khẽ hỏi.

Bác ấp úng một lát rồi mới nói ra lời được.

- À! Mày… Mày đấy à!

Bác nhe những cái răng đen lờ lờ ra cười khì khì. Bởi thật thà mà trống ngực bác ta còn đập. Bác mới hơi định thần.

Tềhối hận vì đã làm cha hoảng sợ. Nó nhìn cha, ái ngại. Cha nó bảo:

- Mẹ nó! Tao đánh rơi chai "sâm-banh" vào trong này rồi!

- Thì thầy thử thò tay vào mà quờ xem.

- Có được chó người ta đấy! Đầu ngón tay mới chỉ hơi nhúng nước.

- Thế làm sao được?

- Vậy mới rầy rà chứ! Lát nữa không có rượu uống thì bỏ cha!

Tềnghĩ ngợi rồi nói nhỏ:

- Hay để con lội vào?

Bác Tư lại nhe răng ra, khì khì

- Có được chó!

- Được!

- Nhưng ghét mày ra, bẩn nước thì có mà vất đi.

- Không! Thế này chứ lị!... Con lấy xà phòng tắm rồi rửa chân thật sạch, rồi mới vào trong bể.

Thằng oắt này ranh thật. Nó có tài biến báo. Bác Tư nhìn con, ra dáng phục. Nhưng bác vẫn chưa nhất định. Răng bác vẫn còn nhe để cười một cái cười do dự. Đấy là một kẻ nhút nhát đang bị người ta xui làm liều. Nhưng Tèthì đã quyết. Nó chạy tọt vào trong nhà để cất sách vở và quần, cởi áo. Một lát sau nó trần truồng chạy ra.

- Con tắm nhé!

- Nhưng mà thôi, con ạ. Nhỡ bà ấy biết.

Bà ấy là bà chủ. Tèn hìn lên gác hỏi:

- Bà ấy thức hay ngủ?

- Ngủ, nhưng sợ bà ấy dậy!...

- Không sợ! Thầy lên đóng cái cửa ở đầu cầu thang lại. Đóng lần ngoài. Như vậy bà ấy có dậy cũng không xuống được. Hễ bà ấy gọi thì con ra, chạy vào nhà ta đóng cửa lại, rồi thầy hãy lên mở cửa cho bà ấy.

Sau cái phút do dự nữa, bác Tư đành nghe con vậy. Cái mẹo của nó được đem ra thi hành. Tèt ắm rửa xong rồi, bác Tư cẩn thận gội cho con thật sạch. Rồi bác nhấc nó lên, từ từ thả vào trong bể. Thằng bé thấy cái trò ngộ nghĩnh, cười hí hí. Nó nghĩ trước đến cuộc bơi lặn trong cái hồkín như hang này.

- Khéo nhé! Sâu lắm đấy!

- Được! Con bơi giỏi lắm. Thầy cứ buông

Tèrơi đánh tõm. Thì bỗng cửa nhà ngoài lịch kịch rồi có tiếng giầy Tây cồm cộp đi vào.

- Chết rồi ông ấy về!

Bác Tư kêu lên, hoảng hốt. Bởi vì bác sơ ý, mới nghĩ đến việc ngăn bà chủ mà quên ông chủ. Giờ này tan sở, bác chưa kịp cài then cửa ngoài. Bác giục T`ề

- Ra đi! Ra đi!

Nhưng sao kịp? Ông ấy đã tiến vào đến sân. Bác Tư đứng thẳng người lên. Bác hóa ra tượng đá. Ông chủ nhận thấy, sinh ngờ vực. Ông nhìn vào mắt bác.

Bác thấy chân tay bủn rủn, hơi thở g`ần bị tắc. Giấp luôn đến tiếng bà chủ ở trên gác gọi.

- Tư! Tư!

- Bà đ`âm!

- La Porte! La porte! (Cái cửa! Cái cửa!)

Và tay bà đập vào cái cửa kêu thình thịch. Bà vừa đập vừa nói một tràng những tiếng gì choe chóe. Bác Tư không nghe kịp nhưng cũng hiểu thế là bà gắt. Bác cuống quýt. Nhất là mắt ông chủ vẫn trừng trừng nhìn bác, nghiêm khắc và chế nhạo. Ông hất hàm.

Bác Tư cúi đ`ầu bối rối. Ông đoán ngay là bác đang làm một việc gì vụng trộm. Ăn cắp đ`ồchẳng hạn, ông nhìn chung quanh bác. Không có đ`ồgì cả. Ông nhìn cái cửa bu`ồng của bác. Cánh cửa bu`ồng hé mở. Ông mỉm cười. Bởi vì ông tưởng đã đoán được cái việc giấu giếm của người bếp hi`ền lành ấy. Muốn cuộc gì ông cũng cuộc. Thế chết nào cũng có, một đứa con gái trong căn bu`ồng nhỏ kia. Một con gái vẫn đang luống cuống với những áo qu`ần vắt lên thành giường. Cái này không phải là một tôi. Khi vợ người ta chết đến ba năm và mấy tháng!... Nhưng ông bác bếp tỏ ra sợ hãi, ông muốn đùa một chút. Ông nói to lên, bảo vợ:

- Đợi một tý, tôi mở cho.

Bà vợ rú lên:

- Ồ! Vậy ra mình đấy ư?

- Ừ, tôi đây! Tôi lên giờ

Và ông cố chắp nối mấy tiếng thật rõ rệt, cho người bếp hiểu.

- Moi oublier lunettes bureau Lunette' (ông vừa nhắc lại tiếng ấy vừa lấy ngón tay trỏ khoanh chung quanh mắt để vẽ hình cái kính) biếc?

- Uẩy xừ!

- Va chercher (đi tìm)

- Uẩy xừ!

Tuy m`ồm "uẩy" mà bác Tư vẫn không nhúc nhích. Ông chủ tưởng người bếp của mình không hiểu. Ông lại nói, lại ra hiệu lại. R`ồi lại nói.

- Biếc?

Thì có gì mà chả biết? Tiếng Tây, bác Tư đã thạo. Ông nói thế là muốn bảo: ông để quên cái kính ở sở và sai bác đi lấy v`ề. Hiểu lắm, nhưng còn thằng T`êtrong cái bể?... Ông chủ giục

- Ale! Maoo!

M`ồm nói, tay ông nắm vai bác mà đẩy ra phía cửa.

- Uẩy xừ!

Bác đậy vội cái nắp bể lại để ông chủ khỏi thấy, r`ồi chạy đi. Ông nhìn theo, mỉm cười. Ông định cho bác chạy một tua bở hơi tai để ông có thì giờ chạy vào bu`ồng bác. Ông sẽ nắm cổ người con gái kéo ra. Ông sẽ đeo kính của ông vào mắt y, r`ồi bắt y ng`ồi trên giường ch`ồm chỗm như một pho tượng khỏa thân bằng đá trắng. Để người bếp của ông lúc giở v`êtrông thấy y mà cười. Mà chịu rằng ông chủ của bác là ma lanh.

Nhưng ông cụt hứng ngay. Bởi vì buồng bác Tư trống rỗng. Không con gái. Không dấu vết một cuộc ái ân vụng trộm. Ông văng tục một tiếng rồi chạy lên với vợ.

Một lúc lâu sau, bác bếp về, nét mặt băn khoăn. Bởi vì bác không tìm thấy kính. Đó không phải là lỗi của bác. Nhưng rất có thể rằng ông chủ gắt. Tính ông nóng lắm. Chắc hẳn rằng ông sẽ quát ầm nhà lên. Bác rón rén lần lần thang lên gác. Ông chủ đang ngồi thụt hẳn người vào trong một cái ghế bành to, đọc báo. Mắt ông có kính. Bác bếp ngạc nhiên rồi lại thêm lo sợ. Bây giờ thì bác sợ bác đã hiểu nhầm lời ông chủ. Có lẽ luy-nét không phải là cái kính. Có lẽ ông sai bác đi tìm cái khác. Thế mới bỏ đời bác chứ! Ai bảo bác hấp tấp? Không chịu hỏi cho biết rõ rồi hãy đi!

Bác rụt rè một lúc rồi mới đánh liều lên tiếng

- Me-xừ

Ông ngẩng đầu lên, hất hàm. Bác đọc như cái máy

- Loong-toong điếc da-na-ba-luy-nét

Loong-toong bảo không có luy-nét! Ấy là một cái khóe ranh của bác. Bác cũng nhanh trí khôn lắm đấy. Loong-toong bảo không có luy-nét! Vậy thì luy-nét là cái gì cũng được. Ông muốn gắt thì gắt với thằng loong-toong! Nhưng luy-nét chính là cái kính. Bởi vì ông chủ trỏ tay lên mắt hỏi:

- Xa (Ca)

Và ông nhún vai, mỉm cười. Thoát nạn! Bác bếp Tư nhẹ lâng cả người. Một tảng đá lớn tưởng đè trên người bác vừa trút đi. Bác chạy xuống cầu thang, bước hai bậc một. Y như một hòn đá lăn trên sườn núi. Bác chạy thẳng lại cái bể. Nhìn trước nhìn sau một thoáng rồi bác mở nắp ra, cúi đầu xuống. Tối om om. Một mảng nước loang loáng như nước mực. Bác gọi con:

- Tề! Tề con!

Im lặng. Một nỗi nghi vụt đến. Tim bác nhảy lên một cái. Tiếng khàn khàn, bác gọi:

- T`ê ơi! Ra đây th`ầy kéo lên.

Chẳng có gì đáp lại. Những đốm sáng lăn tăn nhảy nhót trong bóng tối. Ấy là bác bếp Tư hoa mắt, bởi vì đ`ầu bác đã nặng trĩu, quay quay, choáng váng.

Người thì bủn rủn. Bác nhoai lưng vào trong bể, vừa mếu máo vừa rên rỉ.

- Con ơi! T`ê, con ơi!...

Đ`ầu ngón tay bác đụng phải một cái gì trơn nu`ần nuột mà không còn động đậy. Bác toan gào thật to. Nhưng có tiếng gi`ầy Tây c`ồm cộp trên thang gác. Ông chủ xuống! Bác Tư sực tỉnh. Bác rút vội đ`ầu ra khỏi bể. Bác đậy luôn nắp lại. Vừa kịp ông chủ không trông thấy, bác cố thản nhiên đi vào bếp, lau bát đĩa để sắp sửa bày lên bàn. Nhưng nghĩ đến bàn ăn, bác lại sinh lo lắng…

- Còn chai sâm-banh!... Đào đâu ra một chai sâm-banh bây giờ?

Đêm hôm ấy, đợi vợ ch`ồng ông chủ tắt đèn đi ngủ một lúc lâu, bác Tư mới rón rén ra sân. Bác mở cái nắp bể thật êm. Bác quờ tay vào bể, loay hoay tìm cách vớt con ra.

Sáng hôm sau, bác vừa báo cho chủ biết con bác phải cảm chết đêm r`ồi.

Ông chủ giật mình

- Vì dịch tả phải không?

- Bẩm ông không

- Thế bệnh gì?

- Bẩm… Bẩm…

Bác Tư ấp úng. Ông chủ lại càng sợ hãi.

- Đem chôn nó ngay đi! Bỏ vôi vào! Rồi lấy cơrêdin tưới khắp nhà, hiểu không?

- Bẩm hiểu.

- Được rồi. Đi đi!

Ông xua tay bác Tư, như xua đuổi một thằng hủi. Mũi ông chun lại. Ra khỏi cửa, bác Tư nhẹ hẳn người. Bác lấy làm may. Nếu ông chủ xuống xem? Ông chủ biết thằng bé đã ngâm mấy giờ trong bể nước!...

Tiền phong (12-1945)

NỖI TRUÂN CHUYÊN CỦA KHÁCH MÁ HỒNG

Suốt đêm hôm ấy, ông thầy thuốc Nguyễn Văn Thinh không sao ngủ được. Tôi hỏi ông rằng: sáng mai ông đi cưới vợ ông rồi thì đêm nay ông có ngủ được không? Ông có là thánh, tôi chắc là ông cũng không ngủ được!

Ông thầy thuốc Nguyễn Văn Thinh không là thánh. Ngày mai là ngày ông được ra thề với các quan Tây. Đó là điều kể ra thì cũng không thú vị gì… - Thề thốt làm chi cho nó nặng lời! Nhưng thú vị ở chỗ thề xong, ông tức khắc trở thành thủ tướng kiêm nội vụ. Thủ tướng kiêm nội vụ, ngài nghe rõ chưa? Ông thầy thuốc Nguyễn Văn Thinh tưởng có thể điên người lên được.

- Thủ tướng kiêm nội vụ… Thủ tướng kiêm nội vụ…

Ông thầy thuốc Nguyễn Văn Thinh cười lặng tiếng một cái cười rộng lớn, nhắc đi nhắc lại một cách say sưa như vậy. Hai bàn tay múp míp của ông, mở rộng ra, khoát một cái hình tròn trước mặt ông. Ông vuốt ve trong tưởng tượng cái thủ tướng kiêm nội vụ hiện hình thành khối.

- Thủ tướng kiêm nội vụ!... Thủ tướng kiêm nội vụ!...

Ông thầy thuốc Nguyễn Văn Thinh nhắm hẳn hai mắt lại, rên lên những tiếng sung sướng ấy, đúng như một anh chàng dâm dục rên lên ở trong ngực một ả giang hồ "Thủ tướng kiêm nội vụ!... Thủ tướng kiêm nội vụ!..."

Ông lịm đi một phút. Người không biết đã tưởng ông mệt quá, chợp mắt làm một giấc. Nhưng bỗng ông bật người lên như một con lật đật. Cái lò xo giường tung ông ra khỏi giường. Ông vội vã đi lại gần cái tủ áo có gương kê ở một góc nhà. Một hình người múp míp hiện ra trong gương, với một bộ mặt phởn phơ. Cái mặt mãn nguyện ấy mỉm cười, mấp máy môi. Ông Nguyễn Văn Thinh nhắc lại câu điệp khúc yêu quý của ông: "Thủ tướng kiêm nội vụ!... Thủ tướng kiêm nội vụ!..."

Ông mở tủ. Từng chồng quần áo cao ngất hiện ra. Ông Nguyễn Văn Thinh gật gù nhìn từ trên xuống dưới, lại từ dưới lên trên.

Ông lục chồng này lại chồng kia. Ông lần lượt lấy ra ngắm nghía, rồi lại cất vào ba cái sơ mi. Đến cái thứ tư thì ông tạm vừa lòng. Một tay ông giơ nó ra xa, ông ngả đầu về đằng sau, ngắm nghía. Mồm ông cười một cái cười xếch lên đến mang tai. Đôi mắt híp lại, ông vừa gật gật đầu, vừa lẩm bẩm: "Cũng phải thế này mới coi được chứ! Thủ tướng kiêm…".

Ông giật mình. Một hồi chuông gắt gỏng đã phạt đứng một mẩu câu nói của ông. Ông lắng tai nghe. Mặt hơi tái đi một chút. Ai? Ai có thể đến vào lúc khuya khoắt thế này? Máu ông như ngừng lại, lạnh giá trong huyết quản, tuy mồ hôi ông toát ra đẫm trán. Nghe tiếng người bồi dậy, ông vội vàng gọi hắn:

- Bồi!

- Me-xừ!

- Viens ici! (Vào đây!)

Anh bồi vào

- Chi vậy?

Ông thở ra hai tiếng ấy thì đúng hơn là ông nói: hai tiếng nói bị hơi thở hổn hển đẩy ra. Mắt ông như mắt một người mất vía…

- Chi vậy mày? - Ông nhắc lại

- Bẩm có chuông kêu cứu

- Ai kêu cứu?

- Dạ, chưa biết… Để ra coi…

- Nè!

Ông nắm lấy tay áo anh bồi, giữ lại, thì thầm bảo:

- Coi chừng, nghe không! Ngó cẩn thận rồi hãy mở. Tụi nó ghê lắm đó.

- Dạ!

Anh bồi cố giấu một nụ cười mai mỉa rồi lui ra. Ông Nguyễn Văn Thinh ngồi thịch xuống một cái ghế bành, thở hắt ra một tiếng lớn, giơ một tay lên và lắc đầu chán nản. Tụi chúng nó thật là khó chịu! Sao không muốn làm Tây, lại cứ khăng khăng làm người Việt Nam!

Anh bồi vào…

- Bẩm, một người to lớn, mặc quần áo quan võ, đeo nhiều mề đay lắm, tự xưng là đại tá…

Ông sửng sốt:

- Tự xưng là đại tá? Người Việt Nam hay người Pháp?

- Bẩm, không thể biết, bởi vì trông cũng giống như bác sĩ.

Ông Nguyễn Văn Thinh chợt nhớ ra

- A! Vậy thì chắc là ông Côlônen Xuân. Đúng rồi. Ra mời ông vô.

Anh bồi ra rồi, mặt ông thầy thuốc có vẻ băn khoăn, lo lắng. Ông Xuân đến làm gì khuya khoắt thế? Hay là lại có sự đổi ý kiến gì của ông quan Tây chăng?

Đại tá Nguyễn Văn Xuân. Ông đúng như anh bồi tả thật: to lớn, mặt đỏ gay, mũi chính thật không lõ nhưng ông đã cố kéo ra cho nó lõ, ngực nhiều mề đay ngang với ông Tạ Duy Hiển, khi ông này cầm roi điện ra bắt hổ nhảy qua vòng lửa.

Chẳng kịp chào nhau, ông Nguyễn Văn Thinh vội hỏi:

- Thế nào? Lành hay dữ? Có việc chi mà đến chơi khuya thế?

- Có việc này, cần lắm…

Chợt trông thấy chiếc áo của ông Thinh còn mở và chiếc sơ mi lúc nãy ông đã vất tạm lên chiếc ghế, ông Xuân hỏi:

- Định đi đâu hay sao mà thay áo thế?

Ông Thinh hơi bẽn lẽn:

- À!... Không!... Tôi định lấy lễ phục mặc thử, rồi tập đọc những lời tuyên ngôn ngày mai xem nó ra thế nào. Phải tập cho quen, lúc đọc trông ra vẻ một chút. Xập xệ, người ta cười cho chết. Thủ tướng kiêm nội vụ kia mà! Quan trên trông xuống, người ta trông vào. Có phải không ông phó?

- Trời ơi! Giá ông biết việc gì vừa xảy ra!...

Ông Thinh hoảng hốt:

- Việc gì? Việc gì vậy?

Người Pháp định không cho chúng mình thề vội.

- Không cho chúng mình thề vội? Sao lại có thể vô lý như thế được? Họ sợ chúng mình trung thành với họ quá chăng?

- Thì chính thế. Thí dụ như tôi chẳng hạn, ai còn biết tôi trung thành với họ hơn chó "béc-giê"? Trong lúc tất cả người Việt Nam vùng dậy chống họ, thì một mình tôi lủi vào thành với họ, dạy họ tập giáo, tập gậy để đánh người Việt Nam.

Ngờ rằng Nguyễn Văn Xuân kể công như vậy là có ý tranh ngôi thủ tướng của mình, bác sĩ vội bảo:

- Tôi còn trung thành với họ bằng mười ông ấy, ông bạn ạ. Trong thời kì người Nhật ở đây, các quý phu nhân còn cần phải giao thiệp với họ nhiều, tôi đã phải đem hết tâm lực ra mà phụng sự những người bỏ nước Pháp để phụng sự quân đội của đức Thiên Hoàng ấy. Như thế là tôi trung thành với họ cả trong sự không trung thành của họ.

- Ấy thế cho nên chúng mình mới hỏng. Chúng mình là những con đĩ lữa quá rồi. Họ muốn có những con đĩ kín đáo hơn một chút để có thể lòe thiên hạ là vợ chứ không phải là hạng đĩ.

- À! Ra vậy!

Bây giờ thì ông bác sĩ mới vỡ lẽ như vậy. Ông thâm tím mặt. Ông thâm tím hai tai. Ông sắp thâm tím cả đến hai bàn tay thì may sao đại tá Xuân lại bảo:

- Nhưng mà phúc làm sao lại chỉ có bọn mình là trung thành với họ thôi. Họ không biết làm sao đành lại ưng để cho bọn mình thề vậy.

- Ừ, thế chứ!

Bác sĩ Thinh vỗ tay xuống đùi, đắc ý, cười lên ha hả. Ông bảo tiếp:

- Ta cứ thách già họ tìm được những người Việt Nam ghét người Việt Nam hơn chúng mình. Một đồng nghiệp của tôi đấy, ông Xuân ạ. Họ mua chuộc chân không được, xoay ra dọa dẫm, có ép hắn đứng ra đòi Nam Kỳ cho họ. Hắn trốn đi. Họ chỉ còn một cách là đốt nhà hắn cho hả giận. Ông xem đấy: tìm được những người như chúng mình có phải là dễ đâu?

- Đã đành!... Nhưng trách móc họ có ích gì? Chúng mình đã nhất định trung thành với họ thì chúng mình cứ trung thành…

Ông Nguyễn Văn Thinh lại vội vàng giơ cả hai bàn tay ra trước mặt như phân bua với bạn.

- Vâng, vâng… Chính thế! Tôi thề với ông rằng tôi rất trung thành với họ. Tôi mà dám trách họ thì tôi không phải là tôi nữa. Có ông biết đấy!

Đại tá Xuân mỉm một nụ cười mỏi mệt.

- Vâng, tôi biết lắm. Nhưng tôi đến đây để hỏi xem ông đã sửa soạn gì chưa?

- Có rồi! Có rồi! Đủ cả… Ông Thinh bảo vậy

- Quốc kỳ?

- Đã! Đã! Các quan Tây đã đưa kiểu cho tôi chế tạo.

- Cái cờ vàng có ba gạch xanh giữa hai gạch trắng ấy à?

- Vâng, các quan đưa cho tôi hôm ấy có cả ông ở đấy đấy.

- Ông có hiểu ý nghĩa của nó ra thế nào không?

- Hiểu lắm chứ! Thế ông không nghe các quan Tây bảo đấy à? Màu vàng là màu Việt Nam.

- Nhưng chúng mình còn là Việt Nam đâu?

- Không biết, nhưng các quan Tây bảo thế tất nhiên là như thế. Ba gạch xanh là con sông Cửu Long Giang.

Đại tá Xuân lắc đầu:

- Tôi ngờ rằng họ xỏ chúng ta. Có lẽ chính ra màu vàng là màu hoàng kim, tổ quốc của bọn mình, còn màu xanh là màu mắt các bà đầm, vì là màu mắt nên mới viền thêm tí trắng.

Ông thủ tướng kiêm nội vụ tương lai trở nên nghĩ ngợi. Đại tá Xuân bảo tiếp:

- Cả Quốc ca cũng thế. Tôi ngờ rằng anh chàng nhạc sĩ cũng muốn xỏ chúng mình. Ông nghe nhé!

- Thủa trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên

Xanh kia thăm thẳm từng trên

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này!...

Đúng là giọng một con nhà thổ ế vào hồi loạn lạc.

Ông thủ tướng vẫn cúi đầu nghĩ ngợi, sau cùng ông tặc lưỡi.

- Chà! Thì đã sao! Tôi hỏi ông, ông có muốn làm phó thủ tướng kiêm phó nội vụ không?

Đại tá Xuân toét miệng ra cười

- Tôi đùa ông đấy. Thật ra thì tôi cũng nghĩ rằng cái gì các quan Tây bảo đều tốt cả. Chúng mình chỉ việc nghe là có phận nhờ đấy. Tôi đã mạn phép ông đi lùng được một bọn đào kép ở Phú Nhuận trước để ngày mai chúng nó cử Quốc ca.

- Ấy chết! Ấy chết!... Thủ tướng Thinh trợn tròn hai mắt, xua tay lia lịa và kêu lên như thế.

- Sao vậy?

- Bọn cô đầu ở nước Bắc Kỳ vào cả đây.

Đại tá Xuân mỉm cười, trợn mắt, đập mạnh nắm tay xuống bàn một cái.

- Chẳng hề chi cả! Tôi sẽ ra lệnh cho chĩa hết súng vào mặt chúng. Đứa nào lếu láo là… "Đoàng!" một phát cho về âm phủ mà đòi Việt Nam thống nhất. Ông hiểu chưa?

Ông sùi bọt mép, mắt quắc lên, nảy lửa. Bác sĩ Thinh tái mặt đi, run cầm cập, cười gượng để lấy lòng nhà võ:

- Vâng… vâng… ông nói phải. Ông không kém gì Hítle.

Hai người bắt tay nhau. Ông Thinh chỉ tay trái vào ngực mình, mỉm cười dõng dạc

- Thủ tướng kiêm nội vụ

Ông Xuân cũng làm như vậy

- Phó thủ tướng kiêm phó nội vụ

Rồi hai người cùng ngả nghiêng cười ha hả.

- Hà hà!... Nam Kỳ tự trị và tự do…

Sáng hôm sau, lễ tuyên thệ cử hành rất long trọng trong thành phố Sài Gòn. Người đến dự khá đông. Người ta đếm được sáu ngàn một chục người, trong đó có mười ông Chính phủ (ông Lưu Văn Lang không hiểu vì cớ gì vắng mặt) và sáu ngàn lính kín chuyên việc giữ tự do cho địa hạt Sài Gòn – Chợ Lớn. Ấy là chưa kể một đoàn ca nhạc gồm một kép ba đào, một đội lính Pháp có xe tăng với liên thanh và mấy quý quan người Pháp.

Đúng giờ, ông Lơ-cờ-léc, nụ cười hóm hỉnh ở trên môi, một tay dắt bác sĩ Thinh, một tay dắt đại tá Xuân lên đài. Công chúng – cái công chúng toàn là lính kín – nhìn nhau: anh nào cũng nghĩ đến việc nhìn xem người bên cạnh mình có tỏ ý phản đối không. Thành thử không ai nhớ vỗ tay. Bọn lính Pháp chĩa súng vào đám đông, hô:

- Vỗ tay đi, không ta bắn!

Tức thì tiếng vỗ tay nổi lên như pháo nổ. Đại tá Xuân ưỡn cái ngực mề đay ra. Bác sĩ Thịnh cười chúm chím, đung đưa đôi mắt. Bọn lính Pháp lại hô:

- Im! Im không ta bắn!

Tức thì im. Súng chĩa vào bọn cô đầu. Đàn nổi điệu phưng phưng. Tiếng ca ai oán của "khách má hồng" cũng nổi lên theo hòa với tiếng đàn. Lá cờ màu vàng điểm mắt xanh từ từ kéo lên như một tấm khăn người ta vừa rút ở trong một cái hộp quỷ thuật ra.

Giữa lúc ấy thì ông Nguyễn Văn Tâm, nguyên chủ huyện Cai-Lậy, tỉnh Mỹ Tho hiện giờ giữ chức tổng trưởng phụ trách chính trị, lật đật ở đâu chạy đến. Tay ông cầm một cái hộp có nắp kín, to bằng cái hộp bánh bích quy.

- Xin lỗi các ngài! Tôi đến hơi muộn quá! Nhưng tôi còn phải cố tìm cho được cái bảo vật này.

Ông vừa giơ cái hộp của ông ra, vừa bảo vậy. Mọi người ngơ ngác.

- Hộp gì? Ấn ngọc chăng? Hay bạc giấy? – Ông lắc đầu, cười

- Sai! Sai! Thưa các ngài đoán sai tất cả. Bẩm, chính là tổ kiến. Vâng, tổ kiến! Tổ kiến để trị những đứa nào cứ khăng khăng quay về tổ quốc.

Công chúng, dù chỉ là cái công chúng toàn lính kín, bật cười. Ông quắc mắt lên.

- Chúng bay cười? Trói cổ những đứa nào cười lại cho ta! Bỏ tổ kiến vào ống quần chúng nó, thắt cho chặt lại.

Ý chừng ông chợt nhớ ra bọn người đứng đấy toàn là thủ hạ của ông, ông hơi bẽn lẽn, nhưng vốn nhanh trí vội quát tiếp một câu, chữa thẹn:

- Quân này ngu quá! Chỉ biết cười! Ngoài kia, chỗ nào cũng nhan nhản những đứa đòi thống nhất Việt Nam, không biết đi tóm cổ mấy mụ đàn bà về để ta cho kiến đốt chơi!

Bọn lính kín dạ ran. Một lát sau, một bọn lôi về một xâu đến chín, mười người đàn bà quần áo khá sang. Nguyễn Văn Tâm hếch mũi lên, hít vào, như một con thú dữ đánh hơi thấy mồi ngon. Đôi mắt vọ của y sáng lè lên. Y cầm cái hộp, xăm xăm chạy ra đón sẵn.

Nhưng khi y tiến đến chỗ chỉ còn cách những người đàn bà chừng mười bước, y bỗng dưng dừng lại, há hốc mồm. Ôi chao! Y lóa mắt chăng? Này đây là bà Nguyễn Văn Thinh, bà Trần Văn Tánh… các bà Nguyễn Thành Lạp, Bảo Toàn, Nguyễn Thành Vinh… đủ mặt các bà chồng có chân trong Chính phủ Nam Kỳ tự trị. Lại có bà Nguyễn Văn Tâm nữa mới chết người ta chứ! Bọn lính kín này định xược ông tổng trưởng Nguyễn Văn Tâm đây phỏng.

Mở đầu, ông Nguyễn Văn Tâm nổi giận. Rồi bỗng ông sợ hãi. Ông lấm lét nhìn thật nhanh về phía các quan Tây, rồi cuống quýt nhìn đó, nhìn đây như muốn tìm một cái lỗ nẻ để chui, sau cùng ông đành phải quát bọn lính kín quá ư sốt sắng kia:

- Chúng bay đáng chém đầu! Ta bảo chúng bay đi bắt những con mụ nào đòi Nam Kỳ là đất Việt Nam kia mà!

Bọn lính kín nhao nhao thưa một lượt.

- Bẩm chính những mụ này đi biểu tình, đòi Nam Kỳ phải là đất Việt Nam đấy.

- Bậy nào! Chúng mày không biết đây toàn là những bà vợ của các ông tổng trưởng đấy ư?

Bọn lính kín đứng sững người, chưa biết đáp ra sao thì chính bà Nguyễn Văn Tâm đã sấn sổ bước lên, chỉ vào tận mặt chồng:

- Phải, chúng tôi chính là vợ của các ông đây. Nhưng vợ các ông cũng không muốn chịu lấy cái nhục bán nước của các ông. Vợ các ông ăn cơm hẳn hoi, chứ không ăn bẩn bao giờ nên không lú lẫn cho Nam Kỳ không phải là đất Việt Nam, người Nam Kỳ không phải cùng nòi giống với tất cả người Việt Nam ở Bắc, Trung và giở trò đòi Nam bộ tự trị để bán đất nước, bán đồng bào cho người ngoài.

Ông tổng trưởng Nguyễn Văn Tâm chết đứng như Từ Hải. Cái hộp tổ kiến từ cái bàn tay rã rời của ông buột rơi xuống đất. Người ta vội khiêng ông vào nhà thương Sài Gòn tiêm.

Nam Bộ, ngày 9-6-1946

Tiền phong 1946

ĐƯỜNG VÔ NAM

Trong thực tế thì chưa có, nhưng đã có một thời trong văn chương nước mình, phát ra một chứng bệnh người ta gọi là "bệnh giang hồ". Cũng như phần nhiều những thời bệnh khác ở nước mình mấy năm trước, bệnh ấy vốn cội rễ ở nước ngoài. Chẳng biết nó phải bệnh truyền nhiễm nào – hình như có một quyển sách của một tên Pôn Môrăng (Paul Morand) nào đó từ bên Pháp tải sang – một nhà văn ở đây mắc phải nó trước tiên. Mà bởi nhà văn ấy lại là một con người nổi tiếng tài hoa nên bệnh lan ra cũng khá nhanh. Chẳng bao lâu, trong giới trí thức lau nhau gồm những ông tập ngông nghênh và tập viết văn, chỗ nào người ta cũng nói đến giang hồ, cũng thở dài, rên lên nỗi thèm đi, tuy rằng phần đông vẫn ở nhà vì không có thuốc gì cai được cái cơm hằng ngày hai bữa của mẹ hay của vợ và mặc dầu họ vẫn bô bô chủ trương rằng họ: "đi chỉ để mà đi, đi chẳng để đến đâu", phần nhiều các cuộc "giang hồ vặt" của họ chỉ đến các xóm cô đầu đã cùng đường để sa vào một chị Cúc, chị Liên nào đó, học lấy một thứ bệnh khác ít người muốn họ rên không kém và tai hại cũng rất mực là tai hại.

Nhắc đến chuyện cũ này, tôi chẳng có ý gì bới móc đâu. Mà bới móc ai? Trừ ra một số người thật cứng cỏi và sáng suốt được giống nòi ký thác cho cái phần tinh anh và bất diệt của dòng máu Việt Nam, còn thì trong cái thời đại mà ông Hoài Thanh gọi là "thời đại cái tôi", hầu hết chúng ta, nếu không phải là một "tội nhân" thì cũng là một "nạn nhân", thường thường vừa là kẻ nọ, vừa là kẻ kia, lẫn lộn. Nhưng là gì thì kết quả cũng chỉ có một mà thôi: chúng ta đã phá sức chúng ta vào những việc chẳng có nghĩa lý gì… Không! Chúng tôi không dám nói rằng tất cả chúng ta đây đều đã mắc phải cái bệnh loăng quăng, cái bệnh "đi chỉ để mà đi, đi chẳng cần phải đến đâu". Có những người có chỗ đến hẳn hoi, nhưng họ lại lạc đường. Thành thử họ đi có một cái đích mải miết, can đảm, hăng hái bước, bước không hề trầy chân trật gối ở dọc đường, bước chí chết đến mà kết cục vẫn không đến được nơi cần đến, nhưng họ vẫn định tâm rằng phải đến. Trái lại, lại càng xa ra nữa. Mà lại thiệt riêng cho chính họ cái thú đi la cà, đi vớ vẩn. Cân nhắc điều khôn dại của hai hạng người nói trên chẳng ích gì. Vả lại tôi đã nói rằng: tôi nhắc những chuyện cũ lại đây chẳng hề có ý gì chê

hoặc trách ai. Chính tôi cũng chỉ là một người trong bọn đó thôi. Tôi nhắc lại đây để mà cười, như người ta cười khi nhắc đến những cái lầm lỗi, điên rồ của chính mình một thời đã qua rồi. Và tôi chắc các bạn đọc, đọc đến đây, nếu các bạn nào cũng thấy mình có chỗ giống tôi, cũng chỉ cười theo cái kiểu tôi cười đó. Chẳng ai lấy làm phật ý.

Bởi vì mấy năm chiến tranh và đói khổ vừa qua và hiện vẫn còn dư vang trên mảnh đất này, đã làm thức tỉnh hẳn chúng ta. Chúng ta đã biết nhìn hẳn vào sự thật rồi. Những kẻ đi lầm đường thấy ngay rằng mình phải trở về con đường đúng mà đi. Cả dân tộc đã dồn cả vào một con đường, ấy là con đường ra mặt trận, con đường cứu nước. Con đường vào Nam…

- Con đường vào Nam là con đường vui có phải không?

Lúc khởi hành, ông bộ trưởng bộ Nội vụ, thấy cả chúng tôi hớn hở vì được ra đi, bảo đùa chúng tôi như vậy. Chỉ là một câu nói đùa thôi, nhưng mà đúng như thế thật. Những buổi mang sáng sủa, có những tù nhân tuyệt vọng ngồi trong phòng giam chật hẹp và kiên cố, thẫn thờ nhìn mẩu không gian bên ngoài cái cửa sổ song sắt vừa to bằng một cái bàn tay mà để cho hồn mình đi lang thang trên các nẻo đường của những kẻ tự do. Đời có hàng nghìn lối đi thênh thang, nhưng chúng ta là những kẻ bị giam cầm. Cái "Gió đã lên!..." của Nguyễn Tuân là một tiếng thở dài hơn là một tiếng reo. Nhưng bây giờ thì gió đã lên rồi. Gió mạnh mà chỉ có một chiều. "Gió gieo, gió gieo, gió Việt Nam gieo!"[2]. Con đường vô Nam phơi phới bóng cờ đỏ sao vàng và vang Tiến quân ca. Dưới bóng ngọn Quốc kỳ và cuốn theo nhạc Quốc ca, từng đoàn thanh niên hùng dũng và vui vẻ tiến vào Nam, nơi đang bị xâm lăng. Nỗi vui, hăng của họ, tất nhiên là không giống nhau tất cả đâu. Người thì như những kẻ bị ức hiếp lâu ngày, vừa thoát khỏi ngục tù, vội xông vào đâm chết những kẻ ức hiếp mình và đập tan những bức tường dày đã giam hãm mình trong bấy nhiêu lâu. Người thì nghĩ đến Tổ quốc, non sông. Người thì nghĩ đến cái bổn phận làm dân. Người thì muốn phá cái chế độ thực dân. Người thì chỉ thích làm một người lính là thôi… Tất cả đều giống nhau ở chỗ này: họ đi đến chỗ nguy hiểm, nếu không vui vẻ thì ít nhất cũng bình tĩnh, vững dạ như tin chắc chắn rằng thế nào mình cũng trở về, hoặc nghĩ bụng: "Mình chẳng về nữa

thì cũng chẳng làm sao cả!". Họ đi, lòng nhẹ nhõm, không bịn rịn, không lo lắng. Ai cũng bằng lòng vì được đi.

Tôi có một anh bạn người làng, nhà chẳng giàu gì, nhưng cũng thừa ăn – trong cái xã hội nhà quê, như vậy đã có thể gọi là sướng lắm rồi. Anh có học hẳn hoi, lanh lợi, thông minh, tính tình có thể gọi là ngay thẳng nữa, mà thật ra thì chưa vị tất đã lười, anh kể cũng có nhiều đức tính. Tất cả cái lỗi của anh, có lẽ chỉ là không cần phải làm mà cũng có ăn. Bởi vậy cho nên học xong ban thành chung đỗ được cái bằng rồi, anh nhất định chẳng làm gì. Anh lĩnh cái bằng đem về nhà quê, lấy một người vợ vừa đẹp vừa ngoan, vừa có tiền lại đảm đang. Chị vợ gánh vác cả gia đình, làm cho những của chìm, của nổi của hai vợ chồng đẻ ra hoa lợi để nuôi chồng ăn trắng mặc trơn. Còn anh chồng chỉ việc "trông coi cho chị làm ăn" nghĩa là không cần làm gì cả, nghĩa là cũng không cần trông coi gì cả, chỉ cốt làm sao có mình ở đó để người đàn bà không bị ai nhũng nhiễu – cái trò ở làng trước đây bao giờ mà chả thế. Nói vậy để hiểu rằng anh có lẽ chỉ là làm thế nào cho vợ anh đẻ đều vài năm một đứa con. Cái việc ấy, anh làm cũng đều đều. Chị vợ rất bằng lòng và anh lại càng bằng lòng anh lắm. Anh bằng lòng anh quá, đến nỗi có hồi tôi phải sốt ruột lên. Tôi cố kéo anh đi Hà Nội với tôi. Hai chúng tôi chung nhau mở một cái trường tư. Con người ta đã là người, cho dẫu là người không cần phải kiếm tiền, thì cũng phải biết làm việc đi một tí chứ cứ ngồi không mà hú hí với vợ con, ai mà chịu được? Tôi thật thà bảo anh như vậy. Anh cũng cho là có lý. Anh cộng tác với tôi chăm chỉ lắm. Rõ là một giáo viên tận tụy. Chỉ khổ một cái là tối nào tôi cũng phải nghe anh nói đến vợ con anh. Anh lại rất hay về. Thế rồi đến hồi chiến tranh bắt đầu ảnh hưởng đến nước ta, tàu xe đi lại khó khăn, anh ngại sự đi về và nhất định về ở nhà quê hẳn, không dạy học ở Hà Nội nữa. Vợ anh mừng lắm. Riêng có tôi thì tôi đã thở dài. Tôi chua chát bảo tôi: "Vợ đẹp, con khôn, một gia đình quá êm đềm, nhiều khi chính là cái khăn nhung ấm áp nó làm người ta hèn đến thế!...". Mãi đến hồi tháng Chín, tháng Mười vừa rồi, tôi mới gặp lại anh. Chính anh tìm đến tôi. Tôi tưởng tôi mơ! Anh bạn tôi mặc y phục Vệ quốc đoàn. Anh hớn hở bảo tôi biết rằng anh vừa học xong lớp quân chính và sắp đi Nam Bộ…

- Đi Nam Bộ?

Tôi tròn hai mắt, hỏi anh như vậy. Anh cười đắc chí.

- Anh đã thèm hay chưa? Thật cũng phúc đời nhà tôi đấy! Đáng nhẽ thì không được đi đâu nhé!

Và anh kể:

- Tôi dại quá! Hôm hết khóa học, chúng tôi có phải trả lời bằng giấy câu hỏi này: "Nguyện vọng của anh thế nào?". Tôi ngờ nghệch tưởng không được ra mặt trận ngay nên trả lời: muốn về làm việc ở địa phương nhà. Thành thử đến lúc chọn người vào Nam thì những anh kia được đi cả, chỉ trừ tôi với mấy người học kém quá thôi. Những anh kia khôn, chỉ trả lời: "Xin sẵn sàng đợi lệnh của Chính phủ để đi bất cứ đâu, miễn là được giúp ích cho nước". Có anh lại trả lời thẳng: "Xin ra trận". Vì thế họ được đi mà tôi thì tưng hửng, tuy tôi vào hạng khá. Tôi ức quá. Tôi cố kêu nài mãi. Anh hiệu trưởng sốt ruột, phải cho tôi đi nốt, cho đỡ phải nghe tôi lải nhải mãi.

Anh lại cười ầm ĩ, như cho đó là một cái khóe của mình, tài lắm. Tôi nghĩ ngay đến cái mặt sa sầm của chị vợ khi nghe thấy tin này, và cười ranh mãnh, hỏi anh.

- Anh không sợ chị ở nhà khóc hết nước mắt ư?

- Chẳng đến nỗi thế đâu! Tôi bỏ nhà tôi ở nhà ra đi còn chẳng sao thì nhà tôi ở nhà không có tôi cũng không sao. Anh không nên quá khinh đàn bà!

Anh lại cười…

Tôi có một thằng cháu, năm nay mới xấp xỉ hai mươi, cũng con nhà giàu ở nhà quê. Xưa kia, nó là một thằng mất dạy, nói thẳng ngang là như thế. Cho đi học, thì lười biếng, lếu láo, tháng tháng tiêu bạc trăm mà chữ vào bụng thì cơ hồ chẳng được chữ nào. Đó chính là những lời của ông bố nó. Có một cái bằng tiểu học mà thi mãi không đỗ nổi, cậu cả đành bỏ học. Một cớ nữa: cũng tại bố mẹ nó sợ nó còn ở tỉnh mãi thì phá hết cơ nghiệp mất. Nhưng về quê, nó vẫn cứ phá như thường. Không tiêu phí quá quắt như trước nữa thì lại đánh bạc. Răn dạy không được, đánh mắng không được, bố mẹ nó đã chán nản, coi nó là một con người hư hỏng, chẳng còn trông

mong gì nữa. Tôi cũng vẫn đinh ninh như vậy. Và tôi nghĩ bụng: "Nuông nó lắm, nó hư là phải lắm!".

Trước hồi tổng khởi nghĩa vài ba tháng, tôi ở Hà Nội về quê. Một sự ngạc nhiên: ông cháu bất trị của tôi đến thăm tôi, việc ấy không thường lắm, và việc này mới lại không thường nữa: ông ấy hỏi thăm tôi về tình hình Hà Nội, về Nhật, về Pháp, về các mặt trận, về sự hoạt động của Việt Minh trên các chiến khu và trong khắp nước – Ông ấy thở ra mùi chính trị. Tôi hơi chột dạ: Coi chừng nhé! Thằng nào chứ thằng này thì đủ tư cách làm mật thám!". Tôi nghĩ vậy. Trong câu chuyện tôi hết sức dè dặt và kín đáo.

Ngay từ hôm sau, tôi bắt đầu ngấm ngầm điều tra về y ngay. Lại một sự ngạc nhiên: y đã chừa hẳn chơi bời cờ bạc. Bây giờ động nói đến đánh bạc là y chửi. Bố mẹ y cũng không ngờ y lại có thể đột nhiên thay đổi thế, cho là sự gở và chỉ lo y chết. Tôi thì tôi hiểu. Tôi cứ thầm phục mãi ông cán bộ nào đã giác ngộ nổi một con người như vậy.

Tổng khởi nghĩa xong, y được bầu vào ủy ban làng. Y làm việc rất hăng, cấm cờ bạc, bài trừ trộm cướp, mở các lớp học bình dân, thúc đẩy việc tăng gia sản xuất… Làng đổi khác đi nhiều lắm. Tôi nghĩ bụng: "Thằng này thế mà có nhiều năng lực. Nó cứ chịu khó làm việc làng vài năm chắc là làng khá giả lắm". Nhiều người ở làng cũng nghĩ như tôi vậy. Ông bố và bà mẹ thì hả lắm. Thỉnh thoảng ông lại bảo: "Lạ thật! Tôi cứ nghĩ ngợi, cho rằng cũng tại cái vận nước mình đến hồi khá rồi, nếu không thế thì sao người ta lại đổi khác hẳn đi như thế được? Nay, tôi xem nhiều thằng trước kia thì ngu độn lắm, ăn không nên đọi, nói chẳng nên lời, thế mà bây giờ cũng hiểu biết hẳn hoi, đến như thằng cháu nhà tôi mới lạ lùng: có ai tưởng nó lại thành ra như bây giờ được? Tôi mừng quá, thật không dám nói sai, nó ăn cơm nhà, làm việc làng, đi lại tiêu tốn của tôi, tôi vẫn thích, còn hơn để nó đánh bạc!...". Khỏi phải nói rằng ông quý nó và chiều nó lắm.

Tôi cũng sinh mến hắn. Mỗi lần về làng, tôi không bao giờ quên đến thăm hắn, khuyến khích hắn, khuyên hắn cố mà theo đuổi công việc ở làng, đừng đi đâu cả (bởi vì có lần hắn ngỏ ý muốn đi với tôi ra Hà Nội). Lần vừa rồi, tôi về thì được tin hắn đi rồi…

- Đi đâu?

- Đi mặt trận.

Tôi hỏi thì người ta cho biết tin như vậy.

- Sao vậy?

- Còn ai biết vì sao? Hắn thích đi. Mà có riêng gì hắn? Làng này, nếu xin đi dễ thì còn biết bao nhiêu người nữa xin đi. Nhất là từ hôm hắn đi, người ta mới lại càng rối mãi lên. Anh nào cũng nóng lòng sốt ruột, đúng như những "con cháu nhà Thánh" đến kỳ hội Vương, hội Mẫu chưa đi trẩy hội được thì khó ngồi đâu, đứng đâu cho yên, cho nên dù bận việc nhà cửa đến đâu, cũng phải thu xếp đi cho bằng được.

A! Thì ra bây giờ như vậy đó. Ở Hà Nội người ta háo hức đi ra trận. Ở các tỉnh, người ta háo hức đi ra trận. Ở các làng người ta háo hức đi ra trận. Cái thú đi ra trận quyến rũ cả đến các ông già. Một ông bác tôi, đầu tóc bạc phơ, thấy tôi về tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Thế ra anh vẫn ở Hà Nội đấy à?

Ông hỏi tôi như vậy. Và khi thấy tôi cường ngượng nghịu, thú nhận rằng tôi vẫn cầm cây bút hiền lành ngồi trong một cái tòa soạn báo ở chốn thủ đô yên ổn, ông không giấu nổi vẻ bực mình

- Hiền nhỉ! Tôi mà còn trẻ như các anh thì không khi nào tôi chịu thế. Thế nào tôi cũng đi đánh giặc.

Rồi, không biết định khích tôi hay nói thật, ông lại hỏi:

- Không biết tôi xin đi đánh giặc, Chính phủ có cho đi không anh nhỉ?

Chính phủ chưa đến lúc cần các ông già đi vác súng. Ngay đến tôi đây chưa chắc đã cần. Một anh bạn tôi bảo với tôi rằng:

- Cái cổ tay như cẳng gà như thế thì cứ ao ước cầm súng làm gì cho khổ? Cầm bút trong lúc này chưa hẳn đã là cái nhục.

Thì đã hẳn. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn thấy tui tủi thế nào ấy. Cây bút của tôi bất lực. Nó không khạc ra lửa và đạn như cây súng. Nó ì ạch chạy theo phong trào mãi mà không kịp. Các bạn tôi cũng đều thấy na ná như tôi. Họ thấy rằng bàn tay họ, nếu chưa cầm súng một phen thì cầm bút cũng vụng về. Sống đã rồi hãy viết. Lắm lúc chúng tôi muốn vứt cả bút đi để cầm súng. Tất cả con dân nước Việt Nam lúc này chỉ muốn được cầm súng đi ra trận…

- Thời bệnh!... Có người sẽ mỉm cười bảo thế. Sao lại gọi là thời bệnh? Hiếu động, cương cường, quả cảm là thói thường của những kẻ mới lớn mà sung sức. Những cái ấy báo hiệu một cái tuổi hai mươi thừa máu và khí lực. Sức sống của dân tộc chúng ta đang độ lớn lên, rất dồi dào. Nay mai, những xiềng xích tháo tung rồi, chúng sẽ lớn rất mau và rất mạnh.

20-1-1946

Tiền phong 1946

ĐỢI CHỜ

Liễu cẩn thận đưa Huyền vào tận giường trong, giúp cho nó nằm xuống cạnh em bé và đặt cái quạt vào tận tay cho nó. Chị lại trở ra giường ngoài. Quân, đứa con trai lên năm tuổi, nằm dạng chân tay, ngủ mệt, đầu hơi ngoẹo đi một chút, mặt nghiêng về phía cửa. Chị đi vòng về phía đầu giường, ngồi ghé xuống cạnh đầu con, đặt bàn tay lên trán nó. Trán và tóc Quân ướt đẫm mồ hôi. Chị vừa lẩm bẩm chửi yêu con, vừa lau mồ hôi và quạt cho con. Chị quạt cho con như vậy một lúc lâu, vừa quạt vừa nghĩ vẩn vơ. Những lúc được ngồi bên cạnh một đứa con này hay đứa con kia, bao giờ chị cũng muốn kéo dài ra không biết chán.

Nhưng chị ngáp. Gió hiu hiu lọt qua những kẽ mành, trải hơi mát len nhè nhẹ trên da thịt. Tuy cả ngày hôm nay, chị mới chỉ cuốc được vẻn vẹn vài luống đất, nhưng lục đục chạy Tay ba bốn lần cũng đủ mệt nhoài rồi. Chị muốn ngả lưng một tí, nhưng rồi chống lại ý muốn ấy, bởi vì biết trước rằng bây giờ mà đặt mình xuống một lúc, thế nào cũng ngủ say như chết. Chị chưa thể ngủ. Tiện sáng trăng, chị muốn cuốc xong mảnh vườn trước cửa, vì ban ngày vừa làm vừa ngay ngáy lo Tây đến, không làm được mấy. Mà không cố làm thì lấy tiền đâu mà thuê người? Lấy gì mà nuôi con?

Chị tần mần vuốt tóc Quân một lúc rồi quả quyết đứng lên, vươn vai ngáp và ra sân. Trăng lồng lộng. Trăng giãi bao la trên những khu vườn bằng phẳng như liền cả với nhau. Bóng chuối ngổn ngang. Những tàu chuối rườn rượt ánh trăng khẽ đu đưa uể oải. Ánh trăng và không khí bên ngoài làm chị tỉnh táo và khỏe khoắn. Chị nhanh nhẹn đi lại chỗ cái cuốc dựa vào cây na cầm lại chỗ vườn đang cuốc dở, bắt đầu chăm chú cuốc. Những nhát cuốc đều đặn vang như tiếng "sụt" gọn và ngon xớt. Những tiếng cuốc khác đáp lại ở bên vườn hàng xóm, như những tiếng vang. Lắng nghe còn những tiếng khác xa hơn. Thì ra ở chung quanh người ta cũng đang cuốc vườn đêm. Cả làng chẳng ai chịu thua ai. Ai cũng cố lợi dụng tuần trăng để làm bù vào thì giờ phải chạy Tây, bù cả cho những người vì việc nước mà đi vắng. Chị mỉm cười, nghĩ đến một lúc này ai cũng nói: "Tăng gia sản xuất!"… Sản xuất! Sản xuất! Những tiếng cuốc xa tấp tới như

vọng lại những tiếng trong lòng chị. Đêm tĩnh mịch. Những tiếng cuốc mỗi lúc một rõ thêm. Trăng từ từ lên cao.

Trăng đã lên cao lắm. Đêm về khuya càng vắng lặng. Người ta nghe rõ cả tiếng rì rầm của lá tre. Tiếng cuốc thưa dần. Nó tắt ở vườn này rồi tắt ở vườn kia. Giấc ngủ lan tràn, trải rộng dần và đè nặng trĩu xóm làng, tĩnh mịch. Vài tiếng cuốc lẻ tẻ còn sót lại. Liễu đã ngáp mấy lần. Cái cuốc bắt đầu loạc choạc. Nhưng vẫn còn tiếng cuốc ở vườn bên cạnh. Liễu nhất định chưa chịu đi nghỉ. Người ta không có con thơ, ban ngày có thể làm tận đến lúc chắc chắn là có Tây đến mới cần chạy trốn. Liễu những ba con, cùng bé cả. Chị phải chạy sớm hơn mọi người. Công việc ban ngày chẳng bao nhiêu, chị phải cố kéo lại bằng cách làm khuya hơn người khác. "Rồi ban ngày ngủ", chị tự nhủ như vậy.

Tiếng cuốc ở vườn bên tắt nốt. Tay Liễu rã rời thêm. Mỗi lần cất cuốc lên, chị phải vận động cả người. Người chị cũng đã thành một cái gì nặng trĩu, chị phải lấy sức ra mà lay động. Giấc ngủ đè nặng trên mi mắt chị. Bóng tối lẩn vào trong đầu chị. Tiếng cuốc rời rạc của chị vang lên khó nhọc và cô độc quá. Không còn gì vây bọc chị, nâng đỡ và kích thích. Một mình sao người ta yếu đuối và buồn nản thế!

Trăng đã đứng đỉnh đầu. Những bụi chuối, bụi tre như ngủ gục trên cái bóng của chúng đã thu gọn lại. Liễu thở hổn hển, xách cái cuốc về. Ngồi xuống đầu hè nghỉ một lúc cho ráo mồ hôi, rồi chị lấy quần áo đi ra sân tắm. Nước làm cho chị nhẹ nhõm và khoan khoái lại.

Về đến sân, chị nghe thấy tiếng người hát nho nhỏ từ ngoài ngõ đưa vào.

Chiều về trên cánh đồng xanh

Có nàng gánh lúa cho anh đi diệt thù,

Từ ngày chinh chiến mùa thu…

Chị nhận ra ngay là Nhàn. Nhàn hay hát những câu ấy quá đến nỗi Liễu chỉ nghe mà cũng thuộc. Tiếng hát êm êm ngân trong đêm khuya và trong lòng Liễu. Nhàn thấy Liễu cởi trần đứng ở sân, ngạc nhiên hỏi:

- Chị chưa đi ngủ kia à?

- Chưa, vừa cuốc vườn xong

- Hoan hô phụ nữ tăng gia sản xuất!

Cô con gái đang tuổi ngổ ngáo, reo lên to quá

Liễu ra hiệu tay, ngăn lại.

- Khẽ mồm chứ. Cô ả! Để cho con người ta ngủ.

Nhàn chợt nhớ ra.

- Chết thật! Tôi vô ý quá. Cháu nó chịu ngủ với chị nó, hở chị?

- Cũng phải chịu chứ! Thời kháng chiến này mà không thế thì chết đói… Bây giờ mới tan học kia à?

- Tan lâu rồi. Nhưng em còn phải đi khai hội nên đến bây giờ mới về.

- Bàn gì mà khuya thế?

- Định chương trình thi đua ái quốc.

Nhàn nhìn kỹ Liễu, nắm lấy cổ tay chị.

- Bà chị tôi lớp này đen mà gầy lắm. Trông già sọm hẳn đi khéo ông anh tôi về không nhận nữa thì nguy đấy.

Liễu cười

- Tôi ba con rồi, chả sợ. Nhưng cô chưa chồng thì mới lo!

Nhàn thẹn đu đưa tay Liễu

- Em cũng chả lo!

Liễu nhìn Nhàn âu yếm. Nhàn là vợ chưa cưới của em trai Liễu. Chính Liễu mối manh. Sắp cưới nhau thì súng nổ. Đường vào du kích rồi vào vệ quốc, đi ra mặt trận suốt từ hồi ấy…

Nhàn hỏi:

- Anh có thư về không chị?

- Nhà tôi đi xa không bao giờ viết thư về.

Nhàn nhìn Liễu như ái ngại, rồi buột miệng.

- Anh gan quá!

Liễu mỉm cười. Chị biết rằng Nhàn cũng hiểu lầm chồng chị. Kiện, chồng Liễu được mọi người mến phục, nhưng ai cũng hơi phàn nàn anh hững hờ với vợ con. Người ta cho rằng anh ở tỉnh thành lâu, thích con gái tân thời, chê vợ vì vợ quê mùa. Thật ra thì không ai yêu vợ bằng Kiện.

Đời làm vợ của Liễu khổ cực rất nhiều, nhưng chị vẫn coi mình sung sướng hơn người vì được chồng quý mến. Chưa bao giờ Kiện nói nặng Liễu nửa lời.

Còn Liễu, Liễu chẳng được hiểu rõ lắm những công việc của chồng, nhưng chị yêu tính nết và phục tư cách của chồng, chị tin chồng nên chồng làm việc gì chị cũng cho là phải. Chị yêu những cái chồng yêu và ghét những cái chồng ghét. Chị không bao giờ đòi hỏi chồng điều gì, mà cũng không bao giờ ngăn cản chồng điều gì cả.

Súng nổ được độ một tuần, Kiện ở tỉnh về. Trái hẳn lại với mọi lần, anh trốn lủi tất cả các anh em đồng chí ở làng. Sợ họ biết anh về mà kéo đến tìm anh. Anh bảo Liễu: "Tôi muốn dành cho chúng mình vài ngày hoàn toàn riêng của chúng mình". Kiện sắp đi xa. Anh biết rằng kháng chiến sẽ rất gian nan. Có thể rằng giặc sẽ tràn đến làng. Giặc sẽ phá làng. Liễu sẽ phải đem con đi tản cư xa. Rời vườn ruộng, không quen buôn bán, trong tay không có một đồng vốn liếng, một thân một thân đàn bà với ba đứa con thơ, rồi Liễu sẽ ra sao? Anh trông thấy tất cả những nỗi đau đớn khổ cực,

nguy nan đang chờ vợ con anh. Nhưng đoàn thể gọi anh đi. Đoàn thể - đó là một cái gì đó rất thiêng liêng đối với anh. Anh sống chết với nó. Không bao giờ anh từ chối nó một điều gì. Nước nhà đang cần đến những bàn tay, những hy sinh.

Hy sinh không phải là không đau đớn. Đêm hôm ấy, sau khi ba đứa con đi ngủ cả rồi, Kiện và Liễu nằm sát đầu nhau trên một gối, thức gần hết cả đêm để chẳng nói gì nhiều lắm. Liễu đã nhận thấy cả lòng yêu tha thiết của chồng đối với mình. Đêm từ biệt ấy, chị vừa sung sướng vừa buồn rũ rượi. Tiếng súng từ đằng xa vọng lại lúc mau lúc thưa. Nằm sát bên chồng nghe tiếng súng, chị thấy cùng với hơi nóng của chồng thấm sang người chị, một cảm giác êm đềm và ảo não. Ôi chao! Hạnh phúc có thể rất dễ dàng. Nhưng bàn tay tàn nhẫn của những kẻ lòng tham không đáy đã chụp xuống những cuộc đời và đã gây ra tủi nhục, đau đớn, chia lìa, chết choc! Chưa bao giờ Liễu hiểu rõ như lúc này, câu nói hằn học của chồng vẫn nói với chị xưa: "Chưa đuổi cổ được thằng Tây ra khỏi đất này, thì hãy khoan nói đến hạnh phúc. Đời người dân mình chỉ là đời con chó".

Kiện rầu rầu bảo Liễu: "Lấy tôi, mình thật khổ. Những lúc điêu đứng nguy nan nhất, những lúc mình cần đến sự giúp đỡ của tôi nhiều nhất thì tôi lại để mặc mình bơ vơ với lũ con thơ. Mình có giận tôi không?". Liễu không nói gì, chỉ âu yếm vuốt tóc chồng. Và Kiện cười buồn, bảo tiếp: "Kháng chiến thành công, nếu còn sống về làng này tìm nhau nhé?". Liễu hé trông thấy cả một cảnh chia lìa tan tác. Chị lạnh người. Chị muốn khóc òa lên, nhưng cố nghiến răng không khóc. Kiện nhè nhẹ nắm lấy bàn tay chị, như những ngày mới cưới. Họ gục mặt vào nhau mà ngủ.

Hôm sau Kiện ra đi. Anh tránh nhìn các con. Liễu biết rằng anh sợ khóc. Liễu cũng không khóc, chị tươi cười, chế giễu chồng: "Bộ áo rét của anh tã lắm rồi. Mặc vào trông già hẳn đi". Nhưng chồng đi được một lúc thì chị xua lũ con đi chơi, ngồi khóc. Nhớ lại phút chia ly ấy, Liễu nghẹn ngào.

Nhàn càng tưởng chị uất ức vì chồng, an ủi.

- Thôi bây giờ chịu khổ, bao giờ độc lập tha hồ mà sung sướng. Độc lập thì anh ấy làm to lắm.

Liễu lắc đầu.

- Cũng chẳng làm gì mà to. Độc lập rồi, vợ chồng lại gặp nhau làm ăn dễ dàng hơn, con cái được học hành. Tôi chỉ mong ước thế thôi, nhà tôi cũng không ưa danh vị, chỉ thích sống xuềnh xoàng. Tôi cũng thế.

- Độc lập rồi, anh lại về làng làm việc vậy. Có anh đứng ra, kiến thiết tha hồ chóng.

Liễu và Nhàn cùng nhớ lại những buổi sáng trăng xưa anh chị em tụ tập ở cái sân này nói chuyện. Kiện phác những việc sẽ làm: "Xây một cái cổng ở chỗ giáp làng Sơn, cứu được non một trăm mẫu ruộng, mỗi năm lợi cho làng được hàng chục vạn đồng. Không cờ bạc, khao vọng, ma chay phí phạm, lại chịu khó làm ăn hợp lý, lợi dụng từng cái đầm cái ao, chỗ thả cá, chỗ thả sen, giồng nhãn khắp vệ đường, khuếch trương việc trồng bông kéo sợi, mấy lúc làng mình khá? Chỉ ba năm. Nhất định tất cả những đường làng này đều lát gạch. Trường học phải làm thêm hai cái nữa. Chúng mình phải có câu lạc bộ, thư viện ra hồn. Phòng thông tin phải có máy vô tuyến điện… Hợp tác xã của chúng mình lúc ấy to lắm nhé!".

Nhàn chép miệng.

- Mẹ cha thằng Tây! Chúng nó chỉ muốn bóp cổ chúng mình cho chúng mình không sao ngóc đầu lên được. Nhưng ai người ta chịu nó?

Như trả lời vào đúng câu của Nhàn, tiếng súng và lựu đạn bỗng nổ ran. Nhàn reo lên.

- Đã bảo mà! Chắc lại du kích làng ta. Các anh ấy bây giờ đánh khá lắm rồi.

Liễu bảo:

- Cố đánh làm sao cho tan hẳn vị trí của nó đi, để chúng mình đỡ phải chạy, làm được nhiều hơn nữa.

- R`ồi nó cũng phải đi. Thấy các anh ấy nói lúc này ta chú ý diệt các đ`ồn lẻ của Tây, giai đoạn thứ hai r`ồi, chị ạ.

Tuy chẳng hiểu rõ thế nào là giai đoạn thứ hai, Liễu cũng mừng. Ta đã đi được một đoạn đường r`ồi. Liễu thấy cuộc kháng chiến của nước nhà g`ần thắng lợi hơn một bước.

- Khổ thật, nhưng r`ồi cũng quen đi, Nhàn ạ. Sáng sớm mai lại chạy. Đêm nay mà nó chết mấy chục thằng thế nào sáng mai cũng lên đấy khủng bố. Lại đến đốt mấy cái nhà nữa là cùng thôi chứ gì! Bây giờ đốt, người ta ít c`ần… Đi ngủ chứ, cô?

- Vâng, đi ngủ để mai dậy sớm. Chị nhớ đánh thức em nhé. Ít lâu nay, đổ đốn ra, hay ngủ mệt.

Nhàn chỉ còn có bà ngoại già ngót tám mươi đi tản cư hẳn không v`ề. Mình Nhàn ở nhà trông coi vườn đất. Đêm nào Nhàn cũng sang ngủ nhà Liễu, vừa để cho có bạn, vừa để giúp đỡ Liễu những khi c`ần chạy. Hai người vào nhà. Trăng chênh chếch ngả bóng trên nửa ngoài mấy cái giường. Liễu trông thấy Huy`ền, đứa con gái lớn ngủ gục mặt vào em, khẽ kêu lên.

- Con đĩ! Sao nó lại gục mặt vào con tôi thế này? Bức chết thôi!

Nhàn cũng chạy lại xem, khẽ cười hi hí

- Để tôi ẵm nó ra giường này cho

Nhàn lu`ồn tay xuống bên dưới gáy và đùi Huy`ền nhấc nó lên đem ra giường giữa.

- Ối chà! Cháu tôi nặng quá! Bao giờ có ch`ồng cho cô ăn tr`âu?

Liễu cười, mắng yêu Nhàn

- Rõ chán! Cô hãy hỏi cái thân cô ấy!

Chị gục vào hôn con, má chạm vào cái áo sơ mi rách của ch`ồng. Cái áo lụa m`ềm nhũn, mát rượi da tay Liễu. Từ khi ch`ồng đi vắng, chiếc áo sơ mi cũ

ấy không đêm nào rời Liễu.

Chị nhắm hai mắt lại, nựng con

- Thương con tôi quá! Con tôi phải ngủ với nó từ chập tối đến giờ. Mẹ bỏ con đi mất. Mẹ hư quá! Bố thằng Tây làm khổ con!

Chị ôm chặt thằng bé vào sát ngực. Hình ảnh Kiện tươi cười hiện ra… Ngày thắng lợi! Ngày độc lập! Chị như trông thấy một thằng bé lon xon chạy ra đón bố! Và Kiện reo lên: "A ha! Con tôi đã nhớn thế này rồi kia?".

Những hình ảnh đẹp đẽ ấy chập chờn trong đầu chị đi vào giấc mơ.

1948

In trong tập Đôi mắt

Ở RỪNG

(Nhật ký)

19-10-47 – Thỉnh thoảng cơ giới của địch chạy rầm rập ở ngoài đường lớn cách chỗ chúng tôi chỉ độ ba cây số. Dân chúng đã làm vườn không nhà trống, đi ở lán bí mật cả rồi. Không còn một tiếng gà, một bóng người. Suối vẫn chạy ào ào tiếng vọng rõ hơn. Những tiếng ken két của cái cối nước vẫn điểm vào đây, hôm nay không còn nữa. Vắng vẻ cả tiếng rất quen thuộc của những cái nhạc gỗ lủng lẳng ở cổ những con trâu thả rông, kêu lốc cốc. Mình tiếng suối ào ào nhất thống khoảng vắng lặng mênh mông quá.

Công việc cất giấu của chúng tôi đã tạm xong. Luôn ba ngày khuân vác, mỏi dừ người. Đêm qua ngủ rừng, sáng dậy, mặt, cổ và chân tay be bét máu vì vắt cắn. Chưa buồn rửa ráy, chúng tôi mở một cuộc khai hội bất thường, bên cạnh một cái kho bí mật vừa làm xong. Cuộc họp không đầy mười lăm phút. Cũng chẳng có gì phải bàn cãi lâu dài. Mọi việc được giải quyết gãy gọn và chóng vánh. Bộ phận quan trọng nhất của cơ quan sẽ rời ngay đến một địa điểm xa, dự bị từ lâu. Một bộ phận nhỏ sẽ ở lại đây, tiếp tục hoạt động theo một số chương trình mới: Tư, Khang và tôi thuộc trong số những người ở lại.

Ngay sau cuộc họp, chúng tôi sửa soạn ba lô lên Mán. Mán còn là một thế giới hoàn toàn bí mật đối với tất cả chúng tôi. Ngay người Thổ cũng rất ít khi lên. Làng Thổ ở ngay dưới chân ngọn núi có làng Mán ở trên. Thế mà có những ông già Thổ ngoài sáu mươi, chưa lên Mán một lần nào. Hỏi đến người Mán từ đồng chí chủ nhiệm Việt Minh xã là người đã bỏ được hết những thành kiến sai lầm xưa nay vẫn chia rẽ hai giống người sống sát cạnh nhau đã lên khai hội với các đồng chí Mán nhiều lần, còn hầu hết người Thổ chúng tôi quen đều lộ vẻ kinh sợ và khinh bỉ: Úi già! Ké không được biết Mán đâu! Không dám lên đâu! Mán nó ở nhà đất đấy, không ở nhà sàn như người Thổ đâu! Có con rắn bò vào nhà đấy! Mán không biết nói tiếng Kinh đâu! Mán có nhiều rận lắm! Mán nó bí mật lắm, không muốn cho ai lại gần đâu. Lại gần nó giết đấy!...

Cần phải nói ngay rằng tiếng "nó" người Thổ dùng không có ý gì khinh bỉ cả. Nói đến người trên, họ cũng dùng tiếng "nó". Nhưng vẻ mặt và giọng nói của họ, khi nói đến người Mán tỏ rõ ý nghĩ sợ và khinh bỉ.

Nhưng Tư, người giữ cái nhiệm vụ đi tìm chỗ đặt cơ quan cho bọn chúng tôi, đã lên tận Mán. Anh chỉ cho chúng tôi một cái sườn dốc gần như dựng đứng. Không có đường đi. Cả đến lối mòn cũng gần như không có. Rất ít người qua lại đấy. Chúng tôi sẽ phải cố tìm ra những vết trên lá rơi, cỏ rậm mà đi. Không có một cái mặt bằng bằng con dao nào để mà ngồi. Chỗ nào cũng là dốc cả. Luôn sáu cây số, người ta đi, đường đi lù lù ngay trước mũi. Tất cả cái đáng sợ chỉ thu vào có thế. Người Mán chẳng có gì đáng sợ. Họ khác người Thổ, người Kinh ở chỗ khỏe, tìm ra lối đi trong rừng rất giỏi, giỏi đến mức mắt họ có thể nhận thấy đường đi lại của một con chuột trên bãi cỏ. Họ mặc rách rưới hơn người Thổ, người Kinh. Họ ăn ở khổ hơn. Họ thích ở thật cao, thật xa lánh mọi người. Có thế thôi. Họ chẳng biết ai và cũng chẳng có gì là quái gở.

Vì mới đi lần đầu, nên những cẳng chân Hà Nội của chúng tôi đi chậm và khó nhọc lắm. Tháng Mười ở miền núi tiết trời khá lạnh. Chúng tôi để nguyên áo rét, ra đi. Qua một cái suối phải lội, anh nào cũng rùng mình.

Nhưng mới trên một quãng dốc xoàng xoàng, chúng tôi đã theo nhau hạ ba lô, cởi áo rét ra. Anh nào cũng mặt đỏ gay, mồ hôi vã đầm đìa. Nóng quá! Và khát! Anh đi đằng sau chỉ trông thấy gót chân anh đằng trước, nhưng nghe rất rõ tiếng anh đằng trước hổng hộc thở, có anh nghiến chặt răng để bước. Mỗi bước là một động tác thể thao hạng nặng. Cứ độ vài trăm bước chúng tôi lại dừng lại, chân trước cong, chân sau thẳng, nhìn nhau thở phì phì và cười với nhau. Tôi cứ vừa đi vừa nắn bắp thịt đùi và có cảm giác như nó to ra, rắn lại, sờ thấy được.

Càng đi càng vào sâu trong rừng rậm. Đường cao rắc rối quanh co. Hết cây lại đến cây. Chẳng chỗ nào ra vẻ lối đi, nhưng nếu nhìn kỹ để tìm chỗ nào cũng có thể có ba bốn lối đi. Thế mới rầy! Vòng quanh vòng quẩn nhiều quá đến nỗi phương hướng cũng không biết lối nào mà nhận nữa. Nhìn lên thì những cành với lá. Cành lá chồng lên nhau, che kín cả trời. Ánh sáng âm u, không còn biết là trưa hay đã chiều. Chỉ thấy mỗi lúc một tối hơn.

Rừng rậm thêm hay mặt trời đã nhạt? Không một túp lều, một người đi để hỏi đường. Tư qua lại bốn lần mà vẫn lạc, chúng tôi phải đi trở lại ba lượt. Chân đã mỏi nhừ, cổ đã khô cháy thì may quá, đến một chỗ kia, chúng tôi đột nhiên gặp một người. Tư reo lên:

- A! Nhình Pin!

Tư giảng cho chúng tôi biết Nhình là chị. Anh chàng phải giao thiệp với đồng bào địa phương luôn, đã học được ít nhiều tiếng Thổ. Để nói chuyện với người Thổ thì chẳng đủ đâu. Anh thích dùng tiếng Kinh, tiếng phổ thông để họ khỏi cười. Trừ những bà già, còn hầu hết người Thổ đều nói thạo tiếng Kinh. Nhưng người Mán nắm chắc cẳng keo. Tiếng Thổ họ cũng chỉ biết tạm đủ dùng thôi. Vì thế, tiếng Thổ của anh Tư rất có ích ở đây. Anh cũng thích nói tiếng Thổ với người Mán lắm.

Chị Pin là một thiếu nữ vào hạng "chân tròn như cột". Người vạm vỡ, mặt tròn vành vạnh, trán nhẵn thín dưới cái khăn xếp màu đỏ thêu chỉ trắng che cái đầu cọc trọc. Nhình cũng mặc áo dài quần chàm như phụ nữa Thổ, nhưng cũ kỹ và rách rưới hơn. Cổ, cổ tay đeo vòng bạc, vòng đồng. Chị em miền núi ưa những đồtrang sức lắm.

Cái chúng mình không quen, chính là cái khăn to vành bọc vải thêu. Nó gợi trong tôi một cảm giác sờ sợ mơ hồ, cảm giác khi ta gần những cái man rợ và bí mật. Gần giống như ngày còn bé, tôi gần những bà đồng áo khăn sặc sỡ.

Nhưng chị Pin chẳng man rợ và bí mật một tí nào. Đứng trước mặt Tư, mặt chị đỏ bừng lên. Miệng chị, đôi mắt chị cười. Khi cười cũng đưa ngang cái tay che miệng như những cô gái e lệ dưới xuôi. Và khi Tư đùa hỏi "Kỷ lai pi" (Bao nhiêu tuổi), chị càng thẹn thò trả lời "Nắm chắc" (Không biết).

Nhình Pin ở rẫy về. Chị cõng một cái giỏ đầy thóc còn cả bông ở trên lưng. Tay chị cầm một quả dưa to. Tư hỏi:

- Mắc ca lăng? (Quả gì?)

- Mắc qua (Quả dưa).

- Kin đ`ây bó? (Ăn được không?)

- Kin đ`ây (Ăn được).

Chị đưa tay v`ê phía đằng sau lưng, rút con dao, bổ quả dưa, đưa cho Tư.

- Kỷ lai chèn? (Bao nhiêu ti`ên?)

- Nắm âu chèn (Không lấy ti`ên).

Tư chỉ lấy một nửa thôi. Chị bảo Tư đưa nốt nửa kia cho bọn tôi ăn. Đang khát, trông thấy dưa, thích mê người. Nhưng quái lạ! Mình vẫn thấy ngài ngại, như sợ bẩn. Tại sao mà bẩn? Quả dưa vừa mới lấy ở ruộng v`ê. Cái bàn tay to lớn và múp míp của người cho bẩn thỉu chăng? Mới đến giang sơn Mán, mình vẫn nhìn mọi cái với con mắt của người Hà Nội. Nhưng Tư đã cắn vào miếng da r`ồi. Chúng tôi cũng mỗi người một miếng, ngoạm ăn. Giống dưa to như dưa hấu, nhưng thịt và ruột lại giống dưa gang. Chất dai hơn. Và sau khi chúng tôi đã đỡ khát r`ồi, chúng tôi thấy nó có vị hơi chua, chứ không được ngọt.

Xẩm tối, chúng tôi bước vào nhà một ông già. Cái nhà bằng gỗ còn cả vỏ bương, tre, đứng đơn độc có một mình, ấy thế mà là cả một làng, có tên riêng của nó hẳn hoi. Chu`ồng lợn, chu`ồng gà ở ngay trong nhà, lẫn với người. Nhưng không có lợn gà. Chỉ có phân với bọ hung. Chủ nhà bảo Tư: "Gà lợn đã pây cơ". Nghĩa là đi lán cả r`ồi. Tư cắt nghĩa thêm:

- Cơ, tức là cơ quan. Tiếng này chắc có ngay từ thời kỳ bí mật trước đây. Người Mán đã phải làm vườn không nhà trống, ở lẩn lút ngay từ thời kỳ ấy kia r`ồi. Vì vậy, nhà nào cũng có cơ quan bí mật để giấu thóc lúa, lợn gà. Lán bí mật riêng của nhà họ, họ cũng gọi là cơ quan.

Anh Đức bảo Tư hỏi xem cơ của ông ké có xa không. Ông ké bảo "Quây lại" (Xa lắm)! Thế là khổ chúng tôi! Vẫn tưởng đến nơi có thể mua được một con gà làm thịt, thổi cơm ăn. Nhưng gà lại đi cơ mật cả r`ồi. Đành lại cơm với muối.

Cơm xong, cả bọn lăn quay ra đất, chung quanh bếp lửa. Ông già nhường cái giường độc nhất cả nhà ông cho chúng tôi, nhưng chúng tôi không chịu nhận. Ông già bèn lẳng lặng đi lấy củi, thêm vào bếp, lại đốt một đống lửa nữa ở phía ngoài. Ấm cúng chán rồi. Hơi khói át hết cả những mùi xú uế đi. Vì vậy, tuy rải áo vét tông, đầu ghé ngay gần cái chuồng gà, tôi vẫn ngủ ngon lành lắm. Luôn mấy đêm lạnh và chập chờn rồi. Lại đến nửa ngày leo dốc, ba lô bị gạo nặng ê vai. Nằm một lúc, ngủ ngay. Nửa đêm, tỉnh dậy vẫn thấy lửa cháy đầu. Bên đống lửa, một thiếu phụ ngồi. Người đàn bà còn xuân mà lúc mới đến chúng tôi đoán là vợ kế ông già. Nhà chỉ có hai người, một đàn ông, một đàn bà, thì tất nhiên là vợ với chồng. Nhưng hai tuổi chênh lệch nhau một cách đáng băn khoăn. Chúng tôi đã trao đổi với nhau đôi ý chế nhạo tối hôm qua. Lúc đi ngủ, tôi thấy ông già vào buồng, còn người thiếu phụ nằm cong queo một mình ở trên giường. Lửa xa mà chăn chiếu cũng không. Bây giờ người đàn bà lại ngồi đây. Ánh lửa hồng hắt lên khuôn mặt trái xoan điểm một cái miệng nhỏ thanh và đôi mắt lá răm hơi xếch. Người ta nghĩ đến những nàng công chúa Đông phương, đẹp lặng lẽ và bí mật, tả trên màn ảnh. Đêm khuya vắng lặng giữa những người ngủ mệt ngáy khò khò, người đàn bà thức một mình, ngồi coi đống lửa. Ánh lửa đỏ vờn nhau với những miếng tối lung linh. Tôi thấy buồn, nhớ nhớ, chẳng hiểu nhớ ai và buồn vì sao.

20-10-47 – Sáng sớm thức dậy đã thấy ông ké ra máng nước đầu nhà, lấy nước và đun cho chúng tôi rửa mặt. Ông già cao lớn, lúc nào cũng lom khom như sợ đụng mái nhà, cử chỉ chậm chạp, mắt chất phác, phúc hậu, lúc nào cũng cười và lầm rầm những tiếng ấp úng chúng tôi không hiểu nổi vì ông chỉ biết dăm ba tiếng Thổ, trông đẹp và đáng yêu đến nỗi anh chàng Khang họa sĩ tấm tắc khen và chỉ muốn thế nào vẽ được một bức chân dung của ông. Nhưng không hiểu họ có kiêng kỵ gì không, anh chàng không dám nhờ ông ngồi để cho anh vẽ. Vả lại cũng chẳng biết nói thế nào cho họ hiểu. Anh chàng đành để đến khi nào đôi bên quen thuộc nhau hơn đã.

Tôi ra ngoài để quan sát quanh nhà. Rừng, cỏ ngập đầu. Chỉ ba bước đã vào rừng. Mấy hôm trước còn ở một chỗ súng nổ loạn xạ, người chạy nháo nhác và hoảng hốt, đến đây tôi thấy an toàn, chắc chắn lạ lùng, mặc dầu vẫn nghe thấy tiếng súng rất gần. Giặc có bao giờ còn lập lại nổi chính

quyền, nắm hết dân chúng trong tay? Chỉ khi ấy, chúng mới dám sục sạo đến đây. Đặt cơ quan ở chốn này, chúng tôi có thể yên lòng làm việc lâu dài được.

Tôi bỗng giật mình, chỉ vì đột nhiên thấy bóng người. Tôi không đợi gặp một người nào khác ở chỗ hoang vắng này. Một cái đầu nhấp nhô trên cỏ. Mặt to, da vàng xạm, hai mắt xếch, khăn quấn rối, trông như một cái đầu tướng Tàu nặn bằng bột, một anh Khách vẫn bán cho trẻ con chơi, hồi tôi còn nhỏ. Một cái mặt trông vừa buồn cười, vừa dữ dội, không ra già, không ra trẻ, không biết cho vào hạng tuổi nào cho đúng. Những cái búi tó bé ngắn ngủn cho tôi cái cảm giác anh chàng vừa mới lớn.

Đôi mắt xếch thao láo nhìn tôi. Một tiếng to tát và vồn vã:

- Chào đồng chí!

- Chào đồng chí!

Tôi đáp lại. Cái đầu bập bềnh trôi trên sóng cỏ, đến gần tôi. Một người to nhưng thấp hiện ra, gò cúi dưới một cái giỏ gì nặng lắm. Cái áo chàm ngắn cũn cỡn để hở một cái bụng lồi ra, và cái quần không thể bám vào cái bụng rồi trật cạp xuống gần đến háng. Học được mấy tiếng Thổ tối hôm qua, tôi hỏi:

- Ca lăng à, đồng chí (Gì đấy, đồng chí)

- Mắc qua.

Dưa! Dưa cũng tốt rồi. Cắt nhỏ ra, chấm muối mà ăn cơm còn tốt hơn chỉ có muối không. Tôi bảo anh đem vào để chúng tôi mua. Anh vào, đặt cái giỏ nặng xuống, rút hai tay ra khỏi cái dây đeo, thở dài thật to thành một tiếng rên. Anh ra máng rửa chân. Anh lại gần lửa để hơ. Bỗng anh kêu lên một tiếng.

- Ú già!

Anh tặc lưỡi. Chúng tôi hỏi:

- Cái gì?

- Con vắt! Con vắt cắn.

Anh gỡ nó cho vào bếp. Đức reo lên:

- A! Đồng chí biết tiếng Kinh!

- Không biết nói đâu! Biết ít thôi.

Chúng tôi xúm lại giỏ của anh. Hàng chục quả dưa. Lại có rau bí nữa. Chúng tôi hỏi:

- Đồng chí lấy bao nhiêu?

- Không lấy tiền đâu! Cho các đồng chí ăn thôi.

Đức cố nhét hai cái giấy mười đồng thật mới vào tận tay anh. Anh ngần ngừ mãi mới chịu cầm một cái.

Ông già thong thả đeo con dao vào thắt lưng, khoác khẩu súng kíp, cười cười, lắp bắp nói những tiếng lầm rầm, ý chừng là từ biệt chúng tôi. Ông đi rừng. Trông ông đeo dao, khoác súng vào, càng đẹp. Nhưng ra ngoài vẫn lom khom, cái đầu hơi hơi lao về đằng trước. Không phải vì già. Đó chỉ là dáng đi của một kẻ quen cái đời chui lách trong rừng rậm. Ông đi lừ đừ như một con thú dữ. Tôi mới chợt nhận ra rằng người đàn bà cũng đã biến đi mất từ lúc nào, chính tôi cũng không để ý. Trơ lại trong nhà còn bọn chúng tôi với anh chàng bán dưa. Tự anh đi tìm mẹt, xếp dưa, xếp rau ra cho chúng tôi. Anh quét. Anh thở dài thành tiếng rên (cứ độ 15 phút anh lại thở dài thật to như vậy, chẳng ra sao cả!).

- Nhà bẩn quá! Không có giường nằm. Các đồng chí ở dưới xuôi sướng, lên đây khổ quá!

Anh làm như anh là người nhà vậy. Nói chuyện với anh một lúc, chúng tôi mới biết anh là người nhà thật. Anh là con rể cụ. Người đàn bà trẻ tuổi là con gái ông cụ và là vợ anh ta. Ông cụ góa vợ đã lâu. Người ta gọi ông là

ké Nhàn – ông già Nhàn – còn anh, tên như tên trong tiểu thuyết Tàu: Triệu Vân Hương. Và thật không ngờ, anh đã bốn mươi hai tuổi.

Tối hôm ấy, cả nhà ông ké Nhàn ngủ lán. Tối hôm sau cũng vậy. Ban ngày, có người nào về cũng chỉ một chốc một lát thôi, về để lấy một vật gì, hay lấy củi hộ chúng tôi. Chúng tôi hoàn toàn làm chủ cái nhà. Chúng tôi e mình có làm phiền đến đời sống họ chăng. Nhưng Tư bảo:

- Họ ưa như vậy. Vả lại ở, đối với họ có thành vấn đề đâu. Họ ngủ đây cũng được.

21-10-47 – Tư vẫn chưa cho chỗ ông ké Nhàn là kín! Anh dùng làm một chỗ tạm đó thôi. Hôm nay anh sẽ đưa Khang và tôi đi xem một chỗ khác để hỏi ý kiến chúng tôi. Cơm nước xong, thì một người Mán đeo súng đến. Anh chàng trạc độ ngoài ba mươi. Búi tó, quấn khăn, mặt sáng sủa, người nhàn như một anh đồ trẻ vào thời Nguyễn Trãi. Nhưng áo cũng ngắn cũn cỡn vào quần mòn mất gấu, luội thuội, lựng chựng những cái bắp chân chắc nịch nhưng bẩn và có những vết lở to rỉ mủ. Tư gọi anh ta là đồng chí Quân. Đồng chí Quân sẽ thay mặt cho đồng chí Chấn trưởng thôn đi vắng, để dẫn chúng tôi đi tìm địa điểm.

Sau ngót một giờ lội suối chui rừng, vắt bám gỡ ra không kịp, qua hết rừng cây lớn, rừng lau, rừng chuối rồi lại rừng cây lớn, men, lách, leo, trờ bở hơi tai, chúng tôi đến Vang Khẹt. Lại một làng! Ba nóc nhà như ba cái chuồng chim đeo lủng lẳng ở ngọn núi. Được cái quang đãng nhìn ra một phong cảnh sáng sủa và tuyệt đẹp. Núi lại núi. Núi kế tiếp nhau, cuốn những đợt sóng mềm mại vờn trời. Chỉ có trời với núi. Tôi có cảm tưởng như trên trái đất chúng ta ở, ngoài núi ra, không còn gì nữa. Anh chàng Khang yêu màu sắc và ánh sáng chắc phải thỏa lòng. Những quả núi gần khoe những mảnh áo rất xinh. Từng miếng vàng tươi của ruộng. Những miếng khác màu vàng rơm. Và màu xanh, đủ các thứ xanh.

Những buổi chiều, ánh sáng chiếu rọi đúng như đèn pha rọi những phong cảnh rạp hát. Phong cảnh đổi từng khắc một, đúng như trên sân khấu. Khang ghi chép cẩn thận, nói là để dùng vào việc bài trí sân khấu khi về Hà Nội.

Đêm trăng. Một cây trụi lá, đen, rướn lên trời xanh phớt. Một nét đẹp đơn sơ. Núi đằng sau. Và trăng nằm giữa mây, mềm xốp như đệm gối.

Nhưng nhà thì bẩn ghê gớm quá. Chuồng lợn ở ngoài hè. Gà lợn đi lại, ăn nằm và phóng uế rất tự do, trong nhà ngập đất và rác rưởi. Cả bếp ở giữa một gian, thẳng hàng với chạn bát nhơm nhớp như phủ một lượt bùn ở đầu trong và cái lò nấu "ruốc mu" (thức ăn của lợn) ở đầu ngoài. Cối giã gạo cũng ở trong nhà. Mồ hóng khắp nơi. Ba cái buồng nhỏ vừa một cái giường, chưa bao giờ quét. Mạng nhện đầy tro, bụi, mồ hóng bám chằng chịt trên mái, trên các tấm phên làm vách. Đất lầm lên, rác rưởi ngập gầm giường và cả trên những cái giường không chiếu.

Cả làng đã đi gặt vắng. Chỉ còn một ông già, một người đàn bà bận con thơ, và một thằng bé mười một tuổi mũi quệt đất vẽ hề trên mặt. Thấy có người lạ đến, tất cả trốn vào rừng. Chúng tôi thấy nhà không. Nhưng một lát sau, nghe tiếng đồng chí Quân, người đàn bà ẵm con về tiếp chúng tôi. Thằng bé con cũng chạy về hếch mặt nhìn vào mặt chúng tôi một cách rất tò mò, khẽ chạm ngón tay vào tay áo tôi rồi vội rụt lại như ta sờ một con vật lạ để xem nó động tĩnh ra sao, rồi lè lưỡi ra một cái, cười nhăn nhó cả mặt nhưng không thành tiếng. Một hôm sau tôi mới biết cái điệu lè lưỡi và cười câm ấy cũng thịnh hành ở nó chẳng kém gì tiếng thở dài của đồng chí Vân Hương. Cho tận đến lúc đó, tôi không nghe thấy nó nói lần nào. Không hiểu có phải nó câm không. Người đàn bà không biết tiếng Thổ. Đồng chí Quân đưa chúng tôi đến cái nhà ở trên cùng, gặp ông già đã lò dò ở bụi rậm chui ra. Quân gọi ông là ké Xếch. Nói gì ông cũng chỉ cười. Quân bảo, mới biết ông ta điếc. Chẳng chuyện trò gì được với ông. Đồng chí Quân cứ tự tiện đưa chúng tôi đi xem cả ba nhà và bảo chúng tôi tùy ý muốn ở nhà nào cũng được. Chúng tôi chọn cái nhà đầu tức là cái nhà ngoài phòng chính hình thước thợ, còn có ba phòng nhỏ tả ở đoạn trên. Nó rộng rãi nhất và sạch nhất.

Ngay từ sáng hôm sau, chúng tôi bắt đầu chuyển vận gạo, muối, đồ dùng từ đằng nhà ông ké Nhàn sang. Vẫn không thấy chủ nhà nhưng nhà đã được dọn sạch sẽ hơn. Chúng tôi chỉ cần quét dọn thêm một lượt nữa là ở cũng tạm được rồi.

Chủ nhà tên gọi là Kinh, anh ta đi rừng, đi ruộng suốt ngày. Vợ anh ta ngủ ở cơ. Từ hôm chúng tôi đến, anh cũng ngủ cơ. Thỉnh thoảng mới về nhà một hôm, vác theo một đoạn cây chuối thật to. Anh ta kê đoạn chuối nghiêng nghiêng, cưỡi lên trên, mồm ngậm một cái tẩu thuốc lá bằng đồng lấy một cái cán làm bằng một đoạn cành tre, cả hai tay cầm một con dao dài và mỏng xoèn xoẹt thái cây chuối rất nhanh, rất nhẹn. Thái xong, anh hót tất cả, cho vào một cái chảo to đặt trên lò, đổ nước vào ninh. Anh ninh suốt một ngày cho cây chuối nhừ tươm. Thế là thành ruốc mu, nấu một ngày đủ cho lợn ăn năm ngày. Lúc cho ăn, chỉ cần vầy với nước, rắc thêm vài nắm cám như rắc hạt tiêu. Thức ăn chỉ có vậy, nên phân người là mỹ vị đối với tu mu (con lợn). Mỗi buổi sáng ra ngồi ở gốc cây, phải cầm một cái roi để xua chúng nó đi. Lợn lớn, lợn con chực ở chung quanh, hầm hè nhau, liều chết xông vào, xộc ăn toang toác. Chúng nó tranh nhau, cắn nhau như chó vậy. Lại còn trâu! Một khám phá đối với chúng tôi, cứ thấy người ta đứng vén quần là các chú tu vài (con trâu) nghênh ngang hai cái sừng đến, hếch mõm lên nhìn và đợi. Dòng nước tiểu tía ra, các chú tranh nhau há mõm, lè lưỡi, đón lấy uống, thở phì phì. Nước tiểu vào cả mũi. Xong rồi, còn chũi mõm, liếm những giọt vương trên đất. Mới đầu, tôi tưởng trên núi xa nước nên chúng nó khát. Nhưng trước cửa nhà, có những vũng nước đầm đìa mà trâu không uống. Có lẽ trâu thèm chất muối.

Muối trên này quý lắm. Chúng tôi cho mỗi nhà một bát. Họ rất mừng. Thế mà muối chúng tôi để ở nhà họ có hàng bồ, họ không động đến bao giờ. Có lần chúng tôi đi vắng mấy ngày luôn. Lúc về thấy thằng Hùng – Lý Kỳ Hùng – con ông ké Xếch, mách với chúng tôi, vợ anh Kim, người đàn bà có đôi mắt to và môi nở như đầm thỉnh thoảng chúng tôi mới thấy về nhà, hết muối ăn, định lấy muối của chúng tôi. Kể chị ta có lấy cũng chẳng sao, vì chúng tôi đã dặn anh ta khi cần thì cứ lấy mà ăn. Nhưng người chồng bảo vợ: "Việt Nam độc lập, không ăn trộm của nhau". Và vợ chồng nhà anh ăn cơm nhạt.

Anh ở nhà bên cạnh cũng tên là Kim. Kim này đã đi giao thông hồi bí mật. Chiều chiều, tôi nghe thấy anh hát Tiến quân ca. Gần đúng giọng, nhưng mất chữ luôn. Anh là bố thằng bé hay lè lưỡi và là anh ruột Nhình Pin. Cô con gái cho chúng tôi dưa hôm nọ.

Nhình Pin vẫn hay đỏ mặt. Chị hay nói chuyện với Tư. Một lần chị cho Tư mấy bắp ngô. Tư không lấy, bởi vì thấy một lần hỏi mua, chị không chịu lấy tiền. Chị hỏi Tư:

- Ngô già, có phải không?

Tư không để ý đến câu nói ấy. Nhưng chiều hôm ấy khi chúng tôi ngồi quây quần với ông ké Xếch và hai đồng chí Kim, cùng nướng ngô ăn. Tư kêu ngô già thì ông ké Xếch cười mà bảo:

- Ngô không già, người già

Hai anh Kim cùng cười to. Tư bỗng sinh ngờ. Một lối nói tình tứ chăng?

Nếu Tư đi là tôi với Khang gặp khó khăn ngay. Bởi vì ở Vàng Kheo người ta không biết tiếng Kinh. Tiếng "Tày" cũng biết ít thôi. Chúng tôi cũng chẳng biết được bao nhiêu. Họ nói hơi dài, ngoài mấy tiếng thường dùng, là mình ngẩn mặt ra. Mình nói, họ cũng lắc đầu: nắm chắc! (không biết!). Nhưng hỏi đến cụ Hồ thì ai cũng chắc (biết). Chắc cả đồng chí Văn (tức là đại tướng Võ Nguyên Giáp), đồng chí Thạch.

Vì không nói cho họ hiểu được, mới đầu Khang với tôi cứ ăn cơm muối tràn. Hỏi mua gì họ cũng năm mi (không có) về sau học được lối của Tư: muốn gì, cứ bảo họ pày đông (đi rừng) hay pây cơ du hở khỏi (đi cơ lấy cho tôi). Quả nhiên có rau ăn. Họ bán rất rẻ, ít thì cho không, không chịu lấy tiền. Rau cải luộc chấm muối, ăn mãi cũng chán mồm. Tôi phát minh ra lối nấu canh rau cải với muối và nước lã, cho thêm một ít gừng. Cũng tốt. Gà cu, thịt dai như thịt trâu cũng không mua được. Ở đây nuôi gà đến lúc nó hết sức lớn rồi cũng không chịu bán đi, nuôi gà nhỏ cho có lãi. Những cụ gà già, phú quý ra thì con cháu tế thượng thọ cũng đáng rồi, vẫn được sống như thường. Họ nuôi, như để làm cảnh vậy.

Cũng may mà mật ong thì được ăn luôn. Có lần mua được của một người đi giao thông cả một cái tổ ong, anh ta gặp ở rừng, dúm lá đem về. Cầm cả cái hoai mà ăn, thú vô cùng. Có khi ăn cơm trộn mật ong. Thuốc lá Mán tẩm mật ong, hút thì ngon tuyệt. Chẳng bao lâu, Khang và tôi đã nổi tiếng khắp mấy làng Mán là những thằng đốt thuốc lá chứ không phải là hút nữa.

Một cái thú nữa ở Vàng Kheo là đi tắm. Quãng suối chảy xiết, đá sỏi trắng và vàng óng ánh dưới lòng. Những hòn đá tròn trĩnh nhẵn nhụi để ngồi. Có một chỗ, những tảng đá kết chung quanh thành một cái bồn ngồi lọt cả người. Một thác nước trắng xóa đổ trên đầu. Nước rất trong. Mặc dầu trời lạnh, ngày nào tôi cũng đến chỗ ấy tập thể thao, rồi nhoai người xoai xoải dưới thác nước cho nước chảy từ cổ đến chân. Khoái lắm!

Nhưng từ nhà đến suối, phải đi qua một cái hốc chừng vài trăm thước. Mỗi ngày trèo mấy lượt có mệt thật, nhưng lấy làm thích vì đó cũng là một cách vận động để cho đùi to ra. Càng thấy phải khuân vác, phải vất vả, càng vui. Cách mạng đã đổi hẳn óc mình. Kháng chiến chẳng những làm già dặn thêm khối óc đã đổi mới kia, còn thay đổi ngay chính thân thể mình, một ngày kia khi trở về!...

1-11-47 – Trong khi đợi anh em công nhân thu xếp cơ quan in, Khang và tôi in đá. Nhưng mới làm việc được độ một tuần thì Tư lại lên, bàn nên thiên lại chỗ nhà đồng chí Chẩn, liên lạc ở dưới tiện hơn.

Lại chuyển vận gạo, muối, vải, đá luôn hai ngày. Mình khuân vác đã khá khỏe rồi. Đi núi, cũng nhanh hơn, đỡ mệt hơn. Đường đi đến nhà đồng chí Chẩn, bây giờ mình thấy thường rồi. Nhưng đường lên cơ thì thật là cơ cực. Hoàn toàn không có đường đi. Dốc chết người. Nhiều chỗ phải bám lấy cây, đánh đu lên. Thế mà mình vẫn đeo nửa bị dó gạo, cố đi cho bằng được. Đi ba, bốn chuyến liền, mỗi chuyến vừa lên vừa xuống đến một giờ. Lúc này mình mới biết được sức của mình. Thì ra mình cũng khỏe chẳng kém gì ai. Thường thường, người ta chưa bao giờ dùng đến tất cả sức lực của mình. Một phần khả năng của người ta vẫn bỏ phí hoài, đến nỗi ta không biết rằng ta có nó. Tôi thấy rằng sau kháng chiến, nếu tôi thích đi cày, đi cuốc hơn cầm bút, tôi có thể đi cày, đi cuốc được. Cực nhọc không đáng sợ.

Anh bạn hỡi! Hôm đi Phú Thọ, mới phải ngồi thuyền chật, anh đã cằn nhằn suốt cuộc hành trình. Anh thật là thảm hại!

Thiên ơi! Cha sẽ mạnh dạn ném con vào cuộc đời và cuộc đời sẽ luyện cho con chóng hơn cha luyện. Con sẽ không chết. Con sẽ thành cứng rắn.

Tôi nghĩ đến Liên. Vợ tôi từ trước đến nay chưa bao giờ rời quê hương. Làng tôi, địch chiếm rồi. Liên đã tay bồng tay dắt, bỏ nhà cửa vườn đất, đưa con nhỏ và một bị quần áo ra đi. Tôi đã bỏ liều Liên ở một chỗ đối với Liên hoàn toàn xa lạ, Liên có oán tôi chăng? Riêng tôi, mặc dầu có thương Liên, tôi vẫn đinh ninh rằng Liên sẽ chẳng chết đói đâu. Liên sẽ đổi, như tôi đã đổi. Phải bơi mới biết rằng mình bơi khỏe. Và thật ra, ai cũng bơi được cả.

2-11-47 – Đêm qua, hơi đau mình mẩy. Nửa đêm trăng sáng. Dậy uống nước rồi thao thức mãi không ngủ được. Gần sáng, lạnh.

Sáng dậy, cơm nước xong rồi đi chặt tre, chặt cây về điểm lại nhà. Nhà: lán bí mật của đồng chí Chẩn, đứng giữa hai lán nữa. Vừa bằng một cái quán bán báo Tết ở Sài Gòn. Cành cây làm cột, buộc sơ sài. Mái lợp bương tươi, trông đẹp. Sàn hơi thấp, bằng một cái giường to. Cạnh sàn, một khoảng đất trống chạy từ cửa nọ sang cửa kia, dùng làm bếp. Hai người ở vừa thích.

Lán bên cạnh: ba đứa trẻ con, một anh Mán. Tội nghiệp! Anh ta sốt rét nặng quá rồi. Bụng báng to phình. Mặt phù. Chân tay phù. Da bủng và mốc meo. Mấy hôm sau, biết tên anh, chúng tôi gọi anh là đồng chí Minh. Anh ốm quá, không đi làm được, nên lên lán ở với mấy đứa con. Sang chơi bên lán chúng tôi, anh ta chỉ ngồi lừ thừ nhìn chúng tôi làm việc, mồm ngậm một cái tẩu giống như cái tẩu của Kim, thong thả hút và thở khói. Hiếm họa lắm anh ta mới nói. Tiếng anh rạn vỡ.

Làm được một cái giá để giầy, ba lô, sách vở, một cái nữa để bát đĩa, thức ăn, vừa lát tre chung quanh cái bếp để chân cho sạch xong thì vừa trưa. Buổi chiều, nghỉ ngơi cho lại sức. Mình định đọc sách. Nhưng viết nhật ký xong thì đã gần hết chiều rồi. Ngày nào cũng ngắn, vì mình muốn làm việc nhiều quá.

Đồng chí Chẩn mang một cuộn giấy và một cái chải lên để chúng tôi dùng, cho biết Tư bị sốt. Có lẽ vì hôm qua anh chàng làm gắng quá.

3-11-47 – Tư chỉ mệt xoàng, không sốt. Anh vẫn đi tìm một con đường bí mật đi xuống cơ quan dưới. Cơm chiều xong, tôi đi rửa bát về thì Khang,

đang đọc mảnh giấy nhỏ Tư gửi bà mẹ Chẩn lên. Tối nào, bà cũng đèo thằng con mồ côi của Chẩn lên lán ngủ. Cùng với bức thư, bà cụ còn đem cho chúng tôi củi – Tội nghiệp! Củi ở trên này có thiếu gì! – Một mớ rau bí, hai quả bí ngô non, bốn củ sắn và một cái bị của Tư. Trong bị, ngoài mấy đồ dùng lặt vặt để in đá, có một cái chân giò. Thế có bực mình không? Lúc nãy, ăn nửa bát hết vừng, tôi tức mình rang hẳn một bát để ăn cả ngày mai. Khang thái thịt ra, kho với nước lã và muối, để ăn dè. Xương cho vào nồi với một nắm gạo ninh nhừ để sáng mai ăn.

Ông láng giềng tốt bụng, sợ đêm chó nhà ông ăn mất thịt của hai đồng chí, sang tận nơi dặn cất vào trong cho cẩn thận. Nhưng Khang đã cẩn thận lắm rồi. Liễn thịt để trên cao. Nồi cháo bắc xuống cạnh đống than, đã bịt lá lên trên vung và buộc chặt còn phủ một lượt tre tươi và đè những súc củi nặng trình trịch lên trên. Anh chó chắc phải rất sầu đời! Khang hứa sáng hôm sau sẽ cho một bữa xương xứng đáng. Nhưng sáng hôm sau, nó theo bào cụ về nhà. Đen nó quá!

Hôm nay, lạnh ngay từ chập tối. Chúng tôi đốt một đống lửa to, nhưng về khuya tắt mất. Cái chăn hơi hẹp, hai thằng nằm co quắp, xương đau mỏi.

Thức giấc, nghe gió thổi ào ào. Trăng xiên qua kẽ mái, qua bức phên thưa, lọt vào nhà. Tôi dậy thổi lửa, mũi hít phải tro. Sờ bếp, lạnh. Đành lại vào màn nằm đắp chăn, nhưng không sao ngủ được. Nghĩ lăng quăng. Vợ con. Bà cụ nhà Chẩn. Gia đình anh ta. Người Mán…

Băn khoăn rất nhiều đến thằng con đồng chí Chẩn. Nó gầy như một con nhái bén, mềm như một lá rau úa, suốt ngày vắt trên lưng bà cụ, trong khi bà cụ đun bếp cũng như lúc đi lấy nước, nhặt củi hay vò lúa.

Mẹ chết sớm. Có lẽ bà nuôi nó từ thủa mới sinh. Mỗi lần bà mớm cơm cho nó, tôi thấy nó khóc, sặc, ho rũ rượi. Không sữa, lại mang trong máu bao nhiêu vi trùng sốt rét rừng, thằng bé quặt quẹo và thiểu não. Nó sống được cũng là sự lạ.

Bố nó năm nay hăm tám tuổi. Trông anh già hơn thế. Từ hôm có chiến sự ở đây, không ngày nào không có người đến nhà anh tạm trú và nhờ dẫn lối. Anh tốt lắm. Một lần dẫn Tư đến một địa điểm kia, ngờ có Tây ở đó rồi,

anh bắt Tư đứng chờ ở ngoài để anh một mình vào thăm dò trước. "Đồng chí vào, tôi không yên lòng!", anh bảo Tư như vậy.

Một lần Tư hỏi anh

- Sợ Tây không?

- Không sợ!

- Súng kíp bắn Tây chết không?

- Chết chứ!

- Sao đồng chí không đi đánh Tây?

- Người Thổ không lên rủ.

Anh đợi người Thổ lên rủ đi đánh Tây, như rủ đi săn chung một con gấu vậy.

Anh có một em trai, đồng chí Bảo, hăm hai tuổi. Biết nhiều tiếng Kinh hơn tất cả những người khác ở đây. Đọc được chữ quốc ngữ và dạy được cả cho anh đọc. Bảo bị gấu vồ, hôm chúng tôi mới đến, anh đã gần lành. Nhưng vẫn ăn kiêng, ăn cơm nguyên với muối ớt, không dám chạm đũa đến món trứng tráng lẫn đậu nành đồng chí Chẩn chính tay làm để thết chúng tôi. Thường thường, chẳng ăn kiêng thì món ăn cũng chỉ có muối ớt thôi. Cơm gạo rẫy thổi nát, ăn dẻo như cơm nếp, nhưng chóng ngán. Họ quen thổi một bữa, nắm một nửa cất đi để bữa sau ăn. Họ ăn chậm rãi và ăn rất ít. Không dám ăn nhiều hay sức chỉ ăn được thế? Đời sống như vậy, chống lại với vi trùng sốt rét thế nào? Nếu nước mình không độc lập, đời sống của họ không được nâng cao, họ sẽ chết mòn hết mất thôi. Trông những làng Mán xơ xác, lèo tèo, buồn như một cái gì sắp tắt.

Thế mà người Mán tốt. Nhắc lại chuyện những nhà cách mạng hoạt động ở đây hồi bí mật, người vợ Triệu Vân Hương luôn luôn bảo với Tư:

- Càn cách mạng khổ lai! (Người cách mạng khổ lắm!).

Chị cảm động nhắc lại lời của một đồng chí bảo chị ngày xưa:

- Người Mán đừng giết người cách mạng, đừng bắt người cách mạng nộp cho Tây nhé!

Người Mán không bắt người cách mạng. Người Mán đã cưu mang người cách mạng. Họ nhịn ăn, giấu cơm đem cho người cách mạng ăn. Tây mà bắt được cơm ấy thì họ mất đầu. Nhưng họ vẫn ủng hộ cách mạng như thường. Tôi nhớ lời Đại tướng Võ Nguyên Giáp một lần nói chuyện với tôi.

- Nếu khởi nghĩa chậm một tháng, cả một làng Mán sẽ chết đói vì nhịn ăn ủng hộ một đội quân giải phóng.

Cứ xem cách họ săn sóc chúng tôi, đủ biết họ có cảm tình với cách mạng thế nào… Thấy Khang cựa mình, tôi biết anh cũng thức dậy rồi. Tôi nói những ý nghĩ đang nghĩ ngợi với anh. Anh cũng ca tụng những nhà cách mạng say mê đã rọi ánh sáng giác ngộ vào tận rừng sâu, nhóm nổi ngọn lửa đấu tranh trong tâm hồn chất phác của những người gần như chưa có ý thức gì về xã hội. Những người ấy, trước kia xa lánh mọi người. Bây giờ họ cũng nói đến Việt Nam dân chủ cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc, cũng biết Pháp dân chủ và Pháp thực dân, cũng treo ảnh cụ Hồ và viết khẩu hiện dán lên phên, cũng đi dự mít tinh và khai hội.

Một buổi tối chung quanh bếp lửa, chúng tôi với anh em đồng chí Chẩn dạy nhau học lẫn tiếng của nhau. Tôi chỉ vào cái nồi đồng hỏi:

- Cằng Tầy, cẳng ca lăng? (Tiếng Thổ gọi là gì?)

- Mỏ toòng: Cẳng heo? (Nồi đồng, tiếng Kinh gọi là gì?)

- Cẳng keo: Nồi đồng (Tiếng Kinh nói: Nồi đồng)

Anh dán to mắt nhìn tôi. Nồi đồng? Thế còn anh? Sao người ta lại gọi là hội đồng nhân dân?

Thật ngây ngô! Nhưng con người "ngây ngô" ấy đã ăn củ cả hàng tháng để nhường gạo cho những người cách mạng. Cả gia đình anh, cả làng anh, mọi người trìu mến, săn sóc, bảo vệ, chia ngọt sẻ bùi với chúng tôi, cũng chỉ vì coi cúng tôi là những người cách mạng.

Nghĩ như vậy, tôi thấy rất phàn nàn về một bọn người xuôi qua đây, ngủ nhờ một đêm ở làng này. Họ tranh nhau, đòi mua hết thức nọ đến thức kia, người ta không muốn bán cũng cố vật nài. Trả tiền thì rẻ. Lúc ăn người ta ăn, người không có ngồi nhìn. Ăn xong, bày bừa ra nhà, phóng uế bừa bãi ở quanh nhà. Lúc đi, đem cả bát của nhà người ta đi.

Sau khi họ đi rồi, đồng chí Bảo bảo chúng tôi:

- Nó không đoàn kết. Nó là cái đàn bò!

Và anh nói những điều nhận xét của anh:

- Các đồng chí với "bọn khỏi" (bọn tôi) tốt. Các đồng chí ăn, bọn khỏi ăn. Nhưng người kia không tốt. Người nào có ăn. Người không có, không được ăn. Không "đàn kết".

Chúng tôi đỏ mặt, bởi vì chúng tôi thấy nhục lây. Nhưng nghĩ kĩ, chẳng qua bọn này vụng xử đấy thôi. Họ không chịu luôn luôn nhớ rằng dân chúng rất chú ý nhìn vào họ để phán đoán về tinh thần của người miền xuôi. Chúng tôi cố giải thích cho Bảo hiểu họ chỉ là số ít. Bảo gật đầu:

- Đâu cũng thế. Có người tốt, có người không tốt. Người Mán cũng có người không tốt. Hồi bí mật, cũng có người Mán bắt người cách mạng nộp cho Tây. Người giác ngộ thì tốt.

Gần gũi với những người Mán đói rách và dốt nát, thấy họ rất biết yêu cách mạng, làm cách mạng chân thành sốt sắng và tận tụy, chúng tôi thấy tin tưởng vô cùng. So sánh họ với mấy thằng "bố vấu" mà Khang gọi là trí thức nửa mùa, Khang rất bất bình đối với hạng này. Chúng nó chẳng yêu một cái gì, chẳng làm gì. Chúng nó chỉ tài chửi đổng.

4-11-47 – Mở mắt ra, trăng lấp ló qua kẽ mái bên mặt. Lạnh, gió to, nghe ở lán bên cạnh có tiếng thổi lửa phù phù, chúng tôi cũng thức dậy đốt lửa cho đỡ rét.

- Dên lai! (Rét lắm!)

Khang kêu lên thế. Mấy người đàn bà ở lán bên cười, nhắc lại

- Dên lai!

Nướng mấy củ sắn, ăn xong vừa sáng hẳn. Sau khi rửa ráy, Khang mài đá, mài mực viết. Tôi ghi nhật ký. Gà bay loạn xạ, kêu quang quác ở chung quanh. Có tiếng máy rền: ô tô hay máy bay?

Có lẽ Tư đi Píc Cáy, hay đi hội nghị tỉnh ở Lùng Trang? Nếu ở nhà, thế nào chẳng lên. Định để ngày nay đọc sách. Nhưng chẳng biết có thì giờ đọc không. Lát nữa phải đi chặt củi, sắp sửa thổi nấu ăn. Rồi gì nữa? Có lẽ cũng nên hạ sơn, lấy thêm gạo hay một thứ gì để luyện chân cho dẻo.

6-11-47 – Đêm qua, thằng bé bên cạnh khóc, nghe giống Thành khóc quá! Buồn… Nhớ con!

Sáng nay, trời u ám. Tập thể thao và tắm xong, trời hơi mưa. Đọc nốt một quyển sách nói vềLiên Xô. Đẹp đẽ biết bao công trình xây dựng của nước Xô viết đầu tiên ấy.

Hai thằng xuống nhà đồng chí Chẩn lấy gạo. Bà cụ nhìn khắp nhà, chẳng tìm được thức gì cho, đong cho một ống gạo rẫy và đưa cho một củ gừng. Lên lán được một lúc thì mưa to. Rừng có bao nhiêu lá! Lá rừng rên rỉ dưới những giọt mưa tới tấp. Thanh âm rậm và buồn.

12-11-47 – Tư gửi một con vịt lên, rồi lên định ở với chúng tôi vài ngày. Tôi lấy làm ưng ý vì thấy mình tự nhiên thành một tay đầu bếp khá. Pha thịt gọn. Rán thịt khéo. Thổi cơm nếp đậu xanh không nát. Món bí ngô nấu với đậu xanh và gạo nếp để làm món ăn tráng miệng, anh em cho là tuyệt lắm. Làm bếp thành một cái thú. Tôi là tay bếp trên "cơ quan Một" này.

Ô tô giặc chạy rầm rập dưới đường. Súng nổ nhiều. Lắm lúc nghe như ngay ở chân núi chúng tôi. Nhưng Tư bảo: thật ra còn cách những năm quả núi. Chúng tôi cứ ung dung hút thuốc và nói chuyện.

Bỗng Noọng Liễu, em gái Chẩn và Bảo, lên tìm Tư xuống. Có người muốn gặp. Cơ quan dưới đã gặp sự gì chẳng hay chăng? Chúng tôi rất nóng ruột, vì công việc xếp đặt mãi chưa xong. Tờ báo định ra vẫn chưa ra được. Cơ quan "nhận tin" cũng chưa bắt đầu làm việc được. Hàng tháng nay, chỉ biết ít tin tức quanh vùng, do Tư liên lạc với các cơ quan địa phương, lấy về. Một tiểu đoàn hoạt động ở quãng này. Một đại đội luôn luôn chú ý bảo vệ mấy cơ quan, trong đó có cả cơ quan của chúng tôi. Địch chết lẻ tẻ khá nhiều, nghe chừng chúng chẳng ăn thua gì cả. Ta chặn giữ, chúng không tiến được. Mặt Cao Bằng nhờ mượn đường của Tàu[3] để tiến, chúng lợi thế hơn, nhưng cũng bị mấy vố điếng người rồi. Ở chợ Mới, chợ Đồn, chúng nó thiệt nhiều. Đánh Việt Bắc quả là chẳng dễ. Mình hở cơ tí chút, một vài cơ quan bị thiệt hại ít nhiều. Thế thôi!

Người tìm Tư chỉ là một chú giao thông, nghe súng sợ tái mặt chạy một mạch lên đây. Tư cáu lắm. Không thể nhút nhát, hoảng hốt như thế được. Cơ quan đặt sát địch, cần những người gan dạ, luôn bình tĩnh. Tư tin rằng địch không dám tiến vào chỗ cơ quan dưới.

Anh lại lên họp mặt với chúng tôi. Cơm chiều xong, đốt lửa. Đốt lửa thật to rồi nằm nhìn, đó là một cái thú mới của chúng tôi. Hôm nào ấm, không đốt lửa được, hơi buồn. Ba thằng nằm, hát bố láo đủ mọi thứ bài, từ cổ chí kim. Nhiều bài chỉ nhớ một vài câu. Lũ trẻ bên cạnh cùng hát với chúng tôi. Chúng thuộc một bài điệu lạ chúng tôi không biết, một bài nữa theo điệu Hướng đạo sinh tạm biệt chúng tôi có thể hòa theo bằng lời riêng của chúng tôi, mấy câu trong bài HồChí Minh muôn năm và trọn bài Tiến quân ca, thành thử gặp nhau nhiều nhất, chỉ ở bài Quốc ca.

Quên chưa nói rằng: tối hôm nay, hàng xóm đông hơn. Có lẽ vì tiếng súng nổ dữ lúc ban chiều. Thêm ba đứa trẻ nữa. Và bà cụ nhà đồng chí Quân.

Thằng con đồng chí Quân mặt mũi sáng sủa nhưng bẩn lắm. Những đứa kia cũng bẩn. Riêng con Pú, ở với chúng tôi luôn, đã theo chúng tôi rửa mặt

hàng ngày và rửa cả cho thằng Lý, em trai nó, cho nên hai đứa sạch sẽ hơn. Chúng nó cởi truồng. Con gái cũng vậy tuy đội khăn và đeo vòng, nhẫn. Có đứa trần truồng ngồi sưởi, mặc dầu trời rét. Quần áo thiếu.

Họ cho chúng tôi gạo nếp, bánh chưng, chanh, sắn, bí, rau. Ai có gì cho thức ấy. Họ cho luôn. Chúng tôi có gì ở dưới gửi lên cho, cũng cho lại họ. Thân mật như người nhà. Nhiều khi con Pú nấu đậu nành, cũng đong cho chúng tôi một bát. Cười, lẳng lặng đưa, không nói, bởi vì nó không biết tiếng Thổ. Lần đầu, cầm cho vui lòng nó.

Hát, đùa với lũ trẻ một lúc, thấy mệt và buồn. Tư nghĩ đến làng, đến những nơi làng quê ngày trước đi gặp gỡ người yêu. Khang nghĩ đến Hà Nội, ánh sáng của Nhà hát lớn, sân khấu, người xem. Tôi, đến vợ con. Những ngày nghèo khổ sống bên nhau. Ngày trở về, gặp nhau… Khao khát được ôm chặt lấy thằng Thiên gầy một cái… Ngoạm cái chân múp míp của thằng Thành đang chúi mặt vào vú mẹ. Vuốt ve mái tóc mềm của con Hồng. Nghĩ đến những lúc ở nhà, mình mắng mỏ con Hồng, thương nó quá… Nghĩ loăng quăng, đôi lúc nhớ đến Sâm. Ôi! Thằng đàn ông!...

13-11-47 – Tư đổi ý. Anh sốt ruột. Anh không thể ngồi đây nghỉ vài hôm như đã định. Cơm sáng rồi anh đi.

Khang và tôi bắt đầu in truyền đơn cho cô Vẩu. Chúng tôi gọi đùa chị là cô Vẩu. Hơi vẩu thật, nhưng thùy mị và nhanh nhẹn. Con nhà đặc! Người mảnh khảnh, da trắng xanh, đã sốt rét nhiều, nhưng say mê công tác, có tư cách và hăng hái lắm. Chị thuộc vào lớp cán bộ đầu tiên, xung phong lên Việt Bắc. Đồng bào địa phương rất mến.

Bóc tờ giấy ở phiến đá lên, Khang có vẻ vừa ý lắm.

- Rõ và đẹp lắm. Cô Vẩu tha hồ thích nhé!

Giọng anh âu yếm. Lần đầu tiên tôi thấy anh như vậy. Quen anh rất lâu, tôi chưa nghe thấy anh nói chuyện trai gái bao giờ. Người họa sĩ đã ngoài ba mươi tuổi ấy hình như chưa bao giờ nghĩ đến tình. Anh ghét vẽ đàn bà. Đứng trước một phụ nữ, mặt anh lạnh như tiền. Nói như Tư thì giáp mặt

mỹ nhân, mấy cái râu chuột trên mép không hề động đậy. Cảnh hiu quạnh hay cái gì đã xui dại anh buột miệng nói ra câu nói êm ái ấy! Tôi cười nụ.

Chúng tôi vừa in vừa cắn hạt bí bà cụ Quân cho. Bà cụ sang xem chúng tôi in, nói chuyện. Người phúc hậu, mặt đẹp. Hay chuyện. Âu yếm cháu.

Buổi chiều, thấy chúng tôi không có rau ăn, chỉ có một ít nấu canh lõng bõng, bà ái ngại. Bà chạy vào rừng, lấy về một cái hoa chuối và một nắm lá gì trông giống lá ngội. Bà gọi là "phiếu phan" – rau phan vậy. Bà bảo chúng tôi đợi bà xào cho một bát. Ăn hơi chát, vì hoa chuối không luộc trước. Cũng cứ khen là ngon đi! Một lần Chẩn mời ăn thịt chuột nướng rồi nấu với muối và nước lã. Tư cũng gắp ăn không nhăn mặt và khen ngon.

Tối nay, nôn nao và mệt rũ. Làm nhiều? Hút thuốc lá nhiều? Hay say hạt bí?... Đi nằm sớm, chuyện lẻ tẻ. Lửa tắt cũng không buồn dậy thổi. Nhưng một lúc sau, buồn quá, tôi lại dậy thổi lửa, chất thêm củi cho cháy thật to, cuộn thêm một điếu thuốc lá nữa, trầm ngâm hút. Có lửa, vui hơn một chút.

Con hươu lại kêu. Nó kêu luôn mấy đêm rồi. Tiếng man rợ và thảm thiết. Nghe gần lắm, sao không ai đi bắn nó?

14-11-47 – Trẻ con người lớn lại xuống hết cả, trừ con Pú, thằng Lý và thằng em chúng nó, địu trên lưng con Pú. Vắng, thức ăn hết. Cơm gạo tẻ trộn lẫn đậu xanh rắc vừng. Tư và Khang vẫn gọi đùa tôi là bác sĩ, vì khi ăn tôi hay tính xem bữa ăn có đủ chất bổ không. Thiếu thịt tôi cố tìm đậu để thay. Chất mỡ ở vừng. Đủ lắm.

Hôm nay nghỉ in li-tô, đọc sách. Tôi muốn nhân lúc này, học thật nhiều, để có đủ một số vốn tri thức giúp tôi khi cần có thể trông coi một tờ tuần báo chẳng hạn.

Chiều nay lại nôn nao và mỏi mệt. Viết nhiều? Thuốc lá? Ký ninh vàng? Đói? Hay là thể thao nặng quá?

15-11-47 – Đêm qua, bà ké Chẩn ho nhiều, rên và lảm nhảm nói mê luôn. Thằng bé con anh Chẩn ho rũ rượi, ho như xé phổi, không còn khóc được.

Sáng nay, súng liên thanh nổ ran. Chừng hơn chục phát đại bác tiếp theo. Nghe rất gần, súng tắt một lúc, có tiếng động cơ.

Trời giở mưa. Con Pú mải mốt cầm dao đi chặt lá chuối về che lán. Em vẫn địu ở trên lưng. Con bé mới tám, chín tuổi mà làm đủ việc: kiếm củi, thổi cơm, giữ hai em. Nó là nội trợ. Bố mẹ nó đi ruộng, đi rẫy suốt ngày. Nó phải quán xuyến tất cả các công việc ở nhà. Đứa em bé không lúc nào rời lưng nó, có thể vẫn ngủ lắc lư cái đầu ngoẹo xuống hết bên nọ đến bên kia trong khi con chị làm các việc, kể cả việc chặt những cành cây súc. Thằng em lớn muốn khóc lúc nào thì khóc, rồi khắc lặng. Mới độ ba, bốn tuổi, nó đã và cơm lấy. Tôi thấy nó gắp mấy miếng bí ngô xào, chấm muối ớt, rồi trộn vào bát cơm rẫy, lắm nhựa như cơm nếp. Trên này, ớt như muối vậy, trẻ con cũng ăn mà không xuýt xoa. Ớt nướng, có một cái vị hay hay, chúng tôi thích lắm.

Mưa. Mưa thì buồn. Nhà có thể dột. Rừng nhiều vắt. Lần mưa trước, tôi đã bị một con vắt chui vào tận háng lúc nào không biết, máu đầm đũng quần và chảy đến tận chiều mới cầm lại được.

19-11-47 – Nhiều lần chúng tôi bắt gặp lũ trẻ đọc khá đúng những bài đọc trong những quyển sách quốc ngữ của Bình dân học vụ. Tưởng chúng nó học, nhưng chạy sang xem, không có sách. Chúng nó đọc thuộc lòng. Chắc là nghe người lớn học. Ai? Chỉ có Bảo đã học hai mươi ngày ở cơ quan bí mật của cán bộ bên rừng Vang Kheo ngày trước.

Anh chàng ấy tối hôm qua lên chơi với chúng tôi. Nhân tiện mang cho chúng tôi cái va li xách chúng tôi chưa kịp đem lên. Lân la nói chuyện và Bảo nói nhỏ cho biết rằng cả nhà đồng chí Quân có ma gà. Có ma gà, không tốt. Hay "làm cắn" lắm. Đến nhà ai cũng "làm cắn", không trẻ con thì trâu, bò, gà, lợn.

Ma gà là thế đấy! Người trên này, ai chẳng có vi trùng sốt rét trong người? Bệnh có thể đến bất cứ lúc nào. Ốm đột ngột là thường. Họ bảo ma làm.

Vô phúc cho anh, nếu luôn mấy lần, sau khi anh đến chơi nhà một người nào, tự nhiên một người trong nhà sinh ra ốm hay lợn, gà nhà ấy chết. Họ nhất định bảo nhà anh có ma gà. Tiếng dữ ấy đồn đi. Mọi người sợ anh,

ghét anh, coi anh như người hủi. Có ma gà là một cái khổ, cái nhục của ông cha truyền lại. Không ai muốn có. Không ai muốn lấy vợ, lấy chồng có ma gà, như người không có mả hủi lấy những người mả hủi. Người ta cho rằng có ma gà thì phải cúng nó vào mỗi năm nhuận. Ít nhất phải cho nó vật chết một người hay một con gì, nếu không thì nó vật chết người nhà hay gà lợn của nhà.

Tôi hỏi:

- Đồng chí Quân làm ma gà cắn tôi có được không?

Bảo trả lời:

- Muốn làm gì cũng được.

- Ma gà cắn có chết không?

- Trẻ con chết. Người lớn, cúng thì khỏi.

Thật là dễ hiểu. Trẻ con, sức chống bệnh yếu, dễ chết vì bệnh sốt. Người lớn khỏe và đã quen với bệnh hơn, ốm ốm, khỏi khỏi là thường. Cứ theo Bảo thì trong số những người Mán chúng tôi quen, có đến sáu, bảy người có ma gà. Tôi thấy họ đều rất hiền lành. Chưa ma gà, ma rừng nào cắn chúng tôi. Tôi cười, bảo người bạn Mán.

- Chúng tôi mới chập tối đã vào màn, mỗi tuần lại uống ba viên ký ninh vàng, ma không làm ốm được.

Cố nhiên là Bảo không tin. Trách gì anh? Chán người miền xuôi, học khoa học hẳn hoi, nhưng vẫn sợ ma gà đấy!

20-11-47 – Lớp này rau hiếm lắm. Mỗi lần lên, trông thấy chúng tôi, bà cụ lại cười ngượng nghịu:

- Nằm mì phiếc (Không có rau).

Bà có vẻ băn khoăn, bịn rịn vì nỗi không có gì để cho chúng tôi ăn. Chúng tôi cười bảo:

- Cơm với muối cũng ngon, ké ạ!

Bà cười:

- Cơm với muối, ăn khổ lắm. Các đồng chí ở đây, khổ lắm.

Hôm nay bà đem cho chúng tôi một dúm lớn đậu đen. Không giống hẳn đậu đen ở dưới xuôi. Hạt nhỏ hơn. Tôi hỏi nấu thế nào, bà không đủ tiếng để nói cho tôi hiểu. Khang bảo:

- Chắc lại như món đậu nành: rang qua, cho một tí mỡ vào, đổ nước rồi bỏ muối thôi chứ gì?

Mỡ cũng hết rồi. Tôi cho đậu với nước vào, đun dừ rồi bỏ muối. Chỉ có thế mà vẫn nuốt nổi năm, sáu bát cơm. Từ ngày chui vào rừng ở, phát minh ra nhiều món lạ!

Và cũng phát minh ra nhiều điều lạ nữa. Lạ nhất là chúng tôi thấy rừng núi chẳng có gì lạ cả! Hồi còn ở dưới xuôi, cứ nghe mấy ông hàng xóm đi bè về nói chuyện rừng rú, hổ báo, gấu, trăn là đủ rợn tóc gáy lên rồi. Mình tưởng lên đến rừng là phải ở nhà sàn thật cao, rào giậu kiên cố ở chung quanh, đi đâu phải đông người và phải mang theo cái thanh la để dọa hùm, đêm đến muốn đi đái cũng không dám mở cửa ra ngoài, đành cứ đứng trong nhà đái! Bây giờ chúng tôi ở những chỗ sâu thẳm trong rừng rậm, chót vót trên đỉnh núi. Nhà ở không bao giờ đóng cửa, vì không có cửa. Nhiều đêm chỉ có hai người. Đi đâu cũng chỉ có hai người, đôi khi lại chỉ một mình tôi. Hay chỉ một cái gậy nhỏ, để chống mà trèo núi chứ không phải để phòng thân. Thế mà vẫn ung dung như ở trong nhà mình, đi trong vườn nhà mình vậy. Mà "nhờ giời thương thánh độ", cũng chưa một anh nào trong bọn chúng tôi được táng hàm hổ cả!

Anh chàng Khang ngạo mạn với các ngài chúa sơn lâm, thỉnh thoảng lại hỏi tôi:

- Mẹ kiếp! Chúng nó đi đâu hết nhỉ? Ở rừng hàng nửa năm giời, chẳng trông thấy mặt chú cọp, chú beo nào cả!

Có đêm con Pú, thằng Lý và cả đến "con tầm lơ lơ" (con chó nhà Pú) cũng xuống nhà để "mo phi" (cúng ma) mà còn trơ lại hai thằng trên lán. Khang cười, bảo:

- Quái lạ! Sao không có h`ôly tinh nào đến trêu chúng mình?

Một l`ần tôi hỏi Bảo:

- Rừng này có hổ không?

- Đã lâu không thấy. Năm ngoái có bắn được một con.

- Sao năm nay không thấy?

- Không biết. Hôm nọ bên Píc Cáy bắn được một con. Nó v`ềtha một con bò, người ta biết.

- Có gấu không?

- Nhi`ều lắm.

- Sao không thấy?

- Mùa rét nó ở nhà, không đi đường.

- Không ra ngoài, nó lấy gì mà ăn?

- Nó không ăn.

- Không ăn, sao sống được?

- Sống, nhưng nó không có mỡ. Đi ăn được, nó nhi`ều mỡ lắm.

Mấy hôm sau, họ rủ nhau đi giết gấu. Tôi hỏi

- Ở đâu?

- Ở rẫy đ`ồng chí Quân. Nó đến ăn ngô. Bẫy được.

Chẩn trả lời tôi vậy, rồi anh hỏi:

- Đồng chí có thấy nó không?

- Không

- Nó đi qua lán đồng chí đấy.

- Sao biết?

- Xem vết chân. Nó ở trên núi đi qua đây để xuống rẫy đồng chí Quân. Nó ăn ngô. Ái chà! Nó ăn mất nhiều ngô lắm. Đêm nào cũng ăn.

Khang cười

- Cũng lạ, người anh em toàn đi ăn mảnh. Qua nhà mà không vào rủ chúng mình cùng đi, làm mấy bắp nướng ăn.

Chúng tôi bảo nhau: từ rày coi chừng, đêm lơ mơ ra ngoài mà có khi nát mặt. Nhưng chỉ giữ được mấy hôm, rồi lại cứ ra vào bạt mạng. Và tặc lưỡi.

- Bao nhiêu Giải phóng quân hồi trước, có thấy nói đến một người nào chết vì hùm, vì gấu đâu?

23-11-47 – Đang sốt ruột mãi chưa ra được báo thì Tư và Tâm lên. Hai cậu mang theo một con vịt, măng khô, một nắm thư, sách báo mới và tin tức.

Quý nhất là tin tức. Quân ta thắng lớn ở Sông Lô. Hạ máy bay ở Cao Bằng. Các mặt trận khác cũng lãi rất nhiều. Các anh em đã về đến cơ quan mới đều được vô sự và đã bắt đầu làm việc ngay.

Ở vùng chúng tôi, địch đã bỏ mấy đồn. Ở những đồn còn giữ, chúng nó chỉ cố thủ, không dám xông xáo nữa. Tiếp tế hoàn toàn bằng máy bay.

Tình hình như vậy, chúng tôi phân tán lắm, chỉ mất thì giờ. Chúng tôi sắp hạ sơn để tiện việc hơn. Cơ quan dự bị.

Khang thấy sắp phải rời chỗ tu tiên, ngày nào cũng đem giá vẽ ra, chăm chú vẽ.

30-11-47 – Nhà in đã có thể bắt đầu làm việc được rồi. Cơ quan nhận tin điện cũng gần xong. Chúng tôi xuống nhà đồng chí Chẩn đã hai hôm, đợi ngày trở về làng. Nay mai, báo ra chúng tôi sẽ bận hơn. Có lẽ khá lâu không có thì giờ đến chơi đây. Chúng tôi muốn xuống ở hẳn với họ mấy hôm để được chuyện trò với họ nhiều hơn.

Tối hôm nay, ngồi quây quần chung quanh bếp lửa với gần đủ mặt cả làng, chúng tôi hỏi đồng chí Văn, đồng chí Tống[4]. Họ tả lại mấy trận đánh đồn. Họ hát lại những bài hát cách mạng hồi ấy cho chúng tôi nghe.

Chúng tôi nói với họ về miền xuôi, về Hà Nội, những ngày khởi nghĩa, về Trung Bộ, Nam Bộ, có ý cho họ hiểu nước mình rộng lớn thế nào, nhiều người nhiều của thế nào và họ thuộc vào một khối người dự vào một cái phong trào to lớn đến đâu. Chúng tôi nói với họ cả về thế giới, về phong trào cách mạng đang sôi nổi khắp từ Á sang Âu. Nói một cách thật giản dị, thật cụ thể thôi. Chúng tôi nói đến cụ Hồ nhiều lần cụ đi đêm. Đi đêm, những con đường dốc ngược, gồ ghề, quanh co và rậm rạp thế này? Thì ra chúng tôi mới chỉ là những anh chàng "con nhà" tập tọng sống cái đời gian khổ của những con người tranh đấu. Nỗi thiếu thốn vất vả của chúng tôi hiện nay chỉ như một hạt cát bụi bên cạnh trái núi lớn, nếu so với nỗi gian lao của những nhà cách mạng thời bí mật. Cuộc kháng chiến rồi đây có thể đẩy chúng tôi vào những hoàn cảnh khó khăn hơn hiện nay gấp nghìn lần. Nhưng chúng tôi không nản sợ một chút nào. Chúng tôi tin ở sức chịu đựng của chúng tôi và sự giúp đỡ, che chở của đồng bào. Khi mà ở tận chốn thâm sơn cùng cốc này, vẫn còn những người Mán sống nghèo khổ, lẻ tẻ, tha thiết với cách mạng và độc lập, tự do thì chúng tôi có quyền vững lòng và tin tưởng.

Câu chuyện mỗi lúc thêm náo nhiệt. Mắt những người Mán ngồi với chúng tôi sáng và nhanh nhẹn hẳn lên. Một cái gì như vừa thức dậy trong những tâm hồn rừng núi âm u. Chuẩn và Bảo hát vang. Họ bảo nhau: khi nào kháng chiến thành công sẽ kiếm tiền may mấy cái áo tốt, về dưới xuôi

chơi. Triệu Vân Hương cũng hứng chí lên, nói toang toang. Anh ta hứa sẽ cố bắn một con hươu, lấy da may áo để mặc về Hà Nội.

Liên cũng tươi tỉnh hẳn lên. Cô thiếu nữ mảnh người như liễu ấy rất hay nhìn trộm Tư. Khi những tiếng cười nói đã ngớt rồi, cô rủ rỉ bảo Tư:

- Kháng chiến thành công, đồng chí Tư giú nảy au mê cần đồng, thu mà (Kháng chiến thành công, đồng chí Tư ở đây rồi lấy vợ người Mán mà làm ruộng).

Muốn tránh tất cả những sự lôi thôi có thể làm cho chúng tôi đánh mất cảm tình của đồng bào địa phương, từ đấy mỗi lần ở đâu lâu, chúng tôi thường tìm cách khéo, cho mọi người biết tất cả chúng tôi đã có vợ, có con rồi. Nhưng khổ cho chúng tôi, những anh chàng trai trẻ vẫn khát khao chuyện yêu đương nhưng lại phải luôn luôn kiềm chế lòng mình! Các cô con gái Thổ da trắng đỏ, mắt rất xinh và cử chỉ hồn nhiên lại rất hay cười đùa, bảo chúng tôi

- Không phải đâu! Các anh ấy chưa có vợ! Việt Minh không lấy vợ.

Có những lúc con người cũ của chúng tôi chồm dậy, con người phóng túng và ích kỷ. Những lúc ấy là những lúc chúng tôi bảo nhau, nửa đùa cợt, nửa chua chát.

- Giá chúng mình không phải là Việt Minh!

Những cử chỉ đứng đắn, lễ độ của chúng tôi khiến mọi người chung quanh rất mến phục chúng tôi. Có người, khi nói chuyện với chúng tôi, đã đem cái tư cách gương mẫu của chúng tôi so sánh với những thằng Tây đồn ngày xưa, bắt các làng phải thay phiên nhau nộp cho nó mỗi ngày một cô con gái thật đẹp để hầu hạ nó và quạt cho nó ngủ. Chúng tôi lại càng thấy sự giữ gìn tư cách là cần lắm. Và mỗi khi gặp một người đẹp chỉ đành thở dài vụng thôi.

2-12-47 – Hôm nay xuống núi, cả làng Mán quyến luyến tiễn đưa. Nhà đồng chí Chẩn cho chanh, đậu nành với trứng gà. Bà ké nhà đồng chí Quân chạy theo, đưa cho một bó rau cải thật to. Đi được một quãng còn thấy

thằng con trai đồng chí Minh đuổi theo, gọi ơi ới. Tưởng quên gì. Nhưng không. Nó vừa thở hồng hộc, vừa đưa cho một xâu gừng. Tuy đã "thổ" đủ mọi thứ nặng chết người, vẫn còn phải cầm tất, để cho vừa lòng họ. Mọi người bảo: bao giờ được nghỉ, các đồng chí lên chơi.

Chiều hôm sau, xuống đến chân núi. Những anh em đã lâu ngày chưa gặp chúng tôi, mới trông thấy chúng tôi, đều phải kêu lên. Họ cho rằng chúng tôi tu tiên đã gần đắc đạo, nghĩa là gần hóa ra gấu cả rồi. Tóc gần lấp cả vai, chờm xuống gáy. Da và quần áo ám khói, vàng khè, râu ria tua tủa. Chúng tôi có cảm giác như chợt đến một chỗ đông đúc, sáng sủa, văn minh lắm. Trông người nào người nấy cũng đẹp, quần áo ai cũng như mới cả. Đi đường ria núi, bờ ruộng đã cho là bằng phẳng lắm.

Hôm nay đi mượn cái "tông đơ" húi đầu lẫn cho nhau. Nhẹ hẳn người. Ra một cái suối thật to, ngụp cả đầu xuống gội. Khoái lắm, tuy rét tím cả da. Mặc quần áo mới đi về, thấy mình đã hoàn toàn lột xác. Gặp một chuỗi cô gái Thổ đi theo một ông già vào lán bí mật, mình chào:

- Chào ông ké! Chào các đồng chí!

Ông ké gật đầu "Ừ!", các cô líu ríu.

- Chào hai đồng chí!

- Đồng chí đẹp lắm!

Các cô phá lên cười. Mình đỏ mặt lên, sướng tỉnh người. Tiếc rằng không tìm đâu ra một cái gương để xem mình có đẹp thật không. Nhưng ngay buổi chiều, tôi trở về biết rõ mình hơn. Bởi vì Tư cho rằng có đến quá nửa số anh em trong cơ quan được các cô khen là đẹp. Non nửa kia chưa được cái may mắn gặp một cô nào cả. Vai lệch lại trở về vai lệch!

2-3-48 – Từ hôm ra báo, bận nhiều việc quên hẳn việc ghi nhật ký. Và cũng chẳng có gì nhiều đáng ghi.

Mỗi ngày ngồi cặm cụi viết bài. Từ bài "phòng" đến một cái tin vắn đều phải cố viết sao cho thật ngắn, thật dễ hiểu, viết xong đưa cho một chú giao

thông Thổ đọc trước, hỏi xem có hiểu cả không. Chỗ nào chú không hiểu, viết lại. Chữ nào chú chưa quen, thay bằng chữ khác.

Đã từ lâu, tôi mong ước có một tờ báo nhỏ, hợp trình độ của người mới biết đọc, nghĩa là với số đông. Trước ngày kháng chiến toàn quốc ít lâu, tôi đã bỏ Hà Nội về một tỉnh nhỏ để làm một cuộc xem sao. Dịp may mắn cho tôi thử thực hành đã đến đây. Tôi làm rất chăm chú, rất ham thích cái công việc mà giá bốn năm trước đây người ta bắt tôi làm, tôi có thể điên người lên được. Hồi ấy, tôi viết văn để cho người ta biết đến cái tên tôi. Tôi ao ước tạo một cái gì đó sẽ sống lại sau tôi. Tôi thèm lời khen của các bạn văn, của những kẻ sành văn, của những nhà phê bình có tiếng. Những người ấy là tất cả. Tôi không hề quan tâm đến sự được những người sơ học đọc. Họ đọc để làm gì? Họ hiểu thế nào được văn chương? Và văn chương có ích gì cho họ, những người cần cỗi về tình cảm, thấp kém về học thức. Họ muốn giải trí thì đã có đồ mười, lắc đĩa hay rượu và thịt chó. Họ không cần đến sách và đôi khi có đọc sách, cũng chẳng bao giờ thèm nhớ đến tác giả.

Tôi đã nghĩ đến tôi nhiều quá. Sau cuộc cách mạng tháng Tám, càng ngày tôi càng thấy rằng cái "tôi" của mình thật ra chẳng có nghĩa lý gì. Nó có một chút giá trị nào là khi nó biết hòa hợp nó vào với những người chung quanh. Nhiều khi phải biết quên mình đi. Quên cái tên tuổi của mình nếu muốn thành một người có ích. Có cần gì phải cặm cụi tìm cách ghi tên mình lại cho lịch sử? Tạo ra lịch sử là một việc làm lớn lao hơn. Nhưng tạo ra lịch sử lại là sự nghiệp của số đông. Ta nên nghĩ đến số đông nhiều hơn ta. Tôi đã cố gắng rất nhiều và vẫn còn đang cố gắng để có thể thích những công việc nhũn nhặn, thầm lặng, nhưng có ích…

Tôi biết tôi còn phải cố gắng nhiều hơn nữa. Vẫn còn những lúc thằng nghệ sĩ cũ trong người tôi vùng dậy. Tôi chợt thấy buồn rầu vì luôn mấy năm nay không viết được một tác phẩm nào khiến cho các bạn tôi nhắc nhở! Hết làm Chủ tịch làng thì lại đi tuyên truyền lớn, không mấy đêm tôi không nghĩ đến, luôn mấy năm nay!

Nhưng cái tác phẩm mơ ước ấy, có phải tận đến bây giờ tôi mới phải gác nó lại đâu? Tôi đã gác nó lại ngay từ ngày nó mới chớm nở trong óc tôi.

Phần lớn thì giờ của tôi trước đây đều dùng vào việc viết những truyện ngắn, truyện dài, truyện trẻ con tôi không vừa ý một chút nào, nhưng nó giúp tôi moi được tiền của bọn buôn văn, để đem về nuôi cái thân tôi và nuôi vợ con. Nước mình còn nô lệ thì nước mình còn bị chê khinh và bọn nhà văn còn bị rẻ rung, bạc đãi, coi như một hạng người không có cũng chẳng thiệt thòi gì. Tôi đã làm ngược hẳn ý muốn của tôi, chỉ vì cần duy trì đời sống của tôi. Sao tôi lại không thể dằn cái ý muốn kiêu căng của tôi xuống, để góp sức vào công việc "không nghệ thuật" lúc này chính là để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn. Nếu tôi có đủ tài để viết cái tác phẩm lớn của đời tôi, nó sẽ được hàng chục triệu người đọc chứ không phải chỉ vài ba nghìn người như trước nữa.

Chiều chiều, các anh, các chị Thổ ở các lán chung quanh đến lán chúng tôi nói chuyện hay đọc báo. Tôi càng có dịp hiểu trình độ hiểu biết, lời ăn tiếng nói, cách làm ăn và những băn khoăn, mong muốn của họ hơn. Dựa vào đây, tôi uốn nắn lời văn và tìm ra những đầu đề viết. Nói được một điều thiết thực, đăng được một cái tin làm người ta phải kể lại với nhau, làm được những câu ca dao thật mộc mạc nhưng không đến nỗi thành vè, viết được một bài thật ít lời nhưng vẫn đủ ý và đọc lên đàn bà, trẻ con nghe cũng hiểu, tôi cũng thấy sung sướng như viết được một truyện ngắn chính tôi ưng ý. Đôi lúc, anh em và chính tôi cũng lo rằng lối viết như vậy có thể làm hỏng lối văn tiểu thuyết đã có ít nhiều người thích của tôi. Nhưng số người đọc tờ báo nhỏ của chúng tôi cứ mỗi ngày một tăng lên. Các bạn tuyên truyền, các cán bộ cho biết nó rất hợp với đồng bào ở trên này. Bốn năm nghìn người này ít ra cũng đọc hay nói lại cho bốn, năm nghìn người khác nghe. Làm sao có thể nói rằng hàng vạn độc giả trực tiếp lẫn gián tiếp mới này không đáng cho tôi chú ý bằng bốn, năm nghìn người đọc những tiểu thuyết của tôi ngày trước. Lúc nào tôi cũng rất băn khoăn về ảnh hưởng những tác phẩm cũ của tôi. Bây giờ đây, tôi thấy yên lòng về những bài cỏn con của tôi hơn. Nó chẳng nói được những điều gì sâu sắc lắm đâu. Nhưng nó làm cho người đọc hiểu biết hơn, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của ta hơn, nó đẩy họ cùng hăng hái giúp ích cho cuộc kháng chiến của toàn dân và gợi cho họ những việc họ có thể làm để giúp ích cho kháng chiến. Tôi chỉ mong có thế.

Ngoài thì giờ viết báo, tôi đọc sách. Chúng tôi tổ chức những lớp học trong nhóm anh em cùng trình độ và mở những lớp huấn luyện cho anh em trình độ kém ở "cơ quan ấn". Buổi tối, ngồi bên bếp lửa, tôi dùng lối hỏi chuyện, giảng những điều thường thức về địa dư, lịch sử, chính trị… cho chú giao thông Thổ ở với tôi. Và nửa đêm, trong lúc chú giao thông ngủ, tôi lặng lẽ chui ra khỏi chăn, cầm lấy ống tre đi chân không lần từng bước xuống một cái dốc khá lớn để đi lấy nước ở một cái vũng nước nhỏ, ban ngày cạn vì nhiều người lấy quá. Từ chủ nhiệm, chủ bút đến giao thông, tiếp tế, chúng tôi ăn ở với nhau thân mật và bình đẳng, hòa thuận hơn anh em ruột. Vì vậy mà ai cũng hết lòng cố gắng. Và mặc dầu khí hậu độc, ăn ở khổ, lương rất ít, xa gia đình, quê hương, chúng tôi đều vui vẻ và lưu luyến cơ quan lắm. Đồng bào ở chung quanh trông vào có lòng yêu. Nhiều người đem con em nhờ chúng tôi dạy học hay xin vào hẳn trong cơ quan, vừa học nghề vừa học chữ. Họ hứa cơ quan đi đâu, họ bằng lòng cho con họ theo đấy.

Trong khi ấy, Tư giao thiệp mật thiết với chính quyền, với các đoàn thể dân chúng và đồng bào địa phương. Anh nhận làm giảng viên các lớp huấn luyện và làm cán bộ phụ trách việc dân trong vùng ấy. Khang mở một lớp dạy in đá và trình bày báo cáo cho anh em tuyên truyền ở mấy tỉnh chung quanh về học. Cuộc đời cũng khá vui. Và cũng chẳng thay đổi gì nhiều. Thỉnh thoảng anh, chị Mán xuống thăm cho rau cải, nấm hương, hạt bí, sắn, gừng, hay thịt gấu.

Chúng tôi gọi đùa trên Mán là nhà quê của chúng tôi. Tết đến, Tư bảo tôi phải cố gắng bỏ ra một ngày "Về quê" đi chúc Tết tất cả mọi nhà. Vớ được trong cái va li của một anh bạn gửi, mấy cái kiềng, xuyến mạ vàng, chúng tôi đem theo làm quà cho mấy cô gái chưa chồng và lũ trẻ con. Những bà mẹ trông thấy mừng rú lên. Thịt lợn sống để từ hôm nảo hôm nào ở trong bồ, họ lấy ra xào nấu cho chúng tôi ăn. Cũng phải cố ăn. Anh chàng Tư ăn quá thực thà, đêm hôm ấy nôn mửa và đi tả. Tôi nhờ lẩn khéo chỉ toàn ăn đậu nên không việc gì.

Mấy ngày nghỉ Tết, tôi dùng để viết một truyện ngắn cho đỡ nhớ. Truyện "Tiên sư thằng Tào Tháo". Nhưng sau tôi đặt cho nó một cái tên giản dị và đứng đắn "Đôi mắt".

4-3-48 – Lợi nhận được thư nhà. Vùng ấy lập t`er`ồi. Thế là nửa năm trời, thằng Tây nhích được vừa đúng một làng! Nhưng nếu nó tiến song song cả hai mé sông như trước, thì làng tôi cũng ở trong vùng địch mất r`ồi. Tôi nghĩ đến bố mẹ, anh em, nhà cửa, ruộng vườn. Tôi nghĩ đến các đ`ồng chí thanh niên. Các anh còn có giữ vững được tổ chức không? Các anh hãy bảo vệ lấy làng yêu quý của chúng ta…

H`ồi Tây, tôi ghét làng tôi. Từ ngày độc lập, tôi thấy yêu làng tôi tha thiết. Khang và Tư đã khổ lắm vì cứ phải nghe tôi kể chuyện làng tôi và chuyện các anh thanh niên làng tôi.

7-3-48 – Trời mưa. Lớp này mưa nhi`ều quá. Vắt vào tận trong nhà.

Tôi xắn cao qu`ần, mặc áo mưa, chống gậy đi sang một làng bên, nói v`ề tình hình thế giới và trong nước cho một lớp huấn luyện, thay Tư có việc vừa mới v`ề xuôi.

Hơn hai chục học viên vừa trẻ vừa già. Toàn anh em Thổ, Mán. Có người đã ngoài năm mươi, bệ vệ như chánh tổng. H`ầu hết, chỉ biết vừa đủ tiếng Kinh. Giảng cách nào đây?

Tôi rất sung sướng khi thấy đôi mắt rất chú ý của một đ`ồng chí có tuổi đột nhiên lóe sáng vì hiểu được đi`ều tôi nói. Đến giờ nghỉ, đ`ồng chí ấy vui vẻ bảo tôi:

- Giờ tôi mới được biết đấy. Trước kia không hiểu gì đâu. Không có báo đọc. Đọc không hiểu hết.

9-3-48 – Vẫn ở lớp huấn luyện. Ng`ồi bếp, hút thuốc lào, nói chuyện với an hem. Họ đ`ều than phi`ền thuở bé không được học.

Nói là không được học, không ai tin. Không học, sao biết chữ, sao được đi làm cán bộ? Nhưng cán bộ có được đi học bao giờ đâu! Ngày bé, coi trâu, lớn lên đi phu, làm để đóng thuế. Con quan, con nhà giàu mới học.

Một anh sừng sộ bảo tôi như vậy. Các anh ph`ần lớn đ`ều tự học, nhi`ều anh vừa chăn trâu vừa vạch chữ lên mặt đất, thế mà r`ồi cũng biết.

- Thế mà nhiều thằng con nhà giàu cho đi học chỉ chơi, ba, bốn năm không biết chữ.

Tôi có vẻ không tin. Anh trợn mắt.

- Thật đấy. Nó ngu quá. Không biết chim gái, lấy vợ, vợ bằng tiền đấy.

Các anh kể lại những chuyện Pháp khủng bố ngày xưa…

- Người đi hoạt động khổ một phần, người ở nhà khổ mười phần. Nhưng đến lúc chúng nó đem gia đình các cán bộ tập trung cả vào một chỗ để giam giữ, thì các cán bộ không cần gì nữa. Không lo cho gia đình nữa, càng hoạt động già. Việt gian lo sốt vó.

16-3-48 – Cái giọng nghiện trong đài phát thanh của bù nhìn ở Hà Nội sáng nay cho biết: hôm qua, chúng nó đã ký với nhau hiệp ước năm trước. Trong cái mào đầu hiệp ước, có nói đến phẩm cách của con người, tự do của mỗi cá nhân trong xã hội… Mình như đột nhiên bị một cái cật nứa gại vào cân não. Y như hồi nào nghe chính miệng một thằng quản đề lao chuyên môn hành hạ những người bị giam để tống tiền, nói đến chuyện nhà nó ba đời tu nhân tích đức. Muốn chửi to một tiếng.

Những tin tối hôm qua cho biết Giải phóng quân Trung Hoa vẫn tiến. Khi mà làn sóng dân chúng đã đang lên! Nó cứ tràn đi mạnh mẽ và cuốn đi, và rửa sạch tất cả những nhây nhớp của một xã hội đã thối nát. Vàng của bọn tài phiệt sẽ vô hiệu quả. Hỡi những anh bạn chiến đấu đang tiến mạnh! Chúng tôi đợi ngày giờ nắm tay chào các anh…

19-3-48 – Vẫn mưa. Đêm qua càng mưa dữ dội hơn. Bị nước lọt qua màn rỏ vào mặt, tôi thức giấc, quay đầu lại phía chân. Cố thu hẹp người lại để tránh nước từ trên mái nhà dột xuống. Rất lâu không ngủ được. Mưa đến từng đợt như đợt sóng, ào ào rồi ngớt, rồi lại ào ào, rồi lại ngớt. Nước không gõ trống trên lá nữa. Nước chảy thành thác trên lá rậm. Tiếng dòng suối dưới gầm sàn như một cái nhọt vỡ mủ, ăn loang đêm tối.

Ôi chao! Cái giống bọ vô hình ở cái chăn bông rách bò ra, ngứa ran trên mặt, trên cổ. Không sao ngủ được. Cố nhiên là lại nhớ đến Liên, nhớ các

con. Những lần mưa trong đời mình. Đời mình như toàn mưa cả, mưa vào những dịp quan trọng. Mưa vào những ngày bước ra đi. Mưa! Mưa! Cái đêm mưa trên thuyền mía. Những đêm mưa nhà dột trong cái lều nhà bà cụ Xoan…

Nhưng mỗi lúc ngớt mưa, lại nghe tiếng súng nổ ran. Tiếng súng đã nổ ran suốt ngày hôm qua, mặc dầu mưa. Trong cái đêm mưa tầm tã này, súng vẫn nổ như thường. Súng không biết có giời mưa. Lòng súng không ỉu xịu bao giờ. Ôi súng! Ôi những cây súng thép! Ôi những anh Vệ quốc quân. Tôi biết các anh nhiều khi phải nhịn cơm ăn cháo, đứng dưới trời mưa suốt ngày, suốt đêm mà đánh giặc. Lòng các anh cũng như lòng súng thép. Mưa có bao giờ cho làm ỉu xịu một tấm lòng bằng thép tôi già? Tôi xấu hổ cho tâm hồn ủy mị của tôi. Vẫn chưa mạnh hẳn ư? Các anh! Các anh chiến sĩ không tên! Các anh hãy dạy tôi biết hy sinh, biết chiến đấu, chiến đấu lặng lẽ, chiến đấu không nghĩ đến cái tên mình, không nghĩ gì cả đến thân mình nữa. Các anh hãy rọi vào lòng tôi ánh sáng rực rỡ trong đôi mắt và cõi lòng của các anh. Lòng tôi vẫn còn u ám lắm. Những đám mây đen xưa cũ vẫn còn lởn vởn. Các anh hãy quét sạch nó hộ tôi. Quét sạch! Để cho tâm hồn quang quẻ và mới hẳn!...

Súng vẫn nổ giòn. Tôi lắng tai, cố nghe tiếng súng. Tiếng súng máy cười khành khạch. Hôm qua hai lính Pháp ở Phủ Thông ra hàng. Chúng nó chịu làm sao nổi cảnh u ám và những ngày mưa ở miền rừng? Chúng nó chịu làm sao cảnh ăn cháo đánh nhau? Mưa! Mưa! Mày cứ mưa mãi cho tao! Chúng nó sẽ còn ra hàng nhiều nữa!...

1948

In trong tập “Đôi mắt”

ĐÔI MẮT

Anh thanh niên làng chỉ một cái cổng gạch nhỏ, quay lại bảo tôi:

- Ngõ này đây, ông Hoàng ở đây.

- Cám ơn anh nhé. Lát nữa tôi sẽ sang nhà anh chơi.

Tôi vỗ vai anh bảo vậy. Tôi toan vào. Anh vội ngăn tôi lại:

- Khoan đã. Anh để em gọi cho anh trong nhà xích con chó lại. Con chó to và dữ lắm.

Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị. Tôi nhớ đến những lần đến chơi nhà anh Hoàng ở Hà Nội. Bấm chuông xong, bao giờ tôi cũng phải chờ anh Hoàng thân hành ra nắm chặt cái vòng da ở cổ một con chó Tây to bằng con bê, dúi đầu nó vào gầm cái cầu thang, rồi mới có đủ can đảm bước vội qua đằng sau cái đuôi nó để vào phòng khách.

Tôi rất sợ con chó giống Đức hung hăng ấy. Sợ đến nỗi một lần đến chơi, không thấy anh Hoàng ra đứng tấn để giữ nó lại buồn rầu báo cho tôi biết nó chết rồi, thì mặc dầu có làm ra mặt tiếc với anh, thật tình thấy nhẹ cả người. Con chó chết vào giữa cái hồi đói khủng khiếp mà có lẽ đến năm 2000, con cháu chúng ta vẫn còn kể lại cho nhau nghe để rùng mình. Không phải vì chủ nó không tìm nổi mỗi ngày vài lạng thịt bò để nó ăn. Anh Hoàng là một nhà văn, nhưng đồng thời cũng là một tay chợ đen rất tài tình. Khi chúng tôi đến nơi chỉ còn một dúm xương và rất nhiều bản thảo chẳng biết bán cho ai, anh Hoàng vẫn phong lưu, con chó của anh chưa phải nhịn bữa nào. Nhưng xác người chết đói ngập phố phường. Nó chết có lẽ vì chén phải thịt người ươn hay vì hút phải nhiều xú khí. Thảm hại thay cho nó!

Thế mà bây giờ đến thăm anh Hoàng ở chỗ gia đình anh tản cư về, cách Hà Nội hàng trăm cây số, tôi lại được nghe đến một con chó dữ. Thật là thú vị!...

Tôi cười nho nhỏ. Chẳng biết tôi cười gì, anh thanh niên cũng nhe răng ra cười. Đáp lại tiếng anh gọi, tiếng những chiếc guốc mỏng mảnh quét trên sân gạch nổi lên, lẹc khẹc và mau mắn. Một thằng bé mũ nồi đen, áo len xám, chạy ra. Một đôi mắt đen lay láy nhìn tôi...

- Bác Độ, ba ơi! Bác Độ!...

Thằng Ngữ, con anh Hoàng. Nó chẳng kịp chào tôi, ngoắt chạy trở vào, reo rối rít.

- Cái gì? Cái gì? Hừm!

Tiếng trầm trầm nhưng lại có vẻ nạt nộ của anh Hoàng hỏi nó. (Bao giờ nói với con, anh Hoàng cũng có cái giọng dậm doạ buồn cười ấy). Thằng bé líu ríu những gì tôi nghe không rõ. Rồi thấy tiếng thanh thanh của chị Hoàng giục con:

- Ngữ xích con chó lại. Xích con chó lại cái cột tít đằng kia.

Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả, bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi hai cánh tay kềnh kệnh ra hai bên, những khối thịt ở bên dưới nách kềnh ra và trông tủn ngủn như ngắn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ. Bây giờ nó lộ ra khá rõ ràng trong bộ áo ngủ màu xanh nhạt, phủ một cái áo len trắng nó nịt người anh đến nỗi không còn thở được.

Anh đứng lại bên trong cổng, một bàn tay múp míp hơi chìa về phía tôi, đầu hơi ngửa về đằng sau, miệng hé mở, bộ điệu một người ngạc nhiên hay mừng rỡ quá. Tôi có thì giờ nhận rõ một sự thay đổi trên bộ mặt đầy đặn của anh: trên mép một cái vành móng ngựa ria, như một cái bàn chải nhỏ.

Sửng người ra một lúc, rồi anh mới lâm li kêu lên những tiếng ở trong cổ họng

- Ối giời ơi! Anh! Quý hoá quá!

Anh quay lại:

- Mình ơi! Anh Độ thật. Xa thế mà anh ấy cũng chịu khó đến thăm chúng mình.

Chị Hoàng lúc bấy giờ đã chạy ra, tay còn đang cài nốt khuy chiếc áo dài màu gạch vừa mới mặc vội vào để ra đón khách. Người đàn bà vồn vã:

- Mong bác mãi. Lúc thằng cháu mới chạy vào, nhà tôi cứ tưởng nó trông nhầm. Cứ tưởng bác ở cách hàng mười lăm hai mươi cây số...

Bắt tay tôi xong, anh Hoàng dịu dàng đẩy tôi đi trước. Chị vợ đã nhanh nhẹn chạy trước vào nhà, dọn bàn dọn ghế. Sao lại có sự săn đón cảm động như thế được? Tôi đâm ngờ những ý nghĩ không tốt của tôi về anh, từ hồi Tổng khởi nghĩa trở đi.

Sau Tổng khởi nghĩa, anh Hoàng đối với tôi đột nhiên nhạt hẳn đi. Mấy lần tôi đến chơi với anh, định để xem anh thay đổi thế nào trong cuộc thay đổi lớn của dân tộc chúng ta, nhưng đều không gặp anh. Cửa nhà anh đóng luôn luôn. Thằng nhỏ nhà anh đứng bên trong cái cửa nhìn qua một lỗ con, bao giờ cũng hỏi cặn kẽ tên tôi, để một lúc sau ra bảo tôi rằng ông nó không có nhà. Mấy lần đều như vậy cả nên tôi đã sinh nghi. Lần cuối cùng, trước khi bấm chuông, tôi còn nghe thấy tiếng vợ chồng anh. Nhưng thằng nhỏ vẫn quả quyết rằng ông bà nó về tại những từ tối hôm trước kia rồi. Đã đích xác là anh không muốn tiếp tôi. Chẳng hiểu vì sao. Nhưng từ đấy tôi không đến nữa. Mỗi lần gặp nhau ở ngoài đường, chúng tôi chỉ bắt tay nhau một cách rất lạnh lùng, hỏi thăm nhau một câu chiếu lệ, rồi ai đi đường nấy. Tôi đã biết Hoàng vẫn có tính tự nhiên "đá" bạn một cách đột ngột, vì những cớ mà chỉ mình anh biết. Có khi chỉ là vì một tác phẩm của người bạn ấy được cảm tình của một nhà phê bình đã chê một vài tác phẩm của anh. Có khi cũng chẳng cần đến thế. Anh có thể là một người bạn rất thân của anh Hoàng khi anh chỉ là một nhà văn ở tỉnh xa chỉ góp mặt với Hà Nội bằng những bài gửi về đăng báo, nhưng nếu anh lại về sống hẳn ở thủ đô, giao thiệp với ít nhiều nhà văn khác, anh sẽ không phải là bạn anh Hoàng nữa. Có lẽ anh Hoàng biết cái giới văn nghệ sĩ Hà Nội chửi anh nhiều quá.

Riêng tôi, trước đây, tôi vẫn không hiểu sao người ta có thể khinh ghét anh nhiều thế. Tận đến lúc bị anh đá tôi mới hiểu. Tôi còn được hiểu rõ ràng hơn. Vào cái hồi quân đội Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở nước ta, một số gái kiếm tiền trút bộ đầm ra để mặc bộ áo Tàu. Còn anh bạn của tôi, chẳng biết bám được ông má chín nào, ra một tờ báo hằng ngày để chửi vung lên. Chửi hết cả mọi người rồi anh mới lôi đến một số bạn cũ của anh ra. Toàn là những người hiền lành, xưa nay chưa hề chạm đến một sợi tóc của anh. Nhưng tên họ trên những tờ báo của phong trào giải phóng quốc gia được hoan nghênh làm ngứa mắt anh. Anh hằn học gọi mỉa họ là những nhà văn vô sản và cho họ là một bọn khố rách áo ôm đã đến ngày mả phát, ăn mặc và tẩm bổ hết cả phần thiên hạ. Tôi cười nhạt. Không phải tôi khó chịu vì những lời vu cáo của anh. Tôi khó chịu chính vì thấy đến tận lúc ấy mà vẫn còn một số nhà văn Việt Nam dùng ngòi bút mình để làm những việc đê tiện thế. Anh Hoàng vẫn là con người cũ. Anh không chịu đổi. Tôi đã tưởng anh với tôi chẳng bao giờ còn thân mật với nhau trở lại... Nhưng sao gặp tôi lần này anh lại hân hoan đến thế? Anh đã đủ thì giờ để lột xác rồi chăng? Hay cuộc kháng chiến mãnh liệt của dân tộc đã quét sạch khỏi đầu anh những cái gì cũ còn sót lại? Thật tình, tôi rất cảm động khi nghe thấy anh kể lể:

- Chẳng ngày nào chúng tôi không nhắc đến anh. Nguyên một hôm xem tờ báo của ông hàng xóm thấy có bài của anh, tôi đoán anh làm tuyên truyền ở tỉnh này. Tiện gặp một cán bộ về làng, tôi nhờ gửi cho anh một bức thư. Cũng là gửi cầu may. Thật không dám chắc thư đến tay anh. Mà có đến, có lẽ anh nhiều việc, cũng khó lòng về chơi với chúng tôi. Thế mà lại được gặp anh. Trông anh không lấy gì làm khoẻ mà sao anh đi bộ tài thế? Mà sao anh lại tìm vào được đúng làng này? Hồi mới đến đây, tôi ra khỏi nhà độ mươi bước là đã lạc. Nhiều ngõ quá mà ngõ nào cũng giống ngõ nào. Có khi ra đồng về cũng nhầm ngõ...

Cái nhà Hoàng ở nhờ có thể gọi là rộng rãi. Ba gian nhà gạch sạch sẽ. Hàng hiên rộng ở ngoài. Sân gạch, tường hoa. Một mảnh vườn trồng rau tươi rười rượi. Xinh xắn lắm.

Thích nhất là gia đình anh được ở cả nhà. Chủ nhân cũng là người buôn bán trên Hà Nội. Ông thường nhờ vốn liếng và mối hàng của vợ chồng

anh. Còn gì hơn là lúc này trả nghĩa lại nhau. Ông đã dọn sang nhà ông bố ở liền bên, nhường lại nhà cho anh hoàn toàn sử dụng. Anh cho tôi biết thế và bảo tiếp:

- Giá chúng tôi chưa tìm được nhà ông thì chưa biết ra sao. Tôi thấy nhiều người tản cư khổ lắm. Anh tính có đời nào anh ruột tản cư về nhà em mà đến lúc vợ đẻ, em bắt ra một cái lều ngoài vườn mà đẻ!

Tôi cho anh biết người nhà quê mình có tục kiêng...

- Thì đã đành là vậy - Anh nói giọng tức tối và bất bình - Thì đã đành là vậy, nhưng lúc này còn kiêng kị gì? Mà có những thế thôi đâu! Thấy anh bây giờ khổ sở, em đã chẳng thương, lại còn xỉa xói, nhắc đến những lúc hoang phí trước mà xỉ vả. Nào "lúc có tiền thì chẳng biết ăn biết nhịn để dè, chỉ biết nay gà mai chó!". Nào "lúc buôn bán phát tài, bảo gửi tiền về quê tậu ruộng vườn thì bảo không cần vườn ruộng, để tậu nhà ở tỉnh kia, bây giờ không bám lấy nhà ở tỉnh đi?...". Tệ lắm! Anh tính mấy đời mới có một phen loạn lạc thế này? Có tiền, thằng nào chẳng ăn chơi? Có mấy người cứ còm cọm làm như trâu, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, ở thì chui rúc thế nào cho xong thôi, để tiền mà tậu vườn, tậu ruộng như họ?

Chị Hoàng tiếp lời chồng:

- Họ làm chính chúng tôi cũng đâm lo. Có thể nói rằng trong một trăm người thì chín mươi người cho rằng Tây không đời nào dám đánh mình. Mãi đến lúc có lệnh tản cư tôi vẫn cho là mình tản cư để doạ nó thôi. Thế rồi đùng một cái, đánh nhau. Chúng tôi chạy được người chứ của thì chạy làm sao kịp? May mà còn vớt vát được ít tiền, một ít hàng để ở cái trại của chúng tôi, ở ngoại thành. Khéo lắm thì ăn được độ một năm. Đến lúc hết tất nhiên là phải khổ rồi. Chỉ sợ đến lúc ấy, họ lại mỉa lại. Thành thử bây giờ, lý ra thì có muốn ăn một con gà chưa đến nỗi không mua nổi mà ăn, nhưng ăn lại sợ người ta biết, sau này người ta nói cho thì nhục. Họ tàn nhẫn lắm cơ, bác ạ!

Anh Hoàng cười:

- Mà sao họ đã bận rộn nhiều đến thế mà vẫn còn thì giờ chú ý đến những người chung quanh nhiều đến thế? Anh chỉ giết một con gà ngày mai cả làng này đã biết. Anh chỉ giết một con gà, ngày mai cả làng này sẽ biết. Này, anh mới đến chơi thế mà lúc nãy tôi đã thấy có người nấp nom rồi. Ngày mai thế nào chuyện anh đến chơi tôi cũng đã chạy khắp làng. Họ sẽ kể rất rạch ròi tên anh, tuổi anh, anh béo gầy thế nào, có bao nhiêu nốt ruồi ở mặt, có mấy lỗ rách ở ống quần bên trái.

Tôi mỉm cười, cắt nghĩa cho anh hiểu: lúc này họ cần để ý đến những người lạ mặt tới làng. Tôi chắc mấy người nấp nom tôi là mấy người có trách nhiệm trong uỷ ban hay mấy anh tự vệ.

- Lại còn các ông ủy ban với các bố tự vệ nữa mới chết người ta chứ! Họ vừa ngố vừa nhặng xị. Đàn bà chửa mà đến nỗi cho là có lựu đạn giắt trong quần! Họ đánh vần xong một cái giấy ít nhất phải mất mười lăm phút, thế mà động thấy ai đi qua là hỏi giấy. Anh đi, hỏi. Anh về, hỏi nữa. Anh vừa ra khỏi làng, sực nhớ quên cái mũ, trở lại lấy, cũng hỏi rồi mới cho vào. Lát nữa anh ra, lại hỏi. Hình như họ cho cái việc hỏi giấy là thú lắm.

Anh cười gằn một tiếng, nhìn bao trùm cả người tôi, hỏi:

- Anh sống ở nhà quê nhiều, anh có hiểu tâm lý của họ không? Anh thử cắt nghĩa hộ tôi tại làm sao họ lại nhiêu khê đến thế? Từ trước đến nay, tôi chỉ toàn ở Hà Nội, thành thử chỉ mới biết những người nhà quê qua những truyện ngắn của anh. Bây giờ gần họ, tôi quả là thấy không chịu được. Không chịu được!

Nỗi khinh bỉ của anh phì cả ra ngoài theo cái bĩu môi dài thườn thượt. Mũi anh nhăn lại như ngửi thấy mùi xác thối. Vợ chồng anh thi nhau kể tội người nhà quê đủ thứ. Toàn là những người đần độn, lỗ mãng, ích kỷ, tham lam, bần tiện cả. Cha con, anh em ruột cũng chẳng tốt với nhau. Các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bây giờ lại càng lố lăng. Viết chữ quốc ngữ sai vần mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rối rít cả lên. Mở miệng ra là thấy đề nghị, yêu cầu, phê bình, cảnh cáo, thực dân, phát xít, phản động, xã hội chủ nghĩa, dân chủ với cả tân dân chủ nữa mới khổ thiên hạ chứ! Họ mà tóm được ai thì có mà chạy lên trời! Thế nào họ cũng tuyên truyền cho

hàng giờ. Có lẽ họ cho những người ở Hà Nội về như vợ chồng anh đều lạc hậu, chưa giác ngộ nên họ không bỏ lỡ một dịp nào để tuyên truyền vợ chồng anh. Mà tuyên truyền như thế nào!...

Anh trợn mắt bảo tôi:

- Tôi kể cho anh nghe chuyện này thế nào anh cũng cho là bịa. Nhưng tôi có bịa một tí nào, tôi chết. Một hôm, tôi đi chợ huyện chơi. Ở nhà đã hỏi đường cẩn thận rồi, nhưng đến một ngã ba, lại quên béng mất, không biết phải rẽ lối nào. Đành đứng lại, chờ có người đi qua thì hỏi. Chờ mãi mới thấy một ông thanh niên nghễu nghện vác một bó tre đi tới. Tôi chào rồi hỏi: "Đi chợ huyện lối nào, ông làm ơn chỉ giúp tôi!". Anh ta trố mắt nhìn tôi chẳng nói chẳng rằng, như nhìn một giống người lạ mới từ Hoả tinh rơi xuống. Tôi biết hiệu, rút giấy đưa cho anh xem rồi lại hỏi. Bấy giờ anh ta mới bảo: "Ông cứ đi lối này, đến chỗ có một cây đa to thì rẽ về tay phải, đi một quãng lại rẽ về tay trái, qua một cách đồng, vào đường gạch làng Ngò, vòng qua đằng sau đình, rẽ về tay phải, đi một quãng nữa là đến chợ". Đại khái thế, chứ không hoàn toàn đúng thế. Chỉ biết là nó lôi thôi rắc rối, nhiều bên phải bên trái quá, đến nỗi tôi không tài nhận được. Anh ta bày cho tôi một cách: đứng đợi đấy, gặp ai gánh hàng đi chợ thì theo. Tôi cho là phải. Anh ta cười bảo: "Thôi thế chào ông. Cháu vô phép ông đi trước. Cháu vội lắm. Cháu phải vác ngay bó tre này lên Thượng để làm công tác phá hoại, cản cơ giới hoá tối tân của địch. Cuộc trường kỳ kháng chiến của ta phải chia làm ba giai đoạn: giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự, giai đoạn tổng phản công. Giai đoạn phòng ngự nghĩa là...". Anh ta cứ thế, đọc thuộc lòng cho tôi nghe cả một bài dài đến năm trang giấy.

Chị Hoàng cười rú lên. Tôi cũng cười, nhưng có lẽ cái cười chẳng được tươi cho lắm. Anh thấy cần phải thề lần nữa:

- Tôi có bịa thì tôi chết. Mà tôi lại thề với anh rằng lúc ấy tôi ngạc nhiên quá, không còn cười được, vả lại cũng không dám cười. Cười, nhỡ anh ta đánh cho thì tai hại. Nhưng từ hôm ấy ngày nào tôi cũng bắt nhà tôi đóng cổng suốt ngày không dám đi đâu nữa.

Tôi cười gượng. Điều muốn nói với anh, tôi đành giấu kín trong lòng không nói nữa. Tôi biết chẳng đời nào anh nhận làm một anh tuyên truyền nhãi nhép như tôi. Vả lại dầu có rủ được anh làm như tôi, khoác cái ba lô lên vai, đi hết làng nọ đến làng kia để nhận xét nông thôn một cách kỹ càng hơn cũng chẳng ích gì. Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi. Anh trông thấy anh thanh niên đọc thuộc lòng bài "ba giai đoạn" nhưng anh không trông thấy bó tre anh thanh niên vui vẻ vác đi để ngăn quân thù. Mà ngay trong cái việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài báo như một con vẹt biết nói kia, anh cũng chỉ nhìn thấy cái ngố bề ngoài của nó mà không nhìn thấy cái nguyên cớ thật đẹp đẽ bên trong. Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lắm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản…

Tôi biết lắm. Trước mặt người đàn anh trong văn giới ấy, tôi chỉ là một kẻ non dại, mới tập tọng học nghề. Bởi vậy tôi không dám nói hết những ý nghĩ của tôi ra. Tôi chỉ rụt rè và đưa ra vài điểm nhận xét:

- Có nhiều cái kỳ lạ lắm. Người nhà quê dẫu sao thì cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta. Tôi gần gũi họ rất nhiều. Tôi dã gần như thất vọng vì thấy họ phần đông dốt nát, nheo nhếch, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương. Nghe các ông nói đến "sức mạnh quần chúng", tôi rất nghi ngờ. Tôi vẫn cho rằng đa số nước mình là nông dân, mà nông dân nước mình thì vạn kiếp nữa cũng chưa làm cách mạng. Cái thời Lê Lợi, Quang Trung, có lẽ đã chết hẳn rồi, chẳng bao giờ còn trở lại. Nhưng đến hồi Tổng khởi nghĩa thì tôi đã ngả ngửa người. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng, mà làm cách mạng hăng hái lắm. Tôi đã theo họ đi đánh phủ. Tôi đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung Bộ. Vô số anh răng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là "nựu đạn", hát Tiến quân ca như người buồn ngủ cầu kinh, mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm. Mà không hề bận tâm đến vợ con, nhà cửa, như họ vẫn thường thế nữa. Gặp họ, anh không thể tưởng tượng được rằng chính những người ấy, chỉ trước đây dăm tháng, giá có bị anh lính lệ ghẹo vợ ngay trước mặt cũng chỉ đành im thin thít mà đi, đi một quãng thật xa rồi mới dám lẩm bẩm chửi thầm vài tiếng, còn bao nhiêu ghen tức đành là đem về nhà trút vào má vợ.

Hoàng nhếch một khoé môi lên, gay gắt.

- Nhưng anh vẫn không thể chối được rằng họ có nhiều cái ngố không chịu được. Tôi thấy có nhiều ông tự vệ hay cả Vệ quốc quân nữa táy máy nghịch súng hay lựu đạn làm chết người như bỡn. Nhiều ông cầm đến một khẩu súng kiểu lạ, không biết bắn thế nào. Như vậy thì hăng hái cũng vất đi. Nhưng mà thôi! Nước mình như vậy, suốt đời không được mó đến khẩu súng thì làm gì biết bắn, họ đánh mãi rồi cũng biết. Thì cứ để cho họ đánh Tây đi! Nhưng tai hại là người ta lại cứ muốn cho họ làm uỷ ban nọ, uỷ ban kia nữa, thế mới chết người ta chứ! Nói thí dụ ngay như cái thằng Chủ tịch uỷ ban khu phố tôi ở Hà Nội lúc chưa đánh nhau. Nó là một anh hàng cháo lòng. Bán cháo lòng thì nó biết đánh tiết canh, chứ biết làm uỷ ban thế nào mà bắt nó làm uỷ ban? Ông Chủ tịch làng này, xem giấy của nhà tôi, thấy đề Nguyễn Thục Hiền, cứ nhất định bảo là giấy mượn của đàn ông. Theo ông ấy, thì đàn bà ai cũng phải là thị này, thị nọ.

Chị Hoàng cười nhiều quá, phát ho, chảy cả nước mắt ra. Rút khăn tay lau nước mắt xong, chị chép miệng lắc đầu, bảo tôi:

- Giá bác ở đây thì nhiều lúc bác cũng cười đến chết. Thế mà ông Chủ tịch ấy cứ nằn nì mãi hai ba lượt, yêu cầu nhà tôi dạy bình dân học vụ hay làm tuyên truyền giúp. Anh chồng tiếp:

- Tôi chẳng có việc gì làm, lắm lúc cũng buồn. Nhưng công tác với những người như vậy thì anh bảo công tác làm sao được? Đành để các ông ấy gọi là phản động.

Muống lảng chuyện, tôi hỏi:

- Lúc này nhiều thì giờ thế, chắc anh viết được. Anh đã viết được cái gì thú chưa?

- Chưa, bởi vì ngay đến một cái bàn viết ra hồn cũng không còn nữa. Nhưng thế nào chúng mình cũng phải viết một cái gì để ghi lại cái thời này. Nếu khéo làm còn có thể hay bằng mấy cái "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng. Phụng nó còn sống đến lúc này phải biết!

Cơm chiều xong vào lúc bốn giờ, Hoàng mời tôi cùng đi với vợ chồng anh đến chơi nhà mấy người ở phố cũng tản cư về. Có đâu một ông tuần phủ

về hưu, một ông đốc học bị thải hồi vì một vụ hiếp học trò, một cụ phán già trước đây chuyên môn sống về nghề lo kiện, hay chạy cứu phẩm cho thiên hạ. Anh chẳng ưa gì họ bởi vì họ chẳng biết gì đến văn chương nghệ thuật, chỉ tổ tôm là giỏi. Nói chuyện với họ chán phè. Nhưng nếu chẳng giao thiệp với họ thì cũng chẳng biết đến chơi nhà ai được nữa... Anh vừa đi vừa tâm sự nhỏ với tôi như vậy, và thì thầm kể sát tai tôi những cái thối nát, ngu ngốc, gàn dở, rởm đời của từng người một, trong khi chúng tôi bước chầm chậm để đợi chị Hoàng ra sau chúng tôi một chút.

Chị Hoàng rảo bước để theo kịp chúng tôi. Hai má đỏ ửng vì lửa bếp. Chị cắt nghĩa sự chậm trễ của chị:

- Tôi xem lại nồi khoai lang vùi, để lát nữa về ăn. Ở đây cao lương mỹ vị chẳng có gì, nhưng được cái thức ăn vặt thì sẵn. Bác ở chơi đây, mai tôi xem nhà ai có mía to mua mấy cây về ướp hoa bưởi ăn thơm lắm.

Đến một cái cổng gạch lớn có dây leo, anh Hoàng giật dây chuông. Một thằng bé chạy ra, lễ phép chào:

- Lạy ông!

- Không dám. Cụ Phạm có nhà không cậu?

- Bẩm ông, cụ sang bên ông đốc.

- Sao thấy nói ông đốc ở đây chơi từ sáng?

- Bẩm không ạ! Sáng nay không thấy ông đốc sang chơi bên này.

Chúng tôi quay trở lại. Qua mấy cái ngõ ngoằn ngoèo khác, đến một cái cổng gạch có dây leo khác. Một chị vú ẵm em đứng cổng:

- Lạy ông! Lạy bà!

- Không dám. Ông đốc có nhà hay đi chơi vắng?

- Bẩm ông, ông đốc con sang cụ tuần.

- Sao bên cụ tuần bảo sang đây?

- Bẩm ông, không ạ!

Anh Hoàng quay ra. Đi được mấy bước, anh quay lại khẽ bảo vợ.

- Các bố lại tổ tôm. Mụ Yên Ký cũng không có nhà, phải không? Con mụ ấy cũng là đệ tử tổ tôm hạng nặng. Chắc họ tụ tập ở đây hay ở bên nhà cụ Phạm, sai người nhà gác cổng.

Chị Hoàng không có ý kiến gì. Anh Hoàng vỗ vai bảo tôi:

- Anh nghĩ có buồn không? Trí thức thì thế đấy. Còn dân thì... như anh đã biết.

Tôi thầm rủa sự tình cờ sao lại xô đẩy anh về đây cùng với bằng ấy thứ cặn bã của giới thượng lưu trí thức. Sao anh không đi theo bộ đội, đi diễn kịch tuyên truyền nhập bọn với các đoàn văn hoá kháng chiến để được thấy những sinh viên, công chức xung vào Vệ quốc quân, những bác sĩ sốt sắng làm việc trong các viện khảo cứu hay các viện quân y, những bạn văn nghệ sĩ của anh đang mê mải đi sâu vào quần chúng để học họ và dạy họ học, đồng thời tìm những cảm hứng mới cho văn nghệ?

Tôi cười nhạt:

- Nghe anh nói, tôi nản quá. Như vậy cuộc kháng chiến của ta có lẽ đến hỏng à?

Anh chộp lấy câu của tôi, nhanh như một con mèo vồ con chuột:

- Ấy đấy, tôi bi lắm. Cứ quan sát kỹ thì rất nản. Nhưng tôi chưa nản có lẽ chỉ vì tôi tin vào ông Cụ. Tôi cho rằng cuộc Cách mạng tháng Tám cũng như cuộc kháng chiến hiện nay chỉ ăn vì người lãnh đạo cừ. Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thế nào kia, mới xứng tài. Phải cứu một nước như nước mình kể cũng khổ cho ông Cụ lắm. Anh tính tượng trưng cho phong trào giải phóng cả một cái đệ tứ cường quốc là Đại Pháp, mà chỉ có đến thằng Đờ-Gôn.

Tôi nhắc đến tên mấy nhân vật kháng chiến cũ khác của Pháp, còn đáng tiêu biểu bằng mấy Đờ-Gôn. Anh lắc đầu:

- Bằng thế nào được Hồ Chí Minh!

Và anh tiếp:

- Ông Cụ làm những việc nó cừ quá, đến nỗi tôi cứ cho rằng dù dân mình có tồi đi nữa, ông Cụ xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường. Những cú như cú Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3 thì đến chính thằng Mỹ cũng phải lắc đầu: nó cho rằng không thể nào bịp ông già nổi. Thằng Pháp thì nghĩa là gì? Bệt lắm rồi. Không có thằng Mỹ xúi thì làm gì Pháp dám trở mặt phản Hiệp định mồng 6 tháng 3? Mình cho nó như vậy đã là phúc đời nhà nó lắm rồi. Đáng lẽ nó phải bám chằng chằng lấy chứ?

Buổi tối ăn khoai vùi xong, uống mấy tuần trà rồi đi nằm sớm. Anh sợ tôi đã đi hàng mười cây số, lại ngồi nói chuyện suốt từ lúc đến, chắc không thể ngồi được nữa. Vả lại tuy chưa buồn ngủ nhưng nằm đắp chăn cho ấm và buông màn cho khỏi muỗi thì vẫn tốt.

Hai cái giường nhỏ kê song song, cách nhau có một lối đi nhỏ. Màn tuyn trắng toát. Chỉ trông cũng đã thấy thơm tho và thoải mái.

Hoàng với tôi đi nằm trước. Một gói thuốc lá thơm và một bao diêm đặt ở bên cạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá ở đầu giường. Tôi để nguyên cả quần áo Tây và chỉ ngay ngáy lo đêm nay một vài chú rận có thể rời sơ-mi tôi để du lịch ra cái chăn bông thoang thoảng nước hoa. Mọi hôm tôi vẫn đắp chăn chung với anh em thợ nhà in, cái giống ký sinh trùng hay phản chủ ấy, ở người tôi, không dám cam đoan là tuyệt nhiên không có.

Chị Hoàng thu dọn đồ đạc, đóng cửa, rồi đem một cây đèn to lại chỗ cây giường chúng tôi, lấy ra một cái chai. Anh Hoàng trông thấy, hỏi:

- Mình thắp đèn to đấy à?

- Vâng, tôi đổ thêm dầu đã.

Anh Hoàng hỏi tôi:

- Anh có thích đọc Tam Quốc không?

Tôi thú thật là chưa bao giờ được xem trọn bộ.

- Thế thì thật là đáng tiếc. Trong tất cả các tiểu thuyết Đông Tây, có hai quyển tôi mê nhất là Tam Quốc và Đông Chu Liệt Quốc. Về cái môn tiểu thuyết thì thằng Tàu nhất. Nhưng cũng chỉ có hai bộ ấy thôi. Thuỷ Hử cũng hay, chẳng kém Tam Quốc và Đông Chu Liệt Quốc. Những tiểu thuyết khác hay đến đâu, anh cũng chỉ đọc một lần. Đọc đến lần thứ hai là giảm thú rồi. Nhưng Tam Quốc với Đông Chu thì đọc đi đọc lại mãi vẫn thấy thú như mới đọc.

- Anh có hai bộ ấy ở đây không?

- Bộ Đông Chu mất ở Hà Nội, không đem đi được. Thế mới sầu đời chứ! Hận quá, may mà bộ Tam Quốc lại để ở ngoại thành, đem đi được. Nếu không thì buồn đến chết.

Anh gạt tàn thuốc lá rồi bảo tiếp:

- Sở dĩ lúc nãy tôi hỏi anh là có thích đọc Tam Quốc không là vì mỗi tối trước khi đi ngủ, chúng tôi có cái thú đọc một vài hồi Tam Quốc rồi mới ngủ. Nhưng hôm nay có anh không biết có nên bỏ cái lệ ấy đi không? Nếu anh thích nói chuyện thì nghỉ một tối để chúng mình nói chuyện cũng chẳng sao.

Cố nhiên là tôi mời vợ chồng anh cứ giữ lệ thường. Anh có vẻ mừng rỡ lắm.

- Vâng, nếu anh cho phép thì ta cứ đọc. Chúng mình cùng nghe rồi lúc nào buồn ngủ thì ta ngủ. Tôi trông anh hơi mệt có lẽ cần ngủ sớm. Không biết đèn sáng lại đọc thế có phiền anh không?

Tôi cho anh biết là tôi vẫn ngủ ngay trong nhà in, đèn sáng và máy chạy ầm ầm, ở đây chăn ấm thế này thì dẫu súng có nổ ngay ở liền bên tôi vẫn ngủ

ngon lành lắm... Anh cười cùng cục trong cổ như một con gà trống.

- Vâng, thế thì ta cứ đọc. Mình lấy ra đi.

Chị Hoàng chạy lại buýt-phê lấy một quyển sách bìa dày, gáy da, đem lại.

- Mình đọc hay tôi đọc?

- Mình đọc đi.

Chị để cây đèn lên trên cái đôn thấp ở đầu giường, cởi áo dài lên giường nằm cạnh thằng con đã chui vào chăn trước.

- Hôm qua đọc đến đâu rồi nhỉ. Hình như...

- Không cần, mình đọc lại cái đoạn thằng Tào Tháo nó tán Quan Công ấy. Thế nào? Theo ý anh thì Tào Tháo có giỏi không?

Tôi trả lời qua loa cho xong chuyện:

- Tôi thấy nói là nó giỏi.

- Giỏi lắm anh ạ! Giỏi nhất Tam Quốc. Sao nó tài đến thế. Chị Hoàng đã tìm thấy, bắt đầu cất tiếng thanh thanh đọc. Anh Hoàng vừa hút thuốc lá vừa nghe. Mỗi khi đọc đến đoạn hay anh lại vỗ đùi kêu:

- Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng! Tiên sư anh Tào Tháo…

1948

(In trong tập Đôi mắt)

NHỮNG BÀN TAY ĐẸP ẤY

Ba thằng nói láo, bảo rằng "Phún có xấu và ế chồng, chiến đấu mới hăng!". Tôi đã được gặp nữ du kích ấy rồi. Những thằng nói thế là những thằng nói láo. Các chị không xấu, cũng không ế muộn.

Chị tổ trưởng ngồi tiếp chuyện tôi, mới độ mười chín đôi mươi. Chị đẹp như một cô gái Bắc Ninh. Khăn vuông mỏ quạ, yếm trắng bong, áo nâu dài, hai vạt trước lỏng lẻo bắt chéo nhau bên ngoài hai dải thắt lưng xanh, quần nái đen buông đến mắt cá chân. Đấy là lúc nghỉ ngơi, không phải lúc đánh giặc các chị vẫn duyên dáng lắm. Và cũng thùy mị nữa, khuôn mặt trái xoan rất dịu dàng. Da nhỏ, mơn mởn trắng hồng. Mắt bồ câu. Miệng nhỏ xinh xinh. Mỗi khi cười, đâu má bầu bầu má lúm đồng tiền. Cô con gái nền nếp xứ quê này, mặc dầu cái mộc mạc nâu sồng cũng khả dĩ làm nhiều chàng trai mơ ước. Tôi không biết lúc xông vào trại giặc thì chị có dữ dội, ngổ ngáo không. Lúc này đây, chị cũng khép nép như bất cứ cô thôn nữ đẹp nào ngồi trước mặt đàn ông. Trong khi nói chuyện, đôi mắt chị luôn luôn nhìn xuống, đôi bàn tay trắng mịn đặt lên đùi. Những ngón tay búp măng muồn muột chít vào nhau. Những bàn tay nhỏ nhắn này đã từng cầm súng bắn Tây, hoa đao lăn xả vào Tây, nó vẫn không kém mềm mại chút nào. Trước kia, hẳn là nó đưa thoi rất nhẹ nhàng. Và ẵm em rất khéo.

Tôi nhìn những bàn tay xinh ấy, những bàn tay rất mềm yếu, nhưng cũng biết rời mái tóc mềm như tơ của trẻ con, để cầm vũ khí giết quân thù, bảo vệ tấm thân trong trắng của mình và tương lai của những đứa con mình đẻ ra. Tôi thương hại cho mấy cái bàn tay nam nhi tận đến lúc này mà vẫn chưa biết gì. Hay là chỉ biết chiều vuốt mái tóc buồn của người yêu, nhớ tiếc những chiều mộng, nắm tay nhau đi trên đường Cổ Ngư hay trên bờ hồ Hoàn Kiếm viển liễu rủ. Những bàn tay ủy mị! Chúng có còn nhiều nữa không vào cái lúc hàng triệu thanh niên đang náo nức đầu quân và toàn quốc phấn khởi đang thi đua tổng phản công này? Ngay từ lúc giặc tràn đi như nước lũ làm lung lay những cái đầu thiếu lòng tin, đã có những bàn tay "mềm yếu" cương quyết cầm dao súng. Đâu có phải những bàn tay ấy không có mái đầu nào để vuốt ve? Đâu có phải những bàn tay ấy không

biết làm món ăn ngon miệng người chồng hay một cái áo xinh xinh cho đứa con mong đợi của vợ chồng.

Chị tổ trưởng du kích bảo tôi

- Hai phần ba chúng em đã có chồng, một vài người đã có con.

Tôi băn khoăn không hiểu những đứa con ấy bây giờ ở với ai. Chúng nó có thấy thiếu mẹ lắm không? Và những người chồng có vui lòng thành thật khi thấy vợ vào du kích không?

Chị mỉm cười:

- Các anh ấy rất bằng lòng. Bởi vì các anh ấy cũng đi công tác cả. Hiểu nhau lắm.

- Còn các em?

- Anh không biết đấy thôi, chứ ở những vùng buôn bán không mấy khi chính người mẹ được nuôi con. Bán hàng cứ lần lượt đi hết chợ nọ đến chợ kia. Thường thường ở cữ xong được mấy tháng hay hơn một tháng, chị em đã phải đem con đi gửi u nuôi để đi chợ. Các chị phụ nữ nông dân cũng chẳng làm gì có thì giờ ôm ấp trẻ một ngày. Chị em chúng tôi, người nào có con đã có chị em họ giúp. Có thể nói rằng chúng nó được săn sóc chu đáo lắm. Chị em phụ nữ địa phương coi sóc chúng nó hơn chính con các chị. Chúng nó nhiều mẹ lắm!

Chị cười hóm hỉnh. Đôi mắt đen lay láy rời đôi bàn tay đẹp để nhìn một chút, vẻ hơi chế nhạo.

- Ý các anh thế nào? Nếu các anh có con, các anh có thích để vợ đi công tác hay nghỉ công tác ở nhà thôi?

Tôi chưa từng đặt với tôi câu hỏi ấy bao giờ. Bây giờ có người đột ngột đặt nó ra trước mặt tôi, tôi mới chợt nhận thấy rằng trong đầu óc đàn ông của tôi vẫn còn nhiều thành kiến với đàn bà lắm. Tại sao chúng ta lại cứ

muốn giữ rịt phụ nữ ở nhà, cấm họ không được làm cái bổn phận công dân của họ trước khi họ muốn?

Tôi chợt nghĩ đến anh con trai cầu tự của một bà hiếm hoi kia. Bà không dám cho con ra tỉnh học, vì không dám xa con. Mặc dầu anh đã ngoài hai mươi, đã lấy vợ bảy năm rồi, đêm đêm bà vẫn thích nằm cùng giường với con, quạt cho con. Kết quả của sự nâng niu ấy là mặc dù đã lớn lộc ngộc rồi, anh vẫn chỉ là một đứa con bé bỏng thôi. Trong khi những đứa trẻ lên sáu đã biết tìm cái vui tập đoàn trong đoàn thể nhi đồng, anh vẫn chỉ ru rú ở nhà. Anh muốn vợ anh cũng ru rú ở nhà. Anh càu nhàu vợ, khi tối tối vợ cắp sách đến lớp học bình dân. Anh ấm ức như bị hóc xương gà, khi thấy vợ vào Phụ nữ. Không biết bao nhiêu năm rồi, người vợ đáng thương kia tủi vì chồng. Chị cứ đi học, cứ vào Phụ nữ như tất cả các chị em. Chị tham gia công việc gấp bội trước kia. Một chuyến địch tiến đến gần làng, mặc cho chồng run sợ cuống cuồng, chị đã nai nịt gọn ghẽ, xách mã tấu, đeo lựu đạn, theo anh chị em du kích đi phục địch.

Tôi thành thực nghĩ rằng trong một gia đình như gia đình ấy, nếu họ có con, có lẽ anh chồng nên yên phận ẵm con để cho chị vợ thay anh làm bổn phận công dân!... Vấn đề không phải thích hay không thích. Vấn đề chính là cần hay không cần…

Chị phụ nữ du kích ngồi trước mặt tôi vẫn mỉm cười. Bây giờ thì chị không e lệ một chút nào. Chị nhìn thẳng vào mặt tôi, chị bảo:

- Cần thì có lẽ cũng cần lắm. Phụ nữ còn khối việc làm ở hậu phương. Nhưng chúng tôi khó chịu vì có những người đàn ông nhút nhát. Vả lại chúng tôi cũng muốn thử xem phụ nữ có thể đi đánh giặc được như đàn ông không.

- Chị thấy thế nào?

- Anh muốn nói sao?

- Tôi muốn biết các chị đi chiến đấu có thấy vất vả lắm không?

Đôi mắt chị lại cười. Chị tủm tỉm trả lời tôi.

- Chúng tôi không thấy vất vả bằng làm ruộng.

Người thiếu nữ này muốn nhạo báng tôi. Đôi bàn tay trắng muốt kia chưa từng quen với nắng tháng Sáu đốt cánh đồng. Nhưng còn các chị đứng xung quanh. Trông các chị đen giòn. Các chị cho tôi biết bây giờ các chị vẫn làm ruộng như thường. Làm ruộng giúp đồng bào. Cả chị trắng trẻo đang ngồi tiếp chuyện tôi trước kia thật ra chỉ chăn tằm, dệt lụa ở nhà, cũng đã học chị em, hoạt động trong vùng địch mà không biết làm ruộng thì thiệt lắm.

Tôi muốn biết trình độ học thức của các chị em thế nào.

- Phần nhiều kém…

Chị bảo tôi như vậy. Hầu hết các chị là con nhà nông, trước kia chưa bao giờ được học. Mới học từ sau hồi khởi nghĩa cả đó thôi. Có chị từ khi vào du kích mới bắt đầu. Lại có chị hiện giờ vẫn chưa đọc thạo. Tất cả đều lấy làm đau xót vì trình độ văn hóa quá thấp kém của mình và đang ráo riết học thêm. Cả đội, chỉ có một mình chị chính trị viên là đã học hai năm trung học…

- Chị N. học trường Hà Nội trước, chắc anh có biết.

Chị bảo thêm như vậy. Làm như Hà Nội chỉ có một trường và có ở Hà Nội thì người ta phải biết tất cả những người Hà Nội khác! Nhưng dù sao thì đó cũng là một điều rất lý thú, đối với tôi. Một nữ sinh Hà Nội làm chính trị viên đội du kích phụ nữ này. Bây giờ lại có quyền đội trưởng chỉ huy cả về quân sự nữa. Mà xung trận rất gan, đánh rất hăng. Thì ra không phải chỉ những phụ nữ nông dân đã quen với công việc nặng nề có thể trở thành đội viên du kích…

- Các cụ ở nhà đối với việc các chị vào đội du kích như thế nào?

- Đều vui lòng cả… Chúng tôi không nhận những chị không được gia đình ưng thuận.

- Nghĩa là vẫn có những cụ không ưng thuận?

- Tất nhiên là phải có. Các cụ lo con đua chị, đua em như vậy rồi thành ra lêu lổng. Bây giờ thì hầu hết các cụ đã hiểu rồi. Một người hư thì không phải đợi vào du kích mới hư, trái lại vào du kích, được rèn luyện theo kỷ luật, còn ngoan ra nhiều nữa. Vả lại ở trong vùng địch, Tây khủng bố, phụ nữ muốn giữ thân cần biết quân sự. Có thể nói rằng phụ nữ trong vùng địch thích quân sự hơn chính trị.

Mấy hôm trước mấy anh cán bộ vùng địch cũng đã bảo tôi như vậy. Kể cũng là một điều đáng cho chúng ta suy nghĩ. Trong vùng địch phần lớn nam giới thích đi làm cán bộ, chị em phụ nữ thì lại thích vào du kích, hơi nghe nói có lớp quân sự nào là các chị đòi đi học. Mà không phải chỉ học cho biết thôi đâu. Các chị thích đi đánh lắm. Bộ đội tới thường được các chị đem xôi chuối, quà bánh ủng hộ luôn. Ủng hộ để được ngắm nghía khẩu súng cho đỡ thèm. Và để gạ: "Các anh cho chúng em đi đánh với!".

Người ta kể với tôi mẩu truyện nhỏ, nhiều ý nghĩa. Hôm ấy là một ngày kỉ niệm. Trong một gia đình có hai vợ chồng và một đứa con kia, cơm chiều xong, anh chồng chực ra đi. Chị vợ gọi giật lại hỏi:

- Đi đâu?

Anh chồng bảo:

- Đi có việc!

- Việc gì?

Trong vùng địch không bao giờ hỏi thế. Bởi vì việc ai người ấy biết thôi.

Nhưng dễ thường chị không có việc của chị sao?

Chị nằng nặc bảo anh

- Việc gì thì cũng phải giữ em hộ tôi một lúc. Tôi phải đi đằng này một lát.

Anh chồng gắt

- Đi đâu hãy để đấy đã. Người ta không đợi được. Việc cần.

Anh đi. Chị vợ đứng t ần ng ần… Chị em bây giờ chắc đã đến cả r ồi. Họ đang đợi mình đây. Mình đã hứa chắc chắn kia mà!... Chị băn khoăn, nóng lòng, sốt ruột lạ lùng. Y như là có một tai nạn gì lớn sắp xảy ra. Nếu lỡ việc của chị em? Nếu vì mình mà chị em hỏng việc? Trong vùng địch, một người hẹn đến mà không đến là một việc gieo hoang mang vào đ ầu óc mọi người. Phải chăng bị chộp giữa đường? Nhi ều khi chỉ vì thế, mà cả một kế hoạch đã định, không dám đem ra thi hành nữa. Hôm nay là ngày kỉ niệm sinh nhật H ồ Chí Minh. Để lỡ việc thì chị em trách chết! Chị "chặc" lưỡi một cái, chị đem con sang nhà bà hàng xóm gửi, nói là bà mẹ đẻ cho tìm đến ngay có việc. Chị đến chỗ hẹn với chị em. Vì để hôm ấy chị cùng chị em đi đột kích.

Ai khen? Ai trách? Tôi chỉ muốn tìm để hiểu. Cái gì đã thúc chị em ở vùng địch thích vào du kích? Một chút lãng mạn chăng? Hay là nỗi căm giận lũ giặc đi đến đâu cũng giở trò hãm hiếp? Thà chết còn hơn bị nhục. Và biết đâu không phải lòng phẫn nộ đối với cái nhỏ nhen, cái hèn hạ, cái bất công của những kẻ đàn ông lạc hậu, ru ồng bỏ, hắt hủi những chị phụ nữ đáng thương và bị sa vào tay giặc? Hay là một lời thách thức nói với bên nam giới?

Dù sao, cuộc giải phóng dân tộc không thể bỏ qua một nửa lực lượng nhân dân, ở trong những bàn tay đẹp mà những người đàn ông ích kỷ, tưởng chỉ có thể dùng để làm bếp và giặt qu ần áo ở nhà. Và cuộc giải phóng phụ nữ phải do chính bàn tay phụ nữ săn sóc lấy. Đấu tranh không làm mất vẻ dịu dàng. Đôi mắt nảy lửa phóng vào mặt lũ giặc mọi rợ, dâm cu ồng vẫn biết tình tứ với ch ồng và âu yếm với con. Những bàn tay du kích khi chịt cổ quân thù cứng cáp như kìm, những khi nắm lấy cái bàn tay bé tí xíu và h ồng h ồng của đứa con yêu, vẫn êm đ ềm như tay của tất cả những bà mẹ trên đời. Người đàn bà bó chân của đất nước Trung Hoa phong kiến và những cô gái cấm cung trong cổ tích Việt Nam đã thành cổ tích r ồi. Người đàn ông tự do và tự trọng không c ần đến những nô lệ, những con h ầu, những đ ồ chơi. Chúng ta sung sướng nhìn vẻ đẹp dũng mãnh của người nữ chiến sĩ đi ều khiển khẩu phóng lựu đạn trong trận đ ầu tiên đánh vào thị xã H.Đ

Những bàn tay đẹp cầm súng chiến đấu cùng một lúc giải phóng cho dân tộc và giải phóng cho phụ nữ. Sự ấy không chướng mắt. Sự ấy đáng cho ta cảm phục.

(Trích ở tập tài liệu "Sức mạnh dân quân" do Nhà xuất bản Quân du kích xuất bản năm 1948)

TRÊN NHỮNG CON ĐƯỜNG VIỆT BẮC

Ông ké cầm tay tôi, tần ngần nhìn vào mặt tôi. Lối lịch sự Tây phương ấy không ngờ lại được gặp ở đây. Vốn dĩ là đồng bào miền ngược rất thích tỏ tình thân ái, lòng lưu luyến bằng những nắm tay, bá vai một cách nhè nhẹ, yêu yêu. Đúng như chúng ta xoa đầu, vuốt tóc một đứa trẻ nhỏ, trong khi nói chuyện…

- Đồng chí đi, ké thương nhớ để đâu cho hết!

Những câu nói rất thường ở trên này, nghe ra cũng bóng bẩy như thế đấy. Ké còn nói rằng ké tiếc tôi như tiếc một con ba ba rơi xuống bể. Có lẽ ông già miền núi ấy suốt đời chưa trông thấy bể bao giờ. Lời ông thành thật hay khách sáo? Thì cũng có cả hai thứ ở trong. Người trên này chẳng chất phác quá như người ta vẫn thường thích tả đâu. Cũng thích mua rẻ bán đắt, cũng thích có thể nào cho được thật nhiều lợi về mình. Cái đấy dẫu có làm cho ta đôi lúc phải bực mình nhưng ta cũng thừa hiểu rằng đó chỉ là thói thường của hầu hết mọi người trong một cái xã hội có tục bán và mua. Cũng nhiều khi họ thiển cận hơn nhưng đó là tại trình độ hiểu biết và suy nghĩ kém miền xuôi. Nhưng được cái cũng yêu nước, cũng ghét Tây, cũng thích Cụ Hồ, rất ghét Tây và rất thích Cụ Hồ. Thế là đủ lắm rồi, chúng tôi dễ hiểu nhau, dễ yêu nhau lắm.

Vả lại gần gũi đồng bào trên này, tôi thấy rằng họ cũng dễ thân. Chúng tôi đến ở chỗ nào, chỉ vài tháng là đã quen cả bản rồi. Đám ma, đám cưới nào cũng có mặt chúng tôi. Các anh thanh niên đến xem báo cáo, đọc sách nhờ, hoặc nói oang oang ở lán chúng tôi. Các ông già đến ông chè, nói chuyện trầm ngâm. Và cả thiếu nữ, các lục sao má đỏ hây hây, thì đến xin ảnh Cụ Hồ hay xin bài hát. Mỗi khi phải rời một chỗ để đi chỗ khác, bao giờ cũng có sự dùng dằng, quyến luyến.

Ông ké vẫn không chịu buông tay tôi ra, cứ ngoẹo đầu ngoẹo cổ dặn mãi:

- Đồng chí đi mạnh khỏe chứ! Bao giờ đi công tác qua đây, nhớ ghé vào chơi với ké nhé!

Ba, bốn lần như vậy rồi tôi mới rút tay ra được để đi. Chẳng biết ông già trở về có vương vấn gì không, nhưng riêng lòng tôi cũng thấy bùi ngùi. Thì ra những người, vật ở đây với tôi đã như có một chút tình nghĩa gì rồi. Lúc đầu chúng ta tưởng rằng chúng ta chỉ làm việc dân vận thôi: chúng ta cố gây cảm tình với đồng bào địa phương đối với chúng ta. Dần dần chính chúng ta sinh ra có cảm tình với họ, cái cảm tình ấy nó đến êm thấm quá đến nỗi chính chúng ta không hay biết.

Từ khi xảy ra chiến tranh, có dịp thay đổi chỗ ở rất nhiều, tôi mới tìm ra điều này thật ấm lòng, là ở bất cứ chỗ nào trên đất nước Việt Nam, chúng ta đều có những người thân thuộc của chúng ta. Ta chỉ tỏ cho họ biết chúng ta là những người thân thuộc họ, lòng yêu nước, lòng quý mến đồng bào, lòng xót xa đến những người cùng mục đích, cùng số phận với mình, hồi này mới được đồng bào ta ở khắp nơi tỏ ra một cách thật rõ rệt. Không đến chỗ nào chúng ta bị cái cảnh quê người đất khách. Trái lại, ở đâu ta cũng có cảm giác là ở một nơi thân thuộc.

Hồi tôi mới bước chân lên Việt Bắc, một anh bạn hỏi cảm tưởng đầu tiên của tôi khi tới miền rừng núi. Tôi nghĩ mãi, chẳng thấy cảm tưởng gì. Tôi trả lời một câu có vẻ tuyên truyền:

- Tây không đời nào dám lên đến đây. Nó sẽ chết vì vấn đề tiếp tế.

Anh bạn không được thỏa. Anh nói rõ ý anh hơn:

- Tôi có muốn hỏi cảm giác của riêng anh kia. Anh thấy thế nào? Khi qua các núi rừng, có thấy rợn không?

A! Rợn thì không rợn một tí nào, tôi chỉ thấy thú như một người đi ngắm cảnh. Con đường tôi đi cũng tấp nập in như con đường ở dưới xuôi. Và khi đi sâu vào những con đường nhỏ, vượt qua núi hoặc xuyên rừng, tôi cũng chỉ coi như đi qua đồng vắng… Chỉ có giống vắt là làm tôi hơi khó chịu.

Anh bạn tôi cười khẽ một tiếng rồi lại hỏi:

- Trước đây, anh đã lên Việt Bắc lần nào chưa?

- Tôi lên lần này là lần thứ nhất.

- Thế thì anh không nhận thấy sự thay đổi đấy. Ngày xưa, nghe nói đến mạn ngược là đã thấy một cái gì bí mật, ghê gớm. Thổ, Mán, Mèo là những giống người gì khác hẳn chúng ta khiến chúng ta ghê gớm, sờ sợ. Một phần nữa, các con đường mà anh thấy tấp nập bây giờ, ngày xưa vắng ngắt. Năm chừng mười họa mới có người đi bộ. Thành thử ngày xưa đi qua các con đường mạn ngược, rợn lắm.

Đúng như thế thật. Cuộc cách mạng đã đổi hẳn bộ mặt xứ này đi. Đổi cả những con người. Con người mới, tin tưởng ở chính quyền nước mình, tin tưởng ở chính mình và những người sống quanh mình, mất hết cả tính e dè sợ sệt. Anh ta không còn sợ núi rừng. Tỉnh thành đã trà trộn với thôn quê và miền xuôi đã hòa lẫn cùng miền ngược. Vẫn đóng khung trong những biên giới cũ, lãnh thổ Việt Nam có vẻ như mở rộng. Trước mắt chúng ta là cả một vùng rừng núi rộng mênh mông không còn là chỗ ma thiêng nước độc, bất khả xâm phạm như xưa mà là một miền rộng rãi có rất nhiều khả năng khai thác. Những nhà máy sau này mọc lên rất nhiều ở trên này, bên cạnh những thác nước dùng làm động lực. Những đồn điền chăn nuôi lớn sẽ lập nên cùng với các nông trường. Đèn điện sẽ sáng trưng. Bệnh sốt rét sẽ không còn chốn nương thân. Hà Nội sẽ lên đây nghỉ hè. Những thanh niên nam nữ Thổ, Mán, Mèo về học trường đại học ở thủ đô. Không còn phân biệt miền ngược với miền xuôi, cũng như sẽ hết sự ngăn cách giữa thôn quê và thành thị. Những ngày kiến thiết sau này vui biết mấy…

Ra gần đến bờ suối, tôi gặp chị Quyên. Chị đem gạo ra đổ vào cái cối nước về. Hôm qua tôi đã đến chào mừng "người già" nhà chị, nên vừa trông thấy tôi, chị hỏi ngay bằng tiếng Kinh rất sõi.

- Anh Tâm về xuôi hả?

- Vâng, chào chị nhé!

- Chào anh Tâm. Anh Tâm đi mạnh khỏe nớ. Anh Tâm về xuôi có nhớ chị Tình không.

Chị cười tít mắt. Hai má bầu và trắng hồng của chị lũng xuống hai lỗ đồng tiền nhỏ tí. Tôi cười, trả lời lại bằng tiếng Thổ:

- Xướng chứ lại! Xướng chứ nhình Quyên lai (Thương nhớ lắm! Thương nhớ chị Quyên lắm)

Má chị đỏ thêm. Đôi mắt long lanh chị nhìn tôi:

- Không thương nhớ tôi đâu! Thương nhớ vợ anh Tâm ấy.

Chị lại cười rồi đột ngột.

- Thôi anh Tâm đi nớ, mạnh khỏe nớ! Chúc công tác thắng lợi nớ!

Chị lướt qua tôi và soàn soạt vạt áo chàm, thoăn thoắt đi về bản. Hồn nhiên như vậy đấy. Các cô nói chuyện tình tứ rất tự nhiên. Nói một cách vui vẻ thẳng thắn thế đấy thôi. Có lẽ chỉ nửa giờ sau là Quyên đã quên tôi.

Cũng chẳng làm sao cả. Nhưng tôi cúi đầu vơ vẩn một mình, thích nghĩ rằng khi đi khỏi mấy bước rồi chị còn ngoảnh lại nhìn tôi. Để cho đời đẹp thêm lên một chút. Cũng chẳng làm sao cả!...

Qua một cái dốc đi một mạch vừa đúng ba giờ, trong lúc đó mỗi bước sức nặng của ta cứ như gì ta xuống. Tôi đến một làng Mán bám cheo leo vào lưng chừng một quả núi cao. Cả làng vẻn vẹn có ba nhà, xếp bậc lên nhau. Cột kèo ở trong nhà là những cây gỗ để nguyên cả vỏ. Không có một cái lỗ đục, một con xỏ vì dụng cụ độc nhất của người Mán là con dao rừng mà đi đâu anh ta cũng đeo lủng lẳng ở sau lưng. Tre gỗ buộc vào với nhau bằng những sợi dây leo. Cái lò bếp nấu "ruốc mu" (thức ăn của lợn) với cái chảo to tướng ở trên lù lù ngay ở giữa nhà. Ở đây người ta vẫn sống gần gũi và bình đẳng lắm.

Nhưng hôm nay, người và vật đi lán cả. Nhà cửa vắng teo. Người Mán ở tận đây, đúng như một cái tổ chim giữa rừng sâu trên gần đỉnh núi cao, vẫn còn thấy chỗ ở của mình trống trải và vẫn thấy cần phải vườn không nhà trống, đem hết trâu bò, gà, lợn, ngô, thóc gạo, muối và người già, con trẻ vào cơ quan bí mật ở một chỗ mà trừ họ ra khó có ai biết và tới được. Có

khi rời họ bỏ hẳn chỗ nhà cũ, chẳng cần về nữa. Ở rừng, tre, gỗ sẵn. Làm nhà mới lúc nào cũng được và chẳng tốn kém gì. Vì thế, người Mán rời chỗ ở, rời một chỗ đất hết màu hay một chỗ mà họ cho là chẳng được lành, hoặc có nhiều người qua lại quá, dễ dàng như một người đi đường rời quán trọ. Phong tục du mục vẫn còn vương lại đôi chút trong tâm tính họ.

Tôi đứng lại trước cái làng bé con kia, thở những hơi dài cho đỡ mệt. Vì cố gắng đi một mạch, mắt tôi hơi hoa lên một chút. Áo đẫm mồ hôi. Cổ thì khô cháy. Không thể vào nhà xin nước uống, tôi nhặt những quả trám trắng rụng nhan nhản ở dưới chân ăn. Trám trắng chan chát, lờ lợ, chẳng lấy gì làm ngon lắm, nhưng nuốt xong, còn chút vị ngọt lững lờ trong cổ. Cũng là một cách cho đỡ khát.

Anh em Mán thường bảo tôi rằng: chỗ nào có nhiều quả trám thì gấu thường hay đến. Tôi đứng đấy có một mình. Tôi nhớ đến một anh Mán bị gấu vồ nát cả mặt, cả cổ và vai. Nhưng ở rừng đã nhiều, chính mắt tôi chưa trông thấy gấu bao giờ. Người bị gấu vồ, tôi cũng chỉ trông thấy có một anh Mán ấy thôi. Vì thế, tôi vẫn cho rằng việc bị thú dữ vồ ở giữa rừng chẳng qua cũng chỉ như việc bị ô tô đè ở những thành phố náo nhiệt như Hà Nội, Sài Gòn. Tất nhiên là cũng có thể xảy ra luôn. Nhưng không phải vì thế mà động ra đường là người ta nơm nớp. Cảnh hoang vắng lúc này không gợi cho tôi một tí thấp thỏm nào.

Bên dưới tôi một suối nước chảy xiết đổ ào ào. Cái thứ tiếng giông bão ấy dâng lên tận chỗ tôi và tỏa rộng ra làm một cái nền hơi sẫm tối cho những tiếng chim lanh lảnh, vui và sáng. Trước mắt tôi là những ngọn núi trọc hoặc um tùm ấy là trăm ngọn núi khác, lớp lớp, nhấp nhô, hòa hợp với trời xanh như những đợt sóng xanh lơ vô cùng tận. Đó đây một vài điểm mây trắng lởn vởn, là bọt sóng. Không khí trong và dịu. Nắng rất êm. Một ngày xuân đẹp như hôm nay kể cũng là một sự hiếm có ở miền rừng, nơi mà mùa xuân chỉ là một chuỗi dài những ngày mưa xám xịt và bẩn thỉu. Xuân ở đây là mùa của vắt.

Rừng mênh mông. Rừng hỗn độn. Rừng lại rừng tiếp giáp nhau, trà trộn lên nhau, chồng chất lên nhau. Núi trùng trùng điệp điệp, hết núi này sang núi khác, vô cùng tận. Rừng núi không có đường đi, nhưng lại có hàng vạn lối

đi. Thằng Tây liều mạng nhảy dù xuống mấy điểm chính ở Việt Bắc, tưởng làm bế tắc được chúng ta. Nhưng chúng ta vẫn đi lại, chuyên chở được như thường. Sự chật vật, khó khăn đối với chúng ta chẳng nghĩa lý gì. Một dòng máu mạnh có những cách lưu thông rất lạ lùng, lưu thông mà bất cần đến những mạch máu thường ngày, mặc kệ những bế tắc ở đoạn này hay đoạn khác, nó khơi ra hàng trăm đường khác nhau.

Thử để mà xem! Có phải từ ngày chúng ta bắt đầu phá đường thì những con đường của ta mới bắt đầu thật là tấp nập không? Nghĩ một tí thì thú vị lạ lùng! Trước đây đường nhựa, đường đá thênh thang xe lửa, ô tô sẵn, những phương tiện xê dịch có thiếu gì đâu, mà cuộc đời của chúng ta ngừng trệ biết bao! Kiếp sống tù hãm thật là thảm hại. Từ ngày phá đường, cuộc sống lưu thông. Tôi không ghét gì bằng thi vị hóa cuộc đời. Nhưng thật tình từ hồi kháng chiến, mặc dầu những tàn phá, chết chóc chia lìa cực kỳ đau đớn, bộ mặt nước mình vẫn có vẻ tươi trẻ, vui mạnh hơn lên. Chỉ cần bước ra đường là đủ biết.

Đường phá, đường tắc nghẽn, nhưng dòng người thì vẫn chảy như thường, chảy lưu loát, mạnh mẽ, chưa bao giờ mạnh mẽ và lưu loát thế. Thì ra máu chúng ta ngừng trệ ngày xưa, không phải vì mạch máu mà chỉ vì những ký sinh trùng. Mạch máu nước ta, những con đường thời kháng chiến này bị cào nát, cắt đứt lung tung, nhưng máu lành mạnh vẫn chảy như thường, huyết mạch vẫn lưu thông. Chỉ phiền cho những ký sinh trùng, những sinh vật phá hoại chở bệnh tật bằng xe tăng. Chúng nó bị những mạch máu kháng chiến của ta đọng lại.

Rồi đây rút lui khỏi Việt Bắc, có nơi chúng phải đốt hàng chục xe hơi, chôn hàng tấn đạn dược và đồ hộp, vì không có đường về. Chúng nó chỉ ỉ vào sức mạnh của máy móc tối tân. Nhưng khi ta đã làm máy móc tối tân của chúng nó hết sức mạnh thì chúng nó còn gì? Một lũ người buồn nản, sợ sệt, cáu kỉnh, mất tinh thần, lúc nào cũng kêu ca, càng ngày càng sốt ruột.

Người mình thì kiên nhẫn. Cái nghị lực của dân tộc ta là một thứ nghị lực bình tĩnh, lặng lẽ, tiềm tàng. Nó không nổ tung ra một cách ầm ỹ như trái phá, cốt mìn. Nó không chuyển đất trời như núi lửa. Nó là dòng sông cần

cù, đêm ngày mài giũa đôi bờ để tạo cho mình một con đường rộng mãi ra, đêm ngày bồi đắp những cánh bãi phì nhiêu và ngày càng bát ngát. Nó biểu lộ ra ngoài một cách giản dị thản nhiên, gần như không tự biết.

Ai đã đi lại nhiều trên những con đường Việt Bắc, những con đường vượt núi, xuyên rừng, luồn khe, lội suối, lên xuống hàng trăm cái dốc, mũi chạm đất và chân cứ sắp khô thì lại được dẫm xuống nước – ai đã từng đi lại nhiều như vậy, đều phải ngạc nhiên về cái tài chịu đựng và sự cố gắng của dân mình để vượt những khó khăn. Dường như chẳng có một cái gì khó đối với chúng ta. Cái gì cần làm, cái gì muốn làm, chúng ta đều cho là làm được, và cố làm cho bằng được.

Tây vừa nhảy dù hôm trước thì hôm sau, những xưởng máy hàng ba bốn trăm người làm đã biến dần dần từng bộ phận của nó đi, bắt đầu là những bộ phận quan trọng nhất. Anh em công nhân xuất lực hơn bốn ngày thường để tháo, chuyển và chôn giấu. Họ quần quật suốt ngày đêm, ăn vội vàng, ngủ qua loa, bỏ cả đánh răng rửa mặt. Chỉ mấy hôm sau là ngay đến cái xác nhà cũng không còn. Cái nhà máy đã ra đi, không còn để lại một vết tích gì đặc biệt. Cả một cái nhà máy lên đường. Nó tự phân nó ra thành từng phần nhỏ, vượt hàng trăm cây số núi rừng để đi nơi khác.

Việc chuyển đi thật là nặng nhọc, công phu. Gang sắt thì khiêng ngay trên con đường rộng rãi, bằng phẳng cũng đã đủ nhức vai, sụn xương sống lưng rồi. Đằng này không có đường đi. Toàn là những lối nhỏ lầy lội và lắm vắt, những dốc gần dựng đứng, những khe suối lởm chởm đá tai mèo, hết trèo thì lại lội. Có những cái dốc khổ sở, chỉ một người với một cái ba lô cũng đã phải đu vào từng cái cây để kéo người lên. Làm thế nào mà khiêng được ở những chỗ như thế này? Đứng vào đâu mà khiêng? Nếu mà tuột chân hay tuột tay một cái thì tránh làm sao khỏi bị gang sắt đè giập xương hay gẫy cẳng? Người ta phải dịch đi từng bước một, vừa dịch vừa chèn, vừa dùng xẻng cuốc đào bực để dịch cho một bộ máy chỉ nặng chừng nửa tạ. Nếu nặng hơn thì lại càng nhiều sự vất vả.

Ấy thế mà người ta cứ nhất định tha đi cho bằng được, tha đến hết. Đúng là một đàn kiến tha mồi, đánh vật với mồi. Hàng mấy chục tấn sắt đã qua đoạn đường này và đã vượt hàng trăm cây số. Và chỉ chừng một tháng sau,

cái nhà máy của chúng ta lại đã tái sinh ở một chỗ khác chắc chắn hơn, ung dung sản xuất những thức cần thiết cho kháng chiến.

Như vậy đấy, thằng Tây đấm chúng mình cứ như đấm bị, đau tay mà chẳng được tích sự gì. Đấm vào chỗ này thì sức mạnh của chúng ta lại bật ra ở chỗ kia. Chẳng có cái gì gãy nát, chỉ tay chúng sứt mẻ thêm một chút, hay là thêm rất nhiều.

Tôi nghĩ đến những đô thị mới của chúng ta. Những đô thị nhỏ tí nhưng cũng khá sầm uất, vui tươi. Chúng nó mọc lên một cách rất tự nhiên. Mới đầu là một vài hàng cơm, để tiện cho khách qua đường. Rồi thì hàng cà phê, hàng tạp hóa cũng đến bâu vào. Hiệu may, hiệu giầy cũng hiện ra. Các căn nhà lá cứ làm thêm, nó cứ dài thêm. Thấy đông chỗ ấy vui, những người tản cư kéo đến, góp thêm vào chỗ ngôi hàng và những khách qua đường cố thu xếp độ đường, để có thể ngừng một đêm ở đây, hưởng cái thú đông người. Ta cứ căng thẳng mãi thì chịu làm sao được? Một cốc cà phê, một điếu thuốc lá, một con phòng sáng sủa và tấp nập, cô bán hàng vui vẻ và mau mồm miệng, những cái ấy kể thì chẳng có cũng chẳng chết ai, nhưng lâu lắm mới được sống trong cái bầu không khí ấy một vài giờ cũng làm cho đời thêm vị lên nhiều lắm. Kháng chiến thì kháng chiến. Người ta vẫn cần phải giải trí, vui vẻ. Có điều cũng đừng vô ý thức.

Có những thức quyến rũ nó giống như thuốc phiện, làm sức lực của chúng ta hao mòn. Bởi vậy, thà nhạt miệng một tí còn hơn là nhấp vào những chất độc nồng thơm, nhưng giết chết người. Rượu của Tây, thuốc lá của Tây, xa xỉ phẩm của Tây chúng ta thèm chết thì thôi chứ nhất định không để những thức ấy giết chúng ta. Một cốc cà phê đường hoa mai, một điếu thuốc lá sừng bò cũng khả dĩ làm cho ta vui chốc lát. Lúc này đừng khó tính.

Có những cái cây nếu người ta cắt ngọn nó đi, nó sẽ mọc lên rất nhiều cành. Nếu người ta cắt một cái cành của nó đi, nó sẽ mọc mười cái cành khác. Sức sống mạnh mẽ, cần chỗ để vọt ra. Mỗi đô thị cũ của chúng ta bị phá hay bị thối, hàng chục mầm đô thị khác mọc ra. Sức sống quá dồi dào, không bao giờ chịu để vùi dập cả. Tôi có thể đoán được trước rằng một số những mầm đô thị mới hiện nay sẽ thành những đô thị lớn ngày mai. Ngay

trong cảnh tàn phá chiến tranh, ngay trong cơn rung chuyển bão táp, những mầm non đã nhú, bộ mặt của Việt Nam tương lai đã lờ mờ hiện ra.

1948

TỪ NGƯỢC VỀ XUÔI

Việt Bắc nhiều rừng núi. Núi rừng Việt Bắc kín đáo và hiểm trở. Tôi đã sống ở đây hơn một năm, chắc chắn và yên ổn quá.

Tôi rời núi rừng Việt Bắc để trở về rừng người ở miền xuôi. Rừng người ấm áp biết bao!

Người miền xuôi mở to đôi mắt ngạc nhiên và cảm phục khi nghe tôi nói chuyện về cuộc đời Việt Bắc của tôi. Người miền xuôi rất sợ cái bí mật của rừng sâu. Sợ từ con chim lợn trở đi. Tôi đã ở toàn rừng. Đi cũng toàn rừng. Chúng tôi chỉ còn biết có rừng. Những cánh đồng phẳng, những bãi dâu xanh, những con đường có xe chạy là những kỉ niệm kiếp trước, còn sót lại trong tiềm thức.

Đồng bào Mán thích ở cao. Có lần tôi ở một chỗ cao hơn họ. Một cái lều không cửa chơ vơ trên đỉnh núi. Nhưng ngọn núi tôi ở còn phải tựa vào một quả núi khác, cao hơn. Và ở cao hơn chúng tôi là một anh chàng gấu. Ban đêm, khi anh Thọ họa sĩ và tôi đã chui vào màn nằm hút một thứ thuốc lá Mán tẩm mật ong rất đậm vị, nhìn đống lửa to bằng nửa cái nhà tí hon của chúng tôi, thì chú gấu len lén đi ở bên ngoài, xuống rẫy để ăn trộm bắp. Gấu chưa về chúng tôi lần nào cả. Người Mán đã bẫy được gấu một lần. Người Mán cho chúng tôi ăn thịt gấu. Chúng tôi không sợ gấu.

Một hồi, tôi rất ham đọc những truyện đường rừng của Lan Khai. Bây giờ thấy rằng Lan Khai mới chỉ đứng ở ven rừng để nhìn vào. Nhà văn đoán ra đủ điều rùng rợn ở bên trong. Nhưng nhà văn lại đoán nhầm. Người đã sống ở giữa rừng – giữa rừng đại ngàn của những đợt Giải phóng quân đã đánh các đồn Phay Khắt, Nà Ngần… người ấy chỉ thấy rừng rất bình thường. Chẳng có gì bí mật. Cũng chẳng có gì ghê gớm.

Khi chưa biết được rừng, tôi cũng tưởng rừng ghê gớm lắm. Tôi từ biệt vợ con ra đi, như làm một việc hy sinh. Bạn bè tôi ái ngại nhìn tôi. Họ cười buồn, bảo tôi rằng: "Anh sẽ không phải sốt đến hai cơn". Tôi đã sốt đúng

hai cơn. Nhẹ nhàng thôi. Trước sau vừa đúng một năm hai tháng mười một ngày, mới phải tiêm có hai ống ký ninh.

Các bạn cũ của tôi lạ lắm. Vợ tôi đã khóc nức nở khi đột nhiên thấy tôi về. Người đàn bà ấy mới khóc có một lần, vào độ chết một đứa con. Tôi mỉm cười, nhìn tất cả những cái ngây thơ của người miền xuôi, nghĩ đến núi rừng. Người miền xuôi vẫn không dám tin tôi. Nhưng sự thực trờ trờ là tôi vẫn sống mà về được đến đây. Có đen đi, có già đi, nhưng lại rắn rỏi hơn. Giao nước cũng chẳng sốt siếc gì. Cái thân thể còi hương, cái tâm hồn chỉ một chiều u ám cũng đủ làm rũ hết, không ngờ lại có sức chống trọi ngang bướng ấy. Họ cho là ngang bướng lắm.

Riêng tôi, về giữa họ, tôi thấy tôi là một thằng nhút nhát. Và lạc hậu. Đồng bào miền xuôi đã đi sâu vào cuộc kháng chiến. Tàu bay, tiếng súng, giặc cướp làng, ở một vài vùng đã thành chuyện hàng ngày. Họ đã quen. Cũng như ở miền rừng núi, người ta đã quen với ve, với vắt.

Tôi đã cười rất nhiều một anh bạn mới ở xuôi lên. Lúc nào, làm gì, đi đâu cũng sợ hổ vồ. Ban đêm, anh đứng trong nhà đái ra ngoài. Nằm giữa sáu người, anh vẫn giật mình mỗi khi nghe tiếng sột soạt ở những bụi cây quanh nhà. Dường như anh cứ đinh ninh rằng: nếu hổ nó bỗng thấy hứng muốn chộp một người để điểm tâm, thì nhất định nó soi đèn tìm đích xác anh để mà vồ, chứ không chịu vồ người khác.

Tôi đã bị anh em cười lại còn dữ hơn tôi đã cười anh bạn. Mới về đến Sơn, tôi đã hỏi người ta đủ thứ. Đêm ngủ ở đấy có được không? Chúng nó tiến thế nào? Nếu gặp chúng nó thì nên chạy như thế nào? Nên đi bộ hay đi đò? Đi đêm hay đi ngày?...

Ngờ nghệch! Muốn yên lòng, tôi chỉ việc nhìn ra chung quanh một tý. Cánh đồng rất thanh bình. Lúa xanh rờn, lúa có đòng đòng xen lẫn với những mảng lúa đã vàng, đã hoe vàng hay đã chín hẳn, bông nặng trĩu. Đã lác đác có người đi gặt. Họ nói rằng: đáng lẽ lúa năm nay tốt lắm, mấy cơn bão có hại ít nhiều, nhưng tình hình thóc gạo không có gì đáng ngại.

Người đi buôn ồn ào trong các chợ, tấp nập trên các con đường, tươi cười trong quán nước, hàng cơm. Phần nhiều là những người đầu đội vai mang,

đổ hàng suối mồ hôi để cho hàng hóa đất nước được lưu thông. Có những người khác chỉ khoác một cái bị con con hay xách một cái túi nhỏ xinh xinh. Đó chính là hạng buôn to. Họ cũng mặc quần áo vải nâu hoặc đen, nhưng lối may đỏm dáng hoặc "du". Nói năng thì thầm, dùng nhiều tiếng lóng, mà mặt mũi thì láu lỉnh. Tiêu xài lớn. Họ ghét công an lắm. Các bố ấy bây giờ hắc tợn! Nhiều tay chợ đen lão luyện đã nghĩ đến cái sự bỏ nghề hại nước hại dân ấy, để tìm nghề khác.

Tàu bay sục suốt ngày. Chúng nó bắn gì mà bắn luôn luôn, trút luôn hàng chục quả bom. Một lúc, một chiếc lượn vèo vèo ở chỗ tôi. Tôi tưởng nó bắn ngay trên nóc nhà tôi trọ. Một lát sau, hỏi ra mới biết là nó bắn sông. Có gì đâu! Một chiếc thuyền nhỏ chở chuối qua sông trên chỉ có hai người. Hai người nhảy cả xuống sông. Một người bám lấy một sợi dây buộc vào thuyền, cứ chạy quanh cái thuyền để tránh làn đạn của máy bay. Nước bắn tóe lên ở chung quanh. Nhưng họ không chết. Thuyền cũng không trúng đạn.

Trong khi ấy, ở cánh đồng vẫn gặt. Người đi đường vẫn cứ đi. Ông giáo ở trường bên đọc chính tả vẫn choang choang. Thằng bé ẵm em ngồi ở võng bảo tôi:

- Pi-phai, anh ạ!

Lúc sáng ngày nó bảo:

- Bố già!

Nó phân biệt tiếng động cơ máy bay giỏi thật!

Ngay sau đấy, một anh tuyên truyền xã vác loa mời mọi người đi dự cuộc mít tinh tuyên bố kết quả ba tháng thi đua. Tối nay có diễn kịch ở thôn trên. Tiếng trống ếch và tiếng hát của đoàn thiếu nhi thúc giục mọi người. Đàn ông, đàn bà, phụ lão, thanh niên ơi ới gọi nhau đi. Ông cụ chủ nhà mải đập lúa không đi được, luôn miệng xin lỗi các cụ đi qua ngõ:

- Đón các cụ đi thôi. Nhà cháu dở nắm lúa, làm cho xong phơi phóng rồi còn cất đi. Ta cái gì cũng cẩn thận là hơn. Đề phòng nó tấn công. Nhà cháu

xin khất các cụ đến lần sau…

Bà cụ buồn chi? Hình như đôi vợ chồng già ấy cho cái sự mình bận việc nhà bỏ việc công là đáng lấy làm xấu hổ. Họ phân trần mãi với tôi. Họ bảo nhau: "Tăng gia sản xuất cũng là giúp nước".

Tăng gia sản xuất cũng là giúp nước. Cố nhiên. Và không để thóc lúa lọt vào tay giặc cũng là đánh giặc… Những khẩu hiệu đưa ra rất hợp với quyền lợi của dân. Bởi vậy người dân bây giờ nói và nghĩ toàn bằng khẩu hiệu. Sốt sắng thực hành khẩu hiệu.

Tối hôm sau, chúng tôi vào ngủ nhờ một làng đã bị địch cướp phá nhiều lần. Mấy hôm nay báo động luôn. Tôi vẫn tưởng người ta sống ở đây lặng tiếng im hơi như ở các làng gần vị trí địch, khi địch mới tràn ra. Nhưng người ta chỉ xem những mảnh lúa nào gặt được thì gặt gấp thôi. Vào một nhà, thấy thóc lúa đầy sân. Người đập lúa, giữ lúa tấp tới dưới trăng. Con gái con trai. Những bó lúa quật xuống cối đá thình thịch. Lúa bắn tóe, rào rào. Tiếng cười giòn. Chỉ nghe tiếng cười cũng đoán ra được những cặp má đầy căng lúm đồng tiền và những con mắt long lanh. Bỗng nhiên chó sủa ran. Những tiếng gắt gỏng gọi nhau. Một anh con trai quăng cái néo xuống sân, lững thững vào nhà. Anh hút một điếu thuốc lào, hỏi chuyện tôi một vài câu có tính cách xã giao. Rồi anh lùi lại gian bên, trật khăn vải bịt đầu, giũ sạch những hạt thóc bám ở đó đi, dùng nó phủi quần, phủi áo. Du kích đang gọi nhau đi họp. Anh đi họp.

Cuộc đời bình thường. Ở những vùng như vùng này, súng nổ là chuyện bình thường. Súng không nổ, đó mới là bất thường. Những hôm ấy, người ta bảo: "Hôm nay, chưa thấy súng". Nhưng đừng tưởng sống như vậy, người ta chỉ còn nghĩ đến một việc là đối phó với tiếng súng thôi đâu! Ông cụ chủ nhà vừa cưới vợ cho thằng con trai thứ hai, tốn hơn một vạn đồng. Tôi rất ngạc nhiên. Tiêu hơn một vạn đồng vào việc cưới lúc này? Một đám cưới nhà quê?...

- Thưa ông, ăn uống đã tinh giảm đi nhiều rồi đấy ạ! Nhà cháu có dám bày vẽ gì đâu? Nhưng chết cái may mặc bây giờ đắt quá!

Ông phân trần như vậy. Ngoài đường bây giờ hiếm họa lắm mới gặp cái áo dài. Nhưng vẫn còn có những cô dâu, lúc sắp về nhà chồng đòi cho được đủ áo đơn, áo kép, khuyên vàng, xà tích.

Tảng sáng hôm sau, chúng tôi ra đi được mấy bước thì có tiếng súng máy nổ ran. Giặc hay đánh vào các làng lúc tang tảng sáng. Cũng chẳng sao. Một người đàn bà gánh nặng, từ một cái ngõ tối ra. Đặt gánh nhìn lại phía sau lưng một chút rồi lại đi, cái đòn gánh kĩu kịt trên vai. Chúng tôi đi theo chị. Thanh niên một làng đang tập thể thao. Họ chỉ mặc mỗi người một cái quần đùi. Vũ khí đặt sẵn bên bờ sông.

Súng nổ mỗi lúc một xô xát thêm. Tôi có cảm giác như không phải vì nó gần thêm, nhưng trời càng sáng thêm làm cho người ta nghe càng rõ. Là vì đường càng sáng thì lại càng đông người qua lại. Người đàn bà chúng tôi theo đã nhập vào một chuỗi đàn bà, con gái gồng gánh khác. Họ chuyện giòn, cũng cười giòn. Chuyện chạy Tây, vừa kể vừa cười. Ngày xưa họ kể chuyện nhà chuyện cửa, chuyện chồng đánh bạc, chuyện nàng dâu, chuyện mẹ chồng. Bây giờ họ chuyển sang chuyện đánh giặc và đi học.

Mặt trời đã nhô lên, nắng buổi sáng xiên chênh chếch. Súng càng dữ dội. Giặc đuối thế hay sao mà chúng nó bắn rất nhiều súng lớn. Một tiếng súng, người ta kêu: "Đấy! Đấy!". Nhưng người ta vẫn bước đều. Người mải chuyện vẫn chuyện đều. Những cái gánh vẫn nhấp nhô nhấp nhính theo nhịp bước chân thoăn thoắt.

Chúng tôi dừng lại ở một cái chợ nhỏ họp ngay trên mặt đường, để ăn cơm. Tôi hỏi bà hàng.

- Cụ có biết súng ở đâu không?

- Ở T.

- T. ở mạn nào, cụ nhỉ?

- Ở ngay trước mặt này. Cứ đi thẳng con đường này, sáu cây số.

Tôi sửng sốt

- Cách có sáu cây thôi à? Ta có đánh chặn không?

- Nếu ta không đánh, nó đến đây từ bao giờ rồi.

- Thế mà cụ không chạy à?

- Nó đã đến được đâu mà chạy? Nhiều khi chúng nó đến tận nơi chúng tôi mới chạy.

- Chạy lối nào?

- Tùy đấy. Nó ở đầu kia lại thì chạy đầu này. Nó ở đầu này lại thì chạy đầu kia. Nó ở cả hai đầu lại chạy vào mạn núi. Có khi nó đi cả trong con đường ven núi, vây ba mặt, chúng tôi ở giữa.

- Thế mà không sợ nhỉ?

- Nhiều khi cũng sợ

Thật ra không ai sợ. Người ta ăn cơm vẫn ăn cơm. Người ta hút thuốc lào vẫn phồng má thổi cái mồi rơm. Một thiếu phụ bế nách một thằng bé con phụng phịu đang mặc cả mua cho nó mấy quả hồng. Bà hàng phở ở trước cửa, ý chừng vào hàng tản cư, nheo nhéo mời khách qua đường.

- Mời các ông nghỉ chân, vào xơi cơm, xơi phở!

Miền xuôi quả có khinh địch thật. Tôi cứ tưởng sau vụ Vân Đình, những đất chợ có tiếng của miền xuôi tản cư hết cả rồi. Nhưng mấy cái chợ ấy vẫn còn chật nứt người. Đông, nhộn không khác gì Hà Nội trước. Hàng tạp hóa, hàng thuốc, hàng vải, hàng cơm, tiệm cà phê, có phòng ngủ và buồng tắm. Có cả những tiệm ăn rất sang, đủ các món ăn Tây. Cũng may mà cạnh những phố xa xỉ ấy, những phố kỹ nghệ đang cựa quậy để thành hình. Người ta đang làm khá nhiều những máy cán bông, máy dệt, máy in. Thuyền san sát ở bến sông. Vẫn vui vẻ, sầm uất lắm.

Miền xuôi đã đi sâu vào chiến tranh, song những vùng tự do miền xuôi – nghĩa là chín phần mười đất miền xuôi – là có vẻ rất thái bình. Một vài

quãng sông, vẫn còn ca nô chở khách. Nhiều con đường có xe tay. Rất nhiều vùng địch chưa chạm đến bao giờ, người dân vẫn sống rất yên ổn ở nhà mình, chưa phải xê xích một bước. Những vùng khác phần nhiều mới bị địch lướt qua vài ba trận. Người ta gạt đi trong chốc lát rồi lại kéo nhau về. Họ sửa sang lại nhà cửa, lại làm ăn. Lúa lại xanh. Chợ lại đông hơn ngày trước bội phần. Dân quân, du kích, không có Tây để đánh, thay phiên nhau đem tiền lưng gạo bị, mỗi tháng mươi ngày ra các mặt trận dự chiến cho quen tiếng súng. Tập trận giả mãi cũng nhạt trò. Họ muốn chơi trận thật.

Nhiều nơi như vậy. Chiến tranh mới chỉ lướt qua một đôi lần như những cơn bão ngắn.

Và cả những cơn bão nữa. Năm nay bão hai lần. Có vùng thiệt hại ít nhiều. Nhưng có những vùng đã không thiệt còn lợi thêm ra nữa. Người ta bảo:

- Đáng lẽ thì lúa xấu, vì lúa có sâu. Bão không làm đổ lúa nhưng lại giũ sạch sâu. Thành ra được mùa. Nếu gặt hái trót lọt, nhất định không sợ đói.

Sự thật, dân mình no hơn trước. Gà lợn nuôi nhiều. Số thịt bán ở các chợ tăng lên. Bông vải cũng đã tăng chút ít. Hạng người vay nợ hầu như không còn nữa. Quỹ nghĩa sương lập ở hầu khắp các làng. Nhưng ở hầu khắp các làng hiện nay, quỹ nghĩa sương không thể sinh sôi nảy nở. Không có người vay thóc.

Tình cảnh đồng bào ở các thành phố tản cư, bối rối hồi đầu, cũng ổn lại dần dần. Mỗi người cố kiếm ra nghềnghiệp để làm. Cố nhiên là cuộc đời có chật vật hơn xưa. Đôi khi, có thể nói: thảm thê. Nhưng nói chung, vẫn sống. Có người lại sống đường hoàng hơn trước nữa.

Một người quen bảo tôi:

- Anh cứ mở một lớp dạy tư. Tôi cam đoan rằng anh có thể kiếm mỗi tháng từ năm trăm đến một nghìn. Bây giờ người ta ham học lắm.

Người ta ham học thật. Các trường học, mặc dầu mở thêm khá nhiều, vẫn không đủ nhận hết học trò. Người lớn đã hai, ba con cũng cố xin vào học

lớp với trẻ con. Ở một trường tiểu học kia, có cả một nhà sư trong số các học sinh. Những lớp dạy tư mở nhan nhản ở các làng. Nhiều ông chủ tịch xã, buổi sáng ra trụ sở, buổi chiều đi học trường trung học. Đến đâu cũng thấy kêu thiếu sách. Tôi đem theo mấy quyển sách để xem, bị anh em cướp hết. Nhất định không trả lại. Muốn lấy bao nhiêu thì lấy!

Trong cuộc thi đua ái quốc vừa mới nhóm, việc thi đua học tập sôi nổi và có kết quả nhiều hơn hết.

Tháng Mười 1948

BỐN CÂY SỐ CÁCH MỘT CĂN CỨ ĐỊCH

Những người ở vùng chung quanh cho biết rằng thường thường cứ độ bốn giờ chiều hay quá bốn giờ một tí là những toán quân Pháp đi ăn cướp đã trở về căn cứ hết. Mặc dầu vậy, tôi đợi tận tối mịt mới sang đò. Sang ở một bến cách làng tôi hai làng.

Tôi có cảm tưởng như đêm đã khuya lắm. Làng xóm im lìm. Không có một tiếng chó cắn. Không một ánh lửa. Không một tiếng người ho. Người canh gác cũng không. Tản cư hết rồi sao. Tôi không khỏi hơi thấp thỏm và gần như không nghĩ đến, tôi tự nhiên đi chậm lại và cố bước cho thật nhẹ. Mắt tôi chăm chú nhìn vào trước mặt. Nghi ngờ từng bụi cây lù lù ở bên đường, tai nghe ngóng. Chẳng có gì. Tôi chỉ nghe thấy tiếng tim tôi đập. Đường vắng quá. Tôi chợt thấy hơi ngần ngại. Biết đâu giặc đã chẳng xích vị trí đến gần hơn? Tôi đứng lại một chút nhưng rồi lại bước. Bỗng có tiếng hô: "Ai! Đứng lại!". Tôi có cảm giác như không phải tôi giật mình mà chính không đoán được tiếng hô từ chỗ nào ra. Hai bên đường là giậu che kín mít. Chừng nửa phút sau mới có bóng hai người tiến lại trước mặt tôi.

- Ai đi đâu đấy?

- Tôi về Đại

- Ông ở đâu đến?

Tôi đưa giấy. Một người tự vệ biến đi một lúc để xem rồi trở ra trả lại.

- Mời ông.

- Ông cho tôi hỏi thăm một chút. Từ đây đến Đại có Tây không?

- Không có đâu. Nó cách Đại một làng, ở làng Bái Thượng.

Tôi vững dạ hơn một chút. Rõ thật là một anh chàng nhát gan vừa ở một chỗ an toàn đến! Tôi tự cười tôi như vậy. Trời lành lạnh. Đến tận bây giờ tôi mới biết là trời lành lạnh. Tôi bỗng ngừng phắt lại. Có người. Tôi vội

né ra vệ đường, nép người vào một bụi tre để họ không nhìn thấy. Họ lại gần. Mấy người vừa đàn ông vừa đàn bà, đội gánh đi lặng lẽ, mải miết.

- Các ông các bà đi đâu thế này?

- Chúng tôi đi tản cư đây

- Các ông các bà ở tận đâu?

- Chúng tôi ở Bái.

- Ở Bái, sao người ta nói có Tây ở đấy?

- Có Tây nhưng chúng tôi vẫn lén về luôn luôn. Lén về lấy lương thực hàng hóa đi.

Tôi lại càng thấy tôi là hèn. Tôi không sợ nữa. Nhưng đã đến địa phận làng tôi được một lúc rồi. Chỉ còn một quãng nữa là đến nhà tôi. Vẫn hoang vắng, vẫn im lìm. Vẫn tối tăm. Vẫn cái nhà lặng lẽ không lửa không người. Ôi chao! Đâu là cảnh tấp nập những buổi tối trước đây: Những thanh niên tập gậy chan chát ở đường, nhi đồng hát, những ông già ngồi nói chuyện, hút thuốc lào trong quán nước, lớp bình dân học vụ mới bắt đầu, tiếng giáo viên choang choang và tiếng học trò râm ran… Gia đình tôi chạy đâu rồi? Xóm tôi có còn ai ở nhà nữa không? Sau nửa năm trời xa vắng chính làng tôi, tôi lại không thể nằm một đêm ấm cúng bên vợ con, ở trong cái nhà gỗ xinh xắn mà tôi đã phải chật vật mãi mới làm nên được?

Nhà tôi bây giờ chắc đã có cái mùi ẩm mốc và lạnh lẽo của những nhà không người ở. Liệu có còn một chiếc chiếu nào ở nhà không? Tôi thấy trước rằng đêm nay nằm co quắp ở đây, tôi sẽ thao thức suốt đem, lòng tê tái chết lịm đi trong cảnh cô quạnh, mênh mông của căn nhà rộng quá. Không có cái đèn ấm áp hắt lên tường, không có tiếng nói cười ríu rít của thằng Thiên, con Hường xúm xít quanh mẹ, đùa với thằng em nhỏ mười lăm tháng đang vừa cười với chúng vừa áp má vào ngực vợ tôi, không có nụ cười dịu dàng của vợ tôi cúi xuống các con, căn nhà của tôi chỉ là một căn nhà chết. Tôi biết trước rằng nước mắt tôi sẽ lặng lẽ chảy suốt đêm nay ở trong căn nhà này. Tôi thấy một cảm giác uất ức xông lên mạnh trong óc

và một cục gì nghèn nghẹn trong cổ họng. Đôi mắt căm giận của tôi nhìn qua bóng tối về làng Bái Thượng, nơi có quân hùm sói đang gây ra cảnh chết chóc điêu tàn này. Làng tôi… Chao ôi! Chốn làng quê yêu dấu của tôi sao lại đến nỗi thê thảm như thế này! Tôi dừng lại ở dốc đê đầu lối rẽ xuống con đường nhỏ đưa vào xóm tôi, do dự. Tôi nhìn vào con đường nhỏ ấy, con đường chỉ thấp thoáng giữa những cái ao lớn, nước đen loang loáng rồi lại nhìn trở xuống. Về nhà chăng? Hay là đi đâu?... Tôi muốn đi tìm một người nào để nói chuyện, để được nghe tiếng người một chút. Nhưng mà tìm ai, còn những ai ở nhà?... Tôi lại gần một cái nhà ở vệ đường: cổng đóng. Cửa chắn liếp, im lìm. Tôi dặng hắng: chẳng có ai ra. Có lẽ đi đến nhà nữa thì cũng chỉ thế thôi!... Tôi lại do dự một lúc toan quay trở lại.

Nhưng bỗng có tiếng cười đột ngột. Những tiếng cười vui vẻ thật to, thật mạnh bạo rung lên giữa cảnh im lìm tha ma ấy, rung lên một cách lẻ loi, nghe lạ lắm. Tôi mừng rỡ: cái thứ tiếng lanh lảnh ấy là tiếng Hiến, một anh thanh niên làng. Còn cái tiếng hơi hơi ồm ồm pha vào đấy, tôi nhận ra là tiếng Khôi. Hai người trẻ tuổi khoác tay vào nhau, vừa đi vừa kể cho nhau chuyện ông chi Bình ghẹo gái. Khôi bắt chước ông chi Bình, dặng đến "ề" một tiếng trịnh trọng, và nhai cái thứ tiếng khệnh khạng của ông, hỏi:

- Ai?

- Tôi

- Tôi là đàn ông hay đàn bà?... Đàn bà à? Già hay trẻ?

Hiến lại cười khanh khách, cười ngặt nghẽo. Khôi hòa tiếng cười hừ hừ của anh theo. Họ nghiêng ngả, vừa cười đùa như vậy vừa đi tới.

Tôi đột nhiên thấy lòng sáng rực. Không! Làng tôi không chết, làng tôi vẫn sống. Một dòng nhựa thanh xuân vẫn ứ đầy trong nó. Cái thứ tiếng trẻ trung ở đây, nghe sao nó phấn khởi lạ lùng! Tôi thấy mạnh mẽ thêm lên. Hết cả nỗi buồn nhà vắng vườn hoang. Có gì thất vọng đâu? Người tạm đi nhưng màu đất vẫn phì nhiêu, cây cối vẫn tốt tươi. Và giữa cảnh tĩnh mịch này, tiếng cười vẫn vang lên. Chỉ có hai tiếng cười thôi nhưng nó đã dám vang lên bất chấp tất cả, và mạnh mẽ, và ngạo nghễ. Vẫn có những người

ở lại. Vẫn có những mầm sống đầy căng và cựa mạnh như một tấm thân mười tám tuổi, nó đang lớn rất nhanh, nó phù phù, chống chọi cái chết, ăn lấn cái chết, cố bửa toang nó ra, trồi ra ánh sáng không khí và khoảng rộng để lớn mạnh, lớn nhanh gấp trăm nghìn lần nữa. Không có gì bóp ngạt được cái sức mạnh tuổi trẻ đang lớn ấy…

Tôi hỏi to như một tiếng reo.

- Khôi, Hiến đấy phải không?

- Ai đấy?

Tôi lại gần họ, đặt tay lên vai họ. Trời tối và quần áo tôi có khác nên phải một lúc họ mới nhận ra tôi…

- A, anh Vinh! Anh ở đâu về thế?

Khôi nắm chặt lấy tay tôi. Hiến rú lên:

- Úi giời ơi, anh Vinh, anh Vinh! Sao mãi anh không về thế? Chúng tôi cứ tưởng anh đã xa mất rồi.

Tôi cảm động. Tôi vốn yêu họ và họ vốn yêu tôi lắm. Chúng tôi là những người đồng chí cùng hoạt động với nhau ngay từ hồi bí mật. Tổng khởi nghĩa xong, tôi phải xa làng, xa họ, theo đuổi những công việc hợp với sở trường của tôi hơn, nhưng dù sao tôi vẫn không quên những bạn tranh đấu rất trung thành của tôi ở quê nhà. Tên tôi vẫn có trong bản danh sách những đoàn viên thanh niên cứu quốc ở làng tôi. Tôi vẫn gửi Hiến tiền để đóng góp dần nguyệt phí cho tôi. Mỗi lần về thăm nhà tôi lại đến họp với anh em. Tôi gây một cái quỹ chung có nhiều tiền rồi dùng tiền ấy mở hợp tác xã, chăn nuôi, thầu các ao đầm thả cá, trồng sen, mua ruộng đất để tăng gia sản xuất. Dần dần, đoàn thanh niên trở thành đoàn thể cột trụ, đông nhất, vững vàng nhất, chặt chẽ nhất, hoạt động nhất trong làng. Lúc này được thấy họ vẫn ở lại, và tinh thần vững, tôi sướng lắm.

Tôi hỏi họ:

- Các anh vẫn ở nhà?

- Thanh niên mà cũng chạy thì hỏng bét: chúng tôi đã quyết nghị thanh niên cũ ở làng tất cả.

- Thế gia đình?

- Gia đình thì phải chạy, chứ ở nhà lúc nó đến thì làm sao được?

- Bọn mình có chết nhiều không?

- Mới có sáu người.

Hiến kể tên. Anh kể lại những chiến công và cái chết anh hùng của từng người. Tôi không khỏi đau đớn nhưng đồng thời lại thấy lòng kiêu hãnh nữa. Hiến cho tôi biết gia đình tôi đã tản cư hết cả, nhà không còn chăn chiếu. Tôi hỏi họ.

- Có chỗ nào ngủ không?

- Nhiều lắm. Đi vào Ngữ. Ở liền ngay đây.

- Sao lại ở liền ngay đây?

- Ấy thế. Chúng tôi đổi chỗ lung tung. Không anh nào ngủ ở nhà. Mẹ chúng nó! Chúng nó sục bọn mình ghê lắm!

Tôi phải bám lấy vai Hiến để Hiến dắt tôi đi. Mấy hôm trời mưa, cái lối đi hẹp vừa trơn, lại vừa khúc khuỷu quanh co hết ruộng đến ao, bên những rặng tre rậm rạp. Khỏi một cái cầu tre chúng tôi vào một cái giậu vừa tre vừa duối sang một cái ngõ khác cũng có ao ở hai bên, rồi lại chui giậu, lại tạt qua vườn. Quanh co một lúc tôi bỗng trông thấy lập lòe ánh lửa. Lại gần thì là một cái nhà tre nhỏ. Ngữ đang cởi trần ngồi, vừa đun bếp vừa bắt rận bỏ vào bếp nướng. Chị vợ ngồi một bên đang vừa xếp chuối vào một cái rổ sẻ to và cười. Anh chồng vừa mới bảo: "Phải tiễu trừ hết cái giống thực dân hút máu này đi mới được! Mình tóm đến một đại đội rồi mà vẫn chưa ra sự hết".

Tôi bịt mũi bắt chước giọng Tây mũi lõ, hỏi bằng một câu tiếng Pháp.

- E, tu ve, làm gì đấy?

Anh quay ra, chắp hai tay vái:

- Lạy quan lớn ạ. Mời quan lớn vào đây mà xơi trống.

Anh tưởng chỉ có Khôi, với Hiến. Thấy có người thứ ba, anh dán mắt nhìn và nhận ra tôi.

- Cậu nào như Vinh, có phải không?

- Đúng rồi, Vinh đây.

Anh vất áo ngay xuống đất, chạy ra:

- Úi giời ơi, mày thì chết với ông! Mày bỏ chúng ông đi đâu mãi nửa năm giời không thấy ló mặt về? Ngộ Tây nó xơi hết chúng ông rồi thì mày sống mà ở với ai? Lần này thì mày có chạy đằng giời. Đội du kích của chúng ông còn thiếu chính trị viên cừ, chúng ông cứ tiếc mãi không có mày.

Tôi chỉ còn biết gì chặt lấy cổ anh, cười. Khôi bảo:

- Lần này thì cứ cột cổ cậu ấy ở nhà. Bây giờ thì dụng võ cứ uych Tây cho cẩn thận chứ còn văn chương gì!

Hiến cũng chêm vào

- Nói thật đấy chứ chẳng đùa đâu. Lớp này cậu cứ ở nhà với chúng tớ, vui lắm.

Tôi vừa bước vào nhà vừa bảo:

- Vui thật! Nhưng ở nhà thì tôi lấy gì mà ăn. Vợ con đi hết cả rồi còn bá víu vào đâu được?

Ngữ bĩu môi và đưa vội bàn tay lên, xua xua trước mũi.

- Cậu thật xoàng! Có cần quái gì đến vợ con. Vẫn sống như thường. Chúng tớ tổ chức thần tình lắm…

Họ tổ chức thần tình thật. Thanh niên bỏ một số tiền ra. Dân làng góp vốn thêm, họ đi mua bông và sợi rồi đem đến chỗ tản cư cho đàn bà, con trẻ kéo sợi và dệt vải. Đàn ông và đàn bà khỏe mạnh mà không bận con thơ có thể đi về được thì ban đêm cứ việc về, thu hoa lợi ở vườn, đem đi bán mà ăn. Ai nhanh nhẹn trốn lẩn tài, cứ việc ở nhà, làm nhưng phải dự bị sẵn chỗ bí mật để phòng khi giặc đến. Lại chỉ được giữ trong nhà một số ít lương thực đủ năm này, hết sẽ lấy thêm: giữ nhiều ở nhà, sợ Tây về cướp mất. Đó là chung cho cả làng. Còn riêng đoàn thanh niên, họ sống tập đoàn, làm hợp tác xã và tổ chức đổi công giúp đỡ lẫn nhau. Còn rồi thì làm thuê cho các làng. Họ lại còn sắm thuyền để giúp sự vận tải lương thực và hàng hóa của dân làng được dễ dàng, giao tiền cho mấy người thành thạo đi buôn, kiếm thêm về để anh em ăn mà làm công việc. Làng chia ra thành từng khu, mỗi khu đặt một tiểu tổ thanh niên, có nhiệm vụ giữ gìn vườn đất và nhà cửa cho những gia đình ở trong khu vực của mình. Giặc đến thì báo hiệu cho nhau, liệu đánh được thì đánh. Nếu không đánh được thì chỉ việc chui vào chỗ bí mật nằm mà nhịn thở. Thỉnh thoảng kéo nhau theo bộ đội đi đột kích. Cũng có khi mình anh em đi quấy rối địch cho quen và để có thêm kinh nghiệm về quân sự…

Nhờ những cách tổ chức khá hoàn bị ấy mà dân làng đi tản cư vẫn có việc làm, có cơm ăn, vườn ruộng không đến nỗi bỏ hoang, hoa màu vẫn thu hoạch được gần đầy đủ như xưa, và mặc dầu là không mấy ngày là không có Tây đến thăm làng, chính quyền vẫn giữ được như thường, không hề xảy ra một vụ trộm cướp nào, tài sản của nhân dân vẫn không suy chuyển, số người bị hiếp, bị bắt có thể nói là ít hơn nhiều vùng khác…

Ngữ bảo tôi:

- Như vậy cũng là tạm ổn rồi. Không như hồi mới đầu, dân chúng rất hoang mang. Bây giờ họ đã quen. Riêng trong bọn chúng mình thì tinh thần lên một cách không ngờ. Số đoàn viên tăng gấp năm lần. Ấy thế mà đã

mất đi đến 100 người xin vào Vệ quốc đoàn, hay vào các cơ quan khác. Kỷ luật vẫn chặt chẽ như thường, có phần còn chặt chẽ hơn xưa. Những nhân tài mới nảy rất nhiều cho nên một số bị hỏng không thấm tháp. Thí dụ như thằng Còm chẳng hạn. Mày có bao giờ dám ngờ rằng có ngày nó dám một mình mang lựu đạn theo Tây để ném không? Thế mà nó chơi ngang như vậy đã mấy lần. Một lần chết hai thằng, Tây cáu vào đốt mẹ hai cái nhà của xã Ngân. Một lần nó với Khôi, một thằng phục bên này đường, một thằng trèo lên nóc cổng xây nằm, đợi một bọn Tây tám thằng qua. Tây đến, Còm ở trên nóc cổng xây mở chốt lựu đạn choảng luôn. Lựu đạn câm, Khôi ở bên này đường vội tương luôn một quả theo. Cũng may mà quả ấy nổ, nên cả hai thằng cùng chạy thoát. Chắc là Tây có chết, chết bao nhiêu thằng. Chỉ biết là có vết máu ở đường. Nhưng buồn cười nhất là có một lần cu cậu đang nằm ở trong nhà thấy có ba thằng Tây với một thằng Việt gian đi qua ngoài đường, ngứa mắt quá, còn hai quả lựu đạn thủ vào túi đi theo. Đến chỗ ngõ nhà ông cửu Biểu, cu cậu tương một quả. Lựu đạn rơi đến bịch một cái như một quả na xanh rồi lăn lông lốc. Thằng Việt gian sấn lại túm ngực cậu, gọi Tây "Ê xừ! Việt Minh, Xừ!...". Bí thế còn một quả nữa, cu cậu rút nốt ra nhưng không thèm mở kíp, chỉ việc nắm thật chặt trong tay nhè mặt thằng Việt gian mà quật vào sống mũi. Thằng Việt gian đau quá phải buông ra. Cậu chạy thoát. Hụt chết rồi cu cậu vẫn còn nói khoác "Mẹ kiếp, ông chỉ có lựu đạn thối, Tây cũng đếch làm gì nổi ông. Ném không nổ thì ông dùng làm quả đấm. Không vỡ mặt Việt gian đấy à?"

Tôi cười bò ra. Sao mà có những con người thú thế! Tôi thấy yêu họ lạ. Thật tình lúc ấy tôi rất muốn ở quách làng làm chính trị viên du kích để được sống chung với họ…

Khôi chợt bảo

- Này, cái tay lý Tôn bây giờ hay lắm nhé! Hẩu với tụi mình ghê lắm!

Tôi sửng sốt. Sửng sốt không phải vì lý Tôn có thể thành tử tế với thanh niên nhưng vì thanh niên đã dám tin rằng lý Tôn có thể là người tốt. Tôi đã vất vả vì chuyện ấy mấy lần mà vẫn chưa được kết quả gì. Họ thì chủ trương rằng khăng khăng những người ấy đục khoét quen rồi, không thể

đưa họ ra làm việc. Phép lạ nào đã gây được sự hợp tác tôi vẫn mong chờ ấy?

Ngữ cười.

- Có gì đâu! Cu cậu có mấy trăm thùng thóc chưa kịp tải đi. Muốn thuê người chẳng có ai. Thanh niên chúng tôi tình nguyện tải cho muốn trả công hay không cũng chẳng cần. Thật ra thì chúng mình chỉ muốn tải đi để khỏi thóc sa vào tay giặc. Nhưng cu cậu thì mừng sút đầu gối cảm kích, sáng mắt ra, đã chịu cho chúng mình thật có công tâm. Vì thế hết sức ủng hộ an hem, lại lôi kéo cánh tổng lý theo. Chưa lúc nào làng mình đoàn kết hơn lúc này.

Tôi vỗ đùi nói

- Đã thấy chưa! Tôi đã nói mãi rồi rằng phải tin "ông già" rằng ai cũng có thể tốt được mà các cậu cứ đa nghi, chủ trương hẹp mãi, không chịu lôi kéo họ.

Ngữ bĩu môi chiệp chiệp mồm

- Không có thời cơ thuận lợi thì có mà lôi. Phải có những dịp như dịp này để họ hiểu lòng dạ chúng mình mới ăn cờ chứ!

Dù sao thì đó cũng là việc rất đáng mừng. Tôi còn mừng hơn được khi nghe họ nói họ giết được Tây. Tôi bảo họ.

- Phen này độc lập rồi tha hồ mà kiến thiết. Thành một khối rồi không còn những người cản trở, mở mang gì mà chẳng được?

Hiến gật đầu

- Tất nhiên như thế rồi. Nhưng các cậu định nói chuyện suốt đêm đấy à? Có lặng im cho chị Ngữ chị ấy ngủ không? Sáng mai chị ấy còn đội chuối đi sớm kẻo lại gặp Tây thì đi đời nhà chuối!

Ngữ bảo.

- Cứ việc nói. Nhà tôi xếp thuyền đi ngay bây giờ, không ngủ nhà.

Tờ mờ sáng hôm sau, cơm nước xong rồi, tôi mải miết ra đi. Thế mà vẫn muộn quá rồi. Mới đi được nửa quãng đã nghe thấy tiếng súng nổ dữ dội ở mạn trên. Các anh tự vệ bảo tôi.

- Anh trở lại đi. Tây về chợ Vu. Chúng nó đi lối đường Nam-Trử.

Tôi sợ nó có thể đi cả lối đường dưới nữa nên không trở lại. Tôi rẽ xuống bờ sông. Nghe báo động người ta dìm hết cả thuyền rồi. Tôi cởi quần áo cho vào bị, đội lên đầu rồi lội qua sông. Nước lạnh toát như nước đá. Sang được đến bờ bên kia tôi tím cả người, run lập cập. Nhưng cái ấy có nghĩa lý gì với tôi lúc bấy giờ. Một đêm gần gũi Hiến, Ngữ, Khôi tôi không nhiễm được cái tính vui, hăng, bất chấp tất cả của những thanh niên phải chiến đấu hàng ngày trong những vùng sát địch kia? Tôi vừa mặc quần áo vừa cười rất khinh thường những tràng liên thanh rèn rẹt ở cách mình có hai cây và mỗi lúc một gần thêm. Ở bên bờ này, trống báo động cũng đang truyền dây hết làng nọ đến làng kia. Còi của tự vệ rít lên những tiếng ngắn gọi nhau. Họ rình rịch chạy, bố trí ở trong làng, ở cánh đồng, ở vệ sông. Mắt anh nào cũng nảy lửa lên.

1949.

VUI DÂN CÔNG

Tôi đã nghe người ta ca tụng đồng bào Cao – Bắc – Lạng nhiều. Đồng bào Cao – Bắc – Lạng quả xứng đáng với những lời ca tụng.

Khi người ta còn đang sửa soạn chiến dịch, tôi có hỏi một cán bộ Cao Bằng về việc huy động dân công. Anh trả lời tôi:

- Nhân dân Cao Bằng đã được huy động ráo riết trong sáu tháng rồi. Nhưng nhân dân Cao Bằng vẫn sốt sắng góp thêm người, thêm của. Chúng tôi cương quyết huy động được.

Anh không nói quá. Luôn sáu tháng rồi, nhân dân Cao Bằng hết lớp nọ đến lớp kia, đi sửa đường, đắp thêm đường, tham gia công việc vận tải, tiếp tế, cứu thương. Nhưng người dân Cao Bằng không tỏ ra mệt mỏi một chút nào. Họ đi dân công vui vẻ như đi bộ đội.

Tôi nghỉ tạm mấy ngày ở nhà một người Nùng. Chủ nhà ngoài bốn mươi tuổi mà trông đã già như quá năm mươi. Đời sống cực khổ in hằn trên nét mặt màu sốt rét. Người con trai lớn, 21 tuổi, đi Vệ quốc quân. Anh thứ nhì, 19 tuổi, tối hôm qua còn lau láu nói chuyện với chúng tôi về người Thổ, người Nùng áo ngắn áo dài, những điểm nói khác nhau… sáng hôm nay đã khăn gói lên đường đi vào địa phương quân. Còn lại hai vợ chồng và ba đứa con biết ăn nhưng chưa biết làm gì. Họ có rất ít ruộng, không có trâu, ở một cái nhà lá chật hẹp nằm ngay trên mắt đất chứ không đủ tiền làm nhà sàn như những nhà kia. Của chìm chẳng biết có những gì, nhưng của nổi là một đàn vịt hai chục con quây ngay ở đầu giường chúng tôi nằm. Họ ăn cháo ngô suốt nửa năm. Lũ con mặc áo không quần và người lớn thì cả quần và áo đều rách vá. Họ hà tiện từng miếng giẻ, từng hạt muối. Nhưng đối với chúng tôi – những người đi công tác, đối với kháng chiến chung, họ không hà tiện một chút nào. Họ nhường cái giường tốt nhất, cái chiếu sạch nhất cho chúng tôi nằm. Họ đi lấy củi về cho chúng tôi đun. Và một buổi chiều, thấy chúng tôi hết gạo thổi cơm, họ mời chúng tôi ăn cháo ngô với họ.

- Không ngon đâu, ăn một bát cho đỡ đói thôi. Nhà nghèo lắm, không có gạo.

Người con thứ nhì ra đi sáng hôm trước thì sáng hôm sau ông bố ra đi. Ông đem theo một bộ quần áo vá, một túm bột ngô với một ống muối con…

- Ông ké đi đâu?

- Đi vận tải.

- Mấy ngày?

- Mười ngày hơn.

Ông cười gật gật, bàn tay hiền lành sờ sờ cánh tay tôi, chỉ có hai tiếng "đồng chí" thoát ra. Tôi nhớ đến ông ké Nhàn, một ông già Mán đã cho chúng tôi mượn nhà sau cuộc Pháp nhảy dù Bắc Cạn năm 1947. Cái dáng điệu chất phác, trìu mến, sao mà giống nhau đến thế. Tôi muốn ôm chặt lấy ông mà hôn ông một cái. Nhưng tôi kìm lại được, tôi chỉ nắm chặt cái bàn tay cục mịch của ông. Bà vợ nhìn tôi cười. Ông đi khỏi rồi tôi mới hỏi bà:

- Ông ké đi vận tải mấy lần rồi?

- Nhiều lần lắm, không nhớ hết

- Có xa không?

- Xa lắm đấy. Có lần đi Phú Thọ, có lần đi Thái Nguyên. Mua được cái bút máy, hồi ấy có năm chục đồng thôi, cho thằng con cả, bấy giờ nó còn làm Đoàn trưởng Thanh niên. Nó bỏ vào cái túi, đeo vào khuy áo, thỉnh thoảng lấy ra để viết. Úi già! Đẹp lắm! Nó đánh mất rồi, tiếc quá! Đi khai hội đêm về rồi mất.

Bà tiếc cái bút máy đánh rơi. Bà không bận tâm gì đến ông ké phải bỏ công việc nhà đi vận tải. Việc ấy, bà cho là hết sức tự nhiên. Cũng như việc các con cái của bà đi bộ đội.

Đàn ông, con trai Cao Bằng đi bộ đội, đi công tác rất nhiều. Vì vậy trong các đoàn dân công, phụ nữ đông gấp mấy đàn ông. Một buổi sáng tinh sương tôi đã gặp hàng trăm phụ nữ Mán, tụ tập ở một chân đồi, đợi lệnh ra đi. Họ ngồi như họp chợ. Đã lâu lắm rồi, tôi xa những người bạn Mán. Tôi đứng lại nhìn vào đám đông tìm những bộ mặt quen. Quả nhiên có người quen. Một thân hình mảnh dẻ tách ra, thoăn thoắt đi lại phía tôi. Những tiếng tíu tít reo:

- Đồng chí! Đồng chí!

Noọng Liễu vẫn mảnh khảnh, vẫn gày gò như trước. Cả cái thôn nhỏ hồi ấy đã rời cái núi cũ hết màu, để đến một chỗ khác làm ăn. Họ vẫn hăng hái tham gia công tác kháng chiến như hồi ấy. Noọng Hùng đã đến tuổi đầu quân và tòng quân. Hai vợ chồng ông ké Xếch chỉ được mình nó là con. Ông ké điếc, bất cứ ai nói gì với ông, ông cũng không nghe thấy, nhưng cứ cho bừa là người ta hỏi Noọng Hùng. Ông hấp háy mắt cười móm mém vào phầu phào bảo:

- Hùng đi bộ đội lố! Đi đánh thực dân Pháp lố!...

Liễu còn đang líu ríu kể lại cho tôi nghe những chuyện ở trên bản Mán thì có lệnh tập hợp để ra đi. Liễu chạy vào. Tôi vẫy tay chào Liễu rồi lên dốc. Đến lưng chừng đồi, tôi đứng lại một lúc để thở và để nhìn lại sợi dây chàm lượn quanh mấy quả đồi, dải một đường viền thẫm ngoài rìa thảm lúa xanh rười rượi. Sương bắt đầu tan. Một chút ánh hồng ửng đỏ của không gian. Chưa bao giờ tôi thấy đời thanh xuân đến thế và không khí ngon lành đến thế.

Có những đêm chúng tôi phải ngủ đường. Ngủ đường cũng là một cái vui. Giữa những người đồng chí không quen mà lại rất thân, ấm vô cùng. Họ bắc đá, đốt lửa, thổi cơm. Cơm ăn rồi, vẫn để lửa, vừa đỡ muỗi, vừa vui. Lửa lập lòe, một cuộc cắm trại hàng ba bốn trăm người. Nhưng thật tình những người mệt nhọc nằm ngồi lố nhố ở quanh tôi, không thấy khổ. Từng đám, từng đám một, họ cười đùa, họ nói chuyện với nhau. Họ quên đi cái hiện tại ngủ đường, có sương đêm và muỗi rừng. Họ nghĩ đến tương lai và nói chuyện nay mai. Tương lai nặng trĩu trên vai học, nặng trĩu bởi vì

chứa đựng nhiều hứa hẹn. Họ mong nó đến. Mỗi ngày vất vả của họ là một ngày nó đến gần hơn. Mỗi cái dốc họ trèo lại làm họ nhớ đến Cụ Hồ. Cuộc kháng chiến càng gần thắng lợi thì càng chật vật, nhưng càng chật vật thì lại càng gần thắng lợi. Nay mai những cái họ mang nặng trên vai sẽ nổ tung. Lô cốt giặc sẽ tan tành. Những dây xích đồn giặc gãy nát, các đô thị lần lượt trở về ta. Những đất đai giải phóng, lúa sẽ mọc và nhà sẽ dựng lên, cuộc sống no ấm reo vui trong không khí hòa bình và dân chủ. Họ bàn tán về Liên Xô, về nước Trung Hoa mới, về nước Triều Tiên đang giành giải phóng khỏi ách xâm lược Mỹ. Còn cuộc chiến đấu nào chật vật hơn cuộc chiến đấu của dân tộc Trung Hoa? Nhưng kết cục lại thì nhân dân Trung Hoa đã thắng. Nước Trung Hoa mới đang kiến thiết. Thế giới dân chủ mới rộng lắm rồi, bọn đế quốc càng nổi điên thì chỉ càng chóng chết thôi. Chúng ta còn vất vả, nhưng nhất định rồi chúng ta phải thắng… Ý nghĩ tin tưởng làm thư thái những tâm hồn mệt nhọc. Họ nằm dài quanh những đống lửa và ngủ say sưa giấc ngủ của những kẻ biết mình có quyền ngủ không thắc mắc. Công việc một ngày của họ đã đầy đủ lắm. Và ngày mai tốt đẹp.

Nhưng thời tiết mùa này thường thường không được đẹp lắm đối với người khách đường trường. Ít khi trời được tạnh và râm. Ngày nào không nắng gắt, tất mưa trơn. Nhiều khi một cơn mưa đột ngột trút nước như thác đổ ngay giữa cơn nắng gắt. Chỗ ẩn tránh không có, người đi đường đang mồ hôi nhễ nhại, bỗng được xối nước mưa. Chỉ một lúc rét run. Rất có thể cơn sốt đến.

Một buổi chiều nắng gắt, chúng tôi đã gặp một cơn mưa chết người như vậy. Chúng tôi chen chúc nhau trong một căn lều hẹp bên đường, dưới chân một cái đèo cao. Lều dột lung tung. Đứng chỗ nào cũng bị nước rỏ xuống đầu. Quần áo chúng tôi dần dần bị ướt đẫm. Nền nhà bị lầm lên, bẩn không kém gì chuồng lợn. Chúng tôi đứng trong đó, ướt át và nhớp nháp, mặt bi thảm và lòng bực tức. Nhưng trận mưa chưa ngớt hẳn chúng tôi đã thấy những người dân công Nùng, Thổ, Mán, đàn bà lẫn đàn ông, áo chàm đẫm nước mưa, quần xắn đến đùi, người gánh, người khiêng, xình xịch chạy qua trước cửa lều. Chúng tôi chạy ra xem một cảnh tượng rất đẹp mắt hiện ra trước chúng tôi. Hàng trăm người khiêng, gánh – nhiều như mối sau một trận mưa rào – từ trên đồi đổ xuống, tỏa ra ở trên dốc

thành hai, ba dòng uốn éo. Những chiếc nón mây xinh xinh, nghiêng nghiêng trên những mái đầu. Đến chập lại nhau. Cả một thác người đổ xuống, mạnh hơn thác nước. Chúng tôi không thể nào sầu thảm nữa, cũng không thể nào đứng yên trước cửa lầu. Thác vui đổ xuống đã làm trời đột nhiên như sáng bừng lên. Màu núi thêm tươi và lòng chúng tôi phấn khởi. Một người reo lên. Cả bọn reo lên. Chúng tôi hò nhau xắn quần xách dép thi nhau lên dốc. Mạnh người nào người nấy vạch cây bám đá, tìm lối mà lên, nhường lối đi chính cho các thác dân công xuống đèo. Có những lúc, dòng lên dòng xuống gần chập vào nhau, chúng tôi đứng lại để nhường đường. Chúng tôi âu yếm nhìn những người bước bành bạch sát trước mặt chúng tôi, hỏi dịu dàng:

- Các đồng chí có nặng không?

- Nắc lố[5]

Và ông ké trả lời chúng tôi nhe những chiếc răng thưa ra cười.

- Tây chết mất!

- Tây thua lố!

- Hoan hô các đồng chí đi vận tải!

- Chào các chị!

- Các chị hăng hái quá!

- Phải hăng hái chứ!

Tiếng cười ròn rã. Vui vẻ quá! Người lầm lì nhất trong bọn tôi cũng la hét, cũng reo cười. Ai cũng trở nên bồng bột cả. Những người từ trước đến nay hoàn toàn xa lạ, đối với nhau đột nhiên thấy gần gũi, thân mến quá.

Một chị thấy chúng tôi dừng lại để nhường đường. Mặt chị đầy đặn, trắng hồng thùy mị một cách rất đáng yêu. Chị chào chúng tôi bằng một giọng dịu dàng, cũng rất đáng yêu.

- Các đ`ồng chí mà công tác? (Các đ`ồng chí v`ề công tác?)

Nghe như một lời thân mến của một em gái. Chúng tôi thấy ấm lòng quá. Chưa bao giờ tôi thấy tình đ`ồng bào, đ`ồng chí, sự thông cảm giữa những con người cùng chiến đấu cho mục đích chung, thấm dịu lòng như lúc ấy. Gia đình thật! Đêm hôm ấy, trải bạt còn ướt nước, ngủ với nhau, anh em chúng tôi vẫn thấy lòng hả hê.

Nửa đêm thức giấc, tôi lại thấy những đoàn dân công lườn lượt đi qua. Đoàn ngược, đoàn xuôi, bộ đội hành quân. Bộ đội và dân công trong đêm tối, đang bí mật sửa soạn một trận đánh bất ngờ vào một thị trấn vững vàng trong tay giặc.

Bộ đội và nhân dân đã góp sức với nhau để sửa soạn chiến dịch. Bộ đội và nhân dân đã đi sát nhau trong chiến dịch. Ph`ần góp của nhân dân thật là vĩ đại.

Vào những bản ở phạm vi mặt trận, chúng ta phải ngạc nhiên: nhà trong các bản ấy g`ần như không có chủ. Người khỏe mạnh đi dân công cả r`ồi. Bà già, trẻ em, dắt nhau đi ở hang, ở lán. Tây bị bộ đội đánh, chỉ còn biết báo thù bằng cách cho máy bay đi khủng bố dân, không một chỗ nào có nhà mà không bị giặc đến thả bom, nã liên thanh. Nhà cửa xác xơ. Nhưng các bản lại s`ầm uất thêm lên, s`ầm uất v`ề đêm. Nó thành những trạm nghỉ của dân công. Có chi`ều tối đến, từng đoàn dân công tới, vào các nhà đốt lửa thổi cơm ăn, ngủ một đêm… r`ồi sáng hôm sau lại ra đi. Nhà đã thành của chung của mọi người. Họ ngủ ở đấy, trong khi chính nhà họ, những đoàn dân công khác ngủ.

Nhưng thường thường không đủ nhà để ngủ. Dân công ngủ đường, ngủ bãi, ngủ rừng. Họ đóng cọc, nhóm bếp, thổi cơm, nước sẵn suối, củi sẵn rừng. Ăn xong, nằm ngay trên cỏ ngủ, đúng như bộ đội.

Có những đoàn dân công đi theo li`ền bộ đội. Cũng tổ chức thành tiểu đội, trung đội, có đội trưởng, chính trị viên. Cũng chia thành tổ ba người để săn sóc, giúp đỡ, nương tựa, thúc đẩy lẫn nhau. Họ hành quân cùng bộ đội, ở lẫn với bộ đội, đi ra mặt trận cùng bộ đội.

Bộ đội thấy dân công tấp nập, phấn khởi hơn. Nhân dân ta hăng hái thế này thì Tây sống làm sao? Họ lo nhiệm vụ hơn: làm thế nào cho xứng với sự cố gắng của nhân dân? Nhân dân thấy bộ đội nhiều, cũng phấn khởi hơn: nhiều bộ đội, nhiều súng đạn thế này thì Tây phải chết! Nhân dân động viên bộ đội. Bộ đội động viên lại nhân dân. Bộ đội với dân công thật là quấn quýt.

Đơn vị chúng tôi cũng có nửa tiểu đội dân công toàn phụ nữ đi theo. Một buổi chiều, gạo chưa đem tới kịp, chúng tôi bàn nhau: tất cả anh em đều nhịn, ai còn sót được một chút gạo nào, dồn cả lại, nhường cho các chị dân công. Các chị lẳng lặng lĩnh gạo đi ra suối, chẳng nói gì. Nhưng hơn một nửa giờ sau, một chị về gọi chúng tôi.

- Các anh đi ăn cháo.

- Mời các chị. Gạo về, chúng tôi sẽ ăn sau. Sao các chị không thổi cơm ăn?

- Nấu cháo thôi, nhiều lắm, các anh đến cùng ăn.

- Chúng tôi chẳng ăn đâu.

- Ăn chứ! Có cơm cùng ăn cơm, có cháo cùng ăn cháo, các anh nhịn, chúng tôi không ăn vớ!...

Các anh ở dưới xuôi mới lên, trông thấy cái thắt lưng của các chị Thổ trên này, có thích không? Cái thắt lưng, múi trễ tràng ở đằng sau, làm tăng vẻ thắt đáy lưng ong của chị em lên. Nhưng các anh sẽ mến cái thắt lưng ong của một chị dân công dự trận Đông Khê. Người ta gọi là chị Dậu. Trong trận giải phóng Đông Khê lần thứ nhất, chị Dậu đã đi dân công và được xung vào đội tải thương. Chị ra tận mặt trận để cõng các thương binh về mặt sau, giữa những lúc đạn đôi bên bắn như mưa. Một lần, chị cõng một anh thương binh ở bả vai. Anh đau rũ rượi, nhưng không bám vào vai chị được mà chị sợ anh đau, không dám gì tay anh, thành ra người anh cứ lắc lư chực ngã về sau, chị khó đi. Chị bèn cởi thắt lưng, nhờ người quàng ra sau lưng, dưới nách anh, buộc anh áp vào lưng chị, để đi cho dễ. Chiếc thắt lưng của chị đẫm máu anh. Trận đánh xong, về nhà chị giặt sạch thắt lưng rồi lại dùng nó như thường. Ta lại đánh Đông Khê, chị Dậu lại xung phong

xin đi tải thương binh. Trước khi ra đi, chị mua xà phòng, giặt thật sạch chiếc thắt lưng, để đề phòng có lúc cần dùng đến nó chăng. Lần sau, chị không phải dùng đến nó lần nào. Nhưng chị cũng đã cõng nhiều thương binh và chiếc thắt lưng của chị cũng như quần áo chị vẫn đẫm máu như lần trước. Rồi sẽ sạch, chẳng làm sao cả. Nhưng chiếc thắt lưng của chị, chị sẽ quý nó hơn. Và chúng ta thấy những chiếc thắt lưng của các chị Thổ đẹp hơn lên nhiều lắm. Có những vật trang sức giản dị nhưng rất đẹp. Một thiếu phụ có con nhỏ, con đang bú. Chị gửi con, đi dân công đã mười ngày. Không ngày nào chị không phải vắt sữa đi. Mỗi lần vú tức sữa, chị vừa đau vừa nhớ đến con, lại ứa nước mắt ra. Chị mong cho chóng hết đạn để về nhà. Nhưng hết đạn, bộ đội vẫn còn đuổi Tây, vẫn còn cần có người tải gạo cho ăn. Đoàn chị tình nguyện ở lại thêm. Chị cũng tình nguyện ở lại thêm. Chị thương con. Nhưng bộ đội đang đánh đuổi Tây bảo vệ con cho chị. Biết bao nhiêu trẻ đã bị Tây xé xác hay quật chết!

Bao nhiêu là ruộng lúa đã bị Tây phá phách. Lúa đã sắp chín rồi, vụ gặt đến nơi, phải rứt ra khỏi ruộng đất để đi dân công cũng là một việc rất khổ tâm. Nhưng người ta vẫn lũ lượt ra đi. Không đánh chúng nó trước đi thì thế nào thu đông này cũng bị chúng nó tấn công. Chúng nó sẽ thả lừa ngựa, cho xe tăng quần nát hết lúa thôi. Bộ đội mở chiến dịch để giữ thóc lúa, giải phóng ruộng đất cho dân. Dân phải hăng hái đi vận tải, tiếp tế, cứu thương, giúp đỡ cho bộ đội. Mỗi người đều hiểu thế.

Chính vì các cán bộ đã kiên nhẫn giải thích được cho mọi người đều hiểu thế, đã chịu khó đến từng xóm, từng nhà, cho nên họ đã huy động được toàn thể nhân dân phục vụ cho chiến dịch. Cuộc huy động thật lớn lao. Cao Bằng có 18 vạn dân: ba vạn đã vào bộ đội hoặc đi làm cán bộ rồi. Trừ người già, trẻ con, phụ nữ có mang hoặc chưa thể rời con, những người ốm yếu… chỉ còn 6 vạn nhân công, 5 vạn 6000 người đã tham gia chiến dịch này và đã góp hơn một triệu ngày công vào đấy. Tôi chưa kịp hỏi rõ những con số của Lạng Sơn. Một anh quê ở Bắc Sơn cùng đi với tôi trên một con đường mới đắp vào khoảng giữa Đông Khê với Thất Khê đã bảo tôi: "Khi tôi đến đây con đường này chưa có, những cánh đồng ruộng này vừa mới cấy. Bây giờ lúa đã vàng. Tôi vẫn chưa về. Đợi bộ đội đánh xong Thất Khê đã vớ!".

Cao Bằng và Lạng Sơn góp nhiều nhân công hơn cả, nhưng không phải chỉ riêng Cao – Lạng góp, Bắc Cạn cũng góp phần. Có những đoàn vận tải từ Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh… lên. Có những đội thanh niên xung kích tình nguyện đi theo chiến dịch. Chỗ nào cũng có dân công. Trà trộn đủ hạng tuổi, đủ giống người, đủ các giới. Một hình ảnh toàn dân kháng chiến, toàn dân đoàn kết bày ra trong chiến dịch này. Bộ đội với nhân dân. Nhân dân địa phương này với nhân dân địa phương kia. Thổ, Mán, Nùng, Kinh… sát cánh nhau. Nắng, mưa, sương, gió, đói khát, mệt nhọc, ốm đau cùng nhau nếm đủ mùi. Vất vả gian nan thì quả thực là rất mực vất vả gian nan. Nhưng ồạt, tấp nập cũng vui. Vui nhất là lúc thị trấn vừa mới trở lại tay ta, được trông thấy Tây chết, xác ngổn ngang, chiến lợi phẩm nhiều. Có người xung sướng quá, kêu lên như một người điên: "Các ông các bà trông kìa! Các ông các bà ơi! Thế này thì có hả không? Tôi muốn đi dân công mãi, đi cho đến tận ngày cả nước ta hoàn toàn giải phóng"…

1950

TRẦN CỪ

Người đại đội trưởng da ngăm ngăm đen ấy, có đôi mắt sắc và nụ cười rất yêu đời. Anh dễ cười đùa. Cũng như anh dễ giơ tay xin nhận lấy những nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm một cách tự nhiên, giản dị. Anh thường bảo.

"Khó đến đâu, người cộng sản cũng tin rằng mình làm được. Và làm cha kỳ được."

Mỗi lần trao nhiệm vụ cho anh, cấp trên rất vững tâm. Anh tin chắc ở đơn vị của anh. Anh tin chắc ở chính anh. Những phương tiện cho anh có thể đến mức nào, anh không đòi hỏi quá.

Ở hội nghị phổ biến kế hoạch đánh Đông Khê đi ra, một người bạn vỗ vai anh, khẽ bảo:

- Phen này gay lắm đấy! Chắc chắn là phải hy sinh lớn. Tao sợ mày ngoẻo mất.

Cừ cười.

- Ngoẻo thì ngoẻo, cần gì? Chúng mình không sợ chết vì nhiệm vụ. Chỉ sợ không làm tròn nhiệm vụ.

Một chút băn khoăn thoáng qua đôi mắt sắc. Anh lượng biết tất cả những khó khăn của trận này. Công sự địch tăng cường. Lực lượng địch tăng cường. So với trận Đông Khê trước, khó gấp trăm, mà cũng do trận Đông Khê trước, địch phòng bị ngày đêm, không xao nhãng một phút nào. Chúng có giữ đến cùng. Ta nhất định phải diệt cho bằng được, không có quyền được rút…

Nhưng mắt Cừ trong trẻo, bình tĩnh lại ngay. Anh ngẩng mặt, nhìn xa, miệng nở cười…

- Tớ có ngoẻo cũng nhất định ngoẻo ở trong đồn, không chịu ngoẻo ở vòng ngoài. Ngoẻo cũng phải làm xong nhiệm vụ rồi mới ngoẻo.

Chiều 15, trước khi từ bàn đạp ra trận địa, Cừ nói trước đội tiêm đao:

- … Nếu không xong nhiệm vụ tôi quyết không còn làm đội trưởng đội tiêm đao, mà các anh cũng không xứng đáng là đội viên đội tiêm đao nữa.

Đoàn xung kích đi bố trí, tập công kiên luôn mấy tháng nay rồi. Anh nào cũng mong được đi đánh thật một trận để kiểm tra xem kỹ thuật của mình đã tiến đến mức nào. Lúc thử đã đến đây! Mỗi người thấy náo nức trong lòng nhưng đồng thời cũng thấy một chút gì như hồi hộp nữa. Trận đầu… Trận quy mô lớn đầu tiên từ khi vào bộ đội đến nay… Phải tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch mới thôi… Nếu không giải quyết nhanh được, có thể trận đánh sẽ kéo dài, sẽ thêm nhiều cái khó khăn… Địch có thể tiếp viện rất nhanh, chúng nó sẽ nhảy dù ngay trên lưng mình. Chắc chắn là máy bay của chúng sẽ quần khỏe lắm, bắn và trút bom dữ lắm… Ta đã có những cách đối phó sẵn sàng. Nhưng vẫn có thể có nhiều cái mới không thể lường trước được. Phải đánh rồi mới biết!... Những vừng trán dầu dãi nặng trĩu những dự tính, những lo toan. Những bộ mặt sém nắng lầm lì. Những con người đi vào cuộc chiến đấu suy nghĩ rất nhiều, dùng đến sức óc rất nhiều. Họ không sợ chết, nhưng không coi cuộc chiến đấu như một trò đùa. Một viên đạn còn phải tính, sao lại có thể đi đến cuộc vật lộn gay go với giặc như đi dự một trò chơi ngông?...

Chiếm lĩnh trận địa xong, họ lập tức đào công sự. Pháo binh chưa tới kịp. Cứ một lát lại có điện thoại của ban chỉ huy gọi, hỏi. Ông T chạy lên chạy xuống rất băn khoăn. Ông vốn nhiều râu. Lúc ấy, trông như râu tua tủa mọc ra thêm. Chốc chốc ông lại xem giờ. Điện thoại của ban chỉ huy gọi dồn thêm…

- A-lô! A-lô! Pháo binh đã tới chưa!... Đến đâu rồi?... Sao thế?...

Liên lạc này đi rồi liên lạc khác đi. Đường xóc quá, khó đi quá. Có anh giập chân rồi. Anh em bật cả máu vai. Họ vẫn cố đi, cốt tới kịp giờ. Nhưng cố gắng thế nào mỗi giờ cũng chỉ đi được bốn năm trăm thước…

Ông T bực bội:

- Tính giờ sát quá! Không căn cứ tỉ mỉ vào tình hình, từng quãng đường, chỗ khó, chỗ bằng, chỗ dốc, chỗ núi đá, chỗ núi đất, chỗ đường to, đường nhỏ thế nào. Chỉ căn cứ vào những con số ở bản đồ. Nguy hại thật!...

Ông vò đầu, vò tai khổ sở. Cũng may mà liên lạc về báo: một toán sắp tới rồi. Ông T nhẹ hẳn người đi. Anh em xung kích đào công sự đã xong. Mấy bát cháo loãng lúc chiều đã hết veo rồi. Người mệt. Bụng đói meo. Nhưng nghe tin pháo binh đã tới, họ mừng. Họ biết anh em pháo binh đi chật vật như vậy, đến nơi thế nào chắc cũng mệt nhoài. Họ bảo nhau, một số đi đào công sự, dọn chỗ sẵn để cho anh em pháo binh đến, chỉ việc đặt súng xong rồi nghỉ cho lại sức. Các cán bộ xung kích cũng đi tìm chỗ đặt súng cho những khẩu đến sau, đỡ cho các cán bộ pháo binh, trong khi các cán bộ pháo binh còn bận chỉ huy toán trước…

Kế hoạch đổi. Mặc dầu ở mạn Bắc, ta đã nổi súng, mạn Nam vẫn chưa thể đánh vào sáng ngày 16. Một ngày chờ đợi, sốt ruột và xót ruột. Hỏa lực địch dồn cả lên mạn Bắc. Chừng hơn một giờ sau, có tiếng động cơ. Tàu bay địch lượn rất lâu, trút liên thanh? Nhảy dù chăng? Có giỏi thì cứ nhảy dù đi. Có những người đang đợi. Nhưng cả ngày hôm ấy không có nhảy dù. Chỉ thấy thả bom và bắn.

Năm giờ chiều, lệnh tiến. Một giờ, tất cả các vị trí trao cho phải chiếm, đầu đã chiếm xong tất cả. Điện thoại cho biết phía Bắc đồn to, ta chiếm được rồi. Quân ta đang tung hoành ở trong đồn. Lệnh cho tiến vào nhà thương và đồn to. Nhưng tiến vào, thấy địch ở phía Nam đồn vẫn bắn rất hăng. Tìm địch không ra. Chúng nó chui hết cả vào các lô cốt, các hầm. Chỉ huy xung kích báo cáo tình hình lên. Yêu cầu cho pháo binh bắn vào phía Nam đồn. Xung kích vừa tiến vừa liên lạc bằng dây nói với pháo binh…

- A-lô! Hụt rồi. Chỉnh lại hỏa lực đi! Lên mười thước nữa… A-lô! Chệch về bên phải mất năm thước… A-lô!... Xa quá, lùi lại năm thước nhé!...

Nhờ vậy pháo binh bắn rất hay. Nhưng gần sáng địch phản công. Nhờ có công sự kiên cố và ngoắt ngoéo, chúng chưa bị tiêu diệt bao nhiêu. Trời

sáng, chúng trông rõ ta hơn. Chúng hy vọng có tiếp viện, có máy bay… Tình thế không có lợi cho ta. Lệnh cho tạm rút ra ngoài, vây chặt đồn…

Đoàn trưởng Huyền bước lại gần một người đang ngồi tì tay lên má:

- Ai đấy?

Trần Cừ ngoảnh mặt lại. Huyền thấy một đôi mắt đỏ hoe, mòng mọng nước. Anh cau mặt:

- Hừ! Trần Cừ đấy à? Anh khóc chắc…

Cừ ngước đôi mắt sắc nhưng lúc ấy rơm rớm nước nhìn Huyền. Huyền cười gằn:

- Cán bộ gì mà xoàng thế?

Từ ngày Cừ vào bộ đội, chưa có ai bảo Cừ là xoàng cả. Anh đã vào sinh ra tử rất nhiều, ngay đêm vừa qua, anh đã xông xáo rất ghê. Đạn như mưa. Những lúc quyết liệt nhất, anh vẫn xông lên trước, dẫn đầu đơn vị… Cừ nghẹn ngào không nói được. Nhưng đôi mắt cương quyết của anh trả lời người Đoàn trưởng. Huyền hơi dịu giọng:

- Đánh nhau thì phải có thương vong. Anh đã biết trước trận đánh này có thể phải hy sinh lớn. Chịu hy sinh lớn để làm xong nhiệm vụ. Sẽ ảnh hưởng lớn đến toàn chiến dịch. Càng không sợ hy sinh, càng làm giảm bớt số hy sinh. Anh hiểu cả đấy. Cán bộ không bình tĩnh, quyết tâm, giữ làm sao được tinh thần đội viên. Ủy mị thì lạ thật!...

Cừ không ủy mị. Anh đang kiểm tra lại trận đánh đêm qua. Xung kích rất gan dạ. Trợ chiến tỉnh táo, đi rất sát, yểm hộ cho xung kích tiến. Có những anh kềsúng máy vào tận lỗ châu mai, bắn. Bắn hết đạn, anh chưa kịp rút ra, thì đã bị địch bắn lại, trúng anh. Anh đổ xuống. Anh khác tiến lên ngay, người đến sau kềngay súng lên xác người vừa tử trận, để lia vào địch. Rồi mìn. Rồi lựu đạn. Địch đến không còn ngóc được đầu lên. Lắm lúc tưởng như địch đã chết hết cả rồi. Nhưng chúng vẫn còn! Thế có uất người không? Chúng rút xuống hầm. Ta chỉ xông xáo ở trên. Không biết sục

xuống hầm, không biết chặn chúng lại, chặt chúng ra từng khúc, bao vây chúng, tiêu diệt hẳn từng bộ phận, không cho chúng rút. Lối đánh của ta hỏng, nên có anh dũng mà vẫn chưa làm xong nhiệm vụ… Cừ bực lắm…

Cừ thấy như mình có lỗi. Tại sao không nghĩ ra điều ấy ngay lúc vào vị trí? Muốn giải quyết được chiến trường phải tiêu diệt được sinh lực địch. Tiêu diệt sinh lực địch là điều chính cốt. Có lẽ ngay các đơn vị bạn cũng quên điều ấy! Báo cáo không đầy đủ. Chỉ nói đã chiếm được đồn mà không nói đến số địch chết bao nhiêu, bị bắt bao nhiêu. Vì thế mà ban chỉ huy không nắm rõ được tình hình. Mãi đến sáng, thấy hỏa lực địch còn mạnh, mới có lệnh rút lui. Thiệt hại nhiều chính vào lúc rút.

Cừ thấy thương các bạn chiến đấu của anh. Trông những cái cáng rời mặt trận… Những chị dân công mắt đỏ hoe, vừa gạt nước mắt vừa đi… Nghĩ đến những đồng chí bị thương không kịp cõng còn nằm lại trong đồn… Các đồng chí rút về, mặt hậm hực lầm lì… Làm sao không uất được? Nhưng uất nhất là chưa xong nhiệm vụ. Mà có lẽ có thể xong ngay đêm qua rồi!...

Cừ muốn nói ra cả những điều ấy với Huyền. Nhưng Huyền bảo Cừ hãy theo anh đi, đi gặp các anh kia. Các cán bộ họp, rút kinh nghiệm với nhau, rồi phổ biến kinh nghiệm cho các đội viên.

Một điều khiến họ băn khoăn: đơn vị đã bị tổn thương. Rất có thể ban chỉ huy sẽ cho họ rút về làm hậu bị, điều một đơn vị khác lên thay. Tất cả các cán bộ nhìn Huyền, nhưng Huyền ngẩng mặt lên cương quyết.

- Không! Chúng mình sẽ đề nghị với ban chỉ huy đừng thay thế. Đơn vị đánh xung kích đêm qua rất có tinh thần, chỉ vì ta đánh phố lần đầu, chưa có kinh nghiệm, nên chưa làm xong nhiệm vụ. Qua đêm đầu, có kinh nghiệm rồi, lại thuộc địa hình địa vật hơn. Nó đang muốn trả thù. Cứ bổ sung cho nó, rồi cho nó trả thù, làm xong nhiệm vụ của nó chưa làm xong đêm trước. Không nên thay thế.

Mọi người đều phấn khởi. Cừ vui vẻ lại gần đội viên tiêm đao:

- Chúng ta sẽ làm xong nhiệm vụ nội đêm nay. Nhiệm vụ chưa xong, nhất định chúng ta không chịu ra khỏi đồn.

Những bộ mặt tươi lên. Những con mắt lóe ánh sáng…

Ba giờ chiều, lệnh của ban chỉ huy cho chuẩn bị, năm giờ rưỡi, từ chỗ nghỉ tiến lên. Có kinh nghiệm đêm trước rồi, nên họ tiến bình tĩnh, chắc chắn, vừa tiến vừa quan sát tình hình. Chín giờ mở đột phá khẩu tiến vào. Sau một giờ kịch chiến, một bộ phận chiếm xong trường học, tiến ra nhà cũ, thấy đơn vị bạn đã ở đó rồi. Nhiệm vụ xong! Nhưng lệnh của ban chỉ huy lại giao thêm, đánh vào phía Tây Nam đồn to, hợp sức với đơn vị bạn đã đánh vào mạn Bắc. Trần Cừ xông lên:

- Các anh em! Báo thù cho các đồng chí của chúng ta!

Một chú liên lạc chạy trước anh, tay chú cầm lựu đạn lăm lăm. Chú rướn mãi người lên, chực "cả cái" vào một lỗ châu mai. Nhưng chú thấp quá, không với tới. Trần Cừ bước lên, bảo:

- Chú đưa anh!

Tiếng lựu đạn nổ vang. Nhưng đồng thời một băng đạn súng máy lia trúng Trần Cừ. Cừ lảo đảo hô:

- Hồ chủ tịch muôn năm!

Anh gục xuống, lấp một lỗ châu mai…

- Anh Cừ!…

Mấy đội viên xồng xộc chạy đến. Liên thanh, lựu đạn, mìn. Khóc bốc mù. Gạch đá lung tung lên. Những bóng người thoăn thoắt xông vào đám khói…

- Đánh sập hầm xuống! Chặn chúng nó lại!...

Đột nhiên Thân, một anh tiểu đội trưởng bị thương nằm ở gần đấy từ đêm qua, bỗng vùng lên:

- Thích quá! Cho tôi đánh với, các anh ơi!...

Và trước một lô cốt khác, Xuân Minh ôm bụng. Anh vừa trúng đạn. Anh đã hơi lảo đảo, nhưng vẫn chỉ huy, đôn đốc anh em. Một tiếng nổ vang trời. Lô cốt bị phá tung. Đội phó Minh thét anh em.

- Đánh vào lô cốt thứ hai đi!

Anh chực ngã. Một đội viên vội đỡ anh…

- Để tôi cõng anh ra.

Minh đẩy anh đội viên ra.

- Tiến lên đi!

Và thấy anh đội viên do dự, anh hơi gắt.

- Mặc kệ tôi. Tôi còn đi được!

Anh một mình lủi về mặt sau…

Đoàn trưởng Huyền đang cầm ống điện thoại, liên lạc với đoàn phó ở mặt trận.

- A lô! Bằng! A lô! Bằng! Bằng đâu?

Trận đánh đang xô xát. Súng đang ầm ầm. Những tia lửa phùn phụt, chi chít, liên hồi. Thỉnh thoảng một tiếng nổ to chớp lòe… Tiếng đoàn trưởng lạc hẳn giọng đi.

- A lô! Bằng! A lô! Bằng!...

Mãi mãi mới có trả lời, Huyền mừng rỡ, nói như reo:

- À, Bằng đấy à? Thế nào? Giữ liên lạc với Huyền luôn luôn nhé! A lô!

Huyền lắng tai nghe. Anh bỗng sửng sốt.

- Cái gì? A lô!... Trần Cừ? Trần Cừ bị rồi à?

Anh nghe thêm một tí nữa rồi phũ phàng buông mạnh ống điện thoại xuống, ngẩn mặt ra. Anh nuốt nghẹn. Chính anh cũng khóc. Nhưng chỉ trong một phút anh lại vồ lấy máy…

- A lô! Bằng!... Có thể về thay mình cho mình lên một lúc không?... Không được à? Ư! Thế nào? Địch bắn rát lắm à?... Không sao cả. Cứ tiến lên! Phải giải quyết trong nội đêm nay, Bằng nghe không? Nội đêm nay. Giải quyết cho xong nội đêm nay. Giải quyết cho bằng được… Đạn à? Có rồi đấy! Anh em văn phòng cũng xung phong đi tải đạn với dân công đấy. Quyết tâm đấy nhé! Giải quyết trong nội đêm nay. Không lùi một bước. Lệnh của ban chỉ huy như vậy… Được rồi, Bằng đi đi! Báo thù cho Trần Cừ!...

Ở đầu dây kia, đoàn phó Bằng trao máy cho người khác chuyển theo anh. Anh xông lên, thét lớn:

- Báo thù cho Trần Cừ! Tiến lên!

Hết đêm hôm ấy, địch chúi ở dưới hầm phải ra hàng. Đông Khê giải phóng.

1950

In trong tập Truyện Biên giới

VÀI NÉT GHI QUA VÙNG VỪA GIẢI PHÓNG

Tôi cùng đi với một anh người tỉnh Cao Bằng. Vừa được tin quân Pháp rút khỏi thị xã Cao Bằng, anh tất tưởi đi ngay. Mặc dầu mâm bát đã bưng lên, anh không thể nào nán lại độ mười phút để ăn cơm. Anh còn biết đói là gì? Anh lên dốc băng băng. Anh xuống dốc vèo vèo. Anh nhảy qua hố, rành như một con dê. Tôi đuổi theo anh mà thở gần hết cả hơi. Anh luôn luôn quay lại, khuyến khích tôi: "Cố đi! Cố đi! May ra kịp ô tô!". Tôi chợt nhận thấy mặt anh như đổi khác hẳn đi: da hồng hào, mắt long lanh, mũi hếch lên, phớn phở lạ thường. Tôi mỉm cười, đoán trước xem khi đến cầu sông Bằng, anh sẽ làm gì? Ôm gì lấy một thanh sắt, rít lên, hay lao người qua cầu, chạy thẳng vào phố, kêu la ầm ĩ như một người hóa dại?

Anh có thể làm như thế lắm. Con người mọi ngày vốn lầm lì, hôm nay đột nhiên trở nên bồng bột hơn tất cả mọi người. Qua một cánh bãi có nhiều đám dân công đang bắc bếp thổi cơm, anh quay vào phía họ, reo to.

- Anh em ơi, Cao Bằng giải phóng rồi!

Những cái đầu đang thổi bếp, quay lại ngơ ngác trong một phút, nhìn anh. Anh vẫn bước phăng phăng, vung tay, nhắc lại tin vui.

- Cao Bằng giải phóng rồi. Tây rút khỏi thị xã Cao Bằng vớ!

Từ đám dân công vọt lên hai tiếng "hoan hô". Đám người nhốn nháo lên. Tiếng reo. Tiếng vỗ tay. Những chị má vụt đỏ ửng, bám lấy vai nhau, xô đẩy nhau, hay vỗ lưng nhau bồm bộp, cười to. Những anh thanh niên nhảy cẫng lên. Những bộ mặt già, dãn hẳn những nếp nhăn…

- A lúi! Cao Bằng giải phóng!

- Sung sướng vớ!

- Sung sướng nhiều lắm vớ!

Tôi đi khỏi, tiếng reo cười ở sau lưng tôi vẫn kéo dài. Đằng trước tôi, anh bạn Cao Bằng vẫn bước phăng phăng, mỗi lúc một nhanh hơn, và vẫn vung tay, giọng đắc thắng báo tin vui:

- Pi-noọng à! Cao Bằng giải phóng. Tây rút khỏi thị xã Cao Bằng. Sung sướng vớ? V`ê ăn mừng đi vớ!

Và những tiếng reo cười hoan lạc lại nổi lên. Lại dân công! Dân công nghỉ ở hai bên đường họp thành những rừng người l`ông vào những rừng cây. Trời tối hẳn. Những đám lửa phập ph`ồng chống lại bóng đêm dày đặc chực bóp nghẹt tất cả ánh sáng đi. Những bóng người lung linh lẫn với những bóng núi, bóng cây. Đường núi gập gh`ềnh, tuy có bóng lửa hắt lên, nhưng là thứ ánh lửa lập lòe, nên rất khó đi. Tôi không tài nào còn theo kịp anh bạn Cao Bằng. Anh bỏ tôi xa. Nhưng một quãng dài, tôi vẫn còn nghe vọng hai tiếng vang vang như kèn chiến thắng của anh. Và làn song reo cười chưa kịp tắt hẳn ở sau lưng tôi thì một đợt mới lại nổi lên ở phía trước mặt tôi. Vẫn dân công! Chỗ nào cũng gặp dân công. Như vậy suốt từ ngay lúc tôi bắt đ`ầu lên mạn trên này, nghĩa là hai, ba tháng trước trận Đông Khê. Các bản không đủ chỗ nằm, ban đêm họ toàn ngủ đường, ngủ bãi thế thôi. Tạnh hay mưa, cảnh màn trời chiếu đất vẫn chung cho cả bộ đội với nhân dân tham dự chiến dịch này. Họ bảo nhau: "Mưa chịu, tạnh được nhờ". Tạnh hay mưa là việc của trời. Giải phóng quê hương là việc của bộ đội với nhân dân. Luôn mấy tháng, nhân dân mạn trên này chuẩn bị gạo, muối, bò, lợn, đắp đường, tải vũ khí, sửa soạn cho bộ đội đánh Tây. Cuộc chuẩn bị lặng lẽ, bí mật, ở xa không ngờ, nhưng lớn lao, vất vả, tốn kém, công phu ngoài sức tưởng tượng của chúng ta. Ta chiếm lại Đông Khê, Tây rút lui khỏi thị xã Cao Bằng. Toàn tỉnh Cao Bằng giải phóng r`ồi! Sung sướng vớ! Sung sướng nhi`ều lắm vớ!...

L`ần mò ra mấy quãng rừng xen lẫn với những cánh đ`ồng, tôi đi đến đường vào cái lúc đã khá khuya và vào cái quán đ`ầu tiên ở ven đường. Không có anh bạn Cao Bằng nghỉ ở đấy. Không hiểu nỗi vui đã đẩy chân anh bạn đi đến tận đâu. Tôi lấy làm may gặp được một cái quán còn đèn để có thể vào trút ba lô xuống, hỏi mua một tí gì ăn và đi`ều đình một chỗ nằm để nghỉ.

Nhà chật quá. Nứa tươi, rạ mới cho tôi biết rằng nhà làm được độ mấy ngày thôi. Tây là Tây báo thù trận thua đau ở Đông Khê. Chúng cho tàu bay đi nã liên thanh và trút bom bừa bãi vào nhà của thường dân. Không còn một phố nhỏ nào chưa bị quấy rầy. Các phố tập trung phải phân tán thật rải rác ra… Chủ cái quán này có lẽ cũng vừa mất gần hết cái cơ nghiệp ở Trùng Khánh hay Quảng Uyên, chạy đến đây, làm lại ngôi hàng không còn biết là thứ mấy từ ngày phải tản cư, để lại kiên nhẫn làm ăn. Người ta đã sinh lì.

Cái tinh thần bền bỉ ấy như toát ra từ bộ mặt nhẫn nại của người đàn bà Nùng vừa mới dừng tay kim, chậm rãi ngước nhìn tôi. Chị ngồi khâu ở cạnh giường. Cây đèn dầu trẩu đặt ngay ở trên giường, soi tỏ ba cái đầu trẻ con đã ngủ say, thò ra khỏi cái khăn cũ chỉ còn trơ lại cái mền bông đen bẩn, đã rách bươm, lần vải bọc có lẽ đã phá ra may áo từ lâu. Cái cảnh trông vừa đầm ấm lại vừa rất ngậm ngùi, cũng như mặt người đàn bà rất bình tĩnh, rất hiền từ nhưng vẫn phảng một nỗi gì u uất.

- Không còn gì đâu, đồng chí ạ!

Tôi cứ đặt ba lô xuống rồi nhìn qua cái chõng hàng, nhìn vào bếp, hỏi.

- Còn bánh chưng không?

- Hết rồi.

- Phở vậy?

- Không có phở.

- Nồi gì kia?

- Bánh chưng ấy, nhưng chưa chin.

- Sắp chín chưa?

- Còn lâu, gần sáng kia!

Tôi thất vọng. Hàng quán hồi này như vậy đó: khi họ không sẵn thức ăn thì ta chỉ còn một cách là nhịn đói, đừng mong họ nghĩ ra một thứ gì cho ta ăn tạm. Tôi đành bảo:

- Không có gì ăn thì nhịn vậy. Nhưng tôi mệt lắm rồi, chị làm ơn cho tôi ngủ nhờ ở đây.

- Nhà chật lắm. Không có giường đâu.

- Tôi nằm đất… à đây! Tôi kê hai chiếc ghế sát nhau nằm cũng được.

Chị nhìn hai chiếc ghế rồi lại cúi xuống khâu không nói gì. Tôi bắt đầu loay hoay thu xếp. Kê chỗ nằm, trải bạt, giũ chăn xong, tôi mới lại bếp, xin nước uống. Tôi uống nhiều nước quá. Có lẽ chị nhận thấy và biết rằng tôi mệt lắm và đói lắm. Tôi thấy chị lại ngừng tay, ngước nhìn tôi một lúc rồi bỏ cái áo đang vá dở, đứng lên. Chị lại góc trong cùng nhà, lục lọi một lúc, rồi đem ra một bát cơm nếp, đưa cho tôi.

- Cơm nếp, đồng chí có ăn không?

- Còn gì bằng nữa? Có cơm nếp mà sao tôi không biết chứ!

- Nấu nhà ăn thôi, không bán. Trẻ con ăn còn thừa.

Như sợ tôi phật ý, chị bảo them.

- Nhà còn gạo, đồng chí muốn ăn cơm cũng được, nhưng không có rau gì cả.

Tôi bảo:

- Không cần, tôi ăn đây đủ rồi.

Tôi vừa ăn vừa gợi chuyện. Tôi hỏi đến chồng chị. Chị ngập ngừng một chút rồi khẽ bảo:

- Xa cách nhau lâu rồi.

Tôi hỏi:

- Anh đi bộ đội?

Chị càng lúng túng. Mãi một lúc, mới cười ngượng nghịu và nói như thú tội.

- Cách xa nhau mãi, không gặp được nhau nữa đấy. Khác nhau về tư tưởng.

Tôi ngạc nhiên hết sức. Phụ nữ thôn quê, phụ nữ miền núi nói danh từ, bây giờ không phải là một điều gì lạ lắm. Nhưng quả thật tôi cũng chưa từng nghe một người thất học nào nói đến mấy chữ "khác nhau về tư tưởng". Chị muốn cho tôi hiểu ra sao đây? Chắc chắn là chị dùng sai chữ. Ý chừng đây lại chỉ là một chuyện trái duyên lỡ kiếp hay cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt gì đó thôi. Nhưng không!... Dần dần chị tỉ tê kể cho tôi nghe chuyện anh chồng. Tấn thảm kịch bắt đầu từ hồi quân Quốc dân đảng Trung Hoa mượn danh nghĩa là Đồng minh sang chiếm đóng ở miền Bắc nước ta. Một trong những việc phá rối của chúng là tung đặc vụ, gây phong trào Hoa kiều hóa, dụ dỗ một số người dại dột. Chồng chị cũng bị dử vào tròng. Đến khi chúng rút về, anh cũng trốn sang bên kia, bắt cả vợ con theo. Chị cố can nhưng anh chẳng chịu nghe. Anh theo đuổi bọn phản động, làm thổ phỉ. Chị không biết làm sao được, một đêm liền đem con trốn về Việt Nam. Bố mẹ đẻ chị theo cách mạng từ lâu, em trai chị đi Vệ quốc quân. Chị không thể nào ở với chồng làm bậy. Vợ chồng xa cách nhau từ đó… Rồi giặc chiếm Cao Bằng. Ông bố đẻ chết ở thị xã vào lúc chúng nhảy dù. Bà mẹ chạy được ra ngoài, nhưng ít lâu sau cũng chết theo. Một mình chị buôn bán nuôi ba đứa con thơ, chẳng khác gì người góa bụa…

Tôi hỏi chị

- Tây rút khỏi thị xã Cao Bằng rồi, chị biết chưa?

- Cũng vừa mới được nghe người ta nói lúc nãy thôi.

- Chị có định về thăm thị xã không?

- Cũng muốn về, nhưng không được rồi.

Chị ngồi im một lúc. Đôi mắt chị nhìn xuống đất, trông rất âu sầu. Đột nhiên chị thở dài, nói nghẹn ngào.

- Thấy nói anh ta đã trở về Cao Bằng, theo Tây. Tôi nghĩ đi nghĩ lại, chưa muốn về.

Đường đi tới thị xã Cao Bằng tấp nập những người. Mặt người nào cũng hớn hở, tươi cười. Bấy giờ mới giữa trưa. Tối hẳn công an mới cho vào. Người nào cũng biết thế đấy, nhưng người nào cũng bước mỗi bước bằng bốn bước thường ngày và thỉnh thoảng lại hò nhau chạy một quãng chơi. Các chị, má đỏ như uống rượu, mắt long lanh, động một tí lại cười. Các anh, đòn gánh vác chổng ngược lên trời, vừa đi bình bịch vừa lố lố nói rất to. Các cụ già cũng đi khỏe, nói khỏe ra tuồng.

Có những người là dân ở thị xã trước kia, nóng ruột muốn về xem nhà cửa ra sao. Nhưng cũng nhiều người chỉ là dân ở các làng. Chẳng có nhà cửa gì ở thị xã để thăm nom nhưng họ cũng nô nức lắm. Họ đem theo quang gánh, tình nguyện ra nhập các đoàn vận tải chiến lợi phẩm, để vào xem thị xã.

Tới một con suối lớn, cầu đã bị ta phá từ lâu. Ở đầu suối bên kia, ngay ở đầu đường là một cái ụ gác của địch trước đây. Nước suối chảy ào ào qua một thân cây lớn chặn ngang dòng suối để làm cầu. Trèo lên đó mà nước chảy xiết còn ngập đến đùi, nước xô trượt chân người lần từng bước trên cây gỗ trơn rêu. Những người mang nặng có ý ngại ngùng. Lập tức mấy thanh niên khỏe mạnh đi người không, xông xuống trước. Các anh chống đòn gánh, sang để dò đường. Biết rõ chỗ sâu, nông rồi, các anh chia nhau đứng từng chặng, dang tay chống đòn gánh cho tất cả mọi người bám mà đi. Rồi các anh lại mang đỡ xe đạp, ba lô cho những người nặng quá.

Qua suối được tất cả rồi, mọi người hô nhau chạy. Một mình tôi đứng lại, tần ngần nhìn cái ụ gác của Tây. Ụ đắp bằng những bao cát lẫn với những hòn đá tảng to, để hở những lỗ sung để bắn ra. Bên trong có hầm sâu, kê gỗ ván để nằm… Tôi đang lẳng lặng nhìn, bỗng nghe tiếng lội suối ùm ùm. Quay lại thì ra một ông già quần xắn lên đến hang, dáng xồng xộc lội bừa

sang. Nước ngập đến hang, rồi đến thắt lưng, tóe lên chiếc áo cộc nhuộm chàm! Mặc! Ông già cứ lội bừa.

Ông sang đến bờ, giậm chân bèn bẹt rồi ngửa đầu lên, toan chạy qua cái dốc lên đường, bấy giờ mới thấy tôi.

- Chào đồng chí!

- Chào cụ! Cụ đi đâu thế?

- Đi về thị xã.

- Cụ có nhà ở thị xã không?

- Có. Có ba cái đấy.

- Có còn cả không?

- Không biết. Tôi tản cư mấy năm nay. Tản cư suốt từ ngày Tây nhảy dù đấy vớ!

- Cụ tản cư đi tận đâu?

- Xa lắm vớ! Cách đây ba ngày đường. Tôi đi làm thuê. Tôi làm cho sở thuộc da. Tôi biết làm da. Tay tôi đây này: thuốc nó ăn két lại, rửa không sạch nữa, như đã chín đấy.

Cụ giơ cho tôi xem hai bàn tay to lớn, tím thẫm màu da thuộc, rồi cười và sừng sộ bảo:

- Tôi làm suốt từ hồi ấy. Gần ba năm rồi vớ. Không đâu, không xin nghỉ ngày nào, cứ làm thôi. Mãi đến bây giờ giải phóng Cao Bằng, tôi mới xin nghỉ sáu ngày về thăm nhà cửa. Đốc công không cho nghỉ bảo: phải tìm người thay. Tôi bảo: vợ tôi thay. Đốc công bảo: Đàn bà không thay được – Tại sao không thay được? Vợ tôi nó làm phụ với tôi. Tôi dạy nó biết làm tất cả rồi. Tôi chỉ xin đi đúng có sáu ngày: ba ngày đi, ba ngày về, không ở ngày nào. Thế mà đốc công vẫn không bằng long cho đi, sợ tôi bỏ việc. Bỏ việc thế nào? Vợ, con tôi còn ở đấy, tôi chỉ đi một mình, có đem cả gia

đình đâu? Với lại bỏ việc làm gì? Kháng chiến ai cũng phải làm, biết nghề gì làm nghề ấy. Tôi biết làm da, tôi làm da. Tôi đã cần về thị xã đâu? Tôi chỉ thăm nhà xong tôi lại về làm cho sở. Sao không bằng lòng cho tôi nghỉ? Không bằng lòng, mặc kệ! Tôi bực mình, không xin về phép nữa. Cứ đi! Đi sáu ngày thôi. Hết sáu ngày, tôi lại về. Đốc công cho tôi làm nữa thì làm, không bằng lòng cho làm nữa thì thôi! Tôi cảm ơn đốc công rồi tôi đi. Tôi có ruộng ở gần thị xã, tôi về làm ruộng. Tôi không cần.

Cụ vừa nói vừa làm nhiều điệu bộ hùng hổ bằng đầu, mặt, chân, tay. Cứ như là cụ cự tôi, chứ không phải là phân bua với tôi về việc đi vô kỷ luật của cụ. Tôi mỉm cười, bảo cụ:

- Cụ ướt hết cả rồi! Cứ thong thả, không cần vội đâu, cụ ạ. Còn sớm, công an không cho vào.

Cụ trợn mắt, vung tay dữ dội.

- Mặc kệ! Tôi cứ vào. Công an giữ tôi lại, không cho vào, cũng phải cho tôi đến đầu cầu. Tôi chỉ đến đầu cầu thôi chứ có vào đâu mà cấm tôi? Nhất định công an phải cho tôi đến đầu cầu. Tôi chỉ cần đến đầu cầu, đứng đấy, nhìn vào phố, thấy cái nóc nhà tôi một tí, rồi quay ra ngay lập tức. Tôi phải đi đêm về sở, cho đúng hết sáu ngày là lại về đến sở… Chào anh! Tôi phải đi nhanh mới được.

Cụ lại hung hăng bước, những bàn chân vững chãi nện xuống đường bình bịch. Sáu mươi tuổi rồi còn khỏe mạnh quá! Cụ vừa đi vung vẩy vừa oang oang nói lớn như say rượu.

- Công an đuổi tôi cũng không chịu. Tôi không vào. Tôi chỉ cần đến đầu cầu thôi…

Với những con người đầu óc đang "bốc" lên như vậy, công an cũng thật khó xử. Thị xã giải phóng rồi. Dân chúng tôi mừng rỡ quá. Họ như điên. Họ đòi được vào để thăm nhà. Đến lúc được vào trông thấy nhà, nhiều người che mặt rưng rức khóc. Bao nhiêu ngày mong mỏi! Bao nhiêu ngày cực khổ, nhà mất của mất, có khi người chết nữa. Bây giờ lại thấy nhà: cố nhiên mừng mà khóc, nhưng cũng khóc vì nhớ lại những lúc cực khổ,

những người đã mất mát rồi. Đây là nơi vợ chồng yên ấm khi xưa… Đây là nơi đứa bé đầu long… Trước cửa nhà, trước đây có một cây to, chiều chiều bà ngoại lại đem cái chõng nhỏ ra ngồi tựa gốc cây, chơi với cháu yêu… Bao nhiêu đổi thay rồi! Cái cây đã mất lúc nào, bà mẹ già bị Tây bắn chết trong một trận chúng đi càn quét. Đứa con chết vì sốt rét lúc tản cư. Nhà bị phá phách, đào xé lung tung, tường long lở, đục lỗ châu mai, cánh cửa bị tháo ra, lát ụ ở ngoài đường. Đồ đạc mất hết, có những cái cửa bị chúng nó xây bịt kín đi một cách rất thô kệch bằng cách xếp gạch rồi trát đất… Trông không còn ra nhà nữa! Rồi lô cốt ở đằng sau. Dây thép gai. Ống bơ rỉ, vỏ đồ hộp chất đống với rác rưởi ngập ngụa và bẩn thỉu… Có những người dừng bước trước cửa nhà mình, che mặt rưng rức khóc. Những người khác thì cười thì chửi, chạy xăng vào nhà nọ nhà kia, đá cái này, quăng cái nọ, đập phá lung tung cho hả. Rồi lại có những kẻ tham vặt, nhặt nhạnh cái cốc, cái chén, cái nồi, cái chảo linh tinh. Những kẻ không có ý thức trọng của công cho rằng của Tây, của Việt gian, ai muốn lấy thì lấy, nên xông xáo lấy bừa bãi. Bọn tay sai của giặc, bọn cầu gió bẻ măng, phao đi những tin láo, làm cho dân chúng tưởng rằng có thể vào thị xã mà lấy của tự do. Vì vậy cảnh dân chúng kéo vào thị xã có hơi mất trật tự lúc đầu. Nhưng cán bộ kịp thời giải thích ngay. Trật tự trở lại rất nhanh. Dân chúng tự động trao trả lại các nhà chức trách những thức đã lấy về.

Chung quanh thị xã Cao Bằng, nhan nhản những lô cốt, những đồn. Đồn và lô cốt trấn ngự những đỉnh đồi cao, có thể kiểm soát tất cả những lối vào, lại có thể tuới đạn vào thị xã, khi cần. Trừ lối đường số 4 là lối ta khó dùng để tấn công vào, hai lối chính vào thị xã đều phải qua cầu, tất cả các lối khác, phải vượt sông. Cầu có đồn canh ở bên ngoài, lại có bốt gác ở bên trong. Đồn bốt đều là những công sự kiên cố, những ổ súng nguy hiểm cả. Dọc bờ sông là những lô cốt chìm dưới đất, chỉ nhô một tí đầu lên, vừa đủ để hé cái miệng lỗ châu mai để có thể phun đạn súng máy là là mặt đất, mặt sông. Ngay trong long thị xã, bóp canh, ụ súng, lô cốt nổi hay chìm… cũng nhan nhản ở khắp nơi. Nhà ở cũng biến thành công sự: cửa xây bịt kín bớt đi, tường đục lỗ châu mai. Các giao thông hào, các đường hầm chặt chặt, nối khu nọ với khu kia, lô cốt này với lô cốt khác.

Đánh vào thị xã Cao Bằng, còn khó gấp vạn lần vào hang cọp. Hang cọp chỉ có một lối thôi. Cái hang khổng lồ bọn giặc tạo ra ở thị xã Cao Bằng thì

nhiều ngách lắm. Đứng chỗ nào chúng ta cũng ở ngay trước miệng súng liên thanh của giặc. Chỗ nào cũng có công sự cho giặc nấp để bắn ta. Chỗ nào cũng có hầm hố cho giặc tiến, lui. Giặc có thể tiến sát đến ta mà ta vẫn không ngờ. Ta khó biết chỗ nào có, chỗ nào không có chúng.

Không! Giặc không còn cố dám giữ thị xã Cao Bằng mặc dầu từ trước đến nay chúng vẫn chủ trương phải giữ đến cùng theo kế hoạch Rơ-ve do phản động Mỹ đọc cho.

… Những tiếng nổ ở Đông Khê đã rung chuyển cả những công sự kiên cố của giặc ở Cao Bằng, ở Thất Khê, ở Nà Sầm, ở Đồng Đăng, ở Lạng Sơn. Giặc không còn dám tin vào công sự.

Tôi đã gặp ở thị xã Cao Bằng một người phu, một ngụy binh, một người Pháp. Cả ba cùng trốn ra khỏi thị xã Cao Bằng, tìm liên lạc với các nhà chức trách địa phương, sau ngày ta tiêu diệt Đông Khê và trước khi Pháp rút khỏi Cao Bằng. Nhờ họ, tôi biết rõ hơn tình hình thị xã trong thời kì giặc chiếm và vào những ngày chúng sắp rút đi.

Người Pháp đã đem súng ra hàng, cùng với một người bạn đồng ngũ, cũng người Pháp, anh này hiện còn đang ốm, nên tôi không tiện gặp. Chính anh tôi gặp cũng vừa mới ốm dậy. Trông anh còn thảm lắm: da vàng khè, bàn tay to xương nổi gân xanh, mặt nhăn nhó, bộ điệu mệt mỏi, già nua tuy mới hai mươi tám tuổi. Anh phàn nàn với tôi rằng anh sang Đông Dương được hơn hai tháng thì bị sốt ngay, từ bấy đến giờ, cứ sốt đi sốt lại mãi, có khi sốt liên mien, ký ninh uống cũng như tiêm mãi đến phát sợ rồi mà bệnh thì không khỏi. Từ ngày chạy sang hàng ngũ ta, anh cũng chưa được việc gì, chỉ toàn dưỡng bệnh… Thật ra thì anh cũng đã giúp chúng ta nhiều trong việc tìm ra những bẫy mìn và những kho quân nhu, vũ khí địch để phân tán và giấu kín.

Theo anh thì sau khi ta giải phóng Đông Khê, bọn chỉ huy Pháp ở Cao Bằng vẫn nói cứng như thường. "Việt Minh biết Cao Bằng là miếng khó nhai… Tập trung tất cả những lực lượng có thể huy động ở Đông Bắc, Việt Minh cũng chỉ đủ lực lượng để đánh Cao Bằng… Sau Đông Khê, bị cản trở vì thiệt hại nhiều, Việt Minh không dám đánh Cao Bằng, hay có định đánh

nữa thì chương trình ít ra cũng chậm hơn…". Chính tôi có đọc một bài truyền đơn, chúng nó thách bộ đội ta: "Các anh đã luyện tập kỹ. Các anh đã được cấp đầy đủ khí giới tốt, tại sao các anh vẫn chưa đánh Cao Bằng? Các anh sợ mìn chúng tôi sẽ làm tan xác các anh chăng? Hay các anh sợ dưới làn đạn súng máy của chúng tôi, hàng nghìn xác các anh sẽ để lại cầu sông Bằng, sông Hiến?". Chúng nó vẫn làm bộ không nao núng như vậy đó. Nhưng cái đuôi run run vẫn thò ra, chúng ra lệnh thiết quân luật, chúng định hiệu báo động, chúng đặt kế hoạch chống giữ khi bị đánh, chúng bắt chuẩn bị sẵn sàng chỗ bí mật để cất giấu tài liệu khi không kịp đem đi, chúng thu xếp cho vợ con về Hà Nội… Tất cả những hành động cuống cuồng ấy khiến bọn lính biết chắc chắn rằng thế nào ta cũng đánh Cao Bằng, mà ta đánh Cao Bằng thì mạng chúng khó mà còn. Những quán rượu đắt hàng hơn. Những anh chàng Lê dương mặt tối sầm, ngồi lặng hàng giờ, nốc rượu mạnh hết chai nọ đến chai kia. Chúng thì thầm với nhau chuyện Đông Khê, chuyện ta sắp đánh Cao Bằng. Tin chán nản từ quán rượu truyền đi. Bọn Việt gian, bọn ngụy binh phờ phạc, lo âu. Vợ con chúng xôn xao. Đêm đêm tiếng loa địch vẫn vọng vào. Một hôm, giữa ban ngày, một cái bè chuối cắm cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ lừng lững trôi trên sông Hiến. Có những lính Âu và ngụy binh trốn đi, đem cả súng đi theo. Bọn chỉ huy sợ những lúc quyết liệt, những người chúng đi càn bắt được, ép về thị xã ở sẽ bỏ chúng hoặc quay súng bắn vào đầu chúng. Chúng cho tàu bay trở hết đàn bà, con gái, trẻ con, cha mẹ, vợ con những người ở trong tay chúng đi, để bắt buộc họ phải trung thành. Đó là cái lệnh cho dân thị xã Cao Bằng tạm tránh đi, để tránh "Việt Minh khủng bố!". Dân đây chỉ bị những người bị chúng bắt được trong các cuộc đi càn quét đem về để làm phu sân bay. Chính những người ở thị xã Cao Bằng trước trận nhảy dù năm 1947 đã thoát ra ngoài, một số còn vướng lại, bị giặc tra tấn hay giết chết.

Người phu trốn được ra là một người thanh niên quê ở Hà Đông. Anh bị giặc bắt được ở làng anh, và cho đi máy bay lên đây cùng với bọn da đen vào những ngày bọn Pháp ở đấy đã sửa soạn để bỏ Cao Bằng. Ở trên máy bay bước xuống, anh nhìn thấy những người đàn bà ôm con lên chiếc máy bay tới trước, mặt mếu máo, nước mắt ròng ròng. Bọn kiểm soát chỉ cho họ mang theo rất ít đồ. Quần áo, đồ đạc thừa của họ bị chúng giật lấy một cách rất thô bỉ, quăng xuống đất. Dưới sân bay, những đám người khách

lếch thếch đi, lính quát tháo, thúc bách ở đằng sau. Lính tới từng nhà, điểm mặt, gọi đi. Đàn ông khỏe mạnh phải ở lại, không được cùng đi với vợ con; học sinh đi cùng lính sau, để làm phu. Tôi đã thấy ở sân bay những cốc chén, quần áo, đồ đạc của thường dân vứt bừa bãi. Tôi thấy cả những hòm sổ sách, giấy má, tài liệu không quan trọng của Pháp, bên cạnh những đống tro tàn giâys…

Mặc dầu có đủ thì giờ để chuẩn bị, địch đã rút một cách hấp tấp, vội vàng. Chúng nơm nớp lo đã lâu rồi. Vì vậy nhận được lệnh cho rút là mải mốt rút ngay. Vào thị xã ngay sau khi chúng rút, người ta nhận thấy điều ấy rất rõ ràng: trong nhiều nhà, đồ đạc bị xô lệch, tỏ sự hoảng hốt, cuống cuồng. Bàn ăn hay mâm cơm đang ăn dở với những đĩa đồ ăn chưa ăn hết, những hộp mới mở chưa kịp ăn, chai rượu uống nửa chừng, cốc rượu chưa cạn hẳn, hoặc nồi cơm bắc lên chưa kịp xới, rau đổ bừa ra nhà để lấy nồi… Tất cả những thứ ấy cho ta biết từ bọn võ quan đến những người phu, nhiều người chưa kịp ăn hay chưa ăn xong cũng phải lập tức bỏ cả đấy mà đi; cái kim của một chiếc máy khâu còn cắm trên đường chỉ mới chạy đến nửa chừng của một cái áo đang khâu, quần áo, giày dép, bít tất, mũ, mề đay, các đồ dùng lặt vặt cho đến cả sổ tay, tập ảnh, ví đựng tiền và giấy má… vương vãi ở trong nhà, ở trước cửa, ở ngoài đường, các kho quân nhu võ khí còn nguyên: ba khẩu đại bác mới chỉ kịp phá qua loa, máy điện chữa lại được ngay, chiếc máy chiếu bóng vẫn còn nguyên, cuộn phim còn lắp nguyên trong máy…

Tôi đã xem xét kỹ các phố. Tôi đã xem xét kỹ các nhà. Tôi đã nhìn tỉ mỉ từng cái giường, cái bàn, cái ghế trong tất cả các hạng nhà, từ nhà bọn võ quan cao cấp, bọn Việt gian to đầu đến nhà lính, nhà phu, mấy quán rượu, mấy hiệu buôn… Tất cả lộ một sự thiếu tin tưởng, một lối sống tạm bợ, cái tâm lý ăn xổi ở thì. Nhà nát không buồn chữa, tường bẩn không muốn quét vôi, cửa long lấy một sợi dây thép buộc qua loa. Chân giường gẫy thay bằng mấy hòn gạch xếp bên nhau. Đồ đạc toàn là đồ đạc của của đồng bào thị xã tản cư để lại. Những thứ tốt, bọn võ quan Pháp, Việt gian đầu sỏ lấy về chỗ chúng ở để dùng. Còn lại là những thứ mối mọt lòng gãy, ọp ẹp chẳng ra hồn. Những đồ đạc mới rất ít, có nữa chỉ là những thứ xấu xa bằng gỗ tạp. Buôn bán gồm mấy hàng tạp hóa, mấy quán rượu, mấy hiệu ăn. Anh ngụy binh ra hàng cho biết rằng: hồi Pháp còn đóng

nhiều vị trí, kiểm soát được một số dân không thể bỏ ruộng đất mà đi, những người dân bắt buộc phải giả vờ theo chúng nó, cứ đúng kỳ hạn phải đến trình giấy, nên thị xã còn có người lui tới. Bấy giờ chúng bày ra những trò bán vải, mở sòng bạc ngay giữa chợ, để dử một số dân đi chợ. Nhưng từ ngày chúng bị ta vây chặt, thị xã đứt hẳn mọi liên lạc với ngoài, buôn bán rút lại chỉ còn một số nhỏ người quẩn quanh mua, bán lẫn của nhau. Một vài kẻ sừng sỏ, dùng tiền hay gái, dựa vào thế lực mấy thằng quan, được chúng nó cho về Hà Nội buôn hàng Tây lên bán cho Tây: mấy đứa con buôn vô liêm sỉ ấy làm giàu. Mấy thằng nửa ma cô nửa bồi tiêm, mấy con mẹ tứ chiếng giang hồ mở quán rượu, tiệm hút, nhà thổ hay cả ba thứ ấy hỗn hợp với nhau kiếm ăn về bọn lê dương. Vợ ngụy binh, chị nào được chồng khéo xoay thì sống dựa vào chồng, chị nào phải chồng vụng xoay thì vừa sống dựa vào chồng vừa sống dựa vào các thứ Tây trắng, Tây đen hay ngụy binh không phải là chồng. Những chị hiền lành buôn bán còn con hoặc làm phu sân bay hay tất cả những người nghèo đói khác bị Tây đi càn quét bắt về. Cuộc sống ô nhục, bứt rứt và tẻ nhạt. Thức ăn thường ngày của Tây là đồ hộp: các thứ cá hộp, thịt bò hộp, bắp cải hộp… anh em dân công ta mới vào thì tưởng là quý hóa, nhưng phải ăn tạm mấy hôm đã chán kinh, phát ốm rồi. Gạo phát cho ngụy binh và phu là gạo tải từ Sài Gòn ra, trông thì trắng lắm, nhưng ăn thì nhạt nhẽo là khét lẹt vì là gạo máy và cũ quá, thường thường là đã mục. Tôi có cảm tưởng như chưa một bức tường nào được quét vôi lại một lần nào. Chúng mới chỉ phá được một ít nhà để lấy gạch bịt cửa những cái nhà khách cho lính của chúng nằm. Chúng đắp những ụ súng, đào những đường hầm. Chúng treo được rất nhiều dây thép gai để treo những chiếc ống bơ gỉ lên. Nghĩa là biến cả một cái thị trấn xinh xinh thành một chốn ẩn nấp rất bẩn thỉu để chui, hàng ngày ăn đồ hộp và gạo mục, nơm nớp đợi ta tấn công vào! Ngoài những thức ấy ra, chúng mới chỉ làm được một cái nghĩa địa ngót ba trăm mộ.

Chỉ có ngót ba trăm mộ thôi ư? Hơn một nghìn ngày, chạm phải hàng mấy trăm cuộc phục kích, đột kích, chống càn quét của bộ đội và du kích ta, là còn sốt rét, đi tả, thương hàn với trăm thứ khác nữa, chúng phải chết đến mấy nghìn. Mấy nghìn mạng con người mà chỉ còn giữ được có ngót ba trăm xác! Ngay cái nghĩa địa cũng không xứng đáng. Tôi nhìn kỹ từng ngôi mộ. Mỗi mộ một con số, một tên người. Tôi nhận ra mấy tên võ quan Pháp, chết ngay trong trận nhảy dù xuống Cao Bằng. Đây là những mộ người Âu,

phân biệt bằng những hình thập tự. Đây là những mộ lính da đen, có hình mặt trăng vẽ trên mộ chí, đếm thấy nhiều hơn. Nhiều hơn cả là những mộ ngụy binh, chúng đều là "Partisan".

Tôi đọc những dòng chữ: "Chết cho nước Pháp"… "Chết vinh quang"… rất mỉa mai.

Chết cho nước Pháp! Chết vinh quang! Mẹ già, vợ dại có lẽ khóc đến giờ vẫn chưa nguôi.

Bọn buôn máu và mồ hôi đã biến những chữ thiêng liêng thành tờ giấy bạc giả đổi lấy tính mạng những người khờ dại…

Chung quanh thị xã Cao Bằng, cỏ gianh phồn thịnh lắm. Có những con đường hoàn toàn bị vùi dưới cỏ gianh. Những con đường khác chỉ còn được một tí mặt đường, hai bên là cỏ gianh dày và ngập đầu người. Người ta không còn nhận ra những nền nhà ở cạnh đường, cỏ gianh đã mọc rậm như rừng. Cỏ gianh chờm lên tận mái một ngôi đền, chỉ còn thò một tí nóc đen ra. Cây hoang cỏ dại mọc um tùm che kín những bản thôn lẻ tẻ, bị đốt phá dở dang, chỉ còn sót lại một đôi nhà, cửa vách trống hoang không còn một tí đồ đạc nào ở bên trong, dường như không có người nào ở, nhưng thật ra vẫn có dăm, ba người ở. Những ông già lẩn lút ở lại, chăm nom những mảnh ruộng khuất, trong khi vợ con tản cư đi làm ăn chỗ khác.

Tôi vào nhà cụ già đã ở lại làng suốt trong thời kì tạm chiếm. Cụ đã bảy mươi tuổi nhưng vẫn còn khỏe lắm. Cụ bảo: "Tôi như con ngựa của thằng Tây: cả ngày không ngủ, cứ ăn cơm tối xong mới đi nằm, ngủ một giấc cho đến sáng". Một mình cụ làm ba mẫu ruộng, thóc ăn không hết, giấu giếm một ít ở gần làng, còn bao nhiêu con về gánh ra ngoài. Mắt còn sáng, xỏ kim lấy được. Nghe động, chạy nhanh như con cầy, con cáo, lẩn cũng tài như con cầy, con cáo; nhưng hôm nào chúng nó đến tận nơi mới biết, không kịp chạy, cụ làm ra bộ già yếu lắm, lưng còng xuống, mắt hấp hem, vừa thở vừa ho sù sụ, nói bải hoải tai nghiêng nghiêng ghé ghé, mặt ngẩn ngơ như người điếc đặc. Chúng nó chửi, cụ gật đầu, móm mém cười đần độn. Thỉnh thoảng lại thở dài, chán nản: "Con theo Việt Minh đi đâu mất rồi, không biết. Cụ già lắm, đi tản cư không làm gì nên ăn, ở nhà giồng bẹ

thôi". Một lần một thằng Tây lại quát vào tai cụ hỏi: "Có thấy Việt Minh không?". Cụ chắp tay khúm núm, cười cười bảo: "Vợ chết rồi. Vợ chết rồi. Vợ chết lâu lắm rồi…".

Cụ kể với tôi những chuyện như vậy và cười khoái chí. Cụ bảo tôi: "Sao nó hỏi ngu thế nhỉ? Có thấy Việt Minh không? Việt Minh đây chứ Việt Minh đâu! (chỉ chỉ vào ngực cụ…). Rồi nó lại nói: có thấy bộ đội không? Sao không thấy, nhưng ai bảo nó? Tôi vẫn dẫn đường cho bộ đội, cho du kích. Bộ đội, du kích vẫn ăn cơm nhà tôi luôn. Hôm nào có anh em, tôi ra tận đường canh gác, nhỡ có chúng đến thì báo hiệu cho anh em biết…"

Thấy tôi mở bản đồ ra xem, cụ cũng ghé lại xem. Cụ bảo tôi.

- Bản đồ gì đây?

- Bắc Bộ.

- Có tỉnh Phú Thọ không?

- Có đấy. Phú Thọ đây.

Tôi chỉ một cái khoanh tròn nhỏ tí. Cụ thích lắm, hỏi them.

- Yên Bái chỗ nào?

Thấy Yên Bái rồi, lại hỏi:

- Sơn La?

Tôi chỉ Sơn La. Cụ hỏi:

- Ở Tây Bắc có phải không?

- Vâng, Tây Bắc.

- Chuyến này có đánh trận nào không?

- Đánh Pa Kha, chỗ này đây.

Tôi chỉ trên bản đồ và thuật lại cho cụ nghe những trận đầu tiên của bộ đội và nhân dân Tây Bắc đánh để phối hợp với bên này.

Cụ lại càng thích lắm. Cụ bảo tôi.

- Con thứ hai ở mặt trận Tây Bắc đấy. Trước làm trung đoàn trưởng V… Đồng chí có biết không?

Cụ kể chuyện anh.

- Nó hoạt động lâu rồi, từ hồi Nhật chưa sang. Nó được sang Trung Quốc học. Ngày ấy, tôi sợ Tây bắt nó nên bảo nó: "Con đi theo cách mạng, đánh Tây, cứu nước, thầy cũng biết là phải lắm. Thầy cũng muốn đánh Tây, cứu nước, nhưng không thấy con có một khẩu súng, viên đạn nào, mà Tây thì có nhiều súng đạn, thì con đánh nó làm sao được?". Nó bảo: "Thầy đừng lo! Rồi bao nhiêu súng đạn của chúng nó sẽ thành của ta cả đấy". Tôi nghe nó nói vậy cũng biết vậy, nhưng không hiểu ra sao. Bây giờ thành ra thật: của cải của Tây ở Đông Khê, ở Cao Bằng, thành của ta rồi nhỉ? Lấy được bao nhiêu súng đạn thế, tha hồ đánh. Đánh được chúng nó, lại được thêm súng đạn…

Tôi từ nhà ké, quay trở về thị xã. Mưa vừa mới tạnh. Chiều rồi. Trời ảm đạm. Mây vướng trên các đỉnh đồi. Người đợi vào thị xã tránh mưa cả trên đường sá vắng ngắt. Nước sông Hiến trôi không tiếng động. Chiếc cầu đen thủi vương qua sông không một bóng người. Thành phố im lìm. Trông từ đằng xa nó giống như một mảnh đồ chơi cũ kỹ của một thằng bé đã chết, lâu ngày bị bỏ quên giữa những đồi trọc bãi hoang. Bên trên cái bãi hoang lạnh của đồi, bãi mênh mông là cái hoang lạnh mênh mông của trời chiều. Đã có biết bao nhiêu buổi chiều ảm đạm như thế rồi? Những cái lô cốt chót vót, cô lẻ giữa cảnh đất trời hoang vu và bát ngát. Người lính Pháp xa quê hương, nghĩ ngợi gì, khi đứng trên những lô cốt trơ vơ giữa không gian lạnh lẽo kia, những chiều buồn? Anh tình báo của bộ đội ta một mình vào vùng địch, nằm ở cái nhà nát của ông ké, trong một ngõ xác xơ, thấy ấm lòng và vững dạ biết bao? Không cái gì có thể thay thế được lòng người. Tên lính Pháp đứng gác trên lô cốt, mặc dầu có công sự chắc chắn và vũ khí lợi hại trong tay vẫn thấy mình lạnh lẽo, cô độc và nhỏ yếu.

Tôi đã vào một quán rượu, trước đây bọn chúng hay đến nhất. Đó là một cái nhà ọp ẹp, một tầng mà cũng vẻn vẹn có một căn. Hai bộ bàn ghế lùn bằng gỗ tạp, một cái quầy còn lổng chổng những chai cốc, sặc sụa mùi rượu mạnh, đồ đạc không có gì đáng chú ý, ngoài vẻ tồi tàn. Thềm nhà tiết ra hơi ẩm. Ba bức tường có vẽ.

Bức tường bên phải vẽ một cảnh phố như ở Pari. Phố rất đông người nhưng làm sao trông rất quạnh hiu? Những cặp trai gái khoác tay nhau, đi vật vờ như đi trong cõi hoang lạnh của mình. Một anh đi đường mặt chưa già nhưng dáng người lụ khụ, mặt húp híp, bì bì trên đôi vai cụp xuống, bên cạnh một chị người xộc xệch, mặt phờ phạc, đầu ngoẹo xuống vai và hai mắt nhìn xuống đất. Bức tường bên trái vẽ một cảnh loạn xạ hơn, một cảnh đua ngựa, một cảnh đánh bài, một anh chàng lảo đảo, ngước cổ dốc ngược một cốc rượu vào mồm bằng một tay và tay kia cầm sẵn cái chai để rót thêm, một lão già híp mắt nhìn thân hình con gái lõa lồ, những cặp khiêu vũ nhảy như điên, tất cả cái ấy quay cuồng chung quanh cái tháp Ephen nghiêng ngả, có chăng cờ của Pháp, Mỹ, Anh cùng với cờ của Giáo hoàng, và bên trái nữa, ở chỗ sát mây, một cái biển viết một dòng chữ Pháp: "Septième ciel à louer – Tầng trời thứ bảy cho thuê!...". Bức thứ ba, vẽ ở góc bên phải bức tường trông ra cửa, giản dị hơn. Đây chỉ là một cảnh quen thuộc với đội quân viễn chinh Pháp ở đây: một gã lê dương cao lớn, một tay xách tai một con lợn, khiêng nó với một gã lê dương khác, tay kia giơ cao lá cờ ba sắc, mặt hớn hở, mồm há hốc như hô to một khẩu hiệu lớn lao nào đó, sau lưng là một chú ngụy binh xun xoe, đê tiện, tay cầm gà…

Tôi rời thị xã Cao Bằng để đi về phía Lạng Sơn, bấy giờ cánh quân vừa bỏ thị xã Cao Bằng cũng như những cánh quân đi đón nó, đi cứu nó – chín tiểu đoàn vào hạng tinh nhuệ và gan góc bậc nhất của Pháp – tất cả đã tiêu tan. Hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn hoàn toàn giải phóng. Biên giới không còn bị khóa. Một số đường giao thông cần thiết trở về ta. Đồng bào Cao – Lạng cày cấy lại được những ruộng đất bị bỏ hoang. Đồng bào toàn quốc vui mừng. Thế giới dân chủ vỗ tay, hoan nghênh trận chiến thắng lớn của Việt Nam. Nỗi vui chiến thắng, chan hòa ở trong lòng mọi người, như chiếu rọi cả ra ngoài, rung lên thành ánh sáng trong nắng óng ả mùa thu. Con đường rậm rịt đang được những con người ca hát sửa sang. Giặc đã bị

đánh lui, cái hoang vu cũng bị đánh lùi theo. Người tấp nập trở về. Những người lẩn lút trước đây, bắt đầu sống ngang nhiên. Nhà nát chữa lại, nhà mới dựng thêm. Lối đi được phát quang. Qua các bản, các thôn, đã nghe tiếng gà lợn, tiếng gà con. Từng cánh ruộng cỏ gianh đốt, thơm mùi cỏ mật. Nay mai lại mắc máng dẫn nước vào, lại cày lên. Lúa thuần thục trở về, thay thế loài cỏ dại…

Tôi đọc thấy những lời cáo thị của ủy ban kháng chiến hành chính địa phương, kêu gọi những đồng bào đã lầm đường hoặc bị ép đi theo giặc, còn tản mát ở các nơi, hãy trở về. Và tôi gặp họ trở về. Chính họ ngạc nhiên: Pháp vẫn dọa họ rằng Việt Minh sẽ báo thù, họ cũng có nghi ngại một đôi phần, họ không ngờ việc trở lại của họ lại gọn ghẽ, dễ dàng đến thế. Bộ đội ta cho họ nhập vào các đội dân công. Khi hết nhiệm vụ rồi, họ được về nguyên quán.

Một bọn vào ngủ nhờ cùng với chúng tôi, trong một cái quán của một chị Thổ vừa dựng ở ven đường. Họ tự xưng là những người buôn bán ở Cao Bằng, bị Pháp bắt đi. Chị Thổ nhìn họ chăm chăm, rồi quay vào, nói nhỏ với tôi:

- Không phải người buôn bán đâu, anh ạ!

Tôi hỏi:

- Sao chị biết?

- Em nhận được mặt một người. Người đứng tuổi, mặc áo tây đen, đứng mãi ở bên kia đường, anh có thấy không? Nó làm việc với Tây đấy. Nó là Páctidăng già, chứ buôn bán gì!

- Sao chị biết?

- Em vẫn ở đây, em lại gì? Em nấp trong bụi, trông thấy nó luôn. Có lần nó đứng trên kia, sai lính xuống vườn nhà em, cắt quả bí. Em giận lắm. Trông thấy cái mặt nó, ghét, cũng chẳng muốn cho uống nước nữa. Nhưng nghĩ cho cùng thì Chính phủ tha cho người ta còn được nữa là mình… Tay cũng

có ngón dài, ngón ngắn, phải không anh? Người cũng có người khôn, người dại.

Tôi tán thành ý kiến chị. Chị quay ra đổ nước thêm, mời mấy người đang uống, rồi gọi với sang người mặc áo tây đen, ngồi mãi vệ đường bên kia.

- Mời bác sang đây xơi nước. Có nước nóng.

Người kia do dự một tí rồi mới sang – có lẽ vì cũng biết mặt chị hàng. Anh ta có vẻ hơi ngượng. Nhưng chị đổ nước cho anh ta một cách rất tự nhiên và hỏi chuyện anh ta vui vẻ… Tôi nghĩ đến chị Nùng có chồng theo quân của Tưởng Giới Thạch rồi theo Pháp. Nếu anh ta còn sống, vẫn có thể trở về với vợ con. Chính phủ khoan hồng. Đồng bào rộng lượng. Nhưng liệu anh ta có còn sống nổi không, hay là đã tan xác trong khi bị đẩy ra đỡ đạn cho Tây ở Cốc Xá, Khâu Luông hay nơi nào rồi?

Tôi gặp ở Đông Khê một đội tân binh gồm toàn những người ngụy binh mới ra hàng ta trong trận vừa rồi. Khi thấy Tây bị ta chặn đánh, họ đã quay sang bắn lại Tây rồi chạy sang với bộ đội ta. Cảm kích về cách đối đãi thân ái của bộ đội ta, họ không muốn về quê, họ xin tòng ngũ để đi đánh giặc lập công, chuộc những lỗi lầm trước. Tôi đến vào lúc họ đang học hát. Bây giờ họ mới biết được những buổi tối sinh hoạt của anh em Vệ quốc quân. Họ thấy khác xa với cái đời làm lính cho đế quốc trước đây. Họ có cảm giác như người vừa sống lại.

Không phải chỉ những ngụy binh mới cảm thấy nỗi sung sướng được thoát khỏi tay đế quốc. Lính Âu, lính Phi cũng đều cảm thấy. Tôi gặp trên đường nhiều tù binh hoặc da trắng, hoặc da đen. Họ không có vẻ là những người bị bắt mà lại có vẻ những người mới thoát tù. Họ cười đùa. Một anh hút cái tẩu vừa lắc lư cái đầu một cách hài lòng, bảo:

- Thế là tổng phản công rồi!

Ông giáo đang nói chuyện với anh, lắc đầu bảo:

- Chưa phải là tổng phản công.

Anh ngạc nhiên:

- Tại sao chưa?

- Chúng tôi còn phải đánh nhiều trận to hơn nữa.

- Vậy thì các anh đánh luôn đi! Tôi nóng lòng về nước lắm…

Có những anh đáng lẽ chỉ còn mấy ngày nữa là đến hạn được hồi hương. Một anh bảo:

- Tôi viết thư báo cho vợ tôi biết tôi sắp được về. Được tin này chắc nó lại tha hồ mà khóc!

Anh ngẩn mặt ra một lúc rồi anh nhổ bọt và chửi tục. Tự nhiên một anh bật lên, giơ nắm tay, phùng má, trợn mắt hô:

- Treo cổ Sác-tông lên!

Tôi còn gặp nhiều toán đồng bào, phần đông là phụ nữ bị địch bắt lên máy bay tải từ Cao Bằng về Lạng Sơn được bộ đội ta giải phóng, lũ lượt kéo nhau trở lại Cao Bằng. Chồng con bị Tây bắt đi cùng với chúng, chẳng biết sống chết ra sao, lạc lõng ở đâu. Họ bị bọn lính Pháp lục soát, có vòng, nhẫn, tiền hay vật gì đáng giá, tước hết cả rồi. Sau khi đã để mặc cho bọn lính làm cái việc ăn cướp trâng tráo ấy, bọn chỉ huy còn bảo họ: "Các quan đi ít lâu rồi lại trở lại đây. Ai đi được thì đi. Ai không đi được thì ở lại. Nhưng ở lại thì coi chừng Việt Minh nó vào nó cắt đầu cả lũ!". Có những người ngờ nghệch, vẫn còn tin lời chúng. Họ đi theo. Bị ta đuổi riết, chúng thúc đi nhanh. Những người còn phải mang con nhỏ, không đi nhanh được, chúng bắt đặt con xuống đường, bỏ đấy mà đi. Chúng đi rồi, đồng bào ở ven đường thấy có trẻ con bỏ đường lẫm về nuôi. Người ta kể chuyện rằng: vợ một tên Việt gian, không đi theo kịp, thấy chồng đi mất rồi, bơ vơ với một đứa con bế ngửa, sợ quay về cũng bị ta giết, liều lĩnh ném đứa con xuống sông rồi nhảy theo. Những người trông thấy, cũng đang lo sợ, nên chỉ ngồi xúm lại với nhau mà khóc lóc, chẳng ai can. Trông họ đi lếch thếch mà ái ngại! Những người mẹ mắt đỏ hoe giàn giụa nước, gánh những đứa con mặt nhếch nhác, ngẩn ngơ. Những đứa trẻ mặt buồn thỉu hay nhăn

nhó, chân quấn giẻ để đi trên đá cho đỡ đau, không còn muốn bước. Những ông già mặt phờ phạc, ngồi xuống vệ đường để rên và thở. Họ bị lừa dối quá lâu, sự thật ở ngoài vùng tự do bị lũ giặc che đậy, bưng bít, xuyên tạc hết. Cuộc giải phóng đột nhiên mở toang các thị trấn, làm họ tiếp xúc lại được với đồng bào ở bên ngoài, với cuộc sống ở bên ngoài. Họ ngạc nhiên khi qua Thất Khê san sát những cờ đỏ sao vàng vẫn thấy rất đông những người Pháp đi đứng rất ung dung. Trong một thị trấn đã về ta, đã đầy những bộ đội chiến thắng của ta, vẫn còn những người Pháp cười nói, đi bách bộ trong vườn hay ngồi hút thuốc lá một cách yên hàn, bình tĩnh thế kia ư? Lại có cả tàu bay Pháp ở sân bay nữa! Thế là nghĩa làm sao? Một người đàn bà tức quá, không chịu được. Chị đặt cái gánh trẻ con xuống, hỏi một anh bộ đội đi qua.

- Đồng chí ơi, có phải ta với Pháp đình chiến rồi không?

Anh bộ đội ngạc nhiên, nhìn chị từ đầu đến chân, rồi nghiêm khắc hỏi.

- Ai bảo chị?

- Không. Nhưng em thấy người Tây ngồi nhan nhản cả kia?

Anh bộ đội bật cười.

- Đó là những tù binh, lính Pháp ta bắt được.

- Thế chiếc tàu bay kia?

- Ta cho chúng nó đem tàu bay đến để tải một số xác chết và một hố Pháp bị thương về Hà Nội. Cái này hỏng máy, không có người chữa, chưa đi được. Ta cho gửi…

Sao lại thế? Họ đã thấy mỗi lần Pháp bắt được ta, bất kể là bộ đội du kích hay có khi chỉ là những dân thường bị tình nghi, chúng tra tấn dã man, rồi chúng cắt tiết hay chặt đầu đem bêu ra phố cho mọi người trông thấy. Họ không ngờ cách ta đối đãi lại với chúng nó lại dễ dãi, khoan hồng đến thế…

Tôi trở về hậu phương. Luôn mấy tháng nay, các vùng hậu phương ở đây cũng vắng hẳn người như ở Cao Bằng, dân đi phục vụ tiền tuyến cả. Nhưng bây giờ thì đồng bào đi phục vụ tiền tuyến đã về. Lập tức họ đổ xô ra đồng, gặt hái ngay. Các cán bộ họp để rút kinh nghiệm về việc huy động dân công phục vụ chiến dịch vừa qua mới được giải phóng, đề ra bao nhiêu việc phải làm, tổ chức các việc tăng gia sản xuất, giáo dục nhân dân, phát triển dân quân du kích… Phải cung cấp thêm cán bộ các ngành cho các vùng ấy, để trong một thời gian ngắn, hết sạch những ruộng hoang, những khối óc mù mịt, do lũ giặc đã gây ra trong mấy năm chiếm đóng… Những đồng bào tản cư nhộn nhịp trở về với ruộng đất cũ của mình. Họ bỏ nghề buôn bán tạm bợ để quay lại với công việc sản xuất vững chắc hơn. Mấy phố buôn bán vẫn hẳn những tiệm cà phê, những hàng quà. Hàng giảm giá, gạo rẻ hơn: một phần vì người ta nóng nảy muốn về ngay, bán rẻ cho chóng hết nhưng một phần cũng vì chiến dịch thắng lợi mở cho người ta nhiều triển vọng…

Tôi về thị xã. Gặt hái vừa xong. Nhà nào cũng làm bún, bánh giầy, giết gà, vịt ăn Tết tháng Mười. Vẫn là theo cái tục hàng năm. Nhưng Tết cơm năm nay có ý vị riêng, đồng bào vừa ăn Tết, vừa ăn mừng chiến thắng. Họ băn khoăn một điều, không hiểu bộ đội có được nghỉ ngơi, ăn mừng chiến thắng không? Họ đã được trông thấy bộ đội đánh giặc cực kỳ vất vả, đánh luôn mấy ngày liền, bỏ cả ăn để đánh, ăn bí xanh để đánh, bởi còn chạy đuổi giặc, cấp dưỡng không đuổi kịp. Ăn hạt gạo mới nhớ đến công lao cày cấy, chăm bón suốt một mùa, nhưng cũng nhớ đến người chiến sĩ đuổi giặc, giữ gìn thóc lúa cho dân. Xã này cũng như tất cả các xã khác đều có nuôi sẵn bò, lợn để bộ đội ăn mừng chiến thắng: chưa thấy người về lấy.

Tôi rất cảm phục cái tinh thần giác ngộ của những người nông dân miền núi còn rất chất phác này. Bây giờ nhiều người khi ốm thích tiêm thuốc hơn là mổ gà, mổ lợn cúng ma. Đó chỉ là một hiện tượng mới thấy chừng hơn một năm nay. Nhưng từ hơn một chục năm trước, đã rất nhiều người tin cách mạng rồi. Các nhà cách mạng Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh, Chu Văn Tấn… là những người được đồng bào ở đây nhắc đến nhiều, bằng giọng nói và lời lẽ rất cảm phục, rất mến yêu, trong những câu chuyện nói với chúng tôi vào những buổi tối ngồi nướng sắn quanh bếp lửa. Từ hơn một chục năm trước, ở đây đã nổ ra những cuộc

chống đi phu, chống nộp thuế cho đế quốc. Đế quốc đã bắt bớ, chiếm giết, tù đày rất nhiều người. Chúng nó đã đốt làng, dồn làng, bắt dân ở tập trung cả một chỗ, ngày đêm canh gác. Nhưng cách mạng vẫn âm ỉ như thường để những cuộc tranh đấu thỉnh thoảng lại bùng ra. Bị dập ở chỗ này, cách mạng lại lan ra chỗ khác. Nó len cả vào những xã tập trung, có lính canh gác ngày đêm – lính canh gác, gần gũi những người dân cách mạng, dần dần cũng theo cách mạng. Bọn thực dân dùng trăm hình, trăm cách cũng không làm tắt nổi phong trào. Năm 1940, nổ ra cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn. Cái mầm võ trang tranh đấu được Đảng cộng sản Đông Dương săn sóc, chăm nuôi. Nó lớn lên. Nó lan xuống Đình Cả, Võ Nhai rồi tỏa ra cả Thái Nguyên, Bắc Giang, Tuyên Quang. Nó nối liền với phong trào Bắc Cạn, Cao Bằng. Từ chiến khu Cao – Bắc – Lạng, cuộc tranh đấu tiến xuống phía Nam, bao trùm cả Việt Bắc, rồi toàn quốc, rồi Tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn đất nước.

Người Bắc Sơn nhắc lại bước đường trước ấy vào dịp giải phóng Cao – Lạng này.

Chúng tôi được tin giặc phải rút khỏi Lào Cai, Hòa Bình. Bộ đội liên khu III diệt hai mươi vị trí địch, bức chúng rút ba mươi vị trí. Chắc chắn rằng ở Trung Bộ, ở Nam Bộ, giặc cũng bị thiệt hại nhiều trong những trận bộ đội ta ở những nơi ấy đánh để phối hợp với Cao – Lạng vừa rồi. Chúng nó đang kêu gào Mỹ giúp thêm. Chúng nó cho tàu bay đi bắn phá bừa bãi các chợ, các phố, các làng, bắn cả đến đàn trâu dưới ruộng, tốp người lẻ tẻ bên đường. Chúng nó đang bắt người, cướp thóc ở các vùng tạm chiếm để lập ngụy quân; cũng có nơi chúng nó lại lùng giết hết những thanh niên nam nữ chỉ để lại những người già, yếu… Ta thắng lợi thì địch tất phải đối phó mạnh hơn. Chúng ta còn phải vượt nhiều dốc lắm. Có điều chúng ta không sợ dốc…

Đồng bào ở xã tôi tạm trú cũng tin như vậy. Mặc dù địch xa, họ không coi thường địch. Họ cất giấu thóc lúa, đào hầm để tránh máy bay khủng bố. Họ thảo luận chương trình, tăng gia sản xuất mùa chiêm. Họ tăng cường du kích, dân quân. Nhiều người đi lên tỉnh đầu quân. Cái đà mạnh đã có rồi, phải nhân đó mà đẩy cho cuộc chuẩn bị tổng phản công thật mạnh, thật nhanh. Địch đã bị một vết thương đau. Phải đánh cho chúng túi bụi, không

thể nào gượng lại được nữa. Cao – Lạng đã giải phóng nhưng toàn quốc chưa giải phóng thì Cao –Lạng vẫn chưa yên ổn. Nhân dân Cao – Lạng vẫn sẵn sàng đi dự các chiến dịch khác, cũng như đồng bào ở Trung du, ở đường số 5 đã gửi những đoàn vận tải lên Cao – Lạng.

Cao Bằng 7-10-1950

Bắc Sơn 24-10-1950

(Tạp chí Văn nghệ số đặc biệt mừng chiến thắng Cao – Lạng)

HỘI NGHỊ NÓI THẲNG

"… Tập luyện kỹ. Trang bị đủ. Tất cả những điều kiện vật chất chuẩn bị đủ cả rồi. Nhiệm vụ cũng đã hiểu rõ lắm rồi. Nhưng nếu trong bộ đội còn có người thắc mắc, buồn bực, chán nản trong lòng, sức chiến đấu chung sẽ giảm đi. Phải cho họ trút tất cả những cái gì bấn vương đầu óc họ ra. Có điều gì canh cánh trong lòng, nói ra cho bằng hết. Muốn nói gì thì nói: phê bình cách đối xử của cán bộ từ cấp dưới đến cấp cao nhất, phê bình Cục, phê bình Bộ, phê bình Chính phủ… cứ việc phê bình; rồi chuyện nhà cửa, vợ con… cho nói tất. Nói để tìm cách giải quyết cho họ hả. Có vậy họ mới có thể nhẹ lòng thênh thênh đi ra trận, để hết tâm trí vào chiến đấu…".

Câu chuyện vừa đến đây, anh chính trị viên dừng lại. Chúng tôi đã đến trước một cái nhà sàn lớn. Dưới gầm sàn sạch sẽ, các đội viên đang tới tấp lĩnh quần áo, giầy, bạt, bình toong. Họ ướm thử. Họ hỏi nhau. Họ cười nhau… Anh chính trị viên đứng ngoài bóng tối với tôi nhìn. Ánh lửa hắt ra soi rõ trên mặt anh một nụ cười sung sướng.

Chúng tôi lên sàn. Các khẩu hiệu viết trên giấy màu sặc sỡ cả chung quanh. Những khẩu hiệu rất vui "Nói hết! – Nói toạc móng heo – Người nói không e ngại, người nghe không giận – Yêu nhau mới nói thẳng với nhau – Không nói thẳng là không đoàn kết…".

Mất phút sau, các cán bộ lên, rồi cả trung đội lên. Hội nghị cử chủ tịch, thư ký rất nhanh. Rồi bắt đầu nói thẳng.

Chủ tịch đứng lên.

- Các đồng chí chú ý! Tôi đề nghị tiểu đội 1 nói trước. Chúng ta lần lượt phê bình các cán bộ, từ tiểu đội lên đến trung đoàn, sau đấy có những vấn đề gì thắc mắc trong bộ đội, nói hết ra. Rồi những điều thắc mắc ngoài bộ đội. Bắt đầu, ta phê bình anh tiểu đội trưởng. Mời anh tiểu đội trưởng lên.

Một thanh niên chừng độ hai mươi tuổi đứng phắt dậy giữa đám đông lố nhố, anh sấn sổ bước lên phía bên phải chủ tịch và thư ký. Anh ta ngồi xệp

xuống, xếp bằng tròn, tì cổ tay lên đùi và cầm sẵn bút chì, ưỡn thẳng cái đầu lên toét miệng cười và dặng hắng. Một thứ tiếng mạnh bạo bật ra.

- Yêu cầu các đồng chí kể tội tôi. Tôi thì nhiều tội lắm!

Một người dặng tiếng thật to đáp lời anh. Mọi người cười. Chủ tịch mới cười được một nửa, sực nhớ ra, cố làm nghiêm và trịnh trọng:

- Yêu cầu im lặng! Các tổ đã hội ý với nhau trước cả rồi, phải không? Yêu cầu nói.

Một cánh tay vung lên khỏi những cái đầu san sát.

- Tôi xin nói.

Nhiều cái đầu động đậy, quay mặt nhìn vào phía người xung phong nói. Anh ta nói:

- Tôi có ý kiến là anh hay gắt lắm. Anh em tập hơi luống cuống một tý là quát ngậu lên. Anh Thản mới nhập ngũ, cố nhiên còn chậm chạp. Thế mà hơi chậm một tí là anh tiểu đội trưởng gắt: "Tay hậu đậu, gờ guộng như con khẹc!".

Anh tiểu đội trưởng xích cái đùi lại bên đèn, ngoẹo đầu, xếch một bên mép lên, hí hoáy ghi. Chủ tịch chắp hai tay dưới cằm, nghếch mặt nhìn bao quát mọi người.

- Thế nào? Các đồng chí khác thấy có đúng không?

- Đúng ạ!

- Đúng thế nào?

- Thế ấy ạ! Anh ấy hay nhiếc anh em.

- Đồng chí đã bị nhiếc lần nào chưa?

- Có ạ! Có một lần tôi ốm, không đi vào rừng lấy vỏ cây vê đan lưới được, anh ấy nhiếc tôi. "Cơm thì nồi lớn, nồi bé, bằng nào cũng hết. Chỉ biết ăn phưỡn bụng ra như cái ró mẹ ấy rồi đủng đà đủng đỉnh kêu nhức đầu, sốt rét". Chúng tôi vào bộ đội mục đích để cứu nước, chứ có phải để kiếm cơm đâu? Cơm là cơm Chính phủ, chúng tôi ăn chúng tôi khắc phải nghĩ, chúng tôi có lỗi thì phê bình, cảnh cáo, việc gì phải nhiếc móc như chủ nhà với thằng ở vậy?

Chủ tịch đưa bàn tay úp sấp ra phía trước, gật đầu:

- Được rồi! Các đồng chí khác?

Các đội viên tranh nhau kể. Đại khái toàn là những câu hỏi nặng, những cử chỉ cục cằn. Chủ tịch hỏi:

- Anh em đồng ý là anh tiểu đội trưởng hay gắt gỏng có phải không?

- Đồng ý.

- Còn gì nữa?

Im lặng, người nọ ngoái nhìn người kia. Chủ tịch nhắc lại.

- Ngoài tính hay gắt, anh tiểu đội trưởng còn có tính xấu nào nữa không?

Hai ba tiếng cùng kêu

- Hết.

Bây giờ tiểu đội trưởng cố cười, rồi anh cất giọng trả lời:

- Tôi xin nhận là tôi có nóng tính. Lúc tức lên thì nói năng không được ôn tồn. Nhưng xin anh em cũng xét cho rằng thật ra trong anh em cũng có đôi, ba người không tích cực. Mà tôi thì sốt ruột, muốn anh em thật hăng hái cho học tập chóng kết quả, công tác chạy, đơn vị ta tiến thật lực để thi đua với các đơn vị khác, chóng giết được giặc cho thật hả. Cơm gạo của Chính phủ chứ có phải cơm gạo của tôi đâu, cho nên tôi nói thế không có ý gì xỉ

vả anh em. Nhưng dẫu sao cũng có lỗi, tôi xin nhận và hứa cố gắng sửa chữa. Tôi xin lỗi tất cả những anh em đã bị tôi nói những lời quá đáng…

Anh ngây mặt ra một lúc, như quên mất những lời định nói. Rồi đột ngột.

- Tôi nói hết.

- Hoan hô!

Tiếng vỗ tay đôm đốp. Đám đông nhốn nháo, tiếng cười nói trào lên. Chủ tịch đứng lên.

- Yêu cầu im lặng. Mời anh tiểu đội trưởng về. Bây giờ đến lượt anh tiểu đội phó, mời anh lên.

Anh tiểu đội phó bẽn lẽn lên. Anh là người Thổ. Anh lẳng lặng ngồi xuống, nhìn vào đám đông, ngập ngừng không nói. Có tiếng cười nho nhỏ ở phía dưới. Chủ tịch muốn lấp đi.

- Yêu cầu các đồng chí phê bình.

- Tôi xung phong nói trước.

- Đồng chí nói.

- Anh tiểu đội phó lì xì quá.

Chủ tịch ngẫm nghĩ một giây rồi bảo:

- Đồng chí tiểu đội phó lì xì có lẽ chỉ hại cho công tác của đồng chí ấy. Thiếu tư thế quân nhân, cử chỉ nói năng không mạnh dạn. Phê bình vào một cuộc hội nghị bình cán thì đúng. Nhưng ở đây chỉ nói đến cái gì đụng chạm đến quyền lợi của anh em, tôi tưởng không cần đưa điểm lì xì.

- Có ạ.

- Có thế nào?

- Có hại cho anh em ạ! Thí dụ khi đi lĩnh quần áo cho anh em, anh ấy không tranh đấu cứ để các đơn vị khác chọn, lấy hết những cái tốt, đơn vị mình chỉ còn toàn những cái xấu.

- Thế chưa chắc… À! Nhưng mà thôi, để các đồng chí nhận xét thêm.

Chủ tịch nhận ra mình cứ đối đáp anh em chan chát có thể làm những người không quen nói, rụt rè không nói nữa. Anh nhắc lại.

- Các đồng chí nhận xét thêm.

- Anh tiểu đội phó còn kém thân mật với anh em, cả ngày không nói, không biết là anh giận hay không giận, thành thử có muốn nói chuyện với anh cũng không dám nói…

Còn nữa. Người ta còn trách anh tham vặt: mượn một cái bát ăn cơm của nhà chủ, lờ đi không trả, người ta kêu cũng không chịu nhận, làm người ta không biết ai lấy đành chịu mất.

Anh tiểu đội phó phân trần: điểm thứ nhất, vì anh không bản vị, cùng là anh em cả, tranh nhau làm gì? Điểm thứ hai: tính anh ít nói, không phải kiêu ngạo hay quan liêu, lên mặt. Điểm thứ ba: không phải anh tham vặt, chỉ tại anh mất ca, lấy một cái bát của nhà chủ, ăn xong để ở nhà đi tập, về thấy mất, đến lúc nhà chủ kêu, vì không lấy gì mà đền, nên đành ngồi im, không nhận là mình mượn, làm cả anh em mang tiếng, không nhận là mình tham…

Cuộc phê bình cứ tiếp tục như vậy mãi. Các cán bộ có khuyết điểm đều được chỉ vạch rõ ràng. Anh này có lỗi phạt bắt đứng nghiêm, bắt bò, bắt đứng chuồng trâu, anh em cho thế là làm nhục đội viên, là bắt chước cách thi hành kỷ luật của bọn đế quốc, không biết rằng kỷ luật của quân đội dân chủ nhân dân phải dựa vào tinh thần tự giác của quân nhân. Anh kia chỉ đứng khoanh tay coi anh em chặt tre hoặc cuốc vườn: như vậy là coi thường lao động, là không gương mẫu. Anh có chăn đắp một mình, mặc người bên cạnh nằm trơ, ích kỷ, không thương xót đội viên. Anh thích đội viên gọi bằng "ông", thích ở riêng, thích bàn giấy thật oai. "rớt" quan lieu. Anh dùng giấy chung viết thư riêng, ăn bớt của công, không liêm khiết…

anh em nghĩ thế nào, nói tất, không nể nang, che đậy. Các cán bộ trả lời thẳng thắn và hòa nhã. Điều gì có, nhận là có và xin sữa chữa. Điều gì không, bày tỏ là không, để mọi người nhận xét chung. Nhiều người thấy anh em không vạch lỗi nào, lại tự mình vạch những khuyết điểm của mình, để anh em biết mà giúp mình sữa chữa. Mọi người vui vẻ cả…

- Bây giờ đến lượt những thắc mắc riêng của từng người…

- Tôi!

Người hăm hở xin nói ấy kể một việc làm nhiều người sửng sốt.

- Hồi tôi mới vào bộ đội, tôi ở đại đội ông C. Một hôm anh ruột tôi đến thăm tôi, cho tôi một nghìn đồng. Ông C biết. Anh tôi về rồi, ông gọi tôi lên, bảo: phải đưa tiền gửi ông, khi nào tiêu sẽ lấy. Tôi mới vào, không hiểu ra sao, nên đưa cả một nghìn đồng gửi ông. Ít lâu sau, tôi muốn mua vải may áo, đến xin ông, ông bảo: để lúc khác. Lúc khác tôi đến, ông cũng không chịu giả. Mấy lần đều như vậy. Tôi hỏi anh em. Anh em bảo: không có lệ nào phải gửi. Tôi lại đến đòi ông. Ông gắt với tôi. Tôi sợ phải đi ra. Thế rồi ít lâu sau, ông có giấy gọi lên trung đoàn, rồi đổi đi đâu mất. Ông khác về thay, tôi không biết đòi đâu được nữa.

Cả phòng im lặng. Không ai ngờ lại có một việc quá ư vô lý thế. Đại diện trung đoàn bộ đứng lên, nghiêm nghị hỏi:

- Ngay sau khi ấy, đồng chí có báo cáo với tiểu đoàn không?

- Không, vì tôi không biết ông ấy phải đổi đi.

- Không cần biết đến công việc ông ấy bị đổi đi. Nguyên một việc ông ấy đã không trả tiền đồng chí, còn quăng súng ra dọa nạt, đáng lẽ đồng chí phải báo cáo cho cấp trên biết chứ?

- Tôi không dám báo cáo. Bấy giờ tôi còn ở dưới quyền ông ấy. Tôi sợ ông ấy thù.

Đại diện trung đoàn lắc đầu, cười nhạt.

- Các đồng chí đã thấy chưa? Khi thấy sự trái, phải có can đảm nói. Thù oán cũng không cần. Trông bộ đội ta, đôi khi cũng có người xấu, nhưng bộ đội ta là bộ đội cách mạng, quyết không dung túng những thủ đoạn cai, đội của quân đế quốc. Trung đoàn cũng đã chú ý đến tư cách không xứng đáng của ông C. Vì thế, ông C đã bị gọi về. Không phải đổi đi nơi khác, mà để đưa đi huấn luyện: ông C cần phải có một thời kì kiểm thảo lại tư tưởng của ông, nhìn rõ những vết tích nhơ nhớp, xấu xa để tẩy rửa sạch những tính xấu đi. Bao giờ sửa đổi được, sẽ trở về công tác. Nhờ cuộc hội nghị này, biết thêm được một việc về ông C. Trung đoàn sẽ hỏi ông C. Nếu điều tra ra việc đồng chí gửi tiền là có thật, ông C sẽ phải trả lại tiền đồng chí. Ông C sẽ bị thi hành kỷ luật.

Việc ấy xong, một đội viên khác giơ tay.

- Tôi cấy rẽ ruộng. Chính phủ đã ra sắc lệnh giảm tô. Khi tôi còn ở nhà, chủ ruộng đã hứa với tôi: mùa sau sẽ giảm. Mùa sau, tức là mùa năm ngoái. Thế mà tôi vừa nhận được thư của vợ tôi, nói rằng: chủ ruộng cứ bắt nộp nguyên như cũ, nếu không thì lấy ruộng về, vì tôi đi vắng, vợ tôi không có quyền giữ ruộng.

- Chị ấy có làm ruộng lấy không?

- Vợ tôi vẫn làm. Chỉ phải thuê người một ít thôi.

- Thuê cũng chẳng sao, chỉ trừ chị ấy nhận ruộng rồi lại cho người khác làm lại. Anh sẽ làm một lá đơn, kể rõ đầu đuôi. Trung đoàn sẽ can thiệp để giữ ruộng cho chị ấy làm ăn, nuôi các cháu. Anh hài lòng chứ?

Anh nhe răng ra cười… Một anh khác phàn nàn: anh đi bộ đội, mà Ủy ban xã cũng coi như những người đi vắng khác, truất phần công điền của anh đi.

Chủ tịch hỏi:

- Các nơi khác, có thế không?

Tiếng trả lời ran:

- Không ạ!

Chủ tịch:

- Tay Ủy ban ở xã đ ồng chí kém, không chú trọng quy ền lợi của chiến sĩ. Chúng tôi ghi, để nhờ trung đoàn can thiệp.

Một anh khác phàn nàn:

- Ủy ban và các đoàn thể ở xã tôi cũng kém. Tôi thấy ở các xã khác, thì nhận được công văn báo có người thuộc xã bị hy sinh ngoài mặt trận, bao giờ xã cũng tổ chức lễ truy điệu, cử người đến an ủi gia đình. Tôi có ba anh em, đi bộ đội cả ba. Năm ngoái em tôi tử trận, ngay cả ở xã đơn vị em tôi đóng, đ ồng bào còn biết làm truy điệu. Mà ở xã tôi, Ủy ban không làm gì.

Có anh lo:

- Không biết đoàn thể phụ nữ xã có chú ý giác ngộ, giáo dục vợ tôi để nó hiểu tôi đi vì nhiệm vụ, mà vui vẻ làm ăn, coi sóc gia đình tôi không?

Còn nhi ều nữa. Bao nhiêu là thắc mắc, nhi ều khi khá rắc rối, lôi thôi, anh em phơi bày ra hết cả. R ồi cán bộ, đội viên bàn cách giải quyết lẫn cho nhau. Cuối cùng, anh chính trị viên kết luận:

- Các đ ồng chí đã nói rất thẳng. Thế là can đảm, có tinh th ần đoàn kết. Có như vậy, cán bộ mới biết lỗi mình mà sửa chữa, hay đi ều gì đó bị hiểu l ầm thì phân tr ần cho anh em khỏi giận oan. Cán bộ, đội viên sẽ hiểu nhau thêm, thân mến nhau thêm.

Quy ền lợi của anh em bộ đội, là những người vất vả nhất, hy sinh nhất trong kháng chiến. Chính phủ chú ý lắm. Nhưng có khi vì nước còn nghèo, mà không giải quyết được, đó là một đi ều mà Chính phủ rất lấy làm khổ tâm. Có khi vì chính sách Chính phủ đ ề ra, một số ủy ban địa phương không hiểu hay không tích cực thi hành, ta sẽ đ ề nghị Chính phủ trừng phạt những kẻ không tốt ấy. Nhưng cũng có những việc chưa giải quyết được, thí dụ như những anh em ở những làng còn ở trong tay giặc, giặc khuyến khích bọn tay sai cướp nhà cướp ruộng của chúng ta. Như vậy chỉ còn một

cách là đánh khỏe. Đánh khỏe giặc chết hết, nước độc lập sẽ tiến rất mau, chẳng vấn đề gì không giải quyết được. Các đồng chí có đồng ý với tôi không?

- Đồng ý.

- Còn thắc mắc gì nữa không?

- Hết.

- Hả rồi!

Có người khẽ nói:

- Chưa.

- Gì nữa?

- Cho đánh Cao Bằng!

Mọi người cười. Anh chính trị viên tủm tỉm.

- Đánh thì sẽ được đánh nay mai. Nhưng đánh đâu, còn tùy trên quyết định.

- Đánh đâu cũng được.

- Hoan hô!

Và vỗ tay…

ĐỊNH MỨC[6]

Hội nghị thảo luận đến mục gay go nhất, định mức tạm vay cho các xã. H`ầu hết các xã đ`ều xôn xao trước con số phác định trong dự án.

Bí thư xã Tam Vịnh.

- Vụ chiêm vừa qua Tam Vịnh chỉ cấy được 51 mẫu ba sào. Cánh ven sông ba mươi mẫu, chìm nghỉm mất r`ồi. Chỉ còn 21 mẫu 3 sào. Ruộng xấu. Chưa có kinh nghiệm làm chiêm. Mỗi mẫu chỉ thu được 3 tạ là nhi`ều. Tất cả có tính già dặn lắm, mới được 63 tạ 9 cân. Thế mà huyện đặt mức sáu tấn.

Bí thư xã Sơn Hòa:

- Quá nửa chiêm của Sơn Hòa cũng bị ngập nước như ở Tam Vịnh, 32 mẫu còn lại bị mưa đá, còn tệ hơn ở Tam Vịnh. Lại toàn là ruộng lẻ tẻ. Chỗ năm sào, cho nên chỉ béo ri sẻ, chứ người thì chưa chắc có gì mà gặt. Thành thử có mảnh chưa chín hẳn, dân đã vặt v`ề ăn. Chẳng còn được mấy tí đâu. Tức 8 tấn huyện định, Sơn Hòa xin cho nghĩ lại.

Bí thư Yên Ninh.

- Yên Ninh đã mất mùa hơn hai năm. Hai năm nay có mấy tí thóc đâu? Chỉ sống bằng ngô, có thế nhi`ều. Cho nên cái mức huyện đặt cho, không có nghĩa lý gì đối với chúng tôi. Chúng tôi có thể vay gấp 4. Nhưng mức thóc mặc d`ầu chỉ có 2 tấn rưỡi cũng không thể nào đạt được, không biết trông vào đâu mà vay được. Có chiêm, nhưng chiêm năm nay mới là vụ đ`ầu tiên. Khuyến khích mãi người ta mới chịu làm. Có tính cách làm thử, nên mỗi người chỉ có mấy sào thôi. Không may gặp mưa đá, sâu ăn. Đang lo người ta chán, sang năm khó mà có thể vận động cấy chiêm khổ sở ấy nữa, thì thật khó cho chúng tôi sau này nhi`ều lắm.

Bí thư xã Chu C`ầu

- Đồng chí Trúc về đã biết. Chu Cầu thật là cạn ao, bèo đến đất. Năm ngoái mất mùa, tỉnh đã phải đề nghị Chính phủ miễn thuế cho. Năm nay cũng mong được đóng góp nhiều hơn các xã khác, để bù vào những lúc không đóng góp được tí nào. Nhưng hiện bây giờ, thóc mùa nhẵn củ tỏi rồi. Chiêm không có, tứ thì không được gặt. Chỉ có một ít lúa nương, phần nhiều là của mấy gia đình Mán, ân nhân của cách mạng. Ngô cũng ít. Sắn, đến tháng 8 mới ăn được. Khoai mới bằng cái ngón tay. Thành thử muốn thì thật muốn, nhưng vẫn chưa biết lấy đâu ra cho đủ mức.

Rồi Hoài Thanh. Rồi Xuân Trạch, rồi Vân Lộc… Xã nào cũng vất phải những khó khăn đại khái như thế cả. Chiêm ít, thời tiết xấu. Dân bán thóc non hay nợ những người đặt đỗi, gặt về, trang trải xong chẳng còn được bao nhiêu. Cho nên nhiệm vụ giao cho xã nào cũng hứa: sẽ cố gắng làm; nhưng liệu có đạt mức huyện ấn định không? Đa số các xã đều cho rằng: khó lắm!

Đồng chí bí thư huyện đen sạm mặt, đứng lên:

- Khó thì nhất định là khó lắm. Nhưng khó thì đành phải chịu hay sao? Chúng ta phải có kế hoạch giải quyết cho bằng được.

Cả phòng nín lặng. Những con mắt căng ra. Gân góc cũng căng ra. Mười cái đầu nghiêng xuống, trán tì lên cái bàn tay nổi cục, mắt đọc những con số trên bản dự án in đá, phát cho mỗi đại biểu một bản ngay từ đầu hội nghị. Ở đầu hàng ghế thứ ba, một anh tuổi xấp xỉ bốn mươi, nhưng không có một tí râu nào, hếch cái mặt gồ ghề, cằng cậc như một hòn đá ráp, đôi mắt sâu hoắm nhìn lên mái hội trường, một bên quai hàm vênh vênh về phía ánh sáng, nổi bật lên. Anh ngồi bên cạnh mím môi, cúi mặt, bực tức lăn đi lăn lại ngón tay trỏ và ngón tay cái của một cái bàn tay gân guốc…

Đồng chí bí thư huyện nhìn khắp các cán bộ một lượt rồi cao giọng, nhưng thân ái hỏi:

- Thế nào? Các đồng chí có đồng ý thế không?

Vẫn câm như thóc cả. Cái mặt gồ ghề, cằng cậc ở đầu hàng ghế thứ ba, vẫn vênh vênh một bên quai hàm nổi bật, soi ra ánh sáng. Dưới đôi lông

mày rậm, đôi mắt hoắm cứ nửa phút lại chớp một cái, đầu đặn như những giọt mái nhà. Cái mặt bên cạnh vẫn cắm xuống bàn. Hai ngón tay lăn cái bút máy một cách bực dọc hơn. Thêm mấy cái mặt nữa cúi xuống, soi mói những con số trong dự án. Đôi vai béo lẳn của một chị cán bộ phụ nữ xo lên một cái, như người ngồi lâu mỏi đít và như phụng phịu…

Bí thư Vân Phúc nẩy người lên như bị một con ruồi ve đốt. Anh vùng tay giận dữ.

- Từ nãy đến giờ, Vân Phúc vẫn ngồi im. Vì sao? Vì Vân Phúc biết rằng: Mặc dầu các xã đều gánh nhẹ hơn Vân Phúc, nhưng với khả năng ít ỏi của các xã bạn, thì gánh nhẹ như vậy đã đủ rồi. Vân Phúc không muốn tị nạnh với ai. Cái lối đánh bùn sang ao không giải quyết được gì. Sẩy vai chị đến vai em. Mà chị đã nặng rồi, em cũng nặng rồi. Vậy thì chỉ còn một cách là cùng nặng.

Anh nói đâu ra đấy lắm. Tình hình ruộng đất, tình hình dân chúng ở xã anh nhìn cho rõ thì quả là tiếng cả nhà thanh. Hơn 200 mẫu chiêm nhưng ngót một nửa chìm dưới nước rồi. Có vài chủ ruộng thu hoạch nhiều, nhưng họ lại ở ấp của họ, thuộc địa hạt xã khác kia. Còn thì ruộng cũng xé lẻ, linh tinh. Dân cũng ăn chịu, ăn nợ như các xã xung quanh. Huyện đã xuống tận nơi để điều tra, hiểu rõ Vân Phúc chỉ giàu có cái vỏ thôi, nên đặt mức có 36 tấn. Hôm nay, thấy Yên Ninh, Chu Cầu kêu ca mãi, chính Vân Phúc đã tự nhận thêm 4 tấn nữa, để gánh đỡ cho hai xã bạn. Dám nhận 4 tấn, là Vân Phúc đã cố gắng lắm rồi.

Anh nói xong, ngồi mạnh xuống. Chủ tịch – tức anh bí thư huyện – nét mặt nghiêm nghị vì lo lắng, cất giọng trầm trầm đềnghị.

- Khoan đã! Các đồng chí hãy ngồi yên. Đồng chí thuyết trình viên sẽ trình bày lại một lần nữa, cặn kẽ hơn, những nhận định của huyện ủy vềkhả năng và những khó khăn của từng xã một để các đồng chí hiểu cho rằng: khi định mức huyện ủy đã đắn đo, cân nhắc rất kỹ càng. Sau đó nếu các đồng chí thấy quyết định của huyện ủy có chỗ nào sai, các đồng chí sẽ cho ý kiến.

Hội nghị trở lại im phăng phắc. Những bộ mặt trang nghiêm lại và những con mắt nhìn lên bàn chủ tịch đoàn. Thuyết trình viên ngồi bên cạnh chủ tịch, lật đám giấy đặt lên bàn và đứng dậy. Anh người Thổ còn trẻ lắm. Bản tính chất phác của người miền núi đã được những kinh nghiệm đấu tranh mài giũa cho sắc sảo thêm, nên anh có được một cái cốt cách vừa vững chắc vừa nhanh. Ngay cái thể chất của anh cũng đã lộ ra một vẻ người như vậy. Mặt vuông, vai, ngực rộng. Lưng rất thẳng, bắp tay chắc nịch, da mái mái, đôi mắt to, nhìn thẳng những chuyển động luôn luôn. Nói sấn sổ, mạch lạc, kèm những điệu tay dứt khoát. Lời nói mà làm nổi từng dấu phẩy, dấu chấm câu.

- Tiếp theo lời đồng chí bí thư, tôi xin vạch rõ cho các đồng chí thấy: huyện ủy đã căn cứ vào những khả năng và những khó khăn của từng xã thế nào, trong khi đặt mức cho từng xã, như trong dự án. Bắt đầu là xã Vân Phúc…

Thuyết trình viên tỏ ra hiểu rất sát tình hình các xã. Về mỗi xã, anh có thể nói thật rõ: diện tích cấy chiêm của nó, vụ mùa này được bao nhiêu, bao nhiêu mẫu, bao nhiêu sào bị ngập mất hẳn rồi, bao nhiêu mẫu, bao nhiêu sào còn vớt vát được nhiều ít thế nào, bao nhiêu mẫu, bao nhiêu sào có thể thu được nhiều, dân số bao nhiêu, trong số ấy nhà no, nhà đói, nhà còn thóc mùa, nhà đã thiếu ăn, nhà có thể trông vào sắn, vào ngô, thôn có thể cho vay nhiều, thôn có thể cho vay ít ra sao… Và sau cùng, tính phác cho người ta thấy tại sao có thể thực hiện được những con số định mức cho xã ghi trong dự án…

Trình bày xong về mỗi xã, anh ngừng lại, mời hội nghị cho ý kiến. Hội nghị suy nghĩ mức định sát lắm rồi.

Thuyết trình viên ngồi xuống. Bí thư huyện đứng lên. Anh cất giọng nghiêm trang, nhỏ nhẹ lúc đầu nhưng càng nói càng thiết tha khẩn khoản.

- Các đồng chí đã nghe rõ cả rồi. Các đồng chí không có ý kiến gì. Thật ra xã nào cũng cần cố gắng. Đang có thể tiến, không có lý gì lùi, nhiệm vụ tiền phong bắt buộc chúng ta phải lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi trở lực tiến lên. Nhu cầu của tiền tuyến nhất định phải giải quyết xong. Vậy thì

căn cứ vào tình hình cụ thể của xã mình, đề nghị các đồng chí tính cho thật cụ thể. Xã nào xét có thể thực hiện được mức, thì xung phong nhận. Còn xã nào quả thật là không nhận được, ta sẽ xét sau. Tôi đề nghị các đại biểu từng xã hội ý với nhau trong khi hội nghị tạm nghỉ 15 phút.

Hết 15 phút. Chủ tịch lớn tiếng mời các đại biểu vào họp lại. Anh nhắc lại lời kêu gọi của anh lúc nãy. Người có cái mặt gồ ghề và đôi mắt sâu hoắm đứng lên trước nhất.

- Tôi xin xung phong nhận mức.

Bí thư huyện mừng ra mặt:

- Vân Lộc, hoan hô!

Hội nghị vỗ tay, reo. Có đà rồi. Một người vừa đứng lên. Rồi người nữa. Rồi người nữa. Rồi hai, ba người cùng dồn dập. Mắt, mũi, môi bí thư huyện mỗi lúc một nở ra. Cứ mỗi người đứng lên, tay anh lại khệnh ra thêm một chút, đầu anh cất cao lên một chút. Miệng anh tươi cười như hoa, đọc lên một cái tên. Thuyết trình viên cắm cúi tìm trong dự án, điểm một cái gạc chữ thập chéo với cái tên vừa nghe đọc. Không khí nhẹ hẳn đi. Nhiều bộ mặt phởn phơ. Chị cán bộ phụ nữ cười tít mắt, đôi má non ướt như má trẻ con đã lún xuống đôi lỗ đồng tiền thật là xinh. Riêng cái mặt đá ráp của người xung phong trước nhất vẫn không nhúc nhích. Nó trơ trơ như đá giữa những tiếng vỗ tay mỗi lúc một thêm vang dội. Chủ tịch mải theo dõi những người đứng lên sau, không để ý. Mãi đến hết người xung phong, ngớt tiếng vỗ tay, thuyết trình viên đọc lại tên những xã đã bằng lòng nhận mức rồi, cái mặt đá ráp mới vênh lên:

- Tôi xin nói.

Chủ tịch có một cái nhích mặt gần như sửng sốt. Bí thư Vân Lộc nói:

- Việc tạm vay ở huyện ta là một việc hết sức khó khăn. Cứ gọi là chúng mình cứ việc trầy máu mắt ra cũng chưa vị tất đã làm xong cái nhiệm vụ mà Đảng giao cho. Nhưng bàn cãi mãi cũng thế thôi. Việc phải làm nhận định mức cứ phải làm. Vất cho ai? Vì vậy, chúng tôi xin nhận mức ngay đi,

để đỡ mất thì giờ cho hội nghị, nhưng chúng tôi xin nói trước điều này. Muốn làm xong việc này, nhất định phải cương quyết, mạnh tay. Không có mệnh lệnh của chính quyền, nhất định không xong. Không những thế, nếu chúng tôi có đề nghị một vài phương sách đặc biệt, huyện ủy của phải cố chuẩn y cho chúng tôi, chúng tôi mới có thể làm được việc.

Nét mặt chủ tịch trở nên lo lắng. Tiếng anh nghiêm khắc bảo:

- Coi chừng đấy, chúng mình hay mắc phải cái lối bất cứ việc gì cũng dùng mệnh lệnh xao nhãng việc giải thích, thuyết phục, vận động dân hiểu chính sách mà vui vẻ, tự nguyện, hăng hái thi hành. Đồng chí tưởng chính quyền cũng phải vận động dân, giải thích thuyết phục phải đi đôi với mệnh lệnh, phải nặng hơn mệnh lệnh. Bởi vì chính quyền của chúng ta là chính quyền cách mạng, là chính quyền của nhân dân, phục vụ quyền lợi của nhân dân. Chính quyền của ta là do dân bầu ra để làm việc cho dân, mưu lợi ích cho dân, thì tại sao lại không thể giải thích cho dân hiểu những chính sách hoàn toàn vì lợi ích cho do Chính phủ đề ra, để dân thi hành một cách sốt sắng, vui vẻ, không ca than?

Bí thư Vân Lộc đáp:

- Chúng tôi hiểu thế. Nhưng riêng trong trường hợp này, trong hoàn cảnh của huyện ta, giải thích, thuyết phục không là chưa đủ. Cần mệnh lệnh. Tôi thí dụ, vụ chiêm này, ta để cho dân trả nợ thì có cũng thánh về đây cũng không thực hiện nổi mức tạm vay. Dân trong làng từ hạt muối, bánh thuốc lào đều mua chịu, đợi trong vào hạt thóc. Công nợ cũng trông vào hạt thóc. Bây giờ thóc chưa về, nhưng chủ nợ, con buôn, những người đi đặt đỗi đã nhăm nhăm quang gánh, chỉ có đợi thóc về để quẩy đi. Để cho họ quẩy đi, tức là thóc bị phân tán đi hết. Có còn lại tí nào cũng chỉ đủ thóc giống, thêm một chút ít để độn với ngô khoai. Còn thóc đâu mà vay nữa? Cho nên chúng tôi đề nghị: chính quyền ra lệnh hoãn nợ lại, cấm đòi nợ, cấm trả nợ, cấm đem thóc ra khỏi xã.

Anh nói xong, ngồi xuống, lập tức cái mặt gồ ghề lại hếch lên giời và cái quai hàm nổi bật lên lại vênh ra phía ánh sáng. Ý kiến mới làm xôn xao cả hội trường. Người kêu "Đúng đấy!", người thì quầy quậy lắc đầu. Những

đám tranh luận nho nhỏ ở chỗ này, ở chỗ kia. Chủ tịch cắn môi suy nghĩ, mặt sầm tối lại. Anh quên cả nhiệm vụ giữ trật tự để hội nghị sắp ồn ồn như chợ. Nhưng từ hàng ghế cuối cùng, một người đứng phắt lên, anh làm dữ dội như một cơn going. Nắm tay đấm xuống bàn để bắt mọi người im, anh hét.

- Không thể được! Đảng chủ trương đoàn kết toàn dân. Chúng ta phải nắm vững chủ trương đoàn kết. Phải giữ gìn khối đoàn kết hơn giữ gìn con mắt của chúng ta…

Người đang nói chỉ còn một mắt. Hai mí mắt bên liền tịt. Một đồng chí muốn khảy anh ta, hỏi một câu:

- Chắc đồng chí có nhiều kinh nghiệm đoàn kết với bọn cho vay nợ lãi rồi?

Anh nổi giận. Con mắt độc nhất của anh long lên sòng sọc. Giọng anh càng bão táp:

- Đồng chí muốn nói: tôi đã mất một con mắt vì bọn cho vay nợ lãi chứ gì? Vậy đó, đã làm sao. Bọn chủ nợ cay nghiệt nó có thể làm hỏng một mắt tôi. Nhưng đế quốc có thể móc cả hai mắt của chúng ta, chủ nợ cũng như con nợ. Vả lại ngày trước khác, bây giờ khác. Những món nợ mà các đồng chí định bắt người ta phải hoãn đây là những món nợ thế nào? Phần nhiều là nợ của bà con vay giật lẫn nhau. Nợ giữa bần nông với trung nông, trung nông với trung nông, có tính cách giúp đỡ nhau nhiều hơn là bóc lột nhau. Hay là nợ của người trong làng ấy chịu cân muối, bánh thuốc lào của mấy người tản cư buôn bán nhỏ, đòn gánh chủi vai, ngày ngày kiếm bữa gạo nuôi con. Vậy thì chính quyền can thiệp vào đó làm gì? Bắt người ta giữ thóc lại, không được trả nợ tức là gây lục đục giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với đồng minh rất gần gũi của họ - và cũng là của chúng ta – là những người nghèo thành thị, những người buôn bán nhỏ. Là làm cho bần nông từ nay trở đi không còn vay nợ được mỗi khi túng thiếu. Bao vây, không cho thóc ra khỏi xã, lại càng nguy hiểm. Thật sự những kẻ ngoan cố vẫn có cách lén lút phân tán thóc đi. Những người hiền lành oán chúng ta. Dân hoang mang, bọn đầu cơ tích thóc. Thị trường khan gạo, giá

sinh hoạt cao lên. Việc tạm vay có khó khăn, bất quá chỉ khó khăn trong một huyện mình thôi. Nhiều lắm là trong một số địa phương đặc biệt ít chiêm. Thế mà ta chỉ biết nhìn vào một huyện ta, quyết định những kế hoạch quá mạnh tay như vậy, sao khỏi làm hại lây đến bao nhiêu huyện khác? Bất cứ một lời nói, một cử chỉ nào có hại cho đoàn kết, tôi phản đối.

Anh ngồi xuống. Những cái mặt vừa cười cợt, đỏ bừng hay tái mét đi. Những con mắt nhìn xuống hoàn toàn nhận lỗi. Cái mặt gồ ghề vẫn không nhúc nhích. Nhưng đôi mắt sâu hoắm đờ ra một lúc. Chị cán bộ phụ nữ ngoái lại nhìn trộm anh đồng chí chột một cái thật nhanh rồi lại quay lên, ngồi lệch hẳn người, ngoẹo cái đầu về một bên, cúi mặt xuống bàn, cái miệng nhỏ bụm lại nhưng phụng phịu. Hội nghị im phăng phắc. Chủ tịch dặng hắng cho thông cổ họng, rồi lên tiếng:

- Huyện ủy hoàn toàn tán thành những ý kiến của đồng chí bí thư Hạ Liễu và huyện ủy nhắc lại với các đồng chí mấy phương châm đã ghi trong dự án: phải nặng về giải thích, thuyết phục, vận động hơn là về mệnh lệnh – mệnh lệnh chỉ dùng đối với những kẻ đặc biệt ngoan cố, những kẻ cố tình ngang ngạnh, cố tình phá hoại. Tóm lại, phải giữ sao cho trong ấm ngoài êm, trên thuận, dưới hòa mà vẫn vay được thóc đủ cung cấp cho tiền tuyến.

- Thế mới thật là khó đấy!

Người vừa nói câu ấy một cách thủng thà thủng thẳng là anh Mán Cao Lan, mặt nhợt nhạt, môi anh nhợt nhạt, đến đôi mắt cũng lờ đờ nhợt nhạt. Anh giơ tay, không đứng lên, mắt cũng không nhìn chủ tịch đoàn, cứ ngồi nguyên, uể oải nói như nói một mình:

- Ở đây chúng tôi lại còn cái này: đồng bào thiểu số chỉ có lúa cụm thôi. Lúa gặt về để cả cụm, gác lên gác bếp, không vò, đập. Bây giờ vay thế nào. Biết đằng nào mà tính? Bao nhiêu cụm là một tạ?

Chủ tịch vội gạt đi

- Khoan đã, vấn đề lúa cụm cũng khá rắc rối đấy…

Có người cãi:

- Dễ lắm, rắc rối gì!

Chủ tịch ra hiệu tay:

- Được rồi. Nhưng tôi cắt. Hội nghị sẽ bàn sau. Bây giờ tiếp tục thảo luận về vấn đề nhận mức đi.

Im lặng một lúc. Rồi…

- Khó lắm!

Chủ tịch cười, hỏi ôn tồn:

- Khó mà chúng mình chịu hay sao? Đồng chí Hạ Liễu có ý kiến gì hay không?

Anh đứng lên. Anh không vũ bão như lúc nãy mà ung dung, như chơi. Con mắt độc nhất lấp lánh cười. Miệng anh cũng tươi cười. Mặt anh phẳng phiu, bình thản, mát mẻ như trời buổi sáng. Anh bí thư Trung Lý, áo cánh đũi thùng thình, xoay hẳn người lại, khuỳnh cánh tay phải lên trên cái bàn dưới, gần ngay trước mắt chị cán bộ phụ nữ chống thẳng tay kia lên ghế anh ngồi, hếch mắt nhìn anh chột, gật gù nói bâng quơ.

- Nói thế ấy mà khối cô gái trẻ hơn hớn mê như điếu đổ, cũng phải.

Chị cán bộ phụ nữ lừ đôi mắt lá dăm một cái, miệng bùm bụm càng thêm phụng phịu. Anh chột trợn mắt dọa anh chàng đĩ tính, rồi mỉm cười đưa ý kiến.

- Theo ý kiến tôi thì những nguyên tắc huyện ủy đề ra, chúng mình nhất định phải theo. Cụ thể ra thì phải thế này, vẫn cứ phải để cho dân giả nợ. Bà con vay giật tạm của nhau. Bận này còn bận khác. Con nợ, chủ nợ ở đây na ná như nhau cả. Có tính cách đồng lần thôi. Nếu không giả cho người ta, chính người ta cũng đói… Nhưng chủ nợ nhà giàu thì sao? Theo nguyên tắc vẫn là phải giả. Nhưng ban vận động vay thóc sẽ đến tận nhà họ để điều

đình. Họ thu được nợ về, sẽ cho Chính phủ vay. Hay là họ thỏa thuận hoãn nợ cho con nợ, để con nợ cho Chính phủ vay cũng được. Đến vụ mùa, thuế nông nghiệp tính sau sẽ đâu có đấy.

Chủ tịch gật đầu:

- Nghe ổn đấy! Các đồng chí thấy thế nào?

Một ý kiến hoài nghi

- Chỉ sợ nói thì nghe ổn, nhưng đến lúc làm tới thì lại chẳng ổn tí nào. Người nghèo thường hăng hái xung phong, nhưng để họ xung phong mãi thì đến thóc giống của họ cũng không còn. Người giàu hay tiếc của, để cho họ đem quang gánh tới đòi nợ, xúc hết thóc của nhà nghèo, rồi họ tẩu tán, giấu giếm đi, còn có thóc đâu mà vay nữa?

Con mắt độc nhất của anh chột lại long lên sòng sọc. Anh nổi giận.

- Đừng đánh giá quá thấp sức hy sinh của nhân dân. Kháng chiến đã năm, sáu năm rồi. Đã bao giờ dân phải để Chính phủ thúc bách mới chịu đóng góp chưa? Dân hiểu nhiệm vụ của họ lắm, chỗ nào dân không hiểu là vì cán bộ tồi. Dân ỳ là vì cán bộ ỳ. Cán bộ biết vận động dân không bao giờ ỳ cả. Các đồng chí của chúng ta để làm gì? Chi bộ để làm gì? Hồi bí mật, người nào giúp cách mạng, đế quốc cắt gân. Làng nào giúp cách mạng, đế quốc triệt hạ cả làng. Ta chẳng đã thấy đồng bào Mán ở huyện ta ăn cám để nhường gạo cho Giải phóng quân đấy à?

Anh cán bộ Mán vẫn ngồi y nguyên, buông một câu thủng thà thủng thẳng.

- Ngày trước họ hăng hái thế. Bây giờ vận động họ, họ lại bảo: "Chúng tôi được cấp giấy ân nhân cách mạng mà cũng phải đóng thuế à?".

Anh chột cười, dịu lời hơn.

- Thì ta giải thích với họ thế này: các cụ cày bừa rồi gieo mạ rồi, cấy lúa rồi. Lúa lên tốt lắm rồi. Bây giờ phải làm cỏ, bón phân đi. Tận đến lúc được ăn cũng còn gặt hái về. Gặt xong lại phải làm vụ khác. Cách mạng là

như thế, cách mạng là ruộng nương của các cụ, các cụ phải săn sóc, chăm chút nó mỗi ngày một hơn lên, để nó càng ngày càng đem lại nhiều hoa lợi cho các cụ.

Anh bí thư huyện phát triển ý kiến thêm. Anh nhắc lại những thắng lợi mỗi ngày một lớn hơn của dân ta. Thắng lợi quân sự, thắng lợi ngoại giao, chiến thắng Cao – Lạng, chiến thắng Trung du, chiến thắng đường số 18, chiến thắng Ninh Bình… Bộ đội lớn khỏe lên là được nhờ thóc gạo của dân. Bộ đội lớn khỏe lên đánh chết được nhiều Tây. Muốn đánh chết được nhiều Tây thì dân phải lo tìm thóc gạo thật nhiều để nuôi cho bộ đội lớn, khỏe… Anh nhắc lại câu chuyện đồng bào Mán ăn cám để nhường gạo cho Giải phóng quân ăn, rồi bảo:

- Giác ngộ được nhân dân, thì tinh thần của nhân dân lên cao như thế đó. Tinh thần của nhân dân bây giờ càng có điều kiện lên cao. Vả, huyện ta dù có thiếu gạo, vẫn có thể trông vào ngô, đỗ, sắn, khoai. Cho nên tôi nghĩ rằng, từ sáng đến giờ, chúng ta quá lo xa. Thật ra thì khéo vận động, việc tạm vay không đến nỗi như ta tưởng. Các đồng chí nghĩ thế nào?

Có những nụ cười đồng ý nhưng chưa ai đáp thẳng. Cái mặt đá ráp quay lại, nhìn khắp phòng một lượt – vẫn gồ ghề, cằng cậc, lạnh như tiền. Rồi quay lên, vẫn khắc khổ, lạnh lẽo thế thôi. Chỉ có đôi mắt sâu hoắm ngước lên nhìn chủ tịch, chớp nhanh một cái, đồng thời với một cái gật đầu rất khẽ và đôi mắt nhúc nhích

- Vay được.

Chủ tịch bật cười. Mọi người cười theo. Cùng lúc tiếng vỗ tay đồm độp nổi lên. Chị cán bộ nữ được dịp rung rình cả đôi vai, rùng rình cả cái lưng, và ngoái ngác cười tít mắt. Chỗ anh chột bàn tán xôn xao, nhao nhác. Riêng anh chàng có cái mặt gồ ghề vẫn trơ trơ. Anh lại hếch mặt lên nhìn mái, vẫn cái quay hàm nổi bật ra ánh sáng, như lúc nãy. Nhưng bỗng nhiên anh đứng lên, rồi đột ngột.

- Tôi có ý kiến. Chính Ủy ban huyện phải phối hợp với Liên Việt huyện mời các thân hào đến để điều đình.

Anh bí thư huyện tán thành.

- Không những thế, huyện ủy sẽ phân phối tất cả các cán bộ xuống giúp đỡ cho các xã. Chính huyện ủy cũng xuống một xã thực hành và chỉ đạo riêng. Các đồng chí với chúng tôi liên lạc chặt chẽ với nhau, báo cáo thật đều, để gặp khó khăn, kịp thời giải quyết. Các đồng chí đồng ý chứ?

- Đồng ý lắm!

Lại vỗ tay, nhốn nháo. Chủ tịch tuyên bố: hội nghị tạm nghỉ mười lăm phút…

Thật ra thì họ nghỉ đến nửa giờ. Bởi vì ra khỏi hội nghị, từng tốp, từng tốp một, tụm năm, tụm ba, tiếp tục bàn cãi rất hăng. Anh bí thư huyện ủy lảng vảng lại gần tốp này mấy phút, rồi ghé vào tốp kia mấy phút, nghe ngóng ý kiến và góp chuyện. Nói chung, ổn lắm rồi. Anh nào cũng nhận là khó nhưng đa số tin rằng làm được. Anh chột có vẻ rất phởn, chạy lăng xăng từ đám này qua đám khác. Ai kêu ca, anh cũng múa tay lên bảo:

- Nói cho thật các đồng chí đều quá ư dè dặt cả. Ước lượng ăn chắc quá. Chiêm xấu? Ừ thì xấu! Nhưng xấu mỗi mẫu cũng phải được dư ba tạ. Còn thóc cũ? Chỉ còn rất ít thôi? Nhưng ít cũng phải tính chứ. Năng nhặt không chặt bị đấy à? Góp cây thành rừng chứ!...

Riêng anh bí thư xã Chu Cầu với anh bí thư xã Yên Ninh vẫn lầm bầm tính nhỏ với nhau. Mặt nhăn nhăn nhó nhó. Có vẻ lo lắng lắm. Anh bí thư huyện lại nói chuyện riêng với họ.

- Thế nào? Liệu có trôi không?

Bí thư Yên Ninh cười gượng

- Không trôi cũng phải cố nuốt chứ biết sao?

Bí thư Chu Cầu ngoẹo cổ:

- Hai anh em chúng tôi khổ tâm hết sức. Hai xã nhẹ nhất rồi, còn kêu ca mãi các đồng chí cho là tiêu cực. Mà nhận bừa, chỉ sợ không làm nổi thôi.

- Các đồng chí đề nghị thế nào?

- Chúng tôi cũng chẳng dám đề nghị nữa. Chỉ xin hứa: sẽ hết sức. Được đủ mức, càng hay. Nhưng nếu có khó khăn quá, bị thiếu chút ít, xin huyện ủy cũng hiểu rõ tình cảnh cho.

- Hiểu thì hiểu rõ lắm rồi. Chúng tôi vừa gạt nước mắt vừa chất lên vai các đồng chí đó thôi. Biết trước rằng dân có thể đói. Mà đói trước tiên là các đồng chí chúng mình. Đa số nghèo, bận công tác luôn. Lại động có việc gì cũng xung phong. Việc này, gay go thế, tất nhiên họ lại phải xung phong để làm gương.

Đúng như lời đồng chí đấy. Anh bí thư huyện đờ mặt ra một phút. Mắt anh thờ thẫn, rồi bằng một giọng rất băn khoăn, anh nói:

- Ăn ngô, khoai thì nhất định không tránh được rồi. Nhưng liệu dân có chết đói được không?

Anh bí thư Yên Ninh cười nhạt:

- Chết đói thì không đến nỗi. Đói thôi.

- Để lát nữa vào ta tính lại. Không được để cho dân đói. Đói qua quýt, đói vài bữa, đói ít ngày, còn được. Đói quá, đói lâu thì không được.

- Phải cổ động cho những người sung túc cũng trồng ngô, trồng sắn. Ăn độn thêm vào. Người giàu phải gánh đỡ người nghèo, đồng cam cộng khổ với nhau. Anh nghèo đói quá, không tham gia sản xuất được nữa, anh giàu cũng chết.

- Cần xét lại!...

Mặt anh bí thư huyện lại đờ ra, suy nghĩ. Hai người đồng chí xã nhìn anh, ái ngại. Trông gần, họ thấy rõ hai quầng mắt của anh. Gò má anh đã nhô ra.

Má hóp vào. Bốn năm trước đây khi mới tới huyện này, người thanh niên Hà Nội còn trẻ măng, trắng đỏ, rất đẹp trai. Bây giờ da anh đã tai tái, vàng vàng. Lúc suy nghĩ, mặt trông già. Hai anh chàng nông dân miền núi tự nhiên chép miệng.

- Kháng chiến thì phải khổ. Đồng chí còn chịu khổ được, dân chịu được.

- Hạ Liễu xin gánh thêm hai tấn nữa, đỡ cho hai xã bạn.

- Hoan hô!

Tiếng vỗ tay vang nhà. Chủ tịch có một thoáng ngần ngại trong đôi mắt. Anh quay sang, nói nhỏ với thuyết trình viên. Thuyết trình viên ngẫm nghĩ trên bản dự án trước mặt anh rồi đứng lên.

- Trước hết tôi xin thay mặt huyện ủy, hoan hô tinh thần của đồng chí bí thư Hạ Liễu. Tôi mời hội nghị vỗ tay hoan hô đồng chí bí thư Hạ Liễu một lần nữa, mặc dầu hội nghị đã hoan hô vỗ tay rồi.

Lại vỗ tay và hoan hô vang nhà. Thuyết trình viên mỉm cười. Khi phòng họp im lặng, anh nói tiếp.

- Nhưng huyện ủy nhận thấy rằng Hạ Liễu gánh vác vừa phải rồi, chứ chẳng còn phải nhẹ nhõm đâu. Vậy Hạ Liễu cần đắn đo một chút. Nhận rồi không làm nổi, là hỏng việc. Cố làm cho bằng được nhưng dân oán, càng có hại. Đồng chí bí thư Hạ Liễu cần cân nhắc kỹ.

Anh bí thư Hạ Liễu mỉm cười.

- Huyện ủy nhìn thật là thấu suốt. Kể Hạ Liễu gánh 34 tấn cũng đã khướt rồi, chứ chẳng còn vừa phải như đồng chí thuyết trình viên vừa nói đâu. Có điều, nếu cần cố gắng thêm, thì Hạ Liễu vẫn có khả năng hơn Yên Ninh, Chu Cầu.

Anh bí thư Vân Lộc cũng đứng lên, cái mặt cằng cặc, vẫn trơ trơ như hòn đá ráp. Giọng anh cũng lạnh lùng như vẻ mặt.

- Vân Lộc xin gánh một tấn đỡ cho Hạ Liễu

Bí thư huyện reo lên và vỗ tay thật khỏe.

- Hoan hô Vân Lộc!

- Hoan hô! Hoan hô!...

Tiếng hoan hô và tiếng vỗ tay kéo dài, trong khi anh bí thư huyện đứng lên vung mạnh hay tay mở rộng như một con chim đập cánh, miệng cười ngoác ra đến mang tai, người ngất nghểu, ngả nghiêng lảo đảo, không khác gì muốn chồm qua các bàn để sà xuống ôm lấy anh bí thư Vân Lộc. Anh này lại hếch cái mặt gồ ghề, nhìn lên mái nhà.

[1] Mất 3 dòng, vì bản thảo của tác giả để lại bị mối cắn (lời Nhà xuất bản)

[2] Xuân Diệu: ngọn quốc kỳ

[3] Quốc dân đảng Trung Hoa

[4] Bí danh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thủ tướng PhạmVăn Đồng ngày trước, quãng năm 1940-1941 ở khu giải phóng.

[5] Nặng đấy

[6] Sáng tác cuối cùng của Nam Cao về vấn đề tạm vay. Truyện ngắn viết sau khi Nam Cao đi dự hội nghị tạm vay ở Liên khu Việt Bắc về vào giữa mùa hè năm 1951.

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

Table of Contents

THÔNG TIN EBOOK
TIẾU SỬ
NAM CAO VẪN Ở GIỮA CHÚNG TA
NGHÈO
ĐUI MÙ
CÁI CHẾT CỦA CON MỰC
CHÍ PHÈO
CÁI MẶT KHÔNG CHƠI ĐƯỢC
NHỎ NHEN
CON MÈO
NHỮNG CHUYỆN KHÔNG MUỐN VIẾT
NHÌN NGƯỜI TA SUNG SƯỚNG
ĐÒN CHỒNG
GIĂNG SÁNG
ĐÔI MÓNG GIÒ
TRẺ CON KHÔNG ĐƯỢC ĂN THỊT CHÓ
ĐÓN KHÁCH
MUA NHÀ
QUÁI DỊ
TỪ NGÀY MẸ CHẾT
LÀM TỔ
THÔI, ĐI VỀ….
TRUYỆN TÌNH
MUA DANH
MỘT TRUYỆN XÚVƠNIA
TƯ CÁCH MÕ
ĐIẾU VĂN
MỘT BỮA NO
Ở HIỀN
LÃO HẠC
RỬA HỜN
RÌNH TRỘM

LANG RẬN
MỘT ĐÁM CƯỚI
NỬA ĐÊM
DÌ HẢO
TRUYỆN NGƯỜI HÀNG XÓM
ĐỜI THỪA
SAO LẠI THẾ NÀY
CƯỜI
QUÊN ĐIỀU ĐỘ
NƯỚC MẮT
BÀI HỌC QUÉT NHÀ
XEM BÓI
SỐNG MÒN
MÒ SÂM-BANH
NỖI TRUÂN CHUYÊN CỦA KHÁCH MÁ HỒNG
ĐƯỜNG VÔ NAM
ĐỢI CHỜ
Ở RỪNG
ĐÔI MẮT
NHỮNG BÀN TAY ĐẸP ẤY
TRÊN NHỮNG CON ĐƯỜNG VIỆT BẮC
TỪ NGƯỢC VỀ XUÔI
BỐN CÂY SỐ CÁCH MỘT CĂN CỨ ĐỊCH
VUI DÂN CÔNG
TRẦN CỪ
VÀI NÉT GHI QUA VÙNG VỪA GIẢI PHÓNG
HỘI NGHỊ NÓI THẲNG
ĐỊNH MỨC[6]